

SÀI VŨ CẦU  
(Chủ biên)

# MƯỜU LƯỢC GIA

TINH TUYỂN

CHÍNH TRỊ  
MƯỜU LƯỢC GIA



NHÀ XUẤT BẢN  
CÔNG AN  
NHÂN DÂN

## Mục lục

1. HOÀNG ĐẾ
2. ĐƯỜNG NGHIÊU
3. NGU THUẤN
4. HẠ VŨ
5. THIẾU KHANG
6. THƯƠNG THANG
7. Y DOÃN
8. Y TRẮC
9. CHU VĂN VƯƠNG
10. CHU VŨ VƯƠNG
11. CHU CÔNG
12. TÁN NGHI SINH
13. TRỊNH TRANG CÔNG
14. QUẢN TRỌNG
15. TỀ HOÀN CÔNG
16. TẤN VĂN CÔNG
17. TẦN MỤC CÔNG
18. SỞ TRANG VƯƠNG
19. TỬ SẢN
20. LÃO TỬ
21. KHỔNG TỬ
22. HẠP LƯ

- [23. CÂU TIỀN](#)
- [24. MẶC TỬ](#)
- [25. TRÂU KỶ](#)
- [26. THƯƠNG ƯỞNG](#)
- [27. TẦN HIẾU CÔNG](#)
- [28. MẠNH TỬ](#)
- [29. HUỆ THI](#)
- [30. TRANG TỬ](#)
- [31. TUÂN TỬ](#)
- [32. HÀN PHI](#)
- [33. TẦN THỦY HOÀNG](#)
- [34. LÝ TỬ](#)
- [35. MẠO ĐỐN](#)
- [36. TRẦN THẮNG](#)
- [37. LƯU BANG](#)
- [38. TIÊU HÀ](#)
- [39. TRẦN BÌNH](#)
- [40. LÂU KÍNH](#)
- [41. TRIỀU THỔ](#)
- [42. CHỦ PHỤ YẾN](#)
- [43. LƯU TRIỆT](#)
- [44. TIÊU VỌNG CHI](#)
- [45. KHUÔNG HOÀNH](#)
- [46. CHÂU BÁC](#)
- [47. LƯU TÚ](#)

48. TÀO THÁO
49. LƯU BỊ
50. TÔN QUYỀN
51. DƯƠNG HỘ
52. TƯ MÃ VIÊM
53. VƯƠNG ĐẠO
54. MỘ DUNG KHÁC
55. TẠ AN
56. VƯƠNG MÃNH
57. PHÙ KIÊN
58. THÔI HẠO
59. TIÊU ĐẠO THÀNH
60. CAO HOAN
61. VŨ VĂN THÁI
62. DƯƠNG KIÊN
63. VŨ VĂN UNG
64. CAO CẢNH
65. LÝ UYÊN
66. PHÒNG HUYỀN LINH
67. NGUY TRƯNG
68. ĐỖ NHƯ HỐI
69. TRƯỞNG TÔN VÔ KỶ
70. LÝ THẾ DÂN
71. HOÀNG HẬU TRƯỞNG TÔN
72. MÃ CHU

73. VŨ TẮC THIÊN
74. ĐỊCH NHÂN KIẾT
75. TỔNG CẢNH
76. LÝ TIẾT
77. ĐỖ HỰU
78. LỤC CHÍ
79. BÙI ĐỘ
80. SÀI VINH
81. TRIỆU KHUÔNG DẬN
82. TRIỆU TẤN
83. HƯỚNG MẶN TRUNG
84. TIÊU XƯỚC
85. KHẨU CHUẨN
86. PHẠM TRỌNG YÊM
87. BAO CHỪNG
88. TƯ MÃ QUANG
89. VƯƠNG AN THẠCH
90. VĂN THIÊN TƯỜNG
91. DA LUẬT SỞ TÀI
92. HỐT TẮT LIỆT
93. CHU NGUYÊN CHƯƠNG
94. CHU ĐỆ
95. DƯƠNG SỸ KỲ
96. GIẢI TẤN
97. HẢI THỤY

98. TRƯỜNG CỬ CHÍNH

99. HOÀNG THÁI CỰC

100. PHẠM VĂN TRÌNH

101. ĐIỀU KHỞI THÁNH

102. HUYỀN DIỆP

103. NGẠC NHĨ THÁI

104. DỊCH HÂN

105. HỒNG TÚ TOÀN

## CHÍNH TRỊ MƯU LỢC GIA

Những nhà mưu lược chính trị, tuy thường thường không giống những nhà quân sự, dũng cảm đứng đầu ba quân, uy vang bốn biển, cũng không luôn luôn giống các nhà ngoại giao thao nói năng tài biện bạch. Thế nhưng các nhà mưu lược chính trị thực sự đã là những nhà mưu lược đứng ở trên tầng cao nhất, vượt lên trên các nhà mưu lược, át hết những nhà mưu lược về quân sự, kinh tế, ngoại giao v.v... Tuy vậy rất nhiều các nhà mưu lược chính trị tập trung tất cả vào trong thân mình hết thảy mọi mưu lược về chính trị, quân sự, ngoại giao, thống lĩnh, chế ngự, nhưng điều kiện quan trọng nhất trong sự thành công của họ, trước tiên là đạt lợi ích từ những mưu lược chính trị cao siêu sáng suốt của họ.

Những nhà mưu lược chính trị được thu thập trong cuốn sách này hoặc có lý luận tư tưởng hệ thống, hoặc có chủ trương chính trị độc đáo, hoặc có kỳ mưu diệu sách lập quốc an bang, hoặc có những phương thuốc tài tình thiên cổ, cứu khốn phù nguy, trong lịch sử phát triển xã hội đã có những tác dụng nhất định, đã có những cống hiến lớn lao cho sự phát triển tiến bộ của xã hội.

Lịch sử mấy ngàn năm của xã hội đã trải qua biết bao nhiêu triều đại thay thế nhau, sự hưng suy của đất nước, sự phân hợp của dân tộc, sự tiêu diệt trường thành của các loại thế lực chính trị, đấu tranh giai cấp, đấu tranh chính trị, đấu tranh quyền lực, đan chéo chằng chịt, biểu hiện nhiều vẻ, sâu sắc lạ kỳ, phức tạp và kịch liệt không sao kể siết. Mỗi bước tiến lên của lịch sử, đều có vô vàn mâu thuẫn xã hội đặc biệt độc đáo, đòi hỏi con người phải suy nghĩ, thăm dò và giải quyết. Chính là do những chính trị mưu lược gia dùng tài hoa trí tuệ mẫn cảm siêu quần về chính trị xuất chúng của họ, đứng ở hàng đầu trong sự phát triển lịch sử, nhìn xa thấy rộng, trong những hoàn cảnh lịch sử lúc đó đã đề xuất hoặc sử dụng những tuyến chọn tối ưu. Đại Vũ đức chín đỉnh, trở thành tượng trưng cho quyền uy của Thiên Tử, đã phát huy được tác dụng cực kỳ to lớn cho sự ngưng tụ

của dân tộc Hoa Hạ, trong biết bao nhiêu đời người. Quán Trọng đặt ra chiến lược tổng thể, khiến cho Tề Hoàn Công có thể “Cửu hợp chư hầu, nhất khuông thiên hạ”, hơn thế đã gây nên những ảnh hưởng sâu sắc đối với đời sau. Thương Ưởng thực hành cải cách biến pháp, đã khiến cho Tần Thủy Hoàng bắt đầu cường thịnh cũng đã mở ra bước ban đầu cho những con người đề xướng đổi mới cho các triều đại. Hùng thao đại lược của Tần Thủy Hoàng càn quét lục hợp, kiêm tính liệt quốc, thích ứng được yêu cầu phát triển kinh tế và văn hóa phong kiến đã sáng lập ra đại nhất thống của Trung Quốc. Học thuyết nhân nghĩa vi chính của Mạnh Tử, tư tưởng vô vi nhi trị của Lão Trang, lý luận kiêm dùng thế pháp thuật của Hàn Phi, trong những thời kỳ khác nhau của xã hội Trung Quốc, đều đã từng trở thành vũ khí tinh thần của những người làm chính trị. Những nhà chính trị của các thời kỳ đều đã từng đạo diễn những màn kịch sống có thanh có sắc ở trên võ đài của mình. Ngày nay xem lại những bài viết thuật lại những hành vi mưu lược của họ vẫn khiến cho loài người không ngớt lời ca tụng.

Mỗi một nhà mưu lược chính trị được kể trong sách này đều là một ngôi sao sáng ngời về mặt chính trị, lấp lánh chói ngời ánh hào quang trí tuệ, từ trong những ví dụ mưu lược điển hình qua sự từng trải và sáng tạo của họ đều có thể thu được những bài học gợi ý về nhiều mặt.

Vô luận là những nhà lãnh đạo cấp cao an bang trị quốc hay là những nhà công tác chính trị nghề nghiệp; vô luận là những người già am tường sâu sắc mưu lược chính trị, hay là những thanh niên trải đời chưa sâu, tìm hiểu được những thực tiễn chói sáng của các nhà mưu lược chính trị qua các thời đại, mổ xẻ phân tích những ví dụ mưu lược chính trị điển hình của họ, đều sẽ đem lại những lợi ích lớn lao vô cùng đối với việc thích ứng với xã hội hiện đại ngày càng nhiều biến hóa phức tạp, trong việc dũng cảm đứng ở đầu sóng ngọn gió, trong chính trường bão tố đương thời.



# 1. HOÀNG ĐẾ

## THỦY TỔ HOA HẠ, DÒNG HỌ TRÍ MƯU

Hoàng Đế trong truyền thuyết là một thủ lĩnh bộ lạc thời viễn cổ Trung Quốc, là tổ tiên của dân tộc Trung Hoa. Người có năng lực thống soái quân sự cao siêu và phương lược thống nhất ngự trị phi phạm, có thể nói là trí dũng song toàn, văn võ kiêm bị, thậm chí có thể gọi là vị tổ đầu tiên khai núi mở đường của các nhà mưu lược.

Hoàng Đế vốn mang dòng họ Công Tôn, bởi cư trú ở đồi Hiên Viên nên đặt hiệu là Hiên Viên Thị. Lại bởi thuộc bộ tộc Hữu Hùng [1] cho nên còn có hiệu là Hữu Hùng Thị. Về sau người đã trở thành lãnh tụ chung của liên minh các bộ tộc Trung Nguyên. Truyền thuyết nói rằng khi người tại vị có rồng vàng như giun đất xuất hiện, cho nên có “phẩm đức tốt lành như đất” (“Sử ký - Ngũ Đế bản kỷ”), mà sắc của đất vốn màu vàng, cho nên “Đế Vương Thế Kỷ” nói: “Hoàng Đế sinh ở Thọ Khửu, lớn lên ở Cơ Thủy, nên lấy đó làm họ. Sống ở Đồi Hiên Viên, nên lấy đó làm tên, lại lấy đó làm hiệu”. Rất nhiều điển tịch đều cho rằng Hoàng Đế họ Cơ. “Quốc Ngữ Tấn Ngũ Tú” nói: “Ngày xưa Thiệu Điển lấy Hữu Kiều Thị sinh ra Hoàng Đế và Viêm Đế”. Truyền thuyết thần thoại nói phi tử Phụ Bảo của quốc quân Thiệu Điển cầu nguyện ở dã ngoại, nhìn thấy sấm chớp bao vòng quanh sao Bắc Đẩu, có linh cảm rồi mang thai, hai mươi bốn tháng sau mới sinh ra Hoàng Đế ở Thọ Khửu (nay là vùng Đông Bắc huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông). Hoàng Đế vừa sinh ra đã có tướng mạo xuất chúng, đầu trán như thái dương, trên hai hàng lông mày như xương rồng. Chỉ mấy tháng sau đã biết nói chuyện. Thời thơ ấu rất thông minh trí tuệ, sau khi lớn lên hiểu biết rất rộng rãi, phân biệt phải trái rất tài tình.

Ở thời đại Hoàng Đế giữa các bộ tộc thường xảy ra đánh nhau hỗn loạn, tộc Thần Nông Thị đã suy bại, Hoàng Đế liền thao luyện quân sĩ, đánh dẹp

các thị tộc không triều cống. Trong việc cai trị nội bộ, Hoàng Đế thi hành đức chính, chinh đốn quân sự, phát triển sản xuất, vỗ về dân chúng. Quân đội của Hoàng Đế ba lần đại chiến ở Bản Tuyền (nay là phía Đông huyện Trác Lộc, Hà Bắc), cuối cùng đã giành được thắng lợi.

Đại đế vào khoảng 4600 năm trước, Suy Vưu đã phát động cuộc loạn chiến (tức là quốc quân Cửu Lê trong truyền thuyết), Hoàng Đế đã điều động trưng tập quân đội của các bộ lạc, triển khai cuộc chiến tranh chống lại Suy Vưu. Hoàng Đế biết sâu sắc rằng binh khí của bộ tộc Suy Vưu tinh lương hơn so với các bộ tộc phương Bắc, không dễ gì đánh phá được chúng. Thế nhưng chúng từ phương Nam tới không quen thuộc với khí hậu địa hình phương Bắc, cho nên đã quyết định trước tiên lùi về một bước, tìm cơ hội rồi sẽ quyết chiến với chúng sau. Trước hết dẫn dắt chúng tới một khu vực xa lạ để tăng thêm khó khăn trong sinh hoạt và hành động của chúng, sau đó lợi dụng lúc sức chiến đấu của chúng đã bị suy yếu, sẽ nhân cơ hội đó tiêu diệt chúng. Căn cứ vào sự suy nghĩ như vậy. Trước tiên Hoàng Đế dùng chiến lược rút lui, sau khi hai bên giao chiến ban đầu đã chủ động rút lui về phương Bắc. Suy Vưu và quân đội của chúng cứ theo dấu vết mà đánh đuổi. Sau khi tiến sâu vào bình nguyên Hà Bắc với đồng rậm rừng sâu, quân đội Suy Vưu do những nguyên nhân hoàn cảnh mới lạ, khí hậu không hợp, ngôn ngữ ngăn cách, địch tình không rõ, lương thực thiếu thốn v.v... hành động ngày một khó khăn, sĩ khí ngày càng giảm sút. Tới khu vực phía Bắc Hà Bắc, trải qua chặng đường dài gian truân vất vả, quân đội đã mệt mỏi vô cùng, sức chiến đấu đã giảm sút to lớn. Trái ngược lại về phía Hoàng Đế đã chiếm được ưu thế thiên thời địa lợi, thực lực tăng trưởng tương đối mạnh. Hoàng Đế đã dẫn quân đội tới khu rừng rậm Trác Lộc (nay là phía Đông Nam Trác Lộc tỉnh Hà Bắc, còn gọi là núi Trác Lộc), mượn sự hỗ trợ của thời tiết cuồng phong cuộn nổi, bụi cát mù trời, nhân lúc quân đội Suy Vưu bàng hoàng hốt hoảng như gặp phải đại quân địch, dùng phương hướng chỉ thị của xe chỉ nam, dẫn quân phản kích vào bọn Suy Vưu, chỉ một trận là đánh tan quân Suy Vưu.

Cuộc chiến tranh này, bộ tộc Lê Miêu mà Suy Vưu soái lĩnh, binh lực vũ khí đều chiếm ưu thế hơn các bộ tộc mà Hoàng Đế soái lĩnh, nhưng kết quả chúng đã đại bại, nguyên nhân quan trọng chính là sự chỉ đạo chính xác về mặt chiến lược, đã biểu hiện trình độ mưu lược rất cao.

Hoàng Đế bên trong tu luyện văn đức, gặp núi mở đường, đã huấn luyện được một đội quân có sức chiến đấu rất mạnh. Mỗi khi tới một nơi nào ngài đều dẫn quân lính xây đắp doanh lũy, phòng ngừa sự tấn công của kẻ địch. Hoàng Đế đã nghiên cứu khí tượng địa lý, dạy dỗ dân chúng trồng trọt ngũ cốc, vỗ về an ủi nhân dân các nơi, quy hoạch đất đai. Ngài lại biết cách sắp đặt các quan chức, cai trị các bộ lạc, thuận ứng theo các quy luật tự nhiên. Bản thân Hoàng Đế tự mình luôn luôn không ngừng quan sát suy nghĩ, lắng nghe các loại kiến giải, hơn thế đã đích thân vận dụng thi hành. Bộ lạc ở các bộ đều nhất trí tôn thờ Hoàng Đế lên làm Thiên Tử, thay thế cho Thần Nông Thị. Về sau Hoàng Đế lại dẫn quân lính đi đánh dẹp các bộ lạc không chịu quy thuận, khiến cho thiên hạ đều quy phục. Hoàng Đế là tổ tiên của dân tộc Trung Hoa, về phương diện cai trị các bộ lạc người đều biểu hiện ra tài hoa và trí tuệ rất cao siêu.

Lẽ dĩ nhiên, thời đại của Hoàng Đế, cuối cùng vẫn là thời kỳ tuổi thơ của dân tộc Trung Hoa, quần thể tổ thành nhân loại, cũng vẫn chỉ là đơn vị của các bộ lạc thị tộc, nội dung đời sống xã hội cũng không phức tạp như sau này. Do đó, cho dù các vị thủ lĩnh bộ lạc giống như Hoàng Đế, tư duy mưu lược của ngài cũng không được hoàn thiện như các nhà mưu lược chính trị, quân sự sau này. Đây là điều không thể đòi hỏi quá khắt khe ở tổ tiên của chúng ta được.

## 2. ĐƯỜNG NGHIÊU

### NHÂN NHƯ TRỜI,

### TRÍ NHƯ THẦN

Nghiêu, truyền thuyết nói là do Sở Nữ Khánh Đô Trần Phong Thị phi tử thứ ba của Đế Khốc Cao Tân sinh ra, tên gọi là Phóng Huân, hiệu Đào Đường Thị, còn gọi là Y Kỳ Thị. Ngài là một vị đế vương hiền minh thời đại viễn cổ trong truyền thuyết. “Sử ký” nói ngài nhân ái như trời, trí tuệ như thần. Ngài có phẩm đức cao thượng, đoàn kết được cửu tộc, thiên hạ hòa thuận yên vui. Những biểu hiện trên phương diện mưu lược của Đế Nghiêu có mấy mặt dưới đây:

Về mặt dùng người giao việc căn cứ vào hiền tài. Vào thời kỳ cuối công xã thị tộc phụ hệ trong xã hội nguyên thủy, dựa theo truyền thống chế độ dân chủ quân sự, thủ lĩnh quân sự tối cao của bộ lạc liên minh, cần phải thông qua những nghi thức nhất định, do thủ lĩnh của đông đảo bộ lạc cùng đề cử và thừa nhận, mới có thể được xác định. Đây chính là chế độ nhường ngôi trong truyền thuyết cổ đại. Nghiêu đã có thể nhường vị trí của mình cho người hiền tài kế nhiệm, đã nhiều lần trưng cầu ý kiến của lãnh tụ các bộ lạc và các đại thần. Có một lần ngài hỏi ai có thể kế thừa ngài cai trị thiên hạ. Các quan đại thần đều nói con cả của ngài là Đan Châu thông minh hiểu rộng. Nghiêu nói:

- Tư tưởng đạo đức không tốt, thích cãi lộn với người! - Ngài tỏ ra không đồng ý. Nghiêu lại hỏi:

- Còn có người nào có thể?

Hoan Đâu nói:

- Cộng Công tập hợp được đông đảo quần chúng rộng rãi, mở rộng được các ngành nghề, có thể dùng được.

Nghiêu nói:

- Cộng Công ư, con người này nói giỏi, nhưng làm việc lại không có tài năng. Bề ngoài tỏ vẻ cung kính, nội tâm kiêu ngạo phóng túng, đối với bề trên bất kính, không thể dùng được.

Về sau Hoan Châu còn kiên trì để cho Cộng Công quản lý các công trình kiến trúc. Quả nhiên Cộng Công đã kiêu ngạo phóng túng tàn ác. Nghiêu lại hỏi ai có thể trị nạn hồng thủy. Mọi người đều nói Cỗn có thể làm được. Cỗn là cha đẻ của Đại Vũ. Nghiêu nói:

- Cỗn vi phạm, chống lại sự giáo hóa, huỷ diệt dòng họ, không thể dùng được.

Cả bốn vị thần của Nghiêu đều nói Cỗn có tài năng xuất chúng, cứ để ông thử làm xem, không đạt sẽ nói sau. Trong tình huống như vậy, Nghiêu mới đồng ý để cho Cỗn đi trị thủy. Trị thủy trong chín năm trời, Cỗn cũng không trị được cái hại của nước. Có thể nhìn thấy về mặt dùng người Nghiêu rất công tâm và rất có tầm nhìn xa.

Về mặt cai trị, Nghiêu có thể phát huy tài năng của mỗi vị thần, khiến cho mỗi người mang hết trách nhiệm của mình, tín nhiệm sử dụng các quan, các ngành nghề nghiệp đều hưng thịnh phát đạt. Hi Trọng, Hi Thúc, Hòa Trọng, Hòa Thúc được phân chia quản lý thời tiết mùa màng ở bốn phương. Việc cấy cày thu hoạch của dân chúng đều được sắp xếp thận trọng theo thời tiết khí hậu bốn mùa.

Khi Nghiêu ở ngôi mười bảy năm, đã mời bốn vị đại thần thảo luận thương lượng tuyển chọn người thay thế cho mình. Các quan đại thần đã tiến cử người đàn ông độc thân là Ngu Thuấn. Sự tín nhiệm sử dụng của Nghiêu đối với Thuấn đã phản ánh thái độ thận trọng trên mặt dùng người cai trị đất nước của Nghiêu. Tuy các đại thần đã nói với ngài, phẩm đức của con người này rất cao thượng, thế nhưng đối với việc Thuấn có thể cai trị quản lý được thiên hạ hay không, Nghiêu cảm thấy chưa có gì chắc chắn, cho nên đã quyết định đích thân tiến hành khảo sát đối với Thuấn. Ngài nói với mọi người rằng:

- Để ta tới khảo nghiệm ông ta thử xem! - Nghiêu đã đem hai người con gái của mình là Nga Hoàng và Nữ Anh gả cho Thuấn. Thông qua hai người con gái này để khảo sát hành vi của Thuấn ở trong gia đình. Thuấn đã đặt các nàng xuống dưới đàn, dùng lễ tiết làm con dâu để trói buộc mình. Đồng thời Nghiêu còn cử chín người đàn ông tiếp xúc với Thuấn, để quan sát biểu hiện của Thuấn ở bên ngoài. Hơn thế, còn để cho Thuấn đảm nhiệm chức vụ của Tư Đồ thực sự phổ biến rộng rãi những luân lý đạo đức phụ nghĩa, mẫu tử, huynh hữu, đệ cung, tử hiếu v.v... để duy trì nền thống trị của bộ tộc, khiến cho đông đảo nhân dân được giáo hóa, tuân thủ nền giáo dục này. Nghiêu còn để cho Thuấn tổng lĩnh chức sự của trăm quan, mọi công việc Thuấn đều làm rất chu đáo tốt đẹp. Còn để cho Thuấn đảm nhiệm chức vụ nghênh tiếp tân khách, phụ trách công việc tiếp đãi tân khách. Những nhân viên giúp việc đều biết thực sự mang hết trách nhiệm, trang trọng và vui vẻ với khách, các chư hầu vào triều và các khách từ phương xa tới đều rất mãn ý. Lại để cho Thuấn quản lý các công việc rừng núi sông ngòi, Thuấn đều đích thân tới thực địa, tuy gặp phải gió mưa sấm sét, Thuấn vẫn trấn tĩnh thản nhiên, chưa hề làm hỏng việc. Trải qua ba năm thử thách, Nghiêu mới có kết luận nói Thuấn đức hạnh vĩ đại. Tức thì Nghiêu triệu kiến Thuấn, nói:

- Ngài khảo sát sự việc chu đáo, nói được làm được. Bây giờ xin mời ngài hãy thay ta quản lý lấy thiên hạ.

Thuấn chối từ nói rằng đạo đức và tài năng của mình còn chưa thể đạt tới trình độ khiến cho mọi người khâm phục tự đáy lòng. Thế nhưng được mọi người nhất trí tiến cử, Thuấn vẫn phải tiếp nhận sự uỷ nhiệm của Nghiêu. Đây chính là sự tích “Nghiêu Thuấn nhường ngôi” trong truyền thuyết cổ đại.

Căn cứ vào ghi chép của “Sử ký”, Nghiêu không truyền vương vị cho con trai của mình là Đan Châu. Nguyên nhân là vì Nghiêu biết rằng con trai của mình không thành người có ích, không có năng lực quản lý thiên hạ. Truyền ngôi cho Thuấn thì thiên hạ được lợi, lẽ dĩ nhiên Đan Châu chẳng mấy vui gì. Vậy mà Nghiêu lại nói:

- Không thể vì một người mà để cho thiên hạ bị hại!

Do vậy khi lâm chung Nghiêu đã trao chính quyền cho Thuấn.

Trên mặt ngoại giao cùng thi hành ân uy. Trong thời kỳ Nghiêu thống trị, cuộc chiến tranh giữa các tập đoàn bộ lạc chủ yếu có cuộc chiến Tam Miêu nam chinh. Tập đoàn Lê Miêu ở phương Nam bị tổn thương nặng nề hơn so với cuộc chiến ở Trác Lộc của Hoàng Đế, thủ lĩnh Suy Vu bị giết chết, các bộ tộc của nó tâu tán ở khắp nơi. Thế nhưng bộ tộc Miêu không vì vậy mà không gượng dậy được. Chúng đã sinh sôi nảy nở ở vùng Giang Hoài, hơn thế đã dần dần khôi phục lớn mạnh. Chúng luôn luôn phát sinh ra rắc rối xích mích với thế lực tộc Hạ ở vùng Giang Hoài. Từ Nghiêu để bắt đầu cho đến các đế Thuấn Vũ đều không ngừng phát động cuộc chinh phạt với chúng. Căn cứ vào truyền thuyết, bắt đầu từ Nghiêu, cuộc chiến tranh chinh phạt bộ tộc Miêu đều sử dụng mưu lược ân uy cùng thi hành một lúc, tiến hành kết hợp tiến công quân sự với việc vỗ về phủ dụ chính trị. Mỗi lần sau khi chinh phạt, hoặc phân ra để cai trị, hoặc vỗ về phủ dụ để giáo hóa dạy dỗ. Do vua Nghiêu đã sử dụng mưu lược này, Thuấn Vũ lại kế thừa nó, cho nên đã khiến cho một phần của bộ tộc Miêu bị bức phải rời xuống phía Nam, số còn lại thì không ngừng bị đồng hóa.

Là thủ lĩnh của bộ lạc cổ đại Trung Quốc, nhưng tài hoa lãnh đạo, tinh thần dân chủ, mưu lược thống ngự v.v... của Nghiêu rất đáng để cho người sau bái phục. Đặc biệt là việc dùng người có tài đức, nhường ngôi thoái vị, càng rất được các nhà sử học ca tụng. Theo truyền thuyết, Nghiêu nhường ngôi để sau khi qua đời, nhân dân thương tiếc, như chết cha chết mẹ, ba năm không nghe tiếng nhạc để tưởng niệm tài đức của Nghiêu Đế.

### 3. NGU THUẤN

#### CAI TRỊ THEO TỰ NHIÊN, PHONG CHỨC CHO QUAN LẠI

Khổng Tử nói: “Vô vi nhi trị giả, kỳ Thuấn dã dư”. [2] Xem thế thì đủ biết, trên thuật thống trị - chính trị, người thực hành “Vô vi nhi trị” sớm nhất, đương nhiên phải là Ngu Thuấn. Các Đạo gia, Nho gia thời cổ vốn thuộc những học phái khác nhau. Mỗi người có những chủ trương chính trị riêng của mình. Giữa học thuyết của Lão Trang với học thuyết Khổng Mạnh phân ranh giới rõ ràng, vậy mà trên vấn đề cai trị thiên hạ như thế nào, đều tôn sùng “vô vi nhi trị”. Có thể nhìn thấy rõ thuật thống trị trên lịch sử mấy ngàn năm của Trung Quốc đã có ảnh hưởng lớn lao biết bao nhiêu!

Thuấn tên là Trùng Hoa. Truyền thuyết kể rằng đôi mắt của Thuấn có hai con ngươi – đồng tử - nên có tên là Trùng Hoa, thuộc bộ lạc Hữu Ngu Thị, chính là con cháu đời sau của Hoàng Đế. Chính phi của Hoàng Đế sinh được hai người con. Con thứ tên là Xương Ý. Xương Ý lấy con gái Thục Sơn Thị sinh ra Chuyên Húc Cao Dương, Chuyên Húc có con tên là Cùng Thiên, Cùng Thiên có con tên là Kính Khang, Kính Khang có con tên là Cú Vọng, Cú Vọng có con tên là Kiêu Ngưu, Kiêu Ngưu có con là Hạt Tử. Vì Hạt Tử lại sinh ra Thuấn có hai đồng tử. Bắt đầu từ đời Cùng Thiên đến đời Thuấn đều là những người dân bình thường có địa vị thấp hèn. Người mẹ của Thuấn tên gọi là Ốc Đãng, sinh ra Thuấn ở Diêu Khư, do vậy Thuấn mang họ Diêu. Truyền thuyết nói rằng Thuấn rất không may mắn, Thuấn sống ở Ký Châu (tức vùng Sơn Tây, Bắc Hà Nam, phần lớn Hà Bắc và Liêu Tây ngày nay) đã từng cày cấy trồng trọt ở Lịch Sơn (đại để là vùng phía Đông Nam, huyện Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây ngày nay). Vì vậy Mạnh Tử nói: “Thuấn phát ra từ trong việc săn thú ngoài đồng”, từng bắt cá, làm đồ gốm, làm đồ dùng gia đình, làm cả nghề buôn bán. Sau khi mẹ đẻ chết, người cha



mù của Thuấn lại lấy vợ sinh ra Tượng. Người vợ sau này của cha là con người không có giáo dưỡn, tính cách thô lỗ. Người cha mù và người mẹ kế cùng ức hiếp Thuấn, đều muốn giết chết Thuấn đi. Mỗi lần như vậy Thuấn đều phải chạy trốn. Thế nhưng Thuấn là con người có thể chịu lép một bề, dõc lòng thờ phụng cha và mẹ kế, đối với Tượng thì trọn đạo làm anh. Họ đối với Thuấn càng hung ác, Thuấn càng tỏ ra cung thuận hiền lành hiếu thảo. Căn cứ vào những tư liệu ghi chép có liên quan, lúc Thuấn hai mươi tuổi đã nổi tiếng là người hiếu thảo nhân đức.

Mở đầu việc phò chính Thuấn đã có biểu hiện ra tài năng thống trị túc trí đa mưu cùng với phẩm đức khiêm tốn, cung kính, nhẫn nhượng của mình. Thời kỳ làm ruộng ở Lịch Sơn, Thuấn đối với người Lịch Sơn đều tỏ ra khiêm tốn nhường nhịn, chưa hề có sự tranh chấp biên giới đất đai, mọi người đều giúp đỡ Thuấn, nhường chỗ ở cho Thuấn. Những đõ gõm mà Thuấn sản xuất ra đều rất bền đẹp, không làm xấu dễ vỡ. Những nơi mà Thuấn từng cư trú qua, nhân dân quý mến tụ tập lại, một năm thành thôn, hai năm thành trấn, ba năm thành đô thị. Nghiêu rất tín nhiệm đối với Thuấn, đã tặng vải vóc bò dê cho Thuấn, lại xây dựng nhà kho cho Thuấn. Thế nhưng người cha mù của Thuấn vẫn muốn giết chết Thuấn. Người cha để cho Thuấn lên nhà kho trát bùn, thế nhưng ông đã đốt lửa bốc cháy ở dưới kho. Thuấn đã nhanh nhẹn mưu trí cầm hai chiếc nón nhảy từ trên xuống, không bị ngã chết, rồi chạy trốn.

Về sau, lại bắt Thuấn đào giếng, Thuấn biết cha độc ác, liền đào một cái hang ở trên tường giếng vừa có thể ẩn thân được lại vừa có thể từ đó chạy ra ngoài được. Thuấn đào giếng đã sâu rồi, ông già mù này và đứa em tên là Tượng của bà mẹ kế đã từ bên trên lấp đất xuống, san bằng mặt giếng. Thuấn đã từ trong hang bên cạnh chạy ra ngoài. Tượng và người cha mù rất sung sướng, họ cho rằng lần này thì Thuấn sẽ hết đời. Vậy mà Tượng lòng lang dạ sói còn tranh công trạng nói:

- Nêu ra mẹo này chính là con đó! - Tượng và bố mẹ chia nhau tài sản của Thuấn. Tên Tượng đã nói với bố mẹ:

- Hai người vợ của Thuấn, tức là hai con gái của Nghiêu cùng với chiếc đàn mà Thuấn vẫn gảy sẽ thuộc về con. Trâu bò, dê cừu, kho thóc thì cho bố mẹ!

Tượng đã đuổi bố mẹ đi, hẳn liền chiếm đoạt vợ của Thuấn làm của mình, đánh đàn ở trong nhà của Thuấn. Vậy mà, Thuấn đột nhiên xuất hiện trước mặt Tượng. Tượng kinh sợ thất sắc vội vàng quỳ gục xuống đất nói:

- Em đang đau buồn khổ sở tưởng nhớ đến anh đây!

Thuấn rất bình tĩnh nói như chưa hề xảy ra chuyện gì:

- Thế à, em khá lắm!

Từ sau đó, Thuấn càng chú ý thận trọng đối xử tốt với người cha mù và người em tên là Tượng đó - Những sự việc này đều phát sinh ra trong thời gian khảo sát của Nghiêu đối với Thuấn. Do đó Nghiêu đã thử dùng Thuấn để dạy dỗ giáo dục muôn dân, quản lý bách quan và cai trị thiên hạ. Về sau Thuấn chính thức lên ngôi Đế, vẫn chẳng kể tới lỗi lầm xưa, vẫn theo lễ tiết nghi thức trọn hết đạo làm con, tới thăm viếng người cha mù của mình. Trên xe cưỡi lá cờ Thiên Tử, thái độ của Thuấn vẫn cung kính, khiêm nhường, hòa nhã. Những sự thực này đã chứng minh, Thuấn là một con người có mưu trí rất sâu sắc.

Như lời Khổng Tử nói, Thuấn cai trị thiên hạ “vô vi nhi trị”. Tư tưởng mưu lược “vô vi nhi trị” của Thuấn biểu hiện chủ yếu trên mặt ông tín nhiệm sử dụng người hiền đức. Sau khi Nghiêu chết, Thuấn tự động thoái lui trốn tránh, nhường chức vị Thiên Tử cho con trai của Nghiêu là Đan Châu. Thế nhưng các vị chư hầu vẫn không tới chỗ Đan Châu, mà vẫn tới chỗ Thuấn để triều bái. Các công việc quan tư vẫn tìm đến Thuấn, muôn dân vẫn ca ngợi Thuấn. Thuấn nói đây là thiên ý, lại trở về đô thành đảm nhận chức Thiên Tử. Trước hết Thuấn mở rộng con đường ngôn luận, tranh thủ ý kiến của các vị đại thần, để cho quan chức các địa phương thảo luận những đức hạnh mà đế vương cần phải có. Tất cả đều cho rằng chỉ cần chính lệnh khoan hậu nhân đức, tránh xa bọn gian nhân tặc tử, thì thiên hạ sẽ thành tâm tín phục, ngoại tộc sẽ có thể quy thuận. Khi Nghiêu tại vị có

rất nhiều đại thần có năng lực, thế nhưng lúc đó chưa được trao chức vụ chuyên môn. Thuấn liền trưng cầu ý kiến của các đại thần, tín nhiệm sử dụng những người có khả năng phát huy được ánh sáng của Đại Nghiêu hiệp lực giúp đỡ mình cai trị thiên hạ, tức thì liền ra lệnh cho Vũ đảm nhận chức Tư Không phụ trách các công việc chính trị thủy thổ, Thuấn khích lệ động viên Vũ, nói:

- Mong rằng ông cố gắng làm tốt công việc này.

Thuấn lại ra lệnh phong cho Hậu Nghệ phụ trách nông nghiệp giải quyết vấn đề cơm ăn cho dân chúng; Hợp Khế phụ trách Tư đồ, chủ quản công việc giáo dục, đẩy mạnh giáo hóa, đoàn kết bách quan; Lệnh cho Cao Đào làm đại lý chủ quản hình pháp mong muốn pháp luật nghiêm chính công bằng, thực sự cầu thị, để cho dân tín phục; Lệnh cho Thù quản lý các loại thợ thủ công; Lệnh cho Ích phụ trách quản lý rừng núi sông ngòi; Lệnh cho Bá Di phụ trách việc trật tự tông tộc, chủ quản việc cúng bái tế lễ, mong mỗi ông ngay thẳng, nghiêm túc, thanh khiết; Lệnh cho Quỳ phụ trách việc âm nhạc; Lệnh cho Long phụ trách việc tuyên truyền, kịp thời truyền đạt những chỉ thị của Thuấn, kịp thời thu thập những ý kiến của dân chúng, hơn thế còn yêu cầu nhất định phải chân thực. Thuấn đã căn cứ vào năng lực của mỗi người mà tiến hành bổ nhiệm chính thức, phân công rõ ràng chính xác. Cứ ba năm một lần Thuấn khảo sát thành tích công tác của họ một lần. Căn cứ vào tình hình ba lần khảo sát để bình luận đánh giá, ai đáng phê bình thì phê bình, ai đáng khen thưởng thì khen thưởng, ai nên thăng thì thăng, ai phải giáng thì giáng. Nhờ đó thiên hạ được thịnh trị. Có thể nhìn thấy, mưu lược “vô vi nhi trị” của Thuấn, quả thực là không phải điều gì cũng làm, mà là nắm chắc những việc lớn, nắm chắc việc dùng người, nắm chắc các chính sách. Đây là một loại mưu lược thống trị cao minh nhất. Bản thân Thuấn cũng nói:

- Hiền thần là chân tay tai mắt của ta, phò trợ ta giúp đỡ dân chúng, giúp ta xác minh các loại điển chương, khảo sát các sự vụ chính trị, ta có những lời lẽ hoặc hành động sai lầm, các người sẽ giúp ta sửa chữa. Còn các quan

chức các ngành nghề, đương nhiên không cần đến đế vương đích thân phải động tay tới.

Trong “Tân tự tạp sự” nói: “Thuấn cử các người hiền tài tại vị, buông xoã quần áo, cung kính vô vi mà thiên hạ thịnh trị”. Thuật thống trị này sẽ đạt được thành tích lớn nhất.

Truyền thuyết nói rằng Thuấn trao chính quyền cho Vũ, ước khoảng năm 96 tuổi đi phương Nam thị sát rồi qua đời ở trong biên cảnh Thương Ngô (một vùng đất thuộc phía Nam tỉnh Hồ Nam, phía Đông Bắc tỉnh Quảng Tây và phía Tây tỉnh Quảng Đông hiện nay), mộ chôn ở trên núi Cửu Nghi (phía Nam huyện Ninh Viễn tỉnh Hồ Nam), gọi là Linh Lăng (Xem “Sử ký - Hạ bản kỷ”).

Trong thời gian ở ngôi của Thuấn, đối với cuộc chiến tranh của tộc Miêu ở phương Nam vẫn thi hành chính sách vừa ra uy vừa vỗ về. Căn cứ vào lời nói của “Hàn Phi Tử - Ngũ Đố”: Sau khi Vũ trị thủy, Tam Miêu vì không nhận được ban thưởng mà làm phản, Vũ muốn kéo quân tới đánh, lúc đầu Thuấn nói, ân đức của bản thân ta không dày, nếu dùng vũ lực tới đánh Tam Miêu thì mất đạo đức. Thuấn đã dùng thời gian suốt ba năm để thực hành dạy dỗ giáo hóa Tam Miêu; Đồng thời tăng cường xây dựng vũ trang, huấn luyện binh lính. Lại căn cứ vào “Thượng Thư”, Khổng Dĩnh đạt số nó i: Sau khi Thuấn chiến thắng Tam Miêu đã đem người Tam Miêu chia ra để trị, có người lưu lại ở nguyên chỗ cũ, có người cho đi đây, có người tăng cường giáo hóa dạy dỗ. Những sách lược đối đãi với dân tộc thiểu số này, ở thời đại Hán Đường đều đã từng được coi là thượng sách, đã có tác dụng rất quan trọng trong việc ổn định các dân tộc thiểu số.

## 4. HẠ VŨ

### TRỊ HỒNG THỦY ĐỨC CỬU ĐÌNH

Trong truyền thuyết cổ đại Trung Quốc, “Đại Vũ trị thủy” là một câu chuyện cảm động lòng người mà đàn bà và trẻ con cũng đều biết đến.

Vũ tên là Văn Mệnh, là tù trưởng bộ lạc Hạ trên một ngàn năm trước Công nguyên. Theo truyền thuyết thì Vũ sinh ra ở quê hương tộc Khương làng Vũ - huyện Bắc Xuyên, phía Tây Bắc tỉnh Tứ Xuyên ngày nay. “Đế Vương thế kỷ” nói “Vũ thụ phong làm Hạ Bá, ở phương Nam ngoài Dự Châu, nay chính là vùng Dương Địch”. Dương Địch chính là huyện Vũ tỉnh Hà Nam ngày nay. “Hán Thư - Luật Lịch Quang” nói: “Đời thứ năm của Chuyên Húc thì sinh ra Cỗn”. Vũ chính là con trai của Cỗn.

### TRỊ HỒNG THỦY,

### HUNG LỢI QUỐC, VƯỢNG THIÊN HẠ

Sự thông minh tài trí của Vũ, thể hiện một cách tập trung nhất ở chỗ ông trị thủy hại giành được thành tựu cực kỳ to lớn. Sự kiện này phải truy ngược lại thời gian của Nghiêu Đế và Thuấn Đế. Lúc Nghiêu tại vị, hỏi ai có thể trị hồng thủy, giải trừ nỗi lo buồn cho nhân dân?

Quần thần đều nói Cỗn có thể làm được. Nghiêu nói Cỗn là con người vi phạm sự giáo hóa, làm bại hoại đồng tộc, không thể dùng được. Thế nhưng các quan đại thần đều nói không ai có thể tốt hơn Cỗn được. Cứ thử dùng xem, không được sẽ nói lại sau. Nghiêu đã nghe theo kiến nghị của các bậc đại thần, dùng Cỗn vào việc trị thủy. Cỗn nhận việc trị thủy trong chín năm chẳng có hiệu quả gì. Lúc này Nghiêu đang tìm mời người kế thừa đại nghiệp của thiên hạ. Ông đã chọn Thuấn. Sau này Thuấn đã kiến nghị với Nghiêu giáng chức Cỗn đến một nơi rất xa là Vũ Sơn (chính là phía Đông Nam huyện Bồng Lai tỉnh Sơn Đông ngày nay) để cho ông ta tới cai trị các dân tộc thiểu số ở phương Đông. Sau khi Thuấn giành được ngôi Đế, hồng thủy [3] vẫn là tai họa lớn của muôn dân, Thuấn lại dùng Vũ là con trai của

Cổn đi chữa trị nạn hồng thủy. Vũ quý xuống đất dập đầu tạ ơn, vui sướng nhận lệnh. Vũ xin Thuấn cho phép ba thủ lĩnh thị tộc là Khiết, Hậu Nghệ, Cao Đào giúp đỡ mình trị thủy.

Việc chữa trị nạn lụt, cần phải dùng phương pháp khơi thông, thuận theo thế nước đào sông cho nước chảy thoát. Đối với thời hiện đại mà nói đó là kiến thức rất thông thường. Thế nhưng ở thời kỳ tuổi thơ ấu của các dân tộc Trung Quốc, nhân dân đã đâu có nhiều kinh nghiệm đấu tranh với thiên nhiên. Cha của Vũ là Cổn trị thủy trong suốt chín năm trường, năm nào cũng đắp đập quai mương, năm nào cũng bị nước lụt cuốn trôi đi mất hết.

Sau khi Vũ nhậm chức rất đốn đau cho những thất bại của cha. Ông đã tiếp thu được bài học trị thủy của Cộng Công thời Chuyên Húc Đế và của cha mình là Cổn, phát hiện thấy rằng các bậc tiền bối sở dĩ không giành được thành công, nguyên nhân chủ yếu không biết căn cứ vào quy luật của dòng nước chảy dựa theo chiều hướng khách quan mà làm, mà chỉ sử dụng phương pháp đắp đập be bờ “làm nghẽn tắc từ trên thế cao” (“Quốc ngữ - Chu ngữ hạ”). Tức thì Vũ đã cải biến phương pháp trị thủy chỉ làm nghẽn tắc không cho lưu thông của các bậc tiền bối, mà chỉ sử dụng biện pháp mới: khơi thông dòng chảy đại quy mô, khiến cho dòng nước chảy thông thoáng. Đúng như “Quốc ngữ Chu ngữ” đã nói, chính là thuận theo lẽ tự nhiên, nước chảy vào chỗ trũng, từ trên cao xuống thấp, tạo thành dòng, trừ bỏ mọi ách tắc, làm cho dòng chảy thông. “Mạnh Tử - Ly Lô hạ” nói: “Công việc trị thủy của Vũ tiến hành thuận lợi chẳng xảy ra sự gì! Ông đã cho đào sâu khoét rộng dòng chảy chính, khiến cho dòng nước lưu thông, lưu thông rồi có chỗ quay trở về, đương nhiên là không có tai họa gì xảy ra nữa. Những chi lưu chảy đổ vào dòng chính. Nước chảy theo dòng, lại có thể canh tác được.

Vũ là nhà lãnh đạo trị thủy ở quy mô lớn, một nguyên nhân khác để ông giành được thành công là ông đi trước quân sĩ. Suốt đời ông không sợ gian nan nguy hiểm, chịu đựng gian khổ cần cù lao động một lòng vì việc công. “Tay cầm mai thuổng, đi trước dân chúng” (Hàn Phi Tử - Ngũ Đố). Tức là nói Vũ tay cầm công cụ trị thủy, đích thân tham gia lao động, làm tấm

gương tốt cho những người tham gia trị thủy. Vũ đảm nhận công việc trị thủy, mười mấy năm như một ngày, người gày tọp đi, lông trên đôi chân rụng hết, ngay đến dây buộc búi tóc và mũ đội đầu cũng không kịp thu nhặt mỗi khi rơi mất. Để hoàn thành nhiệm vụ trị thủy nặng nề, Vũ lấy vợ, một cô gái sinh ra ở Đờ Sơn, chỉ sau bốn ngày đã rời nhà ra đi, ở bên ngoài mười ba năm trời không về qua nhà một lần. Đại Vũ trị thủy “Ba lần qua cửa mà không về thăm nhà” đã trở thành một giai thoại lưu truyền thiên cổ.

Công việc trị thủy của ông Vũ được tiến hành tổng hợp với việc làm giàu mạnh đất nước. Đây là phương châm chiến lược lớn trong đường lối trị nước dưỡng dân làm cho đất nước cường thịnh của Vũ. Đồng thời với công việc trị thủy hại, Vũ đã phát triển, hưng thịnh việc thủy lợi, ví dụ nghề nuôi cá, trồng cây, phát triển mạnh việc vận tải trên đường thủy. Mỗi khi trị thủy ở vùng nào ông đều chủ động đoàn kết tù trưởng của các bộ lạc thị tộc, hoàn thiện việc xây dựng chính quyền, ổn định xã hội, khiến cho nhân dân an cư lạc nghiệp. Các bộ lạc tham gia trị thủy càng ngày càng đông, tiếng tăm của Vũ đã lừng lẫy, rất nhiều bộ lạc đã tuyên bố là phụng mệnh của Vũ mà trị thủy, công lao của Vũ đã lẫy lừng khắp thiên hạ. Thuấn Đế đã triệu tập các thị tộc các tù trưởng bộ lạc họp hội nghị mừng công, tuyên bố Vũ trị thủy đã thành công, tặng thưởng huyền khuê màu đen cho Vũ. Huyền Khuê là viên ngọc màu đen mài thành, dưới vuông trên nhọn, tượng trưng cho công lao to lớn.

Khổng Tử đã từng ca tụng công tích trị thủy của Vũ, nói, tôi quả thực không tìm thấy một chút khuyết điểm nào của ông Vũ, cung thất của ông giản đơn sơ sài nhưng ông không nghĩ tới chuyện cải thiện mà chỉ dốc toàn bộ sức lực vào công việc trị thủy, khai thông mương lạch, phát triển canh tác nông nghiệp, động viên nhân dân theo đuổi lao động (Tham khảo thêm “Luận ngữ - Thiên Thái Bá”).

Vũ trị thủy thành công, thế lực của bộ lạc Hạ cùng theo đó mà phát triển lớn mạnh. Căn cứ vào truyền thuyết lúc này Thuấn đã là ông lão già trên tám mươi tuổi. Thuấn “Tiến cử Vũ với trời, làm người kế tục cho mình” (Sử ký - Hạ bản kỷ”). Hơn thế dựa theo truyền thống nhường ngôi, Thuấn



nhường ngôi cho Vũ, bản thân mình ra ngoài săn bắn, không tham gia chính sự nữa.

### **ĐÁNH TAM MIÊU, HỘI CHƯ HẦU, ĐỨC CỬU ĐỈNH**

Đây là sự thể hiện tư tưởng mưu lược củng cố vương quyền của Vũ. Khi Vũ tiếp nhận ngôi Thiên tử, các bộ lạc ở Trung Nguyên đã hình thành tập đoàn lãnh đạo, lấy tộc Hạ làm trung tâm. Địa vị của Vũ ở trong tập đoàn này đã bước đầu có tính chất vương quyền. Ông đã để cho Cao Đào, chuyên trông coi hình phạt trong thời trị thủy đặt ra một số quy định. Các bộ lạc thị tộc nếu có kẻ nào không tuân theo hiệu lệnh của Vũ thì sẽ theo các hình phạt mà trừng trị. Khi Vũ chinh phạt tộc Miêu đã hiểu được việc “động viên chính trị”. Trước khi xuất quân đã cử hành nghi thức cúng tế rất long trọng ở trước “Huyền” (tức là Miếu tổ), sau đó cho quân đội tuyên thệ. Trong buổi lễ Vũ tay cầm Huyền khuê tuyên bố: Tam Miêu nổi loạn, chúng không nghe theo sự giáo hóa, nhiều lần phản loạn, Thượng Đế muốn trừng phạt chúng. Tất cả mọi người cần phải đồng tâm hợp lực để tiêu diệt bọn nghiệt súc tội lỗi này. Cuộc chinh chiến có tổ chức nghiêm trang chặt chẽ này, tính mục đích rất rõ ràng, có sức chiến đấu tương đối mạnh. Hai bên vừa tiếp xúc đánh nhau, tù trưởng Tam Miêu liền bị quân đội của Vũ giết chết, quân Miêu tan rã. Thế lực của Vũ mở rộng tới lưu vực Giang Hoài. Cuộc chinh chiến với Tam Miêu của Vũ, có quy mô so với thời đại của Nghiêu to lớn hơn nhiều, tính tổ chức mạnh hơn nhiều. Sau đó “Bốn phương quy thuận rồi lên ngôi vua” (“Thái bình ngự lãm” quyển 882 dẫn “Tuỳ Sào Tử”). Vương triều Hạ đã bước đầu hình thành một quốc gia theo chế độ nô lệ. Sau khi Thuấn chết, Vũ để tang ba năm, vẫn dựa theo chế độ nhường ngôi truyền thống đem ngôi Đế nhường cho con trai của Thuấn là Thương Quân, thế nhưng “các chư hầu trong thiên hạ đều bỏ Thương Quân mà vái triều về với Vũ” (“Sử ký - Hạ bản kỷ”). Tức thì Vũ lại lên ngôi Thiên tử, mặt hướng về phía Nam làm vua thiên hạ, đặt tên nước là Hạ Hậu, họ là Tự Thị. (“Sử ký - Hạ bản kỷ”). Vũ đã xây dựng lên vương triều đầu tiên ở Trung Quốc. Để củng cố vương triều nhà Hạ “Vũ đã kiểm tra các vùng phương Nam, cứu tế dân ở vùng sông nước” (“Hoài nam tử - Tinh



thần huấn”). Vũ tới tuần sát ở phương Nam, mời các nước chư hầu tới hội họp ở Đồ Sơn (bờ phía Đông Hoài Hà phía Tây thị trấn Bạng Phụ tỉnh An Huy ngày nay).

Đây có lẽ là một hội nghị có quy mô lớn nhất mang tính chất toàn quốc đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, lịch sử gọi là “Đại hội Đồ Sơn”. Để kỷ niệm đại hội lớn lần này, Vũ đã đem số đồng đen mà các tù trưởng bộ lạc chư hầu các phương đưa tới đúc lại thành chín cái đỉnh, tượng trưng cho sự thống nhất chín châu trong thiên hạ, trở thành tượng trưng cho vương triều nhà Hạ. Điển cố Cửu Châu của Trung Quốc chính là xuất phát từ đây mà ra.

### **THI ÂN UY, CƯỜNG GIÁO HOÁ, PHỤC DI TỘC**

Cùng một lúc thi hành ân lực và uy lực, đó là mưu lược thống trị chủ yếu nhất mà Vũ thực hành đối với bộ lạc Di tộc [4] và Thị tộc [5] Truyền thuyết nói rằng ở phía Tây có một bộ tộc gọi là Hữu Hồ Thị đã hiếu chiến lại không phục tùng nhà Hạ một cách tự nguyện. Trước hết Vũ đem quân tới chinh phục. Liên tục phát động ba lần chiến dịch. Hữu Hồ Thị vẫn không quy thuận. Vũ liền thay đổi sách lược, sử dụng hai tay văn võ đối phó với Hữu Hồ, một mặt chiêu binh chuẩn bị tái chiến, một mặt dùng đức chính giáo hóa bộ lạc Hữu Hồ. Quả nhiên đã thu được hiệu quả tốt đẹp. Cuối cùng, Hữu Hồ Thị đã xin được thần phục nhà Hạ. Vùng đất phía Đông Nam lưu vực Giang Hoài, thời cổ gọi là “Cửu Di”, tức là chín bộ lạc tương đối lớn. Để tăng cường sự thống trị đối với khu vực này, Vũ đã lại một lần nữa xuất chinh tuần thú Đông Nam, truyền bá nền văn hóa và lễ giáo Trung Nguyên, đã nhận được sự kính trọng và đối xử lễ độ của nhân dân nơi đó. Trên đường đi Vũ đã thăm hỏi phong tục, tập quán của nhân dân địa phương, động viên họ làm nghề nông, khuyên bảo họ cấy trồng ngũ cốc đúng thời vụ, giáo dục các tù trưởng bộ lạc chú ý đến lễ nghi, hiểu biết pháp luật, không được lấy mạnh đánh yếu, mà phải chung sống yên ả. Vũ lại tuyên bố, nếu có kẻ nào không nghe theo sự giáo hóa, thì sẽ dùng binh tới chinh phạt. Số thị tộc, bộ lạc này đều bằng lòng tuân theo lời Vũ. Đối với các tù trưởng bộ lạc dám chống đối lại sự thống trị của Vũ, muốn đi

theo con đường độc lập, Vũ đã không hề có chút khách khí. Tù trưởng bộ lạc Cổ Việt Phòng Phong Thị những muốn độc bá một phương, tự xưng là trưởng của các bộ lạc người Việt, không nghe theo mệnh lệnh của Vũ. Để cảnh cáo chư hầu, phương bá các nơi, trên đại hội ở Miêu Sơn, Vũ đã ra lệnh đem hãn ra xử tử ngay trước mặt mọi người, hơn thế còn phơi thây suốt ba ngày. Chư hầu, phương bá các nơi đều hiểu biết sâu sắc uy lực của vương triều nhà Hạ và sự thần thánh của vua Vũ, từ đó không ai dám mạo phạm vua Vũ nữa. Số thị tộc, bộ lạc chưa tham gia triều kiến vua Vũ nghe nói tới sự việc này đều xông xáo hăng hái tới tiến công, xưng thân với vương triều nhà Hạ.

## 5. THIẾU KHANG

### **BẮT ĐẦU DỪNG LY GIÁN, KHÔI PHỤC TÔNG NHÀ HẠ**

Khi Hàn Trạc âm mưu giết chết Hạ Vương Tương, phi tử Hậu Mân của Tương đã có thai, từ trong hang tường thành đã chạy trốn ra ngoài. Hậu Mân là con gái của chư hầu vương triều nhà Hạ là Hữu Nhưng Thị, bà chạy thoát ra khỏi Hữu Nhưng (nay là Tế Ninh, Sơn Đông), không lâu bà đã sinh ra một người con trai, đây chính là Thiếu Khang mồ côi cha từ trong bụng mẹ của Tương. Bởi Thiếu Khang là đứa con mồ côi còn sót lại của Hạ Hậu thị, do vậy Hữu Nhưng thị đã đặc biệt chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi Thiếu Khang lớn lên đã biết rõ thân thế của mình, liền mang nặng mối thù rất sâu sắc đối với Hàn Trạc và con của Trạc là Kiêu. Thiếu Khang quyết tâm khôi phục vương triều nhà Hạ.

Đề phòng Hàn Trạc và Kiêu tàn hại Thiếu Khang, Hữu Nhưng Thị đã để cho Thiếu Khang làm mục chính, quản lý việc chăn nuôi súc vật. Thế nhưng Hữu Nhưng là một chư hầu tương đối nhỏ bé, chẳng bao lâu công việc của Thiếu Khang đã bị Kiêu biết. Kiêu đã sai Tiều dẫn người tới bắt Thiếu Khang. Lúc này Thiếu Khang ước khoảng 15 tuổi. Được biết tin này, Thiếu Khang liền từ Hữu Nhưng chạy trốn tới Ngu (nay là thành Ngu tỉnh Hà Nam). Có một chư hầu Ngu tên là Ngu Tư, là con cháu đời sau của Ngu Thị đời đời thân thiện với “vương triều nhà Hạ”. Được biết Thiếu Khang là con của Hạ Tương, đã nhiệt tình tiếp nhận. Để che giấu thân phận, trốn tránh tai mắt của mọi người, liền giao cho Thiếu Khang làm chức bào chính ở nước Ngu, phụ trách công việc nấu ăn. Sau năm năm ẩn cư ở đây, Thiếu Khang đã hai mươi tuổi, Ngu Tư đã đem hai người con gái là Đại Diêu và Nhị Diêu gả cho Thiếu Khang. Lại đem đất Luân (nay là phía Đông Ngu Thành tỉnh Hà Nam) phân cho Thiếu Khang quy vuông rộng mười dặm, lại trao cho Thiếu Khang năm trăm nô lệ để sử dụng (Tham khảo “Tả truyện -

Ai Công nguyên niên”). Tại đây Thiếu Khang đã bắt đầu quy hoạch tiêu diệt Hàn Trạc, khôi phục đại nghiệp của triều Hạ.

Thiếu Khang đã thi ân bố đức rộng rãi, giao thiệp rộng rãi với mọi người, kín đáo lôi kéo, thu phục những người cũ của vương triều nhà Hạ, an ủi vỗ về những người đã từng làm quan cho vương triều nhà Hạ. Lúc này, hai người con trai của Hàn Trạc, con cả là Kiêu được phong ở Quá (phía Bắc huyện Dịch tỉnh Sơn Đông ngày nay), con thứ là Ý được phong ở Qua (vùng huyện Kỳ và Thái Khanh tỉnh Hà Nam ngày nay). Kiêu có sức khỏe vượt người, để năm vững được hư thực của Kiêu, Thiếu Khang đã phái một người tên là Nữ Ngải ở bên cạnh mình trà trộn vào trong Thành Quá để do thám tình báo. (Sự việc này đã cách đây hơn bốn ngàn năm, có lẽ là một ví dụ vận dụng kế gián điệp đầu tiên trong lịch sử loài người)?. Lại đem con trai của chính mình là Lý Trữ cử tới Thành Qua trà trộn vào trong cung bổ sung làm gián điệp.

Chính giữa lúc Thiếu Khang chuẩn bị diệt Kiêu và Ý, Bá Mi dựa vào Hữu Cách cũng đang tích cực, chuẩn bị diệt Hàn Trạc. Bá Mi vốn là thần tử ở trong vương triều nhà Hạ. Hậu Nghệ đánh đuổi Thiếu Khang, trong triều có rất nhiều thân liêu lưu lại ở nước Hữu Cùng phụng sự Hậu Nghệ, Bá Mi chính là một trong số đó. Về sau Hàn Trạc đã mưu sát Hậu Nghệ, cướp lấy ngôi vua của nước Hữu Cùng; hăn liền bỏ quan chạy tới một nước chư hầu có tên gọi là Hữu Cách (phía Bắc Đức Châu tỉnh Sơn Đông ngày nay). Khi Đế Tương bị bức phải rời ngôi đế, được sự giúp đỡ của Hữu Cách Thị, Bá Mi đã tích lũy lực lượng, chuẩn bị diệt Hàn Trạc. Bá Mi biết được Thiếu Khang ở Hữu Ngu là con mồ côi từ trong bụng mẹ của Tương liền dùng công đức anh minh của Vũ cổ động mọi người tham gia vào đội ngũ diệt Hàn.

Sức chiến đấu của đội ngũ này rất mạnh, ông đã dẫn đội ngũ này đánh vào thủ đô nước Hữu Cùng, Hàn Trạc chưa kịp đề phòng đã bị chúng quân giết chết. Sau đó dẫn quân xông tới Hữu Ngu nghênh đón Thiếu Khang về Hạ Ấp. Thiếu Khang lại để cho Bá Mi đi giúp đỡ Nữ Ngải, đã giết chết Kiêu ở Quá Thành, rồi tiêu diệt nước Quá. Kiêu vừa chết Quá bị cô lập. Lý

Trữ nhìn thấy thời cơ đã tới, xông lên giết chết Ý; tiêu diệt nước Quá. Tiếp theo đó nước Hữu Cùng đã bị diệt vong. Bá Mi cùng các di tộc Hạ Hậu thị, ủng hộ lập Thiếu Khang kế vị ngôi vua nhà Hạ. Chư hầu, phương bá các nơi nghe nói Thiếu Khang đã về tới Hạ Đô, khôi phục được nghiệp tích triều Hạ đều hăng hái tới triều chúc tụng.

Sau khi Thiếu Khang xây dựng vương triều nhà Hạ, đã chứng tỏ một cách đầy đủ tài năng chính trị của mình trên mặt thống lĩnh, chế ngự và cai trị đất nước. Về mặt này, chính do từ nhỏ ông đã sống cuộc sống phiêu bạt, làm qua việc chăn nuôi, nấu bếp, được dịp tiếp xúc với bình dân và nô lệ, hiểu biết được nỗi khổ sở của họ. Ông trở lại làm vua nhà Hạ, cũng giành được sự giúp đỡ và ủng hộ đặc lực của nhân dân. Về mặt khác, từ trong bài học của Thái Khang, Trọng Khang, ông biết sâu sắc rằng, muốn củng cố địa vị thống trị thì cần phải có sự ủng hộ của nhân dân, muốn được nhân dân ủng hộ vương triều nhà Hạ thì cần phải quan tâm tới sản xuất và đời sống của nhân dân, không thể “du chơi vô độ” như Thái Khang được. Sau khi khôi phục ngôi vua, ông lại bắt đầu dùng Tắc quan quản lý nông nghiệp, ủy nhiệm cho Thương Hậu Minh là Thủy chính chuyên trị thủy hại. Nền sản xuất xã hội đã có sự phát triển tương đối nhanh, nền thống trị của vương triều đã được củng cố. Căn cứ vào truyền thuyết, Thiếu Khang ở ngôi được hai mươi một năm, sau khi mất, con trai là Lý Trữ kế vị. Lịch sử truyền lại rằng Trữ tuy còn trẻ nhưng Trữ có thể kế thừa sự nghiệp của nhà Hạ, không những củng cố được nền thống trị của vương triều nhà Hạ mà còn chinh phục lại từ đầu các bộ lạc ở Đông Di. Đoạn lịch sử này chính là thời kỳ “Thiếu Khang trung hưng” nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc.

## 6. THƯƠNG THANG

### NHÌN NƯỚC THẤY HÌNH, NHÌN DÂN BIẾT TRỊ

Thương Thang là một vị đế vương vừa thực hành võ công vừa thực hành văn trị ở trong xã hội nô lệ Trung Quốc. Về phương diện mưu lược chính trị và quân sự ông đã có những biểu hiện rất đột xuất.

Thương là một bộ lạc cổ lão ở hạ du Hoàng Hà Trung Quốc. Truyền thuyết nói rằng khi Đại Vũ trị thủy, Kiệt phò tá Vũ trị thủy có công được phong làm Thương, phong đất ở một vùng huyện Đẳng ở Sơn Đông ngày nay. Đến Thang đã truyền được mười bốn đời, đất cư trú của Ngài cũng di chuyển tới tám lần. Khi Thang kế vị làm chư hầu, chính là lúc Hạ Kiệt bạo ngược vô đạo, tàn hại nhân dân, xâm đoạt chư hầu, trời giận người oán. Để chuẩn bị tiêu diệt Hạ, đầu tiên Thang đến cư trú ở đất Thương Ngưu rồi tới đất Hào mà tiên đế tông tộc Thương là Khốc đã từng ở qua (phía Đông Nam Thương Khuru tỉnh Hà Nam ngày nay).

Từ gần đến xa, diệt trừ vây cánh, cuối cùng phạt Kiệt, đó là mưu lược tổng thể của Thang diệt Hạ. Sự chuẩn bị của Thang diệt Hạ kéo dài thời gian mười tám năm. Thương đã từng được vương triều nhà Hạ trao cho đại quyền “Đắc chuyên chinh phạt” - Được quyền đi chinh phạt, Thương đi chinh phạt chư hầu nào, phương sách mưu lược như thế nào không cần phải thông qua sự phê chuẩn của Hạ vương cũng có thể xuất binh được. Để làm suy yếu thế lực của vương triều nhà Hạ, căn cứ vào tình hình Hạ cường Thương nhược lúc đó, trước tiên cần phải chinh phục Cát, một thuộc quốc của Hạ ở gần nước Thương (phía Bắc Ninh Lãng, Hà Nam ngày nay). Bởi vì Cát Bá là một chúa nô lệ trung thực với Hạ Kiệt, là một tai mắt trong các chư hầu ở phương Đông của Kiệt, cho nên diệt Hạ cần trước hết diệt Cát, như vậy thì đã có thể bảo đảm được an toàn cho đô Hào của Thương, lại có thể tiêu trừ được các vây cánh khác của Hạ, giải trừ được mối lo về sau này.

Để đạt được mục đích có thể diệt Cát mà không xảy ra chuyện lật đổ Hạ Kiệt, Thang đã sử dụng hai mũi tranh thủ chính trị và tấn công quân sự. Cát Bá là một con người thích ngồi mát ăn bát vàng mà lại điêu ngoa, giáo quyệt, trong một thời gian rất lâu không cúng tế thiên địa quỷ thần. Điều này ở vào thời đại đó là đại nghịch vô đạo. Thang đã dựa vào cơ này để trách quở Cát Bá, dùng điều này để bức hiếp Cát Bá phải nghe theo Thang. Thế nhưng Cát Bá lại nói:

- Chúng tôi biết sự quan trọng của việc cúng tế. Thế nhưng hiện tại chúng tôi không có bò dê, thì lấy gì để mà cúng tế?

Thang liền sai người đưa bò, dê tới cho Cát Bá. Cát Bá thấy Thang tin tưởng vào những lời ba hoa của mình, liền giết bò dê, nhưng vẫn không cúng tế. Thang nghe nói vậy, lại một lần nữa quở trách. Cát Bá nói:

- Chúng tôi không có cơm rượu làm đồ cúng phẩm thì biết lấy gì để cúng tế?

Thang được biết Cát không quan tâm tới sản xuất của nhân dân, chỉ biết hưởng lạc, liền phái thần dân của mình tới vùng đất của Cát giúp đỡ trồng lúa và hoa màu, đã giành được cảm tình tốt của nhân dân ở vùng đất của Cát.

Thế nhưng Cát Bá không cung cấp thức ăn cho nhân dân. Thương Thang phải cử người già và trẻ con tới đưa cơm. Cát Bá liền sai người cướp hết cơm rượu, còn giết chết một em bé chống lại sự cướp bóc đó. Hành động của Thương Thang đã tranh thủ được lòng dân ở đất Cát, lại nhìn được thấy rõ Cát Bá là kẻ thù không đội trời chung với Thang được, liền dẫn quân tới giết chết Cát Bá. Nhân dân nước Cát oán hận Cát Bá, lại được biết nhân đức của Thang đều biểu thị lòng quy thuận về với Thang. Về sau Hạ Kiệt hỏi Thang hầu vì sao lại tiêu diệt nước Cát. Đại thần của Thang là Y Doãn nói:

- Cát Bá là chư hầu của Đại vương, bất nhân như vậy có tổn hại tới thân uy của Đại 'vương, mới phải giết chết hẳn - Kiệt tuy không vui cũng không trách tội Thương Thang được.

Thang diệt Cát, trong các chư hầu chẳng những không có người phản đối mà còn quở trách Cát bất nhân, trị tội thế là đáng kiếp. Có những chư hầu oán hận sự tàn bạo của Hạ Kiệt, cũng mong muốn Thương Thang tới trừng phạt, bằng lòng quy thuận Thương Thang. Thương Thang nhìn thấy thời cơ đã chín muồi, tức thì đã sử dụng mưu lược tiêu trừ vây cánh của triều Hạ, tập trung binh lực tiêu diệt dần dần ba nước phụ thuộc của triều Hạ là Vĩ, Cỗ và Côn Ngô, đã chiếm lĩnh được đại bình nguyên Duyên và Dự. Hạ Kiệt từ đây đã thế cô lực mỏng. “Mạnh Tử - Đằng văn Công hạ” nói, lúc đó Thương Thang “Đã mười một lần đi đánh mà thiên hạ không ai địch nổi”.

“Nhân thị thủy kiến hình, thị dân tri trị” (“Sử ký - Ân bản kỷ”), câu này có nghĩa là con người soi mình vào trong nước có thể nhìn thấy rõ được hình tượng của mình, nhìn thấy thái độ của nhân dân thì biết ngay được sự tốt xấu trong việc cai trị đất nước của mình. Để lật đổ chính quyền nhà Hạ, trước hết Thương Thang đã cai trị tốt nội bộ, động viên nông dân canh tác, chăn nuôi gia súc, đoàn kết với các chư hầu phương bá thân thiện với Thương. Một số chư hầu lần lượt chống lại nhà Hạ rồi quy thuận Thương Thang. Có một câu chuyện “lưới kéo ba mặt”, chuyện đó chính là nói Thương Thang đã thi hành nhân đức rộng rãi mà khiến cho các chư hầu quy phục. Có một lần Thang bước vào trong rừng núi ở ngoại ô nhìn thấy một người nông dân đang giăng lưới bắt chim ở trong rừng cây. Khắp cả bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc anh ta đều giăng lưới. Sau khi giăng lưới xong, người nông dân cầu nguyện rằng:

- Cầu trời phù hộ, lưới đã giăng xong, nguyện cho chim bay trên trời, thú chạy dưới đất, chim từ bốn phương tới đều vào trong lưới của ta!

Thang nghe xong, vô cùng thương cảm nói:

- Chỉ có Hạ Kiệt mới có thể tàn nhẫn như vậy mà đi giăng lưới bắt chim săn thú mà thôi! - Thang cảm thấy giăng lưới như vậy thì tất cả đều bị bắt hết, quá ư tàn nhẫn. Liền sai người phá bỏ ba mặt lưới, chỉ lưu lại một mặt rồi quỳ xuống cầu nguyện với lưới rằng:



- Hỡi chim bay trên trời, hỡi thú chạy dưới đất muốn bay sang trái thì sang trái, muốn chạy sang phải thì sang phải, muốn bay cao thì bay cao, muốn xuống thấp thì chui vào trong lưới đó!

Rồi Thang nói với người nông dân, đối với loài cầm thú cũng cần phải có trái tim nhân đức không thể bắt hết tróc tiệt. Những loài cần phải bắt, đó là loài chim, loài thú không chịu vâng theo thiên mệnh. Người nông dân nghe lời nói của Thang rất lấy làm cảm động. Câu chuyện này rất nhanh chóng được truyền khắp các nước chư hầu. Các nước chư hầu nghe thấy vậy, nói “Đức của vua Thang chí lý, thấu tới cả cầm thú chim muông!” (“Sử ký - Ân bản kỷ”). Các nước chư hầu cho rằng Thang là một vị vua có đức, có thể tin nhiệm được, đã có tới hơn bốn chục nước chư hầu rất nhanh chóng quy thuận với Thang. Từ sự hoang dân bạo ngược, quốc chính hỗn loạn, dân chúng chống lại, người thân xa rời, “bách tính hết chịu nổi” của Hạ Kiệt, Thang đã nhìn thấy xu thế diệt vong của triều nhà Hạ. Từ chỗ “Kiệt không trọng đức, dùng võ lực giết hại dân chúng” (“Sử ký - Ân bản kỷ”), từ trong bài học, Kiệt làm mất lòng dân, đã rút ra được kinh nghiệm thống trị, thực hành chính sách “lấy sự khoan hồng cai trị dân chúng” (“Quốc ngữ - Lỗ ngữ thượng”), thi hành nhân đức rộng rãi, động viên sản xuất, giảm hình phạt, nhẹ thuế khoá, đoàn kết với các chư hầu ở bên ngoài, thu phục nhân tâm. Điều này vào lúc đó có thể nói là một loại mưu lược cao siêu. Phân tích từ góc độ phát triển xã hội cũng là một sự tiến bộ lớn trong lịch sử tư tưởng.

Thu thập nhân tài, không câu nệ một cách thức nào. Các triều vua trong lịch sử đã qua, việc cướp thiên hạ hoặc giữ thiên hạ, đại phàm là những người đã giành được thành công, không ai là không coi trọng nhân tài. Thương Thang là chúa nô lệ của xã hội nô lệ, thế mà vì để lật đổ Hạ Kiệt tàn bạo, ông cũng đã như vậy, không câu nệ một cách nào trong việc sử dụng nhân tài. Tả tướng Trọng Huỷ của ông là một chúa nô lệ, kể từ tổ tiên đã bắt đầu làm quan cho triều Hạ. Trọng Huỷ nhìn thấy Kiệt bạo ngược, nhân dân oán hận, liền dẫn người trong tộc đến theo Thương. Thang cũng nghe nói Trọng Huỷ là một người có tài cán, liền thỉnh giáo Trọng Huỷ về

đạo trị quốc. Trọng Huỷ đã đề xuất chiến lược tích lũy lực lượng, trước hết tiêu diệt các nước chư hầu thù địch với Thương, sau đó sẽ diệt Kiệt. Hữu tướng của Thang tên gọi là Y Doãn, xuất thân từ nô lệ, từ nhỏ đã lưu lạc, đã từng làm đầu bếp, thế nhưng rất có tài cán. Y Doãn dùng kế tới gần Thương Thang, Thang phát hiện Y Doãn quả thật là một hiền tài, bèn phong cho làm hữu tướng. Cả hai người này cùng phò tá Thang, cuối cùng đã diệt được vương triều Hạ. Sau khi đoạt được chính quyền, Y Doãn đã dốc toàn sức lực củng cố vương triều Thương, đã đề xuất được rất nhiều chủ trương tốt.

Vận dụng gián điệp, do thám nghe ngóng hư thực của Hạ Kiệt. Trong cuộc chiến tranh tiêu diệt nhà Hạ, Y Doãn đã từng có hai lần bổ sung gián điệp, hai dịp tới triều Hạ tiến hành hoạt động gián điệp. Một mặt tuyên dương nhân đức của Thang, tiêu trừ sự hiềm nghi của Hạ Kiệt, một mặt khác đi sâu vào thăm dò những điều cơ mật của nhà Hạ, điều tra địa hình Trung Nguyên, mua chuộc các trọng thần của nhà Hạ, ly gián mối quan hệ giữa nhà Hạ với các nước chư hầu. Đây là nhân tố quan trọng để cho Thương Thang diệt Hạ.

Nắm chắc thời cơ chiến đấu, chỉ một hành động là tiêu diệt được nhà Hạ.

Trên mặt chính trị, Thang tuyên dương “điều dân phạt tội”, trên mặt quân sự, Thang đã thay thế được sự so sánh tương quan lực lượng Hạ Kiệt, đã triệu tập hội nghị liên minh các thuộc quốc. Mân Thị (Đông Bắc Kim Hương, Sơn Đông ngày nay) bất mãn với triều Hạ, đã chống lại Hạ Kiệt. Hạ Kiệt đã ra lệnh cho các nước chư hầu cất quân chinh phạt, quân đội của Cửu Di không dấy binh. Y Doãn nói:

- Được lắm! - Thang mới cất quân (“Thuyết Uyển – Quyền mưu thiên”). Các nước chư hầu không nghe sự điều khiển của Hạ Kiệt. Thang nhìn thấy thời cơ diệt nhà Hạ đã chín muồi, liền kêu gọi các nước liên minh cất quân phạt Kiệt. Trước khi xảy ra cuộc chiến, Thang đã phát biểu lời tuyên thệ khảng khái xúc động, rồi đi quanh đường phương Tây xuất kỳ bất ý tiến công vào Hạ đô. Kiệt xuất quân vội vã ra ứng chiến, thất bại chạy về Ô

Điêu (phía Đông Phong Khâu, Hà Nam ngày nay). Quân Thương tiến đến Ô Điêu quyết chiến với quân Hạ. Quân Thương đại thắng, rồi lại thừa thắng tiêu diệt Tam Soá là thuộc quốc của nhà Hạ (nay là phía Đông Định Đào, Sơn Đông). Cuộc chiến tranh tiêu diệt nhà Hạ của Thương Thang đều đã thể hiện ra những mưu lược tâm lý chiến, tuyên truyền chiến, gián điệp chiến cùng với mưu lược vu hồi triệt đường rút lui của quân địch với quy mô lớn.

Thương Thang lập quốc, kiên trì tư tưởng “Thị thủy kiến hình, thị dân kiến trị”, tăng cường sự liên hệ với các thị tộc bốn phương, xúc tiến sự dung hợp càng nhiều với các thị tộc. Suốt cả cuộc đời của Thương Thang, về các phương diện thống trị chính trị, chiến tranh quân sự v.v... đều vận dụng đầy đủ tài năng mưu lược của mình. Thương Thang chính là nhà mưu lược chính trị quân sự kiệt xuất trong xã hội nô lệ ở Trung Quốc.

## 7. Y DOÃN

### ĐỐI THAY CƯỜNG NHƯỢC, MƯU ĐỊNH HƯNG SUY

Đối với việc ghi chép về cuộc đời và sự tích của Y Doãn có thể nhìn thấy tản mạn ở trong các sử tịch như “Trúc Thư kỷ niên”, “Thư kinh”, “Trang Tử”, “Mặc Tử”, “Tôn Tử”, “Lã Thị Xuân Thu”, “Sử ký” và “Thuyết Uyển” v.v... Chỉ đáng tiếc là số lượng rất ít, nội dung sơ sài đơn giản, hơn nữa cách nói không giống nhau. Căn cứ vào những tư liệu lịch sử hiện có, chúng ta được biết, Y Doãn vốn có tên gọi là Y Chấp, trong vương triều Thương, lần lượt đảm nhiệm các chức quan Doãn, A Hoàn, Bảo Hoàn v.v... Bởi làm quan mà được tên, lại còn có tên là A Hoàn, Bảo Hoàn. Ông xuất thân từ thị tộc Hữu Tân (hiện tại cư trú tại vùng Trần Lưu, Hà Nam, huyện Tào Sơn Đông), truyền thuyết nói rằng ông là con cháu đời sau của đại tướng Lực Mục trong thời đại Hoàng Đế, là một con người ôm ấp hoài bão lớn lao, lại là người học rộng đa tài. Y Doãn đã coi việc “tự nhận công việc nặng nề trong thiên hạ” để “phạt Hạ cứu dân” là nhiệm vụ của mình, cho rằng muôn dân bách tính trong thiên hạ nếu không được hưởng hạnh phúc của trời Nghiêu ngày Thuấn, thì coi như bản thân mình đã đẩy họ vào rãnh sâu đầm lầy (Xem “Mạnh Tử - Vạn chương thượng”). Tài năng của Y Doãn đã nhìn thấy từ trước Thương Thang, tên tuổi của ông đã vượt ra khỏi bang ngoài. Thương Thang cho rằng “Y Doãn đối với nước ta cũng ví như một thầy thuốc tài giỏi bốc thuốc” (Xem “Mặc Tử - Quý Nghĩa”). Đối với việc gặp gỡ giữa Y Doãn với Thương Thang, có hai thuyết nói mang tính chất đại biểu. Một thuyết nói Y Doãn chủ động cầu dụng ở Thang. Y Doãn muốn gặp Thang nhưng không có cơ hội, liền tự nguyện làm người hầu dẫn đồ cưới cho con gái vua Hữu Tân Thị, công nôi và đồ đạc tới Thương Đô “để làm vui lòng vua Thang”, thừa cơ tiến kiến những phương kế mưu lược cai trị đất nước. Thang đã cử Y Doãn vào “làm việc trong nhà bếp”, “học hỏi rồi trở thành thần tử”. Còn một thuyết nữa nói Y

Doãn bị động được mời đến gặp Thương Thang. Thương Thang nghe nói Y Doãn cày ruộng ở trên đồng Hữu Tân là một người rất có tài năng, liền cử người tới mời ông. Trước sau đã mời tới ba lần (một thuyết nói là mời năm lần), Y Doãn mới chịu ra phò tá Thương Thang. Y Doãn trình bày về “Vương Đạo” với Thang, bao gồm những bài học kinh nghiệm cai trị thiên hạ của các vị vua qua các triều đại và sách lược giành thiên hạ, rất được Thang tín nhiệm, liền được trọng dụng một cách phá lệ, “cử Y Doãn làm tướng cho mình, tiếp giữ chính quyền trong thiên hạ, cai trị dân chúng trong thiên hạ”. Trong giai đoạn mở đầu của đất nước, Y Doãn đã tham gia quyết sách quân sự chính trị và chỉ đạo chiến tranh giúp Thương Thang, phụng mệnh hoàn thành trình sát chiến lược và nhiệm vụ “dùng gián điệp”, đã biểu hiện ra tư tưởng mưu lược lỗi lạc và tài năng chính trị, quân sự tuyệt vời. Trong giai đoạn xây dựng đất nước, Y Doãn đã giúp đỡ mấy đời vua Thương cai trị đất nước, thống nhất thiên hạ, hơn thế đã nhiếp chính ba năm, giúp đỡ vua Thương xây dựng lên một quốc gia theo chế độ nô lệ thống nhất thứ hai trên lịch sử Trung Quốc. Trong những phụ thần quan trọng của Thương Thang như Trọng Huỷ, Nhữ Cữu, Nhữ Phương v.v... Y Doãn đứng ở hàng đầu, có cống hiến rất to lớn.

Những tư tưởng mưu lược và tài năng chính trị, quân sự của Y Doãn được biểu hiện tập trung ở ba mặt dưới đây:

### **DÙNG GIÁN ĐIỆP**

Y Doãn được Thương Thang cử tới Hạ Đô chấp hành nhiệm vụ trình sát chiến lược hai lần, đã tiến hành hoạt động phân hóa làm tan rã nội bộ tập đoàn thống trị của vương triều nhà Hạ. Thương Thang sợ Hạ Kiệt hoài nghi, còn đạo diễn ra một loại khổ nhục kế “Đích thân bắt Y Doãn, Y Doãn bỏ chạy sang nhà Hạ”. Trong vòng thời gian ba năm, Y Doãn trước sau đã năm lần tiến vào Hạ Đô, nắm vững tình hình chính trị, quân sự cùng với kinh tế, địa lý của vương triều nhà Hạ, trở về Thương Đô báo cáo với Thang nói rằng Hạ Kiệt Vương hoang dân vô đạo, “không thương dân chúng, ý chí bất hòa, trên dưới tranh giành, lòng dân oán hận”. Muôn người đều mong muốn vương triều nhà Hạ sớm có ngày bị diệt vong, “đều nói

trời không dung nhà Hạ, bắt Hạ phải chết”. Đối với điều này, Thương Thang rất mãn ý, khen ngợi Y Doãn đã hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ rồi cử Y Doãn làm ra quyết sách chiến lược tiêu diệt nhà Hạ, lại một lần nữa cử Y Doãn tới Hạ Đô (Đoạn thực sử này đã được ghi chép trong “Thuyết Uyển”). Y Doãn tiến vào Hạ Đô kết giao với nguyên phi Mạt Hi đã bị Hạ Kiệt ruồng bỏ, “dần dần ly gián nhà Hạ”, tiến hành hoạt động chống phá trong tập đoàn thống trị nhà Hạ. Những hoạt động này đã đặt ra quyết sách chiến lược đối với nhà Hạ của Thương Thang, đã có tác dụng rất quan trọng. Tôn Vũ đã tổng kết kinh nghiệm lịch sử này, trong thiên 13 binh pháp của ông, Tôn Vũ nói: “Biết mình, biết người trăm trận đánh đều không nguy hiểm”. “Sự hưng thịnh của nhà Thương ngày trước là do Y Chấp ở nước Hạ; sự hưng thịnh của nhà Chu là do Lữ Nha ở nước Ân. Đều là do các vị minh quân hiền tướng biết dùng mưu trí ly gián kẻ thù, tất thành công lớn. Sự quan trọng của đội quân này chính là chỗ dựa của ba quân hành động vậy!” (“Tôn Tử binh pháp - Mưu công thiên - Dụng gián thiên”).

## **TIẾN ĐÁNH**

Thương là thuộc quốc của Hạ, vốn dĩ chỉ chiếm một vùng đất lớn nhỏ bảy mươi dặm, trên mặt chính trị và quân sự đều ở vào địa vị bất lợi. Làm thế nào để biến thế bất lợi trở thành thế có lợi, chuyển yếu thành mạnh? Để thực hiện mục tiêu chiến lược diệt Hạ giành tự lập của mình, Thương Thang đã cấp thiết giải quyết đầu tiên vấn đề này. Y Doãn đã hiệp sức giúp đỡ Thương Thang làm ra quyết sách thích đáng, sử dụng những biện pháp có sức mạnh. Nhằm thẳng vào tình hình không coi trọng đạo đức mà chỉ dùng vũ lực tàn hại dân chúng, dân chúng không sao chịu đựng nổi. Họ đã giương cao ngọn cờ “điều dân phạt tội”, “nội tu đức chính, ngoại kết chư hầu”, vạch rõ tội trạng của Hạ Kiệt, tuyên dương đức chính của Thương Thang, tạo thành cục diện chính trị “dân chúng mong đợi trông chờ như đại hạn gặp mưa rào”, các nước chư hầu đều quy theo Thang. Đồng thời lại lợi dụng ông làm địa vị đặc thù được quyền đi chinh phạt các phương bá nhà Hạ, sử dụng sách lược đả kích quân sự kết hợp với tranh thủ chính trị, kết

giao và kiêm tính các thuộc quốc của triều Hạ, xóa bỏ các vây cánh của Hạ Kiệt, mở rộng thực lực của mình. Các nước Cát, Vĩ, Cỗ, Côn Ngô nằm ở giữa Hạ Thương đều là thuộc quốc của nhà Hạ, là lực lượng dựa dẫm thân cận của Hạ Kiệt. Lực lượng nước Cát ở gần Hào, thủ đô của Thương tương đối yếu, việc thống trị không ổn định. Thương Thang lấy việc đánh Cát làm đột phá khẩu để bắt đầu hoạt động kiêm tính. Ban đầu Thương Thang mượn cớ là Cát không cúng tế tổ tiên để phát động thế tấn công chính trị. Lại lấy việc trợ giúp tế lễ làm chiêu bài cử, cử người vào trợ giúp việc canh tác, cung cấp rượu thịt cho những người già cả để tranh thủ lòng dân. Cát Bá không những không thay đổi hành vi “không tế lễ tổ tiên” mà còn cướp đoạt hết rượu thịt mà Thương Thang chuyển tới, giết chết những nhi đồng không giao nộp rượu thịt. Thương Thang nắm vững cơ hội này, cất quân tới hời tội, tiêu diệt nước Cát.

Sau đó, lại liên tục tiêu diệt ba nước Vĩ, Cỗ, Côn Ngô, chiếm lấy bình nguyên Duyên Dự, tạo thành sự uy hiếp chiến lược đối với thủ đô nước Hạ, đã thay đổi hẳn hình thế Hạ cường Thương nhược trên mặt quân sự.

## **ĐÁNH BẰNG MƯU**

Trận đánh ở Ô Điều là trận quyết chiến chiến lược của Thương Thang lật đổ vương triều nhà Hạ. Trên các mặt tuyển chọn thời cơ quyết chiến, quyết định phương hướng quyết chiến, Y Doãn đã phát huy được tác dụng quan trọng.

Căn cứ vào ghi chép trong “Thuyết Uyển”: Thang muốn đánh Kiệt, Y Doãn nói: Xin hãy cản trở việc cống chức hần, để xem động tĩnh của hần ra sao. Kiệt tức giận, cất quân đội của Cửu Di tới đánh. Y Doãn nói: Chưa thể được.

Bọn chúng cất quân Cửu Di tới đánh ấy là do lỗi ở tại ta. Thang lại tạ tội xin lỗi rồi cống chức trở lại. Sang năm sau lại không cung cấp cống chức. Kiệt tức giận, lại cất quân Cửu Di. Quân Cửu Di không tuân theo. Y Doãn nói: “Có thể đánh được! Thang mới cất quân đi đánh”.

Đoạn ghi chép trên đây nói rõ, trên mặt tuyển chọn thời cơ quyết chiến, Thương Thang và Y Doãn chẳng những đã suy nghĩ tới thực lực quân sự của hai bên mà còn suy xét tới xu hướng của lòng người, dùng biện pháp trinh sát gần như sức lửa, đình chỉ việc tiến cống để quan sát phản ứng của đối phương. Nhìn thấy Hạ Kiệt vẫn có thể điều động được quân đội của Cửu Di, liền khôi phục việc tiến cống. Đợi tới khi quân đội Cửu Di không phục tùng theo sự điều động nữa, mới cất quân đánh Kiệt. Cuộc chiến biết sẽ thắng rồi mới cất quân đến đánh, đó là một quyết sách vừa thận trọng lại vừa kiên quyết, dứt khoát.

Trên việc xác định phương hướng quyết chiến, căn cứ vào ghi chép của “Lã Thị Xuân Thu” và “Sử Ký” thì Thương Thang không phải là dựa theo vị trí địa lý thiên nhiên mà Thương Hạ ở, phát động cuộc tiến công chính diện từ Đông sang Tây đối với Hạ Đô, mà là “dẫn quân đội từ phương Đông kéo sang phía Tây đất nước để tiến đánh”, thực hành chiến lược vu hồi, vòng quanh phía Tây Hạ, phát động cuộc tiến công bất ngờ. Kết quả là quân nhà Hạ phải vội vã ứng chiến và “chưa đụng kiếm mà Kiệt đã phải chạy”, “tháo ra khỏi Ô Điêu”. Thương Thang đã huy động quân đội đuổi theo, đại chiến với Hạ Kiệt ở Đô Điêu, đánh bại quân Hạ, chỉ một trận đã lật đổ vương triều nhà Hạ. Quyết sách này đã có quan hệ tương đối lớn đối với việc Thương Thang, Y Doãn thông thuộc cách bố trí quân sự và hoàn cảnh địa lý của vương triều nhà Hạ.

Những hoạt động thực tiễn về quân sự của Y Doãn đã chứng tỏ, ông đã tham dự vào quyết sách quân sự của Thương Thang, giúp đỡ Thương Thang chỉ huy tác chiến, thậm chí còn đích thân tiến hành trinh sát chiến lược, trên thực tế đã có chức năng và tác dụng làm quân sư cho hậu thế và tổng tham mưu trưởng cho cận đại. Có thể nói được rằng Y Doãn là nhân tài mưu lược ở tầng lớp cao xuất hiện sớm nhất thời cổ đại Trung Quốc.



## 8. Y TRẮC

### MƯỢN TANG CỐC CỘNG SINH, CHÊ THÁI MẬU THIỆN CHÍNH

Y Trắc là con trai của Y Doãn. Khi vua Thái Mậu nhà Thương kế vị đã phong cho Y Trắc làm tướng. Y Trắc cũng giống cha, là một vị tướng nổi tiếng hiền tài trong đời nhà Thương. Triều Thương tới thời kỳ của Thái Mậu, những thế lực đã có trong các nước chư hầu phương quốc, đều đã lớn mạnh. Giai cấp thống trị quý tộc chúa nô lệ đứng đầu là vua Thương, đã có sự bóc lột và áp bức đối với bình dân và nô lệ càng thêm tàn khốc, dẫn tới sự bất mãn của chư hầu, phương quốc và nhân dân, có những chư hầu và phương quốc đã đình chỉ việc tiến cống và chúc tụng lên vương triều. Tài năng mưu lược của Y Trắc đã nhanh chóng khiến cho vua Thái Mậu thiện chính tu đức, đã mở ra thời kỳ hưng vượng phát đạt nhất từ sau vua Thái Giáp vương triều nhà Thương.

Thái Mậu sau khi kế tục người anh là Ung Chính lên làm vua Thương đối với cục diện “Ân đại suy, các chư hầu không tới” (“Sử ký - Ân bản kỷ”), cương lĩnh triều chính không hưng thịnh, các chư hầu không tôn trọng vương triều nhà Thương phải đối mặt, vẫn không phấn đấu vươn lên, tăng cường cai trị khẩn trương, vẫn cứ xem thường coi nhẹ việc triều chính. Đúng vào năm thứ bảy Thái Mậu, trong sân đình của vương cung, một cây dâu và một cây cốc (tức cây chử) [6] đồng thời cũng sinh ra. Hai cây cùng mọc chung nhau, hơn thế lại mọc rất nhanh, chỉ trong một đêm đã to bằng nắm tay.

Đây vốn là một hiện tượng ngẫu nhiên trong sự sinh trưởng của loài thực vật. Thế nhưng ở vào thời đại đó, con người còn chưa có loại tri thức thực vật học này. Vào thời đó con người thường coi sự sinh trưởng của các loài thực vật và sự sinh trưởng của sinh mệnh con người là do mối liên hệ tin tức thần bí nào đó gắn liền lại, họ đã coi hiện tượng này như sự xuất hiện

của loài yêu nghiệt. Thái Mậu rất mê tín vào quỷ thần, do đó đã vô cùng hoảng sợ. Y Trắc muốn khuyên can Thái Mậu chớ có chỉ ăn chơi hưởng lạc mà phải chăm chỉ với công việc triều chính, liền thuận theo dòng suy nghĩ mê tín quỷ thần của vua Thương, đẩy thuyền theo dòng nước chảy nói:

- Thần nghe nói yêu nghiệt không thắng nổi người có đức độ. Hiện tại có yêu quái xuất hiện, chứng tỏ rằng trên mặt cai trị triều chính của đại vương có những điểm không hợp với chính đức. Nếu biết thiện chính tu đức, lấy đức trị dân, lẽ dĩ nhiên có thể miễn trì được họa hại!

Thái Mậu mê tín quỷ thần, nghe theo lời giải thích như vậy của Y Trắc, bàng hoàng lo sợ, quả nhiên đã cải bỏ lỗi trước, bắt đầu cần mẫn việc vương chính, nỗ lực cai trị quốc gia, dựa hẳn vào Y Trắc, Thân Hộ và Vu Hàm cùng các lão thần khác, các công việc triều chính đều triển khai một cách thuận lợi.

Cây tang cốt cùng mọc ở trong vương cung, đâu có phải là được mọc ở dưới nắng trời trong đất và nước màu mỡ, căn bản không có đầy đủ điều kiện để sống được lâu dài, do vậy chỉ sau một thời gian, tự nhiên nó đã khô héo rồi chết. Và như vậy, Y Trắc cùng các vị đại thần khác lại căn cứ vào đó tuyên dương khuếch đại trước đây Thái Mậu buông lỏng chính sự nên ma quỷ đã sinh ra. Hiện tại Thái Mậu đã được Thượng đế ban phúc, cần cù chăm chỉ, ngay cả cây cối cộng sinh yêu ma tà nghiệt cũng phải hoảng sợ thịnh đức của Thái Mậu mà chết. Đối với điều này, Thái Mậu càng tin tưởng sâu sắc, chẳng chút nghi ngờ. Thái Mậu đã trịnh trọng hạ lệnh cho các quan đại thần tiến hành đại lễ cúng bái long trọng ở ngoại ô Vương Đô, để cảm tạ sự phù hộ của đất trời sông núi.

Y Trắc đã dùng việc đức độ có thể chiến thắng yêu nghiệt đó khuyên can vua Thái Mậu. Vào thời đại ngày nay, con người xem tới có thể bật cười, thế nhưng trong điều kiện lịch sử lúc đó, khi con người còn chưa có khả năng nhận thức một cách khoa học mối quan hệ giữa mình và tự nhiên, thì loại phương pháp này vẫn thích ứng được tư tưởng của Thái Mậu. Y Trắc đã dùng hiện tượng “Tang cốt cộng sinh” trịnh trọng cảnh giới Thái Mậu,

Thái Mậu quả nhiên đã cải đổi, sửa lỗi để trở thành con người mới. Y Trắc lại phóng đại tuyên dương thịnh đức mà Thái Mậu sau khi đã sửa lỗi, trên mặt khách quan đích thực đã có tác dụng vô về làm yên lòng dân, thu phục được các nước chư hầu, khiến cho “Ân đạo phục hưng, chư hầu quy thuận” (“Sử ký - Ân bản kỷ”).

Y Trắc dùng “Tang cốc cộng sinh” khuyên can Thái Mậu, khiến cho sự phát triển của vương triều nhà Thương bước sang một giai đoạn mới. Y Trắc dốc sức phò tá Thái Mậu dẫn tới sự cường thịnh của một quốc gia theo chế độ nô lệ, đến cuối đời Thái Mậu, ngay cả tộc Cửu Di ở phương Đông đối với vương triều nhà Thương không thật thân phụ, như gần mà lại như xa, cũng hăng hái tới cống nạp triều kiến. Thời kỳ Thái Mậu là thời kỳ hưng thịnh phát đạt nhất sau vương triều Thái Giáp nhà Thương. Điều đó đã không thể tách rời việc dốc toàn lực ra phò trợ của Y Trắc.

## 9. CHU VĂN VƯƠNG

### ĐẶT NỀN MÓNG CHO TÂY CHU, MƯU CƯỚP CHÍNH QUYỀN ÂN THƯƠNG

Chu Văn Vương do có tài năng chính trị lỗi lạc cùng với những công tích tuyệt vời mà ông sáng tạo ra, trong lịch sử nhà Chu ông đã chiếm địa vị đặc thù, cao cả, do đó đã được người đời sau tôn sùng ca ngợi.

Ông chẳng những đã khiến cho nhà Chu có đủ sức mạnh tiêu diệt nhà Ân, hơn thế còn giúp cho con trai của ông là Chu Vũ Vương nhanh chóng tiến thẳng vào con đường tiêu diệt Trụ sau này. Ông đã là người đặt nền móng cho Chu diệt Ân, cướp lấy chính quyền trong cả nước, xây dựng lên vương triều Tây Chu.

#### THI HÀNH “NHÂN CHÍNH”, LUNG LẠC NHÂN TÂM

Chu Văn Vương, họ Cơ tên Xương, từ nhỏ đã thông minh lanh lợi, có chí hướng khác thường. Truyền thuyết nói rằng, lúc nhỏ Cơ Xương đã từng có con Sẻ tía miệng ngậm đan thư đậu ở trước cửa nhà, cho nên đã có “điềm thánh”, hễ vừa nắm giữ chính quyền là người Chu tất đã có thể hưng vượng phát đạt. Cho nên người ông rất quý mến Cơ Xương. Người ông qua đời, truyền ngôi cho cha là Lý Lịch. Lý Lịch qua đời truyền ngôi cho Cơ Xương. Đây chính là Chu Văn Vương nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Lịch sử còn gọi là Tây Bá Văn Vương.

Chu là một bộ lạc cổ lão hoạt động lúc đó ở một vùng cao nguyên Hoàng Thổ phía Tây Bắc Trung Quốc. Chu là một thuộc quốc ở phía Tây nước Thương. Chu thừa nhận địa vị chúa chung thiên hạ của Thương, hơn thế còn giao nộp cống phẩm định kỳ cho Thương. Sau khi Cơ Xương kế vị, kế thừa sự nghiệp mà tổ tiên khai sáng, thực hiện các pháp chế mà lớp cha ông đã đặt ra, thực hành nhân chính, kính già yêu trẻ, trọng người tài học kẻ sĩ.

Ông bắt đầu thực hành trước tiên từ trong đại gia đình của mình, trên là hiếu với cha mẹ, săn sóc chăm hỏi sớm tối, dưới là có yêu cầu nghiêm khắc đối với vợ con anh em, làm một tấm gương sáng mẫu mực cho toàn thể gia tộc. Lấy đại gia đình mình làm trung tâm, hình thành sức ngưng tụ lớn mạnh, lấy đó đoàn kết mọi người trong tộc, củng cố nội bộ. Ông giỏi việc quan sát thể nghiệm dân tình, tìm hiểu sâu sắc những nỗi gian nan trong việc làm ruộng của dân chúng bình thường. Ông còn chú ý chăm sóc chiếu cố tới những tiểu dân goá bụa cô cút, không nơi nương tựa, nghĩ mọi cách giải quyết khó khăn cho họ.

Những điều “nhân chính” mà Chu Văn Vương thực hành quả thực đã thu được hiệu quả. Căn cứ vào điều nói trong “Thi-Đại Nhã - Linh Đài”, ông đã xây dựng Linh Đài, thu thập những xương khô cốt lạnh vớt bừa bãi trên gò đồng đem chôn cất vào trong Linh Đài. Sau khi dân chúng biết tin, họ đã tranh giành hăng hái chỉ sợ bị rớt ở đằng sau, như những người con giúp đỡ công việc cho cha mẹ. Kết quả là Linh Đài đã xây dựng hoàn thành rất mau chóng.

## **PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, LẤY ĐẠO TRỊ QUỐC**

Chu là một quốc gia mới hưng thịnh, đang ở vào thời kỳ thăng tiến, Cơ Xương lại là con người có đầu óc chính trị, ông đã sử dụng một loạt các biện pháp tích cực, không ngừng có những điều chỉnh tương ứng đối với chính trị, ra sức phát triển sản xuất, hòa dịu các mâu thuẫn giai cấp, khiến cho đất nước xuất hiện những cục diện tốt đẹp, chính thông nhân hòa, thượng hạ yên vui. Ví dụ, trên mặt kinh tế ông đã thi hành một loạt chính sách tương đối sáng suốt rộng mở, về lao dịch địa tô, gọi là “Canh giả cửu nhất”. Tức là một người nông dân cấy trồng một trăm mẫu ruộng thì phải trao nộp cho Nhà nước một số lượng trợ canh nhất định, lượng phải bỏ ra là một phần mười, nhẹ hơn so với chế độ Nhà nước nô lệ triều nhà Thương. Lại ví dụ như việc ông cho khai thông quan ải, động viên khích lệ tự do kinh doanh thương nghiệp. Quan thị chỉ kiểm tra những người khác tiếng

nói, khác y phục mà không đánh thuế. Do vậy đã xúc tiến được việc phát triển thương nghiệp. Ông còn cho phép dân chúng có thể tùy tiện vào núi rừng đầm trạch, tùy ý săn bắt thú vật. Ngoài ra còn quy định kẻ phạm tội chỉ đề cập tới bản thân họ, không cho phép dây dưa liên lụy, khiến cho gia đình họ hàng không bị tội lây, như vậy đã ngăn ngừa được sự phân hóa của dân tự do, đảm bảo được đầy đủ sức lao động cho việc theo đuổi nghề nông, hơn thế, vì việc đó đã thu hút được sự ủng hộ của đông đảo dân chúng đối với ông trên mặt chính trị.

Là một nhân vật đại biểu cho chính quyền của chế độ nô lệ, để ổn định trật tự thống trị của chế độ nô lệ, Cơ Xương đã đặt ra pháp luật “Hữu vong hoang duyệt”, tức là thanh tra đại quy mô theo định kỳ những nô lệ bỏ trốn.

Phàm những kẻ chạy trốn đều phải bắt trở lại. Sự quay lại của ai thì người đó được sở hữu. Ông còn cho phép “Sĩ giả thế lộc”, tức là những người làm quan ở triều đình thì con cháu của họ đời đời được hưởng bổng lộc của quốc gia. Điều này đã khiến ông được sự nhất trí ủng hộ của các quý tộc chủ nô lệ.

Chu Văn Vương nắm giữ chính quyền suốt năm mươi năm. Suốt một thời gian dài ở ngôi đã khiến cho ông có cơ hội ung dung, kiên trì bền bỉ đẩy mạnh sự nghiệp của nhà Chu. Một số nước nhỏ thuộc hạ của Vương triều nhà Thương, có nước bị Chu dùng vũ lực chinh phục, có nước bởi hoảng sợ thế lực của nhà Chu, đồng thời cũng vì để chạy thoát khỏi sự khống chế của quốc gia nô lệ nhà Thương mà chủ động quy thuộc vào Chu. Thậm chí một số nô lệ, binh dân cùng với chủ nô lệ cỡ trung, cỡ nhỏ cũng không chịu đựng nổi sự áp bức chính trị và bóc lột kinh tế tàn khốc mà chạy trốn về phía nhà Chu. Do vì Cơ Xương cai trị đất nước có đường lối, thành tích nổi bật đã khiến cho Chu từ một thân thuộc của Thương, cuối cùng đã biến thành lực lượng tranh giành chống đối với Ân.

## **MÌNH NGHIÊM GIỮ LUẬT, TU ĐỨC VỮNG VÀNG**

Vua Trụ nhà Thương cực kỳ xa hoa, đắm chìm trong tửu sắc, tô cao thướ nặng, vợ vét của cải của dân chúng, đam mê quá hóa tiêu tan chí hướng, không cố gắng với việc chính sự, hình pháp nghiêm khắc, lạm dụng thi hành luật tàn khốc, tin kẻ nịnh, ghét người hiền, trọng dụng kẻ gian tà, làm cho lòng dân ly tán, dân oán sục sôi. Cơ Xương đã lấy đó làm người thầy phản diện, cực lực ức chế dục vọng hưởng thụ vật chất, không dám có một chút tư hào kiêu sa dâm dật và phóng túng quá mức. Ông giữ luật nghiêm khắc với mình, khoan dung đối với người, trước sau gìn giữ được phẩm đức tốt đẹp cần lao chất phác của người Chu, sống cuộc sống cần kiệm, giản dị không xa hoa. Ông cai trị đất nước của mình thận trọng từng ly từng tí một, không dám có chút buông lỏng. Do đó đã khiến cho nhà Chu nước giàu dân mạnh, chư hầu tín phục. Có được sự kiện như vậy rất có khả năng nói rõ được một điều: Hai nước Ngu (vùng Đông Bắc huyện Bình Lục, tỉnh Sơn Tây ngày nay), Nhuế (vùng Tây Bắc Đồng Quan, tỉnh Thiểm Tây ngày nay) đều là thuộc quốc ở phía Tây của Thương, hai bên sông núi gần kề nhau vì một nguyên nhân nào đó đã phát sinh ra sự tranh chấp về lãnh thổ vốn có sự tranh chấp nên tìm cộng chủ của họ là Thương để đàm phán giải quyết. Thế nhưng vua của hai nước này vì sùng mộ uy danh của Chu Văn Vương, không những không tới triều Ân, trái lại hai bên đã tới triều Chu mời Chu Văn Vương phán xử. Sau khi họ bước vào trong đất nhà Chu, những điều họ nhìn thấy, nghe thấy đã khiến họ vô cùng cảm động, họ đã nhìn thấy “người đi cày nhường bờ, người đi đường nhường lối”, “nam nữ có đường đi riêng, người già không có nỗi khổ phải gánh nặng”, “trong triều không tranh chấp địa vị, khiêm tốn nhường nhịn nhau”, nơi nơi đều tràn đầy phong cách quân tử. Sự thực đó đã giáo dục vua hai nước Ngu và Nhuế. Họ đã cảm thấy vô cùng xấu hổ, sau khi trở về nước họ đã tự động đem những đất tranh chấp đều xử lý thành “đất nhàn”. Chu Văn Vương chẳng tốn hơi sức, đã dùng những sự thực sinh động giáo dục họ. Những tin tức về việc giải quyết tranh chấp lãnh thổ nhẹ nhàng và dễ dàng không có cánh mà đã bay xa, đã nâng cao mạnh mẽ uy vọng của ông trong tầm mắt các nước chư hầu. Đã có trên bốn chục nước, tự động tới quy thuộc

khiến cho nhà Chu đạt được ích lợi cực kỳ to lớn trên mặt chính trị và ngoại giao.

## **DÁM ĂN THỊT CON, ẨN TÀNG THAO LƯỢC**

Vua Trụ nhà Thương bạo ngược vô đạo, cả thiên hạ đều biết. Cửu Hâu, Ngạc Hâu và Trụ Vương Xương (tức Chu Văn Vương) đều là Tam Công của vua Trụ nhà Thương. Cửu Hâu có người con gái đoan trang xinh đẹp được tuyển chọn tiến cung, chỉ vì giữ tấm thân trinh tiết trong sạch, không thích dâm loạn, đã khiến cho Trụ Vương đại nộ, không những đã giết nàng, mà còn giết cả Cửu Hâu, dùng loạn đao băm nát thành tương. Ngạc Hâu nghe tin đã hô hoán kêu oan thay cho Cửu Hâu, cũng bị băm nát thành tương. Người anh thuộc chi thứ của Trụ Vương là Vi Tử nhìn thấy cảnh tượng đó đã phải chạy tới phương xa để trốn tránh. Kỳ Tử thì giả vờ điên thành nô tỳ. Ông chú là Tỷ Can đã bước vào khuyên can liền ba ngày không ra khỏi nhà, cuối cùng đã bị Trụ Vương mổ ngực rạch bụng. Chu Văn Vương nghe được tin này, lo lắng sợ có ngày nào đó sẽ có họa từ trên trời giáng xuống. Thân tín của Thương Trụ Vương là Sùng Hâu Hồ đã phát giác thấy sự uy hiếp của nhà Chu đối với vương triều nhà Thương, đã cảnh tỉnh Thương Trụ Vương, nói:

- Trụ Vương Văn Vương hành thiện tích đức, các nước chư hầu đều tranh giành nhau quy thuộc vào hẳn. Điều này đối với đế vương ngài sẽ là điều bất lợi cực kỳ to lớn đó!

Thương Trụ Vương nghe lời nói có lý liền hạ lệnh bắt Chu Văn Vương tới, giam giữ ở Dữu Lý (nay là huyện Thang Âm tỉnh Hà Nam), cho rằng từ nay trở đi có thể gối cao đầu chẳng còn lo nghĩ gì, vạn sự sẽ tốt lành đại cát.

Để trừ bỏ hậu họa, Thương Trụ Vương còn bắt con cả của Chu Văn Vương là Bá Ấp Khảo tới Thương đô Triều Ca để làm con tin, bắt Bá Ấp Khảo làm người đánh xe cho Trụ Vương. Để thử thách Chu Văn Vương có phải thực sự là “Thánh nhân” hay không, Trụ Vương đã hạ lệnh giết chết



Bá Ấp Khảo, dùng thịt của Bá Ấp Khảo nấu lên thành canh, bắt Văn Vương phải ăn, còn nói với mọi người:

- Ta muốn xem hăn có phải là thánh nhân hay không. Nếu là thánh lễ dĩ nhiên hăn sẽ biết đó là thịt của con trai mình.

Thế nhưng Văn Vương đã hết sức nén nhịn nổi bi phẫn, giả vờ như không biết, ăn hết ngay bát canh đó. Tới lúc này Trụ Vương mới yên lòng. Sau khi Văn Vương bị bắt giữ, bốn vị thần của ông là Thái Diên, Hồng Yêu, Tán Nghi Sinh và Nam Cung Thích tới Dữu Lý thăm ông. Văn Vương dùng sắc mắt, ám hiệu tay ra lệnh cho bốn thần đó phải tiến hành hối lộ Trụ Vương. Họ đã đi khắp nơi tìm gái đẹp, ngựa tốt, của hiếm vật lạ, thông qua tên sủng thần của Trụ Vương là Phí Trọng để dâng hiến lên Thương Trụ Vương. Trụ Vương nhìn thấy, không kìm nổi vui mừng, nói:

- Chỉ một vật này (trò vào mỹ nữ) đã là đủ rồi. Làm gì phải cần đến nhiều ngọc báu vật hiếm như thế?

Trụ Vương chẳng những đã tha thứ xá miễn cho Chu Văn Vương một cách dễ dàng, mà còn thưởng cho ông nỏ cung, tên, búa, kích, trao quyền cho ông được chinh phạt các nước chư hầu không nghe lời, được làm trưởng các nước chư hầu ở phương Tây.

Chu Văn Vương vừa được thả ra đã lập tức hiến dâng vùng đất phía Tây Lạc Thủy (một chi lưu của Vị Thủy, nay là phía Tây Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây) để làm tô liệt mất cảnh giác thêm một bước của Trụ Vương, còn mượn dịp này thỉnh cầu Trụ Vương huỷ bỏ hình phạt pháo lạc (Pháo lạc là một cách tra tấn cực kỳ tàn khốc, đó là bôi mỡ lên trên cột đồng, ở dưới đốt than đỏ rực, bắt tội phạm phải trèo lên cột đồng. Tội phạm không chịu đựng nổi độ nóng, liền rơi xuống đồng than rực lửa ở dưới cột đồng, chết tươi ngay, cách xử tội này vô cùng thâm hiểm).

Trụ Vương nhất nhất đều bằng lòng hết. Những cách làm tích đức hành thiện này của Chu Văn Vương đã thu được lòng dân, khiến cho rất nhiều nước chư hầu đã hăng hái chống lại, xa rời Trụ Vương, ngả về theo ông, khiến cho thế lực của ông ngày càng có xu hướng lớn mạnh.

## **CẦU HIỀN NHƯ KHÁT NƯỚC, THU THẬP RỘNG RÃI NHÂN TÀI**

Chu Văn Vương cầu mong người hiền như khát nước cần uống, thu thập rộng rãi các nhân tài về mọi mặt. Có một lần trước khi ông ra ngoài đồng săn thú ra lệnh cho Sử Biển gieo quẻ xem bói. Sử Biển nói:

- Đi săn thú về phía Bắc sông Nhị Thủy sẽ có thu hoạch rất lớn. Đã không phải là bắt được rồng, cũng chẳng phải là săn được ly [7], cũng không phải bắt được gấu, cũng không phải là bắt được bi [8] mà là sẽ được một sư phụ. Có được ông ta phò tá có thể gọi là giàu có thịnh vượng được.

Văn Vương vừa nghe đã vô cùng sung sướng, nói:

- Điềm quẻ bói có lẽ nào lại tốt đẹp như thế hay sao?

Sử Biển trả lời:

- Ngày xưa tổ tiên của thân là: Sử Trù đã bốc quẻ cho Đại Vũ được Cao Đào. Lần bốc quẻ này cũng giống như lần bốc quẻ trước.

Tức thì Chu Văn Vương cung kính trai giới ba ngày, sau đó tới săn bắn ở phía Bắc Vị Thủy, quả nhiên đã gặp được Khương Thái Công. Sau khi trò chuyện với Khương Thái Công, Văn Vương rất vui mừng đã để cho Khương Thái Công cùng ngồi xe với mình để trở về, còn gọi Khương Thái Công là thầy, gọi là “Sư Thượng phụ”. Cuối cùng được sự giúp đỡ của Khương Thái Công đã hoàn thành được sự nghiệp lớn.

Chu Văn Vương có hai người em trai, một gọi là Quắc Trọng và một gọi là Quắc Thúc đều thông minh hiền tuệ và rất có tài ba. Văn Vương chọn người tài không vị nể thân tình, dùng họ làm khanh sĩ. Về sau hai người em này đã lập được rất nhiều công lao cho sự hưng vượng của vương thất nhà Chu.

Vua Cô Trúc (phía Nam Lư Long Hà Bắc ngày nay) có hai người con trai, một người gọi là Bá Di, một người gọi là Thúc Tề. Khi cha lâm chung muốn lập con thứ là Thúc Tề làm người kế thừa. Sau khi vua Cô Trúc mất, Thúc Tề đã nhường ngôi cho Bá Di, Bá Di không nhận, còn Thúc Tề cũng

không muốn lên ngôi, hai người cứ nhường nhịn nhau mãi. Họ nghe nói Tây Bá Văn Vương dưỡng lão kính hiền, rồi lần lượt chạy trốn sang nước Chu.

Tân Giáp vốn là thần tử của Thương Trụ Vương, bởi Trụ Vương dâm loạn tàn bạo, đã nhiều lần khuyên can mà vẫn không nghe, nên đã rời Ân tới Chu. Chu Văn Vương đích thân tiếp kiến. Biết ông có tài năng đã dùng làm công khanh, phong cho làm quan ở Trường Tử (nay là Thượng Đảng tỉnh Sơn Tây). Do vì Trụ Vương thi hành tràn lan cực hình tàn khốc, tàn sát giết chóc những người vô tội, làm cho các quan đại thần ai ai cũng cảm thấy nguy nan, dân chúng chống lại, người thân xa rời. Thậm chí ngay cả quan Thái sư, Thiếu sư nắm giữ các điển tịch văn hiến và âm nhạc cũng mang cả điển tịch, nhạc khí đi sang nước Chu.

Đến nỗi các bậc hiền đạt trong xã hội như Thái Điên, Hồng Yêu, Tán Nghi Sinh v.v... đều hăng hái mộ danh mà đến. Một thời gian những người tài ở bên cạnh Chu Văn Vương đông đúc, người người đều ngóng vọng uy danh mà đến. Đây là một sự đối chiếu tương phản rất rõ rệt với Thương Trụ Vương, xa người hiền, gần kẻ nịnh, dân chúng chống lại, người thân bỏ đi.

## **CHO NGỰA ĂN NO, MÀI SẮC KHÍ GIỚI,**

### **CHUẨN BỊ DIỆT ÂN**

Công việc chuẩn bị thực tế của người nhà Chu lật đổ ách thống trị của triều Thương, cướp lấy chính quyền trong toàn quốc là thời gian bảy năm, sau khi Chu Văn Vương xưng Vương, cũng chính là công việc được hoàn thành trong bảy năm cuối cùng khi ông còn sống. Trong 43 năm trước đây, do vì hùng tài đại lược của Chu Văn Vương và sự bạo ngược vô đạo của Thương Trụ Vương, trong sự tranh giành lực lượng giữa Chu và Thương, trên thực tế đã hình thành cục diện “Trong ba phần thiên hạ đã có hai của họ”. Sau khi Cơ Xương xưng vương đã đem lại một bước ngoặt mới trong sự phát triển lịch sử.

Căn cứ vào ghi chép trong “Thượng Thư đại truyện”, trong bảy năm xưng vương của Chu Văn Vương, tổng cộng đã làm được sáu việc lớn:

Năm đầu tiên đã điều giải được mâu thuẫn tranh chấp giữa hai nước Ngụ và Nhuế. Năm thứ hai xuất binh trừng phạt Khuyên Nhung. Năm thứ ba tiến đánh Mật Tu. Khuyên Nhung ở phía Bắc nước Chu. Mật Tu ở phía Tây nước Chu. Chu Văn Vương dùng vũ lực đã chinh phục được hai thuộc quốc của Thương, giải trừ được mối lo về sau, liền có thể yên tâm mạnh dạn tiến quân về phương Đông. Năm thứ tư đánh nước Kỳ. Năm thứ năm phạt nước Hàn. Hai nước này đều là thuộc quốc của Thương, đều ở phía Đông nước Chu, cự ly cách kinh đô Ân Vương tương đối gần. Việc chinh phạt đối với hai nước này trên thực tế là đã bắt đầu tiến công chính diện đối với Ân, đã cấu thành sự uy hiếp trực tiếp đối với thủ đô Triều Ca của nước Ân. Chẳng trách khi Kỳ và Hàn bị nhà Chu tiêu diệt, bọn thống trị nước Ân vô cùng kinh hoàng. Quan đại thần Tổ Y khi báo cáo tin này với Trụ Vương đã hốt hoảng kêu thất thanh: “Trời xanh đã sắp sửa kết thúc vận mệnh của Triều Ân ta!”.

Năm thứ sáu đánh Sùng. Điều này coi như đã đẩy cuộc chiến tranh tới vùng tâm phúc [9] của nước Ân. Nước Sùng ở gần Tung Sơn là một nước lớn thuộc hạ Ân, cũng là một chướng ngại to lớn sau cùng của Chu Văn Vương tiến công vào nước Ân. Tường thành của nước Sùng cao lớn kiên cố, phòng thủ nghiêm mật. Chu động binh dùng khí giới đánh thành, tiền du hậu đẩy, tả xung hữu đột, đánh mãi mà vẫn khó phân thắng bại. Đánh nhau suốt một tháng trời, tướng giữ thành của nước Ân là Sùng Hầu Hồ vẫn ngoan cường chống đánh, quyết không chịu đầu hàng. Chu Văn Vương soái dẫn quân lính tiến lên, cuối cùng đã tiêu diệt được Sùng Hầu Hồ.

Trước khi Chu Văn Vương chinh phạt sang phía Đông, khi đô thành ở Kỳ, đất ở biên giới phía Tây, cự ly đều xa xôi, roi dài nhưng không với tới được. Mãi tới khi Chu tiêu diệt được các nước nhỏ ở Tây Bắc, sau khi ổn định được hậu phương, mới đem trọng tâm rời về phía Đông. Trước tiên, Chu Văn Vương đã xây dựng lên Hoa Ấp ở giữa Kinh Thủy và Vị Thủy (nay là Bắc Bản Hàm Dương Thiểm Tây) để làm trận địa tiền duyên khuếch trương sang phía Đông. Đợi sau khi ba nước Kỳ, Hàn, Sùng diệt vong rồi, hoàn thành việc bao vây Ân Đô Triều Ca, Chu Văn Vương mới

đem quốc đô từ Kỳ rời tới Phong (nay là vùng Đông Bắc huyện Lư Tỉnh Thiểm Tây), hoàn thành nốt hạng mục công tác chuẩn bị sau cùng. Thế nhưng giữa lúc công lớn sắp sửa hoàn thành thì chẳng may Chu Văn Vương đã qua đời.

## 10. CHU VŨ VƯƠNG

### THUẬN TRỜI DÂN THEO, DIỆT ÂN DỤNG CHU

Người Chu diệt Ân cướp đoạt chính quyền trong toàn quốc, Chu Văn Vương đã làm xong công việc đặt nền móng. Chu Vũ Vương kế thừa ý chí của cha, đã sử dụng chính sách và mưu lược chính xác, đánh chắc thắng chắc, cuối cùng đã hoàn thành được đại nghiệp diệt Ân, khai sáng ra giang sơn của đời nhà Chu trong suốt một trăm năm. Từ đó đã đưa lịch sử Trung Quốc vào một giai đoạn mới. Chu Vũ Vương đã dùng tài năng chính trị, quân sự lỗi lạc của mình, chứng minh ông đích thực là một nhà mưu lược thận trọng, vững vàng, giàu tài hoa. Ông là người con kế tục Văn Vương, trong lịch sử nhà Chu ông là một nhân vật có địa vị đặc thù được người đời sau tán dương ca tụng.

### QUYẾT ĐỊNH SÁCH LƯỢC TÁC CHIẾN Ở HẬU PHƯƠNG, NĂM CHẮC THỜI CƠ

Chu Vũ Vương, họ Cơ tên Phát, cha đẻ là Chu Văn Vương. Chu Văn Vương có mười người con trai. Con cả là Bá Ấp Khảo bị Thương Trụ Vương giết hại. Cơ Phát là con thứ hai. Trong các anh em, Vũ Vương và Chu Công Đán có tài cán nhất, do đó đã được cha yêu quý nhất, thường xuyên giúp đỡ cha xử lý các công việc chính sự. Sau khi Chu Văn Vương mất, Vũ Vương lên ngôi. Lúc đó Thương Trụ Vương hoang dâm tàn bạo, ngày càng thậm tệ, mâu thuẫn giai cấp ngày càng có xu hướng gay gắt, đã tới mức độ không thể có thứ thuốc gì cứu chữa được. Vậy mà nhà Chu trải qua sự lao tâm khổ tứ của Văn Vương, trên thực tế đã khống chế được quá nửa thiên hạ rồi, việc tiêu diệt nhà Ân chỉ còn là vấn đề thời gian nữa thôi.

Đối mặt với tình hình thực tế trước mắt, Chu Vũ Vương đã tiến hành phân tích lực lượng của hai bên khách quan và tinh táo. Ông cho rằng

Thương Trụ Vương bạo ngược vô đạo, nổi oán hận của dân chúng trong nước sôi sục, dân hết đường sống, toàn bộ xã hội giống như một nồi nước đang đun sôi, rối ren hỗn loạn, triều đình nhà Ân sắp sửa bị tiêu diệt, đó là một sự thực. Thế nhưng triều đình nhà Ân là một vương triều đã xây dựng được mấy trăm năm, “một con sâu có đủ trăm chết dù chết vẫn chưa đông cứng”, đối với thực lực của nó, ngàn vạn lần chớ có đánh giá thấp. Còn nhà Chu vốn là một nước nhỏ bé ở biên thùy hẻo lánh về phía Tây. Thực lực chính trị, quân sự, kinh tế của nó còn xa lắc xa lơ so với Ân Thương. Nếu không xem xét tới thực lực mà cứ liều lĩnh thì thực chẳng khác gì đem trứng chọi với đá. Do vậy, mặc dù các nước chư hầu đã tham gia liên minh hội, đều dốc sức chủ trương ủng hộ Vũ Vương phạt Thương, Vũ Vương vẫn chưa dám hành động, ông nói: “Chư vị không biết được mệnh trời, hiện tại đánh Thương còn chưa phải là đúng lúc!”, ông đã dứt khoát quyết định quân lính tạm thời trở về Tây Thổ, tiếp tục tích lũy lực lượng, bình tĩnh quan sát sự biến hóa, chờ đợi thời cơ, sẽ tiến đánh sau.

Để nhanh chóng tăng cường sức mạnh của mình, làm yếu lực lượng địch, đối nội, Chu Vũ Vương ra sức sử dụng những người hiền tài, giao cho Chu Công là em cùng mẹ làm Thái Tể, Khang Thúc làm Tư Khấu, Đan Quý làm Tư Không. Những người khác như Chiêu Công, Thái Công, Hoa Công v.v... là những người có tài ba, mỗi người một chức. Nhất thời các nhân tài tụ tập đông đúc, chính trị sôi nổi dâng cao. Đối ngoại, Chu Vũ Vương ra sức tranh thủ các lộ chư hầu, liên hiệp các lực lượng chống Ân, để cô lập kẻ địch, làm lớn mạnh sức mình.

Để rời trung tâm chỉ huy tiêu diệt nhà Ân về phía Đông, Chu Vũ Vương đã rời đô thành từ đất Phong tới đất Cáo (nay là bờ Đông Phong Thủy, Tây Nam Tây An Thiểm Tây), tích cực chuẩn bị diệt Ân. Ông còn lợi dụng uy tín và danh vọng của Chu Văn Vương để hiệu triệu các nước chư hầu, đích thân tới Hoa Ấp tế mộ Văn Vương, đem quan tài của Văn Vương chở ở trong xe, ý của ông là phụng mệnh của Văn Vương đi đánh Trụ, chứ bản thân mình không dám tự tiện chuyên quyền, rồi tự xưng là Thái Tử Phát.

Để tỏ rõ vũ lực cho Thương triều biết, Chu Vũ Vương còn đích thân soái lĩnh đại đội binh mã tiến hành một cuộc diễn tập quân sự với quy mô lớn ở Mạnh Tân (nay là phía Nam huyện Mạnh, tỉnh Hà Nam) để kiểm duyệt đội ngũ, dùng vũ lực thị uy với kẻ thù, tạo thành áp lực cực kỳ lớn trên mặt tâm lý với đối phương, rồi mượn cơ hội đó rèn luyện binh sĩ, để giành lấy kinh nghiệm tác chiến thực tế. Chu Vũ Vương lợi dụng lần diễn tập quân sự này đã giành được thắng lợi trọng đại trên mặt trận ngoại giao, tranh thủ được hơn tám trăm lộ chư hầu tham gia hội liên minh, cùng ủng hộ sự nghiệp của ông.

Chu Vũ Vương vẫn chờ đợi cơ hội tốt nhất để tiêu diệt nhà Ân, bất giác đã hai năm trôi qua. Thương Trụ Vương lúc này lại càng hôn mê bạo ngược, mất hết lòng dân. Lúc đó, một số nhân sĩ có chức của Thương, xuất phát từ lập trường duy trì ủng hộ nền thống trị của triều Thương, đã nhiều lần dùng lời nói thẳng, thậm chí liều chết để khuyên can, chỉ mong mỗi Trụ Vương thay dây sửa phím, khiến cho chính quyền nhà Thương được tiếp tục duy trì. Thế nhưng Trụ Vương vẫn cố chấp, mê muội không tỉnh ngộ, vẫn làm theo ý mình, khiến cho một số hiền thần lương tướng của nhà Thương, vì hoàn toàn tuyệt vọng đối với Trụ Vương mà đã đua nhau rời bỏ ra đi. Cơ cấu thống trị của Thương hầu như bị tan rã tề liệt. Chư hầu các phương cũng một dạ hai lòng, càng rời xa Trụ Vương. Thương Trụ Vương đã trở thành người cô độc cô cút, danh phù hợp với thực. Lúc này, Chu Vũ Vương cho rằng thời cơ tiêu diệt nhà Ân đã chín muồi, liền kêu gọi các nước chư hầu:

- Tội ác của nghiệt Ân quả thực đã quá trầm trọng, thuận theo ý trời, dựa vào lòng người, không thể không phạt Trụ!

Tức thì Chu Vũ Vương danh chính ngôn thuận dứt khoát quyết định xuất binh, vén lên bức màn quyết chiến diệt Ân.

## **KHÔNG SỢ GIAN NAN NGUY HIỂM, PHÁT BINH DIỆT ÂN**



Chu Vũ Vương so với cha là Văn Vương chỉ nhỏ hơn mười bốn tuổi. Khi Vũ Vương phát binh diệt Ân thì tuổi tác đã cao. Thế nhưng ý chí của ngài rất hăng hái, càng già sức càng dẻo dai, soái lĩnh đại quân rầm rộ rộ xuất phát tiến vào Thương Đô Triều Ca. Căn cứ vào “Tuân Tử - Nho hiệu” nói, họ xuất phát vào ngày “binh kỵ”, lúc hành quân lại gặp phải sao Thái Tuế, gặp nước lụt mênh mông dâng tràn sông Vị Thủy, tới Hoài Thành thì gặp phải thành đổ, tới Cộng Đâu Sơn thì gặp phải núi băng, đều là những sự việc mà con nhà binh cho là điềm chẳng lành. Thế nhưng Chu Vũ Vương rất có đảm lược, ông không mê tín vào quỷ thần. Khi Vũ Vương vừa mới xuất quân, tiết trời đang nắng sáng bỗng nhiên mưa to tràn ngập, nước lớn dâng cao làm ngập hết mọi cống rãnh. Quan đại thần là Tán Nghi Sinh khuyên can nói:

- Đây chẳng phải là yêu nghiệt hay sao? Chẳng phải là ông trời không cho chúng ta phạt Trụ đó hay sao?

Trái lại, Vũ Vương đã trả lời:

- Không đúng, đây là ông trời đã rửa sạch binh khí cho chúng ta đó!

Chu Vũ Vương là con người như vậy, ôm ấp một niềm tin tất thắng, dắt dẫn đại quân gọi gió uống sương, ngày đi đêm nghỉ, tiến nhanh tiến thẳng, một mạch chẳng dừng.

Vào lúc đó, chỉ có Quốc đô mới xây dựng phòng bị, các thành ấp nói chung rất ít bố trí quân lính. Từ Tây Thổ Cảo Kinh tới Thương Đô Triều Ca hơn chín trăm dặm, hành quân suốt cả tháng trời, trên đường đi không gặp bất kỳ sự chống đối nào. Ba trăm chiếc xe quân trang do Chu Vũ Vương đích thân soái lĩnh; ba ngàn võ sĩ dũng mãnh, bốn vạn năm ngàn quân giáp sĩ lại cộng thêm rất nhiều quân đội của các bộ lạc Dung, Thục, Khương, Cỗ và quân lính các chư hầu từ các nơi kéo tới. Từ Mãnh Tân họ vượt qua Hoàng Hà, sau đó men theo bờ sông tiến thẳng về phía Đông. Đúng vào lúc sáng sớm ngày Giáp Tý tháng giêng năm thứ mười một, khi đó trời chưa sáng rõ, quân đội Chu Vũ Vương đã kéo tới Mục Dã, cách ngoại ô Thương

Đô bảy mươi dặm (nay là phía Nam huyện Cấp tỉnh Hà Nam), bày thế trận lớn, quyết chiến với Ân Thương.

## **ĐỘNG VIÊN BINH LÍNH TRƯỚC KHI VÀO TRẬN, KHÍCH LỆ SĨ KHÍ**

Để khích lệ sĩ khí nâng cao sức chiến đấu của quân sĩ tại mặt trận Mục Dã, Chu Vũ Vương đã tiến hành động viên trước khi xung trận. Tay trái ông cầm phù việt màu vàng, tay phải cầm cờ mao màu trắng, múa sang bên trái, múa sang bên phải, uy nghiêm bất khả xâm phạm. Ông phát biểu lời tuyên thệ trước toàn thể các quân lính, động viên họ phấn dũng giết địch, vì việc nghĩa chỉ tiến không lùi, vì nhân dân quyết tâm trừ hại. Tiếp liền sau đó ông nêu ra sáu tội trạng chủ yếu của Thương Trụ Vương: đam mê tửu sắc, sủng hạnh Đát Kỷ; Thuế cao sưu nặng, vợ vét của dân; chơi bời ngông cuồng, bỏ bê triều chính, hình nghiêm phép độc, tàn sát nhân dân, xem nhẹ quỷ thần, không cúng tiên tổ; tin nịnh ghét hiền, trọng dụng kẻ gian. Tiếp đó, Chu Vũ Vương tuyên bố:

- Ngày nay ta là Cơ Phát trừng phạt Thương Trụ Vương là thay trời hành đạo, ta đại diện cho người nhà trời tới trừng phạt hần!

Việc động viên trước khi vào trận của Chu Vũ Vương, quả nhiên đã thu được hiệu quả có kỳ hạn. Sĩ khí của quân nhà Chu vốn đã dâng cao nay lại được cổ vũ mạnh mẽ, đã khiến cho các binh sĩ càng thêm căm hận tội ác của Ân Trụ. Do đó vạn quân đồng lòng, cùng chung uất hận, dũng cảm lao vào cuộc chiến đấu tiêu diệt nhà Ân.

Quân nhà Chu lính mạnh ngựa khỏe, ý chí chiến đấu của binh sĩ bừng bừng sôi sục, tình cảm kích nộ phần hận. Chu Vũ Vương chỉ huy kiên định, điều khiển tài tình. “Ba ngàn người vũ sĩ, ba trăm chiếc nhung xa” làm quân tiên phong như mưa tràn bão giạt xông vào chém giết quân Trụ. Thương Trụ Vương đã điều động mười bảy vạn binh mã, đối mặt với thế tấn công như vũ bão của quân Chu, không chịu đựng nổi một trận, số nô lệ bị cưỡng bức tòng quân kia, căn bản không muốn bán mạng cho Trụ Vương. Khi hai quân đối trận, chúng nhốn nháo bỏ chạy hoặc hạ vũ khí đầu

hàng, coi Chu Vũ Vương là vị cứu tinh có thể cứu vớt chúng ra khỏi biển lửa, chúng đã dẫn quân Chu đánh vào Triều Ca. Trụ Vương nhìn thấy tình thế nguy cấp, đã quay mình chạy về Vương Cung, tuyệt vọng trèo lên Lộc Đài, nhảy vào lửa tự thiêu rồi chết. Dân chúng trong Thương Đô Triều Ca hân hoan sung sướng nghênh đón Chu Vũ Vương vào thành. Vũ Vương chạy tới dưới chân Lộc Đài, bắn ba mũi tên vào thi thể Trụ Vương, lại dùng hoàng phủ chặt đứt đầu lâu của Trụ Vương, treo cao trên đỉnh cờ Thái Bạch để biểu thị tội ác nhiều bề của Thương Trụ Vương, hiện tại đã bị trừng trị để báo cho thiên hạ được rõ.

### **DỪNG ÂN TRỊ ÂN, CHIA RA ĐỂ TRỊ**

Chu Vũ Vương giành được thắng lợi trong cuộc chiến tranh, giang sơn đã được đổi họ, chính quyền về tay. Thế nhưng cuối cùng liệu có thể được sự thừa nhận và ủng hộ của bàn dân thiên hạ hay không thì lại là một việc khác. Vũ Vương đã nhận thức được rất rõ ràng về điểm này. Cho nên bước sang ngày thứ hai sau khi diệt Ân, Vũ Vương liền ra lệnh cho mọi người quét dọn đường phố, tu sửa xã tắc, lập tức cử hành nghi thức lên ngôi rất long trọng. Nhà Chu từ đây đã là chúa chung của thiên hạ. Hành động này của Chu Vũ Vương đã có tác dụng không thể đánh giá thấp đối với việc tăng sâu ảnh hưởng đối với nhà Chu trong tâm mắt mọi người trên mặt tâm lý.

Chu Vũ Vương nhận thức được việc sáng nghiệp khó khăn, giữ được thành quả càng khó khăn hơn. Bởi vì Chu vốn là một nước nhỏ ở phía Tây là thuộc hạ của nhà Ân, muốn thực hiện được nền thống trị có hiệu quả đối với vùng đất rộng lớn vừa chiếm lĩnh được, với điều kiện lịch sử nước đó là điều khó có thể làm được. Đặc biệt là ở hang ổ cũ của nhà Ân - thành trì của vua Ân xây dựng lên chính quyền mới, võ về phủ dụ được dân chúng sống sót của Ân càng là điều khó khăn lắm. Để giải quyết khó khăn này, Chu Vũ Vương đã thương lượng với Chu Công, tiếp thu ý kiến của các di lão [10] nhà Ân, dùng người Ân trị người Ân, chia để trị, đem đất đai trong vương kỳ nhà Ân chia ra làm ba khu vực, trong đó một khoảnh đất ở phương Bắc trao cho Vũ Canh, con trai của Trụ Vương, do Vũ Canh thực

thi việc thống trị. Cách làm này của Chu Vũ Vương đã không những không giết Vũ Canh, mà còn phong địa bàn cho Vũ Canh, để cho Vũ nổi dõi hương hỏa tổ tông, thống trị dân sống sót của nhà Ân ở trong địa phận. Cho dù chỉ là kế tạm thời bất đắc dĩ phải thi hành, thế nhưng đây lại chính là điểm cao minh sáng suốt trên mặt chính trị của Chu Vũ Vương. Bởi vì Vũ Canh ra mặt cai trị người Ân, dễ dàng được dân chúng tiếp nhận hơn là người Chu trực tiếp thi hành việc thống trị.

Để phủ dụ vỗ về lòng dân, Chu Vũ Vương lại sử dụng một loạt biện pháp như thả tù phạm, cứu tế dân nghèo. Căn cứ vào ghi chép trong “Sử ký - Chu bản kỷ” nói: Chu Vũ Vương hạ lệnh cho Chiêu Công vào nhà giam nói lỏng dây trói cho Kỳ Tử là thứ huynh của Trụ Vương; ra lệnh cho Hoa Công thả dân chúng từ trong đại lao ra, rồi lại tới những khu nhà cũ Thương chứa chấp những hiền thần nhà Ân tiến hành khen ngợi; ra lệnh cho Nam Cung Thích phân phát tiền bạc của Lộc Đài và lương thực của Cự Kiêu cứu tế cho số dân không có cơm ăn áo mặc. Những cách làm trên đây của Chu Vũ Vương, rõ ràng thực sự đã khiến cho người Ân từng sống dưới ách thống trị của Trụ Vương đã được giải phóng ở một trình độ nào đó; đem ra so sánh, sống dưới chính quyền mới so đo với sự cấm cố của chính quyền cũ còn tốt đẹp hơn nhiều. Lẽ dĩ nhiên dân chúng vui vẻ tiếp thụ hơn.

Trong đại nghiệp tiêu diệt nhà Ân, Chu Vũ Vương còn bình công ban thưởng cho những thân tộc họ Cơ đã có cống hiến và những vị thần có công, trên mặt chính trị và kinh tế đã đem lại lợi ích cho các quý tộc, đã đổi lấy sự ủng hộ của họ đối với chính quyền mới.

Xuất phát từ sự củng cố chính quyền, để tiện cho việc thực hành nền thống trị có hiệu quả đối với vùng đất rộng lớn miền Đông mới chiếm hữu được, Chu Vũ Vương đã cùng Chu Công thảo luận vấn đề xây dựng kinh đô ở Lạc ấp (nay là thành Nội Vương thị trấn Lạc Dương, tỉnh Hà Nam) để đến nỗi tâm sự nặng nề nhiều đêm mất ngủ. Đáng tiếc là, Chu Vũ Vương còn chưa kịp làm thì không may đã quy tiên.

## 11. CHU CÔNG

### **DỐC LÒNG PHÒ VƯƠNG THẤT, CÔNG TÍCH PHỦ CHÁU CON**

Khổng Tử coi Chu Công là một trong những vị thánh hiền thời cổ đại được kính phục nhất, người nói: “Chu Công chi tài chi mỹ...” (Luận ngữ - Thái Bá) “Đáng tiếc ta đã yếu rồi! Đã lâu rồi ta không mộng được gặp Chu Công nữa”. Sau một đoạn thời gian không mộng thấy Chu Công đã cảm thấy cảm khái như vậy, có thể thấy được “Khổng Tử tưởng nhớ tới ngài đến mức nào”.

Chu Công là con trai của Chu Văn Vương, là em cùng mẹ của Chu Vũ Vương.

Suốt cuộc đời ông đã kinh lịch qua đoạn lịch sử vương triều thay đổi từ cuối Thương sang đầu Chu, phò tá Vũ Vương diệt Thương, sau khi Vũ Vương chết đã bình định bọn phản loạn “Tam Giám”, phân phong chư hầu, chế tác ra lễ nhạc, khôi phục chính quyền, lên làm vua. Ông là nhà mưu lược chính trị, quân sự kiệt xuất của giai cấp chủ nô lệ trong lịch sử Trung Quốc, hơn thế ông lại là người đa tài đa nghệ. Ông là người có cống hiến cực kỳ to lớn, có tác dụng thúc đẩy đối với sự phát triển lịch sử Trung Quốc, đã sản sinh ra ảnh hưởng rất lớn lao đối với rất nhiều nhân vật đại biểu của giai cấp thống trị và nền văn hóa truyền thống của Trung Quốc.

#### **PHÒ TRỢ CHU VŨ VƯƠNG DIỆT THƯƠNG**

Ở thời Văn Vương, Chu Công và Chu Vũ Vương đã tận tâm phò trợ Văn Vương trở thành chúa chung ở phương Tây, đặt cơ sở cho việc diệt Thương. Sau Chu Văn Vương, Chu Công lại là trợ thủ chủ yếu nhất, năm thứ hai sau khi Vũ Vương quan sát binh lính ở Mạnh Tân, dẫn quân tới tập kết ở Mục Dã, tiến hành đại hội quân đội tuyên thệ, chuẩn bị phạt Thương, lời tuyên thệ trong đại hội chính là do Chu Công làm ra. Toàn văn chia làm

hai phần: Phần thứ nhất là vạch trần tội ác của Thương Trụ. Phần thứ hai là thanh minh rõ tính chất chính nghĩa của việc phạt Thương, tuyên bố kỷ luật chiến trường, động viên binh lính dũng cảm chiến đấu. Sau khi Trụ Vương bước lên Lộc Đài tự thiêu, Chu Công lại chủ trì nghi thức long trọng, tuyên bố trước trời đất và Ân dân những tội trạng của Trụ Vương, chính thức bố cáo sự diệt vong của Ân Thương, xây dựng lên triều đình nhà Chu, Vũ Vương làm Thiên tử.

## **DẠY DÂN KÍNH ĐỨC, CAI TRỊ QUỐC GIA**

Chu Công từng nhận thức một cách nhanh nhạy và sâu sắc những nguyên nhân căn bản khiến Thương Trụ diệt vong và nhà Chu hưng khởi là ở lòng dân hướng về. Trong cuộc chiến tranh ở Mục Dã, người Ân đi đầu trong việc hạ vũ khí, mười bảy vạn quân đội của Thương Vương đã lập tức tan rã trước sự tiến công của bảy vạn quân Chu Vũ Vương, đã khiến cho Chu Công nhận thức được uy lực lớn lao của sức mạnh dân chúng, ông đã từng dùng lời của cổ nhân nói: “Nhân vô vu thủy giám, đương vu dân giám. Kim duy Ân trụ quyết mệnh. Ngã khởi khả bất đại giám phủ vu thời!” (“Thượng Thư - Tào Cửu”), ý nghĩa là: Con người không những cần phải quan sát hình tượng của mình ở trong nước. Kẻ thống trị càng cần phải quan sát hình tượng của mình ở trong chỗ dân chúng. Sự diệt vong của quốc gia Ân Thương sao chúng ta lại không thể thực sự tổng kết bài học lịch sử này? Ông chủ trương tổng kết kinh nghiệm lịch sử, dùng nhân dân làm tấm gương soi. Điều này trong lịch sử của ba ngàn năm trước là một thuật thống trị chính trị rất cao minh.

## **PHÂN HOÁ TAN RÃ DÙNG ÂN TRỊ ÂN**

Sau khi diệt Thương, việc xử trí chủ nô lệ Ân Thương và lớp quý tộc thượng tầng như thế nào, đó là một vấn đề bức thiết khẩn cấp trước mắt của nhà Chu. Nếu làm không tốt chúng sẽ có thể tập hợp lại bất kỳ lúc nào để tiến hành những hoạt động khôi phục ngôi vua, đó là một sự uy hiếp đối với chính quyền nhà Chu mới được xây dựng. Ý tứ của Khương Thượng là

hoàn toàn phải giết hết, ý kiến của Chiêu Công là kẻ có tội thì giết, người vô tội thì để lại. Cả hai loại sách lược này Vũ Vương đều không nhất trí, liền tới tìm Chu Công. Đối với lịch sử của triều nhà Thương, Chu Công rất thông thuộc, từ trong đó đã rút ra được rất nhiều kinh nghiệm thống trị. Chu Công nói, hãy cứ để cho người Ân ở yên tại nơi họ vốn đang cư trú, cấy trồng những ruộng đất vốn có của họ, để tranh thủ lấy những người có nhân đức, có ảnh hưởng trong số người Ân. Những sách lược đem lại con đường sống sắp đặt tại chỗ, phân hóa tan rã như thế này đã được Vũ Vương rất tán thưởng.

Sau khi cướp được chính quyền, để thống trị những dân Ân ngang bướng, Chu Công trước sau đã phát bố các loại thông báo. Ví dụ như “khang cáo” mục đích là ổn định dân Ân, nêu gương sáng, thận trọng khi xử phạt, chỉ rõ tiên vương của nhà Ân cùng yêu dân, bảo vệ dân. Đòi hỏi người Ân thông qua việc cải tạo thi hành pháp luật nhà Chu để trở thành người “dân mới”. “Tử Tài” cũng là đề xướng đức sáng, phản đối “vua sau giết dân”, cho rằng phải chuyên cần với đức sáng, bảo vệ dân mới có thể “làm vua vạn niên”. Những thông báo này đã ổn định được dân Ân, không để cho dân Ân lưu lại hình tượng nghiệt sát, xử phạt phải thận trọng. Đây là những mưu lược mà Chu Công tiến hành thống trị đối với kẻ bị chinh phục. Đối với tù binh, sử dụng đòn tâm lý chiến kết hợp ân uy. Đồng thời với việc thực hành những chính sách này, Chu Công còn vận dụng biện pháp khống chế và giám đốc, không để cho những dân Ân ngang bướng có cơ hội mưu phản, khiến cho chúng phải dần dần thần phục sự thống trị của vương triều nhà Chu, không có kẻ nào dám chống lại, từ đó vương triều nhà Chu đã được củng cố.

Sau khi Vũ Vương chết, Thái tử Tụng kế vị, gọi là Thành Vương. Thành Vương còn nhỏ tuổi, Chu Công suy nghĩ tới quốc gia mới thành lập, trong buồn lo, ngoài sợ sệt, tình thế phức tạp. Chu Công đã xuất phát từ đại cục quốc gia, đã chấp chính xưng vương. Để cho sự cai trị của nhà Chu được lâu dài, Chu Công đã bình định “loạn Tam Giám”, xây dựng lên nhà Chu, lại chế lễ làm nhạc để cai trị đất nước. Trong mưu lược thống trị Tây Chu,



điểm đột xuất nhất là một loạt hệ thống “Lễ” và “Hình” do Chu Công chế định ra. “Lễ” dùng trong nội bộ những người thống trị, “Hình” dùng để cai trị nô lệ. Tác dụng của Lễ ở chỗ duy trì bảo vệ đẳng cấp trong nội bộ quý tộc, quan hệ quân thần, quan hệ gia đình, tế lễ thần linh trên trời. Tất cả mọi hoạt động đều phải dựa theo lễ nghi cố định mà tiến hành. “Định thân sơ, quyết hiềm nghi, biệt đồng dị, minh thị phi” (“Lễ ký – Điển lễ thượng”). “Hình” dùng để đối phó với sự phản kháng của nô lệ, như mặc hình (tức là hình phạt thích chữ bôi mực lên mặt), tì hình (cắt mũi), cung hình (phá hoại cơ năng sinh dục), phì hình (chặt đứt cả hai chân) và đại tích (chặt đầu) v.v... Hình không áp dụng đối với quý tộc, chỉ dùng đối với nhân dân lao động lớp dưới. Hệ thống tư tưởng thống trị “Lễ” và “Hình” này bắt đầu ở Tây Chu đã trở thành quy định chuẩn tắc mà giai cấp thống trị áp dụng trong xã hội phong kiến suốt mấy ngàn năm sau này.

Năm thứ bảy Thành Vương, Chu Công thoái vị, đem vương quyền triệt để trao trả cho Thành Vương. Suốt cuộc đời Chu Công vì sự xây dựng và củng cố triều đình nhà Chu đã có những cống hiến kiệt xuất. Thuật thống trị chính trị của ông, tài năng mưu lược quân sự của ông, các phương lược cai trị đất nước của ông đều có ảnh hưởng rất sâu sắc đối với hậu thế.



## 12. TÁN NGHI SINH

### TRIỀU CA DÂNG MỸ NỮ, DIỆU KẾ CỨU VĂN VƯƠNG

Tán Nghi Sinh là công thần khai quốc của Tây Chu. Ông đã dùng mỹ nhân kế cứu được Tây Bá thoát cơn nguy hiểm, phò tá Vũ Vương diệt Thương, là một hiền thần rất có tài năng mưu lược.

Thương Trụ là một bạo quân khét tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Trụ “bỏ ruộng để làm vườn hoa khiến cho dân chúng không có cơm ăn áo mặc” (“Mạnh Tử - Đấng văn Công hạ”). Tốn thời gian suốt bảy năm trời xây dựng Lộc Đài ở Triều Ca, chu vi ba dặm, cao tới ngàn thước. Trèo lên Lộc Đài như ngắm cảnh tiên, phóng tầm mắt ra xa tận thu phong cảnh Triều Ca vào trong đáy mắt. Ra lệnh cho chư hầu khắp bốn phương tuyển chọn nhiều mỹ nữ chất chứa đầy trong hoàng cung để sai khiến sử dụng. Lại học theo bạo quân Hạ Kiệt, đào các hồ ở trong cung, trong hồ đổ đầy rượu ngọt, gọi là hồ rượu. Trên những cây cối ven hồ treo những miếng thịt, rồi gọi là rừng thịt. Trụ Vương lại ra lệnh cho trai gái ở trong cung cởi hết quần áo ra nhảy xuống hồ, hòa theo tiếng nhạc dâm đãng, đeo đuổi bốn cột nhằm nhí, hành lạc suốt đêm dài (Xem “Sử ký - Ân bản kỷ”). Do vì Cơ Xương Tây Bá bất mãn với hành vi bạo ngược của Trụ Vương, Trụ Vương liền hạ lệnh đem Tây Bá nhốt vào nhà tù ở Dữu Lý (tức là Dũ Lý, ở phía Bắc Thang Âm ngày nay).

Người con trai cả của Cơ Xương Tây Bá là Bá Ấp Khảo đã đem công việc trong triều phó thác cho người, rồi tới Ân đô Triều Ca lo việc cứu Cơ Xương. Lúc đó Tán Nghi Sinh biết Trụ Vương tàn bạo vô cùng, lần đi này của Bá Ấp Khảo lành ít dữ nhiều, khuyên Bá Ấp Khảo đừng đi để rước lấy cái chết uổng mạng. Thế nhưng Bá Ấp Khảo một lòng muốn cứu phụ vương, đã quyết chí lên đường. Quả nhiên, Trụ Vương đã hạ độc thủ đối

với Bá Ấp Khảo, đem róc thịt Bá Ấp Khảo, nấu thành canh đem cho Cơ Xương ăn, lấy đó để thử thách Cơ Xương có tâm dạ chống lại hay không.

Bá Ấp Khảo bị giết, các quan văn võ trong triều đều kinh hoàng thất sắc. Đại tướng Nam Cung Thích kiến nghị dẫn quân đánh vào Triều Ca. Lúc này, Tán Nghi Sinh khuyên can nói:

- Quốc quân đang bị tù phải nhẫn nhục để mưu đồ việc lớn. Trưởng Công tử bị giết hại chết thảm, đã là chuyện nằm trong dự liệu, không nghe lời khuyên can, kết quả là đã đem lại khó khăn mới cho quốc quân. Nếu bây giờ lại cất quân tiến đánh, khẳng định là Trụ Vương sẽ giết hại Quân vương.

Các quan đại thần trong triều mới bàng hoàng tỉnh ngộ. Tức thì Tán Nghi Sinh liền dựa vào những người là cận thần trong Thương triều gần gũi với Trụ Vương đề xuất ra mưu kế để cứu Tây Bá. Trụ Vương hoang dâm vô đạo, đặc biệt hám nữ sắc, sùng tín nịnh thần, liền dùng trọng lễ hối lộ sủng thần của Trụ Vương là Phí Trọng, Vưu Hồn, cầu mong họ nói cho lời tốt ở trước mặt Trụ Vương để cứu Tây Bá ra. Các quan đại thần cho là có lý đã lấy vàng ngọc châu báu ở trong kho ra, sai người đóng làm thương nhân, đem lễ vật tới tặng cho Phí Trọng và Vưu Hồn. Sau năm ngày Tán Nghi Sinh lại đem lễ vật càng phong phú và mỹ nữ xinh đẹp tới Triều Ca. Trụ Vương nhìn thấy mỹ nữ họ Hữu Tuy đến, hấn vô cùng sung sướng nói:

- Có người con gái đẹp như thế này đã đủ để ta tha cho Tây Bá rồi, làm gì cần phải có nhiều mỹ nữ và báu vật đến như thế? (Xem “Sử ký - Chu bản kỷ”), tức thì liền hạ lệnh thả Tây Bá ra. vẫn để cho làm Tây Bá, còn thưởng cho một lá cờ trắng, một phủ việt màu vàng, để cho Tây Bá trấn thủ biên thùy phía Tây, trừng phạt những kẻ phản nghịch.

Về sau này, trong công cuộc diệt Thương của Chu Vũ Vương, Tán Nghi Sinh cũng là một trong những mưu thần quan trọng.

## 13. TRỊNH TRANG CÔNG

### TƯƠNG KẾ TỰU KẾ, DIỆT EM GIAM MẸ

Trịnh Trang Công là vua nước Trịnh trong thời Xuân Thu, ở ngôi từ năm 743 đến năm 701 trước Công nguyên. Cha của Trang Công là Trịnh Vũ Công (tức Quật Đột). Mẹ của Trang Công là Vũ Khương, con gái của Thân hầu (Thân là vùng Đông Bắc thị trấn Nam Dương tỉnh Hà Nam ngày nay). Lúc Trang Công ra đời, vì đẻ khó đã làm cho bà Vũ Khương kinh sợ, cho nên đặt tên là “Ngộ Sinh”, từ đó bà mẹ không thích Trang Công. Thế nhưng Trang Công có nhiều tâm kế, giỏi mưu lược, sau kế vị ngôi vua, nước Trịnh đã trở thành một trong những nước chư hầu cường thịnh nhất ở đầu thời Xuân Thu.

### TƯƠNG KẾ TỰU KẾ, ĐÁNH ĐOẠN Ở YÊN

Trịnh Trang Công và người em là Công Thúc Đoạn cùng một mẹ sinh ra. Bởi vì bà mẹ không yêu quý Trang Công, nhiều lần nói trước mặt Vũ Công rằng con thứ Công Thúc Đoạn là người hiền tài, nên lập làm người kế thừa. Vũ Công không bằng lòng, vẫn lập Ngộ Sinh làm thế tử. Mưu kế của Khương Thị không thành, vẫn không cam tâm. Sau khi Trang Công kế vị, bà mẹ lại bức ép Trang Công đem Kinh Thành (ấp của nước Trịnh, ở phía Đông Nam huyện Vinh Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay) phong cho Thúc Đoạn.

Ở Kinh Thành, Thúc Đoạn tăng cường phát triển mở rộng thế lực của mình, bàn mưu với Khương Thị chuẩn bị trong ứng ngoài hợp, đánh Trịnh cướp lấy chính quyền.

Trịnh Trang Công thừa biết việc kế vị của mình là điều làm cho quốc mẫu rất không vui, đối với âm mưu trong ứng ngoài hợp cướp đoạt chính

quyền mà Khương Thị và Thúc Đoạn mưu đồ cũng nhìn thấy rất rõ ràng. Thế nhưng Trịnh vẫn không hề biểu lộ thái độ, đã sử dụng mưu kế “tri giả bất ngôn” - Người hiểu biết không cần nói (“Trang Tử - Chương ngũ thập lục”) “Tương dục phế chi, tất cố cử chi”, “Tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi” - Sắp phế bỏ hẳn, tất phải tấn cử hẳn, sắp cướp đoạt hẳn, tất phải giữ chắc hẳn - (“Lão Tử - Tam thập lục chương”), trước hết thi hành mưu lược kín đáo, đợi thời cơ phá hẳn. Quan đại phu nước Trịnh là Tế Trọng nói với Trịnh Trang Công báo cáo:

- Thúc Đoạn chiêu binh mãi mã, mở rộng thành trì, sẽ có thể đem lại phiền phức cho nước Trịnh.

Ngược lại, Trang Công đã trả lời:

- Đây là ý của quốc mẫu ta.

Tế Trọng kiến nghị Trang Công phải hạ thủ trước để trừ bỏ mầm họa ẩn tàng. Trái lại, Trang Công nói:

- Người hãy cứ chờ đợi xem.

Thúc Đoạn lại chiếm lĩnh hai thành nhỏ ở gần kinh thành. Công tử Lữ là quan đại phu nước Trịnh nói:

- Một nước không thể có hai vua, bệ hạ muốn làm như thế nào? Nếu bệ hạ muốn trao đại quyền cho Thúc Đoạn thì lũ chúng tôi sẽ tới làm đại thần cho ông ta. Nếu không dự định trao quyền, thì phải trừ bỏ ngay. Không thể để cho dân chúng có nhị tâm được.

Trang Công giả vờ bực tức nói:

- Việc này người không cần quan tâm tới.

Trịnh Trang Công biết, nếu hành động quá sớm, tất sẽ vấp phải lời dị nghị của người ngoài, rằng ông ta là người bất hiếu bất nghĩa. Do đó, Trang Công cố ý để cho âm mưu của Thúc Đoạn tiếp tục bộc lộ. Mãi cho tới khi Thúc Đoạn và Khương Thị mật mưu trong ứng ngoài hợp, mới ra lệnh cho công tử Lữ kéo quân tới đánh kinh thành. Thúc Đoạn chạy trốn tới Yên (địa danh của nước Trịnh, nay là huyện Yên Lãng tỉnh Hà Nam). Trịnh Trang

Công đánh Yên, Thúc Đoạn lại chạy trốn tới Cộng (tên nước, đô thành ở huyện Huy tỉnh Hà Nam ngày nay). Trịnh Trang Công lại đem bà mẹ Khương Thị xúi bẩy Thúc Đoạn làm loạn giam ở Thành Dĩnh (ấp của nước Trịnh, nay ở Tây Bắc, Lâm Dĩnh tỉnh Hà Nam) còn phát ra lời thề “Không xuống suối vàng, sẽ không gặp mặt!”.

### **MAI PHỤC DỤ ĐỊCH, ĐÁNH BẠI BẮC NHUNG**

Năm 714 trước Công nguyên, bộ lạc Bắc Nhung thừa cơ các nước chư hầu Trung nguyên chiến tranh hỗn loạn nhiều năm đã xâm phạm vào phía Nam nước Trịnh. Trịnh Trang Công đích thân dẫn quân chống cự. Lúc đó binh lính Bắc Nhung ngoan cường kiêu dũng, mà địa hình lại không lợi cho việc quân đội nước Trịnh đánh lên phía Bắc. Trịnh Trang Công biết rõ sự lợi hại hơn thiệt giữa ta và địch, rất lấy làm lo lắng. Công tử Đột đã phân tích tường tận những nhược điểm của quân Nhung, rồi hiến kế với Trịnh Trang Công, cho rằng phải đặt quân mai phục để dụ địch, phân chúng ra để tiêu diệt chúng. Trịnh Trang Công cũng cho rằng kế này rất hay, tức thì đã đặt quân mai phục ở ba nơi, cử quan đại phu Chúc Đan dẫn một cánh quân xuất trận đòi đánh, rồi giả vờ thua để dẫn dụ quân Nhung. Quả nhiên, quân Nhung không biết đó là kế, bị dụ vào khu vực có quân Trịnh mai phục. Phục binh của quân Trịnh ở ba nơi chia quân Bắc Nhung ra thành mấy đoạn để đánh, khiến cho đầu cuối của chúng không cứu được nhau. Chúc Đan lại dẫn quân đánh quật trở lại tạo thành thế đánh khép gọng kìm vào trước sau của quân Bắc Nhung.

### **VIỄN GIAO CẬN CÔNG, TRANH HÙNG THIÊN HẠ**

“Viễn giao Cận Công” được đăng tải trong “Chiến quốc sách – Tần sách”, là một loại mưu lược ngoại giao do Phạm Thư hiến kế cho Tần Vương đề xuất ra. Thế nhưng vận dụng cụ thể mưu lược này đã được bắt đầu ở thời Trịnh Trang Công cách hai trăm năm về trước. Chu Bình Vương rời đô sang phía Đông tới Lạc Ấp, nhà Chu suy yếu, các nước tranh hùng.

Nước Trịnh Đông giáp nước Tống, Bắc giáp nước Vệ, nước Trịnh với hai nước Tống, Vệ đều có mâu thuẫn, luôn luôn có nguy hiểm bị Tống, Vệ đánh khệp gọng kìm. Trịnh Trang Công nắm chắc thời cơ thân thiện với nước Lỗ, chủ động cử quan đại phu là Uyên tới nước Lỗ, biểu thị bằng lòng đem Bành Thành (Thành cũ, ở phía Đông Nam huyện Phí tỉnh Sơn Đông ngày nay, cách nước Lỗ tương đối gần) giao cho nước Lỗ, nên đã cải thiện được mối quan hệ với nước Lỗ.

Nước Tề ra mặt nói hòa với Trịnh, Tống. Mối mâu thuẫn giữa Trịnh Trang Công với Tống vốn là không thể hòa giải được, thế nhưng ông đã linh hoạt biểu thị tôn trọng ý nguyện của nước Tề bằng lòng kết liên minh với Tống và Vệ, tiến thêm một bước là đã giành được cảm tình tốt với Tề.

Trịnh Trang Công đã đạt được mục đích viễn giao với hai nước Tề, Lỗ, đã khiến cho Tống, Vệ mất hết đồng minh, sa vào thế cô lập, liền bắt đầu thực thi kế hoạch cận công (đánh gần) Tống, Vệ, cuối cùng đã khiến cho hai nước Tống, Vệ phải khuất phục.

## **ĐÁNH ĐỊCH YẾU TRƯỚC, ĐẠI THẮNG QUÂN CHU**

Thế lực của Trịnh Trang Công càng ngày càng lớn mạnh, không coi Chu Bình Vương ra gì. Sau khi Chu Hoàn Vương chấp chính, Trịnh Trang Công dứt khoát không tới triều kiến. Năm 707 trước Công nguyên, Chu Hoàn Vương đích thân thống lĩnh quân Chu cùng quân đội bốn nước Trần, Tháo, Quắc, Vệ tiến đánh nước Trịnh. Trịnh Trang Công bày thế trận ở Nhu Cát (nay là phía Bắc huyện Trường Cát tỉnh Hà Nam). Lúc đó quân Chu chia làm ba cánh, Chu Hoàn Vương thân dẫn tả quân và quân đội nước Trần, cố hết sức chinh phục Trịnh Trang Công. Tử Kháng hiến kế với Trịnh Trang Công, nói rằng nước Trần cục thế bất ổn, binh lính không muốn đánh trận. Cho nên phải trước hết đánh quân đội nước Trần, có thực lực yếu nhất, quân Trần tất sẽ bỏ chạy tán loạn. Quân Trần vừa tan vỡ, thế trận quân Chu tất sẽ loạn. Lực lượng Sái, Vệ mỏng và yếu nhất định sẽ rút lui trước. Lúc đó sẽ tập trung lực lượng tiến đánh quân Chu thì có thể thắng được. Trang

Công đã làm theo kế đó. Quả nhiên, quân Trần vừa đụng vào đã tan, quân Sái, Vệ cũng hoảng hốt rút khỏi chiến trường. Ba cánh Tả quân, Trung quân và Hữu quân của Trịnh lập tức tập trung công kích quân Chu, càng đánh càng mạnh, quân Chu đại bại. Chu Hoàn Vương bị một mũi tên của quân Trịnh bắn trúng bả vai, phải nhịn nhục đau đớn, chỉ huy quân đội tháo chạy ra khỏi vòng vây. Chúc Đan muốn bắt sống Chu Hoàn Vương. Lúc này Trang Công lại giả nhân giả nghĩa nói: “Chúng ta là tự vệ, không thể làm Thiên tử nhục nhã”. Sau cuộc chiến, để biểu thị tôn trọng nhà vua, Trịnh Trang Công còn cử đặc sứ tới hỏi thăm uly lạo Chu Hoàn bị thương. Từ đó Chu Hoàn Vương mất hết uy tín. Nước Trịnh đã trở thành nước chư hầu cường thịnh nhất ở Trung nguyên lúc đó.

## 14. QUẢN TRỌNG

### LẬP CHIẾN LƯỢC TỔNG THỂ, ĐỊNH BÁ TỀ XUÂN THU

“Tối nan Bào Thúc năng chi Quản, Thảng dụng Di Ngô định bá Tề”. Hai câu thơ này là của Liễu Á Tử, nhà thơ nổi tiếng, kể về một sự thực lịch sử khiến cho người ta tỉnh ngộ sâu sắc vào thời đầu Xuân Thu. Chữ “Quản” và chữ “Di Ngô” trong câu thơ đều chỉ về danh tướng Quản Trọng của nước Tề. Ông đã phò tá Tề Hoàn Công chấn hưng nước Tề, xưng bá Trung nguyên, là một nhà chính trị tiên bộ dẫn đầu việc đề xướng và đẩy mạnh cải cách xã hội ở thời đại Xuân Thu, cũng là một nhà mưu lược có những cống hiến mang tính chất khai thác đối với học thuyết quân sự, đặc biệt là những lý luận chiến lược quốc gia.

Quản Trọng tên gọi là Di Ngô, tự là Kính Trọng. Do vì Tề Hoàn Công tôn là “Trọng Phụ”, vì thế nên người đời mới gọi ông là Quản Trọng, ông là người Dĩnh Thượng nước Tề (nay là phía Nam huyện Dĩnh Thượng tỉnh An Huy). Đại đế là ông sinh vào năm 730 trước Công nguyên, mất vào năm 645 trước Công nguyên, sống vào thời đại xã hội biến loạn, chiến tranh liên miên. Những năm tuổi trẻ của Quản Trọng, gia cảnh bần hàn, đường quan trắc trở, ba lần ra làm quan thì ba lần bị bãi miễn. Thế nhưng sau khi bước vào tuổi trung niên, thời lai vận chuyển, rộng mở tiền đồ, dựng lên nghiệp lớn. Nguyên nhân, ngoài việc lý luận và thực tiễn của ông phù hợp với yêu cầu khách quan của sự phát triển lịch sử ra, còn bởi vì ông đã kết giao với một người bạn tên gọi là Bào Thúc Nha có phẩm đức cao thượng lại có tài năng hiểu biết sáng suốt, lại gặp được nhà vua Tề Hoàn Công có hùng tài đại lược, biết rộng lượng thu dụng người hiền tài.

Căn cứ vào ghi chép của “Sử ký”, khi Quản Trọng nghèo khó luôn luôn chiếm phần lợi của Bào Thúc Nha. Còn Bào Thúc Nha thì nhận định rằng Quản Trọng là con người có hoài bão to lớn và tài năng trị nước, nên đã



luôn luôn nhiệt tình giúp đỡ Quán Trọng. Hai người đã hợp tác làm ăn buôn bán, Quán Trọng luôn luôn lấy nhiều lợi nhuận cho mình, những người giúp việc cho Bào Thúc Nha trong lòng bất bình. Bào Thúc Nha đã phải giải thích giúp cho Quán Trọng rằng: Quán Trọng sở dĩ phải làm như vậy bởi vì gia cảnh nghèo túng, chứ không phải là loại người tham lam. Quán Trọng giúp đỡ Bào Thúc Nha làm việc, đã làm hư hỏng các việc. Bào Thúc Nha cho rằng đó không phải là Quán Trọng ngu đần, mà là chưa gặp được thời cơ thuận lợi. Quán Trọng ba lần bị bãi quan, Bào Thúc Nha cho rằng không phải là Quán Trọng không có bản lĩnh, mà là cảnh ngộ chẳng may. Đối với phẩm đức và tài năng hiểu biết của Bào Thúc Nha, Quán Trọng vô cùng bái phục, nói: “Người sinh ra ta là cha mẹ ta, người hiểu được ta, chính là Bào tử vậy” (Xem “Sử ký - Quán Trọng liệt truyện”).

Khi Tề Tương Công Khương Chư Nhi tại vị (năm 697 đến 686 trước Công nguyên), Quán Trọng và Bào Thúc Nha phân biệt làm sư phụ cho công tử Củ và công tử Tiểu Bạch. Tề Tương công hoang dâm bạo ngược, thậm chí vì việc thông dâm với em gái ruột là Văn Khương mà đã giết chết chồng em là Lỗ Hoàn Công, dẫn tới triều đình và dân chúng ly tâm, thất hòa với các nước láng giềng, nước Tề ở vào thời kỳ đặc biệt họa ở nước ngoài và rối ren ở bên trong. Công tử Tiểu Bạch có hùng tài đại lược “không có sự thận trọng thông minh nhỏ mà chỉ có nỗi lo lắng lớn”, do vì can gián mà bị Tề Tương Công đuổi ra khỏi triều đình. Bào Thúc Nha cho rằng “sắp làm loạn rồi đó”, liền sắp đặt kế hoạch cho công tử Tiểu Bạch chạy trốn sang nước cử đợi thời cơ ứng biến. Quả đúng như dự liệu, không lâu cục diện chính trị ở nước Tề đã phát sinh ra những biến động kịch liệt. Năm 686 trước Công nguyên, tướng quân nước Tề là Liên Xương, Quán chí Phụ đã giết chết Tề Tương Công, lập công tử Vô Tri lên làm vua. Quán Trọng với Triệu Hốt bảo vệ Công tử Củ chạy sang nước Lỗ tị nạn. Chỉ qua hơn một tháng, công tử Vô Tri lại bị bọn đại thần Ung Lãm v.v... giết chết, mưu lập vua mới. Nghe thấy tin này, Công tử Củ và công tử Tiểu Bạch đều muốn kế thừa ngôi vua, lập tức động thân trở về nước.

Quản Trọng và công tử Củ ngoài việc thỉnh cầu nước Lỗ cử quân hộ tống ra còn suy nghĩ tới việc nước Cử so với nước Lỗ gần nước Tề hơn, nếu Tiểu Bạch về tới nước Tề sớm hơn, thế chủ khách đã định, thì sẽ bị hãm vào thế bị động. Vì vậy đã thỉnh cầu Lỗ Trang Công cử binh, chặn đánh Tiểu Bạch ở giữa đường. Quản Trọng dẫn binh tới biên giới Tề Cử thì gặp Tiểu Bạch, đột nhiên một phát nỏ bắn trúng Tiểu Bạch. Theo tiếng nỏ Tiểu Bạch liền ngã lăn xuống ở trong xe. Kỳ thực, phát nỏ này chỉ bắn trúng vào cái móc của dây lưng. Tiểu Bạch trong nguy sinh trí, giả bộ trúng nỏ bị chết, đêm ngày vội vã trở về nước Tề, được các quan đại thần nước Tề lập nên làm vua, gọi là Hoàn Công. Quản Trọng và công tử Củ, Lỗ Trang Công cho rằng Tiểu Bạch đã chết, ngôi vua buông tay cũng giành được, nên đã dẫn quân bước đi rất chậm chạp. Chờ tới lúc quân Lỗ tiến vào biên giới nước Tề thì Tiểu Bạch đã lên ngôi được sáu ngày rồi, hơn thế đã bố trí đầy đủ cuộc tác chiến nghênh đánh quân Lỗ. Khi quân Lỗ tới Cán (nay là phía Bắc thị trấn Trung Bách tỉnh Sơn Đông), đã trúng phải mai phục của quân Tề, tiếp đó lại bị quân Tề cắt đứt mất đường về, hầu như toàn quân bị tiêu diệt. Lỗ Trang Công và công tử Củ, Quản Trọng, Triệu Hốt v.v... đều phải chạy trốn về nước Lỗ. Tề Hoàn Công đóng quân ở biên giới nước Lỗ, ra lệnh cưỡng bức Lỗ Trang Công giết chết công tử Củ, giao nộp Quản Trọng, Triệu Hốt. Lỗ Trang Công bị bức phải làm theo mọi điều. Sau khi công tử Củ bị giết ngay lập tức Triệu Hốt đã tự sát; Quản Trọng thì kiên trì quan điểm phải sống vì xã tắc nước Tề, không chết vì cá nhân, đã tự động bước vào trong xe tù. Tề Hoàn Công vốn muốn tự tay xử tử Quản Trọng để báo thù cho một mũi tên. Thế nhưng Bào Thúc Nha lại có tính toán khác. Xe tù của Quản Trọng tiến vào biên giới nước Tề, Bào Thúc Nha đã sớm chờ đón sẵn ở đó, lập tức sai người mở xe tù, cởi trói, rồi nói với Quản Trọng ý đồ muốn đem Quản Trọng tiến hiến cho Tề Hoàn Công. Sự việc này phát sinh ở Đường Phụ nước Tề. Trong biên giới huyện Mông Âm tỉnh Sơn Đông đến nay vẫn còn có Đình Di Ngô, truyền thuyết nói rằng đó chính là nơi năm xưa Bào Thúc Nha giải phóng cho Quản Trọng.

Tề Hoàn Công muốn dùng Bào Thúc Nha làm tướng, để cho Bào nắm giữ quyền chính. Bào Thúc Nha nhiều lần tạ từ, đồng thời hết sức tiến cử Quản Trọng. Bào nói Quản Trọng có tài năng trị quốc trị quân rất phi phàm, bản thân mình có năm mặt không bằng Quản Trọng. Đó là: “Ban ân huệ rộng rãi, thương yêu dân chúng”, “Cai trị đất nước không để mất chính quyền”, “Trung tín giữ phép tắc với các nước chư hầu”, “đặt ra lễ nghĩa giữ phép tắc với bốn phương”, “khí giới trống chiêng đặt trước cửa quân, khiến cho trăm họ càng thêm dũng cảm”. Bào Thúc Nha nói với Tề Hoàn Công:

- Nếu bệ hạ muốn cai trị nước Tề, có Cao Hê và thần thì đã đủ. Nếu muốn thành tựu nghiệp bá vương thì việc đó không thể không dùng tới Quản Trọng (Xem “Sử ký - Tề Thái Công thế gia”).

Tề Hoàn Công nói:

- Quản Trọng đích thân dùng nỏ bắn ta, hầu như muốn bắn chết ta. Con người như vậy có lẽ nào lại đáng dùng hay sao?

Bào Thúc Nha nhiều lần giải thích, nói rằng ý chí của Quản Trọng đặt ở “yên định xã tắc nước Tề”, “Thờ vua không thể hai lòng”, thế nhưng không phải là giữ lễ tiết của kẻ thất phu, ông ta không chết vì công tử Củ, điều đó đích thực đã nói rõ ràng ông ta bằng lòng phò tá Tề Hoàn Công chấn hưng nước Tề. Mũi tên bắn vào Tiểu Bạch chính là kẻ thần dân ai thờ chủ nấy. Nếu không tính đến thù riêng, trọng dụng Quản Trọng, chẳng những nước Tề được một vị tướng tài mà hiền sĩ bốn phương sẽ đều dốc tâm quy phục, việc thành tựu nghiệp bá vương sẽ có nhiều hy vọng. Cuối cùng Tề Hoàn Công đã tiếp nhận kiến nghị của Bào Thúc Nha, bổ nhiệm Quản Trọng làm tướng. Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng:

- Xã tắc có thể định được không?

Quản Trọng nói:

- Nếu bệ hạ có hùng tâm tráng khí sáng lập nghiệp bá vương, thì quốc gia có thể yên định được. Nếu không có loại hùng tâm tráng khí này, thì quốc gia không thể yên định được.

Tề Hoàn Công nói:

- Ta không dám có dã tâm lớn như vậy được, mà chỉ mong muốn làm cho quốc gia yên định mà thôi.

Quản Trọng lại một lần nữa trình bày đạo bá vương. Tề Hoàn Công có phản ứng lạnh nhạt, Quản Trọng liền nói với Tề Hoàn Công:

- Bệ hạ đã tha tội chết cho thần, đó là vận may của thần. Thế nhưng sở dĩ thần không chết vì công tử Củ, chính là vì muốn khiến cho nước Tề được cường thịnh hơn lên. Nếu không thể đạt được mục đích này, ăn không lộc của nước Tề, thì lại còn khó hơn là không chết với công tử Củ. Việc như vậy thì thần không dám làm đâu.

Nói xong liền phẩy áo bỏ đi. Tề Hoàn Công vội vã gọi Quản Trọng quay lại, mô hôi toát ra đầy mặt, nói:

- Thôi, đừng đi nữa, ta sẽ dựa theo chủ trương của thần, cố gắng thành tựu nghiệp bá.

Quản Trọng vội vã dập đầu vái lạy nói:

- Ngày nay bệ hạ đã quyết tâm sáng lập nghiệp bá vương thì thần xin tiếp nhận mệnh lệnh của bệ hạ.

Nói xong liền đứng dậy bước lên vị trí của tướng quốc. Hành vi phản ứng khác nhau này của Quản Trọng, những kẻ chuyên mưu cầu lợi lộc đích thực không thể so sánh được, nó đã biểu hiện phong độ của một nhà mưu lược lớn với tâm hồn lỗi lạc.

Tề Hoàn Công tuy trọng dụng Quản Trọng làm tướng, thế nhưng không phải là đã tin mà không nghi ngờ, đã phải trải qua một quá trình từ chỗ nửa tin nửa ngờ, rồi đến chỗ tin mà không nghi ngờ nữa. Tề Hoàn Công nóng lòng muốn được thành đạt, chủ trương trước hết “dùng binh lính và vũ khí”, chinh phục các nước chư hầu. Quản Trọng cho rằng, xã tắc nước Tề chưa yên định, dân chúng nghèo nàn khổ cực, phải nên “trước hết hãy cùng dân chúng cùng tàng trữ lực lượng”, “nội chính không tu sửa, thì ngoại sự không thể chắc chắn được”, “hậu với lính không bằng hậu với

dân”. Bào Thúc Nha cũng khuyên Tề Hoàn Công thu nhận ý kiến của Quản Trọng. Ngoài miệng Tề Hoàn Công bằng lòng, trên thực tế vẫn kiên trì theo ý kiến của mình, liên tục cất quân đánh Tống, đánh Lỗ, kết quả là đều bị bại trận. Đối mặt với cục diện này, Bào Thúc Nha lo lắng thay cho Quản Trọng, nói:

- Trước đây Hoàn Công bằng lòng để cho ông sáng lập nghiệp bá, ngày nay làm cho đất nước loạn lạc như thế này, ông dự định sẽ làm như thế nào?

Như mọi việc đã sắp đặt sẵn sàng, Quản Trọng không hề can gián mạnh mẽ,

Quản Trọng nói với Bào Thúc Nha:

- Hoàn Công là một con người cẩn thận, sáng suốt, lại có thể dạy dỗ được, chớ ngại chờ đợi một đoạn thời gian nữa để cho ông ta sẽ tự giác ngộ được!

Quản Trọng đã lợi dụng chức quyền của tướng quốc, tập trung sức lực theo đuổi công việc cải cách và xây dựng ở trong nước. Sau năm năm, nước Tề đại thịnh, nước giàu binh mạnh. Trải qua sự kiểm nghiệm về thất bại và thành công, cuối cùng Tề Hoàn Công đã nhận thức được mưu lược siêu quần của Quản Trọng, do đó đã lời theo kế thuận. Qua bảy năm cố gắng, nước Tề đã “Cửu hợp chư hầu, nhất khuông thiên hạ”, bắt đầu sáng tạo nên nghiệp bá Xuân Thu (Xem “Quản Tử” tập bảy).

Từ năm 686 đến năm 645 trước Công nguyên, Quản Trọng với chức vụ tướng quốc đã chấp chính nước Tề hơn bốn mươi năm, trong điều kiện lịch sử phi thường sáng tạo ra nghiệp tích phi phạm.

Lúc đó đặc điểm chủ yếu của điều kiện lịch sử xã hội là: Sự phát minh của đồ sắt đã được ứng dụng rộng rãi vào sản xuất, đã thúc đẩy được sự phát triển của sức sản xuất, dẫn tới sự thay đổi kịch liệt về chế độ xã hội. Khu vực Trung nguyên bắt đầu từ chế độ nô lệ quá độ sang chế độ phong kiến. Địa vị “Cộng chủ” của vương thất nhà Chu đã suy yếu, cuộc chiến tranh giành nghiệp bá giữa các nước chư hầu xảy ra liên miên. Hơn một

ngàn hai trăm nước được phong trong thời kỳ đầu Tây Chu, tới thời kỳ đầu Xuân Thu bị kiêm tính chỉ còn hơn một trăm sáu mươi nước. Thời kỳ cuối Xuân Thu chỉ còn lại hơn mười nước. Các dân tộc Nhung Địch ở phương Bắc, Kinh Sở ở phương Nam v.v... thừa cơ tiến vào khu vực Trung nguyên. Các dân tộc Trung Hoa trong cuộc giao tiếp và đấu tranh lẫn nhau đã thực hiện cuộc đại giao hòa lần thứ nhất. Do đó, mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giữa các tập đoàn chính trị đã kết giao xen kẽ nhau rất phức tạp. Trong cuộc đấu tranh mâu thuẫn này, ngoài chiến tranh ra, họ còn sử dụng hình thức các loại đấu tranh kinh tế, chính trị, ngoại giao v.v... Yêu cầu đối với tư tưởng mưu lược và nhân tài mưu lược đã được nâng cao lên một mức độ mới. Đây là một thời đại sôi nổi chưa từng thấy của những tư tưởng mưu lược và những ngôi sao sán lạn của những nhân tài mưu lược.

Quản Trọng chính là một nhân vật lịch sử được sinh ra đúng vào thời đại đó. Trong mọi lĩnh vực mà ông phò tá Tề Hoàn Công như chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao v.v... để chấn hưng nước Tề, xưng bá chư hầu đều biểu hiện tài năng phi phàm, và trong thực tiễn đã kế thừa và phát triển tư tưởng mưu lược của Y Doãn và Khương Thượng. Ông đã dốc sức phò trợ những phương lược trị quốc đồ bá do Tề Hoàn Công chế định, dùng việc đẩy mạnh cải cách xã hội làm thủ đoạn, lấy dân giàu binh mạnh làm quốc sách cơ bản, lấy việc xưng bá chư hầu làm mục tiêu chiến lược. Trong những bước thực thi, trước hết tu sửa nội chính để làm cho dân giàu binh mạnh, sau làm các việc ở bên ngoài để xưng bá chư hầu. Dùng lời nói hiện đại, đây chính là “chiến lược tổng thể”, “chiến lược quốc gia”, bao gồm các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao và các giai đoạn phát triển.

Phương châm chiến lược trị quốc đồ bá của Quản Trọng, đối nội lấy việc dân giàu binh mạnh làm mục tiêu, trong các lĩnh vực xã hội đã thực hành cải cách toàn diện, trước hết bắt đầu từ việc làm cho dân giàu. Quản Trọng cho rằng: “Đạo trị quốc tất trước hết phải làm cho dân giàu” (“Quản Tử” quyển 15). “Dân giàu binh mạnh thì chư hầu mới kính phục nền chính trị của mình, kẻ địch ở xung quanh mới sợ uy của mình” (“Quản Tử” quyển

20). Về mặt kinh tế, trước tiên là cải cách chế độ kinh doanh và phân phối đất đai, chia ra thành “đất công”, thành “ruộng tư”, biến việc canh tác tập thể thôn xã thành nông hộ sản xuất cá thể, dùng thuế thực vật thay thuế lao dịch, tức là “chia đều ruộng cho sức lao động”, “thu thuế nhẹ theo từng loại đất”. Loại cải cách này đã thúc đẩy được tính tích cực sản xuất của nông dân, đã xúc tiến được sự phát triển của nền kinh tế nông nghiệp. Đồng thời, Quán Trọng là người đầu tiên trong lịch sử đem Sĩ Nông Công Thương xếp ngang nhau, thực hành chính sách “quan coi rừng, coi biển”, “lưu thông hàng hóa của cải”, ra sức đề xướng phát triển công thương nghiệp. Nhà nước thống nhất kinh doanh sản xuất các nghề có quan hệ tới quốc kế dân sinh như nghề nấu muối, luyện kim v.v... Phát triển mậu dịch ở trong nước với các nước chư hầu khác, “dùng thứ hàng mình có đổi lấy những thứ hàng mình không có, giúp đỡ làm phong phú thị trường”. Căn cứ vào ghi chép trong “Quản Tử - Thiên Khinh Trọng”, chỉ riêng nghề muối biển của nước Tề, mỗi năm thu hoạch được mười vạn tám nghìn chung, đem giao dịch với các nước chư hầu được hơn một vạn một ngàn cân vàng. Đây là một nguyên nhân quan trọng làm cho nền kinh tế nước Tề chấn hưng nhanh chóng. Về mặt chính trị, Quán Trọng là người đầu tiên đề xướng quyền lãnh đạo tập trung về trung ương và cai trị đất nước bằng pháp luật. Thay đổi chế độ pháp luật tôn giáo do quý tộc chia để trị thành thể chế chính trị quân chủ tập quyền. Chia toàn quốc thành hai mươi một hương (trong đó hương Công Thương có sáu hương, Sĩ Nông có mười lăm). Lại đem hương Sĩ Nông chia làm ba loại, mỗi loại đặt ra chức soái. Lần lượt do Tề Hoàn Công và Thượng Khanh nước Tề là Cao Tử, Quốc Tử đảm nhiệm chức Thống Soái (Tề Hoàn Công kiêm chức Soái của sáu hương Công Thương), tức là cái gọi là “Tam kỳ quốc”. Xây dựng lên hệ thống hành chính do từng cấp phụ trách từ cơ sở tới trung ương. Cứ năm nhà là một quĩ, mười quĩ là một lý, bốn lý là một liên, mười liên là một hương, năm hương là một sư, tức cái gọi là “Ngũ kỳ bị”. Đồng thời nhấn mạnh, lấy pháp trị quốc, “lập tam khí” rồi “Thăng lục công”. Cái gọi là “tam khí” tức là hiệu lệnh, phủ việt (tức là hình phạt), lộc thưởng. Cái gọi là “lục công” chính là “thân thiết, quý trọng, hàng hóa, sắc đẹp, khéo nịnh, chơi bời”. Quán Trọng nói:



“Minh quân có thể thắng lực công mà lập ra tam khí, đất nước sẽ được thịnh trị. Vị vua tồi không thể thắng được lực công mà lập ra tam khí, thì đất nước không thể thịnh trị được”. Vì sao vậy? Bởi vì nếu có “lực công” quấy rối thì sẽ có người tuy không nghe hiệu lệnh mà vẫn có thể được tồn tại, tuy phạm pháp làm rối loạn kỷ cương mà vẫn có thể không bị trừng phạt, tuy chẳng có công tích mà vẫn thu được phú quý. Kết quả đó sẽ là “hiệu lệnh không đủ để sai khiến”, “phủ việt không đủ làm cho mọi người sợ”, “lộc thường không đủ để khuyến dân”. Như vậy, nhà vua sẽ hết cách thi hành quyền lực của mình, cần phải khiến cho “vua tôi, trên dưới, giàu nghèo đều phải tuân theo pháp luật”, không vì “lực công” mà “biến đổi hiệu lệnh”, “nhờn rỏ phủ việt”, “tốn phí lộc thường”, mới có thể khiến cho trên dưới đồng tâm, hễ đánh tất sẽ thắng, hễ giữ tất sẽ chắc, về mặt quân sự, thực hành chế độ “gửi binh lính ở chính quyền”, “làm việc nội chính thì phải gửi quân lệnh”, xây dựng tổ chức quân sự và thể chế chỉ huy binh nông hợp nhất, quân chính hợp nhất, trưởng quan hành chính các cấp cũng chính là thủ trưởng quân sự các cấp. Như vậy, quan và binh lính thường sống ở một chỗ, “họa phúc cùng lo, cư xử cùng vui, công việc cùng làm”. Lúc thường theo đuổi sản xuất kinh doanh công nông thương, mùa xuân, thu tiến hành huấn luyện quân sự. Thời chiến “Đánh trận ban đêm, nghe tiếng của nhau đủ để không rối loạn. Đánh trận ban ngày, mắt nhìn thấy nhau đủ để hiểu biết nhau. Sung sướng đủ để chết vì nhau. Những điều đó đủ để giữ tất chắc, đánh tất thắng! Chẳng những giảm nhẹ gánh nặng kinh tế cho đất nước mà còn đề cao xứng đáng sức chiến đấu của quân đội. Việc thực hành từng bước những biện pháp này đã khiến cho nước Tề từ loạn chuyển sang trị, từ nghèo biến thành giàu, từ yếu chuyển sang mạnh, cuối cùng đã đạt tới mục đích nước giàu binh mạnh.

Phương hướng và sách lược trị quốc đồ bá của Quản Trọng, đối ngoại lấy “Tôn vương đánh Di” làm cương lĩnh hành động, lấy việc xưng bá chư hầu làm mục tiêu chiến lược. Vì vậy đã sử dụng biện pháp chủ yếu là “Giương cao ngọn cờ “Tôn vương đánh Di” để nắm chắc quyền chủ động trên mặt chính trị; thực hành sách lược kết hợp đánh và lôi kéo, đoàn kết



với các chư hầu Trung nguyên; sử dụng thủ đoạn thi hành cả văn lẫn võ, chế ngự sự xâm nhập của Nhung Địch Kinh Man.

Lúc đó “Thiên tử nhỏ yếu, chư hầu lớn mạnh”. Địa vị vương thất nhà Chu hạ thấp, thế nhưng trên mặt danh nghĩa vẫn là công chủ của thiên hạ. Các dân tộc Nhung Địch Man Di [11] quấy rối khu vực Trung Nguyên, một số chư hầu Trung Nguyên nhỏ yếu không đủ sức chống cự. Do đó, duy trì bảo vệ trật tự thống trị của vương triều nhà Chu, đánh lại sự quấy nhiễu đối với khu vực Trung Nguyên của ngoại tộc, đã phù hợp với lợi ích chung của vương thất nhà Chu và các nước chư hầu. Trong tình thế lúc đó, ai có thể giương cao ngọn cờ “Tôn Vương đánh Di” thì người đó sẽ được sự ủng hộ của các nước chư hầu và sự giúp đỡ của Vương thất, sẽ đứng ở địa vị chủ động trên mặt chính trị. Tề Hoàn Công đã tiếp nhận kiến nghị của Quản Trọng, trong quá trình xây dựng nghiệp bá, trước sau đã kiên trì ngọn cờ “Tôn Vương đánh Di”, coi đó là quân át chủ chính trị tiêu diệt bọn “vô đạo”, coi đó là cơ sở chính trị đoàn kết chư hầu. Năm 663 trước Công nguyên, theo yêu cầu của nước Yên, Tề Hoàn Công đem quân đánh lùi bọn Sơn Nhung xâm nhập nước Yên. Yên Trang Công cảm tạ không ngớt, khi Tề Hoàn Công trở về nước Tề, đã đưa tiễn tới tận biên giới nước Tề. Dựa theo chế độ lễ tiết thời đó, các chư hầu tiễn nhau không được đưa tiễn ra khỏi biên giới, chỉ có lễ tiễn Thiên tử mới được vượt qua quốc giới. Tề Hoàn Công nói:

- Tôi không thể thất lễ!

Liên đưa Yên Trang Công tới sâu vào nước Tề năm chục dặm đưa trả lại về nước Yên, còn dặn dò Yên Trang Công theo lệ phải tiễn cống vương thất nhà Chu, duy trì quyền uy của vương thất nhà Chu. Năm 651 trước Công nguyên, Tề Hoàn Công chủ trì hội thề các nước chư hầu ở Quỳnh Khâu (nay là phía Bắc thành Khảo ở Hà Nam), Chu Tương Vương cử Thái tử Khổng tham gia, đem thực phẩm và đồ tế lễ văn võ nhị Vương nhà Chu thưởng cho Tề Hoàn Công, hơn thế còn bắt Tề Hoàn Công khi tiếp nhận cống phẩm không phải hạ bái. Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng xử lý việc này như thế nào. Quản Trọng nói:

- Làm vua mà chẳng ra vua, làm thần mà chẳng ra thần, đó là gốc của loạn!

Cho rằng cần phải hạ bái, để kiên trì ngọn cờ “Tôn Vương đánh Di”, năm 649 trước Công nguyên, tộc Nhung cư trú ở giữa Y Lạc đánh vào Lạc Dương đất sở tại của vương thất nhà Chu, Tề Hoàn Công cử Quản Trọng với liên quân Tần Tấn bảo vệ vương thất nhà Chu. Chu Tương Vương muốn dùng lễ thượng khanh tiếp đãi Quản Trọng.

Quản Trọng kiên trì giữ lễ hạ khanh triều kiến Chu Tương Vương. Những hành động này của nước Tề đã dẫn tới tiếng vang mạnh mẽ. Các nước chư hầu ca tụng Tề Hoàn Công là “nhân”, “thuận”. “Vua nước lớn hổ thẹn, vua nước nhỏ gượng gạo”, từ đó xác lập địa vị bá chủ của nước Tề ở trong các nước chư hầu (Xem “Quản Tử” quyển 7 “Quốc Ngữ - Tề Ngữ”).

Thực hành sách lược kết hợp đánh và lôi kéo, đoàn kết với chư hầu Trung Nguyên. Sau khi Tề Hoàn Công lên ngôi, về phương diện hoạt động đối ngoại, biện pháp sử dụng đầu tiên chính là cử đại thần xuất xứ các nước lân cận, các nước mạnh như Lỗ, Tống, Vệ, Yên, Tấn, Sở; lại cử tám nghìn người Sĩ Thương trong dân gian đi chu du bốn phương, tuyên truyền chủ trương chính trị của nước Tề, kết giao với những nhân vật nắm quyền của các nước chư hầu, tiến hành trinh sát chiến lược và hoạt động gây chống đối. Dựa theo cách nói của “Quản Tử”, đó là để quan sát những điều quý báu tốt đẹp trên dưới của họ, chọn những kẻ trầm loạn của họ để chấn chỉnh cho họ, “để hiệu triệu thu nạp những hiền sĩ trong thiên hạ”. Sau đó, nhằm thẳng vào tình hình các nước chư hầu “lấy yêu thương để lôi kéo họ, lấy lợi để dắt dẫn họ, lấy chữ tín để kết giao với họ, lấy uy để chỉ dạy họ”. Trong việc giao tiếp với chư hầu, không tham lợi nhỏ, lấy nông hậu đối xử với kẻ nhạt nhẽo, đem các đặc sản như cá, muối bán cho các nước chư hầu mà không thu thuế quan. Các nước chư hầu dùng chó, dê, vải vóc, da hươu làm lễ vật thì nước Tề dùng ngựa tốt, gấm vóc, da báo, da hổ tặng lại. Trong cuộc chiến Tề, Lỗ năm 681 trước Công nguyên, nước Lỗ thất bại, cắt đất cầu hòa, thế nhưng khi hội thề sau cuộc chiến họ lại dùng bạo lực bắt ép Tề Hoàn Công phải trao trả đất đã cắt. Sau sự việc Tề Hoàn Công quyết

không lật lại, còn Quán Trọng lại kiên trì giữ lời hứa, để giữ chữ tín với thiên hạ. Từ năm 661 đến năm 660 trước Công nguyên, Bắc Địch trước sau đã xâm lược và tiêu diệt hai nước Hình, Vệ. Tề Hoàn Công đã dẫn liên quân chư hầu đánh bại Bắc Địch, xây dựng thành Di Nghi cho nước Hình, xây dựng thành Sở Khâu cho nước Vệ, giúp đỡ họ xây dựng lại hai nước Hình, Vệ. Các sự việc kể trên, đã khiến cho các nước chư hầu “yêu quý tình yêu của họ lại tham điều lợi của họ, tin theo điều nhân của họ lại sợ vũ lực của họ”, “dân chúng ở những nước gần theo họ như dòng nước chảy” (“Quản Tử” quyển 7). Đồng thời lại sử dụng thủ đoạn đả kích quân sự và khống chế kinh tế, kiềm tính các nước chư hầu nhỏ bé hoặc khiến chúng trở thành nước phụ thuộc. Trong thời gian hơn ba mươi năm (từ năm 679 đến năm 643 trước Công nguyên), các nước nhỏ trước sau bị nước Tề thôn tính đã có hơn ba mươi nước. Quán Trọng còn là người đầu tiên sáng lập ra sách lược tác chiến kinh tế, thông qua mậu dịch quốc tế thao túng kinh tế của các nước lân cận, khiến họ phải khuất phục nước Tề. Ví dụ hai nước Lỗ, Lương với nước Tề dựa vào nhau như răng với môi, lại thường gây hoạn nạn cho nước Tề. Tề Hoàn Công hỏi Quán Trọng kế sách chinh phục Lỗ, Lương. Quán Trọng kiến nghị: Nước Tề từ trên xuống dưới đều dùng lụa dày của hai nước Lỗ, Lương sản xuất ra để may quần áo. Ta nên dùng biện pháp bán một ngàn tấm lụa dày được thưởng ba trăm cân đồng, để động viên thương nhân mua về. Mối lợi đó đã khiến cho hai nước Lỗ, Lương vứt bỏ việc sản xuất lương thực để theo đuổi nghề dệt lụa dày. Sau đó đã kêu gọi nhân dân nước Tề thay đổi mặc vải sợi bông, hơn thế còn đóng cửa biên giới hai nước Lỗ, Lương. Kết quả, giá lương thực hai nước Lỗ, Lương đã tăng vọt, cao hơn nước Tề gấp một trăm lần. Chưa đầy ba năm, “dân chúng Lỗ, Lương đã quy theo Tề tới sáu phần mười”, “Vua nước Lỗ, Lương phải xin hàng phục”.

“Dùng biện pháp tương tự như vậy, đã khiến cho các nước Lai, Cử, Đại, Hoàn Sơn v.v... cùng lần lượt khuất phục Tề (Xem “Quản Tử” quyển 24). Trên cơ sở này lại sử dụng thủ đoạn triệu tập các nước chư hầu đến hội thề, tiến thêm một bước tăng cường sự khống chế đối với các nước chư hầu. Bắt

đầu từ hội thề Bắc Hạnh (nay là phía Bắc Đông A Sơn Đông) năm 681 trước Công nguyên, đến hội thề năm 644 trước Công nguyên ở Hoài (nay là Thành Giá Hà Nam) là kết thúc, trong vòng ba mươi bảy năm, những hội thề lớn tổng cộng có chín lần. Tề Hoàn Công nhất hô bách ứng, chẳng những các nước chư hầu hễ triệu tập là lập tức đến ngay, có khi vương thất nhà Chu cũng phái quan đại thần tới tham gia, từ đó đã mở rộng ảnh hưởng chính trị của nước Tề, củng cố được địa vị bá chủ của nước Tề. Đây chính là “Cửu hợp chư hầu, nhất khuông thiên hạ” nổi tiếng trong lịch sử.

Sử dụng thủ đoạn cùng thi hành văn võ, chế ngự ngoại tộc xâm nhập Trung Nguyên. Lúc đó điều tạo thành uy hiếp đối với khu vực Trung Nguyên chủ yếu là Nhung Địch ở phương Bắc và Kinh Sở ở phương Nam. Nhung Địch xâm nhập quấy nhiễu hai bờ Hoàng Hà, là mối họa trong tim trong bụng Trung Nguyên, thế nhưng lực lượng của chúng phân tán, hơn thế, mục đích chủ yếu là ở việc tước đoạt của cải, “sự việc cấp bách nhưng họa nhỏ”. Thực lực Kinh Sở lớn mạnh, tàng trữ đã tâm mưu cướp chính quyền Trung Nguyên từ lâu, sau khi thôn tính các nước nhỏ ở lưu vực Hán Thủy, mũi nhọn tấn công của chúng chỉ hướng vào khu vực phía Nam Trung Nguyên, “sự việc chậm chạp mà họa thì to lớn”. Căn cứ vào loại tình thế này, Quán Trọng đã đặt ra sách lược chinh phục Nhung Địch ở phía Bắc, chế ngự Kinh Sở ở phía Nam, giúp cho Tề Hoàn Công. Trước tiên tập trung lực lượng chinh phục Nhung Địch có mối nguy hại bức thiết, sau đó tích lũy lực lượng, đối phó với Kinh Sở lớn mạnh và nguy hiểm. Đối với Nhung Địch dùng quân sự trực tiếp công kích là chính, trước sau đã đánh bại quân Nhung của Sơn Nhung, Lệ Nhung, Xích Nhung, Bạch Nhung và Y Lạc xâm nhập vào Hình, Vệ, Yên, Tấn, Đông Chu, sau đó thừa thắng tiêu diệt hai nước Cô Trúc và Lãn Chi nằm ở vùng Lư Long Hà Bắc, đã yên định được thế cục ở phương Bắc. Đối với Kinh Sở thì sử dụng sách lược kết hợp giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao với đấu tranh kinh tế. Đến năm 30 Tề Hoàn Công (năm 656 trước Công nguyên), hai nước Tề Sở trải qua công việc xây dựng trên hai chục năm, sức lực ngang nhau, hai bên đều cố gắng dùng mưu lược để giành chiến thắng, không

chiến tranh mà khuất phục được binh lính của nhau. Nước Sở có ý muốn thôn tính hai nước Tống, Trịnh ở phía Nam Trung Nguyên, thế nhưng lại sợ nước Tề can thiệp, cho rằng: “Nước có dân đông binh mạnh có thể hại được ta, tất chỉ có nước Tề mà thôi!”. Tức thì Sở Thành Vương đã tạo ra dư luận ngay ở trong nước mình, nói rằng Tề Hoàn Công và Quản Trọng là bậc minh quân hiền thần không ai sánh kịp, ông đồng ý làm thần phụng sự nước Tề. Hơn nữa còn cố vũ các hiền thần ở nước Sở đem vàng bạc và châu báu kết giao với tả hữu của Tề Hoàn Công. Tề Hoàn Công nhất thời đã bị hiện tượng giả này mê hoặc, cho rằng Sở Thành Vương đối với mình rất tốt. Nếu mình không đối tốt với Sở thì sẽ tổn hại tới đạo lý, đòi Quản Trọng giao hảo tốt với nước Sở. Quản Trọng cho rằng như vậy không thỏa đáng. Ông chỉ ra, mục đích chân chính của nước Sở là “Muốn dùng văn đánh Tề, rồi dùng võ cướp Tống, Trịnh”. Do đó, cần phải chuẩn bị tốt hai mặt, một mặt mời nước Sở tới hội thề rồi lấy lý do nước Sở không tiến cống cỏ bao mao (một loại nguyên liệu dùng để lọc rượu) rồi cất quân hỏi tội. Tề Hoàn Công cứ theo kế mà làm, dẫn liên quân các nước chư hầu đến biên giới nước Sở, hội thề với Sở Thành Vương tại Triệu Lăng (nay là phía Đông Yên Thành Hà Nam). Nước Sở hoảng sợ thực lực của liên quân chư hầu lớn mạnh, không dám khinh thường cất quân đánh trả, bị bức phải thừa nhận “Không tiến cống cỏ bao mao là tội của nhà vua”.

Quân Tề cũng bởi đi đánh trận đường xa, binh lính mệt mỏi, khó có thể giành được thắng lợi, nên dừng lại cũng là thích hợp. Từ đó trở đi, nước Sở không thể không tạm thời thu hồi lại chiến lược Bắc tiến Trung Nguyên, chuyển hướng sang tiến công các nước nhỏ bé ở lưu vực Hoài Tứ. Cuộc chiến mưu lược này đã kết thúc bằng sự thắng lợi của nước Tề và thất bại của nước Sở (Xem “Quản Tử” quyển 9 và “Xuân Thu tả truyện” Chu Huệ Vương năm 21).

Những sự thực lịch sử kể trên đã chứng tỏ, Quản Trọng không những là người thiết kế phương châm chiến lược trị quốc đồ bá cho nước Tề, mà còn là người có tổ chức việc thực thi phương châm chiến lược này. Tề Hoàn Công sở dĩ để có thể chấn hưng nước Tề, thành tựu nghiệp bá, các nước

chư hầu Đông Di, Tây Nhung, Nam Man, Bắc Địch, Trung Nguyên không đâu không hàng phục, trên một mức độ rộng lớn đều do những cống hiến đặc lực bởi tư tưởng mưu lược và tài năng tổ chức kiệt xuất của Quản Trọng. Cho nên, Tư Mã Thiên nói: “Quản Trọng đã được tín nhiệm và trọng dụng trong chính quyền nước Tề. Tề Hoàn Công đã dùng nghiệp bá, cửu hợp chư hầu, nhất khuông thiên hạ, đó là mưu của Quản Trọng vậy!” (Sử ký - Quản Yên liệt truyện).

Những cống hiến đặc biệt độc đáo đối với việc phát triển tư tưởng mưu lược của Quản Trọng, bao gồm mưu lược chính trị và mưu lược quân sự ở trong đó, đã chiếm địa vị quan trọng đặc biệt trong lịch sử phát triển tư tưởng mưu lược Trung Quốc thời cổ đại. Ông không những đã kế thừa những tư tưởng ưu tú của các nhà mưu lược tiền bối do Y Doãn, Khương Thượng làm đại biểu, mà còn có rất nhiều cống hiến mang tính sáng tạo độc đáo trong nhiều mặt khác nữa. Nhìn từ góc độ mưu lược quân sự, chí ít đã có ba điểm dưới đây:

Thứ nhất, Quản Trọng đã dùng quan điểm duy vật mộc mạc trình bày rõ quan điểm chiến tranh với chính trị, chiến tranh với kinh tế, không những đã nhận thức được lòng dân ủng hộ hay phản đối là nhân tố quan trọng quyết định thắng bại của chiến tranh và trị loạn của đất nước. Hơn nữa còn nhận thức được “Đạo được người” là ở chỗ những lợi ích vật chất mà dân chúng có thể nhìn thấy được. Quản Trọng cho rằng “Kẻ tranh giành thiên hạ trước tiên phải tranh giành được quần chúng”. “Khởi đầu của việc tranh bá đồ vương phải lấy dân làm gốc. Gốc có lý lẽ thì đất nước bền vững, gốc loạn thì nước nguy”. “Không chăm lo tới việc giành lấy dân” thì “nhỏ, sẽ bại quân mất nước; lớn, sẽ nguy thân nước tan”. Còn “Cái đạo để giành dân không gì bằng làm cho dân được lợi”. “Dân thấy lợi thì đến, thấy hại thì bỏ đi. Dân đi theo cái lợi, như nước chảy về chỗ trũng”. “Dân chúng thấy lợi, dù núi cao tới ngàn nhần, [12] không đâu dân không trèo tới, vực sâu bao thăm, chẳng đâu dân chẳng xuống mò”. Do đó, “Đem lợi trừ hại cho dân chúng” thì sẽ được dân chúng ủng hộ, “dân chúng sẽ vui vẻ dốc hết sức ra, vào trong nhà thì làm cho bồ đầy kho chặt, ra ngoài thì liều chết với kẻ thù

để giữ yên xã tắc”. Quán Trọng còn chỉ rõ thêm một bước: Bản thân cuộc chiến tranh sẽ trực tiếp chịu sự ràng buộc của điều kiện kinh tế, “một lần xuất quân thì tích lũy của mười năm cũng hết, tiêu hao của một cuộc chiến tranh sẽ phá huỷ công sức của cả một đời”, nước có giàu thì binh mới mạnh được. Do đó, ông coi việc nước giàu binh mạnh là quốc sách cơ bản, trước hết phải nắm chắc việc làm cho dân giàu, phát triển sản xuất, kinh tế phồn vinh, giảm nhẹ thuế khoá, nới lỏng hình phạt. “Thi hành như vậy được một số năm dân theo như nước chảy về”. Lý luận và thực tiễn của Quán Trọng đã khiến cho học thuyết chiến tranh và chiến lược thời cổ đại Trung Quốc đã tiến triển thêm một bước trên cơ sở vốn có .

Thứ hai: Quán Trọng đã dùng quan điểm biện chứng giản dị để trình bày rõ mối quan hệ khách quan và chủ quan, vật chất và tinh thần trong chiến tranh, chỉ ra rằng những nhân tố khách quan như mạnh yếu, nhiều ít, tốt xấu... đều có thể chuyển hóa được, còn điều kiện quan trọng để thực hiện sự chuyển hóa này là thiện mưu, tức là thực hành chính sách và sách lược chính xác. Quán Trọng cho rằng: “Đất rộng, nước giàu, dân đông, binh mạnh, đó là một nước phồn thịnh. Tuy đã được phồn thịnh rồi, mà không có đức dày để làm cho nước yên ổn, không có mức độ để cai trị thì nước ấy sẽ không phải là nước của nhà vua, dân ấy cũng chẳng phải là dân của nhà vua”. “Cai trị dân có tài, dạy dỗ lính có độ, thắng nước thù địch có lý, chấn chỉnh thiên hạ có mức”. Những thứ “tài”, “độ”, “lý”, “mức” dùng lời nói hiện tại chính là phép tắc, quy luật, chính sách và sách lược. Nếu biết nhận thức chính xác những phép tắc, quy luật này thực hành những chính sách, sách lược chính xác, thì có thể biến yếu thành mạnh, từ loạn đến trị, chuyển bại thành thắng; nếu không thì sẽ có thể “kẻ lớn mà không biết hành động sẽ biến thành bé, kẻ mạnh mà không biết đạo lý sẽ trở thành yếu, người đông mà không có sự đoàn kết chặt chẽ thì sẽ biến thành ít”, “kẻ giàu mà phóng túng bừa bãi sẽ hóa thành nghèo”.

Cho nên phàm là đường lối của một cuộc chinh phạt thì kế sách phải được định đoạt trước tiên, sau đó mới xuất quân ra khỏi biên giới. Kế hoạch chưa định xong ở trong nước mà đã xuất quân ra biên thùy thì đánh sẽ tự



thua và công sẽ tự bại. Do đó, phép dùng binh của Quản Trọng chủ trương đầu tiên phải làm sáng rõ mọi tình hình chính trị, kinh tế, dân tình, tướng sĩ của phía địch, sau đó “lấy đông đánh ít, dùng trị đánh loạn, dùng giàu đánh nghèo, dùng cái có thể đánh thắng cái không có thể, dùng việc dạy binh luyện sĩ đánh đạo quân ô hợp chạy dài”“. Như vậy sẽ có thể “đánh mười trận thắng mười trận, đánh trăm trận thắng trăm trận”. Cho nên Quản Trọng vô cùng coi trọng tác dụng của mưu lược và mưu sĩ, ông cho rằng “Vua sáng với thánh nhân bàn mưu, thì mưu đó dùng được, áp dụng mưu đó vào việc, thì việc đó tất thành. Vua tối với kẻ nịnh thần bàn mưu, thì đó là kế mất, dùng nó vào việc, việc ấy tất bại”. Những tư tưởng mưu lược tuyệt vời này của Quản Trọng, qua việc kiểm nghiệm thực tiễn trong việc chấn hưng nước Tề, xưng bá chư hầu đã được chứng minh nó luôn luôn là vô địch. Khi bình luận về nghiệp tích của Quản Trọng, Tư Mã Thiên đặc biệt nhấn mạnh “Đạo lý chính trị của ông, giỏi chuyển họa thành phúc, chuyển bại thành thắng”. Điều này rất thiết thực hợp với thực tiễn.

Thứ ba, Quản Trọng dùng quan điểm toàn cục quan sát chiến tranh và chỉ đạo chiến tranh, đem chiến lược chính trị và chiến lược quân sự dung hòa thành một thể, khiến cho cuộc đấu tranh quân sự, đấu tranh ngoại giao, đấu tranh kinh tế, hỗ trợ giúp đỡ nhau giành thắng lợi. Quản Trọng coi cuộc đấu tranh quân sự là “Đường lối tôn chủ an quốc”, thế nhưng chưa hề lấy quân sự luận quân sự một cách cô lập, mà là đem các nhân tố chính trị, kinh tế, ngoại giao tổng hợp lại để hoạch định kế hoạch chiến tranh, chỉ đạo chiến tranh, ông chủ trương “Tốt nhất là không có chiến tranh”, không chiến tranh mà có thể khuất phục được binh lính của người, ông nói: “Số lượng binh lính được tồn giữ bởi của cải mà của cải không ai địch nổi, được tồn tại bởi vũ khí mà vũ khí không ai địch nổi, được tồn tại bởi việc chọn kẻ sĩ mà kẻ sĩ không ai địch nổi, được tồn tại bởi chính giáo mà chính giáo không ai địch nổi, được tồn tại bởi tục lệ trang phục mà tục lệ trang phục không ai địch nổi, được tồn tại bởi thiên hạ đều biết mà việc thiên hạ đều biết không ai địch nổi, được tồn tại bởi cơ số sáng mà cơ số sáng không ai địch nổi, cho nên binh lính chưa ra khỏi biên giới người không ai địch



nổi đã vào” (Xem “Quản Tử”). Điều này có nghĩa là, trước khi triển khai hành động quân sự, điều đầu tiên phải tuyển chọn các mặt tài lực, vật lực, nhân lực, vũ khí, giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, trinh sát tình báo, cùng với thời cơ chiến đấu, phải chuẩn bị thật sự đầy đủ, đứng ở thế không bị thất bại, sau đó mới xuất quân đi đánh trận. Những phương châm sách lược trị quốc đồ bá mà Quản Trọng đặt ra cho Tề Hoàn Công chính là chiến lược tổng thể đem chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao kết hợp lại với nhau. Đặc biệt là tác chiến kinh tế, phát triển trước người những điều chưa phát triển, đã làm phong phú và phát triển học thuyết chiến lược. Lý luận chiến lược quốc gia của Quản Trọng đã nêu ra sớm hơn hai ngàn năm so với “chiến lược quốc gia” mà các nước Tây phương đã nêu ra sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, cho nên giới sử học đã gọi Quản Trọng là ông tổ khai sơn phá thạch của lý luận chiến lược quốc gia. Trong lịch sử của dân tộc Trung Hoa đã từng sản sinh ra một nhà mưu lược vĩ đại như vậy, con cháu Viêm Hoàng đều nên vì thế mà cảm thấy vinh dự vẻ vang và tự hào.

## 15. TỀ HOÀN CÔNG

### CỬU HỢP CHƯ HẦU, NHẤT KHUÔNG THIÊN HẠ

Sau khi Chu Bình Vương rời về phía Đông, các nước chư hầu tranh đoạt bá chủ, mục đích là bắt ép các nước thờ phụng mình như tôn thờ Chu Thiên Tử, được hưởng thụ đặc quyền chính trị, kinh tế. Trong loại đấu tranh giành ngôi bá này, quốc quân đầu tiên trở thành nghiệp bá chính là Tề Hoàn Công túc trí đa mưu.

### GIÁ VỜ CHẾT ĐỂ LỪA QUẢN TRỌNG, NHANH CHÂN LEO LÊN NGÔI VUA TRƯỚC

Tề Tương Công hoang dâm bạo ngược, hai người em trai của ông ta, công tử Củ và công tử Tiểu Bạch sợ vấp phải họa đều chạy trốn tới nhà bà ngoại. Công tử Củ chạy tới nước Lỗ, công tử Tiểu Bạch chạy tới nước Cử (nay là huyện Cử Sơn Đông). Năm thứ 11 đời Chu Trang Vương (năm 686 trước Công nguyên), nước Tề phát sinh nội loạn, người em họ của Tề Tương Công là Công tôn Vô Tri đã liên hợp với đại phu Liên Xứng, Quản Chí Phụ giết chết Trương Công, Vô Tri tự lập làm Tề Quân. Sang năm sau, Vô Tri lại bị Đại phu Ung Lâm giết chết. Nước Tề nhất thời không có vua, quan chính khanh nước Tề là Cao Hề và Quốc Ý đã bí mật tới nước Cử triệu đón Tiểu Bạch trở về nước để kế vị. Nước Lỗ nghe nói Vô Tri đã chết, cũng cử quân hộ tống công tử Củ về nước. Nước Cử tới nước Tề so với nước Lỗ tới nước Tề gần hơn.

Nước Lỗ còn sợ công tử Tiểu Bạch nhanh chân lên ngôi trước, liền phái Quản Trọng đem binh mã tới chặn ở con đường từ nước Cử đi sang nước Tề tất phải đi qua, chờ khi đoàn xe của Tiểu Bạch vừa đi qua, Quản Trọng đã giương cung nhắm trúng Tiểu Bạch bắn một phát. Tiểu Bạch kêu to lên một tiếng rồi ngã lăn ở trên xe, kỳ thực mũi tên này chỉ bắn trúng vào cái

móc của dây lưng, trong lúc khẩn cấp đó, Tiểu Bạch sợ Quán Trọng lại bắn một phát nữa, đã giả vờ bị thương nguy cấp, quả nhiên đã đánh lừa được Quán Trọng tài trí vượt người. Quán Trọng cho rằng Tiểu Bạch trúng tên tất chết, công tử Củ lên ngôi vua là điều chắc chắn, liền thông thả đường hoàng hộ tống công tử Củ nước Tề, đoàn xe đi chậm chạp sáu ngày mới tới nơi. Tiểu Bạch nằm ngã ở trong xe, đoàn người hộ tống kinh hoàng thất sắc, sau một lát, Tiểu Bạch đoán chắc Quán Trọng đã đi xa mới mở mắt ra. Mọi người đều thở phào một hơi nhẹ nhõm. Tiểu Bạch ngồi trong xe có rèm phủ kín, tắt đường nhỏ phóng nhanh tới nước Tề. Cao Hề và Quốc Ý ủng hộ lập Tiểu Bạch giành được ngôi vua gọi là Tề Hoàn Công. Khi Quán Trọng tới nơi thì thời gian đã muộn.

## **KHÔNG TRÁCH TỘI CŨ, THEO KẾ QUẢN TRỌNG**

Quán Trọng là bạn thân của Bào Thúc Nha. Bào Thúc Nha hiểu biết sâu sắc Quán Trọng là người hùng tài, nước Tề muốn thành nghiệp bá không có Quán Trọng phò tá thì không thể hoàn thành được. Bào liền tiến cử Quán Trọng với Tề Hoàn Công, còn nói bản thân mình có năm điều không bằng Quán Trọng. Hoàn Công nói, chỉ chút nữa là hấn giết chết ta. Bào Thúc Nha nói: Nếu bệ hạ tha thứ cho ông ta để ông ta được trở về Tề, ông ta nhất định sẽ dốc hết lòng hết sức vì bệ hạ. Hoàn Công đồng ý phát binh đánh Lỗ nói Quán Trọng là người thù của Hoàn Công, vua Lỗ cần phải bắt Quán Trọng giải về nước Tề, vua Tề sẽ tự tay băm nát hấn thành tương mới khoái trá. Thi Bá ở nước Lỗ hiểu biết sâu sắc tài năng của Quán Trọng cảnh giác nói với Lỗ Trang Công: Nước Tề đòi Quán Trọng không phải là muốn giết chết ông ta đâu, mà là muốn trọng dụng ông ta đó. Hễ Quán Trọng được nước Tề tín nhiệm sử dụng sẽ uy hiếp nước Lỗ nghiêm trọng đó, chi bằng cứ giết quách hấn đi. Thế nhưng Lỗ Trang Công không dám, đành phải dùng xe tù đưa Quán Trọng về nước Tề. Tề Hoàn Công đón tiếp long trọng, bổ nhiệm Quán Trọng làm thượng khanh, chức trên Bào Thúc Nha. Tề Hoàn Công khiêm tốn nghe theo lời can gián, phá lệ sử dụng người thù, gan dạ và hiểu biết vượt người, nói rõ trước khi xưng bá, ông đích thực là một

nhà chính trị mưu lược gia hiểu biết và giỏi dùng người. Đây chính là một nước cờ mấu chốt để ông thành tựu nghiệp bá sau này.

## **TÔN VƯƠNG ĐÁNH DI, THÔN TÍNH CHƯ HẦU**

Chu Ly Vương nguyên niên (năm 681 trước Công nguyên), Tề Hoàn Công dựa vào thực lực hùng hậu, giương cờ hiệu “Tôn Vương đánh Di”, bắt đầu khuếch trương đối ngoại, điều này quả thực là kế hay để xuất quân đánh kẻ yếu. Công khai tước đoạt quyền lực của Thiên tử nhà Chu, tất nhiên sẽ gây nên sự vùng dậy đánh lại của các nước chư hầu. Việc “Tôn Vương” trên mặt đạo nghĩa sẽ được sự ủng hộ của các nước chư hầu; “Đánh Di” ngăn trở các dân tộc thiểu số người Nhung và người Địch ở vùng núi phương Bắc uy hiếp an toàn của Trung Nguyên, lại cản trở thế lực của nước Sở khuếch trương lên phía Bắc, bởi vì nước Sở không phải là nước phân phong ban đầu của nhà Tây Chu, lúc đó còn đang bị coi như một bang man di. Những điều này đều sẽ được vương thất nhà Chu và các nước chư hầu hoan nghênh. Trước tiên, Tề Hoàn Công giương cao ngọn cờ lớn “Tôn Vương đánh Di”, nắm chắc quyền chủ động trên mặt chính trị, mượn hiệu lệnh của vua nhà Chu, đoàn kết hàng loạt các nước chư hầu phục tùng điều khiển ở xung quanh nước Tề, rồi tiếp tục đè bẹp thôn tính các nước chư hầu không tuân theo lời kêu gọi đó. Tháng 3 năm Hoàn Công Nguyên niên (năm 685 trước Công nguyên), Hoàn Công mời các nước chư hầu như Tống, Lỗ, Trần, Thái, Vệ, Trịnh, Châu v.v... tới hội thề ở Bắc Hạng (ở gần huyện Đông A Sơn Đông ngày nay) để bàn bạc công việc dẹp loạn ở nước Tống. Tới dự hội thề chỉ có năm nước Tề, Tống, Trần, Thái, Châu, nước Lỗ không đến, nước Tống lại rút lui ra khỏi hội thề từ sớm. Mùa đông, Tề Hoàn Công lấy lý do chống lại vương mệnh không chịu tham gia hội thề Bắc Hạng, đã kéo quân tiến đánh nước Lỗ đã nhiều năm bất hòa với nước Tề. Nước Lỗ bại trận, Tề Hoàn Công ép Lỗ Trang Công phải nhường Toại Ấp, mới bằng lòng hội thề giải quyết tranh chấp.

Năm thứ ba, Chu Ly Vương (năm 679 trước Công nguyên), bảy nước Tống, Lỗ, Trần, Thái, Vệ, Tào, Châu đã tới hội thề, thừa nhận địa vị minh chủ của Hoàn Công. Tề Hoàn Công đã bắt đầu xưng bá.

Nghiệp bá của Tề Hoàn Công phát triển thuận lợi, liền công khai can dự vào việc tranh giành ngôi vua nhà Chu. Năm thứ 25 Chu Huệ Vương (năm 652 trước Công nguyên), Chu Huệ Vương qua đời, Tề Hoàn Công đã triệu tập tám nước chư hầu tái dự họp tại Thao Thành (phía Tây Nam Bộc Thành tỉnh Sơn Đông), ủng hộ lập thái tử Trịnh lên làm vua, đó là Chu Tương Vương. Tương Vương cảm tạ Hoàn Công, đã cử người đem thịt, cung, nô và xe tới tế lễ. Tề Hoàn Công lợi dụng cơ hội này lấy danh nghĩa chiêu đãi sứ giả nhà Chu (năm 651 trước Công nguyên), hội thề các nước chư hầu ở Quỳ Khâu (phía Đông huyện Lan Khảo Hà Nam). Đây là thời kỳ thịnh trị nhất trong nghiệp bá của Tề Hoàn Công. Tề Hoàn Công tại vị được hơn bốn chục năm, biết sử dụng tín nhiệm người hiền tài, thi hành cả văn lẫn võ, hợp được chín nước chư hầu, lần đầu tiên hoàn thành nghiệp bá, đó là nhà mưu lược thống lĩnh ngự trị chính trị nổi tiếng nhất thời đầu Xuân Thu.

## 16. TẤN VĂN CÔNG

LÙI TRÁNH BA XÁ, [13]

### VỖ VỀ BỐN PHƯƠNG

Mùa xuân năm 636 trước Công nguyên. Tấn công tử Trùng Nhĩ (năm 697 đến 628 trước Công nguyên) đã trở về nước Tấn dưới sự hộ tống của quân đội nước Tấn. Lúc này Trùng Nhĩ đã sáu mươi hai tuổi, trước sau đã lưu vong ở nước ngoài mười chín năm, cuối cùng đã trở về tổ quốc, làm vua nước Tấn. Đây chính là Tấn Văn Công, tiếp tục xưng bá chư hầu sau Tề Hoàn Công, lại trở thành một bá chủ các nước chư hầu. Tấn Văn Công từng trải suốt cuộc đời trắc trở, có sự lịch duyệt và kinh nghiệm chính trị phong phú, am hiểu sâu sắc đạo lý cai trị đất nước, quyền thuật thống lĩnh phòng ngự thoải mái như ý muốn. Tuy thời gian xưng bá của ông không dài, thế nhưng mưu lược thông ngự chính trị của ông rất có ảnh hưởng đối với người đời sau.

### KẾT NẠP HIỀN SĨ

Khi Trùng Nhĩ mười bảy tuổi, bên cạnh đã có nhiều hiền sĩ tài ba giúp đỡ, những người nổi tiếng như Cô Yến, Triệu Suy, Cổ Đà, Diên Hiệt, Tiên Chấn, Giới Tử Thôi... Sau khi Thái tử Thân Sinh bị giết, Trùng Nhĩ chạy trốn sang nước Địch tị nạn mười hai năm, các hiền thần như Hồ Yến v.v... trước sau đã đi theo ông. Tấn Huệ Công phái Tự Nhân Phi tới nước Địch mưu giết Trùng Nhĩ. Lúc này Trùng Nhĩ đã năm mươi năm tuổi, ở Địch đã được mười hai năm. Trùng Nhĩ vội vàng đem theo hiền sĩ tùy tùng, rời khỏi nước Địch. Từ Địch tới Tề, qua nước Vệ. Vệ Văn Công không muốn tiếp đãi, cả đoàn người đi tới Ngũ Lộc của nước Vệ (nay là phía Đông Bộc Dương, Hà Nam), bụng đói cồn cào, phải đi ăn xin ở trong dân chúng. Đám dân chúng ở đây đã đem ra cho họ một năm bùn. Trùng Nhĩ giận dữ, định lấy roi đánh họ. Cô Yến nói: “Đây là điềm lành trời ban phát đất đai cho ta. Trời đã mượn tay người dân trao đất đai cho công tử, còn có gì quý trọng

hơn thứ này nữa”. Trùng Nhĩ quỳ xuống vái tạ người dân, trịnh trọng tiếp nhận năm bìn đó, rồi đặt lên trên xe.

### **LÙI TRÁNH BA XÁ ĐỂ BÁO SỞ ĐỨC**

Trùng Nhĩ chạy trốn tới nước Sở, Sở Thành Vương cho rằng đây là cơ hội tốt để thọc tay vào Trung Nguyên, đã dùng lễ của nhà Chu long trọng tiếp đãi. Tuy Trùng Nhĩ rất cảm kích sự khoản đãi của Sở Vương, nhưng trên quan hệ hai nước Tấn, Sở vẫn không tự cao cũng không tự ti, kiên trì lập trường nguyên tắc. Sở Thành Vương hỏi Trùng Nhĩ: “Nếu ông trở về tới nước Tấn, thì ông sẽ lấy gì để báo đáp cho tôi?”. Trùng Nhĩ nói:

- Lụa gấm, vàng ngọc, gái đẹp nhà vua đều đã có. Điều vũ, lông da, ngựa voi, tê giác v.v... trên đất nước của nhà vua không đâu không nhiều. Mọi sản vật trên đất đai của nhà vua đều thừa thãi tràn trề. Tôi còn biết lấy gì để báo đáp nhà vua nữa?

Sở Vương nói:

- Mặc dù như vậy, ông vẫn phải có chút gì báo đáp chứ!

Trùng Nhĩ nhạy cảm phát hiện ra Sở Thành Vương có dã tâm xưng bá muốn ông báo đáp thứ gì rồi, liền trịnh trọng và bình tĩnh trả lời:

- Nếu mượn được sức lực của ngài tôi về được tới nước Tấn, giả dụ có một ngày nào đó hai nước Tấn, Sở phát sinh ra cuộc chiến tranh, hai quân gặp gỡ nhau ở ngoài chiến trường, tôi xin lui nhường ngài ba xá. Nếu đã như vậy rồi mà vẫn không được ngài khoan dung, tôi đành phải tay trái cầm roi cầm cung, vai phải đeo áo cung túi nỏ, xin hết lòng chu toàn một trận với quân vương.

Doãn Tử Ngọc nghe thấy lời nói của Trùng Nhĩ, đã vô cùng kinh ngạc, xin Sở Vương giết chết Trùng Nhĩ ngay, Sở Thành Vương nói:

- Tấn công tử có chí hướng rộng lớn mà đời sống thì tiết kiệm, lời nói rất hoa mỹ lại hợp với lễ nghĩa. Những người đi theo ông ta đều là bề tôi trung thành hiền đức.

Sở Thành Vương cho rằng Trùng Nhĩ nhiều lần gặp đại nạn mà không chết. Đó là việc trời giúp đỡ ông ta. Tuỳ tiện giết chết Trùng Nhĩ là chống lại ý trời. Do đó, họ đã không giết Trùng Nhĩ.

Về sau, Trùng Nhĩ đã lên làm vua nước Tấn. Vào năm 20 Chu Tương Vương (năm 632 trước Công nguyên), quả nhiên Tấn, Sở đã bùng nổ ra một cuộc đại chiến. Đây chính là một cuộc chiến ở Thành Bộc nổi tiếng trong lịch sử. Tấn Văn Công Trùng Nhĩ đã không trái lời hứa trước, đã lùi tránh ba xá, lùi trước tiến sau; một mặt thực hiện lời hứa với Sở Thành Vương khi còn lưu vong ở nước Sở năm nọ, tỏ rõ cho các nước chư hầu biết rằng nước Tấn không nuốt lời hứa, vong ân phụ nghĩa, bất đắc dĩ mới phải ứng chiến, còn nước Sở thì sùng sộ hiếp người. Trên mặt đạo nghĩa, Trùng Nhĩ đã giành được sự đồng tình của các nước chư hầu, đã kích động được sĩ khí của quân Tấn. Mặt khác, hành động của Trùng Nhĩ đã tiến thêm một bước khiến cho Tử Ngọc, chủ soái của quân Sở kiêu ngạo khinh địch, đã đạt được mục đích dụ địch tiến vào sâu. Sau đó sử dụng cách đánh khép chặt hai cánh, tả hữu đều bắn cung vào một đích, đã đại thắng quân Sở.

## **KHOAN DUNG TỘI LỖI,**

## **CẮT TRỪ ÁC ĐẢNG**

Năm thứ hai Thái tử Thân Sinh bị giết, Tự Nhân Phi (tự là Bá Sở, thời Văn Công là Bột Đề) từng phụng mệnh Tấn Hiến Công tới Bồ Thành giết chết Trùng Nhĩ. Khi Văn Công nhảy tường chạy, Tự Nhân Phi đuổi gấp không tha, vung kiếm chặt đứt vạt áo của Trùng Nhĩ. Sau đó, Trùng Nhĩ chạy trốn tới nước Địch, Tự Nhân Phi lại phụng mệnh Tấn Huệ Công tới giết hại Trùng Nhĩ. Đối với Trùng Nhĩ, Tự Nhân Phi là một người thù. Sau khi Tấn Văn Công chấp chính, dư đảng của Huệ Công là Lữ Sanh, Khích Nhuế, âm mưu đốt cháy cung thất, chờ khi Văn Công ra cứu hỏa thì giết chết Văn Công. Tự Nhân Phi biết được âm mưu này, muốn báo cho Trùng Nhĩ biết, lấy việc này để giảm nhẹ tội lỗi ngày trước. Thoạt đầu, Trùng Nhĩ không muốn gặp, Tự Nhân Phi nói:



- Thờ vua không ăn ở hai lòng ấy là thần. Giữ điều ác không hề thay đổi ấy là vua. Trước kia Tề Hoàn Công không nghĩ tới mối thù Quán Trọng bắn vào chiếc đai lưng, đã trọng dụng Quán Trọng, cuối cùng đã thành nghiệp bá. Thời Thương Thang, Y Doãn đã thả Thái Giáp ở Đồng Cung, Thái Giáp tức thì đã trở thành quân vương sáng suốt như thần thánh. Bệ hạ vì thù xưa mà không muốn gặp kẻ thần này thì họa hại sẽ tìm đến bệ hạ đó!

Văn Công đã tiếp kiến Tự Nhân Phi. Tự Nhân Phi đã đem mối họa loạn sắp sửa phát sinh nói cho Văn Công biết. Văn Công đã cải trang lén trộm ra khỏi nước, bí mật gặp gỡ Tần Mục Công. Lữ Sanh, Khích Nhuế đã đốt vương cung, thế nhưng đã không tìm thấy Văn Công. Tần Mục Công đã dụ bọn Lữ, Khích v.v... giết chết ở trên bờ Hoàng Hà. Văn Công đã liên hiệp với Tần diệt trừ tập đoàn âm mưu đó. Sau đó, Tự Nhân Phi vẫn được Văn Công trọng dụng, đã nêu ra rất nhiều chủ ý hay trong việc xưng bá của Văn Công.

## **TÔN VƯƠNG ĐÁNH DI, CẦU LẤY NGHIỆP BÁ**

Sau khi Văn Công giành được chính quyền đã quyết tâm cai trị nước Tấn, đã có biết bao sóng gió khó khăn kể từ đời Hiến Công đến nay. Ông đã lắng nghe đầy đủ những hiền kế, hiền sách của quân thần, chỉnh đốn ổn định xã hội, lập lên ba quận Thượng, Trung, Hạ. Tức thì cả giang san nước Tấn sinh sôi phát triển, lực nước cường thịnh. Tấn Văn Công tuổi quá hoa giáp mới giành được ngôi vua. Tuy những ngày còn lại không được nhiều, nhưng chí hướng xưng bá tranh hùng vô cùng mạnh mẽ. Ông hiểu biết sâu sắc rằng nước Tấn nếu muốn xưng bá thì cần phải dựng lên ngọn cờ “Tôn Vương đánh Di”, bởi vì nước Tấn là một nước lớn, vua nhà Chu thân gần với họ Cơ, dân nước Tấn nhiều năm sống tạp cư với Nhung, Địch, đại đa số dân chúng hung hãn thiện chiến, nước Tần ở vào địa thế dễ giữ khó đánh nên đã phát huy được những ưu thế này nhanh chóng xưng bá chư hầu. Năm thứ mười sáu Chu Tương Vương, vương đệ nhà Chu là Thái Thúc Tử Đái đem quân đội cầu kết với nước Địch, đánh vào Lạc Ấp ở kinh thành,

muốn đoạt lấy ngôi vua. Chu Tương Vương chạy trốn tới nước Trịnh, yêu cầu các nước chư hầu phát binh cứu giúp nhà vua. Tấn Văn Công dựa theo kế của Cô Yến, Triệu Suy, thân dẫn đại quân đánh bại quân Địch, bắt sống được Thái Thúc Tử Đái, hộ tống Chu Tương Vương trở về Lạc Ấp, lập công đầu trong việc ổn định vương thất nhà Chu, được coi là Tề Hoàn Công tái thế. Chu Tương Vương thiết tiệc úy lạo Văn Công, rồi đem các đất Dương Phan (nay là huyện Tế Nguyên, Hà Nam), Nguyên Thành (nay là Tây Bắc huyện Tế Nguyên, Hà Nam) ở trong vương kỳ thưởng cho Văn Công.

Sau trận chiến Thành Bộc, Tấn Văn Công đã xây dựng vương cung cho vua Chu ở Tiễn Thổ (nay ở phía Bắc thành phố Trịnh Châu, tỉnh Hà Nam), dẫn đầu các nước chư hầu hội thề ở Tiễn Thổ, ký kết hiệp ước liên minh, hơn thế còn đem bọ tù binh và chiến lợi phẩm của nước Sở dâng lên cho Chu Tương Vương. Chu Tương Vương đã dùng sách thư ra lệnh cho Tấn Văn Công làm lãnh tụ các nước chư hầu, thưởng cho xe lớn cùng với phục trang nghi trượng tương ứng, một chiếc cung màu đỏ, một trăm mũi tên màu đỏ, mười chiếc cung màu đen cùng với một ngàn mũi tên, một chum rượu thơm và ba trăm dũng sĩ. Chu Tương Vương bắt Tấn Văn Công phải phục tùng mệnh lệnh Thiên tử, an ủi vỗ về chư hầu bốn phương, trừng trị kẻ tà ác. Tấn Văn Công đã ba lần từ chối, sau đó mới tiếp nhận mệnh lệnh. Mùa đông cùng năm, Tấn Văn Công lại hội thề với các nước ở đất cũ, còn mời cả Chu Tương Vương cùng tới, trên danh nghĩa là dẫn đầu các nước chư hầu tới triều kiến vua nhà Chu, hơn thế còn mời Chu Tương Vương đi săn, trên thực tế là ép Thiên tử để ra lệnh cho các nước chư hầu. Khổng Tử nói: “Sao lại có thể dùng chư hầu để mời nhà vua được!”, cho nên “Xuân Thu” đã kiêng kỵ lãng tránh sự việc này, chỉ nói “Nhà vua tới săn bắn ở Hà Dương” (nay là phía Tây Nam huyện Mạnh, tỉnh Hà Nam). Có thể nhìn thấy quyền thế của Tấn Văn Công lúc đó đã đủ sức khống chế Thiên tử nhà Chu rồi!

## **17. TẦN MỤC CÔNG**

### **TÌM KIẾM HIỀN TÀI, XƯNG BÁ TÂY NHUNG**

Tần Mục Công là một trong ngũ bá thời Xuân Thu. Trước và sau khi nước Tấn xưng bá Trung Nguyên, nước Tần đã dần dần lớn mạnh lên. Tần Mục Công kế vị Tần Thành Công tín nhiệm và sử dụng Bách Lý Hề, Kiến Thúc, Do Dư làm mưu thần, bên trong cai trị triều chính, thực lực ngày càng lớn mạnh; bên ngoài đã tiêu diệt Tây Nhung, mở rộng đất đai hàng ngàn dặm. Tần Mục Công đã biết dùng người, là một vị quân vương có hùng tài đại lược trong thời kỳ Xuân Thu.

### **TÌM KIẾM HIỀN TÀI, XƯNG BÁ CHƯ HẦU**

Thời cổ đại các quân vương có tài trí đều biết, để củng cố chính quyền, để thống nhất quốc gia cần phải tín nhiệm và sử dụng rộng rãi những người hiền tài. Để xưng bá chư hầu, Tần Mục Công đã hiểu biết sâu sắc rằng nhân tài là vô cùng quan trọng, nên ông đã tìm trăm phương ngàn kế để tìm kiếm người hiền tài. Bách Lý Hề vốn là người nước Ngu (nay ở gần Đông Bắc, Tam Môn Hiệp, huyện Bình Lục, tỉnh Sơn Tây). Năm 655 trước Công nguyên, Tấn Hiến Công đã mượn đường của nước Ngu để diệt nước Quắc, tiện tay vợ của, diệt luôn nước Ngu. Bách Lý Hề đã phải làm tù binh của nước Tấn. Nước Tần ở khu vực Tây Thùy xa xôi hẻo lánh, sống lẫn lộn giữa Nhung và Địch, đất đai nhỏ bé. Chỉ có dòng sông Kinh Thủy và Vị Thủy làm nguồn sinh sống. Mặt phía Đông là nước Tấn. Tần Mục Công muốn ra được Trung Nguyên xưng bá chư hầu thì cần phải đi lại giao hảo với nước Tấn. Vì mục đích chính trị lớn lao của mình, Tần Mục Công đã phái công tử Chấp tới cầu hôn ở nước Tấn. Việc làm này xảy ra cũng chính vào năm Bách Lý Hề bị bắt làm tù binh của nước Tấn. Tấn Hiến Công bằng

lòng gả con gái lớn của mình cho Tần công tử. Còn đưa mấy tên nô bộc dẫn dâu về nhà chồng, trong số nô bộc có Bách Lý Hề.

Bách Lý Hề và những tên nô bộc đưa dâu khác đã cùng công tử Chấp trở về nước Tần. Trên đường đi Bách Lý Hề đã lảng lạng lên trốn, sau đó chạy tới nước Sở. Tần Mục Công nghe nói Bách Lý Hề là một con người rất có tài năng, liền muốn dùng vàng bạc hậu lễ biếu Sở Thành Vương để mua Bách Lý Hề. Có người nói không thể được, người nước Sở không biết Bách Lý Hề là nhân tài, cho nên đã để cho Bách Lý Hề đi chăn bò. Nếu dùng nhiều vàng bạc tới mua chắc chắn là Sở Vương không thả cho đi. Tần Mục Công đã theo giá tiền bán nô lệ bình thường hồi đó, cử người đem năm tấm da cừ tới gặp Sở Thành Vương, nói:

- Trong số nô bộc đi đưa dâu của tôi có một đứa tên gọi Bách Lý Hề đã chạy tới quý quốc. Xin cho chúng tôi dùng năm tấm da cừ để chuộc nó về.

Sở Vương đã đồng ý, liền trao Bách Lý Hề cho nước Tần. Lúc này Bách Lý Hề đã hơn bảy mươi tuổi rồi. Tần Mục Công đã bàn luận đường lối làm cho dân giàu binh mạnh với Bách Lý Hề. Tần Mục Công cảm thấy sâu sắc rằng đây chính là con người tài giỏi dư lực cai trị đất nước. Bách Lý Hề lại tiến cử Kiến Thúc với Tần Mục Công. Kiến Thúc đã trình bày đạo lý làm một vị vua anh minh sáng suốt phải như thế nào với Tần Mục Công. Tần Mục Công nghe xong vô cùng sung sướng, liền phong Kiến Thúc làm hữu tướng, Bách Lý Hề là tả tướng, chuyên tâm dốc sức cai trị quốc gia.

## **MUỐN LẤY CHO TRƯỚC, BẮT SỐNG HUỆ CÔNG**

Năm 647 trước Công nguyên, nước Tấn gặp phải tai họa đại nạn, mùa màng không được thu hoạch, trong nước trống rỗng. Tấn Huệ Công sai sứ thần tới nước Tần vay lương thực. Chính ra đây là cơ hội tốt để cho Tần Mục Công tiến công nước Tấn. Bởi vì Tấn Huệ Công năm xưa đã từng có lời hứa, nếu nước Tần giúp đỡ cho ông ta được trở về làm vua nước Tấn, thì ông ta sẽ nguyện đem tám tòa thành của Hà Tây biếu cho nước Tần. Đợi khi ông ta lên làm vua nước Tấn rồi vứt nghĩa bội tín, chẳng chịu cắt

nhượng đất đai. Sự việc này đã khiến cho Tần Mục Công ôm mãi mối hận ở trong lòng. Bây giờ nước Tấn đại hạn, đúng là trời cho cơ may, thế nhưng quan đại thần Công Tôn Chi nói:

- Mất mùa và được mùa thường thay đổi nhau xuất hiện, không thể không giúp đỡ.

Kiến Thúc, Bách Lý Hề nói:

- Không đất nước nào tránh khỏi thiên tai. Cứu tế tai nạn giúp đỡ nước láng giềng là việc làm tốt. Hơn nữa, vua nước Tấn đã đắc tội với chúng ta, thế nhưng dân chúng ở nước đó thì có tội tình gì?

Tần Mục Công đã thu nạp ý kiến của các quan đại thần, cử người đem hàng loạt lương thực tới cho nước Tấn, dùng xe, dùng thuyền vận chuyển bằng đường bộ, đường thủy, hàng triệu, hàng vạn dân chúng nước Tấn được sự giúp đỡ của nước Tần. Cử chỉ này đã khiến cho Tần Mục Công nhận được cảm tình tốt của đông đảo nhân dân.

Sang năm sau (năm 646 trước Công nguyên), nước Tần cũng bị mất mùa, ngược lại nước Tấn được mùa lớn. Nước Tần cử người tới nước Tấn vay lương thực. Tấn Huệ Công không những không cho vay, mà còn lợi dụng cơ hội đem quân đánh Tần. Tần Mục Công nhận định đây là cơ hội phản kích tấn công nước Tấn, liền dùng quân chính nghĩa nghênh đánh quân Tấn. Hai quân đánh nhau ở Hàn Nguyên (nay là phía Tây Nam huyện Hàn Thành, tỉnh Thiểm Tây). Đây là năm 645 trước Công nguyên (năm thứ bảy Chu Tương Vương, năm thứ mười Tần Mục Công). Trong cuộc chiến đấu, Tần Mục Công bị quân Tấn bao vây, thân bị thương, trước mắt đã nhìn thấy cảnh bị quân Tấn bắt sống...

Nguyên trước đó, có một lần Tần Mục Công đi săn ở Lương Sơn (nay là huyện Kỳ Sơn, tỉnh Thiểm Tây), buổi tối có mấy con ngựa bị đánh cắp. Ngày hôm sau các binh sĩ phát hiện ở trong thung lũng có mấy trăm người dân đang ngồi ăn thịt ngựa. Họ lập tức báo cáo với Mục Công, xin Mục Công cử một cánh quân kéo tới tiêu diệt đám dân chúng ấy. Tần Mục Công nói:

- Cho qua, ngựa đã bị giết rồi, bây giờ tới bắt họ, sẽ bị người đời nói rằng vì mấy con ngựa mà lại đi giết dân chúng!

Ngược lại, Mục Công lại cho binh lính đem mấy chum rượu ngon tới cho mấy trăm người dân trộm ngựa ấy uống, nói với họ:

- Quốc quân ta nói, thịt mà các ngài ăn là thịt ngựa tốt, ăn thứ thịt béo ngậy như vậy, mà không uống một chút rượu thì khó tiêu hóa lắm. Quốc quân ta sợ các ngài bị ốm, thưởng cho các ngài vài chum rượu để mà uống.

Số người này nghe xong đều quỳ xuống vái lạy nhận tội. Do đó, chỉ vài chum rượu của Mục Công mà đã thu phục được lòng dân. Họ nghe nói Mục Công đích thân dẫn đại quân đánh nhau với nước Tấn cũng vội vã xông ra chiến trường.

Chính trong lúc Tần Mục Công gặp cơn nguy cấp, dân chúng đã xông tới, tay cầm rìu búa chém mạnh lên đầu quân Tấn, làm cho quân Tấn thất điên bát đảo, bỏ chạy tán loạn, hết Đông sang Tây. Họ đã cứu được Tần Mục Công, quân Tần thừa thắng truy đuổi quân Tấn, đã bắt sống được Tấn Huệ Công.

## **NGHIÊM KHẮC TRÁCH MÌNH, THƯƠNG TƯỚNG YÊU QUÂN**

Năm 628 trước Công nguyên, Tấn Văn Công vừa chết, Tần Mục Công thừa cơ sai Mạnh Minh Thị đem quân đánh lên nước Trịnh. Giữa đường bị Huyền Cao phát hiện, giả danh vua Trịnh khao quân, cho người báo cáo với vua Trịnh. Quân Tần tiện tay vợ của, tiêu diệt nước Hoạt (Yến Sư Hà Nam ngày nay) rồi kéo quân về. Chẳng ngờ gặp phải quân Tấn phục kích ở Hào Sơn, toàn quân bị tiêu diệt, Mạnh Minh Thị bị bắt sống, về sau, nước Tấn đã đem ba vị tướng soái thả về nước. Tần Mục Công tự trách mình rất nghiêm khắc rằng lúc đó đã không nghe lời khuyên của Kiến Thúc mà cứ cất quân đánh Trịnh. Rồi vẫn để cho các tướng soái Mạnh Minh Thị v.v... đảm nhận chức vụ cũ, còn nói:

- Trách nhiệm của lần thất bại này là do ta, các người vô tội. Hơn thế trăm không vì một sai sót mà xóa hết công lao to lớn!

Có ý nói là không vì một sai lầm cá biệt mà xóa bỏ hết công lao to lớn của họ. Tần Mục Công đã khôi phục quan chức, bổng lộc cho ba người, hơn thế càng trọng dụng họ. Không những như vậy, mùa hạ năm 624 trước Công nguyên, Mục Công còn cử Mạnh Minh Thị dẫn quân đánh bại quân Tấn. Mục Công tự thân mặc áo tang tới Hào Sơn nhìn thấy quyết sách sai lầm của mình ba năm trước đã khiến cho số đông quân Tần phải chết ở đây. Bây giờ xương khô đầy bãi, Mục Công cùng quân Tần thu nhặt đồng xương trắng xây thành phần mộ, phát tang truy điệu họ, khóc lóc đốn đau suốt ba ngày. Mục Công còn một lần nữa tự kiểm thảo những lầm lỗi của mình trước toàn thể tướng sĩ, để cho người đời sau phải ghi nhớ: Cần phải biết khiêm tốn thỉnh giáo các bậc cao niên mới không dẫn tới làm hỏng việc. Sự việc này đã khiến cho mọi người rất cảm động, ai nấy đều ca ngợi sâu sắc phẩm đức của Tần Mục Công.

## **KẾ GIÁN NHUNG VƯƠNG, XƯƠNG BÁ TÂY NHUNG**

Vua nước Nhung sai Do Dư xuất xứ sang Tần quan sát thực hư. Do Dư vốn là người nước Tấn. Do Dư bàn luận đạo trị quốc với Tần Mục Công. Tần Mục Công phát hiện Do Dư là người tài. Sau sự việc Tần Mục Công nói với quan nội sử Vương Liêu rằng:

- Nước láng giềng có thánh nhân là nỗi lo cho nước mình. Người hiền tài Do Dư còn ở nước Nhung sẽ là trở ngại lớn cho việc xưng bá Tây Nhung của chúng ta, nên làm sao đây?

Vương Liêu kiến nghị nên biếu vua Nhung gái đẹp giỏi ca múa rồi nghĩ cách ly gián mối quan hệ giữa chúng với nhau. Vua Nhung đắm chìm với gái đẹp ca múa, chẳng chịu để ý gì đến chính sự. Vua tôi không nhất trí, thì có thể tranh thủ được Do Dư. Tức thì Mục Công bày tiệc thịnh tình khoản đãi Do Dư, qua bữa tiệc đã hiểu được rất rõ binh lực của tộc Nhung. Lại ra lệnh cho Vương Liêu đưa mười sáu cô gái đồng trinh thạo ca múa tặng cho

vua Nhung. Quả nhiên vua Nhung vô cùng sung sướng, suốt ngày đắm chìm trong thanh sắc. Nước Tần đã lưu giữ Do Dư suốt thời gian rất dài mới để cho Do Dư về nước. Do Dư đã nhiều lần can gián, vua Nhung không nghe. Tần Mục Công nhìn thấy độ lửa đã chín, liền bí mật cử người mời Do Dư tới nước Tần. Do Dư thấy vua Nhung không nghe lời can gián, liền rời bỏ nước Nhung mà tới nước Tần. Mục Công đã dùng mưu kế của Do Dư, vào năm 623 trước Công nguyên, đột nhiên xuất quân đánh nước Nhung, triệt để đánh bại Tây Nhung, “mở rộng đất đai ngàn dặm rồi dần dần xưng bá với Tây Nhung”.



## **18. SỞ TRANG VƯƠNG**

### **KHÔNG KÊU THÌ CHỚ, KÊU LÀ KINH NGƯỜI**

Sở Trang Vương Hùng Lữ, năm sinh không rõ, mất năm 591 trước Công nguyên, là con trai của Sở Mục Vương Hùng Thương Thần. Ban đầu Trang Vương tức vị, bên ngoài mặt không phát hiệu ra lệnh, đêm ngày chỉ tìm kiếm thú vui, trên thực tế ông đang lặng lẽ ngắm nhìn tình thế trong nước, suy nghĩ đại kế cai trị đất nước. Sau ba năm, ông mới bắt đầu vận dụng mưu lược, hòa hoãn mâu thuẫn nội bộ giai cấp thống trị, tăng cường tập quyền trung ương, phát hiện và trọng dụng người hiền tài cai trị quốc gia, còn sử dụng hàng loạt biện pháp như xây dựng thủy lợi, phát triển sản xuất, quan tâm tới những nỗi thống khổ của dân chúng... khiến cho thế nước ngày càng cường thịnh, cuối cùng đã diệt một số nước ở Trung Nguyên, trở thành bá chủ, xưng hùng một thời.

### **ĐỐI XỬ NHÂN ÁI VỚI CẤP DƯỚI, THA THỨ CHO NHỮNG LỖI LẦM NHỎ**

Đối với bề dưới, Sở Trang Vương rất khoan dung nhân hậu. Một lần Sở Trang Vương thiết tiệc khoản đãi quần thần, bắt mỹ nữ chuốc rượu cho mọi người. Màn đêm buông xuống, ánh nến chập chờn, quần thần tưng bừng sung sướng, vui vẻ mừng reo, quên hết cả mọi điều. Bỗng một luồng gió to thổi ào tới làm tắt hết nến. Bàn tiệc bỗng dừng tối om như màn sơn đen. Trong đêm tối có người lợi dụng đục nước vớt cá, thò tay nắm chặt ống tay áo người thiếp yêu của Trang Vương, khiến cho nàng kêu không dám kêu, đi cũng không đi được thoát. Trong tình thế cấp bách, nàng đã dứt đứt chiếc dải mũ của người đó. Trong lúc tối lửa tắt đèn, người thiếp yêu đã khóc lóc nói với Trang Vương:

- Có người bõn cọt thiếp. Thiếp đã dứt dứt được dải mũ của người đó rồi. Xin bệ hạ cho thắp đèn nến sáng lên, thì có thể tra ra người đó ngay.

Trang Vương nghĩ:

- Chẳng tội gì khiến cho thần tử của mình chịu nhục để tỏ rõ trình tiết của người đàn bà.

Tức thì Trang Vương hạ lệnh:

- Hôm nay các khanh cùng trẫm uống rượu vui vẻ, ai không chịu dứt dứt dải mũ của mình đi thì không phải là đã vui chơi thỏa thích!

Các quần thần vì để chiều lòng Sở Vương đã hăng hái dứt dứt hết dải mũ của mình vớt vào trong đồng lửa vui vẻ như cuồng, tận hứng đến hết bữa tiệc. Chờ tới khi các ngọn nến được thắp sáng lên, vì tất cả các dải mũ đều đã không còn nữa, viên đại thần bõn cọt người thiếp yêu của Trang Vương cũng vì vậy mà tai qua nạn khỏi, được bảo toàn sĩ diện. Về sau, mãi sau khi chiến dịch nước Sở vây khốn nước Trịnh, có một dũng sĩ ra sống vào chết, hết mình phục vụ ở chiến trường biên cương, giao chiến với quân địch dũng mãnh lạ thường, năm hiệp đánh chặt được năm thủ cấp của địch. Sau khi chiến dịch kết thúc, Trang Vương hỏi tới người đó, mới biết người đó chính là người đã bị thiếp yêu của Trang Vương dứt dứt dải mũ vào buổi tối hôm đó. Sở dĩ người đó dám xả thân quên chết chính là để báo đáp “cái ơn không làm nhục” của Trang Vương.

## **TRIỆU TẬP RỘNG RÃI NGƯỜI TÀI, HẾT LÒNG SỬ DỤNG TỪNG NGƯỜI**

Có một đoạn thời gian Sở Trang Vương đặc biệt ham thích đi săn. Các quan đại thần ở xung quanh đều vô cùng lo lắng, chỉ lo Trang Vương đam mê quá hóa tiêu tan chí hướng, lơ là với công việc nước liền ở bên cạnh nhắc nhở nói:

- Nước Tấn là kẻ tử thù đối địch của chúng ta. Nếu nước Sở không mưu tính thì sau này nước Tấn tất sẽ mưu tính nước Sở. Trong tình hình như

vậy, mà đại vương còn đam mê săn bắn như vậy, phải chăng là đại vương đã quá tham chơi bởi hưởng lạc?

Trang Vương nói:

- Ta đâu có thể quên được cảnh ngộ trước mắt của chúng ta. Ta đi ra ngoài săn bắn cũng đâu có phải là vì ta muốn hưởng lạc, mà chính là vì mượn điều này để phát hiện ra người tài.

Các quần thần nghe xong đều cảm thấy không thể hiểu nổi. Trang Vương giải thích thêm:

- Ví dụ, khi săn bắn, nếu ta nhìn thấy có người dám vật lộn với giống sài lang hổ báo trong đám cây rừng rậm rạp, ta sẽ biết được con người này nhất định dũng cảm không sợ chết. Khi ta nhìn thấy có người có thể bắt được tê giác hoặc có thể vật lộn với tê giác, thì ta sẽ đoán chắc rằng con người này nhất định sẽ có sức lực vô địch. Khi ta nhìn thấy có người đem những vật săn được phân phát cho mọi người thì ta có thể tin tưởng được con người này nhất định sẽ nhân nghĩa vô tư. Ta dùng cách này đã có thể đạt được ba nhân tài rồi!

Do Sở Trang Vương giỏi phát hiện nhân tài, nên đã tập hợp được ở bên cạnh ông một loạt hiền thần như Tôn Thúc Ngao, Ngũ Cử, Tô Tông v.v... mới khiến cho sở Trang Vương “như hổ thêm cánh”.

## **LẬP KẾ PHẠT TỔNG, QUÊN GIÀY QUÊN KIẾM**

Để trừng phạt nước Tống dựa lưng vào Sở ở gần nước Tấn, lại khổ nỗi chẳng có cớ gì, Sở Trang Vương đã suy nghĩ đêm ngày, cuối cùng đã nghĩ ra một kế: Ông cử Thân Châu tới viếng thăm nước Tề, thế nhưng đã ra lệnh cho Thân Châu khi đi qua đất Tống không được thỉnh cầu mượn đường của nước Tống, lấy việc này cố ý coi thường và chọc tức nước Tống, để tìm ra cái cớ, gây ra sự tranh chấp. Quả nhiên, nước Tống đã trúng kế, họ đã bực tức vì nước Sở ngạo mạn vô lễ, cử người bắt giữ Thân Châu rồi đem giết chết. Tin tức truyền tới nước Sở, Trang Vương vui mừng quá đỗi, vội vã từ

trên giường vùng dậy, chân không kịp xỏ giày liền chạy ra ngoài nhà, khiến cho tên lính mang giày chạy ra sân mới kịp đưa cho Trang Vương. Lính mang kiếm ra đến cổng ngoài mới trao được cho Trang Vương. Tên lính đánh xe phải cho xe chạy lên phố mới đuổi kịp Trang Vương, Sở Trang Vương đã có cơ để xuất quân, lập tức điều binh khiển tướng, tiêu diệt nước Tống. Không lâu nước Tống bị diệt vong, đúng được như tâm nguyện của Sở Trang Vương.

## **NGỰC CÓ ĐẠI TRÍ, BỤNG CÓ KẾ HAY**

Sở Trang Vương tức vị đã ba năm, không hề phát ra một đạo chính lệnh nào, tựa hồ như chỉ “suốt ngày ăn no chẳng chịu suy nghĩ gì”. Các quần thần vô cùng lo lắng đối với sự việc này. Một lần, quan đại phu Thân Vô Úy thỉnh cầu bái kiến, Sở Trang Vương ngồi đó như chẳng để ý gì, liền nói:

- Đại phu cầu kiến, có điều gì quý giá chẳng? Muốn uống rượu ngon, nghe âm nhạc, hay là có điều gì muốn nói với quả nhân?

Thân Vô Úy trả lời loanh quanh vòng vo, nói:

- Thần không phải tới đây để uống rượu ngon, cũng chẳng phải là đến để nghe âm nhạc. Thần chỉ có một việc muốn đến để thỉnh giáo đại vương.

Sở Trang Vương nghe nói, vội hỏi:

- Đó là việc gì? Hãy nói mau cho quả nhân nghe.

Thân Vô Úy nói:

- Trên đỉnh núi cao tại một vùng nước Sở, có một con chim lớn thân mang bộ lông màu sắc sặc sỡ, đậu ở đó đã ba năm rồi, không bay không hót, chẳng biết vì duyên cớ gì?

Sở Trang Vương cười, trả lời:

- Đó chẳng phải là con chim bình thường đâu. Ba năm không động, đó là vì muốn nuôi dưỡng cho bộ lông cánh dài ra. Không bay, không hót là muốn quan sát dân tình. Con chim này không bay thì thôi, hễ bay là vọt lên

tới tận trời; không hót thì thôi, hể hót là làm kinh động lòng người. Người cứ mở mắt ra mà chờ xem!

Quả nhiên không lâu, Trang Vương đã thi hành mưu lược chinh đốn lại hệ thống quan cai trị, chọn người tài sử dụng người hiền, dẹp yên nội loạn, tiêu diệt nước Tống, đã thành tựu được nghiệp bá.

## 19. TỬ SẢN

### LẤY NHỎ LÀM LỚN, TUY YẾU MÀ MẠNH

Tử Sản họ Quốc, tự là Tử Sản, tên gọi là Kiêu, cháu của Trịnh Mục Công.

Năm 547 trước Công nguyên nhậm chức Tế tướng, tới năm 522 thì qua đời, suốt hơn hai chục năm ông có ý chí kiên quyết cải cách nền thống trị ở trong nước, mở rộng hoạt động ngoại giao, khiến cho các nước mạnh cũng không dám kéo quân tới Trịnh. Khổng Tử nghe nói Tử Sản chết liền rơi nước mắt, nói:

- Ông là hóa thân của luồng gió nhân ái thời cổ đại!

Trịnh là một nước nhỏ, lại nằm ở giữa hai nước lớn mạnh là Tấn và Sở, đều không dám đắc tội với hai bên. Tức thì, Sở tới thì liên minh với Sở, Tấn tới thì liên minh với Tấn, thi hành chính sách ngoại giao dao động hai mang, cuộc đấu tranh trong nội bộ lại rất gay gắt, Tử Sản đã lên làm quan Tế tướng trong tình hình như vậy. Ông không những đã khôi phục được trật tự chính trị trong nước, lại thông qua hàng loạt hoạt động ngoại giao khéo léo tinh vi, đã khiến cho một nước Trịnh nhỏ bé, đứng vững không nghiêng ngả giữa các nước mạnh, đã nhận được sự tôn trọng đặc biệt trên địa vị chính trị. Vì vậy, sự đánh giá cao của Khổng Tử đối với Tử Sản cũng không có gì là lạ cả.

### CÙNG DÙNG CƯƠNG NHU, CHÍNH TRỊ RỰC RỠ

Đối với việc tiến hành nền thống trị chính trị như thế nào, căn cứ vào kinh nghiệm suốt cuộc đời của mình, Tử Sản cho rằng: “Thi hành chính trị chẳng qua chỉ có hai loại phương pháp, một loại là khoan dung đại lượng và một loại là nghiêm khắc. Chỉ có những người đạo đức cao cả, được mọi

người tôn trọng, mới có thể dùng nền chính trị khoan dung đại lượng để khiến cho dân chúng phục tùng. Cũng ví như nước và lửa, lửa mạnh, dân chúng nhìn thấy sợ cho nên có rất ít người chết bởi lửa. Tính chất của nước mềm yếu, dân chúng không hoảng sợ, cho nên những người chết bởi nước đã có rất nhiều. Thuật thống trị khoan dung đại lượng giống như nước rất khó đạt được hiệu quả. Muốn đạt được hiệu quả càng nhiều vẫn phải dùng nền chính trị nghiêm khắc”. Khổng Tử cũng rất tán thành thuật thống trị theo kiểu này. Khổng Tử nghe tin Tử Sản đã truyền lời cho Tử Thái Thúc, liền nói:

- Có lý! Quá khoan dung đại lượng, dân chúng sẽ có thể xem thường mà không phục tùng sự thống trị, do đó phải dùng pháp luật nghiêm khắc để cai trị. Điều này không tránh khỏi có chút thương đau tàn nhẫn, rồi lại quay trở lại khoan dung đại lượng. Do đó nên dùng cương nhu, phò trợ nhau, giúp đỡ nhau mới có thể có nền chính trị thông suốt, dân chúng thuận hòa.

Tử Sản bị bệnh mấy tháng thì qua đời, do Tử Thái Thúc kế nhiệm chức Tế tướng, ông ta không nhẫn tâm dùng chính sách nghiêm khắc mà lại dùng chính sách khoan dung đại lượng. Kết quả là bọn giặc cướp ở nước Trịnh càng ngày càng nhiều, việc trị an xã hội rối loạn lung tung. Thái Thúc hối hận, nói:

- Nếu tôi biết nghe theo lời nói của người già thì không thể xảy ra sự phiền phức như thế này!

Tức thì Thái Thúc lại sử dụng vũ lực bắt giết hết bọn giặc gây rối loạn xã hội. Việc trị an xã hội mới có chút chuyển biến tốt.

Khi Tử Sản làm Tế tướng đã nhằm thẳng vào cục diện nội bộ đen tối trong tập đoàn thống trị: chính trị rối bời, dân chúng không có pháp luật kỷ cương, làm điều càn bậy, đất nước hỗn loạn. Trước hết ông bắt tay vào việc chỉnh đốn trật tự quốc gia, kiện toàn chế độ pháp quy, hoàn thành cơ cấu thống trị các cấp, đem các điều trong văn bản pháp luật đúc ở trên vạc hình, phân phát đi khắp nơi trong toàn quốc (đây có lẽ là pháp luật bằng văn bản

đầu tiên của Trung Quốc). Các chế độ nghiêm khắc bắt đầu được thực hiện, đối với nước Trịnh từ trước vẫn ở trong tình trạng hỗn loạn, thật chẳng thuận lợi chút nào. Dân chúng bắt đầu cất tiếng oán thán không dứt, họ đã làm các bài vè, bài ca dao nguyên rủa ông. Thế nhưng, với mục đích cai trị tốt đất nước, Tử Sản đã luôn luôn kiên trì cải cách thời thế chính trị, sau ba bốn năm, việc cai trị nước Trịnh đã nhìn thấy có hiệu quả, dân chúng lại làm ca dao hò vè ca tụng ông.

Đồng thời với việc thi hành chính sách nghiêm khắc này, Tử Sản cũng rất coi trọng lòng dân, coi trọng không khí chính trị khoan dung. Nước Trịnh có một loại cơ cấu giáo dục gọi là “Hương hiệu” - Trường làng. Loại cơ cấu này vốn là xây dựng để giáo dục dạy dỗ các quý tộc địa phương như các quan đại phu, các kẻ sĩ ở giai cấp thống trị trung và hạ tầng. Về sau, dần dần diễn biến thành trụ sở hoạt động chính trị, rồi dẫn tới phát triển thành kết đảng bạo động. Người cha của Tử Sản là Tử Quốc cũng đã bị giết trong loại bạo động này. Quan đại phu nước Trịnh là Nghiên Minh (họ Cách, tên Miệt, tự là Nhiên Minh), sợ Tử Sản lại sẽ gặp phải bất trắc bèn khuyên Tử Sản phải phá huỷ hết trường làng đi. Nhưng Tử Sản lại nói:

- Tại sao lại phải phá huỷ đi? Mọi người sớm tối tụ tập lại ở đây để bàn luận về sự tốt xấu của người nắm giữ chính quyền. Điều mà họ ca tụng thì chúng ta giữ lấy; điều mà họ chê bai oán ghét thì chúng ta phải sửa đổi. Đây chính là thầy dạy của chúng ta! Trung thành làm việc tốt vì nhân dân sẽ có thể giảm bớt nỗi oán hận của dân; tác oai hung ác không thể bịt kín được nỗi oán hận. Ai cũng đều muốn nhanh chóng cấm đoán những chê trách của dân chúng. Thế nhưng đây giống như ngăn cản dòng nước lũ ngập tràn. Tai hại tạo thành bởi chỗ vỡ của dòng nước lũ là sẽ giết hại rất nhiều dân chúng, không thể nào cứu vãn được. Sao bằng sớm khai mở một dòng mương nhỏ dẫn nước chảy đi cho thông suốt. Phải giữ lại trường làng, để nghe lấy những điều nghị luận của dân chúng, coi đó là thang thuốc quý để chữa bệnh cho mình.

Từ đây Nhiên Minh cho rằng Tử Sản có thể hoàn thành được đại sự, Khổng Tử nghe nói có chuyện này, liền nói:



- Có người nói Tử Sản bất nhân, ta không tin là như vậy!

## **LỢI DỤNG MÂU THUẦN, CHẾ PHỤC CÔNG TỘC**

Nước Trịnh ở trong sự khống chế của các thế lực nước lớn suốt thời gian dài, thế lực công tộc trong nội bộ tầng lớp thống trị cũng do bởi quan hệ lợi hại khác nhau mà mâu thuẫn nặng nề, tranh quyền đoạt lợi với nhau, không ngừng sát phạt nhau. Sau khi Tử Sản nhậm chức, hiểu biết rất rõ tình hình này ở trong nước. Nếu vừa bắt đầu đã sử dụng thủ đoạn áp lực cao, thì sẽ có thể khiến cho các loại thế lực liên hiệp lại chống đối. Ông quyết định sử dụng sách lược tạm thời nuông chiều, lợi dụng mâu thuẫn, khiến cho cả hai đều thất bại, đều bị thương rồi trừng trị từng thế lực một.

Lúc đó trong họ Tứ có một người tên gọi là Tử Tích (Công Tôn Hắc) từng giết chết người đứng đầu họ Lương là Bá Hữu. Vốn phải trị tội, nhưng vì thế lực của họ Tứ rất mạnh, Tử Sản tạm thời không cho truy cứu. Từ Ngô Phạm có một người em gái rất xinh đẹp, Tử Nam (Công Tôn Sở) đã hỏi làm vợ. Người anh họ là Tử Tất bất chấp đạo lý đã bắt người đem đi làm quà biếu khi ra làm việc. Từ Ngô Phạm đã nói cho Tử Sản biết. Tử Sản bảo rằng đây là do nền chính trị hỗn loạn của quốc gia tạo thành. Sau này, người phụ nữ đó đã làm vợ Tử Nam. Tử Tích đã giận dữ, trong mặc áo giáp da, ngoài mặc áo dài tới gặp Tử Nam, muốn giết chết Tử Nam rồi chiếm lấy vợ của Tử Nam. Tử Nam đã biết rõ âm mưu của Tử Tích, dùng mác lao bị thương Tử Tích. Sau khi Tử Tích trở về lại lên tiếng nói:

- Ta rất thân thiện tới thăm hãn, chẳng ngờ hãn lại đâm ta bị thương.

Các quan đại phu thương lượng phải xử trí việc này như thế nào. Tử Sản biết rõ đó là sự việc do Tử Tích gây ra, nhưng lại phán xử Tử Nam trẻ tuổi có tội, nói rằng anh ta đã xúc phạm vào năm điều pháp quy: Quốc quân ở triều mà dám động võ đó là không sợ uy nghiêm; xúc phạm kỷ cương pháp luật là không nghe chính lệnh; Tử Tích là thượng đại phu, người là hạ đại phu, không chịu khuất phục, đó là không tôn trọng quý nhân; Tuổi nhỏ mà không cung kính là không tôn trọng trưởng giả; Dùng vũ khí đối phó với

anh họ, là không phụng dưỡng thân thuộc. Rồi đem Tử Nam đày tới nước Ngô. Về sau Tử Tích lại muốn phát động phản loạn. Tử Sản lại lần lượt kể ra ba tội trạng bức bách Tử Tích phải treo cổ tự sát, còn cầm một tấm gỗ viết tội trạng lên trên thi thể Tử Tích bêu ở đầu phố.

## **KHÔNG CAO KHÔNG THẤP, CAI TRỊ ĐẠI QUỐC**

Nước Trịnh muốn sinh tồn, sự thành bại trong ngoại giao có quyết định quan trọng. Trong thời gian Tử Sản nắm giữ chính quyền, số lần hội thề các nước chư hầu đã nhiều tới sáu lần. Ông vận dụng thủ đoạn ngoại giao một cách linh hoạt, đã thay đổi được hình tượng khuất nhục của nước Trịnh, duy trì được danh tiếng tốt đẹp và địa vị xứng đáng.

Năm 542 trước Công nguyên, Tử Sản theo Giản Công tới thăm nước Tấn. Vua Tấn tỏ ý thờ ơ chênh mảng, lấy cớ Lễ Tương Công mới mất không thể lập tức hội kiến được. Không thể tiếp tục chờ đợi như vậy được, Tử Sản đã tâm sinh kế lạ, ra lệnh cho bọn tùy tùng phá đổ hết tường vây xung quanh nhà khách, lừa hết ngựa chạy vào trong sân. Quan phụ trách việc lễ tân là Sĩ Văn Bá nêu kháng nghị, nói:

- Gần đây ở trong nước chúng tôi bọn cướp ác hoành hành dữ tợn, để phòng ngừa quan khách bị quấy rầy, nên mới phải xây tường vây xung quanh cao như vậy. Tại sao các ngài lại tự ý phá đổ tường xuống như vậy?

Tử Sản bình tĩnh trả lời:

- Bọn chúng tôi theo lời thỉnh mời của quý quốc đã chuẩn bị đủ đồ hậu lễ, tới bái yết quốc vương của quý quốc. Thế nhưng các ngài lại nói không có thì giờ nhàn rỗi để đón tiếp, cũng chẳng định sẵn kỳ hạn hội kiến. Những lễ vật mà chúng tôi mang tới đã bị mưa gió vùi dập ở bên ngoài, đều sắp mốc nát cả rồi. Quý quốc ở thời đại Văn Công, rất giỏi tiếp đãi tân khách các nước, quán khách hào hoa dễ chịu thoải mái, đãi ngộ lịch sự hậu hĩnh, khiến cho mọi người rất cảm động. Ngày nay quốc quân sống ở trong cung điện ngoại thành, quán khách lại giống như tạp viện lớn ở trong ngõ hẻm, chật hẹp đến nỗi xe ngựa không vào được. Nói rằng đề phòng trộm

cướp mà chẳng thấy một tên cảnh vệ. Để bảo hộ số lễ vật này đành phải huỷ bỏ bức tường đất kia đi. Nhà vua của quý quốc đang phục tang vua Lỗ, nhà vua của chúng tôi đương nhiên cũng phải như vậy. Quý quốc thu nhận lễ vật, chúng tôi sẽ lập tức xây lại tường, lập tức trở về nước. Xin ngài hãy truyền đạt ý kiến của chúng tôi.

Quan Tế tướng nước Tấn nghe xong hội báo, tự biết mình đuối lý, thông qua Sĩ Văn Bá gửi lời tới xin lỗi Tử Sản. Vua Tấn cũng vội vàng triệu kiến Giản Công. Sau khi khoản đãi long trọng, đã tiễn họ về nước rồi hạ lệnh xây dựng lại quán khách.

Năm 529 trước Công nguyên, nước Tấn hội thề các nước chư hầu ở Bình Khâu, Tử Sản thay mặt nước Trịnh tới dự hội. Đại biểu các nước liên minh theo thứ tự, đều không có bình luận gì hết. Chỉ riêng Tử Sản đề xuất vấn đề giảm bớt việc phân bổ hội phí. Tử Sản nói:

- Từ cổ tới nay, các khoản hạng giao nộp đều được dựa theo tước vị đẳng cấp để định đoạt. Đẳng cấp của nước Trịnh chúng tôi là Bá Nam, thế nhưng lại phải gánh vác nghĩa vụ của cấp Công Hầu, gánh vác quá nặng. Chúng tôi một nước nhỏ như vậy quả thực gánh vác không nổi. Cố sức xin giảm bớt các khoản tiến công. Mục đích tiến hành hội thề là để duy trì sự sinh tồn của nước nhỏ, gánh vác quá nặng, nước nhỏ chỉ có tự diệt, điều đó chẳng phải là đã đi ngược lại tôn chỉ của hội thề hay sao? Sự còn mất của chúng tôi, xin mời các ngài thận trọng suy xét cho kỹ.

Điều nghị án này lẽ dĩ nhiên nước Tấn không muốn tiếp thu. Trái lại Tử Sản không nhượng bộ, thảo luận từ trưa tới chập tối, vẫn kiên trì giữ vững, quá nửa thời gian đã tiêu phí cho việc bàn bạc kiến nghị này, mà chủ đề của hội thề vẫn chưa được bắt đầu thảo luận. Và như vậy nước Tấn kia là mình chủ đã bị mất mặt. Để chiếu cố tới toàn cục, vua nước Tấn đành phải tiếp nhận yêu cầu của Tử Sản.

## 20. LÃO TỬ

### SÁNG LẬP THUYẾT VÔ VI, ĐỀ XUẤT THUẬT CƯƠNG NHU

Năm 1987, trong bản tường trình về tình hình trong nước, Tổng thống Mỹ Ri-gân đã dẫn dùng một danh ngôn của Lão Tử: “Cai trị nước lớn cũng như rim rán con cá nhỏ” rất được lòng dân. Tiếp sau đó, giới dư luận nước Mỹ đã dấy lên một cao trào, giới thiệu, tuyên truyền về Lão Tử.

Lão Tử là người sinh ra vào cuối thời kỳ Xuân Thu [14] họ Lý tên Nhĩ, tự là Đam (còn một thuyết nói tự là Bá Dương, Đam là thụy hiệu [15] hoặc nói là họ Lão tên Đam). Sinh năm 571 trước Công nguyên, là người cùng thời đại với Khổng Tử, đại đế là nhiều hơn Khổng Tử hai chục tuổi, từng làm quan thu tàng thất nhà Chu, quản lý đồ thư. Về sau ông nhìn thấy sự suy yếu của nhà Chu bản thân mình cũng lui về ở ẩn. Có người đã nhìn thấy ông cưỡi con trâu xanh đi ra khỏi Hàm Cốc Quan về phía Tây, làm ẩn sĩ rồi không trở lại nữa. Lão Tử là người sáng lập ra Đạo Lão (Đạo gia). Ông đã đề xuất ra tư tưởng thống trị “Vô vi nhi trị” (cai trị thuận theo lẽ tự nhiên), đã sản sinh ra và ảnh hưởng rất sâu sắc đối với nền thống trị chính trị trong xã hội phong kiến Trung Quốc. Truyền thuyết nói rằng tuổi sống của Lão Tử rất lớn, đại khái là có tới chín chục tuổi. Thái sử công Tư Mã Thiên thì nói đại khái Lão Tử đã sống tới một trăm sáu mươi tuổi, hoặc nói là hai trăm tuổi. Loại dự tính này chắc là không có khả năng.

Có một lần Khổng Tử tới Lạc Ấp quốc đô của Đông Chu, thỉnh giáo Lão Tử đối với học vấn của lễ pháp. Lão Tử nói với Khổng Tử rằng:

- Nhà buôn giàu cất sâu như chẳng có, quân tử thịnh đức, dung mạo ngu đần. Hãy vứt bỏ thói kiêu ngạo, tính tham lam, hám sắc và thói dâm của ông đi thì đều có ích cho bản thân ông đó! Những điều ta muốn nói cùng ông, chỉ có như vậy mà thôi.

Sau khi Khổng Tử trở về, đề cập với đệ tử về ấn tượng của mình đối với Lão Tử. Khổng Tử nói:

- Ta biết chim có thể bay, cá có thể bơi, thú có thể chạy. Đối với rồng ta không thể nào biết được. Rồng có thể cưỡi gió bay thẳng lên mây trời. Ngày hôm nay ta nhìn thấy Lão Tử, ngài quả thật như rồng vậy!

Hiện tại cuốn sách “Đạo Đức kinh” của Lão Tử, phân chia thành tám mươi một chương ước năm ngàn chữ, đây là bộ trường thi triết lý văn vần dùng ngôn ngữ dân gian viết thành đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, đã tập trung đại diện cho tư tưởng của Lão Tử, đó chính là bộ danh trước triết học, cũng là bộ trước tác mưu lược nổi tiếng. Trong cuốn sách “Đạo Đức chân kinh Luận binh yếu nghĩa thuật” của Vương Chân đời Đường đã nói: “Lão Tử chưa từng có một chương nào không đặt ý tưởng vào việc binh”. Vương Chân nói: “Lão Tử là bậc thầy nói về việc binh” (“Tổng Luận - Thần Tông”. Lâm Ngữ Đường tiên sinh nói Lão Tử là “nền triết học âm mưu tự bảo chói lọi sán lạn nhất trên văn đàn toàn thế giới”).

“Vô vi nhi trị” [16] là tư tưởng mưu lược chính trị quan trọng nhất của Lão Tử. “Vi vô vi, tắc vô bất trị” [17] (“Lão Tử - Tam Chương”), “ái dân trị quốc năng vô vi hồ?” [18] (“Chương thứ mười “Thái Thượng, bất tri hữu tri...””), (“Chương thứ mười bảy”). Ông cho rằng: Thánh nhân nên có thái độ “vô vi” [19] để cai trị xã hội, thì không xã hội nào không cai trị được tốt. Cho rằng yêu dân, cai trị đất nước, thuận theo tự nhiên mà không có hành động (xấu xa tàn bạo) là một loại đại đức của thánh nhân. Một vị vua hiền sáng suốt nhất, ăn ở bằng những hành động tốt đẹp, hành động dạy bảo không bằng lời nói, nhân dân ai giữ tính của người ấy, ai nấy sống yên ổn ở chỗ của mình, nhân dân hoàn toàn không bị trói buộc, cứ làm ăn sinh sống theo tự nhiên, thậm chí họ không cần biết sự tồn tại của nhà vua mới. Còn vị vua hạ đẳng nhất đó là loại người chuyên dùng quyền thuật để làm cho nhân dân ngu muội, lấy nguy trá để lừa dối nhân dân, pháp lệnh không thi hành, nhân dân khinh ghét loại thống trị như vậy. Bởi vì loại nhà vua như vậy bản thân họ đã không còn tín nghĩa để mà nói. Lẽ dĩ nhiên nhân dân cũng chẳng thể tín nhiệm họ được nữa. Lão Tử ca tụng những vị vua tài ba

sáng suốt nhất, loại nhà vua này du nhân thuận theo tự nhiên, không tùy tiện phát hiệu ra lệnh, nhân dân có thể an cư lạc nghiệp, thu nhiều đạt lắm. Năm nào cũng đều như vậy, nhân dân tựa hồ như không hề cảm thấy đó là công lao của vị vua hiền sáng suốt. Ngược lại, họ cho rằng, chúng ta vốn là phải nên như vậy. Dương Tử Cư từng hỏi Lão Tử: vị vua sáng suốt nên cai trị thiên hạ như thế nào? Lão Tử nói:

- Vị vua sáng suốt cai trị thiên hạ, công nghiệp phổ cập, mà không cho rằng đó là công lao của mình. Giáo hóa vạn vật mà nhân dân không cảm thấy là đã dựa vào ông ta. Nhân dân chẳng có cách nào nói ra ảnh hưởng của ông ta, thế nhưng nhân dân đều vui vẻ ở cùng với ông ta.

“Chương thứ mười tám - Lão Tử” nói rằng:

- Thuận theo lẽ tự nhiên mà cứ không chịu thuận theo, lấy thiên hạ thường coi là vô sự. Tới khi hữu sự, thì không đủ sức để lấy thiên hạ nữa!

Ở đây, Lão Tử cực lực chủ trương, thông qua sự tu luyện tinh thần của Đạo Lão, tình dục và vọng tưởng của bản thân sẽ ngày một trừ khử được để đạt tới cảnh giới “vô vi”, rồi có thể làm được vô vi tới vô bất vi. Vô vi sẽ không sâu muộn vì cai trị thiên hạ không tốt. Trái lại, nếu dựa vào ý nguyện của mình, chỉ làm theo ý mình, thì không thể cai trị được thiên hạ.

Tại sao “vô vi” có thể cai trị được thiên hạ. Bởi vì Lão Tử cho rằng “Thánh nhân không có thường tâm, lấy tâm của dân chúng làm tâm của mình” (Chương thứ bốn mươi chín). Lão Tử nói: “Đạo phải luôn luôn thuận theo tự nhiên mà không được làm trái lẽ tự nhiên. Các bậc vương hầu biết nắm được điều đó thì vạn vật sẽ tự hóa?”. Ở đây, đạo vô vi chính là pháp đạo tự nhiên, tức là tuân theo quy luật biến hóa tự nhiên. Quy luật chính là “thường”, “như thường gọi là minh, không biết thường là vọng, vọng là làm điều dở”. Nhận thức được quy luật khách quan tức là trí sáng suốt. Những hành động không hiểu được quy luật khách quan thì gọi là vọng động. [20] Những người vọng động tất nhiên sẽ gặp phải họa hung. Vì vậy, Lão Tử phản đối vọng vi, [21] phản đối dùng lực mạnh bắt làm. “Vi tri giả thất tri, chấp tri giả thất tri”. [22] Cường ép bắt làm thì tất nhiên sẽ

thất bại, cưỡng ép làm tất nhiên cũng thất bại. Kết luận của Lão Tử là “có thể phò trợ cho sự tự nhiên của vạn vật chứ không được tự làm”. Chính là phò trợ cho vạn vật thuận theo quy luật tự nhiên mà không được miễn cưỡng bắt làm, tức là làm việc phải dựa vào quy luật khách quan. Do đó mặc theo tự nhiên tuân theo lý mà làm việc, đó là tất cả tinh hoa của học thuyết Lão Tử. Đó cũng là nội dung cơ bản cai trị thuận theo lẽ tự nhiên. Từ mưu lược thống lĩnh ngự trị mà phân tích, đây là một nghệ thuật lãnh đạo cao siêu. Đối với dân chúng lương thiện, cố nhiên nhà vua nên đối đãi tốt với họ. Đối với những kẻ không lương thiện, không những không vứt bỏ, mà ngược lại càng phải cảm hóa họ. Thánh nhân cai trị thiên hạ phải không tư riêng, không tham lam, không phản đối, không họa theo, dưới sự cai trị của ngài, dân chúng thuần phác mà không có trái tim đầu cơ. “Lấy chính để cai trị đất nước, lấy kỳ để dùng binh, dùng vô sự để giành thiên hạ... thuận theo tự nhiên để tự hóa, ta tĩnh lặng mà dân tự ngay thẳng, ta vô sự để dân tự giàu, ta không tham để dân chất phác.

Điều này có ý nghĩa là ta kiên trì “vô vi” thì dân chúng sẽ có thể tự mình khai hóa. Ta ham thích thanh tịnh, thì dân chúng có thể tự mình đoan chính. Ta không có điều chi can dự và bối rối thì dân chúng sẽ có thể tự mình giàu có. Ta tuân theo vô dục thì dân chúng sẽ tự thuần phác. Trên mặt chính trị, Lão Tử cho rằng cần phải “Vi vô vi, sự vô sự”, vô vi tức là tuân theo lý, tuân theo lý mà làm thì không đâu không cai trị được. Vô sự thì không có điều lo lắng, không lo lắng thì ai ở yên đấy, ai làm nghề ấy. Chính thể giản tiện dân chúng yên lành. “Lấy việc vô sự để giành thiên hạ”.

Xã hội thời Xuân Thu Chiến Quốc [23] rối loạn bất an. Lòng dân chỉ muốn tĩnh lặng, lòng dân chỉ thích được yên ổn. Thuyết vô vi nhi trị của Lão Tử trên một mức độ nào đó đã phản ánh được nguyện vọng của nhân dân. Trong lịch sử Trung Quốc, phàm là sau cuộc đại loạn sử dụng phương châm mưu lược cai trị đất nước yên lặng hàn gắn, để cho nhân dân được sống một triều đại có cơ hội nghỉ ngơi tĩnh dưỡng sinh sôi, thì đều được phát triển rất nhanh chóng. Trong cuốn sách “Đầu não hành chính trong tương lai” của nước Mỹ, đã coi câu “Công thành sự toại, dân chúng đều nói



là con người phải được tự nhiên” trong “Đạo đức kinh” là chuẩn mực. Tại nước Mỹ có một cơ quan nghiên cứu khoa học nổi tiếng có nhiều kết quả to lớn. Có người vô cùng kính mộ, đã tới thỉnh giáo đường lối quản lý với người lãnh đạo cơ quan này, họ trả lời “câu châm ngôn luôn để trước mặt trong công tác quản lý của chúng tôi là câu danh ngôn “vô vi nhi trị” của Lão Tử được treo ở trên tường. Lão Tử cho rằng dùng binh và cai trị đất nước phải nên sử dụng những phương thức mưu lược rõ ràng khác nhau. Ông không thỏa mãn với đường lối “dĩ chính trị quốc” - lấy việc ngay thẳng để cai trị đất nước - bởi vì “chính” tức là “chính trị” của Khổng Tử, vẫn là cần phải “hữu vi nhi trị” - Cai trị không thuận theo lẽ tự nhiên. Lấy chính trị cai trị nước, lấy kỳ dùng binh, cũng như vậy không phù hợp với tư tưởng vô vi nhi trị của Lão Tử. Ông nói: Mệnh lệnh chính trị quá nhiều tất nhiên điều cấm kỵ quá lắm, nhân dân hơi một tí là phạm vào quy định của pháp luật, do đó không thể thuận theo được, không thể yên tâm lao động được, cuộc sống sẽ không được yên ổn, sẽ sa vào cảnh khốn khổ. Chính phủ thi hành nhiều mưu thuật, kẻ nắm quyền hành cũng hục hặc lục đục với nhau, quốc gia sẽ sa vào cảnh hỗn loạn, những việc tà ác sẽ xuất hiện luôn luôn. Pháp lệnh nghiêm khắc, việc mưu sinh của nhân dân khó khăn, nạn cướp bóc càng ngày càng nhiều. Do đó việc cai trị đất nước của thánh nhân trong tâm mắt của ông là “Ta thuận theo lẽ tự nhiên thì dân tự hóa”, nhà vua không cần phải làm gì, nhân dân sẽ được tự mình giáo hóa, tự mình bước lên quỹ đạo, tự cầu được nhiều phúc, sẽ biến thành tự nhiên chất phác. Ở trong loại đất nước này “kỳ chính muộn muộn, kỳ dân thuần thuần” (Chương thứ năm mươi tám) - Người cai trị đất nước vô vi vô sự, nhìn qua, nền chính trị của quốc gia này vẫn vẫn đục không trong, kỳ thực đời sống nhân dân được ổn định, đạo đức của dân chúng rất thuần hậu.

Đối với “họa phúc”, Lão Tử nói cho mọi người biết: “Họa là chỗ dựa của phúc, phúc là chỗ ẩn của họa” (Chương thứ năm mươi tám). Tư tưởng này hàm chứa phương pháp biện chứng rất sâu sắc. Về sau không những ở trong lĩnh vực chính trị, trong lĩnh vực quân sự, rất nhiều các tướng soái



thông minh cùng đều tinh ngộ ra rất nhiều đạo lý, trên chiến trường biến hóa khó lường, trước sau đều nắm chắc được quyền chủ động.

“Trị đại quốc, nhược phanh tiểu tiên” (“Lão Tử - Lục Thập Chương”) - cai trị nước lớn cũng như rim rán con cá nhỏ - đây là đường lối cai trị đất nước của Lão Tử. Ông cho rằng, cai trị một nước lớn cũng giống như rim rán một con cá nhỏ, ta không thể luôn luôn lật đờ cá lên được, lửa đang cháy ở dưới, nồi nóng bỏng, nếu ta luôn luôn lật đờ, con cá kia không nát nhừ ra mới là điều quái lạ. Ý tưởng của ông là ở chỗ, cai trị đất nước, cần có chính sách sâu xa vững chắc không thể sớm ra lệnh, chiêu sửa đổi, hoặc chính lệnh rườm rà, nếu không, nhân dân sẽ không biết đường nào mà tuân theo, hoặc không chịu đựng nổi phiền hà, suốt ngày bất an, luôn luôn không biết ngày mai sẽ có biến cố gì. Một quốc gia như vậy liệu có thể không loạn được chăng? Tư tưởng này của Lão Tử vẫn là xuất phát từ mưu lược chính trị cơ bản “Vô vi nhi trị” của Lão Tử, là một phương pháp cai trị đất nước cụ thể.

Lão Tử có tư tưởng biện chứng pháp mộc mạc, giản dị, do vậy đã có thể sản sinh ra rất nhiều tư tưởng mưu lược gợi mở, nhắc nhở người đời sau. Lão Tử nói: “Nhược chi thắng cường, nhu chi thắng cương”, ông cho rằng, con người nếu có thể giữ được phép tắc nhu nhược thì có thể chiến thắng được kẻ thù mà bảo tồn được mình. Cho nên ông nói: “Nhược giả đạo chi dụng” - mềm mỏng là gốc của đạo - ông dùng nước để nói rõ đạo lý nhu nhược thắng cương thường (mềm yếu thắng rắn mạnh): “Trong thiên hạ không gì mềm bằng nước, nhưng không một kẻ công kiên nào có thể thắng được”. Các vật ở trong thiên hạ không có thứ nào mềm yếu hơn nước, vậy mà không có sức mạnh nào giỏi công kiên “tiến công” bằng nước. “Cái mềm nhất thiên hạ tấn công vào cái rắn nhất của thiên hạ”, “lấy mềm thắng cứng, lấy lùi để tiến, lấy co cầu duỗi”, đó chính là nghệ thuật mưu lược xử thế và cai trị đất nước của Lão Tử. Có thể thấy được Lão Tử không hề tiêu cực mà là mưu lược và nghệ thuật tương đối coi trọng đấu tranh. Lão Tử nói: “Nếu muốn nó thót vào thì phải trương nó ra, nếu muốn làm cho nó yếu, tất phải để cho nó mạnh. Nếu muốn phế bỏ nó, tất phải nâng đỡ nó.

Nếu muốn đoạt của nó tất phải đem cho nó!”. (“Lão Tử - Chương thứ ba mươi sáu”). Trong lịch sử mấy ngàn năm của Trung Quốc, vô luận là trong lĩnh vực chính trị hay là lĩnh vực quân sự, ngoại giao, loại tư tưởng mưu lược này đều đã sản sinh ra những ảnh hưởng rất sâu xa.

Đối với chiến tranh, tư tưởng cơ bản của Lão Tử là: “ Binh lính giỏi và vũ khí tồi đều có nội dung ác cảm. Cho nên người có đạo không dùng. Người quân tử ở tất quý bên tả, dùng binh tất quý ở bên hữu. Binh lính, vũ khí tồi, không phải là đồ dùng của quân tử bất đắc dĩ mới phải dùng mà thôi”... (“Lão Tử - Chương thứ ba mươi một”). Do đó, người chủ trương “dùng đạo để phò tá chủ nhân, không dùng binh để cưỡng đoạt thiên hạ” (“Lão Tử - Tam Thập chương”), người nói: dùng sức bắt người phục, người tất bất phục. Đợi lúc có thời cơ có thể, thì người sẽ báo thù. Bất đắc dĩ mới phải dùng binh, cũng chỉ cầu đạt tới cứu tế nguy nan mà thôi, quyết không thể trở tài khoe mẽ. (Xem “Lão Tử - Tam Thập chương”). Lão Tử cho rằng, cuộc chiến tranh bất nghĩa cướp đoạt tiền của liên miên lúc đó chính là tội ác của kẻ thống trị, là bởi vì bọn thống trị đã bành trướng ác liệt muốn chiếm tất cả làm của riêng, do đó người đã phản đối chiến tranh một cách mạnh mẽ. Thế nhưng, người đồng thời cũng cho rằng, trong tình hình bất đắc dĩ, khi phản đối sự xâm lược của nước khác có thể được sử dụng chiến tranh. “Bất đắc dĩ mới phải dùng binh, không màng danh lợi là tốt nhất” (“Lão Tử - Chương thứ ba mươi một”). Mặc dù khi không thể không sử dụng chiến tranh, cũng nên dùng thái độ bình tĩnh, thanh thản, không có bực tức và tham lợi riêng để đối xử với chiến tranh. “Người tài giỏi đạt kết quả là được, không cần giành lấy sự hùng mạnh. Kết quả mà không kiêu căng, kết quả mà không chinh phạt, kết quả mà không ngạo mạn. Kết quả chỉ là bất đắc dĩ, kết quả mà không hùng cường!” (“Lão Tử - Chương thứ ba mươi một”). Cho dù thắng lợi, cũng đừng có đắc ý. Thắng lợi mà đắc ý chính là thích giết người. Con người thích sát nhân, người trong thiên hạ sẽ không quy phục anh ta, anh ta cũng chẳng còn cách nào cai trị được thiên hạ.

Đối với việc dùng binh, Lão Tử từng dẫn dùng câu danh ngôn của các nhà binh lúc đó. “Ta không dám làm chủ mà chỉ làm khách, không dám tiến hàng tấ, mà chỉ lùi hàng thướ”. Ý nghĩa là: “Ta không dám khiêu chiến trước để cất quân đi đánh người, chỉ khi bất đắc dĩ mới đứng lên ứng chiến mà thôi”. Khi tác chiến, thà có thể lùi tránh ba xá, chứ không dám điều võ dương oai mạo muội tiến quân. Dùng loại tư tưởng này chỉ huy quân tác chiến, thì “hành mà không có quân, cướp mà không có tay, cầm mà không có quân, ném mà không có địch”. Điều này trên mưu lược dùng binh thực tế là một phương châm lùi trước tiến sau. Tuy có hành quân bày trận mà giống như không có trận để bày. Tuy muốn vung tay mà giống như không có cánh tay để vung lên. Tuy có vũ khí nhưng lại giống như không có binh khí để sử dụng. Tuy đối kháng với bọn địch mạnh mà lại giống như không có địch để kéo tới. Càng như vậy, càng có thể lấn át địch trước tiên. Lão Tử còn răn dạy “họa không gì lớn hơn bằng khinh địch, khinh địch sẽ mất của chết con”. Cho nên tăng thêm binh lính đánh nhau, kẻ yếu cũng thắng được! (“Lão Tử - Chương thứ sáu mươi chín”). Chỉ huy quân tác chiến, nhược điểm lớn nhất là khinh địch. Khinh địch hầu như là đã đánh mất một thứ căn bản nhất đó là của báu.

Lão Tử nói “báu” “một là lòng nhân từ, hai là tiết kiệm, ba là không dám đi trước thiên hạ”. (“Lão Tử - Chương thứ sáu mươi bảy”). Lòng từ ái, nhìn thấy binh lính coi như con đồ phải tận lực bảo hộ, cho nên có thể khiến cho binh lính có khí phách dũng cảm, tiết kiệm có thể tích đức để dành của cải, ứng dụng vô cùng. Không dám đi trước thiên hạ, có thể được thiên hạ ủng hộ. Trong ba của báu đó, lòng nhân từ đáng quý trọng nhất. Dùng lòng từ ái thống lĩnh, chế ngự, đánh tất thắng, giữ tất chắc, ông trời cũng sẽ hộ vệ cho (“Lão Tử - Chương thứ sáu mươi bảy”). Lão Tử nói: Người tướng soái giỏi, không thể biểu hiện ra dáng vẻ hung mãnh, người giỏi tác chiến không thể tàn bạo phần nộ, người giỏi đánh địch, thậm chí không cần phải giao phong với địch. Người giỏi dùng người, thường lẩn trong quần chúng nhân dân (“Lão Tử - Chương thứ sáu mươi tám”).

Lão Tử còn có rất nhiều tư tưởng mưu lược lưu truyền rộng rãi trong xã hội, như là “Đại thành dẫn tới hư hỏng” “dầy quá tất vỡ”, “thăng quá tất cong”, “khéo quá tất đần”, “hùng biện quá tất áp úng”, “mềm thắng cứng”, “yếu thắng mạnh” v.v... Người đời sau khi vận dụng những mưu lược này vào thực tiễn xã hội, thường có thể phát hiện, một bộ “Lão Tử” kỳ thực ở chỗ nào cũng đều lấp lánh những tia lửa hoa tư duy mưu lược.

Cuộc đời Lão Tử đã du lịch tới rất nhiều quốc gia, đã có sự ưu phiền vì thất nghiệp, đã bị vùi dập trong đau đớn của đất nước bị tiêu diệt, lại bị khổ sở trong cảnh lưu vong. Bộ sách “Lão Tử” phàm có tám mươi một chương, đó là kết tinh thực tiễn xã hội trong cả đời ông. Đặc biệt là trong thời gian ông đảm nhận nhân viên quản lý tranh sách của vương thất nhà Chu, tiếp xúc với những tài liệu tri thức cực kỳ phong phú, lý luận của ông là những triết học trừu tượng trên cơ sở phong phú dày dặn, đó là sự thăng hoa lý tính trong đời sống xã hội lúc đó. Những triết lý rộng lớn tinh sâu được “Lão Tử” giải thích ấy là những tinh hoa của nền văn hóa Trung Quốc, là bộ phận tổ thành quan trọng trong tư tưởng mưu lược của nhân loại. Năm 1986, trên tạp san số năm “Tin tức thời đại” của Tây Đức đã đăng tin, một người tên gọi Pitơ Rôlan, đã viết thư cho tạp chí “Trung Quốc thanh niên” nói, nếu tìm sách Trung Quốc ở Tây Đức thì đầu tiên phải là “Đạo đức kinh”.

Cuốn sách này hầu như nhà nhà đều có những vấn đề phát sinh trong đời sống, người ta có thói quen thỉnh giáo ở Lão Tử. Ở nước Pháp có một quyển “Từ điển danh ngôn và cách ngôn” đã thu thập 386 điều mục, trong đó có tới 49 điều tuyển chọn từ “Đạo đức kinh”. Theo thống kê hiện tại đã có tới trên 100 loại sách “Đạo đức kinh” lưu truyền ở nước ngoài bằng các loại văn tự. Có một nhà học giả đã làm thơ ca tụng: “Ngũ thiên kinh văn, thường dụng thường tân, đạo đức chi bản, dịch lý chi căn, Lão Tử bất lão, vĩnh bảo thanh xuân, lộc ấp tiên triết, thế giới danh nhân” (Lộc Ấp ở tỉnh Hà Nam là quê hương của Lão Tử).

## 21. KHỔNG TỬ

### RỰC RỠ MUÔN ĐỜI, LƯU DANH VẠN THẾ

Khổng Tử (551 - 479 trước Công nguyên) tên Khâu, tự Trọng Ni, người ấp Tâu nước Lỗ - miền Đông Nam huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông ngày nay. Thừa nhỏ “nhà đã nghèo lại ở vào địa vị thấp kém”. Suốt thời gian dài đã từng làm quan giữ kho kế toán chăn nuôi, về sau được thăng lên chức quan Tư khấu có quyền thay mặt làm công việc của vị tướng. Không lâu bị cách chức, chuyên môn dạy học và đi chu du các nước. Khổng Tử là nhà tư tưởng học, giáo dục học vĩ đại trong thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc ở Trung Quốc, là người sáng lập ra đạo Nho, đồng thời cũng là một nhà mưu lược lớn. Những tư tưởng mưu lược trong các lĩnh vực chính trị, quân sự của Khổng Tử đã ảnh hưởng sâu sắc tới thủ đoạn thống trị của các vương triều qua từng thời đại, đã ảnh hưởng tới phương pháp tư duy trong mọi lĩnh vực.

Khổng Tử sống vào cuối thời kỳ Xuân Thu. Lúc này xã hội nô lệ ngày càng có xu hướng suy bại, xã hội phong kiến bắt đầu hưng khởi. Vương thất nhà Chu đã mất hết quyền lực và uy tín ngày trước, lâm vào tình trạng chao đảo và biến đổi. Năm 546 trước Công nguyên, tức là năm sáu năm sau khi Khổng Tử qua đời, hai nước lớn Tấn và Sở, sau khi trải qua cuộc chiến tranh mấy chục năm, đều cảm thấy tinh thần mệt mỏi, sức lực kiệt quệ, họ đã bắt đầu chuẩn bị đình chiến. Quan đại phu nước Tống bôn tẩu chạy vạy ở trong bốn nước Tấn, Sở, Tề, Tần, du thuyết để cho bốn nước lớn thao túng tất thảy, cả bốn nước đều đồng ý đình chỉ cuộc chiến tranh. Các nước vừa và nhỏ khác đương nhiên cũng không thể phản đối. Tức thì mười ba nước Tấn, Sở v.v... cùng với nước Tống làm chủ thết khách đã triệu tập họp “Đại hội dẹp yên chiến sự”, lập minh ước ký kết đình chiến. Từ đó về sau cuộc chiến tranh thôn tính lẫn nhau giữa các nước chư hầu đã tương đối

giảm bớt. Thế nhưng trong nội bộ các nước, đặc biệt là nội bộ các nước lớn, các cuộc tấn công chém giết lẫn nhau tăng lên nhiều. Thần giết vua, con giết cha, chơi bời đàng điếm, các sự việc trái lẽ bỏ bổn phận xảy ra quá nhiều. Khổng Tử đã mắt nhìn tai nghe thấy ba dòng họ lớn là họ Lý, họ Mạnh và họ Thúc Tôn nước Lỗ bằm vằm chia cắt công thất. Trong thời đại chao đảo và biến đổi này, Khổng Tử mong muốn có một đường lối “đường hoàng rộng mở” trông đợi “thái bình thịnh trị”. Nỗi khổ tâm lo cho dân, lo cho đời này đã khiến ông cảm thán “Chiêu Văn đạo, tịch tử khả hĩ” – Sớm được thấy đạo, tối có chết cũng sướng đời! đến nỗi khi đã về già Khổng Tử vẫn còn ôm ấp lòng hăng hái cứu dân giúp đời, bị người đời nói là người “biết mình không thể mà vẫn cứ làm”! cảm giác sứ mệnh xã hội mạnh mẽ này đã khiến cho Khổng Tử phát triển sự thông minh tài trí của mình trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, giáo dục v.v... Sau khi Khổng Tử qua đời, các học trò của ngài đã ghi chép lại những lời nói của ngài, rồi biên tập thành sách. Đó chính là bộ “Luận ngữ”, nó là một bộ trước tác sáng ngời rực rỡ muôn đời trong lịch sử văn minh Trung Quốc, nó cũng là viên ngọc quý giá trong kho báu mưu lược của nhân loại.

### **ĐẠO TRỊ QUỐC TRÊN NHẤT LÀ ĐỨC CHÍNH**

Khổng Tử chủ trương “chính giả chính dã” - nền chính trị chính là sự ngay thẳng, “Vi chính dĩ đức” - lấy đạo đức để thi hành chính trị. Đây chính là lý tưởng chính trị quan trọng của Nho gia. Ngài sùng bái kính ngưỡng vua Nghiêu, vua Thuấn thời cổ đại, ngài nói các bậc vua đó “Vô vi nhi trị” - cai trị thuận theo lẽ tự nhiên, “cung kỷ chính nam, diện nhi dĩ hĩ” - thái độ nghiêm trang, mặt chỉ nhìn về phương chính Nam mà thôi! (Trong thiên “Vệ lục công” - Luận ngữ ghi rằng: Tử viết: “Vô vi nhi trị giả, kỳ Thuấn dã dữ! Phu hà vị tai? Cung kỷ, chính Nam diện nhi dĩ hĩ!). Cái gọi là “Cung kỷ, chính Nam diện” chính là ý nghĩa “Vi chính dĩ đức” vậy. Mọi tư tưởng chính trị của Khổng Tử đều lấy quan niệm này làm cơ sở. Thân của mình có “chính” - ngay thẳng, thì muôn ngàn các ngôi sao mới có thể châu hầu ở bên cạnh được, lý tưởng “Vô vi nhi trị” mới có thể thể hiện được, lấy “chính” - ngay thẳng để làm chính trị, thì lý tưởng “Vi chính dĩ

đức” mới có thể thực hiện được. Chỉ dựa vào cực hình, pháp luật sắt đá, bắt hàng loạt, giết hàng loạt, với mục đích làm cho dân chúng ở trong nước hoảng sợ, thì xã hội đó vĩnh viễn không thể ổn định được. Lý Khang Tử đã từng cầu giáo Khổng Tử về phương pháp cai trị đất nước. Lý Khang Tử nói, để cai trị đất nước “giết chết hết bọn người xấu, thân cận với những người tốt, điều đó có được không”.

Theo lối nói ngày nay, tức là đối với những kẻ xấu đáng chết thì nên giết chết, điều đó chẳng có gì là không tốt. Thế nhưng lúc đó, Khổng Tử lại trả lời như thế này: “Người dùng chính trị cai quản đất nước, tại sao lại phải dựa vào giết chóc nhỉ? Bản thân người thích những việc tốt, thì mọi người sẽ làm những việc tốt. Hành vi của những người lãnh đạo cũng ví như gió, hành vi của dân chúng cũng ví như cỏ. Gió thổi theo chiều nào thì cỏ ngã theo chiều ấy” (“Luận ngữ - Nhan uyên thuyên”). Lý Khang Tử vẫn chính ư Khổng Tử viết: “Như sát vô đạo, dĩ tự hữu đạo, hà như”? Khổng Tử đối viết: “Tử vi chính, yên dụng sát? Tử dụng thiện nhi dân thiện nhi thiện hĩ. Quân tử chi đức phong, tiểu nhân chi đức thảo. Thảo thượng chi phong, tất yên). Trên thực tế, điều này cũng giống như câu tục ngữ nói: “Thượng lương bất chính, hạ lương tất oai” - xà nóc không thẳng, thì xà dưới sẽ nghiêng, trên không nghiêm, dưới tất loạn. Cũng như “Hoàn Công ố tử y” - Hoàn Công ghét áo tím, “Linh Vương háo tế yên” - Linh Vương mê say eo thon, đều nói rõ ảnh hưởng hành vi của những kẻ thống trị đối với công việc giáo hóa chính trị. Do đó, Khổng Tử chủ trương giáo hóa, nhưng hình phạt luật pháp nặng nề không phải là không dùng, nhưng chỉ dùng trong những tình huống đặc biệt mà thôi. Khi Khổng Tử làm quan Đại tư khấu đã từng nói:

“Xét xử các vụ án, ta và mọi người chẳng có điều gì khác nhau. Nếu phải nói ra điều khác nhau giữa ta và mọi người, thì đó chính là ta muốn làm cho mọi vụ kiện tụng ở trên đời hoàn toàn không xảy ra mới tốt!” (“Luận ngữ - Nhan uyên thuyên”). Tử viết: “Thính tụng, ngô do nhân dã. Tất dã sử vô tụng hồ!”).

## **NGƯỜI ĐƯỢC LÒNG DÂN SẼ THẮNG**



Các nhà chính trị của các triều đại lịch sử đều am tường sâu sắc một mưu lược lớn vừa ngăn gọn rõ ràng, lại vừa quan trọng, đó là “Người được lòng dân sẽ được thiên hạ” - Đắc dân tâm giả, đắc thiên hạ. Sớm từ hơn hai ngàn năm trước, Khổng Tử đã chỉ ra một cách sâu sắc điều quy luật cơ bản để thống trị chính trị và chỉ đạo chiến tranh. Theo ghi chép trong “Tả truyện” vào năm thứ tư Tề Giản Công (năm 481 trước Công nguyên), Trần Hăng nước Tề (tức Điền Thành Tử, lại có tên là Điền Thường) đã giết chết vua nước Tề là Giản Công, đó là dùng thần để giết quân. Xét theo quan điểm đạo đức chính trị lúc đó mà nói, đây là điều làm loạn, phạm thượng, đại nghịch, bất đạo, do đó quá nửa dân chúng nước Tề phản đối. Khổng Tử nói với Lỗ Ai Công: Trần Hăng giết vua, có một nửa số dân chúng phản đối, nếu dùng cả nước Lỗ chúng ta cộng thêm một nửa số dân chúng nước Tề, nhất định có thể bình định được Trần Hăng. Khổng Tử đã kiến với Lỗ Ai Công xuất quân đánh Tề. Tư tưởng của Khổng Tử trên vấn đề này đã thể hiện rõ sự đánh giá đầy đủ của ngài đối với sức mạnh dân chúng và thủ đoạn chính trị của ngài về sự vận dụng sức dân, lòng dân (“Sử ký Khổng Tử thế gia”). Đối với cuộc chiến tranh xâm lược, cuộc chiến tranh phi chính nghĩa, Khổng Tử cho rằng chỉ có dựa vào sự ủng hộ và giúp đỡ của dân chúng mới có thể chấm dứt được.

Năm 486 trước Công nguyên, Điền Thường nước Tề muốn làm cuộc phản loạn ở nước Tề, nhưng ở trong nước Tề, các khanh đại phu nắm giữ thực quyền có họ Cao, họ Quốc, họ Bào, họ Yến. Điền Thường hoảng sợ các họ đó, cho nên muốn điều động quân đội của họ đi đánh nước Lỗ. Sự còn mất của nước Lỗ có nguy cơ một sớm một chiều. Trong lúc quyết định sự tồn vong của nước Lỗ, Khổng Tử đã khích lệ học sinh của ngài rằng: “Nước Lỗ là nơi chôn cất phần mộ của tổ tiên, nay đất nước nguy nan như vậy, hai ba người thì chẳng làm được điều gì. Ngài đã động viên học trò hãy dẫn thân mình, cùng lao vào cuộc nguy nan của đất nước. Một mặt ngài động viên dân chúng, một mặt sai Tử Cống đi sứ các nước, triển khai thể tấn công ngoại giao, đã khiến cho nước Lỗ được bảo tồn, còn nước Tề thì đại loạn.



“Túc thực, túc binh, dân tín hĩ” - Lương thực đủ, quân lính đủ, dân chúng sẽ tin - (“Luận ngữ - Tử Hàn”). Thời đại Khổng Tử sống, chiến tranh liên miên, tiếng than khóc của dân chúng đầy đường, người dân không thể sống nổi, làm thế nào cai trị đất nước yên ổn trong tình hình các chư hầu đánh chiếm lẫn nhau, nhà vua suy yếu, Khổng Tử đã nêu ra được phương châm chiến lược căn bản cho mình. Điểm cơ bản của phương châm chiến lược này là “dân chúng”, đó là xây dựng “nghĩa” - chính nghĩa trên cơ sở dân chúng. Từ xưa tới nay, việc cai trị đất nước không thể tách rời chính trị, kinh tế, quân sự, làm thế nào để xử lý mối quan hệ của ba thứ này, đã có quan hệ cực kỳ to lớn đối với quan hệ yên nguy của đất nước. Tư tưởng của Khổng Tử là “túc thực, túc binh, dân tín hĩ!” (“Luận ngữ - Nhan Uyên”). Khổng Tử cho rằng nhân dân giàu có no đủ, nền kinh tế của đất nước phát đạt, có quân đội hùng mạnh thì dân chúng sẽ có đầy đủ niềm tin đối với đất nước. Đồng thời, đối với mối quan hệ giữa ba thứ kể trên, Khổng Tử cũng có những nhận thức sâu sắc của mình. Khổng Tử cho rằng, nếu bất đắc dĩ ba thứ đó không thể đồng thời cùng đạt được ở mức độ cao, thì trước hết phải phát triển kinh tế, bồi dưỡng lòng dân, xác lập lấy niềm tự tin dân tộc, còn việc quân sự thì có thể để chậm một bước, trước hết phải nâng cao kinh tế đã. Trong quan hệ giữa kinh tế và lòng dân, Khổng Tử cho rằng, nền kinh tế lạc hậu không đáng sợ, điều đáng sợ là để mất lòng dân, để mất niềm tin vào chính nghĩa, bỏ mất lòng tự tin dân tộc. Do vậy “Luận ngữ” ghi chép, Lỗ Ai Công hỏi Hữu Nhượng, nếu gặp phải tai hại, đất nước không đủ chi tiêu, nên làm thế nào? Hữu Nhượng cho rằng nên giảm bớt việc thu thuế, dựa theo mức làm mười thu một. Ai Công nói: Thu tới hai phần mười mà vẫn không đủ dùng, làm sao lại có thể thu một phần mười được. Hữu Nhượng trả lời: “Dân chúng đủ, vua nào không đủ. Dân chúng không đủ, sao vua đủ được?”. Đây chính là một câu danh ngôn thiên cổ. Câu trả lời này cũng chính là lời thuyết minh đối với việc “dân tín” của Khổng Tử. Nền kinh tế khó khăn, đất nước khó khăn, trong tình hình như vậy, để khiến cho “dân tin”, cần phải tăng cường sức đoàn kết dân tộc, đất nước không những không thể thu thuế nhiều mà phải nên giảm thuế. Trong “Luận ngữ - Văn Hiến”, học sinh của Khổng Tử là Nam Cung Thích nói: Nghệ giỏi bản tên,

đời Hạ con trai của Hàn Trạc giỏi thiện chiến, nhưng đều phải chết khổ sở, Vũ và Tắc không tham gia chinh chiến, tự mình ra đồng làm ruộng, thế nhưng lại được cả thiên hạ. Khổng Tử rất ca tụng Nam Cung Thích nói: “Con người này là một người quân tử chân chính, là con người có đạo đức cao cả!”. Đây cũng là sự thuyết minh tốt đẹp nhất đối với tư tưởng của Khổng Tử. Kẻ tôn sùng sức mạnh không thể có kết cục tốt đẹp, còn người tôn sùng đạo đức, giữ chữ tín với dân thì cuối cùng có thể giành được thiên hạ. Loại tư tưởng mưu lược cai trị đất nước có bảo đảm trên tầm vĩ mô này của Khổng Tử đã phản ánh sự tinh sâu rộng lớn trong tư tưởng mưu lược của Khổng Tử. Nếu một quốc gia không suy nghĩ dẫn đo tới tình trạng tài lực của đất nước, binh lính nghèo, vũ khí tồi, việc chi tiêu phí tổn cho quân đội vượt quá năng lực chịu đựng của nền kinh tế đất nước, thế thì quốc gia này không thể “túc thực”, cũng chẳng có khả năng “túc binh” được. Một đất nước có nền kinh tế lạc hậu thực ra không đáng sợ, mà điều đáng sợ là lòng tự tin dân tộc và sức đoàn kết dân tộc bị tan vỡ. Những tư tưởng như vậy cho dù ở thời đại ngày nay chẳng vẫn có thể làm tấm gương cho chúng ta noi theo đó sao?

Chỉ có “dân tin”, thực ra cũng không thể bảo đảm được thắng lợi cho cuộc tác chiến, mà còn phải dùng cuộc chiến để dạy dân nữa. “Luận ngữ - Tử Lộ” nói: “Thiện nhân giáo dân thất niên, diệc khả dĩ tức hung hĩ”, có ý nghĩa là nếu muốn nhân dân lao vào cuộc chiến đấu, thì trước hết phải tiến hành huấn luyện. Hơn thế còn nói “Dĩ bất giáo dân chiến, thị vị khí chi”, tức là nói để cho những người dân chưa từng trải qua huấn luyện lao vào tác chiến, thì có nghĩa là để cho dân chúng lao vào chỗ chết, giày xéo chà đạp lên tính mạng của nhân dân. Khổng Tử đã thống nhất ở một mức độ cao giữa việc bảo đảm thắng lợi của cuộc chiến đấu với việc bảo hộ tính mệnh của nhân dân. Điểm này cũng chính là sự thể hiện tư tưởng “dân tín” của Khổng Tử. Đối với dân chúng, Khổng Tử càng coi trọng khí tiết của “Tín” và “Nghĩa”, coi trọng tác dụng tinh thần dân tộc trong sự an toàn của quốc gia, ngài cho rằng “Nghĩa” - chính nghĩa - là điều quý báu nhất, chỉ có dũng mà không có nghĩa, chẳng qua chỉ là bọn thất phu, chỉ có thể là bọn

kẻ cướp thổ phỉ mà thôi (“Luận ngữ - Dương hóa”). Hơn thế ngài còn nêu ra một câu danh ngôn thiên cổ “Tam quân khả đoạt soái, thất phu bất khả đoạt chí” - Có thể đoạt được tướng của ba quân nhưng không thể đoạt được chí của thất phu - điều này đã phản ánh tác dụng việc coi trọng cao độ “Tín” và “Nghĩa” trong việc cai trị dân chúng.

Khổng Tử cho rằng tướng soái cần phải lâm nạn không kinh sợ, có dũng có mưu, văn võ song toàn. “Luận ngữ - Thiên thuật nhi” có một đoạn ghi chép rằng:

Tử Lộ viết: Tử hành tam quân, tắc thủy dữ?

Tử viết: Bạo hổ bằng hà, tử nhi vô hối giả, ngô bất dữ dã. Tất dã lâm sự nhi cụ, hảo mưu nhi thành giả dã.

Chữ “hành” ở thời cổ đại có thể chỉ việc hành quân, có ý nghĩa là xuất quân đi đánh trận. Chữ “dữ”, là động từ, có nghĩa là đi cùng. “Bạo hổ” chỉ tay không vật nhau với hổ. “Bằng hà” là chỉ đôi chân bơi qua sông. Ý nghĩa của đoạn này nói rằng: Học sinh của Khổng Tử là Tử Lộ hỏi ngài: “Nếu thầy thống lĩnh quân đội đi đánh trận, thì thầy sẽ cộng sự với loại người như thế nào? Khổng Tử nói: “Loại người chỉ biết liều lĩnh, chân đất, tay không đánh nhau với hổ, không dùng thuyền mà dùng tay bơi qua sông, biết chết mà không hối hận, thì ta không cộng sự với loại người như thế. Những người mà ta cộng sự nhất định phải là những người gặp nạn không kinh sợ, làm việc cẩn thận, giỏi dùng mưu lược, xuất quân là tất thành công. Có ba sự việc mà Khổng Tử đặc biệt thận trọng chú ý đó là “Trai giới, chiến tranh và bệnh tật” (“Luận ngữ - Thuận nhi thiên”), sở dĩ ngài đặc biệt thận trọng đối với chiến tranh, bởi vì chiến tranh là việc đại sự an nguy, tồn vong của đất nước. Do đó ngài đã chỉ ra rõ ràng chính xác là: tướng soái không thể lỗ mãng, bạo ngược, cần phải lâm nguy mà không sợ, ung dung không vội vã, có dũng, có mưu, văn võ kiêm toàn. Suốt cuộc đời Khổng Tử đã tham gia qua rất nhiều hoạt động chính trị, quân sự, bản thân ngài chính là một đại mưu lược gia văn võ kiêm bị. Suốt cuộc đời Khổng Tử mò mẫm tìm tòi đạo trị quốc, thế nhưng với điều kiện xã hội mà ngài

sống đó đã không thể có nơi nào thực hành được. Về sau, Lỗ Định Công bổ nhiệm Khổng Tử làm Trung Đô Trưởng quan, chỉ một năm làm việc, phương pháp cai trị của Khổng Tử đã đạt được hiệu quả ở các nơi. Khổng Tử đã từ Trung Đô Trưởng quan thăng chức lên Tư không, lại từ Tư không thăng chức lên Đại Tư Khấu. Mùa xuân năm thứ mười Định Công (năm 500 trước Công nguyên), quan đại phu nước Tề là Lê Mục nói với Cảnh Công, nước Lỗ trọng dụng Khổng Khâu, tình hình trong nước ngày càng có chuyển biến tốt, phát triển mạnh mẽ, nhất định sẽ nguy hại tới nước Tề. Họ muốn dùng âm mưu, thủ đoạn để đê bẹp nước Lỗ, tức thì đã phái sứ giả hẹn ước với nước Lỗ tiến hành hội đàm hữu hảo ở Giáp Cốc. Lỗ Định Công vốn nghĩ rằng cứ ngồi xe tới dự hội mà không có một chút cảm giác phòng bị gì để biểu thị lòng thành kính hữu hảo, còn ra lệnh cho Khổng Tử với thân phận Đại Tư Khấu kiêm việc chủ trì nghi thức cuộc họp mặt. Khổng Tử nói: Có việc văn tất phải chuẩn bị việc võ. Có việc võ tất phải chuẩn bị việc văn. Chư hầu ra khỏi biên giới tất phải có quan viên văn võ theo cùng, có binh lính hộ tống, xin để cho các quan Tư mã tả hữu cùng đi. Ở đây ý thức mưu lược của Khổng Tử còn mạnh hơn Lỗ Định Công rất nhiều.

Sau khi hai bên trao tặng lễ vật cho nhau ở trên đài, các quan viên nước Tề thỉnh thị Tề Cảnh Công: “Xin cho phép được diễn tấu nhạc các tộc ở bốn phương”. Tề Cảnh Công nói: “Được!”. Tức thì đội nhạc của nước Tề bắt đầu kéo ra. Thế nhưng họ đã dùng cờ xí để chỉ đạo trước. Đầu chúng cầm lông vũ, thân khoác áo da, tay cầm mâu cầm kích, cầm kiếm cầm thuẫn... đủ thứ binh khí, âm ào như đàn ông, hoàn toàn ăn mặc theo đặc trưng dân tộc thiểu số lúc đó. Khổng Tử nhìn thấy vậy, đã bước nhanh lên đài, còn chưa bước lên bậc thềm cao nhất, đã vung tay áo nói: “Quốc quân hai nước hội đàm hữu hảo, tại sao lại diễn tấu âm nhạc Di Địch? Xin quan chủ sự hạ lệnh cho họ lui ra!”. Tả hữu nhìn thấy ánh mắt của Yến Tử và Cảnh Công. Cảnh Công tự biết là không đúng liền xua tay bắt đội nhạc lui ra. Các quan viên nước Tề lại thỉnh thị được diễn tấu nhạc khúc trong cung, Cảnh Công nói: “Được!”. Tức thì đội nhạc trong bọn nghệ nhân hát múa điên cuồng với bọn người lùn bé nhỏ hợp thành đã vừa hát vừa múa kéo ra.

Khổng Tử lại nhanh chân bước ra nói: “Dùng bọn nghệ nhân thô tục bán thiu này chọc gheo chư hầu, luận tội thì đáng phải chết. Quan chủ sự! Hãy mau ra chấp hành!”. Quan chủ sự lập tức chấp pháp, chém ngang lưng những tên lùn pha trò nhảm nhí. Cảnh Công vô cùng hoảng sợ, biết rằng mình đã thua nước Lỗ trên mặt đạo nghĩa. Sau đó đã phải thành thực xin lỗi điều không phải đối với nước Lỗ, đã trả lại vùng đất Quân, Vận Dương, Quy mà ngày trước xâm lược của nước Lỗ, lấy việc đó để tạ tội với nước Lỗ.

Cuộc hội đàm ở Giáp Cốc lần này, nếu không phải là mưu sâu nghĩ xa của Khổng Tử, nếu không phải là sự tùy cơ ứng biến của Khổng Tử thì cảnh ngộ của nước Lỗ và địa vị của nó về sau này sẽ rất khó có thể định liệu được.

Năm thứ mười bốn Định Công (năm 496 trước Công nguyên) Khổng Tử năm mươi sáu tuổi, ngài từ chức Đại Tư Khẩu, lên chức quyền Tế tướng. Chấp hành được ba tháng, thương nhân không dám nâng cao vọt giá hàng, nam nữ đều có lễ nghĩa, không ai nhật của rơi trên đường, tân khách tứ phương tới đô thị, các bộ phận hữu quan đều mang hết chức trách ra nhiệt tình chủ động tiếp đãi, không cần phải dâng lễ thỉnh cầu đều có thể nhận được những thứ và sự chiếu cố như mình mong muốn, đều hài lòng mãn ý khi trở về. Nước Tề nghe thấy tình hình này càng thêm sợ hãi, có người nói: “Có Khổng Tử cai trị đất nước, thì nước Lỗ nhất định có thể xưng bá. Hễ nước Lỗ xưng bá, thì nước Tề sẽ là nước đầu tiên bị thôn tính, bởi lẽ nước Tề cách nước Lỗ rất gần. Cho nên trước hết phải dâng hiến cho họ một số đất đai. Quan đại phu nước Tề là Lê Mục đã tuyển chọn ở trong nước Tề được tám mươi mỹ nữ dâng lên vua Lỗ. Vua nước Lỗ tiếp nhận mỹ nữ, rồi chẳng thiết gì đến việc triều chính nữa. Khổng Tử bức tức quá bỏ nước Lỗ ra đi. Khổng Tử còn ca hát, nói rằng: “Một khuôn miệng mỹ nữ, có thể đuổi hết người thân, có thể đuổi hết đại thần. Thân gần mỹ nữ nũng nịu, sẽ làm cho nước mất thân tan. Ôi thú vui du nhân, thú vui du nhân. Ta sẽ sống như thế này qua những ngày tàn”.

Khổng Tử chưa hề đánh trận. Từ trước đến nay chưa hề có ai nói tới ngài có những cống hiến gì trên phương diện mưu lược quân sự. Thế nhưng thiên tài trên mặt quân sự của Khổng Tử đã có thể được khẳng định. Năm 11 Lỗ Ai Công (năm 484 trước Công nguyên), học sinh của Khổng Tử là Nhiễm Hữu thống lĩnh quân đội của họ Lý, tác chiến với nước Tề ở Lãng Ấp, đã thắng trận, Lý Khang Tử nói: “Tài năng quân sự của ông là do học được, hay là do bẩm sinh đã tự có?”. Nhiễm Hữu nói: “Đó là do tôi đã học được của thầy tôi là Khổng Tử”. Vậy mà Khổng Văn Tử nước Vệ sắp sửa kéo quân đi đánh Thái Thúc, liền tới thỉnh giáo kế sách của Khổng Tử. Khổng Tử lại nói bản thân mình không hiểu gì về quân sự cả. Điều này nói rõ chẳng những Khổng Tử hiểu được quân sự mà còn rất thao lược nữa. Chỉ vì những mưu lược chính trị, thuật số thống ngự của ngài càng thể hiện sự rộng lớn, càng thể hiện sự hùng vĩ, nên những mưu lược quân sự mới không được người đời sau coi trọng mà thôi.

Từ Thiên tử vương hầu đến dân chúng bình thường đều học theo cách của thầy Khổng Tử. Ngài thực sự có thể gọi là một vị thánh hiền chí cao vô thượng (“Sử ký - Khổng Tử thế gia”). Hoàng đế Càn Long đời Thanh đã từng viết câu đối ca ngợi Khổng Tử rằng: “Khi bị tứ thời, dữ thiên địa quỷ thần nhật nguyệt hợp kỳ đức; Giáo thụ vạn thế, kế Nghiêu Thuấn Vũ Thang văn vũ tác chi sư” - Rực rỡ muôn đời, đức hợp cùng trời đất quỷ thần nhật nguyệt. Lưu danh vạn thế, văn võ kế nghiệp thầy Nghiêu Thuấn Vũ Thang - Ca tụng Khổng Tử đã kế thừa được nền văn hóa ưu tú nhất của dân tộc Trung Hoa trước mình, rồi tôi luyện thêm, đã hình thành hệ thống tư tưởng độc đáo đặc sắc. Loại tư tưởng này, Mạnh Tử đã kế thừa sự lớn lao của nó, Tống nho tập hợp tổng kết hình thể của nó, Minh Thanh lại có phát triển mới, đối với hậu thế, đối với nền văn minh thế giới đều sản sinh ra những ảnh hưởng không thể đánh giá hết được.

Những thành tựu của Khổng Tử trên mặt triết học và giáo dục học càng vô cùng to lớn. Tư tưởng triết học cơ bản của Khổng Tử là “Nhân”. “Nhân” tức là “ái nhân” - yêu con người. Ngài nói “Khắc kỷ phục lễ vi nhân” – gạt bỏ dục vọng xấu xa thực hành theo đúng lễ, đó là nhân. Có thể nhìn thấy

“Nhân” của ngài đã được liên hệ chặt chẽ với “Đức”. Sự sáng tạo của ngài trên mặt tư tưởng giáo dục là ngài chủ trương kết hợp “học” với “tư” - suy xét và “Ôn cố nhi tri tân” - ôn lại cái cũ sẽ biết được điều mới. Ngài còn chủ trương “Hữu giáo vô loại” - trong việc giáo dục không phân biệt hạng người, “học nhi bất yển, hồi nhân bất quyên” - việc học không biết thế nào là đầy đủ, là thỏa mãn, việc dạy người không biết thế nào là mệt mỏi, chán nản. Những điều này thật là vô cùng quý giá và thật là khó khăn ở trong xã hội phong kiến. Ngoài ra, những ngôn luận như là “Tam nhân hành tất hữu ngã sư yên” - Trong ba người cùng đi tất có một người làm thầy của ta ở trong đó, “Ngô nhật tam tỉnh ngô thân” - Mỗi ngày ta phải tự kiểm tra lại mình ba lần, đều bao hàm những triết lý sâu sắc.

Những cống hiến của Khổng Tử cho loài người thật là lớn lao. Ngài đích thực là một nhà tư tưởng mưu lược kiệt xuất.



## 22. HẠP LƯ

### TỰ LẬP HƯNG NGÔ, TRANH BÁ PHÁ SỞ

Hạp Lư họ Cơ tên Quang, là con trai của Ngô Vương Chư Phàn. Hạp Lư đã dùng tráng sĩ Chuyên Chư đâm chết Ngô Vương Cơ Liêu rồi tự lập lên làm vua, tại vị từ năm 514 đến năm 496 trước Công nguyên, từng đánh phá nước Sở hùng mạnh, chiếm lĩnh Sở Đô khiến cho nước Ngô uy trấn chư hầu. Hạp Lư là một vị thống soái quân sự và mưu lược gia nổi tiếng vào cuối thời Xuân Thu.

### NGẦM DỪNG THÍCH KHÁCH, GIẾT VUA TỰ LẬP

Ông nội của Hạp Lư là Cơ Thọ Mộng có bốn người con trai: Con trưởng là Chư Phàn, con thứ là Dư Tế, con thứ ba là Dư Muội, con thứ tư là Lý Trát. Thọ Mộng muốn truyền ngôi cho Lý Trát, Lý Trát không tuân theo. Chư Phàn đành kế vị. Sau khi Chư Phàn mất, Dư Tế kế vị. Sau khi Dư Tế mất, Dư Muội kế vị. Sau khi Dư Muội mất, Lý Trát vẫn không chịu kế vị. Theo lý thì phải nhường cho cháu trưởng của Thọ Mộng, con trai của Chư Phàn là Cơ Quang kế vị, thế nhưng con trai của Dư Muội là Cơ Liêu đã lên kế ngôi vương vị. Cơ Liêu bổ nhiệm Cơ Quang làm tướng. Cơ Quang rất không phục, đã bí mật tìm kiếm nhân tài ở khắp nơi, chờ thời cơ giết vua tự lập.

Cơ Liêu kế vị không lâu, Ngũ Tử Tư chạy trốn sang nước Ngô hiến kế tiêu diệt Sở với Cơ Liêu. Cơ Quang vốn biết rõ Ngũ Tử Tư là người có mưu trí siêu quần, không muốn để cho ông phò tá Cơ Liêu, bèn nói với Cơ Liêu:

- Cha của Ngũ Tử Tư bị vua Sở giết chết. Ông ta dâng kế đánh Sở chẳng qua chỉ là muốn báo thù riêng mà thôi, việc đó đối với nước Ngô, chẳng có



ích lợi gì.

Cơ Liêu liền không thu nhận kiến nghị diệt Sở của Ngũ Tử Tư. Sau khi Cơ Quang đã ly gián được quan hệ giữa Cơ Liêu và Ngũ Tử Tư rồi, liền bí mật tiếp cận với Ngũ Tử Tư. Ngũ Tử Tư hiểu biết được Cơ Quang không cam chịu sống dưới quyền của Cơ Liêu, có chí muốn giết vua tự lập, liền tiến cử tráng sĩ Chuyên Chư với Cơ Quang. Cơ Quang nhìn thấy thân hình Chuyên Chư to lớn vạm vỡ, rất coi trọng nghĩa khí, cho rằng có thể phó thác được đại sự, nên đã thường xuyên tặng thịt thà lương thực, vải vóc cho Chuyên Chư, đi lại rất thân mật.

Năm thứ 11 Ngô Vương Liêu (năm 516 trước Công nguyên), Sở Bình Vương bị bệnh qua đời, Chiêu Vương mới lên ngôi. Ngô Vương Cơ Liêu cho rằng: Đây là thời cơ tốt nhất để phạt Sở, bởi Cơ Quang bị ốm nên đã cử hai con trai của mình là Cái Dư và Trúc Dung dẫn quân tiến đánh Lục (nay là phía Bắc Lục An, tỉnh An Huy), Tiềm (nay là phía Nam Hắc Sơn tỉnh An Huy), còn cử chú mình là Lý Trát tới nước Tấn để quan sát phản ứng của các nước chư hầu đối với việc Ngô đánh Sở. Quân đội Ngô còn chưa đánh chiếm được Lục, Tiềm thì lập tức đã bị quân Sở cắt đứt đường trở về. Lúc này binh lực trong nước Ngô trống rỗng, con trai là chú của Cơ Liêu không có mặt ở trong nước, chính là cơ hội tốt nhất để cho Cơ Quang đoạt lấy chính quyền. Cơ Quang tìm đến Chuyên Chư, nói:

- Thời cơ hiện tại không được để mất. Không nắm lấy cơ hội này thì bao giờ mới có thể có được cơ hội như vậy nữa! Ta là người kế thừa ngôi vua chân chính, vốn phải lập ta làm vua mới đúng. Bây giờ ta muốn được Vương vị. Sau này Lý Trát trở về nước Ngô, cũng không thể phớt bỏ được ta.

Chuyên Chư nói:

- Vương Liêu có thể giết chết được. Hiện tại nước Ngô bên ngoài bị khốn ở Sở, bên trong không có đại thần cứng rắn, quả thực là thời cơ tốt. Thế nhưng tôi còn mẹ già con dại, hễ tôi có điều gì bất trắc, thì biết làm sao đây?

Cơ Quang nói:

- Việc này người cứ yên lòng. Thân ta chính là thân người.

Tháng tư năm thứ mười ba, Ngô Vương Liêu (năm 514 trước Công nguyên), sau khi Cơ Quang trù liệu xong kế hoạch ám sát Cơ Liêu rồi, liền mời Cơ Liêu tới phủ của mình để dự tiệc. Tính cảnh giác của Cơ Liêu cũng rất cao, Cơ Liêu đã cử binh lính bày thế trận ở bên đường, từ vương cung tới cửa nhà Cơ Quang. Trong sân, trên bậc thềm, cạnh bàn tiệc ở nhà Cơ Quang đều có binh lính cầm vũ khí đứng gác. Sau khi bắt đầu bữa tiệc, Cơ Quang giả vờ nói là có bệnh đau chân lùi khỏi bữa tiệc vào trong hầm có quân lính mai phục, cho Chuyên Chư dùng dao găm giấu trong bụng con cá đã chiên chín.

Sau đó để cho Chuyên Chư bùng ra, tiến dâng lên Cơ Liêu. Chuyên Chư bùng đĩa cá đặt trên bàn tiệc, rút dao găm ra đâm chết Cơ Liêu. Quân Ngô nhìn thấy Ngô Vương bị đâm, kinh sợ quá, liền giết chết Chuyên Chư. Lúc này, Cơ Quang dẫn quân giáp sĩ từ dưới hầm vọt lên, rất nhanh chóng đã khống chế được cục thế, rồi tự lập lên làm vua, đây chính là Ngô Vương Hạp Lư. Về sau, Lý Trát từ nước Tấn trở về nước Ngô. Cũng chẳng còn cách nào đành phải thừa nhận sự thực này.

## **YÊN VUA TRỊ DÂN, TĂNG CƯỜNG QUỐC LỰC**

Sau khi Hạp Lư tự lập ngôi vua, phong cho con trai Chuyên Chư làm khanh [24] để biểu thị lòng cảm kích biết ơn Chuyên Chư đã giúp mình mở nước; đồng thời bổ nhiệm Ngũ Tử Tư làm “Hành nhân”, để cho Ngũ Tử Tư tham gia mưu hoạch những phương châm chính trị lớn của nước Ngô. Hạp Lư ôm ấp ý nguyện lớn lao, muốn “làm cho nước mạnh, mưu đồ vương bá”. Hạp Lư hỏi Ngũ Tử Tư về thuật “yên quân trị dân”, nói:

- Nước Ngô của chúng ta đất nằm ở phía Đông Nam xa xôi hẻo lánh, đường đi lại hiểm trở, chất đất ẩm ướt ác liệt, hơn thế còn có nạn hải triều, ruộng đất rất ít được khai khẩn, đất nước không có lương thực dự trữ, không có thiết bị phòng ngự, dân chúng không có ý chí an cư lạc nghiệp.

Do vậy, nước Ngô không có cách nào thị uy với nước láng giềng được. Làm thế nào để có thể thay đổi tình trạng này được?

Ngũ Tử Tư nói:

- Tạo cho dân cốt ở chỗ làm cho dân yên ổn để phát triển sản xuất. Cơ nghiệp bá vương cốt ở chỗ bắt tay từ nơi gần từng bước khống chế nơi xa. Nước Ngô nếu muốn cường thịnh, trước hết cần phải tu sửa xây dựng thành quách, xây dựng hệ thống phòng ngự, có đầy đủ lương thực, chế tạo ra vũ khí, khiến cho có thể giữ được bên trong mà lại có thể đánh ra bên ngoài.

Hạp Lư hoàn toàn đồng ý với kiến nghị của Ngũ Tử Tư. Hơn thế còn bổ nhiệm Ngũ Tử Tư chủ trì việc tu bổ đô thành Cô Tô (Tô Châu, Giang Tô ngày nay), rồi lại cho xây dựng kho lương, chế tạo vũ khí. Đồng thời với việc đó, bản thân Hạp Lư đã làm rất nhiều việc mua chuộc, lôi kéo lòng dân. Hạp Lư sống giản dị, “coi dân như con, đồng cam cộng khổ”, thường xuyên đi sâu vào dân gian tìm hiểu dân tình, gặp khi có thiên tai ôn dịch liền có mặt cứu tế những dân chúng nghèo khổ. Do đó, trên một mức độ nhất định, Hạp Lư đã được sự ủng hộ của nhân dân nước Ngô. Thế nước được dần dần vững mạnh, Ngũ Tử Tư còn tiến cử Tôn Vũ với Hạp Lư. Hạp Lư đã đọc hết mười ba chương binh pháp của Tôn Vũ, rất bái phục Tôn Vũ, liền bổ nhiệm Tôn Vũ làm tướng, để cho Tôn Vũ phụ trách việc huấn luyện binh lính ở nước Ngô. Tôn Vũ cùng Ngũ Tử Tư chỉnh quân luyện võ, huấn luyện nghiêm khắc, yêu cầu chặt chẽ, khiến cho sức chiến đấu của quân Ngô được nâng cao rất mạnh mẽ.

## **LẬP KẾ PHÁ SỞ MẠNH,**

## **THÀNH TỰU ĐƯỢC NGHIỆP BÁ**

Ngô vốn là thuộc quốc của Sở. Đến thời kỳ ông nội của Hạp Lư là Thọ Mộng, nước Ngô bắt đầu cường thịnh, kỹ thuật đúc kiếm đã vượt qua một số nước ở Trung Nguyên. Thọ Mộng đã sử dụng phương châm chiến lược liên hiệp với Tấn, khống chế nước Sở, mời Vu Thần người nước Tấn dạy cho quân Ngô biết cách bắn, cách phòng ngự và cách đánh trận bằng xe của Trung Nguyên; sức chiến đấu quân thủy, quân bộ dần dần được tăng cường,

liền phát động cuộc chiến tranh liên miên với Sở. Trong thời kỳ đời cha, chú và Cơ Liêu của Hạp Lư, quân Ngô và quân Sở thường xuyên có sự đề phòng tấn công lẫn nhau; quân Ngô đã chiếm lĩnh được một số đất đai ở vùng biên giới nước Sở. Hạp Lư muốn thành nghiệp bá, mục tiêu quan trọng đầu tiên là phải đánh bại nước Sở một cách triệt để. Vì vậy, Hạp Lư trọng dụng mưu thần Ngũ Tử Tư. Bá Bì và Tôn Vũ mà Ngũ Tử Tư tiến dẫn... từ nước Sở chạy trốn sang nước Ngô, cố gắng hết sức lợi dụng họ để tìm hiểu tình hình nước Sở và quen thuộc với những chỗ mạnh của chiến thuật chiến lược.

Năm thứ ba Ngô Vương Hạp Lư (năm 512 trước Công nguyên) cùng các tướng lĩnh Ngũ Tử Tư, Bá Bì v.v... kéo quân tới đánh Sở, đã chiếm lĩnh được đất Thư (nay là phía Tây Nam Lư Giang tỉnh An Huy). Hạp Lư muốn tiếp tục phát động tấn công, chiếm lĩnh lấy thủ đô nước Sở là đất Dĩnh (nay là phía Tây Bắc Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc), sau đó đã hỏi kế các mưu thần. Tôn Vũ nói:

- Hiện tại dân chúng nước Ngô đã quá mệt mỏi, không thể phát động cuộc tấn công quy mô lớn đối với nước Sở được, còn phải chờ đợi thời cơ nào có lợi!

Ngũ Tử Tư rất hiểu biết tình hình nước Sở đã nêu ra một mưu lược trước hết phải làm cho nước Sở kiệt quệ, tạo ra những cảm giác sai lầm cho nước Sở. Sau đó sẽ tiến đánh. Hạp Lư đã tiếp nhận kiến nghị này, lần lượt cắt quân tập kích đất Di (nay là vùng phụ cận Oa Dương, An Huy), đất Tiềm (nay là phía Bắc Lục An, An Huy), đất Huyền (nay là phía Tây Nam Hoàng Xuyên, Hà Nam), lúc đánh Nam, khi diệt Bắc, quấy rối nước Sở suốt sáu năm dài, làm cho quân Sở mệt mỏi vô cùng, lại rất khó phán đoán được ý đồ chân thực của quân Ngô. Đây chính là điều kiện được sáng tạo ra rất có lợi cho việc tấn công lớn vào nước Sở của quân Ngô.

Năm thứ chín Ngô Vương Hạp Lư (năm 506 trước Công nguyên), cơ hội Ngô đánh Sở cuối cùng cũng đã tới. Mùa thu năm đó, nước Sở vây đánh nước Thái, nước Thái cầu cứu nước Ngô; Thành Công nước Đường cũng vì

bị lệnh doãn nước Sở ăn hối lộ bị giam giữ đã ba năm mới được tha về, cũng muốn liên hợp với Ngô, Thái tấn công nước Sở để báo oán trả thù. Hạp Lư cho rằng thời cơ đánh Sở đã chín muồi, liền hỏi Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ có cách nhìn gì khác không. Hạp Lư nói:

- Trước đây, các ông cho rằng không thể đánh Dĩnh được, phải chăng là bây giờ đã có thể đánh được?

Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ nói:

- Lòng dạ tham lam của Sở quá nặng nề, hai nước Đường, Thái ở bên cạnh nước Sở đều oán hận. Nếu đại vương nhất định phải cất quân đi đánh Sở thì trước hết cần phải giành được sự ủng hộ và giúp đỡ của hai nước Đường, Thái mới được.

Kiến nghị này vừa hay phù hợp với cách nghĩ của Hạp Lư. Hạp Lư cũng nhìn trúng nước cờ này. Lúc đó, Thái, Đường đã biểu lộ rõ yêu cầu được liên hợp với Ngô để đánh Sở, mà Thái, Đường ở phía Bắc nước Sở, sự phòng ngự của nước Sở rất mỏng và yếu. Nước Ngô cũng đã đánh chiếm được các vùng như Châu Lai (nay là Phượng Đài, An Huy), Cư Sào (nay là huyện Sào, An Huy), Chung Ly (nay là Lâm Hoài Quan Phượng Dương An Huy) v.v... Do vậy nước Ngô đã xuất quân vòng qua Đại Biệt Sơn, men theo sông Hoài tiến vào nước Thái, từ phía Bắc, phía Đông nước Thái phát khởi cuộc đột kích bất ngờ vào nước Sở trước. So với cuộc tấn công chính diện vào khu vực Dự Chương (nay là vùng Hoài Nam, Giang Bắc, tỉnh An Huy) của nước Sở có quân đội phòng ngự tương đối mạnh, hoặc men theo Trường Giang (lúc đó hai bên bờ Trường Giang chưa hoàn toàn được khai phá, giao thông rất bất tiện), đánh vào nước Sở từ phía Tây, sẽ có lợi hơn rất nhiều. Vua tôi nước Ngô đã thống nhất cách nhìn đó. Mùa đông năm ấy, Hạp Lư đảm nhiệm chức thống soái, cử Ngũ Tử Tư, Tôn Vũ làm tướng, dẫn quân men theo phía Tây sông Hoài, tấn công vào nước Sở. Sau khi qua Chu Lai, bỏ lại thuyền ở khúc sông chảy vòng (theo suy đoán thì đó phải là vùng Đông Bắc Hoàng Xuyên, tỉnh Hà Nam), quân đội trèo lên bờ, được sự hiệp trợ và dẫn đường của nước Thái và nước Đường, họ đã nhanh chóng

xuyên qua ba cửa ải quan trọng là Đại Toại (nay là phía Đông Vũ Thắng Quan, vùng biên giới giao tiếp giữa Hà Nam và Hồ Bắc), Trục Viên (nay là Vũ Thắng Quan), Minh Ách (nay là phía Tây Vũ Thắng Quan), ở phía Bắc nước Sở, tiến thẳng theo hướng Hán Thủy. Quân Sở vội vàng tổ chức phòng ngự ở hữu ngạn Hán Thủy nhưng ý kiến trong nội bộ lại không nhất trí. Trận chiến ở Bách Cử (nay là Đông Bắc Ma Thành Hồ Bắc), quân Ngô đã đánh quân Sở đại bại, rồi thừa thắng truy kích mạnh mẽ, bức tới sông Thanh Phát (nay là sông Vận, Hồ Bắc), đã tiêu diệt được một bộ phận quân Sở, lại đuổi tới Ung Phệ (nay là vùng Tây Nam Kinh Sơn Hồ Bắc), rồi đánh bại quân Sở, liên tục năm trận đánh năm trận thắng, cuối cùng, vào ngày 29 tháng 11 đã chiếm lĩnh được đô thành Dĩnh của nước Sở. Sở Chiêu Vương hoảng hốt chạy trốn đến Tuỳ (nay là huyện Tuỳ, Hồ Bắc).

Hạp Lư dẫn quân đột kích nước Sở, một mặt đã biểu hiện khí phách của một nhà quân sự siêu nhân, một mặt khác cũng biểu hiện viễn kiến tuyệt vời của một nhà mưu lược. Quân Ngô vòng sau lưng bất ngờ đột kích vào Tam Quan, Thiên Lý, sau khi giành thắng lợi ở Bách cử, lập tức phát động cuộc truy kích chiến lược, không để cho quân Sở có cơ hội nghỉ ngơi, nhanh chóng chiếm lĩnh thành Dĩnh. Điều này là một hành động sáng tạo ở thời kỳ Xuân Thu. Một nước Ngô tương đối nhỏ yếu đã chiến thắng được nước Sở có thực lực tương đối mạnh, đã dẫn tới sự kinh hoàng chấn động rất to lớn trong các nước chư hầu lúc đó, loài người không còn dám xem thường một nước Man Di ở phía Đông Nam này nữa. Sau khi quân Ngô tiến vào Dĩnh, Hạp Lư đã phạm phải một sai lầm chiến lược trọng đại: phóng túng cho binh lính quân Ngô bắt người cướp của, vua tôi nước Ngô “đi ban xử cung” (theo thứ tự chức quan tiến vào ở trong cung thất vua tôi nước Sở), “vua vào trong phòng ngủ của vua Sở, chiếm vợ của vua Sở; đại phu vào phòng ngủ của đại phu Sở, chiếm lấy vợ của đại phu Sở”; vì để báo mối thù giết cha, Ngũ Tử Tư đã khai quật mộ của Sở Bình Vương lên “đánh vào thi thể Sở Bình Vương ba trăm roi”. Nhưng hành vi bạo ngược này, đã dẫn tới mối thù hận cực kỳ to lớn của thần dân quân Sở đối với nước Ngô. Năm thứ 10 Ngô Vương Hạp Lư (năm 505 trước Công nguyên),

vua nước Việt là Doãn Thường thừa lúc trong nước Ngô trống rỗng, dẫn quân tới đánh Ngô; nước Tần lại xuất quân giúp Sở đánh Ngô. Em trai của Hạp Lư là Phù Thái cũng dẫn quân từ nước Sở trở về tự lập. Hạp Lư bắt buộc phải dẫn quân trở về nước Ngô.

Sau khi Hạp Lư về đến nước Ngô, vây đánh Phù Thái. Phù Thái phải chạy trốn sang nước Sở. Việt Vương Doãn Thường đánh úp Cô Tô, nghe nói Hạp Lư dẫn quân trở về Ngô, liền rút quân trở về nước Việt. Từ sự việc này, Hạp Lư nhận thức được, nước Việt là mối uy hiếp chủ yếu của nước Ngô, liền xác định phương châm chiến lược “chinh phục người Việt ở phía Nam”, thế rồi tích cực chuẩn bị việc đánh Việt. Năm 19 Ngô Vương Hạp Lư (năm 495 trước Công nguyên), Doãn Thường bị bệnh chết, con trai là Câu Tiễn kế nghiệp vua nước Việt. Hạp Lư nhân cơ hội đó dẫn quân chinh phạt nước Việt, Câu Tiễn dẫn quân ra nghênh chiến. Hai bên kịch chiến ở Tuyền Lý (nay là phía Tây Nam Gia Hưng, Triết Giang), quân Ngô bị thất bại ở phía Bắc, Hạp Lư bị thương rồi chết. Trước khi sắp chết, Hạp Lư nói với con trai là Phù Sai rằng:

- Con có thể quên được Câu Tiễn đã giết chết cha của con chăng?

Phù Sai nói:

- Không dám ạ!

Từ đó về sau, Phù Sai tích cực chuẩn bị báo thù cho cha. Năm thứ hai Ngô Vương Phù Sai (năm thứ 494 trước Công nguyên), quân Ngô đánh bại quân Việt tiến vào Cối Kê, kinh đô nước Việt. Đáng tiếc là cắt cỏ không trừ hết rễ. Năm thứ 23 Ngô Vương Phù Sai (năm 473 trước Công nguyên), nước Ngô đã bị Việt Vương Câu Tiễn làm cho diệt vong.



## 23. CÂU TIỄN

### **NĂM GAI NÉM MẬT, ẨN GIẤU TÀI NĂNG**

Câu Tiễn, năm sinh không rõ, mất năm 4 Chu Trinh Định Vương (năm 465 trước Công nguyên), truyền thuyết nói là con cháu của Hạ Vũ, người cha Doãn Thường của Câu Tiễn là cháu hơn hai mươi đời của Vũ. Năm 494 trước Công nguyên, Việt Vương Câu Tiễn không nghe lời khuyên bảo của quan đại phu Phạm Lãi, cất quân đi đánh Ngô, kết quả là đã bị thua to rồi bị bắt buộc phải cầu hòa, phải làm tên nô bộc nuôi ngựa cho Ngô Vương Phù Sai suốt ba năm dài, sau được tha về nước. Câu Tiễn không quên nỗi nhục trước, đã năm gai ném mật, tuyển dụng hiền tài, đối xử tốt với kẻ sĩ, cứu giúp người nghèo, viếng thăm người chết, vỗ về dân chúng. Trải qua “mười năm sinh tỵ, mười năm giáo huấn”, cuối cùng đã chấn hưng thế mạnh, diệt tan nước Ngô, thành tựu nghiệp bá chủ. Mưu kế nhẫn nhục cầu lấy sống trong nghịch cảnh và tinh thần phát phần vươn lên này của Việt Vương Câu Tiễn, cùng với các mưu kế khác như khổ nhục kế, mỹ nhân kế, kính dưng kế v.v... mà Câu Tiễn sử dụng với những mưu lược chính xác, đã biểu hiện một cách đầy đủ viễn kiến tuyệt vời và tài năng chỉ huy của một nhà mưu lược.

### **NUÔI NGỰA, Ở NHÀ ĐÁ, NHẪN NHỤC GÁNH TRÁCH NHIỆM NẶNG NỀ**

Việt Vương Câu Tiễn bị vây khốn ở Cối Kê, chín phần chết, chỉ một phần sống, hối hận không kịp nữa, không thể không hỏi kế Phạm Lãi. Phạm Lãi nói:

- Sự việc đã tới nước này, chỉ còn cách dâng hậu lễ cầu hòa với nước Ngô. Nếu họ không đáp ứng, đành phải nén nhịn nỗi ấm ức bản thân mình là đại vương mà đi hầu hạ vua Ngô vậy!



Không biết làm cách nào Câu Tiễn sai Văn Chủng đại phu tới trước. Văn Chủng quỳ lết hai đầu gối trên đường, cúi gục đầu dâng lên tới Ngô Vương, nói:

- Câu Tiễn là vị vua mất nước sai thần tử Văn Chủng tới xin thỉnh thị đại vương. Câu Tiễn thỉnh cầu được làm thần của đại vương, vợ của Câu Tiễn xin được làm thiếp của đại vương.

Ngô Vương Phù Sai nhìn thấy dáng vẻ khúm núm đáng thương của Văn Chủng, có ý muốn bằng lòng. Thế nhưng tướng quốc Ngũ Tử Tư vội vàng khuyên can nói:

- Ông trời đã có ý đem nước Việt tặng cho nước Ngô ta đó, tuyệt đối chớ có bằng lòng với hắn.

Văn Chủng đem ý kiến cự tuyệt của nước Ngô trở về báo cáo với Câu Tiễn.

Câu Tiễn có ý muốn giết chết vợ, đốt cung thất, quyết một phen liều chết với quân Ngô, Văn Chủng ngăn lại, nói:

- Thần nghe nói Thái Tể Bì nước Ngô rất có lòng tham, có thể lấy lợi dụ dỗ hắn, xin cho thần được bí mật tới du thuyết.

Tức thì Câu Tiễn để cho Văn Chủng đem mỹ nữ và vàng ngọc châu báu tới dâng hiến Thái Tể Bì. Bì tiếp nhận đồ tặng, rồi dẫn Văn Chủng tới gặp Ngô Vương. Văn Chủng gục đầu dâng lễ nói:

- Mong đại vương hãy tha thứ tội lỗi cho Câu Tiễn, như vậy thì mỹ nữ, vàng ngọc của nước Việt, toàn bộ sẽ thuộc sở hữu của nước Ngô. Nếu chẳng may không thể tha thứ cho Câu Tiễn, thì Câu Tiễn sẽ giết chết hết thê thiếp, đốt cháy hết cung thất đồ bảo khí, toàn bộ năm nghìn người sẽ như chó cùng dứt giậu. Như vậy thì nước Ngô sẽ chẳng thu được cái gì.

Thái Tể Bì giúp đỡ, nói với Ngô Vương:

- Việt đã chịu hàng phục làm thần, nếu tha thứ cho Câu Tiễn, thì đây là lợi ích của đất nước.

Tức thì Ngô Vương Phù Sai đã tha thứ cho Câu Tiễn, rút quân trở về nước.

Câu Tiễn bởi phải sang nước Ngô hầu hạ Phù Sai, liền đem công việc nước phó thác cho các quan đại thần như Văn Chủng v.v... còn bản thân mình đem theo Phạm Lãi để đi làm con tin. Họ vừa tới đô thành Cô Tô của nước Ngô (nay là Tô Châu, Giang Tô), Ngô Vương Phù Sai liền để họ sống ở trong một gian nhà đá ở bên cạnh phần mộ của Hạp Lư, làm tên nô bộc nuôi ngựa cho Phù Sai. Mỗi khi gặp Phù Sai đi ra ngoài, Câu Tiễn liền đi lại quanh quần ở bên xe, một bước không rời để luôn luôn nghe lời sai bảo của Phù Sai. Có người chỉ vào Câu Tiễn nói:

- Tên nô bộc kia chính là Việt Vương Câu Tiễn.

Nghe thế, Câu Tiễn đành phải nhịn nhục câm lặng. Tuy trong lòng vô cùng phẫn nộ, nhưng ngoài mặt lại giả vờ như không hề để ý gì, làm ra vẻ cung kính tòng mệnh, một chút cũng không thể nhìn thấy bất kỳ sắc mặt phẫn nộ nào.

Một lần, Phù Sai mắc bệnh. Phạm Lãi đã biết bệnh tình cũng chẳng có gì đáng ngại, chẳng bao lâu sẽ khỏi, liền kể lại tình hình cho Câu Tiễn nghe.

Câu Tiễn liền nhờ Thái Tế Bì chuyển lời, nói rằng Câu Tiễn có tài nếm phân người mà biết được bệnh tình lành dữ, xin tình nguyện xem bệnh cho đại vương. Bì dẫn Câu Tiễn bước vào phòng ngủ của Phù Sai, vừa đúng lúc Phù Sai đang muốn đại tiện. Phù Sai ra lệnh cho Câu Tiễn lùi ra ngoài.

Câu Tiễn nói:

- Cha có bệnh, cái lý làm con là phải hầu hạ chữa chạy thuốc men. Đại vương bị ốm, kẻ thần hạ phải được phục dịch. Lại nói thần có thể nếm phân của đại vương, mà biết được bệnh tình nặng nhẹ của ngài.

Câu nói vậy đã làm cho Phù Sai rất vui vẻ. Khi Phù Sai đại tiện xong, Câu Tiễn đã nếm thử phân, chúc mừng nói:

- Bãi phân của đại vương vị chua lại hơi đắng, đó là “chứng bệnh thời khí”. Đại vương bất tất phải lo lắng, chỉ vài ngày nữa là bệnh tình sẽ khỏi.

Sau mấy ngày trôi qua, bệnh của Phù Sai quả nhiên đã khỏi. Phù Sai rất vui sướng, cho rằng Câu Tiễn đã hoàn toàn quy thuận mình rồi. Cùng với việc này, Thái Tể Bì cũng luôn luôn nhận được lễ vật của Văn Chung từ nước Việt sai người đưa đến, nên đã thường xuyên báo bình yên với Phù Sai. Phù Sai đoán định nước Việt đối với nước Ngô cũng chẳng còn điều gì uy hiếp cả.

Nhờ vậy năm 491 trước Công nguyên, Phù Sai đích thân tiễn vợ chồng Câu Tiễn lên xe, do Phạm Lãi đánh xe, rời Cô Tô trở về nước Việt.

## **NĂM GAI NÉM MẬT, HÀNG HÁI GIÚP NƯỚC**

Câu Tiễn trở về tới nước Việt, vua tôi gặp mặt, mừng tui khôn cùng. Không quên nỗi nhục mất nước, nỗi tui nuôi ngựa, Câu Tiễn không để cho cuộc sống xa hoa sung túc làm tiêu tan ý chí của mình. Ở trong phòng ngủ Câu Tiễn không dùng chăn bông nệm gấm, mà thay bằng củi cỏ, treo một túi mật đẳng ở trong nhà, khi ra vào và trước lúc ngủ Câu Tiễn đều nếm thử. Người thường xuyên nhắc nhở mình, mật đẳng càng đẳng cũng không bằng làm nô bộc vong quốc, bị ức hiếp, bị ô nhục khổ sở được. Bình thường Câu Tiễn đích thân ra đồng cày ruộng, phu nhân cũng tự mình nuôi tằm dệt vải. Câu Tiễn chỉ ăn cơm mà không ăn thịt, mặc áo không cần lụa, thường xuyên vứt bỏ ngôi quân vương, tự thân thăm hỏi hiền nhân, khiêm tốn lắng nghe ý kiến, lấy lễ tiếp đãi tân khách, cứu giúp dân chúng nghèo khổ, do đó rất được lòng dân.

Lúc đó, vì nước Việt vấp phải tai họa loạn lạc mất nước, hàng loạt dân chúng bị sát hại, đồng ruộng bỏ hoang, thuế nhân khẩu giảm sút. Để khôi phục lại nguyên khí, Câu Tiễn đã sử dụng chính sách khuyến khích sinh đẻ. Ví dụ những người tuổi đã cao không cho phép lấy cô gái trẻ làm vợ. Cha mẹ của người con trai hai mươi tuổi và người con gái mười bảy tuổi mà chưa kết hôn thì phải chịu tội; phụ nữ sắp đẻ phải báo quan để cử quan thầy thuốc kịp thời tới chăm sóc chiếu cố. Những gia đình sinh con được nhà nước tặng thưởng. Gia đình nào sinh hai con thì quan phủ sẽ nuôi cho một

v.v... và v.v... Ngoài ra còn tặng thưởng cho việc cày cấy, nuôi tằm, dệt vải, khắp nơi trong toàn quốc đều bớt ăn giảm mặc. Trải qua “mười năm sinh tỵ, mười năm giáo dục huấn luyện”, thanh thế của nước Việt lại dần dần được cường thịnh.

## **HỢP VỚI SỞ THÍCH, LỬA CHÁY THÊM DẦU**

Ngô Vương Phù Sai vì thắng lợi đã biến thành kẻ kiêu ngạo xa xỉ dâm dật. Ở trong nước xây dựng các công trình kiến trúc đồ sộ, dự định xây Cô Tô đài. Câu Tiễn nghe nói, lợi dụng cơ hội này đã chuẩn bị cho nước Ngô mấy cây gỗ vừa dài vừa to, cử Văn Chủng đưa tới. Phù Sai nhận được gỗ, vô cùng sung sướng. Vì không để cho gỗ lớn dùng vào việc nhỏ, Phù Sai đã nâng độ lớn so với thiết kế ban đầu trong việc xây dựng Cô Tô đài. Điều này đã khiến cho nước Ngô càng thêm hao người tốn của.

Phù Sai đã xây dựng xong Cô Tô đài lại yêu cầu nước Việt tiến cống mỹ nữ cho mình. Câu Tiễn thừa cơ tuyển chọn mỹ nữ khắp nước, về sau đã tìm được một cô gái xinh đẹp là Tây Thi, hiểu biết sâu sắc đại nghĩa. Tây Thi đã tình nguyện xả thân báo hiếu cho tổ quốc, giúp đỡ Việt Vương phục thù. Ngô Vương Phù Sai nhìn thấy sắc đẹp của Tây Thi liền mê tít. Phù Sai quá say đắm cuồng vọng, vô cùng sủng ái nàng, cho nàng được ở trên Cô Tô đài. Lại còn xây dựng Quán Oa Cung [25] ở trên Linh Nhai, cùng Hưởng Kịch lang [26] và đường Thái Hương [27] cực kỳ kiêu sa dâm dục, không đâu sánh kịp. Phù Sai suốt ngày đêm tìm mọi lạc thú với Tây Thi ở trên Cô Tô đài. Từ đó, Phù Sai không thiết gì đến việc triều chính nữa. Tây Thi còn thường xuyên nói những lời tốt đẹp về nước Việt ở bên cạnh Phù Sai. Như vậy, Phù Sai đối với nước Việt không còn phòng bị gì nữa.

Một năm, nước Việt được mùa lớn về lương thực, vừa hay năm đó nước Ngô bị thiếu lương thực. Việt Vương trưng cầu ý kiến của Văn Chủng. Văn Chủng nói:

- Thần xin kiến nghị từ trong số lương thực này, ta chọn kỳ ra một bộ phận, lược chín rồi đem cho nước Ngô. Chúng nhìn thấy số thóc của chúng

ta hạt nào cũng căng tròn mẩy đều, dĩ nhiên sẽ rất thích thú, tất chúng sẽ dành ra để làm thóc giống. Như vậy là chúng đã trúng phải kế của ta.

Quả nhiên không ra ngoài dự liệu, mùa xuân năm sau, người nước Ngô đã đem số thóc này gieo mạ làm giống, đến mùa thu chẳng thu hoạch được một hạt thóc nào, đã xảy ra nạn đói khủng khiếp, làm suy yếu lực nước. Từ đó, trên con đường diệt Ngô trả thù tuyết hận, nước Việt đã bước thêm một bước dài.

## **DỪNG KẾ KÍNH TRỌNG DỪNG SĨ, KHÍCH LỆ BINH LÍNH**

Sau khi Câu Tiễn đã đủ lông đủ cánh, quyết định xuất quân phạt Ngô. Đại quân vừa ra khỏi ngoại ô thì gặp một con ếch to ở trên đường, mắt mở to thô lỗ, bụng căng phồng tròn trĩnh, ngẩng cao đầu đứng ở giữa đường. Câu Tiễn nhìn thấy đã ra lệnh cho hậu quân dừng bước. Bàn tay Câu Tiễn nắm chắc thanh gỗ chặn ngang trước xe, đứng thẳng người lên, cung kính vẫy tay vái chào chú ếch. Các bề tôi không hiểu, liền hỏi:

- Đại vương làm như vậy, chẳng biết vì nguyên do nào ạ?

Câu Tiễn nói:

- Ta nhìn thấy chú ếch này giận dữ, giống hệt như một vị dũng sĩ khát vọng được chiến đấu. Chú biết rõ rằng chú sẽ bị xe nghiền, ngựa xéo, người đạp, có thể tính mệnh sẽ quy về Tây Thiên. Thế nhưng chú không hề có vẻ sợ hãi, không hề né tránh tháo lui. Ta vô cùng kính phục chú ếch này.

Toàn quân trên dưới nghe được những lời này, ai nấy đều cảm động, hăng hái nói:

- Đại vương tôn kính một con ếch giận dữ đến như vậy, lũ chúng ta được đại vương nuôi dưỡng dạy dỗ trong nhiều năm, há lại không thể chiến đấu ra sống vào chết, có lẽ nào lũ chúng ta lại không bằng chú ếch này sao?

Tức thì các tướng sĩ khích lệ lẫn nhau, ôm ấp niềm tin quyết tử, quyết tâm dũng cảm diệt địch ở trên chiến trường, lập công dâng nước. Các cụ phụ lão trong làng đưa tiễn họ, vợ con họ cũng đều chan chứa những giọt

nước mắt nóng hổi, trong lúc sinh ly tử biệt đưa tiễn người thân đi ra chiến trường, đều căn dặn họ rằng:

- Lân ra đi này không diệt tan được nước Ngô, đời này kiếp này sẽ không gặp lại nhau nữa.

Về sau, quân đội Việt quên sống liêu chết, phấn đấu dũng cảm diệt địch ở trên chiến trường. Cuối cùng họ đã diệt tan nước Ngô.

## 24. MẶC TỬ

### KIÊM TƯƠNG ÁI, GIAO TƯƠNG LỢI

Mặc Tử tên Địch, người nước Lỗ vào cuối thời Xuân Thu (còn một thuyết nói là người nước Tống),

ước sinh vào năm 468 trước Công nguyên, mất năm 376 trước Công nguyên. Mặc Tử xuất thân nghèo nàn thấp kém, tự xưng là “Tiện nhân”. Nhưng theo truyền thuyết, về sau, Mặc Tử đã làm quan đại phu quản lý các loại thủ công nghiệp ở nước Tống. Ông học rộng nhiều tài, có kỹ năng chế tạo xe và cơ giới tinh thông sâu sắc. Truyền thuyết nói rằng ông có thể gọt khúc gỗ năm tấc, chế tạo thành ô trục có thể chở được năm sáu trăm cân trong một thời gian rất ngắn, còn có thể chế tạo ra tàu lượn bằng gỗ, liên tục bay suốt ba ngày đêm ở trên bầu trời. Về phương diện khoa học tự nhiên như kỹ hà học [28] lực học v.v... Ông có kiến thức rất phong phú. Ông là một nhà giáo dục học và nhà diễn thuyết, từng đi tới các nước Vệ, Tề, Sở, Việt, Ngụy v.v... du thuyết và dạy học, trình bày những quan điểm triết học luân lý và chủ trương chính trị của mình. Ông là một nhà lý luận quân sự và là nhà mưu lược. Đối với học thuyết công phòng [29] ông đã có sự nghiên cứu và trình độ học vấn rất sâu sắc. Ông viết sách lập thuyết, căn cứ vào “Hán Thư - Nghệ Văn Chí”, nói rằng bộ sách “Mặc Tử”, tổng cộng có 71 thiên, nhưng hiện tại chỉ tồn tại 53 thiên, nội dung chủ yếu có Kiêm ái, Phi công, Thượng hiền, Thượng dụng, Thượng đồng, Thiên chí, Minh quý, Phi lạc, Phi mệnh, Tiết dụng, Tiết táng v.v... Trong đó có những thiên do tự ông viết, có những thiên do học sinh của ông ghi chép lại, cũng có những thiên do người đời sau soạn thêm. Những học thuyết của Khổng Tử đã có những ảnh hưởng rất to lớn trong lúc đó, cùng kề vai sánh bước với học thuyết Nho gia của Khổng Tử. “Thế chi hiển học, Nho, Mặc dã” (“Hàn Phi Tử - Hiển học”) [30] Nói tóm lại, Mặc Tử không những là một nhà tư

tưởng kiệt xuất trong thời cổ đại của Trung Quốc mà còn là một nhà mưu lược chính trị, quân sự vĩ đại nữa.

## **MUỖ LƯỢC CHÍNH TRỊ**

Những tư tưởng mưu lược chính trị của Mạc Tử có cả một hệ thống hoàn chỉnh, được phản ánh trong các thiên ở trong bộ sách “Mạc Tử”. “Kiêm tương ái, giao tương lợi” chính là chủ đề trung tâm trong tư tưởng mưu lược của ông. Với sự chỉ đạo của tư tưởng trung tâm này, ông đã đề xuất ra rất nhiều chủ trương mưu lược phù hợp với tình hình xã hội đương thời, có ý nghĩa rất sâu xa.

Thứ nhất là “Kiêm tương ái, giao tương lợi”, Mạc Tử cho rằng, sở dĩ xã hội đương thời đại loạn, nguồn gốc của nó chính là ở chỗ quan hệ giữa con người với con người không yêu mến lẫn nhau, ông nói “Loạn bắt đầu từ đâu? Khởi nguồn từ chỗ không tương ái, bởi thế cho nên nếu thiên hạ kiêm tương ái tất sẽ được yên” (“Mạc Tử - Kiêm ái”). Cho nên ông cực lực chủ trương giữa con người với con người cần phải xây dựng quan hệ trên cơ sở “giao tương lợi” - hai bên cùng có lợi. Do đó sẽ thực hiện được một xã hội yêu mến lẫn nhau, lý tưởng và hòa bình, khiến cho những người già cô đơn có người hầu hạ, những đứa trẻ yếu đuối có người nuôi dưỡng, ông còn nói: Nếu tất cả mọi người đều có thể coi nhà cửa, thân thể, tài sản, tổ quốc của người khác như là của chính mình, thế thì các sự việc như trộm cắp, tàn sát, cướp bóc, đánh phá v.v... sẽ chẳng có ai làm nữa. Cuộc sống hòa bình yên ổn tĩnh lặng tự nhiên sẽ có ngay. Những tư tưởng này của Mạc Tử chỉ có thể là điều không tưởng ở trong xã hội có giai cấp, thế nhưng nó đã phản ánh nguyện vọng lương thiện của dân chúng nghèo khổ, cho đến ngày nay nó vẫn còn có ý nghĩa hiện thực.

Thứ hai là “Thượng hiền”. Mạc Tử cho rằng giữa con người và con người là sự bình đẳng, dịp may cơ hội cũng nên phải bình đẳng.

Do đó ông chủ trương “Cử hiền nhi dụng” - tiến cử và trọng dụng người tài. Ông nói “Quan không thường xuyên sang, dân chẳng luôn luôn hèn, ai có tài năng thì tiến cử cất nhắc, ai bất tài thì phế bỏ”. Chỉ cần có năng lực,



cho dù là “những người nông dân và công nhân chân lấm tay nhọ” xuất thân nghèo hèn cũng phải nên đề bạt bổ nhiệm, thậm chí có thể làm Thiên tử. Những người bất tài, cho dù vốn trước đã làm quan thì cũng phải phế bỏ, dù là quý tộc cũng phải giáng xuống làm thứ dân. Những chủ trương tiến bộ này hiển nhiên là đứng trên lập trường của nhân dân lao động, đại biểu cho lợi ích và tiếng nói của tầng lớp bình dân, trên thực tế cũng là một đòn công kích giáng mạnh vào giai cấp thống trị đương thời.

Thứ ba là “Vi nghĩa”. Mặc Tử lấy việc thi hành điều “nghĩa” là nhiệm vụ của mình, ông quyết chí phải thực hiện “làm lợi cho thiên hạ, trừ hại cho thiên hạ” - (hưng thiên hạ chi lợi, trừ thiên hạ chi hại). Vì vậy, ông không từ trăm cay ngàn đắng, chu du khắp thiên hạ, cố chấp đi tới các nước để tuyên truyền thi hành đạo “nghĩa”. Có một lần, Mặc Tử từ nước Lỗ đi tới nước Tề để tuyên truyền chủ trương chính trị của mình, trên đường gặp một người bạn cũ. Người bạn đó nhìn thấy ông phong trần dầu giải, vô cùng vất vả, liền khuyên ông:

- Bây giờ thiên hạ đều không coi trọng điều “nghĩa”, hà có gì mà một mình ông phải vất vả khổ sở đi truy cầu nó?

Mặc Tử trả lời:

- Giả dụ ở đây có mười người, trong đó chỉ có một người cấy lúa trồng cây, còn chín người khác không cấy lúa không trồng rau, mà chỉ dựa vào một người kia để sống. Trong tình hình đó, người vất vả làm lụng kia nhất định sẽ phải tăng cường nỗ lực gấp bội. Đó là vì nguyên nhân nào? Nguyên nhân chính là ở chỗ người ăn nhiều, người cày cấy ít. Vì vậy người cày cấy càng phải nhận thức rõ trách nhiệm to lớn nặng nề đè trĩu trên vai họ, cho nên mới càng cần phải nỗ lực hơn. Ngày nay chính bởi vì những người phấn đấu vì điều “Nghĩa” ở trong thiên hạ quá ít, cho nên tôi mới phải càng cố gắng hơn nhiều. Ông là bạn của tôi, cố sao lại ngăn cản tôi hử?

Vì để thực hiện tư tưởng mưu lược của mình, Mặc Tử đã cố gắng hết sức mình, không để lại chút sức lực dư thừa nào hết.

Điều “Nghĩa” mà Mặc Tử chủ trương không phải là hành nghĩa và coi trọng nghĩa khí của các hiệp khách nói chung, mà là đặt điều “Nghĩa” ở mức độ cao của nhân sinh quan, chính trị quan, chiến tranh quan để lý giải, về điểm này, đã được trình bày rất rõ ràng ở trong thiên “Mặc Tử - Phi công” [31] Nếu có một người chạy vào trong vườn nhà người khác, ăn cắp đào và mận của người ta. Mọi người nghe thấy nói như thế, nhất định đều trách mắng anh ta. Các quan lại địa phương cũng có thể trừng phạt anh ta. Vì sao vậy? Là bởi vì anh ta làm tổn hại người khác để đem lợi ích cho mình. Những người đến ăn cắp gà, bắt trộm lợn của người khác, càng bất nhân bất nghĩa hơn so với người ăn cắp đào và ăn cắp mận. Vì sao vậy? Bởi vì tổn hại người càng nhiều, thì càng tăng thêm điều bất nhân bất nghĩa, tội nghiệt cũng càng lớn hơn. Những người len vào chuồng nhốt gia súc của nhà người khác để ăn cắp trâu ăn cắp bò, càng nguy hiểm hơn so với người trộm gà trộm chó. Nguyên nhân vì làm hại người càng lớn. Cho nên nói: “Tổn hại người càng nhiều thì càng bất nhân bất nghĩa, tội ác càng nặng. Những kẻ dùng đao kiếm, lột quần áo, giết chết người vô tội kia so với những kẻ ăn cắp trâu, ăn cắp bò, hiển nhiên là càng bất nhân bất nghĩa. Vì sao vậy? Bởi vì nó hại người càng thậm tệ, hại người càng nhiều, càng bất nhân bất nghĩa, tội ác càng nặng. Đối với những đạo lý này, những người chính trực trong thiên hạ đều biết cả, và cũng đều chủ trương trị tội đối với những kẻ bất nhân bất nghĩa. Giết chết một người chính là bất nghĩa, nhất định phải xử hãm vào tội chết. Giết mười người, một trăm người, thì điều bất nghĩa sẽ nặng lên gấp mười lần, gấp trăm lần, cũng nên xử chúng vào tội chết gấp mười lần, gấp trăm lần. Những con người chính trực trong thiên hạ cũng biết rõ đạo lý này. Vậy mà ngày nay có người làm những sự việc bất nghĩa nhất trong thiên hạ, đánh chiếm nước người khác, giết chết vô số người, lại nói điều đó là phù hợp với nhân nghĩa, hơn thế, họ lại càng ca ngợi tán thưởng, viết thành sách, lưu lại cho người đời sau. Đó quả thật là những hành vi điên đảo đen trắng, hỗn loạn phải trái.

“Vi nghĩa” [32] của Khổng Tử đã thấm thấu tới toàn bộ tư tưởng mưu lược chính trị của ông. Có một lần, người học trò của Mặc Tử là Ngụy Việt

hỏi ông: “Khi tới các nước thầy đã đem đạo lý nào để nói với vua các nước trước?”.

Mặc Tử nói:

- Tới những quốc gia khác nhau, phải nên có sự phân tích, xem bệnh mà bốc thuốc. Thế nhưng trước sau ông không quên điều “nghĩa”. Ông nói: Ví dụ như xây một bức tường, người biết xây thì xây, người biết trộn đất thì trộn đất, người biết ngắm nghía mường rờ thì ngắm nghía mường rờ. Sau đó mới thành được bức tường. “Vi nghĩa” là điều phải làm. Người giỏi biện luận thì biện luận, người giỏi thuyết thư thì thuyết thư, người giỏi làm việc thì làm việc, sau đó thì việc nghĩa sẽ thành. Mặc Tử dù ở đâu cũng không quên “Vi nghĩa”, hơn thế còn giáo dục học trò sử dụng các loại phương pháp để tuyên truyền “Vi nghĩa”.

Ngoài ra đối với thiện, ác, quỷ thần v.v... Mặc Tử cũng có sự lý giải của bản thân ông. Mà những lý giải này đều là nguồn gốc trong toàn bộ tư tưởng mưu lược chính trị của ông, nó hoàn toàn nhất trí với chủ trương chính trị của ông. Vì chịu sự hạn chế của thời đại, Mặc Tử không thể tin tưởng vào “Thiên chí”, quỷ thần. Thế nhưng ông lại biết lợi dụng “Thiên chí” quỷ thần một cách cao minh sáng suốt để phục vụ cho những quan điểm chính trị của mình. Mặc Tử tuyên truyền và đẩy mạnh Kiêm ái, Thượng Hiền, Thượng Đồng, Phi Công, Vi nghĩa v.v... mà ông đề xuất ra, chính là những tiêu chuẩn thưởng thiện phạt ác của quỷ thần “Thiên chí”. Thế nhưng ông lại không thừa nhận sự tồn tại của “mệnh”. Ông nói: “Mệnh giả, bạo vương sở tác, cùng nhân sở thuật dã” (Mặc Tử - Phi mệnh) ý nghĩa của câu nói đó là: cái gọi là “mệnh” hoàn toàn là do những ông vua tàn bạo bịa đặt nhào nặn ra, những người nghèo khổ là người bị lừa đảo, nói dựa theo mà thôi. Cho nên ông khuyên mọi người: “Người dựa vào sức lực của mình thì sống, người không dựa vào sức mình thì không sống” (“Mặc Tử - Phi lạc”). Loại tư tưởng coi rẻ mệnh trời này, đã có ảnh hưởng rất sâu sắc đối với hậu thế.

## **MUJU LƯỢC QUÂN SỰ**

Tư tưởng mưu lược quân sự của Mạc Tử đã thể hiện khái quát ở trên những phương châm chiến lược trị quốc, cũng phản ánh trên những tư tưởng chiến thuật cụ thể. Mạc Tử có tư tưởng lý luận quân sự tương đối cao, ông chủ trương chiến tranh chính nghĩa, cực lực phản đối cuộc chiến tranh bất nghĩa lấy mạnh nuốt yếu. Đối với chiến lược phòng ngự, Mạc Tử có sự nghiên cứu rất sâu, lại có một hệ thống lý luận tinh tế và hoàn chỉnh, đến mức độ có nhà sử học đã đem lý luận quân sự của Mạc Tử so sánh tương xứng với “Tôn Tử binh pháp”. Trong “Mạc Tử - Phi công” thượng hạ thiên đã tập trung phản ánh tư tưởng mưu lược quân sự của Mạc Tử. Chủ yếu có:

Thứ nhất: Chủ trương chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh bất nghĩa. Trong “Phi công”, Mạc Tử đã cực lực phản đối cuộc chiến tranh bất nghĩa, nhưng không nhất loạt phủ định mọi cuộc chiến tranh. Có người nói với ông, đã cho rằng công phạt là bất nghĩa, tại sao Đại Vũ đánh Tam Miêu, Thương Thang phạt Kiệt, Chu Vũ Vương phạt vua Trụ nhà Thương, đều được coi là những hành động của Thánh Vương? Mạc Tử nói, đây là sự suy đoán không chính xác, không biết được nguyên nhân thực sự của sự vật (“Tử vị sát ngô ngôn chi loại, vị minh kỳ cổ dã” (“Mạc Tử - Phi công hạ”), ông chủ trương phải phân hoạch rõ ràng hai loại chiến tranh không cùng tính chất, lấy cái lợi của trăm họ Trung Quốc (“Mạc Tử - Phi công hạ”) làm tiêu chuẩn để phân biệt tính chất chiến tranh, xem có lợi đối với nhân dân hay không. Cuộc chiến tranh chính nghĩa, lợi cho thiên hạ, lợi cho dân chúng. Cuộc chiến tranh phi chính nghĩa gây họa hại cho thiên hạ, làm cho dân chúng lầm than, ức hiếp người hèn yếu. Vũ trừng trị Tam Miêu, Thương Thang phạt Kiệt, Vũ Vương phạt Trụ, sở dĩ được ca tụng, ba vị vua đó được hậu thế tôn làm thánh vương, nguyên nhân bởi vì, cuộc chiến tranh mà các vị phát động là cuộc chiến tranh chính nghĩa làm lợi cho dân chúng, mang lợi cho thiên hạ. Cuộc chiến tranh của ba vị thánh vương đó “Phi sở vị công dã. Sở vị tru dã” không phải cái gọi là đánh, mà gọi là giết vậy! (“Mạc Tử - Phi công hạ”). Ông gọi cuộc chiến tranh chính nghĩa là “Tru” (giết), là cuộc chiến tranh “Tru vô đạo” giết kẻ vô đạo. Ông đem cuộc chiến

tranh gây họa hại cho thiên hạ, đoạt lợi của dân gọi là “công” (đánh), tức là cuộc chiến tranh “công vô tội” - đánh người vô tội. Coi hành động của nước Sở lúc đó cậy mạnh bắt nạt nước yếu, làm thang mây - thang trèo thành - đến đánh nước Tống, gọi là “công vô tội”, đó là cuộc chiến tranh phi chính nghĩa. Mặc Tử nói trước mặt vua Sở. “Tống vô tội mà đánh người ta, không thể nói là nhân được” (“Mặc Tử - Công thân”). Hơn nữa, ông đã dùng hết sức mình để ngăn chặn cuộc chiến tranh này. Phân biệt tính chất khác nhau của cuộc chiến tranh, dùng thái độ khác nhau để đối xử với chiến tranh, là cống hiến to lớn về chiến tranh luận của Mặc Tử. Mặc Tử cho rằng cuộc chiến tranh “Tru vô đạo”, nên ủng hộ và giúp đỡ; còn đối với cuộc chiến tranh “đánh chiếm những nước vô tội” thì phải kiên quyết phản đối.

Cả cuộc đời Mặc Tử, chẳng những đã dốc sức phản đối các cuộc chiến tranh xâm lược trên mặt tư tưởng lý luận, hơn thế, ông còn đích thân nghiên cứu chiến thuật chống xâm lược, chế tạo ra khí giới chống xâm lược. Ông cho rằng: tính chất tàn khốc và tính chất cướp đoạt của cuộc chiến tranh xâm lược đã đem lại những tai nạn nặng nề sâu sắc cho nhân dân, “luôn luôn công phạt, sẽ gây hại cực kỳ to lớn cho thiên hạ” (“Mặc Tử - Phi công hạ”). Đối với những hành vi của kẻ xâm lược, Mặc Tử đã có sự vạch trần sâu sắc và đả kích mạnh mẽ, chúng đã “đoạt dân chi dụng, phế dân chi lợi” - chiếm đoạt cái dùng của dân, phế bỏ cái lợi của dân” - (“Mặc Tử - Phi công trung”). Chiến tranh đã làm lỡ thời vụ cấy trồng của dân chúng, nổi đói rét, cảnh chết chóc, không sao đếm xuể; trang bị binh khí bị tổn thất không sao đếm xuể, trâu bò tổn thất không sao đếm xuể; binh lính vận chuyển lương thảo bị bệnh chết không sao đếm xuể; thương vong trên chiến trường không sao đếm xuể; dân chúng ở hậu phương người hết con, kẻ hết cháu không sao đếm xuể. Đồng thời, Mặc Tử còn chỉ ra những kẻ xâm lược không thể có kết cục tốt đẹp được, kẻ hiếu chiến tất sẽ chết. Lúc đó có chư hầu nhận định rằng, những cuộc chiến tranh xâm lược có thể mở rộng biên cương, lấn chiếm đất đai, có thể giành được nhiều mối lợi. Trên thực tế, lúc đó tuyệt đại đa số các quốc gia phát động xâm lược đều là nhân

khẩu không nhiều, mà đất đai thì rộng lớn. Chỉ bởi vì vua của họ hiếu chiến thích đánh, nên mới đi xâm lược nước khác. Thế nhưng những kẻ xâm lược cũng bị chết rất nhiều người ở trong cuộc chiến tranh đó. Điều này đã khiến cho số nhân khẩu trong bản quốc càng ít, khiến cho ruộng đất thừa ra càng nhiều, tức là “thiếu cái không đủ lại thừa cái dư thừa” (“Mặc Tử - Phi công hạ”). “Vô tội nhi công, bất khả vị nhân” - Không có tội mà đánh họ, không thể gọi là nhân được, “Sát sở bất túc nhi tranh sở hữu dư, bất khả vị trí” - Giết đi những con người vốn đã thiếu, để tranh lấy cái có thừa, không thể gọi là trí được (“Mặc Tử - Công thâm”). Mặc Tử cho rằng: Những kẻ hiếu chiến bất nhân bất trí này có khác gì những kẻ cuồng chiến, vứt đi “miếng thịt nục ngon lành” ở trong nhà mình để đi ăn cắp lấy “bát trấu thô” của nhà hàng xóm, họ đã mắc chứng “nghiện ăn cắp”.

“Bị giả, quốc chi trọng dã” [33] (“Mặc Tử - Thất hoạn”). Mặc Tử chủ trương để ngăn chặn sự xâm lược, cần phải tích cực phòng thủ. Vào lúc đó, thành trì có thể giữ vững được không có quan hệ tới sự mất hay còn của một nước. Trong điều kiện lịch sử binh khí rất giản đơn, ý thác vào việc phòng thủ thành trì là việc làm tích cực, mà tư tưởng chỉ đạo giữ thành mới là tích cực, điều động các loại tích cực tính, mà điều căn bản nhất là ở chỗ có thể lấy được lòng dân hay không. Ông nói Vũ, Thang, Văn, Võ, sở dĩ có được thiên hạ, nguyên nhân quan trọng là “yêu mến làm lợi cho dân chúng” (“Mặc Tử - Lỗ vấn”). Kiệt, Trụ, U, Lệ sở dĩ mất thiên hạ chính là bởi vì họ làm mất lòng dân. Do vậy, khi phòng thủ biện pháp quý báu để đánh địch giành thắng lợi là:

“... Dân chúng lấy sự lựa chọn, quan lại và dân chúng hòa; đại thần có công lao nhiều, chủ yếu lấy nghĩa để tin, vạn dân sung sướng vô cùng” (“Mặc Tử - Bị thành môn”). Bách tính có thể giúp đỡ nhà vua, tâm hòa còn mạnh hơn sức lược, dù chết vẫn giữ lòng trung, thì có thể đoạt được thắng lợi trong cuộc chiến tranh phòng ngự. Trái lại, chính trị quốc gia không ổn định, nhân dân bất hòa, kẻ địch ở bên ngoài xâm nhập, nội bộ loạn trước, thì căn bản chẳng có cách gì ngăn chặn được xâm lược.

Thứ hai, tích cực phòng ngự, trị quốc an bang. Mặc Tử cho rằng: “Tâm vô bị lự, bất khả dĩ ứng tốt” - Lòng không suy nghĩ đầy đủ thì không thể ứng phó được với cái chết được (“Mặc Tử - Thất hoạn”). Một đất nước, để có thể cai trị yên ổn được lâu dài cần phải xây dựng cho được quan niệm quốc phòng là có sự chuẩn bị đầy đủ thì không phải lo lắng gì. Trên mặt tư tưởng cần phải chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với xâm lược, mài sắc ý chí, chấn chỉnh đất nước, tăng cường lực lượng, ông cho rằng chuẩn bị đầy đủ cho một cuộc chiến tranh là quốc sách cơ bản, ông chỉ rõ: “Sự chuẩn bị, ấy là điều quan trọng của đất nước. Lương thực ấy là của báu của đất nước; Binh lính ấy là nanh vuốt của đất nước; Thành trì tự nhiên có thể giữ được. Ba thứ này là công cụ để giữ nước! (“Mặc Tử - Thất hoạn”). Tinh thần, lương thực, quân đội, thành trì đều đã có sự chuẩn bị thì đất nước có thể chống lại được quân xâm lược. Mặc Tử cho rằng: Không đầy đủ lương thực, không đầy đủ binh lính, tuy có chính nghĩa cũng không thể đánh dẹp được cuộc chiến tranh phi nghĩa”. Ông ca tụng, tán đồng cuộc chiến tranh chính nghĩa “tru vô đạo” - giết kẻ vô đạo, thế nhưng giành được thắng lợi trong cuộc chiến tranh chính nghĩa, cũng đòi hỏi cần thiết phải có sự chuẩn bị đầy đủ. Không thể cho rằng cuộc chiến tranh đã là chính nghĩa thì được phép buông lơ chuẩn bị chiến tranh.

“Ngăn Sở đánh Tống” là mô hình tác chiến sớm nhất trong lịch sử, đó cũng là một thực tiễn thành công đối với tư tưởng phòng ngự chiến lược của Mạnh Tử. Theo ghi chép trong “Mạnh Tử Công Thâu”, nước Sở chuẩn bị tiến công nước Tống, Công Thâu Ban đặc biệt chế tạo một loại thang mây chuyên dùng trong việc đánh thành cho nước Sở. Mặc Tử đang ở nước Tề nghe được tin này, đi suốt ngày đêm tắt đường tới nước Sở. Công Thâu Ban nhìn thấy ông đến khách khí hỏi:

- Tiên sinh từ phương xa tới, hẳn có điều gì dạy bảo.

Mặc Tử nói:

- Ở phương Bắc có người làm nhục tôi, muốn nhờ ông tới đó giết chết hắn đi.



Công Thâu Ban vừa nghe nói, rất không bằng lòng. Mặc Tử vội vàng nói:

- Tôi sẽ biếu ông ngàn vàng để báo đáp, ông nghĩ sao?

Công Thâu Ban bực tức, trả lời nói:

- Từ xưa đến nay tôi là người nhân nghĩa không thể giết người!

Mặc Tử nghe xong đứng dậy vái Công Thâu Ban hai vái nói:

- Tôi ở phương Bắc nghe nói ông làm thang trèo thành, chuẩn bị đi đánh nước Tống, thế thì nước Tống có tội gì? Nước Sở đất đai rộng lớn mà người lại rất ít. Đánh nước Tống cướp đoạt lấy một số đất đai vốn mình đang thừa thãi; những con người vốn mình đang thiếu thì lại bị tàn sát giết tróc. Cách làm này không phải là thông minh sáng suốt. Nước Tống vô tội, vô duyên vô cớ tới đánh phá người ta, điều đó là bất nhân. Ông biết rõ làm như vậy là không đúng, mà lại chằng tranh luận khuyên can, như vậy là bất trung. Hoặc giả có tranh luận nhưng lại không khuyên can thành công, như vậy là bất cường. Cái gọi là nghĩa mà ông vừa nói đó chỉ là dùng số ít người đi giết số đông người, gọi là thiếu kiến thức hiểu biết.

Một hệ thống thuyết lý hợp tình hợp lý mang tính lô gích rất mạnh đã làm cho Công Thâu Ban không còn biết lấy lời nào đáp lại. Tức thì Mặc Tử nói:

- Đã như vậy thì xin ông đừng làm nữa!

Công Thâu Ban nói:

- Nhưng tôi đã bằng lòng với vua Sở rồi.

Mặc Tử nói:

- Thế thì ông đưa tôi tới gặp vua Sở.

Công Thâu Ban nói:

- Được!

Tức thì Mặc Tử tới gặp Sở vương.



Sở Vương hội kiến với Mặc Tử. Mặc Tử nói:

-Bây giờ có một người, vứt bỏ chiếc xe kiệu của mình không ngồi, lại đi ăn trộm chiếc xe rách nát của nhà hàng xóm. Vứt bỏ gấm vóc không mặc lại muốn ăn cắp chiếc áo thảm ngắn của người láng giềng; vứt bỏ cơm thơm thịt ngon không ăn, lại muốn đi ăn trộm bát cơm trấu của người bên cạnh. Con người này là con người thế nào vậy?

Sở Vương nói:

- Con người này nhất định là mắc bệnh nghiện ăn cắp rồi.

Mặc Tử thừa dịp, nói:

- Ở trong đầm Vân Mộng của nước Sở, khắp nơi là tê giác, bò tót, hươu, nai; trong Trường Giang và Hán Thủy cá, ba ba, rùa... nhiều hơn bất kể nơi nào. Còn nước Tống thì ngay đến con gà rừng, thỏ, cá diếc cũng đều không có. Điều đó chẳng giống như cơm thơm thịt ngon với cơm trấu hay sao? Nước Sở có những cây tùng cao to thẳng đứng, những cây thị vân hoa dày đẹp, những cây nam mộc rắn chắc. Những cây long não nức hương thơm, còn ở nước Tống ngay đến những cây mộc làm củi cũng đều không có. Hai nước đó đem ví với nhau có khác gì gấm vóc với thảm ngắn? Do đó, tôi nói rằng đại vương đánh phá nước Tống cũng như vậy chẳng có đạo lý gì.

Sở Vương cũng chẳng có cách gì phản bác được Mặc Tử, đành phải lựa lời nói:

- Người không nói sai, có điều, Công Thâu Ban đã làm xong thang trèo thành cho ta rồi. Sao ta lại không đi đánh nước Tống được?

Mặc Tử lại tới gặp Công Thâu Ban, Mặc Tử cỡi chiếc dây lưng mang trên thân mình ra làm tường thành, dùng những thanh gỗ nhỏ để viết chữ làm vũ khí, tiến hành diễn tập đánh nhau một bên giữ thành, một bên phá thành với Công Thâu Ban. Công Thâu Ban chín lần thay đổi vũ khí đánh thành của mình, cả chín lần Mặc Tử đều ngăn cản được. Những vũ khí mà Công Thâu Ban phá thành đều đã dùng hết, mà những biện pháp giữ thành

của Mặc Tử vẫn còn rất nhiều. Công Thâu Ban không còn cách nào, đành phải đưa mắt liếc nhìn nói:

- Tôi biết phải làm thế nào để đánh gục ông, nhưng tôi không nói.

Mặc Tử cũng trực tiếp đối đầu, nói:

- Tôi cũng biết được ông sẽ làm thế nào để đánh gục tôi, nhưng tôi cũng không nói.

Sở Vương hỏi Mặc Tử thế là có ý gì, Mặc Tử nói:

- Ý nghĩa của Công Thâu Ban chẳng qua chỉ là muốn đem giết chết thần đi. Ông ta cho rằng, giết chết thần đi thì nước Tống không thể giữ được. Thế nhưng ông ta không biết được hơn ba trăm con em của thần, đã cầm chắc công cụ giữ thành của thần, đang chờ đợi cuộc tấn công của nước Sở. Cho dù có giết chết thần, cũng chẳng thể nào hạ được nước Tống.

Sở Vương nhìn thấy việc đánh Tống không có đảm bảo chắc chắn, đành phải vứt bỏ dự định đánh Tống.

Cuộc đọ sức giữa Mặc Tử với Công Thâu Ban, chủ yếu là cuộc đọ sức về mưu lược. Công Thâu Ban và vua Sở đã thua, đúng là có thể nói một nước cờ cao minh “không đánh mà thắng”. Một điều càng quan trọng hơn nữa là Mặc Tử đã dùng mưu lược của mình phá tan được kế hoạch đánh Tống của Sở, hoàn toàn xuất phát từ tư tưởng “phi công” [34] của ông mà không cần lấy bất cứ thứ gì của nước Tống. Mặc Tử đã thành công. Thế nhưng khi ông trở về, đi qua nước Tống, vừa hay gặp lúc trời mưa ông đã chui vào trong hang ở cửa thành nước Tống để tránh mưa. Những người gác cổng thành nước Tống đang lo lắng nước Sở tới đánh phá, họ lo sợ ông là gian tế, cũng chẳng mở cửa cho ông vào trú. Bản thân ông cũng không vì mình đã cứu vãn được nguy vong cho nước Tống mà khoe khoang với người Tống.

Các thiên thủ thành trong “Mặc Tử” là bộ trước tác phòng ngự quân sự có hệ thống độc lập đầu tiên của Trung Quốc, có thể nói đó là một kho tàng quý báu trình bày rõ những mưu lược phòng ngự một cách có hệ thống

trong lịch sử Trung Quốc, đã sản sinh ra những ảnh hưởng trọng đại đối với các cuộc chiến tranh đương thời và mai sau. Lý Mục nước Triệu, Mông Điền nước Tần thời Chiến Quốc đều am tường sâu sắc hệ thống lý luận này. Họ chẳng những đã vận dụng nó vào cuộc chiến tranh thôn tính, cũng đã vận dụng nó vào việc phòng ngự biên cương. Đời Hán Triều Thố cũng chịu ảnh hưởng rất sâu sắc lý luận của Mặc Tử. Mãi cho đến đời Minh, những phép thế thủ, chống cự, đã được nhắc đến trong rất nhiều binh thư, đều có thể tìm thấy căn cứ ở trong “Mặc Tử”. Có thể nói Mặc Tử là người đặt cơ sở cho hệ thống tư tưởng phòng ngự trong thời đại chiến tranh lạnh?

## 25. TRÂU KỶ

### NGỰC TÀNG GẤM VÓC, LƯỠI KHÉO TỰA KÈN

Trâu Kỵ là người nước Tề trong thời kỳ Chiến Quốc. Trong ngực ông ẩn tàng gấm vóc, nói hay, biện luận giỏi. Năm 731 trước Công nguyên được Tề Uy Vương trọng dụng, từ một người trí thức ở tầng lớp dưới, leo một bước lên tận mây xanh, làm quan tới chức Tướng quốc, tước phong Thành Hầu. Ông khéo dùng mưu lược biện thuyết, giúp đỡ Tề Uy Vương nhận lời khuyên can tiến cử người hiền tài, tập trung trí tuệ xây dựng đất nước, thành tựu được nghiệp bá vương, cũng đã thực hiện được chủ trương chính trị của mình.

Thế nhưng về sau, vì tranh giành sự sủng ái để củng cố địa vị, đã triển khai âm mưu, hãm hại Điền Kỵ, đã lưu lại cho mình một vết nhơ vĩnh viễn không thể xóa nhòa.

### LẤY VẬT LÀM VÍ DỤ, ĐÁNH ĐÀN LÀM TƯỚNG

Năm 379 trước Công nguyên, sau khi Điền kế thừa ngôi cha trở thành vua mới của nước Tề, bước theo sau vết bụi của quốc quân nước Ngô, Việt, cùng hiệu xưng vương, đó là Tề Uy Vương. Sau khi Điền xưng vương rất lấy làm tự đắc, suốt ngày đắm say trong thanh, sắc, cầu, mã [35] rất ít khi để ý tới công việc triều chính. Thừa cơ nền chính trị của nước Tề hủ bại thối nát, các nước Hàn, Ngụy, Lỗ, Triệu v.v... lần lượt khởi binh đánh Tề. Còn nước Tề vì không có ý chí chiến đấu, nên càng đánh càng thất bại, không ít đất đai đã rơi vào trong tay quân địch. Đối mặt với cục diện suy bại của đất nước, Tề Uy Vương vẫn đam mê không tỉnh ngộ. Còn Trâu Kỵ, là một phần tử trí thức ở tầng lớp dưới, thì trái lại, ruột nóng như lửa cháy. Trâu Kỵ biết sâu sắc rằng, muốn thay đổi tình thế, diện mạo của đất nước

thì phải được bắt đầu từ việc làm biến đổi trạng thái tinh thần của Uy Vương, cần thiết phải có một biện pháp thích đáng. Vì vậy, qua ba ngày ba đêm suy nghĩ lao tâm khổ tứ, cuối cùng Trâu Kỵ đã nghĩ ra một chủ ý. Một buổi sáng, ông mặc quần áo, đội mũ chỉnh tề, bước tới vương cung, bái kiến Uy Vương, nói:

-Được biết đại vương yêu thích âm nhạc, may mà thần lại có sự nghiên cứu về đàn, do vậy đã đặc biệt tới đây xin cầu kiến.

Vừa nghe thấy thế, trong lòng Uy Vương rất vui mừng, lập tức hạ lệnh cho tả hữu mang đàn ra, đặt ở trước mặt Trâu Kỵ. Trâu Kỵ uốn éo vờ vĩnh đặt tay lên trên dây đàn, nhưng không gảy đàn, cũng chẳng nói năng gì. Uy Vương không hiểu ý của Trâu Kỵ, liền hỏi:

-Vừa nãy tiên sinh tự nói rằng thạo đàn, quả nhân rất muốn thưởng thức tài nghệ của tiên sinh. Thế nhưng tiên sinh tựa đàn mà không gảy, đó là chê đàn không tốt, hay có ý kiến gì với quả nhân chăng?

Trâu Kỵ đẩy chiếc đàn sang một bên, rồi trả lời một cách nghiêm chỉnh:

-Điều thân tài giỏi chính là lý thuyết đối với đàn. Còn việc đánh lên tiếng đàn cụ thể, thì đó là công việc của những người nhạc công. Thần tuy cũng biết tấu một vài khúc đàn, nhưng tiếng đàn gảy ra chưa chắc đại vương đã muốn nghe đâu.

Uy Vương nói:

- Thế thì trước hết tiên sinh hãy giảng giải về lý thuyết đàn xem thử nào!

Trâu Kỵ nói:

- Nghĩa gốc của cầm [36] là cấm, bởi vì công dụng của nó cấm chỉ dâm tà, khiến cho mọi người quy chính. Thoạt đầu khi Phục Hy làm đàn quy định đàn dài ba thước sáu tấc sáu phân, tượng trưng cho một năm có 366 ngày. Đàn rộng sáu tấc, tượng trưng cho lục hợp; hình đàn trước rộng sau hẹp tượng trưng cho tôn ti trật tự, trên tròn dưới vuông là tượng trưng cho trời và đất; đàn thiết kế có năm dây là tượng trưng cho ngũ hành kim mộc thủy hỏa thổ, dây lớn là vua, dây nhỏ là tôi. Âm đàn lấy sự khoan mau phân

ra trong đục, âm đục khoan mà không lỏng lẻo, tượng trưng cho đạo của vua. Âm trong nhanh mà không loạn, tượng trưng cho cái đạo của bề tôi. Vua tôi tương đắc, chính lệnh hài hòa, chính là cái đạo trị quốc. Những lý thuyết về đàn mà thần hiểu biết được chỉ có vậy mà thôi.

Uy Vương cảm thấy Trâu Kỵ trình bày giảng giải mới lạ và lý thú, nhưng vẫn chưa hiểu rõ được dụng ý của ông ta, liền nói:

- Giảng giải hay lắm. Tiên sinh đã hiểu biết sâu sắc về lý thuyết của đàn, quả nhân nghĩ tiên sinh tất cũng am hiểu về âm đàn, mong muốn tiên sinh thử tấu một khúc cho quả nhân nghe.

Trâu Kỵ nói:

- Thần dùng việc gảy đàn làm nghề chính, đương nhiên phải am hiểu về âm đàn. Đại vương lấy việc cai trị đất nước làm nghiệp chính, chẳng phải là cũng rất am hiểu về đạo cai trị nước hay sao? Thế nhưng, hiện tại đại vương có đất nước mà không chuyên tâm cai trị. Điều đó có khác gì thần chỉ sờ vào dây đàn mà không gảy hay sao? Thần chỉ sờ vào đàn mà không gảy đàn, đã không thể làm cho đại vương hài lòng mãn ý. Đại vương chỉ dựa vào nước mà không cai trị, e rằng cũng không thể khiến cho dân chúng trong cả nước cảm thấy mãn ý được.

Tới lúc này Tề Uy Vương mới bàng hoàng tỉnh ngộ, không ngăn nổi trái tim đập mạnh, vội vàng nói:

- Thì ra tiên sinh chỉ lấy đàn làm ví dụ để khuyên can quả nhân nên chuyên tâm trị nước. Quả nhân đã hiểu được ý tứ của tiên sinh rồi.

Sau đó, Tề Uy Vương đã ra lệnh cho tả hữu trước hết dẫn Trâu Kỵ tới nghỉ ngơi ở trong phòng khách sang trọng. Ngày hôm sau, sau khi Tề Uy Vương tắm gội xong, đã mời Trâu Kỵ tới tiến hành bàn bạc tường tận. Trâu Kỵ đã thẳng thắn trình bày với Tề Uy Vương những chủ trương trị nước của mình, cố sức khuyên Uy Vương tiết chế sinh dục, lánh xa gái đẹp, gần gũi dạy bảo nhân dân để mưu đồ nghiệp bá vương. Do vì Trâu Kỵ trước hết đã dùng mưu lược, tranh luận, thuyết lý, thuyết phục Uy Vương. Những điều Trâu Kỵ trình bày, Uy Vương đều thấy êm ru trót lọt. Sau đó không

lâu, Uy Vương đã bổ nhiệm Trâu Kỵ làm tướng quốc để phò tá mình cai trị nước Tề.

## **DÙNG HIỆN THÂN THUYẾT PHÁP, CHẾ GIẾU VUA PHẢI NHẬN LỜI CAN GIÁN**

Sau khi Trâu Kỵ lên làm tướng quốc, phát hiện thấy ở triều đình nước Tề có một phong khí rất không tốt. Đó chính là: các quan đại thần chỉ nói lời nịnh hót đối với Uy Vương, Uy Vương thích nghe những thứ gì họ liền nói ngay thứ đó, từ xưa chưa hề nêu ra những ý kiến bất đồng. Thế mà Uy Vương đối với những điều này cũng quen đi, cho là chuyện thường. Trâu Kỵ cho rằng, loại phong khí này nếu không kịp thời thay đổi thì sẽ vô cùng bất lợi cho việc chấn hưng nước Tề. Thế nhưng làm thế nào mới có thể cải biến được loại phong khí này? Trâu Kỵ lăm mưu giỏi kế, từ một sự việc phát sinh ra ở trong gia đình đã có được gợi mở: Một buổi sớm Trâu Kỵ soi vào gương ở trong gia đình mình, ông đã phát hiện thấy thân hình thon thả, làn da trắng mịn, ngũ quan ngay thẳng, đôi mắt có thần của mình, tự cảm thấy mình có thân hình rất đẹp.

Ông vừa soi gương vừa hỏi người vợ:

- Nàng nói xem ta và Từ Công ở Thành Bắc ai đẹp?

Người vợ chẳng cần suy nghĩ gì, nói ngay:

- Đương nhiên là nhà đẹp rồi, Từ Công ở Thành Bắc làm sao có thể sánh kịp với nhà được.

Trâu Kỵ có chút không tin tưởng, bởi vì Từ Công là người đàn ông đẹp nổi tiếng xa gần, ai ai cũng đều biết cả. Tức thì Trâu Kỵ lại hỏi người thiếp:

- Thế thì nàng nói thử xem ta và Từ Công ở Thành Bắc ai đẹp?

Người thiếp cũng không hề do dự liền trả lời:

- Từ Công ở Thành Bắc làm sao có thể sánh với nhà được. Đương nhiên là nhà đẹp rồi.

Vừa hay ngày hôm đó có một người khách tới cầu kiến Trâu Kỵ, sau khi Trâu Kỵ với người khách đó trao đổi một hồi, Trâu Kỵ liền hỏi khách:

- Ông nói xem tôi và Từ Công ở Thành Bắc ai đẹp?

Người khách làm ra vẻ rất thành khẩn, nói:

- Ông so với Từ Công đẹp hơn nhiều, Từ Công làm sao đẹp bằng ông được!

Mọi người đều chung một lời khen ngợi, khiến cho Trâu Kỵ lâng lâng hớn hở. Vừa hay ngày hôm sau, Từ Công tới thăm nhà Trâu Kỵ. Trâu Kỵ rất nghiêm chỉnh, quan sát kỹ Từ Công một lượt, cảm thấy mình không thể đẹp bằng Từ Công được. Tiếp đó bản thân ông lại soi gương để tiến hành đối chiếu một lượt, phát hiện ra rằng bản thân mình kém xa Từ Công. Sự việc này đã khiến ông suy nghĩ tới một điều sâu xa. Rõ ràng bản thân mình không đẹp bằng Từ Công, thế nhưng vợ cả, vợ lẽ và người khách của mình đều nói mình đẹp hơn Từ Công. Nguyên nhân vì sao vậy? Trâu Kỵ nằm ở trên giường suy nghĩ rất lung, cuối cùng đã tỉnh ngộ ra một điều ảo mật ở trong đó: Vợ cả ta nói ta đẹp là bởi vì quá yêu ta. Vợ lẽ ta nói ta đẹp là vì quá sợ ta. Khách của ta nói ta đẹp là bởi vì muốn cầu cạnh ở ta. Tức thì Trâu Kỵ quyết định lợi dụng sự kiện này hiện thân thuyết pháp, khuyên Uy Vương chớ chỉ thích nghe những lời nịnh hót mà cần phải biết chú ý lắng nghe, thu thập các loại ý kiến bất đồng. Gặp Uy Vương, trước hết Trâu Kỵ kể lại câu chuyện này, sau đó nói:

- Thần thành thực biết rằng mình không đẹp bằng Từ Công, vậy mà vợ thần vì quá yêu thần, thiếp của thần vì quá sợ thần, vị khách của thần có ý muốn nhờ cậy thần, họ đều không kể gì đến sự thực, cứ khẳng khẳng nói rằng thần đẹp hơn Từ Công. Ngày nay đất đai của nước Tề rộng mấy ngàn dặm, trên một trăm hai chục ngôi thành trì, cung nữ hầu hạ, ai mà chẳng quá yêu đại vương; các bề tôi trong triều đình, ai chẳng quá sợ đại vương; ngàn vạn dân chúng trong bốn cõi, ai chẳng muốn cầu cạnh ở đại vương. Từ đó mà nhìn, mỗi nguy hiểm mà đại vương bị bùng bít, thật vô cùng to lớn.



Do vì Trâu Kỵ sử dụng phương thức lấy bản thân mình để thuyết pháp, khiến cho mọi người cảm thấy thân thiết đáng tin, những ví dụ nêu ra vừa sinh động gần gũi thiết thực. Uy Vương nghe xong liền được gợi mở, nên đã lập tức biểu thị tiếp nhận lời can gián của Trâu Kỵ. Ngày hôm sau, Tề Uy Vương liền công bố mệnh lệnh đi khắp toàn quốc: “Các quan thần quan lại và dân chúng ai dám vạch rõ lỗi lầm của quả nhân ngay trước mặt quả nhân, sẽ được thưởng thưởng. Ai dám viết thư phê bình quả nhân, sẽ được trung thưởng. Ai dám nghị luận phê bình quả nhân ở đầu phố cuối ngõ, chỉ cần quả nhân biết, cũng được hạ thưởng”.

Khi mệnh lệnh vừa được công bố, các quan thần, quan lại, dân chúng hăng hái tới dâng lời can gián, trước cửa vương cung người kéo đến đông đúc tấp nập như họp chợ. Do vì Uy Vương nghe lời biết sửa, chỉ sau mấy tháng, số người đã giảm đi khá lớn, chỉ thỉnh thoảng mới có người còn dâng lời can gián. Sau một năm, dân chúng liền cảm thấy không còn điều gì để mà nêu ra nữa. Căn cứ vào những kiến nghị của quan thần quan lại và dân chúng, Tề Uy Vương kiểm tra kỹ thực hư, tu sửa lại luật lệnh, tuyển chọn người hiền tài, trừng trị kẻ gian nịnh, đất nước được cường thịnh rất nhanh chóng. Các nước Yên, Triệu, Hàn, Ngụy v.v... được biết sự biến đổi của nước Tề, đã tấp nập phái cử sứ giả tới triều kiến Tề Uy Vương, Uy Vương nhìn thấy những biến đổi này, nói với vẻ cảm khái rất sâu sắc:

- Như thế này có thể nói được là đã chiến thắng ngay ở triều đình vậy!

## **DỤNG TRÍ TUỆ CẢM PHỤC CON NGƯỜI, DỪNG ẪN NGŨ ĐỂ BIỆN LUẬN SÁNG TỎ**

Trâu Kỵ dựa vào ba tấc lưỡi giành được tướng ấn dễ như trở bàn tay, đã gây nên rất nhiều phản ứng khác nhau ở nước Tề: Có người hâm mộ, có người ghen ghét đổ kị, có người bất bình. Thuần Vu Khôn là một biện sĩ nổi tiếng ở nước Tề, Thuần Vu Khôn rất không phục đối với Trâu Kỵ. Để so tài cao thấp, Thuần Vu Khôn đã vắt óc suy nghĩ đặt ra năm ấn ngữ, hòng lấy đó để gây khó dễ cho Trâu Kỵ. Thuần Vu Khôn nghĩ: Nếu Trâu Kỵ pha trò, thì chí ít có thể phát tiết ra những ý xấu xa ở trong bụng mình. Sau khi

chuẩn bị kỹ càng xong, Thuần Vu Khôn liền dẫn các học sinh của mình tới gặp Trâu Kỵ.

Thái độ của Trâu Kỵ khiêm nhường cung kính, đích thân ra khỏi nhà nghênh đón, sau khi mời ngồi uống trà liền hỏi:

- Tiên sinh tới đây, có điều gì dạy bảo?

Thái độ của Thuần Vu Khôn ngạo mạn, sau khi ngồi vào ghế với vẻ rất không khách khí, lạnh lùng bình thản nói:

- Tôi có một số chủ trương dùng chính trị củng cố đất nước, muốn nói cho tướng quốc nghe, không biết có được không?

Trâu Kỵ nói:

- Mong được nghe những lời chỉ dạy của tiên sinh.

Thuần Vu Khôn nói:

- Con không rời mẹ, vợ không xa chồng.

Nói xong tám chữ này, liền rất tự đắc quan sát phản ứng của Trâu Kỵ. Chẳng ngờ Trâu Kỵ lập tức trả lời:

- Xin nghe lời chỉ dạy, không dám xa rời bên cạnh vua.

Thuần Vu Khôn thấy ẩn ngữ thứ nhất đã bị nhìn thấu, lập tức nói ra ẩn ngữ thứ hai:

Gỗ gai làm bánh xe, dùng mỡ lợn bôi vào cho trơn, sau đó bỏ vào lỗ vuông thì cũng không thể vận chuyển được.

Trâu Kỵ lại chẳng cần suy nghĩ, nói:

- Xin nghe lời dạy bảo, không dám thuận nhân tình.

Thuần Vu Khôn lại nói:

- Cán cung tuy dẻo có lúc cũng bẻ được; nhiều dòng sông chảy ra biển, tự nhiên mà hợp lại.

Trâu Kỵ lại đáp:

- Xin vâng lời dạy bảo, không dám gần gũi với vạn dân.

Lúc này, Thuần Vu Khôn đã có chút bối rối, nhưng vẫn không lộ rõ thanh sắc, tiếp tục nói:

- Áo da cáo rách tay, không thể vá bằng da chó vàng được.

Trâu Kỵ lại tiếp lời, trả lời ngay:

- Xin vâng lời chỉ dạy, nhất định phải tuyển dụng người hiền tài, mà không được để bọn xấu trộn lẫn vào trong đó.

Cả bốn câu ẩn ngữ của Thuần Vu Khôn đã bị Trâu Kỵ biết tỏng, bất giác, những giọt mồ hôi ở trên đầu đã rơi xuống. Thế nhưng mũi tên đã đặt trên dây cung, không thể không bắn, đành phải cứng đầu cứng cổ nói ra câu ẩn ngữ cuối cùng:

- Nan hoa và vành đục không có kích thước tương đối, thì không thể thành xe, đàn địch không có tiếng khoan mau trầm bổng, thì không trở thành luật được.

Trâu Kỵ tiếp tục ung dung trả lời, nói:

- Xin vâng lời chỉ dạy, nhất định phải mời đại vương tu sửa pháp lệnh, phá bỏ bọn gian lại.

Tới đây, Thuần Vu Khôn phí rất nhiều công sức mới sắp đặt ra được năm câu ẩn ngữ, đều bị Trâu Kỵ nhìn thấu, nên chẳng còn điều gì để mà nói nữa, đành phải thay đổi nét mặt vái tạ, sau đó cáo lui. Sau khi ra khỏi, các học sinh của Thuần Vu Khôn nhìn thấy thần sắc của thầy giáo hoàn toàn không giống như lúc mới đến, đều đồng thanh hỏi:

- Khi thầy đến ưỡn ngực bước nhanh, tại sao bây giờ thầy lại gục đầu không nói?

Thuần Vu Khôn trả lời:

- Cả năm câu đố của ta, ông ấy đều tùy tiện ứng phó, hoàn toàn hiểu được ý tứ của ta. Tướng quốc quả thật là con người có chân tài, thực học, quả thật ta không sánh kịp, không kính phục ông ta sao được?

Câu chuyện Thuần Vu Khôn năm lần gây khó Trâu Kỵ sau khi được lan truyền, các sĩ phu du thuyết ở các nước đều rất bái phục Trâu Kỵ, không người nào còn dám tới nước Tề cùng ông đọ tài cao thấp nữa. Đối với Thuần Vu Khôn, Trâu Kỵ cũng không vì chuyện này mà để bụng vướng mắc, trái lại họ đã trở thành đôi bạn thân, thường xuyên cùng say mê tha thiết với học vấn và chính trị.

## **BẢN TÊN LÉN HẠI NGƯỜI,**

### **GÂY KHÓ DỄ ĐIỀN KỶ**

Sau khi Trâu Kỵ công thành danh tọng, tư tưởng dần dần chuyển sang xu hướng bảo thủ, thậm chí còn nảy sinh ra tâm lý đố kỵ, ghen ghét với những người hiền tài. Vào cuối thời kỳ Trâu Kỵ giữ chức tướng quốc, ở nước Tề đã xuất hiện một đại tướng vô cùng tài ba, tên gọi là Điền Kỵ. Do vì lo sợ Điền Kỵ cướp đoạt mất chức vụ tướng quốc của mình, Trâu Kỵ đã luôn luôn thi hành những âm mưu quỷ kế tiến hành hãm hại Điền Kỵ. Lần thứ nhất là xướng nghị ra việc phạt Ngụy, ngầm đặt cạm bẫy. Năm 353 trước Công nguyên, Trâu Kỵ kiến nghị với Uy Vương cử Điền Kỵ đi đánh nước Ngụy. Theo sự tính toán của Trâu Kỵ, nếu Điền Kỵ đánh Ngụy giành thắng lợi, bản thân mình sẽ thu được công lao mưu định quyết sách. Nếu Điền Kỵ bị nước Ngụy đánh bại, kết quả sẽ là hoặc bị chết trận hoặc bị đại bại chạy về, thì lúc đó có thể trừng phạt Điền Kỵ với tội danh bại tướng, giết chết Điền Kỵ. Vừa hay lúc này nước Ngụy đánh nước Triệu, Triệu Thành Công đã sang cầu cứu nước Tề. Tề Uy Vương liền cử Điền Kỵ dẫn quân đi phạt Ngụy cứu Triệu. Trong lúc chiến đấu với quân Ngụy, đã ba lần Điền Kỵ giành được đại thắng lớn, lần lượt ở Tương Lăng, Quế Lăng và Mã Lăng, đã thể hiện ra tài năng quân sự tuyệt vời của mình, cũng đã đề cao được mạnh mẽ uy tín của nước Tề ở trong các nước. Và như vậy, đối với Điền Kỵ, Tề Uy Vương càng thêm tín nhiệm, liền trao toàn bộ binh quyền cho Điền Kỵ, do đó âm mưu của Trâu Kỵ đã bị phá sản. Trâu Kỵ thấy kế này không thành, liền lại thi hành một mưu kế, biến không thành có, đồ vạ hãm hại Điền Kỵ. Trâu Kỵ đã cử gia nhân của mình là Công Tôn Duyệt cải trang là gia nhân của Điền Kỵ, dấu ở trong bọc mười lượng vàng, nửa đêm

tới gõ cửa nhà thầy bói. Sau khi vào trong nhà rồi, Công Tôn Duyệt nói với thầy bói:

- Tôi phụng mệnh của tướng quân Điền Kỵ, tới đây để xin một quẻ bói.

Thầy bói hỏi:

- Muốn hỏi về việc gì?

Công Tôn Duyệt nói:

- Điền tướng quân của tôi chính là tông thất quý tộc, binh quyền nắm giữ trong tay, uy danh lừng vang khắp các nước. Nay muốn mưu một việc lớn, xin thầy bói cho một quẻ xem có thành công không?

Thầy bói vô cùng kinh ngạc, nói:

- Đây là việc mưu phản, tiểu nhân không dám bốc bói đâu.

Công Tôn Duyệt cũng không cưỡng ép, chỉ giả vờ lo sợ, nói:

- Tiên sinh không chịu bói quẻ cho thì thôi, nhưng tuyệt đối không được tiết lộ việc này ra ngoài.

Nói xong, Công Tôn Duyệt cáo từ ra khỏi cửa. Liên sau đó, Trâu Kỵ sai lính tới bắt người thầy bói đó, trách hỏi ông ta cứ sao lại bốc quẻ xem bói cho Điền Kỵ mưu phản.

Thầy bói nói:

- Điền Kỵ tuy đã từng sai người tới tiểu điểm này, nhưng tiểu nhân chưa hề bói quẻ cho ông ta.

Trâu Kỵ liền dẫn thầy bói tới gặp Uy Vương, vu cáo Điền Kỵ có ý đồ mưu phản, rồi bắt thầy bói đứng ra làm người theo dõi giám sát từng hành vi cử động của Điền Kỵ, chuẩn bị trị tội Điền Kỵ. Sau khi biết được việc này, Điền Kỵ rất lo sợ thân phải ngồi tù, không thể biện bạch được rõ rệt, đành lén lút lẩn trốn, chạy sang nước Sở. Sau khi Điền Kỵ đã chạy trốn rồi, Trâu Kỵ vẫn không chịu buông tay, bởi vì Trâu Kỵ rất lo Điền Kỵ sẽ dựa vào lực lượng của nước Sở đánh trở lại nước Tề. Trâu Kỵ lại sai người tới nói với vua Sở:

- Hiện tại Trâu Kỵ là quyền thần của nước Tề rất không hài lòng với nước Sở. Bởi vì ông ấy lo rằng Điền Kỵ sẽ lợi dụng lực lượng của nước Sở đánh trở lại nước Tề. Cho nên, chi bằng đại vương cứ phong cho Điền Kỵ ở Giang Nam, để tỏ rõ rằng Điền Kỵ không thể trở về nước Tề được. Như vậy, Trâu Kỵ tất sẽ hận đời nước Sở. Hơn nữa, Điền Kỵ chỉ là một kẻ chạy nạn mà lại được đại vương phong đất cho, tất nhiên hẳn sẽ cảm kích đại vương. Sau này cho dù Điền Kỵ có trở về nước Tề, hẳn vẫn sẽ phải hận đời nước Sở.

Sở vương cho rằng lời của sứ giả nói có lý, quả nhiên đã phong cho Điền Kỵ ở Giang Nam. Năm 333 trước Công nguyên, Tề Uy Vương tạ thế, con trai là Tịch Cương lên ngôi, đó là Tề Tuyên Vương. Tề Tuyên Vương biết Điền Kỵ oan uổng, liền cử người đi đón Điền Kỵ về, rồi cách chức Tướng quốc của Trâu Kỵ. Trâu Kỵ bị hổ thẹn nhục nhã dẫn vật, chẳng bao lâu đã qua đời.

## 26. THƯƠNG ỬỞNG

### NAM MÔN LẬP TÍN,

### PHÁP LỆNH CHÍ HÀNH

Thương Ưởng xuất thân trong một gia đình họ Công nước Vệ, còn có tên là Vệ Ưởng, Công Tôn Ưởng. Thời trai trẻ từng làm thực khách dưới trướng của Tế tướng Công Tôn Tòa ở nước Ngụy, được đề bạt làm Trung Thứ tử. Công Tôn Tòa phát hiện ra ông là một nhân tài, dự định tiến cử ông lên cho Ngụy Huệ Vương. Thế nhưng ít lâu sau ông bị ốm nặng, Huệ Vương tới thăm dò, Công Tôn Tòa liền thừa cơ tiến cử Thương Ưởng làm Tế tướng nhiệm kỳ sau. Huệ Vương chưa quyết định, Công Tôn Tòa đành phải nói:

- Nếu đại vương không thu dùng, thì phải giết chết ông ta đi, không được để cho ông ta đi tới nước khác.

Huệ Vương bằng lòng. Đợi cho Huệ Vương về khỏi, Công Tôn Tòa liền gọi Thương Ưởng lại nói:

- Vừa rồi ta tiến cử ông kế nhiệm chức Tế tướng. Thế nhưng Huệ Vương không nói gì, xem ra là người không tán đồng. Cho nên ta lại nói, nếu không dùng ông thì nhất định phải giết chết ông đi, mà đại vương đã đồng ý.

Ông hãy mau mau chạy trốn đi!

### THẢ LÒNG ĐỂ BUỘC CHẶT,

### GẶP GỠ GIÚP HIẾU CÔNG

Sau khi Công Tôn Tòa mất, Huệ Vương vẫn không để ý gì đến lời nhắc nhở của Tòa. Lúc này nước Tần ở phía Tây nước Ngụy, Hiếu Công mới hai một tuổi vừa lên ngôi, quyết tâm kế thừa di chí, Hiếu Công dốc hết lòng hăng hái xây dựng lại cơ nghiệp, đã phát ra “Lệnh chiêu hiền”, thu thập

mọi nhân tài. Phàm những người nào có thể xuất ra những kế lạ làm cho nước Tần lớn mạnh tất sẽ được giữ chức quan cao lộc hậu.

Thương Ưởng lập tức chạy sang nước Tần, qua sự tiến dẫn của người thân gần với Hiếu Công là Cảnh Giám, vào yết kiến Hiếu Công. Lần thứ nhất yết kiến Hiếu Công, Thương Ưởng sôi nổi luận đàm về đạo của Nghiêu, Thuấn, sôi nổi trôi chảy, thế nhưng Hiếu Công đã ngủ mất. Sau năm hôm, Hiếu Công lại triệu kiến lần thứ hai. Thương Ưởng lại trình bày thao thao bất tuyệt về đạo của Nghiêu, Thuấn, Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương, Hiếu Công mắt lim dim chỉ muốn ngủ. Lần thứ ba triệu kiến Thương Ưởng, điều trình bày của Thương Ưởng là những mưu lược xưng bá thiên hạ, Hiếu Công liền phát sinh ra hứng thú, thế nhưng vẫn chưa nói tới việc thu dùng ông. Thương Ưởng ra về, Hiếu Công không chửi mắng Cảnh Giám như mấy lần trước nữa, mà còn nói:

- Người mà người tiến cử rất giỏi, có thể tiếp tục bàn bạc với ông ta được.

Thương Ưởng nói với Cảnh Giám:

- Điều mà tôi trình bày lần này là mưu lược xưng bá thiên hạ. Đại vương rất hào hứng lắng nghe. Tôi đã biết rõ ý đồ của đại vương rồi. Xin ông hãy sắp xếp cho một lần hội kiến nữa.

Lần yết kiến thứ tư, hai người trò chuyện rất tâm đầu ý hợp, đã thảo luận liên miên suốt mấy ngày vẫn không cảm thấy mệt mỏi. Cảnh Giám lấy làm lạ. “Sử ký” đã vạch rõ mưu kế của Thương Ưởng. Để giành được sự trọng dụng của Hiếu Công, trước tiên Thương Ưởng đã cố ý trình bày đạo đế vương. Đây là một thủ đoạn của ông ta. Thương Ưởng vốn rất tôn sùng “việc học hình danh”, [37] thế nhưng lần đầu tiên gặp Tần Hiếu Công, ông đã trình bày về vương đạo. Kỳ thực là để nắm bắt mạch đập của Hiếu Công, để tiện việc chinh phục Hiếu Công một cách thẳng thắn trúng đích. Do vậy Thương Ưởng đã được Hiếu Công tín nhiệm, đã mở đầu được đời sống chính trị của mình.

**THƯƠNG PHẠT PHÂN MINH,**



## THI HÀNH BIỆN PHÁP

Thương Ưởng được Hiếu Công đề bạt làm một chức vụ quan trọng là Tả Thứ trưởng, được toàn quyền thực thi một loạt hệ thống biến pháp, nội dung bao gồm những thay đổi pháp luật trong chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa v.v. .. mục đích là để xác lập chế độ tập quyền trung ương, đạt tới mức độ nước giàu binh mạnh. Chủ yếu là hai chủ đề lớn: Nông bản và Pháp trị. Bất kỳ sự cải cách xã hội nào nhất định sẽ đụng chạm tới lợi ích riêng của một số người, cũng tất nhiên sẽ gặp phải trở ngại. Làm thế nào để được nhân dân tín nhiệm là một vấn đề lớn mà Thương Ưởng rất dày công suy tít. Ông đã hạ lệnh cho các quan lại bắt lính dựng một khúc gỗ cao ba trượng ở Cửa Nam kinh đô, dán bố cáo ở khắp mọi nơi: “Ai vác được cây gỗ này tới cửa Bắc thì sẽ được thưởng mười lượng vàng”. Dân chúng chạy tới xem tờ bố cáo. Người đứng trước tờ bố cáo rất nhiều, nhưng không có một người nào tin tưởng lời nói trong tờ bố cáo là thật. Thương Ưởng lại cho thay đổi nội dung tờ bố cáo: “Ai vác được cây gỗ này tới Cửa Bắc thì sẽ được thưởng năm mươi lượng vàng”. Có một người đã vác được khúc gỗ tới cửa Bắc nhưng vẫn còn bán tin bán nghi. Thương Ưởng đã thưởng cho anh ta năm mươi lượng vàng ở ngay trước mặt dân chúng. Điều này đã chứng minh cho dân chúng biết rằng: Mệnh lệnh đã ban ra tất phải được thi hành, quyết không được lừa dối. Sau sự kiện này, các điều luật trong Tân pháp [38] đã được công bố trước quần chúng.

Tân pháp được ban bố, đã đụng chạm tới lợi ích của một số người, đặc biệt là những người phát ngôn cho giai cấp đặc quyền và bản thân họ đều hăng hái chỉ trích Tân pháp. Bộ pháp luật mới này đã đối mặt với một cuộc thử thách nghiêm trọng. Vừa hay lúc đó, Thái tử Tứ tàng giấu một vương tộc đã bị tội xử tử hình. Theo Tân pháp, oa tàng kẻ phạm tội, cũng phải xử tội như chính kẻ phạm tội. Thái tử phải bị xử vào tội chết. Thương Ưởng nói: Tân pháp chấp hành không được thông suốt là bởi vì những nhân vật trên thượng tầng vi phạm mà không trừng trị. Rồi chuẩn bị trị tội Thái tử Tứ theo đúng pháp luật. Theo quy định thời đó, giết Thái tử là điều không thể được. Thương Ưởng không thể không thỏa hiệp, nên đã phải đem tên

thị vệ trưởng của Thái tử là Công tử Kiên xử vào tội tỵ hình (xẻo mũi), đem thầy giáo của Thái tử là Công Tông Giản xử vào tội mặc hình (thích chữ lên trên mặt rồi bôi đen). Sự việc này đã làm chấn động khắp cả nước (“Sử ký, Thương quân liệt truyện”). Tân pháp bắt đầu được thi hành thuận lợi. “Chiến quốc sách - Tân sách” nói: “Thương quân cai trị nước Tần, pháp luật được thi hành triệt để, công bằng vô tư, trị tội không kiêng người lớn kẻ mạnh, khen thưởng không riêng tư với người thân cận, pháp luật động tới cả Thái tử, thích mặt xẻo tai cả thầy của Thái tử. Chỉ sau vài năm, của rơi trên đường không ai nhặt, binh lính lớn mạnh vô cùng, các chư hầu đều phải nể sợ”.

Sách ghi chép rằng Công tử Ngang và quân Ngụy đại bại. Biến pháp của Thương Ưởng đã khiến cho nước Tần giàu có hùng mạnh lên, chính trị trong nước sáng sủa, đời sống nhân dân yên ổn. Chu Hiến Vương cũng đem thịt tế tặng cho Hiếu Công để biểu thị lòng đặc biệt tôn sùng hậu đãi. Các nước chư hầu cũng đều đến dâng lễ tán thưởng. Đại nghiệp xưng bá của Hiếu Công đã bắt đầu thực hành từng bước một. Thương Ưởng đã dâng lời khuyên Hiếu Công, nhân lúc nước Ngụy vừa thua trận nước Tề sẽ cất quân đánh Ngụy để trừ bỏ chướng ngại trong việc xưng bá thiên hạ của nước Tần. Nước Ngụy đã cử Công tử Ngang làm tướng chống lại Tần. Tần cử Thương Ưởng làm tướng chỉ huy quân đội tinh nhuệ. Thương Ưởng cho rằng “Đại luật của việc dùng binh cốt ở chỗ cần trọng”, không thể khinh thường manh động được, rồi liền nghĩ ngay ra một kế. Vốn trước đây Công tử Ngang đã từng là bạn cũ của Thương Ưởng. Thương Ưởng liền tự tay viết một phong thư nói: “Năm xưa khi tôi còn ở nước Ngụy, đã từng là bạn thân của ngài. Bây giờ đã phân biệt làm tướng lĩnh của hai nước, làm sao lại có thể nhẫn tâm tàn sát lẫn nhau cho được? Chúng ta có thể tiến hành hội đàm, ký kết hiệp ước hòa bình, vui vẻ cùng nhau uống mấy cốc, rồi bãi binh, để cầu lấy sự chung sống hòa bình giữa Tần và Ngụy”. Công tử Ngang cho rằng thế là phải, liền tới tiệc rượu nghị hòa. Thương Ưởng đã cho quân tinh nhuệ mai phục sẵn từ trước, bất ngờ tập kích đánh úp, bắt

sống Công tử Ngang. Quân Ngụy mất tướng soái, lòng quân rối loạn, thất bại thua trận nặng nề, Thương Ưởng giải Công tử Ngang trở về.

Thương Ưởng hiểu biết sâu sắc mưu lược “Bình bất yếm trá”. [39] Lần này quân Tần đại thắng, thắng trên tư tưởng mưu lược của Thương Ưởng. Nước Ngụy qua lần thất bại này, nguyên khí bị tổn thương lớn, Ngụy Huệ Vương không thể không cắt nhượng đất Hà Tây để xin hòa với Tần, lại bị bức phải rời đô tới Đại Lương. Ngụy Huệ Vương hồi hận nghĩ lại chuyện xưa, nói:

- Nếu năm đó nghe lời của Công Tôn Tòa thì sẽ không có kết cục đau thương bi thảm như ngày hôm nay!

Năm 338 trước Công nguyên, năm đó Tần Hiếu Công 15 tuổi mắc bệnh qua đời, Tần Huệ Vương kế vị. Có một người tên gọi là Triệu Lương lại khuyên Thương Ưởng nên từ chức đi. Thương Ưởng không nghe. Khi Huệ Vương còn làm Thái tử đã bị từng Thương Ưởng chinh đốn lỗi lầm, đã sai người tới bắt Thương Ưởng đem giết chết ở Miến Trì nước Trịnh (nay là huyện Miến Trì tỉnh Hà Nam). Huệ Vương vẫn còn chưa giải hận còn đem thi thể Thương Ưởng xử vào tội hình cho xe kéo nát. Mọi người trong dòng họ Thương Ưởng đều bị tịch thu tài sản và chém đầu. Thế nhưng một hệ thống chính sách của Thương Ưởng đã làm cho nước Tần giàu mạnh lên. Một trăm năm sau, Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ, không thể không nói rằng, Thương Ưởng đã đặt nền móng cơ sở cho điều đó.

## 27. TẦN HIẾU CÔNG

### LÀM THEO THƯƠNG ƯƠNG, HỘI QUÂN TRUNG NGUYÊN

Nước Tần là một quốc gia phát triển tương đối muộn trong các nước ở Trung Nguyên, hơn thế đất đai lại ở về biên giới phía Tây, bị các nước Trung Nguyên coi là Di Địch (mọi rợ). Tới năm 770 trước Công nguyên, Chu Bình Vương kế vị, vương thất nhà Chu rời đến Lạc Ấp (gần Lạc Dương, Hà Nam ngày nay), Tần Tương Công phái binh hộ tống, lúc này mới được phong làm “chư hầu”, hơn thế còn đem khu đất phía Tây Kỳ Sơn tặng cho Tần, từ đó mới xây dựng lên được nước Tần. Đến thời Tần Mục Công, Tề Hoàn, Tấn Văn là chư hầu Trung Nguyên tranh bá, Tần ở phía Tây bắt đầu phát triển lớn mạnh lên. Thế nhưng vẫn lạc hậu ở Trung Nguyên. Trong mấy chục năm từ Tần Hoài Công đến Tần Hiến Công, nước Tần không ngừng nội loạn, thế nước suy yếu, kinh tế lạc hậu. Đến khi Hiếu Công tức vị, nước Tần vẫn ở vào địa vị bị động bị đánh.

Năm 361 trước Công nguyên, Hiếu Công Doanh Cừ Lương tức vị, tuổi mới hai mươi. Đối mặt với diện mạo lạc hậu của nước Tần, Hiếu Công cảm thấy sâu sắc “nước Tần hèn kém xấu xa nhất trong các nước chư hầu”, đã quyết tâm cải biến trạng thái này, để chấn hưng nước Tần. Ông đã sử dụng một loạt biện pháp chính trị, đẩy mạnh tốc độ phát triển nhanh chóng về chính trị, kinh tế của xã hội nước Tần, khiến cho nước Tần sau khi Tần Mục Công xưng bá Tây Nhung, đã trở thành một quốc gia xưng hùng nhất thời Chiến Quốc, đặt cơ sở vững chắc để cho Tần Thủy Hoàng cuối cùng đã thống nhất được Trung Quốc sau này.

**DUNG NHÂN BẤT NGHỊ,  
“BÁ ĐẠO” TRỊ QUỐC**

Khi Tần Hiếu Công lên ngôi, vương thất triều nhà Chu suy yếu, các nước chư hầu dựa vào vũ lực chinh phạt, thôn tính lẫn nhau. Nước Tần ở vào vùng đất hẻo lánh xa xôi mà lại hùng mạnh, các nước Trung Nguyên coi Tần là Di Địch, ngay cả đến việc dự hội thề cũng không được tham gia. Hiếu Công hiểu sâu sắc rằng, một đất nước cường thịnh cần phải dựa vào người hiền tài, dựa vào những phương lược chính xác, dựa vào sự ủng hộ và giúp đỡ của dân chúng. Do đó đã ra lệnh ban bố khắp nước cần phải tuân theo ý chí của Mục Công để lại, thi hành chính lệnh của Mục Công, mở mang khai sáng cơ nghiệp của Mục Công, tuyên bố rằng: “Trong các tân khách và quần thần, ai có thể dâng hiến mưu sâu kế lạ làm cho nước Tần lớn mạnh, ta sẽ cho làm quan cao, tặng cho đất đai nhiều”. Lệnh này vừa ban bố, Vệ Ưởng (còn gọi là Thương Ưởng, lại gọi là Thương Quân) ở nước Vệ không được thi thố mở rộng tài hoa, liền tới nước Tần, dùng “Bá đạo” là thuật làm cho đất nước lớn mạnh nói với Hiếu Công, vừa hay hợp với bản ý của Hiếu Công. Cho nên Hiếu Công đã quyết định tiếp nhận tư tưởng biến pháp của Thương Ưởng.

Trong quá trình tiến hóa của xã hội loài người, quan niệm xã hội mới luôn luôn vấp phải sự cản trở cực kỳ mạnh mẽ của những thế lực truyền thống cũ. Đối với những chủ trương biến pháp (thay đổi pháp luật), canh lễ (sửa đổi lễ giáo) của Thương Ưởng, liệu có thể được thúc đẩy ở trong toàn quốc hay không, liệu có thể chiến thắng được thế lực cũ hay không, đó là điều Hiếu Công lo lắng. Hiếu Công đã quyết định tiến hành thảo luận ở trong triều đình. Thương Ưởng ra sức bài bác những nghị luận, nói với Hiếu Công rằng nếu hành động do dự không quyết đoán, thì sẽ chẳng làm nên cơ đồ gì. Mưu đồ sự nghiệp nếu trù trừ bất định, thì sẽ chẳng thể lập nên công trạng gì. Những người có hành động vượt khỏi người bình thường, vốn dĩ có thể chịu sự phi báng gây khó dễ của thế tục; những người có kiến giải độc đáo nhất định sẽ nhận được những lời nói xấu, bêu riếu của mọi người. Thánh nhân để có thể làm cho đất nước cường thịnh thì bất tất phải bắt chước theo những quy định cũ, chỉ cần làm lợi cho dân chúng, thì bất tất phải tuân theo chế độ cổ. Kết quả của cuộc biện luận, Thương Ưởng

đã xuất phát từ thực tế nước Tần, đặt ra những kế sách làm cho nước giàu dân mạnh, đã chiếm được ưu thế, đã được sự ủng hộ và giúp đỡ của Hiếu Công. Tức thì Hiếu Công đã bổ nhiệm Thương Ưởng làm Tả Thứ trưởng (tức quan của nước Tần tổng cộng có hai mươi bậc, từ trên xuống dưới, Tả Thứ trưởng là bậc quan thứ mười một), để chế định ra mệnh lệnh hiến pháp.

Năm thứ 13 Chu Hiến Vương (năm 356 trước Công nguyên), Hiếu Công ra lệnh thay đổi luật pháp. Pháp luật mới (Tân pháp) thực hiện được một năm, thế lực của quý tộc cũ vẫn tẩy chay cuộc vận động biến pháp. Năm thứ 19 Chu Hiến Vương (năm 350 trước Công nguyên), Tần đô từ đất Ung (nay là Phượng Tường Thiểm Tây) rời tới Hàm Dương. Hiếu Công lại hạ lệnh ban bố pháp lệnh cải cách lần thứ hai, “Phế bỏ tình điền [40] bắt đầu chế độ ruộng có bờ”, cho phép được mua bán ruộng đất, thừa nhận đất đai tư hữu, thực hành chế độ huyện, nhà vua cử huyện lệnh tới quản lý, quan lại thực hành chế độ bổng lộc, thống nhất chế độ cân đo, thay phong đổi tục, cấm chỉ cha con nam nữ ở chung, làm trong sạch phong hóa. Trong quá trình thực thi tân pháp đã trừng trị nghiêm khắc đối với những kẻ phá hoại tân pháp, còn di chuyển một số quý tộc cũ chống đối việc biến pháp tới những nơi xa xôi hẻo lánh.

## **GIẾT MỘT RĂN TRĂM, PHÁP BẮT VỊ THÂN**

Tân pháp lập tức được ban bố, Tần Hiếu Công ủng hộ và giúp đỡ Thương Ưởng, dùng biện pháp “chuyển gỗ thương vàng” để lấy uy tín với dân. Thế nhưng trong thế lực chống đối Tân pháp, con trai Tần Hiếu Công đã dẫn đầu phạm pháp. Thương Ưởng nói:

- Luật pháp không được thi hành là do ở họ hàng quý tộc.

Rồi khuyên Hiếu Công:

- Nhà vua nếu thực sự muốn thực hành biến pháp, thì cần phải trước hết bắt đầu từ Thái tử.

Việc xử trí Thái tử, Tần Hiếu Công không hề do dự, ủng hộ Thương Ưởng chấp pháp. Thế nhưng Thái tử là người kế thừa ngôi vua, không thể xử tội hình được. Thương Ưởng đành xử phạt quan Thái phó và Thái sư của Thái tử. Dân chúng nhìn thấy Công tử phạm pháp cũng không được miễn trừ, đối với sự uy nghiêm của Tân pháp đã bắt đầu kính phục.

Tân pháp của nước Tần thực hành được mười năm, dân chúng trong nước Tần vô cùng hài lòng mãn ý, đất nước giàu mạnh hẳn lên, đã xuất hiện cục diện “trên đường không có người nhặt của rơi, đèo núi không có trộm cướp, gia đình được sống đầy đủ, dân chúng dũng cảm chiến đấu cho lợi ích chung, xóm làng hương ấp bình an đại trị”.

## **THỪA CƠ TIẾN CÔNG, XÂY DỰNG NGHIỆP BÁ**

Tần Hiếu Công thông qua việc trọng dụng người hiền tài, cải cách chính sách hiện hành, thế nước ngày càng vững mạnh. Năm 354 trước Công nguyên, sau khi thực hành biến pháp lần đầu tiên nước Tần xuất quân về phía Đông đi đánh nước Ngụy, đã giành được thắng lợi. Năm 408 trước Công nguyên, nước Ngụy đã từng cất quân đánh chiếm rất nhiều đất đai ở Hà Tây của nước Tần trong lúc thế lực nước Tần còn yếu đuối. Sự việc này vốn vẫn làm cho Hiếu Công canh cánh trong lòng. Hai năm sau, Hiếu Công đã cử binh đánh Ngụy, tiến vào vùng đất Hà Tây, đánh hạ được An Ấp. Năm 344 trước Công nguyên, lại tấn công Ngụy, hạ được Cố Dương. Năm 343 trước Công nguyên, nước Tần hội các nước chư hầu ở Phùng Trạch (nay là phía Nam thị trấn Khai Phong, Hà Nam), vào châu Thiên tử nhà Chu, xác lập địa vị bá chủ. Thương Ưởng nói với Hiếu Công:

- Nước Ngụy là mối lo trong tim óc nước Tần, chẳng phải là Ngụy nuốt chửng Tần, thì là Tần phải nuốt chửng Ngụy. Bởi vì Ngụy có sự tiện lợi về địa lợi. Ngụy đã xây dựng đô thành ở An Ấp, dùng Hoàng Hà làm biên giới với Tần, chiếm Hào Sơn về phía Đông sẽ có lợi về địa hình. Khi có lợi thì chúng có thể tấn công nước Tần, khi không có lợi chúng có thể phát triển về phía Đông. Ngày nay dựa vào sự anh minh của Hiếu Công, nước Tần đã

cường thịnh rồi. Còn nước Ngụy đã bị nước Tề đánh cho đại bại, các nước chư hầu cũng đều chống lại Ngụy, ta nên lợi dụng cơ hội này tiến đánh. Nước Ngụy chống đối không nổi quân Tần, nhất định phải rời về phía Đông. Nước Tần sẽ có thể thừa cơ chiếm lĩnh lấy vùng đất có địa hình hiểm trở là Hoàng Hà và Hào Sơn, khống chế các nước chư hầu về phía Đông. Đó chính là đại nghiệp của đế vương.

Trong tâm Tần Hiếu Công từ lâu đã có ý nguyện tranh bá thiên hạ, nên rất đồng ý với sự phân tích cục thế như thế này. Tức thì Tần Hiếu Công liền cất quân tiến đánh nước Ngụy, thu hết lại vùng đất Hà Tây. Nước Tần hoàn toàn thoát ra khỏi địa vị bị động bị đánh, quân mạnh đất rộng, quốc gia giàu có no đủ, trở thành nước vô địch thiên hạ. Trong hơn hai chục năm Hiếu Công tại vị, đã có rất nhiều công trạng trong thuật thống trị chính trị, đã đẩy mạnh được sự phát triển của sức sản xuất xã hội. Sau cùng nước Tần đã trở thành một nước chư hầu thống nhất được Trung Quốc, điều đó không thể tách rời khỏi sự thống trị của Tần Hiếu Công.



## 28. MẠNH TỬ

### VUA BẢO VỆ DÂN, KHÔNG GÌ THẮNG NỔI

Mạnh Tử tên Kha, tự là Dữ, người đất Trâu (nay là huyện Trâu tỉnh Sơn Đông), năm sinh ước vào khoảng 372 trước Công nguyên, mất năm 289 trước Công nguyên. Ông thụ nghiệp ở đệ tử Tử Tư là cháu của Khổng Tử, kế thừa được hệ thống tư tưởng của Khổng Tử, là một vị đại sư mà phái Nho học sau Khổng Tử. Thời đại Mạnh Tử sống là thời đại mà các nước hỗn chiến kịch liệt. Do vậy, chủ trương chính trị “Hành vương đạo”, “Thi nhân chính” không được các nhà chấp hành lúc đó coi trọng. Ông đã từng vì chủ trương này mà đem hết tinh lực, đi du thuyết các nước Tề, Tống, Đằng, Ngụy. Vua các nước đó tuy đãi ông là thượng khách, nhưng cuối cùng vẫn không tiếp nhận chủ trương chính trị của ông. Thế nhưng Mạnh Tử vẫn không thay đổi ý chí, mãi cho đến những năm cuối đời ông vẫn viết sách lập thuyết, lưu lại cho người đời sau những lý tưởng chính trị của mình.

Mạnh Tử cũng giống như các bậc tiên triết thời cổ đại, có cả một hệ thống tư tưởng mưu lược chính trị trị quốc an bang. “Bảo dân nhi vương” - làm vua là để bảo vệ dân - chính là trung tâm tư tưởng mưu lược của ông.

Có một lần Tề Tuyên Vương hỏi Mạnh Tử:

- Tiên sinh có thể giảng giải những sự việc mà Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công xây dựng nghiệp bá cho quả nhân nghe có được không?

Mạnh Tử trả lời, nói:

- Thần là môn đồ của Khổng Tử Trọng Ni, chỉ tán thưởng đạo văn võ của các bậc tiên vương Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang v.v... không chủ trương bá đạo.

Các tiên sinh chưa dạy chúng thần những sự việc Tề Hoàn, Tân Văn tranh bá.

Thần chưa từng được nghe nói qua bao giờ. Nếu đại vương nhất định bắt thần phải kể ra, thế thì thần xin kể làm thế nào để xưng vương thiên hạ?

Tức thì Mạnh Tử nêu ra “Bảo dân nhi vương, mạc chi năng ngự dã”. Câu này có nghĩa là: “Bảo vệ tốt cho dân chúng, thì có thể vô địch trong thiên hạ, có thể xưng vương trong thiên hạ”.

Tề Tuyên Vương lại hỏi:

- Tiên sinh xem quả nhân có thể bảo vệ dân xưng vương thiên hạ được không?

Mạnh Tử nói:

- Có thể.

Tề Tuyên Vương hỏi:

- Sao lại biết được quả nhân có thể?

Mạnh Tử nói:

- Từ chỗ viên cận thần của bệ hạ là Hồ Hột. Thần nghe nói, có một lần bệ hạ đang ngồi ở trong cung có người dắt một con bò đi qua ngoài cửa cung. Bệ hạ nhìn thấy liền hỏi: “Dắt bò đi đâu?”. Người dắt bò nói: “Chuẩn bị giết bò lấy máu bôi lên chuông tế”. Bệ hạ nói: “Hãy tha cho nó, ta không nỡ tâm nhìn thấy đáng vẻ đáng thương run rẩy sợ hãi của nó, giống hệt như một con người vô tội, tự nhiên vô cớ bị giết chết vậy!”. Người dắt bò hỏi: “Đã như vậy thì từ nay về sau không cần gì đến nghi thức dùng máu bò tế chuông nữa chứ?”. Bệ hạ nói: “Làm sao có thể trừ bỏ tế lễ được? Ta phải dùng dê thay cho bò vậy!”.

Mạnh Tử nói hết câu chuyện này, liền hỏi Tề Tuyên Vương:

- Tâu bệ hạ, có sự việc này không ạ?

Tề Tuyên Vương nói:

- Quả thực có sự việc này!

Tức thì Mạnh Tử nói:

- Nếu thần nói tâm dạ của bệ hạ như vậy đủ có thể xưng vương trong thiên hạ được. Dân chúng đều cho rằng bệ hạ luyện tiệc một con bò, thế nhưng thần lại biết được là do bệ hạ không nhẫn tâm vậy.

Tề Tuyên Vương nghe xong những lời khen ngợi của Mạnh Tử, vô cùng sung sướng nói:

- Chuyện là như thế này. Rõ ràng có dân chúng nói quả nhân bủn xỉn keo kiệt đó. Nước Tề tuy nhỏ bé yếu đuối, quả nhân làm vua cũng không đến nỗi bủn xỉn keo kiệt một con bò đó. Quả thực là quả nhân không nở tâm nhìn thấy dáng vẻ hoảng sợ của con bò đó, nó giống hệt như một người vô tội, bỗng vô duyên vô cớ bị giết chết vậy. Do đó mới dùng dê để thay thế bò.

Mạnh Tử nói:

- Nếu như bệ hạ không nở nhìn thấy nó không có tội mà bị giết, liền đổi bò thành dê. Vậy thì con dê đó chẳng như vậy hay sao?

Tề Tuyên Vương cười, nói:

- Nói như vậy thì cuối cùng ta phải nghĩ cách nào đây? Ta đâu có phải là vì tiếc một con bò mà phải dùng dê để thay thế?

Mạnh Tử nói:

- Điều đó không can hệ gì. Đó là nhân đạo vậy! Khi ấy bệ hạ nhìn thấy bò sắp bị giết chứ không nhìn thấy dê. Đối với loại cầm thú, người quân tử chỉ muốn nhìn thấy nó sống mà không nhẫn tâm nhìn thấy nó bị giết, chỉ muốn nghe thấy tiếng kêu của nó, mà không nở tâm ăn thịt nó. Cho nên, người quân tử phải tránh xa nơi bếp núc.

Lời nói này của Mạnh Tử đã làm cho Tề Tuyên Vương rất vui mừng, nói:

- Trong “Thi kinh” nói: “Tâm tư của người khác, ta phải luôn phán đoán” (“Thi kinh - Tiểu nhã - xảo ngôn”: Tha nhân hữu tâm, dư thốn độ chi).

Ta đã làm như vậy, rồi lại quay đầu nghĩ vì sao đã làm như vậy, ngay bản thân mình cũng không biết được tư tưởng của mình. Lời nói của tiên sinh đã khiến cho tâm ta xúc động, rất muốn xác lập một trái tim nhân chính đó? Tư tưởng như vậy đã phù hợp với tinh thần vương đạo, vì sao?

Mạnh Tử nói:

- Nếu có người nói với bệ hạ sức mạnh của tôi có thể nâng nổi vật nặng một ngàn cân, nhưng lại không nhắc nổi một chiếc lông vũ; đôi mắt của tôi sáng có thể nhìn rõ một chiếc lông to nhỏ mới mọc ở trên thân con chim đang bay trên bầu trời mùa thu, nhưng lại chẳng nhìn thấy củi khô chất đầy trên xe, liệu bệ hạ có thể tin được lời nói của anh ta không?

Tề Tuyên Vương nói:

- Lẽ dĩ nhiên trăm tin làm sao được?

Tức thì Mạnh Tử nói:

- Bây giờ, bệ hạ có thể đem ân đức của mình dùng đến trên thân cầm thú, không nỡ nhìn thấy con bò con dê bị giết vô tội, thế nhưng lại không thể dùng ở trên thân dân chúng, đó là vì nguyên nhân nào vậy? Một chiếc lông vũ không cầm lên được, là bởi vì không muốn dùng tới sức. Không nhìn thấy chiếc xe chở đầy củi là bởi vì cố ý không nhìn. Dân chúng của bệ hạ không thể được bảo hộ, được vỗ về chăm sóc. Bệ hạ vốn có thể xưng vương được nhưng lại không chịu xưng vương, không phải là bệ hạ không có khả năng mà là bởi vì bệ hạ không chịu làm.

Tề Tuyên Vương nói:

- Không có khả năng làm và không chịu làm có điểm nào khác nhau trên những biểu hiện cụ thể.

Mạnh Tử nói:

- Bắt con người kẹp Thái Sơn ở dưới nách nhảy qua Bột Hải, người đó nói không thể làm được, điều đó thực sự không thể làm được. Bắt anh ta xoa bóp cho người già, anh ta nói với mọi người rằng tôi không có khả năng, đó không phải là thực sự không có khả năng, mà là anh ta không chịu

làm. Cho nên, bệ hạ không thể xưng vương thiên hạ, không phải là việc khó như kẹp Thái Sơn dưới nách nhảy qua Bột Hải, mà là việc dễ giống như xoa bóp cho người già mà thôi. Nếu bệ hạ biết mở rộng ân đức của mình ở khắp mọi nơi, thì thiên hạ có thể giữ được, không thi hành ân đức với dân thì ngay đến cả vợ con cũng khó lòng bảo vệ được. Bệ hạ muốn ban phát ân đức cho dân chúng hay là kéo binh mã đại quân phát động chiến tranh, bên trong khiến cho sĩ thần lâm vào cảnh nguy hiểm, bên ngoài kết oán thù với các nước chư hầu, để sau đó cảm thấy vui vẻ thoải mái trong tâm mình?

Tề Tuyên Vương vội vàng phủ nhận nói:

-Không! Không! Làm sao trẫm có thể phát động chiến tranh mà coi đó là việc làm thoải mái vui vẻ được? Trẫm chẳng qua chỉ là muốn được những thứ trẫm muốn được nhất mà thôi!

Mạnh Tử nói:

- Thần biết rõ thứ mà bệ hạ muốn được nhất là thứ gì rồi. Đó chính là xưng bá thiên hạ, mở rộng lãnh thổ, khiến cho các nước như Tần, Sở cũng phải xưng thần cống nạp cho bệ hạ, đem cả thiên hạ mà các quốc vương thống trị quy hết vào trong tay mình. Các ngoại tộc bốn phương hoàn toàn đều phải nghe theo bệ hạ. Thế nhưng, theo cách làm hiện tại của bệ hạ, muốn xưng bá trong thiên hạ thì quả thật đó là chuyện trèo lên cây để bắt cá vậy!

Tề Tuyên Vương nói:

- Lại có chuyện nghiêm trọng đến thế kia ư?

Mạnh Tử nói:

- E rằng còn nghiêm trọng hơn thế nữa đó! Trèo lên cây bắt cá, tuy rằng không thể bắt được cá, cũng không thể có tai nạn nào khác. Còn như dựa vào vũ lực như vậy để giành lấy địa vị bá chủ, một lòng chỉ muốn chiến tranh, không những không thể xưng vương thiên hạ, mà còn có thể đem lại những hậu họa vô cùng.

Tề Tuyên Vương nói:

- Tiên sinh thử nói rõ điều này xem nào?

Mạnh Tử nói:

- Nếu nước Trâu nhỏ yếu đánh nhau với nước Sở lớn mạnh, bệ hạ cho rằng ai sẽ giành phần thắng?

Tề Tuyên Vương nói:

- Lẽ đương nhiên là nước Sở giành được phần thắng.

Mạnh Tử nói:

- Nói như vậy tức là nhỏ không thể địch nổi lớn, ít không thể địch nổi nhiều, yếu không thể địch nổi mạnh. Ngày nay đất đai trong thiên hạ, bệ hạ chỉ chiếm được có một phần chín. So sánh lực lượng, không chẳng giống như cuộc chiến giữa nước Trâu và nước Sở hay sao? Vậy thì tại sao bệ hạ không tranh thủ xưng vương từ trên căn bản? Nếu bệ hạ có thể hành vương đạo, thi nhân chính, ban phát ân đức với dân chúng, khiến cho các quan lại trong thiên hạ đều muốn ủng hộ vương triều của bệ hạ; dân chúng cấy cày đều muốn an cư lạc nghiệp trên đất đai của bệ hạ; những thương nhân buôn bán đều muốn đem của cải quý báu tồn trữ tập trung vào phố xá chợ búa dưới sự thống trị của bệ hạ; các nhà du hành bốn phương đều muốn tới đất nước của bệ hạ; các thần tử oán hận nhà vua của họ ở trong triều các nước khác, đều muốn chạy tới đây để báo cho bệ hạ biết. Nếu được như vậy thì ai có thể tranh giành đối địch được với bệ hạ?

Tề Tuyên Vương nghe xong những lời nói này của Mạnh Tử, trong lòng bỗng tỉnh ngộ, nói:

- Trẫm rất là hôn mê, không làm được điểm này, xin mời tiên sinh tới giúp đỡ trẫm, đem việc thi hành đạo vương chính mà tiên sinh nói giảng giải cho trẫm một cách rõ ràng. Trẫm tuy không thông minh lắm, nhưng cũng muốn thưởng thức thử xem.

Tới lúc này, Mạnh Tử đã nói ra nội dung cụ thể “Bảo dân nhi vương” - mưu lược thống trị chính trị mà bản thân ông kiên trì suốt đời. Điểm chủ

yếu của nó chính là, làm cho nhân dân trong nước đều được sống có cơm no áo ấm. Một quân vương như vậy, không ai là không xưng được.

Thế nhưng, do vì bối cảnh tình thế và thời đại lúc đó, việc du thuyết của Mạnh Tử chỉ có thể là phí công vô ích. Lúc đó, các nước đều tích cực theo đuổi chiến tranh, nước Tần tin dùng Thương Ưởng nước giàu binh mạnh; nước Sở, nước Ngụy tin dùng Ngô Khởi, liên tiếp đánh bại các nước; nước Tề tin dùng Tôn Tồn và Điền Kỳ, đã trở thành một nước lớn hùng mạnh; cuộc đấu tranh hợp tung, liên hoành vô cùng kịch liệt “Đánh nhau để chiếm đất, người chết đầy thành” (“Mạnh Tử - Ly lâu thượng”). Thế nhưng, loại mưu lược chính trị này của Mạnh Tử, trái lại, về sau đã được rất nhiều đế vương thực hành, đã đem lại sự phồn vinh về chính trị, kinh tế và văn hóa. Đường Thái Tông Lý Thế Dân chính là một ví dụ đột xuất. Để củng cố nền thống trị của mình, ông đã nhấn mạnh mưu lược trị quốc, coi trọng chủ trương “Bảo dân nhi vương”, ông nói:

- Thiên tử có đạo thì nhân dân suy tôn làm chủ, vô đạo thì nhân dân phế bỏ không dùng (“Trinh quan chính yếu - Luận chính thế”). Thực hành một số chính sách thuận với lòng dân, hòa hoãn mâu thuẫn xã hội, sức sản xuất được phát triển đã xuất hiện một nền “thống trị Trinh Quán” - niên hiệu của Đường Thái Tông (Lý Thế Dân) (năm 627 đến 649) - nổi tiếng trong lịch sử. Điều đó chứng tỏ mưu lược chính trị “Bảo dân nhi vương” của Mạnh Tử đã có ý nghĩa tích cực, ảnh hưởng của nó cũng rất sâu sắc trong lịch sử.

## 29. HUỆ THI

### HỌC PHÚ NGŨ XA, BIỆN QUÁN BÁCH GIA

Huệ Thi (ước khoảng từ 370 đến 310 trước Công nguyên) là người nước Tống trong thời đại Chiến Quốc, bạn thân của Trang Tử, lúc 39 tuổi được thừa tướng nước Ngụy là Bạch Khuê tiến dẫn, đã làm thừa tướng nước Ngụy trong thời kỳ Ngụy Huệ Vương, chấp chính thời gian lâu tới mười lăm, mười sáu năm. Vì sự tồn vong của nước Ngụy, ông đã bôn ba hết nước này qua nước khác, cực lực chủ trương chính sách ngoại giao hợp tung chống Tần, là người tổ chức và thực thi mưu lược hợp tung.

#### **DỪNG ĐÁ THAY ĐAU, CỨU VẠN NƯỚC NGUY**

Trong thời gian Huệ Thi làm thừa tướng, thực lực của nước Ngụy đang từ cường thịnh bước sang suy yếu, mâu thuẫn trong ngoài rất kịch liệt. Để mưu cầu lấy sự an ninh trong nước, ông đã liên hợp với Tề, Sở, chấm dứt chiến tranh, chủ mưu Tề, Ngụy tương hỗ tôn xưng lên làm vua. Chủ trương Tề, Ngụy tương hỗ xưng vương đã vấp phải sự phản đối của một số người. Bởi vì Huệ Thi có một chủ trương chính trị nổi tiếng, tức là “Khử Tôn”, bây giờ lại tôn Tề làm vua, điều đó sao có thể được? Cho nên Khuông Chương nói:

- Điều này há chẳng phải là mình tự mâu thuẫn với mình hay sao?

Huệ Thi trả lời, nói:

- Có một người, vì một nguyên nhân nào đó không thể đánh vào đầu đứa con trai của mình, thế nhưng ông ta lại rất yêu con trai của mình, không nỡ tâm đánh. Nếu như có thể dùng đá thay thế cho cái đầu bị đánh của con trai, thì người này sẽ đánh vào đầu con trai hay là đánh vào đá nhỉ?

Khuông Chương nói:



- Điều đó tất nhiên là phải dùng đá để thay thế cho đầu của con trai mình rồi. Bởi vì đầu của con trai quý trọng, còn đá thì rẻ rúng thấp hèn. Đánh vào hòn đá rẻ rúng thấp hèn mà miễn trừ được việc đánh vào đầu con trai quý trọng, đương nhiên là chính xác!

Huệ Thi nói:

- Hiện tại tôi chủ trương phụng sự Tề Vương lên làm vua thực ra không phải có ý lấy Tề làm vua để có “lưu tôn”, mà là chỉ có như vậy mới có thể trừ khử được chiến tranh!

Tức thì Huệ Thi đã thuyết phục được Ngụy Huệ Vương và văn võ trong triều rồi đi theo cùng Ngụy Huệ Vương hội kiến Tề Uy Vương ở Từ Châu. Liền sau đó, Ngụy, Tề tôn lẫn nhau lên làm vua, đã hòa hoãn được mâu thuẫn bên ngoài, duy trì bảo vệ được lợi ích của nước Ngụy.

## **HỌC PHÚ NGŨ XA, NĂNG NGÔN NĂNG BIỆN**

Có một câu thành ngữ gọi là “Học phú ngũ xa” (Xem “Trang Tử - Thiên hạ thiên”) là chỉ Trang Tử ca ngợi Huệ Thi “học thức” uyên bác, giỏi nói năng, tài biện luận (năng ngôn năng biện). Khi Huệ Thi qua đời, Trang Tử cực kỳ bi thương, nói: “Kể từ khi phu tử qua đời, ta không còn người để trò chuyện nữa!” (“Trang Tử - Tử vô quý”). Huệ Thi phò tá Ngụy Huệ Vương rất giỏi dùng ví dụ để nói rõ những quan điểm của mình. Lần đầu tiên Huệ Thi tới nước Ngụy, thuyết lý biện luận về đạo làm cho nước mạnh với Bạch Khuê. Bạch Khuê không tranh luận nổi với ông. Về sau, Bạch Khuê đã nói xấu hạ thấp Huệ Thi trước mặt Ngụy Huệ Vương. Có người nói với Ngụy Huệ Vương:

- Huệ Thi nói tới công việc thích dùng ví dụ. Nếu bệ hạ không để cho ông ta dùng ví dụ, thì ông ta chẳng thể nói rõ ra điều gì cả.

Huệ Vương nói:

- Được!

Ngày hôm sau, Huệ Vương nói với Huệ Thi:

- Mong tiên sinh nói việc gì thì cứ trực tiếp nói thẳng ra, không được dùng ví dụ nữa.

Thế nhưng, Huệ Thi lại nói:

- Bây giờ có người không biết “đạn” là thứ gì mà bệ hạ bảo cho anh ta biết hình dáng của “đạn” giống như “đạn” thì anh ta có thể hiểu rõ được không?

Huệ Vương nói:

- Không rõ được!

Huệ Thi nói:

- Nếu bệ hạ nói cho anh ta biết, hình dạng của “đạn” giống như một chiếc cung, dây của nó được làm bằng trúc, là một loại công cụ để bắn, thì anh ta có thể hiểu được không?

Huệ Vương nói:

- Có thể hiểu được.

Huệ Thi nói:

- Tác dụng của ví dụ, chính là dùng những sự vật mà đối phương đã biết để gợi mở anh ta, khiến cho anh ta hiểu được những sự vật mà anh ta còn chưa biết. Bây giờ bệ hạ lại không để cho thần dùng ví dụ thế thì sao có được?

Huệ Vương nói:

- Người nói năng giỏi lắm.

Năm 335 trước Công nguyên, Ngụy Huệ Vương chết, đã định xong ngày hạ táng, thế nhưng thật tồi tệ ông trời đã làm cho tuyết rơi, tuyết sâu nhiều ngập cả mắt bò, con đường ra ngoài ô không thể đi suốt được. Thái tử (Tương Vương) chuẩn bị dùng một con đường kiến trúc bằng gỗ để đưa đi chôn. Các quần thần trong triều đều khuyên can Thái tử, nói:

- Tuyết rơi lớn như thế này mà vẫn còn đưa đi chôn cất, nhân dân nhất định sẽ kêu khổ không ngớt. Hơn nữa e rằng kho nhà nước cũng không đủ

chi tiêu, xin hãy tạm thời hoãn ngày chôn cất lại.

Thái tử nói:

- Làm người con, bởi vì sự gian khổ vất vả của nhân dân và phí tổn không đủ chi mà không làm lễ chôn cất Tiên vương theo đúng kỳ đã định. Đó là hành vi bất nghĩa. Trẫm không thể rơi vào cái tên bất nghĩa được. Thôi, các người đừng nói nữa!

Các quần thần đều không dám khuyên can nữa, hơn thế đã đem sự việc này nói cho Tê Thủ biết. Tê Thủ nói:

- Tôi thật sự không có cách nào thuyết phục được Thái tử. Việc này e rằng chỉ có Huệ Thi mới có thể làm được. Để tôi đi bảo cho Huệ Thi biết.

Sau khi Huệ Thi nghe xong, liền ngồi lên xe tới gặp Thái tử, nói:

- Ngày chôn cất đã xác định được rồi ạ.

Thái tử nói:

- Đúng thế!

Huệ Thi nói:

- Thời cổ xưa, cha của Chu Văn Vương là Quý Lịch chôn ở dưới chân núi Chung Nam, nước ở dưới đất ngập chìm đã làm hỏng cả đáy mộ, để lộ hở cả quan tài. Văn Vương nói: “Ồ, tiên quân nhất định là muốn lại nhìn thấy mặt các quan đại thần và dân chúng, do vậy mới để cho nước ở dưới đất làm nổi cả quan tài lên”. Tức thì Văn Vương ra lệnh đào hẳn quan tài lên, trong một buổi sớm đặt quan tài ở trong quán linh cữu, bà con dân chúng đều tới triều kiến, sau ba ngày, mới cải táng ở chân núi Chung Nam. Hành động này của Văn Vương mới là đại nghĩa. Ngày nay, ngày hạ táng của tiên vương đã định xong, thế nhưng tuyết rơi ngập cả mắt bò, xe bò không có cách nào kéo đi được. Tiên vương nhất định là không muốn xa rồi, muốn dừng lại một số thời gian để phò tá đất nước này, xếp đặt chu đáo cho dân chúng. Do đó mới làm cho tuyết ngập đường, để tạm thời hoãn lại vài ngày nên bắt buộc phải thay đổi ngày hạ táng. Thái tử mặc dù đã xếp đặt thời gian hạ táng, cũng là tỏ rõ có chút quá vội vã. Mong Thái tử thay

đổi lại ngày đi. Làm như vậy, cũng giống như hành vi đại nghĩa đó của Văn Vương. Nếu Thái tử không làm như vậy, có thể có người nói ngài cho rằng bắt chước hành vi đại nghĩa của Văn Vương là điều sỉ nhục đó.

Thái tử nói:

- Người nói phải lắm, ta sẽ tạm hoãn lại để rồi chọn lấy ngày lành khác hạ táng vậy.

Huệ Thi tức trí đa mưu đã lợi dụng tư tưởng Thái tử cho rằng hạ táng theo kỳ là hành vi đại nghĩa, giả thác rằng Tiên vương có ý muốn bắt trời làm cho tuyết rơi, đã thuyết phục được Thái tử kéo dài ngày hạ táng của Ngụy Vương, khiến cho quốc dân tránh khỏi vấp phải khổ sở, khiến cho công quỹ tránh được tổn thất.

Bác học Huệ Thi là nhà triết học, nhà biện luận nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, có công lao chính trị rất to lớn, đã làm tướng phò Huệ Vương, thân với Tề, Sở mà yên định được nước Ngụy. Ngụy Huệ Vương có khí tiết tuổi già, phần lớn đều dựa vào sự giúp đỡ phò tá của Huệ Thi. Huệ Vương cũng gắng sức gạt bỏ mọi dị nghị vẫn tín nhiệm Huệ Thi. Về các mặt biện luận chính trị, quân sự, những tài năng mưu lược mà Huệ Thi biểu hiện ra đã được người đời sau rất tôn sùng bái phục.

## 30. TRANG TỬ

### BỘ NGỰA BẮT VE, VÀNH KHUYÊN TẠI HẬU

Khi người vợ chết, bản thân mình lại gõ mâm ca hát, sự việc như thế quả rất hiếm thấy ở trên thế giới này từ trước đến nay. Chỉ có một ví dụ được ghi trong sử sách, đó chính là Trang Tử, một nhà hiền triết nổi tiếng trên hai ngàn năm về trước. Người bạn thân của ông là Huệ Thi, một nhà tư tưởng khác tới điều vong linh, nhìn thấy quan tài đặt ở trong nhà để chờ chôn cất. Trang Tử thì ngồi xõm ở dưới đất vừa gõ mâm vừa ca hát. Huệ Thi giận dữ nói:

- Vợ ông đã nhiều năm chung sống với ông, thay ông sinh đẻ và nuôi dưỡng con cái, đã chịu bao nỗi khổ sở đắng cay vì ông. Bây giờ tuổi già thân chết ông không năm xuống khóc lóc thì thôi, thế mà ông lại gõ mâm ca hát, thì còn có đạo lý gì nữa?

Thế nhưng Trang Tử lại có đạo lý riêng của mình. Ông giải thích, nói:

- Bà lão vừa mất tôi vô cùng đón đau sâu thẳm. Thế nhưng nghĩ lại làm thế là không đúng. Làm một con người, bà lão vốn không có sinh mệnh, cũng không có hình thể, ngay hơi thở cũng chẳng có. Về sau dần dần trong tình trạng như có như không đã có hơi thở, đã có hình hài, đã có sinh mệnh. Hiện tại chẳng qua chỉ là từ sinh mệnh biến hóa thành tử vong mà thôi. Loại diễn biến này cũng giống hết như sự tuần hoàn của bốn mùa xuân hạ thu đông mà thôi. Bà lão giống hết như đang ngủ ngon ở trong nhà, còn tôi lại cứ khóc hu hu ở bên cạnh, thì quả thật là tôi không thể hiểu được đạo lý diễn biến của sinh mệnh. Cho nên tôi mới không khóc đó! (Xem thêm “Thái tử - Ngoại thiên”).

Trang Tử tên gọi là Chu, người Mông Tùng thời Chiến Quốc (nay là vùng ngoại giới Hà Nam - An Huy), sinh vào khoảng năm 369 trước Công

nguyên, mất năm 286 trước Công nguyên, là người sống cùng thời đại với Mạnh Tử, là người bạn rất thân thiết của Huệ Thi. Từ nhỏ Trang Tử sống cùng khổ, có khi phải vay gạo của người khác để sống qua ngày, có khi phải bện hài cỏ bán lấy tiền sống qua ngày. Lúc thường ăn mặc giày dép không nghiêm chỉnh, có một lần Ngụy Vương triệu gặp Trang Tử, quần áo mà Trang Tử mặc cũng rách rưới vá chằng vá đụp.

Trang Tử đã kế thừa tư tưởng của Lão Tử, người đời đã công nhận tư tưởng của hai người giống như cùng vết bánh xe lăn. Đến hai triều Tần Hán, loài người đã xưng gộp lại thành Lão Trang, tức là Lão Tử và Trang Tử. Tư tưởng của hai người giống nhau, thế nhưng phương thức biểu đạt không giống nhau. Lão Tử đã dùng những câu châm ngôn giống như thơ ca để biểu đạt, còn Trang Tử thì dùng hình thức tản văn để biểu đạt, ngôn ngữ hoạt bát kiên định lại khôi hài, rất nhiều ví dụ ẩn dụ, đã phản ánh những tư tưởng sâu sắc bí ảo.

Trung Tử cũng chủ trương “Vô vi nhi trị” - cai trị thuận theo lẽ tự nhiên. Trong “Trang Tử - Ngoại thiên”, nói nên dùng sự khoan hồng nhân hậu thuận theo lẽ tự nhiên để đối xử với thiên hạ, mà không nên cai trị thiên hạ trái với lẽ tự nhiên. Thực hành “Vô vi nhi trị” tức là dựa vào tính tình vốn có của mình để xử thế với mọi người trong thiên hạ, gìn giữ đạo đức thật thà chất phác nhất. Nếu mọi người trên thế gian đều dựa vào bản tính, ở khắp mọi nơi đều dựa vào đức tính thuần phác thì đương nhiên khỏi cần phải cai trị. Ông nói, khi Nghiêu cai trị thiên hạ, mọi người trong thiên hạ đều sống sung sướng hạnh phúc, cuộc sống yên ổn, thế nhưng Nghiêu đâu có phải đem mọi thứ cưỡng bức, áp đặt lên họ. Vậy mà tới khi Kiệt thống trị, chính là đã nghĩ cách cai trị người đời. Người đời đã phải sống cuộc sống đau khổ, không hề có chút sung sướng nào để mà nói. Trang Tử cho rằng: Yên ổn và vui vẻ là bản tính của con người. Nếu cố ý cai trị họ thì họ sẽ mất đi bản tính, thì sẽ không thể nào có yên ổn và vui vẻ, đất nước sẽ không thể tồn tại được lâu dài. Cho nên ông chủ trương thống trị thiên hạ, không gì bằng thuận theo lẽ tự nhiên. Thuận theo lẽ tự nhiên sẽ khiến cho mọi người dân được yên ổn hòa bình. Vì vậy, trước hết cần phải chú ý tới

sự yên tĩnh vô vi của bản thân, mà không cần phải chú trọng tới việc cai trị bần dân thiên hạ. Như vậy thì sẽ có thể quản lý được thiên hạ. Khổng Tử cũng đã nói, Thuấn là nhà thực hành vô vi nhi trị, Thuấn đâu có làm điều gì, chỉ “Cung kính bản thân, nhìn về hướng chính Nam mà thôi”. Thế nhưng, khi phân tích Thuấn cai trị thiên hạ, lấy một ví dụ mà hiện tại nhìn không lấy gì làm lịch sự, ông nói: ở trên đời có ba loại người, một loại người tự cho mình là phải, một loại người sống cầu an tự lấy đó làm vui, một loại người “lưng còng”. Ông ví Thuấn như miếng thịt cừ, còn dân chúng thì ví như đàn kiến. Ông nói rằng thịt cừ không thích kiến, nhưng kiến thì lại rất thích thịt cừ. Đó là vì thịt cừ có mùi tanh, Thuấn thì giống như thịt cừ có vị tanh, dân chúng yêu quý Thuấn giống như kiến thích thịt cừ vậy. Ba lần Thuấn rời đô, dân chúng đều đi theo Thuấn cả. Nghiêu đã khảo sát tài và đức của Thuấn, đã cử Thuấn đi tới vùng đất chưa khai phá. Vùng đất đó đã được phát triển, trở thành phần vinh rất nhanh chóng. Thuấn đã già, tai và mắt suy thoái, nhưng Thuấn vẫn chưa hề nghỉ ngơi. Do đó, Trang Tử đã gọi Thuấn là loại người lưng còng.

“Bọ ngựa bắt ve, vành khuyên tại hậu”, đây là một câu chuyện ngụ ngôn được kể trong bộ sách “Trang Tử”, rất giàu hình tượng, triết lý sâu sắc, cảm động lòng người. Câu chuyện này đã nói rõ một loại tư tưởng mưu lược rất quan trọng, nó đã phản ánh tính chất ràng buộc khống chế lẫn nhau giữa các sự vật. Nó đã khuyên răn loài người không thể chỉ nhìn lợi ích trước mắt mà rất cần thiết phải đề phòng hậu họa. Câu chuyện này cũng đã được ghi chép ở trong “Thuyết uyển - Chính Gián”. Trong “Trang Tử - Ngoại thiên - Sơn mộc” ghi chép rằng: Có một hôm Trang Tử tới du chơi ở vườn quả Diêu Lăng, nhìn thấy một con chim khách bay qua đỉnh đầu, rồi đậu ở trong rừng cây cách đó không xa. Tức thì ông vén cao tay áo, thận trọng mau lẹ đuổi theo, chuẩn bị dùng đạn bắn con chim khách đó. Chính trong lúc đó ông nhìn thấy một con bọ ngựa đang giơ đôi càng ra bắt con ve đang ẩn nấp ở dưới bóng cây. Con ve kia chỉ cảm thấy thoải mái thích thú chơi ở dưới bóng râm mà không hề có sự quan sát cảnh giác nào. Con bọ ngựa chỉ mãi mê bắt ve, mà không hề nghĩ rằng có con chim khách đang ngấm ngấm

lừa dịp mổ bắt nó. Con chim khách chỉ tham lợi mà không biết Trang Tử đang dùng cung đạn nhằm trúng đó.

Chính trong giây khắc đó, Trang Tử đã bàng hoàng ngộ ra một điều: “Chỉ mãi mê cầu lấy mỗi lợi trước mắt, thường đã quên mất mỗi họa hại ở sau lưng. Rắp tâm mưu hại người khác, cũng nhất định sẽ mang lại tai hại cho mình”. Nghĩ đến đây, Trang Tử liền nắm chặt lấy cung tên, quay đầu chạy miết. Những người coi giữ vườn quả nhìn thấy ông chạy với dáng vẻ hoảng sợ lo lắng, liền cho rằng ông là người đến ăn cắp quả, liền lớn tiếng quát tháo mắng chửi om sòm ở sau lưng ông.

Trong ngôn luận của Trang Tử còn có rất nhiều những câu chuyện dùng hình thức tản văn, với ngôn ngữ sinh động để biểu đạt những tư tưởng mưu lược về các mặt chính trị, quân sự, triết lý v.v... khiến cho người đọc được thưởng thức những áng văn hay làm khoái trá miệng người với những gợi ý biện luận tư tưởng rất sâu sắc.

Tư tưởng Trang Tử có những hạn chế của ông, tư tưởng triết học cơ bản của ông là chủ nghĩa tương đối, cho rằng vạn vật đều ở trong tình trạng “bất động bất biến; vô thời hạn và bất di bất dịch”, cho nên tính chất và sự tồn tại của nó đều chỉ là tạm thời. Ông chủ trương “cùng lớn nhỏ”, “cùng sống chết”, ông phủ nhận tính chất tiêu chuẩn khách quan của nhận thức, cho rằng “đó cũng có thể là đúng là sai, đây cũng có thể là đúng là sai”. Thế nhưng, mặt tích cực trong tư tưởng Trang Tử rất rõ ràng. Trang Tử đã vạch rõ một cách cảm giận và thẳng thắn những hiện tượng bất hợp lý. “Người ăn cắp cái móc câu thì bị giết, kẻ ăn cướp đất nước thì làm chư hầu”. Ông cự tuyệt hợp tác với bọn thống trị, khinh thường phú quý lợi lộc, chế giễu những kẻ truy cầu danh lợi. Rất nhiều tư tưởng của ông thông suốt với Lão Tử. Chúng ta nên “học tập những tinh hoa, trừ bỏ những cặn bã”, kế thừa và phát huy những tư tưởng tiến bộ tích cực của ông.



## **31. TUÂN TỬ**

### **LONG LỄ CHÍ PHÁP, THIÊN HẠ QUY NHẤT**

Tuân Tử (ước vào khoảng từ 313 đến 228 trước Công nguyên), còn gọi là Tuân Khanh, người nước Triệu, cuối thời kỳ Chiến Quốc (nay là phía Nam tỉnh Hà Bắc và tỉnh Sơn Tây). Hoạt động chính trị và học thuật của ông ước vào khoảng giữa năm 298 trước Công nguyên (năm 17 Chu Nản) đến năm 238 trước Công nguyên (năm 9 Tần Vương Chính).

### **COI TRỌNG LỄ PHÁP, THIÊN HẠ THỐNG NHẤT**

Cuộc đời của Tuân Tử rơi vào cuối thời kỳ Chiến Quốc, chính là thời kỳ lịch sử có những biến động lớn. Tư tưởng của ông thuận ứng với trào lưu lịch sử lúc đó, ông chủ trương thiên hạ thống nhất. “Thiên hạ vi nhất” [41] chủ trương chính trị quan trọng nhất của Tuân Tử. Về điểm này, ông đã kế thừa được tư tưởng dân bản của Nho gia. Ông đã lần lượt đi qua các nước Tề, Tần, Sở, Triệu v.v... Xã tắc nước Tề lúc đó là trụ sở nổi tiếng, tập trung các học giả, trăm nhà đua tiếng. Đầu tiên ông tới nước Tề, muốn thuyết phục Tề Mẫn Vương thực hành chính trị vương đạo, tranh thủ thống nhất thiên hạ. Hơn thế, ông còn chỉ ra, nếu không lấy vương đạo trị quốc thì sẽ có nguy hiểm bị thôn tính. Thế nhưng Tề Mẫn Vương lúc đó, tự cho mình là có công nên đã kiêu ngạo, căn bản nghe không lọt tai những lời khuyên can không hợp với ý mình đó. Ông đành phải rời bỏ nước Tề.

Quả nhiên không ngoài dự đoán của Tuân Tử, không lâu Tề Mẫn Vương đã bị nước Yên đánh bại, thân chết nước Ngụy (Xem “Sử ký - Mạnh Tuân Tử Khanh liệt truyện”). Mỗi lần tới một quốc gia ông đều tuyên truyền nhiều lần chủ trương chính trị này, hy vọng sớm có ngày thực hiện được

cục diện thống nhất Trung Quốc, khuyến can vua các nước cố gắng đem hết sức mình cho công cuộc thống nhất thiên hạ.

Làm thế nào mới có thể thực hiện được cục diện chính trị thống nhất thiên hạ, bốn biển một nhà? Tuân Tử chủ trương cùng coi trọng lễ phép, trọng người hiền tài, sử dụng năng lực của họ, thực hiện chính trị yên bình yêu dân. Tuân Tử khoe mình là người kế thừa chân chính của Nho gia, do đó, ông rất coi trọng lễ nghĩa, cho rằng lễ để trị quốc cũng giống như dùng chiếc cân để cân nặng nhẹ, dùng dây mực để hiệu chỉnh cong thẳng, dùng quy củ để khắc vẽ vuông tròn. Thế nhưng đồng thời với việc nhấn mạnh lễ chế (quy định của lễ), Tuân Tử lại chủ trương trọng pháp (coi trọng pháp chế). Ông nói: “Long lễ chí pháp, tắc quốc hữu thường” - Coi trọng lễ, pháp luật nghiêm thì đất nước được yên (“Tuân Tử - Quân đạo”). Nếu chỉ dùng lễ để trị quốc mà không dùng pháp, hoặc chấp pháp bất nghiêm, thường không đúng công, phạt chẳng đúng tội, thì đất nước sẽ hỗn loạn. “Giáo nhi bất trụ, tắc gian dân bất trừng” - dạy dỗ mà không xử phạt, tất không thể trừng trị được kẻ gian (“Tuân Tử - Phú quốc”)- Ông đã không đồng ý chỉ nói tới lễ trị, đức trị mà không nói tới pháp trị; cũng không đồng ý chỉ nói tới pháp trị mà không kể tới lễ trị và đức trị. Lý Tư đã từng nói với ông, nước Tần binh mạnh trong nước, uy vang các chư hầu đâu có thể dựa vào nhân nghĩa mà lấy được. Tuân Tử nói: Nước Tần bốn đời cường thịnh, rất có hy vọng thống nhất được thiên hạ, thế nhưng từ lợi ích xa xôi mà nhìn, vẫn có những thiếu sót nghiêm trọng. Loại thiếu sót này chính là không dùng lễ trị và đức trị của Nho gia (“Tuân Tử nghi binh - Cường quốc”). Ông kiến nghị nước Tần không thể được chỉ dựa vào vũ lực để tranh thành tranh đất, cũng cần phải thực hành đạo đức tín nghĩa, tức là cái gọi là “lợi ích của đất đai không bằng lợi ích của tín nghĩa” (“Tuân Tử - Cường quốc”). Từ trong những bi kịch lịch sử của các nước chư hầu từ mạnh biến thành yếu, từ hưng thịnh biến thành suy vong trong thời kỳ Chiến Quốc, Tuân Tử đã ngộ ra được “Đạo lý thôn tính thì dễ, giữ được lâu bền mới khó” (“Tuân Tử - Cường quốc”). Tức là nói đánh thành cướp đất thì dễ củng cố được nền thống trị mới khó. Cho nên, Tuân Tử đề xuất cai trị

quốc gia không thể chỉ coi trọng pháp loại, càng cần phải coi trọng lễ trị, đức trị, tức là chủ trương kiêm dùng lễ pháp. Trong xã hội phong kiến Trung Quốc, mấy ngàn năm, loại chủ trương chính trị này đã được rất nhiều các đế vương phong kiến tôn sùng, đã phát huy tác dụng rất quan trọng đối với việc xây dựng và củng cố các quốc gia phong kiến. Nước Tần đã dựa vào sự cường thịnh của mình thống nhất được thiên hạ, thế nhưng đã bị diệt vong rất nhanh chóng. Năm đó, Tể tướng của nước Tần là Lý Tư nếu biết nghe chủ trương của thầy Tuân Tử, không chỉ đơn thuần sử dụng vũ lực, cũng đồng thời coi trọng lễ trị, đức trị, thế thì lịch sử của nước Tần sau khi thống nhất thiên hạ, có lẽ sẽ có cách viết khác.

“Ngoại bất tị thù, nội bất a thân” [42] (“Tuân Tử - Thành tướng”). Tuân Tử chủ trương cai trị quốc gia, thống nhất thiên hạ, thì phải dùng người theo tài năng. Dùng người theo tài năng thì không thể một người có tội lại đem giết cả ba họ, một người làm quan trăm đời được kế tục. Ông cho rằng giết liền ba họ - chu di tam tộc - thì sẽ giết mất cả những người có đức cao vọng trọng; đời trước hiền tài, con cháu cũng có thể như Kiệt, Trụ.

“Nước có thể chở thuyền, nước cũng có thể lật đắm thuyền” (Tuân Tử - Vương chế). Tuân Tử cho rằng, để củng cố nền thống trị của chính quyền, nhà vua nên xử lý tốt mối quan hệ với quần chúng nhân dân. Ông đem quan hệ giữa nhà vua và dân ví với quan hệ giữa thuyền với nước. “Quân giả, châu dã; thứ dân giả, thủy dã. Thủy tắc tải châu, thủy tắc phúc châu” (“Tuân Tử - Vương chế”) - Vua là thuyền, thứ dân là nước. Nước có thể chở thuyền, đồng thời nước cũng có thể lật thuyền vậy! Nhà vua nếu không xử lý tốt mối quan hệ với dân chúng, thì không thể thống nhất thiên hạ được, cũng không thể cai trị thiên hạ lâu dài được, thì sẽ như sống trong sóng gió hãi hùng, cảnh tượng hiểm nghèo, đem con thuyền của nền thống trị phong kiến đắm chìm trong biển cả của dân chúng phẫn nộ. Ông chủ trương “con đường làm cho nước giàu là phải tiết kiệm chi dùng, làm cho dân chúng giàu có mà lại phải giới tích lũy được thật nhiều” (“Tuân Tử - Phú quốc”), hy vọng giai cấp thống trị đừng có áp bức nhân dân quá nặng, cần phải cho họ một con đường sống, để cho họ có thể tiếp tục sống và yên

lòng tiếp nhận nền thống trị đó. Thậm chí ông cho rằng: “Trời sinh ra dân, chứ đâu phải là vua; Trời lập ra vua, trời chính là dân vậy!” (“Tuân Tử - Đại lược”) - loại tư tưởng này đã nhận thức được sức mạnh của dân chúng, vấn đề này đã có tác dụng vô cùng quan trọng đối với việc duy trì trật tự phong kiến. Trong lịch sử Trung Quốc, câu nói “Nước có thể chở thuyền, cũng có thể lật thuyền” đã trở thành câu nói cửa miệng cho rất nhiều đế vương phong kiến cảnh giác khuyên răn mình.

Tuân Tử là nhà lý luận chính trị kiệt xuất và nhà triết học duy vật chủ nghĩa nổi tiếng vào cuối thời kỳ Chiến Quốc. Học thuyết của ông đã hấp thụ được thành quả học thuyết của các nhà tư tưởng tiền Tần, đã từng nhiều lần được các học giả trong xã hội suy tôn làm lãnh tụ, trên mặt nhân phẩm và lý luận đều được dân chúng tín nhiệm và tin cậy.

“Cái gốc dùng binh để tiến hành cuộc chiến tranh là ở nhân dân” (“Tuân Tử - Nghi binh”). Đây là một quan điểm quân sự quan trọng rút ra được từ sự coi trọng cao độ cuộc chiến tranh quân sự của nền chính trị xã hội mà Tuân Tử đã đem quan điểm lịch sử xã hội lấy dân làm gốc của mình liên hệ với nền kinh tế xã hội. Ông cho rằng dùng binh đi đánh trận, điều quan trọng nhất là tranh thủ được lòng dân, khiến cho dân chúng đoàn kết nhất trí. Điều này cũng ví dụ như bắn một mũi tên. Nếu cung và tên không thể điều hòa được một cách tốt đẹp thì cho dù xạ thủ có giỏi bắn như Hậu Nghệ, cũng không thể bắn trúng mục tiêu được. Ngựa huấn luyện không tốt, cho dù có là Khoa Phụ [43] giỏi cưỡi xe cũng không thể đánh xe đi tới nơi xa được; sĩ dân bách tính cũng không thể đoàn kết chặt chẽ, cho dù có là Thương Thang Vương hay là Chu Vũ Vương cũng không thể giành được thiên hạ. Do vậy, ông cho rằng, từ góc độ chiến lược quốc gia mà nhìn, thì chỉ những người giỏi vỗ về chăm sóc nhân dân, đoàn kết với nhân dân mới là những người giỏi đấu tranh quân sự. Yêu cầu tối cao của công cuộc xây dựng quân sự là ở chỗ biết an ủi vỗ về đoàn kết nhân dân. Ông cho rằng, lòng dân ủng hộ hay chống đối là nhân tố mang tính chất quyết định việc thắng bại của cuộc chiến tranh và sự an nguy của đất nước. “Người yêu dân thì mạnh, kẻ không yêu dân thì yếu”, “Dân một lòng thì mạnh, dân không

một lòng thì yếu” (“Tuân Tử - Nghi binh”). Do vậy muốn giành được thắng lợi của cuộc chiến tranh, thì công việc đầu tiên là làm cho nhân dân đoàn kết nhất trí.

“Gốc mạnh lại biết tiết kiệm chi dùng, thì trời cũng không thể bắt ta nghèo được” (“Tuân Tử - Thiên luận”). Mưu lược cai trị đất nước của Tuân Tử bao giờ cũng là nắm vững mối quan hệ giữa chính trị, kinh tế và quân sự từ trên tổng thể. Cũng có thể nói đây chính là một loại đòi hỏi về sức mạnh tổng hợp của đất nước trong điều kiện lịch sử lúc đó. Ông cho rằng, sự giàu mạnh về kinh tế của đất nước là cơ sở để cho lực lượng quân sự lớn mạnh. Chủ trương phát triển nông nghiệp, phát triển kinh tế, nông nghiệp là cơ sở tài lực của quốc gia.

Quốc gia cần phải dốc sức vào nông nghiệp, tích lũy của cải, khai thác nguồn vốn, tiết kiệm chi tiêu làm cho đất nước giàu có lên. “Vua cần phải biết nuôi dưỡng sự yên lành của đất nước, tiết kiệm chi tiêu, khai thác tài nguyên, hết sức tiết kiệm” (“Tuân Tử - Phú quốc”).

“Làm người thống trị đất nước, không thể chỉ ham lam to thắng lớn, khoe khoang công trạng, tham ô hủ hại, quan lại quá nhiều, nhân dân không nuôi nổi, đất nước sẽ nghèo và yếu!”. “Trên thích khoe công tất nước nghèo, trên thích vơ vét lấy lợi tất nước nghèo, quan lại nhiều tất nước nghèo... không biết hạn chế mức độ chi tiêu tất nước nghèo” (“Tuân Tử - Phú quốc”). Hơn thế, ông còn chỉ ra, sự giàu có của nhân dân là nguồn gốc làm cho đất nước giàu mạnh, “hạ dân bần tắc thượng bần, hạ phú tắc thượng phú” (“Tuân Tử - Phú quốc”). Trên cơ sở nhà nước và nhân dân cùng giàu thì mới có khả năng xây dựng được quân đội lớn mạnh. Chỉ có “mở mang đồng ruộng, kho bồ chật ních, tiết kiệm sử dụng, trên dưới một lòng, ba quân hợp sức”, mới có thể có khả năng “giết được quân của địch, bắt được tướng của địch dễ như nhổ lúa” (Tuân Tử - Phú quốc). Tuân Tử nhận thức được, nếu không bắt tay từ công việc cơ bản, tức là từ việc phát triển sản xuất nông nghiệp, thì cố thể làm cho tài nguyên của đất nước khô kiệt; nếu như dân chúng khổn khổ mà các quan lại tiêu xài hoang phí ở trong các đô thị, thì sẽ dẫn tới sự nguy vong của đất nước. “Chịu cảnh mất

nước, để cho sọt tráp [44] giàu kho phủ đầy. Sọt tráp giàu có, kho phủ đầy tràn, mà dân chúng nghèo khổ. Điều đó gọi là trên đầy tràn mà ở dưới thì thủng giữa. Đường đổ vào không có nơi dẫn, đường chảy ra chẳng có phép ngăn lại, dần dần sẽ bị diệt vong.

Cho nên phía mình quây quần để mà chết, phía địch được mạnh lên. Quan lại thì vợ vét sừ cao, thuế nặng, dặt gọi giặc cướp tới, nuôi béo bọn địch, đó là con đường dẫn tới nước mất, thân nguy” (Tuân Tử - Vương đạo”). Vì sự an toàn của đất nước, để xây dựng quân đội lớn mạnh, công việc đầu tiên cần phải phát triển kinh tế, khiến cho nhân dân giàu có.

Xây dựng binh lính cho nhà vua, tuyển chọn tướng tài trong thiên hạ. Tuân Tử cho rằng: Quân đội có chất lượng cao là “quân đội của nhà vua”. Thứ nữa là quân đội hòa tề..., thứ sau nữa là quân đội đạo khấu. Quân đội của nhà vua là quân đội nhân nghĩa. Loại quân đội này bởi chính sách của người thống trị phù hợp với lòng dân, được dân chúng ủng hộ, cho nên trăm tướng một lòng, ba quân hợp sức, kỷ luật nghiêm minh, sức chiến đấu mạnh. Loại quân đội này lao vào cuộc chiến đấu như kiếm sắc mọc thêm lưỡi, bất kỳ kẻ địch nào đều có thể đánh tan được, đó là quân đội vô địch trong thiên hạ. Quân đội hòa tề là chỉ giữa quân dân, trong nội bộ quân đội cũng tương đối đoàn kết, giống như quân đội của Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương chú trọng tới lễ nghĩa giáo hóa. Tuy không được như quân đội của nhà vua thế nhưng sức chiến đấu cũng có thể gọi là tương đối mạnh, đất nước có thể dùng quân đội này xưng bá nhất thời. Quân đội đạo khấu, là loại quân đội chiêu mộ tùy tiện, là quân đội thuê mượn được tập hợp lại bởi tiền tài và tư lợi. Họ không yêu quý đất nước, không trung thành với cấp trên, cũng không thể liều chết tham gia chiến đấu. Do đó, sức chiến đấu yếu, có khi thắng, có khi bại, không thể dựa vào được. Tuân Tử cho rằng, dựa vào tiền bạc để cho binh sĩ giết giặc, thì không thể mua được tinh thần dũng cảm chân chính. Loại quân đội này nếu ở trước mặt đối thủ yếu thì có thể, gặp đối thủ mạnh thì sẽ tán loạn như loài điểu thú. Một quốc gia nếu muốn cai trị yên ổn lâu dài thì cần phải xây dựng quân đội nhà vua. Có quân đội nhà vua rồi, còn phải tuyển chọn tướng tài trong thiên hạ.

Tướng tài trong thiên hạ cần phải có khả năng suy tư nhiều, có mưu lược, giỏi cân nhắc lợi hại, chế ngự được toàn cục. Không sợ mất quan, không sợ chặt đầu, không vội cầu thắng mà quên bại, không thể nhìn thấy lợi mà quên hại, không thể chơi trò tỏ ra hách dịch với cấp dưới, không thể khinh thường vô lễ với bên ngoài. Một vị tướng soái như vậy, trên mặt mưu lược, trên mặt làm việc, trên mặt tôn trọng quan lại chính phủ địa phương, trên mặt yêu dân và yêu lính, trên mặt cảnh giác với kẻ thù, đều không thể hồ đồ đại khái được. Đất nước giàu mạnh, nhân dân đầy đủ, có quân đội của nhà vua, có tướng tài trong thiên hạ, đất nước đó sẽ cai trị được yên ổn lâu dài.

## 32. HÀN PHI

### PHÁP PHẢI RÕ RÀNG, THUẬT KHÔNG ĐỂ LỘ

Hàn Phi (ước vào khoảng năm 280 đến 233 trước Công nguyên), còn gọi là Hàn Phi Tử, là người nước Hàn, cuối thời Chiến Quốc. Ông vốn là công tử nước Hàn (Hàn là tên nước triều nhà Chu, nay ở phía Đông Nam tỉnh Sơn Tây và miền Trung tỉnh Hà Nam), theo học Tuân Tử, là nhà tư tưởng nổi tiếng thời cổ đại, là nhân vật đại biểu chủ yếu của học phái pháp gia cổ đại Trung Quốc.

Năm 234 trước Công nguyên tức là năm 13 Tần Thủy Hoàng, nước Tần phát binh tiến công nước Hàn. Điều này, một mặt là bởi vì trong suốt thời gian dài nước Tần dốc sức thống nhất thiên hạ, quyết tâm tiêu diệt sáu nước, mà nước Hàn là một nước yếu nhất từ trước tới nay trong sáu nước, đất đai của nước Hàn lại tiếp giáp với nước Tần. Về mặt khác, vì để thực hiện ý nguyện lớn lao tiêu diệt sáu nước của mình, Tần Vương Chính đã dốc sức thu hút, tìm kiếm nhân tài. Có một lần ngẫu nhiên Tần Vương Chính bàn tới bộ trước tác “Cô phần” và “Ngũ đố” của Hàn Phi, quá ngạc nhiên, cho rằng tác giả của bộ sách này nhất định là một kỳ tài. Đại nghiệp thống nhất thiên hạ của Tần Vương Chính đang cần thiết đến một con người như vậy. Tần Vương Chính than vãn nói với Lý Tư:

- Nếu ta gặp được con người này để trao đổi với ông ta, thì cho dù có chết cũng chẳng còn điều gì nuối tiếc nữa!

Lý Tư nói:

- Đây là bộ sách do Hàn Phi viết ra.

Để giành được Hàn Phi, Tần Vương liền cất quân đánh Hàn, còn chỉ đích danh bắt Hàn Phi phải tới nước Tần. Lúc đó vua nước Hàn đã đáp ứng yêu cầu của nước Tần để cho Hàn Phi đi sứ nước Tần.



Hàn Phi cùng học với Lý Tư, có tật nói lắp, ngôn từ không thạo, thế nhưng có tài suy nghĩ nhanh, giỏi viết sách, Lý Tư thẹn là mình không kịp bằng Hàn Phi. Bộ sách “Hàn Phi Tử” viết ra nhằm mục đích để cho các bậc vua xem, ông phản đối học thuyết của Nho gia. Ông đặc biệt viết ra bộ sách lớn đối với quyền thuật của nhà vua, đã đề xuất, cung cấp những lý luận và phương pháp độc tài chuyên chế thống ngự bề tôi cho các đời vua sau. Ông đã nhìn thấy nước Hàn ngày càng suy yếu, rất nhiều lo phiền tư lự, đã nhiều lần tiến dâng mưu lược làm cho nước giàu binh mạnh với vua Hàn, thế nhưng không được tiếp nhận. Ông vô cùng căm giận vua Hàn không dốc ỨC cai trị đất nước, không dùng quyền lực của mình để điều khiển bề tôi một cách chính xác, không có khả năng bổ nhiệm và tin dùng những người hiền tài để làm cho đất nước cường thịnh, ngược lại, vua Hàn đã tin dùng và đề bạt bọn người hư vinh, viễn vông, xa xỉ làm nguy hại cho đất nước. Địa vị của bọn người này còn cao hơn những người có công với đất nước. Do đó ngòi bút phẫn nộ của ông đã viết ra bộ trước tác hơn mười vạn chữ như “Cô phần”, “Ngũ đồ”, “Nội ngoại trữ”, “Thuyết lâm”, “Thuyết nan” v.v... đã tổng kết những biến đổi được mất trong lịch sử. Lúc đầu vua Hàn không tiếp nhận chủ trương của Hàn Phi, bây giờ nước Tần đã cất quân đến đánh, tình hình khẩn cấp mới ra lệnh cho Hàn Phi đi sứ nước Tần để xin hàng. Nước Tần đã giữ Hàn Phi lại, rồi cất quân đánh phá nước Hàn, bắt sống Hàn Vương An, nước Hàn bị diệt vong.

“Pháp”, “Thuật”, “Thế” kiêm dùng, đó là đạo trị quốc mà Hàn Phi nêu ra đầu tiên. Pháp mà Hàn Phi nêu ra bắt nguồn từ Thương Ưởng. Thuật mà ông nói bắt nguồn từ Thân Bất Hại. “Hàn Phi Tử - Định pháp nói: “Có người hỏi: “Thân Bất Hại và Công Tôn Ưởng, ngôn luận của hai nhà này ai cấp bách với đất nước hơn?”. Người trả lời, nói: “Điều này không thể lường được. Con người không ăn, trong mười ngày tất sẽ chết. Đại hàn giáng xuống, không có quần áo mặc cũng chết. Cho nên nói ăn và mặc cái nào cấp bách với con người, thì không thể thiếu một được, chúng đều để nuôi sống con người vậy”.

Ông cho rằng “Pháp” và “Thuật” đối với đất nước cũng giống như cơm áo đối với con người, thiếu một là không thể được. Ông nói: “Pháp là lệnh nói rõ trước ở quan phủ, hình phạt tất ở lòng dân thường cho người thận trọng với pháp luật, còn phạt giáng vào kẻ gian nịnh, thần (bề tôi, của vua) chính là thầy vậy? Cái gọi là “Pháp” là chỉ những điều lệnh bắt buộc thần dân đều phải phục tùng. Những điều lệnh này đã quy định một cách tường tận, một cách cụ thể các loại điều kiện thưởng phạt, khiến cho những người phục tùng nhà vua thì được nhận thưởng, còn những kẻ chống đối lại vua thì bị phạt. Cái gọi là “Thuật”, ông nói: “Nay Thân Bất Hại nói tới thuật, còn Công Tôn Uởng nói tới pháp. Thuật là vì nhiệm vụ mà trao cho chức quan, tuân theo tên gọi mà đòi hỏi thực tế, là chính quyền nắm giữ việc chém giết, là khả năng để dạy dỗ quần thần. Công việc này là do nhà vua nắm giữ vậy!”. Điều này nói rõ, “Thuật” chỉ là quyền lực cho nhà vua nắm giữ để bổ nhiệm quan chức, kiểm tra công việc, thưởng công phạt tội, kiểm tra quần thần v.v... Tầm quan trọng của “Pháp” và “Thuật” đối với sự thống trị là: “Nhà vua không có thuật thì sẽ giả mạo, dối trá từ trên, thần không có pháp thì sẽ loạn ở dưới, hai điều này không thể thiếu một, đều là công cụ của đế vương vậy!”. Nguyên tắc chung của một vị vua thông minh sáng suốt nắm vững và vận dụng “Pháp”, “Thuật” là: “Mọi công việc làm phải thích hợp với thời vụ để thu nhiều của cải, cân nhắc kỹ tô thuế để cân bằng giàu nghèo, cho hưởng lộc nhiều để họ dốc hết tài năng, dùng hình phạt nặng nề để ngăn cấm gian tà, khiến cho dân chúng làm giàu bằng sức, dùng công việc để dẫn tới sự sang trọng, xử phạt căn cứ vào tội, thưởng theo công trạng, chứ không nói tới việc ban ơn huệ. Những điều này là chính trị của đế vương” (“Hàn Phi Tử - Lục phản”). Đồng thời, ông cũng chỉ ra tư tưởng mưu lược “Pháp mạc như hiển, nhi thuật bất dục kiến”, có nghĩa là: “Pháp” nhất định phải tuyên truyền rộng rãi, khiến cho mọi nhà mọi hộ đều hiểu biết; “Thuật” thì nên tàng ẩn ở trong tâm, không được tiết lộ ra ngoài, để tiện việc cai trị dân chúng, điều khiển quần thần.

“Thế” là chỉ sự cao thấp của địa vị. Bất kể người thống ngự nói và làm như thế nào, địa vị càng cao thì ảnh hưởng càng lớn. Nói về “Thế” thì

người tốt, kẻ xấu đều có thể dùng được cả. Người hiền tài dùng Thế có thể cai trị được thiên hạ, còn kẻ xấu dùng Thế thì sẽ lam loạn thiên hạ. Làm người thống trị, chẳng những có vua tôi tài ba sáng suốt dùng quyền lực của mình để cai trị đất nước, cũng có những bề tôi gian nịnh dùng quyền để hại dân, hại người hiền tài. Người làm vua, cần phải sử dụng tốt quyền thế. Ông đã kể một câu chuyện ngụ ngôn để nói rõ thuật trị quốc này:

Tạo Phụ đang cuốc đất, có hai cha con ngồi xe đi qua đường. Ngựa kinh sợ, không dám đi. Người con xuống xe, đi trước dắt ngựa. Người cha ở phía sau đẩy xe, lại mời Tạo Phụ tới đẩy giúp ông ta. Tạo Phụ cất dọn nông cụ, nhảy lên trên xe, ngồi vào vị trí của người đánh xe, cầm chắc dây cương, giơ roi vút mạnh, tức thì ngựa chạy lồng lên. Ông đã dùng câu chuyện này để nói rõ đạo lý nhà vua thống trị quần thần và dân chúng. Nếu Tạo Phụ thông hiểu được thuật đánh xe, cho dù ông ta có dùng hết sức để giúp đỡ việc đẩy xe thì con ngựa kia vẫn không chịu dùng sức, xe vẫn không thể chạy được. Vậy mà bây giờ, Tạo Phụ an nhàn ngồi trên xe, để cho xe chở mình đi, là bởi vì Tạo Phụ có kỹ thuật điều khiển xe ngựa.

Đối với vị vua của một nước mà nói, đất nước cũng giống như chiếc xe của nhà vua, mà “Thế” (tức là quyền lực) của nhà vua cũng ví như con ngựa của nhà vua. Không có thuật trị quốc, cũng giống như không có thuật điều khiển ngựa mà thôi, thân thể mệt mỏi mà đất nước vẫn không tránh khỏi tai họa loạn lạc. Nếu có thuật trị quốc cũng giống như có thuật điều khiển ngựa vậy, thân ngồi ở trên chỗ yên ổn mà đất nước vẫn có thể cai trị được, trở nên giàu có cường thịnh.

### **“TRỊ LẠI BẤT TRỊ DÂN”**

Cai trị quan lại không cai trị dân (“Hàn Phi Tử - Ngoại trữ thuyết hữu hạ”), “Làm lợi cho dân tất dân sẽ quy theo” (“Hàn Phi Tử - Ngoại trữ Thuyết Tả thượng”). Hàn Phi chủ trương: Con đường hữu hiệu để cho vua thống trị quốc gia và dân chúng, thực ra không phải là đích thân nhà vua đến cai trị dân chúng, mà phải thông qua quan lại các cấp để cai trị. Điều này cũng giống như một người lắc rung cây. Nếu anh hái từng lá cây một,

mệt nhọc và vất vả mà cũng không thể hái được hết. Chỉ cần anh lắc rung thân cây sang trái sang phải thì toàn bộ lá cây sẽ rụng xuống hết. Rung cây ở bên cạnh hồ nước, chim chóc ở trên cây hoảng sợ sẽ bay lên trời xanh, cá ở trong hồ hoảng sợ sẽ chui hết xuống bùn sâu. Những người giỏi giăng lưới bắt cá, chỉ cần nắm chắc rường lưới, mà không cần phải quản tới từng mắt lưới, làm như thế đã không vất vả mà lại được việc, chỉ cần nắm chắc giường lưới là có thể bắt được cá. Do vậy, quan lại cũng giống như thân cây và rường lưới. Nhà vua chỉ cần cai trị tốt quan lại, liền có thể cai trị tốt được dân chúng (“Hàn Phi Tử - Ngoại trữ Thuyết Hữu hạ”). Điều này cũng giống như cứu hỏa. Nếu như bắt quan lại đích thân xách bình xách nước đi cứu hỏa, đó chỉ là phát huy được tác dụng của một người. Nếu như để cho quan lại cầm roi và cờ chỉ huy, bắt hàng vạn dân cùng đi cứu hỏa, thì lửa sẽ được cứu rất nhanh. Cho nên vị vua anh minh, không nên làm những việc nhỏ cụ thể vất vả vĩnh đó.

Hàn Phi cũng chủ trương không nên bức bách dân chúng quá ác nghiệt, nếu không sẽ khiến cho họ nổi dậy làm phản. Ông đã kể một câu chuyện ngụ ngôn, nói Tào Phụ người điều khiển ngựa tài giỏi đánh xe cho vua Tề: Muốn để thuần phục được ngựa, Tào Phụ đã để cho ngựa khát. Sau một trăm ngày thì ngựa đã bình phục, liền nói với vua Tề rằng có thể hầu hạ ngài được. Vua Tề nói:

- Hãy chạy thử ở trong vườn hoa xem!

Tào Phụ đánh xe vào trong vườn. Ngựa nhìn thấy hồ nước ở trong vườn, vì khát tới mức độ không thể chịu đựng được, ngựa đã chạy tắt đường lao thẳng ra phía hồ nước. Tào Phụ không thể ngăn nổi! Tào Phụ đã dùng phương thức trừng trị bắt ngựa nhịn khát để thuần phục ngựa. Nhưng chờ tới khi ngựa nhìn thấy hồ nước, thì con ngựa đó đã không nghe lời nữa, ngay cả đến Tào Phụ cũng không thể cản nổi ngựa nữa. Từ đó, ông cảnh giác với vua rằng, không thể dùng phương pháp cấm chỉ dân chúng sinh tồn để chế phục dân chúng, nếu không, dân chúng sẽ bị bức phải làm phản.

TƯ CỪU BẮT NHẬP CÔNG MÔN [45]

Thuật dùng người là một phương diện quan trọng để thống trị của nhà vua. Về mặt này Hàn Phi cũng có rất nhiều luận thuật. Mưu lược thống trị của Hàn Phi cũng bao hàm có tư tưởng pháp gia nông hậu. Hàn Phi chủ trương, vì lợi ích của người thống trị, cần phải sử dụng người hiền tài, còn người hiền tài cũng cần phải được nhà vua sử dụng. Nếu không thì phải trừ bỏ đi. Ông nêu ví dụ nói: Khương Thái Công được phong ở nước Tề, trên biển đông nước Tề có hai anh em nhà họ là ẩn sĩ tên gọi là Cuông Duật và Hoa Sĩ. Họ bàn bạc với nhau, chúng ta không đi làm đại thần cho thiên tử, không giao hữu với các nước chư hầu, tự mình cày cấy lấy ăn, tự mình đào giếng lấy nước uống, không ‘Cầu cạnh gì với ai, không mong muốn chức cao danh vọng, cũng chẳng cần bổng lộc của vua ban, không dựa vào quan tước mà dựa vào sức lao động của mình để sống. Khương Thái Công đã sai lính tới giết chết hai ẩn sĩ đó. Chu Công Đán nghe nói liền cử người tới hỏi Khương Thái Công:

- Hai người này đều là vị thánh hiền, vì sao lại phải giết chết họ?

Khương Thái Công nói:

- Chúng không làm đại thần cho nhà vua, ta không còn cách nào bắt chúng tới làm phò thần được. Chúng không giao hữu với các nước chư hầu, ta không có cách nào bắt chúng đi làm sứ thần được. Bản thân chúng cày cấy lấy gạo ăn, đào giếng lấy nước uống, chúng không đi cầu cạnh gì, sự thưởng phạt của ta không quản được chúng. Hơn thế, chúng chẳng có danh vọng gì lớn lao, cũng chẳng sử dụng gì cho ta. Chúng không cần gì đến bổng lộc của nhà vua, tuy là hiền tài, cũng chẳng lập công lao gì cho ta. Chúng không làm quan tước là không thể tham dự công việc cai trị đất nước, không nhậm chức thì không thể trung với nhà vua được. Hơn nữa, nhà vua sở dĩ có thể điều khiển cai trị được thần dân, đều chỉ là dựa vào tước lộc hình phạt. Nếu giống như hai kẻ này, bốn loại thủ đoạn này đều chẳng có cách gì sai khiến nổi chúng. Thuật, pháp, thế của ta đều đã mất thiêng. Tại sao ta không giết chúng? (Xem “Hàn Phi Tử - Ngoại trừ thuyết hữu”).

Khương Thái Công lại nói:

- Cũng giống như một con ngựa, nhìn thì có vẻ giống như tuấn mã, là loại ngựa hay nhất thiên hạ, nhưng đánh nó nó không đi; bắt nó dừng nó chẳng dừng, bắt quẹo trái không quẹo trái, bắt rẽ phải chẳng rẽ phải, không răm rắp phục tùng theo ý chí nhà vua, không thể trở thành công cụ làm lợi tránh hại cho chủ nhân, chẳng mang lại lợi gì cho chủ nhân cả. Con ngựa ấy chẳng những vô dụng, mà còn nêu tấm gương xấu bắt phục tùng cho các con ngựa khác. Cho nên cần phải giết chết đi! Bọn người tự cho mình là hiền nhân, không dùng được việc gì cho nhà vua, chúng biểu hiện ra cực kỳ hiền minh nhưng lại không xuất lực cho nhà vua, đây không phải là những bề tôi mà vị vua sáng suốt nên tín nhiệm sử dụng. Chúng giống hệt như những con thiên lý mã, không chịu nghe lời sai khiến, cho nên cũng phải giết đi. Những loại người như vậy không thể gọi là hiền nhân được. Chỉ có những người phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị mới mà những hiền tài chân chính.

Hàn Phi Tử đã xác định tiêu chuẩn của hiền tài, cũng đề xuất ra nguyên tắc dùng người, sử dụng người hiền tài và tiến cử người hiền tài. Ông chủ trương: “Nội cử bất tị thân ngoại cử bất tị cừ” [46] . Chỉ cần phù hợp với yêu cầu của “Pháp” và “Thuật”, có tài năng, lại được nhà vua sử dụng, bất kể địa vị xã hội của người đó thấp tới mức độ nào, bất kể là người thân hay người thù, đều có thể được và nên tiến cử. Chính sách dùng người này của Hàn Phi, ngày nay xem xét cũng phải nói là có tiến bộ. “Hàn Phi Tử - Thuyết nan” nói: Xem xét hành vi cử chỉ của người đó, bất kể anh ta là người ở trong núi sâu rừng rậm hay là hẻm núi, lòng hồ; hay là phạm nhân thân trong nhà lao, hoặc là những nô lệ theo đuổi công việc nấu bếp, chăn cừu, nuôi bò... những vị vua sáng suốt đều không chê địa vị thấp kém của họ; mà căn cứ vào tài năng của họ, mạnh dạn tiến cử bổ nhiệm, để làm sáng tỏ pháp độ, ích nước lợi dân, để cho họ được yên thân có địa vị tôn kính, ông đã nêu lên một ví dụ, huyện Trung Mâu không có huyện lệnh, Tấn Bình Công hỏi Triệu Vũ:

- Trung Mâu là chân tay, vây cánh của Tam quốc, là vai đùi của Hàm Đan, ta muốn có một huyện lệnh làm việc đắc lực, ai thích hợp nhất?

Triệu Vũ nói:

- Hình Bá Tử có thể được.

Tấn Bình Công nói:

- Hãn chẳng phải là kẻ thù của khanh hay sao?

Triệu Vũ nói:

- Tư cừ bất nhập công môn!

Tấn Bình Công lại nói:

- Quan lệnh ở trong phủ doãn ai thích hợp nhất?

Triệu Vũ lại nói:

- Con trai của thần có thể được?

Do đó nói “Ngoại cử bất tị cừ, nội cử bất tị cử” - cử người ở ngoài không né tránh người thù, cử người ở trong không né tránh con đẻ (“Hàn Phi Tử - Ngoại trừ thuyết tả hạ”). Ông lại nêu một ví dụ nữa. Giải Hồ tiến cử người thù lên làm tướng; người thù vì vậy đã tới vái tạ Giải Hồ. Còn Giải Hồ không phải là hòa hảo với ông ta trên mặt quan hệ tư nhân, mà như người mang cung ra bắn, nói:

- Tôi tiến cử ông là bởi vì ông có thể làm được nhiệm vụ này. Tôi và ông có chuyện riêng tư, đó là tư thù, không thể vì có thù riêng mà không tiến cử ông!

Do đó nói: tư oán bất nhập công môn - không đem oán thù vào công đường!

Hàn Phi Tử ở nước Tần đã đề xuất kế sách thôn tính sáu nước với vua Tần, tức là đầu tiên diệt Hàn, Triệu, Ngụy, dùng mưu viễn giao cận công để phá hoại hợp tung của sáu nước, sau đó tiêu diệt các nước chư hầu khác, Tần Vương không tin nhiệm ông. Không lâu, Lý Tư đổ kỵ tài hoa của Hàn Phi Tử, phi báng ông trước mặt Tần Vương, nói:

- Hàn Phi là công tử của nước Hàn. Bây giờ đại vương muốn tiêu diệt sáu nước để thống nhất thiên hạ, Hàn Phi cuối cùng chỉ có thể giúp Hàn mà



không thể giúp Tần được. Đó là lẽ thường tình của con người. Bây giờ đại vương không dùng hãn, về lâu dài sau này lại thả cho hãn về, đó là tự mình để lại họa loạn. Chi bằng ta kiểm cố, căn cứ vào pháp luật giết chết hãn đi.

Tần Vương liền hạ lệnh cho quan tư pháp trị tội Hàn Phi. Lý Tư lại sai người đưa thuốc độc cho Hàn Phi, bắt ông phải tự sát. Về sau Tần Vương lại hối hận, chuẩn bị tha tội cho ông. Song Hàn Phi đã bị bức phải chết ở trong ngục. Thế nhưng mưu lược chính trị kết hợp chặt chẽ giữa “Pháp”, “Thuật” và “Thế” của ông đều được Tần Vương chấp nhận, hơn thế đã được vận dụng rộng rãi trong thực tiễn thi hành chính trị, lấy đó để thống nhất toàn quốc. Học thuyết của Hàn Phi cũng đã được lưu truyền trong hậu thế.

Tư Mã Thiên đã bình luận, đánh giá Hàn Phi, nói rằng Hàn Phi biết quyết đoán sự việc, biện luận rõ phải trái. Thế nhưng tư tưởng của ông quá nghiêm túc tới mức độ hà khắc, thiếu phần ân đức. Ông còn nuôi tiếc sâu sắc, Hàn Phi đã viết ra “Thuyết Nan” nói rõ đại phàm nỗi khó khăn của việc du thuyết, là ở chỗ có thể tìm hiểu được tâm lý của đối tượng du thuyết, hơn thế còn phải thích ứng với đối tượng đó. Bản thân Hàn Phi Tử lại không thể trốn thoát khỏi tai nạn mà công việc du thuyết đem lại.



### **33. TẦN THỦY HOÀNG**

#### **QUÉT NGANG LỤC HỢP, MỞ ĐƯỜNG THỐNG NHẤT**

Trong lịch sử phát triển của dân tộc Trung Hoa, Tần Thủy Hoàng là người đầu tiên đã hoàn thành được sự nghiệp vĩ đại thống nhất Trung Quốc, sáng tạo xây dựng một quốc gia có nhiều dân tộc đầu tiên theo chế độ tập quyền trung ương. Ông không những là nhà chính trị vĩ đại mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử, mà còn là một nhà mưu lược quân sự nổi tiếng với hùng tài đại lược.

Tần Thủy Hoàng họ Doanh tên Chính, sinh năm 259 trước Công nguyên, mất năm 210 trước Công nguyên, đúng vào thời đại xã hội có nhiều biến đổi lớn lao, khu vực Trung Nguyên từ chế độ nô lệ chuyển biến cực kỳ mau lẹ sang chế độ phong kiến, cũng là thời đại mà dân tộc Trung Hoa gấn bó và đấu tranh lẫn nhau để đi tới đại thống nhất. Doanh Chính sinh ra ở nước Triệu vào năm cuối thời Chiến Quốc. Cha là Tử Sở (vốn là tên Dị Nhân, Tần Trang Tương Vương sau này) làm con tin ở nước Triệu lúc đó, mẹ là con gái quý tộc nước Triệu (“Con gái nhà hào phú nước Triệu”). Thời thơ ấu Doanh Chính theo cha sống gửi ở dưới bên giậu nhà người, được hun đúc trong cuộc đấu tranh chính trị ở trên tầng lớp cao. Năm 13 tuổi, kế vị làm vua Tần, năm 22 tuổi làm lễ phong miện đích thân cầm quyền, năm 39 tuổi trở thành “Thủy Hoàng đế” [47] thống nhất Trung Quốc, cho đến năm 49 tuổi mắc bệnh qua đời, trong đó 37 năm sống trên bệ ngọc đế vương. Điều kiện thời đại đặc biệt độc đáo và sự từng trải chính trị phi phàm đã thúc đẩy nhanh chóng sự chín muồi sớm trên mặt chính trị của ông, đã bồi dưỡng lên những tài năng chính trị, quân sự phi phàm của ông. Trước khi Doanh Chính đích thân cầm năm chính quyền, tập đoàn thống trị nước Tần đang đối mặt với một loạt nguy cơ chính trị. Tập đoàn chính trị do Lã Bất Vi đứng đầu, đã chiếm giữ địa vị đặc thù “Trọng Phụ” làm trưởng giả của

nhà vua, trên thực tế là thao túng đại quyền chính trị và quân sự của nước Tần. Tập đoàn chính trị do Lao Ai đứng đầu thì ỷ dựa vào sự ủng hộ và giúp đỡ của Thái hậu, ra sức mở rộng quyền thế của mình. Hai thế lực chính trị này tranh quyền đoạt lợi lẫn nhau, lại đều nhằm giành lấy quyền lực tối cao ở nước Tần làm mục tiêu, đã trực tiếp uy hiếp địa vị thống trị của Tần Vương Chính. Năm 238 trước Công nguyên, Tần Vương Chính sắp sửa làm lễ đội vương miện đích thân cầm quyền, cuộc đấu tranh đã đạt tới điểm nút bùng nổ. Lao Ai đã phát động cuộc vũ trang chính biến. Trước tình hình đó, Tần Vương Chính lập tức quyết đoán, trước tiên dùng vũ lực đập tan cuộc chính biến vũ trang của Lao Ai, thanh trừ Lao Ai và phe cánh của hắn, đã bỏ tù Thái hậu giúp đỡ Lao Ai (tức là mẹ đẻ của Tần Vương Chính). Sau đó, lại lấy tội danh là dung túng cho Lao Ai đã bãi bỏ chức quan của Lã Bất Vi, rồi đẩy Lã Bất Vi lần lượt tới Hà Nam, Thục quận, bức cho Lã Bất Vi phải tự sát mà chết. Từ tháng 4 năm 238 đến tháng 10 năm 237 trước Công nguyên, chỉ trong thời gian hơn một năm, Tần Vương Chính đã tiêu diệt được hai thế lực đối địch lớn. Đồng thời đã mạnh dạn bắt đầu sử dụng các nhà chính trị, quân sự, ngoại giao ưu tú như Lý Tư, Úy Liêu, Vương Tiễn, Mông Điền, Đốn Nhược, Diêu Cổ v.v... đã củng cố được thể chế chính trị quân chủ chuyên chính, đã biểu hiện được tài năng chính trị với những tiếng vang vọng phi phàm.

Ở trong lĩnh vực quân sự, những cống hiến độc đáo đặc sắc của Tần Thủy Hoàng, thứ nhất là đã dùng mưu lược chính xác chỉ đạo cuộc chiến tranh thống nhất giành được thắng lợi, thứ hai là đích thân vạch kế hoạch và sáng tạo xây dựng ra hệ thống quốc phòng đầu tiên tương đối hoàn bị ở trong lịch sử quân sự Trung Quốc.

Sau khi Tần Vương Chính kế vị chấp chính, quyết sách chiến lược đầu tiên mà ông làm ra chính là tăng nhanh các bước thôn tính sáu nước.

Lúc đó, việc thống nhất đã trở thành xu thế tất nhiên của sự phát triển lịch sử xã hội. Do vì công cụ chế tạo bằng sắt đã được ứng dụng rộng rãi, sức sản xuất xã hội được nâng cao phổ biến, sự phân công xã hội được mở rộng, đã thúc đẩy sự trao đổi hàng hóa, đã tăng cường sự giao lưu kinh tế,

văn hóa giữa các nước với nhau. Tình thế này đã yêu cầu bức thiết phải phá vỡ cục diện cát cứ hỗn chiến của các nước chư hầu. Các quốc gia nhìn thấy được ghi chép trong sử sách ở khu vực Trung Nguyên, đầu thời Xuân Thu đã có tới hơn 160 nước, trải qua cuộc chiến tranh thôn tính lâu dài, đến cuối thời Xuân Thu đã thôn tính còn hơn mười nước. Đến đầu thời kỳ Chiến Quốc lại thôn tính còn bảy nước là Tần, Tề, Sở, Triệu, Yên, Ngụy, Hàn. Nước Tần trải qua sự nỗ lực kiên trì không mệt mỏi, đặc biệt là công cuộc biến pháp đồ cường [48] của Tần Hiếu Công và Thương Ưởng, công cuộc văn trị vũ công của Tần Chiêu Vương và Ngụy Nhiễm, trên mặt cải cách xã hội đã chiếm được địa vị dẫn đầu, thực lực kinh tế, quân sự đã chiếm chức thủ lĩnh trong “Thất hùng thời Chiến Quốc”; đất đai biên cương nước Tần đã mở rộng tới khu vực Quan Trung, Ba Thục và Trung Nguyên, Kinh Sở (nay là khu vực đất đai Thiểm Tây Cam Túc, Ninh Hạ, Tứ Xuyên, Sơn Tây, Hà Nam, Hồ Bắc, Hồ Nam), đã khống chế được khu vực đất đai hiểm yếu ở phía Tây và phía Bắc Trung Nguyên, mở mang khai thông con đường tiến quân vào Trung Nguyên và Kinh Sở. Trên mặt chiến lược, nước Tần đã chiếm địa vị ưu thế, đặt nền móng và cơ sở cho việc thống nhất Trung Quốc. Sáu nước Quan Đông thôn tính lẫn nhau, hỗn chiến không ngừng, ngẫu nhiên trở thành liên minh, cũng chỉ là đồng sàng dị mộng. Do vậy, nhiệm vụ lịch sử thống nhất Trung Quốc đã rơi xuống và đè nặng trên vai nước Tần.

Lúc này, Lý Tư là người nước Sở đã tới nước Tần, trước tiên làm “Xá nhân” ở trong nhà tướng quốc Tần là Lã Bất Vi, sau được Lã Bất Vi tiến cử làm “Lang” (một chức quan thị vệ ở trong cung đình) có cơ hội được tiếp cận Tần Vương. Lý Tư liền thừa dịp du thuyết Tần Vương, đề xuất ra phương châm mưu lược thôn tính sáu nước, thống nhất thiên hạ.

Lý Tư nói:

- Ngày trước Tần Mục Công xưng bá, đã không thôn tính nổi sáu nước ở Quan Đông, là vì lý do gì? Bởi lẽ các nước chư hầu còn đông, đức của nhà Chu chưa suy yếu, cho nên Vương Bá nhiều lần nổi dậy càn tôn thờ nhà Chu. Từ thời Tần Hiếu Công đến nay, nhà Chu suy yếu, chư hầu thôn tính

lẫn nhau, Quan Đông chỉ còn sáu nước. Tần nên thừa thắng đánh các nước chư hầu, chiếm lấy sáu nước đó. Nay các nước chư hầu đã phục Tần ví như quận huyện rồi. Dựa vào sự cường thịnh của nước Tần, dựa vào tài năng của đại vương, đủ để tiêu diệt các nước chư hầu, thành nghiệp đế, thống nhất thiên hạ. Đây là thời cơ vạn đời có một. Nay nếu lười nhác, không chịu làm gấp, các nước chư hầu kịp phục hồi sức mạnh, họ tụ tập gần bó lại, tuy có tài năng như Hoàng Đế cũng chẳng thể thôn tính được họ! (Xem “Sử ký - Lý Tư liệt truyện...” ) tức là nói tình hình lúc đó với thời đại Xuân Thu hoàn toàn không giống nhau. Thời cơ thôn tính sáu nước thống nhất thiên hạ đã chín muồi, nước Tần đã đủ điều kiện thống nhất thiên hạ. Thời gian không bao giờ trở lại, cơ hội không thể để mất.

Tần Vương Chính xem xét thời cơ tính toán thế lực, rồi quyết định tiếp nhận kiến nghị của Lý Tư, liền thay đổi chính sách “tiệm tiến tầm thực” [49] kế tục liền trong sáu đời, thành chính sách “Cấp tiến kinh thốn” [50] rồi triển khai toàn diện cuộc chiến tranh thống nhất Trung Quốc. Cuộc chiến tranh này bao gồm cả việc thôn tính sáu nước, và Bắc đuổi Hung Nô, Nam chinh phục Bách Việt ở trong đó, đã trải qua thời gian suốt 24 năm (năm thứ mười đến năm thứ 33 Tần Thủy Hoàng, tức năm 237 đến năm 214 trước Công nguyên). Cuộc chiến tranh bắt đầu từ Trung Nguyên mở rộng ra tới tận biên cương “phía Bắc và vùng biển phía Nam”, đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao, đấu tranh chính trị và đấu tranh kinh tế xen kẽ nhau. Đây là một cuộc chiến tranh thời gian kéo dài, chiến trường rộng lớn, đấu tranh chẳng chịt xen kẽ phức tạp. Trong cuộc chiến tranh này, Tần Thủy Hoàng không những quyết định sách lược tác chiến ở hậu phương, nắm vững toàn cục, mà còn đích thân ra tiền tuyến, chỉ đạo cụ thể, dùng mưu lược chính xác chỉ đạo chiến tranh, giành được thắng lợi hoàn toàn. Thông qua cuộc chiến tranh này, đã kết thúc được cục diện cuộc hỗn chiến chư hầu cát cứ kéo dài suốt hơn ba trăm năm, mở ra lãnh thổ biên cương dài rộng tới hàng nghìn dặm, đã hoàn thành được sự nghiệp vĩ đại thống nhất Trung Quốc.

Sau khi xây dựng xong vương triều nhà Tần, Tần Thủy Hoàng trước sau đã năm lần đi thị sát nội địa biên cương, “phía Đông tới tận cùng nước Yên nước Tề, phía Nam tới tận cực nước Ngô nước Sở”, dấu chân Tần Thủy Hoàng đã đi khắp hơn mười vùng tỉnh Thiểm, Cam, Dự, Tấn, Ký, Lỗ, Giang, Triết, Hoãn, Ngạc, Tương. [51] Trên cơ sở thực địa thăm dò quan sát cân nhắc lợi hại trong việc xây dựng quốc phòng của các nước chư hầu, Tần Thủy Hoàng đã đích thân quy hoạch sắp đặt xây dựng thể chế quốc phòng tương ứng với thể chế chính trị của chế độ tập quyền Trung ương, tu sửa và xây dựng Vạn Lý Trường Thành để phòng ngừa sự xâm nhập của Hung Nô cùng với “Trì đạo” (đường xe phóng nhanh), “Trực đạo” (đường chạy dọc), “Ngũ xích đạo” (đường năm thước) từ Hàm Dương thông tới các nơi trong toàn quốc; thiết kế bố trí và xây dựng hệ thống thông tin liên lạc đốt khói lửa đêm ngày, đặt các trạm bưu dịch v.v..., xây dựng và thống nhất hệ thống quốc phòng hoàn bị thích ứng trong cả nước. Đây là một việc trọng đại có ý nghĩa phân hoạch thời đại trong lịch sử Trung Quốc.

Cuộc chiến tranh thống nhất Trung Quốc được tiến hành dưới sự chỉ đạo của Tần Thủy Hoàng, đối thủ chủ yếu là sáu nước Quan Đông. Thực lực của nước Tần lúc đó, tuy đã vượt qua được bất kỳ một nước nào trong sáu nước, thế nhưng tổng hợp thực lực của sáu nước lại thì vẫn tương đối lớn mạnh. Nước Tần sẽ “liên hoành để đánh các nước chư hầu” hay là sáu nước hợp tung lại để chống Tần, đây là một vấn đề then chốt quyết định thắng bại của chiến tranh. Xoay quanh vấn đề này, cuộc giao chiến giữa hai phe đã triển khai cuộc chiến tranh mưu lược giằng co phức tạp.

Tần Thủy Hoàng và các mưu thần của ông như Lã Bất Vi, Lý Tư, Úy Liêu v. v... đã lợi dụng mâu thuẫn giữa sáu nước với nhau, giữa quần thần trong sáu nước với nhau một cách tài tình khéo léo, kết hợp giữa việc “đánh bằng quân”, “đánh bằng mưu” và “đánh bằng ngoại giao” một cách chặt chẽ, sáng tạo ra một loạt mưu lược liên hoàn đánh địch giành thắng lợi.

## **VIỄN GIAO CẬN CÔNG, ĐỘT PHÁ TRUNG ƯƠNG, CHẶT ĐỨT XƯƠNG SỐNG LUNG, HỢP TUNG SÁU NƯỚC**

Đây là phương châm chiến lược các triều đại kế tiếp nhau kể từ sau Tần Hiếu Công. Sự phân bố địa lý của sáu nước Quan Đông là nước Sở ở phía Nam, Tề ở phía Đông; Yên, Triệu ở phía Bắc, cách nước Tần tương đối xa. Hàn và Ngụy ở vùng đất trung tâm của Trung Nguyên, tiếp giáp với nước Tần được coi như “cột sống của thiên hạ”. Tần muốn tranh giành thiên hạ về phía Đông, từ trước vẫn coi việc chinh phục Hàn, Ngụy làm phương hướng chiến lược chủ yếu. Sau khi Tần Vương Chính kế vị, đã căn cứ vào tình hình mới “sáu nước đều yếu mà chỉ có riêng Tần mạnh...” và những mâu thuẫn nặng nề giữa sáu nước với nhau, đã thực hành phương châm chiến lược “viễn giao cận công, Trung ương đột phá” - chơi với các nước ở xa, đánh các nước ở gần, đột phá từ Trung ương trước tiên “uy hiếp Hàn làm yếu Ngụy”, cắt đứt xương sống hợp tung của sáu nước, tạo thành tình thế chiếm Hàn - Ngụy để rồi cuốn chiếu thiên hạ. Năm 237 trước Công nguyên, Lý Tư kiến nghị “Xin hãy chiếm nước Hàn trước để cho các nước khác khiếp sợ”, từng bước thực hiện mục tiêu chiến lược thôn tính sáu nước, thống nhất thiên hạ. Tần Vương Chính quyết định thu nhận kiến nghị của Lý Tư. Hàn Vương Anh nghe được tin này, liền cùng với mưu thần của mình là Hàn Phi trù hoạch đối sách. Trước hết Hàn Phi dâng thư lên Tần Vương, lại tới nước Tần du thuyết để thi hành kế hoãn binh, Hàn Phi tập trung công kích kế sách chiếm Hàn của Lý Tư, nói rằng kẻ thù của nước Tần là nước Triệu chứ đâu phải là nước Hàn. Từ lâu nước Triệu đã âm mưu với các nước chư hầu hợp lại đánh Tần, còn nước Hàn “đã thờ phụng nước Tần hơn ba chục năm rồi”, có khác gì một quận huyện của nước Tần đâu. Nếu nước Tần cất quân đánh Hàn, thì chính là “bỏ rơi mối họa của nước Triệu mà cướp lấy nước Hàn là nội thần của mình” đó, như vậy thì sẽ nhanh chóng thúc đẩy thành sự liên hợp giữa các nước Triệu với các nước Tề, Ngụy, Sở, điều đó sẽ là “phúc cho Triệu mà họa cho Tần”. Do vậy kiến nghị của Lý Tư là một kế sách sai lầm. Suy nghĩ vì nước Tần, không gì bằng “tha cho Hàn mà đánh Triệu”, cất quân tiêu diệt Triệu, Tề mà thần phục Sở, Ngụy (Xem “Hàn Phi Tử - Tồn Hàn thiên”). Ý đồ của Hàn Phi rất rõ ràng, chính là muốn dụ dỗ nước Tần chuyển mục tiêu tiến đánh, vứt bỏ quyết sách tấn công nước Hàn. Tần Vương Chính nhất thời do dự chưa

quyết, rồi chuyển bức thư của Hàn Phi cho Lý Tư xem. Lý Tư vẫn kiên trì chủ trương của mình, khuyên Tần Vương chớ có bị mê hoặc vì những lời biện bạch xảo diệu của Hàn Phi, nói rằng “Tần còn để nước Hàn thì cũng giống như con người có bệnh ở trong tim trong bụng”, nếu chuyển sang đánh Tề và Triệu, “thì Hàn sẽ phát bệnh ở trong tim trong bụng Tần, nước Tần sẽ lại một lần nữa đối mặt với nguy hiểm của liên quân sáu nước kéo thẳng tới bức nhục Hào Hàm [52]. Lý Tư kiến nghị tương kế tựu kế, dự kiến cử mình đi sứ sang nước Hàn, dụ dỗ cho vua Hàn vào Tần để cho bị bắt giữ, đồng thời ra lệnh cho Mông Ngao bày quân ở biên giới nước Tần và nước Tề. Lý Tư cho rằng nếu như vậy thì có thể làm được “Quân ta chưa kéo ra mà nước Hàn cậy mạnh đã dọa bắt, nước Tề cường thịnh sẽ vì nghĩa mà theo”, “họ Triệu sợ mất mặt, sẽ kinh sợ nghi ngờ”, “có thể nuốt chửng hết các nước chư hầu”.

Tần Vương Chính đã thu nạp kiến nghị của Lý Tư, liền cử Lý Tư đi sứ nước Hàn. Vua nước Hàn cự tuyệt không tiếp kiến, Lý Tư du thuyết vô hiệu, thế nhưng kế hoãn binh của Hàn Vương An và Hàn Phi cũng chưa đạt được mục đích.

Hàn Vương An bị bức phải cắt đất nộp ngọc tử đầu hàng. Cuộc chiến mưu lược này đã chấm dứt, Tần thắng Hàn bại. Đất đai biên cương của nước Tần đã ăn sâu vào nội địa Trung nguyên, cắt đứt được sự liên hệ giữa Triệu và Sở, đã đạt được mục đích chiến lược, chặt đứt xương sống hợp tung của sáu nước.

### **“HỐI LỘ HÀO THẦN LÀM LOẠN MƯU ĐỒ CỦA ĐỊCH”, TỪ TRÊN CĂN BẢN LÀM SUY YẾU LỰC LƯỢNG HỢP TUNG CHỐNG TẦN CỦA SÁU NƯỚC**

Trong tình hình cả sáu nước đều yếu, chỉ riêng Tần mạnh làm thế nào để cản trở sự hợp tung chống Tần của sáu nước là một vấn đề được chú trọng nhất của Tần Thủy Hoàng và các mưu thần của ông. Những người như Lý Tư, Úy Liêu, Đốn Nhược, Diêu Hủ v.v... đã nhiều lần tham dự hội nghị mưu lược để trù hoạch phương sách. Họ đã kiến nghị “bí mật sai mưu thần



đem nhiều vàng ngọc đi sứ du thuyết các chư hầu”, “hồi lộ các trọng thần có tài năng xuất sắc”, “cho các bề tôi của nước họ được nhập vào Tần”, “dùng kế ly gián giữa vua và tôi của chúng”, “để làm loạn mưu đồ của chúng”. Điều đó tức là nói; dùng nhiều vàng bạc mua chuộc các nhân vật nắm giữ thực quyền trong tập đoàn thống trị các nước, dùng chúng để ảnh hưởng tới những quyết sách chống Tần của các nước, làm suy yếu tới lực lượng hợp tung chống Tần của các nước, thực hành kế “Phủ để trừu tân” - Rút củi đáy nồi, để giải quyết tận gốc. Thoạt đầu Tần Thủy Hoàng còn đôi chút do dự, nói rằng không lấy đâu ra nhiều tiền như vậy được. Đốn Nhượng nói với vua Tần:

- Đại thể trong thiên hạ “phi tung tức hoành”, “Hoành thành tất là Tần đế, Tung thành tất là Sở Vương”. Nếu Tần có thể xưng đế được thì của cải tài sản trong thiên hạ đều do nước Tần chi phối. Nếu nước Sở xưng vương, thì tất cả của cải tài sản của nước Tần đều không thể giữ được.

Tần Thủy Hoàng cho rằng lời nói có lý, nên đã quyết định tiếp nhận kiến nghị của họ, liền cử Đốn Nhượng, Diêu Cổ đi sứ sang nước Hàn, Ngụy, Yên, Triệu; Trần Trì, Kinh Tô, Nhiệm Cổ đi sứ nước Tề; Tô Quyên đi sứ nước Sở, triển khai rộng rãi hoạt động ngoại giao và gián điệp. Kết quả đi sứ bốn nước của Diêu Cổ là “cắt đứt hết mưu kế của chúng, ngăn ngừa hết binh lính của chúng”, đã phá hoại được mưu kế liên hiệp đánh Tần của bốn nước. Đốn Nhượng thì “Đông du Hàn, Ngụy, nhập vào tướng lĩnh của chúng; Bắc du Yên, Triệu đã phế bỏ được các tướng tài của chúng”.

Sau khi Tần Thủy Hoàng thực hiện được ý đồ “Uy hiếp Hàn, làm suy yếu Ngụy” đã chuyển hướng tập trung lực lượng tấn công nước Triệu. Từ năm 11 đến năm 19 Tần Thủy Hoàng (năm 237 đến năm 228 trước Công nguyên), trải qua chín năm, ba lần đại chiến, cuối cùng đã diệt tan được nước Triệu. Những hoạt động ngoại giao và gián điệp của nước Tần đã có tác dụng rất quan trọng đối với công cuộc giành thắng lợi của cuộc chiến tranh này. Trong lần chiến tranh này, chủ soái của quân Tần là Vương Tiễn, chủ soái của quân Triệu là Lý Mục, Tư Mã Thượng, sau là Triệu Thông, Nhan Tự. Một hai lần tấn công của quân Tần đều bị quân Triệu do Lý Mục



chỉ huy đánh cản, không tấn công được mà phải lùi về. Để trừ khử Lý Mục, Tư Mã Thượng, Tần Thủy Hoàng đã cử Đốn Nhược mang rất nhiều vàng bạc tới Hàm Đan, hối lộ Quách Khai là sủng thần của Triệu Vương và Điều Hậu là mẹ của Triệu Vương để cho họ vu oan giá họa trước mặt Sở Vương là Lý Mục, Tư Mã Thượng theo Tần phản Triệu. Triệu Vương nghe và tin theo lời sàm tấu, đã bắt giết Lý Mục, bãi truất Tư Mã Thượng, bổ nhiệm Triệu Thông, Nhan Tụ làm chủ tướng quân Triệu. Triệu Vương tự phá huỷ Cán Thành, quân Tần thừa cơ kéo vào. Vương Tiễn phát động cuộc tấn công lần thứ ba đối với nước Triệu, đánh chiếm Hàm Đan, bắt Triệu Vương làm tù binh, tiêu diệt nước Triệu.

### **PHÂN HOÁ LÀM TAN RÃ, ĐÁNH PHÁ NHIỀU MẶT, ĐẬP TAN CƠ SỞ HỢP TUNG CỦA SÁU NƯỚC TRÊN MẶT TRẬN CHÍNH TRỊ**

Tần Thủy Hoàng và các mưu thần của ông đã lợi dụng mâu thuẫn giữa sáu nước, đã sử dụng các thủ đoạn như uy hiếp lấy lợi dụ dỗ, vừa đánh vừa lôi kéo, xúc xiểm chia rẽ; phá hoại cơ sở hợp tung của sáu nước hoặc khiến cho chúng không giữ vững trung lập, hối lộ nước Tần để cầu lấy yên ổn, còn nước Tần thì ngồi yên hưởng lợi, cuối cùng các nước đã đánh phá nhau, Sở là một nước lớn ở phương Nam đất rộng năm ngàn dặm, có hàng triệu quân, lương thực đủ ăn trong mười năm, Tần không dám mạo hiểm xuất quân, nên phải dùng chính sách hữu hảo, nên hòa bình giữa hai nước đã duy trì được hơn hai chục năm. Sau khi bình định được Trung Nguyên, nước Tần mới phát động tiến công, chỉ một trận đã diệt tan nước Sở. Đối với nước Tề ở phương Đông xa xôi thì thông qua những hoạt động ngoại giao và gián điệp, dụ dỗ Tề Vương “vào triều cống nước Tần”. Bọn Trần Trì phụng mệnh tới nước Tề hoạt động, đồng ý cho vua Tề năm trăm dặm đất, lại dùng nhiều vàng bạc hối lộ thừa tướng Hậu Thắng và các quan lại dưới quyền của hắn, khiến bọn chúng khuyên vua Tề “bỏ tung triều Tần, không chuẩn bị cho cuộc chiến tranh, không giúp đỡ năm nước chống Tần”. Quả nhiên, vua Tề trúng kế, chỉ cầu lấy yên thân ở một góc, ngồi nhìn các nước láng giềng bị Tần tiêu diệt.

Đến lúc đó Tề Vương mới tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao với Tần. Kết quả là quân Tần bỗng nhiên phát động cuộc tấn công, vua tôi nước Tề kinh hoàng bạt vía, hơn bảy chục thành trì không đánh mà tan, nước Tề lập tức bị diệt vong.

Sở dĩ Tần Thủy Hoàng có thể dùng mưu lược chính xác chỉ đạo cuộc chiến tranh thống nhất giành được thắng lợi, là bởi vì ông đã không tách rời việc sử dụng chính sách dùng người tiến bộ của ông. Trong thời kỳ chiến tranh thống nhất, đúng vào thời kỳ Chiến Quốc với những biến động xã hội kịch liệt và những tư tưởng hăng hái không tưởng. Giai cấp địa chủ mới nổi lên do Tần Thủy Hoàng làm đại biểu đã ở vào giai đoạn tiến triển hoạt bát rầm rộ, sự nghiệp thống nhất Trung Quốc đang ở vào quá trình sáng nghiệp gian nan khổ sở, bản thân Tần Thủy Hoàng lại đang ở vào thời kỳ thanh niên không ngừng trưởng thành. Những nhân tố này đã quyết định tư tưởng của ông tương đối giải phóng, chính sách cũng tương đối sáng sủa rộng mở. Tần Thủy Hoàng chẳng những đã sáng suốt trong sự nhận biết nhân tài, có lòng thành thực trong việc yêu quý người, mà còn có lượng dung nạp người tài và thuật chế ngự người tài.

Tần Thủy Hoàng giỏi phát hiện nhân tài, tôn trọng và yêu quý, bảo hộ nhân tài. Lý Tư là người Thượng Thái nước Sở (nay là vùng Tây Nam huyện Thượng Thái, Hà Nam), đã từng theo hầu đại sư nho học Tuân Khanh “để học thuật đế vương”. Sau khi học thành, quan sát tình thế các nước, cho rằng “Sáu nước đều yếu cả, không có khả năng lập nên công trạng gì được”. Còn nước Tần “Bình mạnh trong nước, uy tín lừng lẫy chư hầu”, “muốn thôn tính thiên hạ, xưng đế trị dân”, ở đó mới có thể có cơ hội để thi thố tài năng của mình, liền quyết ý rời Sở vào Tần. Khi Lý Tư hiến dâng kế sách thôn tính sáu nước với Tần Thủy Hoàng, vẫn còn là một quan “lang” hầu hạ trong cung đình, địa vị rất thấp. Tần Thủy Hoàng đã không câu nệ người thấp hèn mà coi nhẹ lời nói của Lý Tư, chỉ thoáng qua đã nhìn thấy rõ giá trị của hiến sách đó. Tần Thủy Hoàng đã quyết đoán ngay và vạch ra quyết sách chiến lược từng bước thôn tính sáu nước, hơn thế còn đề bạt Lý Tư lên làm Trường sử, về sau lại đề bạt lên làm Đình úy, thừa tướng,

trở thành nhân vật trung tâm trong tập đoàn thống trị Tần Thủy Hoàng. Úy Liêu là người Đại Lương nước Ngụy (nay là thị trấn Khai Phong) từ một người dân áo vải, hiền sách mà được Tần Thủy Hoàng coi trọng, chẳng những đã tiếp nạp sách lược “không tiếc của cải hối lộ các bề tôi có tài năng của chúng để làm rối loạn mưu của chúng”, hơn thế còn được đối xử như thượng khách. “Cùng chung quần áo ăn uống với Úy Liêu”. Úy Liêu cho rằng Tần Thủy Hoàng “thiếu ân đức mà lòng như lang sói”, “không thể giao du lâu được”, chuẩn bị trốn ra khỏi nước Tần. Tần Thủy Hoàng đã đuổi bắt trở lại, còn đem chức Quốc úy (tương đương với chức Tổng tham mưu trưởng ngày nay) - một chức vụ quan trọng như vậy trao cho Úy Liêu. Đối với lão tướng Vương Tiễn nước Tần, Tần Thủy Hoàng luôn luôn tôn Vương Tiễn làm thầy. Đối với hai anh em Mông Điền, Mông Nghị tuổi tác xấp xỉ mình, Tần Thủy Hoàng đã sớm nhìn thấy tài năng chính trị và quân sự của họ, để cho Mông Điền “nhậm chức Ngoại sử”, dẫn ba chục vạn quân, trấn thủ phía Bắc biên cương, một mình đảm đương một phía. Mông Nghị thì “nhận chức Nội Mưu”, vị trí đứng trên thượng khanh. Tần Thủy Hoàng đã “đi cùng xe, ngồi cùng chiếu”, lúc nào cũng như hình với bóng không rời nhau.

Lượng bao dung nhân tài của Tần Thủy Hoàng cũng tương đối lớn. Ra lệnh đuổi khách chỉ có một sự việc điển hình. Năm thứ mười Tần Thủy Hoàng (năm 237 trước Công nguyên), quan đại thần quý tộc nước Tần thỉnh cầu Tần Vương hạ lệnh đuổi khách, nói rằng những người từ nước ngoài tới phần đông đều là tiến hành hoạt động gián điệp cho nhà vua nước họ. Lý Tư được Tần Vương phong cho làm khách khanh cùng ở trong số người bị đuổi. Lý Tư đồng thời với việc rời khỏi Hàm Dương đi về phía Đông đã dâng thư lên Tần Vương. Lý Tư đã nêu ra những sự thực như Tần Mục Công dùng Bách Lý Hề, Kiến Thúc; Tần Hiếu Công dùng Thương Ưởng; Tần Huệ Vương dùng Trương Nghi; Tần Chiêu Vương dùng Phạm Tuy v.v... nói rõ rằng bốn đời vua nước Tần đã dốc chí cải cách làm cho nước giàu binh mạnh, cuối cùng đã thành nghiệp đế, “đều là công lao của khách cả”. Tiếp đó Lý Tư chỉ ra nhiều vật dụng quý báu không làm ra từ

nước Tần, mà Tần Vương sử dụng rất “hài lòng mãn ý”, thế mà đối với con người thì lại “không hỏi tới khả năng, chẳng bàn tới cong thẳng, chẳng làm hại gì cho nước Tần, mà nước Tần lại nhất loạt đuổi khách”. Điều đó chẳng hóa ra nước Tần chỉ quý trọng sắc đẹp vàng bạc châu báu mà lại coi nhẹ xem thường dân chúng hay sao? Sau đó Lý Tư đã dùng những kinh nghiệm thành công của các đế vương trong lịch sử đối chiếu với quyết sách sai lầm đuổi khách của vua Tần, chỉ ra sở dĩ Ngũ Đế, Tam Vương vô địch thiên hạ là bởi vì “Thái sơn không nhường đất cho nên có thể trở thành lớn; sông, biển không chọn dòng nhỏ cho nên nó trở thành sâu; nhà vua không từ chối dân đông, cho nên có thể làm cho đức sáng”. Thế mà quyết sách của vua Tần lại “đuổi khách để cung cấp giúp đỡ cho nước địch; làm tổn hại dân để lợi ích cho kẻ thù, bên trong thì tự làm cho mình trống rỗng, còn bên ngoài thì gây thù chuốc oán với các nước chư hầu, mà còn cầu mong cho đất nước không có nguy nan thì đó là điều không thể được!”. Tần Thủy Hoàng xem xong bức thư của Lý Tư bàng hoàng tỉnh ngộ, lập tức bãi bỏ lệnh đuổi khách, sai người đuổi kịp Lý Tư, mời Lý Tư trở lại Hàm Dương, phục hồi lại chức quan như cũ. Sau đó Tần Thủy Hoàng càng tự giác sử dụng thái độ khoan dung đối với các loại người. Đốn Nhược là người nước Tần, Tần Thủy Hoàng được biết Đốn Nhược là người bác học đa tài, muốn triệu tới gặp gỡ. Đốn Nhược đề xuất điều kiện, đối với Tần Thủy Hoàng không thực hành lễ bái kiến, không vái thì đến gặp, vái lạy thì không gặp. Tần Thủy Hoàng đã đồng ý. Đốn Nhược yết kiến Tần Thủy Hoàng, trước tiên mắng chửi Tần Thủy Hoàng một trận đau đớn, nào là “không có cái danh của hiếu”, “chẳng có cái thực của hiếu”, là “một kẻ danh chẳng có mà thực cũng không”. Tần Thủy Hoàng bưng bưng phẫn nộ. Lợi dụng thời cơ này Đốn Nhược liền nói, nào là oai phong của Tần Thủy Hoàng chỉ dám thi hành với mẹ mà không dám thi hành với sáu nước Quan Đông. Đó là điều không thể chấp nhận được. Lời nói này đã đánh trúng vào sự nghiệp lớn mà Tần Thủy Hoàng đang quan tâm, lập tức đã làm ông chú ý. Tần liền hỏi Đôn Nhược về kế sách thôn tính sáu nước. Đôn Nhược nói:

- Hàn là yết hầu của thiên hạ, Ngụy là ngực bụng của thiên hạ. Nhà vua hãy cấp cho thần vạn lượng vàng đi du thuyết, Hàn, Ngụy nghe theo đem cả xã tắc xưng thần với Tần. Hàn, Ngụy phục tùng thì sẽ lấy được cả thiên hạ! (“Chiến quốc sách - Tân đệ tứ”).

Tần Thủy Hoàng quyết định tiếp nhận kế sách của Đốn Nhược, để cho Đốn Nhược mang theo một vạn lượng vàng đi sứ Hàn, Ngụy, Yên, Triệu, tiến hành hoạt động gián điệp, kích động làm phản, dụ dỗ nước Triệu phế Liêm Phả, giết Lý Mục, phát huy tác dụng quan trọng trong việc giành thắng lợi đối với cuộc chiến tranh tiêu diệt Hàn, Ngụy, Yên, Triệu. Diêu Cổ người nước Ngụy từng làm quan đại thần ở nước Triệu, đã từng được vua Tần phái cử đi sứ sáu nước Quan Đông, đã phá hoại được mưu đồ hợp tung chống Tần của họ và đã thu được hiệu quả “phá tan mưu đồ của họ, ngăn chặn được binh lính của họ”, được phong làm Thượng khanh. Khi Hàn Phi đến nước Tần du thuyết đã tiến hành công kích Diêu Cổ, nói Diêu Cổ là “Tên kẻ cướp lớn của nước Lương, tên thần bị đuổi ở nước Triệu”, vu buộc hãm hại Diêu Cổ là “dùng quyền của vua, vật báu của nước tự ra ngoài giao du với các nước chư hầu”. Tần Thủy Hoàng triệu Diêu Cổ tới chất vấn. Diêu Cổ đã liệt kê các ví dụ Chu Văn Vương dùng Thái Công Vọng, Tề Hoàn Công dùng Quản Trọng, Tần Mục Công dùng Bách Lý Hề, Tấn Văn Công dùng Trung Sơn Đạo để nói rõ, những người này đều có đoạn lịch sử không mấy vẻ vang, thế nhưng “minh chủ đã dùng họ, biết rõ họ có thể lập được công”. “Tuy có người ngoài phi báng nhưng không nghe”, Tần Thủy Hoàng nghe xong những lời nghị luận này, cho rằng lời nói có lý, nên đã để cho Diêu Cổ được giữ nguyên chức cũ tin dùng mà chẳng có điều gì nghi ngờ.

Trên mặt sử dụng đối với người tài, Tần Thủy Hoàng cũng có một loạt biện pháp. Đối với việc sử dụng tướng già Vương Tiễn và tướng trẻ Lý Tín chính là một ví dụ điển hình. Vương Tiễn là một vị tướng già có chiến công tuyệt vời, Tần Thủy Hoàng đối đãi như một bậc thầy. Lý Tín là một viên chiến tướng trẻ dưới quyền Vương Tiễn, trong các trận chiến đấu diệt Triệu, phá Yên đã nhiều lần lập chiến công, đã từng dẫn mấy ngàn binh

truy đuổi quân Yên tới tận Liêu Đông ra ngoài ngàn dặm. Tần Thủy Hoàng đã ca ngợi Lý Tín là “hiền dũng”. Trước khi phát binh đánh Sở đã trưng cầu ý kiến với Vương Tiễn và Lý Tín, hỏi cần dùng bao nhiêu quân lính. Lý Tín nói:

- Không quá hai mươi vạn người.

Vương Tiễn nói:

- Không tới sáu chục vạn thì không xong!

Tần Thủy Hoàng cho rằng Vương Tiễn già cả nhút nhát, còn Lý Tín thì “dũng cảm quyết đoán”, đã quyết định để cho Lý Tín dẫn quân đi đánh Sở. Vương Tiễn liền cáo bệnh từ quan, quay về ở ẩn tại Tần Dương (nay là huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây). Chẳng ngờ cuộc giao chiến giữa Lý Tín với quân Sở, trước thắng nhưng sau thì đại bại. Tần Thủy Hoàng tự kiểm tra thấy sự phán đoán của mình đối với Vương Tiễn, Lý Tín không chuẩn xác, sử dụng không thích đáng, tức thì đã đích thân kịp thời đi tới Tần Dương, xin lỗi ngay trước mặt Vương Tiễn, mời Vương Tiễn dẫn quân đi đánh Sở. Vương Tiễn lấy việc phải xuất đủ sáu chục vạn quân làm điều kiện, Tần Thủy Hoàng lập tức bằng lòng, trao binh lực toàn quốc cho Vương Tiễn chỉ huy, còn đích thân đưa Vương Tiễn ra trận. Trước khi đi, Vương Tiễn thỉnh cầu vua Tần ban cho mình ruộng vườn nhà cửa, Tần Thủy Hoàng cũng nhất nhất bằng lòng hết. Trên đường hành quân, Vương Tiễn đã năm lần sai người trở về triều thỉnh cầu vua Tần thực hành lời hứa ban ruộng vườn nhà cửa cho mình. Hành động này đối với Vương Tiễn mà nói, chính là để trừ bỏ lòng nghi ngờ của Tần Thủy Hoàng. Còn về phía Tần Thủy Hoàng mà nói, thì đã biểu hiện phong cách dũng cảm sửa chữa sai lầm và lòng khoan dung độ lượng cao cả. Đối với viên tướng trẻ Lý Tín, Tần Thủy Hoàng cho rằng anh ta tuy không phải là vị tướng tài, nhưng không để mất đi một chiến tướng ưu tú, Tần Thủy Hoàng vẫn lượng tài sử dụng, để cho Lý Tín dưới sự chỉ huy của Vương Bôn đi tiêu diệt thế lực tàn dư của Yên, Triệu, chinh phục nước Tề, lập nhiều chiến công hiển hách, được phong làm Lũng Tây Hầu.

Ăngghen nói: “May mắn có một nhân vật vĩ đại nào đó, xuất hiện ở một quốc gia nào đó trong một thời gian nhất định. Điều đó đương nhiên thuần túy chỉ là một loại hiện tượng ngẫu nhiên”, “Thế nhưng, việc tăng nhanh hoặc làm chậm sự phát triển của “lịch sử”, trên một mức độ rất lớn đã được quyết định bởi “tính ngẫu nhiên” này, trong đó cũng bao gồm một loại “tình huống ngẫu nhiên” như vậy trong tính cách của một số người mà lúc đầu họ đã đứng ở phía trước nhất của phong trào” (“Mác - Ăngghen tuyển tập”, quyển thứ tư, trang 507 và trang 393). Tần Thủy Hoàng cũng giống như bất kỳ một nhân vật lịch sử nào khác, đều có tính chất hạn chế của lịch sử không thể tránh khỏi. Đối với những tư tưởng mưu lược mà nói, những quyết sách chính xác của ông đã chỉ đạo cuộc chiến tranh thống nhất giành được thắng lợi. Những quyết sách sai lầm của ông cũng đã dẫn tới sự chết non chết yếu của vương triều nhà Tần. Dùng quan điểm lịch sử của chủ nghĩa Mác mà nhìn vấn đề, Tần Thủy Hoàng đã không then là một nhà chiến lược vĩ đại đầu tiên sáng tạo ra đại nghiệp thống nhất Trung Quốc. “Tần Vương tảo lục hợp, hổ thị hà hùng tài! Huy kiến quyết phù vân, chư hầu tận tây lai. Minh đoán tự thiên khai, đại lược giá hùng tài” (“Xem “Cổ phong thập cửu thủ” của Lý Bạch) - Tần Vương quét lục hợp, dững mãnh như hổ gầm, kiếm vung mây trôi cuộn, Tây hầu hết lấn xâm. Quyết đoán sáng mưu trời. Đại lược át muôn người. Tần Thủy Hoàng dưới ngòi bút của nhà thơ Lý Bạch, đúng là đã cường điệu hình tượng anh vũ, quét mây thét gió, hùng tà đại lược!



## 34. LÝ TƯ

### **KHUYÊN NGĂN ĐUỐI KHÁCH, NGHỊ BÀN PHẦN THƯ**

Lý Tư không rõ năm sinh, mất năm 208 trước Công nguyên, người Thượng Thái nước Sở, cuối năm Chiến Quốc. Ông đã xuất mưu hiến kế cho Tần Thủy Hoàng thống nhất sáu nước, đã lập công lao to lớn trong việc xây dựng đế quốc Tần và việc đại thống nhất Trung Quốc. Thế nhưng, phẩm đức làm người của Lý Tư không đúng đắn, mưu danh trục lợi, thấy lợi quên nghĩa. Sau khi Tần Thủy Hoàng chết, bị Triệu Cao mua chuộc, đã giúp Tần Nhị Thế Hồ Hợi làm càn làm bậy, cuối cùng chuốc họa vào thân, bị Triệu Cao hãm hại rồi chết. Thế nhưng bất kể công tội của cuộc đời Lý Tư như thế nào, ông đều xứng đáng là một nhà mưu lược chính trị nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc.

### **ĐUỐI THEO DANH LỢI, VÀO TẦN CẦU KIẾN**

Thời trai trẻ của Lý Tư đã từng làm chức quan nhỏ trông giữ văn thư của quận ở nước Sở. Thế nhưng Lý Tư có hoài bão lớn lao, rất không thỏa mãn với cảnh ngộ và địa vị của mình. Theo Tư Mã Thiên ghi chép trong “Sử ký - Lý Tư liệt truyện”, ông thường mượn những biểu hiện của loài chuột khi ăn cắp lương thực trong những trường hợp khác nhau để làm ví dụ, rồi phát ra lời than vãn nói: “Tài năng của con người hèn kém cũng giống như con chuột tự ở trong hang của mình!”. Ngụ ý của ông là làm người thì phải giống như con chuột ăn cắp thóc ở trong kho lương thực, muốn làm mưa làm gió thì làm, phải được tận tình hưởng thụ. Để đạt tới mục đích quyền thế nâng cao như điều gặp gió, ông đã vứt bỏ chức quan bé nhỏ không thèm làm, rời khỏi nước Sở, chạy tới nước Tề là một nước lúc đó có không khí học thuật sôi nổi nhất, vái học thầy Tuân Khanh. Tuân Khanh tức là Tuân Tử, lúc đó Tuân Tử là một vị đại sư nho học nổi tiếng khắp mọi nơi. Thế



nhưng nền nho học của Tuân Tử khác rất xa với nền nho học của Khổng, Mạnh. Tư tưởng cơ bản của Tuân Tử rất gần với chủ trương của Pháp gia, đó là học thuyết nghiên cứu làm thế nào để cai trị quốc gia, được gọi là “Thuật Đế Vương”, cho nên rất thích hợp với đòi hỏi của tình thế cuối thời Chiến Quốc và giai cấp địa chủ mới nổi dậy. Lý Tư đã nhầm trúng được “Thuật Đế Vương” nên mới theo học thầy Tuân Tử. Ông từng nói: “Điều sỉ nhục không gì lớn hơn hèn kém, còn điều đau buồn không gì lớn hơn nghèo túng”. Có thể nhìn thấy rõ ông là một con người không ưa cảnh vắng lặng tịch mịch, có dục vọng muốn được làm quan rất mạnh mẽ. Do vì ông có mục đích học tập rất rõ ràng, nên ông chăm chỉ đọc sách, tinh thần nghiên cứu rất mạnh mẽ, học vấn uyên bác thành tích nổi trội, rất được thầy Tuân Tử khen ngợi, về sau này ông đã trở thành một trong những môn sinh có công trạng của Tuân Tử.

Sau khi Lý Tư học hành thành đạt, ông đã suy nghĩ đắn đo kỹ càng hướng đi và đất dụng võ của mình để thực hiện mộng mị của mình, cầu đạt lấy quan cao lộc hậu và vinh hoa phú quý. Qua nghiên cứu xem xét đánh giá tình thế, ông cho rằng trong bảy nước đang tranh giành đánh lẫn nhau, thì có tới sáu nước nếu không là nước nhỏ bé yếu đuối thì cũng là nước mà nhà vua chẳng làm nên công trạng gì. Duy chỉ có một nước Tần là nước rất mạnh, Tần Vương Chính lại rất tài ba, trong tương lai thiên hạ tất sẽ quy cả về Tần. Do vậy, ông dứt khoát quyết định lao vào nước Tần để thi thố tài năng của mình. Khi ông ngỏ lời từ biệt với thầy giáo Tuân Tử. Tuân Tử hỏi ông vì sao lại phải tới nước Tần. Ông không hề giấu giếm quan điểm tư tưởng của mình, trả lời:

- Muốn làm nên một sự nghiệp, vấn đề cần phải có đó là sự gặp dịp. Bây giờ các nước đều đang tranh giành nhau, đây chính là cơ hội tốt nhất để lập công, nêu tên tuổi. Nước Tần thực lực mạnh nhất, ôm ấp chí khí lớn lao, đang dốc hết sức tranh giành thống nhất thiên hạ. Ở đó có đất dụng võ, có thể làm nên việc lớn. Một con người sống ở trên đời, hèn kém là điều sỉ nhục nhất, nghèo túng là điều đau khổ không gì lớn hơn. Nếu phải ở vào địa vị nghèo túng hèn kém thì sẽ bị người đời mỉa mai. Không thích danh

lợi, chẳng có công trạng, đó không phải là mục đích của những người có học, cho nên con quyết định tới nước Tần”.

Tuân Tử gật đầu rồi lặng lẽ tiễn biệt người đệ tử có chí hướng sâu xa, có hoài bão lớn lao này ra đi!

## **DÂNG THƯ CAN ĐUỔI KHÁCH, GIÚP ĐỠ TẦN THỐNG NHẤT**

Vì mục đích mưu cầu công danh, làm nên sự nghiệp chấn động vang lừng, Lý Tư đã vượt ngàn dặm xa, trèo đèo lội suối, chẳng nề gian khổ đi tới nước Tần. Trước tiên ông tới làm một người xá nhân [54] ở trong nhà tướng quốc Lã Bất Vi, rất được Lã quý mến, rồi được bổ làm quan lang. Thế nhưng Lý Tư đâu có thể thỏa mãn với địa vị này. Ông chỉ coi Lã Bất Vi như là một chiếc cầu nhảy để cho mình tiếp cận với Tần Vương Chính mà thôi.

Quả nhiên, dịp may đã không phụ lòng người có tâm huyết, cuối cùng, Tần Vương Chính đã nhận biết được ra ông. Lý Tư liền chủ động hiến kế với Tần Vương, nói:

- Nếu muốn làm nên sự nghiệp lớn thì cần phải nắm chắc thời cơ. Thời Tần Mục Công, tuy rất lớn mạnh, nhưng vẫn chưa hoàn thành được đại nghiệp thống nhất. Nguyên nhân chủ yếu là vì thời cơ chưa chín muồi. Trải qua sự cố gắng của Tần Hiếu Công về sau, sức mạnh hiện tại của nước Tần đã rất lớn lao, các nước đều không kịp bằng, cộng thêm với việc đại vương ngài có đức độ hiền minh, cho nên việc đánh bại sáu nước chỉ dễ dàng như quét sạch tro tàn trên bếp lò vậy. Bây giờ chính là thời cơ tốt nhất để cho đại vương hạ quyết tâm, hoàn thành nghiệp đế, thống nhất thiên hạ đó. Mong đại vương muôn vạn lần chớ để lỡ thời cơ.

Tần Vương vô cùng tán thưởng kiến giải của Lý Tư, rất coi trọng tài hoa của ông, rất nhanh chóng đề bạt ông lên làm chức Trưởng sử. Tiếp sau đó, Lý Tư lại gợi ý Tần Vương, để cho Tần Vương cử người đem vàng bạc châu báu đi sứ các nước, du thuyết mua chuộc, hối lộ để ly gián giữa vua tôi các nước, sử dụng mọi biện pháp đánh phá, tăng cường đẩy mạnh việc

tiêu diệt và thôn tính. Tần Vương đã thu nạp sách lược của Lý Tư và đã thu được hiệu quả rất tốt đẹp. Tức thì Lý Tư được trọng dụng, ông được đề bạt lên làm khách khanh.

Thế nhưng giữa lúc Lý Tư đang lên như điều gặp gió trên đường quan chức, tích cực hiến mưu dâng kế để vua Tần tiêu diệt sáu nước, thống nhất thiên hạ, thi thố tài năng, thì một số kẻ sĩ có học vấn ở trong sáu nước cũng không tỏ ra yếu kém, họ cũng hăng hái dâng hiến kế sách cho quốc vương nước họ, hoặc dùng vũ lực đánh lại hoặc cử gián điệp tới nước Tần, dùng mọi biện pháp để tiêu diệt lực lượng của Tần. Trong đó, một sự kiện nổi tiếng nhất ấy là nước Hàn đã cử chuyên gia thủy lợi Trịnh Quốc tới nước Tần du thuyết, cố động nước Tần bỏ ra hao phí một số vốn cực kỳ lớn để xây dựng ngòi nước, muốn dùng việc này để làm suy yếu sức người và sức của của nước Tần, nhằm kiềm chế sự xâm lăng của nước Tần về phía Đông của nước Hàn. Thế nhưng ý đồ của nước Hàn đã bị bộc lộ ra trong quá trình xây dựng ngòi nước. Cả nước Tần kinh động, trong ngoài triều đình đã dấy lên một làn sóng tranh cãi âm ỹ, rồi diễn biến thành cuộc đấu tranh giành quyền đoạt lợi giữa các quý tộc thuộc tông thất nhà Tần với các khách khanh ngoại lai. Từ lâu quý tộc đã đầy lòng căm giận đối với việc Tần Vương Chính trọng dụng các khách khanh như Lã Bất Vi, Lý Tư v.v... chỉ vì sợ Tần Vương mà chưa dám bộc lộ ra. Lần này họ đã được dịp, do đó họ đã kéo thành đoàn tới tấn công, bắt Tần Vương phải đuổi hết tất cả bọn khách ngoại lai. Tần Vương bị bức không biết làm cách nào, đành phải ban bố một đạo luật đuổi khách. Lẽ dĩ nhiên Lý Tư cũng bị liệt vào danh sách những người bị đuổi.

Nhìn thấy điều truy cầu và nổi khổ tâm của mình chỉ trong nháy mắt sẽ biến thành mây khói, có lẽ nào Lý Tư lại có thể cam tâm cho được? Ông có hoài bão, có trí tuệ, lại dám làm dám chịu, dám gánh vác. Ông không sợ liên lụy phạm tội, mà đã trực tiếp viết một phong thư cho vua Tần, khuyên vua Tần không nên đuổi khách. Đây chính là “Bức thư can đuổi khách” (Gián trực khách thư) nổi tiếng. “Bức thư can đuổi khách” không những là một bức thư câu chữ lời lẽ khẩn thiết, mà còn là một bức thư mưu lược

chính kiến, phản ánh dồi dào những tài hoa và trí tuệ mưu lược của Lý Tư. Trên thực tế, đây là một bức thư đầy mưu lược chính kiến rõ ràng, thu hút rộng rãi người hiền tài để làm cho đất nước hùng mạnh, tiến tới tiêu diệt sáu nước, thống nhất thiên hạ mà Lý Tư cống hiến cho vua Tần. Xin hãy xem những luận điểm chủ yếu trong bức thư dưới đây của ông:

Thứ nhất: Dùng sự thực lịch sử cường thịnh của nước Tần để nói rõ tầm quan trọng của việc sử dụng rộng rãi những người hiền tài. Ông nói: “Ngày xưa Tần Mục Công cầu hiền, mời Do Dư từ Tây Nhung tới, mời Bách Lý Hề từ nước Sở ở phương Đông lại, nghênh đón Kiến Thúc từ nước Tống sang, còn bổ nhiệm rồi tin dùng Phôi Báo và Công Tôn Chi từ nước Tấn lại. Tần Mục Công tin dùng năm người này, đã thôn tính được hai mươi nước, xưng bá được Tây Nhung. Tần Hiếu Công trưng dụng Thương Ưởng, thực hành luật pháp mới, thay đổi phong tục, làm cho nước giàu dân mạnh, đã đánh bại được Sở, Ngụy, mở rộng hàng ngàn dặm đất đai, làm cho nước Tần lớn lên hùng mạnh. Tần Huệ Vương đã dùng mưu kế của Trương Nghi, phá tan được hợp tung chống Tần của sáu nước, bức buộc các nước phải phục tùng nước Tần. Tần Chiêu Vương được Phạm Tuy đã làm suy yếu được lực lượng quý thích, tăng cường được vương quyền, thôn tính được các nước chư hầu, Tần đã thành được nghiệp đế.

Bốn vị quốc vương này đều do vì biết tin dùng khách khanh [54], mà khách khanh đã có những cống hiến cho nước Tần. Khách khanh đã làm điều gì có lỗi với nước Tần? Nếu bốn vị vua này cũng hạ lệnh đuổi khách, chỉ có thể khiến cho nước Tần chẳng có cái sự thực của sự giàu có, đương nhiên cũng chẳng có cái danh của sự lớn mạnh.

Thứ hai: Người hiền tài càng quan trọng hơn so với vàng bạc, châu báu, gái đẹp, ngựa hay. Ông nói: “Những ngọc ngà châu báu, mà đại vương nước Tần ngài đang dùng đều không sản xuất ra từ ở nước Tần; gái đẹp, ngựa hay, của cải phần lớn đều lấy từ các nước ở phương Đông về. Tại sao những thứ vật này thì có thể dùng, còn cách khách khanh thì lại bị xua đuổi? Xem ra như vậy thì đại vương chỉ coi trọng một số đồ vật, còn đối với người tài thì lại không biết trọng dụng. Kết quả mà ngài làm như vậy,

chỉ có thể tăng cường sức mạnh cho các nước chứ chẳng có lợi gì cho đại nghiệp thống nhất của nước Tần”.

Tần Vương Chính là một người tài giỏi mưu lược. Sau khi xem xong “Bức thư can đũa khách” của Lý Tư đã hiểu rõ phải trái, dứt khoát sử dụng kiến nghị của Lý Tư, lập tức bãi bỏ lệnh đũa khách, lại một lần nữa trọng dụng Lý Tư, đề bạt ông lên giữ chức Đĩnh úy.

Bãi bỏ lệnh đũa khách đã có tác dụng vô cùng to lớn đối với nước Tần, nó đã có ảnh hưởng rất sâu xa. Chính sách kiên trì tiếp nạp, bổ nhiệm tin dùng khách khanh của Tần Thủy Hoàng đã thu hút được một số lượng lớn các bậc tướng giỏi nhân tài. Ví dụ như Vương Ý, Mao Tiêu, Úy Liêu, Vương Tiễn, Vương Bôn, Lý Tín, Vương Ly, Mông Điền v.v... nổi tiếng trong sử sách, đều là những khách khanh từ các nước khác tới, họ đều có những cống hiến tuyệt vời đối với sự phát triển về các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao v.v... của nước Tần, đã có tác dụng rất lớn lao trong sự nghiệp thống nhất Trung Quốc.

## **TẬP QUYỀN TRUNG ƯƠNG**

### **ĐỐT SÁCH CHÔN NHO**

Lý Tư chẳng những đã xuất mưu hiến kế cho Tần Thủy Hoàng tiêu diệt sáu nước, thống nhất Trung Quốc mà còn có rất nhiều gợi ý cho Tần Thủy Hoàng làm thế nào để củng cố và tăng cường nền thống trị tập quyền trung ương đối với đế quốc Tần sau khi thống nhất.

Thứ nhất: Thực hành chế độ quận huyện. Năm 26 Tần Vương Chính (tức năm 221 trước Công nguyên), nước Tần trải qua cuộc chinh chiến nhiều năm liên miên, đã tiêu diệt được sáu nước, đã xây dựng lên một quốc gia thống nhất lớn đầu tiên, lãnh thổ rộng lớn chưa từng thấy, nhân khẩu đột ngột tăng nhiều ở trên đất nước Trung Quốc. Lúc này Tần Vương Chính tuy đã đổi vương xưng đế, tự xưng là Tần Thủy Hoàng, thế nhưng đối với việc làm thế nào để củng cố và tăng cường nền thống trị của đế quốc phong kiến đã được thống nhất này, đã phát sinh ra nhiều ý kiến chia rẽ ở trong nội bộ Tần Vương Chính. Khi Tần Thủy Hoàng triệu tập các quan đại thần

tới thảo luận, một số lớn đại thần đứng đầu là tể tướng Vương Quán, đều chủ trương kế tập theo chế độ phân phong của đời Chu, phong cho các con Tần Thủy Hoàng là vương. Chỉ có Lý Tư đề xuất ý kiến không đồng ý. Ông đã lấy việc các nước chư hầu cuối đời nhà Chu chèn ép lẫn nhau, không chịu nghe theo lệnh của vương triều nhà Chu làm ví dụ, nói rõ chế độ phân phong không thể chấp nhận được nữa. Ông đề xuất phải thực hành chế độ quận huyện, tập trung quyền ở trung ương, để tăng cường sự thống nhất. Như vậy thì thiên hạ mới có thể được an ninh. Tần Thủy Hoàng cũng không chủ trương đem một quốc gia thống nhất, lại lập ra rất nhiều nước, làm thêm những nhân tố mất an ninh, cho nên đã ủng hộ và đồng ý với ý kiến của Lý Tư. Tức thì ban bố chiếu lệnh, chia toàn quốc ra ba mươi sáu quận, dưới quận lập ra các huyện. Việc xác lập chế độ quận huyện đã tăng cường tập quyền trung ương của quốc gia phong kiến đã được thống nhất, đã thúc tiến sự phát triển của lịch sử.

Thứ hai: Đốt sách chôn Nho. Sự việc này phát sinh vào năm 34 Tần Thủy Hoàng (năm 213 trước Công nguyên). Trong một lần triều giá ở cung đình, có một tiến sĩ nho học tên là Thuần Vu Việt đã phát biểu ý kiến phê bình đối với việc không tuân theo chế độ nhà Chu mà phân phong cho con em của Tần Thủy Hoàng. Ông ta đã mượn cổ ngữ kim, muốn Tần Thủy Hoàng phải nhanh chóng sửa đổi, thực hành chế độ phân phong, nếu không thiên hạ sẽ không giữ được lâu bền. Thuần Vu Việt đứng trên lập trường của nhà nho nhìn nhận nền chính trị của Tần Thủy Hoàng, do vậy nên đã có sự xa lạ, không phù hợp với tư tưởng pháp gia và chính sách mà Tần Thủy Hoàng kiên trì đeo đuổi. Tần Thủy Hoàng rất không hài lòng với sự phê bình của Thuần Vu Việt, đã trao Thuần Vu Việt cho Lý Tư nắm giữ tướng quyền lúc đó xử lý. Tuy Lý Tư là học trò của Tuân Tử, nhưng ông luôn luôn theo đuổi tư tưởng pháp gia, chủ trương hình phạt nghiêm khắc, pháp luật khắt khe. Lý Tư cho rằng, những tư tưởng và chủ trương của nho gia ở trong triều đình hay ngoài xã hội đều là sự uy hiếp đối với nền thống nhất và chế độ tập quyền trung ương của Tần; còn tư tưởng của các nho sinh lại bắt nguồn từ việc đọc sách.

Cho nên Lý Tư đã mượn cớ này mà phát huy, kiến nghị với Tần Thủy Hoàng hạ lệnh đốt sách. Tần Thủy Hoàng đã tán đồng ý kiến của Lý Tư, rồi do Lý Tư chế định ra pháp lệnh đốt sách rất tàn bạo và hà khắc. Pháp lệnh quy định: phạm các sử sách ngoài nước Tần và các sách Thi, Thư, Bách gia ngữ v.v... tàng cất không phải là bác sĩ (chức quan nắm giữ điển tịch văn sử), ngoài các loại sách thuộc về y dược, bốc toán, trồng cây ra, tất cả đều phải đốt hết. Hơn thế còn quy định, đối với những người vi phạm hoặc chống cự lệnh đốt sách, đều phải xử theo tội hình, nhẹ thì “thích chữ vào mặt” rồi cho đi cải tạo lao động (xây đắp Trường Thành), nặng thì xử tử “bêu chợ” thậm chí có thể chu di chín họ.

Năm thứ hai sau khi đốt sách, Tần Thủy Hoàng lại hạ lệnh đem hơn bốn trăm nho sinh ở trong kinh thành Hàm Dương chôn sống hết. Đây chính là sự kiện “Chôn nho” đã được nói trong sử sách.

## **THUẬT ĐỐC TRÁCH, HOẠ ĐẾN THÂN**

Lý Tư tài hoa lòng lầy, nhiều trí lăm mưu, thế nhưng phẩm hạnh của Lý không tốt, Lý là một con người bị lợi lộc danh vị làm mờ tối lương tâm. Lý đã từng vì mình bị thất sủng mà đã dâng tấu sàm ngôn với Tần Thủy Hoàng, đã sát hại người bạn học cũ là Hàn Phi có tài ba trí tuệ giỏi hơn Lý. Để giữ vững bước tiến thân, được quan cao bổng dày, Lý Tư đã hiến dâng cho Tần Thủy Hoàng rất nhiều mưu lược hay, đã lập nhiều chiến công hiển hách trong việc thống nhất thiên hạ và củng cố chính quyền nước Tần. Thế nhưng trái tim lợi lộc của Lý Tư rất nặng, đến nỗi khí tiết tuổi già không giữ được. Sau khi Tần Thủy Hoàng chết, dưới áp lực của tên hoạn quan đại gian nịnh Triệu Cao, đã giúp kẻ xấu làm điều xấu, đã nêu ra những chủ ý xấu xa cho Triệu Cao và Hồ Hợi. Kết quả là đã làm tăng nhanh tốc độ diệt vong của nhà Tần, ngay đến tính mệnh của bản thân và gia đình cũng đều góp cả vào trong đó.

Năm thứ 37, Tần Vương Chính (năm 210 trước Công nguyên), Tần Thủy Hoàng đã dẫn người con trai thứ hai của mình là Hồ Hợi được Tần Thủy



Hoàng sủng ái, đại hoạn quan Triệu Cao và thừa tướng Lý Tư đi tuần thú lần thứ năm, tuyến đường đi lần này là các quận ở phương Nam. Tần Thủy Hoàng đã trèo lên núi Cối Kê (nay ở phía Nam thị trấn Thiệu Hưng tỉnh Triết Giang) tế lễ Đại Vũ, khắc chữ trên bia đá để lưu niệm. Để cầu lấy trường sinh, Tần Thủy Hoàng đã từng cử Từ Phúc đem ba ngàn đồng nam đồng nữ đi tới núi Bồng Lai để tìm kiếm tiên đơn diệu dược trường sinh bất lão. Bởi vì ở trên đời này, căn bản không có thuốc trường sinh bất lão. Từ Phúc và bọn người cùng đi, không những không thể lấy được thuốc tiên đem về mà bản thân họ cũng không thể trở lại được, chẳng biết họ ở nơi nào. Tần Thủy Hoàng càng không thể ngờ được bản thân mình lại có thể chết được trên đường đi tuần thú. Cho nên đối với việc kế tục ngôi đế sau khi qua đời, Tần Thủy Hoàng cũng chưa có sự sắp xếp được chu đáo. Chỉ tới lúc trước khi chết Tần Thủy Hoàng mới có ý tưởng để cho người con trai cả có tài cán là Phù Tô kế vị, hơn thế đã nhờ cây viết di chiếu. Thế nhưng thời gian đã quá muộn. Sau khi Tần Thủy Hoàng chết trên đường trở về (ở trong biên giới Cự Lộc tỉnh Hà Bắc), tên hoạn quan Triệu Cao lập tức bàn tính mật mưu để cướp ngôi. Hắn muốn để cho con trai thứ hai của Tần Thủy Hoàng là Hồ Hợi kế vị. Vì Hồ Hợi không có tài năng, chỉ biết chơi bời hưởng lạc, còn Triệu Cao lại là thầy giáo của Hồ Hợi, hễ Hồ Hợi đăng cơ, lẽ dĩ nhiên đại quyền sẽ do một tay Triệu Cao nắm giữ. Thế nhưng dựa theo lệ cũ và di chúc của Tần Thủy Hoàng thì Hồ Hợi không thể kế vị được. Triệu Cao là một kẻ đầy rẫy dã tâm, lắm mưu nhiều kế, để có thể làm được trót lọt việc này, hắn liền nghĩ cách lôi kéo Lý Tư. Triệu Cao biết rõ, bản thân Lý Tư làm tế tướng, kế lắm mưu sâu, lại rất được tiên đế Tần Thủy Hoàng sủng tín, có tác dụng quyền uy quyết định trong vấn đề kế vị; hơn thế, Triệu Cao cũng biết rõ rằng Lý Tư là một con người không tiếc tất cả, bằng mọi giá sẵn sàng truy cầu công danh lợi lộc. Chỉ cần lấy cái đó tăng cường áp lực với Lý Tư, khẳng định Lý Tư sẽ bị khuất phục. Quả nhiên sự việc không lọt ra ngoài mưu kế của Triệu Cao, vì để bảo toàn địa vị và lợi lộc của mình, đã ngang nhiên kết cấu tư thông với Triệu Cao, Hồ Hợi, cùng sử dụng thủ đoạn đổi trắng thay đen, lén lút thay chữa di chiếu của Tần Thủy Hoàng, bức bách Phù Tô lẽ ra được kế ngôi đế vị phải tự sát



mà chết. Đồng thời còn bắt danh tướng Trần Bắc ủng hộ giúp đỡ Phù Tô là Mông Diêm nhốt vào trong tù cho đến chết. Tức thì Tần Nhị Thế, dưới sự phù trợ và giúp đỡ của Triệu Cao, Lý Tư đã làm lễ gia miện đăng cơ.

Nên nói rằng, sự kết hợp của Lý Tư với Triệu Cao là điều bị bó buộc. Đối với sự ngu dốt bất tài của Hồ Hợi, Lý Tư đã nhìn thấy rất rõ. Thế nhưng vì để bảo vệ những lợi ích mà mình đã giành được, Lý Tư đã tự dốc lòng mình ca tụng Hồ Hợi tốt, Hồ Hợi tài, thậm chí còn bày trò cho Hồ Hợi làm điều xấu, đã gây tác dụng làm tăng nhanh tốc độ diệt vong của triều đại nhà Tần. “Thuật đốc trách” chính là kế sách trị quốc độc đoán chuyên chính của nhà vua cùng với một loạt hệ thống pháp luật nghiêm khắc tàn khốc mà Lý Tư đã thiết kế cho Hồ Hợi. Cái gọi là “Thuật đốc trách”, đúng như Lý Tư đã nói: “Thuật đó giúp cho minh chủ có thể kiểm tra sâu sắc tới những tội nhẹ. Tội nhẹ mà còn kiểm tra đôn đốc sâu sắc như thế, huống hồ tội nặng thì sao?”, cho nên dân chúng không ai dám phạm. Ý nghĩa trung tâm của nó là: Đối với bề tôi và dân chúng nhà vua cần phải thực hành “tội nhẹ phạt nặng”, khiến cho ai nấy đều hoảng sợ hình phạt mà không dám xem thường vọng động. Lý Tư còn chủ trương đối với bề tôi nhà vua cần phải thực hành chuyên quyền độc đoán, cần phải chế ngự điều khiển bề tôi, không thể chịu ảnh hưởng của bề tôi được. Lý Tư cho rằng chỉ có như vậy nhà vua mới có thể muốn gì được nấy, muốn gì làm nấy, bề tôi không dám chống lại, dân chúng không dám làm phản, địa vị của nhà vua mới có thể vững chắc lâu dài được.

Căn cứ lý luận của “Thuật đốc trách”, chính là tư tưởng pháp gia của Lý Tư. Thế nhưng trong tình huống Tần Nhị Thế thực hành nền thống trị tàn khốc đối với dân chúng lúc đó, Lý Tư đã tung ra “Thuật đốc trách” chính đã gây ra tác dụng như đổ thêm dầu vào lửa. Có điều, Lý Tư dâng “Thuật đốc trách” cho Hồ Hợi, không những chỉ là vì muốn lấy lòng Hồ Hợi mà e rằng còn tàng ẩn một ý nghĩa ở tầng cao hơn và sâu hơn. Đó chính là giữa Lý Tư với Triệu Cao, hai người bằng mặt mà chẳng bằng lòng, đồng sàng dị mộng, tranh quyền đoạt lợi, đấu chọi nhau, lúc công khai, lúc ngầm ngầm, đều muốn tiêu diệt đối phương. Lý Tư muốn dùng thuật này để thúc

đây Hồ Hợi thoát khỏi Triệu Cao, làm suy yếu sự độc đoán chuyên quyền của Triệu Cao. Đáng tiếc là lần này Lý Tư chưa thể thực hiện được như ý nguyện. Hồ Hợi chỉ tiếp thụ chính sách “Pháp luật nghiêm, hình phạt tàn khốc” của Lý Tư, thực hành rộng rãi thuế má tạp dịch nặng nề, xa xỉ hủ bại, giết chóc bừa bãi người vô tội, không gì không dám làm. Còn đối với Triệu Cao vẫn như trước, vẫn được tin dùng không bị nghi ngờ, ân sủng càng thêm nặng. Lý Tư chẳng những không làm suy yếu được Triệu Cao, cuối cùng còn bị Triệu Cao mượn cớ giết chết. Để dập tắt sự phản nộ và tạo phản của nhân dân, Lý Tư đã tìm cách khuyên Hồ Hợi đình chỉ việc xây dựng cung A Phòng, làm cho Hồ Hợi bực tức, đã hạ lệnh bắt Lý Tư nhốt vào ngục. Ở trong ngục, Lý Tư đã dâng thư lên trình bày biện bạch cho Hồ Hợi rõ, nhưng đều bị Triệu Cao giữ lại. Triệu Cao còn mượn cơ hội dâng lời sàm tấu với Hồ Hợi hãm hại Lý Tư, tạo dựng nên tội trạng giả, nói rằng Lý Tư cùng với con trai là Lý Do, mưu phản. Triệu Cao đã dùng chính những “pháp luật nghiêm ngặt, cực hình tàn khốc” do Lý Tư đặt ra để tra khảo nghiêm hình đối với Lý Tư, buộc Lý Tư phải công nhận tội mưu phản. Lý Tư không chịu nổi nghiêm hình đành phải khuất phục nhận tội. Tức thì Lý Tư đã bị giết chết vào năm thứ hai Tần Nhị Thế (tháng 7 năm 208 trước Công nguyên).

## 35. MẠO ĐỐN

### MƯU QUÁN CHƯ HỒ,

DỪNG CÁI HÁN QUÂN [55]

Mạo Đốn không rõ năm sinh, mất năm 174 trước Công nguyên, là hung nô Đan Vu, cuối Tần đầu Hán, họ Loan Thị, năm Tân Nhị Thế nguyên niên, giết cha tự lập, sau đó tăng cường xây dựng nội bộ, mở rộng lực lượng quân sự lớn mạnh, dùng võ lực Đông đánh Đông Hồ, Tây đuổi Nguyệt Thị, Bắc phục Đinh Linh, Nam phạt Lâu Phiên, rồi chiếm lĩnh đất Hà Nam (nay là khu vực Hà Thao) xây dựng lên chính quyền quân sự của chế độ nô lệ lớn mạnh. Đông từ Liêu Hà, Tây vượt Thông Lĩnh, Bắc đến Hồ Bối Gia Nhĩ, Nam đến Dương Sơn, đã có cống hiến vô cùng to lớn trong việc khai phát phía Bắc Trung Quốc, là một nhà mưu lược kiệt xuất của các dân tộc thiểu số thời cổ đại Trung Quốc.

### **BẢN TÊN KÊU, LẬP QUÂN UY, CƯỚP ĐOẠT CHÍNH QUYỀN**

Hung Nô là một dân tộc cổ lão ở phía Bắc Trung Quốc, sống cuộc sống “di chuyển theo chăn nuôi súc vật” lâu dài, không có thành quách thường trú, chẳng có nghề làm ruộng. Toàn dân tộc giỏi cưỡi ngựa và săn bắn, “bé có thể cưỡi cừu, giương cung bắn chim chuột, lớn lên có thể bắn sói thỏ để dùng làm thức ăn”. Phàm khi đủ sức giương cung thì đều “mặc áo giáp cưỡi ngựa cả”. Khi tác chiến “lợi thì tiến, không lợi thì lui, không xấu hổ khi phải chạy trốn”.

Mạo Đốn vốn là thái tử của Đầu Man Đan Vu. Sau vì Đầu Man Đan Vu yêu người thiếp là Át Thị, sinh được một người con trai, muốn phế bỏ Mạo Đốn để lập Thiếu tử, tức thì đã đưa Mạo Đốn tới Nguyệt Thị để làm con tin. Lúc đó Nguyệt Thị tương đối lớn mạnh, thường xuyên tới quấy nhiễu. Hung Nô Đầu Man Đan Vu dẫn quân đánh lại Nguyệt Thị - Nguyệt Thị muốn giết chết Mạo Đốn. Mạo Đốn cưỡi ngựa chạy về Hung Nô. Đầu Man

thấy Mạo Đốn dũng cảm đã hạ lệnh cho Mạo Đốn làm “Tướng Vạn kỵ”. Bởi Mạo Đốn bất mãn với việc Đâu Man đưa mình tới làm con tin ở Nguyệt Thị, quyền chức vừa nắm trong tay, liền chuẩn bị tiến hành báo thù, cướp lấy chính quyền. Vì vậy, trước tiên Mạo Đốn đã huấn luyện quân đội của mình nghiêm khắc chấp hành hiệu lệnh của Mạo. Mạo Đốn đã chế tạo ra một loại mũi tên “Minh địch”, cũng chính là mũi tên kêu. Khi huấn luyện quân đội Mạo Đốn hạ lệnh nói: “Ta dùng mũi tên kêu bắn vào thứ nào, nếu các người không đều bắn vào nó, ta chém đầu!”. Từ sau đó khi săn thú, có tên kỵ binh nào không bắn vào chim thú mà mũi tên kêu đã bắn. Mạo Đốn lập tức đem chúng ra chặt đầu. Có một lần, Mạo Đốn dùng mũi tên kêu bắn vào con ngựa hay của chính mình, có những tên lính dưới quyền không dám bắn, cũng bị Mạo Đốn chặt đầu. Không lâu, Mạo Đốn lại dùng mũi tên kêu tự bắn vào người vợ yêu của mình, có tên lính hoảng hốt lo sợ không dám bắn, cũng như vậy, Mạo Đốn đã chặt đầu tên lính đó. Từ đó về sau, Mạo Đốn xuất quân đi săn, dùng “Minh địch” bắn vào con ngựa hay của cha mình, bọn lính dưới quyền đều cùng bắn theo. Mạo Đốn căn cứ vào đó cho rằng quân lính dưới quyền của mình đều đã có thể tuân theo hiệu lệnh của mình rồi. Tức thì, khi đi theo Đâu Man Đan Vu ra ngoài săn bắn, Mạo Đốn đã dùng “Minh địch” bắn vào cha mình, quân đội liền cũng đều bắn theo. Sau khi giết chết cha rồi, Mạo Đốn lại giết chết dì ghẻ, em trai và các đại thần không phục tùng mình, cướp lấy chính quyền tự lập lên làm Đan Vu.

Mạo Đốn dùng minh địch chỉ rõ mục tiêu công kích đó là một hành động sáng tạo trên mặt chỉ huy. Trong thời đại vũ khí lạnh, sĩ quan chỉ huy chỉ rõ những phương hướng và mục tiêu tấn công thường dùng cờ xí, kỵ binh truyền tin hoặc tự thân hành động. Những phương pháp này sử dụng trên chiến tuyến giăng co cài răng lược có cục diện hạn chế rất lớn. Dùng mũi tên kêu chỉ rõ mục tiêu thì tương đối chuẩn xác, trên một trình độ nào đó, đã khắc phục được cục diện hạn chế này.

**LÀM CHO KẼ ĐỊCH KIÊU NGẠO, ĐỘT PHÁ TẤN CÔNG THẦN TỐC,**

## MỞ RỘNG LÃNH THỔ BIÊN CƯƠNG

Khi Mạo Đốn cướp chính quyền tự lập, Đông Hồ ở phía Đông, Nguyệt Thị ở phía Tây Hung Nô, đều tương đối lớn mạnh. Vua Đông Hồ sau khi nghe nói Mạo Đốn giết cha tự lập, đã cử sứ giả nói với Mạo Đốn, muốn được ngựa thiên lý của Đâu Man. Mạo Đốn và quân thần thương nghị việc này. Các quần thần đều nói: “Thiên lý mã là ngựa quý của Hung Nô, không cho!”. Trái ngược lại, Mạo Đốn nói: - Vì có gì lại yêu một con ngựa hơn một nước láng giềng? Thế rồi liền đem thiên lý mã tới biểu cho vua Đông Hồ. Vua Đông Hồ cho rằng Mạo Đốn sợ sệt Đông Hồ, không lâu lại cử sứ giả tới nói với Mạo Đốn, muốn được người vợ yêu của Mạo Đốn là Át Thị. Mạo Đốn lại triệu tập quần thần tới thương nghị. Các quần thần đều phản nộ, bực tức vô cùng, nói: “Đông Hồ vô đạo, ngông cuồng muốn cướp vợ yêu của Đan Vu ta. Xin cho được tấn công đánh nước chúng!”. Mạo Đốn lại nói: “Vì có gì lại yêu một người đàn bà hơn một nước láng giềng?”. Nói xong liền đem Át Thị dâng lên cho vua Đông Hồ. Vua Đông Hồ càng thêm kiêu ngạo, cảm thấy Hung Nô nhu nhược đáng khinh, do đó đã không ngừng xâm phạm ở phía Tây. Lúc đó, giữa Đông Hồ và Hung Nô có một “mảnh đất bỏ hoang” ước khoảng hơn ngàn dặm (cả hai bên đều không có sự quản lý thực tế). Vua Đông Hồ sai sứ giả tới nói với Mạo Đốn: “Mảnh đất bỏ này, Hung Nô các người cũng chẳng có năng lực khống chế, ta muốn chiếm giữ nó!”. Mạo Đốn lại trưng cầu ý kiến của quần thần. Có người chủ trương không cho; có người cho rằng “mảnh đất bỏ đi” này chẳng có tác dụng gì, cho Đông Hồ cũng được. Mạo Đốn bỗng nhiên vô cùng bực tức nói: “Đất đai là nền tảng của quốc gia, sao lại có thể cho nước khác được?”. Tức thì liền đem toàn bộ số đại thân cho rằng nên biểu “mảnh đất bỏ đi” đó cho Đông Hồ lôi ra giết chết hết. Trên thực tế, lúc này Mạo Đốn cho rằng chính quyền của mình đã được củng cố. Đông Hồ cũng vì quá kiêu ngạo mà khinh thường Hung Nô, thời cơ chinh phạt Đông Hồ đã chín muồi. Tức thì, Mạo Đốn hạ lệnh:

"Trong nước có kẻ nào lười đem chém hết!", bản thân mình cười ngựa đi đầu, dẫn đoàn kỵ binh tấn công thần tốc Đông Hồ về phía Đông. Đông Hồ

cho rằng Hung Nô yếu đuối, căn bản không có phòng bị gì. Mạo Đốn dẫn quân thần tốc kéo tới Đông Hồ, một trận đánh đã giành được thành công, đã bắt sống được một khối lượng lớn nhân khẩu và tài sản gia súc, tiêu diệt được sự uy hiếp của phương Đông, mở rộng lãnh vực biên cương.

Sau khi tiêu diệt xong Đông Hồ, Mạo Đốn lại kéo quân Tây chinh tiến công Nguyệt Thị, bắt Nguyệt Thị rời về phía Tây hành lang Hà Tây; đồng thời còn chinh phục được hơn hai chục nước như Lô Lan, Ô Tôn v.v... đã khống chế được khu vực đất đai rộng lớn vùng Tây vực. Sau đó lại thôn tính vua các nước Lô Phiên, Bạch Dương, Hà Nam v.v... ở phía Nam, đã chiếm lĩnh được Hà Nam chĩa mũi nhọn sang vùng đất Triều Đô (nay là phía Đông Nam Cổ Nguyên Cam Túc), Phu Thi (nay là phía Nam Du Lâm, Thiểm Tây) và các quận Yển, Đại; còn chinh phục một số nước nhỏ ở phía Bắc. Như vậy, địa bàn thống trị của Mạo Đốn đã mở rộng được một vùng đất rộng lớn Đông tới tận Liêu Hà, Tây vượt Thông Lĩnh, Nam tới Âm Sơn, Bắc tới Hồ Bối Gia Nhĩ; hơn thế, đã có “hơn ba mươi vạn binh sĩ điều khiển cung tên”, trở thành quốc gia theo chế độ nô lệ lớn mạnh chưa từng thấy ở phương Bắc Trung Quốc.

## **XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ,**

### **ĐỊNH RA PHÁP LUẬT, CÙNG CỐ CHÍNH QUYỀN**

Sau khi Mạo Đốn thống nhất được khu vực biên cương phía Bắc, đã tiến hành một số cải cách đối với chế độ vốn có của Hung Nô, rồi chế định ra một số pháp luật tất yếu.

Mạo Đốn quy định: Đan Vu là người thống trị tối cao của Hung Nô, tổng chỉ huy nắm giữ đại quyền quân sự, chính trị của cả nước. Dưới Đan Vu đã lập ra tả hữu hiền vương, tả hữu lão vương, tả hữu đại tướng, tả hữu đại đô úy, tả hữu đại dương hộ, tả hữu cốt đô hậu. Ở dưới tả hữu hiền vương lập ra tổng cộng có 24 “trưởng”, mỗi người dẫn đầu một bộ kỵ binh. Bộ lớn có vạn kỵ binh, bộ nhỏ có mấy nghìn kỵ binh, thế nhưng được thống nhất gọi là “Vạn kỵ”. Ở dưới các vạn kỵ trưởng lập ra các chức quan thiên trưởng,

bách trưởng, thập trưởng, tì tiểu vương, tướng, phong đô úy, đương hộ, thả cừ v.v... Các quan đại thần đều được truyền đời.

Mạo Đốn đem khu vực đất đai thống trị, chia làm ba bộ phận lớn: Trung Bộ do Mạo Đốn Đan Vu trực tiếp khống chế, quản lý khu vực phía Bắc Cốc quận Hán Thượng (vùng Đông Nam Hoài Nhu Đông Bắc ngày nay), Thương Quận (vùng Đông Nam Du Lâm Thiểm Tây ngày nay). Đông bộ do Tả hiền vương thống trị, quản hạt từ phía Bắc Cốc quận hướng về phía Đông kéo dài tới khu vực phía Tây Uế Lạc, Triều Tiên. Tây bộ do hữu hiền vương thống trị, quản hạt thượng quận từ phía Bắc tới phía Tây kéo dài tới khu vực phía Đông Nguyệt Thị, Thị Khương.

Tháng giêng mỗi năm. thủ lĩnh các bộ hội tụ ở triều đình vua Đan Vu để thương nghị các việc đại sự năm đó. Tháng năm đại hội ở Long Thành (gồm những bên cạnh phía Tây Vạn Hà Ngạc Nhĩ và hồ Sài Đạt Mộc Mông Cổ ngày nay) để cúng tế tổ tiên và thiên địa quỷ thần. Đến mùa thu, người khỏe ngựa béo, cử hành hội thao đại quy mô để kiểm duyệt tình hình chuẩn bị chiến tranh của kỵ binh.

Mạo Đốn còn đặt ra một số pháp luật giản đơn. Ví dụ như quy định kẻ dùng dao giết người phải xử tử; kẻ ăn cắp của cải tài sản của người khác thì cả nhà phải xuống làm nô lệ. Tội nhẹ thì dùng dao khắc trên mặt, tội nặng thì bị xử tử v.v... Để cổ vũ lòng dũng cảm chiến đấu, Mạo Đốn quy định: chém được đầu thủ lĩnh của giặc, được tặng một bình rượu, của cải cướp được thuộc về mình, người bắt được tù binh được dùng làm nô lệ cho mình.

Những chế độ và pháp luật này do Mạo Đốn đặt ra, đã kiện toàn một cách mạnh mẽ chế độ nô lệ của Hung Nô. Những chế độ này đã được tồn tại liên tục suốt mấy trăm năm ở biên cương phía Bắc Trung Quốc, đã sản sinh ra những ảnh hưởng vô cùng to lớn trong lịch sử Trung Quốc và các nước châu Á.

**VỜ YẾU KÉM, VÂY BẠCH ĐĂNG,  
UY LỪNG QUÂN HÁN**



Sau khi Lưu Bang bước đầu ổn định xong Trung Quốc, đã cử Hàn Vương Tín tới Mã Ấp (nay là huyện Sóc tỉnh Sơn Tây) phụ trách việc phòng vệ quận Đại.

Năm thứ sáu Hán Cao Tổ (năm 201 trước Công nguyên), Mạo Đốn dẫn quân Nam tiến, đã bao vây Mã Ấp, Hàn Vương Tín đã đầu hàng. Mạo Đốn liền ra lệnh cho Hàn Vương Tín làm người đi trước dẫn đường, tiếp tục đưa quân tiến về phía Nam, vượt qua núi Cú Chú (nay là phía Tây Bắc huyện Đại tỉnh Sơn Tây), tấn công quận Thái Nguyên đến dưới chân thành Tấn Dương (nay là Nguyên Trấn nam Tấn Thái Nguyên Sơn Tây). Quân của Hàn Vương Tín kéo tới Đồng Thị (nay là huyện Tiết tỉnh Sơn Tây). Năm thứ bảy, Cao Tổ (năm 200 trước Công nguyên), đầu năm Lưu Bang thân dẫn đại quân xuất chinh, đại phá Hàn Vương Tín ở Đồng Thị, tiến vào Tấn Dương, tiếp tục truy kích lên phía Bắc. Chính gặp lúc gió thổi tuyết rơi, trời đông giá lạnh. Các tướng sĩ của Hán ở Trung Nguyên lâu, không thích hợp với hoàn cảnh quá khắc nghiệt của khí hậu này, có tới hai ba phần mười quân lính lạnh cóng rụng mất ngón tay. Mạo Đốn tìm hiểu được tình hình này, giả vờ thất bại rút chạy, đồng thời để quân đội tinh nhuệ ẩn nấp ở nơi kín đáo, lưu lại một số người già nua ốm yếu để mê hoặc và dụ dỗ quân Hán. Lưu Bang không biết đó là kế, ra lệnh cho toàn bộ 32 vạn quân Hán (trong đó đa số là lính bộ binh) tiếp tục truy kích lên phía Bắc. Lính kỵ binh do đích thân Lưu Bang soái lĩnh đã tiến đến Bình Thành (nay là vùng Đông Bắc Đại Đồng, Sơn Tây), lính bộ binh còn chưa kéo tới hết. Thế mà trong lúc này 40 vạn kỵ binh do Mạo Đốn dẫn đầu đã mai phục sẵn ở khu vực phía Bắc Bình Thành. Khi Lưu Bang dẫn quân tới Bạch Đăng gần Bình Thành (cách 30 dặm về phía Đông Bắc Đại Đồng, Sơn Tây ngày nay), Mạo Đốn lập tức chỉ huy quân mai phục bao vây chặt Lưu Bang ở trên núi Bạch Đăng. Những kỵ binh của Mạo Đốn chỉ huy, quân ở phía Tây núi Bạch Đăng đều cưỡi ngựa trắng, quân ở phía Đông đều cưỡi ngựa xanh, quân ở phía Nam đều cưỡi ngựa vàng, quân ở mặt Bắc đều cưỡi ngựa đen. Trên nét mặt quân lính đều trang nghiêm tề chỉnh. Lính bộ binh của quân Hán bảy ngày sau mới có thể tới nơi được. Lưu Bang ngoài không có lính cứu viện,



trong chẳng có lương ăn, đành phải cử sứ giả đem lễ vật hậu bí mật tới hối lộ người vợ của Mạo Đốn là Át Thị. Sau khi nhận của hối lộ, Át Thị nói với Mạo Đốn: “Hai chủ không nên gây khốn cho nhau. Cho dù có được địa bàn của triều Hán thì cuối cùng Đan Vu cũng không thể khống chế nổi. Hơn thế Hán Vương cũng có thần linh phù hộ. Xin Đan Vu suy nghĩ cho kỹ”. Lúc này, quân lính của Vương Hoàng, Triệu Lợi tướng lĩnh của Hàn Vương Tín vốn có ước định cùng hợp tác đánh quân Hán với Mạo Đốn chưa kéo đến theo đúng kỳ hạn, Mạo Đốn nghi ngờ họ có mật mưu với quân Hán, do vậy đã nghe theo lời khuyên của Át Thị, giải vây cho một góc, thả cho Lưu Bang rút chạy.

Sau đó, Mạo Đốn lại một lần nữa dẫn quân tấn công Đại (trụ sở tại phía Tây Nam huyện Úy tỉnh Hà Bắc ngày nay) hơn thế, thỉnh thoảng lại tấn công các quận ở bên cạnh như Nhạn Môn (nay là phía Nam Hữu Ngọc, Sơn Tây). Vân Trung (nay là Đông Bắc Thái Khắc Thái nội Mông Cổ) để cướp bóc của cải. Lưu Bang đã sử dụng kiến nghị của Lưu Kính, tiến hành chính sách hòa thân đối với Hung Nô, dùng tông thất Nữ Vi công chúa gả cho Đan Vu, rồi kết làm anh em với Mạo Đốn, hàng năm đem các đồ vật như tơ lụa, gấm vóc, rượu gạo v.v... tới biểu tặng. Thế nhưng các cuộc xung đột với quy mô nhỏ ở vùng biên giới hai bên vẫn còn chưa chấm dứt. Năm thứ sáu Hán Văn Đế (năm 174 trước Công nguyên) Mạo Đốn qua đời.

## 36. TRẦN THẮNG

### GIẤU THƯ TRONG BỤNG CÁ, PHẤT CAO CỜ KHỞI NGHĨA

Trần Thắng tự là Thiệp, người Dương Thành (huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam ngày nay). Năm sinh không rõ, mất năm 209 trước Công nguyên. Trần Thắng cùng với Ngô Quảng đã vén lên bức màn nông dân đại khởi nghĩa đầu tiên trên lịch sử Trung Quốc. Ông đã là một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa kiệt xuất và cũng là một nhà mưu lược chính trị có chí hướng cao xa và trí tuệ thông minh.

#### CHÍ HƯỚNG CỦA CHIM HỒNG, CHIM HỘC

Căn cứ vào ghi chép của “Sử ký”, Trần Thắng xuất thân từ nông dân, gia cảnh rất nghèo, thời niên thiếu đã phải đi cày thuê cho người để kiếm ăn. Thế nhưng ông là người thân nghèo nhưng chí lớn, rất muốn làm nên công trạng gì. Ngoài thời gian cày ruộng, ông thường than vãn cuộc đời, có lúc âu sầu, có khi khăng khái hùng hồn. Có một lần ông đang nghỉ sau giờ lao động, ngồi trầm mặc suy tư ở trên bờ ruộng, bỗng nhiên thủ thỉ nói một mình: “Giả sử có một ngày nào đó ta phất lên, trở thành người phú quý. Ta sẽ không quên những người anh em nghèo khổ!”. Những người bạn cùng cày ruộng với ông, sau khi nghe xong đều lấy làm lạ, còn cười cợt chế giễu ông:

“Anh chỉ là người nông dân làm thuê kiếm sống, lấy đâu ra phú quý mà bàn? Phải chăng là anh nói ba hoa khoác lác?”. Đối với những chuỗi cười chế giễu của mọi người, Trần Thắng vô cùng nuối tiếc xót xa, ông buồn rầu sâu sắc nói: “Than ôi, chim én chim sẻ đâu biết được chí của chim hồng, chim hộc”. Người có chí tất thành đại sự. Không lâu, Trần Thiệp đã dùng hành động thực tế của mình, chứng thực lời nói hùng tráng của ông với mọi người, không phải là lời nói ba hoa của người điên mà là sự biểu đạt ý nguyện lớn lao và lòng quyết tâm của ông.

## RÁP MƯU ĐỒ CHỜ THỜI CƠ

Trần Thắng sống trong thời loạn lạc vào những năm cuối đời Tần. Do vì cuộc chinh chiến liên miên đối với nước ngoài của vương triều nhà Tần, cộng thêm nền chính trị hủ bại của Tần Nhị Thế Hồ Hợi, cuộc sống trong cung đình vô cùng xa xỉ dâm dục, để duy trì ách thống trị vô cùng nguy ngập, họ đã không ngừng thắt chặt sự đè nén bóc lột đối với nhân dân quần chúng, sưu cao thuế nặng, hình phạt tàn khốc. Nhân dân sống trong nước sôi lửa bỏng, thực sự không thể chịu được nổi. Ý chí phản nộ và chống đối, ví như một đồng củi khô, chỉ cần có một đốm lửa làm ngòi, liền sẽ cháy bùng lên thành bể lửa lớn. Trần Thắng đã sống trong hoàn cảnh như vậy. Ông ngấm ngấm hạ quyết tâm phải làm người châm ngòi. Ông đang chờ đợi thời cơ.

Tháng 7 Tần Nhị Thế nguyên niên (năm 209 trước Công nguyên), Trần Thắng bị trưng dụng đi phục dịch, cùng với chín trăm người nông dân cùng khổ, bị phát vãng đi biên giới Ngự Dương (nay là vùng Tây Nam huyện Mật Vân thành phố Bắc Kinh). Dưới sự áp giải của bọn quan lại nhà Tần, họ đến đóng ở làng Đại Trạch (vùng Tây Nam huyện Túc tỉnh An Huy ngày nay), gặp lúc trời mưa to, đường sá bị ngập lụt, không còn cách nào có thể đi được, chẳng thể tới địa điểm đúng hạn định. Dựa theo pháp luật quy định tàn khốc của nhà Tần, phạm những binh lính và dân chúng đi canh giữ biên cương, kẻ nào không tới đúng kỳ hạn, nhất loạt bị chém đầu. Giữa lúc sống chết treo trên sợi tóc, trong nguy cấp mưu kế nảy sinh, Trần Thắng bỗng nhiên hoạch định việc khởi nghĩa. Ông nói với người bạn là Ngô Quảng rằng:

- Cảnh ngộ mà chúng ta gặp phải ngày hôm nay không đi thì chết, bỏ chạy trốn đi, cũng là con đường chết. Khởi sự làm theo đại kế có lẽ cũng sẽ chết. Tất cả đều là con đường chết. Sao chúng ta không biết chọn cái chết vì đất nước. Như vậy chẳng phải là càng có giá trị hay sao?

Trần Thắng tuy không có văn hóa, cũng chẳng nói ra được nhiều đạo lý nào. Thế nhưng ông hiểu được giá trị của đời người, ông chẳng những đã

suy tính mưu kế cho sự sinh tồn của mình, mà còn suy tính mưu kế cho đông đảo quần chúng lao khổ. Cũng chỉ có như vậy, cuộc đời mới càng có ý nghĩa, cho dù có chết cũng có giá trị.

## **ĐỘI DANH NGHĨA THUYẾT PHỤC QUẦN CHÚNG**

Trần Thắng mưu hoạch công việc khởi nghĩa là sự kiện có bối cảnh xã hội sâu sắc. Từ Trần Thắng mà nói, cũng tuyệt đối không phải là sự manh động theo cảm tính nhất thời, mà là có sự chuẩn bị tư tưởng rất đầy đủ. Ông chẳng những có “chí của chim hồng, chim hộc” mà đã có sự tìm hiểu sâu sắc đối với tình hình xã hội, chính trị và nỗi đau khổ của quần chúng nhân dân lúc đó. Do vậy tư tưởng mưu lược liêu chết khởi nghĩa mà ông hiệu triệu cũng rất sâu sắc. Ông hiểu được, nếu muốn việc lớn thành công thì cần phải có sự hưởng ứng và ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân. Thế nhưng, lấy gì để hiệu triệu mọi người? Chỉ dựa vào một người nông phu, một tên tốt đi thú giữ biên cương của mình, rõ ràng là không thể được. Lúc đầu, bản thân ông đã than thở một tiếng “nếu được phú quý, ta sẽ không quên anh em”, mọi người đều còn cười ông là không biết tự lượng sức mình. Bây giờ nếu muốn thực sự làm nên sự nghiệp, mà lại dùng biện pháp không làm cho mọi người tin phục, thì điều đó khẳng định cũng sẽ thất bại. Trần Thắng không hổ thẹn là một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa có mưu lược kiệt xuất. Khi bàn định mưu lược kế hoạch khởi nghĩa với Ngô Quảng, ông đã hiển kế nói: “Nổi thống khổ do sưu cao thuế nặng, do hình phạt lao dịch mà nhân dân khắp đất nước phải gánh chịu dưới vương triều nhà Tần, đã tới một mức độ khó có thể chịu đựng nổi nữa. Thế nhưng Tần Nhị Thế Hồ Hợi vẫn còn đang tăng cường xây dựng cung điện, đè nén áp bức quần chúng lao khổ. Tôi nghe nói Hồ Hợi là con nhỏ của Tần Thủy Hoàng. Bản thân Hồ Hợi không đủ tư cách để kế thừa ngôi hoàng đế. Người nên kế thừa ngôi hoàng đế phải là Hoàng thái tử Phù Tô. Thế nhưng bởi vì Phù Tô thường xuyên khuyên can Tần Thủy Hoàng thi hành thiện chính, cho nên hoàng thượng không thích Phù Tô, đã đưa Phù Tô dẫn binh tới biên cương. Nghe nói bản thân Phù Tô không có tội, nhưng lại bị Tần Nhị Thế giết chết. Bà con dân chúng đều biết Phù Tô là một Thái tử rất

thông minh tài giỏi, thế nhưng vẫn còn chưa biết đến Thái tử đã bị giết hại. Còn có một vị danh nhân tên gọi là Hạng Yến (tức là ông nội của sớ Bá Vương Hạng Vũ), ông vốn là một danh tướng của nước Sở, rất giỏi đánh trận đã lập được rất nhiều công lao, lại rất yêu quý binh lính, mọi người nước Sở đều rất yêu quý ông. Hiện tại nhân dân có người cho rằng ông đã chết, có người cho rằng ông đã chạy trốn ra nước ngoài. Nếu chúng ta tự xưng là Công tử Phù Tô và Hạng Yến, kêu gọi dân chúng khắp thiên hạ, thì nhất định sẽ có rất nhiều người hưởng ứng!”. Chủ trương của ông đã phù hợp với lòng dân lúc đó. Ngô Quảng cho rằng có thể được, đã đồng ý lập tức khởi sự.

### **MƯỢN SỰ HỖ TRỢ CỦA QUÝ THẦN**

Thời cổ đại nhân dân đều rất tin tưởng vào quý thần, vua chúa và tướng lĩnh cũng như vậy, dân chúng cũng như vậy. Lúc đó văn hóa, khoa học còn chưa phát đạt, trong dân chúng rất thịnh hành dùng quý thần để giải thích các loại hiện tượng tự nhiên và xã hội. Trần Thắng đã tin tưởng và quý thần cũng rất hiểu biết cách mượn sức mạnh của quý thần giúp đỡ để thành tựu đại nghiệp của mình. Sau khi trải qua cuộc hoạch định kế hoạch, Trần Thắng và Ngô Quảng lại tìm được một người thầy bói hành nghề xem bói quẻ. Người thầy bói này cũng rất thông minh, ông ta đã biết được dụng ý của Trần Thắng và Ngô Quảng, liền nói: “Sự nghiệp của các ngài có thể thành công được, hơn thế còn có thể lập được công lao to lớn cho dân chúng. Có điều là các ngài đã hỏi qua thần binh chưa?”. Nghe xong, Trần Thắng, Ngô Quảng vô cùng sung sướng. Trần Thắng lập tức nghĩ tới kế “niệm thần chú”, ông nói một cách bộc tuệch rằng: “Đó là ngài muốn bắt chúng tôi lợi dụng quý thần tuyên truyền trong quần chúng để giành lấy uy tín có phải không?”

Thế rồi ông lập tức bắt đầu hành động. Ông đã dùng mực son đỏ viết trên lụa trắng ba chữ lớn “Trần Thắng Vương”, thế rồi sai người đem bức “Đan thư” - tờ giấy viết chữ đỏ - nhét vào trong bụng cá rồi đem con cá đó đặt vào trong lưới cá, để cho một ngư dân đem lên chợ bán. Khi tên lính thú phụ trách việc nấu ăn, mua cá về làm thịt phát hiện ra bức “Đan thư” ở

trong bụng cá, không biết được đó là kế của Trần Thăng, lại thực sự cho rằng “Đan thư” vốn có sẵn ở trong bụng cá, nên cảm thấy vô cùng kinh sợ, liền đi khắp nơi tuyên truyền sự kiện “kỳ quái” này. Đồng thời với việc đó, Trần Thăng lại để cho Ngô Quảng, lặng lẽ đi vào trong một miếu hoang ở gần doanh trại, nhân lúc đêm khuya không có người, đốt lửa cháy lên, bắt chước tiếng kêu gào của chó sói, gào thét âm lên: “Đại Sở hưng, Trần Thăng Vương!”. Các binh lính canh giữ biên cương đang trong giấc mộng ngủ say bị tiếng gào thét làm kinh động, thức tỉnh, vô cùng kinh hoàng hoảng sợ. Sáng sớm ngày hôm sau, bọn lính thú ngủ dậy, chúng ghé sát vào tai nhau thì thầm to nhỏ, đưa những ánh mắt kinh ngạc nhìn về phía Trần Thăng. Đây chính là lai lịch “Ngư phúc tàng thư” - thư ẩn trong bụng cá.

### **MƯU KẾ THÀNH SỰ NGHIỆP**

Trải qua một thời gian trù liệu kế hoạch khẩn trương, công tác chuẩn bị khởi sự cơ bản đã xong. Hiện tại điều trở ngại lớn nhất là sẽ xử trí thế nào với bọn quan lại nhà Tần dẫn lính tới biên cương. Trần Thăng không những có mưu sâu, mà vấn đề quan sát cũng rất tinh tế. Ông chú ý tới quan hệ nhân duyên của Ngô Quảng tốt, các binh lính đều thích thú tiếp cận với ông, lắng nghe sai bảo của ông, ông có thể sử dụng chúng được. Tức thì Trần Thăng quyết định để cho Ngô Quảng đối phó với bọn quan lại nhà Tần. Biện pháp cụ thể của ông là: Lợi dụng uy tín của Ngô Quảng trong quần chúng, cố ý khích động bọn quan lại nhà Tần bức tức trừng trị Ngô Quảng, dùng việc đó để kích thích quần chúng bất mãn đối với bọn quan Tần, thế rồi lấy đó mượn cớ thừa cơ hội giết chết bọn quan Tần, rồi kêu gọi tất cả mọi người cùng đứng dậy khởi nghĩa chống Tần.

Ngô Quảng cứ thi hành theo kế. Khi bọn quan lại nhà Tần uống rượu say túy lúy, Ngô Quảng nhiều lần cố ý rêu rao rằng sẽ chạy trốn, khiến cho bọn quan Tần vô cùng tức giận. Bọn quan Tần liền trách móc chửi mắng làm nhục Ngô Quảng, còn số lính thú thì lại rất bất mãn với hành vi của quan Tần, họ nổi dậy từng đoàn la hét om sòm. Bọn quan Tần càng bức tức, nâng cao roi đánh Ngô Quảng. Có một tên quan còn tuốt kiếm định giết chết Ngô Quảng.

Ngô Quảng vùng lên cướp lấy kiếm của quan Tần, chỉ trong chốc lát đã giết chết mấy tên. Trần Thắng đã sớm chờ ở đó, cùng vung tay giết chết hai tên quan Tần rồi kêu gọi mọi người: “Thưa các vị, bởi vì gặp phải thời tiết trời mưa to, tất cả chúng ta đều không thể tới giữ biên cương theo đúng kỳ hạn được, sai kỳ hạn đều sẽ bị giết chết hết. Cho dù không bị giết chết, những người đi canh giữ biên cương cũng mười người chết tới sáu, bảy. Chúng ta đều là tráng sĩ, đã không chết thì thôi, có chết cũng phải chết cho ra trò, lưu lại trên đời một thanh danh tốt đẹp. Bọn vương hầu tướng lĩnh kia có lẽ nào do trời sinh ra?”. Lúc này tất cả lính thú đều giơ tay hô to: “Chúng tôi kính phục ngài, xin tình nguyện nghe theo mệnh lệnh của ngài!”. Tức thì Trần Thắng đã làm theo mưu kế đã bàn trước với Ngô Quảng giả xưng làm Công tử Phù Tô, Hạng Yển để thực hiện nguyện vọng của nhân dân, phát cao cờ khởi nghĩa. Trần Thắng còn để lộ ra cánh tay phải tự xưng là Đại sở. Tiếp liền sau đó lập đàn tuyên thệ, còn dùng thủ cấp của quan Tần để tế thần cúng trời, Trần Thắng tự lập làm tướng quân, Ngô Quảng làm đô úy.

Cử chỉ hùng tráng của Trần Thắng, Ngô Quảng đã được đông đảo quần chúng nhân dân tích cực hưởng ứng, nông dân ở khắp mọi nơi đều hăng hái “chặt cây làm lính, phát cờ khởi nghĩa”, giương cao ngọn cờ lớn khởi nghĩa chống Tần. Có những chư hầu sĩ đại phu cũng đi theo cuộc khởi nghĩa chống Tần, quay mũi giáo ủng hộ Trần Thắng và Ngô Quảng. Quân khởi nghĩa của Trần Thắng càng ngày càng lớn mạnh, rất nhanh chóng đã hạ được làng Đại Trạch, tiếp đó đã hạ phá được đất Kỳ (phía Tây Nam huyện Túc tỉnh An Huy ngày nay), lại cất quân thẳng tiến tới Hoàn Bắc, Hà Nam, chờ khi đánh tới Trần (huyện Hoài Dương tỉnh Hà Nam ngày nay), nghĩa quân của Trần Thắng đã phát triển tới sáu bảy trăm chiếc xe, hơn một ngàn lính kỵ binh, số binh lính có tới mấy vạn người. Sau khi Trần Thắng đánh được huyện thành của Trần, đã triệu tập tam lão (chức quan do nhà Tần đặt ra ở trong làng xã để phụ trách việc giáo hóa) ở nơi đó tới dự họp để thương nghị việc đại sự. Các bậc tam lão và hào kiệt đều nhất trí kiến nghị ông tự lập lên làm vua. Họ nói: “Tướng quân thân khoác áo giáp tay cầm

vũ khí, trừ vô đạo, diệt bạo Tần, xây dựng lại xã tắc nước Sở, công lao ấy đáng được làm vua”. Và như vậy, Trần Thắng được tiến cử lên làm vua, xây dựng lên chính quyền nước Sở, dựng nước, lấy hiệu là Trương Sở. Không lâu, Trần Thắng phong Ngô Quang làm giả vương (phó vương) dẫn quân Tây tiến đánh Tần, vấp phải sự đánh trả của tướng Tần là Chương Hàm nên đã thất bại. Sau đó, do vì sự làm phản của các chư hầu, Trần Thắng lại thiếu kinh nghiệm cai trị, cùng với các nguyên nhân khác như sự lục đục mâu thuẫn trong nội bộ quân khởi nghĩa, cuối cùng đã dẫn tới thất bại.

Từ việc mưu đồ lập kế hoạch khởi nghĩa tới việc xưng vua lập quốc, rồi thất bại, tuy trước sau chỉ có nửa năm trời, thế nhưng sự nghiệp mà Trần Thắng đề xướng ra đã có ảnh hưởng cực kỳ to lớn và sâu sắc đối với người đời sau.



## 37. LƯU BANG

### TRÍ RỘNG NGỪA BỐN BIÊN, NHÌN XA VỮNG BA ĐỜI

Lưu Bang (năm 256 - 195 trước Công nguyên), lãnh tụ cuộc khởi nghĩa nông dân cuối đời Tần, là hoàng đế khai quốc thời Tây Hán. Ông ở ngôi từ năm 202 trước Công nguyên tới năm 195 trước Công nguyên, tự là Quý, người làng Trung Dương, ấp Phong, huyện Bái cuối thời kỳ Chiến Quốc (phía Đông huyện Bái tỉnh Giang Tô ngày nay). Ông là người giàu nghĩa khí, trọng hữu nghị, khoan hồng độ lượng. Vào khoảng 30 tuổi ông nhậm chức Đình trưởng Tứ Thượng, tương đương với chức giám đốc sở chiêu đãi. Từng tới phục dịch ở quốc đô Hàm Dương, trông coi việc Tần Thủy Hoàng xuất hành, cảm khái nói: “Trời ơi, trai nam nhi đại trượng phu phải nên như vậy mới đúng!”. Có thể nhìn thấy thời trai trẻ Lưu Bang đã ôm ấp hoài bão rất lớn lao.

Tần Nhị Thế nguyên niên (năm 209 trước Công nguyên), sau khi Trần Thắng, Ngô Quảng phát động cuộc khởi nghĩa, được sự giúp đỡ của Tiêu Hà, Tào Sâm v.v... các quan lại ở Bái, Lưu Bang đã cất quân hưởng ứng, xưng là Bái Công. Sau khi Trần Thắng chết, quân khởi nghĩa do Lưu Bang và Hạng Võ lãnh đạo đã cùng tiến đánh Tần. Năm 206 trước Công nguyên lần đầu tiên Lưu Bang tiến công vào đô thành Hàm Dương, lật đổ ách thống trị của triều Tần. Cùng năm ấy, Lưu Bang được Hạng Võ phong làm Hán Vương, chiếm cứ một vùng Ba Thục, Hán Trung, sau đó đã cùng Hạng Võ tiến hành cuộc chiến tranh giành giật dài suốt bốn năm, tức là cuộc “Chiến tranh Hán Sở”. Năm 202 trước Công nguyên, Lưu Bang, cuối cùng đã đánh bại Hạng Võ ở Cai Hạ, lên làm Hoàng đế xây dựng lên vương triều Tây Hán. Trong thời Tần Hán, cuộc đấu tranh chính trị và cuộc đấu tranh quân sự phức tạp đã chứng tỏ, Lưu Bang không những chỉ là một nhà chính

trị xuất sắc trong thời đại phong kiến mà còn là một vị thống soái quân sự kiệt xuất nữa.

## **THUẬN VỚI LÒNG DÂN, THIÊN HẠ TIN THEO**

Trong số đông đảo nghĩa quân ở cuối thời Tần, Lưu Bang là người đầu tiên tiến vào Quan Trung, lật đổ triều đình nhà Tần. Sau khi Lưu Bang khởi nghĩa, lực lượng của ông còn tương đối nhỏ yếu, mà đã phải đối mặt với kẻ thù, là vương triều nhà Tần hùng mạnh. Sự liên minh với các nghĩa quân khác cũng không được lâu dài, sau khi lật đổ triều đình nhà Tần, ông cũng còn phải đối mặt với sự nguy hiểm bị tiêu diệt của các thế lực khác. Đối với những tình huống này, Lưu Bang hiểu rất rõ. Lưu Bang đã đích thân từng trải qua cuộc chuyển biến lớn của lịch sử nước Tần từ thời Chiến Quốc tới khi thống nhất với bao nhiêu chiến loạn liên miên. Do vì ông sống ở tầng lớp dưới, đối với chính sách hà khắc của bạo Tần nên đã có những cảm xúc rất sâu sắc. Tất cả những điều đó đã khiến ông nhận thức sâu sắc được rằng, muốn khiến cho mình không đứng vào thế thất bại, thì cần phải đoàn kết nhân dân, thuận theo lòng dân. Tần Vương tàn bạo và Hạng Võ hung hãn ngang ngạnh, về mặt này đã hình thành một sự so sánh rất rõ rệt với Lưu Bang, càng chứng tỏ trí tuệ siêu nhân của Lưu Bang.

Từ lúc khởi nghĩa ban đầu cho tới khi xây dựng được triều đình nhà Hán, Lưu Bang luôn luôn coi việc có thuận theo lòng dân hay không là chuẩn mực của mọi quyết sách. Lúc khởi nghĩa đầu tiên, bởi vì Lưu Bang đã thả cho một loạt tù phạm do ông áp giải tới phục dịch lao động khổ sai ở Lệ Sơn, có một số tù phạm đã cảm kích tấm lòng tốt của ông, đã mong muốn được đi theo ông, ông đã dẫn số người này chạy trốn vào trong núi Mang Đãng. Tới khi Trần Thắng khởi nghĩa, Lưu Bang đã có sẵn đội ngũ đầy sắc thái chống Tần, gồm mấy trăm người. Khi ông vạch kế hoạch khởi nghĩa ở huyện Bái, trước hết ông đã tuyên truyền cho nhân dân huyện Bái biết rằng “Thiên hạ khổ sở vì Tần đã lâu rồi” v.v... rồi kêu gọi nhân dân vùng lên chống lại ách thống trị phản động của vương triều nhà Tần. Nhân dân trong

thành đã giết chết huyện lệnh, mở rộng cửa thành, đón quân đội của Lưu Bang vào, khiến cho nghĩa quân được mở rộng thêm một bước, quân số lên tới ba ngàn người. Lưu Bang đã giết chết tham quan ô lại, phản đối bạo Tần, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, cho nên ông đã không ngừng giành được thắng lợi. Quân đội do ông chỉ huy cũng không ngừng được bổ sung rộng rãi.

Trong quá trình tiến quân vào Quan Trung, Lưu Bang đã thông báo ra lệnh cho toàn quân nghiêm cấm cướp bóc, điều này đã hình thành một sự so sánh rõ rệt đối với sự tàn hại nhân dân của quân Tần và sự hạch sách quấy nhiễu của không ít số nghĩa quân chống Tần, đã thu được hiệu quả tốt đẹp khiến cho “Tần dân đại hỉ”, đã thu hút được lòng dân. Lưu Bang có thể vào Quan Trung trước, bức buộc Tử Anh đầu hàng, có thể nói là lòng dân đã hướng về, xu thế sẽ lớn mạnh.

Sau khi tiến quân vào Quan Trung, Lưu Bang tuyên bố phế bỏ luật pháp hà khắc của triều đình nhà Tần, cũng quy định ba chương luật pháp với các phụ lão của đất Tần: “Kẻ giết người phải chết, làm bị thương người và cướp của phải đền tội”. Sau khi pháp luật mới ban bố dân chúng vui mừng nhảy múa, họ hăng hái đem bò dê rượu thịt đến úy lạo tướng sĩ của Lưu Bang. Lưu Bang lại ra lệnh cho quân lính không được thu nhận số lễ vật này, để tránh khỏi sự gia tăng gánh nặng đóng góp của dân chúng. Và như vậy, nhân dân Quan Trung càng ủng hộ nghĩa quân của Lưu Bang, điều hoảng sợ duy nhất của họ là ông không làm vua ở Quan Trung. Ba chương luật pháp đã có tác dụng cực kỳ lớn là ổn định được lòng dân và tranh thủ được lòng dân.

Lưu Bang vốn dĩ là con người tham tài háo sắc, sau khi vào Quan Trung không lấy của cải, không đam mê gái đẹp, mục đích của ông chính là xác định cho mình một hình ảnh tốt đẹp, tranh thủ được lòng dân ở mức độ lớn nhất. Còn Hạng Võ, trong cuộc chiến tranh chống Tần đã không ngừng giết chóc dân chúng trong thành, khiến cho nhân dân vô cùng oán hận, chính sau bữa tiệc ở Hồng Môn, Hạng Võ đã không tiến vào Hàm Dương, mà tiến hành cuộc tàn sát giết chóc lớn, đốt cháy cung A Phòng, làm mất lòng dân

chúng. Còn Lưu Bang với lực lượng nhỏ bé, lại không ngừng được nhân dân ủng hộ. Việc thực thi tư tưởng mưu lược thuận theo lòng dân của Lưu Bang, không những đã đoàn kết được nhân dân mà còn cô lập và phân hóa được kẻ thù.

## **HIỂU NGƯỜI GIỎI TRAO CHỨC VỤ, NGHE THEO LỜI KHUYÊN CAN NHƯ THUẬN DÒNG NƯỚC CHẢY**

Phàm những người có tài cán, nếu biết dùng những điểm mạnh của họ, tận dụng hết tài năng của họ thì nguyện làm “Tri kỷ giả tử” - chết cho người tri kỷ. Lưu Bang chính là đã nhận thức được điểm này, cho nên ông dùng người, chỉ cần xuất lực hiến kế vì mục tiêu chính trị của ông, ông sẽ không phân chia cao thấp giàu nghèo, không quản sự từng trải xuất thân, mà sẽ tận khả năng sử dụng tài năng của họ. Chỉ cần những phương châm sách lược có lợi đối với việc thực hiện mục tiêu của ông, bất luận là do người nào nêu ra, ông đều coi trọng và tiếp nhận thực thi. Điều biểu đạt được đầy đủ mưu lược tài giỏi của Lưu Bang chính là cái gọi là Lưu Bang có khả năng “Tướng tướng” của Hàn Tín.

Lưu Bang dùng người không câu nệ vào một khuôn mẫu nào, từ sự xuất thân của các văn thân võ tướng, ông chỉ đưa mắt nhìn qua là hiểu biết ngay: Trương Lương là tướng nước Hàn trong thời sáu nước; Trương Lương từng làm qua quan ngự sử của triều Tần; Tiêu Hà, Tào Sâm vốn là tiểu lại của triều Tần; Hàn Tín là dân nghèo; Anh Bố là bình dân đã bị bạo Tần thích chữ trên mặt; Phàn Khoái làm nghề mổ bán thịt chó; Chu Bột sống bằng nghề dệt chiếu; Trần Bình là một thư sinh nghèo. Số người này về sau đều được trọng dụng rồi đều lập được công lao to lớn trong việc giúp Lưu Bang giành lại thiên hạ. Từ đây có thể nhìn rõ, mạnh dạn đề bạt và trọng dụng các loại nhân tài, đặc biệt là những người có tài năng xuất thân trong lớp người thấp kém. Đó là một đạo lý dùng người của Lưu Bang, điều này có lẽ đã không tách rời khỏi việc bản thân ông xuất thân từ lớp người bình dân và chỉ là một viên quan nhỏ.

Đối với cuộc nói chuyện ông trọng dụng “Tam kiệt thời đầu Hán” của Lưu Bang, cho đến nay vẫn được truyền tụng coi là cuộc trò chuyện lý thú, tốt đẹp. Ông nói: “Việc quyết định sách lược tác chiến ở hậu phương quyết thắng ở ngoài ngàn dặm, ta không bằng Tử Phòng (tức là Trương Lương) Việc cai trị quốc gia, chăm sóc dân chúng, cấp đủ tiền bạc, không thiếu lương ăn, ta chẳng bằng được Tiêu Hà. Liên kết với trăm vạn dân chúng, đánh tất thắng, công tất đoạt, ra không bằng Hàn Tín. Ba người đều là kiệt xuất, ta có thể dùng họ. Đó là điều ta có thể giành được thiên hạ vậy. Hạng Vũ có một Phạm Tăng mà không biết sử dụng, đó là điều để ta bắt hãn vậy!”. Điều này đã chứng tỏ một cách đầy đủ rằng, trong quá trình thực hiện mục tiêu chính trị của mình, sách lược dùng người của Lưu Bang là tập hợp các anh tài dũng sĩ trong thiên hạ để mình sử dụng, đã tạo ra sự bảo đảm cơ bản cho việc giành thắng lợi cuối cùng trong việc đấu trí đấu lực với Hạng Vũ.

Từ việc sắp xếp của Lưu Bang đối với hậu thế có thể nhìn thấy rõ, không những ông đã giỏi hiểu người, lại tài trao trách nhiệm cho người, mà còn có mưu sâu nghĩ xa. Khi Lưu Bang ốm nặng, hoàng hậu Lã Trĩ hỏi ông: “Sau khi bệ hạ trăm tuổi, Tiêu tướng quốc đã chết, ai sẽ thay thế được ông ta?”. Trả lời: “Tào Sâm có thể được!”. Lã Trĩ lại hỏi sau đó nữa thì sao? Lưu Bang nêu ra Vương Lăng, Trần Bình và Chu Bột, còn chỉ rõ: “Chu Bột trọng hậu thiếu văn, nhưng làm yên được họ Lưu tất chỉ có Bột, có thể để cho ông ta làm Thái úy!”. Sau khi Lưu Bang chết, Lã Trĩ tin nhiệm sử dụng số người này, tiếp tục chấp hành chính sách phục hồi kinh tế, cho dân được nghỉ ngơi của Lưu Bang, đã có tác dụng mang tính chất quyết định trong việc củng cố vương triều nhà Hán.

Việc nghe theo lời can gián như thuận theo dòng chảy của Lưu Bang đã biểu hiện ông hiểu biết sâu sắc tầm quan trọng của việc tập trung suy nghĩ sẽ mang lại lợi ích rộng lớn. Khi Lưu Bang chuẩn bị tiến vào Quan Trung, có một nho sinh là Lịch Thực Kỳ xin cầu kiến, Lưu Bang vốn dĩ rất ghét nho sinh, thế nhưng những kiến giải mà Lịch Thực Kỳ nêu ra rất đáng tiếp nhận, Lưu Bang vẫn thu nạp như thường. Lịch Thực Kỳ nói: Dùng hơn một

vạn binh lực của Lưu Bang đánh Quan Trung “điều đó có khác gì đưa mỗi nhử trước miệng hổ”, khó tránh khỏi vấp vấp trắc trở. Phải nên trước hết đánh chiếm lấy Trần Lưu ở bên cạnh, lợi dụng kho lương thực của nước Tần ở nơi đó, mở rộng bổ sung thêm quân đội, sau đó sẽ tiến về phía tây. Lịch Thực Kỳ lại đề xuất để cho ông đến tranh thủ huyện lệnh Trần Lưu đầu hàng, nếu không được thì sẽ dùng vũ lực giải quyết. Kết quả là Lịch Thực Kỳ trải qua việc hoạch định kế hoạch, đã giết chết huyện lệnh vì hấn chống cự việc đầu hàng, tiếp đón Lưu Bang tiến vào Trần Lưu. Ở đó, Lưu Bang đã thu được một khối lượng lớn lương thực, lại tiếp nhận em trai của Lịch Thực Kỳ cùng hơn bốn ngàn nghĩa quân của em trai Lịch Thực Kỳ là Lịch Thương, rồi chuẩn bị những điều kiện tương đối tốt cho việc tiếp tục Tây tiến, Lưu Bang đã đánh bại tên quận thú quận Nam Dương của quân Tần là Lữ Ý ở phía Đông Nam Lỗ Sơn tỉnh Hà Nam bây giờ, Lưu Bang chuẩn bị dựa theo cách đánh của con đường khi tới vòng quanh Uyển Thành, tiếp tục Tây tiến. Trương Lương kịp thời chỉ rõ: Phía trước có cứ điểm nguy hiểm của quân Tần canh giữ, phía sau Uyển Thành chưa hạ được, nếu mạo muội Tây tiến, sẽ vấp phải đánh khép gọng kìm của quân Tần, ở phía trước và phía sau. Cần phải tiến đánh Uyển Thành trước, mới có thể trừ được mối lo ở phía sau. Lưu Bang dựa theo kế đó mà làm, cuối cùng đã bức Lữ Ý trấn giữ Uyển Thành phải đầu hàng.

Sau khi lật đổ vương triều nhà Tần, quân Lưu Bang tiến vào đóng ở Hàm Dương. Lưu Bang tiến vào cung Tần, tường vàng chói lọi, nhìn thấy vô vàn không sao đếm xuể những vàng ngọc châu báu quý hiếm và cung nga mỹ nữ, liền đắm say mê mẩn, muốn ở lại đó để hưởng thụ một thời gian. Phàn Khoái đã kịp thời khuyên can, hỏi Lưu Bang rằng ngài muốn được cả thiên hạ hay là chỉ muốn làm một ông lão nhà giàu? Phàn Khoái chỉ ra rằng việc nhà Tần bị diệt vong có liên quan tới việc hoang dâm vô độ, tham lam hưởng lạc của Tần đế, mong muốn rằng Lưu Bang chớ có ở lại trong cung. Tiếp đó, Trương Lương cũng tới khuyên can, chỉ rõ vua Tần vô đạo thì Lưu Bang ngài mới có thể tới được đây. Bây giờ vừa mới tiến vào Hàm Dương, đã đắm mê hưởng lạc, đó là “giúp vua Kiệt làm điều ác” - nổi giáo cho

giặc. Hai người lần lượt khuyên can, cuối cùng đã khiến cho Lưu Bang tỉnh ngộ, ông lập tức hạ lệnh niêm phong cung Tần và các kho phủ, dẫn quân ra khỏi thành Hàm Dương trở về Bá Thượng. Từ đó, Lưu Bang càng nhận thức rõ ràng được tính chất gian nan khó khăn của việc thống nhất toàn quốc, sau khi lật đổ triều Tần.

Việc hiểu người giỏi trao chức vụ, nghe theo lời khuyên can như thuận dòng nước chảy đã chứng tỏ mưu lược của Lưu Bang chẳng những biểu hiện trên mặt mưu sự, mà còn biểu hiện ở việc tập trung suy nghĩ hiểu sâu biết rộng như thế nào dưới tiền đề phục vụ cho mục tiêu chính trị của ông, đó tức là sự thể hiện trên mặt mưu nhân.

## **LINH HOẠT CƠ ĐỘNG, ỨNG DỤNG THEO TÌNH THẾ**

Chiến lược, chiến thuật của Lưu Bang đã biểu hiện tư tưởng mưu lược của ông đã chú trọng tới việc coi trọng hiệu quả thực tế. Chiến lược, chiến thuật của ông linh hoạt cơ động, không có nếp cũ, chẳng có kiểu mẫu, tất cả đều phục vụ cho mục tiêu chính trị của ông. Với nguyên tắc bảo tồn và làm cho mình lớn mạnh, tiêu diệt được kẻ thù với hạn độ lớn nhất, ông luôn luôn không luyến tiếc tạo ra sự nhượng bộ lớn lao mang tính chất chiến lược, lấy thoái để tiến, phóng tầm mắt nhìn về tương lai, hễ có điều kiện chín muồi là thừa cơ tiến lên không để mất thời cơ, để thực hiện mưu đồ lớn lao.

Lưu Bang tới dự tiệc ở Hồng Môn, mọi người gọi đó là “Một trận đánh không phải đánh nhau”, mà là một cuộc đọ sức kịch liệt của trí tuệ và mưu lược. Lưu Bang thu nạp kế của Trương Lương, trước tiên để cho bạn thân là Trương Lương ký kết hôn ước với Hạng Bá là chú của Hạng Võ, điều này có nghĩa là đã cầm sẵn được một nhân vật nội tuyến ở trong quân đội của Hạng Võ. Rồi sau đó đến dự tiệc ở dưới trướng Hạng Võ ở Hồng Môn Tân Phong (phía Đông Bắc Lâm Đồng Thiểm Tây ngày nay). Để bảo tồn thực lực, Lưu Bang nói với Hạng Võ rằng:



- Tôi vào Quan, không dám tơ hào đụng đến thứ gì; kê khai quan lại và dân chúng, niêm phong kho tàng để chờ tướng quân tới. Lại còn sai các tướng tá quân lính canh giữ cả vùng Quan này để đề phòng trộm cắp bất trắc xảy ra. Ngày đêm tôi mong tướng quân đến, tôi đâu dám phản lại tướng quân!

Tại đây Lưu Bang đã tạo ra sự nhượng bộ mang tính sách lược, không phải là một nhà đại mưu thì khó có thể làm được như vậy; để đến nỗi Hạng Võ đã đẩy toàn bộ trách nhiệm vào sự xúi bẩy, xúc xiểm của bộ tướng Lưu Bang là Tào Vô Thương. Trong bữa tiệc, Phạm Tăng muốn giết Lưu Bang, Hạng Võ luôn luôn do dự không quyết, về sau lại đạo diễn ra một màn hài kịch “Hạng Trang múa kiếm, ý tại Bái Công” đều không được thực hiện. Bữa tiệc ở Hồng Môn có thể nói là ý đồ giết người đã nhiều lần nổi dậy, nó đã dự báo điểm mấu chốt của sự giành giật giữa Lưu Bang và Hạng Võ.

Sau Hồng Môn Yến, Hạng Võ đã xé bỏ hiệp ước cũ “Ai vào Hàm Dương trước sẽ làm vua Quan Trung”, đem Ba Thục, Hán Trung nằm ở một góc phía Tây Nam làm đất phong của Hán Vương Lưu Bang; còn phong cho ba người là Chương Hàm, Tư Mã Hân và Đổng Ê, những tên tướng Tần đã đầu hàng làm vua, đóng giữ Quan Trung để bịt chặt đường ra vào của Lưu Bang. Lưu Bang đã tiếp nhận kế lấy lùi để tiến của Tiêu Hà tạm thời nhận đất phong, vỗ về dân chúng, chuẩn bị lực lượng, huấn luyện quân đội sẵn sàng chiến đấu, sau đó trở về bình định Tam Tần, tranh giành thiên hạ với Hạng Võ. Tháng tư năm 206 trước Công nguyên, Lưu Bang dẫn quân tới Nam Trịnh, một mặt bắt tay cai trị khu vực Ba Thục và Hán Trung, một mặt tiến hành chuẩn bị việc trở về bình định Tam Tần. Những hành vi này đều biểu hiện mưu lược sâu xa và phong độ rộng mở lớn lao của Lưu Bang, tranh thủ được cơ hội xả hơi để giành thắng lợi sau cùng.

Trận chiến ở Thành Cao sở Hán, Lưu Bang đã giành được thắng lợi mang tính chất quyết định. Ông đã tiếp thụ ý kiến của Lịch Thực Kỳ: chuyển thủ thành công “chiếm gạo của kho Ngao, bịt chặt hiểm Thành Cao”, đã giành được quyền chủ động trong cuộc chiến tranh Hán Sở. Năm 203 trước Công nguyên, Lưu Bang lợi dụng cơ hội Hạng Võ rời Vinh



Dương tấn công Bành Việt, đã phản công Thành Cao. Lưu Bang đã lợi dụng nhược điểm kiêu ngạo khinh địch của quân Sở dụ địch vào sâu, chỉ một trận đánh đã tiêu diệt hết quân Sở, thu hồi lại Thành Cao. Trận đánh ở Thành Cao là sự thể hiện tư tưởng mưu lược quân sự linh hoạt cơ động của Lưu Bang, cũng là một trận đánh nổi tiếng quân đội ở thế yếu đã chiến thắng được kẻ địch mạnh, khiến cho tình thế Sở mạnh Hán yếu đã phát sinh những biến hóa căn bản, đặt cơ sở vững chắc trong việc quyết chiến giành thắng lợi ở Cai Hạ của Hạng Võ.

Mưu lược của Lưu Bang chẳng những biểu hiện ở trên mặt quân sự, cũng biểu hiện trên các mặt chính trị, kinh tế nữa. Khi bắt đầu cuộc chiến tranh Sở Hán, Lưu Bang đã rất coi trọng sản xuất nông nghiệp của Quan Trung. Sau khi xây dựng triều nhà Hán, Lưu Bang lại thúc đẩy chính sách “trọng nông kìm nén thương”, động viên dân chúng theo đuổi sản xuất nông nghiệp, củng cố quốc gia phong kiến mới xây dựng trên nền tảng kinh tế. Trên mặt chính trị, ông đã tận dụng mọi khả năng đẩy mạnh chế độ quận huyện, duy trì ủng hộ và mở rộng chế độ sở hữu của giai cấp địa chủ, tăng cường cơ sở thống trị phong kiến; xác lập pháp chế phong kiến, duy trì bảo vệ trật tự thống trị; hòa thân với Hung Nô, củng cố quốc phòng v.v... đều thể hiện rõ trí tuệ và đảm lược tuyệt vời của Lưu Bang.

## 38. TIÊU HÀ

### MƯU KHỞI HÁN CƠ, CÔNG ĐẦU TAM KIỆT

Tiêu Hà, không rõ năm sinh, mất năm 193 trước Công nguyên, người nước Bái trong thời kỳ Tần Hán (huyện Bái tỉnh Giang Tô ngày nay). Cuối đời Tần ông đã từng nhậm chức quan nhỏ ở quận Bái. Sau cuộc đại khởi nghĩa nông dân của Trần Thắng, Ngô Quảng, ông bỏ quan, phù tá Lưu Bang phát cao cờ chống Tần, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. Sau đó ông luôn luôn đi theo Lưu Bang Đông chinh Tây chiến, xuất mưu hiến kế, là một trong những cánh tay và mưu thần chủ yếu không thể rời xa khoảnh khắc của Lưu Bang. Trong quá trình xây lập chính quyền Tây Hán và cuộc Hán Sở tương tranh, ông đã lập được rất nhiều công tích không thể phai mờ. Cho nên Lưu Bang đã ca ngợi ông là “nhân kiệt”, “chấn quốc gia, phủ bách tính” - xây dựng đất nước, vỗ về trăm họ. Các nhà sử học đã coi ba người Tiêu Hà, Trương Lương, Hàn Tín là “Tam kiệt” đầu đời Hán. Hơn thế còn suy tôn ông làm “thủ kiệt”. Tiêu Hà chẳng những là một vị tể tướng nổi tiếng mà còn là một chính trị mưu lược gia tuyệt vời.

### LƯU BANG KHỞI NGHĨA, TIÊU HÀ XUẤT MƯU

Mối quan hệ giữa Tiêu Hà với Lưu Bang không phải là cùng một lớp như mọi người, họ là những người được kết giao trong hoạn nạn, kết giao trong đói nghèo. Lưu Bang vốn là người xuất thân trong bần hàn, về sau được làm một chức đình trưởng Tứ Thủy nhỏ bé ở trong làng, nơi giáp ranh giữa Bái và Phong (huyện Bái, huyện Phong tỉnh Giang Tô ngày nay). Do vì tính cách bẩm sinh của ông phóng túng thoải mái, không câu nệ tiểu tiết, hơn thế lại đam mê tửu sắc cho nên thường gây ra một số phiền phức, mỗi lần như vậy số người coi cùng lứa có thân phận tương đối khá thường khinh rẻ, coi thường. Còn như thân phận của Tiêu Hà khi đó so với Lưu

Bang thì cao quý hơn nhiều. Ông là chủ duyên lại của huyện, là một vị quan nắm giữ thực quyền. Theo “Sử ký” ghi chép: “Tiêu Hà làm chủ lại, là hào lại của huyện”. Tiêu Hà còn là một người làm quan thanh liêm chính trực, “dĩ văn vô hại” (không bẻ cong pháp luật làm hại người) trọng nghĩa sơ tài. Hơn thế, ông còn là người có chí hướng rộng lớn, con mắt nhìn sắc sảo, có thể dùng đôi mắt tuệ biết rõ chân tài. Ông vô cùng coi trọng hành động phóng khoáng, dám làm của Lưu Bang mà không chấp nhận những chuyện vụn vặt của Lưu Bang. Khi Lưu Bang gặp phải phiền phức ông luôn luôn xuất hiện tương trợ, giải nạn cứu khốn, không tiếc tiền trong hầu bao của mình. Cho nên lịch sử viết là “Khi Cao Tổ còn là người áo vải, Tiêu Hà đã nhiều lần dùng công việc của quan lại bảo hộ Cao Tổ”. Ngay cả đến người vợ của Lưu Bang là Lã Hậu nổi tiếng trong lịch sử, cũng do Tiêu Hà giúp đỡ tác hợp mà thành. Từ đây có thể nhìn rõ sự sâu sắc trong mối quan hệ giữa Lưu Bang với Tiêu Hà.

Tần Nhị Thế nguyên niên (năm 209 trước Công nguyên) vào mùa thu Trần Thắng và Ngô Quảng phát cao cờ khởi nghĩa, lấy Trần (đất Hoài Dương Hà Nam ngày nay) làm đô thành, xây dựng lên chính quyền Trương Sở. Ngọn lửa khởi nghĩa, thế mạnh như chẻ tre, rất nhanh chóng đã cháy bùng lan ra các quận huyện vùng Đông Nam, ngay cả đến rất nhiều quan lại cũng hăng hái quay mũi giáo cất quân hưởng ứng. Huyện Bái với Trần Đô kề gần nhau huyện lệnh hoảng sợ quân khởi nghĩa làm nguy hại tới tính mạng của bản thân và gia đình mình cũng muốn đầu cơ kiếm lời, đã tổ chức vũ trang ở huyện Bái để hưởng ứng Trần Thắng.

Trước đó, Lưu Bang đã rũ bỏ chức Đình trưởng Tứ Thủy không làm nữa, đi vào trong núi Mang Đãng (nay là phía Bắc Vĩnh Thành, Hà Nam) chiêu binh mãi mã, thành lập nên một đội quân. Tiêu Hà và Lưu Bang vẫn giữ được mối liên hệ. Trong giờ khắc mấu chốt này, Tiêu Hà nhìn thấy thời cơ đã chín muồi, liền khăng khái vườn mình đứng ra, sau khi thương lượng với Tào Sâm (giữ chức quan coi ngục huyện Bái, sau trở thành danh tướng của Lưu Bang, kế tục Tiêu Hà làm tướng), lập tức chủ động đến tìm huyện lệnh huyện Bái sắp sửa khởi binh, nói: “Ông là quan lại nhà Tần, hiện nay

muốn soái lĩnh dân chúng huyện Bái phản bội lại triều đình nhà Tần, e rằng dân chúng không thể tin tưởng ông được!”. Liền sau đó đã kiến nghị, nói: “Sao bằng cứ triệu tập những người chạy trốn ở bên ngoài, tụ tập lại thành mấy trăm người, dùng đội vũ trang này làm cơ sở, sau đó sẽ động viên người trong huyện, như vậy mới có thể thành công được!”. Sau khi huyện lệnh nghe xong còn do dự chưa quyết, Tiêu Hà, Tào Sâm cảm thấy thời cơ không nên để chậm, lại lặng lẽ cử Phàn Khoái (về sau cũng là một danh tướng của Lưu Bang) tới núi Mang Đãng để nghênh tiếp đội ngũ do Lưu Bang dẫn đầu ra khỏi núi. Lưu Bang y theo kế, rất nhanh chóng dẫn đội ngũ ra ngoài thành huyện Bái. Huyện lệnh huyện Bái nhìn thấy đội ngũ của Lưu Bang, đã hối hận, hấn hoảng sợ lực lượng vũ trang của quân chúng, lập tức hạ lệnh đóng chặt cửa thành, không để cho đội ngũ của Lưu Bang tiến vào thành. Đồng thời hấn âm mưu giết chết Tiêu Hà và Tào Sâm. Tiêu Hà, Tào Sâm đã sớm có sự chuẩn bị, liền vượt qua tường chạy trốn ra ngoài thành hội hợp với Lưu Bang. Với mưu lược và sự giúp đỡ hết mức của Tiêu Hà, Lưu Bang đã mượn dùng lực lượng của quân chúng huyện Bái, tiến vào huyện thành huyện Bái, giết chết tên huyện lệnh huyện Bái phản phúc vô thường. Rồi với sự đề nghị của Tiêu Hà, Lưu Bang được ủng hộ lập lên làm thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa vũ trang huyện Bái, hiệu là Bái Công.

Từ đây có thể nhìn rõ, sự thành công trong cuộc khởi nghĩa ở huyện Bái của Lưu Bang, Tiêu Hà là người bỏ công sức lớn lao nhất. Từ việc đón tiếp Lưu Bang ra khỏi núi Mang Đãng đến việc kéo quân tiến vào thành huyện Bái, rồi lập lên làm thủ lĩnh, toàn bộ kế hoạch đều là do một tay Tiêu Hà hoạch định cả. Hơn thế, những nhân vật đứng đầu chủ yếu của quân khởi nghĩa như Tào Sâm, Phàn Khoái, Hạ Hầu Anh, Nhiệm Ngao v.v... vốn là bạn của Tiêu Hà cả, họ đều là những người đi theo Lưu Bang dưới ảnh hưởng của Tiêu Hà. Có thể nói cuộc khởi nghĩa huyện Bái của Lưu Bang, chủ mưu là Tiêu Hà.

## **KHUẤT PHỤC VÀO Ở HÁN TRUNG, LẠI MƯU ĐỒ CHIẾM TAM TẦN**

Thời gian đầu của cuộc tương tranh Sở Hán, binh lực của Hạng Võ mạnh hơn Lưu Bang rất nhiều. Để áp chế Lưu Bang, sau khi tiến vào Tần đô Hàm Dương (nay là thị trấn Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây), Hạng Võ tự xưng là Tây Sở Bá Vương, phong Lưu Bang làm Hán Trung Vương, đồng thời cũng phong cho các hàng tướng của triều Tần như Chương Hàm v.v... làm vương, bố trí ở xung quanh Lưu Bang để giám sát những động tĩnh của Lưu Bang. Đối với sự kiêu ngạo ngang tàng của Hạng Võ, Lưu Bang vô cùng tức giận, muốn dốc hết sức lực, quyết liều một phen sống chết với Hạng Võ. Các tướng lĩnh có hiểu biết dưới trướng Lưu Bang như Chu Bột, Quán Anh, Phàn Khoái v.v... đều cho rằng hành động lỗ mãng như vậy là điều không thể được, họ đều hăng hái khuyên Lưu Bang cần phải bình tĩnh, không thể hàm hồ nóng vội được. Thế nhưng không ai thuyết phục nổi Lưu Bang cả. Tiêu Hà nhìn thấy tình cảnh như vậy liền dâng kế bẻ cong thành thẳng. Ông dâng lời can gián với Lưu Bang: “Tuy Hạng Võ phong ngài làm Hán Trung Vương, là muốn áp chế ngài, rất không công bằng, thế nhưng so với việc đặt vào chỗ đất chết chẳng phải là mạnh hơn nhiều đó sao? Bây giờ lực lượng chúng ta không bằng họ, nếu như cứ cố chống chọi thì có khác gì đem trứng chọi với đá, trăm trận đánh sẽ là trăm trận bại. Cho nên tôi khuyên đại vương chỉ bằng hãy tạm thời cứ chịu khuất phục ở Hán Trung, nuôi dạy dân chúng để họ trở thành người hiền tài, sau đó lợi dụng hình thế có lợi của Ba Thục, sẽ mưu đồ bình định Tam Tần (chỉ khu vực Quan Trung, Thiểm Tây mà bọn Chương Hàm v.v. .. làm vương), chỉ có như vậy thiên hạ mới có thể giành được.

Lưu Bang cảm thấy Tiêu Hà nói rất có lý, liền tiếp thụ ý kiến của Tiêu Hà, dẫn số người ngựa chưa đầy năm vạn tới trú đóng ở Nam Trịnh (huyện Nam Trịnh tỉnh Thiểm Tây ngày nay). Trong thời gian này, Tiêu Hà hiệp trợ với Lưu Bang, chinh đồn quân kỷ, vỗ về dân chúng, chiêu binh mãi mã, dự trữ lương thực chuẩn bị chiến tranh, đặc biệt là tiến cử đại tướng quân Hàn Tín trí dũng song toàn với Lưu Bang, khiến cho thực lực của Lưu Bang được tăng cường mạnh mẽ. Về sau Lưu Bang lại tiếp thụ mưu lược “trở về bình định Tam Tần, để tranh giành thiên hạ về phía Đông” của Hàn

Tín, chưa đầy nửa năm trời đã đánh bại bọn Chương Hàm... bình định xong Tam Tần, trở lại khu vực Quan Trung. Lưu Bang có thể “trở lại bình định Tam Tần, chính là do mưu lược “bẻ cong thành thẳng” và “nuôi dạy dân chúng để họ trở thành người hiền tài” của Tiêu Hà đã phát huy được tác dụng quan trọng.

## **THÀNH CŨNG TIÊU HÀ, BẠI CŨNG TIÊU HÀ**

Đây là một câu nói dung tục lưu truyền rộng rãi trong dân gian suốt thời kỳ Đường Tống, ngày nay đã trở thành thành ngữ điển cố. Câu nói này bao hàm một ý xấu phê phán Tiêu Hà lật lọng nuốt lời, đã cực lực tiến cử thúc giục Lưu Bang trọng dụng Hàn Tín, lại bày mưu kế để cho Lã Thái hậu sát hại Hàn Tín. Nếu gạt bỏ vấn đề phải trái không bàn tới việc Tiêu Hà có tham dự việc sát hại Hàn Tín hay không, thì câu nói dung tục này vừa hay đã phản ánh một cách chuẩn xác những mưu lược cao siêu trên mặt có biệt tài dùng người của Tiêu Hà.

Trước hết Tiêu Hà có đôi mắt tuệ, nhận biết được anh hùng, giỏi dùng người. Về điểm này đã phản ánh một cách đầy đủ trong câu chuyện “Tiêu Hà truy đuổi Hàn Tín dưới ánh trăng”. Khi Lưu Bang chịu khuất phục ở Nam Trịnh, Hàn Tín mộ danh mà đi theo Lưu Bang, chưa được Lưu Bang tin dùng. Thế mà Tiêu Hà có thể “Bá Nhạc thức Lương Mã”, chỉ qua mấy lần tiếp xúc trò chuyện đã nhận định rằng Hàn Tín là một vị tướng tài hiếm có trong thiên hạ, đã mấy lần tiến cử với Lưu Bang. Lưu Bang vẫn không trọng dụng Hàn Tín. Hàn Tín ôm hận vì tài chưa đắc dụng, không muốn để tài mai một, quyết định tìm một cơ hội khác để thi thố tài hoa, tức thì Hàn Tín lén lút chạy trốn ra khỏi doanh trại quân Hán. Tiêu Hà được biết ân hận nuối tiếc vì đã để mất nhân tài, lại sợ Hàn Tín được người khác trọng dụng. Cho nên chưa kịp trình báo với Lưu Bang, Tiêu Hà đã tự thân dẫn mấy tên thuộc hạ truy đuổi theo ngay đêm đó, đuổi suốt ba ngày, ba đêm mới đuổi kịp Hàn Tín, mời Hàn Tín trở lại doanh trại quân Hán.

Tiêu Hà ra đi vội vã, hơn thế đi liền mấy ngày không về, có người cho rằng Tiêu tướng quốc cũng đã làm phản bỏ trốn rồi, vội vã tới trình báo với Lưu Bang. Lưu Bang bàng hoàng kinh sợ, đau đớn như mất đi một cánh tay, sau đó lồng lộn bức tức, mắng chửi Tiêu Hà là kẻ không tình nghĩa. Khi Tiêu Hà đem Hàn Tín trở về tới trình báo với Lưu Bang, Lưu Bang vẫn còn chưa nguôi cơn bức tức, không tin vào lời nói của Tiêu Hà là đi đuổi theo Hàn Tín nữa, hơn thế còn cho rằng, một viên quan nhỏ bé coi giữ lương thảo thực sự có đáng gì mà phải đi đuổi theo. Trái ngược lại, Tiêu Hà đã nặng tình sâu bày tỏ với Lưu Bang rằng: “Các tướng dễ tìm, người được bằng Tín thì kẻ sĩ trong nước chỉ một không hai. Đại vương tất muốn làm vua lâu dài ở Hán Trung, không thể không dựa vào Hàn Tín. Đại vương muốn tranh giành thiên hạ, ngoài Tín ra không ai có thể bày mưu tính kế cho đại vương được. Mong đại vương minh xét và quyết định cho!”. Lưu Bang suy nghĩ lại bằng lòng nghe theo lời khuyên bảo và ý kiến bổ nhiệm dùng Hàn Tín làm Đại tướng quân của Tiêu Hà. Tiêu Hà lại căn cứ vào bản thân con người và cảnh ngộ của Hàn Tín, đã kiến nghị với Lưu Bang khởi công xây đắp một đài bái tướng (hiện nay còn di chỉ ở Thành Nam, thị trấn Hán Trung tỉnh Thiểm Tây), tuyển chọn ngày lành giờ tốt, cúng tế với trời, dựng lễ nghi long trọng nhất, đích thân trao ấn tể Đại tướng cho Hàn Tín. Ý chí của Lưu Bang dồn vào việc giành thiên hạ, cho nên hoàn toàn nghe theo kiến nghị và sự sắp đặt của Tiêu Hà, triệu tập tam quân hội sư, trước mặt các tướng lĩnh, cung kính nghiêm trang trao ấn tể đại tướng quân cho Hàn Tín. Hàn Tín được hậu đãi như vậy, vô cùng cảm động, từ đó về sau đã không tiếc công sức xuất mưu hiến kế cho Lưu Bang, thân dẫn đại quân đánh Đông dẹp Tây, lập được biết bao chiến công hiển hách, trở thành một tướng lĩnh nổi tiếng “trong đám đông ngàn triệu đánh tất thắng, công tất đạt!”.

Đủ có thể nhìn thấy, tài ba của Hàn Tín được phát hiện và được Lưu Bang trọng dụng, cùng với những thành tựu cực kỳ to lớn của ông về sau này, đều không thể tách rời khỏi mắt tuệ và mưu trí của Tiêu Hà. Đây chính là lai lịch câu nói “Thành cũng Tiêu Hà”.



Thứ nữa, vì trung thành với nhà Hán họ Lưu, Tiêu Hà đã thiết kế trừ Hàn Tín. Sau khi kết thúc cuộc chiến tranh Sở Hán, Lưu Bang lập tức đối mặt với một vấn đề trọng đại quốc gia thống nhất và trung ương có thể tập trung được quyền lực hay không. Khi biết đích thực là có một số người vì chiến công mà được phong vương, để bảo vệ địa bàn và những lợi ích đã giành được của mình, họ muốn chiếm giữ một phương, giành độc lập. Lưu Bang đã xử lý quyết đoán, dùng chính sách kiên quyết và tiêu diệt từng người một. Đây chính là cuộc đấu tranh tiêu diệt vương khác họ nổi tiếng trong lịch sử. Hàn Tín được phong làm Tề vương, chiếm cứ một địa bàn rộng lớn ở vùng Sơn Đông và Hoài Bắc ngày nay, thế lực mạnh nhất đủ để chống lại ngang nhau với trung ương của Lưu Bang. Lưu Bang đã sử dụng các loại biện pháp làm suy yếu Hàn Tín, đến nỗi đã trừ khử Hàn Tín.

Trong cuộc đấu tranh tiêu diệt vua khác họ, Tiêu Hà vẫn như ngày xưa, kiên quyết đứng về phía Lưu Bang. Tháng 9 năm thứ 10 Hán Cao Tổ (năm 197 trước Công nguyên) Lưu Bang đích thân dẫn quân thảo phạt cuộc phản loạn của Trần Hy. Nghe nói Trần Hy đã bàn mật mưu với Hàn Tín ở Lạc Dương, ước định trong ứng ngoài hợp cùng chống lại Lưu. Cho nên Lưu Bang trước khi xuất quân đã bắt Hàn Tín cùng đi. Hàn Tín giả vờ cáo bệnh từ chối không đi.

Sau khi Lưu Bang đi rồi, có người mật báo với Lã Hậu, nói rằng Hàn Tín sắp làm phản. Lã Hậu quyết định lập tức triệu tập Hàn Tín vào cung, mượn cơ hội đó giết chết Hàn Tín. Thế nhưng lại sợ Hàn Tín không mắc lừa, tức thì đã tìm tướng quốc Tiêu Hà để bàn bạc. Tiêu Hà nghe nói Hàn Tín sắp tạo phản, cũng chẳng quản điều gì khác, Tiêu Hà đã lập tức bày một kế giúp Lã Hậu lừa cho Hàn Tín vào cung: tung tin giả vờ Lưu Bang từ trong quân doanh cử về một người báo tin mừng, nói rằng Trần Hy đã bị giết chết, yêu cầu văn võ bá quan phải vào trong cung để chúc mừng. Tiêu Hà còn đích thân nói với Hàn Tín rằng: “Mặc dù ông bị ốm, thế nhưng với một sự việc lớn như vậy ông cũng nên tới chúc mừng mới phải!”. Hàn Tín không biết đó là cái thòng lọng, nên đã vào trong cung mà không có chút phòng bị gì. Kết quả là đã bị các võ sĩ của Lã Hậu sắp đặt sẵn từ trước bắt



trời rồi dẫn tới chung thất Cung Trường Lạc giết chết. Vì mục đích chính trị của mình, Tiêu Hà đã bày mưu giết chết người bạn “tri kỷ” là Hàn Tín. Đây chính là bi kịch lịch sử “Bại cũng Tiêu Hà”.

## **TUÂN THEO PHÁP LUẬT, NƯỚC GIÀU BINH MẠNH**

Lưu Bang coi Tiêu Hà là cánh tay phải trái của mình, bởi vì Tiêu Hà không chỉ giúp Lưu Bang chia buồn giải nạn trong những giờ khắc mấu chốt, mà một số sách lược lập quốc kiến quốc như thế nào, ông cũng luôn luôn có những kiến giải chính xác và thấu triệt, vượt lên cao hẳn hơn người.

Trước khi cuộc chiến tranh Hán Sở bắt đầu, Tiêu Hà đã có suy nghĩ dự định tới vấn đề cai trị đất nước sau này như thế nào. Đủ thấy những tư tưởng mưu lược của ông thật là cực kỳ sâu xa. Năm thứ 4 Tần Nhị Thế (năm 206 trước Công nguyên) quân đội của Lưu Bang đánh vào thủ đô của Tần, “Bái Công đến Hàm Dương, các tướng lĩnh đều tranh giành nhau đi vào các kho vàng bạc châu báu để vơ vét chia nhau”, duy chỉ có Tiêu Hà là khác hẳn mọi người, dẫn đầu tới phủ thừa tướng, phủ ngự sử của Tần, vàng bạc châu báu ông đều không cần, ông chỉ gia công thu thập rồi cất giữ các sách pháp luật, các sách quy chế mệnh lệnh và các sách bản đồ mà nhà Tần để lại. Sau này Lưu Bang đã bình định được thiên hạ, xây dựng lên triều đình nhà Hán, Tiêu Hà làm tướng, những điển tịch văn thư này đã ghi chép rõ “những nơi hiểm yếu trong thiên hạ, hộ khẩu có bao nhiêu, nơi nào mạnh nơi nào yếu, những tật bệnh khổ sở của dân chúng” v.v... liền trở thành những cứ liệu quan trọng dùng để đặt ra pháp luật mới, cai trị đất nước. Mọi người không thể không bái phục Tiêu Hà đứng được cao, nhìn được xa.

Tư tưởng mưu lược nước giàu binh mạnh của Tiêu Hà còn phản ánh bản thân ông đã ra sức thực hành xây dựng căn cứ địa hậu phương lớn mạnh. Tư Mã Thiên có một đoạn bình luận đối với Tiêu Hà, ông nói: “Tiêu Hà giữ cẩn thận quản chắc chắn, vì nỗi khổ đau của dân chúng, chấp hành luật pháp thuận theo dòng chảy, mọi thứ đều được đổi mới từ đầu!”. Đoạn bình

luận này đã khái quát một cách cao độ, trong cuộc chiến tranh Sở Hán, Tiêu Hà đã chế định ra những chính sách giúp Lưu Bang, đã có những cống hiến tuyệt vời đối với việc xây dựng và cai trị căn cứ hậu phương lớn mạnh.

Sau khi vén mở bức màn chiến tranh Sở Hán, Lưu Bang đã tiếp nhận những kiến nghị của Tiêu Hà, để cho Tiêu Hà “Lưu giữ Ba Thục, trấn giữ, vỗ về, khuyên bảo dân chúng, cung cấp quân lương”. Lưu Bang đánh hạ khu vực Tam Tần, sau khi dẫn quân Đông tiến, lại uỷ nhiệm Tiêu Hà ở lại giữ Quan Trung, tiếp tục xây dựng căn cứ hậu phương. Tiêu Hà không phụ sự uỷ thác trọng đại đó, với tài trí thông minh và tư tưởng mưu lược, ông đã quản lý khu vực Quan Trung và Ba Thục có nền nếp lớp lang mạch lạc, không lung tung lộn xộn, còn xây dựng lên rất nhiều công trình kiến thiết cơ bản. Theo “Thủy Kinh Chú” nói, thành cổ Miến Dương (huyện Miến Thiểm Tây ngày nay) chính là do Tiêu Hà xây dựng trong thời kỳ lưu lại giữ Hán Trung. Ở Quan Trung, Tiêu Hà càng coi trọng công cuộc kiến thiết cơ bản. Căn cứ vào sử thư “Tam phụ hoàng đồ” ghi chép, ở Vị Ương cung Trường An, ông đã xây dựng được kho vũ khí và kho quân lương chuyên dùng. Trong công cuộc xây dựng căn cứ địa hậu phương, Tiêu Hà rất chú ý khôi phục sản xuất và giảm nhẹ đóng góp sưu thuế cho nhân dân. Vì vậy, ông đã chế định và ban bố rất nhiều pháp luật có lợi cho sản xuất kinh tế. Như là năm thứ hai Hán Cao Tổ (năm 205 trước Công nguyên), đã ban bố cho phép dân chúng được canh tác cày cấy ở trong các vườn chuồng mà Tần Hoàng Đế chiếm lĩnh; sang năm sau lại ban bố pháp lệnh giảm nhẹ và miễn tô tức lao dịch.

Do có hậu phương cường thịnh “lương đủ quân đủ”, Lưu Bang dẫn quân ra tiền phương chinh chiến, chẳng những không có mối lo ở phía sau mà còn có thể có nguồn lương thực dồi dào tăng viện và bổ sung thêm binh lính. Cuộc thảm bại ở Bành Thành (nay là thị trấn Từ Châu, Giang Tô) cùng với nhiều lần chuyển nguy thành an sau này của Lưu Bang, dẫn tới việc đánh bại Hạng Vũ đều có sự nương dựa vào công cuộc xây dựng hậu phương của Tiêu Hà.

Những tư tưởng mưu lược của Tiêu Hà còn được phản ánh trên phương châm trị quốc của ông. Tiêu Hà là quan tể tướng bổ nhiệm đầu tiên của đời Hán. Đối với việc cai trị quốc gia sau cuộc chiến loạn, Tiêu Hà đã có những cống hiến quan trọng. Ông đã nghiên cứu và hấp thụ được bài học diệt vong của đời Tần, tuân theo những nguyên tắc cơ bản “ước pháp tam chương”. Sau khi Lưu Bang vào Quan, xác định được phương châm cơ bản dùng “khoan hình” để trị quốc. Vì vậy ông đã tổ chức nhân lực, trên cơ sở của “Ước pháp tam chương” [56] chỉnh đốn lại từ đầu những điều khoản pháp luật cũ của triều Tần, rồi đặt ra “Hán luật cửu chương” khác. Căn cứ vào ghi chép của lịch sử, pháp luật mới đối với việc xây dựng chính quyền đầu đời Hán đã có tác dụng rất tốt. Nhân dân được trừ bỏ những hình phạt tàn khốc hà khắc của pháp luật, được giảm nhẹ sưu thuế, có thể nuôi trẻ khôn lớn, dinh dưỡng tuổi già, an cư lạc nghiệp, xã hội cũng được yên hàn ổn định. Do những chính sách đặt ra của Tiêu Hà phù hợp với tình hình đất nước và lợi ích của nhân dân lúc đó, sau khi Tiêu Hà bị bệnh chết, Tào Sâm tiếp tục kế nghiệp, vẫn tiếp tục chấp hành phương châm chiến lược của Tiêu Hà. Nhà tư tưởng cuối đời Hán là Dương Hùng đã ca tụng: “Tiêu quy Tào tuý” (Những quy củ đặt ra của Tiêu Hà, Tào Sâm làm theo không thay đổi), “Công trạng lớn như Thái Sơn”.

## **TIN TƯỞNG VỮNG CHẮC KHÔNG NGHI NGỜ, BẢO ĐẢM DANH VỊ ĐẾN CÙNG**

Tiêu Hà là một nhân vật trong “Tam kiệt đầu đời Hán”, có thể nói ông là một con người tài ba lỗi lạc xuất sắc đếm được trên đầu ngón tay. Trong thời kỳ chiến tranh Sở Hán, ông chẳng những có công lao át vượt quần thần, được Lưu Bang gọi riêng là “công nhân” (người có công lao to lớn của người thợ săn), còn những công thần khác đều chỉ có thể là “công cầu” (người có công của con chó). Hơn nữa sau khi Lưu Bang đánh bại Hạng Vũ, xây dựng chính quyền trung ương nhà Hán, Tiêu Hà đã không giống như Trương Lương tự trọng rút lui, cũng không rơi vào kết cục bị giết chết như Hoài Âm hầu Hàn Tín mà là chết già ở trên chức nhiệm tể tướng, làm tới cuối cùng để bảo đảm danh vị. Điều này quả thực là rất không dễ dàng.

Sở dĩ ông có thể như vậy được, e rằng cũng nên quy công vào tư tưởng mưu lược mà ông phò trợ Lưu Bang trước sau như một để thành tựu đại nghiệp.

Lưu Bang có chí khí của chim hồng chim hộc, phóng khoáng cởi mở, quyết đoán dám làm. Thế nhưng lòng nghi ngờ nặng, tâm kế nhiều cho dù là đối với bộ hạ cũng là một mặt trọng dụng, còn mặt khác vẫn cảnh giác đề phòng. Tiêu Hà đối với Lưu Bang một dạ trung thành, lại là tình kết giao trong hoạn nạn, lẽ ra Lưu Bang nên yên lòng. Thế nhưng đã không như vậy. Trong những giờ khắc mấu chốt, Lưu Bang đều đã từng nghi ngờ Tiêu Hà. May mà được Tiêu Hà có tâm kế, lại biết chiếu cố tới toàn đại cục, coi lợi ích của quốc gia làm trọng, còn sử dụng những biện pháp thông minh quyết đoán, mới dần xóa bỏ được lòng dạ nghi ngờ của Lưu Bang.

Ví dụ thứ nhất, Lưu Bang thất bại ở Bành Thành, lui binh về Vinh Dương, Thành Cao, tranh giành với Hạng Võ một thời gian dài suốt ba năm. Trong thời gian Tiêu Hà nhận nhiệm vụ ở lại hậu phương Quan Trung (nay là Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây), đã không ngừng vận chuyển lương thảo, bổ sung binh lính cho Lưu Bang, có thể nói là lòng trung thành tuyệt đối, dốc hết toàn sức lực. Thế nhưng Lưu Bang đối với ông vẫn chưa thực an tâm, thường xuyên phái cử người thân tín ở bên cạnh làm đặc phái viên với danh nghĩa là tới “khao thưởng” Tiêu Hà, song thực tế là quan sát, xem xét động tĩnh của Tiêu Hà. Tiêu Hà nhận thức được rằng để cho Lưu Bang được yên tâm, ông đã đem tất cả anh em con cháu toàn gia ra mặt trận để cho họ ở bên cạnh Lưu Bang, trên thực tế là để làm con tin. Điều này đã khiến cho Lưu Bang rất vui vẻ, ca tụng Tiêu Hà là trung thành, đồng thời cũng xóa bỏ được lòng dạ nghi ngờ.

Ví dụ thứ hai, trong quá trình đấu tranh tiêu diệt vương khác họ, Lưu Bang cũng đã từng không yên tâm với Tiêu Hà, e sợ Tiêu Hà có phản ứng dây chuyền. Vì thế, một mặt Lưu Bang gia quan phong tước cho Tiêu Hà, mặt khác đã không ngừng cử người tới xem dò “Tướng quốc làm gì?”. Tiêu Hà hiểu rõ tâm ý của Lưu Bang đã nhanh trí thông minh sử dụng một kế sách, một mặt đem toàn bộ gia tài của mình vận chuyển tới cho quân đội

của Lưu Bang ở tiền phương, một mặt khác cố ý cưỡng chiếm hoặc mua rẻ ruộng của dân, dùng điều này để biểu thị bản thân mình là người thần giữ của, chứ không có chí lớn, không biết mua chuộc lòng dân. Kết quả của miếng võ này đã khiến cho Lưu Bang yên tâm, hơn thế Lưu Bang còn giả vờ giả vệt trách móc Tiêu Hà không nên mua rẻ ruộng của dân, còn bắt Tiêu Hà phải tạ lỗi với dân chúng.

Trải qua nhiều lần thăm dò thử thách, cuối cùng Lưu Bang đã nhận định Tiêu Hà có lòng trung thành tuyệt đối với mình, do đó trước sau đã trao quyền tướng cho Tiêu Hà, yên tâm để cho Tiêu Hà chế định các chính sách trị quốc, quản lý việc quốc gia đại sự. Mãi cho tới khi Lưu Bang chết già, mối quan hệ giữa hai người đều tương đối dung hòa, họ đã đồng tâm hiệp lực cai trị quản lý quốc gia. Tây Hán dần dần trở nên cường thịnh, công lao của Tiêu Hà không thể phai mờ.

## 39. TRẦN BÌNH

### KỶ MƯU PHÒ LƯU THỊ, THAO HỐI TRỪ CHƯ LÃ

Trần Bình, không rõ năm sinh, mất năm 178, sinh ra ở làng Hộ Dụ, Dương Vũ (phía Đông Nam huyện Nguyên Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay), xuất thân nghèo khó. Trần Thắng, Ngô Quang khởi nghĩa, thiên hạ đại loạn, đi theo Ngụy Vương Cửu không được trọng dụng. Lại đi theo Hạng Vũ, do bất hòa, ông bỏ trốn theo Hán Cao Tổ Lưu Bang. Lưu Bang vừa trò chuyện đã vô cùng tín nhiệm, ông trở thành một mưu sĩ quan trọng của Lưu Bang, hiến được kỳ kế, trừ được nguy cơ, giúp đỡ Lưu Bang thống nhất thiên hạ. Lưu Bang chết, Lã Hậu chuyên quyền, nhà Hán rơi vào thời kỳ nhiều sự kiện, thừa tướng Trần Bình khôn khéo ứng biến, khuất ý bợ đỡ, giữ vững được nền thống trị của nhà Hán. Trong tâm ông có nhiều mưu sâu tài thao lược kín đáo. Lã Hậu vừa mất, Trần Bình đã dùng thế nhanh chóng như sét đánh không kịp bịt tai, giết chết hết những người trong dòng họ Lã, khôi phục giang san của họ Lưu, tiếp tục kéo dài nền thống trị của triều Hán.

### PHÂN GIÁN GIỮA VUA TÔI HẠNG VŨ, LƯU BANG VE SÀU LỘT XÁC

Năm 205 trước Công nguyên, Lưu Bang chiếm lĩnh Quan Trung, dẫn năm mươi vạn đại quân tiến đánh Bành Thành là nơi căn cứ địa của Hạng Vũ, vấp phải sự đánh trả của Hạng Vũ bị thất bại nặng nề. Lưu Bang phải chạy trốn tới Vinh Dương, chỉnh đốn đội quân thất bại, bài binh bố trận lại từ đầu. Hạng Vũ cất quân tập kích vào quân đội Hán đang thiếu lương thực, cố thủ ở Vinh Dương. Trong tình hình bất đắc dĩ Lưu Bang đã phải xin cắt nhường phần đất ở phía Đông Vinh Dương cho Hạng Vũ để cầu hòa, bị Hạng Vũ cự tuyệt. Trần Bình hiến kế nói, Hạng Vũ tính đa nghi, xin đại vương cho thần mấy vạn lượng vàng, thần xin nguyện giúp đại vương thi

hành kế phản gián, ly gián vua tôi Hạng Võ, chờ khi chúng lục đục với nhau, ta sẽ cất quân đánh Sở. Lưu Bang nghe theo kế đó, giao cho Trần Bình bốn vạn lượng vàng, nói: “Cho người được toàn quyền xử lý đó!”. Trần Bình dùng số vàng này thu mua gián điệp ở trong quân Sở gieo rắc tin đồn, nói: “Các đại tướng như Chung Ly Muội v.v... đã lập được công lao to lớn cho Hạng Võ, thế mà chẳng được phong đất, đã thông đồng với Hán Vương Lưu Bang, chuẩn bị liên hiệp trong ngoài để tiêu diệt Hạng Võ, rồi sẽ chia nhau lãnh địa, mỗi người tự xưng vương. Chẳng bao lâu, quả nhiên Hạng Võ đã bắt đầu nghi ngờ các đại tướng như Chung Ly Muội v.v...

Hạng Võ phái sứ giả tới doanh trại của quân Hán. Trần Bình khoản đãi. Bọn lính hầu đã chuẩn bị yến tiệc linh đình để chiêu đãi quân vương, đợi lúc sứ giả của Sở bước vào, Trần Bình đã cố tình làm ra vẻ kinh ngạc, nói: “Tôi cứ ngỡ là người của Á Phụ (Phạm Tăng) cử đến, té ra lại là người của Hạng Võ!”. Nói rồi, lại sai người chuẩn bị một bữa rượu thịt rất sơ sài khác, cố ý không chu đáo với sứ giả.

Sứ giả bị sỉ nhục, vô cùng phẫn nộ, sau khi trở về đem những câu nói của Trần Bình và việc đối xử lạnh nhạt của họ như thế nào, cứ như thực tâm trình với Hạng Võ. Lòng nghi ngờ của Hạng Võ bỗng bất chợt nảy sinh, tức đoạt hết quyền binh của Á Phụ, cự tuyệt không nghe ý kiến của Á Phụ nữa. Trong lúc Á Phụ giận dữ đã bỏ về làng, trên đường đi bị phần giăng co cào xé, mụn u độc ở trên lưng vỡ ra, chết ngay trên đường đi.

Á Phụ là một người có mưu lược rất cao siêu, từ trước vẫn giúp Hạng Võ sắp đặt kế hoạch tác chiến ở hậu phương, đã nhiều lần dùng kỳ kế làm cho Cao Tổ phải lâm vào bước đường cùng. Á Phụ là do Hạng Võ cảm kích công lao mưu trí to lớn của Phạm Tăng mà tôn gọi như vậy, có nghĩa là người cha thứ hai. Kế phản gián của Trần Bình thành công, Phạm Tăng đã bị đuổi đi. Lúc này, Sở Vương Hạng Võ vây khốn Hán Vương ở Vinh Dương (phía Đông Bắc Vinh Dương, Hà Nam ngày nay), tình hình vạn phần nguy cấp. Giữa đêm, Trần Bình tập trung hơn hai ngàn phụ nữ và trẻ em trong thành Vinh Dương giả danh làm quân Hán, mở rộng cửa phía Đông, quân Hán đi ở phía sau. Quân Sở tràn vào cửa Đông, thừa lúc đó

Lưu Bang chạy trốn ra khỏi cửa Tây. Lưu Bang chạy ra được, lại phát cờ giống trống, tập trung binh lực, còn Hạng Vũ đã mất đi quân sư rồi, từ đó về sau đã bị bức phải chuyển từ thế công sang thế thủ.

Thừa lúc không phòng bị, lập kế bắt Hàn Tín. Năm 202 trước Công nguyên, Lưu Bang chính thức lên ngôi Đế. Trần Bình được phong làm Khúc Nghịch Hầu, dùng mưu lược kỳ kế hiệp trợ với Cao Tổ bình định được phản loạn. Năm 201 trước Công nguyên (năm thứ sáu Hán Cao Đế) có người báo là Hàn Tín mưu phản. Các tướng đều xin nhanh chóng phát binh tróc nã Hàn Tín. Lưu Bang hỏi kế Trần Bình. Trần Bình hỏi:

- Quân tinh nhuệ của bệ hạ so với quân nước Sở ai mạnh hơn?

Lưu Bang nói:

- Binh lực hơi kém hơn Sở (Lưu Bang lập Hàn Tín làm Tề Vương, sau lại đổi thành Sở Vương).

Trần Bình lại hỏi:

- Tài dùng binh của các tướng lĩnh bệ hạ có ai vượt qua được Hàn Tín không?

Lưu Bang nói:

- Không ai kịp bằng Hàn Tín cả.

Trần Bình nói:

- Quân đội không tinh nhuệ bằng nước Sở, tướng lĩnh không kịp Hàn Tín, mà lại muốn cất quân đánh Hàn Tín. Điều này chỉ có thể thúc đẩy Hàn Tín khởi binh chống lại. Điều này sẽ rất nguy hiểm cho bệ hạ.

Lưu Bang hỏi Trần Bình:

- Phải làm như thế nào?

Trần Bình hiến kế nói:

- Phương Nam có đầm Vân Mộng, bệ hạ hãy giả vờ đi tuần thú Vân Mộng, rồi hội kiến chư hầu ở huyện Trần (huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay). Huyện Trần ở biên giới phía Tây nước Sở, Hàn Tín nghe



nói bệ hạ đi tuần thú Vân Mộng, một khoảng trời bình an và một tấm lòng tốt, tất nhiên sẽ cho rằng không thể có biến cố nào sẽ tới vùng ngoại ô nghênh tiếp bệ hạ. Chờ khi hấn vào bãi yết bệ hạ, bệ hạ sẽ thừa cơ bắt lấy hấn. Điều này chỉ cần một lực sĩ là có thể làm được.

Cao Tổ làm theo kế của Trần Bình, cử sứ giả đi thông báo cho các chư hầu biết, mời họ tới họp mặt ở huyện Trần, “Hoàng thượng sẽ du chơi đầm Vân Mộng”. Sau đó khởi giá, còn chưa tới huyện Trần, quả nhiên Sở Vương Hàn Tín đã ra nghênh đón ở trên đại lộ vùng ngoại ô. Cao Tổ đã có sắp đặt sẵn sàng từ trước, Hàn Tín vừa tới, lập tức đã bị trói, giải về Lạc Dương.

### **MỸ NHÂN MƯU ĐỒ GIẢI VÂY BẠCH ĐĂNG**

Năm 200 trước Công nguyên, Trần Bình theo Cao Tổ dẫn quân tiến công Hung Nô. Quân đội vừa kéo tới Bình Thành (phía Đông Bắc thị trấn Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây ngày nay) bị bốn chục vạn quân tinh nhuệ của Mạo Đốn Đan Vu Hung Nô bao vây ở núi Bạch Đăng. Cứu binh khó tới, lương thực chẳng còn. Cao Tổ nguy nan trong sớm tối, vội hỏi kế Trần Bình. Trần Bình cho người vẽ một bức tranh người đẹp, phái sứ giả bí mật đem đến cho vợ của Mạo Đốn là Át Thị, rồi nói với nàng:

- Những người đẹp như thế này ở trong triều đình nhà Hán có rất nhiều, chúng tôi muốn chọn một người đẹp nhất hiến dâng cho Mạo Đốn, để xin ngài giải vây Bạch Đăng cho.

Át Thị biết rằng nếu Mạo Đốn có người đẹp mới thì bản thân mình sẽ có thể bị thất sủng. Nếu thả cho Lưu Bang một con đường sống thì có thể bài trừ được nguy hiểm bị thất sủng của mình. Tức thì Át Thị liền khuyên can Mạo Đốn, nói:

- Hán là nước láng giềng, tại sao lại cứ phải liều chết mà đánh lộn lẫn nhau. Cho dù lần này được thắng cũng không thể ở lâu trên lãnh địa nhà Hán được. Huống hồ về sau chưa chắc đã có thể thắng được.

Mạo Đốn đang trù trừ do dự, nghe thấy kiến nghị của Át. Thị, liền để hở ra một mặt lưới. Cao Tổ thừa lúc sương mù dày đặc chạy thoát được ra

khỏi vòng vây.

## **ẨN GIẤU TÀI NĂNG TRỪ CHỪ LÃ**

Sau khi Hiếu Huệ Đế mất, Lã Hậu chấp chính, điều đầu tiên mà Lã Hậu nghĩ là làm thế nào để khuếch trương được thế lực của họ Lã, dự định đem mọi người trong họ phong cho làm vương hầu ở các nơi. Lã Hậu hỏi hữu thừa tướng Vương Lăng. Vương Lăng nói:

- Cao Tổ đã từng giết bạch mã tuyên thệ “Người không phải họ Lưu mà làm vương, thiên hạ sẽ cùng đánh đổ”, cho nên tuyệt đối không thể phân phong cho con em họ Lã làm vương được.

Lã Hậu rất không vui, lại hỏi Trần Bình và Thái úy Chu Bột, hai người đều hân hoan đồng ý, nói:

- Ngày trước Cao Tổ trông coi thiên hạ, phân phong cho con em họ Lưu làm vương. Ngày nay Thái hậu đã chấp chính, việc phân phong cho con em họ Lã làm vương, đương nhiên là có thể được.

Lã Hậu nghe xong vô cùng sung sướng. Sau khi thoái triều, Vương Lăng trách móc Trần Bình và Chu Bột, nói:

- Khi Cao Tổ minh thệ, hai ông đều có mặt. Hiện tại Cao Tổ vừa băng hà, Thái hậu đã bội ước phong cho con em họ Lã, thế mà hai ông lại nhất trí đồng ý, đó là lòng dạ gì? Còn mặt mũi nào đối với Cao Tổ ở dưới đất không?

Hai người cười nói:

- Dùng lời nói thẳng để khuyên can, chúng tôi không bằng ngài được. Yên định nhà Hán, tiếp tục kéo dài chính quyền họ Lưu, thì ngài không bằng chúng tôi được.

Lã Hậu không thể dung thứ Vương Lăng để cùng Vương Lăng hát bài ca lạc điệu được, liền giả vờ có ý đề bạt Vương Lăng làm Hoàng đế thái phó. Chức quan Thái phó đứng trên Tam công nhưng không có thực quyền. Lần thay đổi chức quan này của Vương Lăng thực ra là vờ thẳng để giáng, đã bị

đoạt mất quyền làm tướng. Vương Lăng bức tức quá, lấy cố bị ồm mà từ chức, đóng cửa không ra ngoài, sau đó uất ức rồi chết.

Đuổi được Vương Lăng, Lã Hậu liền đề bạt Trần Bình làm Hữu thừa tướng, Tả thừa tướng là tâm phúc của Lã Hậu Thẩm Thực Kỳ. Con người này gian díu với Lã Hậu hòa nhau làm bậy, nắm giữ thực quyền. Trần Bình biết được sự việc bê bối bên trong này, chỉ giữ chức làm vì chiếm chỗ ăn không để đối phó với việc tồi tệ này.

Phàn Khoái là chồng em gái Lã Hậu. Khi Cao Tổ ốm nặng, có người phi báng, nói Phàn Khoái cầu kết với Lã Hậu, chờ sau khi Lưu Bang qua đời thì cướp quyền. Lúc này Phàn Khoái đang dẫn quân đi đánh Yên. Lưu Bang nghe được tin đồn liền tức giận, cử ngay Trần Bình đưa Giáng hầu Chu Bột giành giật và thay thế Phàn Khoái đi thống soái quân đội, rồi bắt Phàn Khoái chém đầu ngay tại chỗ. Trần Bình biết rõ con người Lã Hậu, chưa chặt đầu Phàn Khoái ngay mà sau khi bắt giữ Phàn Khoái đưa tới Trường An. Lúc này Cao Tổ đã qua đời. Quả nhiên Lã Hậu đã tha cho Phàn Khoái, hơn thế đã khôi phục tước vị và thành ấp cho Phàn Khoái. Vợ của Phàn Khoái là Lã Tu (em gái Lã Hậu) đã căm giận trong tâm đối với sự kiện này, nhiều lần nói xấu Trần Bình trước mặt Lã Hậu, rằng:

- Trần Bình thân làm Thừa tướng mà không soi xét việc chính sự, hàng ngày chỉ uống rượu hưởng lạc, chơi bời với phụ nữ!

Trần Bình nghe nói, liền tương kế tựu kế, càng đắm say trong tửu sắc. Lã Hậu vốn dĩ không muốn để cho Trần Bình quản nhiều công việc trong triều đình, để tiện cho bản thân mình độc đoán chuyên quyền. Nghe lời sàm ngôn của em gái, vừa hay trúng với tâm trạng mình, thầm sung sướng, nghĩ bụng: khỏi phải lo lắng tới Trần Bình, thiên hạ của họ Lã có thể vững như Thái Sơn rồi. Sau đó Lã Hậu đã nói với Trần Bình ngay trước mặt Lã Tu rằng:

- Tục ngữ nói “Lời nói của đàn bà con nít không thể tin được”, chỉ cần xem thử người đối với ta như thế nào, chớ có sợ lời nói xấu của Lã Tu!

Từ đó, Lã Hậu càng trắng trợn không kiêng nể gì cả, muốn làm gì thì làm, cứ phong bừa bãi cho các con em họ Lã làm vua. Trần Bình cũng giả vờ đồng ý, âm ừ cho qua chuyện. Năm 180 trước Công nguyên, Lã Hậu vừa qua đời, Trần Bình đã hợp mưu với Thái úy Chu Bột giết chết hết gia tộc họ Lã, ủng hộ lập đại vương là Hiếu Văn Hoàng đế, khôi phục giang sơn nhà họ Lưu. Trần Bình ngoài mặt nghênh hợp với Lã Hậu, nội tâm đã có mưu sâu kế hiểm, bí mật bố trí, hễ thời cơ đến là lập tức hành động vừa làm đã thành công, cả cuộc đời của Trần Bình, âm mưu dương mưu đều tài giỏi cả, lại thông hiểu “Thuật Hoàng lão”, làm thừa tướng mười năm, có phương pháp xử thế, chẳng những khiến cho nền thống trị của nhà Hán không đổ, mà bản thân mình đã vinh dự được người đời sau tôn sùng là hiền tướng.

## 40. LÂU KÍNH

### XÉT NGUY TRONG CHỐC LÁT, DỰNG YÊN SUỐT TRĂM ĐỜI

Lâu Kính người nước Tề (vùng phía Bắc tỉnh Sơn Đông ngày nay), là mưu thần quan trọng của Lưu Bang. Hơn thế ông còn là một mưu thần dám trực tiếp khuyên can độc nhất vô nhị của Lưu Bang, ông đã thiết kế ra rất nhiều mưu lược quan trọng cho chính quyền họ Lưu.

### KIẾN NGHỊ ĐỊNH ĐÔ TRƯỜNG AN, ĐỂ LỢI CHO VIỆC TIẾN ĐÁNH LÙI GIỮ

Tháng năm, mùa hạ, năm thứ năm Hán Cao Đế (năm 202 trước Công nguyên), trên đường đi tới nơi đóng quân ở Lũng Tây (nay là phía Đông tỉnh Cam Túc), khi đi qua Lạc Dương (phía Đông thị trấn Lạc Dương, tỉnh Hà Nam), Cao Đế Lưu Bang ở nơi đó, Lâu Kính từ trong cànng xe bước ra, ông mặc chiếc áo lông cừu, nói với Ngu tướng quân, người nước Tề soái lĩnh quân lính:

- Tôi muốn tới bái yết Hoàng thượng để làm một việc đại sự.

Ngu tướng quân nhìn thấy ông ăn mặc quá rách rưới nghèo túng, muốn đổi cho ông một bộ quần áo hoa mỹ hơn, Lâu Kính nói:

- Có tơ lụa thì mặc tơ lụa đi gặp, có vải thô thì mặc vải thô đi gặp. Tôi không muốn đổi quần áo đâu!

Ngu tướng quân truyền lại lời nói đó với Lưu Bang. Lưu Bang đã để cho ông vào gặp, hơn thế còn thưởng cơm cho ông ăn.

Sau đó Lưu Bang đã trò chuyện với Lâu Kính. Lâu Kính khuyên Lưu Bang:

- Nghe nói bệ hạ muốn định đô ở Lạc Dương, là muốn so độ uy vọng với triều Chu năm xưa có phải không? (Năm 770 trước Công nguyên Chu Bình

Vương thiên đô tới Lạc Ấp, suốt cho tới năm 256 trước Công nguyên).

Lưu Bang nói:

- Đúng là như vậy đó!

Lâu Kính nói:

- Con đường giành thiên hạ của bệ hạ không giống như triều đình nhà Chu năm xưa. Tổ tiên triều nhà Chu từ Hậu Tắc trở đi tích đức góp thiện hơn mười đời. Chu Thái Vương rời tới chân núi Chi Sơn trong bộ tộc đều theo ông đi. Chu Văn Vương có Lã Vọng (Khương Tử Nha), Bá Di từ những nơi xa xôi tới qui phò, Chu Vũ Vương đã hội hợp tám trăm chư hầu tiêu diệt Ân Thương. Đến đời Chu Thành Vương lên ngôi, Chu Công phò tá, xây dựng kinh đô ở Lạc Ấp, cho rằng nơi đây là trung tâm của thiên hạ, chư hầu các nơi tới triều cống, số dặm đường lộ trình bằng nhau. Việc định đô ở đây, nhà vua có đức thì dễ dàng thống trị thiên hạ, vô đức thì dễ dàng mất nước. Do đó, khi triều Chu cường thịnh, chư hầu bốn phương ngưỡng mộ danh vọng nhà Chu, nhất trí phụng thờ là Chu Thiên tử, không cần phải bố binh đề phòng. Đến lúc triều Chu suy yếu, các lãnh địa trực thuộc cũng phân chia tách thành hai nước nhỏ. Chư hầu cũng không tới triều bái. Chu Thiên tử cũng không thể chế ngự được tình thế. Bệ hạ và triều đình nhà Chu không giống nhau, bệ hạ khởi binh từ huyện Bái, soái lĩnh ba ngàn quân lính cuốn chiếu Thục (nay là miền Trung Tây Bộ Tứ Xuyên), Hán (nay là phía Nam tỉnh Thiểm Tây, phía Tây Bắc tỉnh Hồ Bắc), bình định Tam Tần (ba nước Quan Trung, Ung Vương Chương Hàm, Tái Vương Tư Mã Hân, Địch Vương Đông Ế) hội chiến với Hạng Võ ở Vinh Dương (nay là vùng Đông Bắc huyện Vinh Dương, tỉnh Hà Nam), tranh đoạt Thành Cao (vốn tên là Hồ Lao, nay là thị trấn Tân Ty Thủy huyện Vinh Dương), đại chiến hơn bảy chục lần, tiểu chiến hơn bốn chục lượt. Nhân dân khắp thiên hạ bởi chiến loạn mà gan óc đầy đường, thầy phôi khắp ruộng, không sao đếm xuể, tiếng khóc than không ngớt, người tàn phế thương đau chưa ngồi dậy được. Bệ hạ ngài làm sao có thể so sánh được với uy vọng của đời thịnh trị Thành Thái triều Chu? Do vậy, bệ hạ nên nhập vào Hàm Cốc Quan

kiến đô ở Trường An. Nơi đó trước kia là đất Tần, lưng dựa vào Hoa Sơn, mặt nhìn ra Hoàng Hà, bốn mặt có quan ải làm bình phong trấn giữ. Khi có tình trạng khẩn cấp có thể động viên được hàng triệu quân lính. Dựa nhờ vào đất đai phì nhiêu màu mỡ, đúng là một nơi tốt đẹp, có kho báu tự nhiên lại có hình thế hiểm trở chắc chắn. Cho dù khu vực Sơn Đông ở mặt Đông loạn lạc, đất cũ của nước Tần cũng có thể chiếm giữ ổn định được. Vật lộn với con người nếu không bóp chặt được cổ hãn, chỉ dăm ở đằng sau lưng hãn thì không thể chế phục được hãn. Còn nếu như bệ hạ nhập vào Hàm Cốc Quan xây dựng kinh đô, chiếm lấy vùng đất cũ của nước Tần, trên thực tế chính là đã bóp chặt được cổ của hãn, lại có thể đập vào lưng của hãn đó. Ấy là kế sách vạn toàn vậy.

Lưu Bang nghe xong lời phân tích của Lâu Kính, liền hỏi các quan đại thần xem họ có đồng ý hay không. Số quan đại thần này đều là người Sơn Đông, họ đều nói, đất Lạc Dương này, triều đình nhà Chu thống trị đã mấy trăm năm rồi. Còn ở trong Hàm Cốc Quan thì hai đời nhà Tần đã bị tiêu diệt.

So sánh như vậy, vẫn cứ nên định đô ở Lạc Dương thì tốt hơn. Lưu Bang trù trừ chưa quyết. Về sau, Lưu Hầu Trương Lương đã hoàn toàn ủng hộ kiến nghị của Lâu Kính về vấn đề kiến đô. Lưu Bang mới hạ quyết tâm ngay hôm đó đã tiến về phía Tây định đô ở Quan Trung, Lưu Bang nói:

- Người kiến nghị xây dựng kinh đô ở đất Tần chính là Lâu Kính. Lâu chính là Lưu vậy!

Ở thời cổ đại, đế vương dùng họ của mình thưởng cho công thần để biểu thị lòng ân sủng, cũng là để mở rộng thế lực của mình. Do âm Lâu và âm Lưu gần giống nhau, bèn cho Lâu Kính đổi thành họ “Lưu”, bổ nhiệm làm Lang trung (lang trung là tên quan bắt đầu từ thời Chiến Quốc. Đời Hán dựa theo đổi là Lang trung lệnh, quản lý xe, ngựa, nhà cửa, rồi bổ sung lính hầu ở bên trong, theo quân đi tác chiến ở bên ngoài), xưng hiệu là Phụng Xuân Quân. Mùa xuân là thời gian bắt đầu của một năm, do vì Lâu Kính là

người đầu tiên kiến nghị xây dựng kinh đô ở Quan Trung, cho nên gọi là “Phụng Xuân”.

## **BIẾT RÕ KẾ CỦA HUNG NÔ, KHUYÊN LƯU BANG NÊN PHẠM TỘI**

Đến năm thứ bảy Hán Cao Tổ (năm 200 trước Công nguyên), Hàn Vương Tín làm phản, Hán Cao Đế dẫn đầu đi trấn áp. Tới Tấn Dương (phía Tây Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây ngày nay), nghe nói Hàn Vương Tín và Hung Nô muốn cùng tấn công triều Hán. Lưu Bang giận dữ lắm, đã cử người đi trước tới chỗ Hung Nô thăm dò hư thực. Lúc này bọn Hung Nô đã dùng mưu “Thực mà hư”, đem quân đội tinh nhuệ và ngựa béo xe tốt cất giấu đi hết, chỉ để cho sứ giả nhà Hán nhìn thấy những binh lính già yếu và súc sinh gầy nhỏ. Liên tục cử mười đoàn sứ giả tới, họ trở về đều nói là có thể tấn công được. Lưu Bang vẫn không yên lòng, lại cử Lưu Kính đi thăm dò một lần nữa. Trở về, Lưu Kính trình báo rằng, hai bên giao chiến đều nên dùng chỗ mạnh của mình. Mà thần chỉ nhìn thấy những binh lính già yếu và súc sinh gầy bé của Hung Nô. Điều này nhất định là họ cố ý tỏ ra yếu kém, ẩn giấu kỳ binh để giành chiến thắng, ông cho rằng quyết không thể tấn công Hung Nô được. Thế nhưng lúc này, hơn ba chục vạn quân Hán đã ra khỏi núi Câu Chú (phía Tây Nam huyện Đại tỉnh Sơn Tây ngày nay). Lưu Bang nóng lòng muốn đánh Hung Nô, rất không hài lòng với lời tâu trình của Lưu Kính, liền mắng chửi rằng:

- Mi là cái tên khốn kiếp của nước Tề, dựa vào mồm mép để giành được chức quan. Bây giờ lại dám tấu trình bậy bạ, làm nao núng lòng quân, gây trở ngại bước tiến của đại quân ta.

Rồi hạ lệnh bắt giam Lưu Kính vào trong nhà tù ở Quảng Vũ (phía Tây Nam huyện Đại ngày nay). Về sau, quả nhiên Lưu Bang đã trúng phải kế của Hung Nô, bị vây ở núi Bạch Đăng (phía Đông Bắc thành phố Đại Đồng ngày nay), chỉ suýt nữa thì phải bỏ mạng. Sau sự việc, Lưu Bang đích thân tới Quảng Vũ, xá tội cho Lưu Kính, nói:



- Ta không nhận kiến nghị của khanh, vì thế nên đã bị vây khốn ở núi Bạch Đằng. Ta đã đem tất cả các sứ giả tấu trình có thể tấn công Hung Nô được, chém chết hết cả rồi. Rồi lại phong thưởng cho Lưu Kính hai ngàn hộ, phong tước cho ông là Quan nội hầu (cấp thứ 19 trong 20 tước vị thời Tần Hán) xưng làm Kiến Tín Hầu.

## **LẤY NHU HOÀ THÂN, KẾT MINH HUNG NÔ**

Năm 209 trước Công nguyên, Mạo Đốn Hung Nô đã giết chết cha là Man Đầu tự lập lên làm Đan Vu. Đan Vu tăng cường tổ chức nội bộ, xây dựng chế độ chuyên chính, thực lực ngày càng lớn mạnh. Đầu năm Tây Hán có bốn mươi vạn xạ thủ, thường xuyên kéo xuống phía Nam, xâm lược quấy nhiễu, phía Bắc nhà Hán, đã hình thành sự uy hiếp rất lớn đối với chính quyền Lưu Bang. Đối với sự việc này, Lưu Bang rất lo lắng liền hỏi Lưu Kính xem có đối sách gì. Lưu Kính nói:

- Thiên hạ vừa được bình định, sĩ tốt còn đang mệt mỏi không thể dùng vũ lực đi chinh phục được. Mạo Đốn giết cha tự phong, đem thê thiếp của cha chiếm làm vợ mình, dùng võ lực để ra uy. Đối với hãn cũng không có cách gì dùng nhân nghĩa đạo đức để khuyên can được. Do vậy, chỉ có thể dùng mưu kế để khống chế, sử dụng những sách lược nhất định, khiến cho con cháu của hãn đều làm thần tử của triều Hán. Thế nhưng chỉ sợ rằng bệ hạ không thể dùng mưu lược của thần được thôi.

Lưu Bang nói:

- Nếu kế sách của khanh có thể được, tại sao lại không sử dụng. Vậy thì, cuối cùng là biện pháp nào?

Lưu Kính nói:

- Nếu bệ hạ có thể đem công chúa lớn do hoàng hậu sinh ra gả cho Mạo Đốn, rồi lại cho ông ta nhiều lễ vật quý giá. Mạo Đốn biết rõ hoàng đế triều Hán đã đem con gái của mình gả cho ông ta, lại biếu cho nhiều báu vật. Ông ta nhất định sẽ phong công chúa làm Át Thị, còn kính yêu và tôn trọng

công chúa nữa. Con trai mà công chúa sinh ra lại nhất định sẽ làm Thái tử, tương lai sẽ kế tiếp thay thế Đan Vu. Nguyên nhân rất giản đơn, bởi vì Mạo Đốn tham được lễ vật quý báu của triều Hán. Mỗi năm định kỳ, Hoàng thượng sẽ đem những đồ vật triều nhà Hán thừa mà Hung Nô thiếu đưa tới úy lạo, khao tặng. Đồng thời, lại phái cử các kẻ sĩ giỏi nói năng, thạo biện luận, dùng lễ pháp của triều Hán cảm hóa, ảnh hưởng họ. Như vậy, khi Mạo Đốn còn sống, ông ta là con rể của Hoàng thượng, không thể phát sinh ra những sự việc xâm lăng quấy nhiễu triều Hán. Sau khi Mạo Đốn chết, các cháu ngoại của Hoàng thượng làm Đan Vu Hung Nô, đâu lại có thể có cháu ngoại đối lập với ông ngoại được? Sử dụng mưu kế này, chẳng cần phải cất quân đi chinh chiến cũng có thể khiến họ thần phục được. Nếu bệ hạ không muốn đưa công chúa lớn đi mà lại để cho em gái hoàng tộc hoặc con gái hậu cung giả danh làm công chúa, Mạo Đốn cũng có thể biết được sẽ không tôn trọng, gần gũi nàng, kết quả là sẽ chẳng có lợi ích gì.

Lưu Bang nói:

- Mưu kế này hay lắm! - Lưu Bang dự định đưa công chúa lớn đi cầu thân.

Thế nhưng Lã Hậu không đồng ý, ngày đêm khóc lóc nói:

- Thiếp chỉ có một Thái tử và một con gái, tại sao lại phải đem con gái ném vào Hung Nô?

Lưu Bang không chịu nổi tiếng gào khóc của vợ, không thể đưa công chúa lớn đi được, cuối cùng đã tuyển chọn một người con gái hoàng tộc giả danh làm công chúa, gả cho Đan Vu. Rồi cử Lưu Kính đi trước ký kết hiệp ước hoà thân.

## **DI CHUYỂN DÂN BỐ SUNG CHO TẦN TRUNG, THI HÀNH THUẬT GỐC MẠNH NGỌN YẾU**

Đây là một sách lược quan trọng mà Lưu Kính để suất nhằm củng cố chính quyền Lưu Bang. Sau khi ký kết xong hòa ước kết thân với Hung Nô trở về, Lưu Kính nói với Lưu Bang:

- Bộ tộc Bạch Dương và Lôu Phiền của Hung Nô ở vùng Hà Thao, nơi gần cách Trường An bảy trăm dặm, kỵ binh trang bị nhẹ một ngày một đêm có thể tới Tần Trung được. Còn ở đất Tần Trung, dân cư thưa thớt, đất đai phì nhiêu, ta nên di chuyển dân cư tới đó để bổ sung thêm mạnh mẽ. Hiện tại tuy bộ hạ đã xây đô ở Quan Trung, kỳ thực vẫn còn thiếu nhân lực. Phía Bắc có Hung Nô uy hiếp, phía Đông có con cháu của vương tộc sáu nước Đông phương, tông tộc lớn mạnh, hễ có biến cố xảy ra, bộ hạ cũng không thể gối cao đầu ngủ ngon được. Theo thiên nghi của thần, mong muốn bộ hạ hãy chuyển rời các chi họ Điền của nước Tề, vương tộc nước Sở có ba họ Chiêu, Khuất, Cảnh, con cháu đời sau của nước Hàn, nước Triệu, nước Ngụy cùng với một số hào kiệt dựa vào họ phòng bị Hung Nô. Các quý tộc cũ sáu nước có biến loạn cũng có thể soái lĩnh họ đồng chinh được. Đây là thuật tăng cường tập đoàn trung ương, mạnh gốc yếu ngọn.

Lưu Bang nghe xong sách lược của Lưu Kính, luôn miệng khen hay. Liền cử Lưu Kính đi hoàn thành nhiệm vụ dời dân chúng tới Quan Trung!

## 41. TRIỀU THỔ

### NỖI DANH XỨNG QUÂN SƯ, CHẾT VẊ VANG VÌ NƯỚC

Triều Thổ sinh năm 200 mất năm 154 trước Công nguyên, người đất Dĩnh Xuyên (huyện Vũ tỉnh Hà Nam ngày nay), là mưu sĩ chủ yếu của Hán Cảnh Đế. Ông đã từng theo học thầy Trương Khôi ở huyện Chi (phía Nam huyện Tế Nguyên tỉnh Hà Nam ngày nay), học tập lý luận hình danh của Thân Bất Hại và Thương Ưởng. Triều Thổ là con người nghiêm túc và hà khắc. Thế nhưng ông rất hiểu biết điển tịch văn hiến, được bổ nhiệm làm Thái Thường Chưởng Cổ [58]. Thời Hán Văn Đế, trong triều đình không có người nào có thể nghiên cứu giảng giải “Thượng Thư” được; nghe nói ở Tế Nam có một người tên gọi là Phục Sinh, vốn là một tiến sĩ triều nhà Tần (nắm giữ thư tịch điển thư và Sử sự thị vấn cổ kim), ông là người truyền thụ “Thượng Thư” bằng kim văn sớm nhất của Tây Hán, rất tinh thông “Thượng Thư”. Thế nhưng khi đó Phục Sinh đã hơn chín mươi tuổi rồi, tuổi già không thể trưng dụng vào triều được. Hán Văn Đế liền hạ lệnh cho Thái Thường để cho ông cử người tới học tập ở dưới cửa Phục Sinh. Thái Thường liền cử Triều Thổ đi học. Sau khi học xong trở về, Văn Đế để cho ông đảm nhiệm chức Thái tử gia lệnh. Bởi Triều Thổ giỏi biện luận nên được Thái tử Lưu Khải sủng ái, mọi người trong nhà Thái tử đều gọi ông là “Trí nang” [59]. Rất nhiều kế sách cai trị đất nước của ông đều được Thái tử tán thưởng. Về sau ông được Văn Đế bổ nhiệm làm Trung đại phu (nắm giữ nghị luận, chuẩn bị cố vấn).

### GIÁ NGỰ QUẦN THẦN, TẮT THÔNG THUẬT SỐ

Cái gọi là “Thuật số”, chính là thuật cai trị đất nước. Công Tôn Hoảng nói: “Thạo quyền sinh quyền sát, thông suốt đường tắc nghẽn, đủ mức độ cơ mưu, luận được lẽ mất còn, khiến cho mọi thứ giả tạo trong tình cảm xa,

gần đều thể hiện ra, đó gọi là “Thuật”. Trong thời gian đảm nhận thầy giáo của Thái tử Lưu Khải, Triệu Thố đã đề xuất với Thái tử sách lược làm thế nào để xây dựng được công lao phong phú sự tích vĩ đại, đã viết ra “Ngôn Thái tử nghi trị thuật số số”. Bản số mà Thái tử cần biết, cho rằng một vị vua cần phải tinh thông “Thuật số”, cần phải hiểu được việc thống ngự thần tử như thế nào. Ông nói: “Nhà vua sở dĩ được tôn sùng là vì đã biết lấy công danh lấy lòng vạn thế, đó là người biết thuật số vậy. Cho nên nhà vua trông coi giám sát bề tôi và cai trị dân chúng, tất quân thần đều sợ đều phục, sở dĩ họ biết vâng lời làm việc là vì không lừa dối họ. Nhà vua biết làm lợi cho vạn dân, thì dân chúng trong bốn biển tất theo hầu. Nhà vua biết trung hiếu thờ bề trên, tất thần tử sẽ noi theo. Trong bốn điều đó thần trộm nghĩ đều là những điều khẩn thiết đối với Thái tử”. Một số triều thần cho rằng Hoàng Thái tử chẳng cần phải biết đạo cai trị đất nước, Triệu Thố đã có sự phản bác mạnh mẽ. Ông cho rằng ngày trước có một số nhà vua không thể giữ vững được chính quyền mà đã bị sát hại, nguyên nhân chính là không hiểu được “thuật số” trị quốc. Ngày nay các sách mà Thái tử đọc được rất nhiều, thế nhưng nếu không hiểu được phương pháp cai trị đất nước, chỉ biết thuộc lòng sách vở, đó chỉ là bỏ công lao vất vả mà chẳng có công trạng gì. Hơn thế, ông còn kiến nghị Văn Đế tuyển chọn những thuật của thánh nhân thiết thực có thể dùng được vào thời nay để cho Thái tử học tập, cho phép Thái tử được trình bày cách nhìn nhận của mình ở trước mặt nhà vua. Văn Đế đã tiếp nhận kiến nghị của Triệu Thố. Những ảnh hưởng đối với Thái tử trong thời kỳ đảm nhận làm thầy giáo cho Thái tử của Triệu Thố, chính là nguyên nhân quan trọng để cho Cảnh Đế Lưu Khải có công trạng to lớn sau khi lên ngôi vua, “sự thái bình thịnh trị của Văn cảnh” trong lịch sử đã có quan hệ rất mật thiết với phương lược trị quốc của Triệu Thố.

## **SÙNG TÍN TRÙM CỬU KHANH, DIỆU KẾ TRÁNH TÊN LÉN**

Năm 157 trước Công nguyên, Hán cảnh Đế Lưu Khải lên ngôi lập tức bổ nhiệm Triệu Thố làm Nội sử (Trưởng quan hành chính kinh thành Trường

An), Cảnh Đế thường xuyên đàm luận quốc sự với riêng ông. Những chính luận của Triều Thố, lần nào cũng đều được Cảnh Đế tiếp nạp. Sự sùng tín đối với Triều Thố thậm chí đã vượt qua cửu khanh (tiếng gọi chung chín chức quan hành chính ở Trung ương thời Tần Hán). Thừa tướng Thân Đồ Gia, bởi ý kiến của mình luôn luôn không được tiếp nạp, trong lòng rất lấy làm hổ thẹn, rất ghét hận Triều Thố, nhưng lại chẳng tìm được lý do gì để bức hại ông. Lúc đó, phủ quan Nội Sử đặt ở trên bãi đất trống giữa bức tường trong ngoài của miếu Thái Thượng (Miếu Thái Thượng hoàng cha của Hán Cao Đế Lưu Bang), cửa mở về hướng Đông, ra vào không tiện lợi. Triều Thố liền cho mở thêm hai cánh cửa ra vào về hướng Nam, trên bức tường ngoài của miếu Thái Thượng. Thừa tướng Thân Đồ Gia nghe nói chuyện này, cho rằng lần này có thể tìm được lý do để trừ khử Triều Thố, bèn dự định lấy việc đào khoét bức tường vây của Miếu tổ Hoàng Đế coi là trọng tội, soạn việc tấu chương, thỉnh cầu Hoàng thượng giết chết Triều Thố. Môn khách của Triều Thố nghe nói đã báo với Triều Thố. Triều Thố thấy tin Thân Đồ Gia đem chuyện này khai tấu Hoàng thượng để giết chết ông, biết rằng sự việc nghiêm trọng chẳng thể xem thường, ngay đêm đó đã thỉnh cầu xin được hội kiến riêng với Hoàng thượng quy án tự thú, nói rõ đầu đuôi nguyên do sự việc này rất kỹ càng tỉ mỉ với Hoàng thượng. Đợi tới lúc Thân Đồ Gia tới cáo trạng ở trước mặt Cảnh Đế, tâu trình rằng Triều Thố tự tiện đục khoét mở ra cửa lớn khác ở trên tường miếu Thái Thượng, nên dẫn hãn giao cho Đình úy (một trong cửu khanh của nhà Hán, quan tư pháp tối cao ở Trung ương) để xử tử. Bởi Cảnh Đế đã biết trước tình hình thực tế, liền nói với Thừa tướng:

- Nơi Triều Thố mở cửa đó không phải là tường vây của tông miếu. Đó chỉ là bức tường thấp ở ven ngoài bãi đất trống của tông miếu. Hơn thế là trẫm đã cho phép ông ta mở ra đó, không hề xúc phạm tới pháp luật đâu!

Thân Đồ Gia đành phải tạ tội rồi lui ra, bực tức nói với Trưởng sử (là chức quan, Thừa tướng, Thái úy, Ngự sử đại phu thời Tây Hán đều có quan hầu là Trưởng sử, chức vị rất quan trọng tương đương với chức vụ Bí thư trưởng hiện nay) rằng:

- Ta nên giết chết hẳn trước rồi tấu trình Hoàng thượng sau. Việc tấu trình trước như thế này, ngược lại đã để cho tên tiểu tử này đã vượt lên trước ta một bước, ngay cả đến ta cũng bị bán rồi!

Nỗi uất ức này đã khiến cho Thân Đồ Gia thổ ra một bãi máu, ốm nặng liệt giường, không lâu sau đã chết. Triều Thố lại càng tỏ ra được vinh hiển quý trọng.

## **DÙNG CHỖ MẠNH CỦA TA ĐÁNH CHỖ YẾU CỦA ĐỊCH**

Nhằm thẳng vào sự tấn công quấy rối ở vùng biên giới triều Hán đối với Hung Nô, năm 169 trước Công nguyên (năm thứ 11 Văn Đế), Triều Thố đã viết "Bài sớ nói về việc binh" dâng thư lên Văn Đế, đề xuất chiến lược và sách lược đánh phá bọn Hung Nô. Ông đã luận thuật tới tầm quan trọng của việc khích lệ sĩ khí và tuyển chọn tướng tài trong cuộc chiến tranh, đã phân tích mối quan hệ giữa điều kiện địa hình, tổ chức binh sĩ và trang bị vũ khí trong cuộc chiến tranh. Ông cho rằng uy lực để chiến thắng, chí khí của dân mạnh gấp trăm lần. Binh lính đã thất bại suốt đời không phục hồi được. Từ rất lâu đến nay, quân Hung Nô nhiều lần đến cướp biên giới, cả vùng Lũng Tây, ý chí của dân chúng bị phá tan tành, không bao giờ dám nghĩ đến việc chiến thắng. Điều đó chẳng phải là vì dân chúng Lũng Tây khiếm nhược, mà là đạo trị quân của thống soái tướng lĩnh quan lại xấu xa thô tục vụng về. Do đó binh pháp nói: "Hữu tất thắng chi tướng, vô tất thắng chi dân". Từ đây có thể hiểu biết được, giữ yên biên cảnh, lập công danh, là ở tướng tài, không thể không lựa chọn kỹ lưỡng. Ông cho rằng dùng binh tác chiến, có ba điều cần thiết nhất: Một là được địa hình, hai là binh lính có tổ chức được huấn luyện, ba là vũ khí tinh và tốt. Ông chỉ ra: Vũ khí trang bị không tinh và tốt thì coi như đưa binh lính vào chỗ chết. Binh sĩ huấn luyện không nghiêm, không biết tác chiến, tướng lĩnh cũng sẽ vào chỗ chết. Tướng lĩnh không hiểu biết đạo dùng binh cũng có nghĩa là chôn vùi nhà vua trong bàn tay địch. Nhà vua không giỏi chọn tướng tài thì sẽ dẫn đến đất nước diệt vong. Bốn điều này là những vấn đề tối ư quan trọng trong việc xây dựng quốc phòng. Ông còn phân tích một cách cụ thể chỗ mạnh yếu của địch. Ông chỉ ra: "Binh lính là hung khí, chiến tranh là nguy sự". Nếu không biết

binh pháp thì tuy lớn tất sẽ nhỏ, tuy mạnh tất sẽ yếu. Cầm năm sinh mệnh của binh lính đi tranh đoạt lấy thắng lợi của cuộc chiến tranh, vạn nhất bị thất bại thì sẽ hối không kịp. Đạo dùng binh của các bậc đế vương, nên xuất phát từ sự vạn toàn. Ông kiến nghị tranh thủ các dân tộc thiểu số cùng chống đánh Hung Nô, phát cho họ những vũ khí tinh và tốt; cử những tướng tài quen thuộc với tập quán của họ, có thể làm tốt được việc đoàn kết với họ tới lãnh đạo họ, để cho họ trấn giữ những nơi hiểm yếu. Đường xá quan trọng ở đồng bằng có thể để cho quân Hán trông giữ bảo vệ. Hai thứ đó phối hợp với nhau, phát huy các chỗ mạnh của mình. Đó là sách lược vạn toàn để giành thắng lợi. Đối với luận thuật của Triều Thố, Văn Đế rất tán thưởng, đã ban chiếu thư gia thưởng cho ông.

## **TƯỚC ĐẤT PHONG CỦA VUA PHIÊN, CÙNG CỐ NỀN THỐNG TRỊ TRUNG ƯƠNG**

Năm 155 trước Công nguyên (năm thứ hai Cảnh Đế), Triều Thố làm Ngự sử đại phu, chức vị vào hàng Tam công chức trọng quyền cao. Một lần nữa ông lại đề xuất kiến nghị tước vua Phiên, tức là “Tước Phiên sách”. Mục đích là tước bỏ sự uy hiếp của các vua chư hầu địa phương đối với vương triều Tây Hán. Còn ở thời Văn Đế, ông đã nhiều lần dâng thư đề xuất việc ra lệnh tước bỏ chư hầu và thay đổi pháp luật, ông cho rằng đất phong cho các vua chư hầu cùng họ chiếm một nửa trong toàn quốc, nên đem các vua chư hầu có tội lỗi, tước bỏ đi các chi quận, chỉ lưu lại đất phong của một quận, ngoài ra đều thu hết về triều đình, Cảnh Đế đã hạ lệnh tước đoạt đất phong của các vua chư hầu chủ yếu, thay đổi hơn ba chục điều pháp lệnh. Người cha của Triều Thố nghe nói việc này, từ Dĩnh Xuyên tới nói với con trai rằng:

- Hoàng thượng vừa mới lên ngôi. Con là quan ngự sử đại phu, phục vụ vì triều chính, thế mà lại xâm phạm tới lợi ích của các chư hầu, tước bỏ và làm yếu chức quyền của họ để họ hàng tông tộc của họ cốt nhục phải cách trở chia lìa, họ đều sẽ tới oán hận và trách chửi con. Điều con mong muốn là cái gì vậy?



Triều Thố nói:

- Cần phải làm như vậy. Không làm như vậy thì không thể tỏ rõ sự chí tôn chí thượng của Thiên tử, chính quyền của quốc gia sẽ không thể ổn định được.

Người cha của Triều Thố than rằng:

- Họ Lưu được yên thì họ Triều nguy mất. Cha bỏ con đi đây!

Tức thì ông cụ già này đã uống thuốc độc tự tử. Trước khi sắp chết ông còn nói:

- Cha không cam lòng sống để nhìn thấy thân con bị tai họa!

Chính sách tước Phiên đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của các vua chư hầu, họ đã câu kết lại, phát động cuộc “biến loạn bảy nước Ngô Sở”. Những người như Viên Áng đã nói trước mặt Cảnh Đế:

- Loạn Ngô Sở, toàn bởi Triều Thố gây ra. Chỉ có giết chết hắn khôi phục lại đất cho chư hầu, thì binh lính không phải đổ máu mà loạn chưa hẳn sẽ được yên.

Về sau lại có một số đại thần phản đối cuộc cải cách đã hạch tội Triều Thố. Kết quả là Triều Thố mặc áo triều vào cung bị chém chết ở Đông Thị. Sau khi Triều Thố chết, Yết Giả Bốc Xạ Trịnh Công làm hiệu úy, cầm quân đi dẹp loạn Ngô Sở. Sau khi trở về, dâng thư trình báo tình hình quân sự, yết kiến Hoàng thượng. Hoàng thượng hỏi:

- Người từ mặt trận trở về, Ngô Sở biết Triều Thố đã chết, họ đã bãi binh rút về chưa?

Trịnh Công trả lời, nói:

- Ngô chống lại Hoàng thượng đã mấy chục năm rồi. Chúng khởi binh làm loạn chỉ là muốn mượn cái danh giết Thố, chứ bản ý của chúng đâu có phải ở Thố. Hơn thế, thần còn e rằng các kẻ sĩ trong thiên hạ sẽ vì cái chết của Thố mà bịt miệng không dám thẳng thắn trình bày ý kiến riêng của mình.

Hoàng thượng nói:

- Vì sao vậy?

Trịnh Công nói:

- Triều Thổ nhìn thấy các nước chư hầu ngày càng lớn mạnh đã không thể khống chế được, cho nên đã xin Hoàng thượng tước bỏ thế lực của chư hầu mà tăng cường nền thống trị ở trung ương. Đây là một mưu lược lớn có lợi vạn đời cho Hoàng thượng. Kế hoạch vừa mới bắt đầu được thi hành thì đã bị giết chết. Trong thì bịt miệng trung thần, ngoài thì báo thù cho chư hầu. Thần cho rằng bệ hạ không thể lấy lại được!

Khi Cảnh Đế phát hiện đã giết sai kẻ vô tội, có hối hận thì đã quá muộn. Sau khi triều Cảnh Đế dẹp xong loạn các nước chư hầu, hạ lệnh cho các vua chư hầu không được tiếp tục cai trị đất nước nữa, khiến cho vua chư hầu mất hết quyền lực chính trị, lực lượng suy yếu rõ rệt, chính quyền trung ương đã được tăng cường mạnh mẽ.

## 42. CHỦ PHỤ YẾN

### XÂY QUẬN GIẢI LO NGOÀI, BAN ƠN TRỪ PHIỀN TRONG

Chủ Phụ Yến người Lâm Truy (còn gọi là Lâm Tai, ở Đông Bắc thành phố Truy Bác tỉnh Sơn Đông ngày nay), là một mưu thần quan trọng của Hán Vũ Đế.

Bởi dưng kế cho Vũ Đế, khiến cho Hán Vũ Đế thở dài than rằng gặp nhau chỉ hận là đã muộn. Ông đã củng cố chính quyền cho Hán Vũ Đế, ông đã có nhiều công lao đóng góp làm cho triều Hán bước vào thời kỳ đỉnh thịnh. Điều ông học được là thuật Tung hoành gia, đến những năm cuối đời mới học tập “Chu dịch”, “Xuân thu” và học thuyết của Bách gia Chư Tử. Ông đã du thuyết trong số các nhà có học ở đất Tề, nhưng không ai hậu đãi ông. Các nho sinh ở đất Tề lại cùng bài xích ông, khiến cho ông không thể dung thân ở đất Tề được. Gia đình ông lại nghèo túng, không có cửa nào có thể vay nợ được. Tức thì ông đi lên phía Bắc du thuyết ở Yên, Triệu, Trung Sơn, đều không có ai đáp lễ trọng dụng ông. Ở nơi đất khách quê người ông phải sống cuộc sống rất túng quẫn. Trong năm Hán Vũ Đế Nguyên Quang nguyên niên, ông cảm thấy trong các nước chư hầu không có ai đáng để cho ông xuất mưu hiến kế, ông liền Tây du vào Quan Trung, yết kiến tướng quân Vệ Thanh. Vệ Thanh đã nhiều lần tiến cử tài hoa của ông với Hán Vũ Đế, thế nhưng Vũ Đế vẫn không triệu kiến. Chủ Phụ Yến thân không một xu dính túi, nương nấu ở kinh thành suốt thời gian dài, các quan lại ở nơi đó đều chán ghét ông. Không còn cách nào khác, ông đã phải trực tiếp dâng thư lên Vũ Đế. Hán Vũ Đế nhận được thư của ông vào buổi sáng, buổi tối đã triệu ông vào cung yết kiến. Từ đó ông bắt đầu làm một mưu thần và rất được trọng dụng ở trong triều.

### LẬP QUẬN Ở PHÍA BẮC, CHẾ PHỤC HUNG NÔ

Hung Nô là một vấn đề khó giải quyết đã từ lâu của triều Hán. Sau khi Hán Vũ Đế lên ngôi, vẫn không có biện pháp nào giải quyết tốt đẹp. Thế rồi trong chín sự kiện mà Chủ Phụ Yển lần đầu tiên dâng thư trình tỏ, trong đó có một sự kiện được luận thuật ấy là vấn đề Hung Nô.

Ông nói:

- “Tư Mã Pháp” nói: “Nước tuy lớn, hiểu chiến tất vong!”, chiến tranh là một việc không hay. Chinh chiến là tối hạ sách, các vị vua hiền minh cần phải thận trọng đối đãi. Dựa vào chiến tranh để giành phần thắng, xâm lược ồ ạt, cuối cùng chỉ có thể chuốc lấy họa hại. Ngày trước Tần Thủy Hoàng đã nhiều lần chinh phạt Hung Nô, thừa tướng Lý Tư khuyên giải nói: “Không thể làm như vậy được, Hung Nô là dân tộc du mục, không có thành ấp cư trú cố định, không có trụ sở canh giữ ẩn náu, lưu động di chuyển nhanh như chim bay, khó có thể đề bẹp được chúng. Quân lính trang bị nhẹ thọc vào sâu, lương thực không tiếp tế được; cướp đoạt được đất đai cũng không thể canh tác được; bắt được người Hung Nô cũng chẳng có thể sai khiến được, chỉ có thể giết chết chúng đi. Đó không phải là một việc làm của vị vua hiền minh. Trong nước của hết lực kiệt, điều tàn suy bại, mà lại lấy việc đánh bại Hung Nô làm khoái trá, đó không phải là kế lâu dài của quốc gia”. Tần Thủy Hoàng không nghe lời can gián, cử Mông Điem dẫn quân tiến đánh Hung Nô, mở mang ngàn dặm. Tần Thủy Hoàng lại điều động dân đinh trong thiên hạ đi canh giữ biên cương, quân đội ở ngoài mười mấy năm, người chết không sao đếm xuể. Dân chúng sức kiệt mệt mỏi, xác chết rải khắp đường, cuối cùng dân chúng đã chống lại nhà Tần. Đến đời Cao Tổ Lưu Bang đã bình định được thiên hạ, nghe nói Hung Nô tập trung ở vùng đất Đại, lại muốn đem quân đi đánh, Ngự Sử Thành khuyên can thuyết phục nói: “Không được, quân Hung Nô tụ tán bất thường, đuổi bắt chúng có khác gì đuổi hình bắt bóng, tiến công chúng sẽ rất nguy hiểm”. Cao Tổ Lưu Bang không nghe, dẫn quân Bắc tiến, quả nhiên bị khốn ở Bình Thành. Có lẽ sau đó Cao Tổ hối hận, đã cử Lưu Kính tới chỗ Hung Nô ký kết hiệp ước hòa thân. Sau đó mới chấm dứt được cuộc chinh chiến với Hung Nô. “Tôn Tử binh pháp” nói: “Cắt quân mười vạn,

ngày tổn ngàn vàng”. Tần Thủy Hoàng đóng binh mấy chục vạn ở biên cương, tuy có công tiêu diệt được quân địch, thế nhưng đã kết bao thù oán với Hung Nô, tiền bạc của cải trong thiên hạ cạn kiệt, kho tàng trống rỗng dân chúng mệt mỏi. Đó đâu phải là việc làm tốt đẹp gì. Chỉ muốn dựa vào chinh chiến để chế phục Hung Nô mà không rút ra được bài học, đó là việc làm khiến cho người ta lo sợ, cũng là việc làm khiến cho dân chúng càng thêm chịu nhiều đau khổ. Lại nữa, xuất quân ra ngoài hề thời gian kéo dài, thì sẽ phát sinh ra biến loạn. Dân chúng vùng biên cương điêu linh, lụn bại, sẽ sinh lòng ly tán, sẽ sinh ra nghi ngờ lẫn nhau, rồi ngấm ngấm thông đồng với địch. Những điều đó đã chứng minh: cuộc chiến tranh trường kỳ chinh phục Hung Nô, cái được không thể bù vào cái mất. Cho nên “Chu Thử” nói: “An nguy là ở việc ra lệnh, tồn vong là ở chỗ biết dùng”.

Sách lược mà Chủ Phụ Yển khuyên can Vũ Đế thận trọng suy xét đối với Hung Nô, được Vũ Đế rất tán thưởng. Sau cuộc triệu kiến, lập tức Chủ Phụ Yển được bổ nhiệm làm Lang trung, không lâu lại bổ nhiệm làm Yết giả, rồi thăng lên Trung Đại phu (chức quan, giữ việc nghị luận, chuẩn bị cố vấn, lệ thuộc Lang trung lệnh), chỉ trong một năm đã có bốn lần đề bạt thăng chức cho Chủ Phụ Yển. Để chế phục Hung Nô từ trên căn bản, mà không khiến cho đất nước vấp phải khổ sở của cuộc chiến tranh, Chủ Phụ Yển đã chủ trương dốc sức vào việc lập quận ở phương Bắc. Vũ Đế đã tiếp nạp ý kiến của ông, đã lập nên Sóc Phương quận (quận ở phương Bắc).

### **BAN ƠN PHONG HẦU,**

### **CÂY MẠNH CÀNH YẾU**

Chủ Phụ Yển khuyên can Vũ Đế, nói rằng: “Thời cổ, đất phong của chư hầu không quá trăm dặm, vô luận là thế lực mạnh yếu thế nào, đều phải do triều đình khống chế. Hiện tại, có chư hầu thành liền mấy chục tòa, đất rộng mấy ngàn dặm. Lúc bình thường họ kiêu ngạo, xa xỉ, phóng túng, dễ cấu kết làm điều dân loạn. Khi nguy cấp, họ lại cậy vào thế lực lớn mạnh, liên hiệp chống lại triều đình. Nếu dùng hình thức pháp lệnh cưỡng bức phân cắt tước đoạt làm suy yếu thế lực của họ, thì họ sẽ nảy sinh ra tư

tướng phản loạn. Đời trước, thời Cảnh Đế, Ngự sử đại phu chủ trương tước đoạt làm suy yếu vua chư hầu để tăng cường tập đoàn trung ương, củng cố quốc gia thống nhất, Cảnh Đế cũng thu nạp chủ trương của họ. Thế nhưng bảy nước chư hầu Ngô Sở đã lấy danh nghĩa “giết Triệu Thố để làm trong sạch bên cạnh vua” để phát động cuộc phản loạn, chính là bài giáo huấn sâu sắc. Hiện nay, có những chư hầu sinh ra mười mấy người con trai nhưng chỉ có con cả đích thực mới được thừa kế ngôi vua. Những người con khác tuy cũng là cốt nhục ruột thịt của vua chư hầu, thế nhưng lại không thể có nước phong cho đất đai thước tấc. Xin bệ hạ hãy để cho vua chư hầu ban ơn tới tất cả các con trai, đem đất đai cùng phân cho các con trai của họ, để cho họ cũng được trở thành hầu. Như vậy, họ sẽ đều vui vẻ, sung sướng cả. Hoàng thượng thi hành bằng ơn đức, trên thực tế là phân cắt thế lực của các nước chư hầu lớn, không tước bỏ đất phong của họ, mà chư hầu sẽ dần dần suy yếu đi”. Hán Vũ Đế đã thu nạp sách lược này khiến cho tập quyền trung ương của triều Hán được tăng cường mạnh mẽ.

## 43. LƯU TRIỆT

### ĐẠI LỢC GIÁ HÙNG TÀI, ĐỘC HÀNH TÔN NHO THUẬT

Hán Vũ Đế Lưu Triệt là một đế vương có hùng tài đại lược trong lịch sử Trung Quốc. Trong bài từ “Tám Viên Xuân - Tuyết”, Mao Trạch Đông từng so sánh ông với Tần Thủy Hoàng: “Tích Tần Hoàng Hán Vũ, lược thâm văn thái” - Tiếc thay cho Tần Thủy Hoàng và Hán Vũ Đế, hơi kém tài văn hoa. Những tài năng mưu lược đã biểu hiện ra của Hán Vũ Đế là một đế vương phong kiến, đã có ảnh hưởng rất sâu sắc đối với nghệ thuật thống trị của các đế vương qua từng triều đại tiếp sau ông.

#### THU THẬP NHÂN TÀI KHÔNG CHIA PHẨM HẠNG

Trong mưu lược thống trị, sử dụng nhân tài là một khâu quan trọng nhất.

Năm 140 trước Công nguyên, Hán Vũ Đế mười sáu tuổi kế ngôi hoàng đế. Bởi vì ông còn quá trẻ, trên thực tế đại quyền trong triều đều do bà mẹ của ông là Vương Thái hậu và bà nội của ông là Đậu Thái hậu nắm giữ. Thế nhưng vị đế vương trẻ tuổi này cũng thử thi hành triển khai tài hoa và hoài bão của mình. Ông đã hạ chiếu thư cho thừa tướng, ngự sử, liệt hầu, thái thú v.v... để cho họ tiến cử người tài. Kết quả là các nơi đã tiến cử được hơn một trăm người, ông lại phân loại ra, những người có phẩm đức tốt đẹp thì gọi là “hiền lương”, những người giỏi về văn từ thì gọi là “văn học”. Do vì một loạt biện pháp thực thi do Hán Vũ Đế đề xuất đã xúc phạm tới lợi ích của các hoàng thân quốc thích, nên đã dẫn tới sự bất mãn của Đậu Thái hậu, do vì Đậu Thái hậu can dự, một số chính sách mới của Hán Vũ Đế đều bị phế bỏ, các trọng thần ủng hộ giúp đỡ cuộc cải cách của Hán Vũ Đế bị bãi miễn, một số bị bỏ tù hoặc bị sát hại. Đậu Thái hậu sắp đặt người thân tín của mình nắm giữ triều chính, Hán Vũ Đế chỉ là bù nhìn có danh mà không có thực.

Thế nhưng, chính trong tình hình này, ông cũng đã hết sức cố gắng phát hiện những nhân tài ở xung quanh, bồi dưỡng thế lực, chờ thời cơ để thực hiện hoài bão. Các quan đại thần đã có những cống hiến tuyệt vời trong thời đại Hán Vũ Đế như Hàn An Quốc (Hàn Trường Nho), Cấp Âm, Công Tôn Hoảng; những nhà văn học nổi tiếng như Tư Mã Tương Như, Đông Phương Sóc và những nhà mưu lược kiệt xuất khai thác Đông Nam, Tây Nam như Đường Mông, Trang Trợ v.v... đều được phát hiện và bắt đầu uỷ nhiệm trọng dụng vào trong thời kỳ này. Năm 135 trước Công nguyên, Đậu Thái hậu qua đời, Hán Vũ Đế cuối cùng đã thoát khỏi sự trói buộc. Đầu tiên ông bắt đầu cải cách từ trên chế độ việc dùng người, tiếp tục đẩy mạnh việc thi hành chính sách tiến cử những người hiền lương đứng đắn từ các quận trong nước. Hán Vũ Đế đã đem những người phi thường có công lao phi thường từ các nơi tiến cử về, phá lệ cũ, bổ nhiệm làm tướng lĩnh hoặc sứ giả. Chủ Phụ Yển xuất thân nghèo túng, tinh thông chỗ mạnh chỗ yếu của thuật tung hoành, hận tài chẳng gặp đã đi du thuyết ở các nước Tề, Yên, Triệu, Trung Sơn, mà vẫn chưa được trọng dụng. Năm 128 trước Công nguyên, ông tới Trường An trực tiếp dâng thư lên Hán Vũ Đế, rất được Hán Vũ Đế tán thưởng. Vũ Đế nói với Tử Lạc, Nghiêm An cũng đồng thời tới dâng thư: “Các khanh ở đâu, tại sao lại tới gặp gỡ muện như thế?”. Lập tức bổ nhiệm cho ba người làm Thị trung (chức quan quản lý xe ngựa, nhà cửa của cung đình; bổ sung thị vệ bên trong, theo đi chinh chiến ở bên ngoài). Chủ Phụ Yển không ngừng xuất mưu hoạch định sách lược cho Hán Vũ Đế. Trong một năm Hán Vũ Đế đã đề bạt ông tới bốn lần. Châu Mãi Thần cũng xuất thân nghèo khó mà lại hiếu học, thường dựa vào việc bán củi để sống qua ngày, người vợ Châu Mãi Thần đã bỏ đi lấy người khác, về sau đã được Vũ Đế trọng dụng. Người chặn cừu là Bốc Thức, nhà buôn Tang Hoảng Dương, Vệ Thanh xuất thân từ nô lệ, Kim Nhật Đệ trong đám tù binh... đều có những cống hiến tuyệt vời cho sự hưng thịnh của thời đại Hán Vũ Đế. Cộng thêm với những người như Công Tôn Hoảng, Đông Trọng Thư, Trịnh Đương Thời, Trương Khiên, Tô Thức, Tư Mã Thiên, Tư Mã Tương Như, Hoắc Khử Bệnh, Hoắc Quang v.v... nhân tài trong triều đình nhà Hán đông đúc. Thời đại huy hoàng nhất trong thời kỳ phong kiến



của lịch sử Trung Quốc không thể tách rời khỏi chiến lược thu thập nhân tài, không phân phẩm hạng của Hán Vũ Đế.

## **THÂN MẠNH CÀNH YẾU, CÙNG CỐ HOÀNG QUYỀN**

Sau khi Đậu Thái hậu nắm giữ triều chính chết đi, Vũ Đế lập tức bãi miễn các vây cánh thân tín mà Đậu Thái hậu cài cắm ở trong triều đình, bổ nhiệm lại từ đầu cho ông cậu là Điền Phấn, người đã từng giúp đỡ ông trong công cuộc cải cách làm thừa tướng. Bởi vì có sự ủng hộ giúp đỡ của Vương Thái hậu, Điền cũng muốn chuyên quyền. Một hôm Điền Phấn tấu sự trước Hán Vũ Đế, tiến cử một loạt các quan chức quan trọng. Hán Vũ Đế sa sầm nét mặt hỏi Điền Phấn:

- Các quan chức mà khanh chuẩn bị bổ dụng đã hết chưa? Trẫm cũng dự định dùng vài người.

Điền Phấn hoảng sợ, từ đó về sau đành phải lảng tránh việc quản sự. Vũ Đế đã thu tóm toàn bộ quyền hành trong triều đình vào trong tay mình.

Đến đời Hán Vũ Đế, số vua chư hầu độc chiếm làm bá chủ một phương vẫn uy hiếp chính quyền trung ương Tây Hán, cũng đã đem lại cho nhân dân các nơi những tai nạn to lớn. Để tăng cường tập quyền trung ương, củng cố nền thống trị của quốc gia phong kiến, Hán Vũ Đế tiếp tục tiến hành đả kích và tước đoạt làm suy yếu đối với các vua chư hầu. Năm 127 trước Công nguyên, Hán Vũ Đế tiếp nạp ý kiến của Chủ Phụ Yến, công bố “lệnh ban ơn” quy định cho các vua chư hầu ngoài việc chỉ để cho con cả đích thực kế vị ngôi vua ra, còn có thể dùng đất phong của mình ban ơn cho các con em khác, do hoàng đế chế định ra phong hiệu mà trở thành nước chư hầu. Số nước chư hầu này không phải phụ thuộc vào quản hạt của vương quốc cha mình nữa. Kiểu “ban ơn” này đã đưa các nước chư hầu lớn có quyền thế vốn trước đây vẫn uy hiếp triều đình san sẻ thành từng nước chư hầu nhỏ do các quận địa phương tới quản lý. Các nước chư hầu có quyền có thể đã bị tước đoạt làm cho suy yếu, không còn cách gì có thể cát cứ địa phương, đối lập với triều đình nữa.

## **ĐỘC TÔN NHO THUẬT, DUY TRÌ BẢO HỘ NỀN THỐNG TRỊ**

Thời kỳ “Văn cảnh thịnh trị” trước Hán Vũ Đế, những người thống trị đất nước tôn sùng triết học Hoàng Lão [60], sử dụng phương lược “Vô vi nhi trị” - cai trị thuận theo lẽ tự nhiên - đã khiến cho nền kinh tế triều nhà Hán được phát triển tương đối mạnh, đất nước phú cường. Đến thời Hán Vũ Đế, do vì nền chính trị của đất nước được ổn định vững chắc, thực lực kinh tế hùng hậu, dự vọng của những người thống trị cũng đã tăng cường. Phương lược “vô vi nhi trị” trước kia không còn phù hợp với yêu cầu của những người thống trị nữa, mà đòi hỏi phải có một loại phương lược thống trị với tinh thần tích cực tiến thủ sinh ra và thay thế nó. Lại do vì đến thời Cảnh Đế, bài giáo huấn lịch sử trong việc bình định loạn bảy nước, việc tăng cường tập quyền trung ương đã trở thành một vấn đề quan trọng nhất của những nhà thống trị tối cao, mà nho học chính thực đã có đầy đủ được hai đặc điểm rõ rệt này. Nó đã thể hiện được một loại tinh thần tích cực và tiến thủ, đồng thời lại bảo vệ duy trì được lợi ích của giai cấp thống trị. Khổng Tử có nhiệt tâm cứu thế, đã đề xướng “Cẩn quyền lượng, thâm pháp độ” (“Luận ngữ - Nghiêu viết thiên”). Cai trị đất nước cần phải coi trọng ba sự việc là lương thực dư thừa, không thiếu quân bị, nhân dân tín nhiệm, mà nhân dân tín nhiệm là điều tối ư quan trọng, chủ trương “như hữu dụng ngã giả, ngô kỳ vị lạc chu hồ!” - Nếu điều gì dùng mà có lợi cho ta thì ta đều vui vẻ chu toàn với nó (“Luận ngữ - Dương hóa thiên”). Để duy trì và bảo vệ quyền uy của vương thất nhà Chu, ông đã “phát phần vong thực, lạc dĩ vong ưu, bất tri lão chi tương chí” - bực mình đến nỗi mà quên ăn, vui sướng đến mức quên buồn, không để ý gì đến tuổi già đang tới. Tư tưởng chính danh của Khổng Tử chủ trương “Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử” - Vua ra vua, thần ra thần, cha xứng cha, con xứng con. Chính trị quan và đạo đức quan lấy “nhân chính” làm trung tâm của Khổng Tử vừa hay thích ứng với đòi hỏi chính trị của giai cấp thống trị trong thời đại Hán Vũ Đế, lại là thứ có nội dung phong phú, tinh thần rộng lớn. Các phương tiện về chính trị, triết học, văn học, giáo dục, luân lý v.v... của Khổng Tử đều có

thể được những kẻ thống trị lợi dụng, đặc biệt là trong thời đại Hán Vũ Đế, kinh tế xã hội đã được phát triển, không có chiến loạn lớn, ở vào thời kỳ phát triển hòa bình, tư tưởng nho học là một loại thuật thống trị càng thích hợp, so với tư tưởng của các loại học phái khác.

Tư tưởng nho học trong thời kỳ đốt sách chôn nho của Tần Thủy Hoàng đã bị một lần đả kích trầm trọng, sang đầu đời Hán, lại có xu hướng trở dậy, tới thời Hán Vũ Đế, học phái nho gia đã trở thành một lực lượng chính trị quan trọng trên xã hội. Cuộc cải cách trong thời Hán Vũ Đế kế vị, chính là được tiến hành trong sự giúp đỡ vạch kế hoạch của các nhân vật nho gia như Đậu Anh, Điền Phấn và Triệu Quán, Vương Tàng v.v... Thế nhưng do vì những người nắm giữ chính quyền là những nhân vật bị chi phối bởi tư tưởng Hoàng Lão, họ tin thờ thuật âm dương và học thuyết của Đại Lão, cộng thêm vì Vũ Đế hãy còn quá trẻ, cho nên cuộc cải cách đã bị thất bại. Sau khi Đậu Thái hậu chết, Hán Vũ Đế đã bắt đầu trọng dụng lại từ đầu toàn bộ số nhà nho đã bị phế truất trước kia, để đến nỗi phát triển tới mức độ “bãi truất bách gia, độc tôn nho thuật”.

Trong tình trạng nho học thống nhất thiên hạ, sự thống nhất về chính trị của quốc gia đã có chỗ dựa trên mặt lý luận, thiên tử là bậc chí tôn, tập quyền trung ương đã có sự ủng hộ trên mặt dư luận, tư tưởng “nhân chính”, “giảm sưu thuế bớt lao dịch để nới rộng sức dân” sử dụng biện pháp “hạn dân danh điền” - hạn chế ruộng đất mang tên dân, phòng ngừa sự phân hóa giàu nghèo v.v... hòa hoãn mâu thuẫn giai cấp, những thể chế giáo dục nho học, tư tưởng và nội dung giáo dục, bồi dưỡng hàng loạt các nhân tài cho giai cấp phong kiến địa chủ, họ đã trở thành những tướng lĩnh cốt cán, đặc lực duy trì bảo vệ tập quyền chuyên chế phong kiến.

Trong lĩnh vực tư tưởng đã đẩy mạnh phương lược độc tôn nho thuật và một loạt chế độ quan liêu, khiến cho chính quyền Hán Vũ Đế được củng cố. Một loạt biện pháp tăng cường phát triển kinh tế, khiến cho xã hội phong kiến Trung Quốc trong thời Hán Vũ Đế đã đạt tới một thời kỳ đỉnh thịnh. Tư tưởng thống trị của nho gia đã trở thành tư tưởng chính thống được tôn thờ trong xã hội phong kiến trải qua suốt hai ngàn năm sau đó,

một hệ thống chế độ quan liêu do Hán Vũ Đế xây dựng lên, cũng đã được các nhà thống trị phong kiến qua các triều đại sau đó bắt chước và vận dụng theo.

## **44. TIÊU VỌNG CHI**

### **NỘI TRỌNG HOÀNG QUYỀN, NGOẠI AN LÂN QUỐC**

Tiêu Vọng Chi, tự Trường sanh, người Lan Lăng Đông Hải (phía Tây Nam Thương Sơn Sơn Đông), sau rời tới Đỗ Lăng (phía Đông Nam Tây An, Thiểm Tây ngày nay), không rõ năm sinh, mất năm thứ hai Sơ Nguyên Hán Nguyên Đế (năm 47 trước Công nguyên). Gia đình ông đời đời sống bằng nghề làm ruộng. Bản thân ông từ nhỏ đã thích học tập, trước tiên theo học danh nho Hậu Thương người cùng huyện học tập suốt mười năm, sau tới thụ nghiệp ở cửa mệnh quan Thái Thường phụ trách việc thi tuyển tiến sĩ, sau lại theo học thầy Hạ Hầu Thảng là người sáng lập ra Kim văn thượng thư học. Học vấn của ông rất được các bậc nho gia ở kinh sư khen ngợi. Thời Hán Tuyên Đế, ông đã từng đảm nhiệm qua các chức quan Tả Phùng Dục, Đại Hồng Lô, Thái tử Thái phó v.v... Sau khi Nguyên Đế kế vị, ông ra nhậm chức Tiền tướng quân quang lộc huân, được Nguyên Đế tôn kính, sau bị bọn hoạn quan như Hoảng Cung, Thạch Hiến v.v... bài xích, bị bức phải uống thuốc độc tự tử.

Tiêu Vọng Chi là một bậc đại thần nổi tiếng thời Tây Hán, cũng là một nhà mưu lược. Những tư tưởng mưu lược của ông đã sản sinh ra ảnh hưởng trọng đại đối với Tuyên Đế.

### **ỨC CHẾ QUYỀN QUÝ, ĐẾ VƯƠNG THÂN CHÍNH**

Đây là mưu lược chính trị của Tiêu Vọng Chi. Hán Tuyên Đế Lưu Tuân chính là do Đại tư mã Đại tướng quân Hoắc Quang gây dựng nên. Hoắc Quang giỏi nắm giữ việc triều chính, những vấn đề trọng đại được ông nói là xong.

Các nho sinh nói chung đều muốn được làm quan ở trong triều thì trước tiên phải được Hoắc Quang đồng ý. Tiêu Vọng Chi muốn bước tới cửa Hoắc Quang, qua sự tiến cử của trưởng sử Bính Cát mới được vào tận kiến Hoắc Quang. Lúc đó vì Hoắc Quang đã từng bị ám sát hụt cho nên ông đã tự phòng vệ rất nghiêm ngặt, quy định phàm những người muốn gặp ông đều cần phải cởi bỏ hết quần áo, tiếp nhận sự lục soát. Sau khi được xác minh không đem theo binh khí, do hai vệ binh dẫn vào gặp. Tiêu Vọng Chi không chịu nổi nỗi nhục, phần nộ chạy ra khỏi phủ quan của Hoắc Quang, nói lớn: “Không cần gặp nữa!”. Sau khi Hoắc Quang biết việc này, bảo các vệ binh không được tóm giữ dọa dẫm ông ta nữa. Tiêu Vọng Chi gặp Hoắc Quang, nói:

- Tướng quân lấy công đức phò tá ấu chủ phải nên dùng thái bình để thông đạt bốn phương. Đó là điều mà các kẻ sĩ trong thiên hạ luôn mong muốn được ngẩng cao đầu, cất chân bước. Mọi người sẽ tranh giành nhau biểu thị tấm lòng muốn được phù trợ tướng quân. Thế nhưng, hiện tại nho sĩ cầu gặp tướng quân lại phải cởi bỏ áo quần, tiếp nhận sự lục soát, bị tóm giữ dọa dẫm. Điều này e rằng không phải là lễ tiếp đãi kẻ sĩ trong thiên hạ “nhất mộc tam ốc phát, nhất phạm tam thô bô” - một lần tắm ba lần vuốt tóc, một bữa ăn ba lần chăm bẵm” của thời Chu Công nhiếp chính.

Hoắc Quang nghe lời nói này rất nhức tai, do đó đã không trọng dụng Tiêu Vọng Chi. Về sau, Tiêu Vọng Chi đã làm một viên quan nhỏ giữ cửa lớn.

Sau khi Hoắc Quang chết, con trai của Hoắc Quang là Hoắc Vũ kế nhiệm đại tướng quân, người cháu là Hoắc Sơn nhậm chức thượng thư. Các thân thuộc khác đều làm quan ở trong triều. Họ Hoắc vẫn độc giữ triều chính. Lúc này Lưu Tuần đã làm hoàng đế được sáu bảy năm rồi, trên trường chính trị đã dần dần thành thạo, không muốn chịu sự bài binh bố trận của họ Hoắc nữa, muốn đẩy mạnh chủ trương chính trị của mình, do đó đã “suy nghĩ tới việc tiến cử người hiền tài”.

Năm thứ ba Tuyên Đế Địa Tiết (năm 67 trước Công nguyên), Tiêu Vọng Chi năm chắc cơ hội có mưa đá ở kinh sư, dâng sớ lên Tuyên Đế, nói rằng ông có thể giải thích được vì sao lại phát sinh tai họa lạ lùng như vậy, Tuyên Đế đã tìm hiểu được từ trong dân gian, Tiêu Vọng Chi đã có chút danh tiếng, liền cử người tới thăm hỏi. Tiêu Vọng Chi nói:

- Vào năm thứ ba Lỗ Chiêu Công thời Xuân Thu (năm 539 trước Công nguyên) đã có một lần mưa đá lớn. Lúc đó, Quý Tôn thị chuyên quyền, cuối cùng đã đuổi Chiêu Công hạ đài. Nếu như lúc ấy có người chỉ đạo Chiêu Công quan sát sự biến đổi của thiên nhiên, thì Chiêu Công sẽ không thể gặp phải họa hại này. Ngày nay hoàng đế bệ hạ dùng thánh đức ở ngôi suy nghĩ tới việc cầu người hiền để xây dựng chính quyền, điều đó chính là dụng tâm của bậc Nghiêu, Thuấn. Thế nhưng hiện tại ở trong triều điềm lành chưa tới, âm dương bất hòa, là do bởi quan đại thần giữ quyền chính, một họ nắm quyền thế gây ra. Ý dựa vào quyền quý, quyền lực làm mờ tối lương tâm; các quan lại chỉ biết vơ đây túi tham, nhà vua sẽ có nguy cơ bị đổ sập. Chỉ có hoàng đế đích thân xử lý mọi việc, tiến cử người hiền tài làm tâm phúc, để cho họ được tham dự mưu lược triều chính, ra lệnh cho công khanh đại thần lên triều tấu sớ, xác minh rõ chức trách của họ để khảo sát công tích của họ, mới có thể khiến cho mọi công việc được xử lý chính xác, công bằng được xác định, gian tà bị vùi lấp, tư quyền phải phế bỏ”.

Loại tư tưởng mưu lược này của Tiêu Vọng Chi vừa hay thích hợp với Tuyên Đế. Do vậy, ông đã được Tuyên Đế trọng dụng, ngay năm đó đã được hai lần thăng chức, từ “Đông môn hầu” thăng tới Nhị Thiên Thạch (tương đương với quận thú). Sau khi họ Hoắc mưu phản bị giết, Tiêu Vọng Chi càng được trọng dụng thêm, lúc đầu làm Bình Nguyên Thái thú, tiếp sau đó là Tả Phùng Dực, lại thăng lên Đại Hồng Lô, về sau đã làm Thái tử Thái phó.

**TÂY CỰ Ô TÔN,  
BẮC HOÀ HUNG NÔ**

Đây là mưu lược mà Tiêu Vọng Chi dâng hiến trên vấn đề ngoại giao. Ô Tôn là một dân tộc cổ lão, ban đầu hoạt động ở giữa Kỳ Liên và Đôn Hoàng, năm thứ ba Hán Văn Đế Hậu Nguyên (năm 161 trước Công nguyên), trước sau đã rời về phía Tây thuộc vùng đất sông Ili và hồ Ixác ngày nay, theo đuổi nghề du mục. Năm thứ tư Hán Vũ Đế Nguyên Thú (năm 119 trước Công nguyên), Trương Khiên từng đi sứ Ô Tôn. Hán Vũ Đế đã hai lần dùng con gái của tôn thất làm công chúa gả cho vua Ô Tôn. Về sau Ô Tôn đã dựa vào Hung Nô, thường gây mâu thuẫn với triều nhà Hán.

Sau khi Hán Tuyên Đế nắm giữ chính quyền, vua Ô Tôn là Ông Quy Mi phải cử Trưởng La Hầu Thường Huệ cầm thư tới bái kiến Tuyên Đế, biểu thị bằng lòng dùng cháu ngoại tôn thất nhà Hán là Nguyên Quý Mi; Ô Tôn sẽ y theo triều Hán phản bội Hung Nô. Tuyên Đế liền đem sự kiện này hạ chiếu trưng cầu ý kiến của công khanh. Tiêu Vọng Chi cho rằng đất đai Ô Tôn ở nơi xa xôi hẻo lánh, nếu tin tưởng vào lời nói hay của họ, hòa thân với nơi xa xôi vạn dặm, đó chẳng phải là kế sách lâu dài. Tuyên Đế không tiếp thụ ý kiến của ông.

Năm thứ hai Tuyên Đế Thần Tước (năm 60 trước Công nguyên), Thường Huệ tháp tùng công chúa nhà Hán về nước, chuẩn bị hoàn thành việc hôn nhân cho công chúa và Nguyên Quý Mi. Thế nhưng họ chưa ra khỏi biên tái, Ông Quy Mi đã chết, người cháu là Cường Vương tự lập lên làm vua. Thường Huệ lưu công chúa lại ở quận Đôn Hoàng, dâng thư lên Tuyên Đế nói rõ sự thể phát sinh ở Ô Tôn, bản thân mình về tới Ô Tôn trách móc Cường Vọng tự lập là bội ước, thế rồi lập lại Nguyên Quý Mi lên làm vua, chuẩn bị đón công chúa về. Sau khi Tuyên Đế được biết sự thể ở Ô Tôn, lại tìm hỏi công khanh xem có nên gả công chúa cho Nguyên Quý Mi hay không? Tiêu Vọng Chi cho rằng không thể được. Ô Tôn đặt chân đứng trên hai con thuyền, không giữ vững hòa ước đối với triều nhà Hán. Sự việc này từ sự thể lần này cũng có thể nhìn ra được. Trước kia, công chúa nhà Hán hạ cố gả cho Ô Tôn đã hơn bốn chục năm, Ô Tôn đối với nhà Hán chưa từng thân mật, trên vùng biên cương chưa từng được yên ổn.



Điều này cũng đã được chứng minh bằng sự thực. Hiện tại, bởi lẽ Nguyên Quý Mi chưa được lập lên làm vua nên công chúa đã quay về triều đình. Đó là sự biểu hiện triều đình nhà Hán giữ chữ tín không phụ các nước láng giềng bốn xung quanh, đồng thời cũng là phúc may của triều Hán. Nếu công chúa tiếp tục đi tới Ô Tôn thì sự phục dịch xa xôi của triều Hán càng thêm nặng nề. Bởi vì làm như vậy thì biên cương sẽ không thể được an toàn. Tuyên Đế đã nghe theo ý kiến của Tiêu Vọng Chi, triệu công chúa trở về.

Hung Nô là một dân tộc hoạt bát sôi nổi ở phương Bắc trong thời cổ đại Trung Quốc, trong thời Tần Hán, thế lực rất cường thịnh, thường xuyên xâm nhập quấy nhiễu ở biên cương. Thời Hán Vũ Đế đã nhiều lần sử dụng hành động đánh trả đối với Hung Nô. Hung Nô bị những đòn đả kích rất lớn, dần dần đã suy yếu. Trong năm Hán Tuyên Đế Ngũ Phượng, Hung Nô đã phát sinh nội loạn. Các quan chức triều nhà Hán nhiều lần cho rằng, Hung Nô làm nguy hại cho triều Hán rất lâu rồi. Lần này có thể mượn cơ hội nội loạn của chúng, cất quân tiêu diệt chúng. Tuyên Đế hỏi kế sách của các đại thần. Tiêu Vọng Chi nói:

- Thời Xuân Thu, quan đại phu nước Tấn là Phạm Nghi Tử dẫn quân phạt Tề. Sau khi được biết tin Tề Hầu đã chết, liền dẫn quân trở về Tấn. Điều vĩ đại của một nước quân tử là ở chỗ họ không lợi dụng thời gian nước đối địch đang tiến hành quốc tang mà kéo tới chinh phạt họ. Như vậy, đã có thể cảm phục được người thừa kế của nước địch, lại có thể làm cảm động được các nước chư hầu khác. Ngày trước Đan Vu Mộ Hoá quy thuận theo triều Hán, đã phái cử sứ giả tới thỉnh cầu hòa thân với Hán; cả nước hân hoan vui mừng, cả nước Di Địch ở xung quanh vùng biên giới không đâu không biết sự việc này. Thế nhưng Mộ Hoá Đan Vu không may bị tặc thần giết chết, không thể phụng ước tới cùng được. Bây giờ chinh phạt Hung Nô tức là lợi dụng lúc nước người ta hỗn loạn mà vui sướng trước tai họa của người ta, Hung Nô tất sẽ lần trốn tới những nơi xa xôi. Không dùng nhân nghĩa khởi binh đao, sợ rằng sẽ vất vả mà chẳng thu được công lao gì. Triều đình nhà Hán nên phái sứ giả tới đó để tìm hiểu tình hình giúp đỡ kẻ

nhỏ yếu, cứu giúp họ lúc nguy nan. Như vậy, các nước láng giềng bốn xung quanh biết được việc làm của triều Hán, đều sẽ ca tụng cử chỉ nhân nghĩa của triều Hán. Nếu Hung Nô Hô Hàn Tà Đan Vu được phục hồi ngôi vị dưới ân trạch của triều Hán, thế thì nhất định ông ta sẽ xưng thần phục tùng!

Tuyên Đế nghe theo kiến nghị của Tiêu Vọng Chi, sau đó lại cử binh phò tá Hô Hàn Tà Đan Vu bình định xong nội loạn. Hô Hàn Tà Đan Vu cảm kích trước sự giúp đỡ của triều Hán đã đích thân tới Trường An (vùng Tây An Thiểm Tây ngày nay) triều kiến Tuyên Đế, ngoảnh mặt về phía Bắc xưng thần.

## **GIÁO DÂN HIẾU NGHĨA, ĐẠO DÂN ỨC LỢI**

Đây là một mưu lược của Tiêu Vọng Chi đã cống hiến trên vấn đề xã hội. Tiêu Vọng Chi cho rằng: Dân chúng đều tồn tại hai loại “khí” âm và dương; hai loại “tâm” hiếu nghĩa và háo lợi; mấu chốt là ở chỗ phải giáo hóa họ như thế nào. Khi Nghiêu tại vị, tuy không thể trừ bỏ được trái tim háo lợi của dân chúng, thế nhưng đã có thể khiến cho trái tim hiếu nghĩa của dân chúng không mạnh bằng trái tim háo lợi. Sự phân biệt giữa Nghiêu và Kiệt là ở chỗ: Nghiêu sùng chuộng nhân nghĩa, Kiệt sùng chuộng háo lợi. Khi dạy dỗ dân chúng, để cho họ hiếu nghĩa hay là để cho họ háo lợi, điều đó không thể không đối đãi thận trọng được.

Năm thứ ba Tuyên Đế Địa Tiết (năm 67 trước Công nguyên), dân tộc Khương hoạt động ở vùng Cam Túc, Ninh Hạ ngày nay, đã phản bội triều Hán; Hán cất quân chinh phạt. Kinh Triệu Doãn Trương Xương dâng thư nói: “Quân đội chinh phạt Tây Khương vào mùa hạ, các quan dân phía Bắc Lũng Tây (phía Nam Lâm Thao Cam Túc ngày nay), phía Tây An Định (vùng Cố Nguyên Ninh Hạ ngày nay) đều phải đi vận chuyển cung cấp vật phẩm cho quân đội do đó ruộng đồng đã phải bỏ hoang. Bình thường họ lại không có tích lũy. Tuy đã đánh phá được bọn Khương, vùng biên cương yên tĩnh, thế nhưng mùa xuân năm sau thực phẩm của dân chúng tất sẽ

thiếu thốn. Ở những vùng xa xôi hẻo lánh không mua được lương thực, lương thực trong kho của nhà nước lại không đủ cứu giúp dân đói. Do vậy phải thỉnh cầu hoàng đế hạ lệnh những người phạm tội, ngoài những kẻ phạm tội cướp bóc, giết người và các tội khác không thể tha thứ được ra, đều có thể dùng lương thực để chuộc tội. Dùng số lương thực này để cứu tế cho dân đói ở vùng Lũng Tây, An Định.

Tiêu Vọng Chi cho rằng kiến nghị của Trương Xướng là không thỏa đáng, nói:

- Nếu để cho người phạm tội dùng lương thực để chuộc tội, như thế thì những người giàu phạm tội sẽ có thể được sinh tồn, còn những người nghèo phạm tội thì chỉ còn có một con đường là chết. Đây là biểu hiện hình phạt không giống nhau của người nghèo và kẻ giàu. Căn cứ vào thói thường của con người, cho dù là con người nghèo khổ, nếu như cha anh phải ngồi tù, biết được nếu bỏ tiền của ra mà được sinh tồn, thế thì làm con em sẽ không quản gì đến cái chết, chẳng suy nghĩ gì tới hành vi của mình có đạo đức hay không mà sẽ đi truy đuổi lấy tiền của để cứu lấy cha anh của mình ra. Một người được sống, mười người phải chết, nếu như vậy việc làm của Bá Di (trung với vua) sẽ có thể bại hoại, cái tên Công Xước (không có tư lợi) sẽ bị phai mờ. Sự giáo hóa chính trị của quốc gia dễ bị huỷ diệt, tuy có những bậc trung thần như Chu Công, Chiêu Công phò tá, e rằng cũng không thể phục hưng được. Bệ hạ truyền bá đạo đức, hoàn thành việc giáo hóa đối với dân chúng, Nghiêu Thuấn cũng không thể sánh bằng. Bây giờ Trương Xướng kiến nghị mở ra con đường háms lợi, điều này sẽ làm thương hại tới việc giáo hóa đã hoàn thành. Bản thân thần cảm thấy đau lòng.

Ý kiến của Tiêu Vọng Chi đã được Tể tướng và Ngự sử đại phu ủng hộ, Tuyên Đế cũng không tiếp nạp kiến nghị của Trương Xướng.

Tiêu Vọng Chi đã làm thầy giáo cho Thái tử Lưu Thích suốt tám năm trời. Sau khi Lưu Thích kế vị, Tiêu Vọng Chi đã từng thu thập nhân tài, có ý đồ tiêu trừ hết những tệ nạn của bọn hoạn quan can dự vào chính quyền từ đời Hán Vũ Đế đến nay. Thế nhưng Nguyên Đế tương đối đố kỵ, bọn hoạn quan

như Hoảng Cung, Thạch Hiễn v.v... vẫn nắm giữ triều chính. Chúng câu kết với hoàng thân Đại tư mã đại tướng quân Sử Cao, vu cáo Tiêu Vọng Chi “muốn chiếm giữ quyền thế, làm bề tôi bất trung, vu cho là bất đạo”, thỉnh cầu Nguyên Đế bắt Tiêu Vọng Chi giam vào ngục. Tiêu Vọng Chi không chịu đựng nổi sự khuất nhục, ông đã uống thuốc độc tự tử.

## 45. KHUÔNG HOÀNH

### NHÂN SỰ HIỂN MƯU,

### TRỊ GỐC TRỪ TỆ

Khuông Hoành tự là Trì Khuê, người Đông Hải Thừa (thành phố Lan Lăng Thương Sơn, tỉnh Sơn Đông ngày nay), đời đời làm nghề nông. Khuông Hoành hiếu học, nhưng do vì gia cảnh nghèo túng, đành phải đi làm thuê cho người khác để kiếm lấy tiền dụng phí trong học tập. Ông có tinh lực vượt người, rất chịu khó nghiên cứu “Kinh Thi”. Các nho sĩ đương thời rất khâm phục đối với việc miệt mài “Thi học” của Khuông Hoành, có “Khuông thuyết thi”. Thế nhưng Hán Tuyên Đế “không thích dùng đạo Nho” tuy Khuông Hoành bụng đầy chữ nghĩa kinh luân, cũng chỉ được bổ nhiệm làm quan lại nhỏ như Thái Thường, Chưởng Cố, Bình Nguyên văn học v.v... Thái tử Thái phó Tiêu Vọng Chi cho rằng Khuông Hoành “tinh thông kinh điển”, đã tiến cử với Tuyên Đế, nhưng Tuyên Đế vẫn không sử dụng.

Sau khi Tuyên Đế qua đời, Nguyên Đế kế vị. Đại tư mã đại tướng quân Sử Cao lúc đó căn cứ vào đề nghị của Dương Hưng là Tây An lệnh (Tây An Thiểm Tây ngày nay), tiến cử Khuông Hoành với Nguyên Đế. Khi Nguyên Đế còn làm Thái tử đã rất mến mộ tài học của Khuông Hoành, do đó vừa qua sự tiến cử của Sử Cao, Nguyên Đế đã bổ nhiệm Khuông Hoành làm Lang trung, từ Bình nguyên điều về Kinh đô Trường An. Sau đó lại thăng ông lên làm tiến sĩ, Cấp sự Trung. Khuông Hoành vừa nhận chức quan ở kinh đô đã không ngừng kiến nghị với Nguyên Đế, đã trở thành một mưu thần quan trọng của Nguyên Đế, nhiều lần được thăng chức, làm quan tới chức thừa tướng, được phong là Lạc An hầu.

Khuông Hoành đã nhắm thẳng vào các tệ nạn về các mặt xã hội, chính trị v.v... lúc đó, đã đề xuất với Nguyên Đế rất nhiều kiến nghị mưu lược.

### CHẤM CHỈNH RỪNG CỘT,

## SỬA ĐỔI DÂN TỤC ĐỂ GIÁO HÓA XÃ HỘI

Khi Nguyên Đế chấp chính, dân tục xã hội càng suy bại. “Tham tài bỏ nghĩa, hám thanh sắc, xa hoa đồi trụy, xem nhẹ liêm sỉ, phóng túng dâm dật, kỷ cương lộn xộn”, phong tục ám vấy đàn bà để leo lên cao rất thịnh hành, hiện tượng phạm tội càng nghiêm trọng. Hàng năm Nguyên Đế đều ban bố lệnh đại xá, với ý đồ làm cho những kẻ phạm tội cải tà quy chính. Thế nhưng, sau khi đại xá, hiện tượng phạm tội đã không giảm bớt “hôm nay đại xá, ngày mai lại phạm pháp, theo nhau vào ngục”.

Khuông Hoành cho rằng: Thượng lương không nghiêm chỉnh thì hạ lương nghiêng đổ. Nếu muốn thay đổi không khí tồi tệ này của xã hội, ngoài việc “trình bày rõ đức nghĩa” với quần chúng ra, điều mấu chốt là ở chỗ triều đình “tỏ ra thích làm điều ác”. Khuông Hoành kiến nghị với Nguyên Đế, nói:

- Triều đình là cột trụ của đất nước. Các công khanh đại phu nếu tuân theo lễ giáo, khiêm tốn lễ độ, tự cần kiệm, thì dân chúng sẽ không tranh lợi. Nếu tất cả đều làm nhân nghĩa, tất dân chúng sẽ không bạo loạn. Nếu tất cả đều có phong độ cao thượng sáng sủa, tất dân chúng sẽ bắt chước làm theo. Nếu tất cả đều khoan hồng độ lượng, ôn nhu trung thuận, hòa khí nhân từ, tất dân chúng sẽ kính yêu lẫn nhau. Bốn điểm này có thể khiến cho đế vương khai sáng, không cần phải dùng biện pháp nghiêm ngặt mà không khí phong tục xã hội sẽ tốt lên. Vì sao vậy? Bởi vì: Nếu bốn điều kể trên mà làm ngược lại thì ở dưới sẽ nảy sinh ra họa hoạn tranh đấu lẫn nhau. Nếu các đấng bề trên có người chuyên quyền độc đoán thì ở dưới sẽ có nhiều người không khiêm nhường. Nếu bề trên có người tranh mạnh hiếu thắng phò tá, thì ở dưới sẽ có nhiều lòng dạ sai phạm lễ trời, trái đạo lý. Nếu ở trên có đại thần hám lợi tối mắt, thì ở dưới sẽ có nhiều dân chúng trộm cướp quen thân. Ngày nay, các quan lại dung tục thô thiển cai trị địa phương không lấy lễ giáo làm tông chỉ, thậm chí còn oán thù ghen ghét giết hại người tốt, đẩy người vào tội oan, tham lam tiền của, chỉ hãm mộ quyền thế. Do đó, người phạm pháp trong dân chúng sẽ có rất rất nhiều, hiện tượng gian tà không sao cấm được. Tuy đã sử dụng nghiêm hình, ngặt

pháp, thế mà vẫn không thể thay đổi được phong khí xã hội suy bại này. Điều này đâu có phải tính ác, tội lỗi của dân chúng do trời sinh, mà là do bề trên bỏ mất sự dạy dỗ.

Do đó, Khuông Hoàn cho rằng nên phải bắt đầu từ triều đình, ngay lập tức phải đổi phong tục xấu xa đó đi.

## **CHỐNG XA XỈ, CHỈNH ĐỐN QUAN LẠI**

### **ĐỂ YÊN ĐỊNH DÂN SINH**

Lúc đó vùng Trung Nguyên nhiều năm mất mùa đói kém, dân chúng thiếu thốn khó khăn, đến nỗi đã phát sinh ra hiện tượng tàn sát lẫn nhau để lấy thức ăn. Điều này đều do vì quan phủ thu tô thuế quá nhiều, dân chúng phải gánh vác quá nặng; còn quan lại thì chỉ quản bức thu đủ tô thuế, chẳng kể gì đến hậu quả phát sinh ra sao.

Đối mặt với tình hình mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt này, Khuông Hoàn đã đề xuất kiến nghị với Nguyên Đế nghiêm cấm xa xỉ, chỉnh đốn việc khao quan. Khuông Hoàn nói:

- Bệ hạ kính sợ giới luật của trời, đồng tình với dân chúng đáng thương, giảm mạnh sự xa hoa lãng phí của mình, tiết kiệm tiền tệ lãng phí trong việc xây dựng hai cung Cam Tuyền, Kiến Chương, xóa bỏ quận chế Châu Nhai (Quân Trị, ở Đông Nam Quỳnh Sơn Hải Nam và Đông Bắc hạt Hải Nam), chấm dứt vũ bị, đề xướng văn chương, nhằm làm cho đất nước tránh khỏi suy bại, khôi phục lại sự hưng thịnh. Sau khi dân chúng nhìn thấy chiếu thư triệt tiêu Quận Châu Nhai, không ai không hân hoan sung sướng vỗ tay nhảy múa, họ đều cho rằng sắp sửa nhìn thấy sự thái bình. Trong tình thế này nên ngay lập tức giảm bớt mức độ chi dùng của cung thất, tiết kiệm, giảm bớt những trang sức hoa lệ lãng phí, khảo sát lại từ đầu các loại chế độ, chấn chỉnh việc tô điểm trong ngoài cung thất, thân gần các quan đại thần trung thực thẳng thắn; lánh xa bọn gian thần khéo nịnh hám sắc, tiến cử người hiền tài, cho phép nói thẳng, tin dùng người tài đảm, bãi miễn kẻ điêu toa, tuyên dương kẻ sĩ có thanh danh trong sạch cao thượng, có đường lối rõ ràng không tư dục; làm sáng rõ đạo tự nhiên, hòa mục rộng

rái, để tôn sùng nhân nghĩa, sửa đổi tập tục xấu, thay đổi các nhìn nhận của dân chúng, để cho nhân dân toàn quốc có thể nhìn thấy một cách rõ rệt điều mà bản triều sùng chuộng là cái gì; làm cho đạo đức được phát triển rộng rãi ở kinh sư, những con người tốt đẹp được truyền bá khắp toàn quốc. Như vậy thì một phong khí tốt đẹp sẽ được hình thành, lễ giáo sẽ có thể hưng thịnh lên được.

Nguyên Đế vô cùng tán thưởng đối với những kiến nghị của Khuông Hoàn liền thăng chức cho ông lên làm Quang Lộc đại phu, Thái tử Thiếu phó.

## **DUY TRÌ TỔ NGHIỆP, THẬN TRỌNG CÁI CHẾ ĐỂ DUY TRÌ VÀ BẢO VỆ TRUYỀN THỐNG**

Nguyên Đế yêu chuộng văn từ nho thuật, đối với chế độ chính trị “Bá đạo”, “Vương đạo” tạp trị mà Tuyên Đế nhấn mạnh, ngài đã có rất nhiều thay đổi, không coi trọng lại trị, xem nhẹ danh thực. Do vậy một số nho sĩ đã hăng hái tới cầu kiến Nguyên Đế để tiến dâng những lời nói của mình. Trong bọn họ người nào cũng đều tự cho rằng mình được Nguyên Đế mến mộ nên đã khoe khoang mình.

Đối mặt trước tình hình đó, Khuông Hoàn đã dâng sớ lên Nguyên Đế, nói rằng:

- Thần nghe nói điều mấu chốt trong việc trị loạn an nguy của quốc gia là ở chỗ nhà vua biết thăm tra thận trọng khi xử lý công việc. Vị đế vương thụ mệnh cần phải vĩnh viễn giữ gìn những tinh thần sáng nghiệp về sau, vị vua kế thừa hoàng vị cần phải có tư tưởng phát huy rộng rãi đức độ của tiên vương và công lao ngài sáng của tiên vương. Trước kia, sau khi Chu Thành Vương kế thừa ngôi vua, điều suy nghĩ là dùng đạo của Văn Vương, Vũ Vương để bổ sung cho tư tưởng của mình. Những nghiệp tích tráng liệt tươi đẹp mà ông sáng tạo ra đều quy công về Văn Vương và Vũ Vương, mà không dám đơn độc ghi tên tuổi của mình. Do vậy, Thành Vương đã được các quỷ thần ở trên trời bảo hộ và phù trợ. Bệ hạ vô cùng yêu mến các nho sĩ ở trong nước, thế nhưng họ chưa thể phát huy được rộng rãi công lao



chối lợi của tiên đế, tranh nhau kiến nghị nói chế độ của tiên đế không thể sử dụng được cần phải tăng cường sự thay đổi. Những chế độ đã biến đổi có khi cũng không thể thi hành thông suốt, tiếp sau đó lại cần phải biến đổi nữa. Như vậy, các nho sĩ đã nghị luận với nhau điều thay đổi của chế độ là thị thị phi phi, còn quan lại và dân chúng lại không biết tin vào chế độ nào tốt. Thần âm thầm đau đớn quốc gia đã vứt bỏ sự nghiệp đã thành của tiên đế mà thoát ly thực tế đã nhiều lần thay đổi chế độ. Dám mong bệ hạ hãy suy nghĩ kỹ càng sự nghiệp cai trị đất nước, lưu ý tuân theo chế độ mà tiên đế đã đặt ra, phát huy và mở rộng công tích của tiên đế, để ổn định lòng dân. Đối với bọn người xảo trá, cần phải cẩn thận đề phòng.

## **THẬN TRỌNG VỚI PHI HẬU, PHÂN BIỆT RÕ ĐÍCH THỨ ĐỂ CHỈNH ĐỐN TÔ ĐIỂM CUNG THẤT**

Thời Tây Hán, tình trạng hoàng thân quốc thích nắm quyền tương đối nhiều. Đến thời Nguyên Đế, chẳng những là hoàng thân quốc thích, mà một số nho sinh cũng muốn thông qua việc giành lấy sự ân sủng để làm bậc thang tấn thăng quan chức. Nhằm thẳng vào tình hình này, Khuông Hoàn đã dâng sớ lên Nguyên Đế nói:

- Gia thất hòa mục là nguyên nhân cơ bản của phúc vận hưng vượng; Đạo đức tiêu vong không ai là không bắt đầu từ trong cửa nách của cung vua. Cho nên, đế vương sáng suốt cần phải thận trọng xử lý sự mâu thuẫn giữa phi (vợ thứ của vua) và hậu (vợ chính của vua), phân biệt rõ vị trí khác nhau giữa đích tử và thứ tử.

Dùng lễ giáo giáo hóa gia đình chính là để cho kẻ ti tiện (cung nữ và con thứ) không thể vượt qua bậc tôn quý (hoàng hậu và con cả), tân nhân (phi tần) không thể được đứng trước cố nhân (hoàng hậu). Điều này chính là dùng nhân tình thế cố truyền thống để xử lý các sự việc trong cung thất. Tôn kính đích tử, hạ thấp thứ tử, chính là đích tử có thể tham gia vào việc tế lễ do đế vương cử hành, áo mũ tề chỉnh, dùng mũ tửu, hành đại lễ, mà thứ tử không thể được gia nhập hàng ngũ tế lễ. Đây chính là tôn quý chính thể, tránh né những suy nghĩ nghi ngờ nảy sinh ra sự không phân chia đích thứ.

Không được ngoài mặt thì phân biệt hậu, phi và đích, thứ, mà bắt buộc phải phân biệt rõ ràng từ trong tâm. Cũng chính là trước hết, phải tôn trọng lễ giáo từ trên mặt cảm tình, rồi sau đó mới biểu hiện ra bên ngoài. Điều mà thánh nhân yêu thích là sự vật có lớn nhỏ, tôn ti có thứ tự. Thứ tự được thích hợp, thì dân chúng sẽ tăng cường tự tu dưỡng bản thân, phục tùng sự giáo hóa. Nếu như người nên thân gần mà lại xa lánh, người đáng tôn kính mà lại khinh rẻ, thế thì bọn gian thần khéo léo mồm mép sẽ có thể nhân cơ hội đó nho nhoe rục rịch làm càn, tạo ra sự hỗn loạn cho đất nước. Cho nên thánh nhân phải luôn luôn đề phòng khi tai họa chưa xảy ra, không được dùng tình cảm riêng tư làm tổn hại việc chung. Phẩm đức của bệ hạ thuần chính hoàn bị, đối với những điều chưa thỏa đáng không có điều gì không sửa chữa được. Như vậy thì thiên hạ không chỗ nào là không cai trị được!”.

Khuông Hoành đã nhiều lần dâng sớ trình bày việc chính trị, rất được Nguyên Đế tôn trọng, trước sau đã được thăng chức bổ nhiệm làm Quang Lộc Huân, Ngự sử đại phu. Năm thứ ba Kiến Chiêu (năm 36 trước Công nguyên) đã thăng chức lên làm thừa tướng, phong là Lạc An hầu, thực ấp sáu trăm hộ.

Sau khi Nguyên Đế qua đời, Thành Đế kế vị. Khuông Hoành vẫn không ngừng nêu ra những kiến nghị mưu lược với Thành Đế. Thế nhưng kể từ thời Nguyên Đế trở đi, Tây Hán đã có chiều suy bại, bọn hoạn quan nịnh thần nắm giữ chính quyền, uy quyền của Hoàng đế dần dần mất đi. Những cách nghĩ và cách làm mà Khuông Hoành dựa vào hoàng đế để thi hành, những kiến nghị mưu lược của mình, đã không còn thực sự phù hợp với hiện thực chính trị đương thời nữa, cho nên khó có thể sản sinh ra hiệu quả.

Sau khi Thành Đế nắm giữ chính quyền, Khuông Hoành bị Tư lệ hiệu úy Vương Tôn hạch tội. Về sau con trai của Khuông Hoành là Khuông Việt say rượu giết người, bản thân ông do vì mở rộng phạm vi thực ấp mà bị tố giác, do đó đã bị cách chức Tế tướng, đày xuống làm thứ dân, sống ở gia đình tới lúc già.

## 46. CHÂU BÁC

### KHÉO DÙNG QUYỀN MƯU, GIỎI ỨNG CƠ BIẾN

Châu Bác không rõ năm sinh, mất năm thứ năm trước công nguyên, tự là Tử Nguyên, người Đổ Lăng Tây Hán (phía Đông Nam Tây An, Thiểm Tây ngày nay), xuất thân nghèo túng. Thời trai trẻ đã làm chức Đình trưởng, huyện Công Tào (Tổng vụ trưởng) ở bản huyện, tới Kinh Triệu (vùng Tây Bắc Tây An, Thiểm Tây ngày nay) làm chức Đốc Bưu (quận thú Bang Biện), là người liêm khiết, cần kiệm, hào phóng, không ham tử sắc, trọng nghĩa khí, thích kết giao, vì bạn có phải dao đâm cạnh sườn cũng chẳng từ nan, là bạn thân của con em các công khanh nổi tiếng hồi đó như là Tiêu Dục, con trai của Tiên tướng quân Quang Lộc Huân Tiêu Vọng Chi, Trần Hàm con trai của Ngự sử đại phu Trần Vạn Niên v.v... Khi Trần Hàm làm Ngự sử Trung Thừa, vì sự cố bị bắt nhốt ngục. Sau khi Châu Bác được biết tự xin miễn bỏ quan chức đi tới nơi giam giữ Trần Hàm, tìm thời cơ để gặp. Vừa hay lúc đó Trần Hàm đang bị ốm ở trong ngục, Châu Bác mạo xưng là thầy thuốc tới khám bệnh cho Trần Hàm. Gặp Trần Hàm ở trong ngục, tìm hiểu được vì sao ông bị giam giữ. Từ trong ngục bước ra ông đã tiến hành các hoạt động để cứu Trần Hàm. Qua hoạt động, ông lại thay Trần Hàm chịu đựng mấy trăm roi vọt, cuối cùng đã khiến cho Trần Hàm được miễn khỏi tội chết. Bản thân ông đã vì chuyện này mà thanh danh lừng lẫy, được giữ chức Quận Công Tào Kinh Triệu. Về sau, Hán Nguyên Đế từ giã cuộc đời, Thành Đế kế vị, Trần Hàm lại lên làm Trưởng sử. Ông lại tiến cử Châu Bác với Đại tướng quân Vương Phượng. Vương Phượng rất mến mộ Châu Bác, đã nhiều lần đề bạt ông. Sau đó Châu Bác đã trải qua các chức vụ Huyện lệnh, Thích sử, Quân thú, Quang Lộc đại phu, Đại tư nông, Đình úy, Đại tư không, Thừa tướng v.v... Trong thời gian nhậm chức thừa tướng, bởi liên quan tới mâu thuẫn đấu tranh giữa cung đình và ngoại thích nên bị bức phải tự sát.

Châu Bác bởi gia cảnh bần hàn nên chẳng học sách gì, nhưng lại bước lên chức cao là Tế tướng. Điều đó ngoài cơ ngộ ra, chủ yếu còn do vì ông có một hệ thống thủ đoạn mưu lược, đối với chức vụ mà ông đảm nhận đều có thể tạo ra những thành tích tốt, được sự đánh giá tốt của bề trên, do đó đã không ngừng được đề bạt.

## **DAO SẮC CHẶT VỪNG, XỬ TRÍ NHỮNG SỰ VIỆC GAY CẤN**

Khi Châu Bác nhậm chức Thích sử Ký Châu, có một lần ra ngoài thị sát tới một huyện, gặp phải mấy trăm người quan lại và dân chúng cản đường tố cáo, không thể tiếp tục đi được nữa. Viên tòng sự (liêu thuộc) của huyện này muốn thử thăm dò năng lực Châu Bác xử trí các sự kiện gay cấp thế nào, đã mời Châu Bác dừng lại, xử lý xong sự kiện này rồi sẽ đi. Châu Bác nhìn thấy dụng tâm của viên tòng sự này, đã bảo các nhân viên tùy tòng lập tức xuất phát, xe đi tới giữa đám người tố cáo, ông đứng trên xe nói với mọi người:

- Bản Thích sử không quản các sự việc của huyện thừa ụy nhỏ bé, những ai muốn tố giác Huyện thừa ụy, thì lên Quận tố giác. Có ai muốn tố giác các quan lại từ Quận thái thú trở lên, thì hãy chờ bản Thích sử sau khi thị sát xong trở về, sẽ tới châu trị sở tố giác. Số người kia bị quan áp bức oan uổng hoặc tố cáo bợn cướp thì tới chỗ tòng sự có liên quan tới bản huyện mà tố giác!

Sau khi Châu Bác tuyên bố kiên quyết dứt khoát, cả bốn năm trăm người cản đường để tố giác kia liền lập tức tản đi. Quan lại và dân chúng trong huyện này không thể ngờ được đối với sự việc gay cấp như thế này mà Châu Bác ứng phó bình thản như vậy, họ đều giật mình kinh ngạc. Về sau Châu Bác thám thính được sự kiện này là do viên tòng sự già sắp đặt, đã lập tức đem hẳn ra giết chết. Từ đó các quận huyện ở Châu Ký đều kính sợ oai nghiêm của Châu Bác.

## **LẤY LUẬT TRỪNG TRỊ QUAN LAI, CHỈNH TRỊ CÁC TẬP TỤC XẤU Ở TÈ QUẬN**

Quận Lang Nha vốn là địa bàn của nước Tề các quan lại ở đây phần đông tính tình chậm chạp, tự cao tự đại. Khi Châu Bác vừa tới quận Lang Nha nhậm chức, rất nhiều quan lại giả vờ bị ốm, không tới công sở làm việc. Châu Bác hỏi số quan lại nhỏ tới làm việc, vì sao lại như vậy? Họ nói: “Đó là vì họ sợ uy nghiêm của quận thú mới. Trước kia các quận thú mới tới nhậm chức bao giờ cũng sai người tới nhà các quan lại này để thăm hỏi, xin ý kiến, rồi mới dám tới nhậm chức!”. Sau khi Châu Bác nghe xong, tức giận quá, râu vểnh ngược lên, đập bàn nói:

- Bọn trẻ con ở nước Tề muốn làm thành phong tục ở đây à!

Tức thì ông triệu tập các quan lại chủ yếu dưới quyền ở trong quận và các huyện phụ thuộc, tuyển chọn một số quan lại mà ông cho rằng có thể dùng được để thay thế những người giả vờ ốm không tới làm việc, quở phạt và bãi miễn số quan lại giả vờ ốm đó. Ở quận Lang Nha trên dưới thấy đều kinh sợ. Không lâu có một liêu thuộc tên gọi Cán Toại tới bái kiến Châu Bác. Bởi ông tuổi tác đã cao, sau khi cúi rạp người xuống vái đứng dậy rất chậm. Châu Bác nói với quan chủ bạ:

- Cán lão sinh không quen lễ quan, quan chủ bạ hãy dạy cho ông ta quỳ xuống vái và đứng lên, cho đến khi nào ông ta biết thì thôi!

Ông nhìn thấy liêu thuộc mặc áo choàng dài sát đất, liền hạ lệnh cắt đi một đoạn gấu áo chỉ còn cách đất ba tấc. Châu Bác đặc biệt không thích nho sinh, sau khi tới quận đã bãi bỏ Nghị Tào do nho sinh đảm nhiệm. Châu Bác nói:

- Ta xử lý công việc phải dựa vào pháp lệnh. Đạo của thánh nhân mà các nho sinh nói không thể dùng được.

Châu Bác nhậm chức quận thú Lang Nha mấy năm, các tập tục phụ thuộc vào quan lại đã có sự thay đổi rất lớn.

**LẤY ĐỘC TRỊ ĐỘC,  
CHẤN CHÍNH TRỊ AN KHU VỰC**

Châu Bác tới cai trị quận Lang Nha, ra lệnh bổ nhiệm cho các cường hào làm quan lại chủ yếu. Trong huyện có những sự kiện khác thường như giặc cướp hoặc những việc có ảnh hưởng tới trị an, Châu Bác liền hạ lệnh cho các quan lại cường hào điều tra xử lý; phạm những ai điều tra xử lý có công lao hiệu quả sẽ được thưởng hậu; phạm kẻ nào lừa dối hoặc chống lại, nhẹ thì phạt tội, nặng thì giết chết. Các cường hào vì hoảng sợ tội giết nên đều phục tùng Châu Bác. Lúc đó ở huyện Cô Mạc (vùng Tây Bắc Chư Thành Sơn Đông ngày nay) đã phát sinh ra sự kiện có một bọn tám tên sau khi giết chết người ở trong huyện đình rồi chạy trốn, kẻ phạm tội không bắt được một tên nào. Huyện Cô Mạc báo lên trên sự kiện này.

Châu Bác cử người tới điều tra xử lý, nhưng không có kết quả. Tức thì ông truyền đạt mệnh lệnh cho lệnh thừa huyện Cô Mạc rằng: “Đã biết được ở huyện ông phát sinh ra sự kiện hung thủ sau khi giết người đã bỏ trốn. Ông phải lập tức truyền lệnh: “Vương Khanh Du Kiếu (chức quan nắm việc điều tra bắt bớ ở trong làng) không tận lực phá án, căn cứ vào pháp luật phải chém đầu”. Sau khi Vương Khanh nhận được lệnh vô cùng hoảng sợ, các thân thuộc của Vương Khanh cũng đều kinh hoàng thất sắc, vội vã tìm bắt suốt ngày đêm. Trong vòng mười ngày đã bắt được năm tên trong bọn phạm tội. Lúc này Châu Bác lại hạ thư xuống cho lệnh thừa của huyện nói: “Vương Khanh dốc lòng vì việc chung, truy bắt bọn tội phạm đã có thành tích. Xin hãy trình báo lên trên sự tích mà ông ta truy bắt tội phạm để khen thưởng, hơn thế hãy sử dụng tất cả các bộ thuộc của ông để dốc sức bắt hết số tội phạm còn lại đưa về quy án”. Châu Bác đã sử dụng biện pháp như vậy để xử lý những vụ trọng án.

## **PHỐI HỢP KHOAN NGHIÊM, DÙNG NGƯỜI KHÔNG CẬU NỆ TIỂU TIẾT**

Châu Bác đối với những bộ thuộc không trung thành với mình, từ xưa chưa hề thi hành điều nhân ái, bao giờ cũng tìm cơ để giết chết. Thế nhưng đối với những bộ thuộc không có ý phản trắc ông, thì cho dù có chút khuyết điểm ông cũng rất khoan hồng độ lượng. Khi ông làm Tả phùng Dực có

một bộ thuộc tên gọi Thượng Phương Cấm. Người này khi còn thiếu niên đã từng cưỡng dâm vợ người, bị chém một nhát dao, để lại một vết sẹo ở trên mặt. Tổng vụ trưởng (Công Tào) của Châu Bác sau khi nhận hối lộ, đã cách chức Thượng Phương Cấm. Sau khi Châu Bác tìm hiểu được sự việc này đã triệu Thượng Phương Cấm đến gặp, quả nhiên đã nhìn thấy ở trên mặt của ông ta có vết sẹo, liền hỏi:

- Đây là vết sẹo đã để lại như thế nào?

Thượng Phương Cấm cúi đầu trình báo như sự thực. Châu Bác nói:

- Người đại trượng phu có khi vì tình dục đòi hỏi mà đã làm sự việc đó, cũng khó có thể tránh khỏi. Ta muốn rửa sạch nỗi sỉ nhục cho ông, san bằng vết sẹo trên mặt của ông, ông có thể dốc sức vì ta không?

Thượng Phương Cấm nói:

- Tất sẽ xin liều chết dốc hết sức ạ!

Châu Bác nói:

- Chớ có tiết lộ cuộc nói chuyện giữa chúng ta ngày hôm nay. Bên ngoài có sự việc gì lớn lao, ông cứ ghi lại rồi báo cho ta biết.

Từ đó trở đi, Thượng Phương Cấm đã trở thành tai mắt của Châu Bác, đêm ngày truy bắt bọn trộm cướp và những phần tử phạm tội khác ở trong vùng, rất có công hiệu. Châu Bác đã đề bạt ông lên làm huyện lệnh. Về sau, Châu Bác lại triệu kiến Công Tào muốn bãi miễn Thượng Phương Cấm, trách hỏi về tội nhận hối lộ, nói:

- Anh hãy khai thực về việc nhận số tiền hối lộ kể trên. Nếu có nửa câu nói dối, ta sẽ chém đầu!

Công Tào hoảng sợ, đành phải cung khai toàn bộ. Châu Bác biết những điều cung khai của hắn có thể tin được, liền để cho hắn tiếp tục làm Công Tào, rồi hạ lệnh cho hắn phải sửa đổi lại thành con người mới, đồng thời đã đem biên bản ghi chép cuộc thẩm vấn về việc nhận hối lộ của hắn huỷ ngay trước mặt hắn. Sau đó, vị Công Tào này đã làm việc rất chu đáo, cẩn thận, không dám có chút sai sót.

## **THỂ HIỆN RỒ TÀI BA, KHUẤT PHỤC CÁC QUAN LẠI DƯỚI QUYỀN**

Khi Châu Bác làm Đình úy, phụ trách xử lý các vụ trọng án trong toàn quốc. Ông lo lắng các quan lại dưới quyền không phục, cho nên vừa mới tới nhiệm sở ông đã triệu tập các bộ thuộc chủ yếu tới, nói:

- Bản mẫu xuất thân từ quan võ, không thật thông hiểu đối với pháp luật. May được các chư vị tài ba phò tá, bản mẫu còn có điều gì phải lo lắng nữa. Thế nhưng bản mẫu đã làm quận thú được hai mươi năm, đã khám phá rất nhiều vụ án nên chịu ảnh hưởng, đối với luật lệnh cũng được quen thuộc. Xin các vị hãy lựa chọn ra vài chục vụ án, nghi là khó xử, mà các đình úy tiền nhiệm đã xử. Bản mẫu sẽ phán quyết ngay trước mặt chư vị xem thử!

Các bộ thuộc của ông đều cho rằng chẳng qua ông chỉ làm ra vẻ, vị tất đã có thể có những phán quyết xác đáng được. Sau khi các vụ án được chọn ra, Châu Bác đã triệu tập các bộ thuộc ngồi lại để nghe ông phá án. Ông bình phán sự nặng nhẹ của tội trạng, mười phần có tới tám chín phần xác đáng, vì thế các bộ thuộc của ông đều rất bái phục hùng tài đại lược của ông. Mỗi lần Châu Bác được thăng chức hoặc chuyển đi làm quan ở nơi khác đều xuất ra một số miếng võ đẹp, để xác định rõ cho các bộ thuộc của ông biết rằng: ông là con người không thể lừa dối được.



## 47. LƯU TÚ

### THUẬN THỂ PHỤC HÁN, LẤY NHU TRỊ QUỐC

Người xây dựng lên vương triều Đông Hán là Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú, tự là Văn Thức, người Thái Dương Nam Dương (vùng Tây Nam Tảo Dương tỉnh Hồ Bắc ngày nay), sinh năm 6 trước Công nguyên, mất năm 57 sau Công nguyên. Ông là cháu chín đời của Hán Cao Tổ Lưu Bang, cha của ông từng nhận chức Nam Đốn lệnh.

Trong thời gian ở ngôi, một mặt Lưu Tú đã nhiều lần công bố mệnh lệnh giải phóng nô tì, giảm nhẹ sưu thuế lao dịch cho nông dân, phế bỏ chế độ binh dịch địa phương, tinh giản quan chức, cắt bớt quận huyện, xây đắp thủy lợi, phát triển sản xuất, hòa hoãn mâu thuẫn xã hội. Một mặt khác ông lại cho các công thần thôi việc mà bổ nhiệm dùng quan văn, tăng cường quyền lực của văn thư, tước bỏ và làm suy yếu quyền hạn của tam công, hạn chế sự can dự quyền chính của ngoại thích, tăng cường sự mạnh mẽ trong thể chế chính trị của tập quyền trung ương. Do vì đã sử dụng nhiều biện pháp kể trên đã khiến cho chính quyền Đông Hán mới xây dựng được ổn định và phát triển nhanh chóng. Lịch sử đã gọi đoạn thời gian này là “Quang Vũ Trung Hưng”. Lưu Tú có thể gọi được là một nhân vật kiệt xuất đã có những cống hiến quan trọng trong lịch sử thời đó.

Từ nhỏ Lưu Tú đã là một con người khoan dung, thận trọng cần cù với việc cày cấy hoa màu, tựa hồ như chẳng có hoài bão gì lớn lao, còn người anh của Lưu Tú là Lưu Diễn thì tính cách cương nghị, thích nuôi dưỡng hiệp sĩ, ôm ấp chí lớn. Trong năm Thiên Phượng Vương Mãng (từ năm 14 đến năm 19 sau Công nguyên) Lưu Tú đến Trường An theo học thầy Trung đại phu Hứa Tử Uy, học tập “Thượng thư”, có thể thông đại nghĩa, và từ đây đã lập được chí hướng “làm quan thì nên làm Chấp Kim Ngô, lấy vợ thì nên lấy Âm Lệ Hoa” (Chấp Kim Ngô là Trung úy thống lĩnh Bắc quân

Bát hiệu úy, ở trong thì bảo vệ kinh sư, đối ngoại thì chuẩn bị chinh chiến, rất nhiều xa kỵ, rất oai vũ. Còn Âm Lệ Hoa thì là người đẹp có dáng đẹp xuất chúng ở Tân Dã Nam Dương).

## **XEM XÉT TÌNH HÌNH, KHỞI BINH XUNG ĐẸ**

Cuối năm Vương Mãng, thiên hạ nhiều năm gặp nạn châu chấu, trộm cướp nổi lên như ong. Năm thứ ba Địa Hoàng (năm 22 sau Công nguyên), Nam Dương phát sinh ra nạn đói, khách khứa của các nhà phần lớn đều liêu mình dẫn vào nơi nguy hiểm, bước lên con đường trộm cắp cướp bóc. Tân khách của Lưu Diễm cũng không ngoại lệ. Vì thế Lưu Tú cũng bị liên luy, để tránh sự bắt bớ của quan lại mà không thể không tới Tân Dã để ẩn náu, tiện thể đã xuất bán lương thực ở Uyển Thành. Lúc đó trong xã hội đang lưu hành mê tín tôn giáo “Sách sấm ký”. Ở đất Uyển có một người tên là Lý Thủ nói với con trai là Lý Thông:

- Họ Lưu sắp sửa một lần nữa hưng thịnh, họ Lý tất sẽ phải phò tá cho họ Lưu.

Họ cho rằng “họ Lưu” này sẽ ứng vào hai anh em là Lưu Diễm và Lưu Tú, tức thì họ đã cực lực động viên hai anh em họ Lưu khởi binh chống Mãng. Lúc đầu Lưu Tú không dám bằng lòng, thế rồi thâm suy ngẫm anh trai mình là Lưu Diễm từ trước vẫn có kết giao với những du dân vô nghề nghiệp, tất sẽ phát động khởi nghĩa. Hơn thế, diềm báo bại vong của chính quyền Vương Mãng đã vô cùng rõ rệt. Tức thì Lưu Tú liền cùng bọn Lý Thông định ra đại kế, bí mật mua gom binh đao cung nỏ, chuẩn bị khởi quân. Tháng mười năm ấy, Lưu Diễm dựa vào Lưu Tú, Lý Thông v.v... ước định thời gian khởi binh, chính thức nêu ra khẩu hiệu “Phục Cao Tổ chi nghiệp” - dựng lại cơ nghiệp của Hán Cao Tổ, đích thân phát động con em ở Thung Lăng (phía Đông huyện Tào Dương tỉnh Hồ Bắc ngày nay). Lúc này Lưu Tú chỉ mới 28 tuổi.

Trong cuộc đại chiến ở Côn Dương, đã tỏ rõ một cách đầy đủ Lưu Tú không hoảng sợ trước kẻ địch, dũng cảm kiên định, mà lại có tài năng mưu

lược tuyệt vời. Khi đó Vương Mãng điều tập đại quân bao vây Côn Dương, các tướng lĩnh lực lâm quân gia nhập với Lưu Tú, nhìn thấy quân lính của Vương Mãng cường thịnh, rất lo lắng cho vợ con, dự định giải tán bỏ đi. Duy chỉ có Lưu Tú cho rằng không thể được. Ông nói:

- Mắt nhìn thấy kẻ địch đang ở phía trước, binh lính ta thiếu lương thực. Nếu biết đồng tâm hiệp lực chống lại, có lẽ sẽ có thể thành công được. Nếu phân tán bỏ đi, thế tất sẽ bị tan vỡ diệt vong. Huống chi Uyển Thành còn chưa bị tiến đánh, không thể mời cứu binh tới được. Nếu Côn Dương bị công phá, thì các bộ đều khó bảo toàn. Trong tình thế khẩn cấp này, chúng ta chỉ có thể đồng lòng hiệp sức, mới có thể cùng giành được công danh.

Các tướng lĩnh chất vấn rằng:

- Lưu tướng quân có đảm lược gì mà dám nói ra những lời ngông cuồng như vậy?

Lưu Tú chỉ cười mà không trả lời. Một mặt ông cử người giữ chắc thành trì, một mặt ông lựa chọn các tướng tài binh giỏi, nhờ màn đêm yểm hộ, phá tan vòng vây của quân Mãng, các cứu binh từ Định Lăng, huyện Yên vận chuyển tới để cứu viện Côn Dương. Ông dẫn đầu trên một ngàn kỵ binh và bộ binh kéo tới trước gần dinh lũy của địch, quân giữ trong thành thừa thế đánh ra, trong ngoài đánh khép gọng kìm, tiếng hô vang trời, đánh cho quân Mãng thất điên bát đảo, bỏ lại rất nhiều vũ khí quân trang, vôi vã tháo chạy. Đây chính là trận chiến ở Côn Dương lấy ít thắng nhiều, nổi tiếng trong lịch sử. Từ đây đã vang lên hồi chuông báo tang của chính quyền Vương Mãng.

Trên con đường xưng đế của hai anh em Lưu Diễn, Lưu Tú cũng không mấy thuận buồm xuôi gió. Năm thứ tư Địa Hoàng (năm 23 sau Công nguyên), các bộ tướng lĩnh của quân khởi nghĩa vì để mở rộng đội ngũ, tăng cường sức hiệu triệu, cho rằng nên lập một người trong tông thất họ Lưu lên làm hoàng đế. Họ đã nhắm trúng Lưu Huyền tính tình nhu nhược, lại không có binh quyền, tiện bề khống chế, để cho Lưu Huyền lên ngôi hoàng đế, xây dựng lên chính quyền “Canh Thủy”. Trong trận đánh Uyển

Thành và Côn Dương, Lưu Diễm và Lưu Tú đều có tác dụng mang tính chất quyết định, uy tín vang lừng trong quân khởi nghĩa. Lưu Diễm tuy chưa công khai tranh đoạt ngôi báu hoàng đế, thế nhưng các bộ tướng của Lưu Diễm đều tỏ ra phản nộ bất bình vì Lưu Diễm chưa được lên ngôi hoàng đế. Khi Lưu Huyền xưng đế, Lưu Tắc liền phản nộ bực tức nói:

- Lần khởi binh mưu đồ việc lớn phục hồi nhà Hán lần này, vốn là do hai anh em Lưu Diễm và Lưu Tú. Ngày nay vị xưng đế này hỏi đã làm được việc gì?

Lưu Huyền bực tức trong tâm, tuyên bố Lưu Tắc là tướng quân kháng uy, để tỏ ý răn đe. Lưu Tắc không chịu nhận lệnh, Lưu Huyền lập tức hạ lệnh bắt giữ. Đúng lúc sắp sửa đem giết chết Lưu Tắc, Lưu Diễm đã đứng lên tỏ ý phản đối, hơn thế còn tranh biện giúp Lưu Tắc. Một số tướng lĩnh đồ kỵ tài năng với Lưu Tắc, từ lâu đã chủ trương diệt trừ Lưu Diễm, lúc này thừa cơ đã khuyên Lưu Huyền giết chết Lưu Diễm, thật trúng lòng mong muốn của Lưu Huyền. Tức thì cùng trong một hôm, Lưu Diễm và Lưu Tắc bị giết chết thảm thương. Tin tức đó truyền tới tai Lưu Tú, mặc dù trong tâm bị phản vô cùng, thế nhưng ngoài mặt vẫn tỏ ra vô cùng trấn tĩnh. Lưu Tú biết một cách rõ ràng rằng, lúc này chỉ cần bản thân mình hơi có chút nao núng né tránh thì sẽ bị giết chết. Tức thì ông lập tức tới triều kiến Canh Thủy đế, luôn miệng tạ tội. Các thuộc hạ cũ của Lưu Diễm xông vào chạy tới chia buồn trước mặt Lưu Tú, trong lúc trò chuyện, Lưu Tú không hề để lộ ra tình cảm riêng tư của mình, chỉ nói là bản thân mình có tội. Đối với chiến công mà bản thân mình lập được ở Côn Dương, chưa hề nêu ra với mọi người bao giờ. Ông cũng không hề phục tang cho Lưu Diễm, vẫn ăn uống trò chuyện bình thường như mọi ngày, hình như về căn bản đã chẳng xảy ra chuyện người anh bị giết chết. Thần thái bình tĩnh tự nhiên của Lưu Tú, cuối cùng đã làm cho vua Canh Thủy và mọi người trừ bỏ được mỗi nghi ngờ, hơn thế vua Canh Thủy còn tự mình cảm thấy có lỗi đối với anh em nhà họ Lưu, liền phong cho Lưu Tú làm Phá Lỗ Đại tướng quân, Vũ Tín hầu, và cuối cùng Lưu Tú đã tránh khỏi được họa bị giết chết. Sau ba tháng, Lưu Tú với danh nghĩa Phá Lỗ Đại tướng quân làm công việc Đại tư

mã tới Hà Bắc thăm hỏi các châu quận, thu thập nhân tài, chiêu binh mãi mã, bắt đầu sự nghiệp thống nhất Trung Quốc.

Khi Lưu Tú đi tới Hàm Đan, con trai của Nguyên Triệu Mậu Vương là Lưu Lâm hiến kế với ông, nói:

- Quân Xích My hiện tại ở Hà Đông, chỉ cần phá vỡ đê cho nước ngập chìm chúng, hàng triệu dân chúng đều sẽ bị chết chìm làm mồi cho cá.

Lưu Tú rất ghét kế này bởi lẽ nó quá độc ác, nên không được để ý tới. Lưu Lâm bực tức ở trong lòng, lôi kéo lập tên Bốc Giả Vương Lang ngụy xưng là con trai Thành Đế Lưu Tử Dư lên làm Thiên tử, đóng đô ở Hàm Đan, rồi sai sứ giả tới rất nhiều quận quốc khuyên hàng. Vương Lang phát ra tờ bố cáo treo giải thưởng mười vạn hộ cho ai bắt được Lưu Tú. Lưu Tú dẫn tùy tùng ban ngày ban đêm đều không dám đi vào trong thành thị, ăn ngủ đều ở bên cạnh đường. Đến Nhiêu Dương bộ hạ đã đứt bữa, Lưu Tú đành phải đóng giả làm sứ giả vương Vương Lang, vào trong các quán khách. Quan lại ở trong quán khách nhìn thấy đó là sứ giả của Vương Lang, bèn dâng biểu thức ăn. Những người đi theo Lưu Tú đã qua thời gian rất dài không được ăn lương thực, nên chúng đã tranh cướp lẫn nhau. Các quan lại trong quán khách cảm thấy rất khả nghi, liền gõ mấy chục hồi trống ở bên ngoài báo cho Hàm Đan đem quân đến. Bọn Lưu Tú đang ăn uống ở trong nhà bất giác kinh hoàng thất sắc. Lưu Tú vội vã chạy ra bên ngoài, trèo lên xe định chạy trốn. Thế nhưng ông đã nghĩ lại, nếu quả thật Hàm Đan cử người đến, thì số người bơ phờ mệt nhọc do mình soái lĩnh này làm sao có thể trốn thoát được. Nghĩ tới đây, ông đã từ trên xe bước xuống, chậm chạp bước vào trong nhà ngồi, nói:

- Xin mời tướng quân Hàm Đan vào!

Sau đó rất lâu, Lưu Tú và bọn tùy tùng mới bước lên xe ra đi. Các quan lại trong quán khách nhìn thấy Lưu Tú trấn tĩnh lạ thường, nhất thời không hiểu rõ họ là thật hay là giả, đành phải cứ để cho họ đi.

Sau khi Lưu Tú đã căn bản bình định xong Hà Bắc, các tướng liền thương nghị, dự định kịp thời sớm suy tôn ông lên ngôi hoàng đế. Mã Vũ

trước tiên dâng lời nói với Lưu Tú:

- Thiên hạ vô chủ. Nếu có thánh nhân lợi dụng lúc thiên hạ suy sụp tồi tệ mà quật khởi, chúng ta dù có Trọng Ni làm tế tướng, Tôn Tử chỉ huy cũng e rằng khó có công trạng gì. Nước đổ khó hót lại, hối hận cũng chẳng kịp rồi. Đại vương tuy giữ ý khiêm nhường thế nhưng tông miếu xã tắc rồi sẽ ra sao đây? Nên trở về huyện Kế để đăng cơ, rồi sẽ thương nghị tới việc chinh phạt. Nếu không bây giờ biết nói ai là nghịch tặc mà thẳng tay tiến đánh chúng được?

Lưu Tú nghe xong đã để cho ông ta ra ngoài thuyết phục các tướng lĩnh, rồi lập tức dẫn quân trở về huyện Kế. Lưu Kế dẫn quân từ huyện Kế kéo xuống phía Nam, đi qua Trung Sơn (huyện Định tỉnh Hà Bắc ngày nay), chủ tướng lại dâng tấu nghị, hết sức trình bày do có loạn Vương Mãng, tông miếu bị phá huỷ hết. Hiện tại thiên hạ ba phần đã có được hai, quân lính đã có hàng trăm vạn, chiếm giữ được nhiều châu, văn giỏi võ tài, không ai có thể địch nổi. Hơn thế thiên hạ không thể để trống lâu không có chủ, mệnh trời đâu có thể khiêm nhường từ chối được, xin ngài hãy coi xã tắc làm trọng. - Lưu Tú vẫn không tiếp nhận kiến nghị của mọi người. Đội ngũ kéo tới Nam Bình Cốc (phía Đông Nam huyện Triệu tỉnh Hà Bắc ngày nay), lần thứ ba các tướng lĩnh đã thỉnh cầu. Lại do Cảnh Thuần xuất diện, nói:

- Các sĩ đại phu trong thiên hạ rũ bỏ họ hàng thân thích, rời khỏi quê hương đi theo đại vương ra chiến trường tên bay mù mịt, không phải là không muốn leo lên vẫy rồng, trèo lên cánh phượng, để thực hiện chí hướng kiến công lập nghiệp. Hiện nay công nghiệp đã thành, người trời cùng tương ứng hợp. Thế mà đại vương đã kéo dài cơ hội tốt, ngược lại lòng dân chúng không bước lên ngôi vị. Cứ tiếp tục như vậy, thần e rằng các sĩ đại phu sẽ cảm thấy tuyệt vọng, sẽ nảy sinh ra tâm dạ mưu tìm con đường tiến thân khác, không muốn khổ sở giữ mãi như thế này. Dân chúng hễ tản đi, thì khó có thể triệu tập được. Cơ hội tốt không thể giữ lâu được, lòng dân không thể chống lại được.

Lời lẽ của Cảnh Thuần vô cùng khẩn thiết, Lưu Tú đã cảm động sâu sắc, bằng lòng để suy nghĩ thêm. Quân đội kéo đến Cao Thành. Cường Hoa trước kia cùng cư trú học tập ở Trường An với Lưu Tú, từ Quan Trung đã gửi tới một lá bùa màu đỏ. Lời văn trong lá bùa là: “Lưu Tú phát binh bắt bọn bất đạo. Tứ di tập trung như rồng đấu với thú vật, tứ thất chi tế hỏa vi chủ”. Ý nghĩa là: Từ khi Cao Tổ Lưu Bang sáng lập cơ nghiệp, tới nay đã đủ bốn bảy hai trăm tám mươi năm rồi. Họ Lưu lấy đức chủ hỏa vẫn nên trung hưng làm nhân chủ. Tức là đã được khẳng định từ ở trên trời. Lưu Tú lên ngôi tôn quý chính là danh chính ngôn thuận”. Lúc này Lưu Tú cảm thấy thời cơ đã chín muồi, liền vui vẻ bằng lòng, sai người lập đàn tràng ở Ngũ Thành Mạch Thiên Thu Đình Cao Thành Nam, cuối cùng đã lên ngôi báu hoàng đế.

## **GIỚI DỪNG NGƯỜI, LẤY NHU TRỊ QUỐC**

Sở dĩ Lưu Tú có thể thực hiện được hoài bão chính trị “Phục hồi cơ nghiệp của Cao Tổ” sáng lập ra thời đại được coi là “Quang Vũ Trung Hưng” trong lịch sử, điều đó không thể tách rời với việc giới dừng người thường phạt rõ ràng, theo lời can gián như thuận dòng chảy của ông.

Lưu Tú có sự sáng suốt hiểu biết người, có tài năng sử dụng người. Trác Mậu là con người khoan hồng nhân hậu, lại cung kính khiêm nhường, được coi là bậc trưởng giả. Cuối đời Tây Hán nhận chức lệnh huyện Mật, sau làm Kinh đô Thừa. Trong thời gian Vương Mãng làm hoàng đế, ông lấy cơ mắc bệnh, từ quan trở về quê. Sau khi Lưu Tú lên ngôi, trước hết đã cử người tìm mời Trác Mậu, mặc dù ông tuổi cao vượt mức xưa nay hiếm, Lưu Tú vẫn ban chiếu: “Trác Mậu tên tuổi lẫy lừng thiên hạ, nên được thiên hạ trọng thưởng. Nay cử Mậu giữ chức Thái phó, phong cho là Bao Đức hầu”. Lưu Tú đặt Trác Mậu ở vị trí đứng đầu quần thần, đã phản ánh tâm tình khẩn thiết dùng hiền tài để trị thiên hạ cũng đã thể hiện rõ viễn kiến chính trị “Trị bình thượng đức hạnh, hữu sự thưởng công năng” - Muốn cai trị được bình yên thì phải coi trọng đức hạnh, muốn hoàn thành được công



việc thì phải thưởng người có tài năng. Để mở rộng cơ sở thống trị của nhà Đông Hán, Lưu Tú rất chú ý thu hút những người có danh vọng ra làm quan. Nghiêm Quang người Dư Diêu Cối Kê (Dư Diêu Triết Giang ngày nay) là bạn học đồng song của Lưu Tú, thời trai trẻ rất có tiếng tăm lừng lẫy. Sau khi Lưu Tú xưng đế, ông đã giấu tên kín họ, tránh mặt không gặp ai. Lưu Tú cho người vẽ hình thù dung mạo của ông rồi tìm kiếm ông ở khắp nơi, cuối cùng thì cũng đã tìm được ông đưa tới kinh thành. Lưu Tú mời Nghiêm Quang xuất sơn để giúp đỡ mình cai trị thiên hạ. Trái lại, Nghiêm Quang đã đốp chát nói:

- Ngày xưa Đường Nghiêu tuy công lao nổi tiếng khắp thiên hạ, mà Sào Phủ vẫn còn tây nhĩ. Mỗi người đều có chí của mỗi người, bệ hạ hà tất phải bức thần như vậy, hãy để cho thần rũ bỏ việc ra làm quan đi.

Về sau Lưu Tú lại mời Nghiêm Quang vào trong cung, bàn bạc chuyện trò nhiều ngày. Một hôm Lưu Tú hỏi Nghiêm Quang:

- Ông cảm thấy tôi có biến đổi gì khác trước không?

Nghiêm Quang nói:

- Bệ hạ so với trước tựa như đã có bước tiến dài.

Hai người đều cười lớn. Buổi tối Lưu Tú lại vô cùng nồng nhiệt ngủ chung một giường với Nghiêm Quang. Nghiêm Quang cố ý lấy chân đè chặt lên trên bụng Lưu Tú giả vờ ngủ say ngáy khò khò. Vì giữ lễ với người hiền, Lưu Tú đã cứ để mặc cho kiểu ngủ đó, không hề động đậy. Sáng sớm ngày hôm sau, quan Thái tử vội vàng dâng tấu nói:

- Đêm hôm qua thần xem tinh tượng, phát hiện ra ngôi sao khách đã xâm phạm ngự toạ tương đối nghiêm trọng.

Lưu Tú cười, trả lời:

- Đó là đêm hôm qua người bạn cũ của trẫm cùng ngủ với trẫm ở trên một giường đó mà!

Lưu Tú mong nhớ người hiền như khát nước, hạ mình trọng dụng người tài, từ sự việc trên đây có thể nhìn thấy rõ.



Lưu Tú đối với người cởi mở tấm lòng, cực kỳ thành khẩn. Sau khi Lưu Tú đánh bại được quân khởi nghĩa của Hà Bắc là Đồng Mã rồi, đã phong cho tướng lĩnh cũ của nghĩa quân Đồng Mã là Liệt Hầu và đã trọng dụng. Thế nhưng những người đầu hàng vẫn giữ lòng nghi ngờ hoang sợ, phấp phỏng lo âu, e rằng sau này sẽ bị trị tội. Lưu Tú đã tìm hiểu được sự suy nghĩ ở trong lòng của họ. Để tiêu trừ những nghi ngờ của họ, Lưu Tú bèn để cho các hàng tướng của Đồng Mã vẫn trở về doanh trại thống lĩnh quân đội của mình. Còn Lưu Tú lại chẳng hề phòng bị, một mình cưỡi một ngựa đi tới các doanh trại tuần tra thị sát. Những người đầu hàng nhìn thấy hiện trạng đó, cảm động rất sâu sắc, họ đều ca ngợi “Tiêu Vương Lưu Tú có thể cắt bỏ trái tim hồng đặt vào trong bụng người, lũ chúng ta còn có điều gì lo sợ bất an nữa, sao lũ chúng ta lại không thể dốc hết sức lực liều chết vì Tiêu Vương được?”. Viên hàng tướng tên gọi Mã Viện đối với sự việc này có nhận thức càng sâu hơn. Ông từng là bộ tướng của Ngụy Hiếu, lúc đó Ngụy Hiếu nhất thời, chưa có chủ định đối với việc thần phục Lưu Tú hay là thần phục Công Tôn Thuật, liền sai Mã Viện trước hết nhập vào đất Thục gặp gỡ Công Tôn Thuật, rồi sẽ đi Lạc Dương gặp Lưu Tú, khảo sát thực địa xem sao. Lưu Tú tiếp kiến Mã Viện ở trong một phòng điện bình thường, quần áo giày dép cũng rất đơn giản. Mã Viện vừa tới, Lưu Tú lập tức cười ra đón tiếp, nói:

- Ông ngao du ở giữa hai hoàng đế, ngày hôm nay mới được gặp ông, khiến tôi cảm thấy rất ngượng ngùng.

Điều này đã hình thành một sự so sánh đối chiếu rất rõ ràng với dáng vẻ khệnh khạng, làm bộ làm tịch của Công Tôn Thuật. Mã Viện không ngăn nổi sự xúc động, nói:

- Ngày nay ở trong thế giới này, không những vua chọn thần, mà thần cũng phải chọn vua đó! Tôi và Công Tôn Thuật là người đồng hương, từ thuở nhỏ đã chơi bời thân thiết. Thế nhưng khi tôi vào đất Thục thăm ông ta, ông ta đã sắp đặt đầy đủ vũ khí cầm kiếm kích đứng trên thềm trên điện, rồi sau đó mới cho tôi vào gặp. Ngày hôm nay tôi từ nơi xa tới đây, tại sao

ngài lại biết được tôi không phải là kẻ gian thích khách, mà lại giản tiện tới mức độ như thế này?

Về sau, Mã Viện đã quay về phò Lưu Tú, trở thành một chiến tướng đặc lực. Bởi có công danh lừng lẫy, khi triều kiến được đứng hàng cửu khanh.

Lưu Tú có thể đối xử với thuộc hạ bằng thái độ bình đẳng, không hống hách với ai. Sau khi Lưu Tú lên làm hoàng đế, ở Kiến Vũ hai năm đã phong cho người chị là Lưu Hoàng làm Hồ Dương Trưởng công chúa. Thế nhưng sau đó không lâu, người chồng của Hồ Dương Trưởng công chúa đã qua đời. Để cho Trưởng công chúa không phải chịu nỗi khổ sống cô đơn, Lưu Tú có ý nghị luận các triều thần ở trước mặt Trưởng công chúa, để quan sát chí hướng rồi liệu bề tuyền chọn bạn cho bà. Có một lần khi nghị luận với Đại tư không Tông Hoảng, Trưởng công chúa hâm mộ, nói:

- Tổng Công nghi biểu phi phạm, khí phách hiên ngang, đức tài kiêm bị, các quần thần không ai có thể sánh kịp ông!

Sau khi Lưu Tú biết được ý đồ của Trưởng công chúa liền luôn miệng bằng lòng muốn bắc cầu Ô Thước. Liền sau đó, đặc biệt sắp xếp mời riêng Tổng Hoảng vào triều kiến, lại để cho Trưởng công chúa ngồi ở đằng sau bức bình phong, nếu tiện sau khi việc thành thì lập tức mời chị ra tiếp kiến. Sau khi Lưu Tú nói một số chuyện khác, liền lái câu chuyện vào chính đề, nói với Tổng Hoảng:

- Con người sang rồi thì muốn đổi bạn, con người giàu rồi thì muốn đổi vợ. Đây chẳng phải là sự thường tình của con người đó sao?

Tổng Hoảng vừa nghe đã đoán được đây chẳng qua chỉ là đem chuyện hôn sự của Hồ Dương Trưởng công chúa ra thăm dò ta mà thôi. Theo lẽ thường, đây là một việc tốt đẹp khó khăn, bám rờng dựa phượng đâu có dễ. Đối với một số người mà nói, có cầu cũng chẳng thể được còn Tổng Hoảng ngay thẳng, thì lại nghiêm túc trả lời:

- Thần nghe nói, bần tiện tri tri bất khả vong, tao khang chi thê bất hạ đường, chớ có quên người bạn tri kỷ lúc nghèo hèn, chớ có rũ bỏ người vợ lúc còn bèo cám một mình.

Lưu Tú nghe xong câu nói, quay đầu trở lại nói to lên rằng:

- Sự việc khó thành lắm!

Câu chuyện hôn sự đó liền trôi qua. Lưu Tú rất giỏi xây dựng mối quan hệ tốt đối với cấp dưới, ông có thể buộc chặt được lòng người. Cổ Phúc người Quán Quân Nam Dương (huyện Trịnh tỉnh Hà Nam ngày nay) đến Hà Bắc sống dựa vào Lưu Tú, ngay lập tức được bổ nhiệm làm Phá Lỗ tướng quân. Con ngựa mà Cổ Phúc cưỡi khó thắng được, Lưu Tú liền đem ngựa của mình tặng cho ông ta. Về sau Cổ Phúc theo Lưu Tú đi đánh Thanh Độc, đánh đến trưa, đánh tới mức độ trời mờ đất tối, mà trận địa vẫn rất kiên cố. Lưu Tú truyền triệu Cổ Phúc ra lệnh các tướng sĩ đã đói từ lâu rồi, phải cho ăn cơm sáng đã, sau đó sẽ tiếp tục đánh. Cổ Phúc không nghe theo, ông chủ trương phá giặc trước, dùng cơm sau. Tức thì ông đích thân cầm quân kỳ, dẫn đầu xông lên thành trì, đánh cho quân giặc tan tác, giành được đại thắng. Các tướng lĩnh đều thán phục sự dũng cảm của Cổ Phúc. Sau đó tiếp tục kéo lên Bắc, đánh nhau với Ngũ Hiệu ở Trấn Định (phía Nam huyện Chính Định, tỉnh Hà Bắc ngày nay), đại phá chúng, thế nhưng Cổ Phúc đã bị thương nặng, nguy hiểm trong sớm tối. Lưu Tú nghe tin, bàng hoàng thất sắc, thương tiếc nói rằng:

- Nguyên nhân mà ta sợ dĩ không để cho Cổ Phúc làm biệt tướng là bởi vì ông dũng cảm khinh địch. Ngày nay quả nhiên hổ tướng của ta đã bị thương rồi. Nghe nói người vợ của ông ta đang mang thai, trong tương lai nếu sinh con gái thì con trai của ta sẽ lấy nó làm vợ; nếu sinh con trai, con gái ta sẽ lấy nó làm chồng. Không thể để cho Cổ Phúc lo lắng cho vợ con của mình.

Sau khi chữa khỏi vết thương, Cổ Phúc lại đuổi theo đại quân. Lưu Tú nhìn thấy thế vô cùng sung sướng, liền khao thưởng binh lính, vẫn để cho Cổ Phúc đảm nhận chức tiên phong. Cổ Phúc vô cùng cảm kích, từ đó tác chiến càng thêm dũng cảm.

Lưu Tú uỷ thác nhiệm vụ nặng nề cho người, dùng người không nghi ngờ. Cho dù đối với các tướng lĩnh nắm giữ trọng binh, ở bên ngoài lâu dài

cũng vẫn có sự tín nhiệm rất đầy đủ. Phùng Dị trấn giữ lâu ở Quan Trung, có người nói ông ta “Uy quyền đạt tới tột đỉnh, dân chúng dốc lòng ủng hộ, gọi ông là Hàm Dương Vương”, cảnh tình Lưu Tú phải nên có sự đề phòng. Phùng Dị biết được chuyện đó hoảng sợ bất an, lập tức dâng thư giải thích, sự trả lời của Lưu Tú là: “Tướng quân đối với ta, cái nghĩa là vua tôi, cái ân tựa cha con, có chi hiềm nghi mà có ý lo sợ?”. Do vì Lưu Tú tín nhiệm các tướng lĩnh, nói chung không để cho họ có bất kỳ sự kiềm chế nào, khiến cho họ có đầy đủ quyền tự chủ dụng binh hành quân rất lớn. Các tướng lĩnh không có sự lo lắng ở phía sau, lại không bị níu tay hoặc đánh giữ, hoặc tiến hoặc lui, đều có thể tùy cơ ứng biến, ung dung đánh giặc, cho nên có thể luôn giành được thắng lợi. Các tướng lĩnh đã vì vậy mà cảm sâu ân đức, liều chết vì ông, đã làm cho mối quan hệ vua tôi càng thêm mật thiết.

Lưu Tú thường nói:

- Trẫm cai trị thiên hạ, cũng chỉ muốn dùng nhu thuật!

Đối với bề tôi ông rất ít khi dùng hình sát để lập uy. Lưu Tú dẫn quân đi đánh Hàm Đan, sau khi giết chết thủ tướng Vương Lang, thu giữ được rất nhiều văn kiện, trong đó có mấy ngàn phong thư của hộ hạ Lưu Tú gửi cho Vương Lang, số người này sợ Lưu Tú vì vậy sẽ trừng phạt họ, do đó họ hoảng sợ suốt ngày đêm. Thế nhưng vượt ra ngoài dự liệu của họ, Lưu Tú đã không làm như vậy. Ông đã tập hợp tất cả các quan lại trong quân đội tới, hạ lệnh đem tất cả số thư từ này đốt hết trước mặt mọi người. Ông nói: “Trước kia quân địch lớn mạnh, trong số các khanh có người đã làm những việc hồ đồ, trẫm không trách các khanh. Bây giờ các khanh đều có thể yên tâm!”. Cách làm của Lưu Tú quả thật là phong độ phi phạm, để cho số người từng có nhị tâm kia xóa bỏ được mọi lo lắng, cảm động vô cùng, họ đã quyết tâm sau này xả thân liều chết để báo đáp ơn sâu. Đối với một số lầm lỗi nhỏ của các bộ thuộc, Lưu Tú càng dùng thái độ khoan hồng độ lượng, không đếm xỉa chi li. Cho dù có thù lớn, hễ biết ăn năn hối hận, lập công chuộc tội, Lưu Tú cũng có thể không tính lỗi xưa. Đại Tư mã của vua

Canh Thủy là Châu Vĩ kiên quyết giữ Lạc Vương, Lưu Tú cử người tới dụ hàng, Châu Vĩ nói:

- Khi đại tư đồ (Lưu Diễn) bị hại, tôi đã tham dự mưu kế để sát hại ông ta, lại khuyên bảo Canh Thủy (Lưu Huyền) không được cử Tiêu Vương (Lưu Tú) Bắc phạt. Tôi quả thực đã biết bản thân mình đã có tội rất to lớn!

Lưu Tú trân trọng trước sự việc đó, nói:

- Người xây dựng việc lớn, không nghi kỵ oán nhỏ. Ngày nay, nếu Vĩ đầu hàng, vẫn có thể bảo toàn quan tước, sao lại có thể trị tội giết chết ông ta được? Ta đã đứng trước Hoàng Hà thề rằng quyết không tự nuốt lời!

Sau khi Châu Vĩ đầu hàng, được giữ chức quan Bình Định Đại tướng quân, phong làm Phù Câu hầu, “sau làm Thiếu phủ, truyền phong nhiều đời”, Lưu Tú trước sau không hề báo thù. Khoan dung tất sẽ được quần chúng. Lưu Tú dựa vào việc chiêu hàng dung nạp số tạo phản, từ trong những dinh lũy khác nhau, tiếp nhận hàng loạt những nhân tài biết kinh bang tế thế và những viên quan văn chức có năng lực làm việc, rồi cùng những danh tướng như Mã Viện, Phùng Dị, Khấu Tuần, Ngô Hán v.v... làm lớn mạnh lực lượng của mình. Sau khi bình định xong thiên hạ, Lưu Tú không những không giống như Hán Cao Tổ Lưu Bang giết hại công thần, mà còn rất chú trọng giáo dục quần thần tuân thủ pháp lệnh, thận trọng trước sau, có ý bảo vệ giữ gìn các công thần.

Đối với số quan viên không xứng với chức hoặc có hành vi thất chức nghiêm trọng, Lưu Tú quyết không nuông chiều. Vương Lương dẫn quân đi chinh chiến có công, mọi người ca tụng ông là hiền tài. Lưu Tú từng đưa ông ta về kinh sư đề bạt chức vụ quan trọng hơn. Sau đó Vương Lương đi giữ chức Hà Nam Doãn, bắt dân đi đào sông, muốn dẫn Cốc Thủy tới chân thành Lạc Dương, rồi bắt nó đổ ra phía Đông Khủng Xuyên. Thế nhưng sau khi đào sông xong, nước không dẫn được về, có người tấu hạch ông ta làm cho dân vất vả lại tổn thất tài sản, Vương Lương vừa hổ thẹn, lại vừa hoảng sợ, đã chủ động dâng thư xin được miễn chức. Lưu Tú hạ chiếu khăng định công lao trong quá khứ của Vương Lương, nhưng vì bất lực không làm tròn

chức vụ nên đã giáng xuống làm Tế Nam thái thú. Điều đó là chứng tỏ Lưu Tú thưởng phạt phân minh. Nếu sự việc có liên quan tới hình luật, Lưu Tú càng rất ít câu thả, đại thể là không dung tình. Âu Dương Hấp từng làm Thái thú Nhữ Nam, truyền dạy “Thượng Thư”, tám đời làm tiến sĩ, rất có danh vọng, Lưu Tú cũng rất coi trọng trưng dụng làm Đại tư đồ. Thế nhưng Âu Dương Hấp không thực trọng việc đo đạc ruộng đất trên chức vụ Thái thú Nhữ Nam, với tội trạng tham ô ngàn vạn quan sau khi bị tiết lộ, lập tức bị hạ ngục, tuy có tới hàng ngàn nho sinh châu chực ở cửa cung để thỉnh cầu khoan hồng xá tội cho Âu, thậm chí còn có người tình nguyện chịu tội chết thay cho Âu, Lưu Tú vẫn kiên quyết giữ pháp luật chuẩn mực, xử Âu vào tội chết.

## **GIỚI TIẾT NẠP LỜI KHUYÊN TRUNG THÀNH, BIẾT SAI TẮT SỬA**

Lưu Tú trị quốc có một “tuyệt chiêu” - miếng võ tuyệt vời, chính là thường xuyên lấy cớ là “Tội kỷ chiếu” - Tội lỗi dạy bảo cho mình, tự xưng là “vô đức”, “bất minh”, động viên khích lệ thần hạ không chống lại lời nói thẳng, không thích những lời phỉnh nịnh. Khi các thần hạ kiến nghị cử hành đại lễ long trọng phong thần Thái Sơn, Lưu Tú lập tức phản đối, nói: “Dân chúng oán tức đầy lồng ngực, ta còn lừa dối ai đây? Lừa dối trời ư?”. Lưu Tú còn quy định rõ ràng: “Nếu các quận trong nước phái cử các quan chức tới làm lễ thượng thọ cho ta, nói càn khoác lác, nhất định sẽ xử tội cạo trọc đầu cho đi đồn điền”. Thần hạ có lời can gián, Lưu Tú đều khiêm tốn tiếp thu. Có một lần, Tống Hoảng nhìn thấy ở trên các bình phong trong cung đều vẽ các mỹ nữ, Lưu Tú lại thường xuyên nhìn ngắm các tấm bình phong đó. Tống Hoảng lập tức giận dữ, phê bình nói:

- Thần chưa từng nhìn thấy người nào hiếu đức như hiếu sắc vậy!

Lưu Tú lập tức sai người xé bỏ bình phong, rồi cười nói với Tống Hoảng:

- Nghe thấy điều nghĩa tất phải theo, có đúng không?

Có một số sự việc mà bản thân Lưu Tú làm sai, hoặc xử lý sai qua thuộc hạ nhắc nhở hoặc chỉ ra, ông có thể biết sai liền sửa, không sợ mất mặt “đế vương”. Lưu Tú dẫn quân đánh tới Hà Bắc, một xá nhân thân tín của Lưu Tú phạm pháp. Quân thị lệnh là Tế Tuân căn cứ theo pháp lệnh đem người đó ra xử tử. Sau khi Lưu Tú nghe nói cả giận, hạ lệnh bắt Tế Tuân đến. Quan chủ bạ Trần Phó dâng lời can nói:

- Bệ hạ thường xuyên đòi hỏi quân lính phải tuân thủ kỷ luật, phải làm cho tề chỉnh từ trên xuống dưới. Ngày nay Tế Tuân chấp pháp không tránh thân quý, chính là làm việc theo giáo lệnh của bệ hạ. Tại sao bệ hạ lại bắt ông ta?

Lưu Tú cảm thấy có lý, không những đã tha cho Tế Tuân, mà còn thăng chức cho Tế Tuân lên làm Thích Gian tướng quân. Bình thường Lưu Tú thích đi săn, có một lần hứng thú rất cao trở về tới thành đã là nửa đêm, đi tới cửa thành Thượng Đông, cửa lớn đã đóng chặt. Sứ giả bước tới trước gõ cửa, Chốt Uẩn cự tuyệt không mở, Lưu Tú lại bắt sứ giả giao thiệp qua khe cửa với Chốt Uẩn, nói là xa giá của hoàng thượng về cung. Chốt Uẩn lại lấy lý do ánh lửa ở quá xa, nhìn không rõ nên không tuân chiếu lệnh. Lưu Tú không biết làm cách nào đành phải đi vòng quanh cửa Đông Trung, mới vào được thành. Ngày hôm sau, Lưu Tú biết mình đuối lý nên không quở trách Chốt Uẩn.

Ngược lại, Chốt Uẩn đã dâng thư phê bình, nói:

- Ngày xưa Chu Văn Vương không dám đâm mê đi săn bắn, ngài sợ rằng muôn dân sẽ lo lắng. Trái lại, bệ hạ đã vào rừng núi săn bắn ở nơi xa, hết đêm lại ngày, xin hỏi trong lòng có còn nghĩ tới đất nước không?

Sau khi thư tấu, Lưu Tú cảm thấy lời nói của Chốt Uẩn có lý, nên đã tặng cho trăm tấm lụa để làm phần thưởng. Còn Đông Trung Môn Hầu không làm tròn chức vụ, bị biếm xuống làm huyện úy. Còn một câu chuyện “Viên quan cứng cổ” càng có thể nói rõ điều này. Huyện lệnh Lạc Dương là Đồng Tuyên làm quan thanh liêm chính trực, cương quyết không a dua. Một lần, người chị của Lưu Tú là Hồ Dương Trưởng công chúa có một đứa nô tỳ ỷ



thế hại người giữa thanh thiên bạch nhật, sau khi giết người đã ăn nấu ở trong nhà công chúa, các quan lại không dám vào nhà bắt bớ. Một hôm, Trương công chúa xuất hành, tên nô tỳ giết người đó dong xe, Đổng Tuyên đem quân lính người ngựa chờ sẵn ở ngoài đình Hạ Môn. Sau khi xa giá của công chúa tới, Đổng Tuyên bước tới trước ngăn xe ngựa lại, còn dùng dao vạch đất, còn nghiêm khắc quở trách lỗi lầm dung túng cho tên sát nhân của Trương công chúa, quát tên sát nhân phải xuống xe, rồi ngay lập tức giết chết tên sát nhân tại chỗ. Trương công chúa nhìn thấy cảnh tượng đó vô cùng bức tức, cảm thấy một tên “quan thất phẩm nhỏ bằng hạt vừng” mà lại dám bắt nạt ngay cả bề trên của hoàng thân quốc thích, liền chạy tới “tổ cáo” ở chỗ Lưu Tú. Lưu Tú vừa nghe đã vội vã giận dữ, hạ lệnh xử tử Đổng Tuyên, Đổng Tuyên cúi đầu nói:

- Thần xin được nói một câu rồi chết: Do thánh đức của bệ hạ đã đem lại nền trung hưng cho Hán, thế mà ngày nay Trương công chúa phóng túng nô tỳ, giết hại dân lành, nếu cứ để vậy không xử lý thì trong tương lai bệ hạ sẽ cai trị thiên hạ như thế nào?

Nói xong liền lao đầu vào cột, máu chảy đầy mặt. Lời nói của Đổng Tuyên đã đánh trúng vào điểm quan trọng. Lưu Tú tự biết trung hưng đâu phải chuyện dễ dàng, kẻ mất lòng dân sẽ mất thiên hạ, lý sai về phía Trương công chúa. Liền ra lệnh cho Tiểu Hoàng Môn đem Đổng Tuyên vục dậy. Vì giữ thể diện cho Trương công chúa, Lưu Tú đã bắt Đổng Tuyên cúi đầu tạ lỗi điều không phải, nhưng muốn cho qua chuyện này. Nào ngờ Đổng Tuyên sống chết không chịu, Tiểu Hoàng Môn cưỡng bức Đổng Tuyên cúi đầu, hai tay Đổng Tuyên bám đất, trước sau vẫn không chịu cúi đầu. Lưu Tú không biết làm cách nào, đành phải cười nói:

- Đổng Tuyên là một viên quan cứng cổ!

Rồi còn thưởng cho ba mươi vạn quan.

Đối với sự kiện này, Trương công chúa không thể lý giải nổi, nói:

- Khi Văn Thúc còn làm người dân bình thường đã oa tàng tội phạm, cất giấu tử tù, các quan lại đều sợ, không dám vào nhà bắt bớ. Bây giờ đã lên



làm Thiên tử sang trọng tột cùng, tại sao ngay một tên huyện lệnh nhãi nhép mà lại không trừng trị nổi?

Câu trả lời của Lưu Tú là:

- Thiên tử không giống như dân thường là ở chỗ đó!

## 48. TÀO THÁO

### QUYỀN MƯU NHẤT TAM QUỐC, KHÍ THỂ ÁT CỬU CHÂU

Ngụy Thái Tổ Vũ Hoàng Đế Tào Tháo, tự là Mạnh Đức, tên lúc nhỏ là A Man, là con cháu đời sau của tướng quốc Tây Hán Tào Sâm, là nhà chính trị, nhà quân sự quan trọng nhất trong thời kỳ Tam quốc.

Thời kỳ mà Tào Tháo sống (sinh năm 155 mất năm 220 sau Công nguyên) chính là những năm vương triều Đông Hán nhanh chóng đi tới tan rã. Ông đã dựa vào tài năng của một chính trị gia đầy mưu lược cơ trí và nhìn xa trông rộng, phấn đấu vươn lên từ trong cuộc chiến tranh quần hùng cuối đời Hán. Ông giỏi thu thập rộng rãi các nhân tài, khiêm tốn nghe lời khuyên can. Ông đã sử dụng phương lược trị quốc của Thất Bất Hại, Thương Ưởng, kiêm dụng sách lược quân sự xuất kỳ giành chiến thắng của Hàn Tín, Bạch Khởi. Trải qua hơn ba mươi năm chinh chiến, đã tiêu diệt quần hùng - đám người xưng hùng xưng bá, đã hoàn thành được nhiệm vụ nặng nề thống nhất được phương Bắc Trung Quốc.

### XÂY DỰNG TÂM KẾ, TÚC TRÍ ĐA MƯU

Từ lúc nhỏ Tào Tháo đã thông minh đỉnh ngộ, có quyền mưu, thế nhưng cũng vô cùng ngang ngạnh, thích bực dọc vì trọng nghĩa, tính tình phóng túng buông thả. Người chú của Tào Tháo rất không thích Tào, thường xuyên nói xấu Tào Tháo ở trước mặt cha là Tào Tung. Do vậy, Tào Tháo thường bị cha quở trách. Để ly gián sự tín nhiệm của người cha đối với người chú, Tào Tháo đã thiết kế tỉ mỉ một kế hoạch giả vờ ốm: Một lần Tào Tháo nhìn thấy người chú đang bước lại, lập tức nằm lăn xuống đất vờ bị ốm trúng gió, miệng phun nước bọt trắng, mồm mắt méo xệch, lăn lóc ở dưới đất, vẻ đau đớn vô cùng. Người chú của Tào Tháo nhìn thấy thế liền

thất kinh, vội vàng chạy tới báo cho Tào Tung biết. Đợi khi cha Tào Tháo biết tin chạy đến, lại phát hiện ra mồm miệng mặt mũi của Tào Tháo vẫn ngay ngắn, thần thái bình thường, không hề có vẻ gì là trúng gió cả. Tức thì ông liền hỏi:

- Chú của con vừa nói con bị trúng gió. Có lẽ nào lại không có việc đó chẳng?

Tào Tháo trả lời:

- Con chưa hề bị trúng gió bao giờ. Chỉ bởi vì chú không thích con nên thường nói xấu con trước mặt cha đó!

Kể này quả nhiên là có kiến hiệu. Từ đó về sau, Tào Tung không còn tin tưởng vào những lời nói của người em đối với con mình nữa.

Theo sự tăng trưởng của tuổi tác, Tào Tháo theo đuổi việc chính trị, theo đuổi việc quân sự. Với bẩm tính túc trí đa mưu, giỏi tùy cơ ứng biến của Tào Tháo, đã luôn luôn khiến Tào gặp rủi hóa may, trong chỗ chết tìm ra lối sống.

Một lần, bởi Đông Trác chuyên quyền, nắm giữ triều chính, mưu đồ cướp nhà Hán, lạm dụng lòng quyền rồi chủ động đề xuất, do Tào Tháo biết lợi dụng điều kiện có lợi, chịu nhún nhường để giữ lấy điều lớn hơn, nên rất được Đông Trác tín nhiệm, đợi thời cơ giết chết tên giặc già. Vì việc này quan Tư đồ Vương Doãn đã tặng Tào Tháo một thanh bảo đao. Đợi tới lúc Tào Tháo đến chỗ ở của Đông Trác, so với thời gian ước định đã muộn, Đông Trác hỏi:

- Vì sao hôm nay đến muộn?

Tào Tháo nói:

- Bởi vì con ngựa đi không được nhanh, cho nên đã bị lỡ.

Đông Trác lập tức sai tên lính hầu tới chuồng ngựa, chọn một con ngựa hay nhất để tặng cho Tào Tháo. Khi tên thị vệ vừa bước ra, trong phòng chỉ còn lại hai người Đông, Tào. Tào Tháo cho rằng cơ hội ngàn năm khó gặp đã tới, tức thì lén lút rút bảo đao từ trong bọc ra, chuẩn bị hành thích. Bỗng

nhiên Đồng Trác từ trên tháp quay mặt lại hỏi Tào Tháo muốn làm gì? Thì ra Đồng Trác qua tấm gương đã nhìn thấy rõ nhất cử nhất động của Tào Tháo. Tào Tháo thấy sự việc đã bị bại lộ, cố làm ra vẻ trấn tĩnh, vội vàng quỳ xuống tâu rằng:

- Gần đây thần được một thanh bảo đao đặc biệt nên đem nó tới đây để dâng lên thừa tướng.

Đồng Trác nhận lấy con đao, ngắm nhìn, quả nhiên là sáng xanh như mắt, khí lạnh rợn người, luôn miệng khen là đao tốt. Sau khi Tào Tháo “hiển đao” xong, không dám ở lại lâu, phi mình lên lưng ngựa rồi biến mất. Chờ ló lức Đồng Trác hiểu được ra, liền sai người truy giết, Tào Tháo đã người đi lâu ở lại, xa chạy cao bay rồi!

Năm 195, Tào Tháo dẫn quân đánh Trương Tú đóng giữ ở Nam Dương. Trên đường hành quân, đứng vào dịp tiết trời nóng bức, mặt trời như đổ lửa, các binh sĩ đi bộ đường dài, vừa mệt lại vừa khát, thế nhưng ở vùng phụ cận lại không thể tìm được nước uống. Quân đội hầu như khó có thể tiến bước được, những tiếng oán thán không ngừng vang lên ở bên tai. Tào Tháo nhìn thấy thế, vô cùng lo lắng. Đột nhiên, ông nảy ra một kế ở trong tâm, dùng roi ngựa chỉ về phía trước nói:

- Trước đây ta đã đi qua nơi này, phía trước mặt có một rừng mơ lớn, hãy mau mau đi tới đó để ăn những quả mơ vừa chua lại vừa ngọt. Như vậy thì có thể giải khát được!

Các binh sĩ nghe nói trước mặt có mơ, trong miệng ứa nước dãi, cơn khát bỗng tiêu tan. Tức thì tinh thần phấn chấn, tiếp tục hành quân. Khi đã tới nơi cần tới, qua tìm tòi khắp chỗ, cuối cùng đã phát hiện một suối nước có thể uống được. Do Tào Tháo trong nguy cấp sinh ra trí khôn, đã dùng mưu kế “Vọng mai chỉ khát” - Nhìn mơ hết khát - mới tránh khỏi được một trận biến võ của quân đội có khả năng phát sinh.

**KHÍCH LỆ TIẾN NGÔN,  
GIỎI NGHE CAN GIÁN**

Tào Tháo là một mưu lược gia có hoài bão chính trị và tầm mắt nhìn xa trông rộng. Ông giỏi nghe theo lời can gián, dũng cảm nhận sai lầm, khích lệ mọi người tiến dâng lời khuyên bảo, do đó đã khiến cho một khối lượng lớn kẻ sĩ có học vấn tập hợp được ở dưới ngọn cờ của ông. Mùa hạ năm 207, bất chấp sự phản đối của một số người, Tào Tháo quyết chí dẫn quân đội đi đường dài tiến đánh Ô Hoàn. Đi được nửa đường, bởi vì khí hậu khô cạn, trong vòng quy vuông hai trăm dặm, không tìm được nước, cộng thêm việc thiếu lương thực, quân đội có nguy cơ rơi vào cảnh tuyệt vọng. Tào Tháo đã hạ lệnh giết chết mấy ngàn con ngựa để làm thức ăn cho đỡ đói, đào đất sâu hơn ba chục trượng để lấy nước, mới bước qua được cửa ải khó khăn này, giành được thắng lợi trong cuộc chiến.

Khi Tào Tháo dẫn quân trở về triều, lập tức tra hỏi những ai phản đối việc Tào xuất quân đánh Ô Hoàn ở trong triều đình khi đó. Những người đã từng giữ ý kiến phản đối, trong lòng rất lo sợ, cho rằng “tai họa sắp sửa giáng xuống đầu”, Tào Tháo sẽ mượn việc giành thắng lợi về quân sự mà lập nên một “đội quân hỏi tội”. Thế nhưng Tào Tháo đã sử dụng một số hành động khiến cho mọi người phải chấn động kinh sợ: Đã trọng thưởng số người giữ ý kiến phản đối, thật là vượt ra ngoài dự liệu của mọi người. Tào Tháo nói:

- Ta kéo quân tới Ô Hoàn, trong nguy hiểm lại gặp được may mắn, tuy giành được thắng lợi, nhưng đó là do ông trời giúp đỡ không thể là phép thường được. Lúc đầu các vị khuyển ngăn cản trở ta, ta đã vượt ra ngoài kế vạ an, do vậy ta trọng thưởng các vị, mong rằng về sau này các vị không được không dám tiến dâng lời nữa nhé!

Khi nước Ngụy mới xây dựng, hình pháp rất nặng. Cỗ Xuy (tên chức quan) Tống Kim Vu đã chạy tới và làm phản ở Hợp Phì, theo pháp luật cần phải khảo trị vợ con của hắn. Tào Tháo còn hiềm quá nhẹ, muốn tăng nặng để xử tội. Tức thì, quan chủ thẩm tấu thỉnh đem mẹ, vợ và hai người em đang làm quan của hắn ra chém đầu hết. Thượng thư lang Cao Nhu dâng thư lên Tào Tháo nói:

- Binh lính chạy trốn, quả thực là đáng hận lắm. Thế nhưng trong số những kẻ chạy trốn cũng có người hối hận. Thần cho rằng đối với người vợ của kẻ chạy trốn phải nên khoan hồng. Như vậy không những có thể khiến cho kẻ địch không tin nhiệm kẻ chạy trốn nữa, mà còn có thể thúc giục kẻ bỏ trốn hồi tâm nghĩ lại, cách xử trị giống như trước đây, kẻ bỏ trốn sẽ hoàn toàn tuyệt vọng. Nếu lại tăng nặng việc xử tội sẽ khiến cho binh lính ở trong quân hiện tại ai nấy đều thấy nguy nan, từ nay về sau e rằng họ sẽ hùa nhau bỏ trốn đó. Có thể thấy rõ hình phạt quá nặng chẳng những không thể ngăn cấm được việc bỏ trốn, trái lại sẽ thúc đẩy càng nhiều người trốn đi!

Tào Tháo nghe xong khen là phải, lập tức tiếp nạp ý kiến của Cao Nhu.

### **KHÔNG KỂ ÂN OÁN, DÙNG NGƯỜI CHỈ CỐT CÓ TÀI**

Tào Tháo hiểu sâu sắc rằng muốn thành công trong sự nghiệp thì cần phải có nhiều người tài, cho nên trong cuộc đời ông rất coi trọng việc tuyển chọn và sử dụng người hiền tài, hơn thế đã có thể phát huy được đầy đủ tác dụng của họ. Ông đã từng viết một câu thơ “Chu Công nuôi dạy, thiên hạ quy tâm” biểu đạt rõ tấm lòng hạ mình trọng kẻ sĩ của ông. Ông từng nhiều lần tuyên bố mệnh lệnh nhấn mạnh việc dùng người chỉ cốt có tài, mà không kể tới xuất thân và sự từng trải của họ như thế nào. Thậm chí đối với một số người “làm ô nhục thanh danh, hành động bị chê cười, hoặc bất trung bất hiếu mà có thuật dùng binh trị quốc”, ông cũng giao phó cho nhiệm vụ nặng nề.

Trương Tú đã từng là kẻ tử thù của Tào Tháo, con và cháu của Tào Tháo đều bị chết ở trong tay Trương Tú. Thế nhưng Tào Tháo đã cảm thấy con người này có tài năng chỉ huy quân sự, vì vậy trước trận chiến Quan Độ, hai người đã bắt tay vui vẻ, thân thiện làm lành. Để tiêu trừ sự lo sợ nghi ngờ của Trương Tú, Tào Tháo còn lấy con gái của Trương Tú cho con trai mình. Về sau, trong trận chiến Quan Độ và trong chiến dịch đánh Viên Đàm v.v... quả nhiên Trương Tú rất dốc lực nhiều lần lập được chiến công. Trần Lâm là bạn thân của Tào Phi, Tào Thực, khi ông ta tị nạn ở Châu Ký,

đã từng tuân lệnh của Viên Thiệu soạn viết hịch văn làm nhục Tào Tháo. Trong hịch văn, Trần Lâm không những liệt kê những tội trạng mà bản thân Tào Tháo mà còn công kích cả ông nội và cha của Tào Tháo. Tào Tháo nhìn thấy hịch văn này, không kìm nổi lửa hận bốc cao ba trượng. Tới khi bình định Hà Bắc, Trần Lâm bị bắt, đã quy phục Tào Tháo. Tào Tháo nói với Trần Lâm rằng:

- Nghĩ tới lúc đầu, ông đã soạn viết hịch văn cho Viên Thiệu, liệt kê cái gọi là “tội trạng” của ta, điều này cũng cho qua! Thế nhưng tại sao ông lại sỉ nhục tới ông nội và cha của ta?

Trần Lâm nghe xong, vội vàng tạ tội.

Mặc dù Tào Tháo rất bực tức, thế nhưng ông lại càng yêu tài hoa của Trần Lâm, cuối cùng không những ông đã tha thứ cho Trần Lâm, mà còn tin dùng Trần Lâm làm chưởng quan văn thư cho mình.

Thời kỳ Tam quốc đỉnh lập, nước Ngụy nắm giữ được ưu thế rất lớn. Điều này không thể không có quan hệ đến việc ái tài, dung tài, chiêu nạp rộng rãi các kẻ sĩ có tài trong khắp thiên hạ của Tào Tháo.

## **COI TRỌNG PHÁP TRỊ, KHÔNG LÀM THEO CẢM TÌNH RIÊNG**

Tào Tháo cai trị chính trị, cai trị quân sự từ trước vẫn hết sức nghiêm khắc. Ngay từ khi còn trai trẻ ông đã sớm để lộ ra tài năng. Khi tuổi chỉ hai mươi, ông đã làm quan tới chức Lạc Dương Bắc Bộ úy. Lạc Dương là thủ đô của vương triều Đông Hán, chia ra bốn bộ Đông Tây Nam Bắc, mỗi bộ thiết lập một người úy, chủ quản công việc trị an. Do giao thông tứ thông bát đạt, các nhân viên quan lại rất phức tạp, cộng thêm việc đạt quan quý nhân có nhiều ý đồ gian trá, mức độ khó khăn của việc cai trị rất lớn. Sau khi Tào Tháo tới nhậm chức đã treo hơn mười chiếc gậy lớn năm màu ở ngoài cửa nha môn, tuyên bố rằng: “Từ nay về sau, phạm những kẻ vi phạm pháp luật của triều đình, bất luận là ai, nhất luật đều phải nghiêm trị. Những kẻ phạm tội có tình tiết ác liệt sẽ dùng gậy đập chết, quyết không khoan hồng”. Tào Tháo nói sao làm vậy. Một lần, người chú của hoạn quan

Kiến Thạc được Linh Đế rất sủng hạnh đã vi phạm lệnh cấm đi đêm. Sau khi Tào Tháo biết, lập tức cử người tới bắt lại, rồi dùng gậy đập chết. Từ đó trở đi, bọn quyền quý trong con mắt không có kỷ cương pháp luật kia cũng không dám phóng túng bừa bãi, trật tự xã hội vì vậy đã được ổn định.

Khi Tào Tháo làm đại tướng quan đã từng bổ nhiệm ông Mãn Sùng cai trị Hứa Đô. Người khách của Tào Hồng là em trai của Tào Tháo làm điều phạm pháp phải xử tử. Tào Hồng xin Mãn Sùng nể chút tình riêng, Mãn Sùng không bằng lòng. Tào Hồng lại tới cầu Tào Tháo, Tào Tháo vốn dự định góp ý, thế nhưng Mãn sủng biết được đã đem tên khách đó ra xử tử trước. Sau sự việc Tào Tháo không những không trách tội, ngược lại còn ca tụng tinh thần làm việc theo pháp luật của Mãn Sùng.

Về mặt chấp hành quân pháp, Tào Tháo càng lấy thân mình làm quy tắc, bản thân cố sức thi hành. Khi Tào Tháo đi đánh Trương Tú ở Nam Dương, trên đường hành quân hai bên đường đều là những ruộng lúa xanh non màu mỡ. Tào Tháo hạ lệnh cho các binh sĩ không được phép dẫm đạp lên làm nát lúa, ai vi phạm sẽ chém đầu. Chẳng ngờ được con ngựa của Tào Tháo bị kinh sợ đã chạy vào trong ruộng lúa, dẫm nát một đám lúa to. Tào Tháo lập tức bắt quan chủ bạ nghị tội. Quan chủ bạ nói:

- Cái nghĩa của “Xuân Thu” không phạt tội bậc chí tôn. Ngài là chủ soái tướng quân, không thể trị tội được!

Tào Tháo nói:

- Những người đặt ra pháp lệnh, bản thân mình vi phạm, nếu không trị tội, thì làm sao thống soái được bộ hạ! Ta là chủ soái, không thể tự sát được, thế nhưng cũng cần phải gia hình!

Tức thì Tào Tháo tuốt kiếm ra, cắt ngay bím tóc ở trên đầu, ném xuống đất, biểu thị “dùng tóc thay đầu”. Các tướng sĩ trong toàn quân nghe thấy thế, ai nấy đều rùng mình kinh sợ.

**TRĂM NGÀN GIAN KHÓ KHÔNG SỜN,  
CÀNG GẶP KHÓ KHĂN CÀNG PHẤN ĐẤU**



Suốt đời Tào Tháo rong ruổi binh đao trên yên ngựa, đã đánh thắng biết bao nhiêu trận, lại cũng nếm trải không ít thất bại. Tào Tháo có một điểm rất đáng quý, đó là bị bại trận, không bao giờ sờn lòng nản chí, mà rồi có thể nhằm trúng vào điểm yếu của đối phương, thấy rõ chỗ mạnh của mình để khích lệ mình, càng khó khăn càng phấn đấu.

Mùa đông năm 208, sau khi nếm trải thất bại trong trận chiến ở Xích Bích, Tào Tháo đã dẫn binh tàn tướng bại, chạy trốn theo đường Hoa Dung, trên đường đi gặp phải một bãi đầm bùn lầy nước đọng, người ngựa không thể nào đi qua được, trời lại nổi cơn gió bắc rất to. Tào Tháo ra lệnh cho tất cả những người già yếu, tàn binh phải ôm cỏ tới rải đường, sau đó cho người ngựa đi qua, đã có không ít người tử thương. Sau khi quân đội đi qua rồi, bỗng Tào Tháo biến đổi khác hẳn, vui vẻ lạ thường. Chúng tướng không hiểu, hỏi Tào vì sao đã bại trận rồi mà còn sung sướng đến thế. Tào Tháo nói:

- Lưu Bị cũng là loại người giống như ta, chẳng tài giỏi được bao nhiêu. Thế nhưng hễ ít mưu kế, nếu hễ phong hỏa sớm thì lũ chúng ta toi mạng rồi.

Chẳng bao lâu, quả nhiên quân đội Lưu Bị đã kéo tới phóng lửa, thế nhưng quân Tào đã đi xa rồi.

Suốt đời Tào Tháo hầu như đều sống trong chiến tranh. Trong cuộc đời, việc đại sự mà ông quan tâm nhất ấy là “giang hồ vị tịnh” - non sông chưa được bình yên. Mãi tới lúc lâm chung, bởi vì chưa hoàn thành được đại nghiệp thống nhất Trung Quốc đã khiến cho ông không lúc nào không nuối tiếc và canh cánh trong lòng. Trong lời di chúc của mình ông đã viết: “Thiên hạ chưa được yên định thì chưa được đi theo thiên cổ vậy!”.

Một điều đáng nêu nữa là, Tào Tháo không chỉ là một mưu lược gia mà còn là một thi nhân rất có thành tựu trên lĩnh vực văn học. Những câu thơ nổi tiếng của ông: “Ngựa già năm chuồng, chí ở muôn phương, anh hùng về cuối, tâm khỏa phi thường”, từ một góc độ khác đã biểu hiện được tinh thần trăm ngàn trắc trở cũng không sờn lòng, thề quyết không thay đổi của

ông, đến nay đọc lên vẫn còn thấy khoái trá miệng người, cảm phục tự hào. Hàng ngàn năm trở lại đây vẫn luôn luôn cổ vũ ý chí chiến đấu của mọi người.

## 49. LƯU BỊ

### MƯU NHÂN HOÀ, TRANH HÁN ĐỈNH

Lưu Bị tự là Huyền Đức, người huyện Trác, quận Trác thời Đông Hán (huyện Trác tỉnh Hà Bắc ngày nay), sinh năm thứ 7 Hoàn Đế Diên Hi (năm 161) mất năm thứ 3 Thục Hán Chương Vũ (năm 223), thọ 63 tuổi, là hoàng đế khai quốc của Thục Hán thời Tam Quốc.

Lưu Bị vốn là con cháu đời sau của Tịnh Vương Lưu Thắng Trung Sơn Tây Hán. Thời niên thiếu mồ côi cha, cảnh nhà nghèo túng, cùng với mẹ dựa vào việc bán giày và đan chiếu để sống. Lưu Bị được gọi là một bậc kỳ tài trong các nhân vật thời Tam Quốc, ông không được làm quan trong triều đình sớm như Tào Tháo để có mối quan hệ gia đình và xã hội có thể nương dựa được, cũng không giống như Tôn Quyền, có thể dựa vào cơ nghiệp của cha anh.

Lưu Bị là người “khởi tự nông dân áo vải” thực sự, “con cháu vua quý tộc nhà Hán” chẳng qua chỉ là hư danh mà thôi.

Ông bắt đầu phấn đấu từ một thất phu, trải qua biết bao gian nan trắc trở, dần dần vươn lên từng bước trong sự nhiễu nhiễu của cuối đời Hán, trở thành đối thủ cạnh tranh chủ yếu của Tào Tháo, để rồi cuối cùng đứng vào thế chân vạc ở Thục Trung. Nguyên nhân có thể khiến ông thành công chủ yếu là ở chỗ ông biết kiên nhẫn bất khuất, có mưu trí vượt người.

### VẤP VẤP KHÔNG SỜN LÒNG, THẤT BẠI KHÔNG NAO NÚNG

Lưu Bị tuy xuất thân nghèo túng, thế nhưng đối với cục diện triều chính hủ bại, tai họa liên miên, chính cuộc bất ổn của thời đó, ông đã rất có ý chí tế thế, xoay chuyển càn khôn. Vào năm nguyên niên Hán Linh Đế Trung Bình (năm 184) đã bùng nổ cuộc khởi nghĩa lớn của Đảng Hoàng Cân

mang tính chất toàn quốc. Quan phủ và các thế gia hào tộc hăng hái cử binh trấn áp cuộc khởi nghĩa của nông dân. Lưu Bị cũng muốn chiêu binh mãi mã, nhưng khổ nỗi chẳng có tiền của. Lúc đó các đại thương nhân ở nước Trung Sơn như Trương Thế Bình, Tô Song v.v... đã tích lũy được số tiền của trị giá tới hàng ngàn lượng vàng, tới một vùng ở quận Trác buôn ngựa, gặp Lưu Bị, rất mến mộ ông, đã có sự giúp đỡ rất to lớn trên mặt kinh tế, khiến cho Lưu Bị đã tổ chức được một đội ngũ. Ông đã cùng với Quan Vũ, Trương Phi v.v... tham gia trấn áp Hoàng Cân, bởi nhiều lần lập chiến công, tạm thời giữ chức quyền Bình Nguyên lệnh (vùng Tây Nam huyện Bình Nguyên tỉnh Sơn Đông), sau làm Bình Nguyên tướng. Lưu Bị phát lên được là dựa vào việc trấn áp quân khản vàng, trong cuộc hỗn chiến quân phiệt ông đã bắt đầu xuất đầu lộ diện.

Về sau, Lưu Bị chiếm giữ Từ Châu, trong thời gian chinh chiến với Viên Thuật, Lã Bố đã lợi dụng sơ hở đánh chiếm Từ Châu, Lưu Bị thua chạy, đi theo Tào Tháo. Chính thực thì thế lực của Viên Thuật suy yếu, muốn qua Từ Châu lên Bắc theo Viên Thiệu. Tào Tháo cử Lưu Bị dẫn quân chặn đánh Viên Thuật, tới Hạ Phôi, Viên Thuật bị ốm chết. Lưu Bị giết thích sử Từ Châu Xa Trụ, ra lệnh cho Quan Vũ giữ Hạ Phôi, còn mình thì đóng quân ở Tiều Bái, Xương Bá Đông Hải và các quận huyện phụ cận đều quy phục Lưu Bị, số binh lính có hàng vạn người, rồi Lưu Bị cử người liên hiệp với Viên Thiệu, cùng đối kháng với Tào Tháo.

Mùa xuân năm thứ năm Kiến An (năm 200), Xa kỵ tướng quân Đổng Thừa đã từng tiếp nhận mật chiếu viết trên dải áo của Hán Hiến Đế, bắt Lưu Bị phải giết chết Tào Tháo. Sau khi sự việc bị tiết lộ, bọn Đổng Thừa bị giết. Tào Tháo đích thân đánh Lưu Bị, đã thu hết quân đội của Lưu Bị, bắt sống vợ con Lưu Bị, sau đó bắt sống Quan Vũ rồi mới kéo quân về. Lưu Bị không còn chỗ yên thân, phải đi theo Viên Thiệu. Về sau, Tào Tháo đánh bại Viên Thiệu, Lưu Bị lại đi theo Lưu Biểu ở Kinh Châu. Lưu Biểu đã đích thân ra tận ngoại ô nghênh tiếp Lưu Bị, dùng lễ thượng khách tiếp đãi Lưu Bị.

Trong các cuộc hỗn chiến quân phiệt, Lưu Bị đã nhiều lần vấp phải thất bại, thậm chí không còn đất để dung thân nữa, thế nhưng trăm ngàn vấp vấp vẫn vững vàng, ông chưa bao giờ sờn lòng nản chí. Lần này lại sống nhờ ở trong đất của Lưu Biểu, đã khiến ông đôn đau nhớ đời, trong thất bại đã rút ra được bài học, ông cho rằng muốn thực hiện được nguyện vọng của thiên hạ, ngoài việc phải có binh hùng tướng mạnh ra, còn cần phải có địa bàn ổn định vững chắc, đặc biệt là cần phải có kẻ sĩ trí mưu và sách lược chiến đấu cao minh.

## **MONG ĐƯỢC NGƯỜI HIỀN NHƯ KHÁT NƯỚC, LUÔN LUÔN THU THẬP NHÂN TÀI**

Lưu Bị thăm người hiền qua ẩn sĩ Tư Mã Huy. Tư Mã Huy nói: “Các nho sinh tục sĩ không hiểu biết sự đời. Những người tuần kiệt am hiểu thời cuộc ở đây là Gia Cát Lượng và Bàng Thống”. Từ Thứ mới đi theo Lưu Bị, rất được Lưu Bị quý trọng. Từ Thứ cũng nói Gia Cát Lượng có tài an bang trị quốc. Tức thì Lưu Bị tam cố thảo lư - ba lần đi tới lều cỏ, để cầu kế Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng nói với Lưu Bị:

- Hiện nay Tào Tháo đã có hàng trăm vạn binh lính, trên ép thiên tử, dưới dọa chư hầu, không thể tranh tài cao thấp với ông ta được. Tôn Quyền chiếm cứ Giang Đông, đã trải qua ba đời, địa thế hiểm yếu, dân chúng quy phục, những chí sĩ hiền năng đều được ông ta sử dụng, chỉ có thể liên hiệp chứ không thể trừ bỏ ông ta được. Kinh Châu vốn là đất dụng võ, thế nhưng Lưu Biểu không có năng lực trụ giữ, đây là cơ hội tốt nhất để ngài đoạt lấy Kinh Châu.

Gia Cát Lượng còn nói với Lưu Bị:

- Ích Châu ruộng tốt ngàn dặm là mảnh đất giàu có. Lưu Chương ngu muội nhu nhược, không biết cai trị, các kẻ sĩ có năng lực thông minh muốn có minh chủ, có thể cướp lấy Ích Châu. Nếu có thể chiếm được hai đất Kinh Châu và Ích Châu, Tây hòa Chư - Nhưng, Nam phù Di Việt, liên hiệp Tôn Quyền, làm tốt nội chính, chờ thời cơ có lợi, đoạt lấy thiên hạ. Như vậy thì có thể khiến cho nhà Hán phục hưng được!

Đây chính là “Lòng trung đối sách” nổi tiếng trong lịch sử. Từ đó Gia Cát Lượng phò tá Lưu Bị, rất được Lưu Bị trọng dụng và tín nhiệm. Sau đó, các nhân sĩ Kinh Sở lần lượt quy phục Lưu Bị, con số ngày càng thêm nhiều, như Bàn Thống, Mã Lương, Trần Chấn, Tưởng Uyển v.v... Họ đều trở thành những nhân vật nổi tiếng, xây công lập nghiệp phò tá cho cha con Lưu Bị. Hàng loạt các nhân tài mà Lưu Bị chiêu nạp đã có tác dụng to lớn trong việc xưng đế khai quốc của Lưu Bị.

## **HẬU ĐÃI KÊ SĨ, CÂN NHẮC KHẢ NĂNG ĐỂ SỬ DỤNG**

Lưu Bị dùng Gia Cát Lượng làm quân sư tướng quân, làm trọng thần để phò tá ông, dùng pháp chính làm mưu chủ để xuất mưu hoạch sách cho ông quyết định đại kế quốc quân. Đối với các văn thần võ tướng đi theo ông từ trước, là người thân tín như Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Mã Siêu, Hoàng Trung, Ngụy Diên, Mã Lương v.v... đều được thăng quan tiến tước, đề bạt trọng dụng.

Đối với mâu thuẫn của hai tập đoàn thống trị “Thổ dân” và “Khách ngụ cư” vốn vẫn tồn tại ở Châu Ích, mà bản thân Lưu Bị lại dựa vào sự ủng hộ và giúp đỡ của các quan văn võ là “Khách ngụ cư”, dùng vũ lực để cướp được Châu Ích, do đó ông rất chú ý tranh thủ sự ủng hộ và hợp tác của các nhân sĩ Thục Trung và bộ cũ của Lưu Chương, đối với những người vốn bị Lưu Chương bài xích cũng được tin dùng; đối với những người trước đây có quan hệ mật thiết hoặc chí thân với Lưu Chương như Đông Hòa, Hứa Tịnh, Lý Nghiêm, Phí Quan v.v... đều tiến hành lôi kéo, tận dụng khả năng, phát huy tài năng của mỗi người. Đồng thời, đối với những người cực lực phản đối mình, Lưu Bị có thể chẳng kể gì ân oán, vẫn trọng dụng như thường. Ví dụ, Hoàng Quyền đã từng phản đối Lưu Bị nhập Xuyên, hơn thế còn khuyên cản Lưu Chương nói:

- Lưu Bị là một con người có hùng tài đại lược, sau khi mời tới đây nếu đối xử như bộ hạ, hẳn sẽ không hài lòng. Nếu đối đãi giữ lễ như tân khách,

thì một đất không thể dung hai chủ. Điều đó chính là chuốc lấy sự nguy hiểm như trứng để trên đầu gậy.

Về sau Lưu Bị đã tiến đánh các nơi của Châu Ích, rất nhiều quận huyện nghe phong thanh đã quy phục, duy chỉ có Hoàng Quyền đóng chặt cửa kiên quyết giữ. Mãi cho tới sau khi Lưu Chương đầu hàng, mới bị bức phải ra hàng. Thế nhưng Lưu Bị vẫn không tính đến quá khứ, bổ nhiệm Hoàng Quyền làm Thiên tướng quân, rất tín nhiệm. Lại ví như Lưu Ba trước sau luôn phản đối Lưu Bị, khi Lưu Bị từ phía Nam Tân Dã ra đi, “Các quân sĩ Kinh Sở theo đi như mây cuộn”, thế nhưng Lưu Ba lại từ Kinh Châu đi theo Tào Tháo. Khi Lưu Bị đánh chiếm bốn quận phía Nam Kinh Châu, thì Lưu Ba đang ở đó chiêu hàng ba quận cho Tào Tháo. Gia Cát Lượng viết thư chiêu gọi Lưu Ba đến, ngược lại ông ta đã đi theo Lưu Chương, do đó Lưu Bị rất hận Lưu Ba. Khi Lưu Chương mời Lưu Bị nhập Xuyên, Lưu Ba phản đối nói:

- Lưu Bị là con người hùng, nhập Xuyên tất sẽ làm hại.

Sau khi Lưu Bị nhập Xuyên, Lưu Ba lại nói với Lưu Chương:

- Nếu khiến được Lưu Bị đánh Chương Lỗ thì đó là thả hổ về rừng.

Lưu Chương không nghe, liền đóng cửa cáo ố. Lưu Bị đối với con người này đã kiên quyết phản đối ông như vậy, vẫn hết sức tranh thủ, khi vây khốn thành Đô, Lưu Bị đã từng hạ lệnh:

- Kẻ nào làm hại Lưu Ba sẽ chu di tam tộc.

Về sau Lưu Ba quy hàng Lưu Bị, chẳng những không bị quở trách mà còn được tín nhiệm, giao cho trọng trách.

## **QUẢNG THI AN ĐỨC, THU THẬP NHÂN TÂM**

Năm 12 Kiến An, Tào Tháo kéo lên phía Bắc chinh phạt Ô Hoàn, Lưu Bị khuyên Lưu Biểu tập kích Hứa Xương, Lưu Biểu không tiếp thụ. Tào Tháo kéo xuống phía Nam đánh Lưu Biểu, vừa hay gặp lúc Lưu Biểu vừa chết. Con trai của Lưu Biểu là Lưu Tung kế vị, cử sứ giả cầu hàng với Tào Tháo.

Lúc đó Lưu Bị đóng quân ở Phàn Thành, chẳng ngờ được quân Tào bỗng nhiên kéo ồ tới. Quân Tào đến Uyển Thành, Lưu Bị mới nghe biết tin, tức thì rút quân đội ra khỏi Phàn Thành. Khi đi qua Tương Dương, Gia Cát Lượng khuyên Lưu Bị tiến đánh Lưu Tung, như vậy thì có thể chiếm được Kinh Châu. Lưu Bị nói:

- Ta không nhẫn tâm làm như vậy được!

Về sau, cận thần của Lưu Tung cùng với rất nhiều người ở Kinh Châu đều quy phục Lưu Bị. Khi tới Đương Dương, những người đi theo Lưu Bị đã có tới hơn mười vạn người, số vật tư quân nhu chất đầy mấy ngàn xe, mỗi ngày đi được mười mấy dặm đường. Đồng thời, Lưu Bị cử Quan Vũ đem mấy trăm chiếc thuyền đi đường thủy, hẹn với Quan Vũ sẽ hội hợp ở Giang Lăng. Có người nói với Lưu Bị:

- Nên tăng tốc độ tới trước để giữ lấy Giang Lăng. Hiện tại tuy có rất nhiều người, thế nhưng những người khoác binh giáp đi đánh trận được thì lại rất ít, binh lính ít mà dân chúng đi theo lại quá nhiều, tốc độ hành quân quá chậm. Nếu quân đội của Tào Tháo đuổi kịp thì sẽ nghênh chiến như thế nào đây?

Lưu Bị nói:

- Thành tựu đại sự tất phải lấy lòng dân làm căn bản. Hiện tại dân chúng đều quy thuộc về ta, ta làm sao có thể nhẫn tâm ruồng bỏ họ được?

Khi tình thế nguy cấp, Lưu Bị vẫn không quên những người đi theo ông, trong những lúc dập vùi trôi dạt ông vẫn coi trọng tín nghĩa, thi hành ân đức rộng rãi để thu hút lòng người.

## **THEO KẾ ẨN GIẤU, VE SÀU LỘT XÁC**

Lưu Bị rất giỏi quyền biến trong những giây khắc quyết định có thể biến hung thành cát, gặp dữ hóa lành. Sau khi ông bị Lã Bố đánh bại ở Thành Tiểu Bái, bỏ mất đất nương thân, đành phải đi theo làm bộ hạ của Tào Tháo. Sau đó, theo Tào Tháo trở về Hứa Xương. Tào Tháo dâng biểu xin



Hán Hiến Đế phong cho Lưu Bị làm Tả tướng quân, hơn thế đối xử rất tử tế lễ độ với Lưu Bị, đi cùng xe, ngồi cùng chiếu, mục đích chân thực của Tào là muốn khống chế Lưu Bị, bởi vì Lưu Bị là họ hàng thân thích của nhà Hán, có sức kêu gọi tương đối mạnh, lại có mãnh tướng Quan Vũ, Trương Phi v.v... phò tá, và lại ở vùng Tỳ Châu ông rất được lòng dân. Hễ thả hổ về rừng, tất nhiên sẽ đem lại những hậu họa vô cùng cho Tào Tháo. Thế nhưng Tào Tháo lại không thể dễ dàng giết chết Lưu Bị được, bởi vì như vậy có thể bị một tiếng xấu xa là giết chết người anh hùng hào kiệt. Tức thì Tào Tháo liền lưu giữ Lưu Bị ở bên cạnh mình, trên thực chất là giam lỏng Lưu Bị, khiến cho Lưu Bị không có cơ hội thực thi hoài bão. Lưu Bị đã nhìn rõ dụng ý của Tào Tháo, trong lòng rất lo lắng, liền vỡ đất trồng một vườn rau ở sau nhà, hàng ngày chăm sóc rau ở trong vườn, không ra khỏi cửa. Lúc đó Hán Hiến Đế bị Tào Tháo kìm kẹp, trong lòng cũng vô cùng bất mãn, liền bàn kế với Xa kỵ tướng quân Đổng Thừa, bí mật viết một tờ chiếu trên đai áo, để cho Đổng Thừa liên lạc với Lưu Bị v.v... chờ thời cơ giết chết Tào Tháo.

Do Tào Tháo phòng bị rất nghiêm ngặt, bọn Lưu Bị v.v... trước sau không dám xem thường vọng động. Bỗng nhiên có một hôm Tào Tháo sai người đến mời Lưu Bị tới dự tiệc. Lưu Bị không biết đó là dụng ý, thế nhưng trước sau trong lòng thắc thỏm không yên, giống hệt như đến “Hồng môn yến”, thận trọng lo sợ từng bước tới phủ Tào Tháo. Trong bữa tiệc, Tào Tháo hỏi ngày nay ai là anh hùng, Lưu Bị nói ra từng người, Tào Tháo đều chỉ cười rồi lắc đầu. Tào Tháo chỉ vào mình và Lưu Bị nói: “Anh hùng ngày nay chỉ có ta và ông mà thôi!”. Lưu Bị vừa nghe kinh hoàng thất sắc, đôi đũa cầm trên tay bỗng nhiên rơi xuống đất, vừa hay lúc này ở trên trời đã vang lên một tiếng sấm nổ, Lưu Bị liền ung dung cúi gập mình xuống đất nhặt đũa lên nói:

- Tiếng sấm này thật là vang dội, quá ư đáng sợ.

Tào Tháo cười nói:

- Đại trượng phu mà lại sợ sấm ư?

Lưu Bị trả lời:

- Thánh nhân nghe thấy sấm vang gió giạt đã thay đổi sắc mặt, tại sao tôi lại có thể không sợ được?

Tào Tháo nghe nói vậy cho rằng Lưu Bị chỉ là con quỷ nhỏ nhất gan, trong ngực không có chí lớn, liền buông lời sự cảnh giác đối với Lưu Bị. Và như vậy, Lưu Bị đã khéo léo ẩn giấu vẻ biến sắc của mình. Sau đó Lưu Bị thừa lúc Tào Tháo nhất thời tê liệt, kiếm tìm một cố, dẫn một đội quân, rời bỏ Tào để tự lập. Lưu Bị đã lợi dụng kế ẩn giấu, khiến cho bản thân mình bình an thoát khỏi sự nghi ngờ oán hận của Tào Tháo, trốn ra ngoài miêng cộp.

## **KHÉO CHÉM LÃ BỐ, MỘT MŨI TÊN TRÚNG HAI ĐIỀU**

Sau khi Lã Bố chiếm Từ Châu, một lần Tào Tháo sai người đưa đến cho Lưu Bị một phong thư. Trên đường bị quân do thám của Lã Bố cướp mất thư đó.

Trong thư nói rõ để cho Lưu Bị giết chết Lã Bố. Lã Bố tức giận, cất quân đánh Lưu Bị. Tào Tháo nhận được yêu cầu viện trợ của Lưu Bị, dẫn quân thân chinh đi đánh, vây chặt quân Lã Bố ở trong thành Hạ Phôi. Trải qua một thời gian vây thành, Lã Bố không có đường tháo lui, đành phải mở thành đầu hàng. Lã Bố bị áp giải tới trước mặt Tào Tháo, Lã Bố nói với Tào Tháo:

- Từ trước điều mà thừa tướng không yên lòng chỉ có một mình Lã Bố tôi. Ngày nay tôi đã đầu hàng thừa tướng rồi, thừa tướng cũng chẳng còn điều gì không yên tâm nữa. Từ nay về sau, tôi nhất định sẽ phò tá thừa tướng, dốc hết lòng hết sức vì thừa tướng.

Tào Tháo yêu quý Lã Bố vì Lã Bố là một người tài, nghe Lã Bố nói như vậy, liền do dự chưa dám quyết bề nào. Cuối cùng thì giết hay không giết Lã Bố đây? Lưu Bị nhìn thấy tình huống này ngồi ở bên cạnh ngậm lo lắng, xui Tào Tháo:

- Thừa tướng có biết Đinh Nguyên và Đông Trác đã chết như thế nào không?

Một câu nói đã nhắc nhở và cảnh tỉnh Tào Tháo. Sự phản phúc vô thường của Lã Bố, các chư hầu trong thiên hạ còn ai mà không hiểu nữa? Nuôi ong tay áo, nuôi cáo trong nhà, lúc biết hối thì đã muộn rồi. Tức thì Tào Tháo hạ lệnh cho đao phủ lôi Lã Bố ra chém. Lưu Bị dùng kế này có thể nói là nhất cử lưỡng đắc, đã mượn tay Tào Tháo trừ diệt kẻ thù của mình, lại khiến cho Tào Tháo không thể lợi dụng được viên tướng tài Lã Bố, giảm bớt được sự uy hiếp đối với mình.

## 50. TÔN QUYỀN

### CHỌN TƯỚNG KHUẤT NGỤY THỰC, QUYẾT SÁCH GIỮ GIANG ĐÔNG

Người sáng lập ra nước Ngô trong thời Tam quốc ấy là Ngô đại đế Tôn Quyền, tự là Trọng Mưu, người Phú Dương quận Ngô (Phú Dương tỉnh Triết Giang ngày nay), sinh năm 182, mất năm 252. Tôn Quyền dựa vào sự ủng hộ và giúp đỡ của đại tộc Giang Bắc và Giang Nam, lại chú ý đoàn kết các bộ cũ, chiêu hiền nạp sĩ, thu hút lòng người, khiến cho một loạt văn thần võ tướng đoàn kết ở dưới lá cờ của ông, biểu hiện ra tài năng chính trị phi phàm. Trên mặt quân sự, ông biết tranh giành với bọn địch mạnh. Trong trận chiến ở Xích Bích đã đánh bại Tào Tháo, trong trận chiến ở Kinh Châu đã bắt giết Quan Vũ, trong trận chiến ở Hồ Đình đã đánh bại Lưu Bị, khiến cho sự nghiệp thế chân vạc của ba nước đã được hình thành, đã biểu hiện rõ tài năng mưu lược phi phàm của ông. Tào Tháo đã từng không lúc nào không than thở “Con người sống phải có mưu như Tôn Quyền” để ca tụng công lao văn võ của Tôn Quyền.

Tôn Quyền có tài năng chính trị phi phàm. Do sự cố gắng của cha con Tôn Kiên, Tôn Sách, khi Tôn Quyền nắm giữ công việc ở Giang Đông, họ Tôn đã có một số thế lực ở Giang Nam, chiếm giữ sáu quận Cối Kê, Ngô Quận, Đôn Dương, Dự Chương, Lư Lăng, Lư Giang, thế nhưng cự ly xây dựng quốc gia còn kém xa so với sự chống đối triều đình của họ Tào lớn mạnh ở phương Bắc, mâu thuẫn nội bộ còn xa vời chưa được giải quyết, cũng chưa hề tiến hành cuộc chiến tranh thực sự nào với kẻ địch ở bên ngoài. Năm thứ 5 Kiến An (năm 200) vì Tôn Sách qua đời, cục thế Giang Đông không ổn định, các bộ hạ của Tôn Sách có một số người nhìn thấy Tôn Quyền trẻ trung, ít biết thay đổi công việc, mang thái độ hoài nghi liệu có khả năng hoàn thành đại nghiệp được hay không. Ngoài ra lại có một số người loanh quanh trông chờ, mưu cầu tìm chủ mới. Tôn Quyền ghi nhớ kỹ

lời căn dặn của người anh là Tôn Sách khi sắp mất: “Cử binh lính Giang Đông tranh giành với thiên hạ, quyết định thời cơ giành chiến thắng trong chiến trận, chú không bằng anh. Chọn người hiền dùng người tài, khiến cho họ tận tâm tận sức bảo vệ Giang Đông, anh không bằng chú. Chú phải làm thật tốt sự nghiệp này!”. Ông đã dùng lễ của thái sư, thái phó đối đãi với Trương Chiêu, bổ nhiệm những người như Chu Du, Trình Phổ, Lữ Phạm v.v... làm tướng soái, ông đón tiếp rộng rãi những nhân sĩ kiệt xuất trong thiên hạ, dùng lễ đón mời những người có tài học, có danh vọng, bất luận là con em người bản địa Giang Đông, hay là các sĩ đại phu từ phương Bắc xa xôi tới. Chỉ cần họ tới nhờ cậy xin theo, ông đều nhất loạt hoan nghênh, lượng tài năng họ để sử dụng họ. Do vậy, những người như Gia Cát Cẩn, Lỗ Túc v.v... đều lần lượt tới nương nhờ ông. Ông đã dựa vào sự dốc sức phò tá của Trương Chiêu, Chu Du v.v... vỗ về tướng sĩ dân chúng, trừng phạt những người không phục tùng mệnh lệnh, khiến cho cục thế Giang Đông dần dần được ổn định từng bước.

Sau khi Tôn Quyền ổn định được nội bộ, chuẩn bị khuếch trương thế lực ra bên ngoài. Có một lần, ông hỏi kế Lỗ Túc:

- Ngày nay nhà Hán suy yếu, thiên hạ đại loạn, ta tiếp tục cơ nghiệp của cha anh, muốn dựng xây nghiệp bá giống như Tề Hoàn, Tấn Văn, ông có cao kiến gì chăng?

Lỗ Túc nói:

- Theo tôi nghĩ, nhà Hán không thể phục hưng được. Tào Tháo cũng không thể bị trừ bỏ nhanh chóng được. Điều suy nghĩ giúp tướng quân, chỉ có trước hết củng cố Giang Đông để xem xét sự biến hóa của hình thế. Thừa dịp Tào Tháo đang bận rộn với chiến sự ở phương Bắc, tiến binh tiêu diệt Hoàng Tổ, trừng phạt Lưu Biểu, chiếm lấy Trường Giang làm sở hữu của mình. Sau đó xưng vương, xưng đế, đoạt lấy thiên hạ, xây dựng lên nghiệp tích giống như Hán Cao Tổ.

Tôn Quyền tán đồng kiến nghị của Lỗ Túc, xác định sách lược chiếm cứ Giang Nam, ngồi xem thành bại, chờ thời cơ giành thiên hạ.

Tôn Quyền hiểu được phải nên dùng người như thế nào mới có thể phò tá được mình. Khi còn niên thiếu, trong tay ông không có tiền tiêu thì tìm đến Lữ Phạm chủ quản kho tiền để hỏi. Lữ Phạm không dám dùng tiền của công để làm việc riêng, bao giờ cũng phải bẩm báo trước với anh trai của Tôn Quyền là Tôn Sách, vì vậy mà Tôn Quyền phải chịu bó buộc. Về sau, Tôn Quyền liền đi tìm Công Tào Chu Cốc. Chu Cốc không những đã cho Tôn Quyền tiền, hơn thế còn khéo léo đem số tiền đó ghi chép vào danh mục trên sổ sách, cho dù Tôn Sách có kiểm tra, cũng rất khó phát hiện được. Như vậy Tôn Quyền không những có thể được tiêu phí nhiều tiền, mà còn tránh được sự trách hỏi. Do vậy, đối với Chu Cốc, Tôn Quyền rất cảm kích. Thế nhưng về sau, khi Tôn Quyền nắm giữ đại quyền ở Đông Ngô cảm thấy chỉ có Lữ Phạm làm việc thận trọng, đúng mức, trung thực, có thể dựa được, cho nên đã dốc hết sức trọng dụng. Còn Chu Cốc thì không thể dựa được là vì trước đây Chu Cốc có thể thay đổi sổ sách, lừa dối Tôn Sách, ngày nay cũng có thể lừa dối mình giống như vậy. Tức thì ông không trọng dụng Chu Cốc nữa.

Đối với công và tội của thuộc hạ, Tôn Quyền có thể có những phân tích và đối xử chính xác, đã không lấy ưu điểm để bảo vệ khuyết điểm, cũng chẳng lấy khuyết điểm làm tổn hại ưu điểm. Một lần ông tâm sự cùng Lục Tốn, quan đô đốc mới tới nhậm chức, nói tới cách nhìn nhận ba vị đô đốc tiền nhiệm là Chu Du, Lỗ Túc và Lã Mông. Khi nói tới Lỗ Túc, Tôn Quyền nói:

- Lỗ Túc vừa đến Đông Ngô, khi cùng ta uống rượu, đã trình bày đại lược để vương và đạo an bang với ta. Đây là việc thứ nhất làm cho ta sung sướng. Khi Tào Tháo dẫn đại quân xâm lược xuống phía Nam, đa số các quan đại thần đều khuyên ta quy thuận Tào Tháo, trong các đại thần chỉ có Lỗ Túc là ra sức phản bác lời nghị luận của mọi người, chủ trương tác chiến với Tào Tháo, hơn thế, còn khuyên ta lập tức triệu gặp Chu Du, uỷ thác cho ông ta trách nhiệm nặng nề, do đó đã giành được thắng lợi trong trận Xích Bích, đó là điều thứ hai làm cho ta sung sướng. Điểm yếu của ông ta là khuyên ta đem Kinh Châu cho Lưu Bị mượn, để đến nỗi Kinh

Châu đòi mãi mà không được, cuối cùng không thể không dùng tới vũ lực. Thế nhưng một điều thiếu sót này không thể làm tổn hại tới hai điều tốt kia. Chu Công cho rằng đối với con người không thể cầu toàn trách bị được, cho nên ta đã quên ngay khuyết điểm của ông ta, mà chỉ nhớ những ưu điểm của ông ta, nên ta vẫn trọng dụng ông ta!

Tôn Quyền là một nhà mưu lược, không những bản thân rất chú trọng đọc sách học tập, còn thường xuyên khuyên răn bộ hạ của mình cần đọc sách để tăng thêm trí tuệ, thực hiện văn võ kiêm toàn. Đại tướng Lã Mông lúc trai trẻ không thích đọc sách. Một lần Tôn Quyền nói với Lã Mông:

- Ngày nay người nắm giữ việc đại sự quân quốc, cần phải nỗ lực học tập để tăng cường tài năng trí tuệ.

Lã Mông không ngừng kêu khổ và đem công việc trong quân biện giải rất phiền toái. Tôn Quyền nói:

- Không phải ta bắt người đọc sách kinh thư để trở thành tiến sĩ, mà là đòi hỏi người phải đọc số sách này, tìm hiểu lịch sử của quá khứ để soi cổ biết kim. Người nói người bạn, có lẽ nào người bạn hơn ta chẳng? Ta còn học tập được “Tam sử”, chư gia binh thư, thu được rất nhiều lợi ích. Chỉ cần người quyết tâm học tập, thì nhất định sẽ có bước tiến dài. Cần phải nhanh chóng đọc “Tôn Tử”, “Lục Thao”, “Tả Truyện”, “Quốc Ngữ” và “Tam sử”. Khổng Tử nói: “Suốt ngày không ăn, suốt đêm không ngủ để suy nghĩ cũng chẳng bằng học vậy!”. Người nói nhiều việc. Đông Hán Quang Vũ Đế thống soái thiên quân vạn mã, mà trên tay vẫn không rời quyển, vẫn kiên trì đọc sách đó. Tào Mạnh Đức cũng nói bản thân đã già mà vẫn ham học. Có lẽ nào chỉ riêng người là không có thời gian học tập thôi ư?

Lã Mông nghe những lời nói của Tôn Quyền, bắt đầu phát phấn, chăm chỉ đọc sách, rất có tiến bộ. Lỗ Túc đã khen ngợi ông ta “Học vấn uyên bác ít ai bằng Ngô hạ A Mông”.

Tôn Quyền còn có tài năng quân sự tuyệt vời. Ông có thể xét thời lựa thế, quả đoán quyết sách, do đó đã khiến ông giành được một số thắng lợi trong những chiến sự trọng đại.

Năm Kiến An thứ 13 (năm 208) Tào Tháo đã khống chế được đại bộ phận khu vực ở phương Bắc, tự đảm nhận chức thừa tướng, “ép Thiên tử để ra lệnh cho chư hầu”. Tào đã đích thân dẫn đại quân xuống phía Nam, chuẩn bị cướp lấy Kinh Châu, sau đó lại mưu đồ tiêu diệt Đông Ngô, hoàn thành đại nghiệp thống nhất toàn quốc. Lỗ Túc hiến kế với Tôn Quyền rằng:

- Kinh Châu tương đối gần với chúng ta, núi sông hiểm trở vững vàng, đất đai màu mỡ, rộng hàng vạn dặm; dân chúng giàu có no đủ. Nếu chiếm giữ được khu vực này thì có thể dựa vào nơi đây để thành nghiệp Đế vương.

Tôn Quyền đồng ý lời thỉnh cầu của Lỗ Túc, lấy danh nghĩa là Lưu Biểu mới chết tới Kinh Châu viếng tang, để do thám hư thực. Thế nhưng Lỗ Túc vừa tới Hạ Khẩu (Vũ Hán Hồ Bắc ngày nay) đã truyền tới tin tức quân Tào Tháo đã kéo xuống phía Nam, con thứ của Lưu Biểu là Lưu Tung đã đầu hàng Lưu Bị. Lỗ Túc gặp gỡ Lưu Bị ở Đương Dương Trường Bản nói:

- Tôn tướng quân hạ mình giữ lễ cầu người hiền tài, các anh hùng hào kiệt Giang Đông đều quy phục ngài, hiện đã chiếm được đất đai sáu quận, quân tinh nhuệ, lương thực đủ, có thể thành tựu được đại nghiệp.

Rồi Lỗ Túc khuyên Lưu Bị cử người liên hiệp với Giang Đông, để cùng mưu việc lớn. Tức thì Lưu Bị cử Gia Cát Lượng cùng theo Lỗ Túc tới gặp Tôn Quyền. Gia Cát Lượng đã phân tích tình thế với Tôn Quyền, sau khi trình bày rõ lợi hại, Tôn Quyền khích động, nói:

- Ta không thể đem đất đai Đông Ngô, cùng mười vạn dân chúng để chịu sự bó buộc của người.

Để xác định đối sách, Tôn Quyền và các thuộc hạ đã thương nghị việc này. Một phái do Trương Chiêu, Tân Tung làm đại biểu, cho rằng Tào Tháo giống như loại sài lang mãnh hổ, còn quân lực của Đông Ngô so với quân Tào lực lượng chênh lệch, ít không địch nổi nhiều. Do đó chủ trương đầu hàng là thượng sách.



Tôn Quyền nghe xong cảm thấy vô cùng thất vọng. Riêng chỉ có Lỗ Túc nói với Tôn Quyền:

- Người khác đầu hàng thì còn có thể tiếp tục làm quan. Tướng quân đầu hàng đâu còn triển vọng gì cho mình nữa? Phải nên có quyết định nhanh chóng, không nên nghe theo ý kiến chủ trương đầu hàng.

Lỗ Túc khuyên Tôn Quyền triệu Chu Du về thương nghị. Chu Du cũng tán đồng chủ trương kháng chiến, hơn thế còn xin dẫn quân đi trước phá giặc. Túc thì, Tôn Quyền quyết đoán, nói:

- Tên Tào tặc từ lâu đã muốn phế bỏ Hán để xưng Đế. Điều hản còn e dè kiêng kỵ đó là Viên Thiệu, Viên Thuật, Lã Bố, Lưu Biểu và ta. Hiện nay mấy người bọn họ đã bị tiêu diệt, chỉ còn lại có một mình ta. Ta và tên giặc già đó thì không thể cùng đứng chung được.

Tôn Quyền rút dao chặt đứt một góc tấu án, nghiêm giọng nói:

- Các tướng sĩ nếu kẻ nào còn nói tới việc đầu hàng Tào Tháo thì sẽ giống như tấu án này đó!

Tiếp đó Tôn Quyền cử Chu Du, Trình Phổ, Lỗ Túc dẫn đầu ba vạn quân tinh nhuệ hội hợp với quân đội của Lưu Bị cùng đi đánh Tào Tháo, rồi tiến hành trận chiến đẩu ở Xích Bích nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Trong cuộc chiến tranh này, Tôn Quyền tuy rất trẻ, thế nhưng đã có thể bổ nhiệm người hiền, tiếp nhận lời khuyên can, dứt khoát tạo ra quyết sách chính xác liên hiệp với Lưu Bị để đánh Tào Tháo, cuối cùng đã giành được thắng lợi trong cuộc chiến.

Năm Kiến An 18 (năm 213) vào tháng giêng, Tào Tháo bởi đã viết thư cho Tôn Quyền, bức bách Tôn Quyền hàng phục không có kết quả, nên đã đích thân dẫn đại quân tiến đánh Nhu Tu Khẩu (phía Nam huyện Sào tỉnh An Huy ngày nay), ban đêm vượt qua Châu Thượng. Tôn Quyền phải cử thủy quân bao vây tiến đánh, đã bắt sống được hơn ba ngàn quân Tào, hơn một ngàn quân Tào bị chết đuối. Tôn Quyền ra lệnh cho quân lính nhiều lần ra gây chiến. Quân Tào kiên quyết giữ, không chịu ra đánh. Tôn Quyền đích thân ngồi trên thuyền nhẹ, từ Nhu Tu Khẩu tiến đến trước doanh trại

của quân Tào. Các tướng lĩnh quân Tào cho rằng Tôn Quyền đến khiêu chiến, nên đã chuẩn bị xuất kích. Tào Tháo nói:

- Đây tất là Tôn Quyền tới quan sát hình thế của quân ta đó.

Tức thì hạ lệnh cho quân lính trong quân giới nghiêm, cung nỏ không được bắn bừa. Sau khi Tôn Quyền chỉ còn cách năm, sáu dặm, lại quay đầu gõ trống reo hò. Tào Tháo nhìn thấy trên thuyền Tôn Quyền binh khí chỉnh tề, quân ngũ nghiêm túc, có cảm xúc sâu sắc nói: “Con người ta sống phải có mưu như Tôn Quyền”. Sau khi trở về doanh trại, Tôn Quyền đã viết một lá thư ngắn đưa tới: “Nước xuân vừa dâng, ông nên đi cho nhanh”. Một lá thư khác viết: “Túc hạ không chết, ta không được yên!”. Sau đó liền rút quân trở về phương Bắc.

Sau trận chiến Xích Bích, vùng đất chiến lược quan trọng Kinh Châu, Lưu Bị đã giành được, Lưu Bị không dám uể oải rệu rã, khi tiến về Tây để đoạt Châu Ích đã để lại đại tướng Quan Vũ uy mãnh thiện chiến trấn giữ Kinh Châu, để duy trì việc bảo tồn lấy con đường giao thông quan trọng từ Thục thông tới Trung Nguyên. Đông Ngô đối với việc Lưu Bị chiếm lĩnh Kinh Châu, cũng không cam tâm, đã cử đại tướng Lã Mông đa mưu thiện đoán trấn giữ Hán Thương thuộc hạ du Kinh Châu. Tào Tháo cũng không cam lòng tỏ ra yếu, đã sử dụng đối sách tương ứng, cử đại tướng Tào Nhân đóng giữ Phàn Thành. Hai nhà Tôn, Lưu mỗi nhà đều có ý đồ, họ đã bí mật mài sắc khí giới cho ngựa ăn no, còn ngoài mặt thì lại viết thư nói khéo, do đó, trong một thời gian tương đối dài, hai bên đã an toàn vô sự. Về sau, Quan Vũ cất quân tiến đánh Phàn Thành, làm chết chìm bảy vạn quân đoàn do Tào Tháo cử đến, bắt sống đại tướng Vu Cấm, chặt đứt đầu Bàn Đức. Nhất thời Quan Vũ uy trấn Hoa Hạ, Tào Tháo thậm chí muốn rời đô để tránh mũi nhọn của Quan Vũ Lúc này Tư Mã Ý hiến kế cho Tào Tháo nói:

- Quan Vũ đắc chí ở Hoa Hạ, Đông Ngô tất nhiên bất mãn, cử người tới Giang Đông liên kết với Tôn Quyền, khiến cho họ tập kích Kinh Châu ở sau lưng. Việc uy hiếp của Quan Vũ nhất định có thể giải trừ.

Khi Quan Vũ tiến đánh Phàn Thành, để đề phòng Lã Mông nhân cơ hội tiến đánh Kinh Châu, đã để lại trọng binh phòng giữ hai thành Công An và Nam Quận hơn thế còn xây dựng Đài khói lửa ở một vùng ven sông để luôn luôn báo tin tức cho ông biết. Sau khi Tào Tháo và Đông Ngô đã cùng ước hẹn đánh kẹp Quan Vũ, Lã Mông dâng sớ lên Tôn Quyền nói:

- Quan Vũ tiến đánh Phàn Thành mà lại để trọng binh đóng giữ ở Kinh Châu, chính là do ta tập kích vào hậu phương của hắn. Thần thường bị ốm, xin để cho thần lấy danh nghĩa chữa bệnh triệu thần về Kiến Nghiệp. Nhất định Quan Vũ sẽ đem quân đội ở Nam Quận, Công An điều tới Tương Dương. Lúc đó, thần sẽ ngày đêm đi gấp về tới Hán Thương, lợi dụng chỗ sơ hở kéo vào, thì Nam Quận có thể lấy được. Quan Vũ có thể bị bắt.

Tôn Quyền đã nghe theo kiến nghị của Lã Mông, triệu Lã về Kiến Nghiệp, cử Lục Tốn là con người cực kỳ có tài năng nhưng tiếng tăm không lớn lắm, do Lã Mông tiến cử, tới thay thế. Lục Tốn vừa tới Hán Thương liền sai người đưa tới cho Quan Vũ một lá thư, ngoài những lời lẽ tự khiêm ra, trong thư còn cực lực ca tụng tài năng của Quan Vũ. Quan Vũ thấy Lục Tốn là con người vô danh, nên rất coi thường, quả thực đã buông lơ cảnh giác, điều động một bộ phận quân đội đóng giữ Nam Quận tới mặt trận Tương Dương. Sau khi Lã Mông biết tin, lập tức lén lút đi ngược dòng từ Kiến Nghiệp tới Tâm Dương chủ trì việc quân sự. Lã Mông ra lệnh cho quân sĩ thân mặc áo trắng, đóng giả thành nhà buôn ngồi thuyền ngược dòng đi lên, ở trong khoang thuyền cho quân tinh nhuệ mai phục. Mỗi khi tới một vùng, họ đều giả vờ lên bờ nghỉ ngơi, bắt trói hết toàn bộ quân Kinh Châu canh giữ đài khói lửa, khiến cho tin tức được phong tỏa nghiêm mật. Sau khi Lã Mông tiến vào đóng ở Nam Quận, đối với Quan Vũ và gia thuộc của các tướng sĩ đều chăm sóc gấp bội, còn bó buộc bộ hạ của mình không được vơ vét bất cứ vật gì của dân chúng. Hơn thế, từ sáng sớm đến tối đều cử người thăm hỏi úy lạo các cụ già ở trong thành để lôi kéo lòng dân. Sau khi Quan Vũ biết tin Nam Quận thất thủ, đã cử người tới trách hỏi Lã Mông. Lã Mông lại hậu đãi sứ giả, rồi để cho sứ giả đi chu du trong khắp thành, thăm hỏi các dinh tướng sĩ của Quan Vũ. Khi sứ giả về tới

trong quân của Quan Vũ, các tướng sĩ đều biết được trong nhà mình bình an vô sự, đều không còn tâm sức chiến đấu nữa. Do quân tâm tan rã, cuối cùng Quan Vũ thua chạy khỏi Mạch Thành, bị Đông Ngô bắt giết.

Khi tin tức Đông Ngô đã chiếm được Kinh Châu rồi bắt giết Quan Vũ được truyền tới, Lưu Bị vô cùng giận dữ đã đích thân dẫn ba quân đoàn, đóng doanh trại bảy trăm dặm ở vùng Hồ Đình, chuẩn bị một trận đánh quyết sống chết với Đông Ngô để báo thù huyết hận. Khi Tôn Quyền bị quân Lưu Bị ép tới Di Lăng, đã giao việc phòng vệ mặt trận cho Lục Tốn. Trước đó Lưu Bị đã chôn giấu một chi đội phục binh, chờ khi Lục Tốn ra nghênh chiến thì sẽ bắt sống. Còn Lục Tốn thì sớm đã có dự liệu, để mặc cho Lưu Bị khiêu chiến như thế nào, đều kiên trì giữ vững không ra. Lúc đó do khí trời vô cùng nóng bức, trong quân Lưu Bị đã có không ít người bị cảm nắng, tiếng kêu khổ vang trời, quân tâm xáo động. Lưu Bị đành phải đem tám ngàn quân tinh nhuệ mai phục ở trong khe núi rút vào trong rừng cây để đóng trại. Trong đám mưu sĩ có người khuyên Lưu Bị không thể đóng trại ở trong rừng được, đề phòng Lục Tốn hỏa công. Lưu Bị đã không cho là như vậy, kiên trì di động doanh trại. Lục Tốn thấy vậy rất mừng, đã dâng sớ lên nói với Tôn Quyền: “Lưu Bị đã nhiều lần xuất quân, nhiều bại ít thành, từ đó mà suy, không đáng phải lo lắng. Lúc đầu, thần cho rằng quân thủy lục của họ Lưu cùng tiến, còn bây giờ quân Lưu đã bỏ thuyền đi bộ, kết doanh trại ở khắp nơi. Quan sát sự bố trí của chúng, cũng chẳng có gì thay đổi lớn, xin ngài cứ yên lòng, chớ có lo lắng, bất tất phải lo lắng gì cho chiến sự. Lúc đó, các tướng lĩnh trong quân Lục Tốn oán thán nói:

- Nếu tiến đánh Lưu Bị thời cơ nên ở lúc ban đầu. Hiện tại quân Lưu Bị đã tiến sâu vào năm, sáu trăm dặm, hai bên đã giữ nhau bảy, tám tháng trời. Lúc này mới phát động tiến công, tất sẽ thất bại chứ chẳng còn nghi ngờ gì nữa.

Còn Lục Tốn thì đã có mưu kế sẵn sàng, nói:

- Khi Lưu Bị cất quân ra đi, đã suy nghĩ rất kỹ càng. Thế nhưng thời gian kéo dài, binh lính mệt mỏi, ý chí tan rã, kế không thể phục sinh, chiến

thăng quân Lưu, chính là ở ngày hôm nay.

Lục Tồn ra lệnh cho binh lính mỗi người cầm một cây đuốc, tiến sát vào doanh trại quân Lưu Bị, hê thấy doanh trại thì đốt cháy. Chỉ một lúc sau, ngọn lửa lớn từ các doanh trại quân Lưu Bị cháy bùng lên bốn phía. Do các doanh trại nối liền nhau, thế lửa cháy mạnh. Toàn doanh trại đầu cuối không cứu được nhau, người chết cháy người cháy bị thương, không biết bao nhiêu mà kể. Lục Tồn thừa thế xông vào chém giết. Lưu Bị đành phải một mình chạy trốn tới thành Bạch Đế, không lâu lo nghĩ đau buồn sinh bệnh rồi chết.

## **51. DƯƠNG HỘ**

### **DỤC NGANG VĂN VÕ,**

### **BỎ GẦN TÍNH XA**

Dương Hộ (221 - 278) tự là Thúc Tử, người Nam Thành Thái Sơn (phía Tây Nam huyện Phí tỉnh Sơn Đông ngày nay). Thời Ngụy Tấn lưỡng triều đã từng giữ các chức vụ Trung Thư thị lang, Cấp sự trung, Hoàng môn lang, Bí thư giám, Tướng quốc tòng sự, Trung lang, Trung lĩnh tướng, Trung quân tướng quốc, Thượng thư hữu phó xạ, Vệ tướng quân, Xa kỵ tướng quân, Bình Nam tướng quân, Chinh Nam đại tướng quân v.v... Sau khi chết được Tấn Vũ Đế truy tặng là Thị trung, Thái phó.

Dương Hộ tài kiêm văn võ, mưu sâu nghĩ xa, trong cuộc đấu tranh kịch liệt giữa hai gia tộc lớn họ Tư Mã và họ Tào vào những năm cuối thời Tào Ngụy, ông trầm tĩnh thông minh, tùy cơ ứng biến đã tránh được sự lôi cuốn của cơn lốc đấu tranh, do đó đã thành công trong việc bảo vệ mình, cuối cùng đã trở hết tài năng. Trong thời gian trấn thủ Kinh Châu, ông thu xếp yên ổn trong ngoài, lấy đức thắng địch, mở rộng biên cương, vỗ về chăm sóc xa gần, “Rất được lòng giang hồ hảo hán”. Ông thân ở ngoài biên thuỳ lòng vẫn quan tâm tới miếu lược, chẳng những đã giúp Tấn Vũ Đế tiêu diệt nhà Ngô bằng những mưu lược hoàn chỉnh, mà còn tiến cử các tướng soái hợp cách. Do vậy, ngay lúc đó và cả đời sau đều quy công đầu trong việc Tây Tấn thống nhất Trung Quốc cho Dương Hộ.

### **ẨN GIẤU TÀI NĂNG,**

### **TUỲ CƠ ỨNG BIẾN**

Dương Hộ sinh trong gia đình hoạn quan, cụ tổ chín đời đã từng giữ chức quan Thái thú nhất cấp, bản thân ông lại thông minh lanh lợi, học rộng nhiều tài. Từ bối cảnh gia đình và tố chất cá nhân mà xét, ông đều có những điều kiện tốt đẹp để bước vào con đường quan lại. Do đó chưa đầy

hai mươi tuổi, trong quận đã tuyển chọn ông làm Thượng kế lại, trong Châu đã tiến cử ông làm Tòng sự, tú tài. Thế nhưng ông đều kiên quyết từ chối không chịu nhận, sợ dĩ Dương Hộ không vội vã ra làm quan, thực ra không phải là ông không muốn ra làm quan, mà là vì một nguyên nhân khác. Lúc đó đang là những năm cuối thời Tào Ngụy, cuộc đấu tranh giữa cha con Tư Mã Ý và hoàng thất Tấn Ngụy vô cùng kịch liệt, mà Dương Hộ với hoàng thất Tấn Ngụy và họ Tư Mã giữa hai đại gia tộc này đều có quan hệ thân thân. Người chị ruột của ông đã lấy Tư Mã Sư là con trai Tư Mã Ý, người vợ của ông là con gái Hạ Hầu Bá, quý tộc hoàng thất. Dương Hộ cho rằng nếu trong lúc cục thế còn chưa sáng tỏ mà đã bị cuốn hút vào trong cơn lốc đấu tranh, làm không khéo thì sẽ bị chôn vùi tiền đồ của cả cuộc đời, thậm chí có khả năng chuốc lấy cái họa sát thân. Do đó ông quyết định sử dụng mưu lược ẩn giấu tài năng, bình tĩnh quan sát tình thế, nhẫn nại chờ đợi thời cơ, mà không vội vã ra làm quan. Về sau, đại tướng quân Tào Sảng nắm giữ triều chính, Tào Ngụy đã gọi Dương Hộ và Vương Thâm ra làm Liêu tá (thư lại). Vương Thâm lập tức ra nhận ngay, còn Dương Hộ thì cự tuyệt không tuân lệnh. Vương Thâm khuyên Dương Hộ cùng đi với mình, Dương Hộ nói:

- Công việc của người được uỷ thác đâu có dễ dàng!

Ông kiên trì không sửa đổi ý nghĩ đó. Năm 249, Tư Mã Ý phát động cuộc chính biến, giết chết Tào Sảng, Vương Thâm cũng bị liên lụy. Sau sự việc, Vương Thâm then thùng nói với Dương Hộ: “Mức độ hiểu biết của ông vượt trước tôi nhiều!”. Dương Hộ vẫn ẩn giấu tâm nguyện của mình, lạnh lùng trả lời:

- Điều này ai có thể biết trước được!

Sau khi Tư Mã Ý giết chết Tào sảng, tuy đã giành được đại quyền độc chuyên triều chính, thế nhưng thế lực thân họ Tào vẫn còn rất lớn mạnh. Tháng tư năm thứ ba Gia Bình (năm 251) và tháng giêng năm thứ hai Chính Nguyên (năm 255), Thái úy Vương Tuấn và Trấn đông tướng quân Võ Khâu Kiệm trước sau đã từng cất quân chống lại sự độc đoán chuyên

quyền của họ Tư Mã ở Hoài Nam. Trong tình hình này, Dương Hộ vẫn kiên trì ẩn giấu tài mưu lược, cách xa cơn lốc đấu tranh. Đại tướng quân Tư Mã Chiêu gọi Dương Hộ ra làm liêu thuộc, ông đã lấy lý do mẹ chết, anh chết để khéo léo tạ tuyệt, tiếp tục ngủ khàn, giữ đạo nho, ở ẩn. Sau một thời gian, Dương Hộ tuy đã tiếp nhận xe công, ra nhậm chức Trung Thư thị lang, không lâu đã chuyển sang Cấp Sự Trung, Hoàng Môn Lang, trở thành cận thần của Ngụy Đế Tào Mao, thế nhưng đối với Tào Mao ông đã giữ thái độ đứng ngoài cuộc, không tự cao cũng không tự ti, không thân cũng không sợ, để giữ lại cho mình một chỗ lùi thích hợp.

Năm 258, Tư Mã Chiêu đã bình định xong cuộc phiến loạn của Chinh Đông Đại tướng quân Gia Cát Đản phát động. Sau khi đã quét sạch về cơ bản những thế lực địa phương thân Tào Ngụy, Dương Hộ đã bắt đầu sử dụng hành động cách xa hoàng thất Tào Ngụy, bắt buộc từ nội thì thân thân chuyển thành ngoại thân của triều đình, cải nhiệm thành Bí thư giám. Thế nhưng lúc đó “Chung Hội được sủng nên kỳ”, Dương Hộ vẫn không dám có hành động gì. Năm 264, sau khi Chung Hội bị giết, Tư Mã Chiêu bắt đầu dùng Dương Hộ, bổ nhiệm cho ông làm Tướng quốc tòng sự Trung Lang, cùng năm giữ điều cơ mật ở trong tướng phủ với Tuân Tạo, Bùi Tú. Dương Hộ chẳng những vui vẻ thụ mệnh, mà còn tận sức giữ chức, cần cù chịu khó, một lòng một dạ lao vào trong lòng họ Tư Mã. Sau đó không lâu, Dương Hộ “đổi thành Trung lĩnh tướng, thống nhất tất cả các thị vệ cũ, nhập thẳng vào trong điện, nắm giữ binh lính quan trọng, kiêm mọi việc trong ngoài”, bắt đầu trở hết tài năng.

Năm 265 sau khi Tư Mã Viêm xưng đế, Dương Hộ là một công thần, đặc lực trước hết được tiến hiệu là Trung quân tướng quân, lại thêm chức Tán Kỳ Thường Thị, về sau lại tiến vị là Thượng thư Tả bộc xạ, Vệ tướng quân trở thành cột trụ kiên cường của chính quyền Tây Tấn.

Dương Hộ biết rõ đạo lý “Mãn chiêu tổn, khiêm thụ ích” - Tự mãn gây tổn hại, khiêm tốn thu lợi ích, sau khi ông thăng quan tiến vị, vẫn chú ý giữ tác phong khiêm nhường cẩn thận. Sau khi nhậm chức Thượng thư Tả bộc xạ, từ trên chức quan mà nhìn tuy cao hơn một số người như Vương



Hựu, Hủ Xung, Bù Tú v.v... thế nhưng mỗi lần thiết triều ông vẫn kiên trì “không đứng bên phải họ”. Khi được bổ nhiệm làm “Xa kỵ tướng quân Khâu phủ như nghi thức Tam Ty”, ông lập tức dâng biểu cố nhường, biểu thị ông đã được bổ nhiệm vào chức vụ cực kỳ hiển trọng rồi, nếu được quá yêu, e rằng không xứng. Trong thời gian trấn thủ Kinh Châu, ông từng gửi thư cho em nói rõ tâm chí mình: “Đã định làm việc thì nên ở đầu đường góc phố, trở về quê cũ làm năm xương tàn, làm kẻ sĩ bất tài mà ngồi ở ngôi cao, thì làm sao có thể hoàn thành được trách phận?”.

## **DỪNG ĐỨC ĐÁNH ĐỊCH, KINH LƯỢC KINH CHÂU**

Tháng 2 năm thứ 5 Tần Thủy (năm 269) Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm ra lệnh cho Dương Hộ làm Chư quân sự Đô đốc Kinh Châu, hơn thế còn đặc chuẩn cho ông soái dẫn vệ tướng quân bản doanh ra khỏi thành Tương Dương. Lúc đó, nước Ngô đã xây dựng ba cứ điểm quân sự quan trọng ở trên bờ bắc khu vực Kinh Châu: mặt Tây là Tây Lăng (thành phố Nghi Xương tỉnh Hồ Bắc ngày nay), mặt Đông là Thạch Thành (huyện Trung Tường, tỉnh Hồ Bắc ngày nay), ở giữa là Giang Lăng (thành phố Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc ngày nay). Trong đó Thạch Thành địa hình hiểm yếu, cách Tương Dương lại gần, có sự uy hiếp rất lớn đối với nước Tấn. Dương Hộ tới nhậm chức không lâu đã dùng kỳ kế nhử cho nước Ngô vứt bỏ Thạch Thành. Sau khi quân Ngô rút đi, Dương Hộ lập tức sai quân tiến vào chiếm giữ đất này, hơn thế còn xây dựng thêm năm thành mới ở vùng phụ cận để thu lấy đất Cao Du đoạt của cải của người Ngô, từ phía tây Thạch Thành, tất cả đều là đất sở hữu của Tấn. Từ đó đã cải thiện rất lớn hình thái quân sự ở khu vực Kinh Châu của nước Tấn.

Năm thứ hai sau khi Dương Hộ ra trấn giữ Tương Dương, nước Ngô cử Lục Kháng làm đô đốc Kinh Châu để đánh lại Dương Hộ. Lục Kháng trí dũng song toàn, là thống soái quân sự ưu tú nhất của nước Ngô thời đó. Tháng 9 năm thứ 8 Tần Thủy (năm 272), Thành cử Đốc Bộ Thiên Tây Lăng nước Ngô đầu hàng nước Tấn. Lục Kháng được tin báo vội vàng dẫn

quân tiến đánh Tây Lăng. Tấn Vũ Đế liền ra lệnh cho Dương Hộ dẫn quân tới đón cứu Bộ Thiên. Tức thì giữa Dương và Lục diễn ra một cuộc bàn bạc thương lượng. Kết quả là Lục Kháng tiến đánh Tây Lăng, giết chết Bộ Thiên, còn Dương Hộ thì không phải đánh mà rút về, trấn giữ Tương Dương. Sau đó, Dương Hộ căn cứ vào sự biến hóa của tình hình địch, sử dụng phương châm giữ chắc biên cương làm yên nội bộ, lấy đức đánh địch. Để ổn định và phát triển nội bộ, để tăng cường sức mạnh chống ngoại xâm, Dương Hộ đã sử dụng hai biện pháp quan trọng: một là quang giáo hóa, chống mê tín. Để tiến hành giáo dục bước đầu cho quần chúng nơi đó, ngoài việc xây dựng các trường học ra, Dương Hộ còn rất chú ý tới việc làm trong sạch phong khí xã hội. Lúc đó, một số địa phương trưởng lại sau khi chết ở nhiệm sở, những người kế tục của họ vì kiêng kỵ thường phá tan phủ quan cũ, tiến hành xây phủ quan mới. Đối với hành vi mê tín làm cho tổn tiền vật và sức dân này, Dương Hộ rất không bằng lòng. Ông nói: “Sống chết do mệnh trời chứ không phải do nhà ở”, liền ra lệnh cho binh lính các trấn “cấm đoán nghiêm ngặt”. Hai là khai nông điền, trừ quân tư. Quân đội do Dương Hộ cầm đầu ở khu vực Kinh Châu tổng cộng có hơn tám vạn người Ông đã dùng một nửa số đó vào việc canh giữ biên thùy, còn một nửa kia dùng để khai khẩn ruộng đất. Kết quả là đã “thu được lợi lớn”. Căn cứ theo sử sách ghi chép, Dương Hộ mới tới Tương Dương, quân đội không có đủ lương ăn trăm ngày. Vậy mà sau mười năm tám vạn binh sĩ Kinh Châu đã tích lũy được thừa lương ăn trong mười năm. Ngoài ra còn trừ bị tu được một khối lượng lớn khí giới quân sự.

Đồng thời với việc nghĩ cách ổn định nội bộ, Dương Hộ, còn sử dụng một loạt biện pháp lấy đức đánh địch. Trong đó có những biện pháp chủ yếu:

1. Dùng đức tín lôi kéo vỗ về dân chúng nước Ngô. Mỗi lần Dương Hộ dẫn dắt quần chúng đi săn bắn đều chú ý không vượt qua biên giới, “Nếu những con cầm thú bị người nước Ngô bắn bị thương mà lính Tấn bắt được đều phải phong hoàn trả lại”. Nếu khi xuất quân đi qua nước Ngô không thể không “gặt thóc làm lương ăn”, “đều tính những lượng đã xâm phạm rồi

đem lụa đến đền bù”. Và như vậy, “người nước Ngô chỉ biết hân hoan vui sướng, gọi ông là Ông Dương, mà không gọi tên ông”.

2. Dùng đức tin làm tan rã tướng sĩ quân Ngô. Khi hai bên giao chiến, Dương Hộ đều quy định sẵn ngày xuất binh, mà không tiến hành đánh lén. Các tướng tá có người muốn tiến dâng sách lược đánh úp, thì Dương Hộ lấy rượu ngon cho uống rồi làm cho họ say rượu mà không được dâng lời. Quân Tấn bắt sống được tướng sĩ quân Ngô, thì Dương Hộ đem họ trả về tận nhà. Tướng Ngô là Trần Thượng, Phan Cảnh xâm lược quấy nhiễu biên giới nước Tấn, sau khi bị quân Dương Hộ đuổi theo chém chết “lại dùng nghi lễ tốt đẹp để an táng người chết”. Với tình cảm triệu gọi của Dương Hộ, quân Ngô nối nhau ra đầu hàng.

3. Dùng đức tin kiềm chế thống soái quân Ngô. Đối với sự chỉ huy chiến tranh cụ thể, Dương Hộ tự biết mình không bằng Lục Kháng. Do đó, ông phát huy điểm mạnh, né tránh điểm yếu, hết sức cố gắng áp đảo đối phương trên mặt mưu hoạch chiến lược. Căn cứ vào tư tưởng chỉ đạo này, Dương Hộ đã phát động thế công chính trị khéo léo kỳ diệu đối với Lục Kháng. Lục Kháng bởi bị ốm đã đi tìm thuốc ở khắp bốn phương. Dương Hộ nghe tin lập tức đem thuốc bào chế sẵn đem cho, còn kèm thư dặn thêm: “Đây là thuốc tuyệt hảo, mới tự làm gần đây, chưa kịp uống, thấy ông bị bệnh khẩn cấp, cho nên đưa tới cho ông!”. Lục Kháng cũng rất có nhã lượng “uống thuốc mà không có dạ nghi ngờ”! Các bộ hạ khuyên can Lục Kháng nâng cao cảnh giác. Lục Kháng nói:

- Dương Hộ đâu phải là người đánh thuốc độc người khác được!

Lục Kháng cũng đã từng tặng rượu cho Dương Hộ, Dương Hộ cũng uống mà không chút nghi ngờ. Lục Kháng rất ca ngợi Dương Hộ, đã từng nói:

- Đức độ của Dương Hộ, tuy Nhạc Nghị, Gia Cát Khổng Minh cũng không thể vượt qua được. - Còn nói cho các bộ tướng biết - Người ta chuyên dùng đức, còn ta chuyên dùng bạo, người ta không đánh mà tự thắng. Mỗi người hãy bảo vệ lấy phân giới của mình, không cầu lợi nhỏ”

Ngô chủ Tôn Hạo nghe tin Dương - Lục giao hòa, liền sai sứ giả tới chất vấn Lục Kháng. Lục Kháng trả lời, nói:

- Một ấp một làng cũng không thể làm người vô tín nghĩa, huống hồ là một nước lớn! Thần không như vậy, chính là tuyên dương đức độ của ông ta, không làm thương hại đến ông ta.

Từ đây có thể nhìn thấy mưu lược dùng đức đánh địch của Dương Hộ, quả thực đã kiềm chế được Lục Kháng, khiến cho Lục Kháng không còn cách nào phát huy được chỗ mạnh của mình.

### **TÂM HOÀI MƯU LƯỢC, XƯỚNG NGHỊ PHẠT NGÔ**

Dương Hộ tuy cư trú lâu dài ở biên thủy, nắm giữ quyền chính một phương, thế nhưng trong lòng ông đã nghĩ tới toàn cục, lòng chỉ nghĩ tới miếu đường, luôn luôn coi tiêu diệt Đông Ngô, thống nhất toàn quốc là trách nhiệm của mình. Trong thời gian ông trấn giữ Tương Dương, một mặt ông nêu cao đức tín, dự trữ quân lương, tạo ra khí giới, chuyên tâm kinh lược Kinh Châu, chuẩn bị tinh thần và điều kiện vật chất để trừng phạt Đông Ngô; đồng thời bí mật mưu hoạch phương lược diệt Ngô, chờ đợi thời cơ diệt Ngô. Năm 274, sau khi Lục Kháng bị ốm chết, nền chính trị của nước Ngô càng thêm hủ bại. Dương Hộ cho rằng thời cơ diệt Ngô đã tới. Thế là đến tháng 10 năm thứ 2 Hàm Ninh (năm 276) ông đã dâng sớ lên Tấn Vũ Đế thỉnh cầu phạt Ngô, hơn thế đã đề xuất ra phương lược kế hoạch diệt Ngô rất chu đáo.

Trong tấu sớ, trước hết Dương Hộ đã luận chứng tính tất yếu phải diệt Ngô, ông nói:

- Thời vận tuy là do trời cho, thế nhưng công lao của sự nghiệp tất phải do con người làm thành, không tiến hành một lần tiêu diệt lớn, thì dân chúng còn khổ sở không lúc nào được yên.

Nghị luận nhằm thẳng vào những kẻ phản đối việc diệt Ngô, ông chỉ ra, quan điểm “Có đạo thắng sau, vô lễ mạnh trước” chỉ thích hợp với những

năm tháng chư hầu cát cứ, còn hôm nay thiên hạ thống nhất, “không được ví von như thời cổ”. Ông còn lấy nước Thục làm ví dụ, nói rõ nước Ngô tuy có Trường Giang thiên hiểm cũng không đáng sợ. Bởi vì, phàm những người dựa vào sự hiểm trở để được bảo tồn đều do bởi nguyên cơ thế lực đối địch của hai bên bằng nhau. Nếu như sự xấu tốt chênh lệch nhau, sự mạnh yếu ở thế khác nhau, thì bậc chí sĩ không thể lập được mưu cho nó, sự hiểm trở cũng không thể bảo toàn được nó.

Địa hình của nước Thục không phải là không hiểm yếu, thế nhưng ở ngày tiến quân từng chẳng có sự hạn chế của phen giậu, chém tướng nhỏ cờ, thâm phục vạn dặm, thừa thắng cuốn chiếu, chẳng tới thành đô. Nếu lấy Ngô so với Thục thì khó khăn của Giang Hoài, không qua được Kiếm Các, hiểm trở của núi sông, không qua được Mân Hán. Sự bạo ngược của Tôn Hạo, vượt qua được Lưu Thiểm, sự khó khăn của người Ngô, còn khốn hơn Ba Thục. Hơn nữa, hiện tại binh lính của nước Tấn đông đúc, nhiều hơn đời trước; của cải khí giới dự trữ, giàu hơn ngày xưa. Dùng những thứ này đánh Ngô, lẽ dĩ nhiên là tiến công tất thắng. Nếu không nắm chắc thời cơ, kịp thời diệt Ngô mà cứ gây trở ngại cho binh lính phải canh giữ, lính đi xa, dân phục dịch khổ sở, ngày tháng can qua, lưu giữ địch sẽ tự khốn, sẽ là thất sách. Cho nên cần phải quyết đoán ngay lập tức, để thực hiện đại nghiệp thống nhất.

Tiếp đó, trong tấu sớ Dương Hộ đã đề xuất ra phương lược cụ thể để diệt Ngô. Ông chủ trương dùng quân đội của hai châu Lương, Ích men theo Giang Đông đi xuống, thủy lục cùng tiến, vượt ra khỏi sự sơ hở của địch. Dùng quân đội của Kinh Sở tiến công Giang Lăng; quân đội của Bình Nam và Dự Châu đánh thẳng vào Hạ Khẩu; quân đội của các châu Từ, Dương, Thanh, Duyện v.v... liên hiệp tấn công Mạt Lăng. Nhiều đường tiến quân như vậy để tạo thành cục diện bị động bị đánh, khiến cho quân Ngô phải ứng chiến ở khắp nơi, thế lực bị phân chia, đội hình bị tản mạn.

Cuối cùng, trong tấu sớ Dương Hộ còn phân tích tính tất yếu sẽ chiến thắng quân Ngô. Ông chỉ ra, Đông Ngô là nước ven theo dòng sông, không có trong ngoài, từ Đông sang Tây dài mấy ngàn dặm, khắp nơi xây dựng bố

phòng không có nơi nào được yên tĩnh. Ngô chủ Tôn Hạo vừa được khôi phục tự dựng, ghen ghét đố kỵ người hiền tài, tướng tá sinh lòng nghi ngờ, binh lính đem tâm oán hận. Những ngày bình thường vẫn còn nghi ngờ, có nhận chức hay không nhận chức, khi lính kéo tới, tất phải có người ứng phó, mà không thể đồng lòng quyết chiến đấu. Quân Ngô tác chiến, cung nỏ kích thuẫn, không bằng quân Tấn. Duy chỉ có thủy chiến là sở trường của chúng. Nếu đại quân tiến thẳng đột phá Trường Giang, thọc sâu vào đất bên trong, quân Ngô tất sẽ thoát ly sông nước quay trở lại bảo vệ thành trì, như vậy sẽ phải bỏ thế mạnh dùng thế yếu. Còn quân Tấn thọc vào sâu, con người có chí quyết liều chết, người Ngô chỉ quản bên trong, ai nấy đều có tâm ly tán. “Như vậy quân không vượt quá thời hạn, đánh được là lẽ dĩ nhiên”.

Dương Hộ không những hoạch định phương lược diệt Ngô, mà còn hai lần tiến cử với Tấn Vũ Đế những tướng soái ưu tú đảm nhận nhiệm vụ nặng nề đi diệt Ngô. Lần thứ nhất là tiến cử Vương Tuấn. Vương Tuấn từng đảm nhiệm chức tham quân cho Dương Hộ, Dương Hộ biết rất rõ kỳ tài đại lược của Vương Tuấn. Năm 272 Tấn Vương Đế đã đề bạt Vương Tuấn đảm nhiệm chức Thích sử Châu Ích lên làm Đại Tư Nông. Sau khi Dương Hộ nghe tin đã bí mật dâng biểu lên Tấn Vũ Đế để cho Vương Tuấn lưu giữ chức Thích sử Châu Ích, tiến hành chuẩn bị diệt Ngô. Về sau sự thực đã chứng minh, quân đội Châu Ích mà Vương Tuấn thống soái quả nhiên đã trở thành một lực lượng quan trọng trong khi diệt Ngô. Lần thứ hai tiến cử là Đỗ Dự. Năm thứ tư Hàm Ninh (năm 278) Dương Hộ vì có bệnh vẫn phải nhập triều, khi lâm chung ông đã cử Đỗ Dự thay ông ra trấn thủ Tương Dương. Cũng như vậy, Đỗ Dự không phụ lòng mong đợi của Dương Hộ, đã lập được những chiến công lừng lẫy trong cuộc chiến diệt Ngô.

Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm tuy vô cùng tán thưởng đối với phương lược diệt Ngô mà Dương Hộ trình báo, thế nhưng vì nhiều nguyên nhân khác nên ông chưa thể lập tức chấp thuận được. Mãi đến năm thứ năm Hàm Ninh (năm 279), Tấn Vũ Đế mới đại cử binh lính diệt Ngô dựa theo phương lược mà Dương Hộ đã đề xuất. Tháng ba năm sau, tin báo diệt Ngô

thắng lợi truyền tới Lạc Dương. Khi dân chúng tới chúc mừng, Tấn Vũ Đế nâng cốc lên, nước mắt chảy ròng ròng, nói:

- Tất cả đều là công lao của Dương Thái phó đó!

## 52. TƯ MÃ VIÊM

### THIỆN NĂNG MƯU ĐOÁN, THAY NGỤY DIỆT NGÔ

Tư Mã Viêm (năm 236 đến năm 290) tự là An Thế, là con trưởng của Tấn Vương Tư Mã Chiêu. Tháng năm Ngụy Hàm Hi (năm 264), Ngụy Đình Tấn phong Tư Mã Chiêu làm Tấn Vương, Tư Mã Viêm làm phó tướng quốc, Tấn thế tử, Tư Mã Chiêu tạ thế tháng tám năm thứ hai Hàm Hi, Tư Mã Viêm kế tục ngôi Tấn Vương. Tháng 12 cùng năm, Tư Mã Viêm bức Ngụy Mạt đế Tào Hoàn nhường ngôi, tự mình bước lên ngôi báu hoàng đế, lịch sử gọi là Tấn Vũ Đế, đổi quốc hiệu là Tấn, sử gọi là Tây Tấn. Tư Mã Viêm “thông minh giỏi võ như thần, cò tài siêu thế”, “thông minh giỏi mưu, năng đoán đại sự”, ở ngôi 26 năm, đã hoàn thành được đại nghiệp thống nhất, đã tiến hành hàng loạt cải cách chính trị, kinh tế, khiến cho nền kinh tế của xã hội được phát triển. Thế nhưng ông đã phân phong cho các chư hầu, làm mạnh hóa chế độ gia đình quyền thế sĩ tộc, những năm cuối đời cực kỳ xa hoa dâm dục, đã làm tăng nhanh tốc độ bị lật đổ của Tây Tấn. Nền thống nhất của Tây Tấn chỉ duy trì được ba mươi năm, đất nước lại bước vào sự phân liệt.

### CHÍNH ĐÓN CHẾ ĐỘ CAI TRỊ, TĂNG CƯỜNG NGHỀ NÔNG, TÍCH TRỮ LƯƠNG THỰC, TĂNG CƯỜNG SỨC MẠNH ĐẤT NƯỚC

Sau khi Tư Mã Viêm xưng đế đã lập tức tiến hành hàng loạt cải cách chính trị, kinh tế, để tăng cường sức mạnh cho đất nước, chuẩn bị chu đáo việc bình định Đông Ngô. Trên mặt chính trị, ông cần cù chăm chỉ với chính sự, hạ lệnh phế bỏ những cực hình tàn khốc “khoan hình bỏ tội”, “trừ hiềm cũ, giải cấm cố”, xét xử lại từ đầu các vụ án oan, minh oan lại cho các người như Đặng Ngải v.v... tha cho một số người trước đây đã phản đối họ Tư Mã, khôi phục lại quan chức cho họ. Đồng thời với những điều này, ông



đã gắng sức chỉnh đốn chế độ quan lại, ra lệnh cho các quận huyện “thăm sát lại tường tận sự đúng sai của các vụ tội hình chính trị, biết hết những lời khuyên chân thành của dân chúng”, dùng sáu điều để sử dụng người hiền tài: “Một là, trung thành cần thận không thu vén lợi ích của riêng mình. Hai là hiếu kính tận lễ, ba là có tình bè bạn với anh em; bốn là sống trong sạch, lao động khiêm tốn; năm là giữ điều tín nghĩa; sáu là học tập để nâng cao sự tu dưỡng cho mình, ông đã xây dựng chức giám quan, mở rộng con đường nói thẳng, dùng thân mình làm quy tắc, khiêm tốn lắng nghe những ý kiến khác nhau. Một hôm ông cùng thảo luận chính sự với hữu tướng quân Hoàng Phủ Đào. Hoàng Phủ Đào đã phát sinh ra tranh luận với ông. Tán kỵ Thường thị Trịnh Huy tấu thỉnh trị tội khi quân của Hoàng Phủ Đào. Ông nói: “Ta thường lo sợ bởi những lời xiểm nịnh, há đâu lại có thể làm tổn hại một bề tôi đã tranh luận với ta! Huy vượt chức tấu càn đâu phải là ý của trẫm”. Lập tức cách chức Trịnh Huy. Trên mặt kinh tế, ông coi trọng việc phát triển nông nghiệp, không ngừng hạ chiếu cho các quận huyện phải vỗ về dân chúng, khuyến khích nông tang, chăm chỉ cày cấy tích trữ thóc lúa, tận thu địa lợi, cấm chỉ du thực. Bản thân ông đã “thân dẫn các vương công khanh sĩ cày cấy hàng ngàn mẫu ruộng”. Ông còn lấy công việc có biết khuyến khích những người có công trong việc sản xuất hay không, đất đai có được lợi dụng khai khẩn hay không làm tiêu chuẩn chủ yếu để thưởng phạt các quan lại địa phương. Thái thú quận Cáp là Vương Hồng Cần thương yêu dân chúng, đốc thúc dân chúng khai hoang được hơn 5.000 mẫu đất, gặp năm mất mùa, chỉ riêng có quận này không thiếu lương thực. Tư Mã Viêm đã hạ chiếu biểu dương khen thưởng. Năm thứ tư Tần Thủy (năm 268) Tư Mã Viêm hạ lệnh xây dựng kho dự trữ, năm được mùa thì thu mua, năm mất mùa thì xuất bán, làm lợi cho dân chúng. Ông còn khích lệ dân chúng xây dựng thủy lợi, mở rộng diện tích cho các ruộng đất được tưới để nâng cao sản lượng. Đến năm thứ 10 Tần Thủy (năm 274), lần lượt ông đã xây dựng được ba mương dẫn nước là Tân Cừ, Phú Thọ và Du Ba, những ruộng đất được tưới nước tổng cộng có tới 1.500 khoảnh (một khoảnh bằng 100 mẫu) đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao sản lượng lương thực.

## **TÍCH CỰC CHUẨN BỊ CHIẾN ĐẤU, NHÂN LÚC ĐỊCH NGUY, TIÊU DIỆT ĐÔNG NGÔ**

Đồng thời với biện pháp tăng cường sức mạnh cho đất nước, Tư Mã Viêm còn ra sức tăng cường nhằm thẳng vào lực lượng quân sự Đông Ngô, bổ nhiệm cho nhà mưu lược nổi tiếng Dương Hộ đôn đốc các việc quân sự ở Kinh Châu, trấn thủ Tương Dương (Tương Phàn, Hồ Bắc ngày nay) để đối chọi với quân Ngô. Dương Hộ tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến ở Tương Dương, xây dựng công sự ở một vùng cách Thạch Thành Đông Ngô (phía Tây thành phố Nam Kinh Giang Tô ngày nay) khoảng hai trăm dặm, rồi tự tiến hành tổ chức đồn điền để giải quyết vấn đề quân lương. Đồng thời với điều này, Tư Mã Viêm còn bổ nhiệm Vệ Quán đôn đốc các việc quân sự ở Thanh Châu, trấn thủ Lâm Truy (phía Đông Bắc Trung Bắc Sơn Đông ngày nay); bổ nhiệm Tư Mã Quán đôn đốc các việc quân sự ở Từ Châu, trấn thủ Hạ Phôi (phía Tây Bắc Tuy Ninh tỉnh Giang Tô ngày nay). Trái hẳn lại với triều Tấn, chính quyền Đông Ngô ngày càng sa sút “kho tàng trống rỗng, dân chúng thất nghiệp”, “dân chúng ai oán vì cảnh phải ly tán” Ngô chủ Tôn Hạo hoang dâm tàn bạo, hơi một chút là giết người, các văn thần võ tướng, người người đều thấy nguy nan. Rất nhiều tướng lĩnh Tây Tấn đua nhau dâng thư, thỉnh cầu thừa lúc quân Đông Ngô gió mưa chao đảo, cất quân tiêu diệt Đông Ngô. Tháng 11 năm thứ năm Hàm Ninh (năm 279), Tư Mã Viêm cho rằng thời cơ đã chín muồi, liền quyết định đánh Ngô, điều động 20 vạn quân Tấn, chia làm sáu đường đồng thời xuất kích. Một đường do Trấn Đông tướng quân Tư Mã Thiên dẫn đầu, xuất phát từ Đồ Trung (vùng hạ du sông Từ huyện Lục Hợp tỉnh Giang Tô ngày nay). Một đường do An Đô tướng quân Vương Hồn soái lĩnh, xuất phát từ Giang Tây (một vùng huyện Hòa, Hàm Sơn, tỉnh An Huy ngày nay). Một đường do Kiến Vũ tướng quân Vương Nhung soái lĩnh, xuất phát từ Vũ Xương (Ngạc Thành tỉnh Hồ Bắc ngày nay). Một đường do Bình Nam tướng quân Hồ Phấn dẫn đầu, xuất phát từ Hạ Khẩu (Núi Hoàng Hộc Vũ Hán tỉnh Hồ Bắc ngày nay). Một đường do Trấn Nam tướng quân Đổ Dự chỉ huy, xuất phát từ Giang Lăng (Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc ngày nay). Một đường do

Long Tường tướng quân Vương Tuấn, Quảng Vũ tướng quân Đường Lâm dẫn quân Ba Thục đi đường sông thuận dòng xuống phía Đông. Đồng thời do Trương Hoa làm Độ Chi Thượng thư, tính toán kế hoạch vận chuyển lương thực. Cử Thái úy Giả Xung, Quán quân tướng quân Dương Tế làm chánh phó thống soái, toạ trấn Tương Dương, tổng thống lĩnh sáu cánh quân. Quân Tấn tiến quân tới đâu quân Ngô đều thất bại rút lui từng khúc. Tám vạn thủy quân do Vương Tuấn chỉ huy, thuyền dài hai trăm dặm thuận theo dòng trôi về Đông, dùng lửa lớn đốt cháy đứt những xích sắt thiết kế trên mặt sông của quân Ngô, dùng những phà tre nhổ hết những cọc sắt nhọn cắm trong lòng sông và vớt chìm xuống đáy sông, tức thì việc giao thông không còn cản trở. Tháng 3 Khai Nguyên nguyên niên (năm 280) tiến quân tới Thành Thạch Đầu (núi Thanh Lương Nam Kinh tỉnh Giang Tô ngày nay). Đồng thời với việc Đỗ Dự đánh Giang Lăng, Hồ Phấn chiếm Giang An (Giang An Tứ Xuyên ngày nay). Quân Ngô ào ạt đầu hàng. Tôn Hạo nhìn thấy đại thế đã trôi qua, liền “trói mình nhốt vào trong cũi” xin đầu hàng, Đông Ngô bị tiêu diệt. Tây Tấn đã tiêu diệt bốn châu, 43 quận, 313 huyện của Ngô. Bắt đầu từ Hán Hiến Đế Sở Bình nguyên niên (năm 190) trở đi, cục diện chia cắt kéo dài suốt chín mươi năm, cuối cùng đã được thống nhất.

## **TU DƯỞNG ĐỜI SỐNG,**

### **DÙNG PHÁP LUẬT TRỊ TỪ GỐC, KINH TẾ PHỒN VINH**

Sau khi Tư Mã Viêm diệt Ngô liền hạ lệnh phế bỏ chính quyền hà khắc của Tôn Hạo, khích lệ người Ngô di chuyển lên phía Bắc, quy định dân chúng và thợ thuyền được miễn lao dịch trong vòng 20 năm, tướng tá quay lại được miễn trừ lao dịch 10 năm. Đồng thời, xét thấy tình hình sự phá hoại của chế độ đồn điền, việc thu nhập sưu thuế của quốc gia giảm sút trong thời Tào Ngụy, để phát triển sản xuất nông nghiệp, tăng thêm thu nhập thuế má và đảm bảo trưng tập lao dịch, Tư Mã Viêm đã đặc biệt chế định và ban hành pháp lệnh “Hộ điều tam thức”. Điều khoản pháp lệnh này bao gồm ba nội dung:

Một là chế độ chiếm ruộng và thuế ruộng, đem chế độ chiếm ruộng và chế độ thuế má kết hợp lại với nhau. Chế độ chiếm ruộng quy định những người nông dân nam có thể chiếm tới 70 mẫu ruộng, nữ có thể chiếm tới 30 mẫu. Chế độ thuế ruộng (nhà nước trưng thu tô thuế) quy định: Đỉnh nam 50 mẫu (mỗi mẫu giao tô lương 8 thăng). Đỉnh nữ 20 mẫu. Thứ đỉnh nam 25 mẫu, thứ đỉnh nữ và dân tộc thiểu số ở nơi xa xôi hẻo lánh không phải thu thuế ruộng. Hai là chế độ hộ điều, tức là chế độ thu thuế theo hộ, quy định lấy hộ làm đơn vị, chủ hộ là đỉnh nam mỗi năm giao nộp ba tấm lụa, ba cân bông. Chủ hộ là đỉnh nữ hoặc thứ đỉnh nam giảm giao nộp một nửa. Những quận ở biên cương giao nộp hai phần ba, người đi xa nộp một phần ba. Các dân tộc thiểu số, gần giao một tấm, xa giao một nửa tấm. Ba là chế độ phẩm quan chiếm ruộng cho khách nương náu, có dụng ý là cho các quý tộc quan liêu được chiếm đặc quyền kinh tế, lại tăng cường hạn chế đối với việc chiếm ruộng và các nhân khẩu nô dịch. Cụ thể quy định là: Quan chia làm chín loại mỗi loại chiếm ruộng khác nhau. Đệ nhất phẩm có thể chiếm tới 50 khoảnh ruộng, đệ nhị phẩm chiếm 45 khoảnh, đệ tam phẩm chiếm 40 khoảnh, đệ tứ phẩm 35 khoảnh, đệ ngũ phẩm 30 khoảnh, đệ lục phẩm 25 khoảnh, đệ thất phẩm 20 khoảnh, đệ bát phẩm 15 khoảnh, đệ cửu phẩm 10 khoảnh. Các quan lại quý tộc cứ theo phẩm cấp cao thấp mà che chở cho con cháu thân thuộc, người nhiều có thể che chở tới chín họ, người ít có thể che chở tới ba họ. Những thân thuộc được che chở (tập ấm) được miễn nộp tô ruộng, miễn phục lao dịch. Các quan lại quý tộc còn có thể che chở quần áo cho thực khách và tá điền. Người được che chở được coi là nhân khẩu trong tư gia quan lại và quý tộc không phải lao dịch. Loại “Hộ điều tam thức” mà Tư Mã Viêm ban hành đã xác định người nông dân tự canh có một mảnh ruộng nhỏ để ổn định sản xuất, hơn thế còn tăng thêm được thu nhập thuế ruộng, thuế hộ cho nhà nước, trên một mức độ nhất định đã hạn chế được bọn sĩ tộc cường hào chiếm đoạt ruộng đất và bắt nông dân lao dịch bừa bãi. Tư Mã Viêm nhiều lần ban chiếu lệnh cho các quận huyện cần phải “hết sức tận thu địa lợi”, “trong đất liền phải bỏ ngọn trở về gốc, hết sức chú trọng nghề nông”. Những pháp lệnh chính sách kinh tế của ông đã thu được những hiệu quả đáng kể, kinh tế xã hội được phát triển, đã xuất

hiện cục diện phồn vinh ngăn ngủi tạm thời “Thiên hạ vô sự, tô thuế công bằng, mọi người đều yên tâm với nghề nghiệp, vui vẻ với công việc”.

## **TÍN DỪNG THÂN TỘC, PHÂN PHONG VƯƠNG HẦU, BẢO VỆ ĐẾ THẤT**

Tư Mã Viêm cho rằng, chính quyền Tào Ngụy sở dĩ sụp đổ bởi vì không biết phân phong cho thân tộc để làm phen giậu bảo vệ đế thất, rồi đến nỗi khiến cho nhà vua cô lập, không có viện trợ. Để làm cho họ Tư Mã triều Tấn “kéo dài thống lĩnh tới vô cùng”, Tư Mã Viêm đã khôi phục chế độ phong vương và phong ngũ tước công, hầu, bá, tử, nam, đã phong cho 57 người cùng họ để cho họ ra trấn giữ châu quận được phong thành nước, cấp cho họ đại quyền quân chính. Đồng thời cũng tấn phong cho số thần có công hiệp trợ với họ Tư Mã cướp Ngụy và diệt Thục, diệt Ngô được làm công hầu. Số nước công hầu này cũng có hơn năm trăm nước. Tư Mã Viêm tuy quy định các vương hầu chỉ có thể đặt ra mỗi hộ rút ra lấy một tấm lụa, hai hộ thóc (bằng mười đấu, một hộ) để làm bổng lộc ở trong nước được phong, mà không được quản lý dân chúng và quan lại, thế nhưng các vương công đã phớt lờ, mà họ đã coi nước được phong của mình là một vương quốc kinh doanh độc lập, tự đặt ra quan lại, tự động dùng binh, hình thành từng tập đoàn quyền lực, không ngừng tranh giành lẫn nhau, tạo ra sự bất ổn định cho xã hội, chôn sâu mầm mống tai họa “loạn bát vương” sau này. Về phương diện tuyển chọn, đề bạt, sử dụng quan lại, Tư Mã Viêm tiếp tục thực hành “chế độ Cử phẩm trung chính”. Chế độ tuyển dụng quan lại này được sáng lập vào thời kỳ đầu Tào Ngụy. Lúc bắt đầu, các quận, nước, châu đặt ra chức quan Trung chính, khi tiến cử quan lại các cấp ở trong khu vực quản lý do Trung chính phụ trách, dựa theo tiêu chuẩn đức tài, phân thành chín phẩm cấp. Đến thời kỳ sau Tào Ngụy, Trung chính đã bình xét phẩm cấp của kẻ sĩ, dần dần không dựa vào đức tài mà lấy sự cao thấp của gia thế làm tiêu chuẩn. Đến thời Tây Tấn, Trung chính các châu quận bình xét phẩm cấp cao thấp của kẻ sĩ, tiêu chuẩn duy nhất để họ dựa vào là sự cao thấp của môn đệ gia thế. Những người xuất thân từ đại tộc gia thế môn đệ hiển hách có tiền mua chuộc được Trung chính thường thường được bình

xét làm thượng phẩm. Những nhân sĩ xuất thân nghèo túng, không có tiền đút lót Trung chính, thường bị bình xét thành hạ phẩm. Do vậy, cảnh quan trường thời Tây Tấn đã hình thành cục diện “Thượng phẩm vô hàn môn, hạ phẩm vô thế tộc”, cửu phẩm Trung chính đã định thành chế độ môn phiệt sĩ tộc. Các quan đại thần như Lưu Nghị v.v... đã nhìn rõ bệnh hoạn của chế độ cửu phẩm Trung chính, đã nhiều lần tấu thỉnh Tư Mã Viêm “Bãi Trung chính, phế cửu phẩm”, lập ra chế độ mới khác. Tư Mã Viêm thì khen hay nhưng không sửa”. Chế độ quan lại thối nát đã đẩy nhanh tốc độ diệt vong của Tây Tấn.

Trước khi bình định Đông Ngô, Tư Mã Viêm chăm chỉ với công việc triều chính, thương xót dân chúng, thái độ khiêm tốn, cuộc sống giản dị chất phác, đã có nhiều công trạng. Sau khi diệt Ngô, Tư Mã Viêm cho rằng thiên hạ đã thái bình “lười biếng với chính thuật, đam mê chơi bời yến tiệc, sủng ái hậu đảng”, cuộc sống từ tiết kiệm chuyển sang sa hoa, thanh, sắc, chó, ngựa, hoang dâm vô độ, tham tài háo lợi. Trên làm dưới bắt chước, Tây Tấn đã hình thành một tập đoàn thống trị hủ lậu, thối nát mà đứng đầu là Tư Mã Viêm. Tư Mã Viêm đã không chịu nghe theo lời khuyên can của người khác, lập con trai mắc chứng ngu đần là Tư Mã Trung làm Thái tử. Sau khi Tư Mã Viêm chết, Tư Mã Trung (Tấn Huệ Đế) kế vị, không thể xử lý được triều chính, đại quyền đã rơi vào trong tay của ông ngoại mình là Dương Tuấn, dẫn tới sự phản đối của các vua thân tộc họ Tư Mã, rồi hình thành “loạn bát vương” chuốc lấy việc Hung Nô đánh chiếm Trường An, Tây Tấn đã bị diệt vong.

## **53. VƯƠNG ĐẠO**

### **MƯU DỰNG ĐÔNG TẤN,**

### **GIỎI XỬ PHẾ HƯNG**

Vương Đạo (năm 276 đến năm 339), tự là Mậu Hoảng, người Lâm Nghi Lang Nha (Lâm Nghi Sơn Đông ngày nay), xuất thân từ sĩ tộc, “từ nhỏ đã có tấm gương của gia tộc, hiểu biết sự trong sáng sâu xa”, từng làm qua Đông Các tế tửu, Thái tử xá nhân. Ông vốn có tình bạn thân thiết với Lang Nha Vương Tư Mã Duệ, ông đã hiến mưu di chuyển trấn Kiến Khang (Nam Kinh, Giang Tô ngày nay). Năm Đại Hưng nguyên niên (năm 318) Tư Mã Duệ xưng đế (Nguyên Đế), sau khi xây dựng Đông Tấn, ra nhậm chức Thừa tướng. Năm Vĩnh Xương nguyên niên (năm 322) vì người anh họ là Vương Đôn làm phản Đông Tấn, ông và cả họ đã phải sa vào họa bị diệt hết. Thế nhưng do ông xử trí ôn hòa khéo léo, nên vẫn được Nguyên Đế tín nhiệm. Sau khi Nguyên Đế chết, ông nhận được di chiếu phò tá Nguyên Đế trưởng tử Tư Mã Chiêu (Minh Đế), về sau lại phò tá Minh Đế trưởng tử Tư Mã Diển (Thành Đế). Vương Đạo là chính trị gia và mưu lược gia nổi tiếng của Đông Tấn, ông đã có những cống hiến rất tích cực đối với việc xây dựng và củng cố nhà Đông Tấn.

### **CHIÊU TẬP TUẤN KIỆT,**

### **XÂY DỰNG ĐÔNG TẤN**

Khi Tư Mã Duệ làm Lang Nha vương, Vương Đạo chơi bời rất thân thiết với Tư Mã Duệ. Vương Đạo đã phân tích cục diện hỗn loạn những năm cuối thời Tây Tấn, cho rằng triều đình đã không thể cứu chữa được, liền tha thiết mong muốn Tư Mã Duệ đứng ra phục hưng tổ nghiệp, khuyên ông nên rời khỏi Lạc Dương tới nhiệm sở của Lang Nha Vương. Tư Mã Duệ cũng rất quý trọng Vương Đạo, hai người thân thiết như bóng với hình. Năm Vĩnh Gia nguyên niên (năm 307) Đông Hải Vương Tư Mã Việt nắm giữ chính quyền Tây Tấn, bổ nhiệm Tư Mã Duệ làm An Đông tướng quân,



đôn đốc các việc quân sự ở Giang Nam Dương Châu, ra trấn thủ Hạ Phôi (vùng Tây Bắc Tuy Ninh Giang Tô).

Tư Mã Duệ mời Vương Đạo làm Tư Mã An Đông. Hai người thường xuyên nghiên cứu những mưu lược quân sự và kế sách bí mật. Căn cứ vào kiến nghị của Vương Đạo, Tư Mã Duệ đã từ Hạ Phôi di chuyển tới trấn giữ Kiến Khang.

Vì Tư Mã Duệ danh vọng không cao, di chuyển tới trấn giữ Kiến Khang được hơn một tháng, các sĩ thứ vùng Giang Nam không phục, không một người nào tới tấn kiến ông. Vương Đạo cảm thấy, nếu cứ tiếp tục như thế này, Tư Mã Duệ khó có thể đứng vững được ở Giang Nam Lúc này, người anh họ của Vương Đạo, Trung Thư giám Vương Đôn tới Kiến Khang tấn kiến Tư Mã Duệ. Vương Đạo nói với Vương Đôn rằng:

- Lang Nha Vương tuy có lòng nhân đức, nhưng uy tín chưa cao. Oai phong của anh đã lừng lẫy, anh nên phò trợ ông ta!

Vừa hay lúc này quan lại và dân chúng đang cử hành nghi thức truyền thống tắm giặt ở trên sông Trường Giang để tiêu trừ các bệnh tật. Vương Đạo để cho Tư Mã Duệ ngồi ở trên cầu lớn, còn ông và Vương Đôn cùng một số nhân vật đứng đầu Kiến Khang cưỡi ngựa đứng hầu. Oai phong lẫm liệt để ngắm xem nghi lễ. Các danh sĩ như Kỷ Chiêm, Cố Vinh v.v... có uy tín rất cao ở Giang Nam, nhìn thấy Tư Mã Duệ với tư thế như vậy, “cảm thấy kinh sợ liền tới vái chào ở bên trái đường”. Vương Đạo phát hiện chiêu này thấy đã có hiệu quả, lại hiến kế cho Tư Mã Duệ:

- Những nhà vua thời cổ không ai là không dùng lễ tiếp đón các cụ già, hỏi thăm phong tục, khiêm tốn thận trọng để chiêu nạp các kẻ sĩ tuần kiệt. Huống hồ hiện nay thiên hạ rối loạn, chín châu chia cắt, đại nghiệp tan hoang, rất cần thiết phải có người tài! Cố Vinh, Hạ Tuần là kẻ sĩ có uy tín ở vùng này, nên phải tiến cử họ, để lôi kéo lòng dân. Hai người này tới thăm ngài thì người khác đều sẽ tới thăm ngài!

Tư Mã Duệ làm theo kế đó. Cử Vương Đạo đích thân tới mời Cố Vinh và Hạ Tuần. Cố, Hạ tuần mệnh liền tới thăm Tư Mã Duệ. Tư Mã Duệ bố



nhệm Hạ Tuần làm Quốc nội sử, Cố Vinh làm quân tư, Tán kỵ thường thị Kỷ Chiêm làm quân Tế tửu. Thế là “bách tính quy thuận”, kẻ sĩ và thứ dân trong vùng Giang Nam “dần dần lần lượt súng bái thờ phụng, lễ của quân thần bắt đầu được định”.

Năm thứ 5 Vĩnh Gia (năm 311), Hán Chủ là Lưu Thông dẫn quân tới đánh Lạc Dương, bắt được Tấn Hoài Đế Tư Mã Xí, quân lính ồ ạt vào cướp bóc, đốt cháy cung điện quan phủ, giết chết hơn ba vạn dân chúng. Bổng chốc trong nước đại loạn, chỉ riêng có Giang Nam là tương đối yên ổn. Có tới bảy tám phần mười trí thức Trung Nguyên vượt qua Trường Giang đi lánh nạn. Vương Đạo cho rằng, đây là cơ hội cực kỳ tốt để cho Tư Mã Duệ tuyển chọn người hiền tài, do vậy đã kiến nghị thu nhận những “hiền nhân quân tử” từ Trung Nguyên chạy tới, để “mưu đồ sự nghiệp”. Tư Mã Duệ vui vẻ đồng ý và đặc biệt tăng thêm hơn một trăm thuộc viên, cho Thái thú Dĩnh Xuyên ngày trước là Diêu Hiệp làm Quan Tư Tế tửu; Thái thú Đông Hải trước là Vương Thừa, Quảng Lăng tướng Biện Hộ làm Tổng sự Trung Lang; Giang Ninh lệnh Gia Cát Khôi, Lịch Dương tham quân Trần Quân làm hành tham quân; Tiền Thái phó Duyên Duy Lượng làm Tây Tào duyên. Số người này đều có những cống hiến cho sự xây dựng và củng cố của Đông Tấn. Một số triều thần Tây Tấn từ Trung Nguyên qua sông tị nạn, khi Lạc Dương thái bình đã coi việc ngạo mạn rệu rã làm “ưu nhã” lan truyền nối tiếp, sau khi tới Kiến Khang nhậm chức làm thuộc hạ của Tư Mã Duệ vẫn “lười biếng tránh việc”. Có một lần họ cùng trèo lên Tân Đình ở bên Trường Giang để du chơi yến tiệc. Trong bàn tiệc, Chu Khải vừa được Tư Mã Duệ bổ nhiệm cho làm quân Tư Tế tửu than thở nói: “Phong cảnh chẳng có gì đặc biệt, ngược mắt nhìn đã thấy sông nước khác hẳn”. Mọi người cùng đều có cảm giác như vậy, do đó họ đã nhìn nhau mà rơi lệ. Lúc đó Vương Đạo ngồi trong bàn tiệc nghiêm túc nói:

- Mọi người nên đồng tâm hiệp lực ủng hộ hoàng thất, khắc phục Thần châu. Tại sao lại nhìn nhau khóc lóc như bọn tù của nước Sở vậy?

Mọi người đều thối khóc, cảm tạ lời dạy bảo của Vương Đạo. Số người này được sự giáo dục của những người như Vương Đạo v.v... và sự thử

thách của thực tiễn đấu tranh, phần lớn đều đã trở nên kiên cường hăng hái.

## **KIẾN MINH HỌC NGHIỆP, HUẤN LUYỆN HẬU SINH**

Vương Đạo làm việc “hết sức thanh tịnh”, thường xuyên khuyên Tư Mã Duệ giữ mình, nghiêm chỉnh tiết kiệm. Do vậy, uy tín của ông ngày càng cao. Trong triều đình và ngoài dân chúng đều kính phục gọi ông là “Trọng phụ” - người cha thứ hai. Đối với Vương Đạo, Tư Mã Duệ cũng rất kính trọng, Tư Mã Duệ đã nói với ông rằng:

- Khanh chính là “Tiêu Hà” của ta đó!

Tháng 3 năm Thái Hưng nguyên niên (năm 317) Tư Mã Duệ chính thức lên ngôi hoàng đế, ra lệnh cho Vương Đạo thăng ngự sàng cùng ngôi. Vương Đạo chối từ, nói:

- Nếu mặt trời xuống cùng vạn vật thì dân chúng còn biết ngưỡng vọng vào đâu?

Tư Mã Duệ đã dùng Vương Đạo làm thừa tướng. Vương Đạo có ý chí phò tá Tấn Nguyên Đế Tư Mã Viêm thống nhất Trung Quốc. Ông cho rằng muốn thành tựu công việc Trung hưng thì cần phải nắm vững giáo dục “kiên minh học nghiệp, di huấn hậu sinh” - xây dựng trường học để dạy dỗ con trẻ. Do đó ông đã kiến nghị với Tấn Nguyên Đế, rằng:

- Kể từ khi hoàng cường thống nhất, những tiếng khen ngợi chẳng còn, đến nay đã được gần hai kỷ rồi (một kỷ bằng mười hai năm). Chuyện nói rằng:

“Ba năm không làm lễ, lễ tất hoại. Ba năm không làm nhạc, nhạc tất hỏng”, huống hồ đã qua thời gian lâu như thế? Hiện tại là người lớn quên mất dáng vái chào khiêm nhường, hậu sinh chỉ nghe thấy tiếng trống kim loại. Ngày nào cũng dấy động can qua, còn việc tế lễ thì không xây đắp. Đạo của tiên vương ngày càng xa, tục lệ xa hoa giả dối thì ngày càng phát triển. Điện hạ ngài dùng cái vốn của mệnh thế, lễ nhạc chinh phạt, mong muốn trung hưng nhà Tấn. Do vậy phải nên lấy việc kinh luân thời cổ, kiến

minh học nghiệp dĩ huấn hậu sinh, dần dần khiến cho dân chúng hiểu rõ được giáo nghĩa, khiến cho đạo văn võ được phục hưng, nghi thức tế lễ được sáng rõ. Hiện tại, bọn giặc Nhung làm loạn, quốc xỉ chưa được rửa sạch, cho nên các trung thần nghĩa phu đều vì vậy mà nắm tay thót tim. Nếu lễ nghi kiên cố, thuần phong rạn vỡ, lập tức có thể làm cho hoàng cương nổi lên nhanh chóng, dùng nghi lễ vái chào khiêm nhường để phục tử Di, sẽ ung dung khiến cho thiên hạ quy theo. Việc xưng bá của Hoàn, Văn đều là dạy trước rồi đánh sau cả. Ngày nay nếu tuân theo điển lễ trước kia, phục hưng giáo dục, tuyển chọn các đệ tử ở trong triều nhập học, dùng các bậc trí thức có tu lễ hiểu biết rộng làm thầy, hóa thành tục định. Thế thì không còn việc làm nào tốt đẹp hơn việc này được nữa.

Tấn Nguyên Đế hiểu sâu lời nghị luận này, liền sử dụng biện pháp phục hưng giáo dục, khiến cho nền văn hóa Giang Nam được phát triển, đã có tác dụng tích cực đối với việc ổn định chính quyền Đông Tấn.

## **CÂN NHẮC LỢI HẠI, TẬN TRUNG VỚI NGUYÊN ĐẾ**

Khi Tư Mã Duệ lên ngôi, Vương Đôn với Vương Đạo đồng tâm hiệp lực ủng hộ Tư Mã Duệ. Tư Mã Duệ cũng rất tín nhiệm họ, phong Vương Đôn làm đại tướng quân Kinh Châu Mục; phong Vương Đạo làm Thừa tướng, Phiêu kỵ đại tướng quân, nghi thức khai phủ giống Tam Ty. Vương Đôn phụ trách các công việc chinh chiến thảo phạt, Vương Đạo phụ trách việc xử lý các sự vụ chính quyền. Các đệ tử của họ Vương cũng đều được hiển hách. Lúc đó người ta gọi “Vương và Mã cùng chung thiên hạ”. Về sau Vương Đôn tự cậy thế lực của tông tộc cường thịnh, làm việc độc đoán chuyên quyền, không còn coi Tư Mã Duệ ở trong tim nữa. Tư Mã Duệ lo sợ đại quyền bị tước đoạt, do đó đã trọng dụng Lưu Ngụy, Điều Hiệp v.v... làm tâm phúc, lấy đó ức chế quyền hành của anh em họ Vương. Vương Đạo đã dần dần bị Tư Mã Duệ xa lánh. Vương Đôn càng bức tức bất bình. Lưu Ngụy đã bày cho Tư Mã Duệ một mẹo: cử những người tâm phúc đi trấn giữ các nơi để kiềm chế Vương Đôn ngồi trấn giữ Vũ Xương (Vũ

Xương Hồ Bắc ngày nay). Lúc này Vương Đôn đã cử Tuyên Thành Nội sử ra làm Thích sử Tương Châu; Tư Mã Duệ không chuẩn y, mà lại bổ nhiệm người chú họ là Tư Mã Thừa làm Thích sử Tương Châu. Vương Đôn căm giận trong lòng, liền quyết định đích thân không chế triều đình. Tháng giêng Vĩnh Xương nguyên niên, Vương Đôn cất quân từ Vũ Xương, lấy danh nghĩa là đánh dẹp Lưu Ngụy, Điều Hiệp, tiến quân vào Kiến Khang. Tư Mã Duệ cũng cất quân trừ bọn phản nghịch.

Vương Đôn cất quân chống Tấn, đã đặt ra một vấn đề khó khăn cho Vương Đạo, đó là ủng hộ Vương Đôn hay ủng hộ Tư Mã Duệ. Vương Đạo cũng đã cảm thấy rõ ràng Tư Mã Duệ không còn tín nhiệm mình nữa. Nếu ủng hộ Tư Mã Duệ đánh lại Vương Đôn, liệu có thể phục hồi được tín nhiệm hay không? Điều đó vẫn còn là một ẩn số. Vương Đạo hiểu rất rõ phẩm cách ngang tàng ương hươg của Vương Đôn, cảm thấy ủng hộ Vương Đôn thì lý tưởng “làm việc hết sức thanh tịnh” của mình cũng chưa chắc đã có thể thực hiện được. Trong hai điều này, Vương Đạo đã cân nhắc nhiều lần, cuối cùng đã quyết tâm không nghĩ gì đến tông tộc, tiếp tục ủng hộ Tư Mã Duệ. Do vậy ông đã dẫn đầu các anh em trong họ Trung lĩnh quân Vương Tuy, Tả vệ tướng quân Vương Dị, Thị trung Vương Khả, Vương Lâm và các người trong họ tổng cộng hơn hai chục người, sáng sớm mỗi ngày đều tới trước cửa hoàng cung “đợi tội”, còn thỉnh cầu Chu Khải nói tình ở trước mặt Tư Mã Duệ. Chu Khải đã thuyết phục Tư Mã Duệ, nói rằng Vương Đạo trung thành, Tư Mã Duệ liền ra lệnh trao trả triều phục cho Vương Đạo, rồi triệu kiến ca tụng ông là “Đại nghĩa diệt thân”, biểu thị rất tin tưởng không nghi ngờ gì ông cả, còn bổ nhiệm cho ông làm tiên phong Đại đô đốc. Tháng 11 Nguyên Xương nguyên niên (năm 322), Tư Mã Duệ tạ thế còn di chiếu cho Vương Đạo phò chính. Thái Ninh nhị niên (năm 324) Vương Đạo phò tá Tấn Minh Đế Tư Mã Chiêu bình định bọn phản loạn Vương Đôn có công, được nhận phong thưởng.

**MẮT NHÌN TOÀN CỤC,**

**CẢN TRỞ DỜI ĐỒ**

Khi Tấn Thành Đế Tư Mã Diễn kế vị chỉ mới lên 5 tuổi. Vương Đạo tuy làm tư đồ, nhưng tuổi tác đã gần lục tuần, không còn muốn tham dự việc triều chính nữa. Đại quyền triều đình đã rơi vào trong tay những người như Trung thư lệnh Dũ Lượng v.v... Dũ Lượng xử lý việc triều chính “rất mất lòng dân”, thường xuyên gây ra xích mích rắc rối. Dĩ cho rằng, Nội sử Tô Tuấn dùng binh trên vạn, đóng giữ ở Lịch Dương (huyện Hòa tỉnh An Huy ngày nay), cuối cùng đã gây ra loạn họa, do đó muốn ra lệnh triệu gọi Tô Tuấn trở về Kiến Khang, để tước bỏ binh quyền của hắn. Vương Đạo không đồng ý làm như vậy, ông nói:

- Tô Tuấn nghi ngờ nguy hiểm, tất sẽ không phụng chiếu. Chi bằng tạm thời nhẫn nại, quan sát thử xem.

Quang Lục đại phu Biện Hồ cũng không đồng ý vội vã giải trừ binh quyền của Tô Tuấn. Thế nhưng Dũ Lượng cho rằng, thời gian càng dài thì càng khó có khả năng khống chế được Tô Tuấn, vẫn kiên trì giữ nguyên nghị luận, rồi hạ chiếu điều Tô Tuấn làm Đại Tư nông. Tô Tuấn không phụng chiếu, cất quân tiến thẳng về Kiến Khang. Tháng hai năm thứ ba Hàm Hòa (năm 328) đánh hạ Đài Thành (hoàng cung), Tư Mã Diễn trở thành bù nhìn của Tô Tuấn, Vương Đạo vẫn nhậm chức Tư đồ. Tô Tuấn chiếm giữ Kiến Khang được hơn một năm. Trong thời gian này, Vương Đạo tuy đã tận lực bảo vệ Tư Mã Diễn, thế nhưng bản thân mình cũng ở vào cảnh ngộ bị kìm kẹp.

Trong thời gian Tô Tuấn ở Kiến Khang, quân đội phóng túng, cướp bóc bừa bãi, đốt phá giết tróc hãm hiếp, không có tội ác nào chúng không làm. Hoàng cung trở thành đồng tro tàn, dân chúng chết chóc, chạy trốn đi hết. Kiến Khang đã trở thành bãi đất hoang phế. Sau khi bình định xong bọn phản loạn Tô Tuấn, một số quan đại thần chủ trương dời đô tới Dự Chương (Nam Xương Giang Tây ngày nay). Các hào môn Giang Nam thì chủ trương dời đô tới Cối Kê (vùng Thiệu Hưng Triết Giang ngày nay). Hai bên đều giữ luận điểm của mình, tranh luận mà không quyết được. Vương Đạo lại không chủ trương dời đô, ông đã phân tích tình hình lúc đó, nói với mọi người:

- Tôn Trọng Mưu, Lưu Huyền Đức đều nói “Kiến Khang là nhà của vua chúa”. Các đế vương thời cổ đều lấy phong kiệm làm điều kiện dời đô. Chỉ cần hết sức cố gắng tiết kiệm chi dùng thì còn lo gì tới sự điêu tàn tồi tệ. Nếu việc nông không xây đắp thì lạc thổ cũng biến thành đổ nát. Huống chi hiện tại bọn du khấu ở phương Bắc đang rình mò lén lút nhằm vào chỗ sơ hở của triều đình ta. Nếu triều đình ta tỏ ra suy yếu, hoặc giả dời đô tới Cối Kê, hoặc giả dời đô tới Dự Chương, điều đó e rằng không phải là kế hay. Hiện tại điều cần thiết nhất là phải thận trọng trấn tĩnh. Nếu không dời đô, tình hình dân chúng sẽ được yên ổn!

Những điều nghị luận này của Vương Đạo, suy nghĩ tương đối chu đáo, có sức thuyết phục. Do đó, mọi người đều đồng ý với mưu kế của ông, không còn ai nghị luận tới vấn đề dời đô nữa. Sau đó Kiến Khang đã từng bước khôi phục lại sự phồn vinh của ngày trước.

## **54. MỘ DUNG KHÁC**

### **LẤY TỈNH TRỊ QUỐC, DÙNG DỊU THẮNG ĐỊCH**

Mộ Dung Khác (năm sinh không rõ, mất năm 366) tự là Huyền Cung, người tộc Tiên Ti, là tướng lĩnh nổi tiếng và năng thần trị quốc của Tiền Yên thời kỳ 16 nước.

Đã từng đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như Phò quốc tướng quân, Thị Trung, Đại Tư Mã, Thái Tế v.v... Ông dũng cảm kiên bì, suốt đời Nam chinh Bắc chiến, dốc hết tinh lực trí tuệ, dùng mưu lược và lòng trung xuất sắc của mình, lập biết bao công lao to lớn vì sự phát đạt hưng vượng của Tiền Yên, ông đã có nhiều cống hiến kiệt xuất.

### **PHÒ TÁ CHA ANH, LẤY TRUNG LÀM GỐC**

Mộ Dung Khác là con thứ tư của Yên Vương Mộ Dung Hoảng. Từ nhỏ ông đã thông minh lanh lợi, trung hậu cẩn thận, rất được cha yêu quý cưng chiều. Lúc ông 15 tuổi, cha ông là Mộ Dung Hoảng đã thích nghe ông luận bàn rộng rãi các việc đại sự trong thiên hạ, rồi còn dạy dỗ binh pháp cho ông. Sau khi trưởng thành, đã nhiều lần theo cha đi chinh chiến, lúc lâm cơ đã có rất nhiều kế sách kỳ lạ. Năm 338, Hậu Triệu quốc là Vương Thạch Hồ đã dẫn mấy chục vạn quân lính kéo lên Bắc trừng phạt nước Yên, bước thẳng tới thủ đô nước Yên là Cức Thành (phía Tây huyện Nghĩa tỉnh Liêu Ninh ngày nay), tình huống vô cùng nguy nan. Mộ Dung Khác trẻ trung phụng mệnh cha dẫn hai ngàn kỵ binh kéo tới đánh quân Triệu. Để đánh địch lúc chúng không phòng bị, xuất phát lúc địch không để ý, Mộ Dung Khác chọn lúc tinh mơ sáng bắt đầu tấn công đánh địch. Quân Triệu bởi thiếu chuẩn bị tư tưởng, trước sự đột kích của quân Yên đã thất sắc kinh sợ, nhốn nháo vứt bỏ vũ khí chạy trốn. Mộ Dung Khác thừa thắng truy kích,

chém chết hơn một vạn tên địch, từ đó đã khiến cho nước Yên từ nguy chuyển thành an. Tháng 12 cùng năm, Thạch Hổ lại cử Chinh Đông tướng quân của hãn là Ma Thu dẫn ba vạn quân kéo tới núi Mật Vân, tiếp ứng cho Đoàn Liêu trá xưng muốn hàng. Mộ Dung Khác dẫn bảy ngàn tinh kỵ mai phục ở trong núi Mật Vân, lại đánh bại quân Triệu, còn bắt sống được Tư Mã Dương Dự, tướng quân Tiên Vu Lượng, đả kích rất mạnh mẽ vào khí thế của Hậu Triệu. Năm 345, Mộ Dung Khác dẫn quân tiến đánh Cao Cú Lệ nhiều lần xâm phạm biên cương nước Yên, hạ được Nam Tô của chúng, sắp đặt xong rồi về. Năm 346, ông đã cùng người anh dẫn bảy ngàn quân kỵ tập kích Phu Dự, bắt sống quốc vương và hơn năm vạn dân chúng, ca khúc khải hoàn rồi về.

Tháng 8 năm thứ tư Vĩnh Hòa Tiền Tấn (năm 348), Mộ Dung Hoảng bị bệnh nặng, triệu thế tử Mộ Dung Tuyên tới trước giường căn dặn:

- Ngày nay Trung Nguyên chưa bình định được, đang cần các bậc hiền kiệt quản lý công việc đất nước. Em trai Mộ Dung Khác của con trí dũng song toàn, con nên uỷ thác cho em nó trách nhiệm nặng nề để hoàn thành ý chí của cha.

Tháng chín cùng năm Mộ Dung Hoảng qua đời. Sau khi Mộ Dung Tuyên kế vị, căn cứ vào lời di nguyện của cha đã bổ nhiệm cho Mộ Dung Khác làm phò quốc tướng quân, gặp việc gì cũng đều bàn bạc kỹ lưỡng. Mộ Dung Khác cũng lấy đại cục làm trọng, không kể gì tới danh vị của cá nhân, đã trung thành tuyệt đối với người anh trong các chiến dịch diệt Triệu và phạt Tấn,

Mộ Dung Khác không né tránh gian nan nguy hiểm, đích thân tới đánh Trung Sơn, hãm Lạc Dương, chiếm Quảng Cố, đã lập được rất nhiều chiến công lừng lẫy, mở rộng được một vùng biên cương rộng lớn.

## **GIÚP ĐỠ ẦU CHÚA, LẤY TỈNH TRỊ QUỐC**

Năm 359, Yến chủ Mộ Dung Tuyên trước khi lâm chung đã nói với Mộ Dung Khác:



- Ta chết cũng chẳng có gì ân hận. Có điều là hai kẻ kình địch Tấn, Tần còn tồn tại mà Thái tử Mộ Dung Vĩ tuổi còn ấu thơ, ta lo lắng rằng nó không thể gánh vác nổi nhiệm vụ nặng nề cai trị đất nước. Do đó, ta muốn trao truyền ngôi vua cho em đó.

Mộ Dung Khác nói:

- Thái tử tuy tuổi còn thơ ấu thế nhưng bẩm tính thông minh, tất có thể thừa sức đảm nhiệm được công việc, tuyệt đối không thể làm rối loạn chính thống truyền ngôi cho con của tổ tiên để lại.

Mộ Dung Tuyên nói:

- Giữa hai anh em chúng ta, em chớ có cho rằng đây là tình hư ý giả của anh!

Mộ Dung Khác nói:

- Nếu bệ hạ cho rằng thần có thể đảm nhận được nhiệm vụ nặng nề cai trị thiên hạ, thần sao có thể không phò tá thiếu chủ được.

Mộ Dung Tuyên nói:

- Em có thể làm Chu Công được, anh chẳng còn điều gì phải lo lắng nữa.

Không lâu, Mộ Dung Tuyên qua đời, các quần thần cũng muốn ủng hộ Mộ Dung Khác kế thừa vương vị. Thế nhưng, Mộ Dung Khác vẫn không đồng ý. Ông nói:

- Nước có vua dự trữ, không thể làm loạn chính thống được. Làm quốc vương không phải là chí tiết của ta.

Tức thì, Mộ Dung Vĩ mới 11 tuổi đã kế nhiệm Yên Vương, còn Mộ Dung Khác đảm nhiệm chức Thái tử, tổng chỉ huy việc triều chính. Thái sư Mộ Dư Căn tự cậy có công cũ với tiên triều, vẫn giữ lòng vô thượng, để đục nước mò cá, thừa cơ làm điều thị phi ở khắp mọi nơi. Đầu tiên Mộ Dư Căn khuyên Mộ Dung Khác phế bỏ thiếu chủ mà tự lập, sau khi vấp phải sự quở trách dạy bảo của Mộ Dung Khác, hăn lại tới trước mặt Thái hậu và Thiếu chủ Mộ Dung Vĩ nói Mộ Dung Khác có mưu đồ tạo phản, thỉnh cầu

dẫn cấm quân tới bắt giết Mộ Dung Khác. Vì sự an ninh của đất nước, Mộ Dung Khác không thể không giết chết Mộ Dư Căn và bè lũ của hắn ở trong ngục cấm. Do tân chủ vừa mới được lập và trọng thần của tiên triều bị giết, mọi người ở trong triều và ngoài xã hội không hiểu rõ đầu đuôi đã xôn xao nghị luận, thậm chí đã xuất hiện một số mầm mống bất ổn định. Thế nhưng cử chỉ của Mộ Dung Khác vẫn như thường, nét mặt vẫn không biến sắc, việc ra vào thường ngày vẫn chỉ để cho một số người theo hầu. Có người khuyên ông nên đề phòng bất trắc, tăng thêm người hộ tống, ông nói:

- Trước mắt dân tình lo sợ, đang đòi hỏi dùng sự trấn tĩnh để yên định lòng dân, đâu có thể tự làm ra kinh hãi, khiến cho dân chúng mất đi chỗ dựa?

Thái độ thâm trầm bình tĩnh của Mộ Dung Khác đã được mọi người tán thưởng, đã có tác dụng quan trọng đối với việc ổn định cục diện nước Yên.

Để vỗ yên lòng dân, ổn định cục diện chính trị, Mộ Dung Khác ngoài việc dẫn đầu gương mẫu, gặp biến bất kinh ra, còn sử dụng một loạt hệ thống biện pháp có sức mạnh:

- Thực hành việc đại xá, xét lại các án oan.

- Tăng cường biên phòng, bổ nhiệm Mộ Dung Thùy nổi tiếng uy nghiêm làm Chinh Nam đại tướng quân đôn đốc việc quân sự ở Hà Nam, còn cử hộ quân tướng quân là Truyền Nhan dẫn hai vạn kỵ binh điều võ dương uy ở giữa vùng Hoài Chuẩn, để trấn giữ uy hiếp quân địch, đã làm cho cư dân ở vùng biên giới nhìn thấy rõ trong triều đình vô sự.

Đoàn kết các triều thần. Mộ Dung Khác tuy vị trí đứng trên hàng đầu, thế nhưng đối với việc triều chính không hề chuyên quyền, gặp sự đều cùng bàn bạc với Thái phó Mộ Dung Bình. Đối với các quan đại thần khác cũng chú ý lắng nghe những ý kiến của họ, biết chọn lọc những điều tốt để làm theo. Phát hiện những quan chức có sai sót, nói chung không vội vàng xử trí, mà còn cố hết sức để cho họ tự sửa chữa lỗi lầm. Kiên quyết đả kích bọn xấu. Lúc đó có một phương sĩ tên gọi là Đinh Tiến, rất được Mộ Dung Vĩ sủng ái. Thế nhưng con người này có tâm thuật bất chính. Để làm vui

lòng Mộ Dung Khác, hãn bổng nhiên vô cớ khuyên Mộ Dung Khác giết chết quan Thái phó Mộ Dung Bình. Mộ Dung Khác vô cùng bức tức đối với loại tiểu nhân gây ly gián chia rẽ này, ông đã lập tức tấu thỉnh Yên chủ đem Đinh Tiến ra chém đầu.

Đối với ba đời tổ tông, Mộ Dung Hoảng, Mộ Dung Tuyên và Mộ Dung Vĩ, Mộ Dung Khác đều tỏ ra trung thành tuyệt đối. Khác đã giữ hết trách nhiệm, trước khi lâm chung ông vẫn không quên tiến cử người thay mình. Năm 367, trong lúc bệnh trọng hiểm nghèo, Mộ Dung Khác nói với Yên chủ Mộ Dung Vĩ rằng:

- Tài năng của Ngô Vương Mộ Dung Thùy làm tướng giỏi hơn thần gấp mười lần. Tiên đế đã dùng thứ tự lớn bé nên thần đã được dùng trước. Sau khi thần chết xin bệ hạ trị quốc hãy nghe theo Ngô Vương.

Ông còn căn dặn anh em Mộ Dung Vĩ, sau khi ông chết phải đem chức đại tư mã truyền cho Mộ Dung Thùy không được tranh đoạt chức vị này với ông ta, bởi vì sự an nguy của đất nước rất có quan hệ tới việc này. Điều đáng tiếc là, sau khi Mộ Dung Khác chết đi, Yên chủ Mộ Dung Vĩ không những không trọng dụng Mộ Dung Thùy, trái lại đã bức ông phải chạy trốn ra nước ngoài. Kết quả là không lâu sau nước Yên đã bước vào con đường suy vong.

Mộ Dung Khác ra nhậm chức Thái tử từ năm 360 đến năm 367 thì ốm chết, trước sau chỉ nhiếp chính được 7 năm. Trong thời gian này, ông đã lấy tinh trị quốc quản lý triều chính rất ổn định nền nếp, đã khiến cho nước Yên xuất hiện cục diện hưng vượng chưa từng thấy. Văn trị vũ công của ông từ xưa tới nay đã được mọi người đánh giá rất cao. Một mưu thần nổi tiếng thời Bắc Ngụy là Thôi Hạo đã từng nói: “Việc phò ấu chủ của Khác, bổng đã làm ngời sáng cho Vĩ vậy!”.

## **THƯƠNG TIẾT BINH SĨ,**

## **DÙNG DỊU THẮNG ĐỊCH**

Mộ Dung Khác từng trải qua trăm trận đánh, đích thân chỉ huy qua rất nhiều chiến dịch quan trọng. Mỗi lần lâm chiến, ông đều có thể bình tĩnh

phân tích tình hình khách quan, dự tính chính xác sự đối chiếu so sánh lực lượng ta địch, tuyển chọn xác định chiến thuật, chiến lược. Để giảm bớt thương vong, ông rất giỏi dùng kế đánh địch, lấy dụ giành thắng. Mùa đông năm 355, Mộ Dung Khác đến Quảng Cố (Ích Đô Sơn Đông ngày nay) để chinh phạt Đoạn Kham ở gần Đông Tấn. Lúc đầu, Mộ Dung Khác chỉ cử một số ít quân Yên quan sát động tĩnh của Đoạn Kham ở Tế Thủy. Sau khi phát hiện quân địch không lợi dụng Tế Thủy để tiến hành phòng ngự, ông liền huy động quân vượt qua sông vào tháng giêng năm sau, tiến thẳng vào Quảng Cố. Đoạn Kham dẫn ba vạn quân ra ngoài thành một trăm dặm để nghênh chiến với Mộ Dung Khác, kết quả chuốc lấy đại bại, em trai hắn là Đoạn Khâm đã bị quân Yên bắt sống. Tức thì, Mộ Dung Khác dẫn quân tiến đến bao vây Quảng Cố, rồi cử người chiêu dụ trưởng quan các quận huyện do Đoạn Kham khống chế. Thích sử Từ Châu là Tuân Tiễn được Đông Tấn cử đến cứu viện Đoạn Kham, vì sợ hãi quân Yên hành quân đến Lang Nha (phía Tây Lâm Nghi Sơn Đông ngày nay) liền đứng trông không tiến nữa. Tháng 11 cùng năm, các tướng lĩnh quân Yên nhìn thấy Mộ Dung Khác chỉ bao vây Quảng Cố mà không đánh, liền hăng hái yêu cầu hạ lệnh đánh thành. Mộ Dung Khác nói:

- Thế dùng binh, có người thích hòa dụ, có người thích võ. Nếu thế ta địch cân bằng, mà quân địch có viện trợ mạnh, ta có nỗi lo ở sau lưng, thì thế đánh không thể không vội vã. Nếu ta mạnh địch yếu, địch không có ngoại viện, sức ta đủ để thắng địch thì ta cứ bao vây giữ chặt để đợi chúng chết. Binh pháp nói vây mười đánh năm là như vậy đó. Hiện tại quân của Đoạn Kham còn đông, hơn nữa quân lính chưa ly tâm. Mặc dù quân địch trên dưới một lòng, dựa vào sự phòng thủ kiên cố, nếu ta mang hết sức đánh chúng, dự tính trong mấy ngày cũng có thể hạ được, thế nhưng chúng sẽ giết chết khá nhiều binh lính của ta. Từ khi có việc ở Trung Nguyên, quân lính không được nghỉ ngơi, mỗi khi ta nghĩ đến, đêm không sao ngủ được, làm sao để con số chết ít đi? Nếu muốn làm được điều đó bất tất phải cầu lấy việc đánh nhanh!

Sau khi các tướng lĩnh nghe xong ai nấy đều thán phục sâu sắc. Thế rồi lời nói của Mộ Dung Khác truyền tới trong quân, ai nấy đều cảm kích phấn khởi, tình cảm chứa chan xúc động. Kết quả không vượt ra ngoài dự liệu của Mộ Dung Khác, tháng 11 năm đó, Đoạn Kham cuối cùng vì lương hết lực kiệt mà phải đầu hàng Yên.

Mộ Dung Khác giỏi dùng khoan dụ để đánh địch không chỉ biểu lộ ở một ví dụ này. Năm 361, sau khi Thái thú Hà Nội của nước Yên là Lữ Hộ phản bội Yên theo Tấn, Mộ Dung Khác dẫn năm vạn quân kéo đi đánh. Quân Yên tiến đến Dã Vương (huyện Tầm Dương Hà Nam ngày nay). Lữ Hộ giữ chắc trong thành, Mộ Dung Khác hạ lệnh bao vây. Bộ tướng là Truyền Nhan yêu cầu đốc toàn lực lượng nhanh chóng đánh thành, để tránh kéo dài thời gian, hao phí quân tư, Mộ Dung Khác nói:

- Lữ Hộ lão mưu thâm toán, từng trải nhiều cuộc biến dâu, từ tình hình phòng thủ của hắn mà xét, nhất thời khó có thể đánh thẳng được. Nếu phát động tấn công mạnh, các tướng sĩ quân ta sẽ chết và bị thương rất nhiều. Ngày nay kẻ địch bên trong không có lương dự trữ, bên ngoài không có lính cứu viện, chỉ cần quân ta một mặt lũy cao hào sâu, tăng cường vây khốn, một mặt cho quân lính nghỉ ngơi, ly gián với bọn chúng, như vậy không quá mười tuần, tất có thể đánh hạ được. Hà tất phải đánh nhanh trong một sớm một chiều mà tổn thương nhiều tới binh sĩ?

Kết quả là với sự bao vây nghiêm ngặt của quân Yên, sau mấy tháng, trong thành Dã Vương lương thực cạn, Lữ Hộ dẫn quân đội đột phá vòng vây, đại bộ phận bị tiêu diệt, Lữ Hộ chỉ dẫn được một số ít thân tín chạy trốn tới Vinh Dương.

Mộ Dung Khác giỏi lấy dụ thắng địch, thế nhưng không phải là ông chỉ dùng dụ một cách mù quáng không phân rõ trắng đỏ xanh vàng, khi tình thế đòi hỏi cũng có thể dùng gập thẳng địch. Năm 352, Mộ Dung Khác phụng mệnh dẫn quân đi phạt Ngụy, gặp địch ở Ngụy Xương (huyện Vô Cực, tỉnh Hà Bắc ngày nay). Bởi quân Ngụy phần lớn là bộ binh, quân Yên phần lớn là kỵ binh. Ngụy Chủ là Nhiễm Mẫn muốn dùng thế mạnh của bộ

binh đánh vào chỗ yếu của kỵ binh, liền di chuyển trận địa vào trong rừng rậm rồi sẽ giao chiến với quân Yên. Mộ Dung Khác nhìn thấy được tình thế này, liền tiếp thu kiến nghị của tham quân Cao Khai, cử kỵ binh kéo tới chặn đánh, còn ra lệnh cho lính giả vờ thua, dụ cho quân địch đuổi theo tới bình nguyên thì đón đánh. Đồng thời Mộ Dung Khác chia quân Yên ra thành ba đường theo góc hỗ trợ nhau, tự dân quân chủ lực đi giữa, hai cánh quân kia ở hai bên phải trái. Nhiễm Mẫn hữu dũng vô mưu, dẫn quân khinh tiến. Hãn nhìn thấy một lá cờ to biết là chỗ đóng quân của chủ tướng Yên quân, liền huy động quân xông thẳng vào đánh mạnh. Kết quả là cả ba đường tiến quân của quân Yên cùng phát động tấn công, chỉ một trận là đánh tan quân Ngụy. Nhiễm Mẫn nhìn thấy tình thế bất lợi, đột phá vòng vây chạy trốn, kết quả là đã bị bắt. Trong khi tác chiến Mộ Dung Khác quý mến tiếc thương tính mệnh của binh sĩ, lúc bình thường ông cũng rất yêu quý đối với các bộ thuộc. Các sách lịch sử ca tụng những đặc điểm quân của Mộ Dung Khác là: “Không thích uy nghiêm chuyên dùng ân tín. Võ về binh lính là điều quan trọng nhất, không dùng mệnh lệnh hà khắc, khiến cho mọi người đều được bình yên. Lúc thường khoan dung cởi mở ở trong quân, tựa như có thể xâm phạm được, thế nhưng có sự cảnh giới rất nghiêm mật, kẻ địch không thể tới gần được, cho nên ông chưa hề bị thất bại”.

## 55. TẠ AN

### **DUNG HÒA TĨNH ĐỂ GIỮ, LẤY TÍNH XA ĐỂ CHỐNG**

Tạ An (sinh năm 320, mất năm 385), tự là An Thạch, người Hạ Dương, quận Trần (Thái Khang tỉnh Hà Nam ngày nay) là kẻ sĩ thời Đông Tấn, là chính trị gia nổi tiếng. Cha của ông là Tạ Phù, làm quan tới chức Thái Thường Khanh. Người anh là Tạ Thượng từng làm An Tây tướng quân, Thượng thư Bộc xạ. Lúc Tạ An lên bốn tuổi, Hoàn Di quận Tiều gặp đã phải thốt lên:

“Đứa trẻ này phong thần thấu triệt, về sau sẽ làm chức không kém vua Đông Hải”, khi lớn lên “thần thức thông minh, phong độ đường hoàng, giỏi sách vở chữ nghĩa” thường xuyên đàm luận cổ kim với nhà thư pháp Vương Hi Chi nổi tiếng, lại thường du sơn văn thủy, tha thiết với thơ nghệ.

Khi còn trẻ Tạ An không thích ra làm quan, Lại bộ thượng thư Phạm Ưng cử Tạ An làm Lại bộ lang, ông đã “dâng thư cự tuyệt”. Về sau, người em trai của ông là Tây Trung lang tướng Tạ Vạn bị phế truất, Tạ An mới có ý theo nghề làm quan, rồi từ Cối Kê (Thiệu Hưng, Triết Giang ngày nay) xuất sơn, “năm đó ông đã hơn bốn chục tuổi rồi”. Thành ngữ “Đông Sơn tái khởi” bắt đầu có từ chuyện này. Sau đó ông nhậm chức Tư mã ở dưới trướng Chinh Tây đại tướng quân Hoàn Ôn, rồi được thăng chức lên làm Lại bộ Thượng thư, Trung hộ quân, Thượng thư bộc xạ, Trung thư sự, cuối cùng giữ chức Tế tướng. Ông là con người thận trọng, những tư tưởng mưu lược của ông đã có những cống hiến quan trọng, lớn lao cho việc trung hưng và bảo vệ Đông Tấn.

**CÓ TÀI HIẾU RỘNG, GAN DẠ,  
NGĂN CHẶN THOÁN NGHỊCH**

Nhà Đông Tấn được xây dựng từ năm 317 rồi sau đó không ngớt lo trong sợ ngoài, đến thời Tấn Phế Đế Tư Mã Dịch, Hoàn Ôn chuyên quyền, hẳn cùng hợp mưu với Tham quân Hi Siêu, tung ra tin đồn cường bức Phế Đế hạ đài. Hẳn ngoài mặt ủng hộ lập Cối Kê Vương Dục kế vị, nhưng thực sự lại muốn bức Vương Dục nhường ngôi cho mình. Tức thì, Đông Tấn sa vào nguy cơ bị cướp quyền. Lúc này Tạ An từ Ngô Hưng Thái thú vào làm Thị trung, đối với những hành động của Hoàn Ôn, ông tỏ ra vô cùng bất bình, bèn liên hợp với Tả vệ tướng quân Vương Thản Chi để chu toàn việc này. Khi ông vào làm Thị trung, từ xa nhìn thấy Hoàn Ôn đã lập tức cúi xuống vái chào. Hoàn Ôn kinh sợ nói:

- Tạ An, tại sao lại làm như vậy?

Tạ An cười trả lời:

- Vua chẳng được vái trước, thần có lẽ nào lại dám chấp tay vái sau hay sao?

Hoàn Ôn biết Tạ An đang có ý mĩa mai chế giễu mình, thế nhưng từ trước hẳn vẫn tôn trọng danh của Tạ An, nên chưa dám làm gì. Tạ An lòng dạ khoan dung mở rộng, biết co biết duỗi, để cân nhắc đánh giá Hoàn Ôn, ông thường xuyên chịu nhún để giữ lấy cái lớn hơn. Hoàn Ôn thường trú ở Cô Thục (bên trong huyện Đường Đỗ An Huy ngày nay), sau khi hẳn trở về đã để lại tâm phúc là Hi Siêu làm Trung thư thị lang ở đô thành Kiến Khang (thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô ngày nay). Hi Siêu danh nghĩa là vào xây dựng cung đình, nhưng thực là vào do thám việc triều chính. Giản Văn Đế đối với hẳn vô cùng sợ hãi. Một lần Tạ An và Vương Thản Chi tới viếng thăm Hi Siêu, nhìn thấy xe ngựa ra vào ở cửa nhà Hi Siêu, liên tục không ngớt, họ chờ tới lúc mặt trời lặn, mà vẫn không được tiếp đãi. Vương Thản Chi chờ tới mức không thể chịu đựng được nữa, muốn bỏ đi, Tạ An nói:

- Ông không thể vì sự an toàn tính mạng của toàn gia mà nhẫn nại được một chút ư?



Thản Chi mới nhin nhục chờ đợi mãi tới khi trời tối mới được gặp Hi Siêu. Tạ An rất giỏi bình tĩnh xử lý các loại sự biến. Giản Văn Đế kể vị không lâu, dưới áp lực mạnh mẽ của Hoàn Ôn, tâm sự rất nặng nề “thường xuyên lo sợ bị phế truất”, ở ngôi chưa đầy một năm thân bị nhiễm bệnh nặng, chữa chạy thuốc men cũng vô hiệu. Trong lúc hấp hối, Giản Văn Đế một ngày phát liền ra bốn tờ chiếu, triệu Đại Tư mã Hoàn Ôn vào châu, rồi dưới áp lực tâm lý vô cùng to lớn, lập di chiếu sai Hoàn Ôn “Cư nhiếp chính sự theo Chu Công”. Còn nói: “Thiếu tử nếu có thể phò được thì tốt nhất, nếu không thể phò được thì khanh có thể tự giữ lấy”. Tờ chiếu này vấp phải sự cự tuyệt của Tạ An và Vương Thản Chi, do đó trước khi chết Giản Văn Đế vẫn chưa nhượng đế vị cho Hoàn Ôn. Hoàn Ôn vô cùng phẫn nộ, “liền kéo tới Sơn Lăng, dừng lại ở Tân Đình, bày quân bảo vệ, định dời Tấn Thất, gọi Tạ An và Vương Thản Chi tới, muốn hãm hại họ. Đối với việc vào kinh của Hoàn Ôn, mọi người đều đoán không phải là đến để phế ấu chúa, mà chính là để giết Vương, Tạ. Trong tình hình này, cung đình đã phát ra chiếu mệnh, bắt Vương và Tạ phải tới Tân Đình để nghênh đón Ôn. Sau khi Vương Thản Chi tiếp chiếu hoảng sợ mặt biến sắc tái xanh, trái lại, Tạ An vẫn cười nói như thường, bảo với các quan đồng liêu:

- Sự tồn vong của phúc nhà Tấn, chính là ở việc này đây.

Đối với việc này ông đã có sự chuẩn bị đầy đủ. Ông cho rằng Hoàn Ôn tuy thế lực lớn mạnh, thế nhưng dưới con mắt theo dõi chăm chú của mọi người, cũng không dám làm điều phản trắc lừa dối thiên hạ. Điều quan trọng là phải thận trọng bình tĩnh, hơn thế, còn phải áp đảo đối phương trên mặt tinh thần. Ông liền ra lệnh cho bách quan đi theo nghênh tiếp. Kịp lúc tới Tân Đình, nhìn thấy binh lính bảo vệ Hoàn Ôn đông như cây rừng, các quan lại có chút ít danh tiếng đều run sợ thất sắc. Vương Thản Chi càng hoảng sợ hơn, khi nhìn thấy Hoàn Ôn, sợ hãi quá cầm ngược tờ giấy trên tay mồ hôi trên lưng vã ra ướt đầm áo. Duy chỉ có Tạ An là ung dung bước vào không tỏ ra sợ sệt. Hoàn Ôn nhìn thấy thái độ của Tạ An khác người, bất giác trong lòng sinh ra bái phục. Tạ An đưa mắt nhìn một lượt, đã có chủ kiến, liền nói với Hoàn Ôn:

- An nghe nói chư hầu có đạo, canh giữ ở tứ lân, mình công hà tất phải đặt người ở sau tường?

Hoàn Ôn biết Tạ An đã có quan sát, liền nói:

- Sợ rằng có tốc biến, không làm thế không được.

Rồi lập tức hạ lệnh cho tất cả quân giáp sĩ bố trí ở màn sau và sau màn rút đi. Tạ và Ôn “cười nói vui vẻ” biến can qua thành ngọc lụa.

Hoàn Ôn thoán vị không thành, trong lòng không vui, cộng thêm việc tuổi tác đã cao, không lâu đã bị nóng lạnh đập vùi, sấm truyền không ngớt. Trong lúc bệnh nặng hẳn vẫn còn muốn hân hạnh được đón tiếp nhận việc tặng thưởng cửu phẩm, hơn thế còn sai người vào đô thỉnh cầu. Tạ An, Vương Thản Chi không dám cự tuyệt, thế nhưng biết rõ Ôn bị ốm nặng, liền cố ý kéo dài thời gian. Sứ giả của Ôn nhiều lần thúc giục, mới ra lệnh cho Lại bộ lang là Viên Hồng khởi thảo. Viên chỉ nhắc bút là xong, Tạ An lại ra lệnh cho Viên phải tu sửa nhiều lần “đầy tháng vẫn chưa thành”. Mãi tới khi Hoàn Ôn ốm chết rồi, cũng chưa viết xong, điều này đã hạn chế một cách có hiệu quả sự phát triển rộng rãi của thế lực họ Hoàn.

Do có sự dốc sức của Tạ An và Vương Thản Chi, lại biết dùng các loại phương thức hạn chế Hoàn Ôn mới có thể tiêu trừ được nguy cơ cướp ngôi, bảo vệ được nhà Tấn.

## **LO LIỆU TỪ TRƯỚC, YÊN TRONG PHÒNG NGOÀI**

Sau khi Hoàn Ôn chết, hoàng đế còn thơ ấu, công việc trong triều do Tạ An và Vương Thản Chi phò tá, không lâu Vương Thản Chi ra nhậm chức thích sử Từ Châu và Duyện Châu, hạ chiếu cho Tạ An kiêm chức Tổng Trung thư, cùng nắm giữ công việc triều chính với quan đại thần Vương Bửu Chi. Về sau, Tạ An được thăng lên chức Tế tướng. Lúc đầu Tạ An tham chính, hoàng đế mới có 10 tuổi, đại tộc phân tranh, chính cương hỗn loạn, kẻ địch mạnh rình rập biên cương, thư từ biên cương liên tục gửi về, trong lo ngoài sợ, trăm thứ đồ nát đang chờ đợi phục hưng. Tạ An biết rõ

rằng: “Người quân tử được yên không quên nguy, còn không quên mất, trị không quên loạn”, đó là đạo lý lúc yên lo khi nguy, ông đã sử dụng mấy biện pháp lớn quan trọng sau đây:

Trước tiên, mời Sùng Đức Thái hậu lâm triều nhiếp chính. Hoàn Ôn tuy đã chết, nhưng thế lực của gia tộc hắn ở trong triều đình còn lớn mạnh, lại đang nắm giữ binh quyền. Nếu không sử dụng biện pháp, còn có khả năng xuất hiện tình trạng chuyên quyền thoán nghịch của Hoàn Ôn. Tạ An cho rằng biện pháp tốt đẹp nhất là mời Thái hậu lâm triều. Chỉ có như vậy mới không dẫn tới đại quyền rơi vào tay người khác. Thế nhưng cách nghĩ mời Thái hậu lâm triều của ông đã vấp phải sự phản đối kịch liệt của các đại thần như Vương Bửu Chi v.v... họ cho rằng hoàng đế đã hơn mười tuổi, có thể thành hôn được rồi, trong tình hình này để cho Thái hậu lâm triều sẽ không có lợi cho việc “mở rộng Thánh đức”. Thế nhưng vì sự kiên trì của Tạ An, Sùng Đức Thái hậu cuối cùng đã lâm triều nhiếp chính, khiến cho đại quyền được nắm giữ chắc chắn trong tay hoàng tộc.

Sau nữa là đoàn kết triều thần, đồng tâm phò chính. Tạ An tính tình cởi mở phóng khoáng, là con người thẳng thắn đúng mực, lại hiểu được “vi chính dĩ đức thì như Bắc thần cư kỳ sở nhi chúng tinh cùng chi” - Lấy đạo đức để làm việc triều chính, cũng giống như ngôi sao Bắc đẩu chỉ ngôi ở chỗ của mình mà muôn vàn ngôi sao khác phải châu hầu ở xung quanh nó - đó là một đạo lý. Cho nên ông đã dốc lòng đối xử tốt với người, có uy tín rất cao. Lúc đó binh quyền đã nắm hết ở trong tay Thích sử Giang Châu là Hoàn Xung, em trai của Hoàn Ôn, do vì Tạ An thành tâm đối xử lại là người “vốn có uy tín cao”, Hoàn Xung liền muốn đem Dương Châu vùng đất chiến lược quan trọng đang thuộc về mình chiếm giữ nhường cho Tạ An, do Tạ An thống lĩnh. Cách làm của Hoàn Xung đã bị cả họ Hoàn phản đối kịch liệt, tham quân Hi Siêu của Hoàn Ôn cũng kiên quyết ngăn cản. Thế nhưng Hoàn Xung không nghe. Triều đình liền hạ chiếu cho Hoàn Xung đôn đốc các việc quân sự của năm châu Từ, Dự, Duyện, Thanh, Dương, đổi sang trấn giữ Kinh Khẩu, để cho Tạ An làm thích sử Dương Châu... Tạ An còn dâng thư gia phong cho “Tá mệnh công thần” cũ, khiến

cho rất nhiều lão thần, lão tướng cảm kích rơi lệ. Do Hoàn Xung và các tướng thần mới cũ dốc hết lòng trung ủng hộ Tạ An, hợp tác với ông, nên đã khiến cho nội bộ Đông Tấn đã xuất hiện cảnh tượng hòa mục từ trước tới nay chưa hề có.

Thứ ba, phái cử tướng soái, chinh đốn công việc phòng vệ. Nhà Đông Tấn do hai lần đại chiến phạt Tần, phạt Yên của Hoàn Ôn đều bị thất bại, lại vì mâu thuẫn nội bộ nổi lên khắp nơi, việc phòng bị biên cương, sông nước rất mỏng và yếu. Để đề phòng những mối họa chưa xảy ra, Tạ An đã phái cử lại các tướng soái, tăng cường xây dựng giang phòng, hơn thế còn chú trọng giáo dục tư tưởng yêu nước, lấy việc gia cố giang phòng để bồi dưỡng hàng loạt các vị tướng soái có lòng trung thành với triều đình nhà Tấn. Ví dụ như tướng Tấn là Chu Tự, tuy ít không thể thắng được nhiều đã bị Tần bắt sống, thế nhưng lòng luôn hướng về Tấn, Phù Kiên cử ông tới Tấn khuyên hàng, trái lại ông đã đem thực lực, bố trí quân sự, những nhược điểm của quân Tần nói cho quân Tấn biết, rồi kiến nghị Tạ Thanh, Tạ Huyền thừa lúc đại quân địch chưa tập trung nhanh chóng xuất kích, đánh bại quân tiên phong của chúng, đoạt lấy sĩ khí của chúng, đập tan được kế hoạch của quân Tần. Trong giờ khắc mấu chốt quyết chiến ở Phì Thủy, ông lại triệu tập các bạn khác, lớn tiếng gào thét ở sau lưng quân Tần: “Quân Tần bại rồi!”, khiến cho quân Tần tự quấy đảo lẫn nhau, toàn tuyến vỡ tan, quân Tấn đã giành được thắng lợi lớn chưa từng thấy, đã xoay chuyển được cục diện bị động, ổn định được tình thế ở Giang Nam.

Thứ tư, phát triển sản xuất, chấn hưng kinh tế. Do nhiều năm chiến sự liên miên, đại tộc bóc lột tàn khốc, cộng thêm việc “đại hạn nhiều năm” , Giang Nam giàu có phì nhiêu mà nền kinh tế đã vô cùng suy yếu, đời sống của dân chúng vô cùng gian nan. Tạ An liền đốc thúc quan lại các cấp ra sức phát triển kinh tế, giảm bớt những đóng góp nặng nề cho nhân dân, khiến cho nền kinh tế Giang Nam có chuyển biến tốt mau chóng. Đồng thời với việc phát triển kinh tế, việc phát triển văn hóa giáo dục, tu sửa các cung thất đã bị phá nát, khiến cho trong ngoài kinh thành đã có bộ mặt đổi mới.

Do Tạ An “dùng hòa tính để giữ, lấy tính dài để chống” đã khiến cho “đức hạnh đã hành, văn võ dụng mệnh”, các phương diện đều đã giành được sự phát triển mạnh mẽ.

## **TIN DÙNG NGƯỜI TÀI, ĐÁNH BẠI QUÂN TẦN**

Trong thời gian Tạ An cầm quyền chính, nước Tần ở phương Bắc đã phát triển tới thời kỳ đỉnh thịnh. Sau khi Tần chủ Phù Kiên thống nhất được phương Bắc, liền chờ thời cơ kinh lược Giang Nam, thống nhất Trung Quốc.

Tuy Tạ An đã nhanh chóng sử dụng biện pháp chinh đốn công việc phòng bị, thế nhưng vì quân Tần lớn mạnh “chiến trường biên cương nhiều địch, các tướng liên tục bị thất bại phải rút lui”, ông liền phái cử em trai là Tạ Thạch và con của người anh là Tạ Huyền ra ứng chiến đánh địch. Kết quả là đã “đánh thắng tại chỗ”. Lúc đó quân Tần đã có gần ba chục vạn kỵ binh, sáu bảy chục vạn bộ binh, đã chiếm cứ toàn bộ lưu vực Hoàng Hà và vùng thượng du Giang, Hán. Vô luận là thực lực quân sự, địa vực quân sự đem so sánh với Đông Tấn, đều chiếm ưu thế tuyệt đối. Để bảo vệ Giang Nam, năm thứ hai Hiếu Vũ Đế Thái Nguyên (năm 377) đã ban chiếu trưng tuyển văn thần võ tướng có thể trấn ngự được phương Bắc. Tạ An đã “vi chúng cử thân” ra sức tiến cử Tạ Huyền. Năm đó Tạ Huyền đã 34 tuổi, rất nhiều triều thần không hiểu biết ông, cho nên đã nghị luận tương đối nhiều. Thế nhưng Tạ An rất tín nhiệm đối với Tạ Huyền, tin tưởng rằng Tạ Huyền nhất định có thể đảm nhận nhiệm vụ to lớn cho nên ông đã kiên trì tiến cử. Tham quân của Hoàn Ôn là Hi Siêu lúc đó bất hòa với Tạ An, Tạ Huyền thế nhưng hẳn đã cùng cộng sự với Tạ Huyền ở dưới phủ Hoàn Ôn, đã hiểu được Tạ Huyền, cho nên rất kính phục đối với sự tiến cử này của Tạ An. Hi Siêu nói:

- Sự sáng suốt của Tạ An là ở chỗ biết “vi chúng cử thân” - tiến cử người thân khác hẳn với quần chúng; cái tài của Tạ Huyền là ở chỗ đủ để không phụ với sự tiến cử của mình - Do sự tiến cử của Tạ An, Tạ Huyền được

phong làm Kiến vũ tướng quân, Duyệt châu thích sử, Quảng Lăng tướng, phụ trách việc phòng bị phía Bắc Trường Giang và các việc chinh phạt.

Sau khi Tạ Huyền nhậm chức, đóng quân ở Quảng Lăng (Dương Châu Giang Tô ngày nay) chiêu mộ dũng sĩ ở nơi đó, tăng cường huấn luyện, đã tổ chức một đội tân quân - “Bắc phủ binh”, có sức chiến đấu rất mạnh. Đội tân quân này đã lập được nhiều chiến công trong việc chống đánh quân Tần, đặc biệt là đã giải vây cho Bành Thành, phá địch ở Tam A khiến cho Phù Kiên xấu hổ mà sinh ra giận dữ. Năm thứ tám Tấn Hiếu Vũ Đế Thái Nguyên (năm 383), Phù Kiên phát động chín mươi vạn quân, hiệu xưng là Bách vạn, chia làm ba đường Trung, Tây, Đông tiến quân vào Đông Tấn, mở ra một cuộc chiến Tần Tấn với quy mô rất rộng lớn.

Quân Tần kéo tới khí thế hung mãnh, triều đình Đông Tấn vô cùng kinh sợ. Triều đình ra lệnh cho Tạ An làm đô đốc chinh phạt, phụ trách việc tác chiến phòng ngự toàn tuyến. Lúc đó Tạ An cũng rất căng thẳng, thế nhưng ngoài mặt tỏ ra rất bình tĩnh. Tạ Huyền thỉnh giáo ông về kế sách phá địch, với vẻ mặt thản nhiên rất lâu sau ông mới nói như chẳng có chuyện gì xảy ra: “Cũng chẳng có gì khác!”. Sau khi Tạ Huyền lui ra, do trong lòng bối rối, lại cử người khác vào hỏi kế. Tạ An vẫn rất bình tĩnh, chẳng hề để ý gì. Ông không những như vậy còn dẫn Tạ An và một số người “trèo lên núi cao, vui cùng bè bạn”, “đánh cờ đánh bạc, ngắm cảnh trời mây”. Bình thường Tạ An đánh cờ thua kém Tạ Huyền, lúc này Tạ Huyền vì đại binh đã áp sát biên giới, chẳng còn lòng dạ nào để vui chơi, nên đành phải chịu thua Tạ An. Ngày hôm ấy Tạ An du sơn vân thủy “đến đêm mới trở về”. Sau khi Tạ An đã sắp xếp chu đáo, mới “chỉ huy tướng soái mỗi người một trách nhiệm”, còn mình đi lên phía trước đã biểu hiện ra phong độ của một vị đại tướng lâm nguy không biết sợ.

Căn cứ vào sự chỉ giáo của Tạ An, trước hết Tạ Huyền tập trung lực lượng công kích bộ phận đột xuất và cô nhược của quân Tần, đột kích Lạc Gián, mới đánh nhau đã báo tin thắng trận. Sau đó nắm chắc được chủ lực của quân Tần chưa đến, với tâm lý quyết tâm quyết chiến với Phù Kiên chuẩn bị sẵn sàng, tạo ra thời cơ đánh địch, bắt quân Tần phải lui về phía

sau. Khi quân Tần lui về phía sau, Tạ Huyền lại nắm vững thời cơ, nhanh chóng vượt qua sông Phì Thủy, đánh mạnh vào quân Tần, giành được thắng lợi trong cuộc đại chiến Phì Thủy, đã sáng tạo ra một ví dụ điển hình lấy ít thắng nhiều, lấy yếu thắng mạnh trong lịch sử chiến tranh thời cổ đại Trung Quốc.

Khi tin thắng lợi báo tới chỗ Tạ An, Tạ An đang ngồi uống rượu chơi cờ với khách. Sau khi Tạ An xem xong, vô tình vút tờ báo ở trên giường “mặt không biến sắc, vẫn lại chơi cờ như thường”. Người khách hỏi vì sao, ông chậm rãi nói: “Trẻ con cũng phá được giặc!”. Ông khách đứng dậy chúc mừng Tạ An vẫn không thay đổi sắc mặt, mời khách chơi nốt cuộc cờ. Chờ tới lúc cờ xong khách đi, ông mới trở về phòng. Do trong lòng vô cùng vui sướng, khi bước vào trong phòng bởi bước vào cửa quá vội, đầu chiếc guốc đã bị gãy. Đủ thấy được tình cảm xúc động của ông đạt tới trình độ nào. Sau đại chiến Phì Thủy, ông lấy công lao tổng thống vào bái kiến Thái Bảo.

Tạ An thừa lúc quân Tần bị thất bại, ông dâng sớ cầu xin tự dẫn quân đánh lên Bắc, rồi sai các tướng như Tạ Huyền v.v... xuất kích đã thu phục lại được sáu châu Từ, Duyện, Thanh, Tư, Dự, Lương, rồi tiến quân vào đất Nghiệp là danh đô của Hà Bắc. Đây là một lần mở rộng đất chiến thắng lớn nhất kể từ ngày xây dựng lên nhà Đông Tấn.

Công danh của Tạ An đã thịnh, một số bọn cơ hội luồn lọt liền bắt đầu phỉ báng ông, sự hòa thuận nội bộ lại bắt đầu bị phá hoại. Tấn Hiếu Vũ Đế suốt ngày say rượu hôn mê. Hiếu Vũ Đế trọng dụng Cối Kê Vương Tư Mã Đạo Tử là người em cùng mẹ. Tư Mã Đạo Tử cũng là một người vô cùng chuyên quyền, hơn thế còn tin dùng một lũ tiểu nhân gian nịnh, chúng hợp sức bài xích Tạ An. Trong tình hình này, Tạ An xuất quân trấn giữ Bộ Khâu Quảng Lăng (phía Đông Bắc thành phố Dương Châu tỉnh Giang Tô ngày nay), xây dựng thành mới để né tránh. Tạ An bản tính thích rong chơi núi non sông nước, ham chuộng âm nhạc, trong tình trạng bị bài xích trên mặt chính trị, ông bèn đi du sơn văn thủy lấy thư cầm làm bạn. Bởi những năm cuối đời sống hào hoa xa xỉ lại bị người đương thời mỉa mai chế giễu, tới năm thứ 10 Thái Nguyên (năm 385), ông bị ốm rồi chết, thọ 66 tuổi.



## 56. VƯƠNG MÃNH

### ĐẠI TRÍ CHỌN MINH CHỦ, KY LƯỢC HƯNG PHỦ TẦN

Vương Mãnh (325 - 375) tự là Cảnh Lược, người huyện Kịch Bắc Hải (huyện Xương Đông tỉnh Sơn Đông ngày nay), thuở nhỏ nhà rất nghèo, làm nghề bán mọt hót để sống. Một hôm, lúc ông đang bán mọt hót ở thành Lạc Dương có người mua với giá rất cao, thế nhưng lại nói không mang theo đủ tiền, bắt ông phải theo về nhà để lấy. Ông đã theo về, bất giác đã đi được rất xa, bỗng nhìn thấy một cụ già râu tóc bạc phơ ngồi ở trên giường, ở bên trái bên phải có hơn mười người đang ba hoa nói chuyện trên trời dưới biển. Có một người dẫn Vương Mãnh tới trước vái chào cụ già. Cụ già đem số tiền gấp mười lần trả cho ông, sau đó liền dẫn ông ra ngoài. Ông ra ngoài, quay đầu lại nhìn chỗ vừa tới, thì đó là núi Tùng Sơn. Đi bán mọt hót lần này đã để lại cho ông một ấn tượng rất sâu sắc. Đặc biệt là phong độ và học rộng của cụ già ở ẩn kia đã khiến ông suốt đời khó quên. Từ đó, ông dùng số bạc trắng mà cụ già đưa cho để mua sách binh thư, vừa bán mọt hót, vừa đọc sách nghiên cứu đã hiểu sâu được sự bí ảo. Một lần ông du chơi ở Nghiệp Đô (Yến Đô, phía Bắc huyện Lâm Chương tỉnh Hà Bắc ngày nay) do khí phách hùng vĩ, Duy Tử Thống nhìn thấy rất lấy làm lạ, triệu vào làm Công Tào, ông bỏ trốn mà không nhận, liền học tập theo ông già ở núi Tùng Cao, ẩn cư ở núi Hoa Âm, theo thầy học nghệ. Trong thời gian ẩn cư ở núi Hoa Âm, học vấn của Vương Mãnh được tăng tiến, còn “ôm ấp” chí giúp đời, đợi chúa có long nhan, náu cánh chờ thời, đợi phong vân rồi sẽ hậ động? Về sau ông đã trở thành mưu thần của Phù Tần, là một chính trị gia, quân sự gia và mưu lược gia nổi tiếng trong thời kỳ 16 nước Ngũ Hồ.

**PHÒ TÁ PHÙ KIÊN,  
DÙNG PHÁP TRỊ LOẠN**



Năm thứ 10 Tấn Vĩnh Hòa (năm 354), Đại tư mã Đông Tấn là Hoàn Ôn dẫn quân đi đánh Tần, trên đường trăm tướng đoạt quan, kéo thẳng tới Bá Thượng cách Trường An không xa. Sau khi Hoàn Ôn đóng quân ở Bá Thượng, đã chiêu mộ các kỳ sĩ trong thiên hạ. Vương Mãnh đã ứng chiếu mà đến. Ông nhìn thấy Hoàn Ôn đóng binh ở Bá Thượng mà không lấy Trường An, đoán chắc rằng người đó không phải là chủ mà ông ta muốn tìm, liền đóng thành một vai cuồng sĩ, mặc quần áo rách rưới, vừa bắt rận, miệng vừa liến thoắng như tép nhảy tôm lao, nghị luận thiên hạ. Hoàn Ôn cảm thấy con người này rất không bình thường, liền nói:

- Ta phụng mệnh thiên tử, dẫn mười vạn quân tinh nhuệ trượng nghĩa đánh quân nghịch tặc, trừ kẻ bạo tàn cho dân chúng, vậy mà hào kiệt của Tam Tần, không có người nào đến, thế là vì sao?

Wương Mãnh trả lời:

- Ngài không quản đường xa mấy ngàn dặm, thâm nhập vào biên giới kẻ địch. Nay cứ ở Trường An mà không vượt Bá Thủy, dân chúng không biết tâm dạ của ngài như thế nào.

Hoàn Ôn mặc nhiên không nói, mãi sau mới cất tiếng:

- Giang Đông không có khanh để so sánh!

Liền để cho Vương Mãnh làm Quân Tư tế tửu. Không lâu, Hoàn Ôn bởi hành động cẩn thận, ngồi lâu để mất thời cơ chiến đấu, bị quân Tần đánh cho đại bại, đành phải kéo quân về. Khi kéo quân về, Hoàn Ôn đã cho Vương Mãnh xe ngựa để cho ông ta cùng về Đông Tấn. Vương Mãnh mượn cơ là về núi Hoa Âm thỉnh giáo lão sư nên đã không đi, lại về ở ẩn trong núi, thu thập sách vở, học tập binh pháp. Sau khi Tần chủ Phù Kiên mất, Phù Sinh lên ngôi. Phù Sinh thích giết người tàn bạo, hơn cả Kiệt Trụ, dẫn tới trên dưới đều bất mãn. Còn Đông Hải Vương Phù Kiên ôm ấp đại lược, rất được lòng dân. Những người ở xung quanh đều khuyên phải nên giết chết Phù Sinh. Phù Kiên thỉnh vấn mưu sĩ Lữ Bá Lô. Lữ Bá Lô nói: Tôi chẳng qua chỉ là người ở trên vỏ đao, không đủ để làm việc đại sự. Phù Kiên liền sai Lữ Bá Lô mời Vương Mãnh tới. Vương Mãnh đã nghe thấy

hiển danh của Phù Kiên từ lâu, cho nên đã ứng triệu mà tới. Hai người vừa gặp đã như quen biết từ lâu, liền đề cập tới việc phế hưng đại sự, ý hợp tâm đầu. Phù Kiên rất vui mừng, tự gọi là “như Huyền Đức gặp Khổng Minh vậy”. Phù Kiên thuận ứng lòng dân, giết chết Phù Sinh rồi lên thay thế, phong Vương Mãnh làm Trung thư thị lang, trông nom quản lý việc cơ mật trọng yếu. Lúc này ở Thủy Bình (vùng Đông Bắc huyện Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây ngày nay), hào hữu tung hoành, cướp bóc trộm cắp, hỗn loạn vô cùng. Phù Kiên liền bổ nhiệm cho Vương Mãnh làm Thủy Bình lệnh. Vương Mãnh tới Thủy Bình, vừa xuống xe liền dùng minh pháp nghiêm hình, phân rõ thiện ác, giam cầm bọn cường hào. Một viên quan lại bị dân chúng rất oán hận, Vương Mãnh đã ra lệnh cho thuộc hạ bắt hắn ra đánh chết ngay trước mặt đám người vây quanh. Sự việc này có người báo tới chỗ Tần Vương Phù Kiên. Phù Kiên hỏi Vương Mãnh:

- Thế chế làm việc triều chính phải coi việc lấy đức giáo hóa là hàng đầu. Người tới làm việc chưa được bao lâu mà đã giết chết vô số người, sao người tàn khốc đến như vậy?

Wương Mãnh trả lời:

- Thần nghe nói dùng lễ làm yên đất nước, dùng pháp trị loạn bang... Xin được vì mình quân tiểu trừ hung bạo, lúc đầu giết chết một tên gian còn lại hàng vạn số. Nếu thần không thể trừ hết tàn bạo, quét sạch bọn phạm pháp thì làm sao có thể cai trị quản lý được một phương? Hình phạt của chính quyền tàn khốc, thần quả thực chưa dám nhận đâu ạ.

Phù Kiên nghe xong cảm thấy rất có lý, liền nói với các quần thần:

- Vương Cảnh Lược có thể so sánh với Di Ngô, Tử Sản được.

Đối với Vương Mãnh càng trọng dụng, rồi uỷ thác cho ông làm Thượng thư Tả thừa. Vương Mãnh tiến cử người có tài đặc biệt, chỉnh đốn các quan lại, cục diện chính trị được hoàn toàn đổi mới. Phù Kiên lại bổ nhiệm cho ông làm Kinh Triệu Doãn, không lâu ngoài Lại Bộ Thượng thư, Thái tử Chiêm sự ra, ông lại được thăng làm Thượng thư Tả bộc xạ phụ quốc tướng quân. Tư lệ hiệu úy, Gia kỵ đô úy Cư Trung Túc vệ. Lúc đó Vương Mãnh

ha mươi sáu tuổi, trong một năm được tấn thăng năm lần, quyền cao chức trọng, ngang dọc trong ngoài. Cách làm “dùng pháp trị loạn bang” của Vương Mãnh đã làm tổn hại tới một số lợi ích của bọn Hào Hữu, cộng thêm việc “một năm thăng chức năm lần” đã dẫn tới sự bất mãn của một số vương công đại thần. Đại tướng Phàn Thế là Tù hào Thị tộc, là một vị khai quốc nguyên huân. Phàn Thế đã dựa vào việc phò tá Tân chủ Phù Kiên bình định Quan Trung, công tích lẫy lừng, đã si nhục Vương Mãnh ngay trước mặt mọi người, còn rêu rao sẽ treo đầu Vương Mãnh ở “Cửa thành Trường An”, nếu không thề chẳng làm người. Vương Mãnh thấy con người này vô pháp vô thiên, không còn coi pháp luật và trời đất ra gì, liền đem tình hình đó tấu lên Phù Kiên. Khi Vương Mãnh và Phàn Thế cùng có mặt, Phù Kiên đã có ý hỏi họ: “Trẫm muốn đem công chúa gả cho Dương Bích, ý kiến của các khanh thế nào?”. Phàn Thế giận dữ nói Dương Bích chính là con rể chưa cưới của hãn, sao lại có thể lấy công chúa được.

Wương Mãnh liền nói:

- Bộ hạ là đế trong bốn biển, sao ông lại dám tranh hôn với bộ hạ được?

Phàn Thế xấu hổ thành giận dữ, muốn đánh Vương Mãnh. Tả hữu đã ngăn Phàn Thế lại. Hãn ngoác rộng mồm chửi rủa, đùng chạm cả tới Phù Kiên. Phù Kiên giận lắm, liền hạ lệnh chặt đầu Phàn Thế. Thừa tướng Trưởng Sử Tịch Bảo, Thượng thư Cửu Đẳng cũng bất mãn đối với Vương Mãnh dâng tấu lên Phù Kiên, phỉ báng Vương Mãnh. Phù Kiên liền mượn cớ bãi hết chức quan của họ. Cường Đức là em vợ của Phù Kiên, hãn “uống rượu say làm điều ngang ngược, là nỗi lo của dân chúng”. Vương Mãnh đã bắt giết rồi bêu xác ở ngoài chợ để giết một ngựa trăm. Do Vương Mãnh chấp pháp như sơn, lại có sự ủng hộ mạnh mẽ của Phù Kiên “trên dưới đều phục, không ai dám nói gì”. Tiên Tần cũng đã nhận được một lần rửa lễ của pháp chế đã xuất hiện cục diện ổn định “Điều tra nghiêm túc, hào hữu im hơi, không ai nhặt của rơi trên đường, nền phong hóa được thi hành rộng rãi”

**TÍNH TOÁN KỸ CÀNG,**

## QUÉT NGHIỆP DIỆT YÊN

Năm thứ tư Thái Hòa (năm 369) vào tháng ba, Tấn đại tư mã Hoàn Ôn diệt Yên. Yên cầu cứu nước Tần còn dùng mảnh đất phía Tây Hồ Lao (huyện Tị Thủy tỉnh Hà Nam) tặng cho Tần để làm điều kiện. Tần chủ Phù Kiên triệu tập quần thần lại mưu nghị. Mọi người đều cho rằng:

- Ngày trước Hoàn Ôn đánh ta tới Bá Thượng, Yên chẳng cứu ta. Nay Ôn phạt Yên, hà tất gì mà ta phải cứu? Hơn thế Yên không xưng phiên với ta, hà cứ gì mà la phải cứu?

Sau hội nghị, Vương Mãnh nói riêng với Phù Kiên:

- Yên tuy lớn mạnh, Mộ Dung Bình đâu có phải là kẻ địch của Ôn. Nếu Ôn cử binh ở Sơn Đông, tiến vào đóng ở Lạc Ấp, thu lấy quân của Ký Yên dẫn vào thôn tính Túc của Dự, nhìn thấy quân lính hỗn loạn, tất đại nghiệp của bộ hạ cũng sẽ mất. Chi bằng nay ta cứ hợp binh với Yên để đuổi Ôn, Ôn chạy Yên cũng sẽ yếu đi. Sau đó thừa lúc nó suy yếu ta sẽ cướp lấy Yên, thế chẳng tốt sao?

Phù Kiên liền theo kế sách của Mãnh, phát binh cứu Yên, đánh lui Hoàn Ôn. Sau cuộc chiến, Tần cướp lấy mảnh đất phía Tây Hồ Lao của Yên, Yên biết hối đã không kịp nữa. Lúc này sức lực của nước Yên đã suy nhược, nội bộ mâu thuẫn nặng nề, danh tướng Mộ Dung Thùy đánh lui Hoàn Ôn cũng bị bức phải đầu hàng theo Phù Tần. Đánh Yên, điều kiện thống nhất phương Bắc đã chín muồi.

Tần và Yên là hai quốc gia lớn mạnh nhất ở phương Bắc lúc đó, diệt xong nước Yên cũng coi như thống nhất được phương Bắc. Trước khi phạt Yên, đối với phương lược tác chiến, đường lối tiến quân; Vương Mãnh đã nghiên cứu và thiết kế tỉ mỉ. Lúc đó đánh Yên có ba đường tiến quân. Một là từ Trường An kéo ra Hàm Cốc Quan, sau khi lấy được hai cứ điểm chiến lược lớn là Lạc Dương và Vinh Dương, từ Hà Nội Hà Đông men theo hai bờ sông Hoàng Hà tiến vào Đông Bắc, vượt Hàn Thủy, Chương Thủy để đánh vào Nghiệp Đô. Hai là sau khi chiếm cứ được Lạc Dương, Vinh Dương, từ Hà Nội hoặc Hà Đông đánh lên Thượng Đảng rồi hướng về

Nghiệp. Con đường này dễ thắng lợi nhất, hơn thế đủ sức nhất để đánh cho Yên tử mệnh. Ba là từ Bình Dương Bắc tiến, sau khi lấy được Tấn Dương, kéo ra phía Đông tinh Hình, cướp lấy Thường Sơn để tiến vào Yên. Trải qua sự nghiên cứu kỹ lưỡng, Vương Mãnh đã xác định tiến quân theo con đường thứ hai, rồi sau khi lấy được Lạc Dương, Vinh Dương sẽ cướp lấy thế thủ ở phía Vinh Dương, phân chia một phần quân lính đánh chiếm Tấn Dương (Thái Nguyên Sơn Tây ngày nay) để phân tán binh lực của Yên yểm hộ cho cánh Bắc của chủ lực. Phương án này không những có thể cướp được Nghiệp Đô một cách có hiệu quả nhất, hơn thế quân Tần có thể lợi dụng Vị Thủy, Hoàng Hà, Phần Thủy làm phương tiện chuyên chở vận chuyển lương thực

Tháng 12 năm thứ tư Thái Hòa (năm 369), Tần Vương Phù Kiên lấy cơ Yên bội ước trong việc cắt đất, đã ra lệnh cho Vương Mãnh dẫn ba vạn bộ binh và kỵ binh đánh Yên. Vương Mãnh lấy Mộ Dung Lệnh làm hướng đạo, kéo thẳng tới Lạc Dương. Tháng giêng năm thứ năm Thái Hòa (năm 370) vây chặt Lạc Dương trong nhiều vòng. Để giảm bớt tổn thất chiến đấu, Vương Mãnh đã tranh thủ thích sử Lạc Dương là Mộ Dung Trúc, liền viết cho Mộ Dung Trúc một lá thư, trong thư viết: “Quốc gia đã bịt kín nơi hiểm yếu Thành Cao (huyện Tị Thủy Hà Nam ngày nay), ngăn chặn con đường Tân Minh (cửa sông Hoàng Hà Mạnh Tân ngày nay), trăm vạn quân mạnh như hổ dữ, tự Chỉ Quan tới cướp Nghiệp Đô. Quân đội Kim Dung khốn khó (Mộ Dung Trúc ở Thành Kim Dung Lạc Dương) ngoài không có cứu viện. Quân đội ở dưới thành, tướng quân đã nhìn thấy đó, ba trăm quân lính đói khát đâu có thể chống đỡ được”. Sau khi xem xong thư, Mộ Dung Trúc vô cùng hoảng sợ, liền dâng thành Lạc Dương đầu hàng.

Trong lúc Vương Mãnh vây đánh thành Lạc Dương, Yên Vệ Đại tướng quân là Lạc An Vương Mộ Dung Tạng dẫn mười vạn quân tới cứu, Vương Mãnh ra lệnh cho tướng quân Dương Mãnh chống đỡ ở Thạch Môn Đông Trì thế nhưng đã bị Mộ Dung Tạng đánh bại, Dương Mãnh bị bắt sống. Lạc An Vương liền dẫn quân tới trước chiếm lấy Vinh Dương. Vương Mãnh cũng cử Kiện Uy tướng quân Lương Thành, Lạc châu Thích sử Đặng

Khương dẫn một vạn quân đội tinh nhuệ, kéo nhanh tới tranh đoạt với hãn. Mộ Dung Tạng do vì chậm chân một bước, đại quân chưa kịp qua sông đã bị thất bại phải quay về, lùi tới Tân Lạc (huyện Tân Hương Hà Nam ngày nay) xây dựng thành quách để chống Tần. Vương Mãnh liền lưu lại Đặng Khương giữ Kim Dung, còn mình kéo quân về Trường An.

Trong thời gian chưa đầy một tháng, Vương Mãnh liên tục đánh chiếm hai yếu điểm chiến lược lớn là Lạc Dương và Vinh Dương, đủ thấy rõ sự dùng binh thần tốc của ông như thế nào. Tháng tư năm đó, Tần chủ Phù Kiên lại ra lệnh cho Vương Mãnh dẫn mười vị tướng là Trần Nam tướng quân Dương An, Cập Trương Mao, Đặng Khương v.v... cùng với sáu vạn bộ binh kỵ binh chuẩn bị đánh Yên. Ngày 12 tháng 6 chiến dịch đánh Yên lần thứ hai đã được triển khai. Phù Kiên tiễn Vương Mãnh tới Bá Thượng (ở phía Đông Tây An ngày nay) nói:

- Nay trăm uỷ nhiệm cho khanh đi phạt Yên, có thể dựa theo kế hoạch từ Hồ Quan, Thượng Đảng ra Lộ Xuyên (thượng du sông Chương ngày nay) đánh đến Nghiệp Đô. Sau khi khanh đi rồi, trăm sẽ thân đốc vạn quân, dùng thuyền xe vận chuyển lương thực, thủy lục cùng tiến, khanh không cần phải lo lắng gì.

Vương Mãnh nói:

- Thần dựa vào uy linh, phụng theo tính toán, quét bằng tan Hồ như gió quét lá rơi, mong muốn không làm phiền xúc phạm xa giá.

Rồi kiến nghị Phù Kiên kịp thời sớm sắp xếp đối phó với Tiên Ti, để đề phòng bất trắc. Quân đánh Yên lần này của Vương Mãnh chia ra làm hai đường, Vương Mãnh dẫn quân chủ lực tấn công vào Hồ Quan (phía Đông Nam huyện Trường Tín tỉnh Sơn Tây ngày nay), Dương An tiến thẳng về phía Tấn Dương. Tháng 8, Vương Mãnh tiến đánh Hồ Quan, bắt sống Thái thú Thượng đảng của Yên là Nam An Dương Mộ Dung Việt, Thượng đảng quân huyện hàng Tần. Ở Tấn Dương do quân Yên binh nhiều lương đủ, Dương An đánh đến tháng chín vẫn chưa hạ được, Vương Mãnh liền lưu đồn kỵ hiệu úy Cầu Trường giữ Hồ Quan, thân tự dẫn quân tới giúp đỡ

Trường An để đánh Tấn Dương. Vương Mãnh nhìn thấy thành Tấn Dương phòng bị kiên cố, liền ra lệnh cho binh sĩ đào hào giao thông vào tới tận trong thành. Sau khi đào xong đường giao thông, ra lệnh cho hồ nha tướng quân là Trương Mao dẫn mấy trăm lính khỏe mạnh theo giao thông hào ẩn náu vào trong thành. Quân lính giữ Tấn Dương đang bận tác chiến trên tường thành, bất ngờ ở trong thành có hàng loạt quân Tần xông ra, vừa hò reo vừa quát thét mở rộng cửa thành để cho quân Tần kéo vào. Ngày mồng mười tháng chín liền đánh Tấn Dương, bắt được thích sử tính châu Đông Hải Vương Mộ Dung Trang của nước Yên. Lúc này Yên chủ đã hạ lệnh cho Thái phó Thượng Dung là Mộ Dung Bình dẫn ba chục vạn bộ binh chống Tần.

Mộ Dung Bình hành quân tới Lộ Xuyên (vùng phụ cận huyện Lê Thành Thượng du sông Chương ngày nay) sợ Vương Mãnh không dám tiến quân, bèn lợi dụng Lộ Xuyên để phòng thủ. Vương Mãnh liền dẫn quân chủ lực cử đại binh tiến về phía Lộ Xuyên chống đối cách sông với Mộ Dung Bình. Mộ Dung Bình cho rằng Vương Mãnh có quân đội đáng sợ đã tiến vào sâu, liền dùng cuộc chiến kéo dài để đối phó. Mộ Dung Bình là con người cực kỳ tham lam bỉ ổi, trước mặt kẻ thù, quân đội uống nước đều rất khó khăn, thế mà hắn lại chiếm giữ dòng nước chảy trong núi, bắt quân đội phải mua nước uống, tiền và lụa bán nước chất cao thành núi, do vậy binh lính rất oán hận, không còn ý chí chiến đấu. Vương Mãnh cười, nói:

- Mộ Dung Bình rất nô lệ đồng tiền, tuy đã có ức triệu mà vẫn không đủ sợ, huống hồ mấy chục vạn? Nay ta phá chúng là lẽ tất nhiên!

Ông phái du kích tướng quân Quách Khánh dẫn năm ngàn kỵ binh, ban đêm đi vòng quanh đường tới đằng sau doanh trại Mộ Dung Bình đốt lửa sát cạnh núi, đốt cháy những xe chở nặng của chúng. Sau đó, mở ra đại hội quân lính tuyên thệ, thanh thế rất vang dội. Ông khẳng khái động viên tướng sĩ “cùng lập đại công để báo đền đất nước”. Tức thì, các tướng sĩ hăng hái dũng cảm phá kho cướp lương, hô vang xông thẳng, đánh bại quân Yên, bắt sống và chém chết hơn năm vạn quân Yên. Mộ Dung Bình một mình một ngựa chạy trốn về Nghiệp Thành.



Sau khi Vương Mãnh tiêu diệt được chủ lực của quân Yên, ngày 26 tháng 10 tiến vào bao vây Nghiệp Thành, mở ra một chiến dịch, cuối cùng tiêu diệt quân Yên. Sau khi vây Nghiệp, Vương Mãnh viết cho Phù Kiên một bức thư để cho Phù Kiên “phát huy chí nhân ái khiến cho binh sĩ sáu châu không muốn đổi chủ” sau khi diệt Yên, để yên định đất Yên, Phù Kiên đã đồng ý với những ý kiến của Vương Mãnh, ông nói:

- Chiến dịch của tướng quân không quá hạn kỳ, mà lại tiêu diệt được hết bọn địch đầu sỏ, công huân cao hơn tiền cổ. Ngày nay trăm thân dẫn lục quân tới, gọi sao đêm tới nhanh như điện chớp. Tướng quân hãy cùng tướng sĩ nghỉ ngơi để chờ trăm tới, sau đó sẽ cướp thành.

Phù Kiên lưu Lý Uy phò Thái tử Hồng giữ Trường An, sai Phù Dung giữ Lạc Dương, bản thân mình đích thân dẫn mười vạn tinh binh gấp rút tiến về Thành Nghiệp, bảy ngày đã tới An Dương (phía Tây Nam huyện An Dương tỉnh Hà Nam ngày nay). Vương Mãnh vội vã tới An Dương nghênh tiếp. Phù Kiên nói:

- Ngày trước Chu Á Phù không nghênh đón Hán Văn Đế, ngày nay tướng quân lâm địch mà bỏ quân là vì cớ gì?

Vương Mãnh trả lời:

- Á Phù ngày trước bỏ nhân chủ là để cầu danh thần thì không như vậy. Hơn thế thần phụng linh uy của bệ hạ đánh tan bọn giặc dễ như bắt cá ở trong ang có gì đáng lo! Đất nước là quan trọng, loán giá đường xa, nếu có xảy ra cơ sự gì thì hối cũng không kịp. Bệ hạ đã quên mất lời nói của thần ở Bá Thượng rồi sao?

Khi Vương Mãnh truy đuổi Mộ Dung Bình chưa tới thành Nghiệp, bọn đạo tặc thổ phỉ ở vùng gần thành Nghiệp ra sức hoành hành, công khai cướp bóc. Sau khi Vương Mãnh bao vây thành Nghiệp, “dán bố cáo gần xa, hiệu lệnh nghiêm minh, quân lính không dám xâm phạm, pháp lệnh đơn giản, chính quyền khoan hồng, dân chúng nước Yên ai cũng an cư lạc nghiệp”. Khi Phù Kiên tới thành Nghiệp, một mặt tiếp tục vây đánh, một mặt cử binh đánh lên Tín Đô ở phía Bắc (huyện Ký tỉnh Hà Bắc ngày nay)



Ngày 7 tháng 11 với thế tấn công mạnh mẽ của Vương Mãnh, trong thành Nghiệp Tán Thường thị lang Du Úy của quân Yên đã dẫn Phù Dư, Cao Cú Lệ và Thượng Đẳng Chất Tử, hơn năm trăm người, ban đêm mở cửa phía Bắc thành Nghiệp cho quân Tần kéo vào. Yên chủ và các tướng thần hoảng hốt bỏ chạy. Vương Mãnh sai quân đuổi theo, không một tên nào may mắn chạy thoát, Nước Yên bị tiêu diệt. Phù Kiên phong cho Vương Mãnh làm Sứ trì tiết đôn đốc các việc quân sự ở Quan Trung lục châu, Ký Châu Mục.

## **DỐC LÒNG TRỊ QUỐC, CÚC CUNG TẬN TỤY**

Sau khi Vương Mãnh diệt Yên không lâu, Phù Kiên điều ông vào kinh, phong cho làm Thừa tướng, cộng thêm việc đôn đốc các việc quân sự trong ngoài. Nhiều lần Vương Mãnh từ chối, cho rằng trách nhiệm nặng nề như vậy nên để cho các thân vương của Phù Kiên tới đảm nhiệm. Thế nhưng Phù Kiên không chuẩn y lời từ chối của ông. Ông đành phải nhận chức thừa tướng trên vai gánh vác nhiệm vụ nặng nề cai trị đất nước. Vương Mãnh “Tề chính công bằng, huỷ bỏ các chức vị có để làm vì, tiến cử người hiền tài, bên ngoài thì chấn chỉnh binh lính, bên trong thì sùng chuộng nho học, không có tội thì không trừng trị, không có tài thì không trao chức vụ”. Trong thời gian này, ông đã nắm vững trọng điểm mấy việc lớn sau đây:

Tiến thêm một bước chinh đốn quan lại, thi hành rộng rãi pháp trị, xây dựng nên trật tự xã hội ổn định và cơ cấu quan chức tương đối thanh liêm, có hiệu quả. Ông đòi hỏi các quan lại địa phương cần phải được tiến cử theo tài năng. Phàm các quan lại không hợp cách, cần phải được bãi miễn hoặc giáng chức. Qua sự chinh đốn của ông, “các quan trong ngoài thấy đều xứng đáng với chức vụ được giữ”. Do Vương Mãnh kiên trì dùng pháp luật cai trị đất nước, hơn thế, chấp pháp như sơn cho nên quan không dám làm điều xấu xa mờ ám, dân không thể vi phạm pháp luật gây rối kỷ cương, không khí xã hội đã có chuyển biến tốt thêm một bước.

Ra sức phát triển kinh tế tạo phúc cho dân chúng Vương Mãnh phò tá Phù Kiên trải qua nhiều năm cai trị, nền sản xuất đã có sự phát triển rất to

lớn, thế nhưng do cuộc chinh chiến kéo dài nhiều năm, sức nước không được mạnh. Sau khi tiêu diệt Yên ông liền tạm dừng những hành động quân sự lớn để tập trung lực lượng phát triển kinh tế. Về mặt nông nghiệp đẩy mạnh “khu điền pháp” - phép chia nhỏ ruộng ra, thi hành kỹ thuật canh tác thích hợp phù hợp với chế độ ruộng đất ở phương Bắc, “khuyến khích cấy lúa trồng dâu, khen thưởng những lực điền hiếu đễ”. Đồng thời chú ý miễn giảm sưu thuế, phát chẩn cứu giúp người cùng khó, khai nguồn tiết kiệm, giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân. Ông động viên khích lệ công thương nghiệp đẩy mạnh phương châm “thông quan thị lai viễn thương” - thông thương vùng quan ải với thành thị, buôn bán với nơi xa - đã hình thành được quang cảnh náo nhiệt “Con đường thông thương buôn bán”, thúc đẩy phát triển kinh tế.

Xây dựng giáo dục, đẩy mạnh nho học. Vương Mãnh là người Hán, rất chuộng nho học. Phù Kiên tuy là người thị tộc, thế nhưng từ nhỏ đã được hun đúc bởi tư tưởng nho giáo. Cho nên hai người đều hết sức coi trọng giáo dục, đẩy mạnh tư tưởng nho gia. Vương Mãnh yêu cầu các nơi “xây dựng rộng rãi các học cung” để bồi dưỡng nhân tài. Đặc biệt là con cháu quan lại các cấp cần phải vào các trường học để tiếp thụ nền giáo dục kinh điển nho gia.

Qua giáo dục, có tài năng, phẩm đức tốt đẹp, đều được trọng dụng và biểu dương. Phàm những người không học nho thông kinh đều phải “bãi quan trở về làm dân”

Tôn trọng dân tộc thiểu số, cải thiện quan hệ dân tộc. Phương Bắc bị năm chính quyền dân tộc thiểu số thống trị, giữa các chính quyền đã công phạt lẫn nhau, mâu thuẫn dân tộc vô cùng nghiêm trọng. Tần tuy là một chính quyền thị tộc, thế nhưng Phù Kiên và Vương Mãnh đã sử dụng “Thuật ngụy giáng hòa nhung” cho rằng “Lê Nguyên nên nâng dùi. Di Địch nên ứng hòa”, “Củng cố lòng trong trắng của con người”, nên đã tương đối hòa hoãn được mâu thuẫn dân tộc trong khu vực thống trị. Sau khi diệt Yên ông đã kiến nghị với Phù Kiên, đối với các quý tộc của Yên trước đây đã đầu hàng, bao gồm cả Yên chủ Mộ Dung Vĩ và cha con anh em họ, các

vương công đại thần, các văn võ bá quan “đều được trở về Trường An, phong cho làm sai”, khiến cho họ Mộ Dung “cha con anh em, làm quan đầy triều, cầm quyền giữ chức, thế như trước kia”. Chính sách khoan hồng đại lượng “hòa nhung” này đã gây ảnh hưởng rất lớn, khiến cho các tộc ở xung quanh biên giới Tần trước, các nước ở Tây Nam, Tây Vực đã sai sứ nhập vào kinh đô, quy phục theo Tần.

Trong việc cai trị Tiễn Tân, Vương Mãnh dốc hết tinh thần sức lực suy nghĩ cho việc cai trị “Việc không phân lớn nhỏ, không gì không quy theo, đã khiến cho Tiễn Tân “Quan Lũng thanh Yên, dân chúng phong lưu vui vẻ”, “binh mạnh nước giàu, thanh bình sung sướng”. Thế nhưng chính lúc ông đang đời còn dài, sức còn khỏe, một lòng triển khai hoài bão thì sự gian nan vất vả đã khiến ông lâm bệnh và bệnh tật ngày thêm trầm trọng. Tiễn Vương Phù Kiên đã đích thân cầu xin tông miếu xã tắc, lại sai các cận thần đi khắp các núi non sông biển tìm thuốc chữa bệnh cho Vương Mãnh. Điều này đã khiến cho Vương Mãnh vô cùng cảm động. Vào lúc bệnh ông vừa giảm nhẹ, ông đã dâng thư bày tỏ lòng cảm tạ, ông nói:

- Thần từng nghe nói báo đức chẳng bằng tận ngôn, xin được đem hơi sức còn lại hiến dâng tất cả để đền đáp. Mong sao làm cho uy danh của bệ hạ vang lừng tám cõi, nền giáo hóa của bệ hạ rực rỡ sáu phương. Trăm quận chín châu, có mười phần đã chiếm được bảy, bình Yên định Thục dễ như hái củi. Phàm những người thiện chiến, bất tất đã giỏi việc xây dựng, phàm những người giỏi lúc đầu, chưa chắc đã giỏi lúc cuối. Đây là những bậc triết vương ngày xưa đã đúc kết, biết làm nên công trạng đâu phải dễ, phải hết sức thận trọng, như bước vào hang sâu. Mong bệ hạ hãy theo gót các bậc tiền thánh thì thiên hạ sẽ được may mắn lắm!

Phù Kiên xem xong tờ biểu của Vương Mãnh, không ngăn nổi lệ rơi. Qua thời gian tuần nhật, bệnh tình của Vương Mãnh đã nguy kịch. Phù Kiên đích thân tới thăm hỏi, rồi gọi hỏi tới việc hậu sự. Vương Mãnh thờ dốc, rồi nói những lời ngắt quãng:

- Nước Tần tuy ở Giang Nam xa xôi hẻo lánh nhưng lại nổi lên ở chính Bắc, trên dưới yên hòa. Thần nghe nói gần với đạo nhân tốt với láng giềng, đủ làm cho nước mạnh. Sau khi thần qua đời mong bệ hạ đừng mưu đồ Tấn nữa. Duy chỉ có Tiên Ti Tây Khương là thù địch của ta, cuối cùng vẫn là nỗi lo lớn, nên dần dần trừ bỏ đi để khỏi gây tai họa cho xã tắc... Lẽ vừa nói xong, lời không thành tiếng rồi đột ngột từ trần, thọ 51 tuổi. Đối với cái chết của Vương Mãnh, Phù Kiên rất đau buồn, ba lần tới khóc. Phù Kiên còn nói với Thái tử Hồng:

- Trời không muốn cho ta bình định lục hợp nữa ư? Tại sao lại cướp mất Vương Cảnh Lược của ta đi nhanh như thế?

Phù Kiên mất Vương Mãnh giống như mất đi một con mắt, nhìn mọi việc không còn rõ ràng nữa, hơn thế đã dần dần trở nên ngang tàng kiêu ngạo, chỉ thích việc đánh nhau. Phù Kiên không nghe lời di dạn của Vương Mãnh, năm thứ 19 Kiến Nguyên (năm 383) đã dẫn trăm vạn đại quân phạt Tấn. Kết quả là đã đại bại ở Phì Thủy, hầu như toàn quân bị tiêu diệt. Bản thân Phù Kiên cuối cùng cũng bị Tiên Ti Mộ Dung Thùy làm phản, bị Diêu Trường là người Khương giết chết, dẫn tới sự diệt vong của Tiền Tần.

## 57. PHÙ KIÊN

### TRỪ BẠO TRỊ QUỐC, TRỌNG DỤNG NGƯỜI HIỀN

Phù Kiên (338 - 385) tự là Vĩnh Cố, còn một tên nữa là Văn Ngọc, người Thị tộc. Cha Phù Kiên là Phù Hùng làm thừa tướng của Tiền Tần. Phù Kiên sinh ra trên mặt có ánh sáng tím tía, cho nên được người ông nội (người sáng tạo ra Tiền Tần) là Phù Hồng rất yêu quý. Do Phù Kiên đầu to nên gọi là Kiên Đầu. Từ nhỏ, Phù Kiên đã thông minh vượt người, lên tám tuổi đã “mời thầy đến dạy tại nhà”. Khi lớn lên rất có lòng hiếu thảo lại “học rộng, nhiều tài nghệ”, tinh thông Hán tịch điển chương, trong lòng ôm ấp nhiều chí lớn. Mười ba tuổi đã cùng Phù Kiên Tây nhập quan, được phong làm Long Tương tướng quân. Năm thứ mười Vĩnh Hòa (năm 354) khi Hoàn Ôn bắt phạt Quan Trung, người cha của ông là Phù Hùng chết trận, Phù Kiên liền nối tiếp chức vụ của cha rồi được phong làm Đông Hải Vương.

Tiền Tần trải qua nhiều năm chinh chiến của cha con Phù Hồng, Phù Kiên, rồi phát triển lên, chính quyền Tiền Tần đã giành được những thành tựu to lớn. Sau khi Phù Kiên xưng đế (năm 357) dưới sự thống trị của ông, nước Tiền Tần đã có những chuyển biến lớn có tính chất lịch sử, trở thành một quốc gia lớn mạnh nhất ở phương Bắc.

### **BẮT CHƯỚC THANG VŨ, TRỪ BẠO QUÂN**

Trước khi hoàng đế Tiền Tần Phù Kiên qua đời, đã từng bói qua một quẻ, bởi trong lời văn của quẻ bói có tam dương ngũ âm, nghi rằng người con thứ ba là Phù Sinh ứng quẻ, nên đã quyết định cho làm Thái tử. Đến khi Phù Kiên qua đời, Phù Sinh kế vị, đổi làm Nguyên Thạo Quang. Phù Sinh sinh ra tính tình thích chém giết, tàn bạo vô đạo, không nghe theo lời khuyên can, ngang ngạnh, tự phụ, làm cho đất nước Tiền Tần trở thành khói lửa mịt mù. Một hôm Trung thư giám Hồ Văn, Trung thư lệnh Vương Ngự vào chầu tấu rằng:

- Đêm qua thần xem tinh tượng e rằng chưa đầy ba năm trong nước sẽ có đại tang do đại thần giết chết. Mong bệ hạ tu đức để trừ tai họa.

Sau khi Phù Sinh thoái triều, uống rượu giải sầu nghĩ rằng: “Tinh tượng báo có biến, có lẽ nào lại định vào thân trẫm chăng? Trẫm nghĩ rằng hoàng hậu với trẫm đối với việc phải rời bỏ thiên hạ, nếu hoàng hậu chết đi chính là ứng với đại tang”. Tức thì tay cầm con dao sắc đi vào trong cung, giết chết Lương hoàng hậu của mình, tiếp đó lại đem Thái phó Lục Thượng thư sự Mao Quý, xa kỵ tướng quân Thượng thư lệnh Lương Lăng, Tả bộc xạ Lương An v.v... mấy viên đại thần này không qua thăm vấn, lập tức đem ra pháp trường chém đầu. Có một lần Phù Sinh triệu các quan thần vào dự yến tiệc ở điện Thái Cực, ra lệnh cho Thượng thư Tân Lao làm TỬ Giám, bắt phải uống cực say mới thôi. Quan thần không dám kháng chỉ, đều uống thật say. Tân Lao sợ Phù Sinh rượu say thất thái, không tiện cưỡng ép. Phù Sinh liền tức giận rút cung lông điếu ra, đặt mũi tên bắn đi, mũi tên xuyên qua cổ Tân Lao lập tức ngã gục chết liền. Các quan thần hoảng sợ hồn bay phách tán, không dám không uống, cho tới khi từng người một say gục xuống đất, mũ mấy tóc bay, nôn mửa bắn hết áo quần. Cả một vùng nhầy nhụa như nhớp, Phù Sinh mới vỗ tay cười lớn. Có một thời gian, về phía Tây Đồng Quan, về phía Đông Trường An, hổ sói làm hại, ban đêm chúng vào trong từng nhà, không ăn lục súc, chỉ ăn thịt người. Dân chúng không dám cày cấy, họ tranh nhau chạy trốn hết vào trong thành. Bách quan tấu thỉnh xin trừ tai họa, Phù Sinh cười nham hiểm, nói:

- Dã thú bụng đói, lẽ dĩ nhiên phải ăn thịt người. Bụng no rồi chúng sẽ không ăn, hà tất phải quá lo. Đạo trời vốn hiếu sinh, chính bởi vì dân chúng nhiều kẻ phạm tội nên đã đặc biệt cho hổ sói tới trợ uy thay trẫm. Tại sao phải cầu trừ nó hử?

Phù Sinh đi chơi ra khỏi cung A Phòng, nhìn thấy hai người trai gái dung mạo xinh đẹp, sau khi được biết là anh em ruột, liền cười, rồi nói:

- Trẫm ban cho các người làm vợ chồng!

Thế rồi liền ra lệnh cho họ giao hoan ngay tại chỗ. Hai người không chịu, Phù Sinh tốt kiếm ra khỏi bao, chém chết luôn cả hai người. Do Phù Sinh chuyên chỉ thích nhìn thấy nam nữ giao cấu, thường ngồi uống rượu ở trên giường, ra lệnh cho cung nữ và cận thần cởi trần truồng giao cấu với nhau. Phù Sinh còn rạch bỏ da mặt của tử tù, rồi ra lệnh bắt họ phải ca múa. Những trò quái quỷ tương tự như vậy không sao kể hết được.

Sự giết người tàn bạo của Phù Sinh còn vượt qua Kiệt Trụ để đến nỗi quần thần “được yên ổn một ngày thì coi như sung sướng mười năm”. Chính sách tàn bạo của Phù Sinh đã dẫn tới sự bất mãn của cả trên dưới, quần chúng phản đối, người thân xa lìa. Rất nhiều quan đại thần đều rất kính phục Phù Kiên, liền tới yêu cầu Phù Kiên “làm công việc của Thang Vũ”. Ngự sử Trung thừa Lương Bình Lão rất thân thiết với Phù Kiên, đã bí mật khuyên Phù Kiên rằng:

- Chúa thượng thất đức, dân chúng đều có nhĩ tâm Yên Tấn hai phương chỉ chờ cơ hội là hành động. Hễ tai họa nảy sinh thì gia đình và đất nước đều tan nát. Sao điện hạ lại không sớm lo liệu đi?

Phù Kiên cũng hận Phù Sinh, nhưng vì Phù Sinh kiêu dũng nên không dám manh động, đành phải chờ đợi thời cơ. Không lâu, tì nữ trong cung báo cho Phù Kiên biết, Phù Sinh uống rượu quá say. Phù Kiên cùng anh là Phù Pháp dẫn binh lính tức tốc đi ngay. Vào đến trong cung thì thấy Phù Sinh đang say nằm ngủ ở trên giường liền lập tức cho lôi đi. Chờ khi Phù Sinh tỉnh rượu thì đã thành con chim bị nhốt ở trong lồng, có ăn năn hối hận thì đã không kịp rồi.

Phế bỏ bạo chúa, mọi người đều ca tụng. Thế nhưng Phù Kiên không chịu lên ngôi, cứ kiên trì nhường cho anh trai là Phù Pháp kế vị. Phù Pháp nói ông không phải là đích thân, Phù Kiên hiền đức, cũng nhất định chối từ không chịu nhận, họ đều khiêm tốn nhường nhau, Phù Kiên và người mẹ lo lắng dân chúng không phục, khó ngồi trên ngôi lớn được, liền mời các quan đồng liêu tới thương nghị. Tất cả mọi người đều nhất trí tôn Phù Kiên làm thánh hiền, tất có thể định quốc an bang được. Phù Kiên mới thẳng điện lên



ngôi, tự lập đế hiệu, xưng là Đại Tần Thiên Vương. Bà mẹ Phù Kiên là Tuân Thị được tôn làm Thái hậu. Sau khi Phù Kiên kế vị, bà mẹ họ Tuân lo lắng lòng dân chưa quy phục, Phù Pháp lại là thứ trưởng - con trưởng của vợ bé, được nắm đại quyền, liền cùng mật mưu với Lý Uy, phát ra nội chi, giết chết Phù Pháp. Sau khi Phù Kiên được biết, lập tức trở về Đông Đường quyết biệt với Phù Pháp, khóc lóc thảm thiết, đến nỗi thổ ra cả máu. Sau khi Phù Pháp chết, địa vị của Phù Kiên càng được củng cố. Ông liền bắt đầu vung đao múa búa cai trị đất nước.

## **TIN DÙNG HIỀN TÀI, DÙNG PHÁP TRỊ LOẠN**

Ban đầu khi Phù Kiên lên ngôi, do Phù Sinh vô đạo, dân chúng điêu linh tàn tạ, một số đại thần hoành hành bá đạo, làm nhiều điều tàn bạo, nguy cơ của chính quyền nổi khắp bốn phương. Một vấn đề quan trọng đầu tiên bày ra trước mắt Phù Kiên là chinh đốn lại kỷ cương. Từ nhỏ Phù Kiên được tiếp thu nền văn hóa Hán, ông biết rõ sự hưng suy thành bại của một triều đại, điều mấu chốt là ở chỗ biết ứng dụng nhân tài. Ông hỏi quan đại thần Cao Thái về đạo trị quốc. Cao Thái cũng bảo cho ông biết: Cái gốc của việc trị quốc là ở chỗ có được nhân tài, được nhân tài ở chỗ biết sử dụng người hiền tài.

Không có người hiền tài thì đất nước không có cách gì quản lý cai trị tốt được. Đối với những điều này Phù Kiên vô cùng tán thưởng. Tức thì thăm hỏi hiền tài ở khắp bốn phương, ông đã lôi kéo, thu hút được rất nhiều người tài tập trung ở xung quanh mình. Ví dụ như Lương Bình Lão, Lữ Bà Lô, Cường Ưông tài trí thông minh sáng suốt, Vương Mãnh có tài ngang dọc trời đất, Lý Hàn cương nghị trung hậu, Đặng Khương anh dũng thiện chiến và người em trai là Phù Dung đã hiểu sâu sắc huyền đạo lại có tài trị quốc v.v... Đặc biệt là Phù Kiên thông qua giới thiệu của Lữ Bà Lô, sự tiến cử của Lý Hàn, đã quen biết được Vương Mãnh. Hai người “vừa gặp đã như quen biết từ lâu, bàn bạc tới việc phế hưng đại sự, ý hợp tâm đầu hết như Huyền Đức gặp Khổng Minh vậy” Ngay cả đến sứ thần của nước địch



cũng đã nói: “Nhìn thấy mối quan hệ quân thần, tự biết rằng đó là cơ hội ngàn năm có một”. Vương Mãnh là chính trị gia, quân sự gia và mưu lược gia của tộc Hán trong thời kỳ mười sáu nước. Lúc nhỏ tuy nghèo hèn bần tiện, nhưng học rộng giỏi binh thư, ôm ấp chí của Lão Tử. Hoàn Ôn Đông Tấn phạt Tần và Quan mời ông ta cùng đi, ông ta đã cự tuyệt. Ông ta đã cho rằng Phù Kiên là một minh chủ liền trung thành tuyệt đối phò tá Phù Kiên, đẩy mạnh quốc sách “Dùng pháp trị loạn bang”, khiến cho thiên hạ của Tiên Tần được đại trị, đình thịnh một thời. Phù Kiên đối với Vương Mãnh cũng rất quý trọng, thậm chí chỉ trong một năm đã có năm lần thăng quan tiến chức, khiến cho Vương Mãnh có quyền nghiêng ngả trong ngoài, dám nghĩ dám làm. Vương Mãnh đẩy mạnh thi hành pháp chế, trừng trị bọn cường hào không tuân pháp lệnh, khiến cho bọn cường hào vô cùng phẫn nộ, nhốn nháo dâng thư công kích Vương Mãnh. Đại tướng Phàn Thế là tù hầu thị tộc, bởi hấn cậy có công huân lừng lẫy, thường xuyên nhục mạ Vương Mãnh, rêu rao sẽ treo đầu Vương Mãnh “ở Cửa thành Trường An” nếu không thề sẽ chẳng làm người. Thượng thư Cửu Đẳng, Thừa tướng Sử Tịch Bảo v.v... đối với việc “trong một năm, năm lần thăng quan, quyền nghiêng ngả trong ngoài” của Vương Mãnh vô cùng bất mãn, đã nhiều lần dâng tấu sàm ngôn phỉ báng Vương Mãnh. Đối với bọn chúng, Phù Kiên đã quở trách nghiêm khắc, hơn thế còn mượn cơ chém đầu Phàn Thế, bãi bỏ chức quan của hai người là Cửu Đẳng và Tịch Bảo. Đối với những kẻ khác phỉ báng Vương Mãnh, Phù Kiên nếu không trừng phạt gay gắt thì cũng roi vọt khảo tra. Em vợ Phù Kiên là Cường Đức “rượu say ngang tàng là nỗi lo cho dân chúng”, sau khi Vương Mãnh giết chết hấn đã phơi thây ở giữa chợ để giết một ngựa trăm. Đối với hành động đã kích vào bọn thị tộc quyền quý này của Vương Mãnh, Phù Kiên cũng hết lòng ủng hộ. Đây chính là điều rất hiếm thấy ở các chính quyền dân tộc thiểu số trong thời kỳ mười sáu nước.

Để xây dựng nên một cơ cấu chính quyền trong sạch, có công trạng, Phù Kiên đã quy định “Ai tìm được người hiền tài sẽ được thưởng, ai lạm dụng người tài để hầu hạ mình thì sẽ bị phạt”. Năm tên phú thương ở Bình

Dương. Bình Xương, Cửu Giang, Trần Lưu và An Lạc lợi dụng quần áo, xe pháo hoa lệ mà chẳng có tài năng thực tế để ra làm quan, đã bị “giáng tước xuống làm hầu”. Tế thừa Trình Tạc cũng vì “Văn án bất trị” mà đã bị bãi miễn. Do Phù Kiên sử dụng rộng rãi chính sách dùng người và quốc sách pháp trị này, lịch sử đã ghi chép rằng “Thời Tiên Tần các quan nội ngoại, tất cả đều xứng chức”. Thời Tiên Tần trên dưới đều đã nhận được sự rèn luyện thử thách của pháp chế, đã đạt được tới cực diện hưng thịnh. “Kiểm tra nghiêm ngặt, cường hào nín nhịn, của rơi trên đường không ai nhặt, nền phong hóa tốt đẹp”.

## **TU DƯỠNG SINH TỒN, PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

Trong thời kỳ mười sáu nước, những kẻ thống trị các tộc phương Bắc kéo dài kinh tế nhiều năm, nhân dân điêu linh khổ sở, đất đai hoang phế, nền kinh tế xã hội vấp phải sự phá hoại to lớn, Phù Kiên là một người thống trị có hùng tài đại lược, ông hiểu biết sâu sắc rằng kinh tế không phát triển, thì cho dù có ở Quan Trung, một nước có bốn bề hiểm yếu cũng khó có thể giữ được lâu dài. Vậy nên ông đã đặt việc khôi phục và phát triển sản xuất lên hàng đầu. Năm ông lên ngôi lại gặp chính vào năm đại hạn, ông liền hạ lệnh “đào hào qua khe núi để lấy nước, khiến cho công tư cùng hợp tác, cắt giảm binh lính để cho dân chúng nghỉ ngơi tu dưỡng”. Bản thân Phù Kiên cũng “giảm bữa ăn, bớt chi dùng, vàng ngọc gấm vóc đều phân chia cho binh sĩ, hậu cung tất cả đều bỏ lụa gấm áo không dài chấm đất”. Ông còn đích thân đi cày ruộng, bắt vợ nuôi tằm ở gần ngoài ô, chứng tỏ ông rất coi trọng nông nghiệp. Ông đã nhiều lần hạ chiếu, biểu dương và thưởng tước cho những “lực điền hiếu đễ”. Nhằm tránh vào đặc điểm miền Tây Bắc có nhiều tai nạn hạn hán, mở rộng phương pháp chia nhỏ ruộng của đời Hán. Năm 377 Phù Kiên phân phát từ vương hầu trở xuống cùng với các nhà hào phú tìm thuê ba vạn nô lệ, mở rộng vùng thượng du Kinh Thủy, đào núi đắp đê, thông mương dẫn nước, tạo phúc cho dân chúng, thu được hai tầng hiệu quả phòng lũ và chống hạn. Ông còn chú ý giảm bớt thuế khoá, phát chẩn cứu đói cho những người nghèo khổ.

Ông không những coi trọng nông nghiệp, còn ra sức phát triển công thương nghiệp, tích cực thông thương với bốn phương, không hạn chế đối với thương nhân từ nơi xa tới. Phương châm “thông quan thị, lai viễn phương” này đã khiến cho nền kinh tế Tiền Tần phát triển thêm một bước, đồng thời cũng đã tăng cường sự mua bán thông thương và hợp tác của các dân tộc. Trong vấn đề dân tộc, ông ra sức cải tổ chính quyền cũ của các dân tộc thiểu số, cho rằng: “phải chăm sóc lê dân, hòa hợp với Di Địch”, “cùng là thân hình con đỏ cả”, do đó đã sử dụng thuật “Nhưng Ngụy trộn hòa”, khiến cho quan hệ dân tộc được cải thiện mạnh mẽ, tạo ra hoàn cảnh xã hội tốt đẹp để phát triển kinh tế. Đối với giai cấp địa chủ Hán tộc, Phù Kiên đã sử dụng thái độ khoan hồng và tín nhiệm, để cho họ đảm nhiệm các loại quan chức, sử dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến của dân tộc Hán cho nên đã nhận được sự hợp tác và ủng hộ của giai cấp địa chủ Hán tộc.

Phù Kiên còn xây dựng nền giáo dục, ra sức đề xướng nền văn hóa Hán. Từ nhỏ Phù Kiên đã được rèn luyện hun đúc bởi những sách kinh điển nho gia, do đó ông đã không ngừng đẩy mạnh, tôn sùng và đề xướng văn hóa Trung nguyên để phát triển kinh tế, thực hiện hoài bão thống nhất thiên hạ. Phù Kiên đã muốn rất nhanh chóng bồi dưỡng ra hàng loạt nhân tài. Ông đã lấy Hán Vũ Đế, Quang Vũ Đế làm tấm gương để xây dựng nên giáo dục. Năm 357 ông đã xây dựng rộng rãi các cung tu học ở Trường An “triệu tập học sinh các quận ở trong nước thông thuộc từ một kinh trở lên tới học bổ sung, các con cháu từ hàng công khanh trở xuống đều được triệu tới thụ nghiệp. Người nào thông thạo nho học, có tài năng làm việc, thanh liêm thẳng thắn, hiếu để lưu điền đều được khen thưởng. Phù Kiên còn “tới Thái học viện một tháng ba lần, có khi còn đích thân “kiểm tra học sinh xem hiểu biết kinh nghĩa nông sâu thế nào”, “tức thì mọi người được khuyến khích”, nền nho giáo được phong thịnh, nhân tài liên tục xuất hiện. Đối với văn võ bách quan ở trong triều, đến cả các nô tì ở trong cung đều đòi hỏi họ phải học nho thông kinh điển. Phạm “các quan hưởng từ trăm thạch trở lên, không học thông một kinh, tài không thành một nghệ, đều bị bãi chức trở về làm dân”.

Nước Tiên Tần trải qua hơn mười năm cai trị của Phù Kiên, nền kinh tế đã được khôi phục và phát triển rất nhanh chóng. Lịch sử đã ghi chép rằng nước Tiên Tần khi đó “Quan Lũng ít yến tiệc, dân chúng giàu có sung sướng, từ Trường An tới các châu đều rợp bóng cây hoè liễu, hai mươi dặm có một đình, bốn mươi dặm có một quán dịch, người du hành được cung cấp ở dọc đường, trên đường có công thương mua bán. Dân chúng ca tụng “Trên đường phố Trường An, cây dương cây hoè xen kẽ, dưới có xe đi, trên có chim đậu, yến anh dập dìu khiến cho con người tươi vui phấn khởi.”

## **SAN BẰNG CÁT CỨ, THỐNG NHẤT BẮC PHƯƠNG**

Theo sau sự khôi phục và phát triển kinh tế, quốc lực ngày càng mạnh, Phù Kiên đã có đủ điều kiện thực hiện hoài bão chính trị của mình là “hỗn hợp sáu phương vào một nhà”, liền bắt đầu hành động thống nhất phương Bắc. Từ năm 370 ông bắt đầu diệt Tiên Yên trước, trước tiên chinh phạt họ Dương ở Cửu Tri, sau đó tiến quân vào Hán Trung đánh chiếm Ích Châu và Lương Châu của Đông Tấn “Tây Di Cùng Chả, Dạ Lang v.v... đều quy thuận cả”.

Ông lại tiến đánh rồi tiêu diệt Tiên Lương và Đại, cuối cùng năm 382 đã thuần phục được 36 nước Tây Vực, thống nhất được Bắc phương Trung Quốc. Trong cuộc chinh chiến chống sự cát cứ của các dân tộc thiểu số thống nhất phương Bắc, những tư tưởng mưu lược của Phù Kiên đã được ứng dụng một cách đầy đủ, khiến cho những cuộc chinh chiến này đã đạt được mục đích thống nhất phương Bắc lại đã tỏ ra có lý, có lợi và có khí tiết. Ví dụ như năm thứ tư Thái Hòa Tấn Phế Đế, đại tướng Đông Tấn là Hoàn Ôn dẫn đầu năm vạn quân phạt Yên, cả nước Tiên Yên kinh khủng, một mặt cử Mộ Dung Thùy dẫn quân ra nghênh đánh, một mặt cử người cầu cứu Tiên Tần là Phù Kiên, hơn thế còn bằng lòng cắt đất từ phía Hồ Lao ra để làm lễ đền ơn. Từ lâu, Phù Kiên đã muốn tiêu diệt Tiên Yên, liền lợi dụng cơ hội này xuất quân viện Yên, khiến cho Tiên Yên chuyển nguy thành yên. Yên vương Mộ Dung Vĩ hoang dâm vô độ, phụ chính Mộ Dung

Bình liêu lĩnh thu vét tiền của, khiến cho “những người dưới quyền phải nghiêng rặng”. Sau khi Hoàn Ôn lút quân, Phù Kiên cử người tới đòi lại điều ước trước, Yên Thái phó Mộ Dung Bình không những không cho mà còn mỉa mai Tần sứ rằng:

- Hành nhân lỗ lời, cứu hoạn nạn phân khốn khó, đó là lẽ thường của nước láng giềng, vì có gì lại tới đòi hồi lộ nặng như thế?

Bọn Mộ Dung Bình còn ghen tỵ hờn oán uy danh của Mộ Dung Thùy, tìm cách hãm hại Mộ Dung Thùy, thậm chí còn muốn giết hại ông, bức bách Mộ Dung Thùy phải dẫn quân tới theo Phù Kiên. Phù Kiên muốn diệt Yên từ lâu, chỉ dựa vào việc ghen ghét uy danh của Mộ Dung Thùy còn chưa dám khinh động. Mộ Dung Thùy tới theo đã giải trừ được nỗi lo nghĩ của ông, tức thì năm 370, lấy lý do Tiền Yên nuốt lời, Phù Kiên đã cử Vương Mãnh dẫn mười viên tướng cùng sáu vạn bộ binh, kỵ binh tới phạt Yên, đánh mạnh vào Hồ Quan (phía Bắc thành phố Trường Trị tỉnh Sơn Tây), Tấn Dương (Thái Nguyên bây giờ). Tuy Mộ Dung Bình của Tiền Yên đã dẫn bốn mươi vạn binh mã tới cứu hai thành, thế nhưng do Vương Mãnh đã vòng quanh đốt cháy hết xe cộ và lương thảo của Tiền Yên, cộng thêm việc quân Yên không hề có ý chí chiến đấu, nên đã nhanh chóng bị Vương Mãnh đánh bại. Phù Kiên lại đích thân dẫn mười vạn tinh binh tăng viện, hạ được Nghiệp thành, Yên chủ Mộ Dung Vĩ bị bắt, Lục Di hào từ các châu quận Tiền Yên đều phải đầu hàng, Tiền Yên bị diệt vong. Phù Kiên từ việc cứu Yên, đến diệt Yên xuất quân nổi tiếng tiến đánh thuận lợi, chiến tích huy hoàng. Ông đã tiêu diệt được Cừ Trì Dương Thị (thị tộc) cũng là do sau khi Cừ Trì Công Dương Trì chết, con trai của ông đã phản bội Tiền Tần. Trước khi phạt Lương, Phù Kiên đã sai sứ giả đưa thư tới trước quân, bắt Tiền Lương chủ là Trương Thiên Tứ đầu hàng. Trương Thiên Tứ không đầu hàng, mới cử đại binh tấn công tiêu diệt. Năm 382, Phù Kiên ra lệnh cho quý tộc thị tộc Lữ Quang dẫn bảy vạn quân tiến vào Tây Vực. Trước khi Lữ Quang đi, Phù Kiên nhắc nhở cảnh giới Lữ Quang nhiều lần, tập tục của người Khương Tây Vực, chớ có lạm dụng dùng binh bừa bãi, tàn sát cướp bóc quá sâu, phải dùng cả ân lẫn uy để giương cao uy đức của nước

Tiền Tần. Do Lữ Quang đã quán triệt một cách tương đối tốt tư tưởng này, ba mươi sáu nước Tây Vực, thảy đều quy thuộc.

Phù Kiên thống nhất được phương Bắc, đã kết thúc được cục diện phương Bắc phân liệt cát cứ kể từ khi loạn Vĩnh Gia đến đây. Bản đồ của nó “Nam đến Tây Nam biên thủy, Đông tới khu vực Hoài Tứ, Tây tới Tây Vực, Bắc tới tận sa mạc”. Mấy chính quyền trong ngoài xung quanh biên cương đều hòa hảo với nó. Và như vậy, Tiền Tần đã trở thành chính quyền của dân tộc thiểu số đầu tiên của phương Bắc Trung Quốc đã được thống nhất, đã trở thành một nước có quốc lực mạnh nhất trong mười sáu nước của Ngũ Hồ.

Phù Kiên là người thống trị của dân tộc thiểu số, vẫn được coi là một chính trị gia, quân sự gia và mưu lược gia. Ông trọng dụng nhân tài dùng pháp trị quốc, phát triển kinh tế thống nhất Bắc phương, có những cống hiến quan trọng trong lịch sử. Thế nhưng sau khi ông thống nhất Bắc phương đã dần dần trở nên kiêu ngạo, trước đây rất chịu khó nghe theo lời can gián, khiêm tốn thận trọng, về sau không nghe nổi lời khuyên bảo, thích khoe khoang công lao, chỉ làm theo ý riêng mình. Đặc biệt là trên vấn đề phạt Tấn, Phù Kiên đã có biểu hiện nôn nóng, ông muốn thống nhất Trung Quốc, thực hiện hoài bão chính trị của mình, đã có một mặt tích cực của ông, thế nhưng Phù Kiên đã dự tính một cách sai lầm thực lực của Đông Tấn trong thời kỳ Tạ An, dùng binh lại “trước sau ngàn dặm, cờ trống âm ỉ”, chiến tuyến quá dài. Phù Kiên những muốn dùng “quân đông thế mạnh” giống như “gió giật quét sạch lá thu” lấy nước Tấn một cách dễ dàng. Kết quả là một trận ở Phì Thủy, một trăm vạn đại quân của Tần đã bị cha con họ Tạ đánh cho đại bại. Chủ tướng Phù Dung bị giết, Phù Kiên thân bị nỏ bắn bị thương, ngượng ngùng chạy trốn về Lạc Dương. Từ đó, Tiền Tần như người bị què không gượng dậy nổi, hơn thế đã dẫn đến sự tan rã của Tiền Tần và phương Bắc lại một lần nữa bị phân liệt lớn. Năm thứ mười Thái Nguyên (năm 385) Phù Kiên đã bị thủ lĩnh tộc Khương là Diêu Trường bắt sống ở núi Ngũ Tướng (Đông Bắc Kỳ Sơn, Thiểm Tây ngày nay) đem về Tân Bình (huyện Lâm, tỉnh Thiểm Tây ngày nay) bức Phù

Kiên giao nộp ngọc tỷ, nhường lại ngôi vua. Phù Kiên quát chửi Diêu Trường, Diêu Trường liền sai sứ bức Phù Kiên phải tự sát. Phù Kiên sợ Khương Nô làm nhục con gái mình, liền trước hết giết chết con gái, sau đó tự thắt cổ chết ở trong chùa, năm đó tuổi mới bốn mươi tám.

## 58. THÔI HẠO

### **KHÉO MƯU ĐẠI SỰ, GIỎI LÀM THẦY VUA**

Thôi Hạo (? - 450) tự là Bá Uyên, tên lúc nhỏ là Đào Giản là mưu thần quan trọng trong thời kỳ Bắc Ngụy Nam Bắc Triều. Tổ tiên của ông ở Thanh Hà (phía Tây huyện Vũ Thành, tỉnh Sơn Đông ngày nay), xuất thân từ gia đình dòng dõi, từ nhỏ đã thích văn học, quảng thiệp kinh sử, huyền tượng âm dương, bách gia chư tử, ông đều nghiên cứu cả. Trong thời kỳ từ Đạo Vũ Đế đến Thái Vũ Đế, Bắc Ngụy đã đảm nhiệm qua các chức vụ Trước tác lang, Bác sĩ tế tửu, Thích sử Thương Châu, Thái thường khanh, Thị trung, Phụ quốc đại tướng quân, Tư đồ v.v... Năm 450, bởi viết lịch sử đất nước đã xúc phạm Thái Vũ Đế cho nên đã bị giết.

Thôi Hạo túc trí đa mưu, khéo nói giỏi làm, thường tự ví mình như Trương Lương thời Tây Hán. Từ thời Minh Nguyên Đế trở đi, Thôi Hạo đã thường xuyên tham gia mưu hoạch và quyết định các việc quốc gia đại sự. Bởi vì trên thực tế đã có nhiều lần chứng minh mưu lược của ông cao siêu, tính toán không thiếu sách lược nào, cho nên Minh Nguyên Đế Thái Bạt Tự và Thái Vũ Đế Thái Bạt Đạo vô cùng quý trọng ông, thường xuyên đối đãi với ông như đối đãi với người thầy, mời vào trong phòng ngủ để bàn việc cơ mật. Năm 429, sau khi giành được đại thắng trong cuộc Bắc phạt Nhu Nhiên, Thái Vũ Đế Thái Bạt Đạo thường trở vào Thôi Hạo nói với các thống soái quân địch mới quy thuận rằng:

- Các người nhìn con người này, mảnh khảnh yếu đuối, không thể giương cung cầm mâu, thế nhưng những điều chứa chất trong bụng vượt qua mọi binh khí. Trẫm tuy có ý chinh phạt, thế nhưng do dự không thể quyết đoán được. Việc đánh thắng trước sau đều do người này dạy cho cả!

Những việc quân quốc đại sự mà Thôi Hạo tham dự mưu hoạch chủ yếu có sáu điều dưới đây:



Mưu việc đại sự thứ nhất là kiến nghị với Minh Nguyên Đế khuếch trương những điểm mạnh, ẩn giấu những chỗ yếu, không thể vì việc tránh tai nạn đói kém mất mùa mà xem thường việc dời đô. Bắc Ngụy là một quốc gia do người tộc Tiên Ti lập nên vào năm 386, thủ đô ở Bình Thành (thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây ngày nay), đất nước của họ lúc đầu ở một vùng đất phía Nam Nội Mông và phía Bắc Sơn Tây ngày nay, về sau dần dần mở rộng tới vùng đất phía Đông Thái Hành Sơn. Năm thứ hai Minh Nguyên Đế Thân Thụy (năm 415) trong đất nước Ngụy nhiều năm bị sương muối hạn hán, mùa màng thất thu phát sinh thiếu lương thực. Thái sử lệnh là Vương Lượng, Tô Thản căn cứ vào cách nói mê tín, khuyên Minh Nguyên Đế Thác Bạt Tự đem quốc đô từ Bình Thành rời đến Nghiệp Thành (huyện Lâm Chương, tỉnh Hà Bắc ngày nay). Thôi Hạo nhận chức bác sĩ Tế Tửu lúc đó cho rằng nếu dời đô tới Nghiệp Thành, một là kẻ địch cũ ở phương Bắc, tộc Nhu Nhiên tất sẽ thừa cơ xâm lược xuống phía Nam, uy hiếp hậu phương của nước Ngụy. Hai là người Hán vừa bị chinh phục không lâu, nhìn thấy tình hình thực tế số người của các tộc Tiên Ti có hạn, nền văn hóa lạc hậu, có khả năng sẽ nảy sinh lòng si nhục bêu riếu, đem lại những hậu quả không tốt, do đó ông đã tới gặp Minh Nguyên Đế, khuyên Minh Nguyên Đế khuếch trương những điểm mạnh, ẩn giấu những chỗ yếu, bàn bạc mưu kế lâu dài, không thể vì việc tránh tai nạn đói kém do mất mùa mà tùy tiện dời đô được. Thôi Hạo nói:

- Đất nước dời đô tới Nghiệp, tuy có thể tạm thời giải quyết được nạn đói trong năm nay, thế nhưng đó không phải là kế sách lâu dài. Người Đông Châu (các châu phía Đông Thái Hành Sơn) từ trước vẫn cho rằng nước Ngụy ở trên mảnh đất mênh mông vắng vẻ, tích trữ của dân chúng nhiều như lông bò. Bây giờ nếu dời đô, các châu ở phía Đông chẳng phân phối được bao nhiêu người, hơn thế, để cho người Tiên Ti với người Hán sống lẫn lộn ở các nơi, nằm trong núi rừng hoang rậm, thủy thổ bất hợp, bệnh tật hoành hành có thể khiến cho ý chí của con người tiên tán. Mọi người ở bốn phương biết được tình hình thực tế, cũng dễ dàng nảy sinh ra quan niệm miệt thị và si nhục người Tiên Ti. Đồng thời, các bộ tộc như Nhu Nhiên

v.v... ở phương Bắc cũng có thể thừa cơ kéo vào. Lúc đó, Vân Trung, Bình Thành sẽ có mối lo rơi vào trong tay kẻ địch, cho dù muốn có quân kinh sư tới cứu viện, bởi vì ở giữa cách Hằng Sơn Đại Thổ, cự ly ngàn dặm e rằng có tới cũng không kịp. Có thể nhìn thấy ở đây cả thanh và thực, hai mặt đều rất bất lợi cả. Nếu tạm thời không dời đô, cho dù Sơn Đông có phát sinh ra biến loạn cũng có thể dùng kinh kỵ kéo ra phía Nam, điều võ dương oai, mọi người không biết thực hư, tất nhiên sẽ nhìn thấy bụi mà sợ hãi kính phục. Đây chính là phương lược lâu dài dùng uy khống chế Trung Nguyên của đất nước. Lại nói tới mùa xuân năm sau có chăn nuôi súc vật phát sinh, sữa pho mát đầy đủ, lại thêm có táo, đủ để tiếp tế cho mùa thu sang năm. Nếu như lại có một vụ thu hoạch mùa hè thì tình thế có thể biến đổi tốt đẹp được.

Thác Bạt Tự nghe những lời bàn luận cao siêu này cảm thấy rất có lý lẽ liền quyết định không dời đô nữa. Thời gian trôi qua một năm quả nhiên Bắc Ngụy đã vượt qua được thời kỳ khó khăn. Thác Bạt Tự đã vì việc này mà quyết định trọng thưởng Thôi Hạo, ban cho ông một chiếc áo ngự y và hàng loạt vải lụa.

Mưu lược lớn thứ hai là: kiến nghị Minh Nguyên Đế đứng bên kia bờ xem lửa cháy, đồng ý cho Lưu Dụ mượn đường tiến đánh Hậu Tần. Năm 416 vua nước Hậu Tần là Diêu Hưng bị ốm chết, các con của Diêu Hưng vì tranh quyền thừa kế đã phát sinh ra nội chiến, vùng đất Quan Trung hỗn loạn tới bời. Thái úy Đông Tần là Lưu Dụ cho rằng có khả năng lợi dụng được cơ hội, liền quyết định xuất quân tiến đánh Hậu Tần. Quân đội của Lưu Dụ từ Hoài Hà, Tứ Thủy vào Hoàng Hà, muốn mượn đường nước Ngụy từ phía Tây nhập vào Đông Quan, Minh Nguyên Đế Thác Bạt Tự nhận được tin báo liền triệu tập các quần thần để thương thảo đối sách. Đa số các đại thần cho rằng, Đông Quan hiểm yếu, quân Tấn khó vào được. Lưu Dụ phao tin phạt Tần nhưng thực ý của Lưu thế nào thì rất khó lường. Do đó, nên phát quân đi cắt đứt dòng sông thượng lưu, không để cho Lưu Dụ tiến vào phía Tây. Minh Nguyên Đế chuẩn bị tiếp nạp ý kiến của các

quần thần, cự tuyệt việc mượn đường của Lưu Dụ, thế nhưng Thôi Hạo đã đứng ra phản đối nói:

- Cự tuyệt việc mượn đường của Lưu Dụ không phải là thượng sách. Căn cứ vào sự phán đoán của tôi, Lưu Dụ thực sự muốn nhân cơ hội Hậu Tần nội loạn mà được Quan Trung, hơn thế, nếu không đạt được mục đích thì sẽ không cam tâm dừng lại. Một con người nóng nảy như Lưu Dụ thế này, thường chẳng lo gì tới hậu hoạn. Nếu cản trở bịt chặt con đường Tây tiến của Lưu rất có khả năng Lưu sẽ lên bờ Bắc phạt. Như vậy thì Hậu Tần vô sự, ngược lại chúng ta sẽ nhận địch thay cho họ. Trước mắt Nhu Nhiên không ngừng nội xâm, trong nước thiếu lương thực, chúng ta không nên xuất quân đón địch. Nếu xuất quân kéo về phía Nam, thì kẻ địch phương Bắc sẽ tiến đánh. Nếu xuất quân cứu Bắc thì phương Đông lại đối mặt với nguy hiểm. Do đó, chi bằng cứ cho Lưu Dụ mượn đường, tha hồ cho chúng nhập vào Quan, sau đó ta sẽ bịt chặt lối về của chúng. Làm như vậy thì sẽ nhất cử lưỡng đắc, giống như Biện Trang đâm hổ vậy. Giả sử Lưu Dụ được thắng, tất nhiên hẳn sẽ phải cảm cái ơn mượn đường của chúng ta. Nếu Hậu Tần được thắng, ta cũng không mất cái tiếng đã cứu nước láng giềng. Lùi lại một bước mà nói, cho dù Lưu Dụ giành được Quan Trung, cũng có thể vì hẳn trợ trợ ở viễn phương mà khó lòng giữ vững được. Hẳn không giữ được, cuối cùng sẽ là vật của ta. Làm như vậy lính không mỏi, ngựa không mệt, đứng bên kia sông nhìn lửa cháy, khiến cho hai con hổ cấu xé nhau mà ta cứ ngồi ung dung thu lợi lâu dài. Đây mới chính là thượng sách. Suy nghĩ vì sự hưng vong của đất nước, cần phải hướng theo nguyên tắc hướng lợi tránh hại để quyết định hành động của mình.

Mưu lược của Thôi Hạo tuy rất cao siêu, thế nhưng đa số đại thần vẫn kiên trì ý kiến của mình, cuối cùng Thác Bạt Tự đã tiếp thu ý kiến của đa số đại thần, cử đại tướng Trương Tôn Tung xuất binh đánh lại Lưu Dụ. Kết quả là Trương Tôn Tung bị bộ tướng của Lưu Dụ là Chu Siêu Thạch đánh bại ở Bạt Thành, thương vong rất thảm hại nặng nề. Minh Nguyên Đế nghe được tin này rất hối hận là đã không tiếp nhận kế sách của Thôi Hạo.

Khi đại quân của Lưu Dụ tiến vào Lạc Dương, thái thú quận Tề của Đông Tấn là Vương Ý đầu hàng Bắc Ngụy rồi khuyên Bắc Ngụy cử quân tập kích đường phía sau của Lưu Dụ. Minh Nguyên Đế đem việc đó thương lượng với Thôi Hạo nói:

- Tiền quân của Lưu Dụ đã tới Đồng Quan, theo ý kiến của người thì hẳn có thể thành công được không?

Thôi Hạo nói:

- Lưu Dụ binh giỏi tướng khỏe, Hậu Tần lại có khe hở có thể đánh vào, theo ý kiến của thần tất thắng không còn nghi ngờ gì nữa. Thế nhưng các tộc ở Quan Trung sống lẫn lộn phong tục bất đồng, khó có thể cai trị được. Lưu Dụ có được Quan Trung cũng khó có công trạng gì. Chúng ta huấn luyện quân sửa soạn vũ khí, để cho dân chúng nghỉ ngơi chuẩn bị biên cương, để đợi chúng quay về. Cuối cùng thì đất Tần sẽ là của ta. Do vậy, ngồi mà giữ vẫn là thượng sách, không nên xuất quân đánh Lưu.

Lần này Thái Bạt Tự rất tán đồng ý kiến của Thôi Hạo. Hai người còn chuyện trò trên trời dưới biển tới tận đêm khuya, ra về còn tặng Thôi Hạo mười hộc rượu ngự, một lương muối nhưng thủy tinh để tỏ lòng yêu quý.

Mưu lược lớn thứ ba là kiến nghị Minh Nguyên Đế giành dụm vốn đã có để ngăn ngừa sự gian ngoan ma giáo xấu xa của trái tim hoàng vị, bảo đảm cho chính quyền quốc gia quá độ hòa bình. Thôi Hạo biết sâu sắc rằng người Tiên Ti thống trị Bắc Ngụy từ trước vẫn thiếu truyền thống lập Thái tử, kết quả là khi quốc vương qua đời, các con em của họ thường tranh giành hoàng vị phát sinh ra nội chiến, nguy hại tới quốc gia. Đặc biệt là Minh Nguyên Đế trong nhiều năm sức yếu nhiều bệnh, vấn đề người kế thừa càng nổi lên đột xuất. Chính trong lúc Thôi Hạo lo lắng về vấn đề này, Minh Nguyên Đế Thái Bạt Tự đã bí mật nói với Thôi Hạo:

- Năm nay (năm 416) các tai họa kỳ lạ của đất nước đã nhiều lần xuất hiện, bệnh tình của trẫm lại không có chuyển biến tốt. Nếu một khi trẫm qua đời các con còn nhỏ tuổi thì biết làm thế nào? Trẫm mong khanh suy nghĩ giúp trẫm kế sách sau này.

Thôi Hạo một mặt an ủi Thác Bạt Tự yên tâm chữa bệnh, chớ có nghe theo những lời bàn tán ra vào, đồng thời thừa cơ kiến nghị Thác Bạt Tự sớm xác định Thái tử, bồi dưỡng quan hai triều đại để bảo đảm sự quá độ hòa bình của chính quyền nhà nước.

Thôi Hạo nói:

- Bệ hạ sẽ còn sống lâu, thánh nghiệp rộng trải, lấy đức trừ tai, điều may mắn sẽ tới. Hơn nữa đạo trời huyền diệu, hoặc tiêu hoặc ứng. Ngày xưa Tống Cảnh nhìn thấy tai họa đã tu nhân tích đức, tai họa đã lùi xa. Xin hê hạ rũ bỏ hết các nỗi lo phiền, tinh thần bình tĩnh, nạp ngự gia phúc, không nghe những lời ám muội để làm tổn thất thánh tư. Vạn bất đắc dĩ, xin cho thần được trình bày: Kể từ khi thánh hóa long hưng, không chú ý quan sát hai triều, cho nên bắt đầu từ Vĩnh Hưng, xã tắc đã mấy lần nguy nan (chỉ sau khi Đạo Vũ Đế bị giết, đất nước không có chủ cố định, nên đã xuất hiện nội loạn). Ngày nay nên sớm xây dựng Đông Cung, tuyển chọn các công khanh trung hiền, những người mà bệ hạ vẫn uỷ thác nương dựa từ trước để phong làm sư phụ, giảm bớt các tín thần tả hữu ở trong tâm thánh để bổ sung vào khách bạn (rồi sai họ) ở trong thì thống lĩnh vạn điều cơ mật, ra ngoài thì thống lĩnh hung chính, chỉ huy quân lính cai trị đất nước, quyền bính nắm giữ trọn trong tay. Nếu được như vậy thì bệ hạ có thể vui vẻ thanh nhàn, di thần dưỡng thọ, uống thuốc chữa bệnh. Sau khi vạn tuế, nước đã có chủ, dân chúng quy theo, những mong muốn ma giáo sẽ không còn hy vọng. Đây chính là điển lệnh muôn đời, ngăn giữ mọi tai họa vậy. Ngày nay Hoàng Trưởng Tử (Thác Bạt) Đạo tuổi sắp chu tinh (mười hai tuổi), ôn hòa sáng suốt, tình cảm chứa chan, kịp thời dự trữ ngôi vị, tất sẽ may mắn cho thiên hạ lắm. Dùng con trưởng để truyền ngôi, đó là đại kinh của Lễ. Nếu cứ đợi chờ thành người lớn mới tuyển chọn, thì sẽ trái với thiên luân, sẽ nảy sinh ra tai họa như đi trên lớp băng mỏng. Từ xưa tới nay các sách điển tịch đã ghi chép, sự hưng suy tồn vong rất ít khi không như vậy.

Minh Nguyên Đế vô cùng cảm động đối với những ý kiến của Thôi Hạo, lập tức viết văn sách cáo tông miếu lập trưởng tử Thác Bạt Đạo làm phó

chủ, ngồi ngôi chính điện lúc lâm triều, sai Tư đồ Trương Tôn Tung, Sơn Dương Công Hề Cận, Bắc Tân An cùng làm phò tá. Thái úy Mục Quan, Tán kỵ thường thị Khâu Đôi, Bạch mã Công Thôi Hạo làm Hữu Bật, hiệp trợ với Hoàng Thái tử chủ trì bách cung nghị chính. Minh Nguyên Đế thì tránh ra ở Tây Cung, thỉnh thoảng nghe trộm Thái tử nghị chính, kết quả là vô cùng mãn ý. Sau đó, các quần thần đã nhiều lần thỉnh tấu Minh Nguyên Đế các vấn đề nghi hoặc khó khăn, Minh Nguyên Đế liền nói:

- Những việc này ta không quản nữa, các khanh tới tìm Thái tử để quyết định!

Kiến nghị hợp thời và quan trọng này của Thôi Hạo đã khiến cho chính quyền Bắc Ngụy đã giải quyết được một cách thuận lợi vấn đề giao ban, từ đó đã tránh khỏi được cục diện hỗn loạn do chính quyền thay đổi mà xảy ra, như vẫn thấy từ trước đến nay.

Mưu việc đại sự thứ tư là kiến nghị với Minh Nguyên Đế trải rộng điều nhân nghĩa với thiên hạ, không nên thừa dịp Lưu Dụ chết mà phạt Tống. Năm 422, Tống Vũ Đế Lưu Dụ bị bệnh chết ở Kiến Khang. Bắc Ngụy Minh Nguyên Đế được biết việc này, liền muốn nhân cơ hội đánh Tống, xâm chiếm đất đai Lạc Dương, Hồ Lao v.v. Một mặt Thôi Hạo cho rằng đánh lúc người ta có tang là bất nghĩa, dễ mất lòng dân, chưa chắc có thể thắng được, do đó đã kiến nghị với Minh Nguyên Đế rằng:

- Mỗi quan hệ giữa bộ hạ với Lưu Dụ vốn dĩ rất tốt, lúc ông ta còn sống cũng rất kính trọng bộ hạ. Hiện tại không may ông ta đã qua đời, nếu chúng ta thừa lúc có tang mà đánh xuống phía Nam, cho dù có thể chiếm lĩnh được một số địa phương, trên mặt chính trị cũng không có lợi. Trong thời kỳ Xuân Thu Sĩ Cáo người nước Tấn dẫn quân đi đánh Tề, trên đường nghe nói Tề Hầu qua đời liền rút ngay quân trở về. Người đời từ xưa tới nay đều ca tụng hành vi không lợi dụng có tang tới đánh nước người, cho rằng làm như vậy có thể cảm động được con cháu người chết, lại có thể giành được sự kính trọng của các nước chư hầu. Và lại, hiện tại chúng ta còn chưa đủ lực lượng đánh một trận là định được Giang Nam. Do vậy nên cử người

vào Tống điều tang thăm hỏi những người cô đơn, xót xa tai họa hung dữ của họ, ban phát điều nhân nghĩa cho họ. Việc làm đó rất có ý nghĩa trên mặt chính trị. Nếu như vậy, các loại báu vật của phương Nam sẽ không cầu mà đến. Đồng thời Lưu Dụ vừa chết, phe cánh của ông ta chưa ly tán, nếu kéo quân tới biên giới của họ, nhất định họ sẽ đoàn kết lại, còn chúng ta lại không có sự đảm bảo tất thắng. Như vậy sao bằng ta tạm hoãn việc xuất quân để chờ xem sự biến đổi của họ. Từ nay về sau, nếu xuất hiện bọn cường thần tranh quyền, biến loạn nổi lên như ong thì chúng ta sẽ ra lệnh cho tướng sĩ ra oai, có thể không một nhọc binh lính mà định được Hoài Bắc.

Thế nhưng Thác Bạt Tự đã quyết định đánh xuống phía Nam, không tiếp thu kiến nghị của Thôi Hạo, trái lại còn quở trách Thôi Hạo:

- Lưu Dụ đã thừa lúc Diêu Hưng chết mà tiến đánh nước Tần, nay ta thừa lúc Lưu Dụ chết mà phạt Tống thì làm sao mà không được?

Thôi Hạo trả lời:

- Tình trạng của hai sự việc đó không hoàn toàn giống nhau. Năm đó, sau khi Diêu Hưng chết, hai con tranh quyền, nội loạn nổi lên, Lưu Dụ mới thừa cơ xuất binh. Hiện tại, sau khi Lưu Dụ chết, nước Tống lại không xuất hiện tình hình như vậy.

Minh Nguyên Đế vẫn không nghe lời khuyên bảo của Thôi Hạo, vẫn kiên trì việc xuất quân đánh Tống. Về sau nhiều năm trải qua khổ sở vì chiến tranh, Bắc Ngụy tuy cuối cùng đã cướp được Lạc Dương, Hồ Lao v.v... Thế nhưng trên mặt chính trị và quân sự đều đã phải trả giá rất cao, trên thực tế là cái được không thể bù lại cái mất.

Mưu việc đại sự thứ năm là: Kiến nghị Thái Vũ Đế hãy treo quyền lại để hành động, trước hết đánh Tây Hạ để tiêu trừ sự uy hiếp ở cánh quân bên cạnh của Bắc Ngụy. Năm 423, Bắc Ngụy Minh Nguyên Đế Thác Bạt Tự bị bệnh qua đời, Thái tử Thác Bạt Đạo kế vị, đó là Thái Vũ Đế. Thái Vũ Đế anh vũ đáng sợ, ôm ấp hùng tâm tráng trí tiêu diệt quần hùng, thống nhất phương Bắc. Lúc đó nước Ngụy bốn mặt đều có địch: Bắc có Nhu Nhiên,



Tây có nước Hạ, Đông có Bắc Yên, Nam có Lưu Tống, trong đó kẻ địch có uy hiếp lớn nhất đối với nước Ngụy là Nhu Nhiên và nước Hạ. Năm thứ ba Thái Vũ Đế Thủy Quang (năm 426) vào tháng giêng vua nước Tây Tần bị nước Hạ tiến đánh đã sai sứ tới Ngụy, mời Ngụy cất quân đánh Hạ. Tức thì Thái Vũ Đế để cho quần thần thảo luận xem trước hết nên đánh nước nào? Thái úy Trường Tôn Tung, Tư không Hề Cân v.v... chủ trương trước hết đánh Nhu Nhiên, duy chỉ có Thái Thường khanh Thôi Hạo lại cho rằng: Nhu Nhiên đất ở xa mà lại nước lớn, nước Hạ đất gần mà nước nhỏ, hơn nữa Hạ có “chính trị, hình luật bạo ngược, nhân thần phế bỏ” dễ đánh để diệt, do đó nên đánh Hạ trước để tiêu trừ sự uy hiếp cạnh bên cạnh của Ngụy, sau đó sẽ tập trung tinh lực tiến lên Bắc đánh Nhu Nhiên. Đối mặt với những ý kiến bất đồng của đại thần, Thái Vũ Đế chưa dám quyết đoán ngay lập tức. Tháng 9 cùng năm sau khi quốc chủ nước Hạ là Hách Liên Bột Bột chết, các con của ông ta đánh lẫn nhau, trong nước hỗn loạn, Thái Vũ Đế có khuynh hướng thừa cơ đánh Hạ, thế nhưng bọn Trường Tôn Tung v.v... vẫn cản trở, còn Thôi Hạo lại một lần nữa đã tiến hành luận chứng từ các phương diện thiên thời địa lợi v.v... cho rằng điều kiện đánh Hạ đã chín muồi, thời cơ không được để mất. Thái Vũ Đế cũng đã tiếp thụ kiến nghị của Thôi Hạo, tức thì sang tháng 10 đã chia quân thành hai đường, cất đại quân đánh Hạ. Một đường do Tư không Hề Cân dẫn bốn năm vạn quân qua Bồ Bản (huyện Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây ngày nay) đánh vào phía Tây Trường An. Một đường do Thái Vũ Đế đích thân dẫn quân chủ lực qua bến Quân Tử đánh Đô Hạ Thống Vạn (phía Tây huyện Hoàn Sơn tỉnh Thiểm Tây ngày nay). Tháng 12, Hề Cân đánh chiếm Trường An, Thái Vũ Đế cũng tiến đến chân thành Thống Vạn, phá huỷ cửa Tây thành này, giết chết vài vạn người, giành thắng lợi trở về. Tháng 5 năm sau, lại một lần nữa Thái Vũ Đế dẫn quân về phía Tây đánh thành Thống Vạn. Thành Thống Vạn này là do quốc chủ nước Hạ Hách Liên Bột Bột hạ lệnh xây dựng vào năm 413. Nền thành rộng ba mươi bộ (một bộ dài năm thước), cao hơn sáu trượng, đất xây thành đều qua nung chín, độ nung có thể mài dao mài búa được. Thái Vũ Đế biết được thành Vạn Đế cứng rắn đã quyết định tránh tấn công mà phải dùng trị để đoạt lấy. Khi quân Ngụy tiến



đến gần thành Thống Vạn, Thái Vũ Đế lập tức chia quân ra mai phục ở khe sâu, chỉ dùng một số ít quân tới chân thành khiêu chiến. Hạ chủ là Hách Liên Xương kiên quyết giữ thành không ra, tức thì Thái Vũ Đế một mặt lui quân tỏ ra là mình yếu, cướp bóc dân chúng của họ, đồng thời sai quân sĩ làm ra vẻ đắc tội, chạy trốn đến Thống Vạn, nói rằng quân Ngụy đã cạn lương thực, binh lính phải ăn rau, xe chở còn ở đằng sau, bộ binh chưa đến, phải nên gấp rút đánh. Hách Liên Xương cả tin cho là thật, liền dẫn ba vạn kỵ binh ra khỏi thành nghênh chiến. Giữa lúc hai quân tiếp xúc nhau, bỗng nhiên có gió mưa từ phía Đông Nam tới, nhất thời cát bay đá chạy, trời đất mờ tối. Thị tùng của Thái Vũ Đế là Triệu Nhi liền hiến kế:

- Gió mưa từ phía sau lưng địch thổi tới, ta ở phía sau chúng. Trời không giúp ta rồi. Hơn thế quân sĩ đã đói khát, xin bệ hạ ra lệnh không đánh nữa để đợi tới ngày sau.

Thôi Hạo ở bên cạnh nghe nói thế vội vàng quở trách Triệu Nhi:

- Nói vậy là cứ làm sao, ta đi ngàn dặm để giành chiến thắng chỉ trong một ngày, sao có thể thay đổi thế được. Kẻ địch ham đánh, không dừng lại, hậu quân đã bị đứt, ta nên chia quân ra ẩn nấp tập kích bất ngờ. Gió mưa là ở con người, chẳng lẽ không phải là chuyện thường?

Thái Vũ Đế rất tán thưởng ý kiến của Thôi Hạo, liền ra lệnh cho kỵ binh chia ra làm hai đường phát động công kích từ phía sau lưng địch; ngược trở lại mưa gió đã biến thành có lợi cho quân Ngụy. Kết quả là quân Hạ đại bại, thành Thống Vạn bị phá vỡ, nước Hạ bị diệt vong.

Mưu việc đại sự thứ sáu là kiến nghị Thái Vũ Đế đánh địch lúc chúng không phòng bị, Bắc phạt Nhu Nhiên để tiêu trừ những lo phiền xảy ra sự cố về sau khi Bắc Ngụy Nam hạ Trung Nguyên. Sau khi tiêu diệt nước Hạ, Thái Vũ Đế Thác Bạt Đạo có ý muốn tiến lên Bắc đánh Nhu Nhiên, thế nhưng các công khanh đại thần phần lớn không bằng lòng, duy chỉ có Thôi Hạo ra sức bài xích nghị luận của mọi người, tán thành việc Bắc phạt. Trong khi biện luận với phái phản đối, trước hết Thôi Hạo phản bác luận điệu của cái gọi là “Được đất của họ không thể cày cấy mà ăn, được dân

của họ chẳng thể bắt họ xưng thần” và “Nhu Nhiên ranh mãnh vô thường khó có thể chế phục được” mà họ đề xuất ra. Tiếp đó ông nhấn mạnh Nhu Nhiên đã nhiều lần xâm nhập hầu như không năm nào là không tới cướp, nếu không tiêu diệt nước đó, một là đến mùa thu tất chúng sẽ quay trở lại, Bắc Ngụy sẽ không có ngày nào được yên ổn. Hai là không thể thay đổi được cục diện một đất nước mà trước bụng và sau lưng đều có địch, Nam hạ Trung Nguyên tất sẽ bị kiềm chế. Sau cùng ông trình bày rõ lý do thừa cơ lúc kẻ địch chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Thôi Hạo nói: “Kẻ địch cậy đường tới chỗ chúng xa xôi, cho rằng chúng ta không đủ sức tiến sâu vào đất liền của chúng, đã lâu ngày không hề phòng bị, cho nên mùa hạ phân tán quân đội đi chăn nuôi, mùa thu ngựa béo chúng tập hợp lại, lưng lạnh quay về phía ấm, xuống phía Nam cướp bóc. Mùa hạ năm nay nếu xuất kỳ bất ý, đánh vào lúc chúng không phòng bị, đại quân kéo đến, kẻ địch tất nhiên sẽ kinh sợ vạn phần chỉ còn biết lui trốn nhanh như gió cuốn. Quân ta thừa thắng tiến lên phía Bắc, có thể chỉ một trận đánh là xong. Đó chỉ là vất vả một lần mà giành được mối lợi lâu dài. Cơ hội đến tuyệt đối không được để lỡ”. Cuối cùng, phái phản đối bị bác bỏ, cam hòng chẳng nói được điều gì. Thái Vũ Đế quyết định Bắc phạt Nhu Nhiên. Tháng 5 năm đó, Thác Bạt Đạo dẫn quân đến Mạc Nam, sau đó bỏ lại xe nặng dẫn kỵ binh vượt đường xa tới đánh, xông thẳng tới Cốc Thủy (sông Khắc Lỗ Luân Mông Cổ ngày nay). Đúng như dự liệu của Thôi Hạo, Nhu Nhiên hoàn toàn không có sự chuẩn bị trước, vào trận đánh hoảng hốt kinh sợ, đốt cháy lều lán rồi chạy trốn về phía Tây. Thác Bạt Đạo chia quân đuổi đánh, giành được toàn thắng. Từ đó Nhu Nhiên ngã gục không gượng dậy nổi, nỗi lo phía sau của Bắc Ngụy Nam hạ Trung Nguyên đã được giải trừ từ đó.

## 59. TIÊU ĐẠO THÀNH

### TÔNG GIÁN SÁT MƯU, KINH LUÂN QUỐC SỰ

Tiêu Đạo Thành (năm 427 - năm 482) tự là Thiệu Bá, tên lúc nhỏ là Đẩu Tương, cháu đời thứ 24 của Tướng quốc Tiêu Hà thời Tây Hán. Tổ tiên ngày trước vốn ở Lan Lăng Đông Hải (Trấn Tảo Trang Dịch Thành Sơn Đông ngày nay), thời Triều Tấn di cư tới Vũ Tiến Tấn Lăng (tức Nam Lan Lăng, phía Tây Bắc Thường Giang Giang Tô ngày nay). Cha của ông là Tiêu Thừa Chi “tài sức vượt người” từng làm quan Thái thú Hán Trung vương triều Lưu Tống, Long Tương Tướng quân, về sau được thăng chức lên Hữu Quân tướng quân. Lúc 13 tuổi, Tiêu Đạo Thành đã tu nghiệp ở nho sĩ Lôi Thứ Tông, học tập các kinh điển của nho gia và “Tả thị Xuân Thu”, không lâu gác bút nghiên theo đường binh nhung. Năm 23 Nguyên Hạ (năm 446) thăng nhậm chức Trung Bình Tham quân của Thích sử Ung Châu Tiêu Tự Thoại. Sau khi Tống Minh Đế Lưu Húc kế vị, Tiêu Đạo Thành đã nhiều lần chỉ huy bình định quân phiến loạn, chức vụ không ngừng tăng tiến, đến khi Tống Hậu Phế Đế Lưu Dục ở ngôi, ông đã nắm giữ đại quyền của Lưu Tống. Tháng bảy Tháng Minh Nguyên Niên (năm 477) mưu sát Lưu Húc, lập Lưu Chuẩn làm Thuận Đế. Tháng tư năm thứ ba Tháng Minh (năm 479) phế đế tự lập, cải niên hiệu là Kiến Nguyên, đổi quốc hiệu là Tề, lịch sử gọi đó là Nam Tề. Sau khi chết miếu hiệu là Thế Tổ, thụy hiệu là Cao Đế, sử gọi là Tề Cao Đế. Tiêu Đạo Thành là chính trị gia, quân sự gia và mưu lược gia tương đối có nhiều công lao trong thời kỳ Nam Bắc triều. Trong cuộc đấu tranh mâu thuẫn giữa các giai cấp xã hội xen kẽ chằng chịt hồi đó, ông từ một “hào tộc áo vải” bước lên ngôi báu hoàng đế, tư tưởng và thủ đoạn mưu lược xuất sắc của ông đã có tác dụng rất to lớn.

**KHÉO DÙNG MƯU TRÍ,**

## **ĐỆP YÊN PHẢN LOẠN**

Sau khi Tống Minh Đế Lưu Húc kế vị, các nơi hăng hái phản đối Lưu Tống. Tiêu Đạo Thành được tấn phong làm Phụ quốc Tướng quân, phụng mệnh dân quân đi trấn áp bọn phiến loạn ở phía Đông Kiến Khang (Nam Kinh Giang Tô ngày nay). Quân đội của ông anh dũng thiện chiến, không lâu đã đánh chiếm được Tấn Lăng (Thường Châu Giang Châu ngày nay), một ngày phá được mười hai tòa doanh lũy của địch. Năm thứ hai Thái Thủy (năm 466) ông lại phụng mệnh bình định quân phiến loạn do người cháu Tiết Tố Nhi thống lĩnh của Tiết An Đô thích sử Từ Châu. Tại vùng phụ cận Thạch Lương (phía Tây huyện Thiên Trường tỉnh An Huy ngày nay), ông đã dùng quân mã mai phục quanh doanh trại, bộ binh ra khiêu chiến ở chính diện, sau đó với chiến thuật cùng bao vây của kỵ binh và bộ binh đã đánh bại được quân phiến loạn của Tiết Tố Nhi. Đồng thời với điều này, Lưu Húc cử Trương Vinh, Thẩm Chu Chi dẫn quân tiến đánh. Tiết An Đô đã đầu hàng Bắc Ngụy. Kết quả là đã bị quân Bắc Ngụy đánh cho đại bại ở Bành Thành (Từ Châu Giang Tô ngày nay). Lưu Húc lo lắng quân Bắc Ngụy tiếp tục xuống phía Nam xâm lược, lập tức cử Tiêu Đạo Thành trấn thủ Hoài Âm (phía Tây Nam Hoài Âm Giang Tô ngày nay). Năm thứ năm Thái Thủy (năm 469), Tiêu Đạo Thành thăng nhậm chức Quán quân Tướng quân, đôn đốc các việc quân sự ở ba châu Duyện, Thanh và Ký. Ông đã lợi dụng cơ hội này thu thập được rất nhiều hào kiệt mưu sĩ, uy danh ngày càng vang dội. Trong dân gian đã truyền đi câu nói “Tiêu Đạo Thành nên làm Thiên tử”, do đó dẫn tới sự nghi ngờ lo sợ của Lưu Húc, khiến ông muốn điều Tiêu Đạo Thành trở về Kiến Khang nhận chức để có lợi cho việc khống chế. Tiêu Đạo Thành không muốn trở về Kiến Khang, liền hỏi kế các mưu sĩ. Tham quân của ông là Tuân Bá Ngọc đã đưa ra một mẹo: Cử mây chục kỵ binh đi sâu vào trong đất Ngụy dụ cho quân Ngụy tới xâm phạm. Miếng võ này quả nhiên có hiệu nghiệm. Lưu Húc đành phải đồng ý cho Tiêu Đạo Thành vẫn trấn thủ ở Hoài Âm. Sau sự việc này có người can Lưu Húc, nói rằng Tiêu Đạo Thành có ý đầu hàng Ngụy, Lưu Húc liền sai Ngô Hỷ cầm bình rượu bạc tới tặng Tiêu Đạo Thành. Tiêu Đạo

Thành lo lắng trong rượu có thuốc độc, muốn bỏ trốn. Ngô Hỷ lấy thực tình bảo cho biết, ông mới dám uống bình rượu này, đã giải trừ được điều nghi hoặc của Lưu Húc. Tháng 7 năm thứ bảy Thái Thủy (năm 471), Lưu Húc lại ban chiếu lệnh cho Tiêu Đạo Thành trở về triều.

Các mưu sĩ của Tiêu Đạo Thành phản đối ông phụng chiếu. Thế nhưng ông cho rằng, nếu lại không trở về triều tất nhiên sẽ dẫn tới sự hoại nghi của Lưu Húc. Tức thì ông đã trở về Kế Khang, được bổ nhiệm làm Tán Kỵ Thường Thị, Thái Tử Tả vệ soái. Sau khi Lưu Dục (Hậu Phế Đế) kế vị, ông lại được thăng chức bổ nhiệm làm Hữu vệ tướng quân, Lĩnh Vệ úy (quản lý quân cấm vệ), cùng nắm giữ việc triều chính với Thượng thư lệnh Viên Xán, Hộ quân Chư Uyên, Lĩnh quân Lưu Diện.

Trong thời kỳ Tống hậu Phế Đế Lưu Dục nội bộ vương thất có biến loạn nổi lên. Tiêu Đạo Thành trong cuộc bình định loạn Lưu Hưu Phạm và loạn Lưu cảnh Tố, không những đã tỏ ra tài năng mưu lược quân sự của ông, mà còn tiến thêm một bước nắm giữ quyền bính của Vương triều Lưu Tống. Lưu Hưu Phạm là chú của Lưu Dục được phong làm Quế Dương Vương. Sau khi Lưu Dục kế vị, Lưu Hưu Phạm không được trọng dụng. Do vậy tháng 5 năm thứ hai Nguyên Huy (năm 474) đã dẫn hai vạn quân từ Tâm Dương (phía Tây Nam cửa Giang Giang Tây ngày nay) kéo thẳng tới Kiến Khang. Triều đình nghe tin vô cùng kinh sợ vội vàng khai hội để thương nghị đối sách. Tiêu Đạo Thành đã căn cứ vào tình hình Lưu Hưu Phạm cất quân khẩn cấp đề xuất không nên kéo quân đi xa để đón địch mà nên cố thủ ở Tân Đình (phía Nam thành phố Nam Kinh Giang Tô ngày nay), Bạch Hạ (phía Bắc Nam Kinh ngày nay), Thạch Đầu (phía Tây thành phố Nam Kinh ngày nay), Đông Phủ (phía Đông thành phố Nam Kinh ngày nay) của Kiến Khang và xung quanh, để cho quân lính khỏe khoắn đánh lại quân lính mệt nhọc, rồi tìm cơ hội tiêu diệt địch. Ông đã đích thân dẫn quân đội trấn giữ Tân Đình, còn để cho Cán Tướng đồn kỵ hiệu úy Hoàng Hồi và Việt kỵ hiệu úy Trương Kính Nhi trá hàng Lưu Hưu Phạm. Lưu Hưu Phạm không biết đó là kế nên rất tin nhiệm đối với Hoàng Hồi, Trương Kính Nhi cùng uống rượu, Trương Kính Nhi đã thừa lúc Lưu Hưu Phạm không

phòng bị, đoạt lấy đao lưng của hãn đâm chết hãn. Quân phiến loạn được biết Lưu Hưu Phạm đã chết, liền chạy trốn tứ tung. Loạn Lưu Hưu Phạm đã được dẹp yên. Kiến Bình Vương Lưu Cảnh Tổ là thích sử châu Nam Từ, có hiểu hữu tiết kiệm, yêu thích văn học, dùng lễ đãi sĩ đại phu, rất có tiếng tốt. Còn Lưu Dục thì “hung hãn thất đức”, trong triều và ngoài dân chúng rất nhiều người muốn dùng Lưu Cảnh Tổ để thay thế Lưu Dục làm hoàng đế Tống Triều. Lưu Cảnh Tổ và tâm phúc đang khi bàn mưu kế khởi sự thì được tin tình báo giả là “quân kinh đô đã nổi loạn”, liền khởi binh sớm so với dự định vào tháng 7 năm thứ tư Nguyên Huy (năm 476) ở Kinh Khẩu (Trấn Giang Giang Tô ngày nay). Tiêu Đạo Thành nhanh chóng cử binh đánh vào Kinh Khẩu, giết chết Lưu Cảnh Tổ, bình định xong quân phản loạn.

## **KHÔNG LỘ THANH SẮC, PHỄ ĐỂ TỰ LẬP**

Tiêu Đạo Thành dẹp yên các loại phản loạn, quyền thế càng ngày càng lớn, dẫn tới sự ghen ghét đố kỵ của Lưu Dục, muốn trừ khử ông. Tháng sáu Tháng Minh nguyên niên (năm 477), Lưu Dục không đánh tiếng, thẳng đường tiến vào dinh phủ của Tiêu Đạo Thành. Tiêu Đạo Thành đang cời đàn hử bụng hử lưng nằm nghỉ ở trên giường. Lưu Dục giới cưỡi ngựa bắn tên, lúc này hãn đang đứng ở trong phòng, muốn dùng bụng của Tiêu Đạo Thành làm bia, kéo dây cung để bắn Tiêu Đạo Thành. Tiêu Đạo Thành vội vàng đứng dậy nói: “Lão thần vô tội!”, những người đi theo Lưu Dục lòng hướng về Tiêu, đã giải nạn cho Tiêu, họ nói:

- Lãnh quân (Tiêu Đạo Thành) bụng to, đó là cái bia tốt. Nếu một mũi tên đã bắn chết thì còn lấy đâu ra tấm bia tốt như vậy nữa. Chi bằng hãy dùng mũi tên xương mà bắn!

Lưu Dục đã đổi mũi tên sắt thành mũi tên xương, chỉ một phát đã bắn trúng ngay vào rốn Tiêu Đạo Thành. Tiêu Đạo Thành may mắn thoát chết, lập tức hạ quyết tâm trừ khử Lưu Dục. Thế nhưng ngoài mặt ông không hề để lộ thanh sắc, vẫn khiêm tốn thận trọng, vẫn đối xử như bình thường,

chẳng tỏ ra mình có chí lớn. Ông đã bí mật ra lệnh cho tâm phúc Việt kỵ hiệu úy Vương Kính Tắc bí mật liên lạc với nhân viên tùy thân của Lưu Dục là Dương Ngọc Phu, Dương Vạn Niên v.v... Đêm mồng bảy tháng bảy Thăng Minh nguyên niên, thừa lúc Lưu Dục đang ngủ say đã giết chết hẳn. Sau đó, Tiêu Đạo Thành triệu tập các quan đại thần tới khai hội thương nghị nên xử trí việc như thế nào. Hoàng tộc Lưu Bình không nói, Tiêu Đạo Thành (râu tóc dựng thẳng lên hết, ánh mắt như điện), Vương Kính Tắc lập tức tuốt đao quát lớn:

- Việc thiên hạ đều liên quan ứng vào Tiêu Công! Ai còn nói thêm một câu thì máu sẽ nhuộm đao của Kính Tắc!

Kính Tắc còn yêu cầu Tiêu Đạo Thành lập tức lên ngôi xưng đế. Tiêu Đạo Thành cho rằng thời cơ xưng đế còn chưa chín muồi, liền nghênh lập An Thành Vương Lưu Chuẩn lên làm đế (Tổng Thuận Đế), bản thân mình nhậm chức Tư Không, Lục Thượng thư sự, Phiêu kỵ đại tướng quân, thống lĩnh quân quyền độc chuyên triều chính.

Trước khi Tiêu Đạo Thành phế đế tự lập cần phải thanh trừ một số chướng ngại. Một trong những chướng ngại là Thượng thư Lưu Bình và Trung thư Giám Viên Xán. Chúng là những viên đại thần có uy tín trong vương triều Lưu Tống, rất bất mãn với sự chuyên quyền của Tiêu Đạo Thành, chúng đã bí mật vạch kế sách, dự định vào tháng 12 Thăng Minh nguyên niên (năm 477) sẽ cử sự giết chết Tiêu Đạo Thành. Tiêu Đạo Thành đã nhận được tin tức từ trước, lập tức cử binh đánh vào Thành Thạch Đầu, căn cứ khởi sự của Lưu, Viên, giết chết Lưu và Viên. Sau đó, Tiêu Đạo Thành dùng toàn lực đối phó với Thẩm Du Chi. Thẩm Du Chi là thích sử Kinh Châu, tự cho rằng tài lược vượt người, bất mãn đối với sự chuyên quyền của Tiêu Đạo Thành, vốn có chức vị ở dưới mình. Sau khi Lưu Dục bị giết, Thẩm Du Chi liền bắt đầu mở rộng thực lực, chuẩn bị tấn công vào Kiến Khang. Tiêu Đạo Thành đối với Thẩm Du Chi cũng không yên tâm, đã sớm cử người tâm phúc là Trương Kính Nhi ra giữ chức thích sử Kinh Châu, bí mật giám sát Thẩm Du Chi. Thẩm Du Chi không có sự đề phòng đối với Trương Kính Nhi, đã đem kế hoạch của mình nói cho Trương Kính



Nhi biết. Trương Kính Nhi đã bí mật đem kế hoạch của Thấm Du Chi nói với Tiêu Đạo Thành. Tiêu Đạo Thành lập tức tăng cường bộ thuộc đối phó với quân đội của Thấm Du Chi. Tháng 12 Tháng Minh nguyên niên, Thấm Du Chi khởi binh từ Giang Lăng (Giang Lăng Hồ Bắc ngày nay), giữa đường tấn công vào Ảnh Thành (Vũ Vương tỉnh Hồ Bắc ngày nay). Thời gian trôi qua ba mươi ngày vẫn không hạ được, mà viện quân của Tiêu Đạo Thành phái đi thì đã tới. Binh lính của Thấm Du Chi nhốn nháo bỏ trốn toán loạn. Thấm Du Chi muốn rút về Giang Lăng, thế nhưng Giang Lăng đã bị Trương Kính Nhi chiếm lĩnh. Hắn đã bị cùng đường hết lối, đành phải treo cổ tự tử vào tháng 2 năm thứ hai Tháng Minh. Sau đó, Tiêu Đạo Thành lại giết chết cán tướng cũ của mình là Thích sử Ảnh Châu Hoàng Hồi bởi lẽ về sau đã mấy lần hắn muốn làm phản. Đem các sủng thần của Lưu Dục là Nguyên Điền Phu, Dương Vận Trường điều động ra đất ngoài, triệt để nắm giữ quyền bính của vương triều Lưu Tống. Tháng tư năm thứ ba Tháng Minh (năm 479), Tiêu Đạo Thành “tiếp nhận” sự “nhường ngôi” của Lưu Chuẩn, tự lập làm đế, đổi quốc hiệu là Tề.

## **TRỪ HÀ KHẮC, CHUỘNG GIẢN DỊ, LÀM TRONG SÁNG NỀN CHÍNH TRỊ**

Từ nhỏ Tiêu Đạo Thành đã sùng chuộng sự tiết kiệm chất phác, đối với phong khí xa xỉ trong quan trường của Lưu Tống ông đã vô cùng căm ghét. Năm thứ hai Tháng Minh, ông đã triệt tiêu ngự phủ chuyên phục vụ cho cuộc sống xa xỉ của hoàng thất, không cho phép chế tác các đồ chơi điêu khắc cho hoàng thất, rồi còn ra lệnh cấm chỉ các tạp vụ xa hoa giả dối trong dân gian. Sau khi ông xưng đế trên thân ông không dùng các vật tinh tế. Trên áo của hoàng đế có một loại đồ trang sức gọi là “ngọc giới đạo”. Ông cho rằng đây là nguồn gốc xa xỉ của Lưu Tống, liền ra lệnh đập vỡ, rồi ông quy định phục trang của ông nếu có vật trang sức “thì cũng phải y theo lệ đó”. Lan can ở hậu cung của ông dùng đồ đồng để trang sức đổi sang đồ sắt. Xa liền của ông dùng vàng để trang sức, nay đổi thành đồ sắt. Ông đã dùng thân mình là quy tắc “để thay đổi phong tục”, đã có tác dụng nhất định trong việc ổn định xã hội của năm đầu Tiên Tề.



Sau khi Tiêu Đạo Thành xưng đế, ông cố gắng lập nên chút công lao. Khi hỏi Lưu Hiến về đường lối chính trị, Lưu Hiến nói:

- Chính trị là ở “Hiếu Kính”, họ Tống sở dĩ bị tiêu diệt, bệ hạ sở dĩ đạt được đều là do ở chính trị cả. Nếu bệ hạ biết tránh vết xe đã đổ của người trước, tăng cường thêm sự khoan dung nhân hậu, tuy nguy cũng có thể yên được. Nếu cứ trượt theo vết xe đã đổ cũ tuy yên mà rồi tất sẽ nguy.

Tiêu Đạo Thành hiểu rất sâu sắc lời nói này. Theo sau đó, ông lại ra lệnh cho quần thần hiến kế, hiến sách. Có những đại thần thỉnh cầu phế bỏ chế độ hà khắc của vương triều Lưu Tống; Có những đại thần kiến nghị “tiến cử vào triều các bậc trí sĩ có tố chất trong sáng; biếm bỏ những kẻ kiêu ngạo, xa xỉ dâm dật; Có những đại thần đã căn cứ vào bài học thời kỳ Lưu Tống đã không ngừng phái cử “Đài sứ” (Khâm sai đại thần) tới địa phương thức tô đòi tiền, mà các “Đài sứ” lại tới tác oai tác quái, chỉ vợ vét hối lộ, họ đã đề xuất triều đình nên dựa vào các quan lại địa phương thu thuế nộp lương “bỏ hết các Đài sứ”; Có những đại thần đề xuất phải chế định ra phép vua để thay đổi tình trạng dân chúng “hầu như không còn đường sống”, quý tộc “lãng phí xa hoa ở mức độ cao”. Đối với những kiến nghị này, Tiêu Đạo Thành đều biểu thị tán đồng và ra sức thực thi. Để đẩy mạnh những biện pháp xóa bỏ những tệ nạn chính trị của Lưu Tống, Tiêu Đạo Thành đã tín nhiệm sử dụng không ít những quan lại đại biểu cho lợi ích của địa chủ thứ tộc, không trọng dụng các nhân sĩ đại tộc dòng dõi thế gia. Điều này đã rất có lợi cho công cuộc đẩy mạnh cải cách của ông.

Tiêu Đạo Thành còn bỏ nhiều công sức chinh đốn hộ tịch. Từ Tấn, Tống, đến nay phu phen tạp dịch rất nặng nề, không ít người đã vì trốn tránh phu phen tạp dịch mà hối lộ quan lại, hoặc đổi làm sĩ tộc “không phải tham dự tạp dịch”, hoặc giả vờ xưng là tăng ni, hoặc báo bậy là đã chết để không nhập vào hộ tịch v.v... Do đó khiến cho những dân chúng có hộ tịch thuế má lao dịch rất nặng nề, còn triều đình thì lại không thu được nhiều tô thuế. Năm thứ hai Kiến Nguyên (năm 480), Tiêu Đạo Thành hạ lệnh tiến hành và kiểm tra hộ tịch trong toàn quốc, quy định lấy hộ tịch năm 27 Lưu Tống Nguyên Gia (năm 450) làm chuẩn, phàm những ghi chép hộ tịch không hợp

với năm này nhất luật ra lệnh bắt phải cải chính. Những hộ cần phải cải chính hộ tịch chú, gọi là “khước tịch hộ” - hộ để mất tịch, nếu những “khước tịch lộ” không chịu cải chính tịch chú thì “dựa vào quy chế tất phải giết”, đồng thời còn quy định “nếu có giả dối, quận huyện cùng chịu tội. Công tác kiểm tịch lúc đầu chỉ định cho quận huyện phụ trách, về sau đã phát hiện hiệu suất công tác của quan địa phương không cao, hơn thế còn có hành vi gian trá, liền lại cử các kiểm tịch lệnh sử tới các huyện. Do vì những nguyên nhân quan lại tham ô v.v... hạng mục công tác này vẫn chưa thu được thành công. Vấn đề hộ tịch vẫn rất hỗn loạn. Đồng thời Tề Vũ Đế đành phải vứt bỏ công việc kiểm tịch.

Tiêu Đạo Thành nhằm thẳng vào bài học do hoàng tộc vương triều Lưu Tống tàn sát lẫn nhau nên đã dẫn tới diệt vong, trước khi lâm chung ông đã yêu cầu con trai là Tiêu Trách phải đối xử tốt với họ hàng thân thích không thể cốt nhục tương tàn. Thế nhưng yêu cầu của ông chưa thể thực hiện được. Nội bộ hoàng tộc Tiền Tề chèn ép lẫn nhau còn quá hơn thời Lưu Tống. Cuối cùng đã bị diệt vong.

## 60. CAO HOAN

### QUY MÔ RỘNG LỚN, KẾ SÁCH TUNG TRỜI

Cao Hoan (năm sinh 496 - năm mất 547) còn có tên là Hạ Lục Hồn, người Hán đã Tiên Ti hóa, Đại thừa tướng Đông Ngụy thời kỳ Nam Bắc triều và người đặt nền móng cho Bắc Tề. Sinh năm 496 ở trấn Hoài Sóc (phía Đông Bắc thành phố Bao Đầu Nội Mông Cổ). Thừa nhỏ nhà nghèo, dựa vào sự giúp đỡ của gia đình nhạc phụ mới có ngựa rồi trở thành Trấn binh. Về sau từ Đội chủ chuyển làm Hàm sứ, nhiều năm bôn tẩu ở giữa Hoài Sóc đến Lạc Dương. Năm 525, tham gia quân khởi nghĩa của Đờ Lạc Chu, tiếp tục theo Cát Vinh. Sau khi Cát Vinh bị giết, lại dựa vào Nhĩ Châu Vinh, rồi được bổ nhiệm làm Thích sử Tấn Châu. Năm 530 ông thống lĩnh mười vạn lưu dân kiếm ăn ở Hà Bắc, không lâu khởi binh ở Tín Đô (huyện Kỳ tỉnh Hà Bắc ngày nay) rồi tự lập. Năm 532 đánh bại tập đoàn Nhĩ Châu Thị ở Nghiệp Thành, sau đó chiếm Lạc Dương, lập Nguyên Tu làm Hiếu Vũ Đế, tự nhận chức Đại thừa tướng, từ đó nắm giữ chính quyền Bắc Ngụy. Sau khi Hiếu Vũ Đế chạy trốn khỏi Lạc Dương, lại lập Nguyên Thiện Kiến làm Đế, đó là Đông Ngụy. Năm 547 ông dẫn quân Tây chinh, bị đại tướng Tây Ngụy là Vĩ Hiếu Khoan đánh bại, do vì phần uất mà chết. Sau khi con trai ông là Cao Dương thay Ngụy xây dựng Tề, được truy tôn làm Thần Vũ Đế.

Sở dĩ Cao Hoan có thể từ một người biên dân lớp dưới trưởng thành trở thành một vị kiêu hùng, trên một mức độ rất lớn là do kết quả bởi tài năng tuyệt vời khéo vận dụng mưu lược của ông. Để đánh địch giành chiến thắng, thực hiện hoài bão chính trị của mình, ông không những có thể dựa thiên thời, chọn địa lợi, mưu nhân hòa từ trên mặt chiến lược, mà còn am thuộc ngụy đạo, giỏi xuất kỳ, thạo tạo thế, khéo dùng ly gián trên mặt chiến

thuật. Do đó, sử tịch đã ca tụng ông là quy lược hồng viên, kế xuất vô phương - quy mô rộng lớn, kế sách tung trời.

## **LỢI DỤNG THIÊN THỜI, VƯỢT LIỀN BA BƯỚC**

Từ những năm còn trẻ Cao Hoan đã lập hùng tâm tráng trí “làm trong sạch thiên hạ”. Để thực hiện được mục tiêu rộng lớn này, ông rất chú ý lợi dụng cơ hội do hoàn cảnh khách quan đưa lại để phát triển mình. Do ông khéo lợi dụng thiên thời, chỉ trong hai năm từ năm 531 đến năm 532 ông đã vượt liền ba bước, từ một thích sử châu bình thường trở thành một đại thừa tướng nắm giữ quyền lực tối cao của đất nước. Bước thứ nhất là nắm vững lưu dân (dân lang thang cầu bơ cầu bất), vốn là sau khi cuộc khởi nghĩa của Cát Vinh lãnh đạo bị thất bại, hai mươi vạn dân còn lại đổ vào Tịch Châu bởi vì bị người Nhĩ Châu Bồ ngược đãi, nghèo khổ không biết lấy gì để sống nữa. Họ đã từng tiến hành qua lớn nhỏ 26 lần phản kháng, thế nhưng đều vấp phải sự trấn áp tàn khốc, bị bắt giết tới gần một nửa. Lúc đó Nhĩ Châu Triệu chiếm cứ Tịch Châu rất lo lắng số mười vạn lưu dân còn lại này sẽ tiếp tục làm loạn, liền hỏi kế thích sử Tấn Châu là Cao Hoan. Cao Hoan nói:

- Số người này không thể nào giết chết toàn bộ được Ngài nên tuyển chọn một số người tâm phúc tới thống lĩnh quản chế họ. Nếu còn có tên nào mưu đồ làm phản thì sẽ trừng trị thủ lĩnh của chúng. Như vậy thì làm gì còn có nguy hiểm nữa.

Nhĩ Châu Triệu đồng ý với kiến nghị của Cao Hoan, rồi liền uỷ nhiệm luôn Cao Hoan thống trị mười vạn lưu dân này. Đối với việc này Cao Hoan vô cùng sung sướng, bởi vì từ lâu Cao Hoan đã muốn nắm giữ lực lượng này vào trong tay để làm vốn liếng xây dựng cơ nghiệp. Thế nhưng lúc đó Tịch Châu nhiều năm sương muối hạn hán, lương thực khó khăn, rất nhiều lưu dân dựa vào việc bắt chuột đồng để sống. Cao Hoan cho rằng đây là cơ hội để thoát khỏi sự khống chế của Nhĩ Châu Triệu. Tức thì ông thỉnh cầu Nhĩ Châu Triệu cho phép ông dẫn số lưu dân này tới Sơn Đông để làm ăn

sinh sống. Nhĩ Châu Triệu lại tiếp nạp kiến nghị của ông. Sau khi Cao Hoan thụ mệnh, lập tức dẫn dân chúng từ Tấn Dương ra khỏi Phủ Khẩu tiến về hướng Thành Nghiệp, từ đó đã bước lên con đường phát triển độc lập. Bước thứ hai là khởi binh ở Tín Đô (huyện Ký tỉnh Hà Bắc ngày nay). Khi Cao Hoan thống lĩnh lưu dân quan sát tình thế, ở núi Đại Vương Hồ Quan, một số người trong đại tộc Ký Châu như hai anh em Cao Cán, Cao Ngạn Tào và Phong Long Chi v.v... đã chiếm lĩnh Tín Đô, giết chết đại tướng Tôn Bạch Dao mà họ Nhĩ Châu cử tới. Cao Hoan liền lấy danh nghĩa trừng phạt Cao Cán, kéo quân về phía đông, Cao Cán biết tin, bèn bí mật tới Phủ Khẩu hội kiến với Cao Hoan, rồi hiến kế với Cao Hoan:

- Họ Nhĩ Châu đại nghịch bất đạo, mất hết lòng dân. Minh công ngài uy đức lẫy lừng, thiên hạ kính phục, nếu Minh công cất quân khởi nghĩa thì còn ai dám chống lại? Ký Châu người nhiều, lương lắm, có thể cung cấp đủ quân tư. Mong Minh công ngài suy nghĩ kỹ kế này.

Cao Hoan nghe xong trong lòng rất vui sướng, cảm thấy đây là một cơ hội tốt nhất có thể giúp mình lợi dụng. Đồng thời với điều đó, đại tộc quận Triệu Lý Nguyên Trung cũng tới hội kiến với Cao Hoan, khuyên ông nên khởi binh ở Tín Đô. Điều đó càng tăng cường thêm niềm tin của Cao Hoan. Tức thì Cao Hoan cất quân ra khỏi Phủ Khẩu đến Tín Đô. Tháng sáu năm 532, Cao Hoan chính thức giương ngọn cờ chống lại họ Châu Nhĩ, bắt đầu trở thành một lực lượng chính trị độc lập.

Bước thứ ba là kéo xuống phía Nam tới Lạc Dương. Sau khi Cao Hoan khởi binh ở Tín Đô, tuy đã từng lập Nguyên Lang làm đế, rồi tự phong mình làm Đại Hành Đài, Đô đốc Trung ngoại chư quân sự, thế nhưng Giản Mẫn Đế Nguyên Việp do họ Nhĩ Châu ủng hộ đã lập nên vẫn còn khống chế thủ đô Lạc Dương. Cao Hoan vẫn chỉ có thể tính là một thế lực địa phương. Tháng ba nhuận năm ấy, sau khi Cao Hoan đập tan được sự vây đánh của Nhĩ Châu, bọn người như Hộc Tư Thung v.v... chém giết bừa bãi họ Nhĩ Châu và đồ đảng của chúng ở Lạc Dương, chính phủ trung ương đã sa vào tình trạng hỗn loạn. Cao Hoan lại cơ trí linh hoạt nắm chắc cơ hội này, lập tức dẫn quân kéo xuống phía Nam, nhanh chóng và dễ dàng chiếm

lĩnh Lạc Dương, rồi phế bỏ đế hiệu của Nguyên Lăng và Nguyên Việp, rồi lập Nguyên Tu làm Hiếu Vũ Đế. Hiếu Vũ Đế liền sắc phong Cao Hoan làm Đại thừa tướng, từ đó đã khiến ông được ép thiên tử ra lệnh cho các chư hầu một cách danh chính ngôn thuận, nắm giữ chính quyền trung ương vào trong tay của mình,

## **CHỌN ĐỊA LỢI, CẨM RỄ SÂU Ở TẤN DƯƠNG**

Cao Hoan hiểu sâu sắc rằng từ cổ tới nay, những người thành đại nghiệp đế vương đều tuyển chọn một địa hình danh thắng để làm căn cứ, đập bằng các thế lực hùng mạnh, khống chế thiên hạ. Sau khi Cao Hoan chiếm lĩnh Lạc Dương vẫn phải đối mặt với cục diện quần hùng cát cứ, do đó, khi ông tuyển chọn căn cứ địa của mình cũng rất phí tâm sức. Lúc đó những địa phương cung cấp cho Cao Hoan tuyển chọn có một là Trường An, hai là Lạc Dương, ba là Nghiệp Thành, bốn là Tín Đô, năm là Tấn Dương (thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây ngày nay). Trong đó, Trường An tuy địa thế rất tốt nhưng đã bị Hạ Bạt Nhạc chiếm cứ; Lạc Dương là đất tứ chiến, nếu không phải là nhân tài đông đúc, thực lực lớn mạnh, sẽ rất khó tự củng cố được. Nghiệp Thành và Tín Đô tuy giàu có và đông đúc, nhưng không có chỗ hiểm trở có thể giữ được. Duy chỉ còn Tấn Dương, Đông có Thái Hành, Bắc có Cú Chú, Nam có Thái Nhạc, Tây có Hoàng Hà, núi sông bịt kín cả bốn phía, tiến có thể đánh, lùi có thể giữ. Nếu Hà Nam có sự gì thì có thể Nam hạ Thượng Đảng, vượt qua sông để tới Lạc Dương. Nếu Hà Bắc có sự gì, thì có thể rút ra phía Đông Tĩnh Hình, Phủ Khẩu (Vũ An tỉnh Hà Bắc ngày nay) để tới Tín Đô Nghiệp Thành. Nhu Nhiên xâm nhập thì chiếm nhí Cú Chú đủ để tự giữ chắc. Nếu mưu đồ Quan Trung thì có lợi của sông đào Hà Phấn về kinh đô. Do đó qua sự suy đi tính lại kỹ càng, sau khi Cao Hoan lập làm Hiếu Vũ Đế ở Lạc Dương, lập tức cuốn cờ Bắc tiến, đuổi Nhĩ Châu Triệu để chiếm Tấn Dương, rồi xây dựng phủ đại thừa tướng tại đây để cư trú lâu dài. Sau khi khiến cho Hiếu Tĩnh Đế rời đô ở Nghiệp, Cao Hoan vẫn cử con trai là Cao Trừng trường kỳ đóng ở Nghiệp

để khống chế triều đình. Bản thân ông đã chấp chính 16 năm, trước sau đã cảm rễ sâu ở sào huyệt cũ Tấn Dương.

## **CẦU NHÂN HOÀ, CÂN BẰNG TẢ HỮU**

“Đắc nhân tâm giả, đắc thiên hạ” - Ai được lòng dân thì người đó được thiên hạ. Cao Hoan đối với chân lý thí nghiệm nhiều lần vẫn thấy đúng này đã vô cùng tin tưởng, chẳng hề nghi ngờ gì. Trong cuộc đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, ông luôn luôn vận dụng loại mưu lược này để thu hút nhân tâm, mưu cầu lấy nhân hòa. Sớm từ thời kỳ đảm nhiệm chức Hàm Sứ, Cao Hoan đã bắt đầu chú ý kết nạp hào kiệt. Có một lần, ông tới Lạc Dương đưa thư mắt nhìn thấy Vũ Lâm quân đốt phá nhà cửa của lãnh quân Trương Lãi một cách tàn bạo không thương tiếc, còn triều đình vì sợ chúng làm loạn mà vẫn không nghe không hỏi. Cảm xúc của Cao Hoan đối với việc này rất sâu sắc, sau khi về tới Hoài Sóc liền dốc hết tài sản để kết khách. Mọi người lấy làm lạ hỏi ông, sau khi trình bày hết những điều mắt thấy tai nghe ở Lạc Dương, ông nói: “Làm việc chính trị mà đến như vậy thì còn có thể nhìn thấy việc thiên hạ đại loạn không còn bao xa nữa. Tới lúc đó cho dù ông có muốn bảo vệ tài sản của cá nhân cũng không thể bảo vệ nổi”. Do đó ông đã trọng sĩ khinh tài. Lúc đó các nhân sĩ nổi tiếng ngụ cư ở Hoài Sóc như các ông Tư Mã Tử Như, Lưu Quý, Giả Hiến Trí, Tôn Thẳng, Hầu Cảnh v.v... đều kết nạp thành bạn thân với Cao Hoan. Những người này về sau phần lớn đều trở thành những trợ thủ đắc lực trong việc giành thiên hạ của ông. Để tranh thủ lòng dân, Cao Hoan còn rất chú ý tới việc tạo quan hệ tốt quân dân. Năm 531, khi ông dẫn quân lính của mình và mười vạn lưu dân tới Sơn Đông làm ăn sinh sống, vừa ra khỏi Phủ Khẩu, ông liền tăng cường kỷ luật đối với bộ hạ, yêu cầu họ “đối với những vật nhỏ bé của dân chúng cũng không được tơ hào xâm phạm”. Có một lần, đi qua ruộng lúa, Cao Hoan dẫn đầu dắt ngựa đi bộ để tránh làm hư hỏng hoa màu. Việc này được truyền đi, dân chúng Hà Bắc đều ca tụng Cao Hoan có “binh tướng nghiêm túc chỉnh tề”, kết quả là “rất nhiều dân chúng quy theo”. Về mặt thu phục nhân tâm và mưu cầu nhân hòa, mưu lược quan



trọng nhất mà Cao Hoan sử dụng là lấy lòng hai bên, cân bằng tả hữu giữa tộc Hán và tộc Tiên Ti. Lúc đó tộc Hán và tộc Tiên Ti là hai dân tộc chủ yếu sống ở phương Bắc Trung Quốc, Cao Hoan biết rất rõ ràng rằng, mất đi sự giúp đỡ của bất kỳ dân tộc nào ở trong đó đều không thể xây dựng được chính quyền ổn định vững chắc. Cao Hoan là một người Hán đã Tiên Ti hóa, lại được phát lên với sự ủng hộ của người Tiên Ti. Do đó ông đặc biệt coi trọng việc tranh thủ sự giúp đỡ của người Tiên Ti. Để được lòng người Tiên Ti, ông luôn luôn làm hết sức mình để thỏa mãn lòng mong muốn của các quý tộc có công huân trong người Tiên Ti, để cho họ làm trưởng quan các châu quận, biết rõ họ ăn của đút phá pháp luật cũng đành nhắm một mắt mở một mắt, cho qua chuyện. Nói chuyện với quân đội, ông cũng luôn luôn sử dụng tiếng Tiên Ti, mà đồng thời với những thứ đó, ông cũng giành hết sức tranh thủ sự ủng hộ của người dân tộc Hán. Đối với người dân tộc Hán, ông tự xưng là con cháu họ Cao của Đại tộc Bột Hải. Sau khi ông dẫn lưu dân tới Hà Bắc, lập tức nhận thủ tướng Tín Đô là Cao Ngạo Tạo làm chú họ, bắt con cả là Cao Trường phải lấy lễ cháu họ tới bái kiến Cao Ngạo Tạo. Ông còn đem con gái của mình gả cho Dương Âm đại tộc Hoa Âm, đưa Thôi Tuấn đại tộc Thanh Hà, Thôi Xiêm đại tộc Bắc Lãng ra đảm nhận những chức vụ quan trọng. Để hòa hoãn những mâu thuẫn giữa tộc Hán và tộc Tiên Ti, Cao Hoan đã nhiều lần khuyên hai bên nhường nhịn lẫn nhau, cùng hòa thuận với nhau. Ông nói với người Tiên Ti rằng, dân Hán là nô lệ của các ông, đàn ông cày ruộng cho các ông, đàn bà dệt lụa cho các ông, đem gạo, lúa cho các ông, để cho các ông được no ấm, tại sao các ông còn áp bức họ? Đối với tộc Hán ông nói: Người Tiên Ti là khách mua hàng của các ông, nhận thóc gạo vải vóc của các ông, đánh trận thay các ông, để cho các ông được yên cư. Tại sao các ông còn thù hận họ? Những mưu lược này của Cao Hoan tuy chưa thể hoàn toàn tiêu trừ được mâu thuẫn của hai dân tộc lớn, nhưng quả thực cũng đã khiến cho ông trở thành lãnh tụ chủ yếu mà cả hai dân tộc lớn đều có thể tiếp nhận được.

**TẠO THẾ THẮNG,  
TẤU TIỆP HÀN LÃNG**



Sau khi Cao Hoan khởi binh ở Tín Đô, trước hết đánh bại Nhĩ Châu Triệu ở Quảng A. Tiếp đó liền thừa thắng đánh chiếm Nghiệp Thành. Thắng lợi của Cao Hoan đã dẫn tới sự bất an cực kỳ to lớn của gia tộc họ Nhĩ Châu đang khống chế chính quyền Bắc ngụy. Tức thì, họ tạm thời đem mâu thuẫn nội bộ sang một bên để đối phó với kẻ thù chung. Tháng ba nhuận năm 532, Nhĩ Châu Thiên Quang tự Trường An, Nhĩ Châu Triệu tự Tấn Dương, Nhĩ Châu Đô Luật tự Lạc Dương, Nhĩ Châu Trọng Viễn tự Đông Bộ lần lượt dẫn quân đến Nghiệp Thành bao vây đánh Cao Hoan. Binh lính của bốn nhà hợp lại ước có khoảng trên hai mươi vạn, bày trận ở hai bờ sông Hoàn Thủy. Đồng thời với điều đó, Nhĩ Châu Thế Long còn ra lệnh cho Hành Đài ở Tề Châu, Thích sử Thanh Châu phao tin tấn công lên phía Bắc Tín Đô để kiềm chế Cao Hoan. Đối mặt với kẻ thù lớn mạnh, Cao Hoan vô cùng trấn tĩnh, ông ra lệnh cho bộ tướng Phong Long Chi giữ chắc Nghiệp Thành, tự dẫn quân chủ lực xuất quân ra đóng ở Tử Mạch, chuẩn bị chặn cầu để nghênh địch. Sau đó phát hiện binh lực của họ Nhĩ Châu phân tán, lại chưa chiếm lĩnh được núi Hàn Lăng, một căn cứ địa quân sự quan trọng, liền quyết định huy động quân vượt sông, tiến thẳng vào núi Hàn Lăng rồi chiếm giữ vị trí này. Lúc đó, binh lực của Cao Hoan chỉ có hai ngàn kỵ binh, ba vạn bộ binh. Do lực lượng nhiều ít chênh lệch, Cao Hoan đã ra lệnh cho sở bộ dàn thành thế trận hình tròn, sử dụng thế thủ, đồng thời đem một số bò lừa buộc chặt vào nhau, bịt chặt, làm đứt đường về để tạo thành hình thái đặt quân địch vào tình cảnh tuyệt vọng và hậu sinh, bắt buộc các tướng sĩ phải liều chết chiến đấu. Nhĩ Châu Triệu được biết kẻ địch đã chiếm giữ khống chế cao điểm, vội vã phát động tấn công về phía Cao Hoan. Cao Hoan liền hạ lệnh cho quân sĩ từ trận tròn thế thủ chuyển thành trận ngang thế công, còn ra lệnh cho bộ tướng Cao Ngạo Tào dẫn tá quân. Cao Nhạc dẫn hữu quân, lần lượt mai phục ở trong rừng cây dẻ, còn bản thân mình thì soái lĩnh trung quân nghênh đánh Nhĩ Châu Triệu.

Hai quân va chạm nhau, Cao Hoan giả vờ thua rồi rút lui, dụ cho địch đuổi vào chỗ quân mai phục. Nhĩ Châu Triệu không biết thực hư, truy kích mù quáng. Cao Ngạo Tào và Cao Nhạc bỗng nhiên xông lên đánh, chỉ một

trận là đánh tan quân địch. Nhĩ Châu Triệu nhân lúc loạn liền dẫn một ít quân khinh kỵ chạy trốn về phía Tây để tìm đường sống. Bọn Nhĩ Châu Trọng Viễn nhìn thấy tình thế xấu cũng lần lượt dẫn quân chạy trốn về Đông Quận và Lạc Dương. Cao Hoan cũng thừa thắng đuổi theo, giành được toàn thắng.

## **DỪNG TRÁ MƯU ĐÁNH LÊN TÚ DUNG**

Năm 532, sau khi Cao Hoan chiếm lĩnh được Lạc Dương, Nhĩ Châu Triệu vẫn chiếm giữ Tấn Dương, tiếp tục đối đầu với Cao Hoan. Tháng 7 năm ấy, Cao Hoan dẫn quân tiến lên Bắc, qua Phủ Khẩu đánh về Tây Tấn Dương. Đồng thời với việc đó, ông ra lệnh cho bộ tướng Khố Địch Can dẫn quân kéo vào Tinh Hình, phối hợp tiến công, khi Cao Hoan tiến đến Vũ Hương (Du Xã tỉnh Sơn Tây ngày nay), Nhĩ Châu Triệu tự biết không địch nổi liền cướp phá Tấn Dương, đi lên Bắc tới Tú Dung (khu vực châu Hoan tỉnh Sơn Tây ngày nay). Tú Dung là đất phát của họ Nhĩ Châu, địa thế hiểm yếu. Sau khi Nhĩ Châu Triệu lui về chiếm Tú Dung, vẫn thỉnh thoảng cử binh xuống phía Nam tiến hành cướp phá. Để trừ tận gốc hậu họa, một mặt Cao Hoan cử gián điệp bí mật cấu kết với nhân viên ở bên cạnh Nhĩ Châu Triệu, để cho chúng luôn luôn báo cho biết hư thực của Nhĩ Châu Triệu, đồng thời điều động quân đội phát ngôn rằng sẽ đánh lên Bắc. Thế nhưng khi quân đội sắp sửa xuất phát lại bỗng nhiên hạ lệnh dừng lại, cứ như thế trước sau lặp lại bốn lần. Đến cuối tháng 12, Cao Hoan được biết quân đội phòng thủ nơi hiểm ải của Nhĩ Châu Triệu vì mãi không thấy “lang tới” nên đã buông lỏng, hơn thế còn suy nghĩ tới Nhĩ Châu Triệu đầu năm cuối năm đều tiến hành yến tiệc, liền bí mật cử kiêu tướng là Đậ Thái dẫn quân tinh nhuệ bí mật Bắc tiến, một ngày một đêm đi ba trăm dặm, tập kích Tú Dung. Cao Hoan tự dẫn đại quân tiến theo sau. Khi quân sở bộ của Đậ Thái đột ngột xuất hiện ở nơi đóng quân của Nhĩ Châu Triệu, Nhĩ Châu Triệu giật mình kinh sợ, vội vàng chạy trốn lên Bắc, Đậ Thái dẫn quân đuổi gấp, đã đánh bại quân địch ở Xích Hồng Lĩnh (huyện Ly Thạch tỉnh Sơn Tây ngày nay). Nhĩ Châu Triệu thắt cổ tự tử, trưởng sử của hãn là Mộ Dung Thiệu Tông dẫn đoàn quân ra hàng. Tú Dung được yên ổn.

## **XUẤT KỲ BINH ĐẠI CHIẾN MANH SƠN**

Năm 538, Đông Ngụy và Tây Ngụy từng tiến hành một lần hội chiến ở Manh Sơn phía Bắc Lạc Dương, kết quả là cả hai bên đều có được mất, chẳng bên nào giành được thắng lợi mang tính chất quyết định. Năm 543, thủ lĩnh Hồ Lao của Đông Ngụy là Cao Trọng đã bí mật đầu hàng Tây Ngụy, đại thừa tướng Tây Ngụy là Vũ Văn Thái dẫn quân theo phía Đông tiếp ứng, tức thì hai bên lại triển khai cuộc hội chiến lần thứ hai ở Manh Sơn. Tháng 3 năm đó, khi Vũ Văn Thái dẫn quân bao vây tiến đánh Hà Kiều Nam Thành, Cao Hoan cũng dẫn mười vạn đại quân tới bờ Bắc Hoàng Hà. Vũ Văn Thái đốt những thuyền lửa ở vùng thượng du sông có ý đồ muốn đốt cầu qua sông. Bộ tướng của Cao Hoan là Hộc Luật Kim cho thuyền nhỏ dùng dây dài kéo thuyền đi, do đó đã bảo vệ được cầu, Đông Ngụy liền qua sông thuận lợi, chiếm Manh Sơn làm trận địa để quan sát hình thế. Ngày 17 tháng 3, Vũ Văn Thái ra lệnh cho quân đội của mình chuẩn bị chiếu đèn lương khô từ trước lúc trời sáng, miệng ngậm mai tiến nhanh, với ý đồ đánh lén quân đội Đông Ngụy. Thế nhưng khi còn cách doanh trại của Cao Hoan chừng bốn chục dặm, liền bị kỵ binh trinh sát của Đông Ngụy phát hiện, rồi báo cáo với Cao Hoan. Cao Hoan liền bí mật bố trí kỳ binh để đợi quân Tây Ngụy tới đánh. Khi quân đội của Vũ Văn Thái đánh vào trận địa của Cao Hoan, kiêu tướng của Đông Ngụy là Bành Lạc đã dẫn mấy ngàn quân tinh kỵ đột nhiên xông ra, đánh mạnh vào cánh Bắc của quân Tây Ngụy, rồi nhanh chóng phá huỷ bộ chỉ huy của Vũ Văn Thái, tức thì trận địa của quân Tây Ngụy rối loạn tranh nhau chạy thực mạng. Bành Lạc thừa thắng truy kích, chặt thủ cấp của hơn ba vạn tên lính, bắt sống 48 tên tướng tá cao cấp, thậm chí bản thân Vũ Văn Thái suýt nữa cũng bị Bành Lạc bắt sống.

### **KHÉO DÙNG GIÁN ĐIỆP,**

### **THU ĐƯỢC NHIỀU LỢI**

Trong đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, Cao Hoan vô cùng coi trọng sử dụng gián điệp để giành lấy tin tức tình báo hoặc phân hóa kẻ địch,

hơn thế đã nhiều lần gặp may mắn thuận lợi, thu hoạch nhiều lợi lớn. Năm 531, để đặt mưu kế phát triển, Cao Hoan yêu cầu Nhĩ Châu Triệu cho phép mình dẫn hơn mười vạn lưu dân tới Sơn Đông làm ăn. Sau khi được Nhĩ Châu Triệu đồng ý với lời thỉnh cầu của ông, trưởng sử của Nhĩ Châu Triệu là Mộ Dung Thiệu Tông đã từng tiến hành khuyên ngăn, nói rằng Cao Hoan có hùng tài cái thế, để cho ông ta nắm giữ đại binh ở ngoài, có khác gì cho giao long mượn mây mưa, sẽ không quản chế được, Nhĩ Châu Triệu nghe xong đã phát sinh dao động, kế hoạch của Cao Hoan đã đối mặt với nguy cơ bị phá sản. Trong giờ khắc mấu chốt này, một số yếu nhân dưới quyền của Nhĩ Châu Triệu đã đứng ra nói giúp cho Cao Hoan, vu cho Mộ Dung Thiệu Tông bởi có mâu thuẫn với Cao Hoan mới có ý cản trở như vậy. Nhĩ Châu Triệu không biết rằng số yếu nhân này đã bị Cao Hoan dùng vàng bạc mua chuộc làm gian tế từ lâu rồi, vẫn cứ tin tưởng vào lời nói của họ, ngược lại đã bắt Mộ Dung Thiệu Tông nhốt vào trong ngục, rồi thúc giục Cao Hoan nhanh chóng Đông hành. Năm 532, sau khi Cao Hoan khởi binh ở Tín Đô, Nhĩ Châu Triệu dẫn quân đến Quảng A tấn công Cao Hoan; Nhĩ Châu Trọng Viễn, Nhĩ Châu Độ Luật cũng dẫn quân đến hợp lại cùng đánh. Lúc đó Cao Hoan liền cử gián điệp ra gieo rắc tin đồn “Nhĩ Châu Triệu đã bí mật bàn mưu với Cao Hoan phải giết chết Nhĩ Châu Trọng Viễn”, “anh em Nhĩ Châu Đô Luật sắp mưu giết Nhĩ Châu Triệu” v.v... để phân hóa kẻ địch. Kết quả là Nhĩ Châu Trọng Viễn, Nhĩ Châu Đô Luật sinh lòng nghi kỵ, hoảng sợ, đã dẫn quân rút lui về Nam, làm cho Nhĩ Châu Triệu ở vào tình trạng cô lập, cuối cùng bị Cao Hoan đánh bại.

Năm 553, khi Cao Hoan đánh úp vào Tú Dung, những gián điệp mà ông bố trí ở bên cạnh Nhĩ Châu Triệu cũng đã từng cung cấp tin tức tình báo quan trọng, có tác dụng rất to lớn đối với việc giành thắng lợi của chiến tranh.

Năm 534, Cao Hoan cử Địch Tung tới gặp thích sử châu Hạ là Hậu Mạc Trần Duyệt xúc xiểm gây chia rẽ mối quan hệ giữa ông ta và Đại hành Đài Quan Trung là Hạ Bạt Nhạc, do vậy đã khiến cho Hậu Mạc Trần Duyệt giết

chết Hạ Bạt Nhạ. Đó cũng là một ví dụ nổi tiếng việc Cao Hoan khéo dùng gián điệp.

## **61. VŨ VĂN THÁI**

### **TRÍ LƯỢC VƯỢT ĐƯƠNG THỜI, TIÊN TI TÀI ĐỆ NHẤT**

Vũ Văn Thái (năm 508 - 556) tự là Hắc Lạt, xuất thân từ một gia đình quân nhân Tiên Ti, suốt đời sống ở Trấn Vũ Xuyên Bắc Ngụy (Vũ Xuyên Nội Mông Cổ hiện nay). Là một quân sự gia, chính trị gia và mưu lược gia kiệt xuất của dân tộc thiểu số Trung Quốc trong thời kỳ Nam Bắc triều, làm quan tới chức Đại tướng quân, Thái sư, Đại Trung tể, trụ cột của nước Tây Ngụy, là người thống trị thực tế của Tây Ngụy. Năm giữ chính quyền hơn hai mươi năm, tài kiêm văn võ, huân nghiệp lẫy lừng, khiến cho Tây Ngụy được đứng vững ở thế chân vạc tại khu vực Quan Lũng, đặt cơ sở cho việc xây dựng Bắc Chu và tiêu diệt Bắc Tề, thống nhất Trung Quốc. Sau khi qua đời, con trai của ông là Vũ Văn Giác giành được Tây Ngụy Cung Đế lên ngôi xưng đế và đổi quốc hiệu là Chu (lịch sử gọi là Bắc Chu), ông được truy thụy là Thái tổ Văn Hoàng đế.

### **QUYẾT SÁCH LƯỢC, ĐỊNH ĐẠI KẾ, KHÔNG BỎ LỠ THỜI CƠ THỐNG LĨNH ĐẠI QUÂN**

Cha của Vũ Văn Thái là Vũ Văn Quang từng làm sĩ quan quân đội ở cấp thấp. Năm thứ tư Chính Quang Bắc Ngụy Hiếu Minh Đế (năm 523) tham gia quân khởi nghĩa do Phá Lục Hàm Bạt Lăng lãnh đạo chống lại ách thống trị hủ bại của Bắc Ngụy. Sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại, cả nhà Vũ Văn Quang bị an trí tới sinh sống ở Hà Bắc. Năm thứ hai Hiếu Xương Bắc Ngụy Hiếu Minh Đế (năm 526) cha con Vũ Văn Quang đã tham gia quân khởi nghĩa do Tiên Vu Tu Lễ, Cát Vinh v.v... lãnh đạo. Không lâu, Vũ Văn Quang chết trận, Tiên Vu Tu Lễ bị bọn phản đồ mưu sát, Vũ Văn Thái chuyển làm nha dịch cho Cát Vinh, được bổ nhiệm làm tướng lĩnh, năm đó Vũ Văn Thái mới 18 tuổi, đủ thấy rõ lúc đó ông đã biểu hiện tài năng quân sự không giống người phạm tặc. Sau khi Cát Vinh thất bại, Vũ Văn Thái

hàng Bắc Ngụy, được biên chế vào làm bộ hạ của Hạ Bạt Nhạc - một bộ tướng của Nhĩ Châu Vinh Bắc Ngụy, đi theo Hạ Bạt Nhạc tiến vào đóng quân ở khu vực Quan Lũng. Sau khi Hạ Bạt Nhạc được thăng lên chức quan Tây Đại Hành Đài đã bổ nhiệm Vũ Văn Thái làm tả thừa, lĩnh chức Nhạc phủ Tư Mã.

Sau khi Vũ Văn Thái bước vào tầng lớp lãnh đạo của Hạ Bạt Nhạc, ông rất được Hạ Bạt Nhạc tín nhiệm, “sự việc bất kỳ lớn nhỏ, đều uỷ nhiệm cho ông quyết định” Vũ Văn Thái cũng thực sự biểu lộ đầu óc mưu lược phi phàm. Lúc đó, chính quyền Bắc Ngụy đã rệu rã, chia ra năm bè bảy mảng dưới sự xung kích của cuộc đại khởi nghĩa nhân dân. Nhĩ Châu Vinh một độ nắm quyền sau bị Cao Hoan tiêu diệt, Cao Hoan đã ủng hộ lập Nguyên Tu làm Hiếu Vũ Đế Bắc Ngụy, bản thân mình ngồi giữ Tấn Dương, điều khiển từ xa đối với chính quyền Bắc Ngụy. Các thế lực cát cứ khác cũng hăm hở cầm quân vùng dậy, phương Bắc Trung Quốc trở thành một mảng hỗn loạn. Vũ Văn Thái ngắm nhìn tổng thể đại thế thiên hạ, đã đề xuất với Hạ Bạt Nhạc một đại kế thống nhất phương Bắc Trung Quốc. Ông nói với Hạ Bạt Nhạc rằng:

- Sở dĩ Cao Hoan chưa dám thoán vị tự lập, chính là bởi vì còn hoảng sợ sự can dự của anh em các ông, còn các loại như Thích sử Tần Châu, Hậu Mạc Trần Duyệt đâu có phải là hạng người để cho ông ta để ý đến. Chỉ cần ông bí mật chuẩn bị, trừ diệt Cao Hoan đâu phải là chuyện khó. Hiện tại, Phí Dã Đầu có kỵ binh tinh nhuệ không dưới một vạn. Thích sử châu Hạ Học Bạt Mê Nga Đột có hơn ba ngàn quân tinh nhuệ, Thích sử châu Linh Tào Nê, Hà Tân lưu dân Ngật Đậu Lăng Y Lợi v.v... mỗi người đều có quân đội riêng, chưa biết thuộc về ai. Nếu ông tiến quân vào Lũng, bóp nghẹt chỗ yếu hại của nó, chấn động để ra oai, chăm sóc nó để gia ơn thì sẽ có thể tiếp thu được binh lính và ngựa của họ để bổ sung cho bộ đội mà ông thống soái. Sau đó ông hướng về Tây chinh phục Thị Khương, hướng về Bắc phát triển tới Sa Tái, lại kéo quân về Trường An khuông phò nhà Ngụy. Đây có thể là sự nghiệp mà Chu Công phò tá Thành Vương!

Kế hoạch này lấy Trường An làm trung tâm, lấy Quan Lũng làm căn cứ địa, ép Thiên tử để ra lệnh cho chư hầu, thống nhất phương Bắc Trung Quốc, sau này cũng đã trở thành cương lĩnh phấn đấu suốt đời của Vũ Văn Thái.

Tháng ba Vĩnh Hy Hiếu Vũ Đế Bắc Ngụy (năm 534), Hạ Bạt Nhạc không dùng mưu lược của Vũ Văn Thái, liên hợp với Hậu Mạc Trần Duyệt tiến đánh Tào Nê, kết quả là đã bị Hậu Mạc Trần Duyệt dùng kế giết chết. Quân của Hạ Bạt Nhạc “Ba quân không biết thuộc về đâu”, các tướng lĩnh nhất trí tiến cử Vũ Văn Thái, lúc đó đảm nhận thích sử Hạ Châu thống lĩnh quân quan của Hạ. Bộ hạ của Vũ Văn Thái khuyên ông hãy quan sát kỹ tình thế xem sao rồi hãy quyết định. Vũ Văn Thái nói: “Điều khó được dễ mất chính là thời gian, điều không đợi suốt ngày được chính là cơ hội. Ngày nay nếu không sớm đi thống lĩnh quân đội của Hạ, e rằng lòng tướng sĩ sẽ có thể phân tán đó!”. Tức thì, Vũ Văn Thái lập tức khởi hành kéo quân tới quân Bình Lương (phía Tây Bình Lương tỉnh Cam Túc ngày nay) thống soái quan binh quân đội của Hạ Bạt Nhạc. Tháng bảy cùng năm, Vũ Văn Thái lại đem Hiếu Vũ Đế Nguyên Tu mà Cao Hoan thôn tính thì bất lợi mà đem theo thì vướng chân, đón tới Trường An, lập lên thành Tây Ngụy. Tháng 10, Cao Hoan lập cháu của Hà Thanh Vương Nguyên Dịch là Nguyên Thiện Kiến làm Hiếu Tĩnh Đế, dựng lên Đông Ngụy. Từ đó Bắc Ngụy lại phân cắt thành Đông Ngụy và Tây Ngụy. Tháng 12 nhuận Vũ Văn Thái đánh thuốc độc giết chết Nguyên Tu, lập con cháu của Nguyên Tu là Nguyên Bảo Cự làm Văn Đế, bản thân mình là Thái sư, Thái Trùng tể, Đô đốc Trung ngoại chư quân, độc chiếm đại quyền quân lính Tây Ngụy, trở thành người thống trị tối cao của Tây Ngụy trên thực tế.

## **DÙNG YẾU THẮNG MẠNH ĐÁNH TIỂU QUAN,**

## **LẤY ÍT ĐÁNH NHIỀU CHIẾM SA UYÊN**

Sau khi Vũ Văn Thái hoàn thành nhiệm vụ giai đoạn thứ nhất trong kế hoạch chiến lược của ông, tức là thống trị được khu vực Quan Lũng, liền bắt tay vào thực thi nhiệm vụ của giai đoạn thứ hai là: tiêu diệt Đông Ngụy



mà Cao Hoan khống chế, thống nhất phương Bắc Trung Quốc. Từ năm 534 năm giữ chính quyền tới năm 556 thì qua đời. Vũ Văn Thái luôn luôn coi việc hoàn thành nhiệm vụ này làm mục tiêu phấn đấu. Tuy chưa thể được như ý nguyện, thế nhưng trong xu hướng chung của cuộc tác chiến do ông thống soái, quân Tây Ngụy với quân Đông Ngụy của Cao Hoan vẫn là càng đánh càng mạnh.

Tây Ngụy mới xây dựng được không lâu, Cao Hoan đã điều động đại quân tiến vào xâm phạm Tây Ngụy. Quân đội mà Vũ Văn Thái chỉ huy yếu và nhỏ, trước hết đánh nhau với Đông Ngụy ở Tiểu Quan (gần Đông Quan, Thiểm Tây ngày nay), lại đánh nhau ở Sa Uyển (Đại Lệ, Thiểm Tây ngày nay) đã chứng tỏ một cách đầy đủ nghệ thuật mưu lược cao siêu của ông.

*Dùng yếu thắng mạnh đánh Tiểu Quan.* Năm thứ ba Đại Thống (năm 537) vào tháng giêng. Cao Hoan thống lĩnh đại quân Đông Ngụy chia làm ba đường Tây chinh. Cao Hoan thân dẫn chủ lực tiến đến Bồ Bản (trong biên giới huyện Vĩnh Tế, tỉnh Sơn Tây ngày nay) rồi xây dựng lên ba chiếc cầu nổi ở trên sông Hoàng Hà, làm ra tư thế sắp sửa qua sông quyết chiến với Tây Ngụy. Quân Đông Ngụy do Đâu Thái chỉ huy có ý muốn cướp thật nhanh Đông Quan; quân Đông Ngụy do Cao Ngang chỉ huy, có ý đồ sau khi đánh chiếm Thượng Lạc (huyện Lạc tỉnh Thiểm Tây ngày nay) thì kéo thẳng tới Lam Điền. Đối mặt với tình thế quân địch áp sát biên giới, Vũ Văn Thái bình tĩnh phân tích và quyết sách chính xác. Ông nói với các tướng lĩnh:

- Cao Hoan đã hình thành sự bao vây từ ba mặt đối với ta, làm cầu nổi ở trên sông Hoàng Hà để tỏ ra rằng hắn sẽ vượt sông quyết chiến với ta. Thế như đây chẳng qua chỉ là muốn kéo quân ta tới đây, dùng sách bắt Đâu Thái Tây nhập Trường An. Kể từ khi Cao Hoan khởi binh tới nay, Đâu Thái thường làm tiên phong, bộ hạ có nhiều lính tinh nhuệ, nhiều lần thắng nên sinh ra kiêu ngạo. Bây giờ tập kích vào quân đội Đâu Thái tất sẽ giành được thắng lợi. Chiến thắng được Đâu Thái thì Cao Hoan sẽ không đánh cũng sẽ bại.

Quyết sách tiêu diệt Đậ Thái trước vừa định xong Vũ Văn Thái lập tức dẫn quân chủ lực quay về Trường An. Sau đó một mặt tuyên truyền “muốn bảo vệ Lũng Hữu” để mê hoặc quân địch, một mặt thống lĩnh bộ đội tinh nhuệ ngày đêm vượt đường kéo tới Tiểu Quan ở gần Đồng Quan, đặt phục binh ở đầm Mã Mục đợi thời cơ rồi thừa dịp quân đội Đậ Thái từ bến Phong Lăng vượt qua Hoàng Hà chưa đứng vững chân đã phát động cuộc công kích tiêu diệt hết quân lính. Đậ Thái thất bại đã phải tự sát. Cao Hoan vì cầu ít lính nhiều, hơn nữa mặt sông Hoàng Hà có băng mỏng, không có cách nào tiến lên cứu viện được đành phải phá cầu nổi rồi lui quân. Cao Ngang nhìn thấy đại thế đã qua cũng đốt cháy xe đưng đồ quân nhu rồi rút chạy. Vũ Văn Thái giành được toàn thắng trong cuộc tiến công với quy mô lớn nghênh đánh quân Đông Ngụy lần thứ nhất.

*Trận chiến ở Sa Uyển lấy ít thắng nhiều.* Tháng chín nhuận năm thứ ba Đại Thống (năm 537) để rửa nỗi nhục chiến bại ở Tiểu Quan, Cao Hoan lại dẫn hai mươi vạn đại quân tiến đánh Tây Ngụy, tháng mười tiến đến Hứa Nguyên thuộc phía Nam Lạc Thủy, uy bức Trường An. Sau khi Tiểu Quan đại thắng, hoàn cảnh khó khăn mà Tây Ngụy vấp phải chẳng những không được cải thiện, mà còn biến đổi càng xấu hơn. Nạn đói của Quan Trung càng ngày càng kéo dài. Quân đội chưa đầy vạn người mà Vũ Văn Thái chỉ huy, không được bổ sung và nghỉ ngơi tu chỉnh, lại thiếu lương thực áo quần, quân đội địa phương của khu vực Quan Lũng cũng chưa thể kịp thời tập trung lại theo mệnh lệnh của Vũ Văn Thái, để cùng đánh lại kẻ thù tới xâm phạm. Trong tình hình hiểm ác này, quân đội của Vũ Văn Thái lấy lý do ít không địch nổi nhiều, chủ trương chờ đợi quân Đông Ngụy tiếp tục Tây tiến để quan sát tình hình, tùy cơ ứng phó. Vũ Văn Thái cho rằng, nếu Cao Hoan tiến đến Trường An, “nhân tình sẽ chuyển sang nhiều nhường”, đại thế sẽ không thể thu lại được. Đồng thời, ông cũng nhìn thấy quân Đông Ngụy là “bọn phản binh”, chỉ vì muốn trả thù tuyết hận mà tới, từ xa mới đến, tình hình về các mặt đều không hiểu rõ, tác chiến sẽ có rất nhiều khó khăn. Do đó ông đã ra sức gạt bỏ mọi điều nghị luận của số đông, quyết tâm lấy công để thủ, chống địch ở mặt trận chính diện. Trên mặt tổ

chức và sắp xếp tác chiến cụ thể, ông đã suy nghĩ rất tỉ mỉ và chu đáo: Trước tiên, ông hạ lệnh cho tướng sĩ chỉ đem theo ba ngày lương ăn, trang bị nhẹ, vượt sông Vị Thủy tiến về phía Đông với tốc độ rất mau chóng đã tới Sa Uyển, chỉ còn cách quân Đông Ngụy có sáu chục cây số. Tiếp đó, cử Vũ Văn Thâm dẫn một đơn vị quân đội thọc sâu vào sau lưng địch, cắt đứt đường rút lui của địch, cử Đạt Hề Vũ dẫn một bộ phận nhỏ luồn sâu vào doanh trại địch thám thính rõ quân lệnh và việc sắp xếp cụ thể của quân địch, ghi nhớ thật kỹ càng trong tâm. Trước khi vào trận, Vũ Văn Thái lại triệu tập các tướng lĩnh tới thương thảo sách lược cụ thể, rồi căn cứ vào kiến nghị của Lý Bật dẫn quân tiến sâu về phía Đông mười dặm tới Vị Điểm bày trận địa quyết tử - sau lưng là nước ở vùng đầm lầy lau rậm. Ra lệnh cho các tướng sĩ giấu binh khí vào trong lau rậm, chỉ để một số ít người ngựa dụ dỗ quân Đông Ngụy, còn ước định tín hiệu công kích. Quân Đông Ngụy ở gần Vị Điểm phát hiện có số ít quân Tây Ngụy di động ở trong đầm lau rậm, đã tranh nhau tiến đánh, đội hình loạn xạ. Khi hai quân sắp giao chiến, Vũ Văn Thái đích thân tự đánh trống phát lệnh tấn công. Quân Tây Ngụy đột nhiên phấn khởi xông vào trận địch. Lý Bật dẫn quân thiết kỵ đánh ngang, cắt đứt đoạn lưng của quân Đông Ngụy. Quân Đông Ngụy đầu đuôi không thể tiếp ứng được nhau, thế trận rối loạn tranh giành nhau chạy trốn, trận địa trống rỗng. Cao Hoan hết hoảng tháo chạy về phía Đông Hoàng Hà. Cuộc chiến ở Sa Uyển, Tây Ngụy đã bắt sống được hơn bảy vạn quân Đông Ngụy, thu được mười tám vạn chiếc áo giáp. Vũ Văn Thái ra lệnh cho mỗi người phải trồng một cây liễu ở trên chiến trường để biểu thị sự chúc mừng.

## **KẾ THỪA CHẾ ĐỘ ĐỔI MỚI QUÂN ĐỘI, XÂY PHỦ ĐỂ KHAO THƯỜNG QUÂN LÍNH**

Vũ Văn Thái từng trải qua hàng trăm trận đánh đặc biệt là đã nhiều lần dẫn quân yếu đến nghênh chiến với quân Đông Ngụy lớn mạnh, do đó ông đã hiểu được một cách sâu sắc tính chất quan trọng của việc xây dựng quân đội.

Ông đã bắt chước chế độ lục quân của quân Chu đem chế độ phân tịch quân dân thông hành của chính quyền Hán tộc Ngụy Tấn và chế độ bát bộ đại nhân trong thời kỳ đầu chính quyền tộc Tiên Ti Bắc Ngụy kết hợp lại với nhau, từng bước sáng lập ra chế độ Phủ binh.

Việc xây dựng chế độ Phủ binh có một quá trình. Tiền thân của nó là Thập nhị quân của Vũ Văn Thái, vốn là do quân đội của Hạ Bạt Nhạc, quân đội của Lý Bật và một phần “số đông lực phường” tổ thành, trên cơ bản là quân đội của Tiên Ti. Năm thứ tám Đại Thống (năm 542) Tây Ngụy đầu tiên đặt ra lục quân (6 quân) cũng tức là đem thập nhị quân (12 quân) nhập vào hệ thống do lục trụ quốc thống lĩnh mà Vũ Văn Thái làm thống soái tối cao. Năm thứ chín Đại Thống, quân Tây Ngụy thất lợi trong cuộc tác chiến ở Mạnh Sơn, bị tiêu diệt sáu vạn người, thực lực giảm sút lớn. Vũ Văn Thái không thể không ra sức chiêu mộ vũ trang địa phương Hán tộc ở khu vực Quan Lũng để bổ sung vào quân đội, đem vũ trang địa chủ Hán tộc nạp nhập vào hệ thống Phủ binh của lục trụ quốc. Sau đó chế độ Phủ binh không ngừng được cải tiến, đến năm thứ mười sáu Đại Thống, những chế độ về các mặt xây dựng chế độ trong quân đội, bổ sung quân lính cấp dưỡng, huấn luyện v.v.. trong chế độ Phủ binh mới bước đầu được hoàn bị.

Chế độ Phủ binh trên mặt hình thức đã sử dụng chế độ bát bộ của quân đội cũ Tiên Ti. Thống soái bộ do tám đại tướng quân trị quốc là Vũ Văn Thái, Triệu Quý, Lý Hồ, Lý Bật, Vu Căn, Độc Cô Tín, Hậu Mạc, Trần Sùng và Nguyên Hân v.v... tổ thành, trong đó Vũ Văn Thái làm thống soái tối cao, Nguyên Hân chỉ có hư danh. Còn lại sáu người thì mỗi người thống soái một quân. Mỗi một lãnh quân trụ quốc đại tướng quân quản lý hai đại tướng quân, tổng cộng có 12 đại tướng quân. Mỗi đại tướng quân quản lý hai Khai phủ (trưởng quan làm Khai phủ tướng quân). Mỗi Khai phủ quản lý hai Nghi đồng (trưởng quan làm Nghi đồng tướng quân). Dưới Nghi đồng theo thứ tự chia làm Đoàn (trưởng quan làm Đại đô đốc), Lữ (Trưởng quan làm soái đô đốc), Đội (Trưởng quan làm đô đốc). Khi chế độ Phủ binh vừa bắt đầu, mỗi Nghi đồng lãnh binh 1000 người, mỗi Trụ quốc đại tướng quân lãnh binh 8000 người, Phủ binh có tổng binh lực là 48.000 người.

Việc bổ sung binh lính cho Phủ binh từ việc hấp thu vũ trang của địa chủ Hán tộc phát triển tới việc trưng binh căn cứ vào tài lực và nhân lực của dân chúng năm thứ 16 Đại Thống. Biện pháp cụ thể là gia đình nào có ba đình (đàn ông trai tráng từ 18 tuổi trở lên) thì chọn một người làm binh phủ. Điều này đã đảm bảo được nguồn cung cấp và chất lượng của Phủ binh. Vũ Văn Thái còn quy định binh phủ một năm thay một lần, điều đó có nghĩa là một năm theo đuổi nhiệm vụ quân sự như tác chiến, huấn luyện, tuần tra, cần vụ v.v... thì năm sau tham gia hoạt động sản xuất dưới sự lãnh đạo của quân phủ.

Việc trợ cấp quân nhu lúc bắt đầu của chế độ Phủ binh là do “lục gia cung cấp cho”, cũng tức là do sáu đại tướng trụ quốc của lãnh quân trợ cấp.

Bản thân sáu trụ quốc đều là đại địa chủ, có nhiều tiền bạc của cải, các tướng quân mà ông ta thống lĩnh cũng như vậy. Họ có năng lực nhất định để cung cấp nuôi quân đội, điều quan trọng hơn là họ đã dùng mọi biện pháp để vơ vét tài sản của dân cung cấp cho quân nhu. Về sau, việc trợ cấp cho Phủ binh chủ yếu là do hoàng gia thống lĩnh trù liệu.

Phủ binh không nằm trong hộ tịch, không phải đóng góp sưu thuế lao dịch nào ngoài việc tác chiến. Chấp hành cần vụ thực hiện việc huấn luyện cũng rất thường xuyên. Huấn luyện vào mùa xuân gọi là “Chấn lữ”, huấn luyện vào mùa hạ là “Lung xá”, mùa thu gọi là “Luyện binh”, huấn luyện mùa đông gọi là “Đại duyệt”. Mỗi lần huấn luyện chủ yếu là luyện tập phương pháp đánh trận. Vũ Văn Thái còn quy định, các quan lại địa phương và trai tráng khỏe mạnh cần phải tham gia kiến tập khi binh phủ huấn luyện.

Việc sáng lập ra chế độ Phủ binh đã khiến cho lực lượng vũ trang của Tây Ngụy được tăng cường mạnh mẽ, nó đã trở thành công cụ có đầy đủ sức mạnh kế tục Tây Ngụy để xây dựng lên Bắc Chu, tiêu diệt Đông Ngụy rồi xây dựng Bắc Tề, thống nhất phương Bắc Trung Quốc. Nó được phát triển và hoàn thiện ở thời kỳ Tuỳ Đường, đã có tác dụng thúc đẩy đối với quốc gia thống nhất phồn vinh của Tuỳ Đường. Vũ Văn Thái đã sáng tạo

xây dựng nên chế độ Phủ binh, đã làm phong phú cho kho tàng quý giá xây dựng lý luận mưu lược quân sự trong thời đại cổ đại Trung Quốc, chiếm địa vị rất quan trọng trong lịch sử quân sự cổ đại Trung Quốc.

## **LẬP PHÁP XÂY DỰNG NỀN CHÍNH TRỊ, CHĂM SÓC SỨC DÂN TĂNG CỦA CẢI**

Vũ Văn Thái không những lòng lẫy tiếng tăm về mặt võ công, hơn thế, ông còn là một nhà chính trị hùng tài đại lược. Thời kỳ mới xây dựng Tây Ngụy, ông đã công bố 24 điều pháp lệnh mới (về sau đã tăng tới 36 điều). Nội dung chủ yếu là: Nghiêm cấm tham ô, cắt giảm quan lại, thiết lập chính trường (chính là chỉ Lư [61] chính; trưởng là chỉ Bảo [62] trưởng), thực hành đồn điền, xây dựng sổ sách kế toán (dự toán tô thuế) và chế độ hộ tịch v.v. .. Năm thứ bảy Đại Thống (năm 541), danh sĩ tộc Hán ở Quan Trung là Tô Xước đã đem kinh nghiệm của những người thống trị tộc Hán tổng kết thành sáu điều: Trên thanh tâm (trước tiên cần phải liêm khiết), đôn giáo hóa (đẩy mạnh giáo dục cảm hóa), tận địa lợi, trạc hiền lương (đề bạt cất nhắc người hiền tài), Tuất ngục tụng (thận trọng đối xử với các việc kiện tụng tù tội), Quân phú dịch (bình quân trong thuế má lao dịch). Đối với những điểm này, Vũ Văn Thái càng thêm tán thưởng, coi là “sáu điều chiếu thư” hạ lệnh cho trăm quan đều phải tuân thủ chấp hành. Ông còn quy định những người không thông “sáu điều chiếu thư” và chế độ ghi chép sổ sách thì không thể làm quan được. Ông còn ra sức chỉnh đốn chế độ cai trị của quan lại, thường xuyên dạy dỗ các quan lại cần phải thanh liêm, chính trực, liêm khiết, chấp pháp phải nghiêm minh. Có một lần, khi triệu kiến quần thần ông đã để cho quận thú Hà Bắc là Bùi Hiệp Trung yêu dân như con đứng dậy biểu dương khen thưởng, nêu đó là một tấm gương. Đồng thời với việc khen thưởng những người làm quan thanh liêm, đối với những quan lại vi phạm pháp luật kỷ cương ông đã trừng trị nghiêm khắc Ông tuyển chọn bổ nhiệm các quan lại luôn trọng đức trọng tài, không trọng môn đệ dòng dõi. Người đời Đường là Lệnh Cô Phấn đã ca tụng Tây Ngụy “Trong dân chúng không bỏ hiền tài, trong triều đình rất nhiều quân tử”.

Khi Tây Ngụy mới xây dựng phải đối mặt với nạn đói nghiêm trọng. Vũ Văn Thái đã coi việc khôi phục và phát triển kinh tế là nhiệm vụ quan trọng. Đầu tiên ông khôi phục chế độ quân điền, bảo đảm được sức lao động đầy đủ. Chế độ quân điền mà ông thực hành quy định là: tuổi lao dịch của nam đinh từ 15 tuổi lùi lại đến 18 tuổi, hơn thế còn rút ngắn thời gian phục dịch. Còn quy định nới rộng điều kiện giao nộp tô ruộng. Năm được mùa phải nộp đủ cả thuế, năm trung bình được giảm một nửa, năm thất thu chỉ nộp một phần ba.

Vũ Văn Thái còn yêu cầu quan lại các cấp phải quan tâm đến việc sản xuất nông nghiệp, chăm chỉ đốc thúc, không được làm lỡ thời vụ của nhà nông. Khi thu tô không được phép đem gánh nặng của phú hào gán đổ cho dân nghèo. Khi trưng phát lao dịch không cho phép để cho dân nghèo phải phục dịch lao dịch nặng nề và bắt họ tới những nơi biên cương xa xôi cách giữ, không cho phép để cho phú hộ ít phục dịch ở nơi xa và chỉ canh giữ bảo vệ ở nơi gần. Những chính sách nuôi dưỡng chăm sóc sức dân này của Vũ Văn Thái thực sự đã khiến cho việc sản xuất nông nghiệp được phát triển, chính phủ đã tăng thêm được thu nhập tài chính, đã đặt cơ sở lương thực và tài chính cho việc đánh trả, tiêu diệt quân Đông Ngụy.

Vũ Văn Thái là người Tiên Ti, thế nhưng ông đã nhận thức được những điểm mạnh của nền văn hóa Hán tộc. Do đó ông đã tích cực đẩy mạnh chính sách Hán hóa, đề xướng nho học, tôn sùng Chu Lễ. Trong chính quyền của ông, Tô Xước, Lư Biện vốn là người Hán nhưng đã là những mưu thần cao cấp của ông. Những người Hán như Triệu Quý, Lý Hồ, Lý Bật, Dương Trung, Vương Hùng v.v... đều là những tướng lĩnh cao cấp của ông. Ông hòa mục với giai cấp địa chủ Hán tộc, nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của họ đã củng cố được cơ sở thống trị cun mình. Đồng thời chính sách Hán hóa của ông cũng đã xúc tiến được sự hòa hợp dân tộc, đẩy nhanh tốc độ trong quá trình Hán hóa của tộc Tiên Ti.



## 62. DƯƠNG KIÊN

### ÔM ẤP MƯU LƯỢC HƠN ĐỜI, HOÀN THÀNH NGHIỆP LỚN THỐNG NHẤT

Dương Kiên, tức Tuỳ Văn Đế, vị vua khai quốc của vương triều Tuỳ, người Hoảng Nông, Hoa Âm (nay thuộc huyện Hoa Âm tỉnh Thiểm Tây). Ra đời năm 541 trong một gia đình quý tộc quân sự, cha là Dương Trung, công thần khai quốc nhà Bắc Chu làm tới quan Trụ quốc đại tướng quân, phong tước Tuỳ Quốc Công. Năm Dương Kiên 15 tuổi đã được phong Tán Kỵ thường thị, Xa kỵ đại tướng quân, Nghi đồng tam tư. Sau đó đã trải qua các chức như Phiêu Kỵ đại tướng quân, Tả đại thừa tướng, Đô trấn việc quân sự trong ngoài, Đại trung tế v.v... Năm 581 cất quân diệt Trần, thống nhất Trung Quốc. Thuận theo xu thế phát triển của lịch sử. Dương Kiên đã kết thúc cục diện Nam Bắc phân liệt trong hơn 270 năm, có tác dụng tiến bộ trọng đại trong việc làm cho xã hội Trung Quốc phát triển. Trong quá trình xây dựng nhà Tuỳ và thống nhất Trung Quốc, năng lực thống soái và tư tưởng mưu lược mà ông thể hiện rất đáng khen ngợi.

### LẬT ĐỔ NHÀ CHU, NƯỚC ĐẾN CHÂN THÀNH

Năm Đại Tướng thứ hai nhà Bắc Chu (năm 580), sau khi Chu Tuyên Đế Vũ Văn Vân tạ thế, Nội sử Thượng đại phu Trịnh Dịch và Ngự chính đại phu Lưu Phương nắm việc cơ yếu, lấy lý do Tĩnh đế còn ít tuổi, mượn chiếu đưa Dương Kiên vào coi việc triều chính, đô đốc các việc quân trong ngoài. Một năm sau Dương Kiên được nhường ngôi làm vua lập nên triều Tuỳ. Trong một thời gian ngắn như vậy mà Dương Kiên dễ dàng lật đổ nhà Chu cướp lấy ngôi vua quả không phải là việc ngẫu nhiên. Từ mặt khách quan mà nói, Chu Tuyên Đế nối ngôi Chu Vũ đế chấp chính là một hôn quân vô đạo, trong lúc ông ta còn ở ngôi đã hoang dâm vô độ, hủ bại về chính trị, trên dưới mất đoàn kết, triều đình muốn thay đổi, đã lộ rõ dấu vết



những ngày cuối của vương triều. Sau khi Chu Tuyên Đế chết, con trai là Chu Tĩnh Đế Vũ Văn Xiển chỉ là đứa trẻ 8 tuổi, không có cách gì coi việc triều chính, do đó đã cung cấp cho Dương Kiên một cơ hội cực tốt để cướp đoạt chính quyền Bắc Chu. Nói về mặt chủ quan, thì đó là kết quả của những sách hoạch tích cực của Dương Kiên. Để cướp được ngôi vua, trong thời kỳ nhiếp chính Dương Kiên trước sau đã triển khai, thi hành một loạt mưu lược. Một là lập công, lập quyền uy. Dương Kiên xuất thân vọng tộc, được danh tiếng tốt từ trẻ, sau khi bố là Dương Trung chết đã được phong tước là Tuỳ Quốc Công, nhưng ông ta không lấy đó làm đủ mà càng coi trọng uy vọng lập được do việc dựa vào công tích của chính mình. Năm 575, Chu Vũ Đế đánh Tề, Dương Kiên dẫn ba vạn thủy quân tích cực tham gia chiến đấu, phá quân Tề ở Hà Kiêu. Năm sau ông ta lại tham gia các cuộc chiến tranh bình Tề, do có công mà được phong Trụ quốc, do đó mà uy vọng càng lớn. Thứ hai là tổ chức bộ máy. Dương Kiên chú ý trọng dụng nhân tài. Trước sau ông ta đã bổ nhiệm một loạt người có tài năng, có kinh nghiệm như Cao Cảnh, Tô Uy, Lý Đức Lâm v.v.. làm phò tá cho mình, thay mình xuất mưu sách hoạch. Đồng thời ông còn lợi dụng gia đình hoặc hôn nhân để kết giao với nhân vật tầng lớp trên của chính quyền Bắc Chu, ông lấy con gái Độc Cơ Tín - một trong tám Trụ quốc làm vợ, lại gả con gái làm hoàng hậu cho Chu Tiên Đế. Như vậy quanh Dương Kiên đã hình thành một tập đoàn chính trị rất có thế lực. Sau khi Chu Tuyên Đế chết, Trịnh Dịch và Lưu Phưởng lập tức làm giả di chiếu đưa Dương Kiên vào cung nhiếp chính, điều đó cho thấy quan hệ của họ với Dương Kiên không phải là bình thường từ lâu. Thứ ba là thu phục nhân tâm. Lúc bình thường Dương Kiên đã rất chú ý đến mặt này. Để xoa dịu lòng bất mãn của mọi người đối với chính sách hà khắc tàn bạo của Chu Tuyên Đế, ngay khi vừa bước lên vũ đài chính trị, Dương Kiên đã phế bỏ “Hình kinh thánh chế” do đó thực hiện pháp luật tương đối khoan dung, ông còn hạ lệnh “đình chỉ làm Lạc Dương cung”, “tự mình tiết kiệm”, do đó làm cho cục diện chính trị đổi mới, được đông đảo dân chúng và quan lại cấp dưới đánh giá tốt. Thứ tư là gạt bỏ chướng ngại. Dương Kiên hiểu rất rõ ràng, lực lượng chủ yếu cản trở việc cướp quyền xưng đế của mình là các vị vương, thuộc tôn

thất nhà Bắc Chu và một số phái thực lực địa phương trung thành với hoàng thất. Vì vậy, ông đã dùng các tội danh để giết chết các vị vương như Triệu Vương Vũ Văn Chiêu... đồng thời có kế hoạch nhanh chóng bình định các cuộc phản loạn địa phương do bọn Uất Trì Quýnh, Tư Mã Tiêu Nam, Vương Khiêm... dấy lên, làm cho Chu Tĩnh Đế Vũ Văn Xiển tuổi trẻ ở vào tình trạng hoàn toàn cô lập, mặc người ta sắp đặt. Và như vậy việc Dương Kiên dời đình nhà Chu tự nhiên như là nước chảy về sông, dựa chín thì rụng, có thể “ngồi yên mà hưởng ngôi vua”.

## **BÌNH BA LOẠN, LÚC CHẬM LÚC NHANH CÓ THỬ TỰ**

Vào năm 580 sau khi Dương Kiên vào cung phụ chính, thực tế đã khống chế đại quyền quân chính Bắc Chu, một số phái thực lực địa phương trung thành với họ Vũ Văn đã lần lượt cất quân chống lại, hòng cứu vãn chính quyền Bắc Chu sắp mất. Trong đó có ba thế lực. Một là tổng quản châu Tương và Uất Trì Quýnh, Uất Trì Quýnh là cháu ngoại Vũ Văn Thái, chức cao quyền trọng. Khi biết Dương Kiên chuẩn bị để Vi Hiếu Khoan tiếp nhận chức Tổng quản châu Tương, tháng 6 năm đó Uất Trì Quýnh đã khởi binh ở Nghiệp Thành chống lại Dương Kiên và xưng là Đại tổng quản, và cháu là Uất Trì Cẩn cũng khởi binh hưởng ứng ở Châu Thanh, Uất Trì Quýnh đã nhanh chóng khống chế được phần lớn châu, huyện ở vùng Quan Đông và hàng chục vạn quân đội. Hai là Tổng quản châu Vân, Tư Mã Tiêu Nam. Tư Mã Tiêu Nam có quan hệ chặt chẽ với hoàng thất Bắc Chu, mà con gái là hoàng hậu của Chu Tĩnh Đế. Tháng thứ hai sau khi Uất Trì Quýnh khởi binh, ông ta cũng cất quân chống lại Dương Kiên, đồng thời khống chế một vùng lớn đến Đông Hán Thủy và đến Bắc Trường Giang. Ba là tổng quản châu Ích Vương Khiêm. Vương Khiêm là con trai Vương Hùng, một trong mười hai đại tướng quân Bắc Chu. Nguyên nhân khiến ông ta khởi binh là vì nghe nói hình như Dương Kiên để cho Lương Duệ thay thế chức vụ của mình. Sau khi khởi binh, Vương Khiêm đã nhanh chóng khống chế phần lớn vùng Tứ Xuyên. Ngoài ra, Thứ sử châu Huỳnh

Vũ Văn Trụ, Tổng quản Châu Từ, Tư Lục Tịch Tì La cũng mang bộ hạ của mình giương ngọn cờ phản đối Dương Kiên.

Sau khi tin tức ba phía khởi binh truyền đi “một nửa thiên hạ sôi sục”, “cửa thành đóng suốt đêm này thường không có người đi” tình hình rất căng thẳng. Nhưng Dương Kiên trong biến đổi không hoảng sợ, trấn tĩnh như thường, bởi vì ông ta trước khi nắm quyền đã phân tích mọi khả năng tình thế chính trị xảy ra, đã dự đoán là bọn ba người: Uất Trì Quýnh có khả năng làm loạn, trong khi đầu óc đã sẵn có sách lược ứng phó. Vì vậy sau khi sự việc xảy ra, Dương Kiên đã có kế hoạch chu đáo đâu vào đấy. Thứ nhất, cử thân tín Dương Thượng Hi dẫn ba ngàn thân binh trấn thủ Đồng Quan, để củng cố căn bản, ổn định lòng người. Thứ hai cử người liên lạc với Tổng quản châu Tinh là Lý Mục, liên kết tốt với Đột Quyết để ổn định tình hình phía Bắc; ba là căn cứ vào nặng nhẹ, gấp khoan, trước sau lần lượt cất quân tiến hành chinh phạt Uất Trì Quýnh, Tư Mã Tiêu Nan và Vương Khiêm. Uất Trì Quýnh ảnh hưởng lớn, thế lực mạnh, được coi là đối tượng công kích đầu tiên. Sau khi biết Uất Trì Quýnh khởi binh, Dương Kiên lập tức cử tinh binh Quang Trung, bổ nhiệm danh tướng Vi Hiếu Khoan làm nguyên soái hành quân, dẫn Thành quốc công Lương Sĩ Nhan, Lạc An công Nguyên Giai, Hoá chính công Vũ Văn Tiêm... đi chinh phạt. Để đảm bảo chắc chắn thắng lợi nhanh, sau đó Dương Kiên lại cử Cao Cảnh một người túc trí đa mưu làm giám quân đến trợ chiến. Kết quả là đến tháng 8, bọn Vi Hiếu Khoan đã đánh chiếm được Nghiệp Thành, buộc Uất Trì Quýnh tự sát, từ đó thuận lợi tiêu diệt được thế lực chống đối lợi hại nhất. Đồng thời với thắng lợi liên tiếp ở chiến trường phía Đông, Dương Kiên đã trước sau cử Vương Nghi, Lương Duệ làm nguyên soái hành quân lần lượt đối phó với Tư Mã Tiêu Nan và Vương Khiêm. Tư Mã Tiêu Nan bất tài vô mưu, trước sự tiến quân của Vương Nghi bỏ chạy về Trần, các vùng đất Vân, Tuy... lần lượt được thu hồi. Lương Duệ dẫn 20 vạn quân đi sâu vào biên giới Thục, đến thẳng Thành Đô. Vương Khiêm vốn không có sẵn mưu lược dẫn 5 vạn tinh binh ra ngoài thành nghênh chiến. Thua trận chạy lên Bắc, giữa đường bị bắt rồi bị giết. Chiến trường phía Tây nhanh

chóng kết thúc trước chiến thắng của Lương Duệ. Do Dương Kiên tính toán chính xác, triển khai có sức, nên chỉ trong thời gian chưa đến 4 tháng đã tiêu diệt xong ba thế lực chống đối lớn, giữ vững cục diện chính trị, tránh được sự tái diễn phân biệt lớn ở phương Bắc như những năm cuối thời Bắc Ngụy.

## **LÀM SẠCH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC, LIÊN HỢP VỚI YẾU CHIA RẼ KẼ MẠNH**

Từ nửa sau thế kỷ 6, Đột Quyết đã thay thế Nhu Nhiên trở thành nhà nước dân tộc thiểu số hùng mạnh nhất ở miền Bắc Trung Quốc. Khi Bắc Chu, Bắc Tề đối lập, hai bên đều tranh nhau giao hảo tốt với Đột Quyết để làm ngoại viện cho mình. Thế là Đột Quyết ngày càng ngang ngược, không ngừng tiến hành tập kích, quấy nhiễu phía Nam. Năm 581 sau khi Dương Kiên thiết lập triều Tuỳ, lúc đầu vốn định tiêu diệt Trần trước để thống nhất Nam Bắc, sau đó mới đối phó với Đột Quyết. Nhưng Đột Quyết đã thừa cơ Dương Kiên tập trung binh lực diệt Trần, không ngừng dẫn quân xâm phạm phía Nam. Mùa đông năm đó, Kha Han Sa Bát Lược của Đột Quyết dưới sự dẫn đường của Thứ sử châu Doanh là Cao Bảo Ninh chỉ trong một trận đã chiếm được Lâm Du (nay là Sơn Hải quan tỉnh Hà Bắc), trực tiếp uy hiếp châu U. Tình hình mới đã buộc Dương Kiên áp dụng phương châm chiến lược hòa Nam đánh Bắc, Bắc trước Nam sau, tập trung lực lượng giải quyết vấn đề Đột Quyết. Dương Kiên biết rằng đất đai Đột Quyết rộng lớn, quân dân thiện chiến không thể vội vàng thành công ngay, và cũng không nên chỉ đơn thuần dựa vào biện pháp quân sự giải quyết vấn đề, mà cần phải chuẩn bị đầy đủ, cùng tiến hành cả quân sự và chính trị. Căn cứ vào tư tưởng chỉ đạo đó, một mặt Dương Kiên cho tăng cường xây dựng công sự, huấn luyện quân sĩ, điều chỉnh kế hoạch, tích trữ lương thảo, tích cực tiến hành chuẩn bị quân sự, đồng thời lại phát động một cuộc tiến công về chính trị sinh động đối với Đột Quyết. Nội bộ Đột Quyết vốn chia làm bốn phái lớn, mỗi phái chiếm một phương, nghi ngờ lẫn nhau. Căn cứ vào đó Phụng quân đô úy Trương Tôn Thành kiến nghị với Dương Kiên, dùng mưu lược “chơi với kẻ ở xa, đánh kẻ ở gần, chia rẽ mạnh liên hiệp kẻ yếu” đối với

các bộ lạc Đột Quyết, tiến hành phân hóa trước, đợi thời cơ chinh phạt sau. Dương Kiên tiếp nhận kiến nghị của Trưởng Tôn Thành, cử thái bộc Nguyên Huy đến Y Ngôn (nay là Cáp Mật - Tân Cương) kết giao tốt với Kha Han Đạt Đầu Điểm Quyết, làm cho Kha Han Sa Bát Lược phải chia quân phòng bị phía Tây; cử Trưởng Tôn Thành ra đường Hoàng Long, liên lạc với bộ Xứ La hầu cùng với Khiết Đan v.v... thuyết phục họ đứng về phía vương triều Tuỳ để làm cho Kha Han Sa Bát Lược phải chia quân phòng bị phía Đông. Làm như vậy sẽ khiến cho Kha Han Sa Bát Lược - kẻ thù chủ yếu ở vào tình trạng cô lập, tạo điều kiện thuận lợi cho tiến công quân sự. Đồng thời, Dương Kiên còn lấy danh nghĩa người có lẽ không đánh kẻ có tang (lúc này Trần Tuyên Đế ốm chết) rút quân đội đang đánh Trần do Cao Cảnh thống soái trở về, tạm thời hòa hảo với Trần, để tránh phải tác chiến ở cả hai mặt.

Trải qua hai, ba năm chuẩn bị về quân sự và chính trị, mùa xuân năm 583, Dương Kiên quyết định chuyển từ phòng ngự sang phản công toàn diện đối với Đột Quyết. Tháng 4 năm đó, ông ra lệnh cho Vệ vương Dương Sảng dẫn quân ra châu Sóc (nay là huyện Sóc, Sơn Tây), Hà Gian vương Dương Hoảng dẫn quân ra châu Linh (nay là Tây Nam Linh Uy - Ninh Hạ), Thượng trụ quốc Đạu Vinh Định dẫn quân ra Châu Lương (nay là Vũ Uy - Cam Túc), Tổng quản ra Châu U là Âm Thọ dẫn quân ra Lư Long (nay là Hỷ Phong Khẩu - Hà Bắc), Tả Bộc xạ, Cao Cảnh dẫn quân ra Châu Ninh (nay là huyện Ninh - Cam Túc), Hữu Bộc xạ, Ngu Khánh Tắc dẫn quân ra Châu Nguyên (nay là Cố Nguyên - Ninh Hạ), sáu đạo quân chia đường tấn công Đột Quyết. Do có sự chuẩn bị đầy đủ, sau khi chiến tranh bắt đầu, quân Tuỳ tiến triển vô cùng thuận lợi. Ở Bạch Đạo (nay là Tây Bắc Hồ Hòa Hạo Đặc - Nội Mông Cổ) đã đánh tan quân chủ lực của Kha Han Sa Bát Lược, hãn phải chạy trốn vào vùng đồng hoang. Dương Hoảng, Âm Thọ, Đạu Vinh Định v.v... đều thu được thắng lợi ở mức độ khác nhau. Sau đại thắng ở Bạch Đạo, Kha Han A Ba của Đột Quyết dẫn đầu qui thuộc triều Tuỳ, điều đó càng làm sâu sắc thêm mâu thuẫn trong nội bộ Đột Quyết, đến mức phát triển thành cùng nhà mà cầm giáo. Trước sự việc đó, Dương Kiên

trước tiên đứng bên bờ xem lửa, từ chối không viện trợ cho bất kỳ phía nào, đợi cho họ sau khi làm yếu lẫn nhau, mới lần lượt vỗ về buộc họ ký hòa ước lấy “nước làm ranh giới”. Sau khi lập nước không lâu, Dương Kiên chỉ trong một trận đã đánh bại Đột Quyết thế lực hùng mạnh, điều đó có ý nghĩa vô cùng trọng đại. Không những làm cho biên giới miền Bắc được yên ổn, mà còn giải quyết được mối lo xuống Nam diệt Trần, tạo ra điều kiện có lợi cho việc thống nhất cả nước.

## **DIỆT NƯỚC TRẦN, LỬA DỐI LÀM GIÀU GIẾM**

Sau khi đã loại bỏ được sự uy hiếp của Đột Quyết đối với nhà Tùy, Dương Kiên đã bắt tay vào việc thực thi phương châm diệt Trần đã định. Vì việc này, trước tiên vào năm Khai Hoàng thứ bảy (dương lịch là năm 587) ông đã yêu cầu các đại thần văn võ cống hiến phương lược diệt Trần để tiện tiến hành tính toán. Lúc đó Tả Bộc xạ Cao Cảnh và bọn Hạ Nhược Bật, Dương Tố, Cao Lệ, Thôi Trọng Phương v.v... đều nêu lên nhiều kiến nghị rất hay. Cao Cảnh kiến nghị vào thời vụ Giang Nam thu hoạch, điều động tập trung binh mã làm ra thế đánh Trần để làm nhỡ thời vụ nhà nông, đồng thời cử gián điệp len vào nước Trần phá hoại việc tàng trữ vật tư của họ, khiến cho Trần khốn đốn; Hạ Nhược Bật kiến nghị, quân Tùy mỗi lần thay quân phòng về đều tập hợp ở các yếu địa bên sông, kéo cờ đánh trống, làm ra vẻ sắp vượt sông để điều động quân Trần phải tiến hành phòng thủ, cứ làm đi làm lại như thế nhiều lần khiến quân Trần dần dần tê liệt, sau đó bất ngờ qua sông; Thôi Trọng Phương kiến nghị lấy phía Đông Vũ Xương (nay là thành phố Ngạc - Hồ Bắc) làm hướng chủ công, phía Tây Vũ Xương làm hướng thứ yếu, để tạo thành thế Đông Tây hô ứng, làm cho quân Trần đầu đuôi không tiếp ứng được cho nhau. Căn cứ vào những kiến nghị này, Dương Kiên quyết định mưu lược lừa dối làm giàu giếm, trước tiên giả làm như đánh từ nhiều phía để đánh lừa quân địch, sau đó chia đường tiến quân, Đông Tây hô ứng lẫn nhau, chia cắt bao vây, cuối cùng diệt Trần.



Sau khi định xong kế sách, Dương Kiên lập tức ra lệnh bắt đầu chuẩn bị trước trận đánh, ông ra lệnh cho Dương Tố chế tạo thuyền chiến ở Vĩnh An (nay là huyện Phụng Tiết - Tứ Xuyên) tăng cường thủy quân, đồng thời cố ý để lại những phế liệu. Khi đóng thuyền xuôi dòng sông trôi đi, đem tin tức báo cho Giang Nam, để uy hiếp đối phương, ra lệnh cho Tổng quản Châu Ngô - Hạ Nhược Bật, lợi dụng cơ hội thay đổi quân, tập trung quân tại những nơi yếu địa ven sông như Quảng Lăng v.v... trống rỗng chờ mở làm huyên náo như thể sắp qua sông, đợi đến khi quân Trần điều động thì lập tức ngừng lại, cứ lập đi lập lại như vậy lừa dối làm tê liệt quân địch; ra lệnh cho Đại đô đốc Lai Hộ Nhi nhiều lần đưa gián điệp lên qua biên giới Trần, tiến hành phá hoại và làm loạn lòng người. Ngoài ra, Dương Kiên còn cho quân tiến vào Giang Lăng, tiêu diệt Hậu Lương, để quét sạch chướng ngại khi tiến quân xuống Giang Nam.

Tháng 10 Khai Hoàng năm thứ 8 (năm 588) Dương Kiên cho rằng thời cơ diệt Trần đã chín muồi, nên bắt đầu bố trí đường tiến quân, ông ra lệnh cho Tấn Vương Dương Quảng và Tần Vương Dương Tuấn thống lĩnh 51 vạn đại quân thủy bộ, đồng thời từ thượng, trung, hạ lưu sông Trường Giang chia thành 8 đường tiến đánh Trần; Dương Tuấn dẫn quân thủy bộ từ Tương Dương xuôi Hán Khẩu; Dương Tố dẫn đoàn thuyền từ Vĩnh An xuống Tam Hiệp; Thứ sử Châu Kinh - Lưu Nhân Ân dẫn quân ra Giang Lăng; Dương Quảng dẫn quân ra Lục Hợp, Thứ sử Châu Kỳ - Vương Thế Tích dẫn quân ra Kỳ Xuân. Tổng quản châu Lô - Hàm Cầm Hồ dẫn quân ra sông Lô; Tổng quản châu Ngô - Hạ Nhược Bật dẫn quân ra Quảng Lăng; Tổng quản châu Thanh - Yến Vinh dẫn đoàn thuyền ven biển Nam hạ. Trong đó ba lộ quân đầu do Dương Tuấn thống nhất chỉ huy, mục tiêu nhằm vào Giang Hạ (nay là thành phố Vũ Hán - Hồ Bắc) nhiệm vụ là ngăn cản quân Trần ở trung và thượng du Trường Giang đi về Đông tăng viện; năm lộ quân sau do Dương Quảng thống nhất chỉ huy, mục tiêu công kích chính là Kiến Khang (nay là thành phố Nam Kinh - Giang Tô) thủ đô nước Trần. Do trước khi xảy ra chiến trận, Dương Kiên đã cho dùng một loạt biện pháp đánh lừa quân địch, lại thêm Trần Hậu Chủ hoang dâm bất tài,

cho nên khi quân Tùy áp sát biên giới, quân Trần vẫn chưa phát hiện là đại nạn đã tới, không có biện pháp phòng ngự có hiệu quả. Vì vậy sau khi ở thượng lưu quân Tùy đã tiến hành công kích thì ngày mồng một tháng giêng năm Khai Hoàng thứ chín bọn Hạ Nhược Bật, Hàn Cầm Hồ đã qua Trường Giang một cách dễ dàng rồi lần lượt chiếm lĩnh các yếu địa như Kinh Khẩu v.v... Sau đó, Hạ Nhược Bật đã đánh tan chủ lực quân Trần ở Chung Sơn, tướng Trần là Nghiệm Trung Khai dẫn Hàn Cầm Hồ vào thành, Trần Hậu Chủ là Trần Thục Bảo bị bắt sống ở một giếng khô. Tiếp đó, Dương Quảng tiến vào Kiến Khang, ra lệnh cho Trần Thục Bảo viết thư tay chiêu hàng quân Trần ở trung lưu Trường Giang, đồng thời đánh tan sự phản kháng của tàn quân Trần ở Nam Ngô, Lĩnh Nam v.v... đến đó các châu, huyện của triều Trần hoàn toàn qui phục nhà Tùy, Trung Quốc lại một lần nữa thực hiện thống nhất.



## 63. VŨ VĂN UNG

### GIẤU TÀI TRỪ GIAN NGHỊCH, HĂNG HÁI XỨNG ANH HÙNG

Vũ Văn Ung (năm 543 - 578) tự là Di La Đột người tộc Tiên Ti, con trai thứ tư Vũ Văn Thái, hoàng đế thứ ba vương triều Bắc Chu, năm 560 nối ngôi vua, nhưng thực quyền ở trong tay Vũ Văn Hộ - con trai người bác, năm 572 mưu giết Vũ Văn Hộ, nắm lấy quyền bính Bắc Chu, hăng hái lo toan trị nước yên dân, áp dụng nhiều biện pháp cải cách, đồng thời chinh đốn, luyện tập quân đội, diệt Bắc Tề. Năm 578 thân dẫn đại quân Bắc phạt Đột Quyết, giữa đường bị bệnh, trên đường quay về Trường An ốm chết, tuổi mới 36, sau khi chết có miếu hiệu là Cao Tổ, thụy hiệu là Vũ Đế, sử gọi là Vũ Đế - Bắc Chu.

Vũ Văn Ung là một nhà chính trị, quân sự và mưu lược kiệt xuất của Trung Quốc thời kỳ Nam - Bắc triều. Trong cuộc đời ngắn ngủi của ông, thành tích chính trị nổi bật, chiến công hiển hách, sự nghiệp to lớn. Ông có tác dụng thúc đẩy lịch sử đối với việc nhà Tùy thống nhất cả nước và cả thời kỳ thịnh trị Tùy Đường sau này.

### GIẤU TÀI TRỪ GIAN NGHỊCH

Trước khi lâm chung Vũ Văn Thái đem chức vụ Thái sư, đại chủng tể giao cho con trai thứ ba của mình là Vũ Văn Giác. Nhưng do Vũ Văn Giác còn nhỏ tuổi nên thực quyền rơi vào tay người cháu là Vũ Văn Hộ. Năm 557, Vũ Văn Hộ phế bỏ Cung Đế - Tây Ngụy, lập Vũ Văn Giác làm Thiên vương - sử gọi là Mẫn Đế - đổi quốc hiệu là Chu, sử gọi là Bắc Chu. Vũ Văn Giác tức Thiên Vương ở ngôi chưa được 8 tháng vì bất mãn Vũ Văn Hộ chuyên quyền nên bị giết, mới 15 tuổi. Vũ Văn Hộ lại lập thứ trưởng tử của Vũ Văn Thái là Vũ Văn Lưu làm vua (Chu Minh Đế). Vũ Văn Lưu “tính thông tuệ, rất hiểu biết”, Vũ Văn Hộ sợ mất quyền lực nên năm 560 dùng thuốc độc giết chết Vũ Văn Lưu.

Cùng năm đó lập Vũ Văn Ung làm vua. Từ sau đó Vũ Văn Hộ ngày càng chuyên quyền ngang ngược. Hẳn năm chắc quân quyền Bắc Chu, “phàm là việc chinh phạt, không có thư của Hộ không được”, “Thuần binh cấm vệ” ở chỗ ở của hắn còn đông hơn ở cung khuyết. Mấy đứa con trai của hắn đều có địa vị cao, dựa vào quyền thế của hắn kiêu sa dâm dật, tham tài, tàn bạo. Vũ Văn Ung ghét cay ghét đắng cha con Vũ Văn Hộ chuyên quyền hại nước, nhưng ông “tính nết thâm trầm, có kiến thức sâu xa”, biết rõ là không thể mạo hiểm diệt Vũ Văn Hộ mà cần phải đợi thời cơ. Sau khi Vũ Văn Ung nối ngôi vua, không thích ăn mặc, thận trọng làm việc, lung lạc trăm quan, tích lũy lương thực, chờ đợi 12 năm, đợi cho đến lúc triều đình trên dưới đều oán hận sự tàn bạo của cha con Vũ Văn Hộ, mới cùng Vệ vương Vũ Văn Trực mật mưu giết được Vũ Văn Hộ. Tháng 3 năm Thiên Hòa thứ bảy (năm 572), Vũ Văn Ung triệu kiến Vũ Văn Hộ sai hắn khi đến tấn kiến hoàng thái hậu, thay mặt mình đọc bản “tử cáo” khuyên hoàng thái hậu cai rượu. Khi Vũ Văn Hộ tuyên đọc ông đứng ở sau lưng đâm chết. Sau đó ông lại triệu kiến các con trai và thân tín của Vũ Văn Hộ về Trường An rồi giết hết, triệt để thanh trừng tập đoàn Vũ Văn Hộ để cuối cùng nắm chắc trong tay chính quyền và quân quyền nhà Bắc Chu.

## **QUÂN ĐIỀN GIẢM DỊCH, CHÍNH TRỊ TRONG SÁNG**

Sau khi thân chính, Vũ Văn Ung ra sức thi hành chế độ quân điền. Chế độ này quy định: nam đinh đã kết hôn được 140 mẫu ruộng (một mẫu bằng 1/15ha), nam đinh chưa kết hôn được 100 mẫu. Trưng thu tô quy định: nam đinh đã kết hôn mỗi mẫu nộp tô thóc 5 đấu, lụa một tấm, bông tám lạng (1 lạng bằng 50gr), nam đinh chưa kết hôn được giảm một nửa. Lao dịch quy định: năm được mùa 30 ngày, năm trung bình 20 ngày, năm mất mùa 10 ngày. Trong việc nộp tô và lao dịch, Vũ Văn Ung đã nhiều lần nghiêm cấm bắt nộp thêm ngoài quy định, và còn nhiều lần xuống chiếu giảm miễn. Ông còn yêu cầu quan lại các cấp chăm chỉ thúc giục không được để lỡ thời vụ, đồng thời còn coi đó là một tiêu chuẩn để khảo sát thành tích chính trị của quan lại địa phương. Những năm mất mùa, ông đặc biệt coi trọng việc

mở kho cứu tế, sắp xếp di dân, ưu đãi cô nhi quả phụ. Đồng thời còn cho xây dựng công trình thủy lợi ở các nơi, xây dựng cơ bản đồng ruộng. Để làm ngày càng dồi dào sức lao động tham gia sản xuất nông nghiệp, Vũ Văn Ung đã nhiều lần xuống chiếu phóng thích nô tỳ, tạp hộ, số người được phóng thích này đến hàng chục vạn hộ. Những người này hoặc làm ruộng tại chỗ hoặc trở về quê, hoặc đi đến nơi khác mua đình, đã có tác dụng quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất đương thời. Để ngăn ngừa thôn tính ruộng đất và đả kích hành vi trộm cắp, Vũ Văn Ung còn đặt ra “chế yếu hình tử” quy định: giấu giếm 5 hộ và 10 suất đình trở lên, giấu giếm 3 khoảnh đất trở lên, phạt xử tử hình; cầm gậy cướp một tấm vải (vải, lụa) trở lên, không cầm gậy ăn cướp năm tấm trở lên, giám thủ mà tự ăn cắp 20 tấm trở lên đều xử tử hình. Phương pháp dùng pháp luật để chế tài bọn sĩ tộc cường hào thôn tính đất đai, che giấu nhân khẩu, ngăn chặn tội phạm, đã có tác dụng tốt trong việc thực hiện chế độ quân điền. Phát triển sản xuất, ổn định xã hội, Vũ Văn Ung còn công bố thống nhất chế độ đo lường. Về mặt dùng người, ông ra lệnh các nơi cử, giới thiệu hiền tài, căn cứ vào tiêu chuẩn đức tài mà tuyển dụng. Những cải cách kinh tế và chính trị mà Vũ Văn Ung tiến hành đã làm cho nông dân được nghỉ ngơi, sinh lợi, sản xuất được phát triển, nhà nước có thu nhập tài chính nhiều hơn, đồng thời mở rộng cơ sở thống trị của chính quyền Bắc Chu, đạt được mục đích dân giàu nước mạnh.

## **TÔN NHO TRỌNG SÁCH, CẤM TUYỆT PHẬT GIÁO**

Vũ Văn Ung ra sức thi hành chính sách Hán hóa, hấp thụ truyền thống văn hóa tiên tiến của dân tộc Hán, tích cực đề xướng Nho học, tôn trọng lễ giáo, ông đã từng cử người cầm thư do ông tự viết đến Hậu Lương mời danh nho Lương Trọng đến Trường An giảng sách bàn đạo, ông tổ chức một số nhân sĩ văn hóa tiến hành chỉnh lý hiệu đính chú giải kinh sử của dân tộc Hán, có cống hiến rất lớn trong việc bảo tồn văn hóa cổ, thúc đẩy lớn hợp tác, hòa nhập dân tộc. Đồng thời ông còn ra sức cấm tuyệt Phật giáo đang được vô cùng thịnh hành. Thời kỳ Nam, Bắc triều Ngụy, Tấn

mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc rất gay gắt, đất nước phân biệt. Trăm họ như ở trong nước sôi lửa bỏng, nhìn không thấy hy vọng dành gửi gắm vào tương lai. Bọn thống trị cũng lợi dụng tôn giáo làm tê liệt nhân dân, để nhân dân khỏi vùng lên chống đối. Do đó Phật giáo với thuyết luân hồi báo ứng được lưu hành rộng rãi, phát triển một cách dị hình. Đến thời Bắc Chu, chùa, viện đã phát triển tốt hơn 4 vạn cái, tăng lữ hơn 3 triệu người, gần như chiếm tới 1/10 tổng số nhân khẩu. Chùa, viện không chỉ là tổ chức tôn giáo mà còn là thực thể kinh tế, chiếm một lượng lớn đất đai và sức lao động. Tăng lữ không phải nộp tô thuế, không phải đi lao dịch. Điều đó đã làm nặng thêm gánh vác của nông dân, đồng thời còn giảm bớt thu nhập tài chính của chính quyền, vấn đề Phật giáo đã trở thành vấn đề xã hội nghiêm trọng lúc đó. Kiến Đức năm thứ ba (năm 574) Vũ Văn Ung xuống chiếu nghiêm khắc cấm tuyệt hai tôn giáo Phật, Đạo, phá huỷ toàn bộ chùa, viện, kinh quyển, tượng Phật, tài sản, đất đai của chùa viện bị tịch thu, các tăng lữ lớn bé nhất loạt phải hoàn tục làm dân... Từ đó, ở Bắc Chu “dân phải đi lao dịch thừa vãng, tô thuế mỗi năm một tăng, quân đội ngày càng cường thịnh” đã chuẩn bị đầy đủ nhân lực và vật lực cho việc diệt Tề sau này.

## **CHÍNH QUÂN LUYỆN VÕ, TIÊU DIỆT BẮC TỀ**

Sau khi tự nắm chính quyền, Vũ Văn Ung đã nắm chặt thực quyền đối với quân đội, hoàn thiện hơn nữa chế độ Phủ binh do cha ông xây dựng, đổi binh sĩ làm “thị quan” làm cho Phủ binh trở thành quân cấm vệ của hoàng đế, nâng cao địa vị của binh sĩ, và tăng cường sự khống chế của ông đối với quân đội. Đồng thời ông cũng thay đổi biện pháp mộ quân từ trong con em cường hào địa chủ của Vũ Văn Thái, quy định đặt ra châu quận của Phủ quân, trưng mộ phủ binh từ trong hộ quân điền, còn quy định viện pháp ưu đãi hộ nghèo, tức ngoài việc kẻ làm Phủ binh được miễn trừ nộp tô, lao dịch ra mà gia đình còn được trong 3 năm không phải nộp tô, đi lao dịch. Điều này đã mở rộng nguồn Phủ binh, chuyển việc cường hào, địa chủ khống chế nông dân sang cơ cấu quân phủ thay mặt triều đình khống chế.

Vũ Văn Ung còn vô cùng coi trọng việc huấn luyện quân sự của quân đội, có khi tập hợp tướng lĩnh các cấp dạy phép đánh trận; có lúc thân dẫn sáu quân ra ngoại thành tập võ.

Ông tự gắng làm, thường cùng tướng sĩ cùng đi bộ lên núi, vất vả luyện tập, có sức cổ vũ rất lớn nhiệt tình luyện tập của tướng sĩ. Vũ Văn Ung còn chú trọng chinh đốn quân kỷ, quy định tướng sĩ thi hành quân tác chiến không được làm tổn hại tài sản của trăm họ, không được áp bức trăm họ, kẻ nào vi phạm bị chém đầu. Vì vậy quân đội Bắc Chu được trăm họ hoan nghênh. Đồng thời với việc quốc lực, quân lực của Bắc Chu ngày một tăng cường thì Bắc Tề lại ngày càng suy yếu. Vũ Thành Đế Cao Thâm, Bắc Tề cùng lên nối ngôi vua một năm với Vũ Văn Ung, chẳng để ý việc triều chính, trọng dụng gian thần, suốt ngày rượu chè dâm loạn, vợ vét của cải của trăm họ. Cao Vĩ con trai Cao Thâm (sau này là Tề Hậu Chủ) sau khi nối ngôi vua, càng u mê tàn bạo, sinh hoạt thối nát, giết người như ngoé. Dân Bắc Tề nghèo đói, mâu thuẫn giai cấp rất gay gắt. Tháng bảy Kiến Đức năm thứ tư (năm 575) Vũ Văn Ung cho rằng điều kiện bên trong bên ngoài để diệt Bắc Tề đã chín muồi, liền thân dẫn 18 vạn đại quân, chia làm 6 đường tiến thẳng vào Bắc Tề, chiếm liền hơn 30 thành, nhưng do ông nhiễm bệnh ở Hà Âm (nơi trị liệu nay là Đông Bắc Lạc Dương Hà Nam) nên tháng 9 phải thu quân về triều. Tháng 10 năm sau, một lần nữa ông lại dẫn 14 vạn quân đánh Bắc Tề, chiếm được Bình Dương (nay là Lâm Phần - Sơn Tây), đánh tan quân chủ lực Bắc Tề, sau đó lại chiếm được Tân Dương, Bắc đô của Bắc Tề (nay là Thái Nguyên Sơn Tây). Tề Hậu Chủ Cao Vỹ chạy trốn đến Nghiệp Thành (nay là trong thành phố An Dương - Hà Nam) truyền ngôi vua cho con trai là Cao Hằng (ấu chúa) mới 8 tuổi. Tháng giêng Kiến Đức năm thứ sáu (năm 577) quân Bắc Chu đánh chiếm Nghiệp Thành, trên đường chạy trốn đến châu Thanh, Cao Vỹ bị bắt sống. Bắc Tề bị diệt. Sau đó Vũ Văn Ung cử đại tướng Vương Quỹ đưa quân Nam hạ, chiếm được vùng Hoài Nam bị nhà Trần chiếm lĩnh, làm cho cương vực của Bắc Chu mở rộng đến hạ lưu Trường Giang. Bắc Chu chưa bao giờ rộng lớn như vậy.

Vũ Văn Ung có hoài bão lớn, có kế hoạch diệt Đột Quyết trước, rồi bình định Giang Nam sau, “một, hai năm nữa phải thống nhất thiên hạ”. Tháng 5 năm Kiến Đức thứ bảy (năm 578), ông dẫn quân Bắc phạt, quân chia làm 5 đường nhưng khi đến Vân Dương (nay là Tây Bắc Kinh Dương - Thiểm Tây) ông đột ngột phát bệnh, phải xuống chiếu ngừng tiến quân, trên đường trở về ốm chết ở Thừa Hưng. Tiếc là chí lớn chưa thành anh tài đã mất sớm.

## 64. CAO CẢNH

### **BIẾT GIỮ MÌNH NHÌN XA, TÀI NĂNG THẬT SÂU SẮC**

Cao Cảnh (- ? - 607) tự Thiệu Huyền, còn có tên là Cao Mẫn người huyện Tu quận Bột Hải (nay là huyện Cảnh - Hà Bắc), danh thần khai quốc triều Tùy. Cha là Cao Tân thứ sử Bắc Chu. Từ nhỏ Cao Cảnh đã thông minh, giàu tài năng, thích đọc sách sử, nhất là rất giỏi đối đáp. Năm 17 tuổi đã được Tề Vương Vũ Văn Hiến Bắc Chu đưa vào làm việc ghi chép, sau được cử làm Thượng sĩ nội sử, hạ đại phu, do tham gia đánh Tề có công được thưởng Khai phủ. Thời gian Dương Kiên chấp chính triều Chu, trước sau đã giữ các chức Tư lộc tướng phủ, Tư mã tướng phủ. Sau khi về Tùy từng giữ các chức Tả Bộc xạ thượng thư kiêm Nạp Ngôn, Tả Vệ đại tướng quân, Hữu lĩnh quân đại tướng quân, Thái thường khanh v.v... Năm 607 bị Tùy Dạng Đế Dương Quảng kết tội phỉ báng triều đình rồi bị xử tử. Cao Cảnh có tài văn võ, biết rút kinh nghiệm sáng suốt nhìn xa, lại trung thành chăm chỉ, khiêm nhường, đã từng được Tùy Văn Đế Dương Kiên tín nhiệm trong thời gian dài, chấp chính trong triều gần 20 năm. Dương Kiên sở dĩ thống nhất được thiên hạ, ổn định đất nước đều do sự phò tá của Cao Cảnh ở rất nhiều chỗ.

### **PHÒ CHÚA SÁNG SUỐT, HẾT LÒNG HẾT SỨC**

Năm 580, thừa cơ Tuyên Đế Bắc Chu ốm chết, Tĩnh Đế tuổi còn nhỏ, sau khi nắm chính quyền Bắc Chu, Dương Kiên càng tích cực chiêu mộ nhân tài, chuẩn bị cho việc chính thức thay đổi triều Chu. Nghe nói Cao Cảnh học quân sự, nhiều mưu lược, tinh nhanh năng nổ, ông rất muốn đưa vào tướng phủ để sử dụng. Ông sai thân tín của mình là Dương Huệ truyền đạt ý muốn của mình. Cao Cảnh đã biết rõ Dương Kiên có chí lớn, sáng suốt, mưu lược hơn đời, việc thay thế nhà Chu chỉ là vấn đề thời gian, vì



thế rất tự nguyện muốn làm quen với Dương Kiên. Cao Cảnh nói với Dương Kiên: “Vô cùng phấn khởi được phục vụ ngài. Nếu như việc lớn của ngài không thành có thể làm cho tôi bị vạ diệt cả họ, tôi cũng không hối hận”. Nghe xong, Dương Kiên cả mừng lập tức cử ngay tại chỗ làm Tư Lược tướng phủ, nắm việc cơ mật để tỏ rõ tín nhiệm. Cao Cảnh đối với Dương Kiên đã hết lòng hết sức, tuyệt đối trung thành. Tháng 6 năm đó, Tổng quản châu Tương, Uất Trì Quýnh trung thành với Hoàng Đế Bắc Chu, khởi binh ở Nghiệp Thành chống lại sự nhiếp chính của Dương Kiên, thanh thế rất lớn. Dương Kiên vội ra lệnh cho danh tướng Vi Hiếu Khoan dẫn bọn Lương Sĩ Ngạn, Nguyên Hải, Vũ Văn Hân, Vũ Văn Thuật, Thôi Hoảng Độ, Dương Tố, Lý Tuần v.v... tổng quản hành quân chinh phạt. Đạo quân đến Hà Dương đã một đạo bị cản trở, đồng thời lại có tin Lương Dĩ Ngạn, Vũ Văn Hân, Thôi Hoảng Độ nhận hối lộ của Uất Trì Quýnh, lòng quân không yên. Được tin, Dương Kiên rất lo lắng, muốn cử Thôi Trọng Phương lấy lý do bố mình ở Sơn Đông để không nhận lệnh. Trương sử tướng phủ Trịnh Dịch, Tư mã tướng phủ Lưu Phương cũng không có ý muốn đi. Thấy Cao Cảnh dũng cảm yêu cầu xin đi Sơn Đông trợ chiến. Dương Kiên cả mừng, cử Cao Cảnh làm giám quân, đồng thời yêu cầu lên đường sớm nhất. Và Cao Cảnh, ngay đến nhà cũng không về đã lên đường ngay, chỉ cử một thủ hạ về nhà từ biệt mẹ, biểu thị trung, hiếu không thể làm tròn cả hai. Tháng 8 năm đó, Cao Cảnh và Vi Hiếu Khoan hợp lực chiếm được Nghiệp Thành, bình định được cuộc phản loạn của Uất Trì Quýnh, phấn chấn trở về kinh đô. Dương Kiên vô cùng vừa lòng về lòng trung thành chăm chỉ và tài năng của Cao Cảnh, đã mở tiệc ngay tại phòng ngủ chiêu đãi Cao Cảnh để cho thấy vinh dự đặc biệt. Năm thứ hai, sau khi Dương Kiên được nhường ngôi, xưng đế kiến lập nhà Tùy, lại phong Cao Cảnh làm Thượng thư Tả Bộc xạ kiêm Nạp ngôn, cùng với Ngu Khánh Tắc cùng chủ trì triều chính. Khi Dương Kiên rời kinh đô ra ngoài, thường để Cao Cảnh ở lại giữ gìn. Việc ban thưởng về vật chất thường rất hậu hĩnh và rất nhiều lần. Việc Cao Cảnh được tín nhiệm gấp bội đã khiến một số triều thần ghen ghét. Khi Cao Cảnh theo Dương Quảng đánh Trần, đã có người tung tin Cao Cảnh mưu phản, nhưng kết quả là kẻ tung tin bị Dương Kiên xử trảm. Sau này Hữu vệ tướng



quân Bàng Hoảng, tướng quân Lưu Bôn, Thượng thư đô sự Khương Hoa... cũng trước sau nói xấu Cao Cảnh trước mặt Dương Kiên, nhưng đều bị Dương Kiên bác bỏ. Dương Kiên đã từng nói: Cao Cảnh giống như một tấm gương, gièm pha ông ta cũng như lau gương, sau mỗi lần lau, gương lại càng sáng.

## **TÁN THÀNH ĐÁNH TRẦN, GIÁO QUYẾT ĐIỀU KHIỂN ĐỊCH**

Cao Cảnh giỏi mưu lược quân sự, ngoài việc cùng Vi Hiếu Khoan thuận lợi bình định cuộc phản loạn của Uất Trì Quýnh ra, đã từng nhiều lần dẫn quân tác chiến, lần nào cũng thể hiện không xoàng, nhưng phản ánh tài năng quân sự của ông nhất, là cuộc chiến bình định Trần. Khai Hoàng năm thứ hai (năm 582) Dương Kiên lệnh cho Cao Cảnh dẫn đại tướng Trương Tôn Giác, Nguyên Cảnh Sơn... đi đánh nước Trần. Đại quân chưa qua sông thì được tin Trần Tuyên Đế ốm chết, Cao Cảnh cho rằng lúc này mà đánh Trần sẽ thúc đẩy nội bộ quân địch đoàn kết kháng cự, sẽ không có lợi cho Tùy, liền dâng biểu xin rút quân về. Lúc này, Dương Kiên một mặt cảm thấy Đột Quyết không ngừng xâm phạm phía Nam, trước tiên cần giải quyết vấn đề phía Bắc tiêu trừ mối lo về sau, đồng thời cũng thấy ý kiến của Cao Cảnh rất có lý, nên đã đồng ý thỉnh cầu của Cao Cảnh, ra lệnh rút quân về kinh đô. Sau khi về kinh, Cao Cảnh đã cùng Tuỳ Văn Đế thảo luận kế sách tiêu diệt nước Trần sau này. Cao Cảnh kiến nghị: Vùng Giang Bắc thời tiết rét buốt, mùa màng thu hoạch muộn, còn vùng Giang Nam khí hậu ấm áp, mùa màng chín sớm. Chúng ta tính toán sao cho khi đến nước Trần vào vụ thu hoạch có thể điều động một bộ phận quân đội, tung tin nói muốn tập kích nước Trần. Sau khi kẻ địch biết tin, tất phải điều động binh lực tăng cường phòng thủ và như vậy có thể lỡ thời vụ nhà nông, sẽ giảm bớt thu hoạch. Nhưng đợi đến sau khi nước Trần tập trung xong binh lực, chúng ta lại ra lệnh cho quân đội trở về trại. Cứ làm như vậy nhiều lần, quân địch sẽ coi thường. Sau này khi chúng ta thực sự tập trung quân đánh Trần, kẻ địch vì quen rồi không lấy làm lạ. không tin, vào lúc kẻ địch còn do dự chưa quyết, chúng ta có thể một lần qua sông, lên bộ tác chiến, sĩ khí

do trận đầu đánh thắng sẽ càng lên cao. Ngoài ra đất đai miền Nam mỏng, quanh nhà thường trồng tre, tất cả dự trữ đều để trên mặt đất, không giống như miền Bắc cất giữ trong hầm đất. Do đó chúng ta có thể bí mật đưa gián điệp lên vào đất Trần, nhân gió nổi lửa đốt cháy; sau khi họ dự trữ lại, ta lại châm lửa đốt cháy, cứ làm như vậy vài năm, tài lực của nước Trần sẽ cạn kiệt. Dương Kiên rất tán thưởng kiến nghị của Cao Cảnh cho theo kế mà làm. Năm 589, sau khi tiêu trừ được sự uy hiếp của Đột Quyết, Dương Kiên đã quyết định cử đại quân đánh Trần. Bố trí quân sự như sau: chia và cử tám lộ quân đồng thời xuất kích ở hạ du và trung du Trường Giang, trong đó năm đạo quân ở hạ du Trường Giang là hướng chủ công, thống nhất do Tấn Vương Dương Quảng điều phối, nhưng trên thực tế, Dương Quảng chỉ là người có tên, mọi việc trong ba quân đều do nguyên soái hành quân Trưởng sử Cao Cảnh quyết định. Do quân Tùy chuẩn bị đầy đủ, nên trận đánh Trần rất thuận lợi, trước sau không đến 4 tháng đã giành được thắng lợi hoàn toàn, thực hiện Trung Quốc thống nhất. Sau khi bình định xong Trần, Tấn Vương Dương Quảng muốn lấy vợ yêu của Trần Hậu Chủ là Trương Lệ Hoa làm phi, nhưng Cao Cảnh không đồng ý, ông nói: năm đó, sau khi Chu Vũ Vương diệt Thương đã giết chết Đát Kỷ, bây giờ chúng ta bình định nước Trần, rõ ràng là không nên lấy Trương Lệ Hoa, rồi ông ra lệnh chém đầu. Sau khi về kinh đô, Tuỳ Văn Đế Dương Kiên, để thưởng công Cao Cảnh đã phong cho ông làm Trụ quốc, tức là Tề Quốc Công.

### **TRÁNH QUYỀN THẾ, BIẾT GIỮ MÌNH**

Dương Kiên sau khi lên ngôi xưng đế đã cử Cao Cảnh làm Thượng thư, Tả Bộ xạ Kiêm Nạp ngôn, Cao Cảnh về đến phủ thấy cả nhà trên dưới đều tươi cười hơn hờ chỉ mỗi mình mẹ già là sắc mặt nghiêm túc. Cao Cảnh bước lên hỏi, bà mẹ nói: Con nhận chức cao như vậy, phú quý đã cực điểm, từ nay trở đi con phải cẩn thận, thận trọng, làm không tốt sẽ mang lại họa chập đầu. Cao Cảnh cho rằng lời mẹ nói rất có lý, nên trong lòng thường luôn cảnh giác, sợ hãi, chỉ lo vì quyền thế quá cao mà mang họa tới. Sau đó không lâu, Cao Cảnh thấy Thái Tử thiếu bảo Tô Uy tài cao có thể dùng vào việc lớn, nên đã dâng sớ lên Tuỳ Văn Đế Dương Kiên yêu cầu nhường

chức Thượng thư Tả Bộc xạ cho Tô Uy. Để tác thành cái đẹp nhường hiền của Cao Cảnh, Dương Kiên đã đồng ý yêu cầu của ông. Nhưng được mấy ngày, Dương Kiên lại thay đổi chủ ý, yêu cầu Cao Cảnh tiếp tục giữ chức Thượng thư Tả Bộc xạ, nhưng đề bạt Tô Uy làm Nạp Ngôn kiêm Thượng thư Bộ dân. Khi giải thích lý do thay đổi chủ ý này, Dương Kiên nói: Tô Uy tài cao, Cảnh đã tiến cử, ta nghe tiến cử người hiền, sao lại giảm chức quan? Năm 589, sau khi diệt Trần, Cao Cảnh không yên lòng trước việc Tuỳ Văn Đế tăng quan thêm tước cho mình, lại dâng sớ yêu cầu nhường chức, nhưng Tuỳ Văn Đế không đồng ý, mà còn xuống chiếu an ủi. Với sự khiêm nhường, Cao Cảnh lại càng được Dương Kiên tín nhiệm. Sau khi phu nhân bị bệnh, Dương Kiên luôn luôn sai sứ giả đến thăm hỏi. Có một lần Dương Kiên bảo Cao Cảnh và Hạ Nhược Bật bình luận công lao của các tướng trong việc diệt Trần. Cao Cảnh không vì công cao mà kiêu ngạo, ông nói: Hạ Nhược Bật là người đầu tiên nêu mưu kế sách diệt Trần, sau đó lại thân dẫn quân đi đánh nhau vất vả ở Chung Sơn, phá được địch, những công lao đó rất rõ ràng, tôi chỉ là một thư lại mà thôi, chỉ làm được một ít công tác tham mưu, sao dám so sánh công lao với đại tướng quân. Dương Kiên đánh giá cao đức tính khiêm nhường của Cao Cảnh.

Quan hệ của ông với Dương Kiên trong một thời gian dài rất hòa hợp. Nhưng sau này trong việc phế bỏ Thái Tử đã xảy ra chia rẽ. Dưới sự mê hoặc xúi bẩy của Độc Cô hoàng hậu, Dương Kiên có ý phế bỏ Thái Tử Dương Dũng, cho Tấn Vương Dương Quảng là Thái tử. Cao Cảnh đã khổ công khuyên giải Dương Kiên không nên bỏ trưởng lập thứ, kết quả là đã méch lòng Độc Cô hoàng hậu.

Từ đó trước mặt Dương Kiên, Độc Cô hoàng hậu thường gièm pha Cao Cảnh, khiến Dương Kiên ngày càng xa lánh ông, cuối cùng bị miễn chức quan về làm dân. Trước việc này, Cao Cảnh không hề để ý, thậm chí còn vui mừng, vì cho rằng nhờ vậy có thể thoát họa, giữ được cái đầu.

**TIẾN DẪN NGƯỜI HIỀN,  
ĐẠI LƯỢNG VỚI NGƯỜI**

Trong quá trình giúp Dương Kiên lấy thiên hạ và trị thiên hạ, Cao Cảnh hết sức chú trọng phát hiện và lựa chọn đề bạt nhân tài ưu tú. Đầu óc ông cởi mở, khoan dung đại lượng, vừa có thể tha thứ khuyết điểm của người, lại vừa có thể khoan dung ưu điểm của người, không bao giờ lo lắng nhân tài ưu tú vượt mình. Hạ Nhược Bật, Hàn Cầm Hồ và Dương Tố là ba viên đại tướng nổi tiếng nhất triều Tùy, bọn họ đều do Cao Cảnh tiến cử mà được trọng dụng. Tô Uy cũng là một danh thần triều Tùy, ông ta cũng nhờ vào kiến nghị của Cao Cảnh mà được đề bạt vào chức vụ then chốt. Còn những người khác do sự tiến cử của Cao Cảnh mà được lập công, làm chủ công việc thì kể không hết. Chính là nhờ vào tư tưởng và hành vi hiểu rõ việc đời, giỏi tiến cử người hiền mà ông đã có danh tiếng tốt. Ông chấp chính triều đình gần 20 năm, trong triều ai cũng phục, không có điều dị nghị, mọi người phổ biến gọi ông là Chân tế tướng. Sau khi ông bị Dương Quảng giết hại, không ai là không thương tiếc, trong một thời gian dài mọi người đều vì ông mà kêu nổi oan khuất.

## 65. LÝ UYÊN

### TÍNH TOÁN NHƯ THẦN NỔ TIẾNG, ANH HÙNG KHÔNG CÓ VỖ CÔNG

Lý Uyên là hoàng đế khai quốc triều Đường, người Địch Đạo, Lũng Tây (nay là Lâm Thao - Cam Túc) sinh năm Thiên Hòa nguyên niên nhà Chu (năm 556) ở Trường An. Ông nội là Lý Hồ, là Tả Bộc xạ Tây Ngụy, một trong tám đại trụ quốc, là công thần khai quốc nhà Bắc Chu, sau khi chết được phong là Đường Quốc Công. Cha là Lý Cao giữ chức Tổng quản Châu An - Bắc Chu (nay là An Lục - Hồ Bắc), Trụ quốc đại tướng quân. Năm 7 tuổi, Lý Uyên đã được tập phong làm Đường Quốc Công. Lý Uyên là cháu vợ Tuỳ Văn Đế, rất gần gũi Tuỳ Văn Đế Dương Kiên, sau khi Tuỳ diệt Chu, vẫn được tập trước Đường Quốc Công, là đại quý tộc triều Tuỳ. Sau khi về Tuỳ, trước tiên làm Thiên ngu, sau chuyển làm Thái sử ba châu Tiêu, Lũng, Kỳ. Năm đầu Đại Nghiệp của Tuỳ Văn Đế làm thái thú hai quận Huỳnh Dương, Lô Phiền. Đại Nghiệp năm thứ 12 (năm 616) làm Hữu Kiêu vệ tướng quân, năm sau ra giữ chức Lưu thủ Thái Nguyên.

Vào lúc vương triều Tuỳ bị làn sóng khởi nghĩa nông dân đánh cho chia năm xẻ bảy, Lý Uyên đã tinh táo quan sát tình thế, thuận theo lòng dân, dẫn đầu khởi binh, tiêu diệt triều Tuỳ, xây dựng vương triều Đường hùng mạnh chưa hề có trong lịch sử Trung Quốc. Lý Uyên có thể diễn được màn lịch sử uy vũ hùng tráng là không tách rời khỏi mưu lược chính trị và quân sự của ông

### BIẾT THỜI TẠO THẾ, KHỞI BINH THÁI NGUYÊN

Cuối Tuỳ, Tuỳ Dạng Đế Dương Quảng bên trong thì thế ngang ngược tàn bạo vợ vét, ra sức xây dựng công trình kiến trúc; bên ngoài thì huy động toàn bộ lực lượng, gây chiến tranh xâm lược, Đông chinh Cao Ly, ba lần

đánh, ba lần thua. Sưu dịch và chiến tranh nặng nề đã làm trăm họ khổ không kể xiết. Khởi nghĩa nông dân khắp các nơi. Đến đầu năm Nghĩa Ninh nguyên niên (năm 617) đã hình thành ba đội quân khởi nghĩa nông dân hùng mạnh; một đội nghĩa quân do Lý Mật lãnh đạo, sôi nổi ở vùng nay là Hà Nam; một đội nghĩa quân do Đỗ Phục Uy lãnh đạo, sôi nổi ở vùng nay là Sơn Đông và Giang Hoài. Các đội quân khởi nghĩa này đã tiêu diệt một lượng lớn quân Tuỳ, chia cắt tập đoàn thống trị triều Tuỳ và quân đội là 3 nơi Võ Giang Đô (nay là thành phố Dương Châu - Giang Tô), Lạc Dương (nay là Lạc Dương - Hà Nam) và Trường An. Lúc này, một số quý tộc và quan lại địa phương cũng thừa cơ nổi dậy, chiếm lĩnh địa bàn, xưng vương xưng đế. Quý tộc Đột Quyết vốn thân thuộc triều Tuỳ cũng thừa cơ Nam hạ, chiếm lấy địa bàn, đồng thời đã từng một đạo tiến công Thái Nguyên. Do lực lượng Đột Quyết lớn dần, không ít quan lại như Lương Sư Đô, Lưu Vũ Chu v.v... sau khi khởi binh đã không thể không “liên kết với Đột Quyết ở phía Bắc”, hoặc dựa vào Đột Quyết. Khói lửa nổi lên khắp nơi, Tuỳ Dạng Đế rất sợ hãi, ông ta một mặt sai quân đội chinh phạt khởi nghĩa Lạc Dương, một mặt đề phòng đại thần bên mình. Lý Uyên do thi hành rộng rãi ân đức, kết nạp hào kiệt, tuy là anh em con dì con già với Tuỳ Dạng Đế nhưng vẫn bị Tuỳ Dạng Đế nghi kỵ, không cho rời khỏi mình. Lý Uyên chỉ có thể uống rượu tràn, nhận hối lộ để tự bảo vệ.

Mãi đến Đại Nghiệp năm thứ 11 (năm 615) do Tuỳ Dạng Đế chuẩn bị tuần du Nhạn Môn mới ra lệnh cho Lý Uyên làm đại sứ thăm hỏi Hà Đông - Sơn Tây, trấn áp quân khởi nghĩa nông dân bản địa, Lý Uyên mới được giải thoát. Đại Nghiệp năm thứ mười hai, nhân Đột Quyết uy hiếp Thái Nguyên, Tuỳ Dạng Đế mới bổ nhiệm Lý Uyên làm Lưu thủ Thái Nguyên, đồng thời bổ nhiệm Vương Uy Thương Quần Nhã làm phó Lưu thủ, giám thị Lý Uyên.

Thái Nguyên ở thượng du Phần Thủy, ở giữa Thái Hành Sơn và Hoàng Hà, vốn là yếu độ chiến lược quân sự phía Bắc của triều Tuỳ, cất giữ nhiều vải vóc lương thực, đủ dùng mười năm. Cha con Lý Uyên ra sức chiêu mộ tướng sĩ, lực lượng nhanh chóng lớn mạnh. Còn quân đội của vương triều

Tuỳ ở Quan Trung phần lớn bị điều đến Lạc Dương trấn áp quân khởi nghĩa, hoặc đưa đến Giang Đô. Lực lượng ở Quan Trung mỏng yếu, quân Ngô Cương lại kiểm chế chủ lực quân Tuỳ ở Lạc Dương. Tất Trung mỏng yếu. Tất cả những điều đó đã cung cấp cho cha con Lý Uyên khởi binh một cơ hội ngàn năm khó gặp.

Lý Uyên vốn có “ý đồ tự mưu” từ lâu, nhưng vì chính lệnh của Tuỳ Dạng Đế vẫn còn quán triệt đến các nơi, nên chưa thể khinh động. Lúc này Tấn Dương lệnh Lưu Văn Tĩnh (nay là Thái Nguyên Sơn Tây) và Lý Mật có quan hệ hôn nhân, bị Dạng Đế hạ ngục ở Thái Nguyên. Con thứ Lý Uyên là Lý Thế Dân bí mật tới thăm, Lý Văn Tĩnh phân tích tình hình nói, nay thiên hạ đại loạn, hào kiệt cùng nổi dậy, Dạng Đế tuần du Giang Nam, Lý Mật vây đánh Lạc Dương nay thừa cơ hành động “không đến nửa năm, nghiệp đế có thể thành”. Phân tích này đã tăng thêm lòng kiên định cho quyết tâm của Lý Thế Dân. Hứa Thế Tự, Tư mã phủ Ứng Dương - Thái Nguyên cũng khuyên Lý Uyên: “Năm quân năm quận, ở đất có thể đánh bốn phương, khởi sự ắt nghiệp đế thành”. Chính vào lúc đó, Lưu Vũ Chu dẫn quân tập kích chiếm cung Phần Dương của Dạng Đế, Lý Thế Dân sợ Tuỳ Dạng Chu dẫn quân tập kích chiếm cung Phần Dương của Dạng Đế, Lý Thế Lưu thủ mà để trộm cướp chiếm đoạt ly cung, nếu không có đại kế sớm, họa sẽ đến nơi”. Lý Uyên quyết định khởi binh. Ông bí mật chiêu hồi con trai cả Lý Kiến Thành, con trai thứ tư Lý Nguyên Cát và con rể Sài Thiệu ở Quan Trung về Thái Nguyên bàn việc, sau khi mọi chuẩn bị đã xong xuôi, liền kiên quyết khởi binh.

Trong quá trình Lý Uyên khởi binh, mưu lược chính trị và mưu lược quân sự đều cao hơn người một bậc.

Về mặt chiến lược, chính trị trước tiên, liên hiệp với Đột Quyết ở phía Bắc. Lúc này Đột Quyết đã rất hùng mạnh, Đông từ các nước Thiết Đan, Thất Vi, Tây đến Thổ Cốc Huy, Cao Xương v.v... đều xưng thần phụ thuộc. Phàm là những người khởi binh ở phía Bắc như Lưu Vũ Chu, Quách Tử Hòa, Lương Sư v.v... không ai là không dựa vào Đột Quyết mà có thể tự lập được. Lý Uyên nếu không liên hiệp với Đột Quyết ở phía Bắc thì không chỉ



binh lực mà nhất là lực lượng kỵ binh sẽ không đủ, hơn nữa khi tiến quân vào Quan Trung thì hậu phương có khả năng bị Đột Quyết và Lưu Vũ Chu tập kích, đưa đến chỗ chết. Vì vậy ông sai sứ dùng lời lẽ nhún nhường, hậu lễ xưng thần với Đột Quyết, lại hứa: sau khi lấy được Trường An thì “của cải ở kinh sư, vàng bạc châu báu đưa về Đột Quyết!”. Do ông dùng sách lược chính trị đó, Đột Quyết đáp ứng cử mấy trăm quân đưa Lý Uyên vào Quan, đồng thời chọn hơn ngàn ngựa tốt trao đổi với Lý Uyên. Điều đó làm cho quân phiệt Lưu Vũ Chu ở sau lưng không dám Nam hạ, vùng đất căn cứ hậu phương được bình yên.

Thứ hai lấy “yên Tuỳ trừ loạn” làm ngọn cờ khởi binh. Đương thời, mặc dù quần hùng cũng khởi binh, giặc cướp như châu chấu, nhưng binh lực Tuỳ còn tương đối mạnh. Tuỳ Dạng Đế ở Giang Đô phát hiệu ra lệnh, đại tướng các phương vẫn tuân theo, ước thúc không dám hai lòng. Lý Uyên là quốc thích, nếu không lấy việc tôn phù Tuỳ làm hiệu triệu sẽ bị quan viên Tuỳ coi là phản nghịch, mất đi ưu thế về chính trị. Vì thế trước khi Tuỳ Dạng Đế bị giết, Lý Uyên vẫn luôn tôn Dương Quảng làm Thái thượng hoàng để làm vương triều Tuỳ bị tê liệt, tranh thủ các lực lượng còn trung thành với vương triều Tuỳ, giảm bớt thế lực đối địch, giành lấy chủ động về chính trị.

Về mặt chiến lược quân sự, trước tiên mở rộng quân đội, chú ý kỷ luật quân đội. Để tiến lấy Quan Trung, Lý Uyên đã lợi dụng bất mãn của nhân dân với vương triều Tuỳ, sai Lưu Văn Tĩnh làm giả chiếu lệnh của Dương Quảng gọi những người từ 20 đến 25 tuổi ở bốn quận Thái Nguyên, Tây Hà, Nhạn Môn, Mã Ấp vào quân đội. Tiếp đó lấy danh nghĩa phản đối Lưu Vũ Chu Nam hạ, mộ binh khắp nơi. Trước khi khởi binh, lấy cấu kết Đột Quyết làm tội danh. Bắt phó Lưu thủ Thái Nguyên là Vương Uy và Hồ Nha lang tướng Cao Quân Nhã vì họ phản đối khởi binh, rồi chém đầu. Đồng thời, với quân lực tăng lên nhiều, Lý Uyên chú ý chinh đốn quân đội, giữ nghiêm kỷ luật quân đội, tranh thủ sự ủng hộ của dân binh. Còn quy định đối với hoa quả của dân chúng không mua, không ăn, lấy thứ gì của dân chúng phải bồi thường đúng giá. Do áp dụng những biện pháp đó khi Lý



Uyên vào Quan Trung đã có một lực lượng quân sự có sức chiến đấu tương đối.

## **TỔNG HỢP LỰA CHỌN, ĐÁNH CHIẾM TRƯỜNG AN**

“Sức tổng hợp lựa chọn” là năng lực chủ yếu mà thống soái quân sự phải có đầy đủ, trong một loạt hành động quân sự dẫn quân Nam hạ, đánh chiếm Trường An, Lý Uyên đã thể hiện được năng lực về mặt này tương đối xuất sắc.

Ngày mùng năm tháng bảy, Tuỳ Đại Nghiệp năm thứ mười ba (năm 617), Lý Uyên lệnh cho con trai cả là Lý Kiến Thành thống lĩnh tả quân, Lý Thế Dân, con trai thứ thống lĩnh hữu quân, Lý Nguyên Cát là con trai thứ tư ở lại giữ Thái Nguyên, dẫn ba vạn thủy quân theo Phần Thủy Nam hạ, tiến quân về Quan Trung. Ngày mười bốn khi đến thôn Giả Hồ Bảo cách ấp Thôi (nay là huyện Thôi - Sơn Tây) 50 dặm, thì Đại Vương Dương Hựu, Trấn thủ Trường An triều Tuỳ thấy được ý đồ của Lý Uyên, liền cử Hồ Nha lang tướng Tống Lão Sinh dẫn hai vạn tinh binh đóng ở ấp Thôi. Tả Vũ Hầu đại tướng quân Khuất Đột Thông dẫn hàng vạn tinh binh cố thủ Hà Đông (nay là Tây Vĩnh Tế - Sơn Tây) ngăn cản Lý Uyên Tây tiến. Lý Uyên thấy Tống Lão Sinh không thể ngăn cản con đường hẹp và hiểm trở Giả Hồ Bảo liền mạnh dạn tiến hành cơ động về chiến lược, nhanh chóng hướng về Ấp Thôi. Nhưng sau khi đến Ấp Thôi, Tống Lão Sinh dựa vào hiểm trở giữ chắc, lại gặp phải trời mưa liên miên, quân Lý Uyên không tiến được, một thời gian sau lương thực căng thẳng. Lúc này lại có tin đồn Lưu Vũ Chu sẽ liên hợp Đột Quyết, muốn tập kích Thái Nguyên. Lý Mật đáp ứng liên hợp nhưng không thể tin. Thái nguyên có địa vị chiến lược quan trọng, gia thuộc tướng sĩ đều ở Thái Nguyên, vì vậy chủ trương về cứu cái gốc, việc khác tính sau. Một phái do Lý Thế Dân làm đại biểu đồng ý tiến hành theo kế hoạch cũ. Cho rằng, hiện nay kê, lúa trên đồng ruộng đã chín, lương thực có thể giải quyết tại chỗ; Lưu Vũ Chu và Đột Quyết có mâu thuẫn nhau, không thể bỏ Ấp Mã ở gần để tập kích Thái Nguyên ở xa, Lý Mật thì

lưu luyến lương thực... ở Lạc Khẩu, không thể xa rời yếu địa chiến lược của mình. Tống Lão Sinh khỏe nhưng kém mưu lược, có thể đánh bại. Lý Thế Dân còn phân tích thêm, khởi binh là để đoạt lấy thiên hạ, không thể gặp địch là rút lui, làm như vậy tinh thần chiến đấu của quân đội sẽ rã rời. Ngoài ra, nếu lùi về giữ một thành Thái Nguyên làm sao bảo toàn được mình? Vì vậy chủ trương “vào Hàm Dương trước (nay là Hàm Dương - Thiểm Tây) hiệu lệnh thiên hạ”, Lý Thế Dân thậm chí đêm khuya còn đến trước khóc can, quân ta hành động theo nghĩa, tiến đánh là chiếm được, lùi thì tan, sẽ làm mình hãm vào thế bị tiêu diệt. Trong tình hình hai loại ý kiến tranh cãi không thôi, Lý Uyên đã đấu tranh tư tưởng rất dữ dội, nhưng sau khi suy nghĩ toàn diện, ông đã quả đoán đồng thời với ý kiến của Lý Thế Dân.

Mồng một tháng tám, trời nắng, Lý Uyên, Lý Thế Dân lợi dụng khuyết điểm tuy tiện, vôi vàng của Tống Lão Sinh, bày trận ở cửa Đông và cửa Nam chi viện lẫn nhau, sau đó Lý Kiến Thành, Lý Thế Dân dẫn mấy chục quân kỵ đến dưới thành, vung roi chỉ huy giả làm như vây thành, rồi phóng ngựa chạy sau khi chửi mắng Tống Lão Sinh bất tài. Tống Lão Sinh cá giận, dẫn ba vạn quân đánh ra từ cửa Đông và cửa Nam, kết quả bị Lý Uyên đánh cho đại bại phải bỏ chạy. Trên đường chạy về đến dưới thành thì Tống Lão Sinh bị giết. Lúc đó trời đã tối, nhưng Lý Uyên vẫn ra lệnh lên thành, không có khí tài đánh thành, liền chống người leo lên, chiếm được Ấp Thôi. Sau trận đánh Ấp Thôi, sĩ khí trong quân Lý Uyên lên cao, Lý Uyên bình công khen thưởng, vỗ về quan lại dân chúng Ấp Thôi, lại tuyển dụng trai tráng trong đám tù binh bổ sung cho quân đội. Số quân sĩ người Quan Trung, ai muốn về quê thì cho về, đã thu phục được lòng người và mở rộng ảnh hưởng.

Sau khi đánh được Ấp Thôi, Lý Uyên lại chiếm tiếp Lâm Phần (nay là Lâm Phần - Sơn Tây), Giáng Đô (nay là Tân Giáng - Sơn Tây). Ngày 15 tháng tám tiến quân đến Long Môn (nay là Hà Tân - Sơn Tây). Lúc này có nhiều người kiến nghị Lý Uyên đừng đánh Hà Đông, mà từ Long Môn tiến thẳng lên phía Tây qua Hoàng Hà. chiếm lấy kho lương thực lớn nhất Quan

Trung là kho Vĩnh Phong (nay là Đông Bắc cửa sông Vị, Hoa Âm, Thiểm Tây), nếu chiếm được kho Vĩnh Phong thì “dù chưa được Trường An, nhưng Quan Trung đã xong”. Chủ trương này nhằm vào việc chiếm lấy mục tiêu chiến lược chủ yếu, không vì được hay mất các thành ấp khác mà để mất thời cơ, Lý Uyên rất tán thành ý kiến đó. Nhưng các tướng thỉnh cầu, trước khi qua sông phải đánh Hà Đông, tránh tình trạng trước mặt sau lưng đều có địch. Lý Uyên chuẩn bị chủ lực vây đánh trước quân đội của Khuất Đột Thông nhà Tuỳ ở Hà Đông nhưng do Khuất Đột Thông ba hoa dựa vào hiểm trở giữ chắc, quân Lý Uyên đánh hai ngày không hạ được. Lý Uyên biết rõ tính chính xác của việc nhanh chóng qua sông, nhưng vẫn lo Hà Đông, nên lại triệu tập các tướng hiến mưu kế. Trong hội nghị lại xuất hiện hai loại ý kiến bất đồng do Bùi Thục và Lý Thế Dân làm đại biểu. Bùi Thục cho rằng, Khuất Đột Thông có năm vạn tinh binh, lại có Hà Đông hiểm trở, nên bỏ qua mà đi, rồi không đánh chiếm được Trường An thì sẽ xuất hiện cục diện bị động, trước mặt sau lưng đều có địch. Để ổn thỏa nên đánh Hà Đông trước, sau đó Tây tiến. Lý Thế Dân thì cho rằng “binh quý ở thần tốc”, nếu nhanh chóng Tây tiến khiến quân Tuỳ ở Trường An không kịp trở tay thì việc chiếm Trường An rất dễ. Còn nếu đánh Hà Đông thì mất thời gian, Trường An có chuẩn bị, đánh chiếm sẽ khó khăn. Giữa những ý kiến bất đồng đó, thống soái quân sự nếu như không có khí chất sáng suốt anh dũng và tư tưởng mưu lược khác thường sẽ rất khó có quyết định chính xác. Lý Uyên do có đầy đủ các điều kiện đó nên đã tiếp nhận điều hay của cả hai ý kiến, để lại một bộ phận binh lực tiếp tục vây đánh Hà Đông, kiểm chế binh lực của Khuất Đột Thông, còn tự mình dẫn quân chủ lực vượt qua sông đi thẳng về lấy Trường An.

Sau khi qua sông, Lý Uyên ra lệnh cho con trai cả là Lý Kiến Thành dẫn mấy trăm quân chiếm kho Vĩnh Phong, mở kho phát lương, được cường hào và dân chúng vùng đó ủng hộ. Sau đó lại đánh Đông Quan, cắt đứt liên hệ giữa Lạc Dương và Trường An, bảo đảm hoạt động an toàn cho chủ lực ở hai cánh. Lúc này binh lực của Lý Uyên phát triển rất nhanh, đến Kinh Dương (nay là Kinh Dương - Thiểm Tây) đã có 9 vạn quân. Thế lực của Lý

Uyên ở Quan Trung rất lớn, trong đó thân thuộc, con trai, con gái, con rể... liên hiệp thế lực các nơi khởi binh đông đến 8 vạn, đều chấp nhận sự chỉ huy của Lý Thế Dân. Bọn họ liên hiệp tác chiến, đánh thành chiếm đất, dọn sạch đường cho Lý Uyên tiến quân về Trường An. Trên đường tiến quân, Lý Thế Dân một mặt bổ sung mở rộng binh lực, một mặt vỗ về lòng dân, nên không ít quân khởi nghĩa nông dân đã gia nhập quân đội họ Lý, khi đến gần Trường An đã có 13 vạn quân.

Sau khi biết Lý Uyên Tây tiến, Khuất Đột Thông vội cứu viện Trường An, nhưng sau khi đến Đông Quan đã bị quân Lưu Văn Tĩnh ngăn chặn không có cách gì tiến lên. Thấy Khuất Đột Thông bị chặn, không thể giúp phía Tây, Lý Uyên cho là thời cơ đánh chiếm Trường An đã chín muồi, nên vào ngày 14 tháng mười đã dẫn 20 vạn người ngựa các đạo quân bao vây Trường An, ngày 27 hạ lệnh các đạo quân đánh thành, ngày mùng 9 tháng mười một, Thống quân tướng lĩnh Lô Vinh Cát dẫn bộ đội tràn lên thành đầu tiên, rồi các đạo quân tiến theo, quân đội của Lý Uyên chưa phải đánh lớn đã chiếm được Trường An. Sau khi chiếm Trường An, quân Lý Uyên giữ nghiêm kỷ luật, định ra 12 điều, kẻ giết người, cướp của, phản nghịch đều bị xử tử. Lập Đại vương Dương Hựu - cháu Tuỳ Dạng Đế làm Cung Đế, Tôn Tuỳ Dạng Đế đang ở Giang Đô (nay là Dương Châu) làm Thái thượng hoàng. Cung Đế phong cho Lý Uyên làm đại đô đốc coi việc quân sự trong ngoài, thượng thư lệnh, Đại thừa tướng, tiến phong Đường vương. Triều đình tồn tại về danh nghĩa mà đã mất thực sự rồi. Nghĩa Ninh năm thứ hai (năm 618) Tuỳ Dạng Đế ở Giang Đô bị giết, thiên hạ càng loạn, Lý Uyên liền buộc Cung Đế thoái vị, tự lập làm vua, đặt quốc hiệu là Đường, đổi năm bắt đầu là Vũ Đức.

Lý Uyên khởi binh chưa đến nửa năm đã chiếm được kinh đô Trường An nhà Tuỳ, chiếm được vùng Quan Trung và Hà Đông rộng lớn. Tiến triển nhanh chóng như vậy, ngoài các nhân tố như triều Tuỳ hủ bại, các nơi hưởng ứng, Quan Trung trống rỗng v.v... ra, còn có quan hệ rất lớn với tư tưởng mưu lược và “sức lựa chọn quyết định tổng hợp” của Lý Uyên. Nhất là vào giờ phút then chốt, trong tình hình hai lần Bùi Thục và Lý Thế Dân

bất đồng ý kiến, đã có thể tiếp nhận ưu điểm của hai kế sách đó, kiên quyết, quả đoán đưa ra quyết sách, thể hiện được tài năng của thống soái quân sự. Ngoài ra trong vận động quân đội chiếm kho Vĩnh Phong, khống chế giữ Đồng Quan, không chỉ lấy được rất nhiều lương thực mà còn hãm Trường An vào thế cô lập không có viện trợ, không có cách gì cố thủ được. Trong hành động cụ thể đã đồng thời áp dụng cả hai thủ đoạn chính trị và quân sự, tranh thủ lòng người, giảm bớt được sự chống đối của quân Tùy.

## **ĐẸP HẾT QUẦN HÙNG, THỐNG NHẤT CẢ NƯỚC**

Sau khi chiếm được Trường An, Lý Uyên đã giành được ưu thế về các mặt chính trị, kinh tế v.v... liền lấy Quan Trung, Hà Đông làm căn cứ địa, bắt đầu cuộc chiến tranh thống nhất cả nước.

Trước tiên Lý Uyên áp dụng biện pháp chiến lược sơ bộ bình định Hán Trung Ba Thục, Quan Trung tuy giàu có nhưng địa thế nhỏ hẹp, sức người và vật tư có hạn, không đủ để duy trì cuộc chiến tranh thống nhất cả nước. Lý Uyên cho rằng muốn hoàn thành nghiệp đế thống nhất, đầu tiên phải lấy được Ba Thục, nơi có nguồn binh sĩ, lương thực, vũ khí rất giàu, để làm lực lượng dự trữ. Ông đã cử Quang Lộc đại phu Lý Hiếu Cung Chiêu An Sơn Nam (nay là phía Nam Tần Lĩnh) từ Kim Xuyên (nay là An Khang Thiểm Tây) ra Ba Thục thu phục hơn 30 châu; lại lệnh Vân Dương lệnh (nay là Tây Bắc Kinh Dương – Thiểm Tây) Chiêm Tuấn... gọi hàng các nơi ở Ba Thục; cử Thái thường Thanh Trịch Nguyên Thọ đánh lấy các nơi như Nam Dương (nay là Nam Dương - Hà Nam) và Kinh Tương (nay là vùng Tương Phàm - Hồ Bắc) v.v... Như vậy đã chiếm được vùng rộng lớn Hán Trung, Ba Thục... khiến chúng nối thành một mảnh, đặt cơ sở vật chất cho việc thống nhất cả nước.

Trước khi bắt đầu cuộc chiến tranh thống nhất, một quyết sách chiến lược nữa của Lý Uyên là cử sứ giả đi võ về các nơi, cho họ mang theo một ít binh lực đi khắp quận huyện phủ dụ, dùng phương pháp hòa bình tranh đoạt địa bàn với quần hùng đôi lập. Vì vậy trong vùng rộng lớn Hà Nam,

Hà Bắc, Sơn Đông, Hoài Tứ và Giang Hán đã xây dựng được rất nhiều điểm thế lực do Đường khống chế được. Những điểm này, một mặt mở mang bổ sung địa bàn và thực lực, một mặt chuẩn bị vào lúc đại quân Đường kéo tới sẽ phối hợp, quét sạch quần hùng chống lại. Chiến lược này trong cuộc chiến tranh tiến đánh các địa phương đã phát huy tác dụng to lớn. Như Lý Thần Thông, Trương Đạo Nguyên ở các vùng Hà Bắc, Sơn Đông, Lý Hiếu Cung, Hạ Hầu Đao ở các vùng Sơn Nam, Hoài Tứ.

Trong bố trí quân sự thống nhất cả nước, sử dụng nguyên tắc trước tiên đi về phía Tây lấy Lũng Hữu, sau đó đi về Đông đánh Lạc Dương, cuối cùng bình định miền Nam là vô cùng chính xác.

Sau khi lấy được Quan Trung, Lý Uyên thấy về tình hình chiến lược và vị thế địa lý thì Tiết Cử ở Lũng Tây là uy hiếp đầu tiên. Tiết Cử vốn là người Phần Âm - Hà Đông, sau dời đến ở Kim Thành (nay là Lan Châu Cam Túc) xưng bá một phương. Bắt đầu ông ta là hiệu úy Kim Thành của nhà Tùy, sau khi nghĩa quân các nơi khởi binh, vào năm Đại Nghiệp thứ 13 (năm 617) cũng khởi binh, chiếm đóng Lũng Tây, tự xưng là Tây Tần bá vương. Khi Lý Uyên chiếm lĩnh Trường An, Tiết cử đã từng sai con trai là Tiết Nhân Cảo dẫn quân tiến công Phủ Phong, nhưng bị Lý Thế Dân đánh thua. Tiết Cử lại dự tính liên hiệp với Đột Quyết tấn công Trường An, nhưng Lý Uyên đã cử sứ giả đến phá hoại sự liên hiệp của họ. Tháng 6 năm Đường Vũ Đức nguyên niên, Tiết Cử mang quân tấn công Kinh Châu, sau đó một mạch tiến về Đông, một đạo đánh cho quân Đường đại bại, chiếm được Cao Yên (nay là bắc Tường Vũ - Thiểm Tây). Quân đội của họ Tiết muốn thừa thắng tiến thẳng đến đánh Trường An, vì Tiết Cử ốm chết, con trai là Tiết Nhân Cảo lên thay, mới tạm dừng quân ở Chiết Yên (nay là Đông Bắc Kinh Xuyên - Cam Túc) không Đông tiến nữa, nhưng vẫn luôn uy hiếp vùng Quan Trung.

Tây Tần ở phía Tây Quan Trung là vùng đại hậu phương của Đường, có quan hệ mật thiết với Quan Trung. “Tây Tần định, Quan Trung yên; Tây Tần loạn, Quan Trung loạn”. Trước khi bình định Tây Tần, Lý Uyên đã cử sứ giả đi tranh thủ Lý Quỳ đang chiếm giữ Vũ Uy, và phong ông ta làm

Lương Vương, tạo thành thế giáp kích cả Đông lẫn Tây với Tây Tần. Lại tranh thủ bốn quận Lâm Đào (nay là huyện Mâu - Cam Túc), Bao Hàm (nay là Đông Bắc Lâm Phục - Cam Túc)... đầu hàng Đường, làm cho cánh quân phía sau của họ Tiết bị uy hiếp hơn nữa, sau đó sai Lý Thế Dân mang đại quân tấn công Tây Tần, đánh tan quân họ Tiết. Tiết Nhân Cảo buộc phải đầu hàng.

Sau khi ổn định hậu phương, Lý Uyên chuẩn bị phía Đông Lạc Dương. Lúc này Lưu Vũ Chu mượn sự giúp đỡ của Đột Quyết đánh thắng một mạch chiếm Thái Nguyên, Tấn Châu (nay là Lâm Phần - Sơn Tây), quân đã áp sát Long Môn, đồng thời muốn qua sông, thẳng về Quan Trung, cùng tranh thiên hạ với Đường. Lý Uyên bất đắc dĩ phải tạm giữ thế thủ ở Đông Đô Lạc Dương, tập trung binh lực đón đánh quân Lưu Vũ Chu. Khi bình định xong Lưu Vũ Chu mới chuyển quân về Lạc Dương.

Theo vị trí địa lý của Lạc Dương thì nơi này là trung khu của toàn bộ tình hình lúc đó, nếu Lý Uyên không chiếm được Đông Đô thì nghiệp kế thống nhất Trung Quốc không có hy vọng gì, còn nếu lấy được Đông Đô thì nghiệp lớn thống nhất đã được quá nửa. Khi quân Đường thu phục Thái Nguyên, đánh bại Lưu Vũ Chu thì quân Ngọa Cương đã giải thể. Lúc này thế lực đối địch chủ yếu còn lại là quân khởi nghĩa của Đậ Kiến Đức ở Hà Bắc và tập đoàn Vương Thế Sung ở Lạc Dương, bọn họ chiếm cứ vùng rộng lớn giữa Hoàng Hà, Hoài Hà.

Tháng 7 Vũ Đức năm thứ ba (năm 620) Lý Uyên lệnh cho Lý Thế Dân dẫn 7 tổng quản, 25 tướng với hơn 10 vạn quân tiến công Đông Đô. Để cô lập và tiêu diệt tập đoàn Vương Thế Sung, Lý Uyên đã lợi dụng mâu thuẫn giữa Vương Thế Sung và Đậ Kiến Đức cùng tranh đoạt lẫn nhau các châu, quận Hà Nam, cử sứ giả lôi kéo lung lạc Đậ Kiến Đức, khiến cho Đậ Kiến Đức trong khi Lý Thế Dân đem quân vây Lạc Dương vẫn còn đánh nhau với các quân khởi nghĩa khác, không viện trợ kịp thời Lạc Dương, trong thành Lạc Dương thiếu thốn lương thực, rễ cỏ, lá cây đều bị ăn hết, thân thể mọi người phù thũng, người chết đói đầy đường. Ngay những người dưới bậc công khanh quý tộc cũng phải ăn cám. Đợi đến lúc Đậ



Kiến Đức thôn tính xong nghĩa quân đem 10 vạn đại quân đi về Tây viện trợ Lạc Dương thì lại bị Lý Thế Dân dùng chiến thuật vây thành diệt viện đánh cho đại bại ở Hồ Lao, Đâu Kiến Đức bị thương, ngã ngựa bị bắt. Lý Thế Dân dẫn quân về Lạc Dương, Vương Thế Sung và các tướng thấy đại thế đã mất, đành dâng thành đầu hàng.

Vũ Đức năm thứ tư (năm 621), quân Đường lại tiến về Giang Lăng, đánh bại Tiêu Tiển, cường hào địa phương Lương Hồ và Lĩnh Nam lũ lượt qui thuộc triều Đường. Vũ Đức năm thứ năm (năm 622), Lý Thế Dân dẫn quân Nam hạ Giang, Hoài, tiêu diệt các thế lực cát cứ, bình định xong Giang Hoài.

Cha con họ Lý trải qua 7 năm chinh chiến, tiêu diệt triều Tùy, tiêu diệt thế lực cát cứ địa phương và quân khởi nghĩa nông dân, thống nhất cả nước.

Nhìn chung từ việc khởi binh, tiến vào Quan, đánh Đông dẹp Tây, chỉ đạo và vận dụng toàn bộ chiến lược mưu cầu thống nhất của Lý Uyên, việc phối hợp thích đáng thời gian và địa lý, trình tự nặng nhẹ, chậm gấp rất hợp thời cơ, vận dụng mưu lược quân sự và chính trị nhuần nhuyễn, cho thấy Lý Uyên không chỉ là một nhà đại chính trị mà còn là một nhà đại chiến lược kiệt xuất. Thế nhưng phần lớn các sử gia đều chỉ khen ngợi chiến công hiển hách của Lý Thế Dân, làm cho tài năng và mưu lược của Lý Uyên bị chôn vùi trong đồng giấy cũ. Có người lấy câu nói của Tôn Tử “kẻ thiện chiến, không trí danh không võ công” để hình dung Lý Uyên và cũng lấy câu: “Trăm trận trăm thắng là kẻ không giỏi trong giới võ” của Tôn Tử để hình dung Lý Thế Dân, không phải là không có đạo lý.



## 66. PHÒNG HUYỀN LINH

### GIỎI MƯU VIỆC LỚN, GIỮ YÊN XÃ TẮC

Phòng Huyền Linh (năm 579 - 648), tự Kiêu, người Lâm Tri, Châu Tề (nay thuộc thành phố Tri Bác, Sơn Đông), thông minh từ nhỏ, đọc nhiều sách vở, có sức hiểu biết ghê người. Vào đầu đời Tuỳ, người bình thường căn cứ vào cảnh tượng thái bình đương thời đã cho rằng chính quyền triều Tuỳ có thể ổn định lâu dài; nhưng ông từ tình hình vua Tuỳ “không công đức”, mặc sức lừa gạt trăm họ và nội bộ hoàng tộc loại trừ lẫn nhau đã kết luận: Việc nhà Tuỳ diệt vong có thể gác chân mà đợi. Năm 18 tuổi ông được đề cử làm tiến sĩ, Vũ Kỵ úy, sau giữ chức Tập thành úy. Khi quân Đường tiến vào Quan Trung, ông qui thuận Lý Thế Dân, giữ chức Ký thất tham quân phủ Tần Vương, giúp Lý Thế Dân thống nhất Trung Quốc, giành được ngôi vua. Trinh Quán nguyên niên (năm 627) giữ chức Trung thư lệnh, sau là Thượng Tả Bộc xạ, trông coi việc sửa quốc sử, nhận chiếu vua tuyển chọn lại “Tấn thư”, được phong là Lương Quốc công. Ông là nhà chính trị, mưu lược nổi tiếng thời đầu Đường, cùng với Đỗ Như Hối, Ngụy Trưng... là trợ thủ quan trọng của Lý Thế Dân.

### THU NẠP NHÂN TÀI RỘNG RÃI, GIÚP ĐỠ TẦN VƯƠNG SÁNG NGHIỆP

Sau khi nối ngôi, Tuỳ Dạng Đế lạm dụng sức dân tiêu pha vô độ, bắt buộc hàng chục triệu nông dân xây dựng Đông Đô, sửa chữa Tây Uyển, đào Vận Hà, xây Trường Thành... Lại nhiều lần đi chơi Giang Đô, và đi tuần du hiên giới, dọc đường thường có mấy chục vạn người đón đưa, cực kỳ xa hoa. Lại còn tấn công Cao Ly nhiều lần, tiêu hao sức người sức của rất lớn... Chỉ trong mấy năm ngắn ngủi, kinh tế triều Tuỳ suy vi, dân chúng không sống nổi, các loại mâu thuẫn tăng lên, khởi nghĩa nông dân hết đợt này đến lượt khác. Một số quan lại nhà Tuỳ cũng ủng hộ quân đội, đợi dịp thay thế Tuỳ. Tháng 5 năm Nghĩa Ninh nguyên niên (năm 617), Lưu Thủ -

Thái Nguyên là Lý Uyên dưới sự phò tá của con trai cả là Lý Kiến Thành, con trai thứ là Lý Thế Dân đã khởi binh chống Tùy, dẫn quân Nam hạ, theo Phần Thủy tiến quân vào Quan Trung.

Khi quân của Lý Thế Dân đến bờ Bắc sông Vị Thủy thì Phòng Huyền Linh từ Tập Thành (nay là Tây Phần Dương - Sơn Tây) đến theo Lý Thế Dân, làm kỹ thuật tham quân. Sau đó cùng với việc quân Đường vào chiếm Quan Trung, kiến lập triều Đường cũng như trong cuộc chiến tranh thống nhất, Lý Thế Dân mang quân lấy Hà Lũng, Bắc cứu Tấn Dương, Đông địch Trung Nguyên, đánh lấy Hà Bắc v.v... Phòng Huyền Linh đều vì Tần Vương Lý Thế Dân bày mưu tính kế.

Trong tác chiến, mỗi khi quân Đường đánh tan một bộ phận quân địch, người khác thường đi tìm của cải chán báu, nhưng Phòng Huyền Linh trước hết là thu nạp nhân tài các loại, thu xếp cho ở trong phủ. Khi phát hiện có mưu thần, mãnh tướng, ông đều tìm mọi cách để kết giao, nên họ đều trung thành với Lý Thế Dân. Trong vấn đề dùng người, ông thường nêu ý kiến với Lý Thế Dân. Ví dụ: Đỗ Như Hối vốn là Tào tham quân phủ binh Tần Vương, không lâu được cử làm Trưởng sử châu Thiểm, Phòng Huyền Linh cho rằng Đỗ Như Hối là nhân tài phải dùng cho thích đáng, nên đã kiến nghị với Lý Thế Dân: Đỗ Như Hối là nhân tài khó có, đại vương muốn thu phục bốn phương không có Như Hối, không được. Lý Thế Dân tiếp thu kiến nghị này lại điều Đỗ Như Hối về phủ Tần Vương. Sau này Đỗ Như Hối cùng với Phòng Huyền Linh đã cùng theo Lý Thế Dân trong Đông chinh Tây phạt, tham mưu trong màn trướng, “Huyền Linh giỏi mưu, Như Hối quyết đoán” hai người phối hợp ăn ý, đồng lòng phò tá Lý Thế Dân, lập được công lớn trong việc triều Đường thống nhất Trung Quốc. Lý Thế Dân ca ngợi Phòng Huyền Linh là “Tiêu Hà thời Hán”.

## **TẬP TRUNG VÀO TỒN VONG CỦA XÃ TẮC, NGHĨ MƯU TÍNH KẾ ĐOẠT NGÔI THÁI TỬ**

Tháng 5 năm Vũ Đức nguyên niên (năm 618) Lý Uyên sau khi xưng đế phong con trai cả là Lý Kiến Thành làm Thái tử, con thứ Lý Thế Dân làm

Tần Vương, con thứ tư Lý Nguyên Cát làm Tề Vương. Lý Kiến Thành căm ghét tài hoa và công lao của Lý Thế Dân, dưới sự xúi bẩy của Lý Nguyên Cát, muốn hại Lý Thế Dân. Biết âm mưu của họ từ sớm, Lý Thế Dân đã cử thân tín của mình là Hành Đài Công bộ thượng thư - Ôn Đại Nhã và Quân kỵ tướng quân Trương Lượng đi trấn thủ miền Đông Lạc Dương, để đề phòng khi có biến ra Đông Lạc Dương. Một ngày năm Vũ Đức thứ chín (năm 626) Lý Kiến Thành mời Lý Thế Dân đến uống rượu đêm, ép Lý Thế Dân uống say thổ ra máu. Lý Uyên biết chuyện đã trách mắng Lý Kiến Thành, sau đó nói riêng với Lý Thế Dân: Đưa ra mưu lớn, bình định trong ngoài đều là công của con. Ta muốn lập con làm người kế vị nhưng con cố tử, nay Kiến Thành đã lớn tuổi, làm người kế vị đã lâu, ta không nỡ bỏ. Thấy anh em chúng mày không dung nhau, cùng ở kinh đô, hết lẽ tranh chấp, nay cho con ra Hành Đài, ở Lạc Dương làm chủ từ Đông Thiểm Tây trở đi! Sau khi biết tin này, Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát cùng bàn mưu, cho rằng để Lý Thế Dân về Lạc Dương cũng như thả hổ về rừng, không bằng giữ lại ở Trường An có gì sẽ “dễ xử”. Vì vậy bọn họ thuyết phục Lý Uyên bỏ ý định ban đầu vẫn giữ Lý Thế Dân ở lại Trường An.

Sau đó, Lý Kiến Thành, Lý Nguyên Cát ở hậu cung ngày đêm gièm pha Lý Thế Dân muốn cướp ngôi, Lý Uyên tin muốn trị tội Lý Thế Dân nhưng do các đại thần phản đối nên không làm được. Lý Nguyên Cát mật xin giết Lý Thế Dân, nhưng Lý Uyên không đồng ý.

Trước tình hình anh em Lý Thế Dân mâu thuẫn gay gắt, mọi người ở trong phủ Tần Vương đều biết, nhưng nhất thời chưa có kế sách gì. Phòng Huyền Linh nói riêng với Tử Bộ lang trung, Trương Tôn Vô Kỵ: Hiện nay hiểm khích giữa Thái tử, Tề Vương đối với Tần Vương đã rất sâu, một khi tai họa xảy ra, không chỉ gan óc Tần Vương đầy đất mà về thực tế còn là nỗi lo cho xã tắc, không bằng khuyên Tần Vương giống như Chu Công giết Quản Thúc Sái Thúc, giết luôn Thái tử và Tề Vương để ổn định đất nước. Trương Tôn Vô Kỵ rất đồng ý đề nghị đó, nói với Lý Thế Dân. Lý Thế Dân còn có chút nghi hoặc liền mời Phòng Huyền Linh bàn kế hoạch. Phòng Huyền Linh nói: Đại vương, công trùm trời đất, đáng nổi nghiệp lớn. Nay

quan hệ anh em của các ngài rất đáng lo ngại, nhưng đó lại là cơ hội tốt trời cho để diệt trừ Thái tử và Tề Vương, xin đại vương đừng lo. Sau đó Phòng Huyền Linh còn cùng với Trương Tôn Vô Kỵ, Đỗ Như Hối... nhiều lần khuyên Lý Thế Dân giết Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát. Lý Thế Dân còn hỏi ý kiến nhiều liêu thuộc khác mới hạ quyết tâm vào ngày mùng bốn tháng sáu năm Vũ Đức thứ chín phát động cuộc đảo chính “cửa Huyền Vũ” (cửa Bắc hoàng cung Trường An) giết chết Lý Kiến Thành, Lý Nguyên Cát. Ngày 9 tháng tám năm đó, Lý Thế Dân thay Lý Uyên lên làm vua, làm công định thưởng xếp 5 người: Phòng Huyền Linh, Trương Tôn Vô Kỵ, Đỗ Như Hối, Uất Trì Kính Đức, Hầu Quân Tập là thứ nhất, phong Phòng Huyền Linh là Hình Quốc Công.

### **NHỆ HÌNH TỘI, TRỌNG GIÁO DỤC, CHẾ ĐỊNH LUẬT CHỀ TRIỀU ĐƯỜNG**

Trinh Quán năm thứ ba (năm 628) Phòng Huyền Linh làm Tả Bộc xạ (tể tướng). Ông hết lòng hết sức coi việc triều chính. Khoan dung công bằng, rất được Lý Thế Dân tín nhiệm. Do vậy Lý Thế Dân đã xuống chiếu để ông chủ trì việc chế định pháp lệnh triều Đường. Ông yêu cầu pháp lệnh phải “căn cứ vào lễ, bàn luận đến hình”. Đường luật do ông chủ trì đặt ra gồm 500 điều, lập tội danh 20 bậc, trong đó đánh bằng roi 5 bậc, từ 10 đến 50; đánh bằng gậy 5 bậc, từ 60 đến 100; đi tù 5 bậc từ 1 năm đến 3 năm; đi đầy 3 bậc từ 1000 dặm đến 3000 dặm; tử hình 2 bậc, thắt cổ và chém đầu. Bộ Đường luật này so với Tùy luật giảm tử hình 92 điều, giảm đi đầy 71 điều. Ông còn chủ trì chế định Đường lệnh 1590 điều, lại thống nhất quy định dài, ngắn, rộng, hẹp của các loại hình cụ như gông, cùm, kìm, gậy, roi... lại cắt bỏ các chiếu lệnh của triều Đường từ khi thành lập đến nay, chỉ lưu lại 700 điều, công bố chấp hành. Tư tưởng pháp chế của Phòng Huyền Linh giống với Lý Thế Dân, vì vậy những pháp lệnh do ông chủ trì đều được Lý Thế Dân khẳng định đầu tiên.

Phòng Huyền Linh tôn sùng Nho học, nên hết sức thúc đẩy sự sùng bái Khổng Tử. Khi Lý Uyên làm vua, miếu đường trong Quốc học lấy Chu

Công làm thiên thánh, Khổng Tử hưởng theo. Phòng Huyền Linh kiến nghị ngừng tế Chu Công, lấy Khổng Tử làm thiên thánh, Nhan Hồi hưởng theo. Dưới sự đề xướng của Phòng Huyền Linh... triều Đường ra sức thu tập nho sĩ thiên hạ, căn cứ vào học thức của họ phân biệt tuyển dụng, còn mở rộng chiêu sinh của các loại trường. Lý Thế Dân nhiều lần thân đến Quốc học nghe Phế tửu, Bác sĩ giảng nho học. Nho sĩ bốn phương lũ lượt đến Trường An. Tù trưởng các dân tộc thiểu số Thổ Phiên, Cao Xương, Cao Ly, Tân La v.v... cũng cử con em đến Trường An học tập. Học sinh trường Quốc học đến hàng vạn. Cục diện giáo dục thịnh vượng được hình thành đầu triều Đường như vậy, không tách rời khỏi sự tích cực đề xướng của Phòng Huyền Linh.

## **KIÊN TRÌ CÓ LÝ CÓ LỢI, PHẢN ĐỐI ĐÔNG CHINH CAO LY**

Cuối đời Đường, Thái Tôn Lý Thế Dân thích có chiến công lớn, lạm dụng sức dân. Trinh Quán năm thứ 17 (năm 643) Cao Ly trên bán đảo Triều Tiên và Bắc Tế liên quân tấn công Tân La, thân triều Đường. Trinh Quán năm thứ 19 (năm 645), Lý Thế Dân không nghe lời khuyên can. xuống chiếu tấn công Cao Ly, chia hai đường thủy lục tiến quân, thủy quân do Trương Lượng soái lĩnh, cộng 43.000 người, hơn 500 chiến thuyền, lục quân do Lý Tích soái lĩnh, gần 10 vạn người. Quân Đường tiến quân vào Cao Ly bị họ ngoan cường chống lại, hao quân tổn tướng, tháng 10 năm đó đành phải rút quân. Sau này, Lý Thế Dân lại đổi dùng biện pháp đánh luân phiên với ý đồ làm cho Cao Ly mệt mỏi trước rồi đánh lớn sau, nhưng kết quả chẳng được cái gì, ngược lại còn bị nước láng giềng không bằng lòng, trong nước tiếng kêu ai oán của dân chúng đầy đường.

Phòng Huyền Linh từ lâu đã không đồng ý việc Lý Thế Dân không thương xót sức dân chinh phạt Cao Ly, nhưng do Lý Thế Dân chuyên hành độc đoán, vứt bỏ tác phong tốt giỏi tiếp nhận lời khuyên can, mà còn nghi kỵ đại thần, động một tý là giết người, nên ông cũng không dám nói. Trinh

Quán năm thứ 22 (năm 648), Phòng Huyền Linh bệnh tình rất nặng, ông bảo các con:

Ta chịu ơn dày của chủ, ngày nay thiên hạ vô sự, chỉ có việc Đông chinh mãi không thôi, quân thần không ai dám can, ta biết mà không nói, có chết thì cũng phải trách. Rồi ông ôm bệnh dâng biểu: Lão Tử nói, biết đủ thì không nhục, biết dừng thì không nguy hiểm! Uy đức công danh của bệ hạ cũng đủ rồi, mở mang bờ cõi cũng dừng được rồi. Nay xưa sĩ tốt vô tội (Đông chinh Cao Ly) để chết dưới ngọn giáo sắc, chẳng thương xót ư? Nếu như Cao Ly trái đạo làm tôi, thì có thể giết; nếu quấy nhiễu trăm họ, thì có thể diệt; sau này có thể là họa của Trung Quốc, thì có thể trừ! Nay họ không mắc ba điều đó, không làm phiền Trung Quốc... Nay bên trong vì triều đại trước rửa hận (khi Đông chinh Cao Ly, Lý Thế Dân nói: Liêu Đông vốn là đất Trung Quốc, họ Tuỳ bốn lần ra vào quân đều không lợi, nay trăm Đông chinh, là muốn báo thù cho con em Trung Quốc), bên ngoài vì Tân La báo thù, cái được thì nhỏ, cái mất sẽ lớn! Mong bệ hạ để cho Cao Ly tự sửa, đốt phá thuyền, bãi mộ quân, tự nhiên Hoa, Di chúc mừng, nỗi lo phương xa không còn!”. Lý Thế Dân xem biểu, rất cảm động, nói: người này ốm nặng như vậy vẫn còn lo lắng cho đất nước ta. Ông đã đến phủ thăm Phòng Huyền Linh. Sau khi Phòng Huyền Linh chết, Lý Thế Dân phong cho ông làm Thái úy, đô đốc Tíng châu, thụy là Văn Chiêu.

## 67. NGUY TRUNG

### MƯU NHƯ NGUỒN NƯỚC SÂU, ĐỨC NHƯ TẤM GƯƠNG SÁNG

Ngụy Trưng tự Huyền Thành, sinh năm 580, mất năm 643, người Quán Đào (nay là Quán Đào - Hà Bắc). Lúc nhỏ mồ côi nghèo khổ, từng xuất gia làm đạo sĩ. Cuối đời Tuỳ tham gia quân khởi nghĩa Ngôã Cương, sau về hàng Đường, đã bị Đậu Kiến Đức bắt sống, cử làm cư xá. Kiến Đức bị đánh thua, lại hàng Đường lần nữa, làm Thái Tử tể mã. Sau “sự biến cửa Huyền Vũ”, Đường Thái Tôn tôn trọng tài năng và mưu lược của ông, thăng làm Giám nghị đại phu, lại thăng làm Bí thư giám, Thị trung phong là Trịnh Quốc Công. Sau khi chết, thụy là “Văn Trinh” được bồi táng ở Chiêu Lăng, Thái Tôn tự viết văn bia, làm thành sách đá. Cùng năm đó vẽ hình ở Long Yên các.

Cuối đời Ngụy Trưng, là một đời chính trực với người, làm quan thanh liêm thẳng thắn, nói giỏi viết hay, thành tích nổi bật, là nhà chính trị, nhà sử học, giám quan nổi tiếng đời Đường. Ông, tài hoa vượt trội, đảm lược hơn người, túc trí đa mưu, dám nói dám làm, vì lợi ích của quốc gia và an cư lạc nghiệp của trăm họ đã thường xuyên không nể mặt can thẳng Đường Thái Tôn, không hề nghĩ tới lợi hại cá nhân và gia đình. Vì vậy ông xứng đáng là nhà mưu lược có phẩm chất cao thượng không có nhiều trong lịch sử Trung Quốc.

Ngụy Trưng với tư cách là nhà mưu lược, có tư tưởng mưu lược cũng như đạo làm người, đạo cai trị của ông, trước sau đều xuyên suốt sự chính trực, chính phái và chính đạo, tính mưu vì nước, hiến kế lợi dân, không giáo quyệt khi làm việc, không lấy quyền thuật hại người, không dùng kế hiểm lợi mình, càng không lấy âm mưu hại nước. Vì vậy “Cựu Đường Thư” đánh giá ông rất cao.

**TUNG HOÀNH THEO Ý,**



## **THƯ HÀNG THẾ TÍCH**

Theo sử ghi chép, mặc dù gia cảnh nghèo khổ nhưng Ngụy Trưng từ nhỏ đã thích đọc sách, thông hiểu nhiều, có chí lớn, giỏi biện luận. Ông là người có hoài bão, có thành đạt, lòng dạ sâu sắc. Nhưng ông sinh vào thời loạn, trong một thời gian tương đối dài, tài trí không được dùng. Năm cuối triều Tuỳ, Ngụy Trưng đến cậy nhờ Lý Mật, quân khởi nghĩa Ngôã Cương là Diêm thư ký. Ông đã từng hiến cho Lý Mật 10 kế sách, nhưng Lý Mật lấy làm lạ không dùng. Sau này Vương Thế Sung đánh Lý Mật, Ngụy Trưng lại hiến kế cho Trương sử của Lý Mật là Trịnh Di, chỉ ra rằng Lý Mật tuy giành được một số thắng lợi, nhưng tướng sĩ chết quá nhiều, hơn nữa kho phủ không đủ, không thể ban thưởng những người có công, vì thế sĩ tốt lười biếng, chán việc đánh nhau. Trong tình hình đó chẳng cần mưu cao hào sâu, chỉ đợi mấy tuần, quân địch hết lương, không đánh cũng lùi, truy đuổi giành thắng lợi. Trịnh Di không những không nghe mà còn chế giễu, Ngụy Trưng giận dữ nói, đây là mưu lạ kế sâu, sao lại nói là chuyện thường làm. Vì thế rũ áo bỏ đi. Kết quả là Lý Mật bị Vương Thế Sung đánh bại.

Sau khi Lý Mật bị thua, Ngụy Trưng về hàng Đường. Nhưng về đến kinh sư, vì lâu ngày không được dùng, tự xin về ở yên tại Sơn Đông nhưng vẫn được phong là Lê Dương Bí thư thừa (nay là Đông Bắc huyện Lăng - Hà Nam). Lúc này, Từ Thế Tích (tức sau này là Lý Tích - công thần, danh tướng khai quốc của Đường Thái Tôn) còn chưa hàng Đường, đóng quân ở một góc, đang lúc do dự nhìn xem, đồng thời ngầm cấu kết với Lý Mật. Ngụy Trưng biết rõ Từ Thế Tích là một danh tướng, để anh hùng có đất dụng võ, nên đã chủ động viết thư khuyên Từ Thế Tích hàng Đường. Trong thư ông đã phân tích tình hình, bàn rõ phải trái, nói lý thấu triệt, lời lẽ thành khẩn thiết tha, chỉ rõ lợi hại. Sau khi được thư, Từ Thế Tích lập tức quyết tâm hàng Đường. Việc làm này của Ngụy Trưng đã vì Đường - Lý giành thắng lợi, lập công lớn.

**CÓ ĐAM LƯỢC CÓ MƯU,  
THÁI TÔN THÀNH THẬT PHỤC**



Không lâu, quân Đậ Kiến Đức đánh lấy Lê Dương, Ngụy Trưng bị bắt, vì có tài được dùng làm cư xá. Sau đó Kiến Đức bị đánh bại, một lần nữa Ngụy Trưng lại về với Đường. Thái tử Lý Kiến Thành nghe nói là người có tài, xin với Cao Tổ Lý Uyên, cử Ngụy Trưng làm Thái Tử tể mã, tôn làm thầy, đãi ngộ rất có lễ. Ngụy Trưng cảm động vì tình, đã hết lòng phò trợ.

Trước cuộc “Sự biến Huyền Vũ”, thấy thế lực Tân Vương Lý Thế Dân ngày càng lớn, có dấu hiệu nguy hiểm tới Thái tử, đã nhiều lần khuyên Lý Kiến Thành nên sớm trừ đi. Nhưng Lý Kiến Thành do dự thiếu quyết đoán, không chịu tiếp nhận, cuối cùng mang họa vào thân. Sau “Sự biến Huyền Vũ”, Lý Thế Dân lập tức sai người gọi gặp Ngụy Trưng, chất vấn ông: Người vì sao lại ly gián quan hệ giữa anh em ta? Mọi người có mặt tại chỗ đã vì Ngụy Trưng mà đổ mồ hôi, nhưng Ngụy Trưng không hề lộ vẻ sợ hãi trả lời một cách tự nhiên: Thái tử nếu nghe lời của Trưng, tất không có cái họa hôm nay. Thái Tôn là một minh chúa, vẫn thường tôn trọng tài hoa và mưu lược của Ngụy Trưng nay tự thấy ông ta cương trực không a dua, nên càng khâm phục, không những không hỏi tội mà ngược lại còn trọng đãi thu làm môn hạ, cử ông làm Chiêm sự chủ bạ.

## **NGUYỆN MÌNH HU THÂN, KHÔNG HỒNG QUỐC KẾ**

Đường Thái Tôn tức vị không lâu đã cất nhắc Ngụy Trưng làm Giám nghị đại phu, phong là Cự Lộc huyện Nam, cho phép xuất xứ an tập - Hà Bắc, cho phép tự tiện làm việc, nghĩa là gặp sự có thể tự mình quyết đoán không phải báo cáo trước. Khi Ngụy Trưng trên đường đi nhận nhiệm vụ qua châu Từ (nay là huyện Từ - Hà Bắc) gặp quan binh đang áp giải Đông cung Thiên Ngưu của tiên Thái tử Lý Kiến Thành là Lý Chí An và hộ quân của Tề Vương là Lý Tư Hành về kinh đô. Nhưng trước khi lên đường ông biết Thái Tôn đã có chiếu miễn tội, không truy hỏi tất cả các quan lại, người hầu của tiền Đông cung và Tề Vương. Thế thì tại sao quan địa phương lại áp giải hai người họ Lý này về kinh đô? Trong lòng ông sinh nghi, chẳng lẽ Thái Tôn lại thu hồi lệnh, thay đổi chủ ý. Ông là người lấy nước làm trọng,

cho rằng chính sách đã ban ra mà không tin sẽ không có lợi cho nước. Thế là ông hiến kế cho phó sứ Lý Đông Khánh cùng đi: Khi chúng ta nhận lệnh, triều đình đã hạ chỉ xá miễn không truy hỏi người của tiền Đông cung, Tề Vương. Thế nhưng hiện nay nhà đương cục địa phương lại bắt Lý Tư Hành, Lý Chí An, những người cùng cảnh ngộ như vậy liệu còn có thể tin tưởng vào triều đình không? Việc này sai một ly, đi một dặm. Lợi ích của đất nước, biết mà không làm, nguyện hồng thân mình chứ không thể để hồng quốc gia đại kế. Người xưa, khi đại phu đã ra khỏi biên giới, việc có lợi cho xã tắc có thể tự quyết. Nói rồi, ông cho thả hai người họ Lý. Sau khi biết chuyện, Thái Tôn rất phấn khởi, khen ngợi Ngụy Trưng có tài coi việc nước, không lâu sau đã đề bạt ông làm Thượng thư tả thừa, giữ ở trong triều, coi là tâm phúc, thường mời vào phòng riêng hỏi han đạo trị quốc. Gặp được minh chúa, hăng hái lo toan trị nước yên dân, con người Ngụy Trưng đầy bụng tài hoa, nay có đất dụng võ, đã mang hết tâm cơ ra hiến kế hiến sách, không có việc gì biết mà không nói. Đường Thái Tôn khen ông: Những điều khanh can gián, trước sau tới hơn hai trăm, nếu khanh không hết lòng thờ nước, làm sao làm được như vậy.

### **MỘT LỜI CỦA NGUY TRƯNG, CÒN HƠN MƯỜI VẠN QUÂN**

Vào buổi đầu Trinh Quán loạn chiến tranh vừa mới dừng, trăm họ muốn sống yên ổn, quốc gia mới đang ổn định. Thế nhưng có người tâu báo với Thái Tôn, nói tù trưởng Lĩnh Nam (nay là một bộ phận của Hồ Nam Quảng Đông, Quảng Tây) là Phùng Ang phản lại Đường. Nghe xong, Thái Tôn cả giận, lập tức muốn cất quân chinh phạt. Ngụy Trưng phân tích tình hình đương thời cho rằng không thể cả tin, vội vàng hành động. Ông khuyên can Thái Tôn: Thiên hạ vừa mới yên, vết thương chưa lành, hơn nữa sau chiến tranh, dịch bệnh đang lan tràn, Phùng Ang không thể giống như trước đây xâm chiếm châu huyện xưng vương xưng bá. Ngày nay bốn biển đã bình định, ông ta liệu có thể làm được gì lớn? Hơn nữa, chưa có sự thực nói rõ ông ta phản loạn. Lúc này nên từ chính trị, đạo đức quan tâm đến ông ta, cho thấy Đại Đường rõ ràng là coi trọng nghĩa. Phùng Ang sợ sự cường

thịnh của Đường, tự nhiên sẽ đến hàng phục. Thái Tôn tiếp nhận lời can, cử người đến khuyên giải, vỗ về Phùng Ang. Quả nhiên Phùng Ang gửi con trai vào triều xưng thần. Sau việc này, Thái Tôn càng khâm phục Ngụy Trưng mưu sâu kế xa, khen ngợi: Một lời nói của Trưng, hơn mười vạn người.

## **NGHE NHIỀU PHÍA THÌ SÁNG, TIN MỘT PHÍA THÌ TỐI**

Trinh Quán năm thứ hai (năm 628) Đường Thái Tôn và Ngụy Trưng bàn luận về sự hưng vong của đế vương các triều đại trong lịch sử. Thái Tôn hỏi Ngụy Trưng: Thế nào thì được coi là minh quân, thế nào là hôn quân? Ngụy Trưng trả lời: Sở dĩ vua là kẻ sáng vì biết nghe nhiều phía; còn sở dĩ là kẻ tối vì chỉ tin một bên. Lương Vũ Đế chỉ tin Chu Hi nên Hậu Cảnh cử binh mà không biết, Tuỳ Dạng Đế chỉ tin Đậu Thế Cơ, nên giặc cướp đánh thành cũng không hay. Nếu làm vua mà biết nghe nhiều phía, tiếp nhận lời của kẻ dưới thì bề tôi không dám che giấu, tình hình bên dưới được đưa lên trên! Thái Tôn tiếp nhận ý kiến của Ngụy Trưng, tạo mọi điều kiện để mọi người góp ý kiến, lắng nghe các loại ý kiến, chọn điều hay mà theo, nên đã làm cho đầu đời Đường, chính trị sáng suốt, trăm nghề hưng thịnh, xuất hiện thịnh thế Trinh Quán nổi tiếng trong lịch sử.

## **NƯỚC CÓ THỂ CHỜ THUYỀN MÀ CŨNG CÓ THỂ LẬT THUYỀN**

Thời kỳ đầu Trinh Quán Thái Tôn hăng hái hết lòng lo việc nước, thường xuyên triệu tập đại thần văn võ cùng bàn luận chính sự, bày mưu hiến kế. Trinh Quán năm thứ sáu (năm 632) có một lần Thái Tôn và quần thần thảo luận vấn đề trị quốc, ông nói với các đại thần: Thiên tử, nếu có đạo thì mọi người đẩy lên làm chủ, nếu vô đạo thì mọi người bỏ đi không dùng, thật đáng sợ vậy! Ngụy Trưng lập tức hiến kế với ông: Những ông vua mất nước đời trước đều vì chỉ thấy lúc ở yên mà quên nghĩ lúc nguy hiểm, chỉ để ý đến lúc trị mà quên lúc loạn, vì thế không thể lâu dài. Thần nghe người xưa nói: Vua là thuyền vậy, dân là nước đó, nước có thể chở thuyền mà

cũng có thể lật thuyền. Ngụy Trưng dẫn lời dạy xưa “chở thuyền, lật thuyền” mục đích là muốn Đường Thái Tôn đừng quên võ về trăm họ, nếu không thế, trăm họ có thể tạo phản.

“Giữ thành khó”, “lúc ở yên phải nghĩ lúc nguy hiểm”, đó là những điểm cơ bản của tư tưởng mưu lược trị quốc an dân của Ngụy Trưng. Vì thế mọi lời nói của ông với Đường Thái Tôn đều quán triệt tinh thần cơ bản này. Trinh Quán năm thứ năm (năm 631) trong một lần bàn bạc trên triều, ông nói:

Ngày nay thiên hạ tuy thái bình, bọn thần chưa dám cho là điều mừng, chỉ mong bệ hạ lúc ở yên nên nghĩ tới lúc nguy hiểm! Trinh Quán năm thứ 12 (năm 638) Đường Thái Tôn hỏi thị thần: Sáng nghiệp và giữ thành việc nào khó? Phòng Huyền Linh trả lời: Sáng nghiệp khó. Còn Ngụy Trưng lại nói, xưa nay đế vương không ai không được khi gian nan, nhưng rồi bị mất khi an nhàn, giữ thành khó! Thái Tôn nói: Huyền Linh cùng ta lấy thiên hạ vào trăm lần chết mới có một lần sống, đã biết cái khó của sáng nghiệp. Trưng cùng ta yêu thiên hạ, thường sợ kiêu sa sinh ra từ phú quý, họa loạn sinh ra từ coi thường, nên đã biết cái khó của giữ thành. Nhưng cái khó của sáng nghiệp đã là quá khứ, còn cái khó của giữ thành vẫn đòi hỏi các ông thận trọng! Đánh giá của Thái Tôn quả là của một minh chúa.

Trinh Quán năm thứ 14 (năm 640) Ngụy Trưng một lần nữa dâng lời khuyên can lên Thái Tôn: Thận nghe chiến thắng dễ, giữ thắng lợi khó. Bệ hạ nghĩ sâu lo xa, lúc yên không quên lúc nguy, công nghiệp rạng rỡ, giữ mãi điều đó làm rường cột thì tôn miếu xã tắc không lo mất. Trinh Quán năm thứ 15 (năm 641) khi Thái Tôn hỏi thị thần giữ thiên hạ khó hay dễ, Ngụy Trưng trả lời: Rất khó. Thái Tôn hỏi: Biết cử hiền tài biết nghe lời can gián, sao gọi là khó? Ngụy Trưng nói: Xem các bậc đế vương ngày xưa, vào lúc lo lắng nguy hiểm thường cử người hiền tài, nghe lời can gián, còn khi đã yên vui, lời nói việc làm tuy vẫn cẩn thận, nhưng rồi năm tháng qua đi sẽ quên nguy hiểm. Thánh nhân sở dĩ nói lúc ở yên phải nghĩ lúc nguy, chính là vậy đó.

## GIỮ TÍN VỚI DÂN VÌ ĐẠO CỦA VUA

Đường Thái Tôn lên nối ngôi chưa lâu, về tư tưởng vẫn chưa thoát ra khỏi cuộc chiến, vẫn xuống chiếu gọi quân, mở rộng quân đội. Nhưng do Tuỳ Dạng Đế huy động toàn bộ lực lượng gây chiến tranh và phiến loạn cuối đời Tuỳ, lúc này số đình nam trong cả nước phù hợp tiêu chuẩn đi lính rất ít. Thượng thư Hữu Bộc xạ Phong Đức Lân, để hoàn thành nhiệm vụ đã dâng biểu xin Thái Tôn cho mở rộng tuổi gọi quân đến trung nam (quy định chỉ gọi đình nam), Thái Tôn tỏ ý đồng ý. Biểu đã thảo xong, mấy lần đưa Ngụy Trưng xem, ông đều không chịu ký. Thái Tôn tức giận vô cùng, trách quở Ngụy Trưng đại cố chấp. Nhưng Ngụy Trưng đã điềm tĩnh thưa: Quân đội là do chỉ huy giỏi chứ không do nhiều. Chỉ cần bệ hạ chọn lựa người khỏe mạnh nhập ngũ, nuôi tinh binh, tăng cường huấn luyện sẽ trở thành vô địch thiên hạ, không cần lấy kẻ già yếu làm gì. Tiếp đó Ngụy Trưng lại lấy chuyện này làm đầu để để phê bình Đường Thái Tôn bắt đầu thất tín với dân. Thái Tôn kinh ngạc hỏi: Trẫm làm gì mà thất tín? Ngụy Trưng liền đem mấy sự thực mà Thái Tôn thất tín với dân ra nói. Nghe xong, Thái Tôn vô cùng tin phục sự lưu ý của Ngụy Trưng, và có giác ngộ trước những sai lầm của mình, đồng ý không gọi trung nam, lại còn vì việc này thưởng cho Ngụy Trưng một lạng vàng.

Trình Quán năm thứ hai (năm 628) Thái Tôn tuyển phi, chọn đúng con gái Trịnh Nhân Cơ, Thông sự xá nhân nhà Tuỳ, là người có sắc đẹp đặc biệt, đã có chiếu mời là Sung Hoa (một trong chín phi). Sau đó Ngụy Trưng biết được người con gái này đã được hứa gả cho một người họ Lục, liền lập tức dâng lời lên Thái Tôn: Xưa nay những vị chúa có đạo đều lấy lòng dân làm lòng mình, ăn cao lương mỹ vị thì muôn dân không phải cơ hàn, ở cung điện thì muôn dân có nhà cửa. Nay con gái họ Trịnh đã hứa gả cho người từ lâu, bệ hạ cưới mà không suy nghĩ, không hỏi han, tin truyền đi bốn biển liệu còn đạo là cha mẹ của dân chăng? Lời nói của Ngụy Trưng nghiêm khắc, lý lẽ rõ ràng, nghe xong Thái Tôn rất khâm phục, nghiêm khắc tự trách mình, rồi lập tức gọi người đưa người con gái đó trả lại chồng cũ.

## **NẾU CỨ KIÊU SA, TẤT SẼ DIỆT VONG**

Sau khi lên ngôi, trước thành tích lớn Đường Thái Tôn không tránh khỏi kiêu ngạo, tư tưởng hưởng lạc cũng theo đó mà nảy nở. Ngụy Trưng vừa trung thành với Thái Tôn lại một lòng vì nước vì dân, vì vậy không hề sợ chết, dùng mưu lược và trí tuệ của mình không ngừng gõ tiếng chuông cảnh tỉnh cho Thái Tôn. Xứng đáng là bậc minh quân, Thái Tôn vui lòng tiếp nhận lời can, biết lỗi là sửa. Có một lần Đường Thái Tôn hỏi Ngụy Trưng: Trẫm coi việc nước có được như những năm trước? Ngụy Trưng trả lời rõ ràng: Uy vọng và đức hạnh của nhà vua, kém xa so với những năm đầu Trinh Quán, nhân dân cũng còn lâu mới tin phục bệ hạ như trước đây! Thái Tôn hỏi vì sao. Ngụy Trưng thưa: Trước đây nhà vua lấy nước chưa trị làm điều lo lắng, do đó đã thi hành chính đức, nói đạo nghĩa. Nay lấy trí làm yên, tự mãn rồi làm việc so với trước kém xa. Thái Tôn hỏi những điều nay làm, cũng từ các năm trước, sao lại khác? Ngụy Trưng trả lời: Những năm đầu Trinh Quán, bệ hạ sợ người không khuyên can, thường khuyến khích người nói, nghe rồi vui mà làm theo, nay thì không vậy, tuy miễn cưỡng theo nhưng sắc mặt đã lộ vẻ khó khăn, vì thế có khác! Rồi nêu lên rất nhiều sự thực cho Thái Tôn nghe. Thái Tôn tự tỉnh ngộ, biểu dương Ngụy Trưng.

Trinh Quán năm thứ tư (năm 630) Ngụy Trưng cảm thấy sinh hoạt trong hoàng cung quá xa hoa, liền dâng lời can lên Thái Tôn: Tuỳ Dạng Đế không biết thỏa mãn, thích xa xỉ, các nơi cung phụng không vừa ý là phạt nghiêm hình. Trên đã như vậy, dưới phải ra sức, cứ vô hạn như vậy thì dần dần đến diệt vong. Thái Tôn rất cảm động, nói không có ông, trẫm đâu có được nghe lời nói đó.

Trinh Quán năm thứ mười (năm 636), Ngụy Vương Lý Thái được Đường Thái Tôn rất tin yêu, có người nói gièm với Thái Tôn: Phần lớn các đại thần từ Tam phẩm trở lên đều coi thường Lý Thái. Vì việc đó, Thái Tôn nổi giận, lập tức cho triệu các quan từ tam phẩm trở lên đến triều, mắng chửi một hồi. Ngay Phòng Huyền Linh cũng không hiểu ra sao, sợ đến mức

mồ hôi chảy ướt lưng vội vàng bái tội xin ân. Ngụy Trưng không sợ cơn giận đó, trình trọng tâu: Thần nghĩ rằng quần thần không có ai dám khinh Ngụy Vương. Tam phẩm trở lên đều là công khanh, bệ hạ vốn tôn lễ. Nếu kỷ cương hỏng lớn, thì thấy mà không bàn; thánh minh ở trên, Ngụy Vương cũng không có lý làm nhục quần thần. Tuỳ Dạng Đế kiêu ngạo với chư tử, khiến làm nhiều việc không có lễ, rồi bị diệt! Thái Tôn nghe xong đổi giận làm mừng khen: Nói lý đến thế, không thể không phục. Trẫm vì nỗi yêu riêng mà quên nghĩa chung, nay nghe lời nói của Trưng mới biết là đuoái lý.

Trinh Quán năm thứ 11 (năm 637), Đường Thái Tôn sai người xây cung Kiến Phi ở Lạc Dương. Ngụy Trưng dâng sớ can ngăn.

### **LO NƯỚC QUÊN NHÀ, CHẾT CÒN CAN GIÁN**

Ngụy Trưng, quan đến tể tướng, đến chết vẫn được Thái Tôn tín nhiệm, ân sủng. Nhưng ông làm quan thanh liêm, không dùng quyền lực mưu lợi riêng.

Quan đến nhất phẩm, nhưng nhà ở không có chính tẩm (phòng chính), mãi đến Trinh Quán năm thứ 17 (năm 643) khi ông ốm nặng, Thái Tôn đến thăm, thực sự cảm thấy áy náy, mới sai thợ mộc hện trong năm ngày phải làm xong chính tẩm. Lúc lâm chung, Thái Tôn rơi nước mắt hỏi ông còn có di ngôn và yêu cầu gì không, ông mới dùng câu trong “Tả truyện” để nói lên ý lo nước quên nhà của mình. Đến chết mà ông vẫn chỉ nghĩ đến quốc gia, không hề nghĩ tới cá nhân gia đình, thật không hổ thẹn là một bầy tôi trung lương.

Sau khi Ngụy Trưng chết, Thái Tôn tìm thấy trong nhà ông bản thảo một tờ biểu còn chưa gửi, viết: Việc trong thiên hạ, có thiện có ác, dùng người thiện thì nước yên, dùng người ác thì nước loạn. Trong công khanh có tình có yêu ghét, người bị ghét chỉ thấy cái xấu, người được yêu chỉ thấy cái thiện, cho nên giữa yêu và ghét nên tỉ mỉ thận trọng, nếu yêu mà biết cái xấu, nếu ghét mà biết cái thiện, bỏ điều xấu không ngờ vực, dùng người

hiền mà không biết chán, đất nước được hưng thịnh vậy. Đường Thái Tôn sau khi đọc tờ biểu trong triều, yêu cầu công khanh thị thần lấy Ngụy Trưng làm gương mẫu, coi nước làm trọng, dám dâng lời can.

Tư tưởng mưu lược của Ngụy Trưng đã khuông phù Đường Thái Tôn, tạo nên cảnh ổn định, phồn vinh đời Sơ Đường. Vì vậy ông được Đường Thái Tôn đánh giá rất cao, khi lâm triều thường nói với thị thần: Lấy đồng làm gương, có thể chinh đốn y phục; lấy đời xưa làm gương có thể biết hưng thịnh; lấy người làm gương có thể rõ được mất. Trẫm thường giữ ba loại gương này, để ngăn sai lầm. Nay Ngụy Trưng chết, đã mất một cái gương.

Lòng vì người và mưu lược của Ngụy Trưng, đủ là một tấm gương muôn đời!



## 68. ĐỖ NHƯ HỐI

### THAM MƯU ỨNG BIẾN, PHÂN TÍCH NHƯ THẦN

Đỗ Như Hối (năm 585 - 630) tự Khắc Minh, người Kinh Triệu, Đỗ Lăng (nay là Đông Nam Tây An - Thiểm Tây). Lúc thiếu thời thông minh hiếu học. Lại bộ thị lang Cao Hiếu Cơ triều Tùy cho là “có tài ứng biến, nên dùng là lương đồng”. Năm Đại Nghiệp nhà Tùy, được bổ làm Phẫu Dương úy, không lâu bỏ quan trở về. Sau khi cha con Lý Uyên vào Trường An, Đỗ Như Hối đến Tân Vương phủ binh làm Tào tham quân. Sau điều sang phủ Thiên Sách làm Trung lang kiêm học sĩ Văn học quán. Sau khi Lý Thế Dân phát động “sự biến cửa Huyền Vũ” lên nối ngôi, Đỗ Như Hối vì có công thăng làm Thái tử Tả thứ tử, không lâu thăng Binh bộ thượng thư, tiến phong Sái quốc công, thực phong 1.300 hộ. Trinh Quán năm thứ hai (năm 628) là Kiểm hiệu thị trung bản cung, coi Lại bộ Thượng thư, tổng giám việc binh mã Đông cung. Trinh Quán năm thứ ba, thay Trưởng Tôn Vô Kỵ làm Thượng thư Hữu Bộc xạ kiêm chức Lại bộ tuyển sự, cùng Phòng Huyền Linh chấp chính, quy mô dài, các và các chế độ điển chương v.v... lúc đó đều do hai người định, rất được khen ngợi, đời Đường gọi là Phòng, Đỗ thừa tướng hiền.

Đỗ Như Hối làm mưu thần quan trọng của Đường Thái Tông Lý Thế Dân. Trong chiến đấu thống nhất Trung Quốc của đời Đường, trong “sự biến cửa Huyền Vũ” và trên chính đàn những năm đầu Trinh Quán ông đã vì Lý Thế Dân bày nhiều mưu kế quan trọng, rất được Lý Thế Dân tín nhiệm. Trinh Quán năm thứ ba, Đỗ Như Hối từ chức vì bệnh. Năm sau, trước khi Đỗ Như Hối qua đời, Lý Thế Dân thân đến nhà thăm hỏi. Sau khi ông chết, Lý Thế Dân nói: Trẫm và Như Hối, quần thần nghĩa nặng không may người này chết đột ngột, nhớ lại công cũ, đau đớn khôn nguôi.

### THAM MƯU MÀN TRƯỞNG,

## **RẤT GIỎI QUYẾT ĐOÁN**

Đỗ Như Hối vừa làm Tào tham quân ở Tần Vương phủ binh đã để lộ ngay tài hoa hơn người. Không lâu sau, triều đình muốn điều Đỗ Như Hối làm Tổng quản phủ trường sử châu Thiểm. Tần Vương Lý Thế Dân cảm thấy anh tài của Tần Vương phủ điều ra ngoài thực là đáng tiếc liền hỏi kế Phòng Huyền Linh. Phòng Huyền Linh nói: Mạc liêu Tần Vương phủ điều ra ngoài tuy rất nhiều nhưng đều không đáng tiếc. Đỗ Như Hối thông minh, biết nhiều, là người tài giúp vua. Nếu đại vương giữ hiện trạng, không cần tiến thủ, thì người này cũng không có chỗ dùng, nhưng nếu đại vương muốn kinh doanh bốn phương, thì không có người này không được. Lý Thế Dân nghe nói cả kinh, bảo: Ngài không nói thì mất người này. Vì Lý Thế Dân tâu với Đường Cao Tổ Lý Uyên vẫn giữ Đỗ Như Hối ở lại nhận chức ở Tần Vương phủ. Trong cuộc chiến tranh thống nhất đời Đường, Đỗ Như Hối theo sát Lý Thế Dân, phía Tây dẹp Tiết cử, Tiết Nhân Cảo ở Lũng Hữu và Lý Quỹ ở Hà Tây; phía Bắc cứu Tấn Dương, đánh phá Lưu Vũ Chu; phía Đông định Trung Nguyên, tiêu diệt thế lực tàn dư của Tuỳ là Vương Thế Sung chiếm đóng Lạc Dương và nghĩa quân Hà Bắc do Đâu Kiến Đức lãnh đạo; đánh chiếm Hà Bắc, trấn áp nghĩa quân do Lưu Hắc Thát bộ hạ cũ của Đâu Kiến Đức lãnh đạo; phía Nam diệt Trần Lương hậu duệ của Tiêu Tẩy đang xưng đế ở Giang Lăng (nay là Giang Lăng - Hồ Bắc), bình định Phụ Công Thạch xưng đế ở Đơn Dương (nay là Nam Kinh Giang Tô) và thống trị Giang, Hoài. Trong những lần đánh nhau, ông đều “tham mưu trong màn trướng”, “phán đoán như thần”, rất được các liêu thuộc ở Tần Vương phủ khâm phục sâu sắc. Khi Tần Vương phủ đổi tên là Thiên Sách phủ, với tư cách là liêu thuộc quan trọng “làm việc Trung lang”, ông được vẽ tranh biểu dương và tên xếp đầu bảng.

## **THÍCH ỨNG TÌNH HÌNH, KHÔNG MẤT THỜI CƠ**

Trong quá trình xây dựng triều Đường và thống nhất Trung Quốc, Lý Thế Dân đã nhiều lần lập công lớn, uy vọng trong triều đình và dân gian

ngày càng cao. Điều đó làm cho Hoàng thái tử Lý Kiến Thành, anh ruột Lý Thế Dân không yên và đổ kỵ căm ghét. Dưới sự xúi giục và ủng hộ của Lý Nguyên Cát, người em trai thứ tư, Lý Kiến Thành muốn hại Lý Thế Dân. Bọn họ cho rằng số liêu tá đáng sợ nhất trong Tần Vương phủ là Phòng Huyền Linh và Đổ Như Hối, nếu đưa được hai người đó ra khỏi Tần Vương phủ thì đoàn tui khôn của Lý Thế Dân sẽ suy yếu đi rất nhiều. Vì vậy trước mặt Cao Tổ Lý Uyên, bọn họ hết sức nói xấu Phòng và Đổ, Lý Uyên liền cách chức hai người. Trước khi bị cách chức Phòng Huyền Linh và Đổ Như Hối đã thấy mâu thuẫn giữa Lý Thế Dân với Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát là không thể điều hòa được và cho rằng nếu để bọn Lý Kiến Thành động thủ trước thì thực là “mối lo cho xã tắc”. Hai người khuyên Lý Thế Dân vào lúc quốc gia sắp lâm tai họa nên quả đoán giết ngay Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát. Nhưng lúc đó Lý Thế Dân lại cho rằng “cốt nhục hại lẫn nhau là đại ác xưa nay”, nên muốn đợi sau khi Lý Kiến Thành gây chống đối rồi mới “dùng nghĩa mà đánh”. Bọn Đổ Như Hối thì cố tình hành động trước để kiềm chế người, Lý Thế Dân không nghe. Nhưng sau đó Lý Thế Dân quyết tâm dùng hành động diệt Lý Kiến Thành trước. Đổ Như Hối và Phòng Huyền Linh vội cải trang thành đạo sĩ lên vào nơi ở của Lý Thế Dân, cùng với Trương Tôn Vô Kỵ, Uất Trì Cung v.v... mưu hoạch cụ thể những công việc liên quan đến việc phát động cuộc “biến ở cửa Huyền Vũ”. Làn bàn bạc này rất tỉ mỉ, công tác chuẩn bị vô cùng chu đáo, một lần hành động là thành công. Vì công này Đổ Như Hối được thăng làm Tả thứ tử, bậc quan bằng với Trương Tôn Vô Kỵ, ở trên Phòng Huyền Linh (là hữu thứ tử), không lâu sau chuyển sang làm Binh bộ thượng thư, quyền nghiêng một thời.

## **CHỌN NHÂN TÀI, LẬP ĐIỂN CHƯƠNG, GIỮ YÊN XÃ TẮC**

Những đổi mới về chính trị của Đường Thái Tông Lý Thế Dân sau khi lên ngôi chủ yếu dựa vào Đổ Như Hối và Phòng Huyền Linh. Mỗi lần Lý Thế Dân làm việc với Phòng Huyền Linh, đều nói: Không có Như Hối không thể quyết. Khi cùng Đổ Như Hối tham dự quyết sách, cuối cùng bao giờ

vẫn dùng mưu lược của Phòng Huyền Linh, qua đó có thể thấy sự phối hợp giữa hai người là rất ăn khớp. Lúc đó người ta nói: Phòng Huyền giỏi mưu. Như Hối dám quyết. Những năm đầu Trinh Quán, Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối đã chế định không ít điển chương, chế độ. Hiệp trợ Thái Tôn trong việc mưu tìm, khảo sát các quan viên hiền tài làm nhiệm vụ chủ yếu của Phòng, Đỗ. Sau đó, Đỗ Như Hối còn kiêm nhiệm Lại bộ tuyển sự phụ trách việc lựa chọn, đề bạt, phong chức, khảo sát quan chức. Con mắt lựa chọn, đề bạt nhân tài của Đỗ Như Hối rất tinh đời, Phòng Huyền Linh rất khâm phục, thường cho là mình không bằng.

Sức khỏe của Đỗ Như Hối không tốt, tháng 12 Trinh Quán năm thứ ba, ông xin từ chức, năm sau ốm chết.

## **69. TRƯỜNG TÔN VÔ KỶ**

### **ỨNG ĐỐI NHANH NHẠY,**

### **GIỎI TRÁNH HIỀM NGHĨ**

Trường Tôn Vô Kỵ (? - 659), tự Phủ Cơ, người Lạc Dương Hà Nam, anh hoàng hậu Trường Tôn của Đường Thái Tôn. Cuối đời Tùy, sau khi Lý Uyên vào Quan Trung chiếm được Trường An, ông đi theo Lý Thế Dân, được cử làm Tham mưu hành quân đạo vị bắc, theo Tần Vương Lý Thế Dân tiến hành chiến tranh thống nhất Trung Quốc, vì có công được thăng làm Tỳ bộ lang trung, Thượng đẳng huyện công. Vũ Đức năm thứ chín (năm 626), ông tích cực sách động “Sự biến cửa Huyền Vũ”, giúp Lý Thế Dân đoạt được ngôi vua. Với công huân và địa vị hoàng thân, từng giữ các chức Thượng thư Hữu bộc xạ, Tư không Tư không v.v... phong Triệu quốc công. Trinh Quán năm thứ 17 (năm 643) ông tích cực chủ trương lập Tấn Vương Lý Trị làm Thái tử. Sau khi Lý Trị (Cao Tôn) kế vị, ông giữ chức Thái úy, đồng thời trung thu môn hạ tam phẩm. Sau này vì phản đối Cao Tôn lập Vũ Tắc Thiên làm hoàng hậu mà bị đày đi Châu Kiêm, tự thắt cổ mà chết. Trường Tôn Vô Kỵ là nhà chính trị, nhà mưu lược quan trọng đầu đời Đường, có tác dụng nhất định trong việc ổn định chính trị lúc đó.

### **XEM XÉT, TÍNH TOÁN THỜI THẾ,**

### **SÁCH ĐỘNG SỰ BIẾN CỬA HUYỀN VŨ**

Tần Vương Lý Thế Dân trong cuộc chiến tranh diệt Tùy có công lao trác việt, thể hiện rõ trí tuệ và tài năng chiến lược rất cao, được văn thần võ tướng sùng kính và yêu mến. Điều đó là một uy hiếp rất lớn cho Thái tử Lý Kiến Thành, con trai cả Đường Cao Tổ Lý Uyên. Lý Kiến Thành lo lắng em thứ hai là Lý Thế Dân có thể cướp mất quyền nối ngôi vua của mình nên dưới xúi giục của em trai thứ Tề Vương Lý Nguyên Cát đã muốn hại Lý Thế Dân. Vào một đêm năm Vũ Đức thứ chín (năm 626), Lý Kiến Thành mời Lý Thế Dân uống rượu, khiến Thế Dân say đến thổ ra máu, suýt

chết. Sau khi biết chuyện, Lý Uyên đã trách mắng Lý Kiến Thành không nên để Lý Thế Dân không biết uống rượu mà đêm đó lại uống nhiều đến vậy. Lý Uyên biết mấy đứa con trai bất hòa với nhau, vì vậy muốn để Lý Thế Dân rời khỏi Trường An, đến Lạc Dương làm Thiểm Đông Đại đạo hành đài. Lý Kiến Thành, Lý Nguyên Cát sợ Lý Thế Dân ra khỏi Trường An sẽ khó khống chế, nên đã khuyên Lý Uyên bỏ ý định đó.

Bọn họ còn không ngừng nói xấu Lý Thế Dân trước mặt Lý Uyên, khiến Lý Uyên tin là thật, muốn trị tội Lý Thế Dân.

Tình hình đấu tranh, mâu thuẫn giữa anh em, cha con Lý Thế Dân, mọi người trong Tần Vương phủ đều biết rõ và cảm thấy rất lo lắng. Đại thần thân tín của Lý Thế Dân là Phòng Huyền Linh nói riêng với Trương Tôn Vô Kỵ: Hiện nay hiềm nghi, khoảng cách giữa Thái tử, Tề Vương với Tần Vương đã rất sâu, một khi xảy ra loạn lạc, không chỉ gan óc Tần Vương phơi đất mà trên thực tế còn là điều đáng lo cho xã tắc. Chẳng bằng khuyên Tần Vương giống như Chu Công giết Quản Thúc, Sái Thúc giết luôn Thái tử và Tề Vương để ổn định quốc gia. Trương Tôn Vô Kỵ cũng nghĩ như vậy. Ông thấy cuộc đấu tranh của anh em họ Lý đã bước vào thời cơ then chốt, kết cục cuộc đấu tranh quan hệ đến sự mất còn của xã tắc. Vì thế ông lập tức tìm Lý Thế Dân nói cho biết cách suy nghĩ của bọn ông, khuyên Lý Thế Dân quyết đoán kịp thời phát động sự biến. Nhưng Lý Thế Dân còn chút lo nghĩ. Không lâu Lý Thế Dân biết tin Lý Nguyên Cát sẽ giết mình ở ao Côn Minh. Ông liền triệu tập bọn Trương Tôn Vô Kỵ v.v... đến bàn đối sách. Một lần nữa Trương Tôn Vô Kỵ khuyên Lý Thế Dân ra tay trước, và nói: Nếu ngài không nghe lời khuyên, tôi sẽ bỏ ngài mà đi! Lúc ấy Lý Thế Dân mới hạ quyết tâm khởi sự. Ngày 4 tháng 6, Lý Thế Dân dẫn bọn Trương Tôn Vô Kỵ... mai phục ở cửa Huyền Vũ (cửa Bắc cung thành) nơi Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát đi vào cung yết kiến Lý Uyên nhất định phải đi qua. Lý Kiến Thành, Lý Nguyên Cát vừa vào cửa phát hiện có biến, vội quay ngựa muốn trở về Đông cung (cung Thái tử), nhưng Lý Thế Dân chỉ huy truy kích, giương cung bắn chết Lý Kiến Thành, sau đó Uất Trì Kính Đức cũng bắn chết Lý Nguyên Cát. Các tướng sĩ bảo vệ Đông cung

và Tề Vương phủ thấy hai người đã chết, liền tan rã. Lý Uyên đành tiếp thu sự thực và ngày 9 tháng 8 năm đó, Lý Thế Dân nối ngôi vua.

## **CẮT KHÔI GIÁP GIỮ GÌN CHỮ TÍN, PHẢN ĐỐI DÙNG BINH ĐÁNH ĐÔNG ĐỘT QUYẾT**

Đột Quyết là dân tộc cổ lão ở phía Bắc Trung Quốc. Từ triều Tuỳ bắt đầu hùng mạnh lên, sau do nội bộ không hòa, chia làm hai bộ Đông và Tây. Kha Han Cật Lợi, đông Đột Quyết sau khi nối ngôi càng kiêu ngạo, nhiều lần xâm phạm quấy nhiễu biên giới miền Bắc triều Đường. Tháng 8 năm Vũ Đức thứ bảy, quân Đột Quyết xâm phạm thành Tây châu Ung (nay là huyện Ninh - Thiểm Tây) thế lớn như muốn lấy ngay Trường An. Lý Thế Dân dùng kế phản gián khiến quân Đột Quyết phải xin hòa rút về. Do quân Đột Quyết năm nào cũng xâm phạm quấy nhiễu, có một đạo Lý Uyên đã tính việc dời đô, chỉ vì Lý Thế Dân hết sức can ngăn mới thôi. Tháng bảy năm Cửu Đức thứ chín, Cật Lợi nhân “Sự biến cửa Huyền Vũ” dẫn 10 vạn quân xâm lược phía Nam, ngày 12 tháng 8 quân đã đến vùng Tiệp Kiều - Vị Thủy dưới thành Trường An. Cật Lợi cử thân tín là Chấp Thất Tư Lực vào thành Trường An thăm dò hư thực. Chấp Thất Tư Lực dọa dẫm Lý Thế Dân mới lên ngôi rằng Kha Han Cật Lợi dẫn một triệu quân tới. Lý Thế Dân không hề sợ hãi, bắt giam Chấp Thất Tư Lực, đồng thời thân dẫn sáu quân kỵ đến Bắc thành Trường An, cách sông Vị Thủy nói chuyện với Cật Lợi, trách hằn phụ ước. Tiếp đó quân Đường lục tục kéo đến, Cật Lợi “có nét sợ” liền hòa ước, kết minh với Đường rồi lui. Không lâu sau đó, đông Đột Quyết gặp tai nạn tuyết dày mấy thước, gia súc chết vì đói, rét rất nhiều, trăm họ cũng vậy. Nhiều bộ lạc phản lại Cật Lợi. Một số đại thần triều Đường kiến nghị cử quân tấn công đông Đột Quyết. Lý Thế Dân liền hỏi ý kiến Tả Bộc xạ Tiêu Vũ về việc này. Tiêu Vũ khuyên đánh.

Trưởng Tôn Vô Kỵ cho rằng nó không phạm ta mà vứt bỏ chữ tín làm mệt dân, không phải là đạo của bậc vương giả, mà nên “cắt khôi giáp, giữ chữ tín”. Lúc đó Lý Thế Dân vừa xưng đế không lâu, các nơi lại gặp đại hạn. Nếu lại dùng binh với quy mô lớn sẽ có ảnh hưởng không lợi tới việc



khôi phục kinh tế và ổn định chính trị triều Đường. Nên Lý Thế Dân đồng ý với ý kiến của Trương Tôn Vô Kỵ không vội vàng dùng binh với Đông Đột Quyết, đến tháng 11 Trinh Quán năm thứ ba (năm 629) triều Đường vượt qua thiên tai, kinh tế có chuyển biến tốt, hơn nữa chính trị đã ổn định, mới cất quân tiêu diệt Đột Quyết.

## **NÉ TRÁNH HIỀM NGHỊ, KHÉO LÉO TỪ CHỐI QUAN CAO LỘC HẬU**

Trương Tôn Vô Kỵ và Lý Thế Dân vốn là bạn từ thời áo vải, sau này em gái trở thành hoàng hậu, ông lại có công lớn với Lý Thế Dân nên được Lý Thế Dân đãi ngộ đặc biệt, trước tiên cử làm Lại bộ thượng thư, rồi là Hữu bộc xạ (tể tướng). Có người ghen ghét ông có quá nhiều quyền, ông cũng không muốn như vậy, nên nhờ em gái là hoàng hậu Trương Tôn thỉnh cầu với Lý Thế Dân. Tháng giêng, Trinh Quán năm thứ hai, Lý Thế Dân đành để cho ông thôi chức Hữu bộc xạ, nhưng lại phong chức Khai phủ nghi đồng tam ti. Tháng 11 Trinh Quán năm thứ bảy, Lý Thế Dân lại phong Trương Tôn Vô Kỵ làm Tư không, ông đã hết sức từ chối nói: Thân vì là ngoại thích mà được Tam công, sợ thiên hạ nói bệ hạ có tình riêng. Lý Thế Dân không đồng ý lời từ chối nói: Trẫm cử quan chọn người chỉ theo tài, không có tài dù thân thích cũng không dùng, nếu có tài thì dù là kẻ thù cũng không bỏ. Hôm nay cử khanh, không phải vì tình riêng. Tháng sáu, Trinh Quán năm thứ 11 (năm 637), Lý Thế Dân lại chiếu phong các công thần làm “thứ sử” có thể thế tập.

Trương Tôn Vô Kỵ được phong là Thứ sử châu Triệu, ông lại từ chối không nhận, cố ý kích thích Lý Thế Dân, nói sao lại phong cho mình ở nơi xa xôi. Lý Thế Dân nói: Cắt đất phong thần là việc xưa nay đều làm, ý là muốn đời con đời cháu của khanh sẽ vẫn phò tá con cháu trẫm, cùng truyền mãi mãi, nay khanh lại có lời oán thán trẫm đâu cưỡng khanh nhận đất cỏ. Rồi không phong “thứ sử” nữa. Sau lại tiến cử Trương Tôn Vô Kỵ làm Tư đồ Lý Thế Dân đã từng đánh giá Trương Tôn Vô Kỵ rất cao, một người



giỏi né tránh hiểm nghi, ứng đối nhanh nhạy, xưa nay không có ai sánh nổi, nắm việc quân, đánh nhau, không có gì là không giỏi.

## **COI TRỌNG NHÂN HIẾU, ỦNG HỘ LẬP LÝ TRỊ LÀM THÁI TỬ**

Trình Quán năm thứ 17 (năm 643), nội bộ hoàng tộc nhà Đường liên tiếp xảy ra ba sự kiện muốn cướp ngôi vua, đoạt quyền. Con trai Lý Thế Dân - Tề Vương Lý Hựu “tính khinh bạc”, người cậu là Dương Hoảng Trí nói với ông ta: Anh em cháu rất nhiều, sau khi bệ hạ băng hà, phải có tráng sĩ để tự vệ. Lý Hựu nghe theo kiến nghị đó, chiêu mộ riêng nhiều kẻ cảm tử. Sau khi biết, Lý Thế Dân đã trách mắng Lý Hựu, nhưng Lý Hựu không nghe còn lập riêng các chức quan Trụ quốc, khai phủ v.v... rồi mở kho khen thưởng, xua dân vào thành, mộ giáp binh, tu bổ lầu gác muốn biến châu Tề thành một vương quốc độc lập. Lý Thế Dân đành hạ lệnh đánh dẹp, bắt Lý Hựu mang về Trường An, ban cho chết. Thái tử Lý Thừa Càn do Lý Thế Dân lập là một công tử ăn chơi, thích thanh sắc, chó, ngựa. Dưới sự ủng hộ của ông chú là Hán Vương, Lý Nguyên Xương, Lý Thừa Càn suốt ngày ăn uống vui chơi. Một con trai nữa của Lý Thế Dân là Lý Thái, đa tài đa nghệ, có chí muốn cướp ngôi dùng nhiều vàng bạc mua chuộc một số đại thần, khuyên Lý Thế Dân lập Lý Thái làm Thái tử. Lý Thừa Càn sợ Lý Thái chiếm mất vị trí Thái tử, đã dâng biểu tố cáo tội Lý Thái. Lý Thế Dân xuống chiếu bắt Lý Thái, không được. Lý Thừa Càn sai người ám sát Lý Thái đồng thời chuẩn bị mưu phản, khi xét xử vụ án này thấy đã liên quan đến việc Lý Thừa Càn cũng mưu phản. Lý Thế Dân hạ quyết tâm giáng Lý Thừa Càn làm thứ dân. Sau khi phế bỏ Thái tử, Lý Thế Dân triệu tập Trưởng Tôn Vô Kỵ, Phòng Huyền Linh, Lý Tích, Chử Trục Lương... vào cung nói: Ba đứa con, một em ta đã làm như vậy, ta chẳng còn nơi nương tựa. Nói xong ngã vật xuống giường, muốn dùng dao tự đâm. Chử Trục Lương giằng được dao. Bọn Trưởng Tôn Vô Kỵ hỏi Lý Thế Dân nghĩ thế nào. Lý Thế Dân nói: Ta muốn lập Tấn Vương Lý Trị làm Thái tử! Trưởng Tôn Vô Kỵ lập tức nói: Xin ra chiếu, kẻ nào dị nghị, thần xin được chém. Lý Thế Dân nói với Lý Trị: Cậu con giúp con, nên cảm ơn. Lại nói: Các

ông đã đồng ý với ý kiến của tôi, chưa biết bên ngoài bàn luận thế nào? Bọn Trưởng Tôn Vô Kỵ nói: Tấn Vương nhân hiếu, thiên hạ theo đã lâu. Xin bệ hạ xuống chiếu thử hỏi các quan. Lý Thế Dân triệu các quan viên từ lục phẩm trở lên đến cung Thái Cực, tuyên bố lập Tấn Vương Lý Trị làm Thái tử. Các quan đều hô: Tấn Vương nhân hiếu, nên làm người nối dõi. Lý Thế Dân rất phấn khởi, cử Trưởng Tôn Vô Kỵ làm Thái tử thái bảo, Phòng Huyền Linh làm Thái phó, Tiêu Vũ làm Thái bảo. Trưởng Tôn Vô Kỵ lại gánh vác trách nhiệm bồi dưỡng Thái tử Lý Trị.

Trưởng Tôn Vô Kỵ bảo đảm tiến cử Lý Trị làm Thái tử, bồi dưỡng Lý Trị làm Hoàng đế, cuối cùng lại chết vì sự bức bách của Lý Trị. Vĩnh Huy năm thứ sáu (năm 655) Đường Cao Tông Lý Trị muốn lập Vũ Tắc Thiên làm Hoàng hậu, nhưng Trưởng Tôn Vô Kỵ cố nói, cho là không nên. Lý Trị mật gửi mười xe châu báu, gấm vóc tặng Trưởng Tôn Vô Kỵ, đồng thời thân đến nhà cầu mong tán đồng. Hứa Kính Tôn, thân tín của Vũ Tắc Thiên cũng nhiều lần khuyên Trưởng Tôn Vô Kỵ, nhưng Trưởng Tôn Vô Kỵ đều nghiêm sắc mặt từ chối. Lý Trị bất chấp sự phản đối của người bác, vẫn quyết định Vũ Tắc Thiên làm hoàng hậu. Vì vậy Vũ Tắc Thiên vô cùng căm giận Trưởng Tôn Vô Kỵ. Hiền Khánh năm thứ tư (năm 659) Hứa Kính Tôn vu cáo Trưởng Tôn Vô Kỵ mưu phản. Lý Trị không điều tra đã tin ngay lời nói hoang đường đó, quyết định đày Trưởng Tôn Vô Kỵ đến châu Kiềm, sau lại sai người đến châu Kiềm buộc Trưởng Tôn Vô Kỵ treo cổ mà chết.

## 70. LÝ THẾ DÂN

### **ÔM ẤP KẾ HOẠCH TO LỚN, XÂY NGHIỆP LỚN THỊNH ĐƯỜNG**

Lý Thế Dân, con trai thứ hai của Đường Cao Tổ Lý Uyên, Khai Hoàng năm thứ 18 (năm 599) “ra đời tại Biệt quán Võ công”. Biệt quán Võ công là một trong những nơi ở cũ của gia tộc họ Lý, ở phía Nam huyện Võ Công 10 dặm, phía Nam đối mặt với Vị Thủy. Mất vào năm Trinh Quán năm thứ 23 (năm 649) táng ở Chiêu Lăng.

Thời đại mà Lý Thế Dân sinh sống là thời kỳ chuyển biến lịch sử từ chiến loạn cuối Tuỳ đến sơ Đường “đại trị”. Đòi hỏi của thời đại đã tạo nên vị chính trị gia, quân sự gia, mưu lược gia kiệt xuất. Sự tích lời nói, việc làm và văn tự cũ công của Lý Thế Dân đến nay vẫn khiến người ta chú ý.

### **VẬN TRÙ TRONG MÀN TRƯỞNG, CHIẾN TRƯỜNG QUÂN SỰ TRẬN NÀO CŨNG THẮNG**

Về mặt quân sự, bất kể là hiệp trợ phụ thân Lý Uyên khởi binh ở Tấn Dương trước khi vương triều Đường kiến lập, trong chiến tranh thống nhất 7 năm sau khi Lý Uyên xưng đế, hay là trong cuộc chiến tranh thống nhất biên cương sau khi ông chấp chính, đều thể hiện một cách đầy đủ mưu lược tài năng quân sự của Lý Thế Dân.

Khi tổng kết chiến lược chiến thuật của mình, Lý Thế Dân nói: Ta từ nhỏ kinh lược bốn phương, biết những điều quan trọng của dùng binh, mỗi khi xem trận địch, dù biết mạnh hay yếu, thường lấy ta yếu chống lại mạnh và lấy mạnh đánh yếu, kẻ địch nhân ta yếu tiến lên được vài trăm bộ, ta nhân địch yếu, tất phản kích ở sau trận chúng, không trận nào chịu thua, sở dĩ thu được thắng lợi, phần nhiều là nhờ vào đó. Chính là dựa vào chiến lược chiến thuật này, mà trong những năm Vũ Đức, ông đã độc lập chỉ huy bốn chiến dịch lớn, thu được chiến quả huy hoàng. Sau khi ông chấp chính,

trong quá trình thống nhất biên cương đã vận trù trong màn trường, quyết thắng ngoài ngàn dặm.

Thành lũy kiên cố ngăn cản quân tinh nhuệ, địch đói lấy giữ lâu để lừa. Đó chính là tư tưởng mưu lược của Lý Thế Dân được hình thành sau đại chiến dịch lần thứ nhất. Vào lúc địch mạnh ta yếu, Lý Thế Dân dựng thành lũy kiên cố, giữ chặt quân địch, làm tiêu hao sĩ khí và lương thực, ra sức thay đổi so sánh lực lượng của hai bên, sau đó nắm bắt thời cơ phản công thắng lợi. Tháng tám Vũ Đức nguyên niên, sau khi Tiết Cử thắng trận có người kiến nghị thừa thắng tiến thẳng đến lấy Trường An. Trước khi đại quân xuất phát, Tiết Cử bị bệnh chết. Tiết Nhân Cảo kế vị. Tháng chín, Lý Thế Dân tự làm nguyên soái dẫn quân đánh dẹp, khi quân đến gần Cao Thứ thì “xây thành lũy kiên cố, bất động”, hai bên đối mặt giữ nhau hơn 60 ngày. Đến tháng 11, quân họ Tiết hết lương, lòng quân dao động, rồi các tướng Lương Hồ Lang... đầu hàng Đường. Thấy sĩ khí quân địch suy giảm, Lý Thế Dân biết thời cơ tấn công đã đến, liền sai Tổng quản hành quân lương thực đóng quân ở nguồn nước cạn, dẫn dụ quân địch. Tướng địch Tôn La Hầu cả mừng mang toàn lực tấn công. Lương thực giữ chỗ hiểm không ra, người ngựa mấy ngày không có nước vẫn ngoan cường chống lại. Tôn La Hầu đánh mãi không được, quân sĩ mệt mỏi. Thấy vậy, Lý Thế Dân lệnh cho Hữu Vũ Hầu đại tướng quân Bàn Ngọc đến mặt Nam nguồn nước cạn bày trận, Tôn La Hầu dàn quân nghênh chiến, đương lúc hai bên giằng co, Lý Thế Dân dẫn đại quân đột ngột xuất kích từ phía Bắc, Tôn La Hầu thu quân về chống cự, Lý Thế Dân lại dẫn quân phiêu kỵ xông vào quân địch, thế là quân Đường trong ngoài cùng đánh, tiếng hô kinh thiên động địa, quân địch tan vỡ, chết hàng ngàn. Lý Thế Dân thừa thắng truy kích, cuối cùng Tiết Nhân Cảo bị buộc đầu hàng, quân Đường thu được thắng lợi to lớn.

Muốn lấy thì phải cố mà cho. Đó là một câu danh ngôn trong sách “Lão Tử”. Trên lý luận và trong thực tế, Lý Thế Dân đã khéo léo vận dụng tư tưởng biện chứng quân sự lấy lùi để tiến đó, thể hiện tài năng chỉ huy thành thạo của mình. Khi bình định Đột Quyết quấy rối làm loạn, trước sau Lý

Thế Dân vẫn áp dụng chiến lược này. Trước tiên ông xuất phát từ cục diện ổn định lòng người, chinh đốn quốc gia đợi thời cơ chiến đấu có lợi mới chuyển sang phản công chiến lược. Loại nhân quang chiến lược toàn diện, không để ý nhiều đến thắng lợi của chiến dịch cục bộ mà để mắt vào việc “đánh một trận là diệt được”, có thể nói là hiểu biết sâu xa.

Cùng dùng cả “chính” và “kỳ”, đánh bất ngờ sẽ thắng. Lý Thế Dân giỏi dùng binh mà: binh có chính có kỳ, giỏi phán đoán địch, biết cách dùng chính hay kỳ, địch mạnh thì dùng chính, địch hiểm thì dùng kỳ. Chính là để cản trở, kỳ là để che giấu, đều là đạo giành thắng lợi. Lý Thế Dân là một nhà quân sự kiệt xuất giỏi dùng chính, kỳ bày trận. Nhưng ông giỏi dùng kỳ binh đột kích hơn. Trong các chiến dịch bình định Định Tương, Âm Sơn của đông Đột Quyết, bình định Đột Luân Xuyên của Thổ Cốc Huy, bình định Cao Xương v.v... do Lý Thế Dân quyết sách, các tướng lĩnh chỉ huy, đều dùng kiệt tác đánh nhau “tiến công bất ngờ, đánh khi không phòng bị”.

Tài năng giỏi dùng mưu lược, giỏi dùng binh của Lý Thế Dân không chỉ có vậy mà còn rất nhiều như dùng binh không hiểm đối trá, rất hiểu biết tướng, lấy yếu quý để dùng tướng...

## **MÁU ĐẮM CẨM MÔN, RẢI ĐẦY ĐƯỜNG LÊN NGÔI XUNG ĐẾ**

Ngày 3 tháng sáu Cửu Đức năm thứ chín (năm 626) Tần Vương Lý Thế Dân đến nơi ở của cha, mật tấu anh Lý Kiến Thành và em Lý Nguyên Cát “dâm loạn” hậu cung, và trình bày: Thần không có điều gì phụ anh, em, nay họ muốn giết thần, như muốn báo thù cho Thế Sang, Kiến Đức. Nay thần chết oan, nhưng không bao giờ vi phạm quân, thần. Dù hồn về dưới đất, cũng xấu hổ khi gặp bọn giặc đó. Lý Uyên nghe nói rất kinh ngạc, quyết định hôm sau triệu tập ba con trai hỏi vấn đề cho rõ.

Ngày 4 tháng sáu, trời còn chưa sáng, được sự hiệp trợ của Thường Hà, tướng giữ cửa Huyền Vũ, Lý Thế Dân dẫn mười người Trưởng Tôn Vô Kỵ, Uất Trì Kính Đức, Hầu Quân Tập v.v... phục binh ở cửa Huyền Vũ. Thủ tướng Thường Hà bảo vệ cửa vốn là thuộc hạ cũ của Thái tử Lý Kiến

Thành, Kiến Thành thu xếp để ông ta ở trong đội cấm vệ, thường coi những yếu địa trong kinh thành, và cho là như vậy không thể xảy ra vấn đề. Nào ngờ, từ hai năm trước, Lý Thế Dân đã ngầm lôi kéo Thường Hà, mua chuộc được ông ta, và còn mua chuộc được một số tướng lĩnh khác ở cửa Huyền Vũ.

Những động tĩnh đó của Lý Thế Dân bị hậu cung Trương Tiệp Dư biết rõ, bà ta lập tức báo cáo với Lý Kiến Thành. Lý Kiến Thành tìm Lý Nguyên Cát thương lượng. Quả thực Lý Kiến Thành đã có sự chuẩn bị riêng về lực lượng quân sự ở kinh thành, nhưng ông ta không ngờ được thuộc hạ cả Thường Hà đã bị Lý Thế Dân mua chuộc, nên cho rằng không thể xảy ra chuyện gì. Vì vậy đã cùng Lý Nguyên Cát vào triều, khi bọn họ đến gần Hồ điện thấy có chút không bình thường, liền dừng ngựa quan sát kỹ, chợt bốn phía tiếng la nổi lên, đang định quất ngựa quay về cung phủ thì Lý Thế Dân đã reo hò xông ra, bắn một phát Lý Kiến Thành trúng tên ngã ngựa, chết. Cùng lúc đó, Uất Trì Kính Đức dẫn hơn 70 quân kỵ phóng đến, bắn chết Lý Nguyên Cát.

Một lúc sau hơn 2000 binh lính của Đông Cung Lý Kiến Thành và Tề Vương phủ Lý Nguyên Cát kéo đến tấn công mạnh vào cửa Huyền Vũ. Trương Công Cảnh đóng cửa chống lại, nên không vào được, cửa Huyền Vũ trước sau vẫn nắm chắc trong tay Lý Thế Dân. Sau đó quân lính ở Đông cung và Tề Vương phủ đánh trống reo hò muốn vào Tần Vương phủ. Về mặt binh lực mà nói Lý Thế Dân ở vào tình trạng “ít khó địch nhiều”. Tướng sĩ Tần Vương phủ hoảng sợ. Vào giờ phút sống chết đó, Uất Trì Kính Đức đã có chủ ý hay, ông giơ thủ cấp của Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát lên trước mặt tướng lĩnh của Đông cung và Tề Vương phủ, để họ nhìn thấy các ông chủ của mình đều đã rơi đầu. Quả nhiên sau đó họ không còn ý chí chiến đấu, lần lượt tan đi.

Lý Thế Dân thấy việc lớn đã thành, liền lệnh cho Uất Trì Kính Đức, báo cáo với Lý Uyên. Vừa trông thấy Uất Trì Kính Đức mình mặc áo giáp tay cầm mâu, Lý Uyên đã biết là có việc lớn, liền hỏi bọn đại thần Bùi Thục v.v... làm thế nào? Tiêu Vũ, Trần Thúc Đạt dâng lời: Kiến Thành, Nguyên

Cát vốn không tham dự việc nghĩa, lại không có công với thiên hạ, ghen ghét Tần Vương công cao vọng trọng, cùng có mưu gian. Nay Tần Vương đã giết, Tần Vương công trùm vũ trụ, sĩ tốt hướng về, nếu bệ hạ lập làm Thái tử, giao coi việc nước, sẽ không có chuyện nữa. Lý Uyên đành đồng ý, đồng thời viết “sắc tay” ra lệnh cho tất cả quân đội phải theo xử trí của Tần Vương.

Đó là “Sự biến cửa Huyền Vũ” có tiếng trong lịch sử. Sự biến “máu đầm cấm môn” này là bước ngoặt trong đời sống chính trị của Lý Thế Dân. Sau sự biến, Lý Thế Dân giành được quyền thừa kế ngôi vua, không lâu sau đó đã lên ngôi.

## **RA SỨC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH VĨ ĐẠI, NHANH CHÓNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI**

Về mặt chính trị, thành tích của Lý Thế Dân càng nổi bật. Ông ở ngôi 23 năm, vì đặt niên hiệu là “Trình Quán” nên sử gọi là “thịnh trị đời Trình Quán”. Đây là thịnh thế thái bình đột xuất nhất trong xã hội phong kiến Trung Quốc. Nội dung quan trọng hàng đầu của “thịnh trị đời Trình Quán” là về kinh tế giảm nhẹ đóng góp, phát triển sản xuất, vỗ về dân chúng. Đầu đời Trình Quán, kinh tế xã hội tiêu điều, rất nhiều người sống trong cảnh hiểm nguy, khó khăn “mênh mông ngàn dặm, không có người có khói, không nghe thấy tiếng chó gà”, mọi người mong mỗi cơ hội được giảm nhẹ đóng góp, phát triển sản xuất. Đường Thái Tông Lý Thế Dân thuận theo trào lưu lịch sử, đã kịp thời đưa ra quyết sách vĩ đại “Thiên hạ đại trị”.

Kẻ vì nước phải giữ yên tĩnh. Đường Cao Tổ Lý Uyên đã sớm nêu ra phương châm này, nhưng do cuộc đấu tranh gay gắt trong nội bộ tập đoàn, nên phương châm này không được quán triệt tốt. Tháng tám, Vũ Đức năm thứ chín, Đường Thái Tông vừa lên ngôi chưa lâu, Đột Quyết phương Bắc rêu rao sẽ “dùng trăm vạn quân” uy hiếp. Kha Han Cật Lợi đã xâm phạm tới Bắc Vị Thủy. Đường Thái Tông phải thân đứng ra ký liên minh, Đột Quyết mới rút về. Sau việc này, Đường Thái Tông nói với đại thần: Ta mới nối ngôi, kẻ vì nước phải giữ yên tĩnh, bởi vì quốc gia chưa yên, trăm họ



chưa giàu, nên cần tĩnh mà vỗ về. “Yên tĩnh” ban đầu của Đường Thái Tôn chủ yếu là chỉ không tiến hành chiến tranh với bên ngoài, làm cho trăm họ giảm bớt gánh vác binh dịch. Sau này qua thảo luận đã nêu ra bốn biện pháp “yên dân trị quốc”, một là “bỏ xa xỉ giảm chi phí”, hai là “giảm nhẹ sưu thuế”, ba là “vừa lựa chọn vừa dùng”, bốn là “làm cho dân ăn mặc có thừa”.

Phương lược trị quốc của Đường Thái Tôn vỗ về dân yên tĩnh - có quan hệ nhất định với tư tưởng chính trị và tư tưởng kinh tế. Ông chủ trương dân là gốc nước, cho rằng vương triều có thể “trường trị cửu an” (thịnh trị yên ổn lâu dài) là do trăm họ có thể sinh tồn được hay không, mà sự tồn vong của trăm họ lại do bản thân quân vương có kiềm chế mình, ít ham muốn hay không. Ông liên hệ một cách hữu cơ ba điều: trị nước, dân tồn, quân hiền. Ông còn nêu ra quan điểm tĩnh là gốc của nông nghiệp, nói một cách cụ thể là, một mặt phải để cho nông dân giảm nhẹ đóng góp, phát triển sản xuất, mặt khác người thống trị khi trưng dịch không được phạm vào thời vụ nhà nông.

Dưới sự chỉ đạo của tư tưởng “tĩnh là gốc của nông nghiệp”, để khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp Đường Thái Tôn đã xác định 7 chính sách:

1. Thi hành quân điền, khen thưởng khai hoang;
2. Giảm nhẹ sức thuế
3. Khuyến trồng dâu nuôi tằm, không làm lỡ thời vụ.
4. Lập kho cứu tế khi thiên tai;
5. Tăng thêm dân số, phát triển sản xuất;
6. Giải phóng cung nữ, cho phép lấy chồng;
7. Xây dựng thủy lợi vì nước yên dân.

Đường Thái Tôn từ các mặt đã thi hành chính sách trọng nông, thu được thành tựu rõ rệt. Qua cố gắng nhiều năm đã khắc phục được những khó khăn do thiên tai mang lại, xoay chuyển được cục diện xã hội suy vi, cục



diện chính trị quốc gia ngày một ổn định, kinh tế xã hội từng bước khôi phục và phát triển, xuất hiện cảnh tượng phồn vinh

## **GIỚI TIẾP NHẬN LỜI CAN, ỔN ĐỊNH XÃ HỘI, CHÍNH TRỊ THÔNG SUỐT, NHÂN HOÀ**

Đường Thái Tôn Lý Thế Dân là người hùng tài đại lược biết nghe lời can gián, chức vị hơn người mà biết tiếp nhận lời kẻ dưới, là một nhà chính trị kiệt xuất đếm trên đầu ngón tay trong lịch sử Trung Quốc. Trong những năm Trinh Quán, do ông biết nghe và tiếp nhận lời kẻ dưới, vua tôi cùng làm việc nước, can ngăn thẳng thắn phát triển mạnh mẽ thành phong trào, đó là một vinh dự đặc biệt trong lịch sử chính trị Trung Quốc. Lý Thế Dân thường nói với các đại thần: Người ta muốn sáng suốt, cần phải có tấm gương sáng, chúa muốn biết sai lầm phải nghe trung thần! Vì thế ông vô cùng chú ý mong và nghe lời can ngăn, dũng cảm trong kiểm điểm sai lầm; ông coi vua tôi như cá với nước, vua tôi đồng tâm đồng đức cùng lo việc thiên hạ. Để từ chế độ bảo đảm rộng đường ăn nói, phát huy tác dụng can ngăn của các quan viên lớn nhỏ, ông đã áp dụng mấy biện pháp quan trọng: Kiện toàn chế độ phản bác, phản đối mù quáng “thi hành theo chỉ”, coi trọng tác dụng của can gián, phân biệt giới hạn giữa can ngăn thẳng với phỉ báng v.v... Trong những năm Trinh Quán, gián quan rất nhiều và người kiệt xuất nhất trong đó là Ngụy Trưng. Chỉ trong mấy năm đầu Trinh Quán, những việc Ngụy Trưng can ngăn đã đến hơn 200 điều, rất được Lý Thế Dân tán thưởng. Ngụy Trưng dám can ngăn thẳng thắn có lúc không bình tĩnh làm cho hoàng đế ngượng ngập. Có một lần Đường Thái Tôn đang chơi một con chim ưng rất đẹp thì nhìn thấy Ngụy Trưng từ xa đi tới, vội nhét vào trong tay áo, vì sợ nếu bị Ngụy Trưng biết, sẽ có ý kiến. Ngụy Trưng thấy vậy, cố ý kéo dài việc tấu lên các việc. Đường Thái Tôn đành yên lặng ngồi nghe, cuối cùng con chim ưng đã chết ngạt trong tay áo. Có một lần sau khi tan triều, Đường Thái Tôn chửi lớn: Phải giết chết cái lão này! Hoàng hậu Trương Tôn vội hỏi vì sao nổi giận. Thái Tôn trả lời: Ngụy Trưng làm nhục ta trên triều, hoàng hậu Trương Tôn nói: Thiếp nghe chúa sáng, tôi thẳng. Nay Ngụy Trưng dám thẳng là do bề hạ sáng suốt vậy, thiếp

xin chúc mừng. Câu nói này rất sách lược, vừa khẳng định Ngụy Trưng nói thẳng lại vừa ca ngợi Đường Thái Tôn sáng suốt. Thái Tôn nghe xong đổi giận làm mừng.

## **CHIÊU HIỀN NẠP SĨ, NHÂN TÀI ĐÔNG ĐÚC, XÃ TẮC HƯNG THỊNH**

“Trinh Quán chi trị” sở dĩ được gọi là thịnh thế thái bình đột xuất nhất trong xã hội phong kiến là vì đã không tách rời khỏi việc dùng người hiền trị nước. Vương Thuyền Sơn từng nói: Đời Đường nhiều quan giỏi, trước có nhà Hán, sau có nhà Tống, đều không bằng. Đó là sự đánh giá cao thời kỳ Trinh Quán có nhiều người tài. Khi tổng kết kinh nghiệm dùng người của mình, Đường Thái Tôn nói: Đã gọi là hiền, vị tất đã tận thiện, người biết đã bỏ đi, vị tất đã xấu cả. Biết có tài mà không cử, thì sẽ mất nhân tài, biết xấu mà không truất, thì sẽ gây tai họa. Nhân tài đều có ưu, khuyết. Bỏ khuyết điểm dùng ưu điểm, sẽ tốt đẹp. Đó là tư tưởng đạo dùng người của Đường Thái Tôn. Việc Đường Thái Tôn dùng Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, Đái Trụ v.v... là điển hình của tư tưởng dùng người của ông. Nhược điểm của Phòng, Đỗ là không giỏi xử lý kiện tụng và các việc sự vụ, ưu điểm của họ là nhiều mưu giỏi quyết đoán. Đường Thái Tôn đã biết phát huy ưu điểm, hạn chế khuyết điểm, phát huy đầy đủ tài năng của họ, làm cho họ phối hợp với nhau cùng nắm việc triều chính. Ưu điểm của Đái Trụ là xử sự và luyện tập, trung thực với người, nhược điểm là “ít học”, không thông kinh sử, Đường Thái Tôn đã cử ông làm Đại lý Thiếu khanh. Đái Trụ làm án không để đọng lại, dám chấp pháp không sợ ai, có thể giúp Thái Tôn trong việc hình, được Thái Tôn rất ca ngợi.

Rộng mở con đường cho các tài năng là một kinh nghiệm thành công nữa trong chính sách dùng người của Đường Thái Tôn. Ông đã áp dụng bốn biện pháp sau: một là cùng cử cả kẻ sĩ và thứ dân. Ông vừa dùng địa chủ thứ tộc như Phòng Huyền Linh, Trương Lượng, Hầu Quân Tập v.v... đồng thời cũng tin dùng địa chủ tộc như Cao Sĩ Liêm, Trương Tôn Vô Ky, Đỗ Như Hối v.v... Hai là quan dân cùng làm việc. Việc để vương chọn quan

từ trong cung không hiếm, nhưng Đường Thái Tôn đem những nhân tài thu thập được chuyển về dân gian, là điều khó có, rất quý. Việc lựa chọn, đề bạt Mã Chu là một điển hình. Trinh Quán năm thứ ba, Đường Thái Tôn cử vũ các quan viết thư nói thẳng về những việc được hay chưa .lược trong triều đình, Trung lang tướng Thường Hà giỏi bút mực nhờ gia khánh Mã Chu viết thay một biểu tấu hơn 20 điều. Sau khi Thường Hà dâng tấu thì điều nào cũng hợp ý, vua Đường Thái Tôn cảm thấy kỳ lạ vì Thường Hà chỉ là vũ phu không thông văn tự làm sao lại thần bút như vậy, đồng thời lại có kiến thức trác việt, liền hỏi đầu đuôi. Thường Hà báo cáo sự thực. Đường Thái Tôn biết Mã Chu là kẻ sĩ có tài, lập tức triệu kiến. Sau khi nói chuyện, Thái Tôn rất vừa ý, lập tức cho làm Môn Hạ tỉnh, sau này làm quan đến Trung thư lệnh. Ba là cũ, mới cùng tiến. Đường Thái Tôn dùng kẻ sĩ mới đến không thua kém người tâm phúc cũ. Trong đó điển hình nhất và được các nhà lịch sử cho là chuyện đẹp - chuyện “thù xưa” của Ngụy Trưng. Ngụy Trưng tuổi trẻ tinh thần sa sút, cuối Tùy tình hình luôn biến động, đã mấy lần đổi chủ, sau được Lý Kiến Thành thu dùng, đã từng dâng mật kế trừ Tần Vương Lý Thế Dân. “Sự biến cửa Huyền Vũ”, Ngụy Trưng trở thành kẻ ngồi tù. Đường Thái Tôn khâm phục tài hoa hơn người, không trả thù riêng, xuất phát từ công tâm và cục diện lớn trị quốc, đã sử dụng, lúc đầu phong Giám nghị đại phu, sau là Thị Trưng, trong thời gian chưa đến bảy năm, Ngụy Trưng đã từ kẻ thù cũ trở thành quan cao hơn người. Bốn là cùng dùng cả người Hán và dân tộc thiểu số. Như A Sử Na Xã Nhĩ người Đột Quyết “nổi tiếng trí dũng”, rất được Thái Tôn coi trọng. Trinh Quán năm thứ 14, đi đánh Cao Xương, Đường Thái Tôn cho làm Tổng quản hành quân đạo Giao Hà.

Sau khi thu thập được mưu thần, mãnh tướng làm thế nào chỉ huy được họ, Đường Thái Tôn đã có biện pháp của mình. Một là tín nhiệm hiền tài, không nghi ngờ. Những năm Vũ Đức, ông vừa thu hàng được đại tướng Uất Trì Kính Đức của Lưu Vũ Chu, thì hai thủ hạ của Kính Đức làm phản, có người đoán là Kính Đức tất làm phản, chưa qua thành thì đã giam vào trong quân và ra sức khuyên Tần Vương hãy giết mau. Lý Thế Dân không

những không giết mà còn thả Kính Đức ra, rồi triệu vào phòng ngủ, ôn tồn hỏi han, khiến Kính Đức yên tâm, khi từ biệt còn tặng đồ quý bằng vàng. Kính Đức bị lòng chân thành của Lý Thế Dân khi gặp mặt làm cho rất cảm động, thề “lấy thân báo nước”. Sau này quả nhiên vì vương triều Lý đánh lấy thiên hạ, vì việc Tần Vương giành được ngôi vua có những công lao to lớn. Hai là, dùng người theo chức. Ba là “bảo toàn công thần”. Ngoài Trương Lượng, Hầu Quân Tập dính líu đến việc “mưu phản” bị giết ra, các công thần khác đều được đối xử tốt đến chết. Bốn là không nghe lời gièm. Đó là một biện pháp quan trọng để Đường Thái Tôn bảo đảm được việc “rộng rãi dùng người hiền”. Để cấm tuyệt chuyện gièm pha, Đường Thái Tôn qui định kẻ phỉ báng, vu cáo người sẽ bị xử vào tội gièm pha người khác là có tội. Trinh Quán năm thứ ba, Giám sát ngự sử Trần Sư Hợp phỉ báng Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối là “suy nghĩ có hạn”, muốn bài xích chức vụ tể tướng của hai người này. Đường Thái Tôn do biết rõ Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối, biết việc đàn hặc của Trần Sư Hợp là có ý đồ phỉ báng, nên đã áp dụng luật pháp ngăn cản tài Trần Sư Hợp, đẩy ra ngoài Lĩnh Nam, bảo vệ hai người.

Việc dùng người Đường Thái Tôn còn được áp dụng bằng nhiều biện pháp khác, như phải kiêm đủ cả tài và hạnh, hoàn chỉnh chế độ khoa cử, thi hành chế độ tập ấm v.v... và đều thu được thành quả rất tốt, điều đó cũng thể hiện đầy đủ tài năng, mưu lược của Đường Thái Tôn.

## 71. HOÀNG HẬU TRƯỞNG TÔN

### NGOÀI MỀM TRONG CỨNG,

### LẤY MỀM CHỐNG CỨNG

Hoàng hậu Trương Tôn (năm 600 - 636) người Lạc Dương - Hà Nam là người vợ kết tóc của Đường Thái Tông Lý Thế Dân, năm 13 tuổi lấy Lý Thế Dân. Sau khi Đường Cao Tổ Lý Uyên lên ngôi đã phong bà làm Tần Vương phi. Lúc đó, do Tần Vương Lý Thế Dân trong cuộc tác chiến thống nhất Trung Quốc đã không ngừng lập được công lao trác việt, nên Thái tử Lý Kiến Thành ngày càng ghen ghét sâu sắc, đồng thời mâu thuẫn giữa Lý Uyên với Lý Thế Dân cũng có phát triển. Để hàn gắn vết thương giữa cha con Lý Uyên, bà đã hết sức hiếu kính Lý Uyên và các phi tần, lập uy tín cho Lý Thế Dân ở trong cung.

Khi Lý Thế Dân phát động “Sự biến cửa Huyền Vũ”, bà đã dẫn đường tướng sĩ vào trong cung giết Lý Kiến Thành. Lý Thế Dân rất cảm kích, sau khi lên ngôi đã lập bà làm hoàng hậu. Bà ngoài mềm trong cứng, về chính trị đặc biệt là về mặt chống ngoại thích nắm quyền có chủ trương kiên định. Thời kỳ đầu Trinh Quán bà đã vì Lý Thế Dân đưa ra không ít ý kiến hay trong việc làm trong sáng chính trị, có thể nói là một trong những mưu sĩ quan trọng của Lý Thế Dân. Trinh Quán năm thứ 10 (năm 636) sau khi mất, bà được Lý Thế Dân đánh giá rất cao.

### **NGHIÊM VỚI NGƯỜI THÂN, KHOAN DUNG KÈ LẠ,**

### **KHÔNG NHỚ OÁN RIÊNG**

Là “Tổng quản trong nội cung, Hoàng hậu Trương Tôn giáo dục và quản thúc các con và những người khác trong cung tương đối nghiêm khắc. Có một lần Trục An phu nhân - vú sữa của Thái tử nói với Hoàng hậu: đồ dùng, trang bị ở Đông cung quá ít, xin tăng thêm một ít, Hoàng hậu không đồng ý, nói: Làm Thái tử, điều đáng sợ là không lập được đức, không nên

được tiếng, đâu sợ đồ dùng quá ít! Đối với các nhân viên trong cung, Hoàng hậu nghiêm nhưng không hà khắc. Khi từ phi tần trở xuống ốm đau, bà đều tự đến hỏi han thăm viếng, thậm chí mang thuốc và thức ăn cao cấp của mình cho bọn họ ăn, uống. Có những khi Thái Tôn gặp một số việc tạm thời không thuận lòng, về đến cung thường trút giận lên cung nữ. Gặp tình huống đó ngoài mặt Hoàng hậu cũng làm ra vẻ nổi giận, thậm chí còn mang giam cung nữ “làm mếch lòng” Thái Tôn, ngay trước mặt ông. Đợi đến khi Thái Tôn hết giận, Hoàng hậu mới từ từ nói rõ đạo lý cung nữ đó vô tội, khôi phục danh dự và tự do cho họ. Vì thế trong cung không có việc lạm dụng thi hành hình phạt, mọi người đều yêu mến Hoàng hậu. Đối với những người không thân hoặc thậm chí có oán riêng với mình, không bao giờ bà tìm cơ hội báo thù mà nói chung, xuất phát từ đại cục, không tính thù riêng. Trưởng Tôn An Nghiệp - anh khác mẹ của bà, thích rượu vô lại. Sau khi cha mẹ của họ mất, Trưởng Tôn An Nghiệp không chỉ không đối xử tốt với Hoàng hậu còn nhỏ tuổi và người anh cùng mẹ của bà Trưởng Tôn Vô Ky, thậm chí còn đuổi hai người về nhà cậu. Bà không để ý tới hành vi xấu xa đó của người anh khác mẹ. Sau khi làm Hoàng hậu, bà còn xin Thái Tôn “cho nhiều ân lễ” đối với Trưởng Tôn An Nghiệp. Trưởng Tôn An Nghiệp làm quan tới Giám môn tướng quân, sau này cùng Lý Hiếu Thường, Lưu Tục Đức mưu phản, Thái Tôn quyết định xử họ cực hình. Biết tin, Hoàng hậu khấu đầu rơi lệ xin tha mạng cho Trưởng Tôn An Nghiệp, nói: Tội của An Nghiệp đáng chết vạn lần. Anh ta đối xử không tốt với thiếp, thiên hạ đều biết. Nay xử cực hình, mọi người sẽ nói thiếp được bệ hạ yêu nay trả thù anh! Thái Tôn liền thay đổi quyết định, đày Trưởng Tôn An Nghiệp ra miền xa xôi.

## **CHỈ NGHĨ TỚI XÃ TẮC, KHÔNG VÌ NGƯỜI THÂN**

Hoàng hậu Trưởng Tôn đã sưu tập những việc tốt của phụ nữ ngày trước, viết thành 10 thiên “Chuẩn tắc của nữ”, và còn viết bài bãi bỏ luận điểm của Mã hoàng hậu - Hán Minh đế về việc không thể ngăn chặn ngoại thích tham dự chính quyền, mà nên tiết kiệm hạn chế xa hoa trong việc dùng xe

ngựa. Bà cho rằng, luận điệu của Mã Hoàng hậu đã mở đường cho ngoại thích làm loạn. Bà nói với Thái Tôn: Thiếp nhờ ân trạch mà có địa vị, không đức mà được hưởng lộc, dễ gây ra họa. Muốn giữ cho con cháu lâu dài, thì không được giữ quyền quan trọng. Trưởng Tôn Vô Kỵ, người anh cùng mẹ của bà vốn là bạn áo vải của Lý Thế Dân, đã lập được công lao to lớn trong các mặt như giúp đỡ Lý Thế Dân thống nhất Trung Quốc và trong việc mưu hoạch “Sự biến cửa Huyền Vũ” khiến Lý Thế Dân được nối ngôi v.v... là tâm phúc của Lý Thế Dân, thường ra vào phòng ngủ của Lý Thế Dân để bàn mưu tính kế. Sau khi lên ngôi, Lý Thế Dân muốn cử Trưởng Tôn Vô Kỵ nắm việc triều chính, Hoàng hậu đã “cố nói là không được”, nhiều lần nói: Thiếp đã gửi thân nơi cung tía, tôn quý đã cực, thực lòng không muốn anh em, con cháu ở khắp triều đình. Họa ngoại thích họ Lã, họ Thôi nhà Hán, có thể là điều giới khắc cốt. Xin đặc biệt đừng để anh thiếp làm tể tướng. Lý Thế Dân không nghe, vẫn dùng Trưởng Tôn Vô Kỵ làm Tả Vũ hầu đại tướng quân, Lại bộ thượng thư, Hữu Bộc xạ. Hoàng hậu còn bí mật cử người đến bàn với Trưởng Tôn Vô Kỵ, để hai người cùng lần lượt cầu xin từ chức. Lý Thế Dân bất đắc dĩ mới đồng ý lời thỉnh cầu của họ, đổi phong Trưởng Tôn Vô Kỵ làm Khai phủ Nghi đồng tam ti. Đến lúc ấy Hoàng hậu mới cảm thấy yên tâm.

## **KHEN NGỢI VÀ THU NẠP LỜI CAN TRUNG THÀNH, KHÔNG SỢ BÔI NHỌ**

Trường Lạc công chúa do Hoàng hậu Trưởng Tôn sinh ra được Thái Tôn yêu quý đặc biệt, vào lúc công chúa xuất giá, Thái Tôn ra lệnh cho Hữu Tư, vật phẩm công chúa Trường Lạc mang theo phải nhiều gấp hai lần vật phẩm mà Trưởng Công chúa Vĩnh Gia con gái Lý Uyên, em gái Lý Thế Dân. Sau khi biết Ngụy Trưng đã can: Em gái Hoàng đế là Trưởng công chúa, con gái hoàng đế là chúa, đã có chữ “trưởng” phải cao hơn công chúa, nếu vật phẩm mang theo nhiều hơn trưởng công chúa là không được! Thái Tôn khen ngợi và thu nạp lời nói, khi vào cung nói cho Hoàng hậu biết. Hoàng hậu cảm thán nói: Thiếp nghe nói bộ hạ rất quý trọng Ngụy Trưng, không rõ vì sao, nay thấy ông ta dẫn lễ nghĩa để can hệ hạ, mới biết



đúng là kẻ bề tôi của xã tắc! Hoàng hậu còn cử sứ giả mang bốn trăm xâu tiền, bốn trăm tấm lụa tặng thưởng Ngụy Trưng, chuyển lời và dặn ông ta: Nghe ông chính trực, nay mới thấy, nên có thưởng. Ông nên giữ tấm lòng đó, đừng thay đổi! Có một lần sau khi Thái Tôn tan triều vào cung, giận dữ nói: Phải giết lão già này! Hoàng hậu không biết hỏi Thái Tôn muốn giết ai, Thái Tôn nói: Ngụy Trưng thường xuyên làm ta bề mặt ở triều đình! Hoàng hậu liền lui về cung tắm của mình thay mặc triều phục chính thức rồi đứng giữa cung. Thái Tôn ngạc nhiên hỏi nguyên nhân, Hoàng hậu nói thiếp nghe chúa sáng bề tôi ngay thẳng. Nay Ngụy Trưng ngay thẳng là do bề hạ sáng suốt. Thiếp đâu dám không chúc mừng. Thái Tôn nghe nói rất phấn khởi, không còn oán ghét Ngụy Trưng nữa. Trinh Quán năm thứ 10 (năm 639), Phòng Huyền Linh mưu thần được Thái Tôn trọng dụng, vì bị Thái Tôn chỉ trích mà giận dữ xin về quê. Lúc này bệnh Hoàng hậu đã nặng, sau khi biết việc đó, nói với Thái Tôn: Huyền Linh thờ bề hạ lâu nhất lúc nào cũng thận trọng, mưu hay kế giỏi, ai cũng nghe, nay vì một lời nói nhỏ, không phải là lỗi lớn, xin đừng bỏ. Nghe lời khuyên của Hoàng hậu, Thái Tôn lại dùng Phòng Huyền Linh.

## **TÔN SÙNG TIẾT KIỆM, KHÔNG HỀ XA HOA**

Hoàng hậu Trương Tôn là một người tiết kiệm. Những đồ trang sức, đồ dùng của bà đều là thứ mà Hoàng hậu cần phải có, xưa nay không hề nêu yêu cầu cá nhân. Bà cũng là người tôn trọng pháp luật. Trinh Quán năm thứ tám (năm 634) bà đi cùng với Thái Tôn đến cung Cửu Thành (nay là Tây Lâm Du - Thiểm Tây) nghỉ ngơi, lúc này bà đã nhuộm bệnh, nhưng vẫn kiên trì cùng hoạt động với Thái Tôn, nên bệnh ngày càng nặng. Thái tử Thừa Càn thấy bệnh Hoàng hậu quá nặng, nói với bà: Các loại thuốc đều dùng cả, mà sức khỏe vẫn không tốt, xin tâu với phụ hoàng, đại xá tù nhân trong thiên hạ, đồng thời mời hòa thượng, đạo sĩ tụng kinh cầu phúc giúp. Hoàng hậu nói: Sống chết có số, sức người không làm nổi, nếu tu phúc có thể kéo dài tuổi thọ, ta xưa nay không hề làm điều ác. Đại xá là việc lớn của đất nước; Phật., Đạo chẳng qua là đạo giới khác thành, với chính thể chỉ có



hại không có lợi, nay không thể vì ta là một người phụ nữ mà làm hại lớn thiên hạ. Thái tử không dám tâu bẩm phụ hoàng, chỉ đem cách suy nghĩ đó nói với Tả Bộc xạ Phòng Huyền Linh. Phòng Huyền Linh lại thưa lên Thái Tôn các triều thần khác cũng kiến nghị đại xá. Thái Tôn đáp ứng. Hoàng hậu nghe nói, lập tức cố xin với Thái Tôn không thể đại xá, Thái Tôn liền thôi. Tháng 6, Trinh Quán năm thứ 10, bệnh Hoàng hậu nhập vào xương, khi lâm biệt với Thái Tôn, ngoài việc cầu xin trọng dụng ngoại thích ra, bà còn nói: “Thiếp sinh ra vô ích với người, không thể chết rồi còn hại người. Xin đừng ma chay tốn kém. Thánh hiền xưa nay đều tiết kiệm. Chỉ những chúa vô đạo mới mộ táng như núi đồi, tốn kém của dân, làm cho kẻ hiểu biết cười chê. Chỉ xin chôn ở núi, không lập bia mộ. cần kiệm chôn cất là không quên thiếp vậy”. Thái Tôn nghe xong rất cảm động. Sau khi bà chết, được Thái Tôn tôn hiệu là “Vân Đức Thuận Thánh Hoàng hậu”.

## 72. MÃ CHU

### LO XA RẮC RỐI, MƯU SÂU CĂN BẢN

Mã Chu (năm 601 - 648) tự Tân Vương, người Trì Bình, châu Bác (nay là Trì Bình Sơn Đông), tuổi nhỏ mồ côi, nhà nghèo hiếu học, có chí nhìn ra thấy rộng. Năm Vũ Đức làm trợ giáo châu Bô, không coi việc mà đi châu Mật (nay là Chư Thành Sơn Đông), dưới sự giúp đỡ tiền bạc của Triệu Nhân Bản, chuyển đến Trường An và ở nhờ nhà Trung Lang tướng Thường Hà. Đúng vào lúc Đường Thái Tôn lệnh cho trăm quan viết thư nói được, Mã Chu giúp Thường Hà trình bày hơn 20 việc, đều hợp ý Đường Thái Tôn. Thái Tôn lấy làm lạ về năng lực, hỏi Thường Hà. Thường Hà tâu: Việc đó không phải chủ ý của thần mà là gia khách của thần tên là Mã Chu. Thái Tôn lập tức triệu kiến Mã Chu, chưa thấy đến, cho sứ giục bốn lần. Khi gặp, nói chuyện rất vui, phong làm Trực môn hạ tể, rồi Giám sát ngự sử. Mã Chu “biết rất rõ rắc rối của công việc”, giỏi biện luận, tấu số giỏi, rất được Thái Tôn tín nhiệm. Thái Tôn từng nói: Ta và Mã Chu, chỉ tạm không gặp là đã nhớ. Trinh Quán năm thứ 18 (năm 644) được phong Trung Thư Lệnh kiêm Thái tử Tả thứ tử, kiêm chức ở cả hai cung (cung vua và cung Thái tử), đồng thời là Lại bộ Thượng thư. Mã Chu xử sự bình tĩnh, rất được người đương thời khen. Đường Thái Tôn đánh giá Mã Chu là: Chu thấy việc nhanh nhạy, tính rất cẩn thận. Các kiến nghị trăm điều tiếp nạp, phần lớn là vừa ý. Mã Chu đã có nhiều mưu lược, theo sử tịch thấy có các mưu lược chủ yếu sau:

### **SÙNG ĐẠO HIẾU, TRỌNG CÚNG TẾ,**

### **KHÔNG QUÊN GỐC**

Trinh Quán năm thứ 5 (năm 631) Đường Thái Tôn ra lệnh trùng tu cung Nhân Thọ đời Tuỳ (nay là Tây Lâm Du - Thiểm Tây), sau khi sửa chữa xong đổi tên là cung Cửu Thành. Năm sau Đường Thái Tôn chuẩn bị đến cung Cửu Thành tránh nóng, dưỡng bệnh. Mã Chu cho là không được, ông

liên hệ tình hình cư trú... của hoàng tộc dâng sớ lên Thái Tôn nói: Đông cung, nơi Thái tử cư trú, ở trong thành; cung Đại An, Chí Tôn (chỉ Lý Uyên cha Thái Tôn) cư trú, ngược lại lại ở ngoài hoàng thành, hơn nữa cửa khuyết, tường ở cung Đại An nhỏ xấu hơn hoàng thành, sợ rằng khi các phiên thần vào triều kiến thấy tình cảnh đó cho là không đủ phép. Thần nguyện xây dựng lại tường cửa cung Đại An to đẹp đàng hoàng để muôn nơi nhìn về. Đọc chiếu biết tháng hai bệ hạ đi cung Cửu Thành. Trộm nghĩ Thái thượng hoàng tuổi đã cao, bệ hạ nên sớm chiều thăm nom. Cung Cửu Thành cách kinh thành 300 dặm, không thể sáng đi chiều đến. Vạn nhất Thái thượng hoàng nhớ nhung, muốn gặp bệ hạ, làm sao bệ hạ có thể đến gặp? Lần này xa giá đi tránh nóng, Thái thượng hoàng ở lại nơi nóng bức, chỉ một mình bệ hạ đi nơi mát, sợ không hợp đạo lý. Nay kế hoạch đi đã thành, không thể dừng, xin hẹn ngay ngày về để giải mối lo của mọi người! Đường Thái Tôn tiếp nhận kiến nghị của ông. Một lần khác, Mã Chu dâng sớ nói: Thần nghe thánh nhân cảm hóa được thiên hạ, không ai là không lấy hiếu làm gốc. Thánh nhân dạy người tất phải lấy mình làm gương trước để biểu thị không quên gốc. Đường Thái Tôn rất khen ngợi lời nói đó.

## **PHẢN ĐỐI PHONG PHIÊN THUỘC, TRỌNG QUAN NGOÀI, VÌ ĐỜI YÊN DÂN**

Trinh Quán năm thứ 11 (năm 637) Đường Thái Tôn căn cứ vào tình hình nhà Chu phong cho con em, đã tồn tại hơn tám trăm năm; Tần Thủy Hoàng bỏ chư hầu, đến Nhị Thế đã bị diệt, họ Lữ muốn làm nguy cơ nghiệp họ Lưu, nhưng họ Lưu cuối cùng dựa vào tôn thất mà lại được yên v.v... cho rằng: phong và xây dựng thân và hiền là cái đạo để con cháu lâu dài. Vì thế đã ra lệnh cho 21 con em ra làm quan lại địa phương, đồng thời phong cho 14 công thần như Trương Tôn Vô Kỵ, Phòng Huyền Linh v.v... kiêm nhiệm thứ sử các châu. Mã Chu có ý kiến khác, dâng thư lên Đường Thái Tôn, viện dẫn lịch sử để can ngăn. Thái Tôn khen ngợi và tiếp nạp, bãi bỏ việc thế tập và giữ chức thứ sử cho con em và công thần. Cùng năm Mã Chu dâng thư nói: Người trị thiên hạ lấy người làm gốc. Trăm họ yên vui tại thứ sử, huyện lệnh. Huyện lệnh đông không thể đều hiền cả. Nếu mỗi châu

được thứ sử tốt thì dân được an cư lạc nghiệp. Nếu thứ sử trong thiên hạ làm theo thánh ý thì bệ hạ có thể ngồi yên ghế báu, trăm họ không lo không yên. Từ xưa, quận thú, huyện lệnh đều chọn người hiền đức. Nay triều đình chỉ trọng nội thần; thứ sử, huyện lệnh ở ngoài rất coi nhẹ tuyển chọn, thứ sử phần lớn là vũ phu, hoặc quan ở kinh không xứng chức mới điều ra ngoài, mười người không được một người giỏi. Vì thế trăm họ chưa yên, nguy hiểm là ở chỗ đó. Thái Tôn tiếp thu ý kiến của ông, quyết định thứ sử sẽ do ông thân chọn, huyện lệnh do quan ngũ phẩm trở lên ở kinh đô, mỗi chức một người.

## **BÀI XÍCH XA XI, ĐỀ XƯƠNG TIẾT KIỆM, DỪNG ƠN KẾT LÒNG NGƯỜI**

Trình Quán những năm giữa, Đường Thái Tôn không còn giống như Trình Quán những năm đầu chú ý tiết kiệm, mà ra sức làm các việc xây dựng ở khắp nơi, công tôn quý tộc đã xa xỉ. Trăm họ chịu nổi khổ sưu, dịch, thuế má, nhiều người oán giận. Trình Quán năm thứ 11 (năm 637) Mã Chu dâng thư nói: Từ Tam đại đến Hán, được thiên hạ hơn 800 năm, người ít không dưới 400, đều dùng ơn kết lòng người; người không thể quên cũ được. Sau đó trở đi giảm. Người nhiều được 60 năm, kẻ ít chỉ có 20 năm, đều do không có ơn với người, về căn bản chẳng nhớ đến. Bệ hạ nối nghiệp Ngu, Thang, Văn, Vũ làm cơ sở cho con cháu vạn đời, làm sao chỉ dựa vào mỗi vốn cư Trình Quán những năm đầu. Nay hộ khẩu không bằng một phần mười thời Tùy, mà sưu dịch quá nhiều, anh đi thì em về, đi xa tới năm, sáu ngàn dặm, xuân, hạ, thu, đông không có chút thời gian nghỉ ngơi. Lúc thiếu thời, bệ hạ ở trong dân biết nỗi thống khổ của dân, còn Thái tử thì sinh ra và lớn lên ở thâm cung, không biết việc bên ngoài. Sau khi bệ hạ muôn tuổi, đáng lo vậy. Những năm đầu Trình Quán, thiên hạ đói khát, đấu gạo giá bằng tấm lụa, nhưng trăm họ không oán thán vì biết bệ hạ lo lắng không yên. Nay, một tấm lụa được hơn mười đấu nhưng trăm họ lại kêu ca vì cho rằng bệ hạ không còn lo nghĩ đến họ. Từ xưa đến nay, quốc gia hưng vong không vì tích lũy nhiều hay ít, mà ở chỗ trăm họ khổ hay vui. Xin dẫn mấy việc gần: Tùy chứa kho Lạc Khẩu mà Lý Mật bị tù, Đông Đô (Lạc

Dương) tích vải mà Lương Thế Sung chiếm được; còn Tây Đô (Trường An) kho phủ đều do quốc gia (nhà Đường) dùng, đến nay vẫn chưa hết. Tiết kiệm, cho dân nghỉ ngơi, đó là việc bệ hạ đã tự mình làm những năm đầu Trinh Quán, nay làm như thế, không khó. Bệ hạ muốn mưu việc lâu dài, chả cần phải học người xưa xa xôi, chỉ cần như những năm đầu Trinh Quán là thiên hạ đã vô cùng hạnh phúc! Đường Thái Tôn đọc xong thư nói: Gần đây ra lệnh làm một số vật theo người nhỏ, không để ý là trăm họ cũng có bàn tán. Đó là lỗi của trẫm. Rồi xuống chiếu ngừng chế tạo.

### **LẤY VẾT XE ĐỒ LÀM GƯƠNG, ĐỊNH LUẬT PHÁP, TIẾT CHẾ CÁC VỊ VƯƠNG**

Trinh Quán năm thứ 11, Mã Chu dâng thư viết: Từ Hán Tần đến nay các vị vua trong vấn đề xử trí con em có sai lầm, không tính đến việc tiết chế, nên dẫn đến diệt vong. Bệ hạ biết rõ điều đó, nhưng vì lòng yêu riêng, thấy xe trước đồ mà xe sau vẫn không đổi đường. Ngày nay các vị vương được yêu nên hưởng ơn quá hậu, theo ngu ý của thần điều đáng lo là được ơn mà kiêu ngạo xa hoa. Còn vua ngại gì không phú quý? Thân ở nước lớn, phong hộ không ít, ngoài việc ăn ngon mặc đẹp ra còn đòi hỏi thêm gì? Thế mà mỗi năm đều được thêm ban thưởng mà không có sự hạn chế. Sách có câu: “Nghèo không học tiết kiệm, giàu không học xa hoa”, đó là lời nói tự nhiên. Nay bệ hạ sáng nghiệp, đâu chỉ có việc xử trí sự vụ của con em. Cần phải chế định luật pháp lâu dài để muôn đời tuân theo. Đường Thái Tôn rất khen ngợi kiến nghị này, thưởng cho Mã Chu một trăm tấm lụa.

## 73. VŨ TẮC THIÊN

### **KHÍ KHÁI ĐỨNG ĐẦU CÂN QUẮC, QUYỀN MƯU ĐỐI CÀN KHÔN**

Vũ Tắc Thiên, tên là Chiếu, ước sinh vào năm 624. chết năm 705, người Văn Thủy, Châu Tính (nay là huyện Văn Thủy - tỉnh Sơn Tây) đời Đường. Phụ thân là người buôn gỗ, sau về nương nhờ Lý Uyên, trở thành quan lại. Vũ Tắc Thiên tuy không xuất thân từ danh môn quý tộc, nhưng thướt tha, yếu điệu, xinh tươi, thông minh lanh lợi. Năm 14 tuổi được Đường Thái Tôn vừa mắt, tuyển vào cung làm tài nhân, ban cho hiệu là Vũ My, người ta gọi là My Nương. Sau khi Thái Tôn chết, đã từng bị đuổi ra khỏi chùa Cảm Nghiệp làm sư, sau lại được Cao Tôn triệu về cung làm phi, rồi từ Chiêu Nghi nhảy vọt lên làm hoàng hậu, phong là “Thiên hậu”. Vì thế bà ta cùng ngồi với Cao Tôn nắm đại quyền triều chính, được người đương thời gọi là “Nhị thánh”. Sau khi Cao Tôn chết, bà một mình nắm đại quyền, do khi lâm triều xưng là Chế, rồi cướp quyền, tự lập làm đế, hiệu là Vũ Chu. Bà là nữ hoàng đế duy nhất trong lịch sử Trung Quốc, là một nhà nữ chính trị nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc và cũng là một nhà mưu lược nữ có trí tuệ hơn người.

Từ góc độ mưu lược nghiên cứu, phân tích thành tựu một đời Vũ Tắc Thiên, có thể thấy, sự sản sinh ra tư tưởng mưu lược và sự ứng dụng sách lược cụ thể của bà không thể tách rời khỏi bối cảnh thời đại mà bà đang sống, bởi đồ cuộc đời, cơ hội chính trị và đòi hỏi của đấu tranh hiện thực. Mà đặc điểm tư tưởng mưu lược lớn nhất của bà là mưu thâm kế gian, không đạt mục đích, quyết không thôi. Còn về mặt vận dụng sách lược và quyền mưu thì có thể xem xét thời kế, tùy cơ ứng biến.

**CÓ THỂ CO VÀO CÓ THỂ DUỖI RA,  
ĐỨNG CHÂN Ở HẬU CUNG**

Từ Trinh Quán năm thứ 11 (năm 637) lúc Vũ Tắc Thiên 14 tuổi được Đường Thái Tông Lý Thế Dân chọn vào cung làm Tài nhân (cung phi bậc ngũ phẩm) đến Vĩnh Huy năm thứ sáu (năm 655) lúc 32 tuổi, được Đường Cao Tông chính thức phong làm hoàng hậu, bà đã đấu tranh gian khổ suốt gần 20 năm trong hậu cung không yên tĩnh của nhà Lý Đường. Đó là giai đoạn cất bước trong cuộc sống chính trị của Vũ Tắc Thiên, và cũng là giai đoạn khó khăn nhất trong cuộc đời của bà.

Vũ Tắc Thiên không chỉ thướt tha, yếu điệu, xinh đẹp mê người mà còn “có nhiều mưu trí, kiêm cả văn sử”. Bà còn là một phụ nữ có cá tính ngoan cường, có nguyện vọng to lớn, không chịu theo mệnh trời, không chịu là yếu, dám nghĩ dám làm. Vẻ đẹp và tính khí ngoan cường hiếu thắng đã khiến bà sau khi vào cung không lâu đã bị cuốn vào dòng xoáy chính trị tranh sủng ái, đoạt lợi. Lúc đầu bà không có kinh nghiệm đấu tranh lại vừa chưa có bao nhiêu vốn liếng chính trị. Nhưng bà đã dựa vào tài trí thông minh và mưu lược hơn người của mình để không chỉ vượt qua mọi gian nan nguy hiểm mà lần lượt chiến thắng hết kẻ địch này đến kẻ địch khác giành được thắng lợi. Bà đã dùng mưu như thế nào?

Thứ nhất, một lời nói kinh động mọi người. Trong xã hội phong kiến, người con gái được tuyển vào cung chưa phải là tiêu chí của cơ hội tốt, rất nhiều người chỉ có thể sống như thừa những năm tháng tươi trẻ của mình trong thâm cung vắng vẻ, mất oan tuổi thanh xuân. Vũ Tắc Thiên hiểu được rằng muốn vượt người khác, phải dựa vào mình. Thế là bắt đầu từ ngày vào cung bà đã quan sát tỷ mỉ yêu thích của Đường Thái Tông, tìm cơ hội để lộ rõ mình trước Thái Tông. Một hôm Thái Tông rất vui, triệu tập văn võ đại thần cùng đến trường nuôi ngựa xem ngắm ngựa hay, Vũ Tắc Thiên và mấy cung nữ cùng đi theo. Khi Đường Thái Tông đi đến trước một con ngựa có thân hình khỏe mạnh, màu lông rất đẹp, được coi là một danh mã lúc đó, nhà vua chợt cảm thán hỏi các quan: Con ngựa này mới đẹp làm sao, đáng tiếc là tính nết quá dữ, các khanh có ai dám vì trẫm thuần phục con ngựa này? Các quan đại thần chỉ nhìn nhau, không ai dám trả lời, bởi vì họ biết Thái Tông rất giỏi thuần phục ngựa dữ, mà nay ông cười không nổi, ai còn



dám khoe tài trước mặt ông. Trong im lặng, Vũ Tắc Thiên nhẹ nhàng bước tới trước Đường Thái Tôn, gập người cúi chào, rồi thưa: Thần thiếp có thể thuận phục nó, nhưng cần ba thứ sau: một cái roi sắt, một cái búa sắt, một cái câu liêm. Nếu ngựa không chịu thuận phục thì trước tiên dùng roi sắt đánh vào thân, nếu chưa chịu thuận phục nữa thì dùng búa sắt nện vào đầu, nếu vẫn còn chưa chịu, thiếp sẽ dùng câu liêm cắt yết hầu nó. Lời nói hùng hồn thánh thót của bà đã làm Đường Thái Tôn và các quan trở mắt đờ đẫn. Khi Thái Tôn biết bà là Vũ tài nhân vừa mới vào cung liền vừa ngạc nhiên vừa mừng, vừa khen ngợi là cứng rắn. Từ đó ở trong hậu cung, Vũ Tắc Thiên đã có chút danh thế.

Thứ hai, nép mình ẩn kín, đợi thời cơ. Sau diễn thuyết về thuận phục ngựa, do Đường Thái Tôn đã khen ngợi tại chỗ lòng dũng cảm của bà, lại bị sắc đẹp của bà làm cho động lòng, nên đã có một đạo thưởng ân cho bà. Nhưng việc tranh giành sủng ái trong hậu cung rất kịch liệt, các phi tần không thể đứng yên giương mắt nhìn Vũ Tắc Thiên ít tuổi, một bước lên trời.

Thế là một lời đồn mê tín muốn lấy tính mạng Vũ Tắc Thiên như đã từ trên trời rơi xuống. Năm đó, sao 'Phái Bạch không chỉ một lần xuất hiện vào ban ngày. Đó vốn là một hiện tượng tự nhiên, nhưng tư tưởng mê tín của người đương thời rất nặng, cho rằng đó là một hiện tượng không cát lợi. Có một Thái sử công còn giải thích với Đường Thái Tôn rằng đó là triệu chứng của “nữ chủ xương”. Đồng thời trong dân gian cũng lưu truyền một cuốn sách “Mật ký” nói rằng sau đời thứ ba trong vương triều Đường sẽ có “nữ chủ Vũ vương”. Dù Đường Thái Tôn là một ông vua sáng suốt, nhưng do sự hạn chế của thời đại, tư tưởng mê tín rất nghiêm trọng, nên trước những tin đồn rộng rãi ông tỏ ra rất có lòng ngờ những người họ Vũ, nhất là nữ giới. Vì vậy ông đã từng giết oan một người tên là “Ngũ nương” từng được phong là “Vũ Liên quận công - khai quốc công thần Lý Quân Mộ”.

Dưới tình trạng mây đen phủ đầy, họa chết người lúc nào cũng sẵn sàng giáng xuống, Vũ Tắc Thiên thông minh, để bảo vệ mình đã vội vàng ẩn kín,

bà lạng lẽ sống trong thâm cung, không tùy tiện xuất đầu lộ mặt, càng không để Đường Thái Tôn nổi giận. Bản lĩnh tùy cơ ứng biến của bà, quả nhiên giúp bà qua được khó khăn, giúp bà sống qua được 12 năm vắng vẻ trong thâm cung mà không bị giết.

Thứ ba, ngầm theo chủ mới. Trong thời gian bị Đường Thái Tôn đối xử lạnh nhạt, Vũ Tắc Thiên dùng sự im lặng để bảo vệ mình, ngồi yên xem sự phát triển của tình hình, đợi dịp tìm đường ra. Khi bà biết Đường Thái Tôn bệnh nặng không bao lâu nữa sẽ chết, bà đã lén câu kết với Thái tử Lý Trị - người đã được chỉ định nối ngôi, tức Đường Cao Tông sau này, dùng sắc đẹp trời cho và sự dịu dàng của mình giành lấy lòng yêu thích của Lý Trị. Trinh Quán năm thứ 23 (năm 649), Đường Thái Tôn băng hà, theo di chiếu của ông, Vũ Tắc Thiên cùng các cung phi khác đều phải đưa ra chùa Cảm Nghiệp làm ni cô. Nhưng do bà đã ngả vào lòng Lý Trị từ trước, nên sau khi Lý Trị lên ngôi, đã không quên tình, tìm đủ mọi cơ đến chùa Cảm Nghiệp hò hẹn, không lâu sau, triệu bà về cung làm thị tẩm. Sau khi về cung, Vũ Tắc Thiên càng trăm lần ôn thuận, ngàn lần dịu dàng với Đường Cao Tông, rất được ân sủng, đã rất nhanh chóng được tấn phong làm Chiêu Nghi, đứng đầu 9 vị tần, địa vị chỉ đứng sau Hoàng hậu và bốn vị phi.

Thứ tư, lợi dụng mâu thuẫn. Sau lần thứ hai vào cung, về chính trị Vũ Tắc Thiên càng thêm thành thực. Thế hội thiết thân của mười mấy năm, không chỉ làm cho bà thấy cuộc tranh quyền trong nội bộ cung đình rất kịch liệt mà còn làm cho bà học được bản lĩnh đấu tranh. Về cung không lâu, bà phát hiện được Hoàng hậu Vương và Tiêu Thục phi - người đã sinh được con rồng, đang kịch liệt tranh ân sủng của hoàng đế. Bà nhận định đây là cơ hội tốt để mình có thể tận dụng, liền quyết định lợi dụng mâu thuẫn của hai người, dùng biện pháp kéo một người đánh một người, làm cho cả hai đều thua, đều bị thương, tự mình ngồi làm ngư ông đắc lợi. Trải qua việc suy tính thiệt hơn, bà thấy Tiêu Thục phi là tình địch chủ yếu của mình trong việc tranh ân sủng, còn Hoàng hậu Vương, tương đối thực thà, lại có chỗ dựa vững, cũng có uy vọng, là đối tượng tạm thời liên hiệp lợi dụng của mình. Mưu kế đã định liền hành động theo. Đối với Hoàng hậu Vương, bà

tỏ ra hết sức tôn trọng, lúc nào cũng khiêm tốn, tôn trọng, đãi nhau bằng lễ, không dám vượt qua một bước, khiến Hoàng hậu Vương yên tâm và tín nhiệm bà. Bà còn cùng với Hoàng hậu Vương, thêm mắm thêm muối công kích Tiêu Thục Phi trước mặt Đường Cao Tôn. Và thế là, Tiêu Thục phi dần dần bị Cao Tôn lạnh nhạt. Còn Vũ Tắc Thiên thì được Cao Tôn ân sủng riêng. Do vậy sau mười mấy năm vào cung mà không đẻ, bà đã mang thai. Tiếp đó lại liên tiếp vì Cao Tôn sinh rồng đẻ phượng.

Thứ năm, đổ vạ cho Hoàng hậu. Trong quá trình liên hiệp với Hoàng hậu Vương, đả kích Tiêu Thục Phi, Vũ Tắc Thiên còn chú ý dùng những ân huệ nhỏ để mua chuộc cung nga, thị nữ, để bọn họ thu nhặt tình hình làm “gián điệp nghĩa vụ” cho bà. Vì thế, bà không chỉ được Cao Tôn tín nhiệm và ân sủng, mà còn có vây cánh của mình, nhưng bà còn chưa đủ lực lượng để tranh vị trí với Hoàng hậu Vương.

Hoàng hậu Vương cũng không phải là người chịu ngồi yên, khi biết Vũ Tắc Thiên đã mang thai và đang ngầm lung lạc mua chuộc lòng người, bà đã nhìn thấy người này không vừa, liền dùng biện pháp tấn công trước để kiểm chế người. Bà thương lượng với người cậu là Liễu Sáng làm Cung báii Thị trung và mấy lão thần trong triều như Trương Tôn Vô Kỵ, Chủ Trục Lương v.v. .. nhờ họ đứng ra thúc giục Cao Tôn lập Yên Vương mới 10 tuổi do Lưu thị xuất thân hèn mọn sinh ra, làm Thái tử. Muốn dùng việc này để chặn đứng việc Vũ Tắc Thiên do sinh được con rồng mà trở thành một Tiêu Thục phi thứ hai, làm lung lay địa vị hoàng hậu của mình.

Nhưng nước cờ này của hoàng hậu Vương không thể chặn được con đường tiến của Vũ Tắc Thiên, ngược lại còn làm tăng thêm lòng oán hận và quyết tâm giành lấy mũ phượng của Vũ Tắc Thiên. Đồng thời, nó còn làm cho Vũ Tắc Thiên thấy muốn đánh đổ hoàng hậu không phải là một việc dễ, bà ta phải dùng mưu kế càng sâu càng độc hơn.

Vũ Tắc Thiên đúng là một con người lòng lang dạ sói. Để đoạt được mũ phượng, đứng vững ở hậu cung, bà ta đã không tiếc dùng con đẻ của mình để trả giá. “Tư Trị thông giám” đã ghi chép câu chuyện lịch sử kinh người

này: “Hậu (hoàng hậu Vương) dù ân sủng có giảm, nhưng bề trên (hoàng đế) chưa có ý phế bỏ. Biết Chiêu Nghi (Vũ Tắc Thiên) sinh con gái, hậu thương hại đến thăm, hậu ra về, Chiêu Nghi bóp chết con, quấn vào trong chăn. Bề trên đến, Chiêu Nghi vui mừng đón, mở chăn ra xem, con gái đã chết, lập tức kinh sợ gào thét. Hỏi tả hữu, tả hữu đều nói: Hoàng hậu vừa đến. Bề trên giận nói: “Hậu giết con gái ta!”. Chiêu Nghi nhân đó khóc kể tội. Hậu không biết tự xử, bề trên do đó đã có ý phế, lập”.

Kế độ của Vũ Tắc Thiên quả nhiên linh nghiệm, từ đó Cao Tôn giận ghét hoàng hậu Vương, mấy lần muốn phế bỏ bà, lập Vũ Tắc Thiên làm hoàng hậu, nhưng do sự phản đối của các đại thần như Trương Tôn Vô Kỵ v.v... mà chưa được.

Thứ sáu, mua chuộc quyền thần. Vũ Tắc Thiên là người có ý chí kiên cường. Bà không thể để cho kế hoạch mà mình đã khổ công hoạch định hỏng mất. Khi gặp trở lực to lớn trước mặt, bà thấy mình thân cô thế mỏng, nhưng biết mình được vẻ đẹp trời cho nên đã ra sức nỉ non bên gối, khuyến khích Cao Tôn cùng ra mặt đi du thuyết riêng mua chuộc trọng thần. Bà thường mang châu báu đi du thuyết Trương Tôn Vô Kỵ ủng hộ mình nhưng đã gặp phải sự phản đối kiên quyết. Thế là bà chuyển mục tiêu du thuyết sang các gian thần. Trải qua một phen cố gắng, một lũ gian đảng nịnh hót kẻ quyền thế như: Hứa Kính Tôn, Lý Nghĩa Phủ, Thôi Nghĩa Huyền, Viên Công Du, Vương Đức Kiệt v.v... đã ngả về phía bà, kết thành một tập đoàn ủng hộ Vũ Tắc Thiên, vì việc bà ta thay làm hoàng hậu mà đánh trống khai chiêng mở đường.

Đồng thời với các việc này, Vũ Tắc Thiên còn đẩy người đang ngả đổ với hoàng hậu Vương, bố trí tâm phúc thu thập hết các tài liệu gọi là có tội của hoàng hậu Vương, vu cáo bà và mẹ bà dùng thuật phù thủy nguyên rủa Cao Tôn. Cao Tôn tin là thật, càng thêm quyết ý phế bỏ hoàng hậu Vương, biếm Trung Thư lệnh Liễu Sáng, người ủng hộ hoàng hậu Vương ra khỏi triều chính.

Tháng 5, Vĩnh Hưng năm thứ sáu (năm 655), Vũ Tắc Thiên thấy thời cơ chín muồi, liền cử động Cao Tôn triệu tập đại thần bàn vấn đề phế lập. Dưới sự ủng hộ tôn sùng của bọn quyền thần Hứa Kính Tôn, Lý Nghĩa Phủ v. v... mưu kế cướp ngôi hoàng hậu của Vũ Tắc Thiên đã thành công. Tháng 11 năm đó, cuối cùng Vũ Tắc Thiên đã được đội chiếc mũ hoàng hậu tượng trưng cho quyền lực.

## **MƯU QUYỀN NĂM CHÍNH, CƯỚP NGÔI XƯNG VUA**

Từ Vĩnh Huy năm thứ sáu (năm 655) Vũ Tắc Thiên được chính thức sắc phong làm hoàng hậu đến tháng chín Nguyên Sơ nguyên niên (năm 690), đổi nhà Đường làm nhà Chu, tự lập xưng đế, bà ta đã trải qua 35 năm sóng to gió lớn. Đó là giai đoạn cố gắng vươn cao nhất trong sinh nhai chính trị của bà. Để giành quyền, nắm chính trị cướp ngôi xưng đế, bà đã phí bao tâm sức, vắt kiệt bộ não, dùng tài hoa và mưu kế của mình, phá tan hết trở lực này đến trở lực khác, chiến thắng kẻ thù chính trị hùng mạnh, cuối cùng nguyện vọng được đền bù, lên ngôi nữ hoàng đế.

Kế trừ kẻ thù chính trị. Trong khi tranh đoạt ngôi hoàng hậu, Vũ Tắc Thiên đã nhìn thấy rõ kẻ thù chính trị chung quanh mình rất hùng mạnh, nếu không quét sạch họ thì chiếc mũ hoàng hậu của mình sợ rằng đội chẳng được lâu chứ đừng nói gì tiến lên nữa. Vì vậy bắt đầu từ ngày làm hoàng hậu bà đã lợi dụng quyền lực địa vị của mình ra sức thanh trừ kẻ thù chính trị. Bà biết rõ kẻ thù chính trị lớn nhất là ở sau Trương Tôn Vô Kỵ, thủ lĩnh tập đoàn Quan, Lũng, cận của Cao Tôn và áp dụng thủ đoạn mưu lược tía càn lá trước rồi chặt đứt càn chính sau, tích cực phát động tấn công.

Để đánh tốt trận đầu, Vũ Tắc Thiên đã có sự sắp xếp chu đáo. Trước tiên bà ta thỉnh cầu Cao Tôn, khôi phục chức Thượng thư bộ lễ cho Hứa Kính Tôn, lệnh mỗi ngày phải hầu chiếu ở cửa Tây, điệu Vũ Đức, đề bạt Lý Nghĩa Phủ làm Trung thư Thị lang, tham dự chính sự. Sau đó bà ta lại có dụng ý riêng khi dâng biểu cho hai người phản đối bà là Hàn Viện, Lai Tế

được “ơn thêm khen thưởng”. Hai người biết là thủ đoạn của Vũ Tắc Thiên, vội thỉnh cầu từ chức, nhưng Cao Tôn không cho phép.

Quả nhiên, Vũ Tắc Thiên thỉnh công cho Hàn Viện, Lai Tể chẳng qua chỉ là sói vàng đến chúc tết gà. Vào cuối năm Hiển Thánh nguyên niên (năm 656), Vũ Tắc Thiên mượn cơ Hàn Viện dâng thư vì việc Chủ Trục Lương bị biếm kêu oan, trao ý đồ thực hiện cho Hứa Kính Tôn, Lý Nghĩa Phủ dâng tấu lên Cao Tôn, nói Hàn Viện, Lai Tể cùng Chủ Trục Lương một mưu muốn làm phản triều đình. Cao Tôn không kiểm tra chỉ tin một bên, lập tức biếm Hàn Viện làm thứ sử Châu Chấn (nay thuộc Quảng Đông), Lai Tể bị biếm làm thứ sử châu Đài (nay thuộc Triết Giang). Đồng thời lại biếm Chủ Trục Lương làm thứ sử châu Ái (nay là Thanh Hoá - Việt Nam), Liễu Sảng làm thứ sử châu Dự (nay thuộc Quảng Tây). Đến đây, kế hoạch cắt lá tía cành trước đã hoàn thành, phái phản đối Vũ Tắc Thiên chỉ còn một mình Trương Tôn Vô Kỵ.

Cơ hội vung búa chặt cành chính đã chín muồi. Tháng tư, Hiển Khánh năm thứ tư (năm 659), Vũ Tắc Thiên mượn việc có người tố giác Giám sát ngự sử Lý Sào mưu phản, bàn kín với Hứa Kính Tôn, áp dụng thủ đoạn bức cung và bịa đặt, vu cáo Trương Tôn Vô Kỵ cùng mưu phản. Cao Tôn không phân biệt nổi thật giả, đã biếm và an trí Trương Tôn Vô Kỵ đến Châu Kiềm (nay thuộc Tứ Xuyên). Không lâu sau, Vũ Tắc Thiên lại cùng bọn Hứa Kính Tôn v.v... mật mưu, từng bước hại ông chết.

Chuyển nguy sang an. Đồng thời với việc dùng kế diệt trừ kẻ thù chính trị, Vũ Tắc Thiên lại dùng kế buộc nguyên Thái tử Lý Trung từ chức, nhường lại cho Đại vương Lý Hoảng là con trai do mình sinh ra mới có 4 tuổi lên làm Thái tử mới. Sự tín nhiệm và ý lại của Cao Tôn vào Vũ Tắc Thiên cũng ngày một tăng. Hiển Khánh năm thứ 5 (năm 660) Cao Tôn mắc bệnh đau đầu nghiêm trọng, hai mắt gần như mù đã đem toàn bộ chính sự quốc gia gửi vào tay Vũ Tắc Thiên - cơ trí sáng suốt.

Trong xã hội phong kiến, đàn bà nắm chính quyền là không hợp lẽ pháp, vì vậy việc này đã bị phản đối. Có người đã tấn công vào Vũ hậu. Có một

hôm, một hoạn quan tố cáo với Cao Tôn, nói Vũ Tắc Thiên và một đạo sĩ dùng yêu thuật chửi rủa hoàng đế. Cao Tôn đặc biệt căm ghét yêu thuật, đã có lệnh nghiêm cấm rõ ràng từ lâu. Khi biết Vũ hậu làm việc này, ông vô cùng tức giận, lập tức triệu cận thần của Thượng Quan Nghi vào cung cùng bàn đối sách. Thượng Quan Nghi tâu: Hoàng hậu kiêu ngạo chuyên quyền, thiên hạ không ai không oán giận, theo ý kiến thần chi bằng hãy phế bỏ bà ta, để yên lòng người, bảo đảm chắc chắn nghiệp đế Đại Đường mãi mãi kế tiếp. Nghe xong, Cao Tôn hạ lệnh viết chiếu đưa Vũ thị vào lãnh cung.

Nhưng lúc này tâm phúc của Vũ Tắc Thiên ở trong cung đã rất nhiều, tai mắt khắp nơi. Khi có người mang tin đó báo cho bà ta biết, Vũ hậu không hề sợ hãi, mà lập tức đến gặp Cao Tôn, vạch trần âm mưu đó, đồng thời nói rõ sự thực. Cao Tôn tin phục, lập tức thu hồi mệnh lệnh, xin lỗi bà, và đổ toàn bộ trách nhiệm lên Thượng Quan Nghi. Vũ Tắc Thiên lại dùng kế phản gián biết được hoạn quan Vương Phục có can hệ với Thái tử đã bị phế Lý Trung, liền bàn với Hứa Kính Tôn dâng tấu vu cáo Thượng Quan Nghi và Lý Trung cấu kết mưu phản. Thế là Thượng Quan Nghi và Vương Phục bị kết tội “có lẽ có” rồi bị chém, họa đầy nhà, liên can chín họ. Lúc này hoàng quyền Đại Đường cơ bản đã về tay Vũ Tắc Thiên.

Nhất cử lưỡng tiện. Trong xã hội phong kiến, quan niệm dòng dõi cực kỳ quan trọng. Xuất thân quý tộc, không có công vẫn có thể hưởng lộc, người bần tiện chỉ có thể làm nô lệ. Khi Vũ Tắc Thiên tranh làm hoàng hậu, các đại thần phản đối đã hứng lấy lý do xuất thân của bà hàn vi để ngăn cản. Chử Trục Lương khi dâng lời can lên Cao Tôn đã nói: Hoàng thượng muốn đổi lập hoàng hậu, xin lựa chọn con gái nhà vọng tộc trong thiên hạ, hà tất phải lập Vũ thị dòng dõi hàn vi làm gì? Cảm xúc của Vũ Tắc Thiên trước sự việc đó rất sâu sắc, bà biết, muốn thực hiện nguyện vọng hùng vĩ của mình thì cần phải đột phá gò bó, thay đổi dòng dõi của mình. Vũ Tắc Thiên, con người thông minh ấy đã viện dẫn chuyên lệnh của Đường Thái Tông, Trinh Quán năm thứ 12 (năm 638) cho bọn Thượng thư Cao Sĩ Kiêm sửa chữa bản “Thị tộc chí” làm căn cứ để thuyết phục Cao Tôn xuống chiếu, đổi “Thị tộc chí” thành “Tính thị chí”. Dưới sự sách hoạch của bà,



lần sửa đổi này đã triệt để đả phá qui củ cũ, hoạch định lại cao, thấp, tôn quý, bần tiện, quy định quan viên trong triều từ ngũ phẩm trở lên, bất kể là sĩ phu hay thứ dân, theo quan tước cao thấp mà bình định thứ bậc. Việc làm này không những đưa họ Vũ vốn tìm không thấy trong “Thị tộc chí” vào bậc thứ nhất trong “Tính thị lục” làm cho gia tộc họ Vũ tiến vào địa vị hiển hách, mà còn làm cho rất nhiều quan viên xuất thân từ dòng dõi phổ thông cũng được đưa vào “Tính thị lục” thoát khỏi xuất thân nhà nghèo. Các quyền quý mới tự nhiên vô cùng biết ơn và ủng hộ bà. Vũ Tắc Thiên đã đạt được mục đích nhất cử lưỡng tiện. Bà đã tiến thêm một bước nữa tới chiếc ghế báu hoàng đế.

Không nhận cốt nhục. Sức khỏe của Cao Tôn càng ngày càng xấu, còn quyền thế của Vũ Tắc Thiên thì càng ngày càng lớn. Cao Tôn là một người đa tình mà vô cùng nhu nhược. Trong lúc cực kỳ lúng túng, ông đã định trao ngôi vua cho Vũ Tắc Thiên, nhưng do sự phản đối của triều thần nên chưa được. Vì vậy ông quyết định nhường ngôi cho Thái tử Lý Hoảng. Lý Hoảng là do Vũ Tắc Thiên sinh ra, đã 24 tuổi, đối xử với người nhân hậu khoan dung, rất có uy vọng trong các đại thần.

Nếu quyết định này được thực hiện thì mưu lớn chí to của Vũ Tắc Thiên đang hừng hực sẽ bị đả kích nghiêm trọng, ôm ấp đoạt lấy thiên hạ nhà họ Lý mà bà che giấu trong lòng sẽ như nước chảy về đông. Bà không thể để điều đó thành hiện thực. Bà dùng thủ đoạn: “Khôn ngoan độc ác không phải trượng phu”, lòng lang dạ sói quyết hại chết Lý Hoảng. Một hôm, Cao Tôn đến cung Hợp Bích, Vũ Tắc Thiên mở tiệc, đồng thời để Thái tử Lý Hoảng hầu rượu. Tiệc vui, Lý Hoảng uống say túy lúy. Thừa lúc Lý Hoảng về cung, Vũ hậu mật lệnh Thái giám bỏ thuốc độc vào thuốc giã rượu. Lý Hoảng đã bị giết như vậy.

Sau khi Lý Hoảng chết, Cao Tôn lập Lý Hiền 22 tuổi làm Thái tử, đồng thời xuống chiếu thay mặt mình lo việc nước. Lý Hiền là con trai thứ hai của Vũ Tắc Thiên, từ nhỏ đã thông minh, chăm đọc sách, nghiêm với mình, rất được Cao Tôn yêu thích và tín nhiệm, nhưng không vì thế mà Lý Hiền thoát khỏi sự oán hận của Vũ hậu. Bởi vì Vũ hậu lúc này, bất kỳ là người

nào, hễ cản trở con đường tiến tới ngôi báu của bà ta, thì bà ta sẽ giết chết người đó. Không lâu, Vũ hậu nắm quyền lớn trong tay, mượn cơ đạo sĩ Minh Sùng Nghiễm bị giết trong cung, lén bỏ tang vật vu cáo Lý Hiền mưu phản, theo luật thì phải chém. Nhưng Vũ Tắc Thiên sợ làm quá sẽ làm cho đại thần bất mãn, nên phế làm thứ dân, đày đi Châu Ba (nay thuộc Tứ Xuyên). Lý Hiền biết rõ là mấu hậu phản lại mình, trong lòng không phục, sau khi đến Châu Ba, đã làm bài từ “Hoàng đài qua” (Đưa Hoàng đài) chế giễu Vũ hậu:

*Hái một lần, dưa còn nhiều*

*Hái hai lần dưa đã có chiều vắng thưa*

*Hái ba lần quả xác sớ*

*Hái bốn lần chỉ còn tơ dây gầy.*

Sau khi biết chuyện này, Vũ Tắc Thiên vô cùng căm giận, sai người đến buộc phải tự tử chết.

Sau khi Lý Hiền bị phế, An Vương Triết (tức Lý Hiễn) được lập làm Thái tử. Hoàng Đạo nguyên niên (năm 683) Cao Tôn ốm chết, trước khi chết để lại di chiếu Thái tử Triết nối ngôi trước linh cữu, đó là Trung Tôn. Vũ hậu vô cùng bất mãn đối với di chiếu của Cao Tôn, bà không thể chấp nhận sự sắp xếp như vậy. Bà phải tìm kế làm tan vỡ. Quả nhiên, hai tháng sau, bà mượn cơ có người cáo giác Trung Tôn không nghe lời khuyên can, không được làm người, mật lệnh Bùi Viêm viết thánh chỉ, lấy danh nghĩa Hoàng thái hậu tuyên bố phế giáng Trung Tôn làm Lỗ Lăng Vương. Để bịt tai mắt mọi người, đợi thời cơ thích hợp bà quyết định để cho con trai là Lý Đán ngu tối không có năng lực lên nối ngôi vua, đó là Duệ Tôn. Đồng thời để cho ông này ở biệt cung không cho tham dự triều chính. Lúc này đại quyền của vương thất Lý Đường đã hoàn toàn bị khống chế trong tay Vũ Tắc Thiên. Bà muốn làm nữ hoàng chỉ còn là vấn đề hình thức mà thôi.

Trừ tận gốc họ Lý. Vũ Tắc Thiên muốn xưng đế đã đến bước “Tâm đại Tư Mã Chiêu người đi đường đều biết”. Điều đó đương nhiên gặp phải sự chống lại kiên quyết của phái phản đối, nhất là của đời sau tôn thất họ Lý.

Tháng chín, Quang Trạch nguyên niên (năm 684), Lý Kính Nghiệp (tức Từ Kính Nghiệp), cháu công thần khai quốc đời Đường Lý Tịch, vốn tên là Từ Thế Tịch là người đầu tiên giương ngọn cờ lớn phản đối Vũ Tắc Thiên ở Châu Dương. Ông đã nhờ một trong tứ kiệt sơ Đường là Lạc Tân Vương viết “Hịch phạt Vũ chiếu” khí thế hùng hực, sát khí đằng đằng, chửi thậm tệ Vũ hậu: tim như rắn độc, tính như sài lang, gần gũi gian tà, hãm hại trung lương, giết em giết anh, giết vua giết mẹ...; hiệu triệu tôn thất, vương thần cùng ông khởi binh phạt họ Võ. Cuộc khởi binh của Lý Kính Nghiệp mặc dù đã cáo chung trong thất bại, nhưng đã làm chấn động cả Đại Giang Nam Bắc, trên dưới trong ngoài triều đình, cũng đã gõ một tiếng chuông cảnh cáo cho Vũ Tắc Thiên, khiến bà ta trong thắng lợi trước mặt càng tỉnh táo hơn.

Vũ Tắc Thiên rất nhanh nhạy, từ cuộc phản loạn của Lý Kính Nghiệp bà đã hấp thụ được hai bài học, một là cảm thấy tai mắt của mình còn chưa nhạy, hai là nhận thức được rằng không trừ tận gốc tôn thất họ Lý thì khó lên ngôi vua. Bà đã lập tức áp dụng đối sách tương ứng, đó là chính sách áp bức cao, cổ vũ tố giác bí mật và dùng quan lại độc ác, nổi tiếng trong lịch sử.

Lấy cố Lý Kính Nghiệp mật mưu liên kết làm phản, Vũ Tắc Thiên xuống chiếu thành lập chế độ tố giác bí mật: Bất kể là người nào, đều có thể đến kinh đô gặp nhà vua, cáo giác điều cơ mật, phạm là những việc được tố giác bí mật, không người nào được truy hỏi, cản trở, người ở tỉnh ngoài vào kinh tố giác bí mật, quan phủ phải cung cấp ngựa trạm, dọc đường được hưởng đãi ngộ bằng quan ngũ phẩm. Sau khi đến kinh đô, có thể ở nhà khách nhà quan. Nếu tố giác bí mật đúng sự thực, được phá cách đề bạt, được phong chức quan. Với người nói không đúng cũng được miễn truy cứu. Bà còn cho đặt riêng trong triều một hòm tố giác bí mật. Để xem xét các vụ án do tố giác bí mật mà có, bà còn lựa chọn đề bạt trong những người tố giác bí mật một loạt quan chức mới. Thế là một lũ lưu manh, vô lại, giáo hoạt tàn nhẫn, quen hãm hại người như bọn quan lại đại độc ác Chu Hưng v.v... đã thừa cơ kéo vào; bọn họ dùng thủ đoạn tàn bạo khác

thường, xét xử cái gọi là vụ án, giúp đỡ Vũ Tắc Thiên trấn áp những ai khác mình, tiêu diệt tôn thất họ Lý.

Dưới sự phò tá của những người tổ giác bí mật và bọn quan lại độc ác, Vũ Tắc Thiên đã nhanh chóng dẹp yên được thế lực của các tôn thất. Thùy Cung năm thứ I ư (năm 688) cha con Việt vương Lý Trinh, Lương Nha vương, Lý Xung giương ngọn cờ “Khôi phục vương thất Lý Đường” liên lạc chư vương, khởi binh làm phản. Kết quả là chư vương mỗi người có tâm sự riêng, không hưởng ứng mà thua trận bị chết. Nhưng Vũ Tắc Thiên đã mượn cơ hội cử tên quan độc ác Chu Hưng dùng biện pháp tra tấn tàn bạo, bức cung, thêu dệt tội danh, đã nhanh chóng bắt giam vào ngục Hàm vương Lý Nguyên Gia, Lỗ vương Lý Linh Quý cùng Hoàng Công Tuyển, công chúa Thường Lạc v.v... rồi lệnh buộc phải tự tử. Đông Quán Công Lý Dung, cháu Cao Tôn và Lý Chủ, con trai Thôi vương, bị chém ở chợ. Thôi Vương Lý Nguyên Quỹ vì có chiến công được miễn chết, nhưng chết trên đường đi đày. Kỷ vương Lý Trân, con trai thứ 10 Thái Tôn cũng chết trên đường đi đày. Sau đó lại dùng các loại tội danh lần lượt giết chết Tương vương Lý Huy, Đạo vương Lý Nguyên Khánh, Từ vương Lý Nguyên Lễ, Tào vương Lý Minh. Thiên Thụ nguyên niên (năm 690), tên quan độc ác Chu Hưng lại bí mật tổ giác Thạch vương Lý Thượng Trường, Hứa vương Lý Tố Tiết mưu phản khiến cho hai người cùng con, người thân tín, toàn bộ bị giết. Tiếp đó lại giết mười mấy người con cái tôn thất như Dự vương Lý Dung, An Nam vương Lý Đình v.v... Đến đây, tôn thất Lý Đường hầu như bị giết hết, đồng thời còn giết mấy trăm nhà thân thích, đồng đảng.

Tháng chín, Thiên Thụ nguyên niên (năm 690) trải qua hơn ba mươi năm đấu tranh gian khổ, Vũ Tắc Thiên với tài hoa của mình, rút cuộc đã xung phá nam quyền phong kiến, ngồi lên ghế báu hoàng đế, đổi quốc hiệu là Chu, tự lập làm Thánh thần hoàng đế.

## **QUYẾT CHÍ ĐỔI MỚI, PHÁ CÁCH DÙNG NGƯỜI**

Vũ Tắc Thiên từ Thiên Thụ nguyên niên (năm 690) lên ngôi đến Thần Long nguyên niên (năm 705) bị buộc hạ bệ, tổng cộng đã ngồi trên ghế báu chấp chính 15 năm. Trong đoạn thời gian này, ngôi vua đã đến tay, mục đích lớn đã đạt, nên bà ta cũng giống như những kẻ thống trị khác, không tránh khỏi nảy sinh phát triển tư tưởng hưởng lạc thối nát, làm rất nhiều việc không được lòng người. Nhưng nói chung thời gian này tư tưởng mưu lược của bà vẫn còn tích cực tiến thủ, nhất là những chính sách trong việc bà phá cách dùng người, mở rộng đường ăn nói, biết sai có thể sửa, thi hành quân điền, phát triển nghề nông, chế ngự họa ở biên giới, yêu nước bảo vệ biên cương v.v... đều đã thể hiện sự quyết ý đổi mới và tư tưởng bảo vệ đất nước, yên dân.

Mở rộng việc chiêu nhận hiền tài. Sau khi lên ngôi xưng đế, đế củng cố chính quyền, Vũ Tắc Thiên đã lập tức chế định và thực thi một loạt chiến lược trị nước yên bang, làm cho sự hưng thịnh sơ Đường không bị suy giảm. Rộng rãi chiêu nhận hiền tài là mưu lược thứ nhất được bà áp dụng. Bà dám phế bỏ qui định cũ, sáng tạo ra chế độ tuyển dụng nhân tài mới. Một là lần đầu tiên mở ra Điện Thí Tiên Hà. Ngày 14 tháng hai, Tái Sơ nguyên niên (năm 692) lần đầu tiên ở kinh thành bà đã tổ chức cuộc thi tuyển điện thí qui mô to lớn. Cống sinh cả nước kéo đến sân, bà lần lượt thân tự hỏi thi từng người một. Hai là sáng lập chế độ “tự cử” đề xướng những kẻ sĩ có tài học trong thiên hạ, không cần hỏi xuất thân, đều có thể tự mình giới thiệu, khảo sát hợp cách sẽ được thu dùng. Ba là người đầu tiên lập chế độ “cử nhân võ”, lựa chọn tướng tài hợp cách. Bốn là chế độ “quan lâm thử”, bảo đảm tố chất quan lại. Năm là cử người về cơ sở chiêu mộ, lựa chọn nhân tài, coi trọng đề bạt hiền sĩ tầng lớp dưới. Sáu là mở chế khoa, tuyển chọn đề bạt nhân tài đặc biệt. Bảy là cử võ quan viên giới thiệu người hiền. Một loạt chế độ rất hoàn chỉnh mà lại không câu nệ trong việc lựa chọn người hiền tài và dùng người của Vũ Tắc Thiên đã làm cho trong thời kỳ bà chấp chính, trong triều đình trên dưới đều có người mới được chọn, nhân tài đông đúc, đã có nhiều văn võ đại thần kiệt xuất như Tế tướng Địch Nhân Kiệt v.v...

Mở rộng đường ăn nói. Vũ Tắc Thiên là người mưu dũng hơn người, cương nghị quả đoán, bà không chỉ tài hoa rộng rãi mà còn có khí phách của nhà chính trị. Sau khi đương chính bà có thể chủ động mở rộng đường ăn nói, nghe được các ý kiến uyên bác nhiều vẻ từ các phía, đồng thời có thể biết sai thì sửa, chọn điều thiện mà làm. Có hai ví dụ điển hình đủ để nói lên lòng dạ rộng rãi và phong độ nhà chính trị của bà. Một là khi Lý Kính Nghiệp làm phản, sau khi đã xem “Hịch thảo phạt Vũ chiếu” công kích bà do Lạc Tân vương viết, bà không nổi trận lôi đình mà bình tĩnh tự nhiên hỏi tác giả là ai. Khi có người nói cho biết đó là nguyên Chủ Bạ Trường An, Lạc Tân vương bị biếm làm Lâm Hải Thừa, bà vô cùng luyến tiếc, cảm thán nói: Đó thực là sai lầm của tể tướng! Làm sao lại để cho nhân tài kiệt xuất như vậy mai một? Hai là vào những năm Trường Thọ, giám quan Chu Kính Tắc dâng thư lên bà, phê bình bà không nên dùng hình nghiêm và luật pháp độc ác, mà nên mở rộng ân đức, làm cho thần dân thiên hạ tiêu trừ oán hận, an cư lạc nghiệp. Cho dù ngôn từ sắc mạnh, có nhiều mạo phạm, nhưng Vũ Tắc Thiên vẫn tiếp nhận ý kiến của ông, đồng thời trước sau đã xử tử hình bọn quan lại độc ác, tội ác tày trời như Chu Hưng, Lai Tuấn Thần v.v... làm cho trên dưới, trong ngoài triều đình vỗ tay vui mừng. Nhân đó bà còn đề bạt Chu Kính Tắc làm tể tướng, giao cho nhiệm vụ nặng nề.

Phát triển nông nghiệp. Thời Đường khoa học kỹ thuật và sản xuất công nghiệp còn chưa phát triển, vì thế sản xuất nông nghiệp là trụ cột duy nhất của nền kinh tế quốc dân. Sơ Đường, Đường Thái Tôn đã dùng chế độ quân điền để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Nhưng đến khi Vũ Tắc Thiên nắm chính quyền thì chế độ quân điền đã bị phá hoại, cường hào, sĩ tộc thôn tính ruộng đất, nông dân mất đất chạy trốn, không chỉ cản trở nghiêm trọng đến phát triển sản xuất, mà còn tạo thành xã hội không ổn định. Sau khi Vũ Tắc Thiên lên cầm quyền, lập tức ra lệnh cấm mua bán đất đai, ngăn chặn cường hào thôn tính, đồng thời còn áp dụng các loại chính sách cụ thể như chia lại ruộng đất, giảm miễn tô thuế v.v... thu hút nông dân bỏ chạy trở về làng sản xuất. Đồng thời bà nhấn rất mạnh, quan viên các cấp phải coi

trọng sản xuất nông nghiệp, nghiêm cấm mọi hoạt động cản trở đến việc nông, đồng thời coi việc tăng giảm của ruộng cày cấy, lỗ lãi của nông nghiệp là căn cứ để khảo sát và thưởng phạt quan lại địa phương. Vì thế trong thời kỳ Vũ Tắc Thiên, nông nghiệp phát triển tương đối nhanh, xã hội cơ bản ổn định.

Bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ biên cương. Vũ Tắc Thiên giống như rất nhiều hoàng đế có thành tựu trong lịch sử đều rất coi trọng đất nước hoàn chỉnh, biên giới an toàn. Vì vậy năm thứ hai, sau khi lên ngôi đã cử Đô đốc châu Tây - danh tướng Đường Hữu Cảnh dẫn quân Tây tiến, đánh một trận thu phục “An Tây tứ trấn” bị Thổ Phiên xâm chiếm đã hơn 20 năm, giải trừ được sự quấy rối của ngoại tộc đối với biên cương miền Tây. Sau đó lại nhiều lần xuất quân đánh bại xâm lược Thổ Phiên, đồng thời ở Châu Đình (nay là Cát Sa Mộc Nhĩ - Thanh Hải) thiết lập Đô hộ phủ, cùng với An Tây Đô hộ phủ chia việc quản hạt Nam, Bắc Thiên Sơn.

Về quân sự, Vũ Tắc Thiên đã kế thừa Phủ binh chế, đồng thời có phát triển. Bà coi trọng tích lũy lực lượng quân sự, hết sức chú ý tuyển chọn đề bạt tướng lĩnh quân sự, bồi dưỡng nhân tài quân sự. Vì vậy thời kỳ Vũ Chu đã có nhiều tướng lĩnh kiệt xuất ngăn chặn ngoại tộc, bảo vệ biên cương. Những người nổi tiếng trong sử sách có Địch Nhân Kiệt, Trình Vũ Đình, Đường Lâm Cảnh, Vương Hiếu Kiệt, Quách Nguyên Chấn, Hắc Xí Thường Chi, Bùi Hành Kiệt v.v...

Công tội mặc ý đánh giá, không có chữ nào làm chứng. Sau khi Vũ Tắc Thiên bước vào tuổi già, dưới sự thúc đẩy của quyền lực và tình dục, đã dùng một lũ gian thần xảo trá điêu ngoa, trong đó hai anh em Trương Xương Tôn, Trương Dị Chi là nổi tiếng xấu xa nhất. Hai người này vì quyền thế cam làm đĩ đực cho Vũ Tắc Thiên, đồng thời lợi dụng ân sủng làm uy, kết đảng mưu tư, quyền khắp triều đình, hại quốc hại dân. Bọn chúng đã đẩy nhanh sự xuống dốc từ đỉnh cao chính trị của Vũ Tắc Thiên lúc tuổi già.



Ngày 22 tháng giêng Thần Long nguyên niên (năm 705), Tể tướng Trương Giám Chi trải qua sự sắp xếp chu đáo bí mật, đã làm cuộc đảo chính cung đình, ông chia quân làm hai đường, đánh vào hoàng cung Lạc Dương, trước tiên giết chết bọn quyền thần Trương Xương Tôn, Trương Dĩ Chi v.v... rồi buộc Vũ Tắc Thiên nhường ngôi cho Lý Hiển đã được lập lại làm Thái tử. Trước gươm đao, Vũ Tắc Thiên đành phải đem ngôi báu truyền cho con trai Lý Hiển. Ngày thứ tư, Lý Hiển lên ngôi, đó là Trung Tôn, đổi lại quốc hiệu là Đường. Sự kiện này, lịch sử gọi là “Sự biến Ngũ Vương”.

Ngày 26 tháng 12, Thần Long nguyên niên (năm 705) Vũ Tắc Thiên ốm chết, hưởng thọ 82 tuổi. Vị nữ mưu lược phong vân một đời, mưu lược hơn người, bao dung rộng rãi, trước lúc lâm chung đã vì cuộc đời mình làm nốt một việc mưu hoạch cuối cùng. Trong lời dặn lại, bà đã nghiêm trang tuyên bố: Huỷ bỏ đế hiệu. Xưng là Tắc Thiên đại thánh hoàng hậu; bởi vì bà hiểu rõ rằng, dưới chế độ nam quyền phong kiến, người ta không vui lòng thừa nhận bà là vị nữ hoàng đế. Và điều càng làm cho người đời sau ca tụng và ngẫm nghĩ là bà đã dựng cho ngôi mộ của mình một “Tấm bia không chữ” từ xưa chưa từng có. Trong lịch sử có biết bao nhiêu đế, vương, tướng văn, tướng võ, trước khi chết, nói chung đều không quên vì mình mà ca tụng công đức, dựng bia để truyền lại. Còn bà thì chỉ để bia đá đứng không, một chữ cũng không ghi! Sự sáng suốt của bà là ở chỗ bà hiểu được: công, tội ngàn năm sẽ có công luận. Bà xứng đáng là một nhà nữ chính trị quyền mưu hơn người.

## **74. DỊCH NHÂN KIỆT**

### **KẾ HAY PHÒ VŨ CHU,**

### **MƯU SÂU KHÔI PHỤC ĐƯỜNG**

Địch Nhân Kiệt (năm 630 - 700), tự Hoài Anh người Châu Tinh, Thái Nguyên (nay là thành phố Thái Nguyên, Sơn Tây), xuất thân từ gia đình quan lại, ông nội là Địch Hiếu Tự, trong những năm Trinh Quán đã từng làm Thượng thư tả thừa, cha là Địch Tri Tồn, từng làm Trưởng sử châu Duệ. Địch Nhân Kiệt từ nhỏ hiếu học, hiểu rõ kinh nghĩa, trúng tuyển thi cử mà bước vào con đường làm quan. Trước tiên làm quan địa phương như Tham quân, Pháp Tào... sau đó làm quan chính trực, tài hoa hơn người, được Đường Cao Tông thưởng thức nâng chức về làm quan trong triều, đã từng giữ các chức Đại lý thừa, Thị ngự sử, Thị lang bộ công, Thượng thư tả thừa, Đô đốc, Thị trung, Trung thư lệnh (chức tể tướng) v.v... Sau khi chết được tặng Văn Xương hữu thừa tướng, thụy là “Văn Huệ”, truy tặng Tư Không, truy phong Lương Quốc Công.

Địch Nhân Kiệt là vị tể tướng nổi tiếng thời kỳ Vũ Tắc Thiên xưng đế, một trong những nhà chính trị kiệt xuất đời Đường. Ông trí tuệ hơn người, tài hoa xuất chúng, làm quan cương chính, gặp việc quả đoán, dám nói dám làm, lại nhiều mưu lược, vì dân tính kế, vì nước nghĩ mưu. Những kế sách dâng lên của ông đã làm Vũ Tắc Thiên một người trí tuệ thông minh, quyền mưu hơn người, khâm phục, khen là một nhà mưu lược kiệt xuất trong lịch sử Trung Quốc.

### **TÀI HOA, CAO TÔN TIN**

Địch Nhân Kiệt có kỳ tài. Nhưng tài hoa của ông là trải qua sự cố gắng của bản thân mà có được. Có ba mẫu chuyện nhỏ đủ để nói rõ. Thứ nhất, chuyên tâm học tập, nghiên cứu. Lúc còn ít tuổi, Địch Nhân Kiệt đọc sách vô cùng chuyên tâm, lại rất thông tuệ. Có một lần, nhà ông có một người làm phạm vào án công, huyện lại đến nhà ông điều tra, tìm hiểu, mọi người

trong nhà đều ân cần đón tiếp, chỉ có một mình Nhân Kiệt ngồi đọc sách không nghe không tiếp. Huyện lại trách ông vô lễ, Nhân Kiệt trả lời: Thánh nhân trong sách quá nhiều, tôi bận rộn ứng phó không hết, đâu còn thời gian để chú ý tới vị tục lại ngẫu nhiên đến nhà, ông hà tất trách tôi làm gì! Nói cho huyện lại im miệng không biết nói gì hơn. Hai là, rèn luyện ở cơ sở. Sau khi Nhân Kiệt hiểu rõ kinh nghĩa trúng tuyển, thời gian làm một chức quan nhỏ tầm thường ở địa phương rất dài, nhưng ông không hề oán thán, cương trực làm việc, rèn luyện mình. Còn bị người vu cáo mà ngồi tù. May mà được Thượng thư Bộ công - Diêm Lập Bản hiểu rõ chân tơ kẽ tóc, trong thăm vấn, không chỉ làm rõ ông bị oan mà còn phát hiện ông là người rất có tài năng, khen rằng: Trọng Ni nói quan sát lỗi lầm biết người nhân, ông có thể gọi là hòn ngọc dưới biển! Rồi tiến cử ông làm Pháp Tào phủ đô đốc châu Tính. Thời kỳ này, nhà Nhân Kiệt ở Hà Dương (nay là huyện Manh - Hà Nam), trên đường nhậm chức khi đi qua Thái Hành Sơn, nhân tưởng nhớ người nhà, đã đứng ở đầu núi rất lâu, rồi nói với tùy tùng: Người nhà ta ở dưới đám mây này đấy! Câu thành ngữ “mây trắng người thân” bắt nguồn từ đó, và đã trở thành một danh ngôn của các du tử xưa nay nhớ người thân! Ba là, nghĩa cảm đồng liêu. Khi Địch Nhân Kiệt nhậm chức Pháp Tào ở châu Tính, đồng liêu là Trịnh Sùng Chất nhận được mệnh lệnh đi sứ nơi biên giới xa xôi nguy hiểm, mà lúc này mẹ già đang ốm rất cần chăm sóc. Nhân Kiệt biết khó khăn của đồng liêu, nên đã chủ động xin với cấp trên là Lạn Nhân Cơ cho mình đi thay. Lúc đó Lạn đang có mâu thuẫn với Tư Mã Lý Hiếu Liêm, thấy Địch Nhân Kiệt nghĩa khí như vậy, xấu hổ là mình không bằng, liền chủ động tìm Lý giảng hòa. Sau khi nói với Lý Hiếu Liêm nghĩa cử của Địch Nhân Kiệt, Lạn Nhân Cơ cảm kích nói, chúng ta chẳng lẽ không xấu hổ sao? Thế là hai người lại hòa thuận như cũ.

Nghi Phụng nguyên niên (năm 676) do Địch Nhân Kiệt giữ chức ở cơ sở lâu dài, thành tích chính trị nổi bật, được Đường Cao Tôn bổ nhiệm làm Đại lý thừa, là quan thẩm phán lục phẩm, lúc này Địch Nhân Kiệt đã 47 tuổi. Sau khi nhận nhiệm vụ với lòng cương trực và tài năng trác việt, ông đã đi sâu xử lý các vụ án, rất được trăm họ ủng hộ và Cao Tôn khen ngợi,

sử ghi rằng, ông đã từng trong một năm giải quyết đọng án 17.000 người mà không có một người xin xét lại vì bị oan. Ông nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, ngay những vụ án do vua giao cũng phải làm theo luật.

Tháng 9 Nghi Phụng nguyên niên, Tả vệ đại tướng quân Quyên Thiện Tài chặt nhầm một cây bách ở Chiêu Lăng, theo luật phải xử cách chức, nhưng Cao Tôn yêu cầu Địch Nhân Kiệt xử trảm, ông một lần nữa tâu trước mặt vua, nói: Tội không đáng chết. Cao Tôn nổi giận biến sắc mặt nói: Thiện Tài chặt cây trên lăng, là làm ta bất hiếu, phải giết! Nhưng Địch Nhân Kiệt không hề sợ hãi, ông biết Cao Tôn là người dễ mềm lòng, trong đức, lễ, có thể nghe lời nói của người thiện, thế là ông dùng học thức uyên bác, bàn cổ luận kim, vừa nói bóng gió vừa đề cao quyết tâm dùng trí tuệ của mình thuyết phục Cao Tôn đừng xử oan. Ông nói: Thần nghe nói, ở thời Kiệt, Trụ thì khó, thời Nghiêu, Thuấn thì dễ. Nay thần may mắn ở thời Nghiêu, Thuấn nên không sợ như Tỉ Can bị giết. Thời Hán Văn (Đế) có kẻ trộm lấy vong ngọc ở miếu Cao Tổ, do Trương Thích Chi can gián, nên đã ngừng xử vứt xác ngoài đường. Ngụy Văn (Đế) muốn lưu đầy người, Tân Tỳ dẫn điển cố can ngăn, cũng thấy thu nhận và dùng. Minh chúa có thể dùng lý thuyết phục, trung thần không thể sợ vì uy hiếp. Nay bệ hạ không nghe lời thần, sau khi nhắm mắt, sẽ xấu hổ khi gặp Thích Chi, Tân Tỳ ở dưới đất!... Nay bệ hạ vì một cây bách ở Chiêu Lăng mà giết một tướng quân, sau ngàn năm, biết gọi bệ hạ là chúa như thế nào? Thần sợ dĩ không dám tâu giết Thiện Tài vì sợ đẩy bệ hạ vào chỗ bất đạo! Cao Tôn càng nghe càng thấy có lý vô cùng khâm phục lòng trung thành và trí tuệ của Địch Nhân Kiệt, lập tức tha tội chết cho Thiện Tài, mấy hôm sau, phong Địch Nhân Kiệt làm Thị Ngự sử.

Còn có một việc nữa khiến Cao Tôn càng khâm phục sâu sắc tài hoa của Địch Nhân Kiệt. Có một lần Cao Tôn đến cung Phần Dương (nay là huyện Tĩnh Lạc - Sơn Tây) lấy Địch Nhân Kiệt làm tùy sứ, trên đường khi đi qua chùa Đổ Nữ thì vùng này truyền đi tin đồn nhảm rằng, nếu ai mặc y phục đẹp để quý giá đi qua chùa Đổ Nữ, sẽ gặp họa gió to sấm lớn. Vì vậy Lý Xung Huyền, Trương Sử châu Tính quyết định sai vạn dân làm một ngự

đạo khác. Địch Nhân Kiệt biết rõ đó là tin đồn nhằm mê hoặc quần chúng, nếu làm một con đường mới sẽ lãng phí nhiều sức người, sức của, lại làm lỡ thời gian. Thế là ông không cho Lý Xung Huyền làm đường và cứ đi qua như thường. Cao Tôn biết việc đó, khen: Đúng là đại trượng phu vậy.

### **TRÍ MƯU TRÁNH TAI HOẠ**

Tháng 12, Hoǎng Đạo nguyên niên (năm 683), Cao Tôn ốm chết, Vũ Tắc Thiên biếm thái tử Lý Hiến chuẩn bị nối ngôi ra ngoài kinh đô để cho Lý Đán - người con trai không thể dùng được lên làm hoàng đế bù nhìn, còn mình lấy thân phận Thái hậu, lâm triều xưng đế, nắm lấy quyền bính. Lúc này, Địch Nhân Kiệt đang làm Thứ sử châu Ninh (nay là huyện Ninh - Cam Túc). Châu Ninh là vùng người dân tộc thiểu số và người Hán ở lẫn với nhau, quan hệ dân tộc phức tạp. Địch áp dụng chính sách đối đãi như nhau, làm công tác hòa mục đoàn kết, rất được các dân tộc ủng hộ, gọi ông là Địch sứ quân, coi đó như lập bia ghi chính đức. Do thành tích chính trị rõ rệt nên Địch Nhân Kiệt bắt đầu được Vũ Tắc Thiên chú ý.

Thùy Cung năm thứ tư (688), Vũ Tắc Thiên bổ nhiệm Địch Nhân Kiệt làm Thứ sử châu Dự. Trong nhiệm kỳ, trong việc xử lý những vấn đề còn lại của cuộc binh biến của nguyên Việt vương Lý Trinh (con trai Đường Thái Tôn), ông đã có mâu thuẫn với tể tướng Trương Quang Phổ. Một là xử lý như thế nào sáu, bảy trăm người bị buộc phải đi theo cuộc phản loạn và năm, sáu ngàn gia thuộc của họ bị liên quan. Trương Quang Phổ cho rằng đều là kẻ phản nghịch, phải giết hết. Địch Nhân Kiệt thì cho rằng họ là những “người bị liên lụy”, bị uy hiếp phải theo, chủ trương “tạm giam”. Để có thể báo cáo tình hình chân thực lên Vũ Tắc Thiên và cũng không để cho bọn Trương Quang Phổ có thể kiểm soát, ông đã dùng biện pháp mật tấu. Vũ Tắc Thiên đã tiếp thu một phần ý kiến của ông, đem những người này lưu đày ra châu Phong (nay là Tây Bắc Hà Thao Nội - Mông Cổ). Hai là, Trương Quang Phổ là nguyên suý đi dẹp cuộc phản loạn của Lý Trinh, tự cho mình là có công, dung túng cho tướng sĩ cướp đoạt trăm họ, yêu cầu Địch Nhân Kiệt phải nộp nhiều bổng lộc và cung cấp lương ăn, ông không đồng ý. Quang Phổ nổi giận hỏi: Dám khinh nguyên suý à? Địch Nhân Kiệt

không chịu thua, trả lời: Người làm loạn Hà Nam, chỉ có một Lý Trinh. Nay một Trinh chết mà có vạn Trinh sống! Quang Phổ chất vấn, là có ý gì? Địch Nhân Kiệt khảng khái nói: Quân sĩ của ông ba mươi vạn, dẹp một loạn thần, nay dẹp xong lại dung túng cho quân sĩ làm càn, người vô tội, gan óc đầy đường, đó chẳng phải là vạn Trinh ư? Trương Quang Phổ đuối lý không thể đối đáp nổi, nhưng mang mối hận trong lòng. Về triều tâu Nhân Kiệt không khiêm tốn, bị biếm làm Thứ sử châu Phục (nay là Miến Dương - Hồ Bắc).

Thực ra Vũ Tắc Thiên tỏ ý khen ngợi chính sách mà Địch Nhân Kiệt đã xử lý ở châu Dự, nhưng xuất phát từ quyền mưu chi kế, bà ta tạm thời biếm quan của Nhân Kiệt. Thiên Thụ nguyên niên (năm 690) Vũ Tắc Thiên lên ngôi xưng đế, Địch Nhân Kiệt liền được cử làm tể tướng. Vũ Tắc Thiên nói với ông: Khi khanh ở châu Dự, làm được nhiều việc tốt. Nhưng có người gièm pha làm hại khanh, khanh có muốn biết người đã gièm pha làm hại khanh không? Địch Nhân Kiệt rất thông minh, ông cao thượng trả lời: Bệ hạ cho là thần có lỗi, thần lấy đó sửa chữa, bệ hạ sáng suốt biết thần không có tội là hạnh phúc của thần vậy. Thần không biết người gièm pha. Vì bạn bè tốt, thần nguyện không muốn biết. Vũ Tắc Thiên khen Địch Nhân Kiệt là người kỳ dị.

Tháng giêng, Trường Thọ nguyên niên (năm 692), Vũ Thừa Tự (cháu trai Vũ Tắc Thiên) oán giận Địch Nhân Kiệt cương trực, sai người vu cáo ông mưu phản. Vũ Tắc Thiên nửa tin nửa ngờ, giao vụ án cho Lai Tuấn Thần thụ lý, nhưng dặn dò phải tìm ra chân tướng, không cho phép dùng hình phạt.

Lai Tuấn Thần là một viên quan lại độc ác nổi tiếng trong lịch sử, là chuyên gia bức cung, hấn không làm theo lời nói của Vũ Tắc Thiên, mà dùng biện pháp cũ của hấn là dùng hình phạt tàn bạo và mớm cung để buộc Địch Nhân Kiệt nhận là mưu phản. Điều này được Vũ Thừa Tự đứng đằng sau ủng hộ.

Địch Nhân Kiệt đối với con người Lai Tuấn Thần nắm vững như lòng bàn tay, quyết định dùng trí mưu để đối phó với hắn. Lai Tuấn Thần lừa ông, nói: Kẻ phạm tội lúc sơ thẩm nhận tội thì sẽ không bị xử tử hình. Địch Nhân Kiệt biết rõ đó là cái tròng, nhưng là hảo hán, ông đâu sợ điều không hay trước mắt, mà tương kế tựu kế, vui vẻ nhận tội nói: Cách mệnh đại Chu, muôn vật đều mới, cụt thần triều Đường đâu cam chịu sát hại, phản là thực. Lai Tuấn Thần không ngờ là Địch Nhân Kiệt lại dễ dàng mắc mưu như vậy, trong lòng rất phấn khởi, cho là có thể kết thúc vụ án, đợi thời gian xử tử Địch Nhân Kiệt. Thế là cho dẫn Địch Nhân Kiệt vào ngục, buông lỏng quản thúc. Địch Nhân Kiệt lợi dụng lúc quản thúc có sơ hở, dùng lót chặn viết thư kêu oan, đang lúc nghĩ cách làm thế nào để gửi đi thì vừa may có phán quan Vương Đức Thọ đến tìm ông, muốn dụ gạt Địch trong lời khai nếu liên quan hãm hại kẻ thù của mình là Dương Chấp Nhu, vì Dương đã từng là thuộc hạ của Địch. Là người giỏi mưu, Địch Nhân Kiệt dùng khổ nhục kế, không những không phải làm những điều hại người trái với ý trời mà còn lừa được Vương mang hộ bản khiếu nại của mình ra.

Bản khiếu nại của Địch Nhân Kiệt đã nhanh chóng đến tay Vũ Tắc Thiên, bà ta lập tức trách hỏi Lai Tuấn Thần vì sao lại dùng hình phạt bức cung. Lai Tuấn Thần chối cãi là không, còn tâu đối xử với Địch Nhân Kiệt rất tốt. Vũ Tắc Thiên đòi cử người đi điều tra, Lai Tuấn Thần hoảng sợ, vội sai thủ hạ chú ý thu xếp cho Địch Nhân Kiệt ăn mặc, ở được tốt, đồng thời yêu cầu Vương Đức Thọ làm giả “biểu cảm ơn cho chết” của Địch Nhân Kiệt, rồi dâng lên Vũ Tắc Thiên. Vũ Tắc Thiên cảm thấy sự việc có chỗ kỳ quái, liền thân triệu kiến Địch Nhân Kiệt. Bà ta hỏi ông vì sao tự nhận là mưu phản. Địch Nhân Kiệt thưa: Nếu lúc đó thần không nhận tội, đã bị bọn họ đánh chết từ lâu. Vũ Tắc Thiên lại hỏi vì sao viết “biểu cảm ơn cho chết”. Địch Nhân Kiệt cảm thấy kỳ lạ, trả lời: Thần không có biểu đó! Vũ Tắc Thiên sai người hầu mang biểu ra xem. Nhận kỹ thì là người khác viết thay. Thế là lập tức thả Địch Nhân Kiệt. Nhờ mưu trí mà ông thoát chết, nhưng bị giáng xuống làm Bành Trạch Lệnh.

## TÍNH MƯU KẾ VÌ NƯỚC



Tháng 5, Diên Tài năm thứ ba (năm 696) tộc Khiết Đan ở vùng châu Doanh (nay là vùng Cẩm Châu - Liêu Ninh) do không chịu được sự ngược đãi của quan lại biên thủy, đã khởi binh chống lại, tiến quân vào Quan Nội, vây châu U (nay phía Tây Bắc Kinh), uy hiếp châu Ký (nay là vùng Hoàng Thủy, huyện Ký - Bắc Kinh). Hà Bắc chấn động vì việc đó. Vào lúc nguy khó đó, Vũ Tắc Thiên lại dùng Địch Nhân Kiệt làm Thứ sử châu Ngụy (nay là Đại Danh - Hà Bắc). Sau khi đến nhận nhiệm vụ, Địch Nhân Kiệt dùng mưu kế cao sâu, thay đổi một cách quả đoán chính sách sai lầm của người tiền nhiệm, do sợ hãi Khiết Đan vào xâm lược, ra sức xua đuổi trăm họ vào thành, phòng ngự, tự thủ. Nay để cho trăm họ về với ruộng vườn, tăng cường sản xuất nông nghiệp, dân giàu kho đầy. Ông cho rằng giặc còn ở xa, không thể hốt hoảng tính toán sai lầm để làm lỡ sản xuất, còn nếu giặc kéo đến thì lấy ngay dân làm quân chống lại, vì thế không thể dựa vào việc xua đuổi trăm họ. Do chính sách dân giàu, ngăn giặc của ông đúng đắn, Khiết Đan không dám vào xâm lược, rồi dần dần binh lại phải rút lui. Trăm họ ca tụng công đức của ông, tranh nhau lập bia kỷ niệm. Không lâu, Địch Nhân Kiệt được Vũ Tắc Thiên triệu làm Thị lang Đài Loan, thêm Ngân Thanh Quang lộc đại phu, kiêm Nạp Ngôn, là tể tướng.

Sau khi làm tể tướng, chính tích của Địch Nhân Kiệt rất nổi bật, đã nêu được nhiều ý kiến hay cho sự thống trị của Vũ Tắc Thiên, mà chính sách cơ bản là hòa mục nơi biên thủy, dân giàu nước mạnh. Vì thế, ông đã từng dâng sớ khuyên Vũ Tắc Thiên không nên dời dân đến vùng quá hoang vu, chỉ ra rằng vũ lực xâm lược không phải là “thuật làm cho gốc vững, người yên”, chủ trương giao cho thủ lĩnh có uy vọng của dân tộc thiểu số cai quản vùng dân tộc thiểu số; an ninh biên giới, yên ổn bên trong là việc nên làm. Nhưng ông vẫn vô cùng coi trọng việc trấn thủ biên giới, mà sách lược là: quân biên giới phải phòng bị cẩn thận, tích lũy tinh nhuệ để đợi địch, đợi cho chúng tự đến, sau đó mới đánh, đó chính là điều Lý Mục kiềm chế Hung Nô vậy. Lấy nhàn rồi chống lại kẻ vất vả thì sức chiến đấu của quân sĩ tăng gấp bội; lấy chủ phòng khách thì ta được tiện lợi, tường vách vững, trang trại sạch, thì kẻ địch chả được gì! Tiếp đó, ông lại kiến nghị với Vũ

Tắc Thiên bỏ An Đông (nay là vùng thuộc Liêu Ninh và Triều Tiên), khôi phục họ Cao làm quan trưởng, ngừng việc vận chuyển ở Giang Nam, thăm hỏi kẻ lao dịch vất vả ở Hà Bắc. Sau vài năm, có thể yên người, nước giàu.

Khi các châu Triệu, Định (nay là vùng huyện Triệu, huyện Định - Hà Bắc) bị Đột Quyết xâm nhập quấy rối, Địch Nhân Kiệt thân làm nguyên soái đánh đuổi, tiếp đó lại giữ chức An Phủ đại sứ, phụ trách xử lý các công sai còn lại ở Hà Bắc (nay là dải Hà Bắc - Sơn Tây). Khi Đột Quyết xâm nhập, không ít người địa phương đi theo, quấy nhiễu quan phủ, sau khi Đột Quyết rút đi, sợ bị liên lụy, chạy trốn ra ngoài, không ít đại thần trong triều chủ trương truy đuổi nghiêm, trấn áp. Địch Nhân Kiệt dâng sớ không đồng ý, đồng thời đề xuất chủ trương nhìn xa thấy rộng của mình, áp dụng chính sách khoan dung, không truy hỏi kẻ buộc phải theo đuổi, ông đã chỉ ra tính cách và nguyên nhân bị uy hiếp của người địa phương. Vũ Tắc Thiên tiếp tục kế sách cao của ông, kết quả là người địa phương bỏ trốn đã nhanh chóng quay về, lòng dân ổn định.

Sách lược triệu dụng võ về kẻ yếu, không chỉ làm ổn định nhân dân nội địa và còn gây được ảnh hưởng sâu sắc đối với các dân tộc thiểu số ở xung quanh. Sau khi bình định được các dân tộc thiểu số Khiết Đan, Đột Quyết xâm nhập, ông ra sức khuyên Vũ Tắc Thiên gạt bỏ những lời bàn tán của mọi người, đối với các nhân vật và các tướng có tên tuổi đã đầu hàng hoặc bị bắt sống thì không nên tính tội trước, không xử tử mà còn giao cho chức quan, những người lấy công chuộc tội, thì cũng như người Hán, được tặng thưởng phong tước. Kết quả nhiều thủ lĩnh và tù trưởng dân tộc thiểu số lũ lượt về đầu hàng Đường, như Lý Giai Cố, Lạc Vụ Chính nguyên đều vốn là thủ lĩnh Khiết Đan, dẫn quân xâm lược Đường, sau khi thua đầu hàng, Địch Nhân Kiệt tâu lên giao cho nhiệm vụ nặng nề, sau này hai người đều lập chiến công được đề bạt làm đại tướng quân. Lý Giai Cố còn được phong tước Yến Quốc Công. Thời Đường là thời kỳ điển hình của sự hòa vào nhau và đại đoàn kết giữa các dân tộc trong lịch sử Trung Quốc. Chính sách hòa mục dân tộc do Địch Nhân Kiệt chủ trương và chấp hành đã có tác dụng quan trọng trong đó.

## MƯU XA KHÔI PHỤC LÝ ĐƯỜNG

Chính tích và những điều Địch Nhân Kiệt đã làm sau khi giữ chức tế tướng cho thấy ông là người ủng hộ việc Vũ Tắc Thiên xưng đế và người chấp hành chính sách và vì vậy ông cũng trung thành với bà ta. Nhưng là một nhà chính trị nhìn xa, ông đã nhìn thấy vấn đề sau Vũ Tắc Thiên. Về điểm này, đầu óc ông đã tinh táo hơn so với Vũ Tắc Thiên. Ông biết, trong xã hội phong kiến, phụ nữ làm vua là việc đại nghịch bất đạo, chỉ có thể là hiện tượng ngẫu nhiên. Sau Vũ Tắc Thiên ai làm hoàng đế là một vấn đề lớn quan hệ đến vận mệnh quốc gia. Xuất phát từ lòng lo nước lo dân và tư tưởng chính thống, Địch Nhân Kiệt nhận định rằng chỉ có đời sau họ Lý kế nhiệm thì đất nước mới có thể ổn định. Nhưng ý tưởng này ông lại không có thể nói thẳng với Vũ Tắc Thiên, vì trong vấn đề người thừa kế, Vũ Tắc Thiên vẫn trước sau do dự không quyết. Do vậy Địch Nhân Kiệt chỉ có thể dùng mưu lược cao siêu của mình để thực hiện. Lịch sử đã chứng minh, mưu lược và sự cố gắng của ông là thành công trong sự khôi phục Lý Đường và sự trung hưng của nhà Đường, Địch Nhân Kiệt có công lao lớn.

Thứ nhất, dùng phương lược trị quốc ảnh hưởng Vũ Tắc Thiên. Với thân phận phụ nữ, Vũ Tắc Thiên đoạt được ngôi vua quả không dễ. Vì vậy, trong thời kỳ đầu nắm quyền, bà dùng chính sách áp buộc cao. Sau khi Địch Nhân Kiệt làm tế tướng, đã thi hành chính sách hòa dịu, đồng thời lấy đó để ảnh hưởng đến Vũ Tắc Thiên, biến chính trị tàn bạo lạm sát sang chính trị khai minh, bỏ bọn quan lại độc ác dùng người hiền tài. Trong việc xây dựng chính trị bên trong ông chủ trương phát triển sản xuất, làm giàu cho trăm họ, giữ vững ổn định xã hội, ông phản đối lãng phí xa hoa và mê tín quỷ thần, đã từng chủ trương dỡ bỏ miếu, chùa quá nhiều và khuyên can Vũ Tắc Thiên ngừng xây dựng tượng Phật lớn, tiết kiệm được cho kho nhà nước hàng chục vạn lượng. Trên mặt biên phòng và ngoại giao, ông phản đối dùng vũ lực xâm lược, chủ trương ăn ở hòa mục với nhau, tăng cường phòng ngự. Một loạt phương châm chính xác đó đã làm cho Vũ Tắc Thiên nhiều mưu, kiêu ngạo đã tín phục ông sâu sắc, gọi ông là “quốc bảo”, sau khi ông chết đã cảm thán rằng triều đình trống không rồi.

Hai là khuyên Vũ Tắc Thiên giao bớt quyền. Có thể là vì sợ bị người lạm quyền đánh đổ, nên sau khi xưng đế, Vũ Tắc Thiên rất tập trung quyền lực, ngay đến Thái học sinh xin phép nghỉ cũng phải tự mình xét duyệt. Sau khi Địch Nhân Kiệt làm tể tướng, đã ra sức khuyên Vũ Tắc Thiên giảm bớt quyền, điều đó vừa làm Vũ Tắc Thiên giảm nhẹ gánh vác, mà cũng là vì để chuẩn bị chính trị khai minh và vấn đề thừa kế. Ông tâu với Vũ Tắc Thiên là chúa một nước, nắm chắc những việc lớn quan hệ đến sống chết là được rồi, còn những công việc nói chung, nên để cho các ngành có liên quan xử lý. Nếu việc nào cũng đều muốn quản, ngay chỉ thái học sinh đã trên một ngàn người, ngay đến chiếu thư bệ hạ cũng gửi không đến. Vũ Tắc Thiên tiếp thụ ý kiến của ông, từng bước giao bớt quyền, người nào chịu trách nhiệm của người nấy, không còn chuyện việc không cần phân lớn nhỏ đều do một mình bà quyết nữa.

Thứ ba, ra sức khôi phục Lý Hiến làm Thái tử. Đây là cốt lõi trong việc mưu lược khôi phục nhà Đường của Địch Nhân Kiệt. Vì việc này ông đã cố gắng tối đa, nghĩ rất nhiều biện pháp. Một là lợi dụng hai người họ Trương, đó là hai anh em ruột Trương Dị Chi, Trương Xương Tôn, hai người này đều là dĩ được được Vũ Tắc Thiên ân sủng, tín nhiệm được vinh thăng, quyền quý chấn động cả thiên hạ. Vũ Thừa Tự muốn làm Thái tử, để mưu nghiệp đế, đã không ngừng tiếp cận mua chuộc hai anh em họ Trương. Địch Nhân Kiệt cũng nhìn thấy tính quan trọng của hai anh em họ Trương, quyết tâm nghĩ kế để bắt chúng phục vụ cho mình. Ông là tể tướng nhất phẩm trong triều, hai anh em họ Trương là kẻ mới phát lớn, bọn chúng sợ rằng sau Vũ Tắc Thiên, cuộc sống sẽ khó qua khỏi, nên muốn thỉnh giáo Địch Nhân Kiệt vì chúng mà đưa ra “thuật tự yên”. Địch Nhân Kiệt nói với chúng: Biện pháp duy nhất là thúc giục Vũ Tắc Thiên khôi phục Lý Hiến làm Thái tử, sau này được nối ngôi, các anh là công thần, tự nhiên được an toàn. Hai anh em họ Trương quả nhiên tiếp nhận, cũng khuyên Vũ Tắc Thiên lập Lý Hiến làm Thái tử.

Hai là dùng quan hệ tốt đẹp của mình với Vũ Tắc Thiên để quan sát ý hướng của Vũ Tắc Thiên. Khi Vũ Tắc Thiên để lộ ra lo lắng về người thừa

kế, ông đã không làm giống như các đại thần khác, nói thẳng vào việc đòi Vũ Tắc Thiên phải lập ngay Lý Hiến làm Thái tử, để gây ra phản cảm cho Vũ Tắc Thiên, mà dùng cách vu hời dấn dặt, nói Lý Hiến ở ngoài đã sửa chữa sai lầm thi hành đức chính như thế nào và còn rất nhớ Vũ Tắc Thiên... để gợi lên tình mẫu tử cốt nhục của bà ta. Có một lần, với tâm tình cực kỳ không yên, Vũ Tắc Thiên nói với các đại thần rằng bà ta vừa nằm mộng gặp một con anh vũ rất đẹp, nhưng hai cánh đều bị chém đứt và yêu cầu các đại thần giải mộng. Mọi người có mặt đều im lặng không nói. Thấy là cơ hội tốt, Địch Nhân Kiệt giải thích: Thần nghĩ rằng con anh vũ to và đẹp đó chính là bệ hạ, vì bệ hạ họ Vũ! Vũ Tắc Thiên thường tự ví mình với con chim anh vũ, vì vậy đã gật đầu trước lời giải thích của Địch Nhân Kiệt. Địch Nhân Kiệt nói tiếp: Hai cánh, là hai con trai bệ hạ vậy! Hiện nay họ đều đang ở vào địa vị tù đày, đó chính là ý hai cánh bị chém đứt. Con anh vũ không có cánh sẽ không thể bay được, bệ hạ khởi dựng hai con trai, chim anh vũ sẽ nhờ có cánh mà bay được! Vũ Tắc Thiên trầm tư không nói gì, các đại thần theo đó cũng khuyên Vũ Tắc Thiên lập ngay Lý Hiến làm Thái tử. Trong tình hình mọi người bàn luận sôi nổi, vào năm Thánh Lịch nguyên niên (năm 698) Vũ Tắc Thiên lặng lẽ cho đón Lý Hiến từ Lỗ Lãng về cung, có ý lập làm vua nối ngôi (trữ quân) nhưng vẫn còn chưa hạ quyết tâm. Sau khi biết tình hình, Địch Nhân Kiệt lập tức đến gặp Vũ Tắc Thiên tâm tình. Ông khẳng khái, xúc động rơi lệ trình bày việc một đất nước cần phải lập một trữ quân có uy vọng, nhân dân mới được lạc nghiệp, xã hội mới có thể ổn định. Nói đến mức Vũ Tắc Thiên phải luôn luôn gật đầu, cảm động thực sự, lập tức tỏ thái độ, nói: “Trả Khanh trữ quân” rồi gọi Lý Hiến ra gặp Địch Nhân Kiệt, ông lập tức quỳ xuống đất cúi đầu chào, lại kiến nghị Vũ Tắc Thiên dùng lễ lớn công khai đón lập Lý Hiến làm Thái tử. Vũ Tắc Thiên xuống chiếu cho làm. Ba là củng cố địa vị của Lý Hiến, trong một lần bình loạn phản kích quân Đột Quyết xâm nhập, Địch Nhân Kiệt đã đề nghị Lý Hiến làm nguyên soái, còn ông làm phó nguyên soái. Dưới sự chỉ huy vạch mưu lược của Địch Nhân Kiệt, thành tích dẹp loạn rõ rệt, uy vọng của Thái tử do vậy mà tăng lớn.

Thứ tư, giới thiệu bề tôi giỏi. Địch Nhân Kiệt biết rõ, muốn khôi phục thiên hạ của họ Lý và củng cố chính quyền triều Đường, cần phải có một loạt lớn tướng văn, tướng võ có tài phò tá. Vì vậy sau khi ông làm thị trung và trung thư lệnh, ông đã không ngừng giới thiệu với Vũ Tắc Thiên danh thần, tướng giỏi. Nổi tiếng có Trương Giản Chi, Hằng Ngạn Phạm, Kính Huy, Đậu Hoài Trinh, Diêu Sùng, Lý Giai Cố, Lạc Vụ Chính v.v... trong đó Trương Giản Chi là quan trọng nhất. Có một lần, Vũ Tắc Thiên yêu cầu giới thiệu một “hào hán” có tài tế tướng, nguyên soái, Địch Nhân Kiệt đã giới thiệu Trương Giản Chi thứ sử châu Hình, đã quá 70 tuổi, nói ông có tài tế tướng. Nhưng Vũ Tắc Thiên chỉ thăng ông làm Tư mã châu Lạc. Sau một thời gian, Vũ Tắc Thiên lại yêu cầu Địch Nhân Kiệt giới thiệu người có tài cao. Địch Nhân Kiệt nói: Thần đã giới thiệu Trương Giản Chi rồi! Vũ Tắc Thiên nói: Ta đã thăng hãn làm Tư mã. Địch Nhân Kiệt thưa: Thần giới thiệu là để làm tế tướng, chứ không phải là Tư mã nói chung. Vũ Tắc Thiên còn chưa nghe theo, nhưng đã điều Trương Giản Chi về triều và thăng làm Thu quân thị lang.

Và cũng chính là Trương Giản Chi, người được Địch Nhân Kiệt hai lần giới thiệu làm tế tướng vào năm thứ tư sau khi Địch Nhân Kiệt mất đã lên làm tế tướng ở tuổi tám mươi, đồng thời là người đứng đầu việc phát động cuộc đảo chính cung đình mà sử gọi là “Sự biến năm vương” buộc Vũ Tắc Thiên nhường ngôi, xuống đài, phò Lý Hiễn lên ngôi vua, giang sơn Lý Đường được khôi phục, củng cố phát triển, có tác dụng thúc đẩy trong lịch sử.

Địch Nhân Kiệt không âm mưu, nhưng mưu lược của ông vừa cao vừa sâu, rất đáng để người sau học tập rút kinh nghiệm.

## 75. TỔNG CẢNH

### **KHUYÊN CAN THÌ MẠNH, THI CHÍNH THÌ KHOAN**

Tổng Cảnh (năm 663 - 737) người Nam Hòa, châu Hình (nay là vùng Hình Đài - Hà Bắc). Từ nhỏ hiếu học, đỗ tiến sĩ. Đã từng giữ các chức Phụng các xá nhân, Tả ngự sử đài trung thừa, Lại bộ thị lang kiêm Giám nghị đại phu, Lại bộ thượng thư kiêm hữu thứ tử, Hình bộ thượng thư, Hoàng môn giám, Thượng thư hữu thừa tướng v.v... Nhà chính trị và nhà mưu lược thời kỳ Trung Đường, trong thời gian chấp chính đã hết sức loại bỏ các tệ hại có trước, lựa chọn, đề bạt nhân tài, khoan sưu dịch, giảm hình phạt, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, có cống hiến đột xuất cho thời “thịnh trị Khai Nguyên”.

### **NÓI THẰNG CAN NGĂN, KHÔNG TRÁNH KẸ GIAN NGƯỜI ÁC**

Tổng Cảnh chính trực với người, do nói thẳng can ngăn nên đã được Vũ Tắc Thiên kính trọng sâu sắc. Vào thời kỳ cuối chấp chính của Vũ Tắc Thiên, gian thần Trương Dị Chi và em là Trương Xương Tôn chuyên quyền trong triều. Trương Dị Chi vu cáo ngự sử đại phu Ngụy Nguyên Trung có “lời nói không thuận”, yêu cầu Trương Thuyết, Phụng các xá nhân làm chứng về việc đó. Trước khi bị buộc phải ra triều đình làm chứng, trong lòng Trương Thuyết hoảng sợ không yên. Tổng cảnh nói với ông ta: Danh nghĩa là quan trọng nhất, đạo thần khó lừa gạt. Nhất định không nên kết đảng với người tà ác để hãm hại người tốt, để cầu được miễn (tội). Nếu méch lòng Vũ Tắc Thiên mà bị đi đày thì danh dự của ông càng tốt. Nếu có điều không lường được, tôi tất khấu đầu cứu ông, sẽ cùng chết với ông. Hãy cố gắng, muôn đời chiêm ngưỡng là ở hành động này vậy. Trương Thuyết cảm động vì lời nói, trước mặt Vũ Tắc Thiên đã ra sức bảo vệ Ngụy Nguyên Trung được thoát chết.



Trương Xương Tôn mời người xem tướng, khi xem vận cát hung đã có lời nói mưu phản, bị người cáo giác. Tại triều, Tông Cảnh tấu, xin trị tội Trương Dị Chi, Trương Xương Tôn. Vũ Tắc Thiên nói: Bọn Dị Chi đã tự tấu ta nghe, không thể kết tội. Tống Cảnh nói: Bọn Dị Chi việc bại lộ mới nói, tình khó tha thứ. Hơn nữa mưu phản là đại nghịch, không có dung miễn. Xin giao Ngự sử đài xét, để làm sáng phép nước. Thần biết nói ra là họa đi theo, nhưng chết không hận. Vũ Tắc Thiên không vui. Nội sử Dương Tái Tư sợ Tống Cảnh méch lòng Vũ Tắc Thiên, vội đọc sắc chỉ lệnh Tống Cảnh hạ triều. Tống Cảnh nói: Thiên nhan gần gũi, thấy rõ đức ân; chẳng dám phiến tế thần tuyên đọc vương lệnh! Ý giận của Vũ Tắc Thiên tiêu tan, ra lệnh bắt giam anh em Trương Dị Chi ở Ngự sử đài, sau đó lại đặc xá tha cho, đồng thời bảo anh em Trương Dị Chi đến phủ của Tống Cảnh để cảm ơn. Tống Cảnh từ chối không gặp, nói việc công nên nói lời công, nếu gặp riêng, thì luật pháp khó vô tư vậy. Sau khi Trung Tôn khôi phục địa vị, khen Tống Cảnh chính trực, ra lệnh cho kiêm Giám nghị đại phu. Lúc đó Vũ Tam Tư cháu Vũ Tắc Thiên nhờ được yêu, nắm quyền. Hấn sợ hãi Tống Cảnh trượng nghĩa, khăng khăng giữ lời, vì vậy đến thăm riêng Tống Cảnh để được chiếu cố. Tống Cảnh nghiêm sắc mặt nói: Ngày nay nhà vua sáng suốt, vương (Vũ Tam Tư được phong Lương Vương) chỉ nên lo việc phủ đệ, tham gia triều chính làm gì? Không lâu, Vi Nguyệt Tướng, người Kinh Triệu (nay là Tây An - Thiểm Tây) tố giác Vũ Tam Tư và Vi hoàng hậu tư thông, sẽ tạo thành tai họa cho triều đình. Vũ Tam Tư biết được trước tin người tố cáo hấn, liền ra lệnh cho người tấu lên trên Vi Nguyệt Tướng, “đại nghịch bất đạo”. Trung Tôn ra lệnh giết Vi Nguyệt Tướng. Sau khi biết tin, Tông Cảnh tấu xin Trung Tôn xem kỹ lại nguyên uỷ vụ án, sau đó xử lý theo pháp luật. Sau khi hiểu được chân tướng, Trung Tôn tha cho Vi Nguyệt Tướng tội chết, nhưng vẫn đày đi Lĩnh Nam.

## **CHỌN NGƯỜI TÀI LÀM QUAN, LẤY HAY BỎ CÔNG BẰNG**

Thời đại Vũ Tắc Thiên và Trung Tôn, Nhuệ Tôn, tình hình ngoại thích và các công chúa can dự việc triều chính rất nghiêm trọng. Công chúa Thái

Bình, con gái Vũ Tắc Thiên, giống tính mẹ, vào năm Cảnh Vân nguyên niên (năm 710) đã tham dự cuộc đảo chính cung đình do Lý Long Cơ (Huyền Tôn) phát động, giết Vi hoàng hậu và An Lạc công chúa, lập Nhuệ Tôn. Bà ta tự mình xây dựng quan thuộc, khống chế triều chính, phần lớn tể tướng đều xuất thân từ môn hạ, sau lại âm mưu phế bỏ Thái tử Lý Long Cơ. Lúc đó Tổng Cảnh đang làm Lại bộ thượng thư cho rằng: Đông cung (chỉ Lý Long Cơ) có công lớn trong thiên hạ, thực sự là chủ của tôn miếu xã tắc. Vì vậy ông cùng Diêu Sùng, tể tướng lúc đó tâu lên Nhuệ Tôn, để công chúa Thái Bình rời Trường An đi Đông Đô Lạc Dương. Nhưng do Lý Long Cơ sợ méch lòng công chúa Thái Bình nên đã tâu xin Nhuệ Tôn giáng Tổng Cảnh xuống làm Thứ sử châu Sở.

Sau khi nổi ngôi, Huyền Tôn (Lý Long Cơ) lại điều Tổng Cảnh về làm Lại bộ thượng thư, phụ trách việc lựa chọn và đề bạt nhân tài. Tổng Cảnh “ra sức thay đổi những tật bệnh trước”, tuyển chọn đề bạt nhân tài trong sĩ, thứ dân. Ông còn huỷ bỏ tập quán xấu dựa vào quyền quý để được thăng chức phong tước. Quan lại địa phương đương thời, thường mượn cơ hội về kinh tâu việc với triều đình để hối lộ nhờ vả nhiều nơi, để cầu được đổi, chuyển sang chức vị tốt. Tổng Cảnh tâu xin và được Huyền Tôn đồng ý, làm là các quan viên về triều đình tâu việc, sau khi tâu xong phải về ngay vị trí cũ, không được lưu lại kinh đô. Nhưng đối với những vất vả của quan lại địa phương, Tổng Cảnh cũng rất lượng thứ. Mùa thu Khai Nguyên năm thứ năm (717) Tổng Cảnh đi theo Huyền Tôn đến thăm đông đô Lạc Dương, khi đi đến Hào Cốc - Vĩnh Ninh (nay là trong phạm vi Lạc Ninh, Hà Nam) do đường đi quá hẹp, xe cộ chen chúc không thể qua được. Huyền Tôn cả giận, hạ lệnh cách chức Hà Nam doãn của Lý Triều Ẩn và Tri Đồn Sứ của Vương Di, Tổng Cảnh dâng sớ tâu: Bệ hạ nhân đường sá chật hẹp mà xử tội hai quan, sợ rằng người sau sẽ khó. Xin cho hai quan đó mang tội về triều, sau đó lại chiếu phục chức, như vậy tiến thoái đều được! Huyền Tôn rất vui lòng đề nghị đó.

**NHỆ THUẾ, GIÁM HÌNH,  
THƯƠNG XÓT DÂN CHÚNG**

Phần lớn thời gian là Tổng Cảnh làm quan trong triều, nhưng có một thời gian bị giáng xuống địa phương làm quan châu. Mỗi khi đến địa phương nào, ông đều hết sức giảm thuế, dịch, nhẹ hình phạt, thương xót dân tình, phát triển sản xuất. Khi Tổng Cảnh làm Thứ sử ở châu Bối, đúng vào lúc địa phương đó gặp thủy tai, trăm họ đói rách. Ông đã hết sức cứu tế nạn dân. Còn Ấp Phong của Vũ Tam Tư ở châu Bối, hãm lại sai người về thúc giục nộp tô thuế. Tổng Cảnh rất giận kiên quyết “chống lại không cho”. Tổng Cảnh làm quan thanh liêm, thường thâm nhập vào dân gian. Khi làm đô đốc Quảng Châu, nơi đó vẫn dùng tre cỏ làm nhà vì vậy hay bị cháy. Ông dạy người dân địa phương nung đất làm gạch ngói, đổi cách làm nhà. Từ đó không xảy ra cháy lớn nữa. Dân địa phương rất cảm ơn ông, dựng bia đá ghi nhớ công lao của ông. Tổng Cảnh còn hết sức tiết kiệm, phản đối xa hoa. Khai Nguyên năm thứ bảy, Vương Giáo, khai phủ Nghi Đồng Tam Ti ốm chết, con trai là phò mã Vương Thủ Nhất xin Huyền Tôn cho phép xây mộ cho Vương Giáo cao bằng mộ của bố Đậu hoàng hậu (cao năm trượng một thước). Liên hệ với tình hình quan trường đương thời, “xa hoa tương đối cao”, Tổng Cảnh cho rằng, quan lại sau khi chết mà “huyết vàng, áo ngọc”, “mộ cao tẩm lớn” là phí của làm mệt dân, mà còn so sánh với nhau, thực không thể chấp nhận được. Ông chủ trương đặt ra chế độ, ngăn chặn thói quen xấu chôn sâu mộ cao. Huyền Tôn tiếp nhận kiến nghị của ông. Khai Nguyên năm thứ tám Quyền Lương Sơn, người kinh Triệu mưu phản, sau khi thất bại bị giết. Triều đình điều Vương Di, Hà Nam Y đến Trường An phụ trách xử lý dư đảng của Quyền Lương Sơn. Sau khi nhận chức, Vương Di đến chỗ nào là bắt người, làm liên lụy đến rất nhiều người, các nơi giam giữ đầy người bị nạn, do vậy vụ án này mất khá nhiều thời gian mà không giải quyết xong, đã ảnh hưởng đến ổn định xã hội và phát triển kinh tế. Huyền Tôn xuống chiếu, lệnh Tổng Cảnh kiêm nhiệm Lưu thủ kính Triệu, chuyên xử lý vụ án này. Sau khi nhận nhiệm vụ, qua điều tra, Tổng Cảnh chỉ trị tội một vài người trong đó đã từng cùng sách hoạch mưu phản với Quyền Lương Sơn, còn những người khác do bị lừa bịp, xúi giục uy hiếp phải theo, đều thả hết. Huyền Tôn cho rằng xử lý như vậy rất thỏa đáng, nên càng tin nhiệm Tổng Cảnh. Ông yêu cầu Tổng Cảnh phải “Nói

nhieu về được mất” rồi đem những lời dâng lên của Tổng Cảnh để ở trên toạ bên phải, ra vào xem cho tiện, để răn mình.

## 76. LÝ TIẾT

### CÓ PHÉP TỰ BẢO VỆ, MƯU LẠ NHIỀU LẦN DÂNG

Lý Tiết (năm 722 - 789) tự Trường Nguyên, người Kinh Triệu (nay là thành phố Tây An, Thiểm Tây) có trí tuệ từ nhỏ, 7 tuổi đã biết ngâm thơ làm phú. Do rất nổi tiếng, Đường Huyền Tôn sai người gọi đến thử tài. Lý Tiết triều kiến, lễ nghi nhàn nhã. Lúc này Huyền Tôn đang đánh cờ với Yến Quốc công Trương Thuyết, liền hạ lệnh cho Trương Thuyết ra đề. Trương Thuyết bảo ông làm bài phú “Vuông, tròn, động, tĩnh” đồng thời chỉ vào bàn cờ để trên bàn nói: Vuông là bàn cờ, tròn là quân cờ, động là đánh cờ, tĩnh là cờ chết. Nhưng ông sợ Lý Tiết mới 7 tuổi không hiểu, liền giải thích: Ta mượn vuông, tròn, động, tĩnh của bàn cờ làm ví dụ, cháu tự làm bài phú bốn chữ vuông, tròn, động, tĩnh, không được nệ vào cờ mà nói. Lý Tiết trả lời: Hiểu được. Rồi nói: Vuông là hành nghĩa, tròn là dùng trí, động là mời hiền, tĩnh là đặc ý. Trương Thuyết nghe nói, rất kinh ngạc, đứng dậy vái chào triều đình được thân đồng. Nhà vua vô cùng phấn khởi lệnh đưa vào Viện hàn lâm đọc sách. Khi lớn lên, liền thưởng cho làm bạn áo vải với Thái tử, cùng thái tử Lý Hưởng đọc sách, bàn luận, vui chơi. Do thái tử rất kính mến ông nên đã làm cho bọn Lý Lâm Phủ, Dương Quốc Trung ghen ghét.

Lý Tiết liền xin về, ở ẩn tại Dĩnh Dương. Loạn An Sử Đường Huyền Tôn chạy về thành đô, thái tử Lý Hưởng lên ngôi ở Linh Vũ, xưng là Túc Tôn. Khi Túc Tôn lên ngôi, các quan văn, võ không được 30 người, trong đó không có nhân tài đột xuất nào, quanh ông chỉ có hai người - ái thiê Trương Lương Đệ và hoạn quan Lý Phủ Quốc. Túc Tôn nhớ đến bạn cũ Lý Tiết, liền sai người triệu ông tới, lúc đó mới coi là có trợ thủ đặc lực. Lý Tiết là nhân vật đặc biệt sinh ra trong hoàn cảnh đặc biệt thời Trung Đường. Ông đã trải qua bốn triều Đường Huyền Tôn, Đường Túc Tôn, Đường Đại Tôn,

Đường Đức Tôn, cho dù ba đời vua sau hôn ám, nhưng ông đã dùng trí mưu của mình để bổ cứu và cống hiến; mặc dù bọn gian thần ghen ghét hãm hại, nói chung ông đều dùng trí thuật tránh khỏi tai họa. Phương pháp chủ yếu để ông xử lý thời loạn là: Một, không cầu làm quan, tự cho là bạn bè của hoàng đế, tiến lùi tương đối tự do. Hai, công khai nói chuyện thần tiên, quái dị, tự cho là người ngoài đời, sinh hoạt đạ m bạc, người đời không bàn tán được gì. Lý Tiết đã tự giác tránh khỏi tậ ham danh lợi phò tá triều Đường, đã có cống hiến trọng đại trong việc tiếp diễn của đế quốc Đường, là một đại thần mưu trí rất có tính đại biểu.

## **CÙNG NGỒI GIƯỜNG NGỰ,**

### **DẪN DẮT TÚC TÔN**

Lý Tiết thường xuyên cùng Túc Tôn bàn luận về đại sự hưng, vong, thành, bại trong thiên hạ, vì Túc Tôn bày mưu tính kế, Túc Tôn rất phấn khởi muốn phong chức quan. Lý Tiết kiên trì không nhận, nguyện làm khách nhân. Lý Tiết tuy chưa làm quan nhưng vào thì bàn việc nước, ra thì bồi xe vua, mọi việc bốn phương thuyê chuyển, cách chức tướng văn, tướng võ đều có Tiết tham dự. Con trai Túc Tôn là Kiến Ninh Vương Đàm, từ sau sự biến Mã Ngôi Pha, luôn luôn đi cùng Túc Tôn, giữa đường gặp giặc cướp thường chọn kiêu dũng huyết chiến để bảo vệ Túc Tôn. Túc Tôn không thể ăn cơm đúng giờ, anh ta buồn bã mà rơi nước mắt. Vì vậy Túc Tôn muốn cử Đàm làm nguyên soái binh mã thiên hạ, để thống lĩnh các tướng đông chinh. Lý Tiết nói với Túc Tôn: Kiến Ninh Vương rất xứng đáng làm nguyên soái, nhưng Quảng Bình Vương là trưởng, nếu Kiến Ninh Vương thành công, chẳng lẽ để Quảng Bình Vương làm Ngô Thái Bá ư? Túc Tôn nói: Quảng Bình Vương đã được làm người nối dõi, hà tất phải lấy nguyên soái làm trọng? Lý Tiết thưa: Quảng Bình Vương chưa chính thức lập làm Đông cung, nay vào lúc khó khăn, lòng người nghiêng theo nguyên soái, nếu Kiến Ninh Vương thành công thì sắp xếp Quảng Bình Vương như thế nào. Túc Tôn nghe ý kiến của Lý Tiết, lấy Quảng Bình Vương làm nguyên soái binh mã thiên hạ. Các tướng đều thuộc về phủ nguyên soái.

Do Lý Tiết không chịu tiếp thụ chức quan, Đường Túc Tôn đã đặc biệt lập ra danh hiệu Thị mưu quốc quân, nguyên soái phủ hành quân Trưởng sử, để Lý Tiết dùng danh hiệu đó xử lý việc quân. Lý Tiết dự tính tình hình quân sự, nói với Đường Túc Tôn, trong cuộc phản loạn An Lộc Sơn chỉ có phiêu tướng xuất lực vì hãn, người nước ta chỉ có mấy người như bọn Cao Thượng v.v... còn lại đều do ép buộc phải theo. Theo tính toán của tôi: Dùng binh hai năm là có thể tiêu diệt quân phản loạn. Ông đã vì Túc Tôn quy định một kế hoạch dùng quân rất tốt, chủ yếu là lệnh cho Lý Quang Bật ra Tĩnh Kinh, Quách Tử Nghi vào Hà Đông, làm cho Sử Tư Minh, Trương Thư Trung đại tướng của An Lộc Sơn không dám rời Phạm Dương, Thường Sơn và An Thư Trung, Điền Càn Chân không dám rời Tây kinh Trường An. Như vậy, đại tướng đi theo An Lộc Sơn giữ động Kinh Lạc Dương chỉ còn lại A Sở Na Thừa Khánh. Sau khi Quách Tử Nghi vào Hà Đông, không cho hãn tiến lấy Hoa Âm, để cho con đường Đông Tây giữa hai kinh được thường xuyên thông suốt. Quân triều đình đóng ở Phù Phong, chia lượt xuất kích với hai quan Quách, Lý. Quân phản loạn đến cứu, đầu thì đánh vào đuôi, ra cứu đuôi thì lại đánh vào đầu. Bắt chúng qua lại hàng ngàn dặm, mệt mỏi vất vả. Còn quân Đường thì dĩ dật đãi lao, quân phản loạn tới thì tránh không giao phong, khi rút đi thì thừa cơ truy kích. Mùa xuân, thu năm sau (năm 757), Đường Túc Tôn sai Kiến Ninh Vương dẫn quân theo biên giới tấn công mặt Bắc Phạm Dương, sai Lý Quang Bật tấn công mặt Nam Phạm Dương, hai mặt giáp kích, đánh lấy Phạm Dương, quân phản loạn muốn lùi không được, muốn ở không được, triều đình lệnh cho các quân bốn mặt vây đánh thì quân phản loạn liệu chạy đi đâu được! Kế hoạch này hoàn toàn đúng đắn, Đường Túc Tôn cũng cho là có thể làm được. Nhưng sự hồ đồ ngu xuẩn và lòng tham lợi gần của ông ta đã làm cho kế hoạch này không thực hiện được. Chí Đức nguyên niên (năm 757) An Lộc Sơn bị con trai là Anh Khánh Tự giết chết, nội bộ quân phản loạn càng trở nên hỗn loạn, Sử Tư Minh chiếm đóng Phạm Dương, không nghe theo chỉ huy của An Khánh Tự. Điều này đã cung cấp cho việc dùng binh của Đường Túc Tôn điều kiện vô cùng có lợi. Lý Tiết đề nghị theo kế hoạch dùng binh, cử quân đội ở Tây An, Tây Vực mới điều đến



thuận theo biên giới đánh chiếm Phạm Dương. Đường Túc Tôn nói, bây giờ là lúc nên đánh hai kinh, sao lại dẫn quân đi về Đông Bắc mấy ngàn dặm để lấy Phạm Dương trước. Lý Tiết nói: Quân đội điều đến hiện nay đều là quân của biên giới Tây Bắc và người các dân tộc thiểu số. Họ chưa quen thời tiết mùa hạ ở Quan Đông, sau khi đánh hai kinh, không thể giữ lâu trong nội địa. Quân phản loạn chạy trốn về sào huyệt, quan quân rút đi, nhất định sẽ quay trở lại, chiến tranh sẽ phải kéo dài. Không bằng dùng quân trước ở vùng giá lạnh, chiếm lấy Phạm Dương, khiến quân địch không còn tổ mà về, sẽ bị tiêu diệt hết. Lý Tiết nói chắc chắn: Nay lấy quân đông đi thẳng đến hai kinh, tất chiếm được. Nhưng giặc sẽ mạnh lại, ta sẽ lại khó, đó không phải là kế yên lâu dài! Đường Túc Tôn chỉ cần sớm khôi phục được hai kinh, hưởng thụ tôn vinh của hoàng đế về căn bản không suy nghĩ đến kế sách yên ổn lâu dài, nên đã gạt kế hoạch của Lý Tiết ra một bên, một mình chỉ đạo chiến tranh tiến hành trên đường lối sai lầm, khiến cho cục diện phiên trấn cát cứ đã hình thành trong thời Túc Tôn, tạo thành cục diện chiến loạn lâu dài trong thời kỳ Trung Đường.

Đường Túc Tôn không chỉ làm theo ý mình trong chỉ đạo chiến tranh, mà cũng còn độc đoán chuyên quyền trong việc triều chính và sự vụ cung đình. Kiến Ninh Vương Đàm không vừa ý với việc làm bậy bạ của Lý Phủ Quốc, Trương Lương Đệ, nhiều lần phản ánh với Túc Tôn tội lỗi của họ. Lý Phủ Quốc liền cấu kết với Trương Lương Đệ, vu cáo Kiến Ninh Vương Đàm do không được làm nguyên soái, muốn mưu hại Quảng Bình Vương. Trong một lúc giận dữ, Túc Tôn đã ban chết cho Đàm. Tin Quảng Bình Vương Thích thu phục Tây kinh Trường An truyền đến Phượng Tường, để biểu thị hiếu thuận, ngay trong ngày Đường Túc Tôn gửi chiếu đi Thục, mời Đường Huyền Tôn trở về phục vị, ông vẫn làm Đông cung Thái tử. Sau khi chiếu đã gửi đi, Túc Tôn lòng dạ ngổn ngang không yên, liền sai khoái mã gọi Lý Tiết đến trong quân. Đến nơi, Lý Tiết hỏi có việc gì. Túc Tôn mang chuyện mời Huyền Tôn về quy vị ra nói, Lý Tiết vô cùng ngạc nhiên hỏi biểu đã gửi hay chưa gửi? Túc Tôn nói: đã gửi. Lại hỏi có thể đuổi kịp không? Túc Tôn trả lời đã đi xa rồi và hỏi nên làm thế nào. Lý Tiết

nói: Bệ hạ lên ngôi đã hai năm, nay lại dâng biểu đó, thượng hoàng sẽ nghi ngờ, lòng không tự yên, sao có thể về phục vị? Nghe xong, Túc Tôn biết là đã lỡ, liền hỏi: Biểu đã gửi đi, giờ làm thế nào. Lý Tiết nghĩ được một cách, nói với Túc Tôn: Nay có thể viết thêm một biểu chúc mừng của quần thần, nói hoàng thượng nhớ cảnh thần hôn, xin lập tức về cung, để hết lòng hiếu dưỡng. Như thế thì thượng hoàng sẽ yên tâm, sẽ định ngày về. Túc Tôn liền tiếp gập đầu khen phải, lệnh Lý Tiết thảo biểu, sai sứ vào Thục tâu trình. Huyền Tôn lúc mới nhận được chiếu mời về, sợ hãi, không đi. Sau nhận được biểu chúc mừng của Lý Tiết, cả mừng, chọn ngày trở về. Vì việc này Túc Tôn thiết yến chiêu đãi Lý Tiết, bảo Lý Tiết ở lại ngủ cùng giường. Lý Tiết và Túc Tôn đã có ước hẹn, đợi bình định xong binh sự, sẽ trở lại núi. Lý Tiết lợi dụng cơ hội này yêu cầu Túc Tôn không đồng ý để mình về núi, đồng thời nói rõ đạo lý không nên giết Kiến Ninh Vương, làm Túc Tôn vô cùng hối hận. Để Túc Tôn không phạm phải sai lầm tương tự như thế nữa, trước khi về núi ông đã nói chuyện Vũ Tắc Thiên vô cớ giết Thái tử Hoằng, khiến con trai thứ là Hiền sợ hãi, làm bài từ Hoàng đài qua. Rồi đem bài từ đó đọc cho Túc Tôn nghe: Hái một lần nữa dưa còn nhiều, hái hai lần dưa đã có chiều vắng thưa, hái ba lần dưa xác xơ, hái bốn lần chỉ còn trơ dây gầy. Đồng thời nói với Túc Tôn ngài chỉ có hai quả dưa, nay đã hái một. Nhưng do Túc Tôn không nghe các lời khuyên trung thành khác của Lý Tiết, chiến hỏa chưa ngừng, những sự biến cung đình đã lớp lớp xuất hiện. Trong cuộc đấu tranh giữa Trương hoàng hậu và Lý Phủ Quốc. Do Trương hoàng hậu bị giết chết mà Túc Tôn kinh sợ đến chết. Còn Lý Tiết do về ở ẩn ở Hành Sơn nên thoát nạn.

## **CÙNG NGỦ GIƯỜNG VUA,**

## **TRỊ QUỐC YÊN BANG**

Bảo ứng nguyên niên (năm 762), thái tử Lý Thích nối ngôi, là Đường Đại Tôn. Sau khi lên ngôi, ông ta đã không dẹp yên được loạn An Sử mà còn gọi Thổ Phiên tấn công, làm mất Trường An một dạo. Binh mã phó nguyên soái Phốc Cố Hoài Ân tự cho là lập công lớn, không vừa lòng với đãi ngộ của triều đình, thu hút mấy chục vạn người Hồi Hột, Thổ Phiên,

Thổ Cốc Huy, Đãng Hạng v.v... làm phản. Trong nỗi lo thù trong giặc ngoài, Đại Lịch năm thứ ba (năm 768) Đại Tôn triệu Lý Tiết về, yêu cầu ông uống rượu ăn thịt, lấy vợ, làm quan (tể tướng). Lý Tiết cố từ chức tể tướng, giữ thân phận tân khách, nhưng phải lấy vợ. Trong thời gian phò tá Đại Tôn, đã vì Đại Tôn nêu nhiều chủ kiến, giải quyết được nhiều vấn đề. Nhưng Đại Tôn chỉ muốn làm hoàng đế hưởng lạc, không nghe kế hoạch dùng binh của Lý Tiết, khiến cho cục diện Thổ Phiên cát cứ trong thời gian ông ta ở ngôi đã thành cố định. Đại Lịch năm thứ năm (năm 770), Nguyên Tải giúp Đại Tôn giết Ngự Triều Ân, Nguyên Tải bắt đầu vì Đại Tôn làm ác. Nguyên Tải muốn đuổi Lý Tiết ra khỏi kinh đô. Đại Tôn nói với Lý Tiết đợi ông ta trừ xong Nguyên Tải sẽ trở về, bảo ông hãy đến Giang Tây trước, làm phán quan. Nhưng tám năm sau, Đại Tôn mới diệt được Nguyên Tải rồi triệu Lý Tiết về. Chưa được mấy ngày, Đại Tôn lại nghe tể tướng Thường Duyệt đề Lý Tiết ra khỏi kinh về làm Thứ sử châu Cối.

Thời Đại Tôn, Thái tử Lý Thích làm Phụng Tiết Vương, học văn với Lý Tiết và cũng cùng chơi với ông. Đại Tôn mất, Lý Thích tức vị là Đức Tôn. Đức Tôn tính hay nghi kỵ, nghiệt ngã, nóng vội, bảo thủ cố chấp, hành động thiếu suy nghĩ, lại thêm bên mình có một số gian tướng, đã gặp tai nạn, rắc rối, nhất là cuộc binh biến Kinh Nguyên đã đánh vào kinh thành, ông ta hầu như bị bắt sống. Trước đây Túc Tôn, Đại Tôn đều ưu đãi Hồi Hộ, để phòng bị Thổ Phiên nhưng vì bị Hồi Hộ làm nhục, lại thù hận Hồi Hộ hầu như sắp có chiến tranh. Điều nguy hiểm hơn là đã giải trừ binh quyền của Lý Thành, quan võ giận dữ đòi giải thể, tể tướng Trương Đình Thường cũng từ chức. Tình trạng trong, ngoài chia rẽ như vậy đã trở thành bước ngoặt quan trọng của triều Đường. Đại khái, Đường Đức Tôn cũng cảm thấy nguy hiểm nên đã từ Thư viện Bồng Lai triệu Lý Tiết về làm tể tướng. Lý Tiết cảm thấy trong tình hình đó không làm tể tướng cũng không được, nên đã đồng ý làm tể tướng. Lúc này cũng chỉ có một mình Lý Tiết là có thể cứu vãn được tình hình nguy hiểm, bởi vì chỉ có ông, người hiểu Đức Tôn nhất, đồng thời có thể dùng thái độ hòa thuận để phân tích lợi hại, lay động Đức Tôn, khiến nhà vua ít nhiều cũng phải nghe một số.

Sau khi nhận nhiệm vụ, Lý Tiết cùng Lý Thành, Mãi Toại - hai vị công thần vào gặp Đức Tôn. Đức Tôn sợ Lý Tiết sau khi làm tể tướng sẽ lạm dụng chức quyền, tổn hại đến việc hoàng đế một mình nắm quyền thưởng phạt, liền nói với Lý Tiết, trước đây ở Linh Vũ, giữ chức làm tể tướng, ông không chịu làm. Nay ông nhận làm, tôi muốn định với ông một điều: Các người quyết không được báo thù, chịu ơn muốn trả, tôi sẽ trả thay ông. Lý Tiết nói: Tôi vốn tin phục đạo giáo, không kết thù với người và cũng chẳng có ơn riêng để phải trả. Hôm nay, ngược lại, tôi cũng muốn cùng hoàng thượng định một điều. Đức Tôn nói có thể được. Lý Thành, Mã Toại có công lớn với nước, vạn nhất nhà vua hại họ, sợ rằng trong ngoài sẽ làm phản, đại loạn lập tức đến ngay. Nhà vua phải thành tâm đối đãi với họ, hai vị công thần cũng không vì địa vị cao mà tự nghi ngờ, thiên hạ sẽ vô sự. Đức Tôn đáp ứng không hại Lý Thành, Mã Toại. Hai người cùng rơi nước mắt bái tạ. Một đầu mối nguy cấp đã yên ổn vượt qua như vậy đó. Lý Tiết đã làm được nhiều việc có lợi cho nước. Như đã giữ được ba đồn điền Hàn Hoảng, Sách Hiệp Thành, Biên Quan v.v... đều được đời đời truyền tụng. Trong thời Đức Tôn còn có hai việc cống hiến rất lớn với triều Đường. Một là có người tố giác công chúa Đại Trưởng dâm loạn mà lại chán ghét nghi thức cúng lễ. Đức Tôn cả giận, đem giam công chúa Đại Trưởng vào nhà tối, trách mắng thái tử nhiều, đồng thời quyết định lập Dự Vương là cháu làm thái tử. Đức Tôn triệu kiến Lý Tiết vào báo cho ông biết việc đó, và nói Dự Vương gần đây rất tiến bộ, phải đối xử với ông ta như con đẻ. Lý Tiết nói, nhà vua đối với con mình thì hoài nghi, làm sao có thể đối xử với cháu như với con? Đức Tôn liền nói, ông dám chống lại ý kiến của ta, vì sao lại không yêu mến gia tộc của ông? Lý Tiết nói: Chính vì yêu gia tộc của mình nên tôi không dám nói hết lời. Nếu như sợ bề hạ giận lớn mà chịu theo, tương lai bề hạ hối hận lại, nhất định sẽ oán tôi. Ông trình bày, thái tử không có ý đồ làm loạn, nói đến đạo lý cha con mà nghi ngờ lẫn nhau, tất mất nước, còn dùng ví dụ Đường Túc Tôn giết Kiến Ninh Vương để thuyết phục Đức Tôn. Do ông nói lý thấu triệt, thái độ thành khẩn, vừa nói vừa khóc, khiến Đức Tôn cũng cảm động rơi nước mắt. Sau khi làm rõ sự việc, Đức Tôn vừa rơi nước mắt vừa vỗ vai Lý Tiết nói: Nếu không có những lời

khuyên giải chính xác và thấu triệt của ông thì dù tôi có hối cũng không kịp. Thái tử hiếu, nhân, thực sự không có ý đồ gì khác.

Một việc nữa là chuyện giảng hòa với Hồi Hột. Sau khi Đường Đại Tôn lên ngôi, để bình định loạn An Sử đã cử hoạn quan nhờ Hồi Hột giúp quân. Khả Hãn Đãng Lý của Hồi Hột thân dẫn quân vào nội địa, mục đích là để cướp đoạt của cải. Người này coi khinh triều Đường, cưỡng bức thái tử Lý Thích (tức Đức Tôn) phải làm lễ múa. Các quan Đường đi theo ra sức chống lại, Khả Hãn Hồi Hột đã đánh mỗi người chống lại đó 100 roi, còn nói do Lý Thích ít tuổi chưa biết gì nên được miễn lễ. Lý Thích - người vì duy ngã độc tôn, nhớ mãi nỗi nhục đó, đã thề phải trả thù. Do ông thù hằn Hồi Hột, nên đã buông lỏng cảnh giác với kẻ địch mạnh Thổ Phiên, thậm chí còn muốn hòa hiếu với họ. Dưới sự dung túng của Đức Tôn, Thổ Phiên yêu cầu cắt cho họ hai trấn An Tây, Bắc Đình, Đức Tôn cũng định đồng ý, may mà Lý Tiết trình bày lợi hại nên việc cắt đất đó mới không thành. Để đánh chiếm Trường An, Thổ Phiên đã tìm cách vu hãm các đại tướng Lý Thành, Mã Toại mà họ sợ hãi. Đức Tôn cũng tin là nói thật, đồng thời còn muốn lấy lý do để hòa hiếu với Thổ Phiên, tước binh quyền của họ. Do sự nhân nhượng của Đức Tôn đã tạo thành sự hỗn loạn không yên lâu dài ở Tây Bắc Đường, còn hầu như triệu đến một cuộc chiến tranh qui mô lớn. Sau khi đã giành được tín nhiệm của Đức Tôn, Lý Tiết đã từng bước nêu với Đức Tôn: “Bắc hòa Hồi Hột, Nam thông hiếu với Vân Nam (nước Nam Chiếu), Tây kết giao với Đại Thục, Thiên Trúc”, để cản trở kế hoạch của Thổ Phiên. Nhưng đã bị Đức Tôn kiên quyết phản đối. Ông ta nói với Lý Tiết, những điều ông nói, tôi đều nghe. Nhưng việc hòa với Hồi Hột, nên đợi đời con, cháu. Lý Tiết nói một lần, Đức Tôn phản đối một lần, Lý Tiết nói mười lăm, mười sáu lượt, Đức Tôn vẫn không đồng ý. Xuất phát từ lợi ích quốc gia, Lý Tiết vẫn không nản lòng, vẫn nói đi nói lại với Đức Tôn những điều tốt đẹp nếu giảng hòa với Hồi Hột, nói Khả Hãn làm nhục Đức Tôn trước đây đã bị Khả Hãn Hợp Cốt Đốt Lộc hiện nay giết chết rồi. Còn nói, nếu không hòa, thân với Hồi Hột sẽ dâng lên trên hài cốt của ông. Trải qua sự thuyết phục kiên nhẫn của ông, cuối cùng Đức Tôn đã đồng ý cùng

Hồi Hột hòa hiếu, đồng thời đem công chúa Cẩm An gả cho Khả Hãn. Sau khi hòa hiếu với Hồi Hột không lâu, Nam Chiếu cũng thoát ly Thổ Phiên, chém đứt cánh tay phải của Thổ Phiên, tình thế giữa Đường và Thổ Phiên có thay đổi lớn. Từ đó thế lực của Thổ Phiên suy yếu, không thể làm hại lớn Đường. Mưu chước này của Lý Tiết đều có ảnh hưởng sâu xa đối với cả Thổ Phiên và Đường, trong cuộc đời chính trị của ông, đó là một thành công lớn nhất.

Văn của Lý Tiết có thể cảm hóa phong tục, chính trị của ông có thể làm sống động toàn cục. Một đời phóng khoáng, nhanh nhạy, mưu trí hơn người. Mặc dù bị bọn quyền thần ghen ghét, nhưng cuối cùng do mưu trí đã tránh được. Ông mất năm 68 tuổi.

## 77. ĐỖ HỰU

### TRI DÂN LẬP NGÔN, DỰA LUẬT BÀN LÝ

Đỗ Hựu (năm 735 - 812) tự Quân Khanh, người Vạn Niên, Kinh Triệu (nay là Tây Bắc Tây An, Thiểm Tây), từng giữ chức Hộ bộ Thị lang phán độ chi, Tiết độ sứ Lĩnh Nam, Hoài Nam, Đồng bình chương sự v.v... Nhà chính trị và mưu lược thời kỳ trung và cuối Đường, thờ năm vị hoàng đế triều Đường. Đặc biệt là trong thời đại Đức Tôn, Thuận Tôn, Hiếu Tôn, ông nắm quyền lực quan trọng trong triều, đã có cống hiến rất lớn trong việc ổn định chính trị đương thời. Ông chấp chính khoan dung giản dị, không hà khắc, có kế trị dân tiện lợi mà có ích.

### TIẾT KIỆM, GIẢM BỚT QUAN, KHÔNG THEO TỆ CHÍNH

Năm đầu Kiến Trung, Đường Đức Tôn, vùng Hà Sóc (Bắc Hoàng Hà) chiến loạn không thôi, trăm họ vô cùng nghèo khó, không đóng nổi thuế. Lúc đó Đỗ Hựu đang là Thị lang bộ Hộ, Phán độ chi, nắm trong tay các việc hộ tịch, ruộng đất, thuế sưu, thu chi tài chính v.v... cho rằng “Sửa tệ nạn không bằng tiết kiệm chi dùng, muốn tiết kiệm chi dùng thì phải giảm bớt quan”. Vì vậy ông đã phát biểu bàn luận ở triều đình: Hán Quang Vũ trong năm Kiến Vũ bỏ bốn trăm huyện, giảm một phần mười quan lại; thời Ngụy Thái Hòa giảm nha lại, thời Chính Thủy hợp nhất quận huyện; thời Tấn, quan cấp tỉnh 700, thời Khai Hoàng nhà Tùy phế bỏ 500 quận, đầu những năm Trinh Quán giảm quan nội (quan ở kinh) 600. Từ Hán đến Đường do chinh chiến gian nan đều giảm nha lại. Tiếp đó, ông lại phân tích tình hình các bộ Hình, bộ Công, bộ Hộ, bộ Lễ, bộ Đâu, bộ Giá... lạm dụng quan lại, đặc biệt chỉ ra: Thời xưa thiên tử có 6 quân, Hán có 4 hương quân tiền, hậu, tả, hữu; nay có 12 vệ, 8 quân Thần Sách, phạm tướng quân 60 người. Tên cũ không bỏ, chức mới lại tăng! Ông còn chỉ ra rằng, quan lại



triều Đường bắt đầu tràn lan từ thời Trung Tôn, Thần Long. Có Ty ra sức tuyển dụng quan lại dự bị, không thiếu người cũng lấy viên ngoại 2000 người và cho là thường. Nay lê dân khốn khổ, thiên hạ có một triệu ba mươi vạn hộ, bệ hạ xuống chiếu cho kiểm tra lại được ba trăm vạn, bằng một phần ba Thiên Bảo, trong đó phù số tới hai phần năm. Người nộp thuế thì ít đi mà người ăn vẫn như cũ, làm sao không cải cách được? Ông còn phê bình hiện tượng quan trường lúc đó chiếu cố thông gia, họ hàng và người bị bãi quan nhờ người đi khắp nơi du thuyết, phê bình luận điệu cắt giảm quan lại là làm mất nhân tài, giúp đỡ kẻ địch; chỉ ra rằng người có tài thì giới thiệu dùng, người bất tài thì lo gì họ chạy mất? Ông cho rằng, chế độ quan, nên “tuỳ thời mà lập, gặp tệ nạn phải thay đổi”. Kiến nghị của ông rất có đạo lý, nhưng Đức Tôn sợ cắt giảm quan lại sẽ dẫn đến xã hội động loạn, nên không dùng.

### **BÌNH YÊN BIÊN THUỶ,**

### **KHÔNG THEO VIỆC MỞ MANG BIÊN CƯƠNG**

Nguyên Hòa nguyên niên (năm 806) Đảng Hạng tộc cư trú tại vùng nay là Cam Túc, Ninh Hạ bí mật dẫn đường cho Thổ Phiên nay ở vùng Thanh Hải, Tây Tạng, xâm nhập quấy rối biên giới nhà Đường. Một số biên tướng nhà Đường vội muốn lập công, xin triều đình cho đánh trả với qui mô lớn, đồng thời thừa cơ mở rộng biên cương. Một số đại thần triều đình cũng cho là nên. Đỗ Hựu lúc đó là Tư đồ, Đồng Bình chương sự đã kiên quyết phản đối dùng binh mở rộng biên cương. Vì vậy ông dâng sớ, trước tiên tổng kết bài học kinh nghiệm dùng binh của dân tộc Hoa Hạ đối với dân tộc thiểu số nói: Tân xây Trường Thành để chống Hung Nô, phía Tây đuổi các tộc Khương ra ngoài Trại, tổn sức do dân lo, hết oán đến loạn, Trung Quốc chưa yên, Di, Địch tranh nhau nổi lên. Hán Vũ Đế điều quân khiến tướng, đến mức hộ khẩu giảm một nửa! Đỗ Hựu cho rằng, thánh chúa trị lý thiên hạ, không gì bằng bình yên biên thuỷ. Không cho vật ở xa là quý, không cầu phương xa đến cống. Nếu bên trong mệt mà bên ngoài có việc, thì được ít mà mất nhiều. Đỗ Hựu còn lấy ví dụ các triều đình trong lịch sử, tác chiến với ngoại tộc tuy thắng nhưng không khen thưởng. Đầu những năm Khai

Nguyên, tướng ở biên giới Hách Linh Toàn thân chém đầu vua Đột Quyết, dâng thủ cấp lên, tự cho là có công. Lúc đó Tống Cảnh làm tế tướng, lo rằng các quan võ ham chiến công, sinh sự vì nước, nên chỉ phong làm Lang tướng. Khai Nguyên vì thế mà thịnh, không có người bàn đến việc mở mang biên giới. Trung Quốc dần an ninh, ngoại Di cũng yên tĩnh! Đỗ Hựu còn phân tích cụ thể nguyên nhân Đãng Hạng tộc phản lại triều Đường, nêu ra đối sách “lôi kéo”. Ông nói: Đãng Hạng là tiểu Phiên, ở ngoài Trung Quốc, vốn trọng đức của ta, các biên tướng không liêm rất hay quấy nhiễu, hoặc trưng thu ngựa hay, hoặc lấy con trai con gái của họ, đòi hỏi thổ sản, bắt phu dịch. Đãng Hạng lao khổ nhiều, dân bỏ chạy, phản lại, hoặc thông sứ với Bắc Địch, hoặc cùng Tây Nhung đánh biên giới, đó là điều tự nhiên. “Truyện” nói “người xa không phục thì phải sửa văn, đức để họ đến”. “Quân tử” nói: “Quốc gia đừng dùng những kẻ dưng mãnh ở biên giới”. Nay Nhung, Di mới mạnh, việc phòng bị biên giới chưa chắc, nên thận trọng chọn lương tướng, quyết không có ý đánh lấy, để lung lạc lôi kéo. Nhung, Di đến thì phòng ngự đánh lại, đi thì phòng bị cẩn thận. Chúng tự nhiên cảm hoài, không còn mưu gian. Việc gì phải huy động quân đội, mệt mỏi tốn kém! Hiếu Tôn hoàn toàn đồng ý với ý kiến và kiến nghị của Đỗ Hựu, tránh được việc dùng binh tùy tiện.

## **SÁCH HAY LẬP NGÔN, RÈN GIỮA NGƯỜI SAU**

Đỗ Hựu học tập không biết mỏi, tuy quan cao đến tế tướng, vẫn tay không rời sách, thường thường ban ngày xử lý việc công, ban đêm thắp đèn đọc sách, viết bài. Cuối những năm Khai Nguyên, Lưu Trật thu thập lời nói trong kinh sử trăm nhà, viết thành ba mươi năm cuốn “Chính Điển” rất được kẻ sĩ hiền đạt đương thời tán thưởng. Đỗ Hựu được quyền sách đó, nghiên cứu đọc kỹ, cho là nội dung chưa đủ, điều mục chưa hết, hạ quyết tâm tăng thêm, bổ sung. Từ Đại Lịch nguyên niên (năm 766) đến Trinh Nguyên năm thứ 17 (năm 801), Đỗ Hựu đã dùng thời gian 35 năm, viết thành “Thông Điển” tổng cộng 200 cuốn. “Thông Điển” đã ghi chép lịch trình thay đổi và phát triển của các điển chương, chế độ các triều đại, xa thì

đến truyền thuyết, gần thì đến thời đại Đường, Túc Tôn, Đại Tôn, chia làm tám môn loại: thức ăn, tuyển cử, chức quan, lễ, nhạc, binh hình, châu quận, biên phòng v.v... Tổng hợp các loại kinh sử và văn tập các đời, tấu sớ, chia loại biên tập rất mạch lạc, chặt chẽ, trong đó những trình bày về điển chương, chế độ có liên quan đến triều Đường rất tỷ mỉ. Trinh Nguyên năm thứ 17, sau khi Đỗ Hựu biên soạn xong “Thông Điển” đã đem dâng lên Hiến Tôn, đồng thời viết sớ nói rõ mục đích và tình hình kinh qua của cuốn sách đó. Ông nói: Thần nghe cao thượng nhất là lập đức, không phải là người hiền thì không được; thứ hai là lập công, thứ nữa là lập ngôn, để kể sau hiếu được chí hướng của người lập ngôn. Thần, tài không bằng người, nhưng với chí tự cường đã đọc rất nhiều tác phẩm kinh điển, tuy đã trải đủ gian khổ nhưng chưa hề dám tùy tiện. Các sách “Hiếu kinh”, “Thượng thư”, “Mao thi”, “Chu dịch”, “Tam truyện” của Khổng Phu Tử, đều là đạo quan trọng của phụ, tử, quân, thần. Tuy vậy chỉ ghi nhiều về lời nói mà ít có pháp chế. Kẻ hiền các đời bàn luận, thường chỉ nói nhiều về tệ mất mát, mà ít nói về biện pháp trị lý mất mát. Thần tỷ mỉ nghiên cứu ưu, khuyết điểm của điển tịch các đời, chọn viết thành “Thông Điển”! Đức Tôn khen ngợi Đỗ Hựu đã biên soạn “Thông Điển” và lệnh cho cất vào kho sách. Cuốn sách này đã được lưu truyền rộng rãi từ thời đó và đời sau, rất được người hiền đương thời và đời sau khen ngợi, cho là nguồn gốc của lễ, nhạc, hình, chính.

## 78. LỤC CHÍ

### CHẾ GIỂU THỜI BỆNH, TẬP NGÔN TRIỀU ĐÌNH

Lục Chí (năm 754 - 805) tự Kính Dư, người Gia Hưng - Tô Châu (nay là Gia Hưng - Triết Giang) tiến sĩ năm Đại Lịch, đã từng giữ các chức Trịnh úy, Vị nam úy. Khi Đức Tôn lên ngôi, chuyển sang làm Giám sát ngự sử, Hàn lâm học sĩ, Giám Nghị đại phu, Binh bộ thị lang, Trung thư thị lang, Đồng Trung thư môn hạ Bình chương sự. Trinh Nguyên năm thứ mười (năm 794) do bị Bùi Diên Linh gièm, bãi làm Thái tử biệt giá. Năm sau lại bị giáng làm Trung Châu biệt giá. Ở Trung Châu (nay là huyện Trung - Tứ Xuyên) 10 năm rồi chết.

Lục Chí là một mưu thần quan trọng của Đường Đức Tôn, về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế v.v... đã vì Đức Tôn nêu ra không ít chủ kiến hay. Đức Tôn cũng rất coi trọng Lục Chí. Khi tránh loạn Chu Tỉ đến Tần Thiên (nay là huyện Càn - Thiểm Tây), mọi việc lớn nhỏ đều do Lục Chí mưu tính. Vì vậy người đương thời gọi Lục Chí là “nội tướng”. Đức Tôn đi đâu đều có Lục Chí. Một hôm Đức Tôn dẫn bọn Lục Chí đi ra ngoài săn bắn, do đường đi hiểm trở mà vua tôi lạc nhau. Đức Tôn gọi Lục Chí không được, kinh khóc, nói với mọi người, ai tìm được Lục Chí thưởng ngàn vàng. Lục Chí trở về, Đức Tôn mừng ra mặt. Nhưng Lục Chí hay can thẳng, thường vạch khuyết điểm của Đức Tôn, Đức Tôn tuy “ngoài mặt nghe, nhưng lòng không vui”. Tác phẩm của ông có “Lục ngôn công tấu nghị” (hoặc còn gọi là Hàn uyển tập), từ cuốn sách này có thể thấy được tư tưởng mưu lược của ông.

**NHE, CHẬM, NẶNG GẤP,  
NGỌN NHỎ GỐC LỚN**

Sau khi Đường Đức Tôn nổi ngôi, Phiên trấn, Điền Duyệt, Vương Vũ Tuấn, Chu Thao chiếm cứ vùng Hà Bắc ngày nay. Thổ Phiên Lý Hy Liệt chiếm cứ dải Hà Nam ngày nay, trước sau làm phản. Triều đình nhà Đường lần lượt cử Mã Toại, Ca Dự Diệu... dẫn quân chinh phạt, đều không thể tốc chiến tốc quyết.

Đức Tôn hỏi kế Lục Chí, ông nói hiện nay tình hình ở U, Yển, Hằng, Ngụy (nay là dải Hà Bắc - Sơn Tây) hòa dịu và tai họa tương đối nhẹ. Điền Duyệt qua sự đả kích của quân quan thấp không có mưu xa, Vương Vũ Tuấn thì hữu dũng vô mưu, Chu Thao nghĩ nhiều, quyết ít. Bọn chúng ngăn chặn lẫn nhau. Mà tình hình Nhữ, Lạc, Huỳnh, Biện (nay là dải Hà Nam) khẩn cấp mà tai hại nặng nề. Lý Hy Liệt quả cảm hung tàn, hay mạo hiểm. Hiện nay quan quân đối phó với bọn Điền Duyệt thì tướng nhiều mà thế chia, binh đông nhưng của ít, còn Lý Miễn đối phó Lý Hy Liệt là quan văn, Ca Dự Diệu soái lĩnh là đạo quân ô hợp. Bọn họ trừ trừ không tiến. Vì thế nên điều đại tướng Lý Hoài Quang đang đối phó với bọn Điền Duyệt sang, đối phó với Lý Hy Liệt. Lục Chí còn nói: Mưu lược lập nước, ở chỗ xem xét nặng, nhẹ. Gốc to ngọn nhỏ thì có thể vững chắc. Ông cho rằng Vương Kì (vùng kinh thành quản hạt) là gốc của bốn phương. Kinh ấp như Thân, Vương Kì như cánh bay, bốn phương như ngón tay. Quan Trung là nơi căn bản của triều đình. Vì vậy để ngăn chặn Lý Hy Liệt Tây hướng Quan Trung, nên sai Lý Hoài Quang đến cứ Tương Thành (nay là Tương Thành - Hà Nam) đồng thời rút Thần sách lục quân đang chinh phạt Thổ Phiên về Quan Trung. Đường Đức Tôn không tiếp nhận những kiến nghị đó của Lục Chí. Sự thực sau này chứng minh, phân tích và kiến nghị của Lục Chí là chính xác.

### **TINH THẦN PHẤN CHẤN, XỬ SỰ THẬN TRỌNG, NGHĨ KỸ, TRÙ HOẠCH CHÍNH XÁC**

Trong năm thứ tư (năm 783) Trường An xảy ra binh biến. Đường Đức Tôn phải chạy ra Phụng Thiên, mỗi lần bàn với Lục Chí về cuộc loạn này, thường nói việc đó là do mệnh trời, không phải do người. Lục Chí nói, bệ

hạ đem việc hưng vong đùn đẩy cho mệnh trời là sai lầm. Mệnh trời là ở người. Người trị mà trời giáng loạn, là chưa hề có; việc người loạn mà thiên hạ yên, cũng chưa hề có. Trị loạn xảy ra loạn là do chỉ nhờ cậy vào trị mà không trị lý. Hiện nay đừng hối hận về việc loạn trật tự đó nữa, mà nghiệp trị quốc hưng bang là ở chỗ: suy nghĩ kỹ mà trù hoạch chính xác, tinh thần phấn chấn mà xử sự thận trọng. Chỉ cần bệ hạ quên mình, suy nghĩ vì dân chúng, tránh ham muốn để tôn đạo, xa kẻ gian thần, gần người trung thực, thực lòng dùng người, bài trừ bọn phản nghịch, lừa gạt, thì sẽ không lo thiên hạ không yên.

Không mệt mỏi tiếp nhận lời khuyên can, cẩn thận giữ lòng tin. Trong thời gian tị nạn ở Phụng Thiên, Đức Tôn hỏi kế Lục Chí. Lục Chí nói, quần thần đến triều nên khiến họ nói hết được mất. Nếu đại thần đề xuất kiến nghị về mặt quân sự, bất kể là vào lúc nào đều nên tiếp kiến, đồng thời nghe một cách không mệt mỏi. Lấy được trí của thiên hạ mới là thông minh. Đức Tôn nói: Trẫm cũng đã từng thực lòng nghe kiến nghị của các đại thần, nhưng các đại thần chỉ chế giễu ưu, khuyết điểm của người khác, có kẻ gian hiểm còn tác oai tác phúc. Những cái đó đều là tệ nạn của sự thực lòng. Lục Chí thưa: Xưa có người vì ghen mà bỏ thức ăn, lại có người vì sợ chết đuối mà tự chìm. Xin bệ hạ đừng vì một số hành vi lừa gạt của đại thần mà ảnh hưởng đến việc bệ hạ nên làm theo phép tắc căn bản. Người ta sợ dĩ giúp là vì tin, mà gốc của tin là ở thực lòng! Lục Chí cho rằng, không thực lòng tin thì không được lòng người. Muốn trị thiên hạ mà không vì việc được lòng người thì thiên hạ không trị, muốn được lòng người mà không chăm chỉ lắng nghe lời khuyên can thì không được lòng người. Khi nghe khuyên can, lời nói trống rỗng không có ích, chẳng nên dùng, lời nói thực đừng làm trái. Thuận với ý chí của mình đừng cho là đúng, trái với tư tưởng của mình, đừng phủ định; khác với người chưa phải là đúng, giống với người chưa phải là sai. Nói năng vụng về, hành động chậm chạp, chưa phải là ngu, nói năng ngọt ngào mà trọng danh lợi, chưa phải là trí. Xem xét tìm kiếm cái thực nhận lấy cái thiện, thì có thể thu được hết nhân tâm trong thiên hạ.

## **LỢI DỤNG MÂU THUÃN, PHÂN RÕ BẠN THÙ**

Tháng 8, Kiến Trung năm thứ tư, bộ tướng Lý Sở Lâm của Tiết Độ sứ Trương Ích tại Phượng Tường giết chết Trương Ích rồi tự giữ chức Tiết Độ sứ, đồng thời đầu hàng Chu Tỹ đang xưng đế ở Trường An. Tháng hai năm sau, Lý Sở Lâm lại sai sứ đến Phụng Thiên tiến cống Đường Đức Tôn và xin qui thuận. Đường Đức Tôn bắt đắ dĩ phải cử hần làm Tiết Độ sứ Phụng Tường, nhưng trong lòng rất ghét hần, và muốn cử đại thần Hồn Giam thay chức vụ của hần. Lục Chí nói rằng không thể được, Sở Lâm giết chủ, giúp giặc, tội hần tuy lớn, nhưng chưa lấy lại được kinh thành, Chu Tỹ còn ở Trường An, quan quân tiến đánh kinh thành mới đều ở xung quanh Nay Sở Lâm nhìn về hai đầu, đó là trời khiến suy vong, đối với việc thu phục kinh thành, khôi phục vương nghiệp là rất có lợi. Bệ hạ nên vỗ về, hậu thưởng. Lục Chí còn cho rằng, nếu xử trí Lý Sở Lâm thích đáng thì những kẻ theo Chu Tỹ, tự biết là phụ ơn, sẽ quy thuận. Đức Tôn như tỉnh ngộ, xuống chiếu ứ vẫn Lý Sở Lâm.

Đức Tôn thấy binh lực tấn công Trường An không đủ, muốn mượn quân Thổ Phiên thu phục Trường An. Lục Chí cho rằng, Thổ Phiên phản phúc vô thường, lợi dụng Thổ Phiên có hại vô lợi. Một là Thổ Phiên đến kinh kỳ, có khả năng ngầm chuy sự sai bảo của giặc; hai là quân Thổ Phiên đến, tướng lĩnh triều Đường có khả năng do dự; liên hợp với họ sẽ khổ vì thất tín dây dưa; ba là lợi dụng Thổ Phiên, tướng soái thấy bệ hạ không tín nhiệm mà lo Thổ Phiên cướp mất công, sĩ tốt sợ bệ hạ không nhớ công lao cũ, mà lo chỉ Thổ Phiên được lợi; trăm họ sợ Thổ Phiên đến có của sẽ bị cướp. Vì thế, Lục Chí khuyên Đức Tôn không nên gửi kỳ vọng vào Thổ Phiên, làm mất lòng tướng sĩ. Đức Tôn đã tiếp nhận ý kiến của ông.

## **GIẢM NHẸ SƯU THUẾ, CHO DÂN NGHỈ NGƠI**

Phép thuế má đầu đời Đường: có ruộng nộp thóc gọi là tô; nam đinh miễn phu dịch nộp lụa gọi là dung; mỗi hộ nộp lụa gọi là điệu. Chế độ này



được xây dựng trên cơ sở điền, đình, hộ. Sau khi Đức Tôn nổi ngôi vào năm Kiến Trung nguyên niên (năm 780), đem phép tô, dung, điện, đổi thành “phép hai thuế”, trong đó điều quan trọng là: Trước tiên hãy tính trong châu huyện mỗi năm số cần phải chi tiêu và nộp lên trên rồi định thuế cho người, tính cái ra để hạn chế cái vào. Hộ không có chủ hộ, hộ khách, lấy hộ tịch làm chuẩn; người không có đình (từ 23 tuổi trở lên gọi là đình), không có trung (kể từ 18 - 21 tuổi gọi là trung) lấy giàu nghèo phân biệt; kẻ đi buôn, và người cư lưu như nhau. Thuế của cư dân, thu 2 lần vào mùa thu, hè. Loại phép thuế này xây dựng trên cơ sở “giàu nghèo”, có tính tùy tiện rất lớn, lại thêm chiến tranh hết năm này đến năm khác, trăm họ rất khổ về thuế, dịch. Lục Chí dâng sớ lên Đức Tôn cầu xin tiết kiệm của cải, để cứu điêu tàn. Lục Chí chỉ ra rằng, hai phép thuế lấy tài sản làm mục đích nên đối với những người giỏi giấu của cải thì có lợi, còn đối với những người không biết che giấu của cải thì không có lợi; những người thường xuyên di chuyển của cải làm nghề buôn bán, lại có thể miễn trừ thuế, dịch, còn có những hộ thường trú thì lại khổ vì thu thuế. Phép thuế này là xúi người ta gian, đui người ta tránh dịch, khiến nhà nước giảm bớt thuế thu được, không có lợi cho phát triển. Ông chỉ ra rằng, sưu thuế của đất nước phải lượng sức của dân, thu phải có chừng, dùng phải tiết kiệm, lượng thu mà chi.

## **TRÁNH VIỆC QUÂN Ở XA, PHÒNG BỊ VỮNG CHẮC BIÊN CƯƠNG**

Sau loạn An Sử quan quân triều Đường ở biên giới Tây Bắc phần lớn được điều về nội địa tác chiến, nhiệm vụ quân sự ở biên giới phần lớn điều về cho sĩ tốt Hà Nam, Giang Hoài gánh vác, được gọi là “Phòng thu”. Các sĩ tốt ở biên giới này thiếu huấn luyện, hơn nữa tướng soái chỉ huy lại không thống nhất, vì thế thường đánh thua. Trinh Nguyên nguyên niên (năm 793), Lục Chí dâng sớ, trình bày thiếu sót của “Phòng thu”, nói: quân sĩ Quan Đông, không quen phong thổ, thân khổ vì việc biên phòng lòng lo sợ bị bắt, đếm ngón tay mong ngày về, chỉ mở miệng đòi cơm ăn; hoặc lợi dụng lúc quân ta thua, thừa cơ mà tan chạy, hoặc vứt bỏ thành trấn, làm

lòng người gần xa dao động. Duy trì là vô ích, chỉ có tổn thất. Lục Chí đề nghị bãi bỏ chế độ “Phòng thu”, lệnh cho quan lại địa phương chiêu mộ sĩ tốt hoặc con em người Hán, Phiên muốn ở lại làm lính biên giới. Các quan phải cung cấp ăn mặc cho những sĩ tốt biên giới này, đồng thời để cho họ khai khẩn đồn điền, trồng lương thực, quan lại thu tô. Giặc đến thì làm lính, thời vụ đến mỗi nhà tự canh tác. Lục Chí còn kiến nghị: Chọn quan văn, võ giỏi làm ba nguyên soái ở Lũng Hữu, Sóc Phương, Hà Đông, phân làm Tiết độ sứ biên giới; hợp nhất một số vùng quản hạt của Tiết độ sứ không cần thiết, giảm những chi phí xa hoa để của nhiều thêm, định chế độ đẳng cấp ăn mặc mà yên lòng người, mở rộng đường uỷ nhiệm để tuyên truyền việc dùng người, lấy điển hình thưởng phạt mà xem xét thành tích. Như thế biên cương nhất định an ninh. Đức Tôn “tuy không nghe theo hết, nhưng rất kính trọng”.

## 79. BÙI ĐỘ

### ĐÃ NÓI LÀ LÀM, TRỪ ÁC TẬN GỐC

Bùi Độ (năm 765 - 839) tự Trung Lập, người Văn Hỷ - Hà Đông (nay là Văn Hỷ - Sơn Tây) đầu năm Nguyên Trinh Đức Tôn đỗ tiến sĩ, đã từng giữ chức Hà Âm úy, Giám sát ngự sử, Hà Nam Công Tào tham quân. Hiến Tôn, Nguyên Hòa năm thứ sáu (năm 811) đổi làm viên ngoại lang Tri chế cáo. Trung thư xá nhân; sau thăng Ngự sử trung thừa, Trung thư thị lang, Đồng Trung thủ môn hạ Bình chương sự. Nguyên Hòa năm thứ 12 (năm 817) từng tự xin chỉ huy bình định Ngô Nguyên Tế ở Hoài Tây. Sau bị gian thần Trình Di, Hoàng Phủ Bác gièm pha, ra làm Tiết độ sứ Hà Đông. Sau khi Mục Tôn nối ngôi, về Trường An làm kiêu hiệu Tư không; tiếp đó lại bị Nguyên Trinh và hoạn quan câu kết ra làm Hưu thủ Đông Đô; mấy năm sau về triều làm Tư đồ kiêm Tiết độ sứ Hoài Nam, Trung Thư thị lang, Bình Chương sự; không lâu bị gián tướng Lý Phùng Cát hãm hại, ra làm Tiết độ sứ tân đạo Sơn Nam. Sau khi Kính Tôn nối ngôi, lại được triều về Trường An phụ chính, làm Khai phủ Nghi đồng tam tư. Thời Văn Tôn, lại ra làm Tiết độ sứ đông đạo Sơn Nam, Lưu thủ đông đô v.v... Bùi Độ là một trong số ít trung thần hiền tướng thời trung, cuối Đường. Một số mưu lược ông đề xuất, đối với việc bình định phản loạn Phiên trấn đương thời, kiềm chế gian thần lên cầm quyền, đã có tác dụng nhất định. Có thể nói tư tưởng mưu lược và thủ đoạn của Bùi Độ đã có một số ảnh hưởng đến việc kéo dài sự thống trị của triều Đường.

### TRỪ ÁC TẬN GỐC, GIỮ YÊN KINH THÀNH

Tháng giêng, Nguyên Hòa năm thứ 10 (năm 815) sau khi Hoài Tây Ngô Nguyên Tế khởi binh phản Đường, Thành Đức Tiết độ sứ Vương Thừa Tôn, Tri Thanh Tiết độ sứ - Lý Sư Đạo, đều mưu phản. Tháng 5 năm đó Vương Thừa Tôn cử nha tướng Y Thiệu Khanh đến Trường An du thuyết Ngô Nguyên Tế, bị tế tướng Vũ Nguyên Hành tố giác. Vương Thừa Tôn

mang mối hận trong lòng, vào tháng sáu đã lợi dụng sát thủ của mình mai phục ở Trường An giết chết Vũ Nguyên Hành; sau đó lại cử sát thủ lên vào nhà ở của Bùi Độ ở phường Thông Hoá đâm Bùi Độ bị thương ở đầu, lưng. Bùi Độ ngã xuống ngòai, may thoát chết. Một số đại thần kiến nghị Hiến Tôn, bãi chức quan của Bùi Độ, để dẹp yên tâm tình bất mãn của bọn Vương Thừa Tôn, Lý Sư Đạo đối với trung thần đang nắm quyền. Hiến Tôn cả giận nói Bùi Độ, nạn lớn không chết, đó là do trời bảo hộ. Nếu bãi quan của ông ta, chính là trúng kế địch. Ta dựa vào Bùi Độ đủ sức đánh bại ba tên giặc Ngô Nguyên Tế, Vương Thừa Tôn, Lý Sư Đạo. Rồi dùng Bùi Độ làm Trung thư thị lang, đồng Trung thư môn hạ Bình Chương sự. Dưới sự ủng hộ của Hiến Tôn, căn cứ vào tư tưởng trừ ác phải diệt tận gốc. Ông qui định, người bắt được giặc thưởng tiền vạn xuyên, quan ngũ phẩm, dám bao che giấu giếm, giết cả họ. Thế là kinh thành Trường An tiến hành đại bắt bớ. Nhà công khanh nào có tường hai vách đều đẩy đổ để phán xét. Quan quân đã bắt được một số sát thủ trong “Viện Tiến Tồn” của Vương Thừa Tôn ở tại Trường An; căn cứ vào sự khai báo của bọn Vương Sĩ Tắc, chú của Vương Thừa Tôn, đã bắt được 8 hung thủ giết hại Vũ Nguyên Hành. Trải qua việc ra sức trấn áp, về cơ bản đã tiêu diệt được “đội quân thứ năm” do bọn phản loạn cầm tại Trường An. Ngoài ra, Lý Sư Đạo cũng xây “lưu hậu viện” ở đông đô Lạc Dương. Viện này, ngoài việc tiếp đãi các “sứ giả” được Lý Sư Đạo cử đi thăm dò tin tức quan phương ra, còn chiêu mộ được gần một trăm thanh thiếu niên xấu ở Lạc Dương, mật mưu đốt cháy cung điện Đông Đô, cướp đoạt, nhưng do để lộ việc nên đã bị trấn áp.

## **LÀM PHẤN CHẤN BINH SĨ, VỠ VỀ MỌI NGƯỜI, DẸP YÊN HOÀI TÂY**

Tháng tám nhuận, Nguyên Hòa năm thứ chín (năm 814), Tiết độ sứ Chương Nghĩa là Ngô Thiếu Dương, trấn thủ Hoài Tây ốm chết, con trai là Thứ sử châu Sái - Ngô Nguyên Tế tự thống lĩnh quân sự Hoài Tây, chẳng để ý đến sứ giả triều đình. Tháng 11 năm đó, triều đình cất quân tiến đánh, đánh nhiều lần không được. Tháng 5 năm sau, Hiến Tôn cử Bùi Độ đến trận địa ụ ý vấn đề quan sát tình hình dùng binh. Sau khi trở về Trường An,

Bùi Độ đã trình bày với Hiến Tôn: Hoài Tây tất đánh được. Ông còn kiến nghị Hiến Tôn dùng Tiết độ sứ Trung thành - Lý Quang Ngạn dẫn quân ra đánh. Kết quả không đến ba ngày, Lý Quang Ngạn đã đánh quân phiến loạn thua lớn ở Thời Thúc (nay là Đông Bắc Yên Thành - Hà Nam). Nhưng chiến dịch này chưa làm lay động gốc rễ của Ngô Nguyên Tế. Đến Nguyên Hòa năm thứ mười một (năm 816) triều đình lại nhiều lần cất quân thảo phạt Ngô Nguyên Tế, nhưng đều bất lợi. Thế là một số triều thần lại tranh nhau xin thôi đánh dẹp Ngô Nguyên Tế. Bùi Độ dâng tấu nói, cuộc làm phản của Ngô Nguyên Tế như bệnh trong gan ruột, nếu không có cách trừ sớm tất sẽ họa to. Nếu bãi binh đối với Ngô Nguyên Tế thì phiên trấn Hà Bắc, Hà Đông sẽ có thể bắt chước Ngô Nguyên Tế. Được lời khuyên can của Bùi Độ, Hiến Tôn mới trở lại cứng rắn, nói thẳng, bại là việc thường của nhà binh, vấn đề hiện nay là xử trí loạn Ngô Nguyên Tế như thế nào. Chẳng lẽ hễ có thất bại là vứt bỏ quyết tâm dẹp giặc ư? Nguyên Hòa năm thứ mười hai, gian tướng Lý Phùng Cát lại lấy lý do Quân Hưởng Quý bị biếm, xin “nghỉ quân”. Bùi Độ thỉnh cầu được tự do chiến, biểu thị: Thề chết không cùng sống với giặc. Hiến Tôn cử Bùi Độ làm Chương Nghĩa quân Tiết độ, Hoài Tây tuyên úy Chiêu thảo xử trí sứ, đồng thời căn cứ vào kiến nghị của Bùi Độ cử Mã Tổng làm Tuyên úy phó sứ, Hàn Dũ làm hành quân tư mã.

Trước khi lên đường, Bùi Độ vào gặp Hiến Tôn, thề rằng: Chúa lo tôi nhục, nghĩa ở chỗ phải chết. Chưa lấy được đầu giặc, thần không có ngày về. Hiến Tôn cảm động rơi nước mắt. Bùi Độ đến Yên Thành uỷ lạo các quân, tuyên đọc ân hậu của triều đình, cổ vũ sĩ tốt phấn chấn anh dũng tác chiến. Trước đó, các bộ phận quân quan thảo phạt Ngô Nguyên Tế, mỗi lộ tự đánh, không có chỉ huy thống nhất. Bùi Độ làm cho các tướng lĩnh, dưới hiệu lệnh thống nhất mỗi lộ chịu trách nhiệm của mình, đã động viên được tính tích cực của tướng lĩnh, tướng sĩ đều tăng sĩ khí lên nhiều lần. Đồng thời, Bùi Độ thực hành chính sách vỗ về đối với quân dân đang chịu sự thống trị của Ngô Nguyên Tế, những người còn lại đều không hỏi tới, bất kể lúc nào chạy về với quan quân, đều hoan nghênh. Lúc đó, Ngô Nguyên

Tể khống chế quân dân dưới quyền rất nghiêm, qui định không cho phép nói chuyện với nhau trên đường đi, không cho phép đốt đèn ban đêm, không cho phép tặng nhau rượu thịt; làm trái sẽ bị xử theo quân pháp. Quân dân bị Ngô Nguyễn Tế khống chế biết được chính sách của Bùi Độ, lũ lượt qui thuận quan quân. Lính hầu trong trướng Bùi Độ cũng có không ít là lính của Ngô Nguyễn Tế. Không lâu, Lý Tố phá châu Sái (nay là Nhữ Nam Hà Nam) bắt được Ngô Nguyễn Tế. Bùi Độ dẫn vạn lính đầu hàng ở Thời Khúc về Trường An, đến Yến Thành thì gặp Giám quân Lương Thủ Khiêm do Hiến Tôn cử đến. Lương Thủ Khiêm phụng mệnh đến giám sát việc xử chém tướng lĩnh của Ngô Nguyễn Tế, bị bắt hoặc đầu hàng. Bùi Độ kiên quyết không đồng ý, đồng thời tấu xin Hiến Tôn thu hồi lệnh đã ban, bảo toàn được tính mệnh cho rất nhiều bộ tướng của Ngô Nguyễn Tế. Vì có công, Bùi Độ được phong Kim Tử Quang lộc đại phu, Hoảng nguyên quán đại học sĩ, Thượng trị quốc Tấn quốc công, phong hộ ba ngàn.

## **NGHIÊM PHẠT KẸ CẦM ĐẦU, BÌNH ĐỊNH BỐN PHƯƠNG**

Nguyên Hòa năm thứ mười ba (năm 818), triều đình cử quân đánh dẹp Trí thanh Tiết độ sứ - Lý Sư Đạo đã làm phản. Tháng chín năm đó, Ngụy Bác Tiết độ sứ - Điền Hoảng Chính xin phép qua sông, tại Lê Dương (nay là huyện Tuấn - Hà Nam), sau khi hội sư với Nghĩa thành Tiết độ sứ - Lý Quang Ngạn sẽ tấn công. Bùi Độ không đồng ý làm như vậy, kiến nghị với Hiến Tôn, quân của Ngụy Bác sau khi qua sông, phải tấn công ngay mới có thể thành công. Nhưng Điền Hoảng Chính và Lý Quang Ngạn có mâu thuẫn, việc cung ứng lương thực cho quân Ngụy Bác sau khi qua sông có vấn đề, lại đứng nhìn lẫn nhau, nghi ngờ, ắt sẽ làm cho hai quân chần chừ hồi lâu không tiến. Quân Ngụy Bác và quân qua sông không tiến chẳng bằng ở Hà Bắc mà nuôi uy, cho ngựa ăn mài sắc binh đao sẵn sàng ra trận, đợi sương xuống nước cạn, qua sông ở Dương Lưu (nay là Bắc Đông A - Sơn Đông) tiến thẳng về châu Vận (nay là Đông Bình - Sơn Đông) rồi lại đến Dương Cốc (nay là Dương Cốc - Sơn Đông) đóng doanh trại. Như vậy quan quân sẽ người người liều chết tác chiến, còn lòng quân của Lý Sư Đạo

sẽ dao động. Hiến Tôn dùng kế của ông, triệu Điền Hoảng Chính hành động theo kế hoạch của Bùi Độ, quả nhiên bắt được Lý Sư Đạo.

Điền Hoảng Chính đánh Lý Sư Đạo, tiến triển tương đối thuận lợi, cùng với Lưu Ngô, bộ trưởng của Lý Sư Đạo có quan hệ nhất định. Lưu Ngô trị quân không nghiêm, đánh trận đều thua. Vì vậy Lý Sư Đạo mưu chém Lưu Ngô. Sau khi biết tin đó Lưu Ngô lập tức liên hệ với Điền Hoảng Chính, đầu hàng quan quân. Sau khi bình định xong quân phản loạn Lý Sư Đạo, triều đình cử Lưu Ngô làm Nghi thành Tiết độ sứ, đồng thời cử Lưu Thừa Giai, con nuôi thái hậu làm trợ thủ cho Lưu Ngô. Lưu Thừa Giai không coi Lưu Ngô ra gì, thường xuyên làm khó dễ Lưu Ngô. Do Lưu Ngô luôn luôn đối xử khoan dung nhân hậu với bộ thuộc, nên uy tín trong quân rất cao. Tướng sĩ của Lưu Ngô bất mãn trước những việc làm của Lưu Thừa Giai liền bắt giam hắn ta. Lưu Ngô báo cáo việc đó lên triều đình. Mục Tôn hỏi Bùi Độ xử trí như thế nào. Bùi Độ nói: Lưu Thừa Giai ngông nghênh càn rỡ, Lưu Ngô đã từ lâu không chịu đựng nổi. Bây giờ chỉ có chém Lưu Thừa Giai mới có thể làm cho các soái thần có lòng trung nghĩa thề chết trung thành với triều đình, đồng thời còn làm cho bọn giặc cướp bốn phương ngấm sợ. Mục Tôn cho là không thỏa đáng. Bùi Độ lại kiến nghị đẩy Lưu Thừa Giai đến vùng biên giới xa xôi hoang vu. Mục Tôn tiếp nhận, việc đó dân yên. Sau việc này gần 30 năm, phiên trấn triều Đường không xảy ra hoạt động phản loạn quy mô lớn.

## **THỪA CƠ KHUYÊN CAN, KHUYÊN VUA CHĂM VIỆC CHÍNH TRỊ**

Các hoàng đế thời trung, văn Đường ngoài một số ít người như Hiến Tôn còn hỏi han chút ít chính trị ra, phần lớn đều giao cho gian thần nắm quyền, còn mình chỉ thanh, sắc, chó, ngựa, không thân hỏi việc triều chính. Vì vậy Bùi Độ trung trình chính trực đã nhiều lần bị gian thần gạt bỏ ra khỏi kinh thành. Lần thứ nhất Bùi Độ bị gạt ra khỏi Trường An là do ông làm méch lòng gian tướng Trình Dị, Hoàng Phủ Bác. Trình Dị, Hoàng Phủ Bác do vợ vét cướp bóc bằng sưu cao thuế nặng, đã bảo người cầu tiên luyện đan chế



cho Hiến Tôn “thuốc trường sinh”, mà được Hiến Tôn đưa lên làm tế tướng. Bùi Độ đã ba lần dâng thư ra sức bàn về việc không được vơ vét của dân nên đã làm méch lòng Trình Dị, Hoàng Phủ Bác. Bọn chúng tung tin đồn Bùi Độ kết bè kéo cánh làm bậy. Hiến Tôn không hỏi phải trái đúng sai, đã biếm trích Bùi Độ làm Tiết độ sứ Hà Đông. Nhưng ở trong và ngoài kinh thành, Bùi Độ đều có ảnh hưởng sâu rộng, cho nên triều đình có lúc không thể không triệu hồi ông về kinh làm quan. Bùi Độ về đến kinh thành, một mặt tiếp tục đấu tranh cùng gian thần, đồng thời thay đổi sách lược, uyển chuyển khuyên can hoàng đế không nên chỉ chú ý đến vui chơi mà phải chăm chỉ việc triều chính. Mục Tôn là một vị hoàng đế kiêu xa dâm dật. Có một năm ông ta muốn đến Đông Đô Lạc Dương chơi bời. Có đại thần trong triều khuyên can ông ta không nên đi. Mục Tôn nổi giận nói, ý trẫm đã quyết. Quan, cung nhân đi theo đều mang lương thực, không phiên trăm họ. Rồi gọi người ta sửa hành cung Đông Đô. Đại thần không dám nói nữa. Sau đó, Bùi Độ mới thông dong dâng lời can: Quốc gia xây biệt đô, vốn là để bệ hạ tuần du. Nhưng do phiên trấn làm loạn hết năm này sang năm khác, cung khuyết Đông Đô cũng như nơi khác, đều hoang vắng. Nên cho sửa chữa như mới, sau đó bệ hạ mới có thể đi. Nghe xong Mục Tôn phần khởi nói, quần thần can trẫm không được thế. Liền bỏ chuyện đi thăm đó. Mục Tôn ghét nhất là ngồi tại triều nghe chính sự, Bùi Độ can rằng, trước đây cứ một tháng bệ hạ lên triều nghe chính sự khoảng sáu, bảy lần. Người trong thiên hạ biết là bệ hạ chăm chính sự, bọn tặc thần ở Hà Sóc đều vì việc đó mà sợ hãi. Gần đây bệ hạ lên triều ngày càng ít, sợ rằng tấu bẩm của nhiều việc lớn vì đó mà bị cản trở. Bệ hạ ưa thích đạo di dưỡng. Nhưng đạo di dưỡng nếu thuận với thời gian thì sáu khí hòa bình, giữ được tuổi thọ lâu dài. Phép của đạo gia: Xuân hè dậy sớm từ lúc gà gáy; thu đông mở tiệc vào lúc mặt trời mọc. Đó là vì lúc dương, lấy âm để thắng; lúc âm lấy dương để thắng. Bây giờ đang lúc thịnh hạ, nên lên triều sớm, hỏi han được nhiều; đến trưa, khí trời nóng bức đáng sợ, bệ hạ lên triều nghe chính sự sẽ rất vất vả! Mục Tôn cảm xúc hiểu ra mình lơ là việc chính sự đã lâu, vui vẻ tiếp nhận lời khuyên can đó.

## 80. SÀI VINH

### NĂM THỜI CƠ RA QUYẾT SÁCH, LẤY LỢI MỞ BIÊN CƯƠNG

Sài Vinh (năm 921 - 959) là hoàng đế thứ hai của Hậu Chu thời Ngũ Đại, tức Chu Thế Tôn. Thời gian ở ngôi của ông rất ngắn, chỉ sáu năm nhưng sử đã gọi là: “anh nghị hùng kiệt, trong thời loạn mà chỉ trong sáu năm ngăn ngui, danh tiếng uy vũ đã làm kinh động Di, Hạ”, năm thời cơ ra quyết sách ngoài dự tính. Ông là người ở Long Môn, Châu Hình (nay là Tây Nam Hình Đài - Hà Bắc), vốn là con trai Sài Thủ Lễ, một chủ trang viên. Lúc nhỏ do người chồng cô là Quách Uy không có con mới nuôi ông làm con nuôi và đổi họ thành họ Quách gọi là Quách Vinh. Tuổi trẻ ông đã từng buôn bán, đi không ít nơi. Năm 947 thời Hậu Hán đã giữ chức Tả giám môn vệ đại tướng quân, năm 950 giữ chức Thiên Hùng quân Nha nội đô chỉ huy sứ. Mùa đông năm 950, vương triều Hậu Hán xảy ra đảo chính, Quách Uy khởi binh vào Khai Phong, xây dựng chính quyền Hậu Chu, xưng đế, Sài Vinh được cử làm Tiết độ sứ châu Thiên (nay là Bộc Dương - Hà Nam), sau đổi giữ chức Khai Phong doãn, phong Tấn Vương, thống quản binh mã thiên hạ và cấm quân. Năm 954, Quách Uy (Chu Thái Tổ) ốm chết, Sài Vinh mới 33 tuổi, kế vị làm vua.

Sau khi lên ngôi, Sài Vinh luôn trưng cầu quần thần về đạo trị nước. Năm 955 hạ lệnh cho quần thần mỗi người phải viết một bài “Bàn về làm vua khó làm tôi không dễ” và một bài “Kế sách bình biên giới”, từ đó, phát hiện không ít kiến nghị tốt. Ví dụ Vương Phác cho rằng nên tổng kết bài học lịch sử từ Hậu Lương đến nay, thay đổi cục diện chính trị “Vua tốc thần tà, binh kiêu dân khổ, gian đảng nắm quyền trong triều, vũ phu ngang ngược ngoài cõi”, cần phải “tiến người hiền để thu nhân tài, giữ ơn thành tâm để đoàn kết lòng người, hết sức thưởng công, phạt tội, bỏ xa hoa, tiết kiệm tiêu dùng để giàu thêm của cải”. Những kiến nghị này được Sài Vinh

khen ngợi, trở thành phương châm trị nước của ông. Dưới sự chỉ đạo của các phương châm đó, ông đã quyết đoán áp dụng một loạt biện pháp cải cách chính trị, kinh tế.

*Thứ nhất*, về chính trị cải cách loại bỏ những tệ hại chính trị. Ông bãi bỏ con đường quan liêu thủ cựu, chú ý tuyển dụng người mới. Sử khen ông là “giỏi phát hiện kỳ tài, thu lấy cái hay”. Hữu gián nghị đại phu Lưu Nhục tuyển dụng nhân tài không thỏa đáng bị giáng quan. Năm 955 và 958 thi tiến sĩ đều tiến hành khảo sát lại, lấy năm 955 làm ví dụ, lúc đầu vốn lấy đỗ 16 người, khi khảo sát lại cập đệ chỉ còn 4 người. Làm như vậy ông đã nhanh chóng tuyển dụng được một loạt nhân tài giỏi giang già dặn, trong đó có nhiều người đến thời Bắc Tống vẫn là trọng thần của triều đình. Ông không hề nể nang bọn tham quan ô lại, như Tả Dực Lâm đại tướng quân Mạnh Hán Khanh dung túng bộ hạ vợ vét của trăm họ. bị xử tử, Thứ sử châu Lai - Sử Diệp Lỗ nhận hối lộ 15.000 tấm lụa, 1.000 xâu tiền, bị xử tử; Phòng ngự sử châu Sở - Trương Thuận, ăn cắp tiền thuế 50 vạn, tơ 2000 lạng, bị xử tử.

Ông đề xướng tiết kiệm sức người sức của. Ông còn áp dụng biện pháp thanh sát hộ khẩu, chỉnh đốn lý giáp, cất hoặc sáp nhập hương thôn, tăng cường xây dựng tổ chức cơ sở; mở rộng chức quyền của Trung thư, môn hạ, tinh giảm bớt nấc hành chính, nâng cao hiệu suất công tác của chính phủ.

*Thứ hai*, thay đổi tình trạng loạn pháp, hình phạt hà khắc. Lệnh cho Ngự sử thống nhất pháp luật cả nước, sửa chữa hình phạt, năm 958 công bố “Thống nhất hình sự Đại Chu”, kết thúc tình trạng từ sau cuối Đường, vũ phu trị quốc, loạn pháp luận, hình phạt hà khắc. Bộ hình pháp này, sau đó được triều Tống kế thừa, chiếm một địa vị quan trọng trong lịch sử pháp chế Trung Quốc.

*Thứ ba*, khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp. Từ sau cuối Đường, chiến loạn kéo dài, dân cư lưu động với số lượng lớn, đất đai bỏ hoang rất nhiều, Sài Vinh đã cho phép khai hoang và cho ưu đãi. Năm 953

hạ lệnh đem quan điền chia lâu dài cho những người thiếu ruộng, đã nâng cao tính tích cực sản xuất của nông dân. Năm 955 lại bắt tay giải quyết biện pháp xử lý cái gọi là “ruộng vườn của những hộ bỏ chạy” qui định ruộng vườn mà “hộ bỏ chạy” để lại, cho phép nông dân lĩnh canh cày cấy, nếu chủ ruộng trong ba năm trở về quê thì được hưởng một nửa, năm năm mới trở về quê thì chỉ được trả lại một phần ba, những hộ lĩnh canh tự bỏ sức mình ra xây dựng nhà cửa và trồng trọt, cây vườn thì không phải giao trả; Người ngoài năm năm mới trở về, trừ đất mồ mả ra, tất cả ruộng vườn đều không trả lại. Xem xét tới việc ở vùng biên giới phía Bắc, quân Liêu thường tới bắt người cướp của, thì biện pháp xử lý lại càng khoan dung: Trong năm năm trở lại quê, trả lại hai phần ba; Trong mười năm trở lại quê, trả lại một nửa, trong 15 năm trở về quê, trả lại một phần ba. Còn qui định ruộng vườn của hộ lưu vong, nếu không có người nhận lĩnh canh cấy trồng thì châu, huyện nên tìm cách trao trả lại hộ đó, hoặc do hộ khác xin cấy trồng làm nghề lâu dài. Trả lại hộ cũ hoặc giao cho hộ khác, năm thứ nhất đều miễn nộp tô thuế. Chính sách như vậy kết hợp ruộng đất và sức lao động với nhau làm cho nông dân bám vào ruộng đất đã có tác dụng tích cực trong việc khôi phục phát triển sản xuất nông nghiệp.

*Thứ tư*, giảm miễn thu thuế không hợp lý. Bắt đầu từ thời kỳ Hậu Lương thống trị đem một phần trâu bò cày ruộng chia cho nông dân, nông dân phải hàng năm nộp thuế trâu bò. Sau đó dù trâu bò có chết nhưng vẫn phải nộp đủ thuế. Sài Vinh đã bãi bỏ thuế trâu bò. Năm 954 ra lệnh, phạm thiếu thuế hè thu năm trước, nếu trước đây theo tập quán phải tịch thu của cải vải vóc, nay đều tha miễn. Đồng thời còn bãi bỏ rất nhiều sưu dịch không hợp lý. Năm 958 đã công bố “bản đồ quân điền” để làm căn cứ thống nhất cho các địa phương thu thuế ruộng, lại cử Tả Tán Kỵ thường thị Ngãi Dĩnh... đến 60 châu, huyện điều tra xem xét ruộng của dân, định đều tô thuế, tìm ra rất nhiều đất trốn thuế, chỉ riêng Khai Phong đã tìm ra hơn 42.000 khoảnh ruộng che giấu, trốn thuế.

*Thứ năm*, phá bỏ hàng loạt lớn chùa viện, ra lệnh cho phần lớn tăng ni hoàn tục. Phật giáo từ sau Nam, Bắc triều phát triển quá nhanh, chùa viện

trong nước mọc lên như rừng, tăng ni hàng triệu, rất nhiều kẻ trốn nộp thuế dịch đã giả làm tăng ni, thậm chí đem ruộng vườn giả làm ruộng chùa, quân lính đào ngũ, tội phạm chạy trốn thường đến chùa viện. Năm 955 hạ lệnh trừ những chùa viện nổi tiếng được hoàng đế sắc phong được bảo lưu ra, tất cả chùa, miếu phật giáo còn lại đều nhất loạt phá bỏ; nếu châu huyện không có chùa, viện nằm trong số “sắc phong” thì có thể chọn trong số chùa, viện bị phá bỏ cái lớn nhất lưu lại cho tăng ni mỗi loại một cái. Các tăng ni trong các chùa bị phá bỏ đều hoàn tục về làm nông dân. Theo thống kê, tổng cộng đã phá bỏ 30.336 ngôi chùa, viện; tăng ni hoàn tục gần một triệu người, các tượng Phật bằng đồng bị phá bỏ đều dùng để đúc tiền, tăng thêm tiền tệ lưu thông.

*Thứ sáu*, ra sức làm thủy lợi. Biện thủy khuyết khẩu từ cuối Đường lâu dài không sửa chữa, sau mấy năm liền sửa chữa, về Bắc đã chảy vào Ngũ trượng hà, còn Thế thủ thông đến Lương Sơn Bạc, rồi lại xuống Nam chảy vào Sái Thủy, làm cho việc vận tải đường thủy từ Trần Sái (nay là Hoài Dương - Hà Nam) đến Dĩnh (nay là Phụ Dương - An Huy) thông suốt. Lại xây cửa cống ở Biện Khẩu, để điều tiết lượng nước Hoàng Hà chảy vào Biện Thủy. Lại dẫn nước sông chảy đến Hoài, làm cho thuyền bè đi lại được ở Giang Hoài. Và như vậy đã làm cho Khai Phong không những trở thành đầu mối giao thông thủy bộ, mà còn thúc đẩy nông nghiệp vùng duyên hải phát triển. Năm 954 còn cho 6 vạn đình phu sửa chữa trị lý hạ du Hoàng Hà. Năm 959 sông Hoàng Hà vỡ ở Nguyên Vũ (nay là Nguyên Dương - Hà Nam) đã cho 2 vạn đình phu hàn khẩu. Lại trước sau khai thông Tuấn Kinh thủy, tưới tiêu cho ruộng; khai thông sông Hồ Lô, xây thành huỷ lô cốt ở cửa Lý Yến, khiến Khiết Đan không dám lợi qua sông.

Về quân sự, Sài Vinh cũng đã thu được thành tựu khác thường. Khi ông vừa nối ngôi, Bắc Hán dốc hết sức nước, mang hơn hai vạn binh lực do chúa Bắc Hán Lưu Sùng thân soái lĩnh, được sự hiệp trợ của hơn một vạn viện quân Khiết Đan, nhân lúc Chu Thái Tổ chết, lòng người dao động, cất quân xâm lược miền Nam. Sài Vinh được tin báo nguy từ châu Lộ (nay là Trường Trị - Sơn Tây) nhận thức được rằng cuộc chiến tranh này có thắng

được hay không có quan hệ trực tiếp tới sự tồn vong của Hậu Chu, nên quyết ý thân chinh. Tháng 3 năm 951 đã công bố quyết sách chiến lược phản kích ba đường, một đường từ châu Từ (nay là huyện Từ - Hà Bắc) theo hướng Tây Bắc đi tắt vào sau quân Bắc Hán; một đường từ châu Tấn (nay là Lâm Phần - Sơn Tây) theo hướng đông công kích cánh phải quân Bắc Hán; một đường đến châu Trạch (nay là Tấn Thành - Sơn Tây) gặp quân Bắc Hán ở Cao Bình. Lưu Sùng chúa Bắc Hán thấy quân Hậu Chu ít, cho rằng quân Hán của mình có thể thắng, liền lệnh cho quân Khiết Đan không cần phải xuất chiến. Sài Vinh chỉ huy ba đạo quân tả, hữu, trung xông vào chém giết quân địch. Quân hai bên đánh nhau, không ngờ hữu quân Phần Ai Năng, Hà Huy sợ hãi, chưa đánh đã tan, để xoay chuyển cục thế nguy hiểm, Sài Vinh tự dẫn thần binh, mạo hiểm xông vào hòn tên mũi đạn đốc chiến, quân Bắc Hán thua lớn, Lưu Sùng chỉ còn dẫn hơn một trăm quân kỵ chạy về Thái Nguyên. Quân Khiết Đan thấy thế quân Chu thịnh, không đánh đã lùi.

Sau chiến thắng ở Cao Bình, tuy có một đạo Sài Vinh thừa thắng tiến hành phản kích chiến lược, có ý định tiêu diệt Bắc Hán. Nhưng Thái Nguyên thành lũy kiên cố, vây lâu mà không hạ được, lại gặp mưa dầm liên miên, lương thực không tiếp tế được, sĩ tốt bệnh ốm, đành phải rút quân. Trong quá trình đại quân rút lui, kỷ luật, tổ chức đội ngũ rời rã, quân nhu, lương thực bị mất rất nhiều, khi việc cướp bóc, vợ vét tài sản của trăm họ đã xảy ra, đã bộc lộ những thiếu sót lớn là tổ chức quân đội cực kém. Về đến Khai Phong, Sài Vinh đã quả đoán, mạnh mẽ chinh đốn quân đội. Hơn 70 tướng lĩnh, quan lại vào trận là bỏ chạy như bọn Phần Ái Năng, Hà Huy... đã bị chém ngay toàn bộ ở Cao Bình, đến lúc này lại đem các quan lại dung túng cho cấp dưới và sĩ tốt cướp bóc của trăm họ, ai đáng xử tử thì xử tử (như Tả Vũ lâm Đại tướng quân, Mạnh Hán Khanh), ai đáng phải đi đầy thì cho đi đầy (như Hữu đôn vệ tướng quân, Tiết Thuận). Sài Vinh tuyên bố: Binh quý ở tinh chứ không cần nhiều. Nay một trăm nông phu chưa chắc đã nuôi được một giáp sĩ. Chẳng lẽ bóc lột dân để nuôi vật vô dụng ấy à? Liền ra lệnh tinh giản các quân, những người vũ dũng mạnh

khỏe lưu lại, bị thương, tàn tật, khiếm nhược thì cho về làm ruộng. Lại chiêu mộ tráng sĩ bốn phương, tăng cường luyện tập, rồi từng người một lựa chọn, bổ sung vào các ban Điện Tiền. Làm như vậy đã thay đổi được tình trạng gốc yếu đầu mạnh, phiên trấn uy hiếp triều đình từ cuối Đường đến nay, nâng cao tổ chất quân đội một cách rõ rệt.

Sài Vinh còn tiến hành có thứ tự việc Tây phạt, Nam chinh, Bắc thảo.

Hậu Chu có láng giềng phía Tây là Hậu Thục, phía Nam giáp Nam Đường, phía Bắc có Khiết Đan và Bắc Hán, bốn phía đều là địch. Sài Vinh đã có kế hoạch đánh phá từng nước một để tạo nên tình hình tốt đẹp - cả nước thống nhất, sử chép: “Hậu Chu, giáp binh thịnh vượng, cận đại không so sánh nổi”.

Việc dùng binh thời kỳ đầu của Sài Vinh là mong củng cố Trung Nguyên, việc đánh dẹp Hậu Thục chỉ là vì mục tiêu chiếm lấy châu Tân (nay là Thiên Thủy - Cam Túc), châu Phượng (nay là huyện Phượng - Thiểm Tây), nhưng quân đội cử đi, lúc bắt đầu tiến triển không nhanh, tế tướng vì việc vận chuyển lương thực khó khăn đã xin bãi binh. Sài Vinh cử Triệu Khuông Dẫn đến thực địa điều tra, thấy rõ là có căn cứ chắc chắn, nên quyết tâm tiếp tục tiến đánh. Quả nhiên đánh Hậu Thục thua, chiếm luôn được bốn châu Phượng, Tần, Thành, Giai.

Sau khi đã củng cố phòng tuyến biên giới phía Tây, từ năm 955 đến năm 958, Sài Vinh đã Nam chinh Nam Đường. Để làm cho trước mặt và sau lưng Nam Đường đều có địch, Sài Vinh còn ra lệnh cho các nước phụ thuộc là Ngô, Việt, Sở... tiến công Nam Đường từ hai mặt Đông Tây, kiềm chế binh lực Nam Đường. Tháng 3 năm 956, Nam Đường cắt đất xin hòa, Sài Vinh yêu cầu Nam Đường, vứt bỏ toàn bộ vùng đất Giang Bắc. Nhưng do ở Thường Châu, Nam Đường đã đánh bại quân Ngô Việt, lại có ưu thế về thủy quân, nên quyết định tiếp tục tác chiến với Hậu Chu. Thấy trong nhất thời chưa thể giành thắng lợi, Sài Vinh đã đồng thời một mặt tác chiến, một mặt nắm chặt thời gian xây dựng thủy quân. Đã đóng được hàng trăm chiến thuyền, từ Mẫn Hà đi qua Dĩnh Hà vào Hoài, công kích một cách bất ngờ



Nam Đường. Ở Hoài Nam, Nam Đường đã bị đánh thua về cả thủy, bộ, đành hàng phục. Mùa xuân năm 958, Nam Đường cắt 60 huyện 14 châu ở Giang Bắc đưa về Hậu Chu, lại biểu thị mỗi năm tiến cống 10 vạn lạng bạc, 10 vạn tấm lụa, 10 vạn quan tiền, 5 vạn kg chè, 10 vạn kg gạo, lúa mì. Nghe tiếng như vậy, Nam Hán cũng cử sứ giả đến cống.

Sau khi bình định biên cương phía Nam, Sài Vinh quyết định kết thúc cục diện chia cắt lâu dài từ năm đời mười nước (Ngũ đại thập quốc) đến nay. Tháng tư năm 959, ông thân dẫn quân Bắc phạt Khiết Đan, cả quân thủy bộ cùng tiến, Thủ tướng Khiết Đan lữ lượt xin hàng, tháng năm đã thu phục 17 huyện của ba châu Doanh, Mô, Dịch. Chính đang vào lúc chuẩn bị chiếm châu Ung, thì do Sài Vinh bị bệnh nặng, đành phải rút quân về. Tháng 6, ông ốm chết ở Khai Phong. Tình thế thống nhất toàn quốc mà Sài Vinh tạo ra, đã đặt cơ sở cho việc sau này Bắc Tống thống nhất Trung Quốc.

## 81. TRIỆU KHUÔNG DẶN

### BUỘC PHẢI LÀM, THÀNH THỐNG NHẤT

### RÀNG BUỘC, BÌNH LOẠN THẾ

Triệu Khuông Dận (năm 927 - 976), tổ tịch ở châu Trác (nay là thành phố Châu Trác, tỉnh Hà Bắc), đời đời là tướng. Khi Triệu Khuông Dận ra đời, vương triều Đại Đường đã tan rã, xã hội Trung Quốc bước vào thời kỳ phân liệt loạn lạc của Ngũ đại thập quốc. Trong thời đại thời loạn sinh anh hùng, các anh hùng đấu võ ấy, Triệu Khuông Dận với trí tuệ và đảm lược hơn người của mình, đã rong ruổi trên vũ đài lịch sử, khiến cho ông từ một kẻ lưu lãng phiêu bạt quê người lấy bốn biển làm nhà đã được lịch sử sùng bái như là một anh hùng làm yên đời, sánh vai cùng Đường Thái Tông Lý Thế Dân.

### THEO ỨNG MỘ THAM GIA QUÂN ĐỘI,

### TRỞ THÀNH TƯỚNG LĨNH TỐI CAO CỦA CẨM QUÂN

Triệu Khuông Dận không chỉ đánh nhau vô cùng dũng cảm mà còn giỏi xuất mưu định kế, nên được thăng cấp rất nhanh. Hậu Hán, Thiên Phúc năm thứ mười hai (năm 947), Triệu Khuông Dận kết thúc cuộc đời sống lưu lạc chân trời, theo ứng mộ tham gia quân đội, dưới trướng Hậu Hán khu mật sứ Quách Uy (sau là Chu Thái Tổ) làm một người lính bình thường. Tham gia quân đội chưa lâu, đã tham gia cuộc binh biến của Quách Uy thay Hán, sau khi việc thành được làm Đông Tây hành đạo (một cấp tướng lĩnh thấp của cấm quân). Khi Sài Vinh (con nuôi Quách Uy) nhận chức Khai Phong phủ doãn, đã điều ông về làm Khai Phong phủ mã trực quân sứ. Sau khi Sài Vinh nối ngôi vua, lại điều ông về Cẩm quân.

Triệu Khuông Dận dẫn quân đánh nhau không bao giờ mạo hiểm, mà nói chung đều tính mưu định kế rất kỹ. Thời Ngũ đại, Nam Đường cử Tề vương Lý Cảnh Đạt, đánh Lục Hợp thành của Hậu Chu, đóng quân ở Ly

Thành. Quân Nam Đường hạ trại dọc theo sông 10 dặm, cố thủ không tiến, giăng co với Thủ tướng Triệu Khuông Dận nhà Hậu Chu. Lúc này Triệu Khuông Dận chỉ có hai nghìn người ngựa, tướng sĩ dưới quyền yêu cầu ra đánh. Triệu Khuông Dận không đồng ý nói: Địch nhiều ta ít, xuất kích không có lợi cho chúng ta. Không bằng chờ đợi quân địch tiến tới xâm phạm mới đánh trả lại, có như vậy mới đánh bại được chúng. Thế là hai bên án binh bất động. Mấy hôm sau, Lý Cảnh Đạt thấy quân Chu không ra đánh, cho là quân Chu khiếp sợ, liền dẫn quân tiến thẳng đến Lục Hợp. Triệu Khuông Dận đột nhiên ra khỏi thành nghênh chiến mạnh mẽ, quân Nam Đường trở tay không kịp, thua lớn bỏ chạy, bị giết bị bắt làm tù binh 5000 người, người chết đuối rất nhiều. Qua trận đánh này, bộ đội tinh nhuệ của Nam Đường đã bị đánh gục. Trong chiến đấu, Triệu Khuông Dận đi trước sĩ tốt, vừa chiến đấu, vừa lưu ý kiểm tra, xem trong sĩ tốt có ai không hết sức đánh địch, liền dùng kiếm rạch da họ, sau đó hễ ai có vết kiếm đều nhất loạn chém đầu. Triệu Khuông Dận nói: Để lại những binh sĩ như vậy, không chỉ vô dụng mà còn có thể trở thành con ngựa hại đàn. Và lấy việc này để dạy bảo những sĩ tốt không hết lòng với chiến sự. Từ đó trở đi, sĩ tốt dưới quyền Triệu Khuông Dận khi ra trận đều dũng cảm tranh nhau tiến lên trước.

Năm 954, Triệu Khuông Dận theo Sài Vinh chống lại cuộc tiến công liên hợp của Bắc Hán và nước Liêu. Trước khi ra trận, Triệu Khuông Dận cố vũ tướng sĩ hết mình vì nước, đồng thời vỗ ngựa xông lên trước, những người theo sát sau ra sức chém giết, kết quả đánh cho liên quân Hán - Liêu thua to. Trong trận này, Triệu Khuông Dận lập công lớn, Sài Vinh càng quý trọng, đề bạt ông làm Điện tiền Đô Ngu hầu. Sau đó mấy lần thăng cấp, cuối cùng Triệu Khuông Dận đã trở thành tướng lĩnh tối cao, lãnh đạo cấm quân.

## **BINH BIẾN Ở TRẦN KIỀU, MẶC HOÀNG BÀO XUNG ĐẾ LÊN NGÔI**

Tháng giêng năm 960, vua tôi trăm họ trong kinh thành nhà Hậu Chu đang vui mừng đón xuân, đột ngột nhận được tin tình báo khẩn cấp từ biên thùy đưa lại: Bắc Hán và nước Liêu đang liên hợp cử binh xâm phạm. Trong chốc lát, trên dưới trong thành một đám hỗn loạn, tể tướng Phạm Chất không phân biệt thật giả, vội cử Triệu Khuông Dận dẫn quân xuất chinh. Đại quân đi đến trạm dịch Trần Kiều cách kinh thành 20 cây số về phía Đông Bắc, các tướng sĩ đã cho hạ trại ngay tại chỗ, nghỉ ngơi. Vào lúc canh năm, các quân sĩ tụ tập trước cửa quán dịch Trần Kiều, phao tin ủng hộ Điện tiền Đô Kiểm Triệu Khuông Dận làm thiên tử. Đến lúc trời sáng các quân sĩ đã tiến sát đến phòng ngủ của Triệu Khuông Dận. Triệu Khuông Nghĩa chạy vào báo cáo. Triệu Khuông Dận đứng dậy. Các vị tướng lĩnh, hiệu đều cầm vũ khí đứng trước phòng, nói đại quân các lộ đều không có chủ soái, đều muốn ủng hộ Thái úy làm Thiên tử. Triệu Khuông Dận còn chưa kịp trả lời, thì mấy người này đã mang hoàng bào chuẩn bị từ trước, khoác vào người ông. Thế rồi lần lượt quỳ xuống, dập đầu, hô lớn “muôn năm”, tiếp đó dìu Triệu Khuông Dận ngồi lên ngựa. Triệu Khuông Dận kéo hàm thiếc ngựa nói với các tướng: Nếu ta ra lệnh, các người có theo không. Mọi người đều xuống ngựa hưởng ứng, nói: Có lệnh là theo. Triệu Khuông Dận nói: Đối với thái hậu, chúa thượng, ta lấy thân phận thần tử hầu hạ họ, các người không được làm kinh động, mạo phạm họ; các quan đại thần văn võ trong triều đều ngang hàng với ta, kẻ vai mà đi, các người không được xâm phạm làm nhục họ. Phủ quân triều đình cũng như nhà cửa trăm họ, đều nhất loạt không được xâm phạm cướp đoạt. Nghe theo mệnh lệnh sẽ được trọng thưởng, vi phạm mệnh lệnh sẽ cho các người chết cùng con cháu. Các tướng một lần nữa quỳ lạy biểu thị phục tùng, sau đó chỉnh đốn đội ngũ hướng về kinh sư xuất phát. Không lâu, Triệu Khuông Dận chính thức lên ngôi xưng đế. Đó chính là sự kiện lịch sử “Bình biến Trần Kiều mặc hoàng bào vào người” xảy ra trong lịch sử Trung Quốc.

**THÂN MẠNH, CẢNH YẾU,  
CHÉN RƯỢU TƯỚC BINH QUYỀN**

“Nước giỏi nhờ tướng, tướng giỏi nhờ quân”, “quân kiêu ắt đuổi soái, soái mạnh ắt phản trên”, Triệu Khuông Dận biết rõ đạo lý đó, nhưng làm thế nào mới có thể thu hồi được binh quyền của các đại tướng đây? Vào khi ông làm hoàng đế được hai năm (năm 961) có một hôm, Triệu Khuông Dận mời các tướng lĩnh cao cấp vào cung uống rượu. Chỉ thấy trong cung treo đèn kết hoa, tiếng trống tiếng nhạc, cốc chén bày đầy, hát múa nhẹ nhàng. Các tướng lĩnh theo thứ bậc ngồi vào ghế, thấy quang cảnh thái bình thịnh vượng mọi người đều cười nói vui vẻ nâng chén uống thoải mái. Vào lúc mọi người uống đã tương đối, Triệu Khuông Dận cho người hầu tá hữu lui ra, chỉ giữ lại một số bạn cũ, công thần, rồi nói với bọn tướng soái Thạch Thủ Tín v.v... rằng: Không có sức của bọn người, ta không được thế này, nhưng làm thiên tử cũng rất khó. Không sướng bằng làm Tiết độ sứ, ta suốt đêm chẳng được gối cao ngủ yên. Bọn Thạch Thủ Tín vội hỏi nguyên nhân, Triệu Khuông Dận nói: Không khó biết đâu, ngồi ở cái ghế này, ai chẳng muốn! Trong chốc lát các tướng cả sợ, vội rời chỗ ngồi, quì xuống khấu đầu: Sao bệ hạ lại nói những lời như vậy? Nay thiên hạ đã định, ai lại dám khác lòng! Triệu Khuông Dận trả lời: Bọn khanh cố nhiên như vậy, nhưng nếu có kẻ muốn phú quý, một khi lấy hoàng bào mặc vào người nó, tuy không muốn, nhưng có được không. Các đại tướng cúi đầu khóc nói: Bọn thần ngu không nghĩ đến điều đó, mong bệ hạ chỉ cho con đường sống. Đến lúc này Triệu Khuông Dận mới nói thực, rằng đời người như bóng câu qua cửa, coi gọi là vinh hoa phú quý chẳng qua là tích góp được nhiều vàng bạc, vui chơi giải trí thoải mái, con cháu không phải nghèo hèn là được. Các người sao không vứt bỏ binh quyền, ra trấn giữ đại Phiên, mua nhà mua đất, để lại cho con cháu sản nghiệp mãi mãi không mất; rồi tìm nhiều con hát, vũ nữ ngày uống rượu ngon vui vầy, qua một cuộc đời suốt ngày dễ chịu. Ta cùng các người kết làm người thân. Như vậy giữa vua tôi không còn nghi kỵ, trên dưới cùng yên, chẳng phải tốt ư! Bọn tướng lĩnh Thạch Thủ Tín v.v... liên tục bái tạ. Từ hôm thứ hai, loạt tướng lĩnh cao cấp ấy đều xưng lệnh không thể lên triều, yêu cầu từ chức trong quân đội. Triệu Khuông Dận thuận nước đẩy thuyền, ban thưởng hậu cho các tướng lĩnh, theo đó cũng bãi miễn chức vụ trong quân đội của họ, cử họ ra ngoài nhậm

chức Tiết độ sứ. Đó chính là sự kiện “Chén rượu tước binh quyền” có tiếng trong lịch sử.

## **LÀM YẾU QUYỀN LỰC ĐỊA PHƯƠNG, TRỪ TẬN GỐC HOẠ PHIÊN TRẤN**

Sự cát cứ Phiên Trấn cuối đời Đường và thời gian phân biệt lớn Ngũ đại hợp quốc, đã hình thành một bộ thể chế chính trị có lợi cho việc phân liệt cát cứ. Để củng cố thống nhất phải dùng biện pháp nào để cải cách được bộ thể chế chính trị đó? Triệu Khuông Dận suy nghĩ rất lâu, quyết định cùng bàn mưu lược với các đại thần. Một hôm Triệu Khuông Dận triệu kiến Triệu Tấn, hỏi: Thiên hạ từ cuối Đường đến nay, trong mấy chục năm để vương đã thay đến tám họ, chiến tranh không ngừng, dân chúng lầm than, là vì duyên cớ gì? Ta muốn làm cho việc chiến tranh trong thiên hạ dừng lại, để đất nước được ổn định lâu dài, thì phải làm thế nào? Triệu Tấn trả lời: Điều đó không có duyên cớ gì khác, chẳng qua là Phiên Trấn quá nặng, vua yếu tội mạnh mà thôi. Bây giờ phải xoay chuyển cục diện đó, và cũng chẳng có biện pháp gì khác chỉ có “Đoạt bớt quyền lực; hạn chế tiền lương, thu lấy tinh binh” của Phiên Trấn, thì thiên hạ tự nhiên ổn định. Triệu Khuông Dận cho rằng lời nói của Triệu Tấn rất phù hợp với cách nghĩ của mình, mới đem mười hai chữ đó làm phương châm cơ bản cho việc trừ tận gốc họa Phiên Trấn.

Biện pháp chủ yếu để “đoạt bớt quyền lực” là bố trí thêm thông phán, bãi bỏ chi quận. Bố trí thêm thông phán bắt đầu vào năm 963 khi mới đánh được Hồ Nam. Sau đó châu, phủ các nơi dựa vào có công việc nhiều bận, phổ biến đặt thêm một, hai viên Thông phán số lượng không nhất thiết bằng nhau. Thông phán “giám sát quận”, người này và Tri châu kiểm chế lẫn nhau. Việc công một châu, chỉ khi nào cả Tri châu, Thông phán cùng ký nghị liên thư, thì mới có hiệu quả, mới được thi hành. Phiên Trấn vốn có vài châu đến vài chục châu, châu mà Tiết độ sứ ở, gọi là “Hội phủ”, các châu thuộc quyền quản hạt của ông ta gọi là “Chi quận”. Bỏ Chi quận, tức là huỷ bỏ quyền thống trị quản hạt của Tiết độ sứ đối với các châu, làm cho

các châu đều trực thuộc trung ương. “Kiềm chế tiền gạo” là thu hồi đoạt lại quyền tài chính của các Phiên Trấn. Kể từ Đường Đức Tôn, Kiến Trung nguyên niên (năm 780) thực hành phép hai thuế đến nay, thu nhập hai thuế của địa phương luôn luôn chia làm ba bộ phận, một là nộp lên trên, hai là tông sứ (còn nếu ở hội phủ mà nói thì tông sứ được gọi là lưu sứ), ba là để lại châu. Tiết độ sứ phần nhiều đều dùng danh nghĩa để lại sứ, để lại châu, khẩu lưu sưu thuế, dùng làm quân phí, phần nộp lên triều đình hầu như là con số rất nhỏ. Việc thu thuế buôn bán, nơi chuyên bán chè muối, trong vùng quản hạt của Phiên Trấn, về danh nghĩa là trực thuộc ba ty trung ương, nhưng Tiết độ sứ cũng cử nha lại thân tín, chủ trì, phi pháp thu thập nhiều, mà chỉ theo định ngạch nộp lên trên, toàn bộ phần vượt quá định ngạch giữ lại cho mình. Ngoài ra, Tiết độ sứ còn cử nha lại thân tín đi đến các đạo kinh doanh buôn bán, danh nghĩa là việc chung, nên dọc đường không nộp thuế buôn bán, kiếm được vô số tiền bạc. Nhằm thẳng vào bệnh này, Triệu Khuông Dận hạ lệnh đặt Trường vụ giám quan, đồng thời thường xuyên cử quan trong triều ra ngoài giám sát; lại qui định các loại thuế mà địa phương thu được, ngoài việc hành chính phải chi tiêu ra còn lại đều phải đưa về kinh sứ, các châu không được để lại, chiếm giữ. Biện pháp này được thực hiện ngay trong năm Triệu Khuông Dận lên ngôi, sau đó Triệu Quang Nghĩa lại cấm các thần, liêu trong ngoài không được đi các nơi buôn bán, tranh lợi với dân.

Về mặt “thu lấy tinh binh” tháng năm năm Hiệụ Thục (năm 965) đã ra lệnh cho trưởng lại các châu, lựa chọn các binh sĩ kiêu dũng trong nội bộ, đưa xuống các đô, để bổ sung cho việc thiếu quân ở Cấm, Lữ. Như vậy quân đội lệ thuộc các châu chỉ còn lại những binh lính không có sức chiến đấu. Đồng thời dùng văn thần thay thế Tiết tướng. Như vậy đã làm suy yếu lực lượng quân sự địa phương đi rất nhiều. Thời Ngũ đại động loạn đã xuất hiện cục diện “nước giỏi vì tướng, tướng giỏi vì quân” Triệu Khuông Dận vì nắm chắc được cấm quân, với sự ủng hộ của kiêu binh cướp được chính quyền Hậu Chu. Vì vậy ông cũng có sự lĩnh hội sâu sắc về tính nguy hiểm khi quyền lực của tướng lĩnh cấm quân quá lớn. Thế nhưng tướng lĩnh cấm



quân thời kỳ mới xây dựng nước, có người là bạn bè tốt trước đây, có người là anh em kết nghĩa cũng có người là người trực tiếp tham dự và sách hoạch việc lập mình, nên xử trí với họ như thế nào, nhất thời Triệu Khuông Dận khó quyết đoán. Triệu Tấn đã nhiều lần giải trừ binh quyền của các tướng lĩnh này, đổi sang phong cho họ các chức vụ khác, lúc đầu Triệu Khuông Dận không đồng ý, sau do Triệu Tấn nhiều lần khuyên can Triệu Khuông Dận mới hạ quyết tâm, cương quyết dùng biện pháp, từng bước giải trừ binh quyền của các tướng lĩnh cao cấp cầm quân, đồng thời có sự điều chỉnh tương ứng về cơ cấu và chức vụ của thống lĩnh cầm quân. Vì vậy đã trừ tận gốc họa Phiến Trấn và kiêu binh, từ đó làm cho đất nước chia rẽ quy về thống nhất, làm cho xã hội từ động loạn hướng về ổn định.

### **NGHIÊM MINH QUÂN KỶ, ƯU ĐÃI KẸ BỊ CHINH PHỤC**

Quân Tổng, trước mỗi lần xuất chinh đều công bố kỷ luật quân đội nghiêm minh. Trong tác chiến, hễ quân kỷ nghiêm minh đều được biểu dương khen thưởng, hễ vi phạm kỷ luật quân đội đều bị trừng phạt nghiêm khắc.

Càn Đức năm thứ hai (năm 964), quân Tổng chia thành hai đạo quân lớn Đông, Bắc tiến đánh Thục. Đô giám Tào Bân của đạo quân phía Đông yêu cầu bộ đội cực nghiêm, ông kiên quyết cấm chỉ lạm sát hoặc cướp của cải của trăm họ. Vì vậy, đại quân phía Đông đi đến đâu, binh sĩ đều không có ai phạm kỷ luật. Triệu Khuông Dận sau biết tin, nói: “Ta cử người này vậy”, đồng thời triệu Tào Bân đến khen thưởng. Đại quân phía Bắc do Vương Toàn Bân thống soái, ông này dung túng cho bộ hạ cướp đoạt tài sản của trăm họ, cưỡng hiếp dân nữ, dụ giết lính Thục đầu hàng hơn 27.000 người. Triệu Khuông Dận biết Vương Toàn Bân đánh Thục có công, tuy không trị tội, nhưng suốt đời không trọng dụng ông ta. Triệu Khuông Dận nghe nói trong hành dinh Tây Xuyên có một vị tướng hiệu vô cùng tàn ác - sau khi bắt được phụ nữ hãm ta liền sai cắt vú, ông liền lập tức triệu người này về kinh hỏi tội. Triệu Khuông Dận rơi lệ nói: cất quân điếu phạt, phụ

nữ có tội gì mà tàn nhẫn đến thế! Phải xử ngay theo pháp luật để trả nỗi oan. Sau đó Triệu Khuông Dận đã lập tức ra lệnh cho người đem tướng hiệu đó ra đường phố, công khai chém đầu.

Để củng cố địa vị thống trị của mình, Triệu Khuông Dận đặc biệt chú ý ưu đãi kẻ bị chinh phục. Sau khi lên ngôi, xưng đế, Triệu Khuông Dận không những không giết Chu Cung đế và Phù hoàng hậu, mà còn áp dụng chính sách vô cùng ưu đãi, hậu hĩ, đưa họ vào trong Tây cung nuôi dưỡng. Khai Bảo năm thứ sáu (năm 973) Chu Cung đế tạ thế, Triệu Khuông Dận mặc áo để tang, mười ngày không lên triều trông coi chính sự. Đối với các cựu thần võ tướng vương triều Chu, Triệu Khuông Dận cũng lấy lễ đãi ngộ. Khai Bảo năm thứ tư (năm 971) chúa Nam Hán Lưu Sưởng bại trận, bị bắt, vẫn được “gia ơn phong hầu, cho ở lại kinh”. Có một hôm Lưu Sưởng theo Triệu Khuông Dận đến ao Giảng Võ, Triệu Khuông Dận ban rượu cho Lưu Sưởng uống, Lưu Sưởng nghi ngờ trong rượu có thuốc độc, nhấc chén rượu lên mà nước mắt rơi như mưa, chần chừ không dám uống. Thấy vậy, Triệu Khuông Dận cười ha hả, nói: Trẫm hết lòng với người, làm gì có chuyện đó. Sau đó ra lệnh cho tùy tùng mang chén rượu của Lưu Sưởng lại, một hơi uống hết. Lưu Sưởng cảm ơn vô cùng. Lúc đó Triệu Khuông Dận mới lên ngôi đã nghiêm khắc trừng trị tham quan ô lại, coi trọng phát triển sản xuất nông nghiệp, chú ý xây dựng sửa chữa thủy lợi, giảm nhẹ sưu dịch, cho dân nghỉ ngơi sinh lợi. Do đó đã nhanh chóng bình định được nổi loạn, tập trung binh quyền về trung ương áp dụng sách lược “Nam trước Bắc sau” lần lượt tiêu diệt chính quyền cát cứ Hình Nam, Hồ Nam, Hậu Thục, Nam Hán, Nam Đường v.v... kết thúc cục diện cát cứ chia rẽ Ngũ đại Thập quốc, làm cho đại địa Trung Hoa thống nhất vào vương triều Tống.

## 82. TRIỆU TẤN

### TÀI GIỎI CỨU ĐỜI, CHỦ MƯƠ DỰNG TỔNG

Triệu Tấn (năm 922 - 992) người huyện Kế, châu U (nay là Tây Nam Bắc Kinh). Ông là khai quốc công thần Bắc Tống, tể tướng hai triều Tống Thái Tổ và Tống Thái Tôn.

Triệu Tấn tính nết từ nhỏ đã thâm trầm, nhân hậu, ít nói, nhưng giỏi kế sách. Tuy đọc sách không nhiều, nhưng chủ ý khi xử sự, có tài tế thế. Ông ở sau màn xuất mưu định kế phò tá nhà vua, tham gia định ra phương châm chính sách quan trọng, ảnh hưởng đến sự thống trị của 300 năm triều đình Tống.

### BINH BIẾN TRẦN KIỀU, ĐẠO DIỄN SAU MÀN

Chu Hiến Đức năm thứ sáu (năm 959) Thế Tôn, Hậu Chu chết, ấu chúa Sài Tôn Huấn mới 7 tuổi được thiếu phụ Phù hoàng hậu phò tá lên ngôi; chúa mới ít tuổi, không hiểu nhân sự, hoàng hậu mới nắm quyền, không quen quốc chính, lại không có gia thần vững vàng trợ giúp, đại quyền quân chính trong triều đã rơi vào tay ngoại thần.

Lúc này Triệu Khuông Dận đang nắm cầm quân hộ vệ hoàng đế, nhận chức vụ quan trọng Điện Tiền Đô Kiểm Điểm. Mùa xuân Kiến Long nguyên niên (năm 960) có tin Khiết Đan và Hậu Hán hợp quân Nam hạ xâm phạm, tình hình quân sự khẩn cấp, tể tướng Phạm Chất trong lúc vội vã không phân biệt được tình hình quân sự thật giả, đã ra lệnh cho Triệu Khuông Dận đưa quân lên Bắc nghênh địch. Khi quân đội hành quân đến trạm dịch Trần Kiều trên con đường quan trọng, cách Khai Phong về phía Đông Bắc bốn mươi dặm, tướng sĩ mượn cớ không đi, dỗ cho Triệu Khuông Dận say rượu rồi mặc áo hoàng bào lên người. Theo luật pháp

đương thời, mặc hoàng bào là mưu phản, Triệu Khuông Dận dưới cái gọi là “bị sức ép của sáu quân”, nghiêm nhiên lấy thuận lòng quân, theo lệnh mọi người, giả vờ nhận “thư nhường ngôi” (chiếu tự nguyện nhường ngôi) từ tay ấu chúa Cung đế, Hậu Chu, chính thức lên làm hoàng đế, lập nên triều Tống.

Xem xét toàn bộ quá trình binh biến Trần Kiều, thấy kế hoạch chu đáo, hành động nhanh chóng, trong vòng hai ngày đã diệt xong nhà Chu lập nên nhà Tống, hành động này không có Triệu Khuông Dận đặt mưu quyết đoán thì không thể thuận lợi như thế được. Triệu Khuông Dận tuy có lòng cướp ngôi nhà Chu lập cơ đồ mới, nhưng nếu không có người tri âm hết sức giúp đỡ thì cũng không thể có khả năng hạ quyết tâm khởi sự ở Trần Kiều. Các tướng dưới quyền Triệu Khuông Dận tuy vui lòng ủng hộ Triệu Khuông Dận xưng đế, những người này vũ dũng, có thừa, nhưng mưu lược chính trị không đủ. Chỉ có Triệu Tấn, lúc đó giữ nhiệm vụ tham mưu quan trọng làm thư ký cho Triệu Khuông Dận, tuy chức quan không cao, nhưng quan sát giỏi, phán đoán hay, xử lý công việc chu đáo, ông làm những việc mà trong bụng Triệu Khuông Dận muốn làm nhưng không tiện nói rõ, trong cuộc binh biến Trần Kiều, ông đã có tác dụng đặc biệt của quân sư túi khôn.

## **KHUYÊN VUA THÂN CHÍNH, TRỪ HOẠ YÊN NƯỚC**

Sau khi Tống Thái Tổ triệu Triệu Khuông Dận thay nhà Chu, đối mặt với tình thế trong nước vẫn là cục diện quan võ lộng quyền đã có từ thời Ngũ đại Thập quốc. Tiết Độ sứ các trấn thời Hậu Chu vẫn không cam tâm qui thuận chính quyền Bắc Tống. Nguyên cựu thần Hậu Chu Chiêu Nghi Quân Tiết độ sứ Lý Quân, với dã tâm hùng hực, có lòng mưu phản từ lâu, ông ta không chịu chấp tay xưng thần, từ chối nhận quan cao do Tống Thái Tổ gia phong, tháng 4, Kiến Long nguyên niên (năm 906) đã cấu kết với Bắc Hán Lưu Quân khởi binh phản Tống.

Triệu Tấn cho rằng, triều đình vừa mới kiến lập, nếu có phản tướng cử binh, thì lần xuất quân đánh dẹp này sẽ là hành động quân sự trọng đại đầu

tiên sau ngày khai quốc, chỉ có nhanh chóng giành thắng lợi, mới có thể ổn định tình hình chính trị trong nước. Thế là, ông kiến nghị Tống Thái Tổ thân chinh, và mình cũng theo xa giá tiến lên. Lòng quân của quân Tống phấn chấn, tác chiến dũng mãnh, không lâu đã vây đánh châu Trạch, Lý Quân tự đốt mà chết, quân Tống thắng lợi về triều.

Lúc này nguyên Tiết độ sứ Lý Trọng Tiến của Hậu Chu cũng có lòng mưu phản. Hắn muốn liên hợp với Lý Quân, Nam Bắc giáp kích quân Tống. Để ngăn chặn hai người họ Lý hợp binh khó đối phó, Tống Thái Tổ đã ban cho Lý Trọng Tiến thẻ miễn chết, để yên lòng hắn. Quả nhiên Lý Trọng Tiến trúng kế, Tống Thái Tổ tập trung binh lực đánh một trận là diệt được Lý Quân. Sau đó Lý Trọng Tiến cất quân chống lại Tống, Tống Thái Tổ quyết định cử Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Kỳ v.v.. chia quân chinh phạt.

Triệu Tấn cho rằng, Lý Quân vừa mới bị diệt, Lý Trọng Tiến đã khởi binh, đủ cho thấy các nguyên Tiết độ sứ Hậu Chu lòng hiểm ác khó đo được, bây giờ lại dùng tướng cũ của Hậu Chu đánh họ hàng Hậu Chu, sợ rằng khó thành công nhanh, nếu như bốn phương nhắm mắt làm theo, liên hiệp lại tấn công Trung Nguyên, thì hậu quả sẽ không thể tưởng tượng nổi. Vì vậy, Triệu Tấn khuyên Tống Thái Tổ lại một lần nữa ngự giá thân chinh đồng thời nêu một kiến nghị: Lý Trọng Tiến dựa dẫm vào sự hiểm trở của Trường Giang, Hoài Hà, tu bổ đồn bốt cô lập, nhưng không có cứu viện từ bên ngoài, bên trong thì thiếu tài nguyên, nên nhanh chóng trừ đi. Tống Thái Tổ thấy Triệu Tấn nói có lý, nên thân chinh tới Dương Châu, đánh một trận, Lý Trọng Tiến thua trận bị chết.

Triệu Tấn khuyên Tống Thái Tổ thân chinh đánh hai họ Lý, diệt trừ được hậu hoạn, đã củng cố chính quyền Bắc Tống.

## **TĂNG CƯỜNG QUYỀN VUA, TƯỚC ĐOẠT QUYỀN TƯỚNG**

Triệu Khuông Dận đã lên làm hoàng đế nhưng ông vẫn lo lắng không yên trong việc làm thế nào để củng cố địa vị thống trị của mình, đặc biệt là

sau khi “hai người họ Lý” khởi binh mưu phản, lại càng lo sẽ có kẻ bắt chước cách làm của “hai người họ Lý” làm “binh biến Trần Kiều”, vì vậy ông đã triệu Triệu Tấn vào hỏi: Ta muốn quốc gia được trường trị cửu an, người có kế hay nào có thể thi hành được không? Triệu Tấn lập tức nêu ra đối sách: “Đoạt bớt quyền lực, kiểm chế tiền gạo, thu lấy tinh binh”.

Triệu Khuông Dân cho rằng Triệu Tấn nói rất đúng, thật là kế hay. Vào tháng ba Kiến Long năm thứ hai (năm 960) trước tiên bãi bỏ chức vụ Điện Tiền Đô Điểm Kiểm của Mộ Dung Chiêu, điều khỏi kinh đô ra nơi khác làm Tiết độ sứ. Hơn nữa từ đó trở đi chức vụ này không phong cho ai nữa.

Triệu Tấn cho rằng việc làm đó của Tống Thái Tổ tuy là tất yếu, nhưng chưa triệt để giải quyết vấn đề, vì tuy bọn Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Kỳ... là thuộc hạ cũ ủng hộ Thái Tổ làm vua, là đại thần có công xây dựng nhà Tống, nhưng bọn họ đang giữ chức vụ quan trọng, có quyền dùng binh, để lâu sau này khó tránh khỏi có lòng phản. Vì thế Triệu Tấn lại lấy bài học quan võ mưu phản trong lịch sử nhắc nhở Tống Thái Tổ phải đề phòng bọn Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Kỳ v.v... đồng thời kiến nghị nên nhanh chóng giải quyết vấn đề tướng lĩnh có quyền dùng binh.

Tống Thái Tổ cho rằng kiến nghị của Triệu Tấn, không phải là không có đạo lý, nhưng lo là vô cớ tước đoạt binh quyền của công thần, sợ các tướng không phục. Triệu Tấn liền hiến kế cho Thái Tổ, nêu lên một cớ, vừa có thể tước đoạt được binh quyền của bọn Thạch Thủ Tín vừa tiện mở miệng Triệu Tấn nói: Thần cũng không lo những người này làm phản, tuy vậy quan sát tỷ mỉ một số người, đều không có tài thống soái, sợ rằng không thể dùng sức mạnh buộc bộ hạ phục tùng, vạn nhất quân ngũ gây tội ác, bọn họ cũng không tự chủ được.

Thái Tổ Triệu Khuông Dân cho rằng, đó là một lý do khiến mọi người không thể trách cứ. Thế là một hôm, sau một buổi triều tối, Triệu Khuông Dân mời bọn Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Kỳ v.v... uống rượu ôn lại tình cũ, rượu quá ba tuần, sau khi đã có ý say, Thái Tổ đã thổ lộ với các tướng nỗi khổ làm hoàng đế, đêm không thể ngủ yên, phòng bị biến loạn,

không bằng làm bề tôi cao gối không lo. Khi bọn Thạch Thủ Tín biểu thị thể chết thành tâm dâng hiến sức lực, Thái Tổ nói: Nếu như bộ hạ của các người vì mưu cầu phú quý mà khỏi sự thì làm thế nào? Một khi cưỡng bức người mặc hoàng bào vào người, mặc dù người không muốn làm như vậy, nhưng chẳng lẽ việc đổ do người làm chủ được à? Thái Tổ lại nói: Cái mà người ta ở đời coi trọng chẳng qua là tích lũy được nhiều tiền, có nhiều ruộng đất, nhà cửa, xây dựng cơ nghiệp lâu dài cho con cháu, sau đó có nhiều ca kỹ, gái đẹp, giữa vua tôi không có sự nghi ngờ, trên dưới đều yên, chẳng lẽ không tốt hơn ư?

Các tướng nghe xong, mới biết dụng ý của Thái Tổ. Hôm sau, bọn Thạch Thủ Tín đều dâng biểu xin từ chức, giao lại binh quyền, rồi đi nơi khác làm Tiết độ sứ.

Như thế là Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận đã căn cứ vào kế sách của Triệu Tấn, thu hồi binh quyền một cách thuận lợi, xoá bỏ được một việc lớn trong lòng. Vì Triệu Tấn có công hiến kế, đã phong ông làm Khu mật sứ, Kiểm hiệu thái bảo.

## THÂN MẠNH CÀNH YẾU, PHÂN QUYỀN KIỂM CHẾ LẤN NHAU

Để giúp Tống Thái Tổ triệt để giải quyết tệ hại của quan võ chuyên quyền, thay đổi cục diện từ Trung ương đến địa phương do quyền lực quá tập trung mà ai cũng chỉ làm theo ý mình, Triệu Tấn lại nêu ra chủ trương trọng văn, truất võ, phân quyền kiểm chế lẫn nhau.

Từ những kiến nghị của Triệu Tấn, Tống Thái Tổ đã áp dụng các biện pháp sau:

1. Ở cơ quan quyền lực tối cao Trung ương đặt chức phó (tể) tướng, khu mật sứ và Phõ sứ cùng ba Ty định mưu kế với Tể tướng, để chia quyền Tể tướng. Như vậy đã hình thành ba quyền chia (Tể) tướng, kiểm chế lẫn nhau, tất cả đại sự quân sự, chính trị, dưới sự khống chế của quân quyền



mới có thể thành thể chế chính trị. Thực chất của thể chế chính trị này là lấy văn kiêm chế võ, quân quyền là cao nhất.

2. Để làm cho thể chế trên dưới nhất trí, tiện cho việc Trung ương tập quyền, khống chế châu huyện địa phương, vào năm Càn Đức nguyên niên (năm 963) đã bãi miễn chức Tiết độ sứ địa phương của bọn Vương Ngạn Siêu v.v... lại dân dân tước bỏ quyền lực của mấy chục vị vương khác họ. Đồng thời bắt đầu từ năm đó, cử quan văn làm trưởng quan hành chính cao nhất ở địa phương (tri châu, tri huyện), lại lập chức phổ: Thông phán một hoặc hai người; thông phán là tai mắt Trung ương gài vào chính quyền địa phương, có quyền giám sát Ngự sử, có thể trực tiếp hỏi han việc lớn, quân chính. Châu, phủ có văn thư quan trọng, phải cùng ký mới có hiệu lực. Nếu có tình hình quân sự trọng yếu thay đổi, có thể trực tiếp báo cáo Trung ương.

Như vậy, chính quyền địa phương cũng phân quyền giống như ở Trung ương, ràng buộc lẫn nhau, cá nhân khó chuyên quyền. Lại lấy quan văn thay thế chức quan võ, làm cho quan võ mất cơ sở và điều kiện dùng binh mưu phản, tránh xảy ra hiện tượng quân phiệt cát cứ.

Phương châm chính trị sùng văn biếm võ, phân quyền kiềm chế lẫn nhau của Triệu Tấn, đối với chính quyền Bắc Tống mà nói là có lợi và có hại. Mặt có lợi là: tiện cho vương triều Triệu Tống thực hiện tập quyền Trung ương, nâng cao địa vị và tác dụng của quân quyền, ngăn ngừa có hiệu quả trong nước phát sinh động loạn chính trị, quần chúng nhân dân cũng có một môi trường sinh hoạt tương đối ổn định, thuận tiện cho phát triển sản xuất, các điều đó có ý nghĩa tích cực đối với việc củng cố chính quyền Bắc Tống.

Mặt không có lợi là: áp chế quan võ quá mức, làm thương tổn nghiêm trọng tính tích cực của tướng soái quân đội; phân quyền kiềm chế lẫn nhau cũng không có lợi cho các bộ phận hết sức hợp tác.

3. Tống Thái Tổ còn căn cứ vào kiến nghị của Triệu Tấn, áp dụng biện pháp "hạn chế tiền lương". "Hạn chế tiền lương" là một biện pháp hạn chế quyền hạn tài chính, lương thực của Tiết độ sứ. Quy định đại bộ phận tiền lương của địa phương phải đưa về Trung ương, đặt vận chuyển sứ, phụ trách việc này.

Triệu Tấn nêu ra các phương châm này đã có tác dụng quan trọng trong việc tăng cường chế độ quân chủ Trung ương tập quyền những năm đầu triều Tống, và sự phân lập quyền lực về quân sự, chính trị, tài chính, văn quan, ngăn ngừa Phiến Trấn đối trên nạt dưới và địa phương các tỉnh làm theo ý mình. Đã thay đổi cục diện quan võ chuyên quyền thời Ngũ đại thập quốc, chính biến nhiều lần, làm cho triều Tống trở thành một quốc gia thông nhất tập trung cao độ. Nhưng những phương châm này chỉ lấy đề phòng binh biến, đề phòng Phiến Trấn đối trên nạt dưới, đề phòng quan viên tổn hại quân quyền làm xuất phát điểm, mà chủ yếu không phải là nâng cao quốc lực, quân lực, làm cho mặc dù triều Tống có 1 triệu 20 vạn quân đội, hơn hai vạn quan viên, tiền của trong kho chất thành đống, mà về đối ngoại vẫn luôn phải khuất phục chính quyền dân tộc Liêu, Hạ, Kim, về đối nội không thể tiêu trừ được quan loạn và dân biến vẫn lún sâu vào nguy cơ thống trị.

### 'NAM TRƯỚC BẮC SAU', NHÂN THẾ KIỀM CHẾ ĐỊCH

Dưới sự hiệp trợ của Triệu Tấn, Tống Thái Tổ sau khi đã cơ bản hoàn thành thể chế chính trị, đến Càn Đức năm thứ hai (năm 964) đã bãi miễn một số cựu thân Hậu Chu. Vì Triệu Tấn mưu lược chính trị hơn người, lại thêm hiền kế có công, được thăng làm Môn hạ thị lang, tể tướng, tập quyền điện đại học sĩ. Do đó một mình Triệu Tấn ngôi vị trí Tể tướng, quản lý triều chính Bắc Tống. Sau khi làm Tể tướng, Triệu Tấn càng hết lòng hết sức. Tống Thái Tổ coi như người giúp việc đắc lực, bất kể việc lớn việc nhỏ đều trưng câu ý kiến Triệu Tấn, rồi sau mới quyết đoán. Có một hôm, Thái Tổ hỏi Triệu Tấn, dùng kế nào mới có thể đánh được Thái Nguyên, tiêu diệt Bắc Hán, Triệu Tấn trả lời: Thái Nguyên phải chống cứ

kẻ địch ở hai mặt Tây Bắc. Nếu như chiếm được Thái Nguyên trước, thì chúng ta một mình phải chống cự kẻ địch ở hai mặt Tây Bắc không bằng tạm để lại Thái Nguyên không đánh, đợi đến sau khi tiêu diệt xong các nước khác sẽ tính, đến lúc đó Thái Nguyên chỉ như mảnh đất nhỏ bé bằng cái nốt ruồi, làm sao cố thể trốn thoát khỏi số phận diệt vong? Đó là quyết sách "Nam trước Bắc sau" của Triệu Tấn. Sau khi nghe xong, Tống Thái Tổ cười nói: Ý kiến của ta cũng đúng như vậy, vừa rồi chẳng qua là để thử người mà thôi.

## **NHÂN THỜI CƠ LÀM VIỆC, MƯU PHỤC HỒI GHẾ TẾ TƯỚNG**

Sau khi Triệu Tấn mới lên ngôi ghế Tể tướng, tuy có hết lòng hết sức vì triều đình, rất được Tống Thái Tổ ân sủng, nhưng do có vợ vét của cải, nhận hối lộ, vận chuyển riêng gỗ để mở rộng phủ đệ, lại có quan viên mạo nhận danh nghĩa Triệu Tấn để đi buôn v.v... Thừa Tôn con trai Triệu Tấn lại vi phạm lệnh cấm không được thông gia giữa các đại thần tể tướng phụ tá, lấy con gái Khu mật sứ Lý Sùng Cử làm vợ, điều đó có nguy hiểm là đã coi thường hoàng quyền. Sau khi nghe nói, Thái Tổ rất không bằng lòng Triệu Tấn, sau việc này Hàn lâm học sĩ Lư Đa Tốn lại nhân cơ hội vạch khuyết điểm của Triệu Tấn, Thái Tổ cả giận. Thái Bảo năm thứ sáu (năm 973) đã bãi chức Tể tướng của Triệu Tấn, biếm làm Tiết độ sứ Tam thành - Hà Dương.

Tháng mười, Thái Bảo năm thứ chín (năm 976) Thái Tổ băng hà, em trai là Triệu Quang (Khuông) Nghĩa lên nối ngôi, tức Tống Thái Tôn, đổi niên hiệu là Thái Bình hưng quốc, cử tham tri chính sự Lư Đa Tốn làm Tể tướng.

Năm 976, Triệu Tấn được điều từ Hàm Dương về kinh đô, giữ chức Thái tử thiếu bảo đã nhiều lần bị Tể tướng Lư Đa Tốn nói gièm, bôi nhọ, không được triều đình trọng dụng. Nhưng Triệu Tấn rất biết lợi dụng mâu thuẫn

tranh nhau quyền lực trong nội bộ hoàng thất để tạo điều kiện có lợi cho việc tiến thân của mình, để trở lại cầm quyền.

Ngay từ Kiến Long năm thứ hai (năm 961) trước khi Thái Tổ Triệu Khuông Dận và Chiêu Hiến Đổ thái hậu, mẹ Thái Tôn Triệu Quang Nghĩa lâm chung đã triệu Triệu Tấn vào cung nhận di mệnh, Thái hậu đã có sự sắp xếp mấy đời vua từ nay trở đi như sau: Sau khi Thái Tổ trăm tuổi, truyền ngôi cho em là Quang Nghĩa. Quang Nghĩa lại truyền ngôi cho em là Đình Mỹ, Đình Mỹ lại truyền ngôi cho cháu là Đức Chiêu (con Thái Tổ).

Là một đại chính trị gia am hiểu biến cố bất ngờ của chính quyền, Triệu Tấn biết rất rõ sự sắp xếp mấy đời vua sau này của Đổ Thái hậu hoàn toàn là suy nghĩ từ sự yên nguy của vương triều Triệu Tông, phòng ngừa xảy ra sự kiện giống như đời Hậu Chu, do chúa ít tuổi lên ngôi, các họ khác lên làm vua, và cho rằng sự sắp xếp đó của Thái hậu là có đạo lý. Thế nhưng di chỉ đó của Đổ Thái hậu đã trực tiếp quan hệ đến quyền lực và số phận của các người trong hoàng thất, và Triệu Tấn lại là người chứng kiến duy nhất trực tiếp, nếu xử lý tốt thì sẽ có lợi cho mình; ngược lại, nhẹ thì mất quan, nặng thì mất mạng, vì thế đối với di chỉ của Thái hậu, Triệu Tấn đã dùng thái độ căn cứ vào tình hình, linh hoạt xử lý.

Ngay từ thời kỳ phò tá Thái Tổ, Triệu Tấn cảm thấy Thái Tổ Triệu Khuông Dận trung hiếu, không thể làm trái lời mẹ, tương lai Triệu Quang Nghĩa sẽ nối ngôi là điều không nghi ngờ, vì vậy cố ý qua lại thân thiết với Quang Nghĩa.

Hiện nay Thái Tôn Triệu Quang Nghĩa muốn vi phạm ý định của mẹ, dự tính sau khi mình trăm tuổi, ngôi vua sẽ truyền cho con không truyền cho em, nhưng vì đã có di chỉ thành lệnh của mẫu hậu từ trước, nên em trai Đình Mỹ cũng rất quan tâm chú ý đến ngôi vua. Vì vậy muốn thực hiện mục đích truyền ngôi vua cho con tất sẽ gặp nhiều trắc trở, cần phải có một người lăm mưu nhiều kế hết sức đặc lực giúp đỡ.

Triệu Tấn biết lúc này trong lòng Thái Tôn đang suy nghĩ gì, cho rằng thời cơ mình trở lại chức Tế tướng đã đến, liền dâng lời lên Thái Tôn, nói

di chỉ năm đó của Thái hậu do ông ta tự tay viết, đồng thời thuật lại nguyên văn di chỉ của Thái hậu. Khi Thái Tôn hỏi đến việc Đình Mỹ, Triệu Tấn lập tức biểu thị: Thần nguyện không xứng với chức vụ quan trọng, để quan sát sự thay đổi gian trá. Lại nhân cơ hội này nói nhiều năm nay, mình chưa chịu nổi áp chế của Tể tướng Lư Đa Tốn. Thái Tôn thấy tình cảm, lời nói của Triệu Tấn thành khẩn, lại nghĩ tới là lão thần triều trước qua lại với mình thân thiết, có thể giúp đỡ mục đích ngôi vua truyền cho con của mình, nên đến Thái Bình hưng quốc năm thứ sáu (năm 981) đã phong lại cho Triệu Tấn làm Tư đồ kiêm Thị trung, tước Lương Quốc công, lại trở lại vị trí người phò tá thứ nhất.

## 83. HƯỚNG MẪN TRUNG

### LÀM SÁNG TỎ LỘ RÕ TÀI LỰC, TRONG QUYẾT ĐOÁN CÓ KẾ TÂM

Hướng Mẫn Trung (năm 949 - 1020) tự Thường Chi, người Khai Phong thời Tống (nay là thành phố Khai Phong - Hà Nam) xuất thân từ gia đình quan lại nhỏ, từ nhỏ được nuôi dạy tương đối tốt, khắc khổ tự lập, có chí lớn. Thái Bình hưng quốc năm thứ năm (981) trúng tiến sĩ. Từ đó cỡi áo vải làm quan, làm thông phán châu Cát, do có tài học được Chuyển vận sứ Trương Tề Hiền tán thưởng, dẫn vào kinh đô, rồi giới thiệu với Hoàng đế Tống Thái Tôn. Thái Tôn triệu kiến vào điện trực tiếp hỏi han, đã ứng đối lưu loát, nhà vua có cảm tình, cử ngay làm Hộ bộ Thôi quan, ra làm Chuyển vận phó sứ Hoài Nam. Sau đó đã qua các chức Hộ bộ phán quan, Công bộ lang trung, Khu mật trực học sĩ, Cấp sự trung, Binh bộ thị lang, Phù Diên Lộ duyên biên An Phủ sứ, Tri Diên châu, rồi đến Binh bộ thượng thư, Lại bộ thượng thư, Hữu bộc xạ kiêm môn hạ thị lang v.v... và đã mấy lần được làm tể tướng.

Hướng Mẫn Trung tư chất thông minh dĩnh ngộ, đối xử với người trung thực thành khẩn, nhưng xử thế linh hoạt nhạy bén là người “làm sáng tỏ có tài lực, gặp việc nhanh nhạy”. Ông làm quan thanh liêm, trung thành giữ chức, chăm chỉ việc chính trị, vừa trung quân vừa trung với nước, vừa thương xót đau khổ của nhân dân, vì vậy thành tích chính trị nổi bật, sử sách bình luận ông xứng đáng là một Tể tướng rất có thành tựu và cũng là một nhà tư tưởng mưu lược đại trí.

### LIÊM KHIẾT TRÁNH TAI HOA

Lúc Hướng Mẫn Trung mới bước vào chốn quan trường đã rất thuận buồm xuôi gió. Tài hoa của ông không chỉ nhanh chóng được Trương Tề Hiền sau này làm Tể tướng nhìn trúng mà còn được nhà vua trực tiếp khen ngợi, lập tức điều về thăng quan. Nhưng ông rất thông minh nhanh nhạy,

rất khiêm tốn, không vì được hoàng đế tán thưởng mà phơi phới, khinh thường tất cả, mà vẫn thận trọng giữ gìn, yêu cầu bản thân càng nghiêm khắc hơn. Như khi ông được triều đình cử làm Chuyển vận phó sứ Hoài Nam (nay là vùng tỉnh An Huy), là một chức quan béo bở có quyền có thế. Những người đương thời được giữ chức đó nói chung thường tác oai tác quái, đè nén trăm họ và cấp dưới, kiểm soát vợ vét rất nhiều. Nhưng Hưởng Mẫn Trung không như vậy, không chỉ không sai khiến thuộc hạ, lấy thế ép người mà đã lấy lễ đối xử, khuyên nhủ giúp đỡ thuộc hạ hết lòng vì việc chính trị, giữ nguyên chức trách nên thành tích chính trị nổi bật. Do ông khiêm tốn thận trọng, tự kiểm chế, cố gắng, đối xử chính trực với người, tài học xuất sắc nên càng được triều đình tin dùng, đã nhanh chóng được cử làm Quyền phán Đại Lý Tự.

Đại Lý Tự tương đương như hai ngành Viện Kiểm sát và Tòa án hiện nay, chuyên môn quản lý việc xét xử tố tụng, nói chung phải do những quan lại chính trực, trung thành và dám kiên trì nguyên tắc phụ trách. Hưởng Mẫn Trung biết rõ can hệ của nhiệm vụ này, vì thế đối với mình càng yêu cầu nghiêm khắc, làm theo lẽ công bằng, không cầu lợi riêng. Một lần Đại Lý Tự tịch thu một khoản tiền tham ô lớn của một quan lại tên là Tổ Cát, đem chia riêng tặng các quan lại trong ngành pháp luật, Hưởng Mẫn Trung dẫn dùng câu chuyện Chung Ly Ý, vứt bỏ châu báu, để nói rõ mình không tích của, một mình không nhận khoản tiền chia đó. Lại một lần, một ni cô lăng lơ tên là Đạo An, phạm tội phải giam, vì sự việc liên quan đến bố vợ Hưởng Mẫn Trung là Trương Khứ Hoa, để tránh hiềm nghi, Hưởng Mẫn Trung đã chủ động cầu xin không tham gia xét xử vụ án này. Mặc dù đã làm như vậy, ông vẫn bị liên quan đến vụ án đó, phải giáng chức rời khỏi kinh đô đi làm Tri châu (trụ sở nay ở trong phạm vi tỉnh Quảng Đông). Trước khi lên đường, ông nói rõ trước mặt Tống Thái Tôn về thái độ của mình đối với vụ án này. Thái Tôn lấy làm cảm động “Hứa không đến ba năm sẽ gọi về”.

Công thương nghiệp ở Quảng Châu thời Tống đã tương đối phát triển, là một thành phố thương nghiệp quan trọng. Tri châu kiêm quản lý thị trường,



vì vậy không ít người tiền nhiệm do liên quan đến vấn đề kinh tế mà bị cười chê. Hường Mẫn Trung nhiều trí tuệ, đã sớm đề phòng, trên đường đi nhận nhiệm vụ đã mua sắm đầy đủ đồ dùng gia đình, ngay cả thuốc men cũng mua đầy đủ ở châu Hình (nay ở trong phạm vi Hồ Bắc). Vì thế sau khi đến nhiệm sở không phải mua thứ gì, nổi tiếng xa gần vì thanh liêm. Do vậy đã được thăng rất nhanh lên làm Chuyển vận sứ đông lộ Quảng Nam. Không lâu được triệu về kinh làm Công bộ lang trung. Tống Thái Tôn đã thân tự viết vào mảnh giấy cho Trung Thư tỉnh, tiến cử hai người Hường Mẫn Trung và Trương Vĩnh, nói: hai người này là danh thần vậy, trăm sẽ dùng. Nhờ đó, danh tiếng Hường Mẫn Trung tăng lên rất nhiều, để xứng với tài, được nhận lệnh làm Khu mật trực học sĩ.

Trong thời gian làm nhiệm vụ ở Khu mật viện, Hường Mẫn Trung phát hiện cơ cấu này làm việc không nhanh. “Thư, tấu nhận, đưa lên trên... bị ngăn chặn, thậm chí làm mất” liền bày mưu tính kế cho Tống Thái Tôn, kiến nghị lập Cục chuyên xử lý tấu, chương và văn thư. Thái Tôn chấp nhận, xuống chiếu giao Hường Mẫn Trung và Trương Vĩnh chuyên lãnh đạo cục này.

Phàm là những người nổi tiếng, nói chung đều bị sự ghen ghét và trách cứ của một số người không có ý tốt, ngày xưa cũng thế. Chính lúc Tống Thái Tôn muốn trọng dụng Hường Mẫn Trung thì có người ngầm tố cáo với triều đình ý đồ vu cáo Hường Mẫn Trung định hãm ông vào chỗ chết mới khoái. Sự việc là như thế này: Khi Hường Mẫn Trung giữ chức ở Đại Lý Tự, có quan viên tên là Hoàng Phủ Khản, khi nhận chức Giám vô vi quân xác vụ (một chức quan) do nhận hối lộ mà bị tố giác phạm tội, để được miễn giảm tội, Hoàng Phủ Khản đã bí mật gửi đi rất nhiều thư cho quyền quý trong triều, trong đó có Hường Mẫn Trung. Đương nhiên những người nhận thư đều nhận được quà cáp tốt. Nhưng Hường Mẫn Trung thanh liêm lại có trí, ông nhìn thấy tên người gửi thư, biết dụng ý của họ, liền không mở thư, bảo người đưa thư ra về. Kẻ vu cáo không biết tường tận chuyện này, bèn lấy việc đó tố cáo lên trên. Ngự sử đài kiểm tra rõ việc này như thực, đồng thời bắt được người đã đưa thư cho Hoàng Phủ Khản

lúc đó, người này nói ra nguyên nhân Hướng Mẫn Trung không nhận thư, rồi lấy ra bức thư vốn có từ chỗ ở, rõ ràng là chưa từng bị xé niêm phong. Thái Tôn vô cùng kinh ngạc trước việc này, rất tán thưởng, không lâu mời Hướng Mẫn Trung làm Hữu giám nghị đại phu, Đồng tri khu mật viện sự. Hướng Mẫn Trung do thanh liêm chăm chỉ việc công mà được thăng tiến nhanh như vậy, ngay các sử gia cũng cảm thán nói: “Từ Lang trung đến Đồng tri Khu mật viện sự chỉ có hơn trăm ngày, thăng cấp nhanh đến thế”.

Hướng Mẫn Trung vào Khu mật viện đúng vào lúc Bắc Tống đang dùng binh ở biên giới Tây Bắc. “Nhiệm vụ của Khu mật, chuyên nêu mưu nghị”. Hướng Mẫn Trung rất có trí mưu lược, phản ánh nhanh nhạy, xử sự nhanh chóng, phàm là những việc biên giới báo lên trên đều được xử lý thỏa đáng, đâu vào đấy. Từ việc bố trí phòng ngự, đường đi, nơi tập trung quân v.v... đều “không có việc nào là không chu đáo”, đồng thời còn có rất nhiều kiến nghị với triều đình, được đánh giá tốt. Do ông cũng có tài học khác thường về quân sự, nên sau này Chân Tôn lên ngôi đã mời ông làm Binh bộ thị lang, Tham tri chính sự, đồng thời còn giữ các chức vụ quân sự như An phủ sứ Hà Bắc, Hà Đông, Binh bộ thượng thư.

### **TÍNH KẾ TRỪ PHẢN LOẠN**

Cảnh Đức nguyên niên (năm 1044) Tống Chân Tôn nhân việc quân Liêu đến Biện Kinh (nay là thành phố Khai Phong, tỉnh Hà Nam), bất đắc dĩ phải theo lời đề nghị của bọn Khấu Chuẩn v.v... thân đến châu Thiên (nay là huyện Bộc Dương, tỉnh Hà Nam) đốc chiến ở tiền tuyến để kiên quyết chống lại quân Liêu. Dưới sự bố trí chỉ huy chính xác của bọn Khấu Hoài v.v... quân Tống đã phòng thủ chắc ở bờ Hoàng Hà và đánh thắng một số trận. Quân Liêu sợ trước mặt sau lưng đều có địch, liền đề ra việc liên minh cầu hòa. “Liên minh Thiên - Uyên” đã được ký. Trước khi lên đường, Tống Chân Tôn hạ mật chiếu cho Lưu thú Kinh Triệu là Hướng Mẫn Trung, giao cho ông xử lý mọi công việc ở phần biên giới Tây Bắc. Sau khi nhận được chiếu đã bí mật cất giữ, không tuyên bố, vẫn xử lý công việc như ngày thường. Lúc này đúng gặp cử hành nghi thức đuổi ôn thần, tên gọi là “đại Na” [63] quy mô rất lớn. Trước đó đã có người báo với Hướng Mẫn Trung,

có lính giữ thành muốn lợi dụng “đại Na” lẫn lộn lên vào, làm phản loạn. Sau khi biết được tin tình báo, Hướng Mẫn Trung làm như không biết gì, nhưng ngầm bố trí thân binh mặc giáp có vũ trang, mai phục ở trong màn vải trong phòng.

Hôm sau, mọi việc vẫn tiến hành như thường, lại cử hành yến tiệc long trọng, xem ôn thần. Mời quan khách, sau đó lệnh cho những “Na nhân” đó đi vào cửa giữa, bảo đứng dưới thềm, vào lúc có người định nhúc nhích cử động, Hướng Mẫn Trung hươ tay một cái, thân binh mai phục trong trường xông ra nhanh như sét đánh không kịp bưng tai, bắt hết bọn “Na nhân” khám người, đều dắt dao ngắn trong người. Hướng Mẫn Trung lập tức ra lệnh chém đầu trước mọi người, trong chốc lát thây người nằm rải đầy thềm, máu chảy khắp đất. Hướng Mẫn Trung sai người khiêng xác chết đi, lau sạch vết máu, lại yến tiệc vui vẻ như thường. Các quan khách được mời sợ toát mồ hôi, ngồi không yên, trong đó có không ít sứ giả nước ngoài. Chiêu này của Hướng Mẫn Trung không chỉ ổn định nội bộ mà còn cảnh cáo kẻ địch bên ngoài ở biên giới, do đó “biên giới phiên thần dân yên”, Chân Tôn biết việc này, khen ngợi không ngớt.

### **MƯU TRÍ PHÁ ÁN OAN**

Hướng Mẫn Trung trong thời gian làm Tri phủ Hà Nam kiêm Lưu thú Tây kinh đã hết lòng làm việc, làm được nhiều điều tốt cho trăm họ. Nhất là ông đã mưu trí trinh sát, phá được án oan giết người, để lại cho đời sau những bàn luận đẹp đẽ. Đầu đuôi của vụ án này là: Trời chiều có một vị hòa thượng đi qua một nhà dân xin ngủ nhờ một đêm, chủ nhà không đồng ý, hòa thượng xin phép qua đêm trên thùng xe ngoài cửa, chủ nhà đồng ý. Đến đêm có một tên trộm lẻn vào nhà đó, không lâu, hấn dìu một phụ nữ mặc quần áo và đeo túi, vượt tường trèo ra. Ở trong thùng xe còn chưa ngủ, nhìn thấy quang cảnh đó, trong lòng hòa thượng rất lo sợ, ông ta nghĩ: Chiều tối xin chủ nhà ngủ nhờ, chủ nhà không đồng ý, bây giờ vợ và của cải của chủ nhà đã bị cướp đi, ngày mai phát hiện, nhất định sẽ đưa ta lên quan xét xử. Nghĩ tới đó, hòa thượng vội bò dậy, nhân lúc đêm khuya, bỏ đi. Do trong lòng hoảng sợ, nên đi chưa được bao xa đã ngã xuống một cái

giếng khô rất sâu. Sự việc xảy ra rất khéo, trước đó tên trộm đã giết người phụ nữ và vứt xác xuống chiếc giếng này. Vị hòa thượng luôn mồm kêu khổ tự cho là mình xúi quẩy. Hôm sau, chủ nhà dẫn người đi tìm, đến chiếc giếng thấy hòa thượng và xác người phụ nữ cùng ở đó, cho là hòa thượng có ý xấu, liền bắt ông ta đưa lên huyện hỏi tội. Huyện lại không phân biệt giả thật, dùng hình phạt đánh đập bức cung, hòa thượng chịu không nổi, nhận bừa là: Ban đêm tôi và người phụ nữ này thông gian, rồi rủ cùng chạy trốn, sau đó sợ bị bắt, đã giết người phụ nữ vứt xác xuống giếng. Trời tối trong lòng hoảng hốt, mình không cẩn thận cũng lỡ bước rơi xuống giếng. Đồ lấy cặp để ở miệng giếng, không biết kẻ nào mang đi mất! Huyện lại báo cáo kết luận vụ án lên phủ. Các người thẩm tra vụ án trên phủ đều cho là vụ án này không có gì đáng ngờ. Chỉ có một tri phủ Hường Mẫn Trung đã rất cẩn thận nghiêm túc khi duyệt vụ án, ông hoài nghi việc hòa thượng khai không biết của ăn trộm mất đi đâu, nên đã thân xét hỏi hòa thượng bốn lần, hòa thượng đều biểu thị nhận tội, nhưng nói chung chỉ nói: Kiếp trước của tôi có nợ người đó cái chết. Hường Mẫn Trung nghe thấy trong lời nói có ý, liền yêu cầu hòa thượng nói thực. Đến lúc đó hòa thượng mới nói tình thực và oan uổng của mình. Để làm rõ vụ án này, trừng trị đúng tội phạm, Hường Mẫn Trung đã nghĩ ra kế sách phá án. Từ phân tích tình tiết vụ án, ông thấy kẻ phạm án là người quen thuộc tình hình, vì thế không phải kẻ trộm cướp từ xa. Thế là ông bí mật cử nhân viên hóa trang thành người qua đường đến điều tra ở thôn trang đã xảy ra vụ án. Có một phụ nữ - chủ một cửa hàng trong thôn là người lắm mồm và hay dò la tin tức, bà ta biết người khách đến ngủ ở cửa hàng là từ Phủ tới, liền chủ động hỏi người đi điều tra: Vụ án của hòa thượng đó xử đến đâu rồi? Người mật thám này căn cứ vào lời Hường Mẫn Trung đã dặn trước, trả lời: Hôm qua đã bị đánh chết rồi. Bà chủ cửa hàng lại hỏi: Thế thì bây giờ còn tìm tội phạm nữa không? Người mật thám trả lời: Đã lỡ kỳ hạn quyết án, nếu có bắt được kẻ ăn cắp cũng không hỏi tội nữa. Bà chủ cửa hàng cho là thật, liền nói: Nói ra chẳng đáng thương, người phụ nữ đó bị thanh niên X. người thôn này giết đấy. Mật thám ra về tùy tiện hỏi: Thế người đó ở đâu? Bà chủ cửa hàng nói vẫn còn ở nhà và chỉ cho biết chỗ. Quan lại lập tức hành động, đến ngay nhà tội

phạm và bắt luôn, đồng thời thu được tang vật ở đó. Qua thẩm vấn, nhận là thông gian trước, sau đó lấy của giết người để bịt miệng. Vụ án rất ly kỳ, đan chéo phức tạp, với tinh thần trách nhiệm trước quần chúng, Hường Mẫn Trung đã không vội tin vào khẩu cung mà đã dùng mưu bắt được tội phạm thật, giải thoát cho người bị oan, tiêu trừ mối họa tiềm tàng, phủ lại và trăm họ đều ca ngợi ông xử án như thần.

## **RẤT CHỊU NỖI CHỨC QUAN**

“Rất chịu nỗi chức quan” là câu nói của Tống Chân Tôn ca ngợi Hường Mẫn Trung nhân hậu thận trọng, trung thành - làm quan, và cũng cho thấy đầy đủ rõ ràng là Hường Mẫn Trung vốn không kiêu sa và tư tưởng mưu lược làm quan không cầu hư vinh của ông. Sở dĩ Hường Mẫn Trung có thể làm quan hai triều thời Bắc Tống trong lúc quan hệ trong ngoài đan xen phức tạp, được hai đời hoàng đế tín nhiệm. Cho đến lúc tuổi già sức yếu yêu cầu từ chức, mà triều đình không đồng ý, còn thăng quan lên Tả bộc xạ, giữ chức vụ quan trọng, sau khi già chết còn được truy tặng Thái úy, Trung thư lệnh, thụy là Văn Giản, có thể nói là tốt đẹp đến lúc chết, không phải dựa vào bợ đỡ nịnh hót, giở trò vờ vĩnh, âm mưu qui kế mà là đối xử chân thành với người, làm việc công bằng, lấy việc nước làm trọng, lấy trí tuệ và thành thực chất phác mà được trên dưới tín nhiệm. Hường Mẫn Trung được đạo đó rồi, kiên trì theo mãi, vì vậy trước và sau khi mất đều được ca ngợi.

Đứng trước vinh dự, rất nhiều người thường không tránh khỏi kiêu căng, quên tất cả, kết quả là bị mất chức hoặc có kết thúc đáng thương. Nhưng Hường Mẫn Trung đã xử lý rất giỏi, khi được hoàng đế thưởng, phong tước thăng quan đặc biệt, ông vẫn thản nhiên như không có gì, khiến có người cho là ngớ ngẩn, nhưng đó chính là bậc tài giỏi thường khiêm tốn.

Đầu năm Thiên Hi (1017 - 1021) do thành tích chính trị nổi bật, Hường Mẫn Trung được thăng quan làm Lại bộ thượng thư, đặc biệt được phong Hữu bộc xạ kiêm Môn hạ thị lang, giám tu quốc sử. Ngày xuống chiếu phong, Tống Chân Tôn nói với Hàn lâm học sĩ Lý Tôn Ngạc đang trực ban

rằng: Trẫm từ lúc lên ngôi, chưa hề phong Bộc xạ, nay phong cho Hường Mẫn Trung là phong đặc biệt, Mẫn Trung nên rất mừng! Lại dặn dò: Hôm nay, khách đến chúc mừng Mẫn Trung chắc nhiều, khanh đến thăm, đừng nói ý của trẫm. Lý Tôn Ngạc đến phủ của Hường Mẫn Trung, nhưng do Hường Mẫn Trung từ chối tiếp khách đến mừng, nên cửa phủ vắng vẻ, không đông khách như Chân Tôn tưởng tượng. Khi Hường Mẫn Trung đưa Lý Tôn Ngạc vào nhà trong, Lý biểu thị chúc mừng, nói: Hôm nay nghe hoàng thượng xuống chiếu phong chức cho ngài, các sĩ đại phu vô cùng phấn khởi, không ai là không vui vẻ chúc mừng ngài. Nghe xong, Mẫn Trung chẳng có phản ứng gì, chỉ vâng vâng mấy tiếng. Lý Tôn Ngạc nói tiếp: Hoàng thượng từ khi lên ngôi đến nay, chưa hề phong chức vị quan trọng như vậy, nếu không phải là công đức cao, được ân sủng đặc biệt thì làm sao lại được như thế. Nghe xong, Mẫn Trung lại cũng vâng, vâng. Thấy thế Lý Tôn Ngạc lại kể lại mấy đại thần các triều vua trước đều là có công huân hiển hách, đức cao vọng trọng, được người kính trọng, ngưỡng mộ, Hường Mẫn Trung nghe xong cũng chỉ lại vâng, vâng không nói gì thêm. Sau khi ra khỏi phòng giữa, Lý Tôn Ngạc lại sai người vào tiếp hỏi, hôm nay có bạn bè thân mật đến tham dự tiệc mừng hay không, câu trả lời là không có một ai. Hôm sau, Lý Tôn Ngạc như thực báo cáo tình hình quan sát được lên nhà vua. Tống Chân Tôn than thở: “Hường Mẫn Trung đại nãi quan chức”. Từ đó nhà vua càng kính trọng ông, nhiều lần thăng quan tiến tước, đến khi ông chết Chân Tôn còn thân đến viếng, đau thương khóc lóc, bãi triều ba ngày. Có thể thấy đức vọng của Hường Mẫn Trung vĩ đại cao cả đến nhường nào.

## 84. TIÊU XƯỚC

### GIẤU MƯU Ở TRONG, GIƯƠNG UY Ở NGOÀI

Tiêu Xước (năm 953 - 1009) lúc nhỏ tự là Yến Yến, là Hoàng hậu đầu óc sáng suốt của Liêu Cảnh Tôn Gia Luật Hiền, sử gọi là Tiêu thái hậu, một nhà nữ chính trị gia, quân sự gia kiệt xuất ít có trong lịch sử. Vì Liêu Cảnh Tôn từ nhỏ đã có bệnh, thích đi săn bắn khắp nơi, không coi chính sự, nên hoàng hậu Tiêu Xước đã dần dần tham gia việc triều chính. Sau khi Cảnh Tôn chết năm 35 tuổi, Thánh Tôn Gia Luật Long Tự mới 12 tuổi lên nối ngôi. Tiêu Xước được tôn làm Thừa Thiên thái hậu, nhiếp chính, vì vậy sử gọi bà là Tiêu thái hậu. Tiêu Xước xuất thân từ gia đình quý tộc Khiết Đan, năm 982, khi bà bắt đầu nhiếp chính, cục diện phức tạp bày ra trước mặt bà là “mẹ goá con nhỏ, tộc thuộc hùng cường, biên phòng chưa yên”. Bằng vào tầm nhìn sắc bén của mình, bà đã áp dụng sách lược chính trị chính xác.

### BÊN TRONG YÊN TRIỀU ĐÌNH, PHÁ BỎ CHẾ ĐỘ CŨ

Trước tiên bà phá bỏ chế độ cũ, dùng bề tôi hiền. Bà đã kiên quyết phá bỏ chế độ quan lại được thiết lập từ sau khi nước Liêu lập nước theo dùng đã lâu và những hạn chế chủng tộc đương thời, mạnh dạn đề bạt và dựa vào Gia Luật Tà Chấn, Gia Luật Hưu Ca và người Hán - Hàn Đức Nhương tham dự và quyết định các vấn đề chính trị lớn, để ổn định cục diện chính trị. Gia Luật Tà Chấn và Gia Luật Hưu Ca đã theo bà đánh Đông dẹp Bắc, có tài kinh quốc, là tôn thất có chiến công nổi tiếng. Để cho hai người này trung thành với mình, bà đã để cho Thánh Tôn Gia Luật Long Tự trao đổi cung tên, yên ngựa với Gia Luật Tà Chấn trước mặt mình, thề làm bạn thân, bà còn gả cháu gái mình cho Gia Luật Tà Chấn, tiếp đó Thánh Tôn còn trao đổi ghế ngồi của mình với Gia Luật Hưu Ca. Gia Luật Tà Chấn và



Gia Luật Hưu Ca cảm động đến rơi lệ, quyết tâm lấy chết phục vụ quên mình. Hàn Đức Nhuận vốn là Tiết độ sứ thời Liêu Cảnh Tôn, đã trấn thủ Thượng Kinh (nay là Kỳ Ba Lâm Tả khu tự trị Nội Mông) và Nam Kinh (nay là Bắc Kinh), năm 979 nhân đánh quân Tống thua lập công lớn, thăng làm Nam viện khu mật sứ. Trước khi Tiêu Xước vào cung đã từng được hứa gả cho ông, tình cũ với ông còn sâu nặng, từng nói với ông: xin giữ quan hệ cũ cho tốt. Bây giờ chúa còn nhỏ, như là con trai ông, ông phải phò tá nó như đối xử với con đẻ của ông. Bà còn ban rượu cho Lý thị - vợ Hàn Đức Nhuận, sau khi đã đầu độc cho Lý thị chết, bà công khai cùng ở với Hàn Đức Nhuận. Sau này còn ban cho Hàn Đức Nhuận họ Gia Luật, đổi tên là Long Vận, phá cách đề bạt làm Tổng quản hai viện khu mật sứ, trở thành đại Thừa tướng nắm hết đại quyền quân chính, tổng lãnh túc vệ binh. Đặc biệt bố trí hộ vệ tá hữu hơn trăm người, thực tế hưởng thụ đãi ngộ đặc biệt chỉ có hoàng đế mới có. Những sách lược này đều giành được kết quả bên trong yên được triều đình.

Nghiêm túc quản lý giáo dục chúa nhỏ. Trong luật bồi dưỡng ấu chúa thời Gia Luật Long Tự, Tiêu Xước đã bỏ rất nhiều công sức. Gia Luật Long Tự suốt ngày học tập văn võ, không bao giờ dám phóng túng ham muốn riêng, muốn dùng một chút gì trong kho phủ đều phải được Thái hậu phê duyệt, nếu như không phải là dùng để khen thưởng cho liêu thuộc văn võ, thì đều không được. Có một lần ấu chúa cưỡi ngựa vào rừng, săn bắn uống rượu, sau khi Tiêu Xước biết bà đã tự tay cầm roi, dạy mắng “ham muốn không thể phóng túng”, thân làm chúa thiên hạ, thì càng phải cảnh giác. Gia Luật Long Tự, dưới sự quản lý giáo dục bồi dưỡng của bà, đã trưởng thành, trở nên một vị chúa anh minh ít có trong lịch sử triều Liêu.

### **TRANH THỦ LÒNG DÂN HÁN**

Nước Liêu vốn kỳ thị người Hán, người Khiết Đan phạm tội giết chết người Hán, chỉ cần dùng bò ngựa bồi thường là được, tính mệnh của người Hán không được pháp luật bảo đảm. Tiêu Xước quyết định cho người Hán được đãi ngộ bình đẳng về pháp luật, rất được người Hán ủng hộ. Tống và Liêu đánh nhau liên miên không thôi, lúc bắt đầu phần đông người Hán

chạy về quân Tống, sau khi quân Tống liên tục bại trận, hàng loạt lớp người Hán chạy về Nam, nhà Tống không có chính sách vỗ về giúp đỡ những người lưu vong đó, khiến họ lang thang thất tán không có chỗ ở lâu dài. Tiêu Xước ra lệnh chiêu mộ vỗ về “khuyên việc nông tang”, “người quay về như nước”.

## **CHỈNH BIÊN QUÂN ĐỘI, BÌNH ĐỊNH PHẢN LOẠN**

Quân đội nước Liêu tổng cộng không đến 20 vạn người, đông có Nữ Chân, tây có Đảng Hạng (tức Tây Hạ), Nam có Tống đánh nhau không nghỉ. Để tăng cường biên phòng và tiến hành bành trướng, cần phải xây dựng một đạo quân có sức chiến đấu. Sau khi nhiếp chính, Tiêu Xước lập tức chỉnh biên quân đội, đào thải những người già yếu, bệnh tật, phá bỏ giới hạn chủng tộc, nhanh chóng xây dựng thành một đạo quân tinh nhuệ lấy người Hán làm chính, do bà thân tự thống lĩnh. Biên giới có việc gấp, bà thường mặc áo giáp ra trận, Đông chinh Cao Ly, Nữ Chân, Tây phạt Đảng Hạng, Bắc dẹp Trử Bốc. Do bà dùng binh cơ trí, có mưu, các cuộc phản loạn đều được bình định nhanh chóng.

## **ĐÁNH PHÁ TỪNG LỘ MỘT, CHUYÊN THỦ LÀM CÔNG**

Sau khi Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận bình định các nước miền Nam, đến Tống Thái Tôn Triệu Khuông (Quang) Nghĩa lên ngôi liền bắt đầu Bắc phạt, chinh phục Bắc Hán trước, tiếp đó lại chỉ mũi giáo vào nước Liêu.

Năm 936, Tống điều động 30 vạn đại quân chia ba đường đánh lớn vào Liêu, lộ giữa từ Phi Cô đạo (nay là huyện Uất - Hà Bắc), lộ Tây từ Nhạn Môn quan, lộ Đông từ Hùng Châu đạo (nay là huyện Hùng - Hà Bắc), mục đích là tiến đánh châu U (nay là thành phố Bắc Kinh và miền Bắc tỉnh Hà Bắc). Mặc dù binh lực của Tiêu Xước so với quân Tống ít đến mức chỉ có thể bình tĩnh ứng chiến, bà đã áp dụng quyết sách chính xác, tập trung binh lực đánh phá từng lộ quân một. Bà thân dẫn ấu chúa Gia Luật Long Tự đến Thi La khẩu (nay ở trong huyện Trác, Hà Bắc) đốc thúc quân đội, triệu binh

mã đang Đông chinh Nữ Chân lập tức rút quân về tăng viện. Khi đại quân do bà soái lĩnh và chủ lực quân Tống của Tào Bân còn đang giăng co, bà đã hạ lệnh cho Gia Luật Hưu Ca dẫn tinh binh đánh vào đường sau của quân Tống, cắt đứt đường chuyển lương của quân Tống. Quân Tống lương hết, rút về châu Hùng, quân Liêu thừa thế truy kích, quân hai bên kịch chiến ở Kỳ Câu Quan (nay là Tây Nam huyện Trác, Hà Bắc), quân Tống thua to. Tiếp đó lại tập trung ưu thế binh lực, đánh bại Tây lộ quân Tống mà chủ soái là Phan Nhân Mỹ ở châu Sóc (nay là huyện Sóc - Sơn Tây), khi danh tướng Tống là Dương Nghiệp dẫn quân chi viện lại bị bà dùng kế dẫn vào nơi mai phục, khiến Dương Nghiệp chết trận. Hai lộ quân trung và tây của Tống đều thua to. Thắng lợi của chiến dịch này làm cho thế tấn công, phòng thủ của hai quân Tống, Liêu đã có sự thay đổi căn bản, quân Tống không còn sức để phát động thế công nữa. Từ năm 986 đến năm 1003 nước Liêu hầu như năm nào cũng cất quân Nam phạt, người Tống mệt mỏi muốn chết. Năm 1003, Tống Chân Tôn Triệu Hằng bắt đầu cầu hòa. Nhưng do Tống không chịu bỏ hai châu Doanh, Mạc nên hòa đàm đã đứt đoạn.

## **TÁC CHIẾN KHÔNG LỢI, ĐÀM PHÁN THẮNG DỊCH**

Năm 1004, tuổi đã quá năm mươi nhưng Tiêu Xước vẫn cùng Gia Luật Long Tự dẫn 20 vạn đại quân đi đánh Tống một lần nữa. Nam tiến đến châu Thiều (nay là Bộc Dương - Hà Nam) thì bị chặn. Lúc đó trong triều Tống dưới sự ảnh hưởng trực tiếp của phái chủ chiến gồm những người như Khấu Chuẩn..., sĩ khí lên rất cao, đặc biệt là ở dưới thành châu Thiều đã bắn chết đại tướng Liêu Tiêu Khuất Lãm, tình hình thay đổi vô cùng có lợi cho quân Tống.

Tiêu Xước nắm chắc thời cơ, Tống Chân Tôn Triệu Hằng lại một lần nữa xin hòa, quả đoán đáp ứng ngừng chiến, nhưng qui định Tống Chân Tôn phải tôn Tiêu Xước là bà thím, là anh em với Gia Luật Long Tự, mỗi năm nạp cống cho Liêu 20 vạn tấm lụa, mười vạn lạng bạc trắng. Đó là “liên minh Thiều - Uyên” có tiếng trong lịch sử. Tiêu Xước đã thu được quả thực

mà trên chiến trường không thu được, làm cho thực lực kinh tế của nước  
Liên phát triển càng nhanh hơn.

## **85. KHẤU CHUẨN**

### **THẤY RÕ CƠ MẬT,**

### **GIỎI ĐOÁN VIỆC LỚN**

Danh tướng triều Tống Khấu Chuẩn, tự là Bình Trọng, người Hạ Khuê châu Hoa (nay là Vị Nam - Thiểm Tây), sinh năm 961, mất năm 1023. Ông nội là Khấu Đình Lương, rất có tài học, do gặp chiến loạn cuối Đường nên suốt đời chỉ là người áo vải. Cha là Khấu Tương giỏi vẽ viết, tài thơ văn, năm Khai Vận đời Hậu Tấn trúng cử tiến sĩ cập đệ. Khấu Chuẩn phò tá hai triều Tống Thái Tôn, Tống Chân Tôn, với tác phong cương nghị thanh liêm chính trực lưu danh đời sau, lấy tài năng cứu nước báo đáp quốc gia, là một vị tướng tài thấy rõ cơ mật, giỏi đoán việc lớn.

### **THẤY RÕ CƠ MẬT,**

### **NÓI THẰNG DÂNG LỜI CAN**

Khấu Chuẩn do được hun đúc tài năng của thư hương môn đệ, từ nhỏ trời cho thông minh hiếu học, câu tiến. Mười chín tuổi đã vào kinh ứng thí, thi một lần đỗ ngay, mở đường cho sinh nhai chính trị mấy chục năm của ông.

Tính cách Khấu Chuẩn chính trực, thành thực. Lúc đó Tống Thái Tôn dùng Điện thí lấy người tài, thường thường lên Điện xem những người ứng thí nêu câu hỏi và thường không để ý tới các thanh niên. Vì vậy có người bảo Khấu Chuẩn nên khai tăng thêm tuổi, nhưng ông trả lời: Tôi đang chuẩn bị bước lên con đường sĩ hoạn, làm sao có thể lừa dối hoàng thượng được? Trong thời gian ông giữ chức tri huyện, yêu cầu với thuộc hạ nha dịch rất nghiêm, không cho phép bọn họ ỷ thế làm bậy, vợ vét của cải của dân, coi dân chúng như cá thịt, nghiêm chỉnh tuân theo quy định bằng văn bản rõ ràng của triều đình để thu thuế má và gọi lao dịch. Để ngăn chặn những kẻ thuộc hạ phạm pháp, khéo bày việc, tăng thu ngoài qui định để

đầy túi riêng, ông đã ra lệnh cho người viết ra giấy tên họ, chỗ ở v.v... của những người phải nộp thuế, phải đi lao dịch, rồi dán ở cổng thành, công bố cho dân chúng biết. Trăm họ thấy Khấu Chuẩn chấp hành pháp luật công bằng, làm quan thanh liêm, theo dõi tình hình dân chúng, yêu dân như con, đều rất cảm động. Tất cả những người phải nộp sưu thuế ai nấy đều giao nộp theo thời hạn đủ số lượng, không ai kéo dài.

Dù trong thời gian làm quan thành tích chính trị của Khấu Chuẩn đột xuất, có lợi cho việc củng cố chính quyền vương triều Tống, nên đã được Tống Thái Tôn tín nhiệm, liên tục thăng cấp. Lúc đó đúng dịp Tống Thái Tôn xuống chiếu, yêu cầu trăm quan dâng thư nói thẳng, khuyên can, thảo luận việc lớn quốc gia. Có một lần các quan đến kiến nghị giảng hòa với nước Liêu, chỉ có Khấu Chuẩn to gan nói thẳng, phản đối giảng hòa, đồng thời dùng lời lẽ, chứng cứ ra sức phản bác đề nghị của mọi người. Tống Thái Tôn thấy Khấu Chuẩn có lòng can đảm và tri thức hơn người, tài cán siêu quần vì vậy càng quý trọng ông, mời Khấu Chuẩn làm Khu mật viện trực học sĩ. Lại có một lần, Khấu Chuẩn lên triều tâu việc, vì lời nói không hợp với tâm ý của Thái Tôn, nên Thái Tôn nổi giận muốn bãi triều về cung. Khấu Chuẩn lúc này không vì Thái Tôn nổi giận mà bỏ lời khuyên can, ngược lại đã tiến lên nắm gấu áo Thái Tôn, để Thái Tôn ngồi lại, tiếp tục nghe những lời nói thẳng của ông, cho đến khi Thái Tôn đồng ý với ý kiến của ông, lập tức quyết đoán, mới chịu thôi. Tinh thần Khấu Chuẩn, chỉ vì việc lớn quốc kế dân sinh, dám trước mặt hoàng đế đang nổi giận, không sợ mất quan, nắm áo can mạnh, không thua kém thừa tướng Ngụy Trưng nổi tiếng ở triều đại trước. Vì thế sau khi Thái Tôn nguôi giận, nghĩ lại thấy Khấu Chuẩn có thể khuyên can dũng cảm thẳng thắn như vậy thật là người khó có, nên càng tán thưởng ông. Thái Tôn nói với cận thần: “Trẫm được Khấu Chuẩn cũng như Đường Thái Tôn được Ngụy Trưng”.

Trong sự kiện trọng đại hai lần phế lập Thái tử, Khấu Chuẩn đã thể hiện đầy đủ phẩm chất túc trí đa mưu giỏi quyết đoán việc lớn. Một lần là phế bỏ Sở Vương thái tử Triệu Nguyên Tá. Nguyên Tá là con trưởng của Tống Thái Tôn, do việc nghĩ cách cứu viện Triệu Diễn Mỹ em trai Thái Tôn

không thành công mà bị tâm bệnh, hành động trở nên thô bạo tàn nhẫn. Những người hầu hạ bên cạnh hơi mắc lỗi là ông ta đã dùng hình phạt tàn ác xử tử. Thái Tôn nhiều lần dạy bảo nhắc nhở, nhưng trước sau vẫn không thấy chuyển biến tốt. Vào hôm tiết Trùng dương, Thái Tôn thết yến chiêu đãi các Vương, Nguyên Tá vì bệnh mới đỡ nên không để ông ta tham dự. Đến nửa đêm, để trút nỗi giận dữ căm tức, Nguyên Tá đã nhốt thê thiếp lại, châm lửa đốt cung thất. Vì việc này Thái Tôn cả giận, có ý muốn phế bỏ Nguyên Tá, lập thái tử khác. Lúc đó Khấu Chuẩn đang làm thông phán ở châu Vận, Thái Tôn triệu kiến hỏi ông: Người hãy vì trẫm thử đoán một việc. Những điều thái tử đã làm không còn gì là vương pháp nữa, sau này nhất định sẽ có những hành vi như Hạ Kiệt, Thương Trụ, trẫm muốn phế bỏ, nhưng đông cung có giáp binh, sợ rằng có thể vì vậy mà xảy ra họa lớn. Việc này xử lý thế nào thì tốt? Mong người vì trẫm trù hoạch một kế sách vẹn toàn. Khấu Chuẩn nói: xin bệ hạ tìm cơ hội, giao cho thái tử thay người chủ trì một điển lễ nào đó, nhân viên tùy tùng của thái tử nhất định đi theo, sau đó bệ hạ sai người đến Đông cung điều tra tỉ mỉ, nếu quả thực có việc không hợp pháp, đợi thái tử trở về sẽ lấy cho xem, rồi phế bỏ. Đến đó chỉ cần lực lượng một thái giám là đủ. Thái Tôn tiếp thụ kế sách của Khấu Chuẩn, nhân lúc thái tử ra ngoài, sai người đến cung của ông ta, quả nhiên tìm được rất nhiều dụng cụ tra tấn, có cái móc mắt, có cái róc gân, có cái cắt lưỡi v.v... Trước rất nhiều vật chứng, Nguyên Tá đành cúi đầu nhận tội, thế là việc phế truất trở nên hợp lệ, không xảy ra bất kỳ sóng gió nào. Một lần nữa là lập Tương Vương Nguyên Khản. Đó là việc vào Thuần Hoá năm thứ năm (năm 994). Lúc này Thái Tôn đã gần những năm cuối cùng, vì việc lập thái tử mà lòng dạ rối bời, đứng ngồi không yên, lại thêm bị bệnh ở chân đau đớn không chịu nổi, đúng là cả tinh thần và sức lực đều kiệt quệ, đau khổ vô cùng. Trước việc đó, bọn Phùng Chương v.v... dâng sớ cầu xin sớm lập thái tử, trong cơn thịnh nộ, Thái Tôn đã đẩy bọn họ tới Lĩnh Nam. Sau việc này, chẳng ai dám nói tới việc lập thái tử. Nhưng Thái Tôn tuổi tác đã cao, muốn lánh tránh việc lập thái tử kế thừa ngôi vua cũng không lánh tránh được. Thái Tôn vào lúc ấy rất cần một người tình đầu ý hợp để làm bạn với mình, thổ lộ tâm sự với ông, để cho thăng bằng tâm lý, cùng sách



hoạch việc lập một thái tử khác. Thái Tôn nghĩ tới Khấu Chuẩn đã bị ông biếm tới châu Thanh, nghĩ tới hàng loạt việc làm tốt của ông này như nói thẳng khuyên can, tận trung vì nước, và đã không tránh khỏi hối hận, lòng nhớ nhung từ đó nảy sinh. Và đã xuống chiếu gọi Khấu Chuẩn về kinh đô. Khi Thái Tôn nghe báo Khấu Chuẩn đã lên điện triều kiến liền vội vàng cho vào.

Đợi Khấu Chuẩn tham bái xong, trước tiên Thái Tôn cho ông xem bệnh chân của mình, sau đó ban cho ngồi, rồi hỏi Khấu Chuẩn: Ái khanh vì sao lại về chậm thế? Khấu Chuẩn trả lời: Chưa nhìn thấy chiếu thư của bệ hạ gọi về, thần đâu dám tự tiện về kinh sư. Thái Tôn không để ý đến câu trả lời của Khấu Chuẩn mà chỉ muốn nhanh chóng nghe ý kiến của Khấu Chuẩn về việc lập thái tử, nên đã chuyển ngay đầu đề câu chuyện. Ông hỏi Khấu Chuẩn: Ái khanh hãy xem trong những đứa con trai của ta, ai có thể kế thừa hoàng vị? Lúc này tuy trong bụng Khấu Chuẩn đã có sự lựa chọn cá nhân, nhưng chưa biết lòng Thái Tôn hướng về người nào, cho nên không tiện trực tiếp trả lời vấn đề của Thái Tôn. Vì thế ông chỉ nêu với Thái Tôn nguyên tắc lựa chọn thái tử. Khấu Chuẩn trả lời: Bệ hạ vì người thiên hạ mà lựa chọn quân chủ, mà bàn với phu nhân, với hoạn quan là không được; cùng bàn với cận thần, cũng không được; chỉ cần người lựa chọn của bệ hạ phù hợp với kỳ vọng của thiên hạ, là có thể được. Thái Tôn nghe xong, cúi đầu suy nghĩ rất lâu, sau đó cho tả hữu lui ra, hỏi Khấu Chuẩn: Người thấy Tương Vương Nguyên Khản có thể được không? Thực ra người mà Khấu Chuẩn nghĩ tới cũng là Tương Vương Nguyên Khản, nên ông vội trả lời: Biết con không ai bằng cha. Bệ hạ đã cho là có thể được, xin bệ hạ lập tức quyết định. Việc lập thái tử, vua tôi hai người đã quyết định như vậy. Từ đó một mối lo trong lòng của Thái Tôn đã được trút bỏ.

Tháng tám Chí Đạo nguyên niên (năm 995) Tống Thái Tôn chính thức lập Tương Vương Nguyên Khản làm Hoàng thái tử. Khi thái tử đến tôn miếu làm lễ trở về, người trong kinh thành chen nhau đứng xem, sôi nổi hoan hô, có người nói: Đúng là một vị thiếu niên thiên tử. Sau khi biết tin,

trong lòng Thái Tôn rất không vui, nói: Trong chốc lát lòng người đều hướng về thái tử, thế thì sẽ đặt ta ở vị trí nào? Khấu Chuẩn sợ Thái Tôn thay đổi chủ định, lúc khẩn cấp bỗng nghĩ ra cách đối phó hay, lập tức bái lạy chúc mừng: Mọi người hướng về thái tử là quyết sách của bệ hạ sáng suốt là hồng phúc của quốc gia, trăm họ. Thái Tôn nghe Khấu Chuẩn nói như vậy, thấy địa vị của mình trong lòng thần dân vẫn còn ở trên thái tử, đã lập tức phấn khởi. Lại vào hậu cung đem việc đó nói cho hoàng hậu, phi tần biết, người trong hậu cung đều đến chúc mừng. Nhân lúc cao hứng, Thái Tôn sai người bày tiệc cùng uống với Khấu Chuẩn, đến say mới thôi.

Khấu Chuẩn chủ trương chấp pháp công bằng, xử án sáng suốt, phản đối vì tình riêng mà làm sai pháp luật, dùng quyền lực mưu việc riêng. Mùa xuân Tống Thái Tôn Thuần Hoá năm thứ hai (năm 991), trời hạn hán lớn không mưa, lại có nạn châu chấu, lại cộng thêm năm trước ba họa: cháy, châu chấu, hạn hán cùng xảy ra, nên đã làm Thái Tôn chú ý. Ông triệu tập cận thần vào điện, hỏi han bọn họ xem trong việc xử lý triều chính có chỗ nào không thỏa đáng hay không mà làm trời nổi giận. Các đại thần đều nói ý trời như vậy, việc triều chính của triều đình ta không có sai lầm, chỉ có Khấu Chuẩn trả lời: “Thượng thư Hồng Phạm” nói: Giữa người và trời có sự cảm ứng lẫn nhau, như bóng theo người, nay xuất hiện họa đại hạn, chứng minh triều ta thi hành hình phạt có chỗ không công bằng. Nghe xong, Thái Tôn không vui, quay người về cung, một lúc sau ông lại triệu kiến Khấu Chuẩn, hỏi Khấu Chuẩn việc nào xử lý không công bằng. Khấu Chuẩn nói: Xin triệu đại thần hai phủ Trung thư lệnh và Khu mật viện đến, thần xin nói. Thế là Thái Tôn xuống chiếu, triệu đại thần hai phủ vào cung. Khấu Chuẩn nói: Cách đây không lâu, Tổ Cát, Vương Hoài đều do vi phạm pháp luật, nhận hối lộ mà bị trị tội. Nhưng Tổ Cát tiền tham ô ít mà bị giết, còn Vương Hoài vì là em trai Tham tri chính sự Vương Miến, nên mặc dù đã lấy tài vật của nhà nước do mình chủ quản nhiều đến hàng chục triệu, mà ngược lại chỉ bị phạt đánh, rồi quan lại phục hồi nguyên chức, chẳng lẽ đó không phải là không công bằng ư? Thái Tôn hỏi Vương Miến, việc đó

có phải như Khấu Chuẩn nói hay không. Vương Miễn không thể chối cãi bác bỏ, đành cúi đầu tạ tội. Thái Tôn đã giận dữ trách mắng.

## **GIỎI QUYẾT ĐOÁN VIỆC LỚN, TẬN TRUNG VÌ NƯỚC**

Tháng bảy, cảnh Đức nguyên niên (năm 1004) Tống Chân Tôn cử Khấu Chuẩn làm Tế tướng. Tháng chín cùng năm, có một tốp nhỏ kỵ binh quân Liêu xâm phạm biên giới Tống, đánh nhau hơi bất lợi đã vội vã dẫn quân rút ngay, tựa như không có ý cử đại quân giao chiến với quân Tống. Nhận được báo cáo về tình hình quân sự đó, Khấu Chuẩn đoán định đó là triệu chứng báo trước rằng nước Liêu sẽ cử quân Nam hạ xâm phạm lớn, nên lập tức tâu lên Chân Tôn: Hành động đó của quân Liêu là muốn làm chúng ta tê liệt. Chúng ta phải tăng gấp huấn luyện quân đội, cử tướng soái, đồng thời tuyển chọn và cử bộ đội tinh nhuệ chiếm đóng các vị trí quân sự quan trọng, để đề phòng đại quân Liêu đến xâm phạm. Dưới kiến nghị của Khấu Chuẩn, quân Tống đã điều binh khiển tướng, giữ nghiêm trận địa, đợi chờ.

Quả nhiên, không ra ngoài dự đoán của Khấu Chuẩn, tháng mười một năm đó, quân Liêu đã Nam hạ với qui mô lớn. Tiêu Thái hậu, Thánh Tôn Gia Luật Long Tự nước Liêu đã ngự giá thân chinh, đại tướng Tiêu Đạt Lãm dẫn 20 vạn quân tiến thẳng vào Trung Nguyên, tình hình quân sự vô cùng khẩn cấp, triều đình nhà Tống kinh hoàng thất thổ. Chỉ một đêm mà thám mã đã phi báo tới tướng phủ năm bức văn thư cơ mật về tình hình quân sự, nhưng Khấu Chuẩn thân làm trọng thần triều đình vẫn rất trấn tĩnh, ông không thèm xé những bức văn thư cấp báo quân tình mà vẫn uống rượu như thường, cười nói như thường. Hôm sau có người mang việc đó tâu lên Chân Tôn, Chân Tôn cả sợ, trách hỏi Khấu Chuẩn vì sao như vậy? Khấu Chuẩn trả lời: Bệ hạ muốn biết việc này, không đến năm ngày nhất định thấy rõ. Chân Tôn hỏi Khấu Chuẩn có kế gì hay để lui quân địch. Khấu Chuẩn đề nghị Chân Tôn ngự giá đến châu Thiên (nay là Bộc Dương - Hà Nam) xem trận, như vậy sẽ kiểm chế địch giành thắng. Ông cho rằng hoàng đế ngự giá thân chinh, quân Tống nhất định đoàn kết hòa thuận, sĩ

khí lên cao, quân uy phần chấn, còn quân địch sẽ nghe tin hoảng hốt bỏ chạy. Nếu không, lòng quân Tống rời rạc, quân địch thừa thắng tiến vào, thiên hạ đại Tống khó được thái bình. Quần thần trong triều thấy Khấu Chuẩn nêu lên Chân Tôn phải ngự giá thân chinh, cảm thấy sự việc rất trọng đại, lại sợ phải hộ giá ra trận, vì vậy người nào người nấy đều hoảng sợ lần lượt, lần lượt chuẩn bị thoái triều, để tránh hoàng đế trách tội. Khấu Chuẩn thấy quần thần muốn lùi như vậy, trong lòng rất không vui, liền nghiêm giọng ngăn chặn. Hoàng đế Chân Tôn cảm thấy vô cùng khó xử, cũng muốn về nội cung, sau đó sẽ bàn, quyết việc này. Khấu Chuẩn thấy hoàng đế Chân Tôn không có ý muốn thân chinh, một khi đã về cung thì việc này sẽ khó làm, liền thưa với Chân Tôn: Một khi bệ hạ đã về cung, quần thần sẽ khó gặp người, như thế sẽ lỡ việc lớn, xin nhà vua đừng về. Dưới quyền khuyên can mạnh mẽ của Khấu Chuẩn, Chân Tôn không biết làm thế nào, đành đồng ý thảo luận xem có nên thân chinh hay không.

Lúc này đại thần triều đình không nhất trí việc ngự giá thân chinh. Khấu Chuẩn và bọn Tất Sĩ An v.v... hết sức khuyên Chân Tôn dẫn quân chinh phạt Liêu, còn tham tri chính sự Vương Khâm Nhược, đại thần Trần Nghiêu Văn... lại ra sức khuyên can Chân Tôn rời về Nam tránh loạn. Vương Khâm Nhược là người Giang Nam, ông ta chủ trương Chân Tôn rời về Nam đến Kim Lăng; Trần Nghiêu Văn là người Tứ Xuyên, ông ta ra sức khuyên can Chân Tôn đến Thành Đô. Nhất thời, Chân Tôn không định được chủ kiến, hỏi Khấu Chuẩn nên làm thế nào? Khấu Chuẩn biết rõ trong lòng là Vương Khâm Nhược, Trần Nghiêu Văn đều tính toán cho bản thân họ, ông giả vờ như không biết, nói: Ai vì bệ hạ mà lo liệu hạ sách như vậy, tội thật đáng chém. Bệ hạ sáng suốt anh vũ, các quan đoàn kết hòa thuận, nếu ngự giá thân chinh, quân địch tự nhiên nghe tin hoảng sợ. Nếu không thân chinh, thì chúng ta cho kỳ binh ra đánh bại âm mưu của chúng, hoặc là giữ chắc để làm binh sĩ của chúng mệt mỏi, ở thế dĩ dật đãi lao, chúng ta cũng có thể vững vàng thắng lợi. Vì sao phải vứt bỏ tôn miếu, xả tắc đi Kim Lăng, Thành Đô? Những lời nói chính nghĩa nghiêm trang hợp tình hợp lý đó của Khấu Chuẩn đã làm cho Chân Tôn hạ quyết tâm thân chinh.

Tháng mười hai cùng năm, Chân Tôn thân dẫn đại quân đến Nam thành châu Thiên, lúc này khí thế quân Liêu đang thịnh, mọi người đều xin Chân Tôn ở lại để quan sát tình hình địch, ta, sau đó sẽ quyết định tiến lên. Nhưng Khấu Chuẩn lại kiên quyết xin Chân Tôn tiếp tục tiến lên. Ông nói: Nếu như bộ hạ không qua Hoàng Hà thì lòng người càng sợ hãi không yên, không thể làm mạnh quân uy của ta để ép chặn khí thế quân địch để rồi giành được thắng lợi cuối cùng. Hơn nữa, hiện nay quân ta có bộ đội tinh nhuệ do Vương Siêu soái lĩnh đóng ở Trung Sơn, bóp nghẹt vị trí quan trọng yết hầu, kỳ có Lý Kế Long, Thạch Bảo Cát lần lượt dẫn quân ở hai cánh bố trí thành đại trận, khống chế nơi xung yếu bên tả bên hữu; lại thêm viện quân các phía đang lục tục kéo đến, vì sao bộ hạ còn nghi ngại không dám tiến lên?

Khấu Chuẩn thấy lời trình bày lợi hại giục vua tiến lên của mình rất đơn độc, liền lui ra tìm Điện tiền đô chỉ huy sứ Cao Quỳnh thương lượng. Khấu Chuẩn hỏi Cao Quỳnh: Thái úy chịu ơn nước sâu xa, hôm nay lấy gì để báo đáp phục vụ đất nước? Cao Quỳnh trả lời: Tôi là quân nhân, xin lấy chết đền ơn nước. Khấu Chuẩn rất phấn khởi, liền trình bày cách suy nghĩ của mình cho Cao Quỳnh nghe. Sau đó hai người cùng xin vào gặp Chân Tôn. Khấu Chuẩn nói: Bộ hạ không cho lời nói của thần là phải, sao không hỏi ý kiến tướng võ Cao Quỳnh? Cao Quỳnh lập tức ngẩng đầu lên thưa: Ý kiến của Khấu Chuẩn là đúng, xin bộ hạ tiếp nhận. Khấu Chuẩn không đợi Chân Tôn mở miệng, đã nói với Cao Quỳnh: Thời cơ không thể để mất, nên giục hoàng thượng xuất phát ngay. Cao Quỳnh liền lệnh cho vệ sĩ chuẩn bị tốt xe ngựa, thế là Chân Tôn vượt qua Hoàng Hà, đến cửa lầu phía Bắc thành châu Thiên. Quân Tống, gần xa nhìn thấy lọng hoa của xe vua, không ai là không hò reo hoan hô, quân uy lên rất cao, mà tiếng hò reo ngoài mấy chục dặm đều có thể nghe thấy, còn quân Liêu nghe thấy tiếng hoan hô của quân Tống, người nọ nhìn người kia, kinh sợ không thôi.

Sau khi Chân Tôn đến châu Thiên, giao cho Khấu Chuẩn toàn quyền xử lý việc lớn quân vụ. Khấu Chuẩn trị quân hiệu lệnh nghiêm minh, xử sự quyết đoán, chỉ huy có phép. Sĩ tốt vừa sợ hãi vừa vui vẻ tin phục. Không

lâu mấy ngàn kỵ binh quân Liêu đến gần dưới thành, Khấu Chuẩn hạ lệnh cho sĩ tốt xuất kích, giết chết và bắt sống hơn một nửa, xoay chuyển hẳn cục diện bị động. Sau đó thống soái quân Liêu là Tiêu Thái Lâm, thân ra chiến trường đốc chiến. Uy hỷ quân đầu, quân Tống là Trương Quế Thủ dùng nỏ bắn một phát trúng ngay vào trán Thái Lâm, Thái Lâm trúng tên chết trận, quân Liêu đành rút lui. Tống Chân Tôn về hành cung, lưu Khấu Chuẩn ở trên thành Bắc, trấn thủ chỉ huy. Một lúc sau, sai người đến xem Khấu Chuẩn đang làm gì, chỉ thấy Khấu Chuẩn đang uống rượu, đánh cờ, ca hát, tiếng hoan hô không dứt. Sau khi biết tin, Chân Tôn phẫn khởi nói với tả hữu: Khấu Chuẩn ung dung trấn tĩnh như vậy, ta còn có gì đáng lo nghĩ nữa?

Nước Liêu tổn quân mất tướng, tổn thất nặng nề, không còn sức đánh nữa. Thái hậu (Tiêu) đành cử sứ giả đến châu Thiên, xin bãi binh giảng hòa. Nước Liêu nêu yêu cầu triều Tống phải nhường cho họ phần đất đai ở Nam Quan. Tống Chân Tôn nói: Sứ thần nước Liêu nói về việc cắt đất không có đạo lý gì. Nếu chỉ đòi vàng bạc châu báu, đối với triều đình về đại thể không có gì thương hại lắm. Nhưng Khấu Chuẩn không muốn cho nước Liêu vàng bạc châu báu, mà còn yêu cầu nước Liêu xưng thần với triều Tống và hiến đất đai của hai châu U và Kế. Ông hiến kế với Chân Tôn: Chỉ có như vậy mới có thể bảo đảm biên giới trăm năm vô sự. Nếu không, mấy chục năm sau, bọn giặc lại nổi lòng tham. Chân Tôn vội cầu hòa, nói với Khấu Chuẩn: Mấy chục năm sau tự nhiên sẽ có người hết lòng giữ gìn đất đai, ta không nỡ nhìn thấy sinh linh trăm họ lầm than. Tạm thời theo yêu cầu giảng hòa của nước Liêu là được. Rồi lập tức cử Tào Lợi Dụng đến phía Liêu đàm phán. Chân Tôn nói với Tào Lợi Dụng: Thực là bất đắc dĩ, nếu mất trăm vạn tiền cũng được. Sau khi biết tin này, Khấu Chuẩn triệu Tào Lợi Dụng vào trong trường, dặn dò: Dù đã có thánh chỉ, nhưng nếu ông đáp ứng quân Liêu quá 30 vạn, tôi sẽ chém đầu ông. Tào Lợi Dụng đến nước Liêu, cuối cùng đã dùng 10 vạn lạng bạc, 20 vạn tấm tơ lụa làm cái giá để đạt được hòa ước với phía Liêu mà trở về. Nước Liêu nung cử sứ thần Đinh Chấn mang điều ước thề liên minh đến Tống, dùng lễ anh (huynh

lễ) đối với Tống Chân Tôn, rồi sau đó dẫn quân về phía Bắc. Lần này, tuy Khấu Chuẩn không thay đổi triệt để được kết cục triều Tống phải nộp vàng bạc châu báu cho nước Liêu, nhưng đã giữ được lãnh thổ phía Bắc của Triệu Tống, đồng thời khống chế được tổn thất kinh tế trong một giới hạn nhất định.

Cuộc chiến ở châu Thiên, quân Tống đại thắng quân Liêu, công đầu phải qui cho Khấu Chuẩn. Tống Chân Tôn đặc biệt yêu mến Khấu Chuẩn và ông cũng vô cùng đặc ý. Nhưng Vương Khâm Nhược do lúc đầu đã thỉnh giá về Nam, bị Khấu Chuẩn bác bỏ thậm tệ trước mặt mọi người, nên mang mối hận trong lòng với Khấu Chuẩn, luôn tìm cơ hội gièm pha, hãm hại Khấu Chuẩn. Một hôm, Chân Tôn triệu kiến quần thần, Khấu Chuẩn chưa đợi tan triều đã ra trước, Chân Tôn đưa mắt tiễn ông rời bước, rồi nhìn mãi vào sau lưng ông. Vương Khâm Nhược thấy là thời cơ đã tới, liền nhân dịp dâng lời nói: Bệ hạ tôn kính Khấu Chuẩn như vậy, nhưng xin bệ hạ hãy xem ông ta có phải là thần tử khuông phù xã tắc không? Chân Tôn trả lời: Đương nhiên là như vậy. Vương Khâm Nhược nói: Cuộc chiến ở châu Thiên, bệ hạ không lấy làm xấu hổ mà ngược lại còn coi đó là công lao của Khấu Chuẩn, đó là vì sao vậy? Chân Tôn bất giác cảm thấy ngạc nhiên vội hỏi duyên cớ. Vương Khâm Nhược nói: Liên minh dưới thành, “Xuân Thu” cho là nhục nhã lớn. Mà bệ hạ là chủ vạ thẳng lại ký liên minh với giặc ở dưới thành, còn có gì xỉ nhục hơn việc đó không? Chân Tôn tư lự không vui. Vương Khâm Nhược lại gièm pha: Bệ hạ có biết đánh bạc không? Người đánh không thua đến đồng tiền cuối cùng chưa thôi, sau đó thường mang những thứ trên mình ra đặt cược, đó gọi là “dốc túi đánh canh cuối cùng” của Khấu Chuẩn rồi đó! Chân Tôn nghe lời gièm pha vô sỉ của kẻ tiểu nhân dần dần xa lánh Khấu Chuẩn, rồi bãi chức Tế tướng của ông, giáng làm Hình bộ thượng thư, ra ngoài giữ chức ở châu Thiểm.

Khấu Chuẩn là một lương thần danh tướng, tài hoa hơn người, cương trực quả quyết. Ông có dũng có mưu, vì quốc gia dâng hiến sức lực, có gan có trí, tạo phúc cho trăm họ, rất xứng đáng là cánh tay đắc lực của quốc gia. Nhưng cuối cùng ông không tránh khỏi việc trung thần bị gièm, bị biếm ra



ngoài châu Thiểm, ông còn bị Tham tri chính sự Đinh Vị - môn hạ của mình, gièm pha hãm hại, luôn luôn bị biếm, cuối cùng chết ở Lô Châu. Lúc đầu Đinh Vị vô cùng tôn trọng Khấu Chuẩn, có một lần Khấu Chuẩn ăn cơm ở Trung thư tỉnh, râu dính nước canh. Sau khi nhìn thấy, Đinh Vị đã nhẹ nhàng lau sạch cho ông. Khấu Chuẩn cười nói: Tham chính! Đại thần quốc gia sao lại vì trưởng quan lau râu! Đinh Vị rất xấu hổ và giận. Sau này, Khấu Chuẩn nói với Tống Chân Tôn: Đinh Vị là người sàm nịnh, không thể để ông ta phò tá thiếu chủ. Tống Chân Tôn tiếp nhận. Việc này vốn mọi người khác đều không biết, nhưng Khấu Chuẩn một lần say rượu đã tự lộ ra, khiến Đinh Vị nghe được. Từ đó hẳn không ngừng ra sức thù ghét tội danh, xúi giục trái phải, không ngừng gièm pha với hoàng đế, phải đưa Khấu Chuẩn vào chỗ chết mới vui lòng. Kết quả là sau khi Khấu Chuẩn bị bãi chức Tế tướng, lại liên tục bị truất ba lần, không thể phục hồi được nữa.

Sau khi Khấu Chuẩn đã mất trong cảnh nghèo, bệnh hoạn cùng đến và tâm tình u uất, chiếu chỉ của Tống Chân Tôn điều ông đến làm Hành châu Tư mã, mới tới trụ sở nơi ông bị biếm tại Lô Châu. Tiếc rằng lúc đó, Khấu Chuẩn không thể theo lệnh đi nhận nhiệm vụ nữa. Vợ ông là Tống thị xin đưa hài cốt về táng ở Lạc Dương. Tống Chân Tôn đồng ý. Trên con đường linh xa Khấu Chuẩn đi về Bắc tới Lạc Dương, dọc đường quan phủ, trăm họ đều bày bàn thờ khóc lóc, và còn cắm cành tre ở bên đường treo tiền giấy. Sau một tháng, các cành tre cắm bên đường đều mọc măng, trăm họ sôi nổi bàn luận: Cái chết của Khấu Chuẩn, cảm động đến trời đất, cành tre cắm sinh ra măng, đó là do phong cách, khí tiết cao sáng của Khấu công cảm hóa trời đất. Vì vậy, trăm họ lại vì Khấu công xây đền sửa miếu, hết năm này đến năm khác theo thời gian cúng tế.

## **86. PHẠM TRỌNG YÊM**

### **LÒNG LO THIÊN HẠ, TRÍ VÌ TRUNG NGUYÊN**

“Lo trước mối lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ”, đó là câu viết nổi tiếng trong bài viết nổi tiếng “Ký lầu Nhạc Dương” của Phạm Trọng Yêm, nhà chính trị, nhà quân sự nổi tiếng và nhà giáo dục, nhà văn trác việt thời Bắc Tống. Hai câu nổi tiếng này đã trở thành một bộ phận tổ thành của “tinh thần Trung Quốc”, là của cái tinh thần cực kỳ quý báu của nền văn minh Trung Hoa sáng ngời. Chu Hy gọi Phạm Trọng Yêm là nhân vật đệ nhất lưu trong trời đất kể từ khi có sử đến nay.

### **LÒNG ÔM CHÍ LỚN, KHỔ HỌC KHÔNG LỜI**

Phạm Trọng Yêm, tự Hi Văn, người huyện Ngô, Tô Châu (nay là huyện Ngô - Giang Tô) sinh vào Đoan Cung năm thứ hai, Tống Thái Tôn (năm 989), chết năm thứ tư Hoàng Hựu (năm 1052). Ông là đời sau của tể tướng Đỗ Lữ Bạng đời Đường, cha là Phạm Dung, từng làm Chương thư ký Tiết độ sứ Ninh Vũ quân. Phạm Trọng Yêm hai tuổi thì bố chết, ông theo bà mẹ cải giá qua một cuộc sống khổ cực, bơ vơ, đói rét, nhưng lòng ôm chí lớn, khắc khổ học tập, ông thường đến tăng phòng ở chùa Lễ Tuyền cách nhà không xa ở trọ, sớm chiều đọc sách ngâm nga. Tinh thần chăm chỉ học hành của ông đã gây ấn tượng sâu sắc cho người ta: mỗi tối nấu chín hai hớp (bằng một phần năm lít) cháo gạo đặc, hôm sau dùng dao cắt làm bốn miếng, sớm, tối, mỗi lần ăn hai miếng, kèm mấy cây rau muối, nửa thìa nước chấm, ăn xong, tiếp tục đọc sách. Ông khắc khổ học tập ngày đêm không ngừng, mùa đông khi đọc sách quá mệt thì rửa mặt bằng nước lạnh. Ba năm trôi qua, kho sách ở đó đã không đáp ứng đủ yêu cầu của ông, ông liền đi bộ du học, đến Thiên Phủ thư viện (nay là huyện Thương Khưu - Hà Nam) là nơi rất có tiếng đương thời. Phạm Trọng Yêm vô cùng quý trọng

môi trường học tập ở đó. Từ xuân đến hè, qua thu tới đông, năm nối năm khổ học. Sáng sớm múa một bài kiếm, nửa đêm ngủ nguyên quần áo, người khác ngắm hoa thưởng nguyệt, còn ông tìm vui trong lục kinh. Một lần đương triều hoàng đế Tống Chân Tôn đi qua. Mọi người tranh nhau ra xem, chỉ Phạm Trọng Yên đóng cửa không ra, ngồi ngâm nga như thường. Một đồng học trách ông để lỡ cơ hội tốt, ông trả lời: Sau này gặp lại, chưa chắc đã muộn! Có người thấy ông suốt năm ăn cháo, sinh hoạt thanh bần gian khổ, liền cho ông thức ăn ngon. Ông không hề nếm một miếng, để thức ăn ngon lên men, biến chất, mãi đến khi người ta trách tội, ông mới xin lỗi, thong dong nói rõ: Tôi đã quen cuộc sống ăn cháo, một khi được ăn ngon, sau này sợ không chịu nổi khổ.

“Công phu không phụ người chuyên cần”. Sau mấy năm, Phạm Trọng Yên đã thuộc lòng kinh điển Nho gia. Mùa thu Đại Trung Tường Phù năm thứ bảy và mùa xuân năm thứ tám (năm 1014), thông qua khảo sát thi cử, trúng bảng trở thành tiến sĩ, từ đó bắt đầu gần bốn mươi năm sinh nhai chính trị của ông. Khi tham gia ngự thí ở Điện Sùng Chính, lần đầu tiên ông nhìn thấy hoàng đế Chân Tôn đã gần năm mươi.

## **VÌ DÂN ĐẮP ĐÊ, NHIỆT TÌNH DẠY HỌC**

Thiên Hi năm thứ năm (năm 1021) Phạm Trọng Yên giữ chức Giám quan kho muối, Hải lãng Tây Khê trấn châu Thái (nay là vùng gần huyện Đồng Đào - Giang Tô). Ông đã nhanh chóng phát hiện đê biển ở nơi này do nhiều năm không sửa chữa nên đã lở sụt rất nhiều, không chỉ ruộng muối phải ngừng sản xuất mà ngay cả vùng ruộng lúa nhà ở của dân rộng lớn cũng nhiều lần bị sóng biển đe dọa. Gặp khi triều lớn, thậm chí nước biển ngập đến dưới chân thành Châu Thái, hàng ngàn hàng vạn dân li tán vì mất nơi ở, sản lượng muối và tô thuế của quan phủ cũng bị tổn thất. Vì vậy ông đã viết thư lên Giang Hoài Tào vận, Trương Luân, tha thiết trình bày lợi hại của đê biển, kiến nghị lại vùng duyên hải châu Thông, châu Thái, châu Sở, châu Hải (nay là từ cảng Liên Vận đến cửa sông Trường Giang), sửa chữa

lại con đê ngăn nước biển kiên cố. Trương Luân đã khảng khái phê chuẩn công trình to lớn này, đồng thời tâu xin triều đình cử Phạm Trọng Yêm làm huyện lệnh Hưng Hoá, phụ trách toàn diện việc đắp đê. Công trình bắt đầu chưa lâu, mấy vạn dân phu gặp phải bão tuyết lớn và triều biển lớn cùng một lúc, cuốn đi hơn một trăm dân công. Trước sự bất lợi ban đầu, một số quan viên cho là ý trời, muốn ngừng hẳn công việc. Sự việc được báo về kinh đô, các quan trong triều do dự không định. Còn Phạm Trọng Yêm thì gặp nguy hiểm không sợ, trấn tĩnh như thường. Mặc dù các quan viên khác hoang mang không biết làm gì, tân binh hoảng sợ lũ lượt tìm nơi ẩn tránh, Phạm Trọng Yêm vẫn đứng yên bất động trong sóng to gió lớn. Do ảnh hưởng của ông, tư tưởng quan viên dần dần ổn định, công trình đắp đê lại toàn diện trở lại làm việc. Không lâu, một con đê dài mấy chục dặm được đắp xong, sản xuất ở đồng muối và ruộng lúa cũng như tính mệnh tài sản của trăm họ từ đó được bảo đảm. Trăm họ, năm trước do bị thiên tai mà lưu lạc nơi khác nay lại dặt dứu nhau trở về quê nhà. Mọi người cảm kích trước công lao của Phạm Trọng Yêm đều gọi con đê dài ngăn nước biển đó là “Đê Phạm Công”, không ít nạn dân lấy họ theo họ “Phạm” của ông.

Cảnh Hựu nguyên niên (năm 1034) Phạm Trọng Yêm giữ chức tri châu Tô Châu. Tô Châu gặp nước lớn, ruộng dân không thể cấy trồng, ông dẫn trăm họ khơi thông năm con sông ngòi, dẫn nước Thái Hồ chảy ra biển, giải thoát được họa nước ở miền Nam Giang Tô, tạo phúc cho dân.

Phạm Trọng Yêm là một kẻ sĩ bác học, ông thông hiểu “Lục kinh”, giỏi “Kinh dịch”, những người học tập kinh sách phần lớn đến xin ông chỉ giáo đúng sai, tay ông cầm kinh sách giảng giải cho họ không biết mệt. Mỗi khi ông kích động bàn luận việc lớn trong thiên hạ thì phấn chấn không để ý tới mình. Người từ bốn phương chuyên môn đến cầu giáo nườm nượp không dứt, Phạm Trọng Yêm nhiệt tình tiếp đãi những học giả từ ngàn dặm xa xôi tới đó.

Thậm chí ông còn lấy bổng lộc của mình ra nuôi các du sĩ từ bốn phương đến cầu học, trong khi các con của mình mỗi lúc ra ngoài đều phải thay nhau mặc chung một bộ quần áo lạnh lặn. Một lần có một vị Tôn tú tài ăn

xin du học đến bái yết ông, Phạm Trọng Yêm lập tức tặng ông này một ngàn đồng tiền. Sau một năm, Tôn tú tài lại đến, Phạm Trọng Yêm vừa tặng ông ta tiền vừa hỏi ông ta vì sao đi ăn xin, không ngồi lại tĩnh tâm đọc sách. Tôn tú tài đau thương nói: nhà có mẹ già, khó khăn trong phụng dưỡng. Nếu mỗi ngày có thu nhập cố định một trăm đồng tiền, thì đủ dùng. Phạm Trọng Yêm nói với ông ta: Nghe giọng điệu, ông không giống khách ăn xin. Đợi tôi tìm giúp ông một chỗ làm ở trường học này, để mỗi tháng ông có được ba ngàn đồng, nuôi dưỡng mẹ già, như vậy ông có thể yên tâm theo học không? Tôn tú tài cả mừng cúi chào, từ đó cùng Phạm Trọng Yêm nghiên cứu “Xuân Thu”. Năm sau, Phạm Trọng Yêm rời Nam Kinh, Tôn tú tài cũng từ chức. Sau mười năm, triều đình và dân gian truyền lan tin có một vị học giả đức cao vọng trọng, đang tụ tập học sinh ở Thái Sơn, giảng dạy “Xuân Thu” họ Tôn tên là Phục. Ngay đến Tổ Lại tiên sinh Thạch Giới nổi tiếng Sơn Đông cũng đến bái ông ta làm thầy. Vị học giả đó chính là vị Tôn tú tài năm xưa. Phạm Trọng Yêm cảm khái nói: Nghèo khó quả thật là một tai nạn đáng sợ, nếu như Tôn Phục cứ phải ăn xin đến già, thì chẳng phải là vị nhân tài kiệt xuất đó đã chôn vùi vào trầm luân ư! Từ Hải Lăng đến Cao Bưu, từ Tô Châu đến Mẫn Châu (nay là huyện Bản - Thiểm Tây) mỗi khi đến nơi nào Phạm Trọng Yêm nói chung đều trước tiên phát triển việc học, mời thầy, quan tâm đến giáo dục. Sau này khi làm đến Tế tướng đã hạ lệnh cho các châu, huyện phải mở trường học. Mà rất nhiều người được sự chỉ giáo và chịu ảnh hưởng của ông, đều được thành đạt. Giữa các đại sĩ phu đương thời chú ý chữa phong khí xã hội, nghiêm khắc với mình, sùng kính phẩm đức, tiết tháo, những cái đó đều do Phạm Trọng Yêm đề xướng.

## **CƯƠNG TRỰC KHÔNG A DUA, NÓI THẲNG BA LẦN BỊ BIẾM**

Ngay từ thời kỳ Phạm Trọng Yêm chịu tang mẹ, Án Thù nghe tiếng tăm của Phạm Trọng Yêm đã mời ông đến nhận chức ở học phủ, Phạm Trọng Yêm đã dâng thư lên triều đình xin lựa chọn quận thủ, tiến cử huyện lệnh, xua đuổi những người du đảng lười nhác, cắt giảm nhân viên thừa và người

không giữ bốn phận, thận trọng lựa quan viên và vỗ về an ủi tướng soái, bức thư này dài đến hơn vạn chữ. Đến khi hết thời gian chịu tang, Án Thù giới thiệu tiến cử ông làm Mật các hiệu lý - phụ trách khảo đính và chỉnh lý điển tịch sách của hoàng thất, trên thực tế là Thị tòng văn học của hoàng đế, khiến ông có cơ hội gặp nhà vua thường xuyên tai nghe mắt thấy những điều cơ mật triều đình, là cơ hội cực tốt để thăng quan tiến chức vùn vụt. Nhưng Phạm Trọng Yêm một khi đã biết được bức màn sau nào đó của triều đình, liền can đảm can thiệp vào cuộc đấu tranh chính trị hiểm ác trên xã hội thượng tầng, ông phát hiện hoàng đế Nhân Tôn đã hai mươi tuổi, mà các hạng mục quân chính đại sự trong triều vẫn do Lưu thái hậu đã ngoài sáu mươi tuổi ôm lấy, hơn nữa còn nghe ngày đông chí năm đó, Thái hậu còn bắt Nhân Tôn cùng với trăm quan, đứng trước điện khẩu đầu chúc thọ bà. Phạm Trọng Yêm cho rằng gia lễ và quốc lễ không thể lẫn lộn, việc tổn hại đến tôn nghiêm của nhà vua, phải chặn đứng, ông dâng sớ, phê bình: Trong nội cung thờ kính người thân là nghi lễ trong nhà, nhưng trên triều đình để thiên tử cùng đứng với trăm quan hướng về Nam lễ Thái hậu, không thể thành pháp lễ của đời sau. Sớ tâu lên của Phạm Trọng Yêm làm Án Thù cực kỳ hoảng sợ. Ông ta vội gọi Phạm Trọng Yêm tới, trách ông không nên bừa bãi như vậy.

Thế nhưng, Phạm Trọng Yêm xưa nay vốn kính trọng Án Thù, lần này đã nửa bước không nhường, nghiêm sắc mặt nói lại: Tôi chính là việc ngài tiến cử mà thường sợ hãi rằng chưa làm tròn trách nhiệm, để ngài khó xử vì tôi, không ngờ hôm nay, chính vì bàn bạc thẳng mà chịu tội với ngài. Những lời nói làm Án Thù không biết nói đáp lại. Về đến nhà, Phạm Trọng Yêm lại viết thư, dứt khoát yêu cầu Lưu Thái hậu bỏ việc buông rèm tham dự chính sự, đem đại quyền giao trả Nhân Tôn. Triều đình trước sau im lặng đối với mấy lần dâng sớ của Phạm Trọng Yêm, chỉ hạ chiếu lệnh giáng chức, điều ông ra khỏi kinh đô làm thông phán Hà trung phủ. Đồng liêu trong Mật các, tiễn ông đến ngoại thành, mọi người nâng cốc tiễn biệt nói: Chuyển đi này của bác Phạm rất vinh dự.

Lúc này để xây dựng Thái Nhất cung và Hồng Phúc viện, triều đình trưng mua gỗ ở Thiểm Tây, Phạm Trọng Yêm nói: Chiêu ứng cung, Thọ Ninh cung bị hỏa tai thủy hại, sự trừng phạt và cảnh cáo của thượng giới vừa qua chưa lâu mà nay đã ra sức xây dựng tiêu phí tài sản của trăm họ, điều đó là việc không thuận lòng người, không hợp ý trời. Nên đình chỉ việc sửa chữa xây dựng chùa chiền, giảm bớt số lượng trưng mua gỗ bình thường trong năm. Lại nói: Những người được ân sủng, phần lớn đều do trong hoàng cung trực tiếp giáng sắc phong quan, đó không phải là chính sách cai trị trong thời bình. Sau ba năm, Lưu Thái hậu chết, hoàng đế Nhân Tôn triệu hồi Phạm Trọng Yêm về kinh đô, cử ông chuyên môn bình luận ngôn quan - Hữu Tư gián - của triều đình. Lúc đó các quan dâng sớ lên bình luận quốc sự, phần lớn thường vạch trần những việc khi Hiến chương Thái hậu nghe chính sự, Phạm Trọng Yêm nói: Thái hậu nhận di mệnh của tiên đế, trông nom bảo hộ bộ hạ mười mấy năm. Nên che đậy những sai lầm nhỏ của bà, để thành toàn đạo đức và vinh dự cho Thái hậu. Vì thế Nhân Tôn đã xuống chiếu cho trong ngoài triều đình, không được mỗi lần nhắc đến bàn tình hình khi Thái hậu nghe chính sự. Lúc đầu, Hiến chương Thái hậu để lại di chiếu để hoàng thái phi Dương thị làm Hoàng thái hậu, tham dự việc chế định chính sách và thảo luận việc lớn quốc gia. Phạm Trọng Yêm nói: Thái hậu là tên gọi mẹ hoàng đế, từ xưa đến nay chưa có ai nuôi dưỡng hoàng đế có công mà được lập làm Thái hậu của hoàng đế. Hiện nay một vị Thái hậu từ trần, lại lập một vị Thái hậu, người trong thiên hạ sẽ hoài nghi rằng bộ hạ một ngày cũng không rời khỏi được sự giúp đỡ của Thái hậu. Lúc này, hạn hán và giặc châu chấu đang hoành hành ở bán đảo Sơn Đông và lưu vực Hoài Hà, Trường Giang, Phạm Trọng Yêm xin triều đình nhanh chóng cử sứ thần đến tuần tra thị sát ở vùng bị thiên tai, nhưng nhất thời chưa được trả lời, ông liền trực tiếp chất vấn Nhân Tôn: Nếu như trong cung ngừng ăn nửa ngày bộ hạ nên làm thế nào? Nhân Tôn sợ hãi tình ngộ, liền cử Phạm Trọng Yêm đi thăm hỏi vùng bị thiên tai. Phạm Trọng Yêm đến chỗ nào cũng mở kho cứu tế nạn dân, đồng thời cấm trăm họ trong vùng bị nạn hoạt động cúng tế quá mức, và tấu xin triều đình miễn cho việc phục dịch chèo và tiền muối của suất đình. Khi trở về, ông còn



mang theo một số rau rừng mà nạn dân ăn chống đói, đưa cho Nhân Tôn và gia quyến trong Hậu Uyển cung.

Tể tướng Lã Di Giản lúc đó, ban đầu nhờ được lòng Lưu Thái hậu mà nổi cơ đồ. Thái hậu vừa chết, ông ta đã vội nói xấu bà. Hành vi giảo quyệt của ông đã bị Quách Hoàng hậu của Nhân Tôn vạch trần, chức vụ Tể tướng đã bị bãi một dạo. Nhưng người này rễ sâu gốc vững, không lâu sau lại trở lại chức vụ Tể tướng, nhân gia đình Nhân Tôn có sự tranh chấp, có ý đồ phế bỏ Quách Hoàng hậu, đồng thời ngăn cấm các quan tham gia bàn bạc việc này. Phạm Trọng Yêm dẫn các giám quan, ngự sử đến Thụy Cung điện xin gặp mặt Nhân Tôn, bọn họ lên tiếng hỏi lâu vẫn không có người ngó đến, quan coi cửa đóng sầm cửa lại. Bọn Phạm Trọng Yêm tay cầm vòng đồng, cách cửa to tiếng chất vấn: Hoàng hậu bị phế vì sao không nghe lời khuyên can. Thấy không được việc, chuẩn bị ngày hôm sau, sau buổi triều sẽ giữ trăm quan lại, tranh luận với Tể tướng Lã trước mặt mọi người. Không ngờ sáng hôm đó, khi Phạm Trọng Yêm vừa đến viện, đã có chiếu truyền xuống, giáng ông đi xa, đồng thời còn thúc giục lập tức rời kinh đô. Lần này người đến ngoại thành tiễn biệt ông tuy không nhiều, nhưng vẫn có người nâng chén tán thưởng: “Chuyến đi này của Phạm quân càng vinh dự”.

Mấy năm sau, Phạm Trọng Yêm từ châu mục chuyển về làm tri châu Tô Châu, do có công trị thủy, lại được điều về kinh đô, đồng thời được hàm vinh dự: Thiên Chương các đãi chế, làm tri phủ Khai Phong. Lúc này Lã Di Giản vẫn nắm quyền triều chính, hắn ta mở rộng cửa sau, lạm dụng tư nhân, khiến triều đình rất hủ bại. Căn cứ vào điều tra, Phạm Trọng Yêm vẽ thành một bản “Bách quan đồ”, vào Cảnh Hựu năm thứ ba (năm 1036) trình lên Nhân Tôn. Qua bản vẽ ông đã dựng lên tình hình điều động, thăng cấp của các quan, nêu ra những phê phán công kích sắc bén về việc dùng người của Lã Di Giản. Lã cũng không chịu kém, chế giễu Phạm Trọng Yêm cố hủ. Phạm Trọng Yêm viết liền bốn sớ tố cáo Lã Di Giản giảo quyệt, Lã liền vu cáo Phạm Trọng Yêm cấu kết bè đảng, chia rẽ vua tôi. Cuối cùng Lã Di Giản, lão thần mưu thâm kế giỏi dùng thế của vua mà

giành thắng lợi, Phạm Trọng Yên bị tước đoạt hàm Đãi chế, lần thứ ba bị giáng, suýt nữa thì chết ở Lĩnh Nam. Lần này đến ngoài cửa ô tiền hành chỉ còn lơ thơ mấy người, nhưng Vương Chất - con người chính trực đã ôm bệnh mang rượu đến tiễn đưa, nói: “Chuyến đi này của Phạm quân vinh dự nhất!”. Phạm Trọng Yên cười nói: Trước sau Phạm Trọng Yên đã “Ba lần vinh dự” rồi, lần sau nếu còn đến tiễn tôi, xin chuẩn bị một con dê, để làm đồ tế! Phạm Trọng Yên cương trực không a dua, phẩm cách hơn người của ông, qua mấy việc này chỉ là một phần rất nhỏ.

## **VĂN HAY VÕ GIỎI, MƯU SÂU LO XA**

Phạm Trọng Yên là nhà quân sự và nhà chính trị giàu mưu lược. Lúc biên giới quan ải nguy cấp, với tuổi cao năm mươi hai ông đã nhận ấn xuất chinh.

Qua việc thân đến mặt trận thị sát, ông phát hiện trong quân quan, chiến trận, hậu cần cũng như trong công sự phòng ngự... của quân Tống đều có rất nhiều tệ nạn, nếu không cải cách thể chế quân trận, áp dụng biện pháp phòng ngự chiến lược nghiêm mật thì khó có thể xoay chuyển cục diện chiến sự. Phòng ngự chiến lược của Phạm Trọng Yên không chỉ là biện pháp phòng ngự đơn thuần hoặc tiêu cực. Khi mới đến châu Diên, ông đã kiểm duyệt toàn bộ quân lữ, nghiêm túc thực hiện cắt giảm và cải biên; từ binh sĩ và quân quan cấp thấp, ông đã đề bạt một loạt mãnh tướng, tuyển chọn được không ít dân binh trong cư dân địa phương, lại triển khai huấn luyện quân sự nghiêm chỉnh, đã từ thể chế ra trận trước sau theo cấp bậc quân đội thấp, cao, đổi thành chiến thuật ứng biến căn cứ vào tình hình địch mà linh hoạt xuất quân. Ông còn tiếp thu kiến nghị, xây dựng lô cốt, củng cố thành lũy. Thành tâm đoàn kết dân tộc thiểu số ở vùng ven biên giới, khảng khái ưu đãi, lập công ước thưởng phạt nghiêm. Hiệu lệnh của ông rõ ràng, yêu mến quân sĩ, đối với các bộ lạc đến qui phục đều thành khẩn tiếp nhận, tín nhiệm không nghi ngờ. Những biện pháp nói trên của ông đã dần dần dựng lên ở biên cương một lá chắn kiên cố, khiến người Tây Hạ đương

thời phải răn nhau, nói: Phạm lão trong bụng có hàng vạn giáp binh. Vì thế không dám khinh dị đến xâm phạm nữa.

Khánh Lịch năm thứ ba, thứ tư (năm 1043 - 1044) hoàng đế Nhân Tôn muốn gấp có chính quyền ổn định, đã nhiều lần hỏi han những việc lớn cần làm gấp hiện nay, Phạm Trọng Yêm đã thoái triều về nhà, sau khi suy nghĩ kỹ, đã tâu lên mười việc lớn, một là phải nghiêm minh chế độ thăng giáng quan lại; hai là ức chế gặp may; ba là giữ nghiêm chế độ tiến cử; bốn là lựa chọn trưởng quan địa phương; năm là quân điền ruộng công; sáu là coi trọng sản xuất nông nghiệp, tầm tang; bảy là chính trị quân bị; tám là quán triệt ân trạch và tín nghĩa của triều đình; chín là thận trọng công bố mệnh lệnh triều đình; mười là giảm nhẹ thuế, dịch. Đó chính là “Tân Chính Khánh Lịch” nổi tiếng trong lịch sử. Chỉ trong mấy tháng ngắn ngủi, cục diện chính trị đã mới hẳn lên: cơ cấu quan liêu bắt đầu tinh giản; các con em trước đây dựa vào gia thế mà làm quan, nay bị nhiều hạn chế, ngày trước các quan chức chỉ dựa vào tư lịch để tấn thăng, đã phải tăng thêm thủ tục điều tra thành tích nghiệp vụ và đào tạo phẩm chất; những nhân viên có tài cán đặc biệt, được phá cách đề bạt; trong khoa cử, đã đột xuất kiểm tra xem xét luận văn thực dụng; cả nước phổ biến xây dựng trường học.

Phạm Trọng Yêm ở trong bể hoạn nhiều năm, nghĩ sâu lo xa, kinh nghiệm phong phú, đối với một số vấn đề ông có cách xử lý độc đáo của mình. Ví dụ, Tống Nhân Tôn Hoàng Hựu năm thứ hai, nông nghiệp ở Ngô Trung thất thu, xảy ra đói lớn. Lúc đó, Phạm Trọng Yêm làm quan ở Chiết Tây, ông hướng về các hộ giàu quyền mộ, tích cực dự trữ lương thực, áp dụng một loạt biện pháp cứu đói. Đồng thời với việc này, ông còn khuyến khích trăm họ đua thuyền rồng, đề xướng xây dựng đền chùa, để cho nhà nước xây dựng sửa chữa kho tàng, nhà quan, mỗi ngày dùng đến phu dịch mấy ngàn người. Có người vì vậy đàn hặc Phạm Trọng Yêm không thương xót dân gian thống khổ mở tiệc mua vui, làm mệt dân tổn tiền của, hoàng đế cũng nhân đó xuống chiếu trách tội ông. Nhưng Phạm Trọng Yêm cho rằng: Phàm là người xuất du, nhất định phải đầy đủ tiền của đi du lãm chỉ một người, nhưng dựa vào người đó mà sống được có thể tới mấy người,

mấy chục người; ông dùng sự thực tâu lên hoàng đế, sợ dĩ ông làm như vậy chính là vì mục đích phân phát tiền của còn thừa, khiến trăm họ nghèo khó được nhờ, để cho những người bán sức lao động mà sống đó, được ấm no từ hai nhà công và tư, không đến nỗi phải chết đói, chết rét mà phơi thây ngoài ngòi rãnh. Lại như, thời Bắc Tống, cướp lớn Trương Hải sẽ đi qua Cao Bưu, Tri quân Triều Trọng Ước tự thấy binh lực của mình không đủ chống cự, đã thông tri cho các nhà giàu trong quận có thể lấy vàng, tiền và rượu thịt để tiếp đón và khao thưởng bọn Trương Hải. Việc này sau khi truyền đi, nhà vua rất giận. Phú Bật đề nghị giết Triều Trọng Ước. Phạm Trọng Yên nói: Nếu vũ trang của quân huyện nào đủ để tác chiến mà gặp bọn phi, cướp không lại, ngược lại còn hối lộ bọn chúng, thì là điều phép nước không cho phép, phải chém đầu. Còn Cao Bưu vừa không có quân sĩ, vừa không có vũ khí, hơn nữa cách nghĩ của trăm họ lại là dâng nộp một số của cải mà tránh khỏi bị giết hại là phần khởi rồi. Trong tình hình đó, nếu đem giết Triều Trọng Ước là không phù hợp với ý vốn có của phép nước. Nghe xong, Tống Nhân Tôn liền tha cho Triều Trọng Ước. Phú Bật không phần khởi nói: Đang muốn thi hành luật pháp, kỷ luật, mà ngài cản trở từ nhiều phía như vậy thì làm sao có thể chinh đốn được mọi người? Phạm Trọng Yên nói riêng với Phú Bật: Từ Hoàng đế Thái Tổ đến nay, chưa bao giờ khinh suất xử tử thần tử, đó là một việc tốt, vì sao lại tùy tiện phá hoại nó? Theo câu nói vừa rồi, trong tương lai sẽ xử phạt mỗi ngày một nặng hơn, sợ rằng ngay chúng ta cũng không bảo toàn nổi. Phú Bật nghe xong, không cho là phải. Cho đến sau này khi hai người đều ra ngoài nhận chức, Phú Bật từ Hà Bắc trở về triều, đến Thương Đô thì không được vào thành, ông không rõ hoàng đế cư xử thế nào, suốt đêm lo lắng hoảng sợ không yên, thở dài nói: Phạm Trọng Yên có tài sáng suốt thấy trước, đúng là thánh nhân vậy.

## 87. BAO CHỨNG

### CƯƠNG TRỰC KHIẾN Ô LẠI MẤT MẬT, MƯU KHÉO LÀM QUYỀN QUÍ BỊ CHÉM LƯNG

Bao Chứng, tự Hi Nhân, người Hợp Phì Châu Lỗ (nay là Hợp Phì - An Huy), xuất thân từ gia đình quan liêu. Sinh vào năm thứ hai Hàm Bình, Bắc Tống (năm 999), mất năm Gia Hựu thứ bảy (năm 1062). Trăm, ngàn năm nay Bao Chứng với tư cách là Bao Thanh Thiên, thanh chính liêm khiết, cương trực không a dua, không sợ quyền thế, vì dân xin cứu giúp, đã luôn luôn sống trong lòng nhân dân, được đông đảo quần chúng nhân dân tưởng nhớ và truyền tụng. Đồng thời trong lịch sử Bao Chứng còn là một nhà chính trị mưu lược, chủ trương đổi mới triều chính, mưu trí khuất phục quyền quý.

### CHÍNH ĐỐN CAI TRỊ CỦA NHA LẠI, ĐỔI MỚI TRIỀU CHÍNH

Thời đại mà Bao Chứng sống là vào những năm của Tống Nhân Tôn, lúc đó triều Tống đã không còn sức sống hùng hực như thời gian đầu nữa. Cơ cấu quan liêu nặng nề to lớn, thừa quan, thừa lính, thừa hao phí là ba tại hại lớn đương thời. Gánh vác của nhân dân thêm nặng. Binh lính bạo động và khởi nghĩa nông dân xảy ra nhiều lần. Xuất phát từ lòng lo cho nước cho dân, Bao Chứng hết sức chủ trương chính đốn sự cai trị của nha lại, đổi mới triều chính.

Trong vấn đề lựa chọn và sử dụng nhân tài, Bao Chứng đã kiến nghị cải cách chế độ lựa chọn, sử dụng người. Chủ trương phải sử dụng người quân tử trung thực, không thể dùng tiểu nhân gian tà. Ông kiến nghị đề bạt những người “phấn đấu quên mình, cần mẫn vì nước”, đề bạt những người “vốn có tài năng, cương trực liêm minh”. Ông vô cùng căm ghét bọn tham quan ô lại, đã từng không sợ nguy hiểm, bảy lần đàn hạch chuyển vận sứ

Dương Quỳ “chính trị hà khắc, vợ vét tàn bạo”, ra sức chủ trương miễn chức “người tầm thường” Trương Nghiêu Tá, là thân thích của hoàng đế. Theo Bao Chửng, những kẻ tầm thường “không có chỗ đứng trong chính phủ” đều phải mất chức, bất kể là chức quan lớn đến đâu. Ông chủ trương quan viên đến tuổi 70 phải rời bỏ chức vụ, phản đối tùy ý phong quan, hứa đồng ý; ngay dù con em có cha ông có công lao thì cũng phải thông qua thi cử, khảo sát mới được tuyển dụng. Ông đã bất bình cho những quan viên dám nghĩ dám làm như Phạm Trọng Yêm chủ trì tân chính Khánh Lịch thất bại mà bị xử phạt, hết sức chủ trương sử dụng bọn họ.

Về chính sách kinh tế, Bao Chửng một mặt chủ trương giảm bớt chi tiêu của quốc gia, mặt khác chủ trương không thể bóc lột tàn tệ bình dân, mà mục đích là ở chỗ “khoan quốc lợi dân”. Lúc đó có một loại chính sách, nhà nước sử dụng giá cả thấp hơn thị trường, cưỡng bức trưng mua vật tư của trăm họ mà nhà nước cần, trên thực tế đó là bóc lột biến tướng dân chúng. Bao Chửng kiên quyết phản đối chính sách hại dân đó, ông lấy ví dụ ở Thiểm Tây do trưng mua cưỡng bức vật tư quân dụng với giá thấp, tạo thành “không ít hộ dân phá sản”, dâng thư lên hoàng đế yêu cầu phế bỏ biện pháp đó. Ông đề xuất một cách cụ thể, vật tư mà quốc gia cần gấp thì nên “mua bán ở thị trường” với giá cả công bằng, tự do mua bán. Điều này có lợi cho việc giảm nhẹ gánh vác của quần chúng, thúc đẩy hàng hóa lưu thông. Bao Chửng còn chủ trương đả phá cục diện việc sản xuất và tiêu thụ trong ngành muối do quan thương lũng đoạn, bản thân ông ra sức làm. Trong thời gian giữ chức Hộ bộ phó sứ Khai Phong, ông đã cải cách pháp lệnh thuế muối, cho phép thương nhân tự do mua bán. Cải cách này không chỉ giải trừ cho quần chúng nỗi khổ phải vận chuyển muối quan cho chính phủ mà còn có lợi cho việc lưu thông và sản xuất muối ăn. Thẩm Quất đã từng ca ngợi loại “phép thông thương”, “thi hành mấy chục năm, đến nay vẫn thấy lợi”. Ngoài ra, Bao Chửng còn tâu xin hoàng đế đem trả lại cho địa phương và nông dân ruộng đất dùng để nuôi ngựa, được dân chúng hoan nghênh, ông còn chủ trương đo ruộng đất của địa chủ cường hào,

ngăn chặn chúng lậu thuế trốn phu dịch. Ông còn khuyến khích dân chúng đào mỏ luyện gang v.v... Những điều đó đều có thành quả lợi nước lợi dân.

Về mặt phòng vụ và chính sách đối ngoại, Bao Chửng chủ trương dân giàu mới có thể nước mạnh, ông đã nêu ra nhiều biện pháp tăng cường xây dựng biên phòng, bảo vệ độc lập quốc gia, nhưng lại không gia tăng gánh vác của trăm họ. Khi ông đi sứ nước Liêu, nước Liêu gây khó dễ cho ông, ông dùng lời lẽ nghiêm chỉnh tranh luận với họ một cách đúng mức. Sau khi về nước ông căn cứ vào tình hình thực tế, nước Liêu đang tập kết binh mã tích tụ lương thảo, nêu lên kiến nghị tăng cường công tác phòng vụ ở biên giới Tống, Liêu. Căn cứ vào tình hình trước đây, quan viên biên phòng nhát gan, sợ việc, không dám chống cự, có người còn không hiểu quân sự, ông đã nêu kiến nghị phải cử các quan viên dũng cảm thiện chiến tới làm lãnh đạo và chỉ huy biên phòng. Triều đình tiếp nhận kiến nghị của Bao Chửng, tăng cường phòng vệ biên giới Tống, Liêu. Bao Chửng còn nhằm thẳng vào “mối hại thừa quân” của triều Tống, nêu ra chủ trương cắt giảm “già, bệnh, thừa, yếu” để có lợi cho huấn luyện và tác chiến, nêu ra kiến nghị tăng cường huấn luyện nghĩa dũng dân gian vùng biên giới. Trước đây, hoàng đế triều Tống để đảm bảo chắc chắn địa vị thống trị, ngăn chặn tướng võ chuyên quyền đã áp dụng cách làm luôn luôn điều động tướng sĩ, dẫn đến tệ nạn quân không biết tướng, tướng không biết quân, làm yếu sức chiến đấu của bộ đội. Bao Chửng cho rằng nên thay đổi cách làm này, phải tín nhiệm tướng sĩ, khiến họ có chức có quyền, không nên điều động một cách dễ dàng. Điều đáng quý hơn là, kiến nghị tăng cường thông vụ, nước giàu quân mạnh của ông đã được xây dựng trên tiền đề không tăng thêm gánh vác của trăm họ, vì vậy rất được lòng dân. Ví dụ: lúc đó nông dân Trung Nguyên để vận chuyển quân lương, nông dân đã phải đi đường vòng, nhịn đói nhịn khát, vô cùng vất vả, ông nêu ra vào những năm được mùa, có thể mua nhiều thêm lương thực trong tay nông dân địa phương để làm dự trữ, bổ sung vào quân lương, giảm bớt nỗi khổ vận chuyển đường dài của nông dân.



Những kiến nghị cách làm chính đốn cai trị của nha lại, đổi mới triều chính để lợi nước, lợi dân nói trên của Bao Chửng là có cơ sở tư tưởng. Ông trước sau vẫn cho rằng, trăm họ là gốc rễ của nước. Chỉ có trăm họ no cơm ấm áo, không bị tham quan ô lại lừa bịp áp bức, quốc gia mới có thể giàu mạnh, dân chúng mới có thể đón chào thái bình thịnh thế. Nếu như đối với trăm họ mà nạo xương hút tuỷ, vơ vét quá mức, khiến chúng sinh trong thiên hạ lâm vào cảnh nước sôi, lửa bỏng thì không những đất nước không thể cường thịnh, mà còn có thể tạo thành việc quan bức dân phản, cơ sở thống trị phong kiến sẽ không thể “mãi mãi bền vững”.

### **THANH CHÍNH LIÊM KHIẾT, LẤY MÌNH LÀM GƯƠNG**

“Một năm làm tri phủ, mười vạn lạng bạc đầy”. Hai câu nói này đã vạch trần một cách tinh tế sâu sắc sự hủ bại, trung gian kiếm lợi riêng của bọn tham quan ô lại trong xã hội cũ. Thế nhưng Bao Chửng đã làm quan thanh chính liêm khiết không vì mình mưu lợi riêng.

Khang Định, nguyên niên (năm 1040) Bao Chửng đến làm quan ở châu Đoan (nay là Triệu Khánh - Quảng Đông), đặc sản của châu Đoan là một loại đài nghiên có tiếng gọi là Đoan Nghiên, mỗi năm đều phải tiến cống triều đình. Do quan lại và thân hào địa phương đã hết lớp này đến lớp khác tăng giá, cắt xén, nên sản lượng Đoan Nghiên tuy nhiều nhưng vẫn cứ thiếu nhiều, trăm họ để đối phó với việc tiến cống Đoan nghiên, nên gánh vác đã rất nặng nề. Sau khi Bao Chửng đến nhận nhiệm vụ, ông đã hạ lệnh cường hào quan lại không được tham ô, tăng giá, chỉ có thể theo số lượng triều đình qui định tiến cống. Còn bản thân ông, cho đến khi rời châu Đoan, cũng không cần một Đoan nghiên nào.

Cả đời Bao Chửng tiết kiệm, khi đã làm quan, là quan to thì ăn, mặc, ở, đi cũng như tập quán sinh hoạt vẫn không khác dân chúng phổ thông. Bao Chửng đã từng viết một bài gia huấn, khắc vào tường trong nhà. Toàn văn bài gia huấn như sau: “Đời sau cùng sĩ hoạn con cháu, kẻ nào phạm vào của trộm cướp tham ô, không được trở về nhà này; khi chết không được

chôn ở nghĩa địa chung, không theo chí của ta, không phải là con cháu ta”. Điều đó cho thấy Bao Chửng nghiêm khắc yêu cầu đời sau của mình, không tham không gian, không ăn hiếp trăm họ, nếu vi phạm thì không phải là con cháu nhà họ Bao, không được chôn vào khu mộ tổ nhà họ Bao. Bản gia huấn nổi tiếng đó đã thể hiện tinh thần cao thượng của Bao Chửng, không mưu tư lợi cho gia đình.

Loại tinh thần đó của Bao Chửng không phải là do ông cố ý làm để chứng tỏ mình thanh cao, mà đó là chuẩn tắc hành động của cả cuộc đời ông. Ngay từ khi làm quan ở quê nhà châu Lỗ, với sắc mặt vô tư ông đã nổi tiếng xa gần. Thân thích láng giềng cho là ông làm quan từ đó sẽ có chỗ dựa, thế nhưng ông không vì tình riêng, cứ vì việc công mà chấp pháp, dù là thân thích của ông, nhưng nếu phạm pháp thì ông cũng không nhân nhượng bao che, tội nặng xử nhẹ, vì thế uy danh “Bao Thanh Thiên” vang dội. Sau khi ông chết, uy danh của ông vẫn truyền đi bốn phương như thường. Sau này có một quan viên người dân tộc thiểu số về qui thuận Tống Nhân Tôn đã nói với Tống Nhân Tôn: Tôi nghe nói Bao Chửng là trung thần, tôi không có yêu cầu gì khác, chỉ xin cho phép tôi đổi thành họ Bao. Tống Nhân Tôn đã gia ân đồng ý cho người này đổi tên họ thành Bao Thuận.

## **CƯƠNG TRỰC KHÔNG A DUA, MƯU TRÍ KHUẤT PHỤC QUYỀN QUÍ**

Bao Chửng đối xử cương trực với người vừa không lá mặt lá trái lại càng không làm âm mưu qui kế. Ông không bao giờ xu phụ nịnh hót, bợ đỡ kẻ có quyền thế, ngay dù trước mặt hoàng đế ông vẫn nói thẳng không né tránh, không sợ mạo phạm mặt rồng. Về việc lập thái tử, Bao Chửng đã từng liều chết can thẳng, công khai nói với hoàng đế: Thần đã già rồi, hơn nữa lại không có con trai, nếu như cho là thần nói không đúng, thì cũng chẳng sao, dù sao cũng không phải là để cho thần thẳng quan phát tài. May mà Tống Nhân Tôn là người tương đối sáng suốt, không vì vậy mà nổi giận, ngược lại còn nói có thể từ từ thương lượng. Bao Chửng lại nói với

Nhân Tôn: Hoạn quan thân tín trong cung, quyền lực quá lớn, đãi ngộ quá cao, nên tinh giảm nhân viên và chi tiêu, điều đó tất nhiên làm méch lòng tả hữu thân tín của hoàng đế, xử lý không khéo có khi mang họa chết người vào thân. Nhưng Bao Chửng với khí phách không sợ hãi vẫn nói với Nhân Tôn ý kiến của mình. Có khi Bao Chửng thậm chí còn bất chấp cả qui định và lễ tiết có liên quan, trực tiếp trách hỏi tể tướng hoặc các đại thần khác, làm cho họ không biết thoát vào đâu. Khí khái cương trực không a dua đó của ông đã làm cho trăm họ và một số quan lại có lòng chính nghĩa đương thời vô cùng khâm phục, Âu Dương Tu đã ca ngợi ông là “Thiên tử cương trực”. Bao Chửng cương trực, nhưng không chủ quan võ đoán, ông giỏi điều tra nghiên cứu, lại vui lòng nghe ý kiến người khác. Trên mặt ông hiếm thấy nét cười, nhưng khi người khác chỉ ra sai lầm của ông, ông đã thành khẩn tiếp thụ, vì vậy Tư Mã Quang cũng đã ca ngợi ông “Cương trực mà không bướng bỉnh, người này hiếm có”.

Khi xử án, Bao Chửng có hai đặc điểm rõ rệt: một là không sợ quyền thế, hai là vì dân xin cứu giúp. Để làm được hai điểm này vừa đòi hỏi có dũng khí lại vừa đòi hỏi có mưu trí, bởi vì các loại tập đoàn lợi ích của hoàng thân quốc thích, quý tộc quan liêu, ác bá cường hào v.v... đã đan dệt lên từ lâu một lưới quan hệ hữu hình và vô hình, muốn phá vỡ chúng đâu có dễ! Thế nhưng Bao Chửng vượt khó mà đi với tinh thần không sợ thân bại danh liệt “dám lời hoàng đế xuống ngục” và mưu trí hơn người. Có một ví dụ sau: Trong thành Khai Phong có con sông Huệ Dân, hai bờ quan to quý nhân và trăm họ bình dân ở xen lẫn nhau. Vào hôm Bao Chửng đến nhận chức ở phủ Khai Phong, trời mưa rất to, nước sông lên cao, ngập cả đường phố, làm cho nhiều dân bình thường mất chỗ ở phải bỏ đi. Cái gì làm cho mực nước sông dâng lên? Sau khi điều tra, Bao Chửng thấy nguyên nhân tạo thành dòng sông bị tắc không thông, thoát nước không nổi là do các vị quan liêu quý tộc đã đắp đê đập trên sông, coi mặt nước trong sông như của mình, nên đã đắp đê bao quanh nhà mình rồi nuôi cá, làm thành vườn hoa trên nước ở những nơi đó. Muốn giải quyết thủy họa, tạo phúc cho dân thì phải khai thông dòng sông, phá bỏ những đê, đập chắn đó đi. Và làm như

vậy nhất định sẽ bị các quan liêu, quý tộc đó phản đối. Để nắm được chứng cứ chính xác, Bao Chửng đã sai người vẽ địa đồ, sau đó lệnh phải phá các đê đập và vườn hoa trong sông. Những kẻ quan to quyền lớn đó đã tâu lên hoàng đế Nhân Tôn, nhưng Bao Chửng đã đưa ra chứng cứ, chứng minh bọn họ đã làm vườn hoa phi pháp trên nước, khiến cho dòng sông bị ách tắc, nước sông dâng cao. Trước những chứng cứ chính xác, hoàng đế Nhân Tôn đành nhắm một mắt, mở một mắt, không tiện nói cho hoàng thân quốc thích nữa. Thế là sông Huệ Dân được khai thông, thủy họa bị loại bỏ, trăm họ bình dân không ai không vui mừng.

Đối với bọn lưu manh, côn đồ chuyên làm việc ác, nguy hại đến trị án, Bao Chửng cũng không nể nang. Ngay từ khi ông làm quan ở huyện Thiên Trường, ông đã xử lý vụ án ăn cắp trâu, thể hiện đầy đủ tài hoa và mưu trí của ông: Có một tên vô lại, đem cắt lưỡi con trâu của một nông dân, người này kiện đến phủ quan, Bao Chửng bảo người đó, anh hãy về nhà giết trâu lấy thịt ăn. Người nông dân làm theo. Theo luật pháp thời Tống, giết trâu cày là phạm pháp. Thế là tên vô lại đã cắt lưỡi trâu liền lên phủ quan, tố cáo người nông dân đã giết trâu. Bao Chửng nghe xong, cả giận, lập tức sai người bắt tên vô lại, xét hỏi vì sao hăn cắt lưỡi trâu nhà người ta? Tên vô lại thấy lời nói của Bao Chửng rất khẳng định, chính nghĩa, đành phải nhận tội, nhưng hăn vẫn thầm sợ, vì sao Bao Chửng lại biết được hăn cắt lưỡi trâu, phải chăng là khi làm không kín, người nhìn thấy? Thực ra Bao Chửng chỉ dùng phép suy lý để có được phán đoán: Nếu đã có người có lòng muốn hại người khác, thế thì khi người khác ấy phạm pháp, người kia nhất định thừa cơ tố giác, giậu đổ bìm leo, vì thế Bao Chửng mới bảo người nông dân hãy giết trâu để dẫn dụ kẻ đã cắt lưỡi trâu đến tố cáo, bắt được hăn xử án. Và quả nhiên đã không ra ngoài dự đoán, tên vô lại đó tự chui vào lưới. Đó chỉ là một ví dụ trong rất nhiều mưu trí của Bao Chửng.

## 88. TƯ MÃ QUANG

### GIỮ TÍN NGHĨA BẰNG THẮNG THẮN, DÙNG NHÂN ĐỂ CẢI TRỊ

Một đám trẻ con đang vui đùa, chợt một đứa không để ý rơi vào một cái vại chứa đầy nước, đứa bé này bị tai họa ngập lụt đầu, những đứa trẻ có mặt ở đó đều hoảng sợ khóc lóc chạy đi các nơi. Chỉ có mỗi một đứa trẻ không hoảng sợ, không vội vàng, nhặt một hòn đá trên mặt đất, đập mạnh vào cái vại lớn. Cái vại bị vỡ một miếng, nước chảy ra, đứa trẻ ngã vào vại được cứu. Đó là một câu chuyện khoái miệng. Đứa bé trong lúc nguy cấp có mưu, dùng hòn đá đập vỡ vại cứu người đó chính là Tư Mã Quang, sau này trở thành tể tướng Bắc Tống, là nhà chính trị, nhà tư tưởng, nhà sử học nổi tiếng trong lịch sử. Ông có mưu lược độc đáo của mình để làm chính trị.

### LẤY THẮNG THẮN GIỮ CHỮ TÍN, LẤY CHĂM CHỈ BỔ SUNG VỤNG CHẬM

Tư Mã Quang sinh vào Bắc Tống, Thiên Hi năm thứ ba (năm 1019), chết vào Nguyên Hựu nguyên niên (năm 1086). Cha là Tư Mã Trì, làm quan đến tứ phẩm, đã từng giữ chức vụ quan trọng trong chính quyền Trung ương Bắc Tống như Thiên Chương các đại chế v.v... Ông đã dạy Tư Mã Quang phải chính trực với người, không được nói dối. Một lần, Tư Mã Quang còn bé, chưa biết bóc nhân đào, người khác hỏi nhân đào có phải do ông bóc hay không, ông trả lời là do mình bóc, không ngờ Tư Mã Trì nghe được, ông chửi con trai nói bậy. Việc này đã giáo dục Tư Mã Quang rất nhiều, từ đó ông lập chí suốt đời không nói dối, hơn nữa đã nói là làm, được người đời truyền đi như một câu chuyện hay và một tấm gương để noi theo. Có một việc như sau: Tư Mã Quang sai người đi bán một con ngựa của nhà mình, ông dặn dò người bán ngựa phải nói rõ với người mua: “Con ngựa này về mùa hè mắc bệnh phổi”, không được lừa gạt người khác. Người đi

bán ngựa nghe xong, cười thầm trong bụng, cho rằng Tư Mã Quang thực thà đến độ gần như ngu xuẩn. Lại một lần, Tư Mã Quang dạy học cho thôn dân, thôn dân nêu lên một vấn đề, Tư Mã Quang thành thực thừa nhận, mình chưa suy nghĩ đến vấn đề đó, không thể giải đáp, sau này khi nghiên cứu rõ ràng sẽ đến trả lời. Vì thế, Tư Mã Quang được người ta gọi là “Tư Mã quân thành thực”, có ý ca ngợi ông suốt đời trung thành thực thà, không làm việc miệng thật lòng không thật. Thế nhưng, ngược lại ông thích tự gọi mình là “ông già cổ hủ”, có ý muốn nói sự thành thực trung hậu của mình tới mức gần như cổ hủ.

Phụ thân Tư Mã Quang yêu cầu ông không chỉ làm người như thế nào mà còn yêu cầu ông đọc sách tìm tri thức. Bắt đầu từ 6 tuổi, dưới sự dạy bảo của phụ thân, Tư Mã Quang đã học thuộc văn, sử. Ông không phải là thần đồng, cũng không phải là thiên tài, thiếu loại thông minh nhanh nhạy và tài khí qua mắt là không quên như Vương An Thạch. Sự học rộng nhiều tài của ông chủ yếu là do sự chăm chỉ hiếu học và tinh thần khắc khổ kinh người. Gối đầu dùng khi ngủ của ông là một đoạn gỗ tròn, gọi là “gối báo thức”. Gỗ tròn dễ chuyển, khiến người ta ngủ không yên. Gối gỗ lăn một cái là Tư Mã Quang đã tỉnh giấc, lập tức đứng dậy châm đèn đọc sách ban đêm. Chính là vì có tinh thần đó nên ngay từ nhỏ Tư Mã Quang đã đọc rộng nhiều sách, sức học siêu quần, cơ sở tri thức vững chắc, đặt cơ sở vững chắc cho việc sau này ông tham chính và trị học.

Tư Mã Quang suốt đời quang minh lỗi lạc, lấy thanh bần không tham lam không xa xỉ làm vinh dự, đồng thời hy vọng gia phong đó được truyền đến đời sau. Khi dạy dỗ đứa con trai độc nhất Tư Mã Khang, ông đã yêu cầu con trai phải cần kiệm, không làm những việc đáng xấu hổ trong lòng.

Cả cuộc đời Tư Mã Quang đã có rất nhiều tác phẩm, khiến người ta phải khuyh đảo. Ngoài cuốn hiện còn giữ được “Ôn quốc văn chính Tư Mã Công văn tập” 80 quyển ra, còn có “Thúc thủy ký văn” 32 quyển, “Kê cổ lục” 20 quyển, “Thông giám tiết yếu” 60 quyển v.v... nếu cộng thêm tác phẩm bất hủ để đời do ông chủ biên, cuốn thông sử Trung Quốc ở thể biên

niên “Tư Trị thông giám” dài tới 294 quyển, thì sự phong phú về tác phẩm của ông, thực có thể nói là người xưa không thể làm nổi.

Tinh thần trị học của Tư Mã Quang rất làm cảm động lòng người: Để biên soạn sách, ông thường từ chối không tiếp khách. Để biên soạn sách, ông “ban ngày làm chưa đủ, tiếp tục làm ban đêm”, mỗi ngày chong đèn đọc sách đến đêm, tảng sáng đã dậy. Ông đọc sách nhiều đến nỗi, người đời sau khen mãi không thôi. Tinh thần nghiêm túc tự học là thực sự cầu thị của ông. Nghe nói chỉ biên soạn bản thảo cuốn “Tư trị thông giám” đã chất đầy hai gian phòng. Chính là nhờ vào tinh thần đáng quý đó và nghị lực kiên cường đó mà Tư Mã Quang đã cho ra mắt cuốn “Tư trị thông giám” vào năm thứ bảy Nguyên Phong (năm 1084). Lúc này Tư Mã Quang đã đến tuổi tráng sĩ về già, tuy hùng tâm chưa hết nhưng đã lực bất tòng tâm. Thế nhưng đối với “cuốn sách dùng hết” sinh lực cả đời vào đó, ông không oán thán, không hối hận, vui vẻ an ủi mình “dù gửi xương cừu tuyền, chí nguyện mãi mãi gửi vào đó”.

## **RA SỨC CHỦ TRƯỞNG NHÂN CHÍNH, TẠO PHÚC CHO TRĂM HỌ**

Căn cứ vào qui định của triều Tống, quan tứ phẩm có thể thu dùng con trai, nên Tư Mã Quang từ lúc 15 tuổi đã có thể được thu dùng làm quan. Thế nhưng ông không thỏa mãn với cái “ơn ấm” ấy, không muốn dựa vào sự che chở của quan vị của cha, ông có hoài bão của mình. Vì điều đó, năm 20 tuổi ông đã tham gia thi cử, và đã vinh dự đỗ tiến sĩ giáp khoa, và từ đấy bắt đầu sinh nhai chính trị của mình. Với tính cách cương trực không a dua, ông đã nêu lên rất nhiều phê bình và kiến nghị từ nội chính ngoại giao triều Tống đến đạo đức xã hội. Ông rất bất mãn với tác phong xấu xa của triều đình đương thời: Tê liệt không còn can gián, không nghĩ đến tiến thủ, được sao hay vậy, ngược lại còn lấy ca vũ thăng bình để che giấu vấn đề đã thành đồng. Ông phản đối theo tập tục cũ, tật bệnh rất nhiều của nhà Tống thời kỳ giữa, ra sức cải cách triều chính. Ông chủ trương lấy nhân nghĩa, lễ, tín để trị dân, thi hành “nhân chính” với trăm họ.



Tư tưởng “nhân chính” của Tư Mã Quang tập trung thể hiện ở trong chủ trương chính trị “chấn hưng giáo hóa, tu sửa chính trị, nuôi dưỡng trăm họ, có lợi vạn vật” của ông. Cái gọi là “chấn hưng giáo hóa” tức là tăng cường giáo dục tư tưởng đạo đức, thay đổi phong khí xã hội. Tư Mã Quang cho rằng, văn hóa giáo dục là việc lớn quốc gia, cần phải nắm chặt, nắm tốt. Nếu tư tưởng trăm họ không nhất trí, thì không thể đồng tâm đồng đức, xã hội sẽ không ổn định, cơ sở chính trị sẽ dao động. Vì vậy, ông rất coi trọng giáo dục ở nhà trường, chú trọng hình thành phong khí xã hội tốt lành, ông chủ trương thực hành thống trị tàn ác đối với trăm họ, thậm chí cho rằng trăm họ chống lại triều đình xảy ra bạo động, trách nhiệm không phải do trăm họ mà là ở người thống trị, là các cấp quan lại, quan bức dân tham. Cái gọi là “tu sửa chính trị” có nghĩa là chọn dùng nhân tài tốt, sửa chữa tốt chính sách, pháp lệnh, nghiêm minh luật pháp, kỷ luật. Tư Mã Quang phản đối quan thừa thành họa phong khí xấu xa chỉ theo tập tục cũ, ngồi không chẳng làm gì; chủ trương tinh binh giảm chính, đã phá chế độ dùng người xuất thân môn đệ, sắp xếp theo thâm niên mà phải lấy tài đức thực tế, đề bạt vượt cấp các loại nhân tài. Cái gọi là “nuôi dưỡng trăm họ” có nghĩa là đối xử khoan dung với trăm họ, chủ yếu là với nông dân, không nên bóc lột, áp bức họ quá mức. Trong cách nhìn của Tư Mã Quang, nông dân là cha mẹ ăn mặc, nếu không để cho họ nghỉ ngơi dưỡng sức, một khi nông dân không sống nổi thì quốc gia cũng sẽ bần cùng suy vong. Đồng thời với việc phản đối gia tăng thu thuế với nông dân, ông đã hết sức khuyên can những người thống trị, trên đến hoàng đế, dưới đến huyện lại, không được tiêu phí vô độ. Đối với những nạn dân chịu đói rét, ông vô cùng căm giận, thậm chí đập bàn đứng dậy, kiên quyết yêu cầu triều đình tiết kiệm chi tiêu, bỏ tiệc, bỏ khen thưởng, tự ông dẫn đầu đem tiền của được nhà vua ân thưởng giao lại để dùng vào việc công. Nông dân Bắc Tống do sưu dịch không công cho quốc gia, gánh vác quá nặng, nên đã lưu tán bỏ nhà, Tư Mã Quang ra sức chủ trương giảm nhẹ gánh vác lao dịch của nông dân, yêu cầu hoàng đế phản tỉnh sâu sắc, nghĩ cách làm cho cuộc sống của trăm họ tốt hơn một chút, để chuyển họa làm phúc. Lòng can đảm, trí hiểu biết và khí khái lo lắng vì dân vào lúc đó là rất khó có và rất đáng quý. Để “nuôi

dưỡng trăm họ” ông còn chủ trương cắt giảm, chuyển binh sĩ, trả binh về nông, để cho sĩ tốt trở về sản xuất nông nghiệp, có lợi cho việc giảm nhẹ gánh nặng quân phí của Nhà nước. Cái gọi là “có lợi vạn vật” có nghĩa là có lợi cho sản xuất vật chất. Tư Mã Quang không phải là một người bàn suông, hoặc một nhà không tưởng mà rất coi trọng thực tế. Ông cho rằng không phát triển sản xuất, không gia tăng của cải vật chất xã hội mà muốn nước mạnh dân giàu thì chỉ là một câu nói trống rỗng. Ông đã nói một cách rõ ràng: Nông nghiệp là căn bản của quốc gia, nhưng một số chính sách pháp lệnh đương thời đã có tác dụng cản trở phát triển sản xuất nông nghiệp. Vì vậy ông đã phê bình đúng huyệt “hại nông là quan vậy”. Ông kiến nghị: “Cải thuật hiện nay, khuyến nông không bằng trọng lúa, trọng lúa không bằng năm được mùa mưa nhiều thóc của nông dân với giá cao, năm mất mùa bán lúa với giá thấp cho nông dân”, để tránh khỏi tệ nạn lúc được mùa thì “lúa rẻ thiệt hại nhà nông”, vào lúc giáp hạt thì “lúa cao cũng hại nông dân”.

Còn có một điểm rất đáng đề cập là lập trường và thái độ của Tư Mã Quang đối với dân tộc thiểu số Trung Quốc cũng như chính quyền của họ. Mặc dù do tích cực hạn của lịch sử, Tư Mã Quang không có cách gì thoát khỏi ảnh hưởng quan niệm Hán tộc là trung tâm và vương triều Trung Nguyên là chính thống, nhưng ông thừa nhận các dân tộc thiểu số lúc đó như tộc Khiết Đan, tộc Đảng Hạng... có thể có độc lập và tự do của mình, nêu ra khẩu hiệu lấy tín chơi với láng giềng. Điều đó nên khẳng định.

Sĩ đồ của Tư Mã Quang không thuận buồm xuôi gió, ông từng hai lần làm quan ở kinh đô, hai độ bị giáng làm quan địa phương. Vào lúc ông 67 tuổi, do vua Thần Tôn băng hà, Cao Thái hậu kiên trì mới ông ra làm Tế tướng, ông đã cố mà tiến vào xoáy nước chính trị. Mặc dù đối với ông mà nói thì đã là lực bất tòng tâm nhưng Tư Mã Quang trung thành đáng khen đã tiếp thụ nguyện vọng trong triều và ngoài dân chúng, dùng nghị lực kinh người, ngày đêm làm việc vất vả, thực sự làm được điều “cúc cung tận tụy, đến chết mới thôi”. Thế nhưng sau khi ông lên làm quan không lâu, đã không hỏi phải trái mà phế bỏ toàn bộ biện pháp cải cách của người tiền

nhiệm ông là Vương An Thạch đang thi hành mà không giữ lại tinh hoa của nó, để trừ bỏ tệ hại thì chẳng khác gì khi hắt bỏ nước tắm là hắt luôn đứa trẻ, điều bi quan của Tư Mã Quang là ở chỗ đó.

## 89. VƯƠNG AN THẠCH

### MƯU CAO KHÔNG THEO XƯA, GAN LỚN KHÔNG SỢ TRỜI

Vương An Thạch, nhà chính trị, nhà cải cách nổi tiếng thời Tống, tự Giới Phủ, hiệu Bán Sơn, người Lâm Xuyên châu Phủ (nay là phủ Châu, Giang Tây) sinh năm 1021, mất năm 1086. Bố là Vương Ích, làm Đô quan viên ngoại lang. Vương An Thạch lúc nhỏ thích đọc sách, cái gì đã qua mắt là suốt đời không quên. Ông nghĩ văn nhanh nhạy, viết văn chương vung bút như bay, mới nhìn dường như không để ý, nhưng khi làm xong thì một bài kỳ diệu, đặc sắc khiến người phải khen hay. Thi từ của ông thanh tân cao cả, tản văn thì khỏe khoắn sắc sảo, chính luận thì giản dị có sức, là một trong “tám đại gia Đường, Tống” nổi tiếng. Tăng Củng bạn ông, đưa văn chương của ông cho Âu Dương Tu xem, Âu Dương Tu đã vì ông truyền đi tiếng khen đẹp. Sau này Vương An Thạch thi đỗ tiến sĩ, tên xếp hàng đầu, giữ chức Thiên thư Hoài Nam phán quan. Vương An Thạch sau khi nhận chức vẫn chăm chỉ hiếu học, suốt đêm không ngủ, thường ngủ gà ngủ gật, có khi không kịp chải đầu rửa mặt đã lên phủ quan làm việc. Sau ba năm, xong nhiệm kỳ, ông trở về kinh đô đợi bổ nhiệm mới. Đúng vào thời kỳ Vương An Thạch đỗ tiến sĩ, và làm Thiêm phán thì Phạm Trọng Yêm làm Phó tể tướng. Được sự động viên của Tống Nhân Tôn đã dâng “Sớ trình bày mười việc”, phát động cuộc Tân Chính Khánh Lịch, có ý kiên quyết cải cách, quét sạch sự cai trị của nhà lại, nhưng Tân Chính đã nhanh chóng thất bại. Lần này Vương An Thạch trở lại hoàng thành, nhìn đâu vẫn thấy tệ chính y nguyên như cũ, không giống như “chính thông nhân hòa” mà Phạm Trọng Yêm viết trong “Ký lâu Nhạc Dương”. Vương An Thạch vô cùng thất vọng với chính sự đương thời, ông không muốn theo thông lệ quan trường, tại kinh đô mưu tìm một chức quan tiếp cận trung khu, để được thưởng thức như Hàn lâm viện v.v... để từ đó tìm được cơ hội thăng chức tương đối nhanh, mà lập chí đến các địa phương khảo sát tệ nạn đương

thời, tìm tòi con đường cải cách, để bổ sung và kế sách hay trị quốc của ông. Thế là Khánh Lịch năm thứ bảy, ông lại rời kinh đô, cát bụi dặm trường tới huyện Ngân (nay là Ninh Ba - Triết Giang) bên bờ biển Đông làm một tri huyện.

Trong thời gian làm quan ở huyện Ngân, ông thấy vùng ven biển này, tuy hoàn cảnh rất tốt, nhưng trăm họ đói nghèo, chán chường; tấm lòng trách nhiệm của quan phụ mẫu đã làm cho ông nghĩ ngợi, lập tức tổ chức người tiến hành khảo sát tình hình xây dựng thủy lợi đồng ruộng bị phá hoại, tiến hành điều tra tình trạng quan viên cường hào xem trăm họ như cá thịt, hoành hành trong thôn, đồng thời báo cáo lên quan viên cấp trên tình hình đói rách của trăm họ vùng Đông Nam. Ông muốn bắt đầu từ thay đổi tật bệnh huyện lại thoát ly thực tế dân sinh, sau khi đã làm rõ được tình hình cơ bản lập tức phát triển cái có lợi, trừ bỏ cái có hại. Ông động viên trăm họ không phân biệt nam nữ già trẻ cùng sửa chữa xây dựng công trình thủy lợi, nạo thông kênh ngòi, bến cảng sông, xây dựng đê điều, chiếu cố cả tích nước và tháo nước, để có lợi cả khi hạn và khi úng, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Xem xét tới ngư dân địa phương gặp khó khăn giáp vụ khi lũ mùa xuân ra biển đánh cá, Vương An Thạch quyết định lúc bình thường trả lương cho ngư dân, nông dân vay với lãi thấp, đến thu hoạch vụ thu thì trả lương thực và lãi, đó là để giúp họ giải quyết khó khăn mùa xuân thì đói. Ông cho trăm họ vay thóc công, sau mùa thu trả lại kèm thêm một chút lãi, khiến cho thóc lúa dự trữ trong kho được thay thóc cũ bằng thóc mới, trăm họ huyện Ngân cũng cảm thấy thuận tiện. Đồng thời với việc khuyến khích nông, tang, Vương An Thạch còn xây dựng trường học, khuyến dân đi học. Kết quả của ba năm làm quan ở huyện Ngân là đã sửa chữa khôi phục được thủy lợi ruộng vườn, làm dịu tình hình tai họa, phát triển sản xuất, đời sống của trăm họ được nâng cao. Đó là thưởng thức bước đầu của cải cách xã hội mà Vương An Thạch đưa ra.

Hoàng Hựu năm thứ ba (năm 1051), Vương An Thạch được cử làm Thông phán châu Dự (nay là miền Trung An Huy). Tháng tư năm đó, lưỡng triều nguyên lão Tể tướng Văn Ngạn Bác giới thiệu tiến cử Vương An

Thạch với triều đình, nói ông coi nhẹ danh lợi, cầu xin đề bạt vượt cấp, với ý đồ lấy việc này để kiềm chế phong khí cạnh tranh, chạy vạy vì danh lợi, nhưng Vương An Thạch đã lấy bốn lý do: Bà nội tuổi già, tiên thần chưa táng, em trai em gái đã lấy vợ lấy chồng, nhà nghèo người đông khó có thể ở kinh đô, để từ chối. Âu Dương Tu tiến cử ông làm giám quan, ông cũng tạ từ. Vương An Thạch tự thấy thời cơ còn chưa chín muồi, nên vui lòng ở bên dưới tiếp tục mò mẫm con đường cải cách, đó chính là nguyên nhân quan trọng khiến ông luôn từ chối đề bạt.

Thời đại mà Vương An Thạch sinh sống là trung kỳ của nhà Tống, lúc đó đất nước phải đối mặt với hai vấn đề trọng đại, một là do chiến tranh liên nhiều năm, tạo nên quân phí và chi tiêu to lớn, khiến triều đình đối mặt với khủng hoảng tài chính nghiêm trọng, hai là xu thế đất đai luôn bị thôn tính ngày càng nghiêm trọng và tình trạng sản xuất sinh hoạt của nông dân không ngừng xấu đi, theo đó dẫn đến mâu thuẫn giai cấp gay gắt lên. Để uốn nắn thế sự, thay đổi truyền thống phong tục, Vương An Thạch đã từng vô cùng xúc động dâng lên Tống Nhân Tôn bức thư vạn chữ cho rằng: Tài lực của thiên hạ ngày nay ngày càng khó khăn nghèo thiếu, phong tục ngày càng suy đồi bại hoại mà nguyên nhân là không biết quy luật, không tuân theo chính lệnh của tiên vương. Tuân theo chính lệnh của tiên vương là tuân theo tinh thần chính lệnh của tiên vương. Chỉ có tuân theo tinh thần chính lệnh của tiên vương, thì những thay đổi, biến cách mà chúng ta tiến hành mới không quấy nhiễu nghe nhìn của người thiên hạ huyên náo, và cũng không làm cho người thiên hạ huyên náo, và điều đó tất nhiên là phù hợp với chính lệnh của tiên vương. Dựa vào nhân lực vật lực của người thiên hạ để sản sinh ra tài phú của thiên hạ, trưng thu tài phú của thiên hạ để cung cấp cho phí dụng của thiên hạ, những thái bình trị thế từ xưa đến nay chưa từng vì tài phú quốc gia không đủ mà tạo thành nỗi lo lắng của quốc gia. Nỗi lo lắng là ở chỗ trị lý vi chính không phù hợp với quy luật của nó. Nhân tài làm quan giữ các chức đã không đủ mà kinh thành, nông thôn lại thiếu nhân tài có thể sử dụng, trọng trách của quốc gia, giữ gìn cương vực, liệu bệ hạ có thể lâu dài dựa vào vận may trời cho làm phép

thường, mà không có sự suy tính đến việc một khi xảy ra lo lắng chẳng? Thần hy vọng bệ hạ có thể nhìn thấy rõ bệnh tật hà khắc tuân theo lối cũ, mà ra lệnh rõ cho đại thần, từng bước loại bỏ những tật bệnh đó, để phù hợp với sự biến hóa của thế sự trước mắt. Điều thần nói, là không thể nói với loại người phong tục đời bại, mà người bàn luận quốc gia đại sự lại cho rằng đó là những lời lẽ cũ rích không hợp với sự lý. Để thay đổi tình trạng kinh tế tài chính đất nước, Vương An Thạch đã từng bước đề xuất một phương án hoàn chỉnh trị lý trật tự kinh tế quốc gia. Khái quát lại, một là điều then chốt để thực hiện nước giàu quân mạnh là ở chỗ “giỏi xử lý tài chính”. Ông cho rằng, mọi tật bệnh không phải sinh ra do tài phú không đủ mà sinh ra là vì “trị lý tài không có đạo”. Nếu như trị lý tài phú có cách thì có thể làm được điều, dân không phải tăng sưu thuế mà đủ cho đất nước dùng. Hai là phát triển sản xuất nông nghiệp .....

### Thiếu trang 832 & 833 bản pdf scan

.....đất thành năm loại, tiến hành đo đạc ruộng đất ở diện tích đơn vị lớn để gán vác thuế ruộng đất bình quân. Biện pháp của Vương An Thạch đã có hiệu quả rõ ràng trong việc cải thiện tình trạng tài chính Trung ương Bắc Tống, nhưng do rất nhiều nguyên nhân, về các mặt giảm nhẹ gán vác của nông dân, hạn chế cường hào thôn tính của biện pháp đã thu được kết quả rất ít.

Bàn luận sâu xa tâm kỳ của Vương An Thạch, thường giỏi dùng luận cứ khó bác bỏ, dẫn những chứng cứ sát gần để bảo vệ học thuyết của mình. Để thi hành chủ trương biện pháp của ông, ông đã hoàn tất bất chấp ý kiến phản đối của trăm quan tại triều, đã biện luận là nói hàng mấy trăm câu, người đông không thể làm ông khuất phục. Thậm chí ông nói: Trời thay đổi chưa đủ để sợ hãi, tổ tiên chưa đủ để làm theo, nghị luận của mọi văn chưa đủ để lo lắng oán giận. Để quét bỏ chướng ngại trên con đường biện pháp ông đã thẳng tay hầu như bãi truất đến hết những người già ở trong ngoài triều đình phản đối biện pháp của ông. Do sự phản đối của các cựu đảng, biện pháp mà Vương An Thạch thi hành nhiều lần bị chê trách làm khó khăn gặp rất nhiều trở lực, cho đến Hi Ninh năm thứ bảy thì bị bãi chức Tế



tướng, năm sau được phục hồi, năm thứ chín lại bị bãi chức Tể tướng, cuối cùng lui về ở Giang Ninh (nay là Nam Kinh - Giang Tô). Tháng ba, Nguyên Phong năm thứ tám (năm 1085), Tống Thần Tôn ốm chết, Tống Triết Tôn nối ngôi, Tư Mã Quang chấp chính, hầu như toàn bộ tân pháp mà Vương An Thạch cho thi hành bị bãi xích. Tháng ba Nguyên Hựu nguyên niên khi Vương An Thạch được tin phép miễn dịch mưu lợi cho các hộ, mưu cho nước giàu của mình bị bãi bỏ, đã buồn lo đến khóc. Tháng tư cùng năm nhà cải cách quất gió gọi mây đó, đã từ biệt cõi đời.

## 90. VĂN THIÊN TƯỜNG

### LÒNG SON CHIẾU NHẬT NGUYỆT, TÀI TRÍ TRUYỀN THIÊN CỔ

Tể tướng Văn Thiên Tường, trạng nguyên xuất thân là anh hùng dân tộc nổi tiếng thời Nam Tống. Người đời ca ngợi ông: Thân làm tướng quốc, phò nguy cứu khốn, giống như Gia Cát Lượng nhưng ông khảng khái tận tiết, tín nghĩa dũng cảm, sát thân không đổi thì chẳng khác Trương Tuân, tuy vậy ông làm đến tể tướng. Trên con người ông: thừa tướng giỏi và liệt sĩ hợp với nhau mà truyền.

### TÀI HOA HƠN NGƯỜI, TRỊ NƯỚC CÓ PHÉP

Văn Thiên Tường tự Tống Thuy, người huyện Lư Lăng, châu Cát, Giang Tây. Sinh vào Đoan Bình năm thứ ba thời Nam Tống (năm 1263) chết vào năm Chí Nguyên thứ mười chín (năm 1282). Cha là Văn Nghi là người đọc sách, với học thức uyên bác đã nổi tiếng vùng quê, kinh sử bách gia, không có thứ nào là không nghiên cứu sâu; các sách thiên văn, địa lý, y dược, bói toán... đều đọc lướt rộng rãi. Những cái đó đã ảnh hưởng rất sâu đến Văn Thiên Tường lúc thiếu niên, lại thêm phụ thân rất nghiêm khắc trong việc học tập, đã mời các thầy nổi tiếng dạy dỗ, nên ngay từ nhỏ Văn Thiên Tường đã học rộng tài nhiều, trong đó việc đi sâu nghiên cứu kinh sử có thành tựu lớn nhất.

Hai năm trước khi ông ra đời, năm 1234, sau khi Mông Cổ diệt Kim đã phát động cuộc chiến tranh chinh phục Nam Tống. Cùng với sự trường thành về tuổi tác, Văn Thiên Tường ngày càng lo lắng về thời cuộc nghiêm trọng. Có một hôm, với tâm tư nặng nề ông đi bộ tới Học cung châu Cát, ngắm nhìn tượng các danh thần, chí sĩ bản triều như Âu Dương Tu, không ngăn nổi lòng cảm khái, đứng lẽ hồi lâu. Ông ngẫm hạ quyết tâm, phải lấy

các vị đó làm tấm gương, làm một sự nghiệp trời long đất lở. Khi hai mươi tuổi, ông thi đỗ cống sĩ châu Cát, giành được tư cách tham gia thi tiến sĩ. Năm sau, ông đến thủ đô Nam Tống, Lâm An (nay là Hàng Châu - Triết Giang) tham gia cuộc thi do Bộ lễ tổ chức, tiếp đó lại tham gia cuộc Điện thí do hoàng đế chủ trì. Trong Điện thí có bài văn “Ngự thí sách” nêu ra bốn vấn đề: Vì sao thiên tai dồn dập, nhân tài thiếu vắng, binh lực suy yếu, “Lỗ khẩu” xâm phạm? Yêu cầu thí sinh trả lời viết. Văn Thiên Tường múa bút như bay, mệnh mông dào dạt, một mạch viết gần một vạn chữ. Ông thẳng thắn bàn luận chính trị, chỉ đúng ngay ra rằng: Thiên tai xảy ra là do dân oán gọi đến, từ hoàng đế đến các cấp quan viên đều giỏi cướp đoạt, tham không biết chán, nhân dân làm sao không thống khổ? Nhân tài thiếu vắng mà nguyên nhân căn bản là do sĩ phong bại hoại, các sĩ nhân hoặc là theo đuổi danh lợi, hoặc bàn suông thành thói, không quan tâm đến sĩ nhục của quốc gia và thống khổ của trăm họ, quốc gia trọng dụng loại người này thì những người có tài năng sẽ bị vứt bỏ. Binh lực suy yếu là do tài chính quốc gia khó khăn tạo nên, mà tài chính khó khăn là do hoàng thất, đại thần, quan thị tiêu pha lãng phí, nếu như của cải trong thiên hạ chuyên cung cấp cho quân đội dùng thì sẽ không thể có việc binh lực không đủ. Khi trả lời vấn đề thứ tư, ông cho rằng “Lỗ khẩu” xâm phạm là kết quả của trộm cướp nổi dậy như ong. Cuối cùng ông yêu cầu hoàng đế tiếp nhận những trung ngôn trái tai, coi trọng công luận xã hội, làm cho chính trị thanh liêm sáng suốt, xã hội ổn định, quốc gia cường thịnh. Khi bảng vàng này được dán lên, Văn Thiên Tường đã đứng ở đệ nhất giáp đệ nhất danh - trạng nguyên cập đệ.

Văn Thiên Tường làm quan địa phương vào năm Cảnh Định thứ ba (năm 1262), ông được cử làm tri phủ châu Thụy (nay là Cao An - Giang Tây). Ba năm trước Châu Thụy đã bị một đội quân Mông Cổ quấy rối Giang Nam đánh chiếm, trăm họ bị thảm sát. Khi Văn Thiên Tường đến nhận nhiệm vụ, thành quách tiêu điều, khắp nơi hoang tàn. Ông đã vỗ về an ủi, giữ cho yên tĩnh, hết sức làm cho trăm họ được nghỉ ngơi. Một số phần tử phạm pháp ở địa phương nhân lúc chiến loạn, lừa gạt sách nhiễu, tàn hại trăm họ.

Một số quân lính quen thói kiêu căng, không coi pháp luật kỷ luật ra gì. Văn Thiên Tường đã nắm một số tội ác cực lớn, xử hình phạt nặng, lại công bố pháp lệnh, trật tự đã nhanh chóng ổn định lại. Từ trong thu nhập sưu thuế, ông đã lấy ra một khoản tiền lớn, sáng lập ra “kho tiện cho dân” để dùng cho việc cho vay và cứu tế. Áp dụng những biện pháp đó, trăm họ được lợi ích thiết thực đều rất cảm ơn ông. Văn Thiên Tường còn rất coi trọng công tác “giáo hóa”. Châu Thuy có Bích Lạc đường là nơi mà nhà thơ nổi tiếng Dương Vạn Lý đã ở qua. Thời Nam Tống, Dương Vạn Lý thuộc phái chủ chiến, tấm lòng son vì nước của ông được Văn Thiên Tường rất kính phục và ngưỡng mộ, nay Bích Lạc Đường đã tường xiêu gạch nát, Văn Thiên Tường cử người đến sửa sang lại. Ngoài ra còn có ba hiền đường, tức là từ đường thờ cúng Dư Tịnh, Tô Triết, Dương Vạn Lý, cũng bị họa chiến tranh tàn phá, Văn Thiên Tường đã cho trùng tu. Những hành động đó mục đích là nhằm phát huy chính khí chăm sóc người hiền, thuần phác, giáo hóa phong tục. Mặc dù Văn Thiên Tường chỉ làm tri phủ châu Thuy có một năm, nhưng thành tích chính trị nổi bật, tiếng ca ngợi không dứt.

Hàm Thuần năm thứ năm (năm 1269), Dương Vạn Lý, Mã Đình giữ chức tả, hữu thừa tướng, Văn Thiên Tường được cử làm tri phủ phủ Ninh Quốc (nay là Tuyên Thành - An Huy). Phủ Ninh Quốc ở Giang Nam, vốn là địa phương giàu có, nhưng do loạn chiến tranh và sự áp bức tàn khốc của chính phủ Nam Tống nên kinh tế xã hội suy vi, trăm họ khổ không sao nói hết. Văn Thiên Tường vừa đến nhận chức, việc đầu tiên là tấu xin triều đình miễn giảm sưu thuế, đồng thời vì trăm họ tìm kiếm một số sinh kế. Như vậy làm sao cho trăm họ có cơ hội nghỉ ngơi. Giữ chức tri phủ ở phủ Ninh Quốc mới có một tháng, Văn Thiên Tường đã được tâu điều vào triều. Phụ lão châu Tuyên lưu luyến không rời ông, thậm chí còn quyên tiền xây đền thờ ông lúc còn sống. Ông cũng cảm thấy chưa làm được bao nhiêu việc cho trăm họ đã đột nhiên ra đi, rất không nỡ nhả tâm. Vì vậy ông đã viết bài “Văn khuyến nông ở châu Tuyên” để tạm biệt phụ lão, khuyên họ nên

chăm chỉ việc nông tang, dạy dỗ con em cẩn thận, để biểu đạt tình thương nhớ lúc tạm biệt của ông.

Hàm Thuần năm thứ sáu (năm 1270) Văn Thiên Tường đến Lâm An giữ chức Quân Mã giám (chủ quản chế tạo vũ khí), lại kiêm các chức như Sùng Chính Điện thuyết thư v.v... Cái gọi là thuyết thư là giảng giải kinh sử cho hoàng đế. Văn Thiên Tường thường mượn đề để phát huy, đề cập đến thời sự nhằm khuyên hoàng đế. Hoàng đế Độ Tôn hôn mê không có tài, đắm chìm tửu sắc, về căn bản không nghe vào tai những lời trung ngôn của Văn Thiên Tường. Lúc này các tể tướng Dương, Mã đức cao vọng trọng cũng đã từ chức, người giữ chức Tể tướng là Giả Tự Đạo, người này tự chuyên uy phúc, hoang dâm vô sỉ, nếu như không đi tìm vui thú ở “Bán nhãn đường” của hãn thì cũng ở Tây Hồ đặt tiệc, bơi thuyền, mà hoàng đế Độ Tôn thì hãn nói gì nghe nấy. Văn Thiên Tường vô cùng cảm phẫn trước các hiện tượng đó, kết quả là do méch lòng Giả Tự Đạo mà bị bãi miễn mọi chức vụ, trở về quê nhà Lữ Lăng, sống cuộc sống của một ẩn sĩ.

Hàm Thuần năm thứ bảy (năm 1271) Đại Khan Mông Cổ, Hốt Tất Liệt kiến lập triều Nguyên, dời đô tới Yên Kinh, tăng cường tấn công Nam Tống. Hàm Thuần năm thứ chín, triều đình cuối cùng đã dùng lại Văn Thiên Tường giữ chức Hồ Nam đề hình chủ quản tư pháp. Lúc này Dương Vạn Lý đang giữ chức Hồ Nam An Phủ đại sứ, Văn Thiên Tường đã chuyên đi tới chào ông. Dương Vạn Lý đã bảy mươi sáu tuổi cao, ông vô cùng cảm khái nói với Văn Thiên Tường: Ta già rồi, xem thiên thời nhân sự không nên có thay đổi. Ta gặp nhiều người rồi, trách nhiệm với thế đạo là ở ông vậy.

Giữ chức đề hình Hồ Nam chưa đến một năm, Văn Thiên Tường lại được điều giữ chức tri phủ châu Cán. Để làm việc cho quê nhà, Văn Thiên Tường càng chăm chỉ. Ông chủ trương đối với nhân dân, không thể dùng hình uy hiếp, mà có thể lấy nghĩa lý làm cảm động. Trăm họ trong mười huyện dưới quyền đều vô cùng yêu mến ông. Năm đó châu Cán mưa thuận gió hòa, mùa màng thu hoạch khá, nhân dân an cư lạc nghiệp, xã hội ổn định. Thế nhưng Văn Thiên Tường đến châu Cán chưa được một năm,

quân Nguyên đã cử đại binh hướng về Đông Nam, từ đó kết thúc hơn 10 năm chìm nổi trong bể hoạn của ông để bắt đầu một cuộc sống chinh chiến vô cùng gian khổ.

## **NHẬN MỆNH LÚC NGUY HIỂM, KHỞI BINH CẦN VƯƠNG**

Nam Tống đương thời, chính trị vô cùng hủ bại, chính quyền lung lay muốn đổ. Vào lúc quân Nguyên thế như chẻ tre, muốn tiến thẳng tới Lâm An, Tống Cung đế Triệu Hiến mới 4 tuổi, Thái hậu thái hoàng Toàn Thị chủ trì triều chính, xuống một đạo “Ai thống chiếu” hiệu triệu các lộ quân khởi nghĩa cần vương, bảo vệ kinh đô Lâm An. Thế nhưng quan văn tướng võ các nơi đều cho rằng quân Nguyên tinh nhuệ, không thể ngăn chặn nên đều án binh bất động, rắp tâm chờ xem, hưởng ứng lời hiệu triệu chỉ có hai người Văn Thiên Tường và Trương Thế Kiệt.

Ngày 13 tháng 1 năm 1275, khi Văn Thiên Tường nhận được “Ai thống chiếu”, ông đã khóc không còn tiếng, quyết tâm hưởng ứng cần vương, cứu vãn vương triều Nam Tống, về căn bản nhân dân Nam Tống vốn vô cùng căm thù quân Nguyên đốt giết cướp phá, chỉ cần có người khởi xướng là sẽ một người hô trăm người hưởng ứng. Văn Thiên Tường là người có uy vọng trong quần chúng, nên chỉ trong 3 ngày, ông đã chiêu mộ được một, hai vạn người. Ông lấy tài sản của mình dùng vào việc ăn uống và lương bổng cho quân đội, tích cực trừ bị lương thực, chỉ đợi mệnh lệnh là tiến về kinh đô. Thế nhưng Tri khu mật viện kiêm Tham tri chính sự (hữu thừa tướng) Trần Nghi Trung đã làm khó dễ, nói bậy hành động của Văn Thiên Tường là “điên cuồng”, “trò trẻ con vô ích” lần nữa không phát lệnh. Mãi đến tháng bảy mới xuống chỉ giục Văn Thiên Tường dẫn quân về kinh, đồng thời chiếu lệnh cho ông làm Công bộ thượng thư kiêm Đô đốc phủ tham tán quân sự. Sau khi dẫn quân đến Lâm An, Văn Thiên Tường tích cực bố trí quyết chiến với quân Nguyên, nhưng thừa tướng Trần Nghi Trung, Lưu Mộng Viêm lại sợ địch như cọp, tích cực sách hoạch nghị hòa. Văn Thiên Tường dâng sớ phản đối triều đình chiều theo thói xấu, đồng

thời kiến nghị cụ thể chia dải Đông Nam thành bốn trấn, thiết lập đô đốc, tăng cường khống chế quân đội ở đó. Dùng Quảng Tây bổ sung Hồ Quảng, lập trung tâm chỉ huy ở Trường Sa; dùng Quảng Đông bổ sung Giang Tây lập trung tâm chỉ huy ở Long Hưng; dùng Phúc Kiến bổ sung Giang Đông, lập trung tâm chỉ huy ở Phan Dương; dùng Hoài Tây bổ sung Hoài Đông, lập trung tâm chỉ huy ở Dương Châu. Dùng Trường Sa để lấy lại Ngạc, dùng Long Hưng lấy lại Cận, Hoàng, dùng Phan Dương lấy lại Giang Đông, dùng Dương Châu lấy lại Lương Hoài. Như vậy sẽ có đất rộng người đông, đủ chống lại địch. Ước định xong ngày, sẽ nhất tề ra sức, chỉ tiến không lùi. Mặc dù quân địch đã chuẩn bị đầy đủ, nhưng lực lượng phân tán, xuất kích ra bốn mặt, mệt mỏi vì quá bận rộn. Mà các hào kiệt nghĩa sĩ địa phương lại thừa cơ xuất kích trong khu vực của bọn chúng, như vậy không khó khăn trong việc đánh lùi quân địch. Thế nhưng Trần Nghi Trung, Lưu Mộng Viêm về căn bản không thèm để ý đến, Văn Thiên Tường cảm thấy vô cùng giận dữ bất bình.

Do Thường Châu cấp báo nguy hiểm, nên Bình Giang (nay là Tô Châu - Giang Tô) bị uy hiếp, Văn Thiên Tường soái lĩnh quân Cần Vương đến tiền tuyến tác chiến. Lúc mới đánh nhau, quân Cần Vương đã thể hiện sự anh dũng khác thường, ngoài việc phòng thủ bảo vệ Bình Giang ra, Văn Thiên Tường còn cử ba ngàn tướng sĩ chi viện cho Thường Châu. Nhưng tướng lĩnh quân ở Hoài là Trường Toàn không thể phối hợp tốt, khiến cho quân Cần Vương trở thành một mình tác chiến, trong tình hình binh lực quân Nguyên hơn hẳn đã gọi máu mà đánh nhau; có một đội nghĩa quân trăm người từ châu Cán đến, mặc dù hết sức xung sát, người trước ngã người sau tiếp tục, nhưng cuối cùng do ít không địch nổi nhiều, hầu như đã hy sinh tráng liệt hết.

Nguyên soái quân Nguyên là Bá Nhan chia quân làm ba đạo tăng cường tiến nhanh về phía Nam, trong đó có một đạo từ Kiến Khang qua Quảng Đức tới đánh Độc Tùng Quan ở Tây Bắc huyện Dư Hàng, con đường này rất gần Lâm An, quân Tống phòng ngự trống rỗng, triều đình rất lo lắng. Trần Nghi Trung, Lưu Mộng Viêm bàn nhau điều Văn Thiên Tường về



đóng quân ở Dư Hàng, giữ vững Độc Tùng Quan để bảo vệ Lâm An, nhưng khi Văn Thiên Tường dẫn quân về Dư Hàng thì Độc Tùng Quan đã thất thủ, Bá Nhan thân dẫn đại quân đánh chiếm Thường Châu, toàn thành trên một vạn người đều bị giết. Ba đạo quân Nguyên đã nhanh chóng bao vây Long An, triều đình Nam Tống mất còn trong sớm tối. Trần Nghi Trung một mực muốn xin giảng hòa, Lưu Mộng Viêm thấy thế không lợi đã lén chạy khỏi Lâm An đến đầu hàng quân Nguyên. Thái hoàng thái hậu triệu tập đại thần làm việc, quan viên đến triều chỉ có sáu người. Thái hoàng thái hậu và Trần Nghi Trung tăng nhanh hoạt động tiến hành giảng hòa, cử người đến doanh trại Bá Nhan cầu xin làm cháu và nộp tiền, nhưng Bá Nhan không nghe, kiên trì đòi nếu không phải là thừa tướng tự đến xin hàng thì không được, đồng thời còn quy định thời hạn cuối cùng đến xin hàng, trên thực tế đó là thông điệp cuối cùng. Thừa tướng Trần Nghi Trung sợ bị bắt giữ không dám đến bàn việc đầu hàng, triều đình đành phải cử người khác mang theo ấn ngọc truyền quốc và biểu xin đầu hàng của Cung đế Triệu Hiến, Bá Nhan vẫn như trước không đồng ý, vẫn yêu cầu cử tể tướng đến tiếp nhận thủ tục đầu hàng. Lúc này quân Nguyên đã tới dưới thành, Thái hoàng thái hậu xuống chiếu lệnh cho Văn Thiên Tường làm hữu thừa tướng kiêm Khu mật sứ, đô đốc các đạo binh mã. Trong tình hình không có ai muốn tới doanh trại Bá Nhan đàm phán mà lại không thể không đi, Văn Thiên Tường nhận mệnh vào lúc nguy nan đã anh dũng lên đường, ông quyết làm không sợ sức ép mạnh, không sợ lợi lộc dụ dỗ, không làm nhục sứ mệnh.

Văn Thiên Tường đến đại dinh Bá Nhan, chỉ thấy gươm đao san sát, sát khí đằng đằng, nhưng Văn Thiên Tường vẫn ngẩng đầu rộng bước, thong dong tự nhiên. Trước tiên Bá Nhan hỏi: Có phải thừa tướng đến bàn việc đầu hàng không? Văn Thiên Tường trả lời: Đầu hàng là việc do một tay thừa tướng trước làm, tôi không biết. Thái hoàng thái hậu cử tôi làm thừa tướng, đến trước quân thương lượng. Bá Nhan vội nói chữa: Thừa tướng đến bàn việc lớn, rất tốt! Văn Thiên Tường thẳng thừng hỏi tại chỗ: Bản triều là chính thống đế vương, áo mũ lễ nhạc đều có, Bắc triều rốt cuộc có

muốn xem nó như là một quốc gia để đối xử hay là muốn huỷ diệt xã tắc của nó? Bá Nhan đành nói: Chiếu thư của hoàng thượng (chỉ Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt) đã nói rất rõ, không động đến xã tắc, không giết trăm họ. Văn Thiên Tường dùng lời lẽ chính nghĩa nghiêm chỉnh nói: Hiện nay thừa tướng hai nước thân ký liên minh hữu hảo, các ngài nên lui quân đến Bình Giang hoặc Gia Hưng, tấu trình tình hình bàn bạc giảng hòa lên Bắc triều, đợi Bắc triều xuống chiếu, sau đó sẽ tiếp tục bàn. Bá Nhan vốn đến để diệt Tống, làm sao lại dễ dàng rút quân? Hắn để lộ ra thần khí kiêu ngạo, ngang ngược của kẻ thắng trận, uy hiếp Văn Thiên Tường. Văn Thiên Tường tỏ ý không hề tỏ ra yếu đuối đã vang vang trả lời một cách mạnh mẽ: Nếu theo lời tôi nói, hai bên giảng hòa, đó là thượng sách; nếu không họa chiến tranh Nam Bắc chưa thôi, đối với các ngài cũng chẳng hay ho gì. Thái độ cứng rắn của Văn Thiên Tường làm cho Bá Nhan cảm thấy vô cùng kinh ngạc, nhưng hắn tin rằng Văn Thiên Tường không thể thuyết phục, thế là hắn nghiêm sắc mặt, nghiêm giọng dọa sẽ để Văn Thiên Tường vào chỗ chết. Văn Thiên Tường không hề sợ hãi trả lời như đinh đóng cột: Tôi là tế tướng trạng nguyên triều Tống, còn nợ cái chết để báo quốc, dù gươm giáo kề cổ cũng không hề sợ hãi. Quan văn tướng võ quân Nguyên thấy Văn Thiên Tường, người coi cái chết nhẹ như lông hồng, dám chống lại trời đất đều vô cùng kinh lạ khâm phục. Bá Nhan thấy dùng uy dọa không xong, dùng lợi dụ dỗ không được liền nghĩ ra một kế độc: Thả tất cả các sứ giả Tống khác đến nghị hòa chỉ giữ lại một mình Văn Thiên Tường. Thực tế là giam lỏng ông. Bởi vì Bá Nhan rất biết rõ, thanh vọng Văn Thiên Tường rất cao, chỉ cần lên cao hô một tiếng là sẽ có hàng vạn người theo. Thả Văn Thiên Tường về thì chẳng khác gì thả hổ về rừng. Mặc dù Văn Thiên Tường chất vấn và kháng nghị việc giam lỏng ông, nhưng không có ích gì. Một ngày sau khi thả sứ giả nghị hòa trở về, Thái hoàng thái hậu lập tức cử bọn Ngô Kiên mang biểu đầu hàng tới, triều đình Nam Tống chính thức đầu hàng. Khi Văn Thiên Tường “bị mời” vào doanh trại quân Nguyên, nghi thức xin hàng đã kết thúc. Nhìn thấy tình cảnh đó Văn Thiên Tường phần nộ, cảm giận, tràn đầy khinh ghét đối với bọn khốn kiếp quỳ gối xin hàng, muốn kiếm vinh hoa phú quý mới.

## **KIÊN TRINH BẤT KHUẤT, ANH DŨNG TỰ NGHĨA**

Để thỉnh công, Bá Nhan đã bắt hiệp một loạt đại thần viết “Lời thỉnh cầu” phụng biểu đến Đại đô triều kiến Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt, Văn Thiên Tường do quân Nguyên áp giải cùng đi. Bọn họ xuất phát từ Lâm An, đi qua Bình Giang, Vô Tích, Thường Châu đến Trấn Giang, mặc dù quân Nguyên canh giữ nghiêm mật, nhưng Văn Thiên Tường được sự giúp đỡ của một người phu thuyền kính trọng ông, vào một đêm tối trời gió mạnh trốn thoát. Để giương lại ngọn cờ khởi nghĩa, Văn Thiên Tường đã nếm chịu đủ gian khổ, kể cả sự sỉ nhục của quân địch và lòng hoài nghi của người phía mình, nhưng ông quyết chí không thay đổi, chiến đấu anh dũng dẫm máu, cho tới trận Ngũ Linh Pha, thì bị em trai Trương Hoảng Phạm nguyên soái quân Nguyên là Trương Hoảng Chính dẫn hai trăm quân khinh kỵ đuổi sát không thôi, Văn Thiên Tường chuẩn bị tự sát vì nước nhưng chưa kịp thì không may bị bắt sống. Trương Hoảng Chính áp giải ông đến đại bản doanh của Trương Hoảng Phạm, bọn tả hữu có người lệnh cho Văn Thiên Tường quì xuống. Văn Thiên Tường nghiêm giọng trả lời: “Có thể chết, không thể quì!”. Trương Hoảng Phạm khi ở đại bản doanh của Bá Nhan đã thấy khí khái anh hùng của Văn Thiên Tường thà chết chứ không khuất phục, biết là muốn cưỡng bức ông quì là điều không thể làm được. Có người đề nghị dứt khoát giết ngay Văn Thiên Tường, nhưng Trương Hoảng Phạm không có quyền giết thừa tướng, Thu mật sứ triều Tống, nên đành nói: Giết hãn là thành toàn cho hãn được cái tên đẹp trung nghĩa, lấy lễ mà đãi mới tỏ ra chúng ta khoan dung đại lượng, không thể giết. Hãn thân tự cởi trói cho Văn Thiên Tường, đồng thời dùng lời lẽ tốt an ủi, dùng lễ đối xử càng tăng. Lại đem những người trong họ Văn Thiên Tường thả về nhà, muốn dùng cái đó để làm cho Văn Thiên Tường mềm lòng. Nhưng Văn Thiên Tường kiên trinh bất khuất, chỉ yêu cầu cho ông một cái kiếm, để tự tuần tiết. Trương Hoảng Phạm ngoài việc nghiêm chỉnh phòng ngừa ông ra, không còn có cách nào khác.

Tháng giêng Trường Hưng năm thứ hai (năm 1279), Trương Hoảng Phạm dẫn hai đạo thủy lục quân Nguyên đi thẳng đến Nhai Sơn, chuẩn bị tiêu diệt cứ điểm cuối cùng của chính phủ Tống lưu vong. Ở ngoài cửa khẩu Châu Giang, trên biển cả mênh mông đang áp ủ một trận đại hải chiến có qui mô chưa từng có trong lịch sử Trung Quốc. Để khuyên hàng tướng Tống Trương Thế Kiệt, Trương Hoảng Phạm khôn ngoan quá thành mù quáng, đã sai người đến khuyên Văn Thiên Tường bảo ông viết thư khuyên hàng. Nỗi uất hận tích giữ trong lòng Văn Thiên Tường như ngọn núi lửa sắp bùng nổ, ông liền vung bút viết bài thơ nổi tiếng “qua biển mênh mông” để biểu thị quyết tâm thà chết bất khuất của ông. Trong đó có hai câu được truyền tụng trong sử sách:

*Người đời, xưa nay ai không chết?*

*Lưu tâm lòng son với sử xanh.*

Nhai Sơn bị quân Nguyên đánh chiếm, Trương Hoảng Phạm mở tiệc mừng công, khuyên Văn Thiên Tường rằng: Triều Tống đã diệt vong, việc trung hiếu đã hết. Văn thừa tướng nếu có thể thay đổi cách suy nghĩ, lấy tấm lòng trung thờ Đại Tống thờ Đại Nguyên, thì hiền tướng Đại Nguyên, ngoài thừa tướng ra còn ai! Văn Thiên Tường đau xót trả lời: Nước mất không thể cứu, là một thần tử, chết cũng chưa hết tội, đâu dám hai lòng sống tạm bợ? Trương Hoảng Phạm khuyên hàng thất bại, đành sai người áp giải Văn Thiên Tường về đại đô. Trên đường đi Văn Thiên Tường phần nộ tuyệt thực tám ngày, không ăn một hạt cơm, uống một giọt nước. Tháng mười, sau khi đến nơi, chính phủ triều Nguyên an trí Văn Thiên Tường vào quán hội đồng nơi tiếp đãi quan viên đầu hàng, nhân viên quản lý mang thức ăn ngon rượu tốt ra khoản đãi, coi như thượng tân. Tiếp đó người khuyên hàng nối nhau tới. Trước tiên là trạng nguyên tể tướng Lưu Mộng Viêm, Nam Tống, Văn Thiên Tường đã chửi hăm một trận thậm tệ. Tiếp đó là Doanh quốc công Triệu Hiến, tức hoàng đế Đức Hựu lúc này mới chín tuổi, tất nhiên là không biết khuyên Văn Thiên Tường đầu hàng như thế nào, nhưng những kẻ thống trị triều Nguyên muốn lợi dụng quan hệ vua tôi để buộc Văn Thiên Tường phục tùng. Vừa thấy Triệu Hiến, Văn Thiên

Tường vội quì xuống đau thương khóc lóc, rồi nói: Xin thánh giá trở về. Triệu Hiến đành vội quay đi. Tiếp đó người đến khuyên hàng là Bình chương chính sự A Hợp Mã, quyền nghiêng trong triều đình và ngoài dân gian triều Nguyên, ông ta ngồi trên nhà cao, muốn Văn Thiên Tường quì ở dưới. Nhưng Văn Thiên Tường ngẩng đầu đứng thẳng nghiêm chỉnh nói: Tể tướng Nam triều gặp Tể tướng Bắc triều, sao có thể quì? A Hợp Mã lấy cái chết đe dọa. Văn Thiên Tường nghiêm giọng nói: Muốn giết thì giết! A Hợp Mã không còn cách nào, đành cho giải Văn Thiên Tường đến Bình mã ty nha môn, giam ở đó.

Không lâu, thừa tướng triều Nguyên, Bác La triệu kiến Văn Thiên Tường ở khu Mật viện, vẫn muốn ông lạy, Văn Thiên Tường chỉ vái chào chứ không lạy. Bác La nói: Từ xưa đến nay, có ai mang đất đai, tôn miếu nộp cho người khác mà mình thoát thân được không? Văn Thiên Tường nói: Chắp tay dâng quốc gia là kẻ bán nước, kẻ bán nước nói chung là muốn mưu tìm chỗ tốt, nhưng ông nhất định không muốn đi. Quốc gia đã mất, trung thần còn sống làm gì? Bác La nói: Vứt bỏ không để ý gì đến tự quán Đức Hựu, lập riêng hai vua, đó có phải là điều trung thần làm không? Văn Thiên Tường nói: Vào lúc quốc gia nguy cấp, phải lấy xã tắc làm đầu, vua ở sau, tôi lập riêng hai vua là tính toán vì quốc gia. Người theo Tấn Hoài Đế, Tấn Mậu Đế đầu hàng là bất trung; người đi theo Tấn Nguyên Đế về phương Nam phục quốc mới là trung thần; người theo hai vua Huy, Khâm lên phương Bắc là bất trung, người theo Cao Tôn đi về Nam là trung thành. Nhất thời Bác La không nói được gì. Rồi đột ngột hỏi: Tấn Nguyên Đế, Tống Cao Tôn đều là vua được thụ mệnh, còn ông lập hai vua, danh không chính ngôn không thuận, đó là cướp đoạt ngôi vua vậy! Văn Thiên Tường nói: Cảnh, Viên là con giai trưởng Độ Tôn, là anh ruột Đức Hựu, không thể nói là không chính đại. Nhà vua lên ngôi sau khi Đức Hựu đã rời ngôi, không thể nói là cướp đoạt. Trần thừa tướng theo mệnh lệnh của Thái hậu, đưa hai vị vua ra cung, không thể nói là không được thụ mệnh. Bác La bị bác bỏ đến nỗi ngắc nga ngắc ngứ, đành dùng “không được thụ mệnh”. Để biện giải cho mình, Văn Thiên Tường nói: Trời giúp người quì tỵ, tuy

không có mệnh truyền thụ chính thức, nhưng mọi người suy tôn dựng nên, có gì là không được? Bác La cả giận, nói ông dựng lập hai vua, rốt cuộc muốn làm công nghiệp gì? Văn Thiên Tường châm biếm lại, nói: Lập vua là để bảo tồn tôn miếu, tôn miếu còn một ngày, là làm hết chức trách thần tử một ngày, có công nghiệp gì đáng nói đâu! Bác La lại hỏi: Mặc dù đã biết là tổn công vô ích, sao vẫn làm? Văn Thiên Tường nói: Cha mẹ có bệnh nặng, mặc dù biết là không thể cứu, nhưng không thể có đạo lý không thuốc thang, chỉ là làm hết lòng hiếu với cha mẹ mà thôi. Không thể cứu được, đó là mệnh trời, hôm nay tôi là kẻ tù dưới thềm, chỉ có chết mà thôi, làm nhảm mãi làm gì! Bác La muốn giết Văn Thiên Tường, nhưng Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt và các đại thần không đồng ý.

Một hôm,, Nguyên Thế Tổ cùng các đại thần bàn việc đã hỏi: Ai là tế tướng hiền năng ở miền Nam và miền Bắc? Quần thần đều tâu: Người phương Bắc không ai bằng Da Luật Sở Tài, người phương Nam không ai bằng Văn Thiên Tường. Nguyên Thế Tổ hạ dụ sẽ cho Văn Thiên Tường quan cao, địa vị vinh hiển, lại hạ lệnh cho Ty binh mã ưu đãi Văn Thiên Tường, cấp hỏa thực loại nhất. Văn Thiên Tường đã từ chối sự ưu đãi của chính phủ triều Nguyên đối với ông.

Lúc này ở phương Bắc có tin ở phủ Trung Sơn (nay là Bảo Định - Hà Bắc) có mấy ngàn người tụ tập, chuẩn bị đánh vào Đại đô, cướp lại Văn Thiên Tường. Triều đình nhà Nguyên lập tức ra lệnh báo động đề phòng. Việc xử trí Văn Thiên Tường cũng đã đến giờ phút quyết định. Để khuyên ông hàng, Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt thân tự ra mặt triệu kiến Văn Thiên Tường, khi đã đến đại điện hoàng cung, ông chỉ vái dài chứ không quì. Quan thị vệ cưỡng bức quì, ông vẫn ngẩng đầu đứng thẳng. Hốt Tất Liệt nói với Văn Thiên Tường: Ông ở đây đã lâu ngày rồi, nếu có thể thay lòng đổi dạ, lấy lòng trung thờ nhà Tống thờ ta, thì ông sẽ có một chỗ ngồi trong Trung thư tỉnh (ý cho biết sẽ được làm tế tướng). Văn Thiên Tường kiên định trả lời: Thiên Tường là trạng nguyên tế tướng Đại Tống, triều Tống đã diệt, chỉ mong chết mau, chứ không mong sống lâu. Hốt Tất Liệt nói: Nếu không muốn làm tế tướng thì sẽ làm khu mật. Văn Thiên Tường trả lời dứt

khoát: Không thể làm! Hốt Tất Liệt hỏi: Ông muốn làm gì? Văn Thiên Tường trả lời: Chỉ cầu cái chết là đủ!

Hốt Tất Liệt không biết làm thế nào, đành sai người đem Văn Thiên Tường đi chém. Hôm hành hình, Văn Thiên Tường vẫn thư thái thản nhiên nói với ngục tốt: Việc của ta xong rồi! Khi đến pháp trường, ông hỏi trăm họ đứng hai bên: Đây là hướng Nam? Sau khi có người nói cho biết, ông quay về phương Nam lạy hai lạy rồi thung dung tự nghĩa, chung niên bốn mươi bảy tuổi. Sau khi ông chết, đã phát hiện được bức thư tuyệt mệnh của ông để trong dải áo: Tôi giữ chức tể tướng mà không cứu được xã tắc, giữ yên thiên hạ, nay quân thua nước nhục, thân bị cầm tù, đáng chết đã lâu! Khổng Tử nói thành nhân, Mạnh Tử nói giữ nghĩa, khi đã tận nghĩa thì nhân đến vậy. Đọc sách thánh hiền, những điều sử học có làm được gì? Nhưng hiện nay và sau này đều không xấu hổ! Tống thừa tướng Văn Thiên Tường tuyệt bút! Những người vây quanh không ai là không cảm động rơi nước mắt.



## 91. DA LUẬT SỞ TÀI

### TÔNG CHINH THIÊN HẠ, MƯU TRÍ PHÒ NGUYÊN MÔNG

Da Luật Sở Tài, sinh vào năm Kim Chương Tôn Minh Xương nguyên niên (năm 1199), mất vào năm Mông Cổ Nãi Mã Chân Hậu thứ ba (năm 1243), tự là Tấn Hanh, là hậu duệ hoàng đế Khiết Đan. Cha là Da Luật Phúc, là học giả đời Kim, làm quan đến tể tướng. Da Luật Sở Tài tham gia chính sự hơn 30 năm, đã làm quan ba triều bốn đời: Nguyên Thái Tổ (Thành Cát Tư Hãn), Nguyên Duệ Tôn (con trai thứ tư Thái Tôn là Đà Lô); Nguyên Thái Tôn (con trai thứ ba Thái Tôn là Oa Khoát Đài) và Nãi Mã Chân Hậu (hậu thứ sáu của Thái Tôn), tài đức của ông đã được triển khai một cách sâu sắc. Ông phơi bày gan ruột vì Mông Cổ xuất mưu định kế, viễn chinh Tây vực, dùng binh ở phía Nam, thể hiện được mưu trí quân sự cao siêu, đối với việc sáng lập triều Nguyên thống nhất, lập được công lao to lớn, ông phò tá quân vương, ý chí kiên quyết trị nước về các mặt chấn hưng Nho học, chế định pháp luật, phát triển sản xuất, làm phồn vinh kinh tế, ổn định đời sống nhân dân và hướng dẫn Mông Cổ hướng về “Hán hóa” đã lập được công tích bất hủ, đã thể hiện rõ được tài năng chính trị kiệt xuất và thao lược kinh tế, ông hết sức trung thành, việc không phân lớn nhỏ, chỉ cần có lợi cho nước và dân ông dám tranh luận mạnh hoặc can ngăn vua, hết sức mà thực hiện, nêu một tấm gương tốt tận trung tận trí vì nước cho người sau. Da Luật Sở Tài là một danh tướng mưu trí hiếm thấy trong lịch sử dân tộc Trung Quốc.

### PHƠI BÀY GAN RUỘT, XUẤT MƯU SÁCH HOẠCH

Khi Da Luật Sở Tài ba tuổi thì bố chết. Bà mẹ là Dương Thị, hiểu sách biết lễ đã dạy dỗ con rất tốt. Lại thêm ông vốn trời cho thông minh, chăm chỉ học tập, mỗi đêm đều thắp đèn học khuya quyết không vì ham chơi cờ

bạc mà lãng phí thời gian, nên ngay từ sớm đã đọc nhiều sách vở. Đến thời kỳ thanh niên, về các mặt thiên văn, địa lý, luật dịch, thuật số và Phật, Lão, thuốc bói toán đều có trình độ cao. Ông hiểu sâu Nho học, biên soạn sách Phật, lại giỏi đàn, hay ngâm vịnh, đa tài đa nghệ. Do ông xuất thân từ một thư hương môn đệ sĩ đại phu phong kiến đã Hán hóa đầy đủ từ lâu, nên ngay từ nhỏ ông đã tiếp thụ “Hán hóa” tinh thông Hán văn, viết chữ Hán thành thạo như không, hơn nữa suy nghĩ văn thơ nhanh nhạy, hạ bút thành văn, đã viết là xong rất ít phải sửa chữa. Những tri thức uyên bác đó của ông đã đặt cơ sở tốt đẹp cho việc sau này ông sáng lập nên những công tích to lớn.

Thế nhưng Da Luật Sở Tài sinh không gặp thời, ông trưởng thành trong một hoàn cảnh xã hội động loạn. Lúc đó Trung Quốc đang ở vào giai đoạn liệt quốc phân tranh trước khi triều Nguyên đại thống nhất, các nước đối địch với nhau, chiến sự xảy ra luôn. Ở phương Bắc, tộc Mông Cổ mới quật khởi dưới sự thống lĩnh của Thành Cát Tư Hãn, với chí anh hùng hừng hực, hùng hổ dọa người, không ngừng phát động tiến công vào nước Kim. Ở phương Nam, vương triều Tống ở tả ngạn Trường Giang chưa lúc nào quên việc phải Bắc thượng khôi phục đất đai đã mất, luôn luôn khiêu chiến với nhà Kim. Ở phương Tây, Tây Hạ lập nước ở Cam Túc, Thiểm Tây cũng mắt nhìn như hổ đói, mang dã tâm xưng bá ở Trung Quốc, nhân cơ hội kết giao với Nam Tống, xâm phạm quấy rối ở phía Tây Bắc nước Kim. Còn nước Kim tuy chiếm đóng Trung Nguyên, thống trị Bắc Trung Quốc, nhưng thế nước ngày một suy đã lực bất tòng tâm từ lâu. Da Luật Sở Tài từ lúc 17 tuổi ra làm quan, đến khi 25 tuổi khi thủ đô Yên Kinh của nước Kim bị mất, hầu như đã sống lạng lẽ không ai biết trong tám năm ròng dù có mang trang chí muốn vượt ra ngoài nhưng khó có thành tựu gì. Sau khi kinh thành bị mất, mắt nhìn thấy đại thế triều Kim đã mất, nước mất nhà tan, tiền đồ mù mịt, nên đã đem lòng công danh trói buộc ở gác cao, chôn vùi tài trí kinh thiên động địa với đời, bỏ thế tục vào cửa Phật, thờ lão nhân Vạn Tùng làm thầy, học tập Phật lý. Ông xa lánh hẳn dấu người, vứt bỏ việc nhà, chuyên tâm chuyên ý, tu thân dưỡng tâm, dù gặp nóng lớn rét

nhieu cũng không gián đoạn. Cuối cùng hiểu thấu đạo được thiên lý, trở nên một tín đồ Phật giáo nổi tiếng trong thành Yến Kinh. Thời thế khó khăn ba năm đã rèn luyện ý chí của Da Luật Sở Tài, dựng nên hùng tâm trị nước. Ông đã có hai loại chuẩn bị: không được, thì lấy đạo giản dị trị lòng; đạt, thì lấy đạo nhân nghĩa trị bốn biển. Ông chờ đợi một cơ hội triển khai hoài bão của mình. “Con rồng bị khốn vẫn có lúc bay lên trời”, Thành Cát Tư Hãn năm thứ 13 (năm 1218) cuối cùng cơ hội đã đến. Thành Cát Tư Hãn đã được đất Yến, rất cần các loại nhân tài. Ông nghe nói Da Luật Sở Tài là nhân tài khó có, bác học đa tài, liền sai người dùng lễ đến mời, hỏi han đại kế trị quốc. Da Luật Sở Tài đang sống cuộc sống ẩn cư, biết Thành Cát Tư Hãn tài cao mưu lớn triệu kiến mình, cảm thấy đó là cơ hội cực tốt để cầu mưu tiến thủ, nên vui vẻ đến ngay. Thành Cát Tư Hãn biết Da Luật Sở Tài là bậc hậu duệ của tôn thất nước Liêu, bị nước Liêu diệt, có thể thù với nước này, liền nói: Liêu Kim là thế cừu (thù truyền kiếp) ta sẽ vì ông rửa sạch nợ nước thù nhà. Không ngờ Da Luật Sở Tài đã trả lời như thế này: Đó là chuyện trước đây, ông tôi đã vào thờ triều Kim, đã là thần hạ, sao dám là kẻ thù của quân vương. Câu trả lời rất thỏa đáng của ông đã làm cho Thành Cát Tư Hãn vô cùng vừa lòng, cho rằng người này trọng tình vua tôi, biết giữ tín nghĩa, rất đáng trọng dụng.

Lại thêm Da Luật Sở Tài mặt mũi khôi ngô, thân người khỏe mạnh, râu dài tóc đẹp, cực kỳ anh vũ, âm thanh trả lời vang mà trôi chảy, nên Thành Cát Tư Hãn càng phấn khởi, đã coi ông là tùy tùng thân cận không rời, và Da Luật Sở Tài với học thức uyên thâm và tài trí siêu phàm của mình đã nhanh chóng được Thành Cát Tư Hãn yêu mến, tín nhiệm. Thành Cát Tư Hãn thường thân mật gọi ông là “ông râu dài của ta”. Trong những năm mưa gió thay đổi, cuối cùng thì Da Luật Sở Tài đã tìm được cơ hội để thi thố tài hoa cái thế của mình.

Thế nhưng một nho sinh mới đến qui thuận mà muốn giành được sự tín nhiệm đầy đủ và địa vị củng cố trong đám quý tộc quân sự dùng vũ lực lấy thiên hạ, thì là việc rất không dễ dàng. Có một người Tây Hạ tên là Thường Bát Cân, do giỏi chế tạo cung nỏ mà được Thành Cát Tư Hãn yêu dùng,

điều này đã tăng thêm sự kiêu căng của vị vũ phu đó, hẳn không coi các văn nhân ra gì, có một lần hẳn ta nói với Thành Cát Tư Hãn ngay trước mặt Da Luật Sở Tài: Lúc này đang là lúc quốc gia dụng võ, những nho sinh giống như Da Luật Sở Tài, không biết tí gì về việc đánh trận, thì hỏi dùng để làm gì? Da Luật Sở Tài gặp việc đáng làm thì không nên từ chối nhằm thẳng vào vấn đề mà trả lời: Trị cung nên dùng thợ trị cung, chẳng lẽ trị thiên hạ lại không phải dùng thợ trị thiên hạ à? Thành Cát Tư Hãn nghe những lời sắc bén cơ trí, khôn khéo, trong lòng rất khâm phục, càng trọng dụng ông. Thành Cát Tư Hãn đã từng nói với con trai Oa Khoát Đài: Người này là trời ban cho nhà ta, sau này mọi việc quân quốc chính sự, nên uỷ cho ông ta xử trí.

Từ Mông Cổ Thái Tổ năm thứ 14 đến năm thứ 20 (năm 1219 - 1225), Thành Cát Tư Hãn tiến hành cuộc Tây chinh nổi tiếng, mà mục đích chủ yếu là dùng binh với vùng Hoa Thích Tử Mô và Trung Á. Đúng ngày xuất quân, tháng sáu mùa hạ, chợt có mưa to gió lớn, mây đen đầy trời, rồi trong chớp mắt tuyết lớn rơi dày, dày đến ba thước (khoảng 1 mét). Có người nghi ngờ dùng binh không biết có lợi hay không, Thành Cát Tư Hãn cũng nghi ngờ, không biết đây là điềm gì? Thế là lập tức triệu kiến Da Luật Sở Tài đến trưởng, bói xem cát hung, Da Luật Sở Tài có trình độ khoa học tương đối cao, ông hiểu được quy luật vận động của mặt trời mặt trăng và các sao, có thể đoán được thời gian nguyệt thực và sửa chỉnh lịch pháp, nhưng lúc này ông không theo quy luật của thiên nhiên để giải thích hiện tượng của trời, mà dùng tư duy của một nhà mưu lược chính trị tinh minh, khôn khéo lợi dụng tâm lý vô cùng mê tín lại không biết gì về thiên văn, kinh tượng của tướng sĩ Mông Cổ bao gồm cả Thành Cát Tư Hãn trong đó, cũng như quân sĩ Mông Cổ đang tràn đầy căm phẫn đối với nước Hoa Thích Tử Mô, và lòng quân đang thề chết để rửa nợ nước, để cương quyết đoán rằng: tiết đông lạnh lẽo ghê người lại thấy vào thịnh hạ, đó chính là triệu chứng tốt để chúa ta phụng thiên thảo phạt kiềm chế địch giành thắng lợi. Cái mà Thành Cát Tư Hãn mong đợi là loại điềm lành này. Thế là lập tức phái mười vạn đại quân tiến đánh nước Hoa Thích Tử Mô, năm 1222,

quân Mông Cổ chiếm lĩnh toàn bộ nước Hoa Thích Tử Mô và Trung Á. Thành Cát Tư Hãn cho rằng lần Tây chinh thu được toàn thắng lớn này là có quan hệ tới việc bói điềm lành của Da Luật Sở Tài.

Năm 1224, Thành Cát Tư Hãn dẫn quân về; để tiến hành trừng phạt khi Tây chinh Tây Hạ từ chối xuất binh và Tây Hạ cùng nước Kim ký hiệp ước, ông đã quyết định chinh phạt Tây Hạ. Tháng 6 năm 1227, chúa Hạ đầu hàng. Ngày chiếm được thành, tướng sĩ quân đội Mông Cổ tranh nhau cướp đàn bà con gái, của cải, chỉ có một mình Da Luật Sở Tài lấy được một số bộ sách và mấy gánh vật liệu thuốc Đại Hoàng. Lúc đó các đồng僚 đều rất không hiểu hành vi của ông. Nhưng không lâu sau, các quân lính do từ Hạ chuyển sang Đông, ăn gió nằm sương, phần lớn mắc bệnh, may mà được Da Luật Sở Tài dùng vật liệu thuốc Đại Hoàng chế ra thuốc cứu mạng. Điều này một lần nữa chứng minh Da Luật Sở Tài là người có tuệ nhãn, kiến thức sâu xa.

Tây Hạ diệt vong đã giải trừ được mối lo phía Tây của Mông Cổ, lại làm cho triều Kim mất đi sự trợ giúp của thế dựa vào nhau. Oa Khoát Đài Hãn năm thứ ba (năm 1231), Mông Cổ sau khi nghỉ ngơi tăng sức đã đưa việc Nam Hạ diệt Kim vào chương trình làm việc hàng ngày. Đại quân Mông Cổ bao vây Biện Kinh nước Kim, đã gặp phải sự chống trả ngoan cường của quân Kim, hai bên huyết chiến mười sáu ngày đêm liền, người bị chết và bị thương trong thành nhiều đến một triệu, mà Biện Kinh vẫn chưa chiếm được. Sau đó, quân Mông Cổ nghĩ được kế hay, liên hiệp với Nam Tống cùng giáp kích nước Kim, mới thu được kết quả. Trước lúc Biện Kinh bị mất, chiến tướng quân Mông Cổ là Tốc Bất Đài đã đặc biệt tấu xin Thái Tôn Oa Khoát Đài, yêu cầu phá kinh đô giết dân chúng trong thành. Da Luật Sở Tài nghe tin vội đến trước Thái Tôn tâu: Quân sĩ nhiều năm liền chinh chiến, đổ máu hy sinh, mục đích là để được đất đai và trăm họ. Được đất mà không còn dân thì đất đai đó có tác dụng gì? Thái Tôn còn chút do dự, nhất thời chưa có chủ kiến. Da Luật Sở Tài thấy khuyên can trực tiếp không có kết quả, liền linh hoạt vận dụng mặt khác của nhà mưu lược có trí tuệ, khéo mượn việc riêng để làm Thái Tôn thay đổi, ông nói: Biện Kinh là

kinh đô của một nước, các thợ thuyền khéo tay giỏi nghề, các đồ văn vật quý lạ đều tập trung ở đó. Nếu như giết hết dân chúng trong thành, Đại Hãn, người sẽ chẳng thu hoạch được gì. Đến lúc này, Thái Tôn mới bị lời nói đó làm cho lay chuyển, mới hạ lệnh sau khi vào thành chỉ được bắt giết một họ Hoàn Nhan, hoàng tộc nước Kim, còn lại đều nhất loạt được miễn xá. Như vậy sau khi quân Nguyên hạ được Biện Kinh, do mưu trí của Da Luật Sở Tài mà 1,4 triệu tính mạng của cư dân trong thành được bảo toàn. Và cũng từ đó trở đi, làn gió lạnh sát giết chóc sau khi chiếm được thành đã bị phế bỏ trong quân đội.

Sau khi Mông cổ diệt Kim, cục diện ba nước chân vạc đã kết thúc, màn mở đầu của cuộc chiến Mông - Tống đã mở. Trong tập đoàn thống trị thượng tầng Mông Cổ, có người chủ trương khơi dậy mâu thuẫn dân tộc giữa người Hán và Hồi ở Tây Vực, để cho hai bên đánh giết, lẫn nhau, Mông Cổ có thể ngồi làm ngư ông đắc lợi. Da Luật Sở Tài thông qua việc nghiêm túc phân tích tình hình, cân nhắc lợi hại, đã nêu lên kiến giải của mình. Ông cho rằng Nam Tống và Tây Vực cách nhau rất xa, quân đội mệt nhọc, Mông quen thủy thổ, khó có thể sống mái với nhau. Tiêu diệt Nam Tống không phải là việc dễ dàng, tất nhiên dùng chiến lược chiến thuật kết hợp tập trung binh lực tấn công chính diện và bao vây vu hồi. Da Luật Sở Tài còn nêu ra phương án diệt Tống đầy đủ. Cuối cùng quân Mông Cổ đã dùng phương án của ông, ba đạo quân cùng tràn xuống, nhanh chóng hình thành thế bao vây chiến lược đối với Nam Tống, và đến năm 1257 đã tiêu diệt chính quyền Nam Tống.

## **Ý CHÍ KIÊN QUYẾT TRỊ NƯỚC, HƯỚNG DẪN “HÁN HOÁ”**

Tài trị quốc của Da Luật Sở Tài phải sau khi ông đã qua mười năm Tây chinh, tức là đến năm Thái Tổ thứ hai mươi hai (năm 1227) kết thúc chiến loạn mới được từng bước triển khai thi thố. Trước lúc đó, đế quốc quân sự Mông Cổ do bận rộn vào chiến sự miền Tây, chưa kịp đặt ra qui chương chế độ, không có cách nào quản lý các châu quận đã qui thuận Mông Cổ, vì

vậy quan lại được cử đi đều có quyền sinh sát tùy ý, cướp vợ con người, cướp đoạt tài sản, thôn tính đất đai, không điều gì là không làm. Trong lúc đó Lưu Hựu Trưởng quan Yến Kinh - Thạch Mạt Hàm Đặc Bộc là tham lam tàn bạo nhất, giết người như ngoé, trên chợ treo đầy đầu người thị chúng. Sau khi nắm được tình hình, Da Luật Sở Tài đã không ngừng được rơi lệ. Để mắt vào việc củng cố sự thống trị lâu dài của Mông Cổ, ông lập tức tâu lên và công bố lệnh cấm: Các châu, quận nếu chưa có văn thư có đóng ngọc ấn của hoàng đế, không được tự tiện trưng thu tài vật của nhân dân; tù phạm nếu muốn xử tử hình phải báo cáo lên quốc gia phê chuẩn. Nếu vi phạm mệnh lệnh này, phạm tội chết sẽ không được giảm nhẹ. Hiệu lệnh vừa được ban ra đã làm cho làn gió tham lam tàn bạo có phần giảm bớt, trật tự xã hội dần ổn định.

Kinh đô Yến Kinh lúc đó, tuy là quốc đô nhưng trật tự xã hội vô cùng hỗn loạn, hàng ngày vào hoàng hôn trời còn chưa tối đã có một số trộm cướp dẫn dắt trâu ngựa xông vào nhà giàu, cướp lấy của cải mang đi, nếu chống cự thì bị giết người mất của, vì vậy không ai dám chống cự truy cứu. Xem ra bọn trộm cướp này quyết không phải là những nhân vật phổ thông bình thường, việc xử lý xem ra có khả năng bó tay. Duệ Tôn cũng nghe được tin này, cho rằng chỉ có Da Luật Sở Tài mới có thể xử lý nổi, liền đặc biệt cử Da Luật Sở Tài và Trung Sứ Thập Sát Nhi tới nghiên cứu xử lý. Qua điều tra hỏi han tỉ mỉ, Da Luật Sở Tài biết được họ tên của số trộm cướp này, thì ra vốn là thân thích của Lưu Hựu và con em nhà quyền thế. Da Luật Sở Tài không hề mềm tay, một mẻ quét sạch bọn chúng giam vào ngục. Thân thích bọn chúng hối lộ Trung Sứ, với ý đồ giảm nhẹ xử trí. Sau khi biết tin Da Luật Sở Tài nói rõ lợi hại, phúc họa. Trung Sứ sợ hãi đành phải nghe ý kiến của Da Luật Sở Tài xử lý theo pháp luật, kết án cuối cùng đem 16 thủ phạm có tội ác lớn nhất giải ra pháp trường chém đầu thị uy với quần chúng. Từ đó trở đi, bọn trộm lớn đã tuyệt tích, thứ dân được yên ổn, thu được hiệu quả xã hội tốt đẹp.

Để thuận lợi trong việc chuyển giao ngôi vua, là một người phò tá hiền nhiều mưu trí, Da Luật Sở Tài đã tốn nhiều tâm trí. Từ sau khi Thành Cát



Tư Hãn nhường ngôi theo tập quán của nước Mông Cổ, thì trước tiên cho con trai thứ tư là Đà Lôỉ xử lý việc nước, nhưng do mệnh của Thái Tổ lại truyền ngôi vua cho con trai thứ ba Oa Khoát Đài. Da Luật Sở Tài đã sáng suốt nhận thức được rằng: Vị trí của Hãn để không hoặc bố trí sai lầm, đều không có lợi cho nước cho dân. Từ xưa đến nay, trước mặt quyền lực tối cao, càn đậu và hạt đậu nấu lẫn nhau không phải ít ví dụ. Thế là ông đốc thúc Oa Khoát Đài hãy nhanh chóng triệu tập “Khố Lý Nhĩ Thái Hội” để quyết định ngôi Hãn. Hội nghị họp bốn mươi ngày, nhưng chỉ bàn mà không quyết. Da Luật Sở Tài cảm thấy hội nghị không thể kéo dài hơn nữa, nên thân đến khuyên Đà Lôỉ, giới thiệu, cử Đại Hãn là đại kế của tôn miếu xã tắc, nên xác định sớm. Đà Lôỉ vẫn nói: Ý kiến chưa thống nhất, hay là đợi thêm vài ngày. Nghe vậy, Da Luật Sở Tài rất kiên định biểu thị: Kỳ hạn này không thể thay, một khi quá ngày này, sẽ không còn ngày cát tường nữa. Da Luật Sở Tài khôn khéo lợi dụng nhược điểm mê tín của quí tộc Mông Cổ, cuối cùng đã thúc giục đợc Đà Lôỉ quyết định ngày lên ngôi của Oa Khoát Đài.

Để nghiêm túc uy nghi hoàng đế, chế định tôn ty trật tự, Da Luật Sở Tài đã chăm chú đặt ra nghi thức lên ngôi. Trước đó ông đã chọn thân vương Sát Hợp Đài, nói với ông ta: Ông tuy là huynh trưởng của Đại Hãn, nhưng xét về chức vị thì lại là thần tử, theo lễ tiết thần tử phải quì lạy quân vương, chỉ cần ông dẫn đầu cúi lạy, những người khác không ai dám không lạy. Thân vương Sát Hợp Đài cảm thấy lời nói có lý, nên trong đại lễ lên ngôi của Oa Khoát Đài, ông đã dẫn hoàng tộc và các quan quì lạy dưới trướng, khiến buổi lễ long trọng đợc tiến hành thuận lợi. Sau việc này, Sát Hợp Đài khen ngợi Da Luật Sở Tài: Đúg là công thần của xã tắc.

Mông Cổ vốn là dân tộc du mục thảo nguyên, đang ở thời kỳ phát triển từ xã hội thị tộc chuyên hóa sang xã hội giai cấp. Thành Cát Tư Hãn xây dựng đế quốc Mông Cổ là dựa vào cung mạnh ngựa béo, quân khỏe tướng dũng, khai phá cương thổ, và đã chinh phục đợc vùng lãnh thổ rộng lớn. Thế nhưng, đế quốc Mông Cổ muốn trị lý vùng Trung Nguyên và Giang Hoài có trình độ văn minh tương đối cao, nếu không tiến hành một cuộc cải

cách sâu sắc về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa v.v... là không thể được. Là một nhà tư tưởng và nhà mưu lược trác việt, Da Luật Sở Tài đã tỉnh táo nhìn thấy điểm này, ông nói với Oa Khoát Đài: Mặc dù được thiên hạ trên mình ngựa, nhưng không thể cai trị thiên hạ trên mình ngựa. Là một ông vua tương đối sáng suốt, Oa Khoát Đài quyết tâm áp dụng “Hán pháp”. Và Da Luật Sở Tài đã trở thành trợ thủ đắc lực của ông. Trong quá trình tiến hành cải cách và thực hiện rộng rãi “Hán hóa”, Da Luật Sở Tài đã nêu ra nhiều kiến nghị có ích, đặt ra một loạt chính sách chính trị và kinh tế quan trọng và được Oa Khoát Đài nghe theo. Chính sách và chế độ của Da Luật Sở Tài bao gồm:

Bỏ thói xấu tàn sát dân trong thành, cướp của; tha chết cho nạn dân, người đã hàng và bị bắt. Những người thống trị Mông Cổ trong thời kỳ đầu chinh chiến đã từng hạ lệnh: Phạm khi công thành, kẻ địch nếu người nào dám dùng vũ lực chống lại thì sau khi thành bị phá, ắt phải trừng trị nghiêm khắc, đếm số giết hết. Da Luật Sở Tài cho rằng chính sách tàn sát cướp của dân trong thành, dã man tàn bạo ấy, cố nhiên có tác dụng uy hiếp nhất định đối với kẻ địch, nhưng làm cho trăm họ không may phải chịu tội, đã tăng cường quyết tâm không đầu hàng của những người chống lại, đó là hành động không khôn ngoan. Ông dâng lời can ngăn lên Thái Tôn, để bảo đảm chắc chắn tính mệnh trăm họ được an toàn, trước khi quân đội tiến quân, trước tiên chuyển dời trăm họ đến sau núi, để cho họ khai thác mỏ vàng, bạc, trồng nho... Như vậy không những làm cho trăm họ xa cách vùng có chiến sự, mà còn cung cấp được thứ hoàng thất cần, có thể nói là nhất cử lưỡng đắc. Ông còn hạ lệnh tha chết cho dân tránh nạn và kẻ đầu hàng ở nước Kim. Có người giữ thái độ hoài nghi đối với việc này và cho rằng kẻ đầu hàng chỉ đầu hàng khi nguy hiểm, khi tình hình dẫu đi lại bỏ chạy, và có thể bổ sung nguồn quân cho kẻ địch, nên khó có thể tha chết. Nhưng Da Luật Sở Tài lại không cho là thế, ông kiến nghị Oa Khoát Đài cho làm một số cờ trắng, phát cho dân đầu hàng cho về quê cũ, quân Mông Cổ không được xâm phạm giết hại. Việc làm này không những cứu sống vô số dân

chúng mà còn loại trừ được tâm lý sợ hãi và thù hận của dân Trung Nguyên đối với quân Mông Cổ.

Can ngăn không làm việc “cắt đất chia dân”, xây dựng tập quyền Trung ương. Từ khi Thành Cát Tư Hãn lập nước đến nay, những người thống trị Mông Cổ đã thực hiện chế độ phân phong “cắt đất chia dân”. Sau khi Oa Khoát Đài Hãn lên ngôi, cũng đã chuẩn bị phân chia thưởng cho các thân vương và công thần vùng Trung Nguyên mới chiếm được. Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về sự diễn biến và đấu tranh giữa chế độ phân phong và chế độ quận huyện trong lịch sử, vào giờ phút then chốt ấy Da Luật Sở Tài đã can ngăn: cắt đất chia dân, dễ dẫn đến bệnh tật bất mãn và nghi ngờ giữa người này, người khác, mở rộng mâu thuẫn và đấu tranh xảy ra tình trạng đuôi lớn không cắt được, không bằng cho bọn họ một số vàng lụa nhiều hơn! Oa Khoát Đài nói: Ta đã đáp ứng cho bọn họ rồi, làm thế nào? Da Luật Sở Tài đã vì điều này sách hoạch một kế sách vạn toàn, tức là do chính phủ cử quan lại đến các quận huyện thu thuế, không để cho họ tự thu, đưa quyền lực trưng thu thuế từ địa phương qui về Trung ương. Da Luật Sở Tài còn kiến nghị: Tại các châu quận bố trí trưởng lại chuyên quản dân sự, lập tổng lãnh quân chính vạn hộ phủ, lập sở thuế quản lý tiền, lúa. Giữa ba bộ môn này, thế lực bằng nhau, không nắm tất cả, lực lượng có hạn, tư tưởng muốn làm gì thì làm sẽ bị ngăn chặn. Oa Khoát Đài đã tiếp nhận kiến nghị đó, chế định ra chế độ quan quân dân tài địa phương tam quyền phân lập đã tăng cường lớn thực lực của tập quyền Trung ương, áp chế thế lực địa phương mở rộng.

Tôn Khổng, trọng Nho, đề xướng chấn hưng giáo hóa. Da Luật Sở Tài cho rằng trong kho báu tư tưởng của Trung Quốc, chỉ có Nho học mới hòa tan được tinh hoa tư tưởng của các nhà, đã luôn luôn trở thành quốc hồn của các vương triều Trung Quốc và cũng là cách trị thế kỳ diệu lâu dài của các vương triều phong kiến. Bắt đầu từ khi ông ra làm quan với Thành Cát Tư Hãn, tư tưởng “lấy Nho trị quốc” đã thể hiện rõ trong lời nói và hành động của ông. Sau khi Oa Khoát Đài lên ngôi, Da Luật Sở Tài thường xuyên tuyên truyền với ông ta về việc “dạy dỗ Chu Khổng”. Oa Khoát Đài

cho rằng rất có đạo lý, đã yêu cầu Da Luật Sở Tài tiến cử một số văn nhân ra làm quan, thí nghiệm thi hành “Hán pháp”. Da Luật Sở Tài cho người tìm được cháu năm mươi một đời của Khổng Tử là Khổng Nguyên Thố tâu lên nhà vua tập phong cho làm “Diễn Thánh công”, ra lệnh thu thập các nhân viên cựu lễ nhạc, lập Thái thường lễ nhạc lại quan, giải phóng rồi phân phối rất nhiều nho sinh bị bắt vào những công việc thích hợp. Lại còn xây dựng Biên tu sở, Kinh tịch sở ở các nơi như Yến Kinh v.v... để tuyên truyền đạo Khổng Mạnh, tham gia giáo dục văn hóa. Oa Khoát Đài Hân năm thứ chín (năm 1237) Da Luật Sở Tài lấy cớ “chế tạo đồ vật cần phải dùng thợ giỏi, giữ thành ắt phải dùng nho sinh” đã kiến nghị dùng Nho thuật chọn quan với ý định khôi phục lại chế độ khảo sát khoa cử từ Đường, Tống đến nay. Oa Khoát Đài tuyên bố “Ta có thể cử kẻ nho làm quan”, sau khi tiếp chỉ, Da Luật Sở Tài đã lựa chọn và định ra phương pháp thi cử gồm ba khoa kinh nghĩa, từ phú, luận bàn, ngay năm đó thông qua thi cử đã chọn được hơn 4.000 nho sinh. Một loạt lớn Nho sinh vào làm kẻ sĩ trị quốc, đã có sự thay đổi lớn về kết cấu văn hóa của quan viên Mông Cổ, thúc đẩy một cách mạnh mẽ sự chuyển biến từ vũ công sang văn trị.

Lập pháp chấp pháp, ngăn chặn tham ô tàn bạo. Buổi đầu dựng nước ở Mông Cổ, pháp chế rất không hoàn thiện, làn gió tham ô tàn bạo của quan viên các địa phương vô cùng nghiêm trọng. Bọn chúng tùy ý cướp đoạt của cải, cướp vợ con người, thôn tính đất đai, làm xằng làm bậy. Nhằm thẳng vào tình hình nói trên, Da Luật Sở Tài thúc giục đề nghị xin Oa Khoát Đài công bố pháp lệnh: châu, huyện chưa được lệnh trên dám tự tiện thi hành xét xử, là có tội, kẻ mua bán vay mượn vật công là có tội. Người phía Tây, Hồi Cốt Hà - Mông Cổ, trồng trọt không chịu nộp thuế, sẽ bị giết. Giám chủ tự ăn cắp của công sẽ bị giết. Những kẻ phạm tội chết, phải tâu lên trên được lệnh rồi mới hành hình. Việc công bố chấp hành các pháp lệnh này đã có tác dụng nhất định trong việc ngăn chặn làn gió tham lam tàn bạo của bọn quan lại vi phạm pháp luật và ổn định trật tự xã hội.

Ngăn chặn thụt lùi, phát triển nông nghiệp, Oa Khoát Đài vừa lên ngôi vua đã có một quý tộc Mông Cổ kiến nghị: Người Hán ở vùng Trung

Nguyên không hiểu ngành sản xuất chăn nuôi, đối với chúng ta chẳng có ích gì, không bằng giết hết bọn họ, để rồi mở mang cánh đồng chăn nuôi ở đó. Da Luật Sở Tài đã nhanh nhạy nhận thấy được rằng đây là một kiến nghị biến tiên tiến thành lạc hậu, phản ánh sự vô tri của bọn quý tộc quen sinh sống ở thảo nguyên, nếu được tiếp nhận, thì hậu quả chưa biết như thế nào. Ông kịp thời chỉ ra cho Oa Khoát Đài: Thiên hạ là bao la, bốn bể là giàu có, nhân dân các nơi đều chăm chỉ sản xuất, chỉ cần chính sách tốt họ sẽ có thể cung cấp nhiều của cải. Oa Khoát Đài nói: Nếu đúng như người nói tốt như vậy, thu nhập của quốc gia có thể gia tăng, thì hà tất phải giết người! Hãy làm theo ý kiến của người! Một cơn tai họa định phá hoại kinh tế nông nghiệp Trung Nguyên đã được ngăn chặn.

Xây dựng chế độ thu thuế thay thế việc dùng quân sự cướp đoạt. Quý tộc Mông Cổ tôn sùng võ công, căn bản không có quan niệm về chế độ thuế. Nguyên Thái Tôn năm thứ hai (năm 1230) Da Luật Sở Tài kiến nghị với Oa Khoát Đài: Bệ hạ sẽ Nam chinh nước Kim, quân nhu từ đâu tới? Chỉ dựa vào súc vật thì còn xa mới đủ. Nếu xây dựng chế độ thu thuế, chỉ khoán lợi về thuế đất, thuế thương nghiệp và thuế rượu, mắm muối, sắt ở vùng núi, mỗi năm có thể được 50 vạn lạng bạc, tám vạn tấm lụa, 40 vạn thạch lúa, quân nhu không thành vấn đề nữa. Oa Khoát Đài nghe xong, đồng ý cho làm thử. Thế là ở một dải Hà Bắc đã xây dựng mười lộ trưng thu thuế sứ, lựa chọn kẻ sĩ có đức giao nhiệm vụ. Mùa thu năm 1231 Oa Khoát Đài ở trong hành cung nhìn thấy các vật thu thuế của 10 lộ khoá thuế sứ bày trước mặt gồm những vàng bạc, lụa, thóc v.v... đã vô cùng vui mừng, ông ta phấn khởi nói với Da Luật Sở Tài: người tuy không rời ta, nhưng vẫn có thể làm cho các thứ nhà nước cần dùng đầy đủ, trong các thần liêu Nam quốc, có ai có thể so sánh được với khanh?

Thả người bị bắt ổn định lòng người. Sau khi Mông Cổ diệt Kim, hàng loạt lớn dân chúng bị bắt làm tù binh, trên đường về Bắc có mười thì có đến bảy, tám bỏ trốn. Oa Khoát Đài hạ lệnh cấm, không cho phép thu giữ tù binh chạy trốn, kẻ nào vi phạm diệt cả nhà, làng xã cũng bị liên lụy. Do đó tù binh chạy trốn không có ai dám thu giữ, dám cho ăn vì vậy chết đói đầy

đồng. Da Luật Sở Tài hiểu sâu sắc rằng: Kẻ được lòng dân sẽ được thiên hạ nên đã can ngăn Thái Tôn: Trung Nguyên đã dẹp xong, trăm họ đều là trăm họ của hoàng đế. Hơn nữa dân bỏ trốn còn trốn đi đâu được nữa. Vì sao chỉ vì một tù nhân mà liên lụy làm chết hàng trăm người? Thái Tôn tỉnh ngộ, huỷ bỏ lệnh này.

Kiểm chế người cho vay lãi suất cao, phản đối bóc lột quá đáng. Cùng với việc mở rộng các vùng của nhà nước, việc buôn bán sôi nổi, việc cho vay lãi cao rất thịnh hành. Những nông dân và thợ thủ công để duy trì cuộc sống và giao nộp sưu thuế, có lúc buộc phải vay nợ, lãi suất hàng năm tới 100%. Con nợ đến thời hạn không trả được, thường bị buộc nhà phá người tan. Để ngăn chặn bọn cho vay nặng lãi, Da Luật Sở Tài đã quy định chính sách vay mượn.

Dưới sự cố gắng của Da Luật Sở Tài, những người thống trị Mông Cổ đã thích ứng tương đối nhanh với chế độ phong kiến phát triển cao độ ở vùng Trung Nguyên, khôi phục được vết thương phá hoại do chiến tranh gây ra, đưa nền kinh tế phong kiến lên quy đạo phát triển bình thường.

## **TẬN TRUNG TẬN TRÍ, TRANH CẢI MẠNH, CAN NGĂN KHÉO**

Trong việc trị nước, Da Luật Sở Tài có một câu danh ngôn: Làm một điều lợi không bằng trừ một điều hại; bàn thêm một việc mới không bằng tiết kiệm một việc. Chỉ cần những việc có lợi cho nước cho dân, ông đều không phân biệt to, nhỏ mà tìm mọi cách để cố gắng thực hiện việc đó. Cách nghĩ của ông không được nhà vua tiếp thụ, có khi có liên quan đến bản thân hoàng đế, bao giờ ông cũng khôn khéo vận dụng trí tuệ và mưu lược của mình, hoặc tranh cãi mạnh hoặc khéo can ngăn, trăm phương ngàn kế khiến chủ trương của mình được thực hiện mà không ảnh hưởng đến quan hệ thân mật giữa ông và nhà vua. Cho nên dù ông làm quan với ba triều Thành Cát Tư Hãn, Đà Lô, Oa Khoát Đài hơn 30 năm mà vua tôi trước sau đều hòa hợp.

Mùa hạ năm 1223, sau khi giành được thắng lợi trọng đại trong việc đánh chiếm Hoa Thích Tử Mô, Thành Cát Tư Hãn đóng quân ở Thiết Môn quan, người địa phương mang đến một con quái thú, một sừng, thân hình giống hươu, đuôi như đuôi ngựa, khắp người một màu xanh lá cây, tiếng kêu i hi lại giống như người nói. Thành Cát Tư Hãn cảm thấy kỳ lạ, hỏi Da Luật Sở Tài. Da Luật Sở Tài xuất phát từ tiền đề lớn, mục đích quân sự chính trị của cuộc Tây chinh đều đã đạt được, nên lập tức chấm dứt chiến tranh, liền theo giới thiệu của sách cổ, mượn đề tài nói một cách phát huy: Con thú này tên gọi là giác đoan, sự xuất hiện của nó biểu thị cát tường. Nó có thể nói tiếng người, căm ghét giết người hại tính mệnh, vừa rồi tiếng kêu của nó có ý là Đại Hãn ngài nên quay về nước sớm một chút. Hoàng đế là con cả ở trên trời, dân chúng trong thiên hạ đều là con cái của hoàng đế, mong Đại Hãn tuân theo ý chỉ trên trời, bảo toàn cho trăm họ trong thiên hạ! Thành Cát Tư Hãn nghe nói vậy lập tức quyết định kết thúc Tây chinh.

Oa Khoát Đài năm thứ tám (năm 1236) xuống chiếu tuyển mỹ nữ cho cung thất để bổ sung cho hậu cung. Da Luật Sở Tài lấy lý do “Mỹ nữ đã đủ dùng, thần sợ dân lo” từ chối không chấp hành. Lúc đầu Thái Tôn rất tức giận, nhưng sau khi suy nghĩ, cảm thấy Da Luật Sở Tài lấy dân làm trọng, thực là khó có rất quý, nên cũng không trách.

Người Mông Cổ uống rượu rất nhiều, Thái Tôn cũng nhiễm thói quen đó, thường uống say túy lúy. Mỗi khi gặp chuyện đó, Da Luật Sở Tài thường dùng lời nói cảm động: “Rượu có thể ăn mòn đồ sắt, nữa là ngũ tạng” để khuyên can, cuối cùng đã làm Thái Tôn tỉnh ngộ. Không những bản thân ông tự khống chế uống rượu, đồng thời còn chiếu lệnh cận thần, mỗi ngày chỉ nên uống ba chén rượu. Chính là do tình tâm phúc tâm đầu ý hợp đó mà làm cho vua tôi thân như anh em. Trong một lần tụ hội, Thái Tôn đã thân chúc rượu Da Luật Sở Tài: Ta tin tưởng khanh, dùng khanh là mệnh lệnh của tiên đế. Nếu như không có khanh, Trung Nguyên quyết chưa được ổn định như thế này. Ta sở dĩ gọi cao không lo, toàn là nhờ công lao của khanh!



Đất nước Mông Cổ tùy theo sự kiện toàn và thực thi pháp chế đã ngày càng thịnh vượng, nhưng những cường hào quý tộc quyền ích của họ bị xâm phạm thì lại căm giận Da Luật Sở Tài tận xương, đi khắp nơi gièm pha, bôi nhọ ông. Người vu cáo ác nhất là Nguyên Yển kinh Lưu Hậu Trưởng quan Thạch Mô Hàm Đắc Bốc, Thái Tôn lệnh cho Da Luật Sở Tài xét hỏi, lấy việc nước làm trọng, ông không để ân oán cá nhân ở trong lòng mà khoan hồng đại độ tâu xin Thái Tôn để sau này xử lý. Phẩm đức cao thượng đó được Thái Tôn tán thưởng, ông ta nói riêng với thị thần: Sở Tài không nhớ thù riêng, đúng là trưởng giả trung hậu, các người nên noi theo ông làm người.

Có một lần bọn sủng thần Dương Huy Trung v.v... của Oa Khoát Đài Hãn do bao che cho bọn giết người mà bị Da Luật Sở Tài bắt giữ thẩm vấn. Oa Khoát Đài Hãn tin nghe lời gièm, trong lúc thịnh nộ, không phân thật giả, đã bắt Da Luật Sở Tài, tiếp đó cảm thấy không đúng, có chút tự hối hận, lại sai người thả ông ra. Da Luật Sở Tài không chịu nói: Thần, quan đến công khanh phò tá bệ hạ xử lý việc nước, bệ hạ ra lệnh bắt thần, cho rằng thần có tội, xin tuyên bố với trăm quan tội của thần ở chỗ nào. Bây giờ lại thả thần, điều đó nói rõ thần không có tội. Xử lý vấn đề tùy tiện hay thay đổi như là đóng kịch. Nếu quốc gia thật sự gặp phải việc lớn, cũng có thể xử lý như vậy chẳng? Các đại thần có mặt tại chỗ nghe xong không ai là không hoảng hốt thần sắc, đều vì câu nói “Phạm thượng” của ông mà toát mồ hôi. May mà Oa Khoát Đài không phải là hôn quân, ông tín nhiệm tính cách ngay thẳng của Da Luật Sở Tài, nên không chỉ không nổi giận mà ngược lại còn ôn tồn nói lại: Ta quý là vì làm hoàng đế, nhưng chẳng lẽ không có chút sai lầm nào ư? Da Luật Sở Tài nhân cơ hội này, đưa ra mười kế sách can ngăn: tin thưởng phạt; chính danh phạt; cho bổng lộc; quan cho công thần; khảo diện; bình đẳng về pháp luật; lựa chọn thợ; vì việc nông tang; định thổ cống; kiểm chế vận tải. Oa Khoát Đài Hãn rất cảm động vì lòng công tâm của ông, ra lệnh cho thi hành theo.

Những lời tâu đề nghị của Da Luật Sở Tài có lúc Oa Khoát Đài Hãn cũng không nghe theo, thậm chí còn làm theo ý mình. Dù có như vậy, nói

chung bao giờ Da Luật Sở Tài cũng đều cố gắng làm đến cùng...

Nguyên Thái Tôn năm thứ mười ba (năm 1241) Oa Khoát Đài tạ thế, Hoàng hậu Nãi Mã Chân xưng đế, bà tin yêu Áo Đô Thích Hợp Man, người đã dùng nhiều vàng hối lộ, không ít quý tộc sợ thế tranh nhau đến theo, Da Luật Sở Tài gặp phải sự bài xích, xa lánh. Mặc dù vậy ông không nỡ buông tay không quản. Một lần Hoàng hậu Nãi Mã Chân giao cho Áo Đô Thích Hợp Cốt một tờ giấy trắng đã đóng ngự bảo, để ông ta tự điều chức quan tuyên bố chính lệnh. Sau khi biết tin, Da Luật Sở Tài đã nói trước mặt Hoàng hậu Nãi Mã Chân: Thiên hạ này là thiên hạ của tiên đế, bổ dụng đại thần, triều đình đã có chương pháp. Không làm việc theo quy định chương pháp sẽ làm loạn pháp luật, loại chiếu lệnh như vậy thần không dám tiến hành. Da Luật Sở Tài căn cứ vào lý ra sức tranh luận, cuối cùng thu hồi được tờ giấy ngự còn để không.

Thế nhưng, cách việc này không lâu, Hoàng hậu Nãi Mã Chân lại xuống chiếu dụ chỉ: Phạm là những kiến nghị do Áo Đô Thích Hợp Man đề xuất, lệnh sử đều phải ghi chép lại, nếu không làm, sẽ bị chặt tay. Da Luật Sở Tài dũng cảm đứng ra can ngăn: Việc lớn quốc gia, tiên đế đều uỷ nhiệm cho lão thần xử lý, lệnh sử không có trách nhiệm. Nếu kiến nghị hợp lý, tự nhiên là làm theo, nếu không thể thi hành, thì chết còn chả sợ nữa là sợ chặt tay ư? Hoàng hậu Nãi Mã Chân nghe xong giận dữ hiện ra nét mặt nhưng Da Luật Sở Tài không hề lộ vẻ sợ hãi, khẳng khái nói: Lão thần theo Thái Tổ, Thái Tôn hơn ba mươi năm, chưa từng làm một việc gì không phải với quốc gia, Hoàng hậu liệu có thể vô tội mà giết lão thần? Hoàng hậu Nãi Mã Chân ấp a ấp úng, không nói được gì.

Hoàng hậu Nãi Mã Chân năm thứ ba (năm 1243) Da Luật Sở Tài nhân không được tin nhiệm, mắt thấy gian thần cầm quyền, triều đình cương thường rối loạn, vận nước không thể phấn chấn, trong ưu phần ông đã ốm bệnh qua đời, thọ 55 tuổi. Một ngôi sao mưu trí xây dựng cơ sở cho triều Nguyên đã rớt xuống.

## 92. HỐT TẮT LIỆT

### KẾ SÁCH LÂU DÀI DIỆT KIM, TỔNG, MƯU LƯỢC VĨ ĐẠI HƯNG MÔNG NGUYÊN

Hốt Tất Liệt sinh vào năm Tống Ninh Tôn Gia Định năm thứ tám (năm 1215), mất vào Nguyên Thế Tổ Chí Nguyên năm thứ ba mươi một (năm 1294). Ông là hoàng đế khai quốc vương triều Nguyên, ở ngôi 34 năm.

Hốt Tất Liệt từ viễn chinh Đại Lý đến vây đánh châu Ngọc, bình định nổi loạn, cuối cùng Nam hạ diệt Tống, đánh đâu chiếm được đấy, vô địch. Thế nhưng ông dùng chiến lược quân sự gì, lúc đầu chẳng ai có thể khái quát hoàn chỉnh, mãi đến sau khi quân Nguyên đánh chiếm được thành Kiến Khang (nay là Nam Kinh), châu Trử, mới do tướng xin hàng là Quán Như Đức có được khái quát thấu triệt. Sau khi quân Nguyên chiếm được thành Kiến Khang, châu Trử, Hốt Tất Liệt hỏi Quán Như Đức: vì sao được thiên hạ? Vì sao Tống diệt vong? Quán Như Đức trả lời: Bệ hạ lấy phúc đức thắng vậy. Tương, Phàn là yết hầu của Tống, yết hầu đã bị tắc, đợi gì mà không mất. Hốt Tất Liệt nghe nói, luôn luôn khen hay, đồng thời lập tức phong Quán Như Đức chức Hồ Bắc Chiêu Thảo Sứ. Bản thân Hốt Tất Liệt và các quan văn tướng võ của ông ta, chưa có ai khái quát được đại chiến lược quân sự của quân Nguyên thấu triệt như vậy, mà ngược lại, lại do một hàng tướng Tống nói một câu đúng điểm, lời nói làm kinh động bốn phía. Vận dụng thành công chiến lược này đã được thể hiện đầy đủ trong cuộc chiến tranh Nam hạ diệt Tống của Hốt Tất Liệt.

Nam Hạ diệt Tống, Hốt Tất Liệt áp dụng chiến lược quân sự đột phá Trung ương, lấy Tương, Phàn trước, sau đó tiến về Đông đánh Lâm An.

### LẤY TƯƠNG, PHÀN TRƯỚC

Tương, Phàn tức nay là Tương Dương và Phàn Thành trong phần tỉnh Hồ Bắc. Hai thành này ở hai bờ Nam Bắc Hán Thủy, cách sông dựa vào

nhau, là cửa Bắc lớn của Nam Tống, có giá trị chiến lược rất cao, do đó được dùng tướng chính quyền Nam Tống, Kinh Tây An phủ phó sứ Lã Văn Hoán tập trung trọng binh trấn giữ ở đó. Nguyên, năm Chí Nguyên thứ năm (1268), Hốt Tất Liệt lệnh cho A Châu, Lưu Chính đánh Tương, Phàn lấy Đồng Văn Bính giữ Hoài Tây hô ứng, đồng thời lấy Uông Lương Cự, Trịnh Đình, Trát Sách Bất Hoa ở trong ranh giới Tứ Xuyên triển khai thế tấn công, ngăn cản quân Tống ở đất Thục xuống, viện trợ Lã Văn Hoán, phối hợp tác chiến ở phương hướng Tương, Phàn, bố trí tác chiến vây đánh Tương, Phàn như sau: từ Vạn Sơn (nay ở Tây Bắc Tương Dương 10 dặm) đến Quán Tử Than (nay ở phía Nam Tương Dương 30 dặm) trên Hán Thủy dựng hàng rào, cắt đứt liên hệ đường thủy của quân Tống, dùng quân của Sử Thiên Trạch xây dựng lô cốt ở ngoài thành, còn bộ đội của A Châu, Lưu Chính v.v... thì phối hợp bố trí ở Lộc Môn Sơn (nay là Tây Miến Dương - Hồ Bắc), Đức An (nay là Vũ Xương) không xa, để ngăn chặn đánh trả quân Tống ở hướng Lâm An tiến về đây. Quân đội Mông Cổ bao vây đánh phá Tương, Phàn trước sau đã kéo dài tới năm sáu năm. Hốt Tất Liệt rút kinh nghiệm đánh lâu mà không lấy được Tương, Phàn, đã dần thay đổi cách đánh, tập trung binh lực đánh Phàn thành. Nguyên, Chí Nguyên năm thứ mười (năm 1273) tháng giêng, bộ đội thủy lục của A Châu hai đường giáp kích Phàn thành, lại sử dụng Hồi hồi pháo, uy lực to lớn bắn phá vào trong thành, quân Tống ở trong Phàn thành không còn sức chống đỡ, tướng giữ thành Ngưu Phú, sau khi bị trọng thương đã nhảy vào lửa chết, quân Nguyên chiếm được Phàn thành. Tháng hai, quân Nguyên chuyển đến ngoài thành Tương Dương, đại tướng quân Tống Lã Văn Hoán trong hoàn cảnh tuyệt vọng dâng thành hàng Nguyên. Tương, Phàn thất thủ, cửa vào Nam Tống đã mở, bại vong của triều đình Giang Nam, đã tính từng ngày.

### **TIẾP TỤC CHIẾM LÂM AN**

Nguyên Chí Nguyên năm thứ 11 (năm 1274) tháng sáu, Hốt Tất Liệt xuống chiếu thủy lục cùng tiến phát động cuộc công kích cuối cùng vào Nam Tống. Quân Nguyên chia làm hai đạo, chủ lực do Bá Nhan, A Châu... soái lĩnh từ Tương Dương theo Hán Thủy vào Trường Giang, đánh châu

Ngạc, sau đó thẳng tiến tới Lâm An; một đạo khác do Bác La Hoan chỉ huy, dẫn quân ra Lương Hoài. Trải qua một năm rưỡi chiến đấu đẫm máu, đến tháng giêng, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 13, quân Nguyên sau khi quét sạch các điểm quan trọng ở ngoại vi, đã tiến sát đến Cao Đình Sơn ở Đông Bắc Lâm An. Hoàng thất họ Triệu, ngày mười tám chính thức xin hàng. Tháng hai, quân Nguyên đưa Thái hoàng thái hậu Nam Tống và Tống Cung đế cùng đại thần văn võ về Yến Kinh, vương triều Tống kéo dài hơn 300 năm, đến đó diệt vong.

Về chiến lược “tắc ở yết hầu” có ba điểm thành công: một là, rút ngắn mặt trận, tập trung binh lực, biến toàn bộ mặt trận quân Nguyên xuất kích thành đánh có trọng điểm để đạt mục đích chiến lược; hai là lựa chọn công kích vào nơi quan trọng của Nam Tống, để từ đó đạt được mục đích chia cắt, làm tê liệt quân Tống; ba là, có lợi cho việc quân Nguyên tăng nhanh xây dựng một đội thủy quân, thực hiện thủy bộ cùng tiến đạt mục tiêu tiêu diệt Nam Tống.

Tướng lĩnh Mông Cổ chính trực, hào phóng, thô lỗ độ lượng, kiên dũng thiện chiến có lúc lại không chịu ràng buộc nhiều. Đặc biệt là có một số tướng lĩnh xuất thân từ gia đình quý tộc lâu đời thường mang dã tâm đoạt quyền lực cao hơn. Bắt đầu Thành Cát Tư Hãn dùng binh tự trọng đã có lúc xuất hiện tướng lĩnh Mông Cổ muốn bằng vai phải lứa với Kha Hãn Mông Cổ. Khi Hốt Tất Liệt vừa lên làm Kha Hãn, đã có khá nhiều tướng lĩnh rục rịch hành động, số tướng lĩnh “quyết tâm hành động” cũng không ít, thậm chí anh em ruột thịt cũng giết lẫn nhau. Đối mặt với tình hình đó, để có thể điều khiển tướng soái, điều khiển quân đội một cách hữu hiệu, Hốt Tất Liệt đã áp dụng một số cách làm cao minh.

## **QUAN SÁT KỸ TƯỚNG TÀI**

Lấy thành thực đối xử với người, tín nhiệm tướng tài là một đặc điểm lớn của Hốt Tất Liệt. Một loạt lớn tướng soái như Bá Nhan, Liêm Hi Hiến, A Châu v.v... đều là lão thần túc tướng của hai triều, còn có một số là của ba triều, đã vào sống ra chết, lập được chiến công hiển hách trong cuộc chiến

tranh thống nhất của Hốt Tất Liệt. Bọn họ vì sao lại trung thành như vậy với Hốt Tất Liệt? Không xét tới điểm có cùng lợi ích mà nói thì chủ yếu là Hốt Tất Liệt đã thủy chung vô cùng tín nhiệm bọn họ, giao cho họ chức vụ quân sự chủ yếu, để cho họ độc lập chỉ huy các chiến dịch trọng đại. Mỗi khi có người nói xấu một tướng soái quan trọng nào đó, Hốt Tất Liệt thường thường là bịt tai không thèm nghe, hoặc nghe mà không trách. Khi gặp phải nghi ngờ to lớn, ví dụ như liên quan tới án lớn, tướng lĩnh chủ yếu có ý làm phản, thì Hốt Tất Liệt đã thân tự điều tra, làm cho rõ. Một lần, phán quan Phí Dần tố cáo Liêm Hi Hiến và một đại thần khác, có “chí khác”, sửa chữa thành trị quân, muốn hưởng ứng cuộc làm phản của Lý Bấm ở Giang Hoài, Hốt Tất Liệt thân gặp các đại thần có liên quan để tìm hiểu tình hình bên trong, cuối cùng thậm chí đã tới triệu hồi Tân Thục Hành tể Liêm Hi Hiến để hỏi han, cuối cùng chứng thực Phí Dần là vu cáo. Đại tướng Liêm Hi Hiến qua sự giày vò này ngược lại đã được Hốt Tất Liệt càng tín nhiệm được thăng ngay làm Trung Thư Bình chương chính sự, còn Phí Dần lập tức bị chém. Những sự kiện tương tự như vậy còn có nhiều, nhưng Hốt Tất Liệt đều sáng suốt xử lý khiến nhiều đại tướng trí dũng song toàn không bị tổn hại. Các tướng lĩnh vô cùng cảm ơn trước sự thành khẩn tín nhiệm của Hốt Tất Liệt và càng kiên định đi theo Hốt Tất Liệt.

### **TRỌNG DỤNG TƯỚNG HÁN**

Hốt Tất Liệt nhìn thấy tố chất tâm lý dân tộc thù hằn, cao ngạo, hẹp hòi của dân tộc Mông Cổ là nhân tố chủ yếu làm cho sức chiến đấu của quân Mông Cổ sa sút nhanh chóng. Muốn chinh phục Nam Tống, thì trong chính sách dân tộc nhất là về mặt tâm lý dân tộc phải có sự điều chỉnh quan trọng. Việc Hốt Tất Liệt trọng dụng và dựa vào tướng Hán có thể truy ngược đến thời Mông Kha Lệnh Kỳ thống trị Mạc Nam, từ thời kỳ đó ông ta “mọi việc đều không tách rời Sử Thiên Trạch, Lưu Thừa Trung, Hách Kinh, Diêu Khu v.v... hầu như có việc là gọi đến hỏi”. Sử Thiên Trạch vốn là kinh lược sứ Giang Hoài, rất có tài thao lược, rất được Hốt Tất Liệt coi trọng, sau này làm quan đến thừa tướng. Hốt Tất Liệt tín nhiệm, trọng dụng người Hán

cũng đã từng gặp phải sự phản đối của một số đại thần Mông Cổ, nhưng Hốt Tất Liệt đã giận dữ nói: Anh vẫn còn chưa dùng Nam Nhân (người phương Nam) làm sao biết được không thể dùng Nam Nhân? Ra lệnh từ hôm nay, các Tỉnh, Đài Bộ, Viện đều phải tìm hiểu dùng Nam Nhân. Tư tưởng và hành động của ông đã trực tiếp ảnh hưởng đến một số tướng soái quan trọng của Mông Cổ. A Châu từng nói nếu gặp sơn thủy, hàng rào, không có quân Hán không được. Khi quân Nguyên tiến sát Lâm An, Liêm Hi Hiến đến Giang Lăng, lập tức trọng dụng mấy chục quan viên Hán tộc gồm cả tướng quân. Đối với tướng lĩnh Hán tộc ưu tú, Hốt Tất Liệt không ngại giao cho thực chức, chức quan trọng, để cho họ độc lập chỉ huy các cuộc chiến đấu quan trọng, nên tướng Hán không ai là không hết sức. Những tướng lĩnh người Hán này am hiểu tình hình chính trị quân sự của Nam Tống để bổ sung cho những thiếu sót về mặt này của tập đoàn Hốt Tất Liệt. Có thể nói một cách không khoa trương rằng, không có sự ủng hộ của các tướng Hán, vương triều Nguyên không có cách nào tiêu diệt được chính quyền Nam Tống.

Tướng đang cầm quân không theo chỉ huy của Trung ương. Bộ tướng của Hốt Tất Liệt chỉ huy đánh nhau ở mặt trận đều có thể tùy cơ ứng biến, tự quyết. Khi Hốt Tất Liệt vừa lên làm Kha Hãn đã cử Liêm Hi Hiến đi làm Tuyên phủ sứ Thiểm Tây. Sau khi đến Thiểm Tây, Liêm Hi Hiến biết được các tướng Lưu Thái Bình, Quả Lập Cát đã ngầm liên hệ với phản vương An Lý Bất Kha, đồng thời cùng thủ tướng thành đô mật ước khởi sự. Liêm Hi Hiến quyết đoán kịp thời, chia quân tướng bắt giết bọn tướng làm loạn. Đại tướng Giang Lương Cự không theo lệnh, lý do là không có thánh chỉ của Kha Hãn. Liêm Hi Hiến lấy đầu ra thánh chỉ, trong lúc khẩn cấp bỗng nghĩ ra cách đối phó, vội cởi hổ phù được mang, ấn bạc giao cho Giang Lương Cự nói: Những thứ này là do bản thân nhận được mật chỉ, ông làm việc của tôi, chế phù đã được tâu lên. Giang Lương Tài mới chịu tiến quân, nhanh chóng diệt được quân phản loạn. Lần hành động này không báo trước cho Kha Hãn, theo thông lệ là phi pháp, nhưng lại vô cùng chính xác và thành công, sau này được Hốt Tất Liệt cho là có thể được. Sau khi Bá Nhan hạ



được Kiến Khang bị triệu hồi về kinh đô, Hốt Tất Liệt cho rằng mùa nóng bức sắp tới, không có lợi cho hành động bước tiếp theo của quân Nguyên, nêu ra việc thu quân về nghỉ ngơi, chỉnh đốn, đến mùa thu sẽ tính việc Lâm An, Bá Nhan kiên trì ý kiến của mình: Người Tống ở sông biển như con thú được bảo hiểm, nay đã bị bóp nghẹt yết hầu, nếu thả ra sẽ vất vả mà mất thôi! Hốt Tất Liệt suy nghĩ hồi lâu, tán thành nói: Tướng đang cầm quân không theo chỉ huy của Trung ương, đó là binh pháp. Mặc dù Hốt Tất Liệt chỉ dẫn lại một câu danh ngôn trong binh pháp cổ đại, nhưng rõ ràng là công khai đề xướng tướng lĩnh ở mặt trận không nên chịu sự khống chế và can thiệp của triều đình Trung ương quá nhiều, mà có thể căn cứ vào tình hình thực tế của chiến trường, độc lập tự chủ chỉ huy tác chiến.

Cảnh Định nguyên niên (năm 1260) sau khi Hốt Tất Liệt lên ngôi Hãn, quyết tâm tham chiếu Hán pháp, tiến hành cải cách thể chế. Ông tiếp nhận kiến nghị của bọn mạc liêu Lưu Thừa Trung v.v... căn cứ vào truyền thống vương triều phong kiến Trung Nguyên để cải tạo chính quyền nước Mông Cổ. Ông hấp thụ hình thức tổ chức của vương triều Hán tộc Trung Nguyên, định quan trong ngoài. Cơ cấu hành chính Trung ương có: lập Trung thư tỉnh để lo toàn bộ việc chính trị, bên dưới có sáu bộ: Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công; lập Khu Mật viện để thừa hành quyền bính; lập Ngự sử đài để nắm tư pháp, dưới có Điện trung ty, Sát viện. Ngoài ra còn lập hàng loạt cơ cấu chuyên môn. Cơ cấu hành chính địa phương: có hành tỉnh, hành đài, tuyên úy ty, liêm phòng ty; bên dưới chia làm bốn cấp: Lộ, Phủ, Châu, Huyện. Tại nhiều cơ cấu Trung ương, đại bộ phận cơ cấu hành chính địa phương từ hàng tỉnh trở xuống và nhiều cơ cấu quản lý quân đội, Hốt Tất Liệt đều đặt chức Đạt Lỗ Hoa Xích, nói chung do người Mông Cổ hoặc người sắc mục đảm nhiệm, để bảo đảm đặc quyền quý tộc Mông Cổ thực hành giám sát khống chế nghiêm mật và quyền quyết định cuối cùng đối với hệ thống hành chính quân sự cả nước. Lộ, phủ, châu ngoài việc người Mông Cổ đảm nhiệm Lỗ Xích Hoa, thì lấy người Hán làm tổng quản, tri phủ, tri châu, lấy người sắc mục làm đồng tri, để bọn họ kiểm chế lẫn nhau, có lợi cho việc bảo vệ dân tộc và thống trị giai cấp.

Để bảo đảm một cách đặc lực sự thống trị tập quyền Trung ương, tăng cường sự thống nhất tập trung của quân quyền, Hốt Tất Liệt đã tiến hành cải cách chế độ quân sự. Ông chia phòng vệ quân sự ra làm hai hệ thống lớn: tức quân Túc Vệ và quân Trấn Nhung. Quân Túc Vệ, do quân Khiếp Tiết và Thân quân thị vệ tổ thành. Hốt Tất Liệt tiếp thu kiến nghị của bọn Sử Thiên Trạch, Diêu Khu v.v... phỏng theo cách trong nặng ngoài nhẹ của Hán, Đường, Tống điều động quân tinh nhuệ, tổ thành Ngũ vệ thân quân dùng để bảo vệ kinh đô, để tăng cường lực lượng Trung ương. Quân Khiếp Tiết do hoàng đế hoặc đại thần thân tín trực tiếp chỉ huy; Thân quân thị vệ thuộc vào Khu mật viện; quân Trấn Nhung chia làm năm loại: quân Mông Cổ do người Mông Cổ, người sắc mục tổ thành; thám mã xích quân do các tộc phương Bắc ngoài người Mông Cổ và sắc mục ra (như Khiết Đan, Nữ Chân...) tổ thành; Hán quân do người Hán phương Bắc tổ thành; Tân phủ quân do người Hán phương Nam tổ thành; ngoài ra các nơi còn có yêu quân. Bọn họ phân biệt phụ trách trấn giữ các nơi trong cả nước, lệ thuộc vào Khu mật viện hoặc Hành khu mật viện. Khu mật viện chịu trách nhiệm trực tiếp với Hốt Tất Liệt.

Để thích ứng với cải cách thể chế, Hốt Tất Liệt còn tiến hành điều chỉnh quan hệ sản xuất chủ yếu có: 1. Trọng nông. Sau khi chủ quản đất Mạc Nam Hán, Hốt Tất Liệt hiểu được nông tang do chịu sự phá hoại của chiến tranh và chur hầu trưởng lại, nên đã tạo thành cục diện nghiêm trọng “Hán địa bất trị” và nhận thức được ý nghĩa quan trọng của việc trọng nông. Vì thế ngay từ Bảo Hựu năm thứ hai (năm 1254) khi Hốt Tất Liệt làm Vương Tân Trung, đã cử Diêu Khu làm khuyến nông sứ “dạy dân trồng cấy”, Cảnh Định nguyên niên lúc mới lên ngôi, trong “chiếu đầu gửi thiên hạ” đã nói: Nước lấy dân làm gốc, dân lấy ăn mặc làm gốc, ăn mặc lấy nông tang làm gốc. Đồng thời “Lệnh cho tuyên phủ ty các hộ chọn người am hiểu việc nông, cho làm quan khuyến nông”. Cảnh Định năm thứ hai (năm 1261) “lập Ty khuyến nông, lấy tám người Trần Thuý, Thôi Vũ... làm sứ”. Đồng thời liên tục nhắc nhở ra lệnh lấy năm hạng mục “hộ khẩu tăng, ruộng đồng tăng, tổ tụng giảm, trộm cướp ít, sưu dịch công bằng” làm tiêu chuẩn khảo

sát quan lại các cấp. Hàm Thuần năm thứ sáu (năm 1270) tháng hai, lập Ty Nông ty do Tham tri chính sự Trương Văn Khiêm làm khanh, lập bốn đạo tuần hành khuyến nông ty. Tháng 12 lại đổi Ty Nông ty làm Đại Nông ty, chuyên quản nông tang thủy lợi. Cùng năm còn công bố chế độ nông tang 14 điều. Ty Nông ty lại biên soạn sách “Nông tang tập yếu” dùng để chỉ đạo sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, Hốt Tất Liệt còn hạn chế quý tộc Mông Cổ chiếm hữu nô lệ quá nhiều, chiêu mộ võ về dân lưu vong, khen thưởng khai hoang, khai thác đồn điền, xây dựng và sửa chữa thủy lợi v.v... Những biện pháp điều chỉnh quan hệ sản xuất đó, đã tương đối thích hợp với tình trạng kinh tế xã hội nông nghiệp vùng vừa bị chinh phục.

2. Chú ý bảo hộ sức sản xuất xã hội. Ngay từ Thuần Hựu năm thứ 12 (năm 1252) khi Hốt Tất Liệt phụng mệnh Mông Kha dẫn quân chinh phục Đại Lý, trong một bữa tiệc tối ở Khúc Tiên Nã Nhi, Diêu Khu đã kể cho Hốt Tất Liệt nghe câu chuyện Tống Thái Tổ sai Tào Bân đi đánh Nam Đường, không giết một người, chợ không đổi phiên. Hôm sau, Hốt Tất Liệt nói: Tối hôm qua người nói Tào Bân không giết ai, ta có thể làm được, ta có thể làm được. Bảo Hựu nguyên niên (năm 1253) quân đội đến thành Đại Lý, Hốt Tất Liệt cử Diêu Khu “xé lụa làm cờ, viết lệnh cấm giết”, do đó dân được bảo toàn. Khai Khánh nguyên niên (năm 1259), khi Hốt Tất Liệt đánh Ngạc, Trương Văn Khiêm, Lưu Thừa Trung nói với Hốt Tất Liệt: Quân của bậc vương giả, có chinh mà không chiến, đối đãi ai cũng như nhau, không thể giết bừa. Hốt Tất Liệt nói: Ta và các khanh cùng giữ lời nói này.

Khi vào đất Tống ra lệnh các tướng không được giết百姓, không đốt nhà dân, thu được súc vật phải thả. Sau này trong toàn bộ quá trình diệt Tống đã nhiều lần xuống chiếu không giết người đầu hàng, giảm bớt được việc tàn sát cướp bóc đong đảo dân chúng ở đất Tống, bảo hộ được sức sản xuất xã hội.

3. Chinh đốn hộ tịch, và chế độ sưu dịch. Từ Thành Cát Tư Hãn đến nay, chế độ hộ tịch và sưu dịch ở phương Bắc vô cùng hỗn loạn. Quý tộc Mông Cổ ở các thực ấp của mình tự tiện chiêu lập hộ khẩu, có khi còn dùng vũ lực cướp đoạt, lại còn tự định ra nhiều hạng mục trưng thu khiến dân chúng rất khổ. Nhằm thẳng vào tình hình đó, Hốt Tất Liệt một mặt cấm chỉ

quý tộc Mông Cổ tự ý chiêu mộ dân, một mặt lại tiến hành kiểm tra hộ khẩu thực, theo nghề nghiệp khác nhau mà chia thành hộ khẩu khác nhau, đồng thời lại căn cứ vào tư sản, số xuất đình... nhiều hay ít mà chia thành chế độ hộ đẳng gồm 3 đẳng 9 giáp. Chí Nguyên năm thứ 17 (năm 1280) chính thức chế định chế độ sưu thuế Nam Bắc, từ đó mà thay đổi cục diện “đầu Nguyên, lấy của dân chưa có định chế”. Những nỗ lực mà Hốt Tất Liệt đã làm để điều chỉnh quan hệ sản xuất đã thúc đẩy việc khôi phục và phát triển kinh tế xã hội thời Nguyên sơ, làm cho vương triều Nguyên trở thành quốc gia phát đạt nhất thế giới lúc đó.

## 93. CHU NGUYÊN CHƯƠNG

### TAY TRẮNG DỰNG NGHIỆP ĐẾ,

### Ý CHÍ MỞ ĐỜI MỚI

Chu Nguyên Chương sinh vào Nguyên Thiên Lịch nguyên niên (năm 1328), mất vào năm Hồng Vũ thứ ba mươi mốt (năm 1398). Lúc nhỏ tên là Trọng Bát, sau đổi tên là Hưng Tôn, sau khi tham gia quân khởi nghĩa lại đổi tên là Nguyên Chương, tự Quốc Thụy. Người làng Thái Bình, Chung Li, châu Hào (nay là Đông Phụng Dương - An Huy).

Chu Nguyên Chương sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo khổ, mà ông cha đã đời đời làm tá điền cho địa chủ, bản thân từ nhỏ đã phải chăn trâu cho địa chủ, cuộc sống vô cùng khó khăn. Mặc dù Chu Nguyên Chương xuất thân bần hàn, nhưng do ông chăm chỉ hiếu học, dám xông vào thực tiễn nên cuối cùng đã trở thành một nhà chính trị và nhà quân sự túc trí đa mưu.

Trong các vương triều thống nhất trên lịch sử Trung Quốc, Chu Nguyên Chương là hoàng đế duy nhất xuất thân từ gia đình nông dân nghèo khổ đã từng gọt tóc đi tu rồi lại hoàn tục đi lính.

### VỐN ĐỀ HƯNG THỊNH ĐẤT NƯỚC

### LÀ Ở CHỖ BINH MẠNH LƯƠNG ĐỦ

Lúc Chu Nguyên Chương 17 tuổi do đời sống rất khó khăn, trong tình hình hết đường thoát, ông đã vào chùa Hoàng Giác làm hòa thượng. Mùa xuân, Nguyên Thuận đế, Chí Chỉnh năm thứ 12 (1352) ngôi chùa bị hỏa hoạn cháy trụi, Chu Nguyên Chương đành đến châu Hào theo đội ngũ khởi nghĩa của Quách Tử Hưng. Sau khi tham gia khởi nghĩa Chu Nguyên Chương khắc khổ học tập võ nghệ, tiến bộ rất nhanh, mỗi lần tác chiến ông đều thể hiện rất dũng cảm, rất có mưu kế, vì vậy rất được Quách Tử Hưng tán thưởng, được điều đến làm thân binh ở bên người, giữ chức cứu phu

trưởng, và được gả con gái nuôi là Mã Thị làm vợ. Sau lại được đề bạt làm Trấn Phủ, Tổng Quản.

Sau khi Quách Tử Hưng ốm chết, chính quyền Tống do Lưu Phúc Thông kiến lập lại cử Chu Nguyên Chương làm Tả phó nguyên soái. Tháng ba, Chí Chỉnh năm thứ 16 (năm 1356) Chu Nguyên Chương dẫn quân đánh Tập Khánh (nay là Nam Kinh), đổi bộ Tập Khánh làm phủ Ứng Thiên. Tiều Minh Vương Hàn Lâm Nhi của chính quyền Tống để cho Chu Nguyên Chương thiết lập Hành trung thư tỉnh cho Giang Nam và các nơi, đồng thời cử ông là Trưởng quan Bình Chương cao nhất của hành tỉnh. Từ đó Chu Nguyên Chương bắt đầu sự nghiệp vĩ đại thống nhất quốc gia, lên ngôi xưng đế.

Sau khi chiếm lĩnh Ứng Thiên, Chu Nguyên Chương nắm chắc thời cơ, tích cực xây dựng căn cứ địa lấy Ứng Thiên làm trung tâm, chuẩn bị cho việc xưng đế ở Trung Nguyên, trải qua mấy năm thử sức qua lại, quan quân triều Nguyên, địa chủ vũ trang và quân khởi nghĩa nông dân mỗi phía đều tự hình thành tập đoàn vũ trang ngang sức. Chu Nguyên Chương khởi nghĩa tương đối chậm, thực lực tương đối nhỏ, muốn tiêu diệt dần đối thủ, rồi tiến lên lật đổ triều Nguyên, cần phải chuẩn bị tiến hành cuộc đấu tranh gian khổ, lâu dài, do đó cần phải có một căn cứ chiến tranh vững chắc để cung cấp vật lực, tài lực và binh lực. Chu Nguyên Chương biết rõ rằng: “Vốn để hưng thịnh nước là quân mạnh lương đủ”. Để đạt được mục đích đó, việc đầu tiên là ông nắm chắc xây dựng quân đội, thường xuyên ra lệnh cho bộ tướng dẫn quân đội tiến hành tập luyện quân sự, nâng cao bản lĩnh tác chiến. Ông coi trọng nhất việc huấn luyện và chỉnh đốn kỷ luật quân sự, yêu cầu toàn thể tướng lĩnh giữ nghiêm kỷ luật quân sự, yêu mến dân chúng, nếu có vi phạm thì trừng phạt nghiêm. Thứ hai là chiêu hiền đãi sĩ, tìm kiếm nhân tài. Để phát triển thế lực của mình, trước sau ông đã mời bốn đại danh sĩ Lưu Cơ, Diệp Thâm, Tống Liêm, Chương Ích đến Ứng Thiên, đặc biệt vì bọn họ mà xây dựng Lễ Hiền quán, mời họ ở đó, làm cố vấn cho mình. Những mưu sĩ, người tài này đã đề xuất cho Chu Nguyên Chương nhiều kiến nghị tốt. Thứ ba, nắm chắc sản xuất nông nghiệp. Chu

Nguyên Chương cho lập Ty Dinh điền, cử Khang Mậu Tài làm Dinh điền sứ, phụ trách xây dựng sửa chữa thủy lợi. Cử nho sinh đi các nơi khuyến bảo, dạy làm nông tang. Ra lệnh cho quân đội làm ruộng, vừa đánh trận vừa sản xuất. Thực hiện rộng rãi chế độ dân binh, tổ chức tráng đinh nông thôn, vừa luyện võ vừa trồng trọt. Đồng thời với phát triển sản xuất, lại tìm cách giảm nhẹ gánh vác của dân chúng, trưng thu trưng mua thuế, lương thực, quân nhu và sai dịch của dân đều “khoan, giảm”. Trải qua nỗ lực trong mấy năm, Chu Nguyên Chương đã từng bước củng cố và phát triển được căn cứ địa, quân khỏe, lương nhiều, đặt cơ sở vững chắc cho việc giành lấy chính quyền.

## **XÂY TƯỜNG CAO, TÍCH LƯƠNG NHIỀU, CHẠM XUNG VƯƠNG**

Quyết sách chiến lược trọng đại này là do lão nho Chu Thặng sách hoạch cho Chu Nguyên Chương. Chiến lược mà Chu Thặng đề xuất tập trung chính trị, quân sự vào làm một, dùng ngôn ngữ vô cùng tinh túy, chuẩn xác, toàn diện, đã chỉ rõ một cách sâu sắc phương hướng chiến lược của Chu Nguyên Chương trong một thời kỳ tương đối dài và Chu Nguyên Chương đã vui mừng tiếp nhận toàn bộ đại chiến lược đó.

Xây tường cao, đầu tiên là chỉ phải có một căn cứ địa chiến lược lớn mạnh và vững chắc. Chiến tranh là cuộc thử sức về nhân lực, vật lực, mà nguồn bổ sung nhân lực, vật lực không tách rời khỏi hậu phương vững chắc. Vì vậy việc có xây dựng được hay không một căn cứ địa chiến lược lớn mạnh và vững chắc, có quan hệ căn bản tới việc quân đội của Chu Nguyên Chương có thể đứng vững hay không trong sự bao vây của quân Nguyên và thế lực quần hùng cát cứ, rồi còn phát triển, chí ít là đứng ở đất không thua, Chu Nguyên Chương chọn Ứng Thiên và vùng xung quanh làm căn cứ địa chiến lược để “xây tường cao” là tương đối thích đáng. Một là Ứng Thiên và Hoài Hữu (bên phải sông Hoài) nối thành một mạch, môi trường dựa vào nhau. Chu Nguyên Chương cùng với các tướng lĩnh và mưu sĩ chủ yếu phần lớn đều là người Hoài Hữu, quan quân cấp dưới và sĩ tốt cũng



phần lớn đến từ vùng này. Lấy Ứng Thiên, Hoài Hữu làm gốc thì đại bộ phận tướng soái, binh lính đều chiến đấu bảo vệ quê hương, rõ ràng là có thể kêu gọi được nhiệt tình tham chiến, rất có lợi cho việc ổn định lòng quân. Hai là Ứng Thiên đối mặt với sông, dựa vào núi, xung quanh có nhiều đồi núi địa hình hiểm yếu, là trọng trấn quân sự của vùng Đông Nam, xưa nay vẫn là đất binh gia phải tranh lấy. Ba là Ứng Thiên và vùng xung quanh kinh tế phát đạt, sản vật phong phú, tiềm lực ủng hộ chiến tranh rất lớn, Chu Nguyên Chương rất quan tâm chú ý đến việc xây dựng căn cứ địa chiến lược, chỉ trong thời gian ngắn hơn một năm sau khi tiếp nhận chiến lược của Chu Thặng, những hành động quân sự mà ông áp dụng trong vùng giáp ranh với phạm vi thế lực của mình đều xuất phát từ nhu cầu ổn định và củng cố Ứng Thiên. Tiếp đó, đối với việc phòng vệ bản thân Ứng Thiên cũng hết sức gia cố. Sau này nhờ đó mà Chu Nguyên Chương có thể ở tại thành Ứng Thiên này chặn đứng được 10 vạn thủy quân của Trần Hữu Lượng lớn mạnh hơn mình nhiều lần. Trong toàn bộ quá trình chiến tranh thống nhất, lấy căn cứ địa Ứng Thiên làm trung tâm luôn luôn không bị sự uy hiếp từ bên ngoài nghiêm trọng nào mà còn cung cấp cho chiến tranh những ủng hộ cực lớn. Điều đó cho thấy việc Chu Nguyên Chương xây dựng căn cứ địa lớn mạnh, vững chắc là vô cùng thành công.

Xây tường cao, cũng là chỉ phải xây dựng một lực lượng vũ trang lớn mạnh. Lực lượng vũ trang này không chỉ dùng để phòng vệ mà chủ yếu là dùng để chủ động tấn công. Thứ nhất, xây dựng một căn cứ địa ổn định, vững chắc, bản thân nó đã bao gồm phải có một lực lượng vũ trang lớn mạnh. Nếu không, dưới sự bao vây của các thế lực quần hùng cát cứ thì bất kỳ căn cứ địa nào cũng không có khả năng tồn tại. Vì vậy sự ổn định và vững chắc của căn cứ địa đòi hỏi điều kiện quan trọng hàng đầu, then chốt, là phải có một lực lượng vũ trang lớn mạnh để bảo đảm tiến hành thuận lợi chính trị, kinh tế và các xây dựng khác. Thứ hai, Chu Nguyên Chương và các tướng lĩnh mưu sĩ của ông không phải là một tập đoàn lãnh đạo có tầm nhìn hạn hẹp, vui lòng với hiện trạng, thỏa mãn với lợi ích đã được và không có hoài bão to lớn. Chiến lược của Chu Thặng sở dĩ được Chu

Nguyên Chương tiếp nhận rất nhanh bởi vì Chu Nguyên Chương đã có đại kế muốn làm, hoài bão to lớn bình định thiên hạ từ lâu rồi. Vì vậy mục đích cơ bản của việc xây dựng một lực lượng vũ trang lớn mạnh không chỉ là thỏa mãn yêu cầu bảo vệ căn cứ địa mà chủ yếu là để thỏa mãn nhu cầu của chiến lược tiến công.

Tích lương nhiều. Vùng Giang Hoài mà Chu Nguyên Chương chiếm đóng là nơi sản xuất nhiều lương thực. Theo lý mà nói thì lương thực không nên trở thành một vấn đề, vậy thì vì sao phải tích lương nhiều? Cuối đời Nguyên, vùng Giang Hoài bị thiên tai rất nặng mà số lần tương đối nhiều đã làm cho vựa lúa biến thành nơi thiếu lương. Nhiều quần chúng lao động không có cơm mà ăn thì lấy đâu ra lương thực để ủng hộ quân khởi nghĩa? Đối mặt với tình hình này Chu Nguyên Chương đặt ra chế độ “vừa cày cấy vừa chiến đấu”. Ông cử tướng Nguyên về hàng là Khang Mậu Tài làm Đô Thủy dinh điền sứ, do người này phụ trách xây dựng sửa chữa thủy lợi, yêu cầu làm được việc: đất cao không sợ hạn, nơi thấp không sợ úng. Tiếp đó lại hạ lệnh cho các bộ đội đều phải khai khẩn đất hoang, cấy trồng lương thực ở nơi đóng quân, đồng thời lập chương trình, quy định lấy sản lượng nhiều ít để quyết định thưởng phạt. Yêu cầu sản xuất của các bộ đội, ngoài việc cung cấp cho nhu cầu bản thân ra, còn phải làm được việc có lương thực dự trữ. Trải qua cố gắng trong mấy năm Chu Nguyên Chương đã thay đổi được cục diện thiếu lương thảo. Bộ đội của ông ăn no mặc ấm, đã có tác dụng then chốt trong việc nâng cao sức chiến đấu. Trên thực tế “vừa cày cấy vừa chiến đấu” là chế độ đồn điền và không phải là sáng tạo độc đáo của Chu Nguyên Chương mà có nguồn gốc từ lâu. Nhưng chế độ đó được Chu Nguyên Chương thực hiện triệt để như vậy, toàn diện như vậy, lâu dài như vậy, giải quyết được lương thực cần thiết cho đội quân đông đảo như vậy, chi viện được cuộc chiến tranh thống nhất lâu dài như vậy, thì có thể nói trước Chu Nguyên Chương trong lịch sử chưa hề có.

Chậm xưng vương. Mục đích cơ bản là để trong phạm vi tối đa giảm bớt màu sắc chính trị phía mình độc lập chống Nguyên, giảm thấp trong phạm vi tối đa trình độ quan tâm chú ý của vương triều Nguyên đối với phía

mình, tránh được hoặc giảm bớt rất nhiều khả năng phải quyết chiến quá sớm với chủ lực quân Nguyên cũng như quân chư hầu hùng mạnh, từ đó có lợi cho việc bảo tồn mình, tích lũy thực lực, ổn định phát triển. Vì thế trên hình thức, Chu Nguyên Chương đã luôn giữ quan hệ bầy tôi đối với Tiểu Minh Vương, dùng Long Phượng niên hiệu của chính quyền Tống, dùng cờ chiến màu đỏ của quân khăn đỏ, ngay khẩu hiệu đấu tranh cũng không thay đổi. Các chức vụ mà Chu Nguyên Chương đảm nhiệm, từ Giang Nam hành tỉnh Bình Chương đến sau này là Ngô quốc công đều do Tiểu Minh Vương sách phong. Mãi cho tới sau khi tiêu diệt Trần Hữu Quỳnh, quân khăn đỏ ở phương Bắc cũng thất bại, ông mới xưng là Ngô Vương, nhưng khi công bố văn, cáo, câu thứ nhất vẫn viết “Hoàng đế thánh chỉ, Ngô Vương lệnh chỉ” biểu hiện mình vẫn là thần tử của Tiểu Minh Vương, tránh khỏi người ta chú ý, bị đả kích. Do lực lượng không đủ, vương triều Nguyên chỉ có thể thực thi trọng điểm đả kích trước tiên đối với những chính quyền tự lập có mục tiêu lớn, ảnh hưởng rộng, và riêng loại như vậy đã có đến ba, bốn cái cho nên về căn bản chưa thể để mắt đối phó với Chu Nguyên Chương, một thế lực chính quyền phụ thuộc nào đó. Chu Nguyên Chương đã nắm chắc tình hình khách quan có lợi này, tăng nhanh việc mở rộng địa bàn, làm lớn mạnh lực lượng, trở thành chúa tể trong chiến tranh. Chậm xưng vương không phải là không xưng vương, mà then chốt là lựa chọn thời cơ có lợi. Tình hình quân sự năm Nguyên Chí Chính thứ hai mươi bốn (năm 1364) đối với tập đoàn Chu Nguyên Chương vô cùng có lợi: chính quyền Tống ở mặt Bắc đã chỉ còn trên danh nghĩa, nếu không hòa thuận cũng không cần phải lo. Chủ lực quân Nguyên trong quyết chiến với quân Tống đã tổn thương nguyên khí rất lớn, lại vướng vào nội chiến, không có sức Nam tiến. Thế lực lớn nhất trong mặt trận chống Nguyên - chính quyền Đại Hán, đã bị Chu Nguyên Chương tiêu diệt, Trương Sĩ Thành ở mặt Đông đủ vào loại chim phải tên sợ bóng cây cong ở vào thế yếu rõ rệt. Minh Ngọc Trân ở Tứ Xuyên bằng lòng với hiện trạng, không có ý đồ lớn, không tạo thành uy hiếp lớn. Căn cứ vào tình hình khách quan này, dựa vào vùng đất đai rộng lớn, quân đội lớn mạnh, Chu Nguyên Chương công khai biểu thị ý đồ chính trị của mình và tự lập làm vương là vô cùng thích hợp.

“Xây tường cao, tích lương nhiều, chận xưng vương” là quyết sách vĩ mô vô cùng anh minh chính xác, nó đã dẫn đường cho tập đoàn Chu Nguyên Chương đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác. Tháng giêng năm Chí Chính thứ 28 (năm 1368) trong tiếng ca khải hoàn của đại quân Bắc phạt do Từ Đạt thống lĩnh chiếm được Sơn Đông, Chu Nguyên Chương đã lên ngôi vua ở Ứng Thiên, quốc hiệu là Đại Minh, niên hiệu là Nguyên Hồng Vũ.

## **CHẶT HẾT VÂY CÁNH RỒI MỚI ĐÁNH VÀO TIM GAN**

Chu Nguyên Chương từ năm Nguyên Chí Chính thứ mười hai (năm 1352) theo quân khởi nghĩa Quách Tử Hưng, đến năm Nguyên Hồng Vũ thứ hai mươi (năm 1387) hoàn thành nghiệp lớn thống nhất đã chỉ huy nhiều chiến dịch chiến đấu, giành được hết thắng lợi huy hoàng này đến thắng lợi huy hoàng khác. Trên vũ đài quân sự, Chu Nguyên Chương đã dùng mưu tính kế, đạo diễn một vở kịch sống uy vũ hùng tráng “Chặt hết vây cánh rồi mới đánh vào tim gan” là mưu lược tương đối đột xuất của Chu Nguyên Chương.

Dùng binh thận trọng là một đặc sắc chủ yếu trong chỉ huy quân sự của Chu Nguyên Chương, mà chỉ đạo chiến dịch, chặt hết vây cánh rồi mới đánh vào tim gan lại là thể hiện chủ yếu của việc dùng binh thận trọng. Chu Nguyên Chương đã từng nói: Ta, từ khi khởi binh đến nay, đã từng giao đấu với các hào kiệt, mỗi khi gặp kẻ địch nhỏ vẫn coi như kẻ địch lớn, vì thế mới có thể thắng. Chiến đấu điển hình trong việc vận dụng chỉ đạo chiến dịch chặt đứt vây cánh rồi mới đánh vào tim gan là hai chiến dịch lớn, tiêu diệt Trương Sĩ Thành và Bắc thượng tiêu diệt Nguyên.

Trương Sĩ Thành đóng đô ở Bình Giang, cách Ứng Thiên khoảng 200km. Đương thời Thường Châu, Giang Âm đã thuộc về Chu Nguyên Chương, hai thành này cách Bình Giang chỉ bảy, tám mươi kilômét. Đại tướng Thường Ngô Xuân hết sức chủ trương đánh thẳng vào thành Bình Giang, Chu Nguyên Chương không nghe theo. Ông nói: Trương Thiên Kỳ

ở Hồ Châu, Phan Nguyên Minh ở Hoàng Châu là chân tay của Sĩ Thành, Bình Giang mà khốn, hai người này nhất định viện trợ, khó có thể thắng. Không bằng đánh Hồ Châu trước, vây cánh đã chặt, Bình Giang thế cô, sẽ bị phá! Thế là quân của Chu Nguyên Chương đánh Hồ Châu, Hàng Châu, quả nhiên điều động Trương Sĩ Thành mấy lần sai quân, thậm chí thân tự dẫn quân đến tăng viện, lần nào cũng mệt mà chẳng được gì. Sau khi Hồ Châu, Hàng Châu bị hạ, Bình Giang trở thành cô lập, Chu Nguyên Chương “khoá thành” tám tháng, Trương Sĩ Thành lương hết quân mệt, cuối cùng thành bị phá, người bị bắt sống.

Khi Bắc thượng diệt Nguyên, Chu Nguyên Chương không dùng biện pháp cũ. Khi thảo luận bố trí tác chiến, Thường Ngô Xuân vẫn chủ trương: Lấy quân trăm thắng của ta, đánh lại quân mệt nhọc của địch, đánh thẳng vào kinh đô Nguyên, như thế chẻ tre vậy. Chu Nguyên Chương lắc đầu, nói: Nguyên xây dựng nước đã trăm năm, phòng bị chắc kiên cố, quân ta tiến sâu vào, khó tiến được, viện binh của địch bốn phía kéo đến, rất nguy hiểm. Ta muốn lấy Sơn Đông trước, dỡ bỏ che chắn, chuyển quân lưỡng hà, phá hết phen đậu. Sau đó mới tiến quân, kinh đô của Nguyên thế cô không có viện binh, không đánh cũng thua! Toàn bộ chiến dịch đều tuân theo bố trí tác chiến mà Chu Nguyên Chương đã định, phát triển thuận lợi. Đại đô “thế cô viện tuyệt”, Nguyên Thuận đã bỏ thành chạy trốn lên phía Bắc, quân Minh không đánh mà được Đại Đô, so với đánh Bình Giang còn thuận lợi hơn nhiều.

## **TĂNG CƯỜNG TẬP QUYỀN, DỪNG DỪNG MÃNH TRỊ QUỐC**

Sau khi lên ngôi, mỗi ngày trời chưa sáng, Chu Nguyên Chương đã đến nơi làm việc, tiếp kiến đại thần, phê duyệt tấu biểu, bận rộn đến đêm khuya, không nghỉ ngơi cũng không nghĩ đến giải trí vui chơi. Để củng cố thống trị, ông đã áp dụng một loạt biện pháp.

Phân phong các vương để củng cố quyền vua. Chu Nguyên Chương có 26 con trai, trừ hai người ra, số còn lại trước sau đều được thân phong, cử

thân vương giữ cửa quan biên giới, chuyên môn lo việc quân vụ, nắm chắc quân cơ đại quyền. Các đại đô hội trong nội địa cũng cử hoàng tử trấn giữ, chi chút như quân cờ, để bảo vệ hoàng thất.

Cải cách chế độ cũ, tập trung quyền vào một mình mình, Chu Nguyên Chương bãi bỏ chế độ thừa tướng đã có từ thời Chiến Quốc và chế độ tam tỉnh bắt đầu từ triều Tùy; lập năm phủ (tả, hữu, trung, tiền, hậu), sáu bộ (lại, hộ, lễ, binh, hình, công), Đô sát viện, Thông chính ty, Đại lý trị, phân chia trị lý thiên hạ. Chu Nguyên Chương tổng quản các ngành đó. Như vậy quyền lực của thừa tướng trên thực tế do hoàng đế kiêm nắm và điều khiển, sau khi quyền lực của các hàng tỉnh tập trung vào Trung ương cũng đều tập trung vào tay hoàng đế. Chu Nguyên Chương trở thành một trong những ông vua có quyền lực lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Điều tra rõ ruộng đất, đả kích phú hào. Chu Nguyên Chương học biện pháp của Hán Cao Tổ Lưu Bang di chuyển phú hào trong thiên hạ ra khỏi Quan Trung, trước tiên di chuyển thứ dân ra khỏi Phụng Dương, sau đó lại hai lần di chuyển phú hộ khỏi Ứng Thiên. Do chiến tranh liên miên không ngừng, nên sổ sách hộ khẩu ruộng đất phần lớn bị mất mát, phú hộ thừa cơ che giấu ruộng, sản lượng. Vì vậy Chu Nguyên Chương hạ lệnh tổng điều tra hộ khẩu và ruộng đất. Do đó thu nhập của triều đình gia tăng, các phú hộ bị đả kích. Đối với các phú hộ phạm pháp, đều trừng phạt nghiêm. Con trai cự phú Thẩm Ưông ở Tô Châu, do che giấu ruộng đất bị bắt giam.

Hình luật nghiêm khắc, lấy dũng mãnh trị quốc. Trước tiên chế định “Đại Minh luật”, sau lại biên soạn ba cuốn “Đại cáo”, mang những việc hại dân báo cho thiên hạ biết. Kẻ phạm pháp dù là bạn bè thân, công thần đều không khoan nhẹ. Hồ Tam Xá con trai đại tướng Hồ Đại Hải nhân phạm lệnh cấm rượu, bị Chu Nguyên Chương tự tay đánh chết. Phò mã đô úy Âu Dương Luân, vì mang riêng chè, bị xử tử. Đối với tham quan ô lại, hình pháp càng nghiêm. Có một quan huyện, do tham ô mà bị giết, sau khi chết bị lột da, trong da nhồi cỏ khô treo ở công đường.

Nghỉ ngơi dưỡng sức, nuôi dân nước giàu. Trải qua hơn 20 năm chiến loạn, dân số giảm rất nhiều, đất đai hoang hóa. Vùng Trung Nguyên lau cỏ mọc đầy, xương chất thành đồng, người ở thưa thớt. Vùng Hán Trung cỏ dại mênh mông, hổ, báo, lang sói ở lẫn trong đó. Dương Châu phần hoa đã thành một đám hoang phế. Khi Chu Nguyên Chương mới lên ngôi, đã có lệnh cho các quan, huyện, châu, phủ: “Thiên hạ mới yên, tài lực trăm họ kiệt quệ, như con chim mới học bay không thể vạt hết lông, như cây mới trồng không thể làm lay động rễ, chỉ được nghỉ ngơi dưỡng sức mà thôi”, cấm việc mua bán nô tỳ và mọi nhân thân khác, kẻ vi phạm bị hình phạt đánh trăm trượng. Quý tộc, công thần tuy cho phép có nô tỳ, nhưng số lượng bị hạn chế. Quận huyện chỉ giữ lại một ngôi chùa, miếu. Tăng lữ và đạo sĩ cùng ở với nhau. Cấm phụ nữ dưới 40 tuổi làm ni cô, con trai trên 20 tuổi muốn đi tu phải được quan phê chuẩn.

Khen thưởng khai hoang, thực hiện đồn điền. Đối với những người khai hoang, miễn thu sưu thuế ba năm. Đồn điền có của dân của quân. Trung bình mỗi năm khai hoang được hơn 17 triệu mẫu (Trung Quốc). Đến năm Hồng Vũ thứ 26 (năm 1393) diện tích canh tác cả nước đạt 850 triệu mẫu (Trung Quốc), dân số tăng trưởng nhanh, số hộ khẩu cả nước tăng gần 10 lần, dân số đạt hơn 60 triệu. Sản lượng lương thực và các cây kinh tế cũng gia tăng với mức độ lớn, lương thực dự trữ các nơi dồi dào.



## 94. CHU ĐỆ

### MƯU SÂU CƯỚP NGÔI VUA, KẾ CAO YÊN TRIỀU CHÍNH

Chu Đệ, con trai thứ tư Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương, sinh năm Nguyên Chí Chính thứ 20 (năm 1360). Hồng Vũ năm thứ ba (năm 1370) phong làm Yên Vương, Hồng Vũ năm thứ 13 (1380) là Phiên Bắc Bình. Là người cơ trí nhiều mưu, dũng cảm quả đoán, lại có thể thành thực đối xử với người, rất được thuộc hạ ủng hộ.

### GIẢ VỜ HOÀNG LOẠN, NGẦM CẢNH GIỚI PHÒNG BỊ

Tháng năm nhuận năm Hồng Vũ thứ 31 (năm 1398), Thái Tổ Chu Nguyên Chương chết, do Hoàng thái tử chết sớm nên cháu là Chu Doãn Văn lên ngôi, đó là Kiến Văn Đế. Kiến Văn Đế thấy các vương phương Bắc ngày một hùng mạnh, sợ đuôi lớn không cắt bỏ được, nên quyết định thực hành chính sách tước bớt phiên. Yên Vương Chu Đệ không thể lên làm hoàng đế, đã cảm thấy không thể chịu đựng, nay Kiến Văn Đế lại thực hành chính sách tước bớt phiên, phế Chu Vương làm thứ dân, các vương chư hầu đều sợ hãi, Chu Đệ cũng có cảm giác khủng hoảng rất mạnh. Để thăm dò hư thực và đợi thời cơ hành sự, ông mượn danh nghĩa về triều kiến, mang theo thế tử Chu Cao Xí v.v... về Nam Kinh, khi trở về cố ý để Chu Cao Xí ở lại kinh đô để lừa gạt triều đình.

Sau khi về đến Bắc Bình, Chu Đệ, một mặt nắm chặt khâu luyện tập binh mã, bổ sung trang bị quân sự, chuẩn bị khởi binh. Mặt khác, giả mắc bệnh điên, đi lại gào thét trên đường phố, đến các quán cướp đoạt rượu thịt của người ta, nói năng lộn xộn. Có lúc nằm ngửa mặt lên trời ở đường phố chính, suốt ngày không tỉnh. Kiến Văn Đế không tin, cử Trương Bính, Tạ Quý lấy danh nghĩa thăm bệnh vào cung xem hư thực. Bọn họ thấy Chu Đệ

giữa thời tiết thịnh hạ ngồi run cầm cập bên bếp lửa, mà còn nói trời rét, nên tin là thật. Trưởng sử Yên Vương phủ là Cát Thành bí mật nói cho Trương Bính, Tạ Quý biết: Yên Vương vốn không có bệnh, các ông đừng buông lỏng cảnh giác.

Đến khi Yên Vương cử Đặng Dung vào triều tâu việc, phụ chính đại thần Tề Thái đề nghị bắt Đặng Dung và xét hỏi nghiêm khắc. Kết quả là Đặng Dung nói hết nội tình. Tề Thái lập tức ra lệnh cử sứ giả đến bắt thuộc quan của phủ Yên Vương, đồng thời bí mật lệnh cho Trương Bính, Tạ Quý tìm cơ hội diệt trừ Yên Vương, bảo bọn họ hẹn Cát Thành làm nội ứng. Nhưng do Trương Tín, Bắc Bình đô chỉ huy luôn luôn được Yên Vương tín nhiệm nên mật lệnh cho Trương Tín bắt sống Yên Vương. Trương Tín tới gặp Chu Đệ. Chu Đệ giả bị trúng phong mồm không nói được. Trương Tín nói: Điện hạ đừng làm như vậy, có việc gì nói với tôi là được rồi. Chu Đệ nói: Bệnh tôi nguy lắm rồi! Trương Tín nói: Nếu như điện hạ không thực tình nói với tôi, bên trên đang muốn bắt ngài đấy, và như vậy đành bó tay chịu trôi. Còn nếu như có điều gì muốn nói, xin đừng giấu giếm. Thấy Trương Tín vô cùng khẩn thiết, Chu Đệ liền lạy nói: Chính ngài đã cho cả nhà tôi con đường sống.

Sau khi biết sự tình, Chu Đệ lập tức cùng mưu sĩ Diêu Quảng Hiếu thương lượng đối sách, ra lệnh cho hộ vệ chỉ huy Trương Ngọc, Chu Năng v.v. .. dẫn 800 tráng sĩ vào phủ bảo vệ. Không lâu sau, chiếu thư tước đoạt tước vị của Yên Vương và bắt giam quan viên thủ hạ của Yên Vương đã tới. Bọn Tạ Quý v.v... dẫn giáp sĩ bao vây phủ Yên Vương. Chu Đệ mời Trương Ngọc hỏi xem đối phó thế nào. Trương Ngọc trả lời: Xin bắt trước hai người Trương Bính, Tạ Quý, rồi giết chết, số còn lại dễ giải quyết. Chu Đệ nói: Việc này không thể dùng sức đối phó mà nên dùng kế. Trước mắt bọn gian thần cử người đến bắt thuộc quan, đúng là có thể tương kế tựu kế, theo bản kê tên người tập trung số thuộc quan đó lại, để cho bọn chúng đến bắt những người đáng bị bắt, nhân cơ hội này bắt luôn bọn chúng. Như vậy chỉ cần một tráng sĩ là có thể giải quyết được vấn đề. Hôm sau, Chu Đệ tuyên bố bệnh đã đỡ, ra ngồi ở điện Đông bọn quan liêu ở triều đến chúc

mừng. Chu Đệ cho tráng sĩ mai phục ở hai bên tả hữu và trong cửa Đoan Lễ, rồi sai người mời Trương Bính, Tạ Quý. Hai người không tới, lại sai nội quan thuộc hạ mang bản kê tên họ người bị bắt đã viết xong. Trương, Tạ đành tới.

Chu Đệ mở tiệc chiêu đãi họ, còn bày khá nhiều quả dưa, nói là vừa có người biếu dưa tươi, mời họ nếm. Chu Đệ cầm một miếng dưa lên ăn trước, rồi nổi giận chửi Trương, Tạ: Ngày nay ngay đến dân chúng phổ thông cũng còn kết tình anh em, trong họ hàng nên thương xót lẫn nhau, ta là chú thiên tử mà sống chết sớm chiều không bảo đảm, các quan trong triều đối xử với ta như vậy, khắp thiên hạ việc gì không làm được? Nói xong vứt miếng dưa xuống đất, quân hộ vệ xông ra bắt Trương Bính, Tạ Quý, rồi kéo bọn Cát Thành xuống điện. Chu Đệ vứt chiếc gậy cầm tay, đứng dậy nói: Ta làm gì có bệnh, tất cả đều do bọn gian thần các người bức phải làm thôi! Sau đó hạ lệnh chém đầu Trương Bính, Tạ Quý. Đầu sỏ đã chết, bọn giáp sĩ vây thành trị sau. Do Chu Đệ mưu cao một bậc, không những không bị Kiến Văn Đế diệt trừ, ngược lại còn lấy danh nghĩa “thanh quân trặc”, từ đó khởi binh “tịnh nan” mà sử gọi là “chiến dịch tịnh nan” (chiến dịch dẹp yên loạn).

## **TÍNH MƯU DỪNG KẾ, TRỞ THÀNH HOÀNG ĐẾ**

Chu Đệ khởi binh tranh chiến, trong hơn ba năm đấu tranh quân sự, ông đã tính mưu dùng kế, giành được hết thắng lợi này tới thắng lợi khác. Làm tan rã về chính trị trước trận đánh, quan quân lũ lượt trở giáo. Khi Yên Vương Chu Đệ khởi nghĩa ở Bắc Bình, tướng lĩnh quan quân - Tổng Trung dùng quân chiếm lấy Hoài Lai, muốn chiếm đoạt lấy Cư Dung Quan trước, rồi tiến tới tấn công Bắc Bình. Binh sĩ của Tổng Trung quá nửa là người Bắc Bình, trước khi xuất chinh, Tổng Trung lừa bịp bọn họ: gia thuộc của các vị đều bị Yên Vương Chu Đệ và quân sĩ của ông ta giết hết rồi, thân phơi đầy đất chẳng ai quản. Hãn ta muốn dùng biện pháp đó để chọc giận quân sĩ. Sau khi biết tin đó, Chu Đệ đã tương kế tựu kế, để cho toàn bộ gia

thuộc binh sĩ của Tống Trung ra trận, cầm cờ đi trước làm tiên phong. Quân sĩ của Tống Trung từ xa nhìn thấy cờ quạt của gia đình mình, gọi tên bố mẹ anh em của họ, hỏi thăm lẫn nhau đều vô cùng hưng phấn, đều nói Tống đô đốc lừa bịp họ. Thế là ngay tại trận tiền, binh sĩ lũ lượt trở giáo (qui hàng). Chu Đệ thấy vậy, thúc quân qua sông, tiếng trống âm âm, quân sĩ hăng hái xông lên, kết quả là quân đội Tống Trung, trận còn chưa bày xong đã bị quân của Yên Vương đánh cho tan tác.

Lập phục binh trên mặt nước, bắt sống đại tướng quan quân Phan Trung. Quan quân đại tướng Cảnh Bính Văn tuân lệnh Kiến Văn Đế Chu Xung Văn đi chinh phạt quân Yên, gặp Yên Vương ở châu Định. Yên Vương lệnh Trương Ngọc bí mật đi trinh sát. Trương Ngọc trở về báo cáo: “Kỷ luật quân đội Cảnh Bính Văn không tốt, do đó quân nhất định phải thua, căn bản không thể đánh nhau. Phan Trung, Nghiêm Tùng bóp nghẹt đường Nam của ta, nên đánh cho chúng thua trước”. Chu Đệ nghe xong rất phấn khởi, thân tự mặc giáp trụ, dẫn đại quân đến châu Trác. Khi trời tối, đi qua Bạch Câu hà, nói với các tướng: Hôm nay là tiết trung thu, chúng nó không phòng bị, có thể một trận là đánh chúng thua. Quân Yên nửa đêm đến huyện Hùng, thuận men theo thành tường mà đi. Nghiêm Tùng và bộ đội không chuẩn bị gì, vội vàng ứng chiến, toàn bộ chết trận. Chu Đệ dự đoán Phan Trung đóng giữ ở châu Mô, còn chưa biết tin huyện Hùng đã bị chiếm, tất cả mang quân đến cứu viện, liền nói với các tướng: Ta nhất định sẽ bắt sống Phan Trung! Các vị tướng không hiểu chuyện gì. Chu Đệ lệnh cho bộ tướng Đàm Uyên dẫn hơn một ngàn quân lén vượt cầu Nguyệt Dạng, mai phục dưới nước, đồng thời cho một số người nấp ở bên đường, chỉ đợi đại quân Phan Trung tới là chi phối. Quả nhiên quân Phan Trung sau khi nhận được cảnh báo đã tới tăng viện, đợi đến sau khi quân Phan Trung đi vào vòng mai phục, Chu Đệ vẫy cờ lệnh, hỏa pháo bên đường nổ vang, tiếng hô giết của phục binh trong nước vang lên. Quân của Phan bốn phía bị đánh, chưa kịp phản kích đã bị đánh tan. Phan Trung bó tay chịu bị bắt sống.

Trước hư sau thực, quân Yên đánh quan quân thua lớn. Chu Đệ đánh huyện Hùng, hạ châu Mô, toàn bộ Nam lộ đã bình định, liền hỏi bộ tướng, bước tiếp theo nên hành động như thế nào. Trương Ngọc đề nghị: Nên dẫn đại quân tiến gấp về châu Định, quân địch vừa mới tập trung, quân ta thừa thắng xuất kích, có thể đánh một trận là công phá được thành trì. Chu Đệ nói: Được! Lời nói này chính hợp ý ta! Liền dẫn quân đi gấp về Châu Định. Lúc này bộ tướng của Cảnh Bính Văn là Trương Bảo đến xin hàng. Trương Bảo cung cấp tình hình, nói: Cảnh Bính Văn hiện có đại quân 30 vạn, số đến trước chẳng qua mới được 13 vạn, chia nhau đóng trại ở hai bờ Nam Bắc sông Hô Đà.

Chu Đệ, sau khi ra sức vỗ về làm yên lòng Trương Bảo, liền cho hắn trở về trại, tung tin là mình thua trận bị bắt, may mà tên lính coi giữ quá mệt, nên mới trốn được rồi ăn trộm một con ngựa chạy về. Lại dặn Trương Bảo nói kỹ tình trạng bại trận thảm hại của Hùng Mô và tiết lộ một chút về tin quân mã của Yên sắp đánh giết tới nơi. Các tướng lĩnh không hiểu ý đồ của Chu Đệ, hỏi: Trước mắt, phải đi đường tắt, không thể để cho chúng biết, để nhân lúc chúng không phòng bị mà đánh, vì sao lại cử Trương Bảo trở về báo tin. Chu Đệ nói: Không đúng! Lúc bắt đầu chúng ta chưa biết thực hư của kẻ địch, nên mới định đánh lén giành thắng lợi. Nay đã biết một nửa người ngựa của quân đội Cảnh Bính Văn đã đóng trại ở hai bờ Nam Bắc sông Hô Đà, thì lại nên để cho chúng biết đại quân của ta đã đến. Như vậy quân của chúng ở bờ Nam ắt phải chuyển sang bờ Bắc để quyết một trận tử chiến với chúng ta, chúng ta có thể nhử rã ra khỏi hang đánh một trận là tiêu diệt chúng. Lại để cho chúng biết tin Hùng Mô thất bại, là để làm tổn thương sĩ khí của chúng. Đó chính là điều mà binh pháp thường nói: “Trước giả sau thật”. Còn nếu như trực tiếp tới sát thành Châu Định, tuy ở bờ Bắc có thể thu được thắng lợi, nhưng quân ở bờ Nam đông, sẽ có thể nhân lúc quân ta mệt mỏi, ồ ạt qua sông, và quân ta sẽ ở vào thế không lợi đang lúc mệt nhọc phải chống lại kẻ địch được nghỉ ngơi. Hôm sau, Chu Đệ chỉ dẫn ba quân kỵ, phi như bay tới cửa Châu Định, đột ngột xông vào đoàn xe chở lương thực của kẻ địch, bắt lấy hai người. Qua xét hỏi mới

biết, người ngựa của Cảnh Bính Văn quả nhiên đã điều sang bờ Bắc. Tiếp đó Chu Đệ lại dẫn mấy chục quân khinh kỵ đi đường vòng xuất hiện ở Tây Nam thành Châu Định đột phá hai trại địch, Cảnh Bính Văn ra ngoài thành nghênh chiến, Chu Đệ cử các bộ tướng Trương Ngọc, Đàm Uyên, Mã Vân, Chu Năng... ra đánh, các tướng dẫn quân ra sức đánh chém. Chu Đệ cùng với kỵ binh xuất hiện ở sau lưng Cảnh Bính Văn, ven thành giáp kích, đánh xuyên qua trận phía Nam của Cảnh Bính Văn. Cảnh Bính Văn thua to rút quân về. Chu Năng lên tiếng hô lớn dẫn đầu xông vào quân Cảnh Bính Văn, quân địch nghe ngóng rồi chạy, dẫm đạp lên nhau, số chết không kể hết được.

Sau đó vài năm, Chu Đệ đã nhử mời diệt quân quan của Tào Quốc công Lý Cảnh Long, dùng kế bắt Ninh Vương Chu Quyền, dùng mưu tập kích vào huyện Bái đốt hết thuyền lương, kho lương, quân nhu khí giới của quân quan, cuối cùng ngày 13 tháng 6 Kiến Văn năm thứ tư (năm 1402), đưa quân đến Ứng Thiên (nay là Nam Kinh). Ngày 17, Chu Đệ lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Vĩnh Lạc nguyên niên.

## **CHĂM LO VIỆC NƯỚC, PHÁT TRIỂN QUỐC LỰC**

Chu Đệ là một vị hoàng đế có thành tựu thời Minh, trong thời gian chấp chính, ông thực hiện tiết kiệm, biết người và biết dùng người, về các mặt tước bớt quyền lực của phiên trấn, xây dựng kinh đô, trị lý sông ngòi, văn hóa, ngoại giao và tăng cường quốc phòng, củng cố tập quyền Trung ương v.v... đều có thành tích nổi bật, thể hiện đầy đủ được tài năng mưu lược chính trị của ông.

Tăng cường tập quyền Trung ương. Trước tiên là tước bớt quyền lực của phiên trấn. Chu Đệ đã dùng danh nghĩa phản đối tước bớt quyền lực của phiên trấn để khởi binh ở Bắc Bình, nhưng cũng biết rõ sâu sắc cái hại của binh quyền phiên vương quá lớn. Vì vậy vừa lên ngôi vua chấp chính, ông đã tìm đủ lý do để tước bớt quyền lực phiên trấn. Trước tiên là tước đoạt binh quyền của Ninh Vương Chu Quyền ở Nam Xương, lại lấy việc Đại

vương Chu Quế, Mân Vương Chu Tiên có tội để loại bỏ hộ vệ của họ. Vĩnh Lạc năm thứ tư (năm 1406), Tề Vương Chu Phù cũng vì có tội mà bị loại bỏ hộ vệ, phế làm thứ dân. Các vị vương khác như Liêu Vương Lê Trực cũng với lý do “có lẽ có” mà bị tước đoạt, Tấn Vương Chu Cương bị phế làm thứ dân. Vĩnh Lạc năm thứ 18 (năm 1420) có người tố cáo Chu Vương Chu Tiêu mưu phản. Chu Tiêu sợ hãi chủ động dâng hộ vệ. Đến đó, quân quyền của các vương có sự uy hiếp lớn nhất đã bị tiêu trừ, tập quyền Trung ương của Chu Đệ đã được củng cố.

Phát triển sản xuất, xây dựng sửa chữa công trình thủy lợi. Thời kỳ mới lên ngôi, Chu Đệ đã tổ chức di dân với số lượng lớn đi khai hoang. Di các dân giàu có ở 10 quận Trực Khang (nay là tỉnh Hà Bắc), Tô Châu v.v... chín tỉnh như Triết Giang v.v... cũng như Sơn Tây lên bổ sung cho Bắc Kinh. Sau đó còn nhiều lần di dân từ miền Nam lên miền Bắc, đúc, chế tạo nông cụ cho dân nghèo ở các nơi như Sơn Đông v.v... Đầu thời Minh các quận Tô, Tùng, Gia, Hồ hàng năm thường xuyên bị thủy tai, phòng trị vô hiệu. Vĩnh Lạc nguyên niên (năm 1403), Chu Đệ tổ chức hơn 10 vạn dân phu, dùng thời gian hơn một năm khai thông sông Ngô Tùng. Tiếp đó lại từ Bắc đến Nam, tổ chức hàng vạn người, khai thông Đại Vận Hà, khiến cho việc vận chuyển lương thực đường thủy đến tận Thông Châu.

## **SAI SỬ RA NƯỚC NGOÀI PHÁT TRIỂN NGOẠI GIAO**

Vĩnh Lạc năm thứ ba (năm 1405), Chu Đệ sai Trung quan Trịnh Hòa đi sứ các nước Tây Dương, để thông hiếu với láng giềng các nơi. Trịnh Hòa dẫn hơn 27.800 tướng sĩ, với 62 chiếc thuyền lớn, xuất phát từ Tô Châu. Trước tiên đến Chiêm Thành, sau đó tới Ấn Độ, Sirilanca, Ấn Độ v.v... Mùa thu Vĩnh Lạc năm thứ năm (năm 1407) trở về. Sau đó, Chu Đệ còn năm lần cử Trịnh Hòa đi sứ Tây Dương, trước sau đến hơn 30 nước. Đến đó uy danh Trung Quốc bay xa.

Biên soạn “Vĩnh Lạc đại điển”. Để củng cố và tăng cường chính quyền mới, lên ngôi vua chưa lâu, Chu Đệ đã sai Hàn lâm viện thị độc học sĩ Giải



Tấn..., tổ chức nho sĩ, biên tập một bộ sách lớn đủ loại “từ khi có chữ viết đến nay, qua kinh sử, sách trăm nhà, đến thiên văn, địa chí, âm dương, thuốc, bói, phật, đạo”. Năm sau cuốn sách làm xong, nhưng do còn quá đơn sơ, Chu Đệ lại sai ba người Diêu Quảng Hiếu, Lưu Quý Trì, Giải Tấn làm Giám Tu, đồng thời tăng thêm chánh, phó tổng tài, tiếp tục sửa chữa cuốn sách này, trước sau số người tham gia biên soạn lên tới hơn 3 ngàn người. Mùa đông Vĩnh Lạc năm thứ năm (năm 1407), toàn bộ cuốn sách đã biên soạn xong, đặt tên là “Vĩnh Lạc đại điển” biên soạn và sao lục bảy, tám ngàn loại sách cổ kim, gồm 22.937 quyển, đóng thành 11.095 sách. Việc biên soạn “Vĩnh Lạc đại điển” là một công trình văn hóa đồ sộ to lớn, trong rừng cây văn hóa của thế giới đương thời, không có công trình nào có thể so sánh nổi. Bộ sách đã có cống hiến trọng đại trong việc bảo tồn di sản văn hóa cổ đại Trung Quốc.

Tháng bảy, Vĩnh Lạc năm thứ 22 (năm 1424), trên đường trở về trong cuộc viễn chinh lần thứ năm quí tộc Mông Cổ A Lỗ Đài, đến Du Mộc Xuyên (nay là Tây Bắc Đa Luân - Mông Cổ), Chu Đệ bị ốm chết, hưởng thọ 65 tuổi. Chôn ở Trường Lăng, tức Thập tam lăng.

## 95. DƯƠNG SỸ KỲ

### LIÊM KHIẾT PHÒ TÁ BA ĐỜI, DANH TIẾNG VANG CHÍN CHÂU

Dương Sỹ Kỳ (1365 - 1444) tên là Ngụ, người Thái Hòa Sơn Tây. Mồ côi bố từ nhỏ, sau mẹ tái giá, đi theo, nhà rất nghèo. Ông chăm chỉ hiếu học, dựa vào việc giảng dạy tự học mà thành tài, thường qua lại giữa vùng Hồ, Tương. Năm đầu Kiến Văn, triều đình tập trung các nhà nho biên soạn cuốn “Thái Tổ thực lục”. Dương Sỹ Kỳ dựa vào tài học lịch sử của mình được giới thiệu lên, được triệu vào hàn lâm làm quan biên soạn. Sau khi Thành Tổ lên ngôi, ông được vào nội các, tham gia các việc quân cơ, mấy tháng sau được thăng làm Thị độc. Sau lại được thăng làm Tả Trung Doãn, Tả Dụ Đức. Sỹ Kỳ cẩn thận giữ chức, giỏi ứng đối, nói năng chắc chắn. Là một mưu thần quan trọng của triều đình, cả đời ông trung thành với triều Minh, “cúc cung tận tụy đến hơi thở cuối cùng” để bảo vệ sự thống trị của triều đại đó. Trong mấy chục năm làm quan, ông đã có những cống hiến có thể nói là to lớn với triều Minh, bất kể là về mặt phụ chính hay là mặt dùng người, tiến cử người, ông đều có ảnh hưởng sâu xa với triều đình. Ông cùng với Dương Vinh, Dương Phổ được gọi là “Tam Dương” nổi tiếng một thời, nhưng trong “Tam Dương” thì phải nói đến Dương Sỹ Kỳ trước tiên.

Khi Nhân Tôn còn ở ngôi, một năm có nhân sĩ dâng thư ca tụng đất nước thái bình, nhà vua bảo đọc cho các đại thần nghe, các đại thần cùng đều liên tục phụ họa là tốt, chỉ có một mình Dương Sỹ Kỳ lúc đó đang là Binh bộ thượng thư, nói: Ổn đức của nhà vua mặc dù đã thấm nhuần thiên hạ, nhưng trong cả nước vẫn còn rất nhiều nơi có người không có nhà ở, trăm họ còn chưa no ấm, muốn đạt được thái bình thịnh thế, nếu không có cố gắng công phu trong mấy năm sợ rằng là chưa được. Nhà vua nói: “Lời nói này rất đúng”, tiếp đó lại nói với các đại thần: Lúc bình thường ta lấy lòng thành đối xử với các người, mong muốn các người phò tá triều chính tốt.

Hiện nay chỉ có một mình Sỹ Kỳ có thể nói sự thực với ta, còn các người chỉ biết ca tụng công đức, chẳng lẽ lại thật là thiên hạ thái bình như các người nói à? Các đại thần đều cảm thấy vô cùng xấu hổ. Sau việc này, Nhân Tôn đã đặc biệt cho làm một ấn quý “Dương Trinh nhất ân” tặng cho Dương Sỹ Kỳ. Tính cách trung thực thẳng thắn của ông đã được người đời khâm phục.

Năm thứ hai sau khi Tuyên Tôn lên ngôi, Hán Vương Cao Hú mưu phản, nhà vua dẫn quân thân chinh, dẹp được phản loạn, bắt được Cao Hú, kéo quân thắng lợi trở về triều. Hộ bộ thượng thư lúc đó là Trần Sơn khi ra ngoài thành đón giá, tâu lên rằng trên thực tế Hán Vương và Triệu Vương cấu kết với nhau, và cho là nên nhân lúc thắng lợi chuyển quân, tập kích và bắt Triệu Vương. Tuyên Tôn chuyển sang hỏi Dương Vinh, Dương Vinh rất tán thành. Tuyên Tôn lại hỏi các đại thần quan trọng như Kiến Nghĩa, Hạ Nguyên Cát v.v... cũng không ai dị nghị. Thế là Tuyên Tôn bảo Dương Vinh truyền chỉ, yêu cầu Dương Sỹ Kỳ viết chiếu. Dương Sỹ Kỳ nói: Hoàng đế Thái Tôn có ba con trai, nay hoàng thượng chỉ còn hai vị chú, nếu như có thể chiêm chước, thì nên bảo toàn là tốt, còn nếu như diệt trừ hết bọn họ, chẳng lẽ lại không xấu hổ với hoàng tổ ư? Dương Vinh lúc đó rất cố chấp nói: Đây là việc lớn quốc gia, chẳng lẽ mình ngài ngăn cản được à? Dương Sỹ Kỳ nói: Cao Hú đã bị bắt, Triệu Vương cũng không dám mưu phản nữa, cần gì phải để hoàng thượng xương thịt một nhà tự giết lẫn nhau. Tôi không muốn viết bức chiếu này! Dương Phổ có mặt tại đó cũng đồng ý với ý kiến của Dương Sỹ Kỳ, nói sẽ phải can ngăn thêm hoàng thượng, rồi sau sẽ bàn định. Sau khi về đến kinh đô, Tuyên Tôn triệu Sỹ Kỳ đến bàn bạc về việc Triệu Vương. Sỹ Kỳ nói: Nay trong hoàng thất chỉ còn Triệu Vương là gần gũi ruột thịt nhất với nhà vua, về lý nên bảo toàn, chỉ cần đừng bị người khác mê hoặc nữa. Tuyên Tôn cũng nói: Hiện nay ta chỉ còn mỗi một ông chú này, làm sao có thể giết ông được? Thế nhưng muốn bảo toàn, phải có biện pháp hay mới được. Ta muốn báo cho Triệu Vương biết ý kiến của các đại thần để ông ấy tự mình quyết định nên làm thế nào, người thấy có được không? Dương Sỹ Kỳ nói: Viết một bức thư của nhà

vua thì càng chu đáo hơn. Thế là Tuyên Tôn bảo Dương Sỹ Kỳ thảo một bức thư, đóng ngự ấn, đưa đến chỗ Triệu Vương, Triệu Vương mừng lắm: “Ta đã thoát chết rồi”. Liền vội vàng dâng biểu tạ ơn, rồi dâng lên binh mã hộ vệ của mình, và thế là yên ổn qua được cơn sóng gió. Sau việc này Tuyên Tôn càng trọng dụng Sỹ Kỳ, nói: Sở dĩ bảo toàn được Triệu Vương là nhờ sự tận lực của Dương Sỹ Kỳ.

Tuyên Đức năm thứ ba, Dương Sỹ Kỳ lại gặp phải một việc gai góc, qua việc can ngăn xử lý của Sỹ Kỳ, tuy không thể trọn vẹn, giống như việc bịt tai lấy trộm chuông, nhưng cũng đã bảo toàn được tiếng tăm cho hoàng thất. Năm Tuyên Tôn 30 tuổi, do hoàng hậu có bệnh không thể sinh đẻ, mà Tôn quý phi đã có con trai, nên muốn lập Tôn quý phi làm hoàng hậu, Tuyên Tôn triệu đại thần vào bàn bạc. Dương Vinh nói: Không nên phế hoàng hậu. Tuyên Tôn liền hỏi: Điều đó có tiền lệ không? Dương Sỹ Kỳ đứng bên không nhẫn nại nổi cũng ra sức khuyên can. Tuyên Tôn lại hỏi: Phế bỏ hoàng hậu có dẫn đến hậu quả gì không? Dương Sỹ Kỳ nói: Tống Nhân Tôn phế bỏ Quách hậu, Khổng Đạo Phụ, Phạm Trọng Yêm... dâng lời can ngăn mà bị biếm, đến nay vẫn còn là chuyện cười được ghi trong sử sách. Sao nói là không có hậu quả được. Sau khi đã suy đi tính lại, Sỹ Kỳ vẫn ra sức can ngăn không nên phế hoàng hậu. Sau này Tuyên Tôn lại triệu kiến riêng Dương Sỹ Kỳ, nói lên tâm sự của mình: Ta cũng không phải là muốn phế bỏ hoàng hậu, nhưng đúng là việc bất đắc dĩ, nếu như có kế sách gì vạn toàn thay thế là tốt nhất. Dương Sỹ Kỳ chịu không nổi ý kiến nhiều lần của Tuyên Tôn liền nói: Sao không nhân lúc hoàng hậu có bệnh, hoàng thượng nên khuyên bà chủ động nhường ngôi, như vậy về danh phận còn nói được. Quả nhiên, sau này Tuyên Tôn nói, hoàng hậu “vui lòng nhường” (tất nhiên là bất đắc dĩ) hơn nữa còn rất kiên quyết, Sỹ Kỳ lúc này lại nói: Tống Nhân Tôn phế bỏ Quách hậu, nhưng ân lễ không suy, bệ hạ cũng nên như vậy, không nên hậu người này, nhẹ người kia. Tuyên Tôn nói: Ta nhất định làm theo lời người, quyết không nuốt lời. Kết quả bàn bạc “phế bỏ hoàng hậu” trên thực tế là như vậy.

Trong triều đình, Dương Sỹ Kỳ nói chung hề biết cái gì đều nói hết, nhiều lần hiến kế sách, rất được hoàng thất nhà Minh quý trọng. Tuyên Đức năm thứ năm, Tuyên Tôn vâng mệnh Hoàng thái hậu đến viếng lăng. Sau việc này, Thái hậu uỷ lạo các đại thần. Tuyên Tôn nói với Dương Sỹ Kỳ: Thái hậu từng nói với ta, khi tiên đế còn ở ngôi, chỉ có khanh không sợ xúc phạm hoàng thượng mà thẳng thắn can ngăn, vì tiên đế nghe được ý kiến của khanh nên quốc gia không có việc thất bại. Thái hậu một mực dặn dò, nhắc nhở ta phải nghe lời nói trung. Có một tối, Tuyên Tôn mặc thường phục đến nhà Sỹ Kỳ, Sỹ Kỳ hoảng sợ ra đón, quỳ lạy nói: Làm sao bệ hạ lại không để ý mà đi một mình như vậy? Tuyên Tôn nói: Ta muốn nghe ý kiến của khanh, nên mới thân đến nhà khanh! Sỹ Kỳ nói: Hiện nay thiên hạ vẫn còn chưa thái bình lắm, vạn nhất gặp kẻ hành thích thì sao được? Hơn nửa tháng sau, quả nhiên có hai tên hành thích bị bắt, bọn chúng khai là muốn nhân dịp hoàng đế xuất hành sẽ mưu giết. Sau khi biết chuyện Tuyên Tôn rất cảm động, nói: “Hôm nay ta mới biết, Sỹ Kỳ yêu ta biết bao nhiêu”. Từ đó lại càng thêm quý trọng Dương Sỹ Kỳ.

Năm đó, nhiều nơi trong nước mới gặp thủy tai, Tuyên Tôn triệu tập các đại thần như Dương Sỹ Kỳ v.v... vào bàn việc cứu tế nạn dân, giảm miễn sưu thuế, xét lại các án oan, giảm nhẹ trừng phạt lao dịch, nhằm ban ơn huệ cho trăm họ trong thiên hạ. Nhân dân rất phấn khởi. Hai năm sau, Sỹ Kỳ lại xin Hoàng đế võ về an ủi trăm họ chạy nạn, tiến cử các kẻ sĩ có tài văn, võ. Nhà vua muốn ra sức trị quốc, bọn đại thần Sỹ Kỳ... đồng lòng phò tá, thiên hạ dần thái bình. Trong các đại thần nội các, lúc này chỉ còn lại ba người Dương Sỹ Kỳ, Dương Phổ, Dương Vinh. Dương Vinh quả quyết cương nghị, gặp việc dám làm, dám đứng ra, từng nhiều lần theo Thành Tổ viễn chinh, nắm tình hình biên tái như lòng bàn tay.

Nhưng ông này cũng thường nhận hối lộ, Tuyên Tôn cũng biết chuyện đó, liền hỏi Sỹ Kỳ về cách nhìn đối với Dương Vinh. Sỹ Kỳ nói: Dương Vinh thông hiểu công việc biên tái. Tôi không bằng ông ta, nhìn người không nên vì việc nhỏ mà mất việc lớn. Tuyên Tôn không nhịn được cười nói: Dương Vinh đã từng vạch nhược điểm của khanh và Dương Phổ, mà

khanh đối với ông ta vẫn bao dung, nể tình? Sỹ Kỳ nói: Mong bệ hạ hãy đối xử khoan dung với Dương Vinh như đã đối xử khoan dung với thần. Lời nói đó sau này Dương Vinh nghe được, ông ta cảm thấy xấu hổ với Sỹ Kỳ, từ đó ông ta thay đổi thái độ với Sỹ Kỳ. Tuyên Tôn vì thế càng gần gũi thân mật với Sỹ Kỳ.

Tuyên Tôn chết, Anh Tôn nối ngôi, vì Anh Tôn mới có mấy tuổi nên trong triều đình có lời nói nhảm, nói thái tử ít tuổi, không thể làm vua. Dương Sỹ Kỳ nói với Dương Vinh: vua Anh Tôn tuổi trẻ, lời đồn bậy khắp nơi, nếu không lường trước sẽ nguy hiểm cho cung đình. Chúng ta chịu ơn sâu của tiên hoàng nhiều năm. Về lý phải hết sức bảo vệ ấu chúa, phò giúp quốc gia.

Dương Vinh gật đầu cho là phải, liền dẫn trăm quan vào triều. Thái hậu triệu hai người vào gặp, nói: Hai vị đại thần là lão thần của tiên triều, nên phò ấu chúa, không nên phụ lòng kỳ vọng của tiên đế. Hai người nhận chỉ, tuân lệnh. Sau đó Thái hậu triệu bách quan vào cung, chỉ thị với quần thần: Đây là Thái tử mới, mới có mấy tuổi, toàn nhờ các khanh phò tá. Thái hậu vẫn dựa vào “Tam Dương”, có việc đều tìm họ bàn bạc. Trước tiên, Dương Sỹ Kỳ nêu lên yêu cầu cần phải huấn luyện quân sĩ, củng cố biên phòng, lập tức Nam Kinh tham tán cơ vụ đại thần, lần lượt cử quan viên văn vũ đi trấn thủ về các nơi như Giang Tây, Hồ Quảng, Hồ Nam, Sơn Đông v.v... đồng thời yêu cầu giảm bớt tạp thuế, trưng mộ, bớt nghiêm hình, bức cung v.v... Thái hậu đều đồng ý cho thi hành. Thời kỳ đầu Anh Tôn mới lên ngôi, triều chính sáng suốt trong sạch, đều dựa vào sự phò tá của bọn Dương Sỹ Kỳ.

Dương Sỹ Kỳ sau này lấy cố có bệnh xin cáo lão. Tháng ba năm Chính Thống thứ chín ốm chết, hưởng thọ 80 tuổi. Đầu thời Chính Thống, Dương Sỹ Kỳ nói: Bộ lạc Ngôã Thích dần dần lớn mạnh, có khả năng trở thành mối lo ở biên giới, nên tăng cường lực lượng phòng ngự ở biên tái. Sau khi Sỹ Kỳ chết chưa được bao lâu, quả nhiên đã vào xâm nhập trước. Dương Sỹ Kỳ còn giỏi biết người, rất thích giới thiệu tiến cử kẻ sĩ tuy nghèo khó

nhưng có tài, ví dụ như Vu Khiêm, Chu Thần, Huống Chung v.v... đều do ông giới thiệu mà được bổ nhiệm.



## 96. GIẢI TẤN

### NÓI KHÉO, CAN THẰNG, BIẾT NGƯỜI BÀN VIỆC

Giải Tấn (1369 - 1415) tự Đại Thân, người huyện Cát Thủy, Giang Tây. Ông nội Giải Tấn, Giải Tử Nguyên là tiến sĩ những năm Chí Chính triều Nguyên; cha là Giải Khai, đã từng tiến tu ở Quốc Tử Giám, Nguyên Thái Tổ đã từng triệu kiến ông bàn luận việc nước, muốn phong quan cho ông, nhưng ông không đồng ý, về làng mở trường dạy học tư. Giải Tấn từ nhỏ đã thông minh hiếu học, khi 13 tuổi, không những đã thuộc lòng “Tứ thư”, “Ngũ kinh” v.v... mà còn làm nhiều thơ, từ tức cảnh, còn lưu truyền đến nay. Hồng Vũ năm thứ 21, đỗ tiến sĩ, đặc biệt là hai bài thơ thất tuyệt “cây liễu xanh trong vườn ngự” chuyên làm cho Chu Nguyên Chương ở trong Ngự hoa viên, với đặc điểm thông tục dễ hiểu, ca tụng “ơn vua” và châm biếm bọn nịnh thần đã làm cho Chu Nguyên Chương người mới thông văn chương luôn mồm khen là “thơ hay”, một mặt giáng chỉ bắt các đại thần truyền đọc, một mặt phong Giải Tấn làm Hàn lâm viện Thứ cát sĩ, đồng thời yêu cầu ông hàng ngày phải theo hầu bên cạnh, viết chiếu chế, theo Chu Nguyên Chương xử lý công văn, chính sự. Từ đó Giải Tấn với tính nết thẳng thắn cương trực, thái độ làm quan trong sạch công bằng, vì hưng quốc an bang định mưu hiến kế, đã có những cống hiến to lớn.

### NÓI KHÉO CAN THẰNG

Sau khi Chu Nguyên Chương dựng nước xưng đế, đã áp dụng một loạt biện pháp, làm cho trật tự xã hội được ổn định, kinh tế phát triển, sự thống trị của vương triều Minh được củng cố. Nhưng đồng thời với những việc này, để củng cố chính quyền, Chu Nguyên Chương cũng đã ra sức thanh trừng người dị kỷ, gây ra những vụ án văn học, chỉ riêng từ Hồng Vũ năm thứ 17 đến Hồng Vũ năm thứ 29, Chu Nguyên Chương đã giết mười mấy vạn người, tạo nên cục diện khủng bố “muôn ngựa câm tiếng”, những quan

liều dấm dăng lời can ngăn đều bị Chu Nguyên Chương xử tử không hề một chút lưu tình. Đối mặt với hiện thực nghiêm khắc tàn bạo đó, Giải Tấn quyết tâm liều chết dăng lời can ngăn, viết bài tấu “Đại bao Tây phong sự”. Giải Tấn đã trình bày rõ ràng quan điểm của mình như thế này: Sự thay đổi của pháp lệnh triều đình quá nhiều, dễ khiến người ta hoài nghi, hình phạt quá hà khắc sẽ làm cho nhân dân khinh thường pháp luật. Bộ hạ thưởng phạt không nghiêm minh, dùng người không hỏi trung, hiền, phong chức không phân biệt nặng, nhẹ. Nhiều giám sinh, tiến sĩ phẩm chất, học lực đều tốt. Nhưng tài lớn lại dùng vào việc nhỏ, một số kẻ lừa đời để lấy tiếng, ra sức dựa vào thế leo lên, đầy rẫy triều đình. Trung thần, người hiền không muốn cộng sự với loại người này, còn những kẻ tầm thường thì đồng lòng tham ô với chúng. Người trong thiên hạ đều nói Hoàng thượng chỉ căn cứ vào mừng, giận mà quyết định sự sống chết của con người, mà không biết rằng đó đều do có người trong các đại thần thiếu lòng trung thành và lương thiện tạo ra. Giết người có tội không nên để liên lụy đến vợ người ta, càng không nên để liên quan đến cả gia tộc. Liên lụy là hình pháp bắt đầu từ triều Tần. Vì liên lụy mà giết vợ là quy định trong sách giả. Ngày này làm việc tốt, vợ người ta chưa chắc đã được hưởng vinh dự, bổng lộc, nhưng nếu có người phạm tội thì lại bị liên lụy đến thân thuộc ở quê nhà, như vậy thì làm sao có thể đề xướng tiết, hiếu, nhân nghĩa? Lời dùng trong biểu chương rất thẳng thắn, sắc sảo, phân lượng cũng rất nặng, nhưng do Giải Tấn dùng từ khéo léo, qui tất cả mọi sai lầm đều thuộc về “thần hạ thiếu trung lương”, không phải là tội lỗi của Hoàng đế, vì thế Chu Nguyên Chương không những không kết tội ông mà còn luôn mồm khen ngợi Giải Tấn là “Tài tử! Tài tử!”.

Sau này Giải Tấn còn viết “mười kế sách thái bình”, chủ trương giảm nhẹ sưu thuế, khuyến làm nông tang, cấm hoạn quan, cấm tuyệt gái điếm, miễn tàn sát, bớt liên lụy, đồng thời phê bình chính lệnh triều đình thay đổi nhiều, tàn sát quá nhiều, “cử người không chọn lựa có hiền hay không, phong chức không tính đến nặng, nhẹ”, thậm chí còn chỉ trích: Thường nghe bộ hạ nổi giận, chặt rẽ cắt dây leo, giết bọn gian nghịch. Chưa từng

được nghe biểu dương một việc thiện lớn! Những lời phê bình gay gắt đó, vốn làm cho Chu Nguyên Chương nổi giận, nhưng vì Giải Tấn nói Chu Nguyên Chương có thể “thân với người hiền, tiếp nhận lời can ngăn, thủy chung như một”, khiến ông nghĩ tới lời Mã hoàng hậu lúc lâm chung đã dặn dò ông ta phải “thân cận người hiền, tiếp nhận lời can ngăn trung thành”, nên mới có phản tỉnh, do vậy mà Giải Tấn may mắn thoát nạn. Không lâu, Chu Nguyên Chương hạ lệnh yêu cầu chính phủ và quan lại các cấp phải tuân theo “Đại Minh luật” và “Đại cáo”, cấm không được dùng các hình phạt tàn khốc như: xăm mặt, thích chữ, chặt chân, thiến v.v... và nói: “Thần hạ, người nào dám tấu dùng loại hình phạt đó, quân thần văn võ phải hạch tấu, xử hình phạt nặng”.

### **NÊU GƯƠNG TRONG CUNG ĐÌNH**

Sau khi Chu Nguyên Chương ốm chết, Yên Vương Chu Đệ phát động “sự biến Tĩnh Nan” đoạt được ngôi vua, Giải Tấn đã viết chiếu thư lên ngôi cho Chu Đệ, rất được Chu Đệ tán thưởng, thăng cấp làm Hàn lâm thị độc, tiến vào Văn Uyên các, tham gia chính trị tối cao. Thời gian này Giải Tấn đã hoàn thành công tác biên soạn các cuốn sách “Cổ tổ thực lục” và Truyện liệt nữ v.v... và cũng rất được Chu Đệ ca ngợi và khen thưởng.

Mặc dù được nhà vua rất trọng dụng, nhưng Giải Tấn không hề kiêu căng, vì vậy bạn bè tín nhiệm ông, dân chúng yêu thích ông. Lúc này đội cấm vệ có một đầu mục tên là Kỷ Cương, người này bụng dạ hẹp hòi, gian xảo quyết với người, độc ác, thích vu cáo, các quan trong triều tuy ghét nhưng lại sợ hãi, chỉ có mình Giải Tấn là không chịu thua. Vì thế Kỷ Cương luôn muốn tìm cơ hội để làm nhục Giải Tấn. Trong một bữa tiệc, Kỷ Cương bịa ra hai câu thơ không đứng đắn để châm biếm Giải Tấn:

*Vịt ở trong ao, mỏ bẹt chân ngắn kêu cạc cạc,*

*Ba ba trong hang, cổ dài, vỏ cứng lùn lạch bạch.*

Giải Tấn biết Kỷ Cương vốn chỉ là một tú tài, do nhiều lần thi không đỗ, nên ở quê nhà sống vất vưởng với bọn lưu manh, học vấn không tiến bộ nhưng bản tính nịnh hót, ngược lại, rất cao minh, liền quyết định dạy cho

hắn ta một chút, thay mặt mọi người lên tiếng, thế là ngay trước mặt mọi người, đọc luôn một câu đối hồi kính lại Kỷ Cương:

*Cây lau bên tường, đầu nặng chân nhẹ rể nông ngăn,*

*Măng tre trên núi, mồm nhọn da dày bụng rộng không.*

Kỷ Cương mặt đỏ lên vì xấu hổ. Do việc này Giải Tấn và Kỷ Cương đã kết thành oan gia. Năm đó, Chu Đế viết tên họ mười mệnh quan trong triều đình giao cho Giải Tấn, bảo ông dùng lời văn ngắn gọn trong sáng đánh giá từng người. Trong mười người này có mấy người là bạn thân của Giải Tấn. Mà Lễ bộ thượng thư kiêm Tả xuân thường đại học sĩ Lý Chí Cương là một người trong đó. Nhưng Giải Tấn làm việc không cảm tình, vẫn nói thẳng thiếu sót của bạn. Binh bộ thị lang Phương Tân không có tài cán lớn, nhưng lại giống như người môi giới buôn bán bò ngựa. Thế là Giải Tấn đã viết tám chữ đánh giá ông ta: tài đọc ít sách, lòng lái buôn ngựa. Trong mười người còn có nhân vật cùng loại với Kỷ Cương, tên gọi là Trần Anh, làm Tả đô ngự sử, rất được Chu Đế yêu tin. Nhưng Giải Tấn bất chấp điều đó, vẫn vung bút viết thẳng. Sau khi xem những lời bình đó, Chu Đế giao cho Thái tử Cao Xí. Sau khi xem xong, Cao Xí hỏi Giải Tấn: Doãn Xương Long, Vương Nhữ Thư thế nào? Giải Tấn trả lời: Xương Long là người đọc sách hiểu lễ, nhưng độ lượng không lớn, Nhữ Thư là văn tài khó có, đáng tiếc là hề thấy lợi là theo! Giải Tấn không vì là bạn bè mà chỉ nói toàn lời tốt, cũng không vì qua lại không thân mà nói bừa làm giảm giá trị người, điều đó khiến Chu Đế rất phấn khởi. Có một hôm Chu Đế triệu tập các quan thuộc sáu bộ Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công tới cửa Phụng Thiên, yêu cầu mọi người thẳng thắn nói lời can ngăn, đồng thời lấy Giải Tấn làm gương, nói với mọi người: Người dám thẳng thắn can ngăn như Ngụy Trưng thời Đường Thái Tôn, hiện nay không nhiều, mà chưa hình thành phong khí. Nếu như làm cho người nêu ý kiến không sợ hãi, người nghe ý kiến về tư tưởng không có sự chống đối, thì thiên hạ làm gì trị không tốt! Vì việc này, Chu Đế thưởng áo lụa vàng cho Giải Tấn và phong cho ông địa vị ngang với thượng thư, phàm là các chiếu, lệnh, Chu Đế đều yêu cầu

Giải Tấn viết, sau đó công bố trong cả nước. Chu Đệ còn nói: “Thiên hạ một ngày không thể không có ta, ta lại một ngày không thể thiếu Giải Tấn”.

### **BÀN VIỆC LẬP THÁI TỬ**

Con trai thứ của Chu Đệ là Chu Cao Hú vũ dũng cương cường, hơn nữa trong “sự biến Tĩnh Nan” đã lập công, những người ủng hộ Chu Cao Hú chủ trương công thần võ tướng cai quản thiên hạ, mong muốn Cao Hú trở thành người kế thừa ngôi vua. Còn các quan văn do Giải Tấn làm đại biểu lại cho rằng Cao Hú tính tình hung hãn, hành vi ngang ngược phóng túng, tùy tiện giết người, sẽ dễ dàng phá hoại thiên hạ Đại Minh, con trai trưởng Chu Cao Xí tính nết khoan hòa... biết dùng lễ đối xử với người, có thể giữ được thiên hạ. Vì thế bọn Giải Tấn chủ trương lập Chu Cao Xí làm Thái tử, Chu Đệ đều tương đối hiểu con trưởng và con thứ của mình và cũng nghiêng về quan điểm được thiên hạ phải dựa vào tướng võ, nhưng trị quốc hưng bang không thể đơn thuần dựa vào tướng võ, song do thế lực những người ủng hộ Cao Hú cũng tương đối mạnh, nên nhất thời chưa định được chủ kiến, liền bí mật triệu Giải Tấn vào cung, yêu cầu ông nói về cách nhìn của mình. Giải Tấn nói: Đây là việc nhà của bộ hạ, và cũng là việc nước trọng đại, xử lý tốt thì nhà, nước cả hai đều có lợi. Lập con trưởng, từ xưa đến nay đều như vậy. Hoàng thái tử nhân hiếu, lòng người thiên hạ hướng về, nếu lập làm Thái tử sẽ có lợi cho quốc gia. Nếu bỏ trưởng lập thứ, tất sẽ xảy ra tranh chấp. Nếu tiền lệ này mở ra, sợ rằng từ đó khó có an ninh, tất nhiên nguy hại xã tắc. Vô số sự thực trong lịch sử có thể lấy đó mà làm gương. Giải Tấn biết Chu Đệ đặc biệt yêu thích con trai cả Cao Xí, nên nói thêm: Hoàng trưởng tử thôi không bàn nữa. Vừa lúc đó, thái giám trong cung mang đến một bức tranh, Chu Đệ mở ra xem, chỉ thấy một con hổ lớn trai tráng đang quay đầu lại nhìn một con hổ con đi đằng sau, hú dài, trông rất là thân thiết. Giải Tấn xem xong mỉm cười. Chu Đệ hỏi ông vì sao cười. Giải Tấn đọc ngay một bài thơ để trả lời:

*Hổ là chúa sơn lâm,*

*Chẳng ai dám lại gần.*

*Chỉ tình sâu phụ tử,*

*Mới quay đầu nhìn con.*

Chu Đệ nghe xong cả mừng, quyết định lập con trai trưởng Chu Cao Xí làm Hoàng thái tử, phong con trai thứ Cao Hú làm Hán Vương, và sai Giải Tấn viết chiếu thư báo cho thiên hạ biết.

Và cũng chính vì việc này mà từ đó Cao Hú hận thù Giải Tấn, luôn luôn nghĩ cách trả thù ông. Sau khi lên ngôi không lâu, Chu Đệ muốn xuống Nam dẹp Giao Chỉ, sau lại nhiều lần đánh dẹp Hán Bắc. Giải Tấn có cách nhìn khác về việc xuống Nam dẹp Giao Chỉ, nên đã nhân cơ hội Chu Đệ triệu tập trăm quan thảo luận việc thành lập huyện Giao Chỉ, phát biểu ý kiến của mình nói: Dân ở ngoài Hoa, phản phúc khôn lường có thể đòi họ mỗi năm nộp cống, chứ còn lập quận lập huyện ở đó là rất không thích hợp, huống là mang quân viễn chinh, quân đội không vượt được mệt nhọc, tiền của không đủ chi tiêu. Chu Đệ rất không phấn khởi, không tiếp nhận ý kiến của Giải Tấn, cộng thêm các nguyên nhân khác, từ đó Chu Đệ có ý xa cách Giải Tấn. Chu Cao Hú nhìn thấy thái độ của Chu Đệ đối với Giải Tấn đã có thay đổi, liền ác ý làm Giải Tấn trúng thương, vu cáo Giải Tấn tiết lộ việc cơ mật của triều đình, Chu Đệ càng thêm không vừa lòng Giải Tấn, liền xuống chiếu giáng Giải Tấn đến Giao Chỉ làm Đô chính ty tham nghị. Vĩnh Lạc năm thứ tám, Giải Tấn muốn nói rõ hơn nữa với Chu Đệ về cách nhìn của mình trong việc trị lý Giao Chỉ, nên đã về kinh tâu việc, vừa lúc Chu Đệ đang đôn đốc quân chinh Bắc, Giải Tấn đến bái kiến Thái tử rồi rời kinh đô trở về phía Nam. Chu Cao Hú thừa cơ nói xấu Giải Tấn trước mặt Chu Đệ, nói Giải Tấn nhân lúc nhà vua không có mặt đã đến gặp riêng Thái tử, làm loạn lễ quân thần, rồi lại đi về Nam ngay, hành động mờ ám. Chu Đệ do đó nổi giận. Lại thêm trong tấu chương của Giải Tấn viết xin đào thông sông Cán để thông Nam Bắc, đã nêu kế hoạch yêu cầu Chu Đệ sửa chữa xây dựng tân đô Bắc Kinh, từ trong đó lấy tiền cứu tế nạn dân đã làm Chu Đệ càng thêm giận dữ, xuống lệnh bắt giam Giải Tấn vào ngục. Năm năm sau khi vào ngục, ông bị Kỷ Cương cho thuốc mê vào rượu, kéo ra ngoài trời tuyết phủ bị đông lạnh chết, lúc mới 47 tuổi.

Một đời Giải Tấn làm quan thanh liêm chính trực, lại dám thẳng thắn can ngăn, vì dân chúng bình thường mà nói, nên rất được trăm họ yêu mến. Đến nay trong dân gian còn lưu truyền rất nhiều câu chuyện và truyền thuyết về ông. Ngoài những việc đó ra, trong lịch sử, Giải Tấn còn có một cống hiến to lớn, đó là chủ biên “Vĩnh Lạc đại điển”. Đó là bộ bách khoa toàn thư lớn nhất đầu tiên trong lịch sử, gồm những 22.877 cuốn, đóng thành 11.095 sách. Giải Tấn đã đôn đốc hàng trăm chuyên gia trải qua bốn mươi năm gian khổ mới biên soạn xong. Đáng tiếc là bản chính sau này bị đốt cháy, hiện nay còn lưu truyền chỉ có trên 200 sách.



## 97. HẢI THỤY

### ĐÀM BIẾT ĐỘNG TRỜI ĐẤT, LO NGHĨ VÌ DÂN NƯỚC

Hải Thụy (1514 - 1587), tự Nhữ Hiền, tự hiệu Cương Phong, người Quỳnh Sơn Quảng Đông. Dân tộc Hồi, sinh ra trong gia đình quan lại nhỏ, gia cảnh nghèo khó. Do từ nhỏ đã khắc khổ học hành, nên năm Gia Tĩnh trúng cử nhân, được cử làm Giáo Dụ huyện Nam Bình, phủ Diên Bình, Phúc Kiến. Vì ông thanh liêm chính trực, có phương pháp quản lý việc học, lại rất có năng lực làm việc nên được Thích đạo quan và cấp trên chú ý, liên tục trình báo, giới thiệu lên trên. Gia Tĩnh năm thứ 37, ông được đề bạt làm tri huyện huyện Thuần An phủ Nghiêm Châu. Từ đó bắt đầu cuộc sống làm quan của ông. Ông đã từng giữ các chức chủ sự bộ Hộ, tuần phủ Ứng Thiên, Nam Kinh Lại bộ hữu thị lang, Nam Kinh hữu hợp đô ngự sử v.v... Trong thời gian giữ chức, ông hoặc là dâng thư thẳng thắn can ngăn, chủ trì chính nghĩa, hoặc là xét lại án oan, hoặc là thi hành các biện pháp cải cách, trừng trị các thế lực ác, đã kiến lập được công lao bất hủ. Trong lịch sử dân gian có nhiều truyền thuyết hay về ông.

Lúc tuổi trẻ, Hải Thụy có hoài bão lớn lao, chú ý đến việc lớn quốc gia, đối với các tệ xấu trong xã hội dám mạnh dạn đả kích, vạch trần. Chỉ riêng bài viết “Kế sách trị Lê” ông viết khi tham gia thi hương lúc còn thanh niên đã có thể thấy được tấm lòng ưu quốc ưu dân của ông. Lúc đó ở đảo Hải Nam có các dân tộc Lê, Hán và Đông v.v... nhưng người dân tộc Lê đông nhất, sau đó mới đến người Hán. Phần lớn người Lê sinh sống ở dải Ngũ Chỉ Sơn vùng giữa, còn người Hán thì cư trú ở vùng ven biển. Do người Lê chịu khổ nạn nặng nề hơn, nên người Lê đã nhiều lần chống đối và khởi nghĩa, nhưng rồi đều kết thúc bằng các cuộc đàn áp đẫm máu của giai cấp thống trị. Nhiều năm liền trong cảnh chiến tranh loạn lạc đã làm cho tính mệnh và tài sản của các dân tộc ở Hải Nam bị nguy hại rất lớn. Không được

an cư lạc nghiệp, không có cách gì hoạt động sản xuất, đất đai hoang hóa, dân cư lưu tán, sức sản xuất đình trệ nghiêm trọng và suy thoái.

Trong thời gian Hải Thụy còn đi học ở quận, ông đã tận mắt nhìn thấy cảnh tượng thê lương đó cũng như những bi kịch được tạo ra bởi cách tàn sát chém giết đẫm máu không thôi. Ông mong muốn kết thúc bi kịch đó, giảm nhẹ nỗi khổ nạn của trăm họ, ông đã tiến hành các cuộc phỏng vấn và khảo sát lâu dài, từng bước hình thành một loạt biện pháp giải quyết vấn đề dân tộc Lê, và trong khi thi hương đã viết vào quyển trả lời của thí sinh trả lời vấn đề hiện thực xã hội. Trước tiên ông đã giới thiệu toàn diện về nguồn gốc lịch sử, phong tục tập quán, phương vị cư trú v.v... của dân tộc Lê, tiến tới nêu lên: Đối với vấn đề dân tộc Lê không thể dùng vũ lực trấn áp mà chỉ có thể áp dụng văn trị. Cái gọi là văn trị, tức là thiết lập quận huyện ở vùng dân tộc Lê và Hán, xóa bỏ trạng thái cách ly giữa hai dân tộc, rồi khen thưởng công việc khai khẩn, giảm nhẹ hình pháp, bớt sưu thuế, có sự bảo đảm tối thiểu cho cuộc sống của dân tộc Lê, khiến họ an cư lạc nghiệp. Chỉ có làm như vậy mới ngăn chặn được việc dân cư bỏ trốn, tránh để đất hoang. Quan phủ vừa có thể thu đủ sưu thuế, cuộc sống của dân chúng có thể từng bước giàu có lên. Nếu như làm được điểm này và thêm vào đó “tâm giáo” thì có thể khiến họ qui thuận, triều đình và quan phủ địa phương bất tất phải bận rộn vào việc điều binh khiển tướng, đánh Đông dẹp Tây. Bài viết “kế sách trị Lê” cũng như bài viết “Bình Lê sách” sau này khi ông tham gia thi hội ở kinh đô, đều vì ông chỉ là một thư sinh mà không được coi trọng, như hòn đá ném xuống biển lớn, điều đó đã trở thành một nguyên nhân khiến cho sau này Hải Thụy vứt bỏ thi cử, nghe theo sự phân phối của bộ Lại.

## **CHIA LO VỚI DÂN**

Khi Hải Thụy đến nhận nhiệm vụ ở Thuận An đã phá bỏ thói quen đón người tới tiễn người đi, mặc quần áo dân thường đi phỏng vấn riêng, hết sức thể nghiệm và quan sát dân tình, cảnh tượng đau khổ của dân chúng ven đường đã làm ông rất lo lắng, việc đầu tiên khi ông giao tiếp với tri huyện tiền nhiệm là cấp phát lương thực cứu tế, đồng thời triệu tập dân bỏ

đi trở về quê hương, trồng trọt đất bỏ hoang. Ngay buổi chiều trong ngày tri huyện tiền nhiệm rời chức, lương thực cứu tế đã phát đến tay hương dân.

Khi ông hiểu được nguyên nhân chủ yếu của việc trăm họ lưu lạc cùng khốn, đất đai bỏ hoang là do sưu thuế quá nặng, lại thêm cường hào bóc lột, ông càng quyết tâm chia lo với dân, dùng hành động thực tế để xóa bỏ những tật bệnh do quan niệm thế tục sinh ra như “làm việc không thể nghiêm túc, nghiêm túc sẽ sinh oán, mang vạ” v.v... Không lâu sau, trước cửa nha môn, tri huyện huyện Thuần An có dán một bản “cáo thị”, đại ý là từ nha lại huyện trở lên đều phải hiểu được dân tình, quan tâm nỗi đau khổ của trăm họ, không cho phép đầu cơ, dựa thế leo lên, lấy của cải của dân chúng; không cho phép nhận hối lộ, không cho phép mời khách, tặng tặng phẩm, nịnh bợ cấp trên. Nếu có người mắc phải, nhẹ thì cách chức, nặng thì ràng buộc bằng pháp luật. “Cáo thị” vừa dán, quan lại trong huyện người người đều tự tỉnh ngộ không dám phóng túng, trăm họ chạy đi nói với nhau, gọi là “lệnh trong sạch”. Tất cả những điều đó làm cho Hải Thụy vui sướng cảm thấy có niềm an ủi. Sau này ông lại phá bỏ một số “thường lệ” trong huyện nha, lại một lần nữa dán “cáo thị”. Theo thường lệ số bạc phân bổ đến từng giáp, từ mỗi hộ mỗi năm bốn, năm lạng bạc, giảm xuống hai, tiền để cung cấp cho chi tiêu cần thiết của huyện nha. Nếu gặp quan viên người quyền quý qua lại, thì không mời khách, không tặng quà; đối với sự phân bổ của thượng ty, nếu hợp lý thì lấy trong tiền thuế, tiền phạt giao nộp, nếu không hợp lý, một xu cũng không đưa. Hải Thụy nói như vậy và cũng làm như vậy, ông hai lần về kinh đô, lộ phí chỉ dùng hết 48 lạng, mọi việc tặng quà, hối lộ, nhất thiết không làm, kết quả là trăm họ ca ngợi, ô lại nghiêng rãng.

### **LIỀU CHẾT DÂNG THU**

Do có thành tích nổi bật, Hải Thụy được nâng cấp làm Chủ sự ty Vân Nam trong bộ Hộ. Sau khi nhận nhiệm vụ không lâu đã thấy tỷ lệ thu chi của nhà nước mất cân đối nghiêm trọng, mấy năm trước, gian thần cầm quyền, công khai hối lộ, tùy ý tiêu xài, cục diện dân không đủ sống hầu như không thay đổi chút nào, Hải Thụy thường vì hiện trạng tài chính quốc gia

cạn kiệt mà lo lắng. Sau đó ông lại nghe nói nhà vua đã hơn 20 năm không gặp triều thần, chỉ một mực sùng tín Đạo giáo, lập đàn tế rượu để cầu trường sinh bất tử. Còn các quan, liêu ở các nha môn thì phần lớn gặp việc là đùn đẩy, gặp việc rõ ràng là không hợp dân tình cũng một mắt nhắm, một mắt mở, được sao hay vậy. Một số đại thần, gián quan không hề bàn luận việc được mất của triều đình, người nào người ấy miệng kín như bưng, về văn bản không có ý muốn can ngăn. Những điều đó làm cho Hải Thụ vô cùng phẫn nộ. Được giáo dục bởi hệ thống phong kiến, từ trong câu cách ngôn lưu truyền ngàn đời “văn chết vì can ngăn”, “võ chết vì chiến đấu”, Hải Thụ đã lãnh hội được sự gợi ý và tự lượng sức mình. Ông hạ quyết tâm liều chết dâng thư nói thẳng về các tệ nạn. Ông hết lòng hết sức cấu tứ nội dung bài sớ tâu lên, đã lợi dụng thời gian còn lại sau khi xử lý công việc và mười mấy đêm, viết xong bản thảo đầu tiên, sau đó qua nhiều lần suy nghĩ, sửa chữa, cuối cùng đã hoàn thành bản sớ tấu làm chấn động trong, ngoài triều đình.

Sự việc có khi may, vào lúc Hải Thụ hoàn thành bản sớ tấu, hoàng đế đang tin nghe lời nói bậy của đạo sĩ, tin rằng chỉ trong mấy giờ nữa mình có thể lên trời thành tiên, nên đã xuống chiếu họp triều sớm, lệnh các quan đến chúc mừng, nhưng có một điều, trong biểu tấu ngoài nội dung lên trời thành tiên ra, không được tâu bậy về bất kỳ chính sự nào, người nào vi phạm sẽ bị chém đầu. Hải Thụ - người đã từng đặt tính mệnh của mình ra ngoài suy tính, đã coi lần lên triều này là một cơ hội tuyệt đẹp, sau khi nghe lời các lão thần tấu biểu ca ngợi công đức, chưa đợi đến lượt mình đã từ đằng sau hô lớn: “Thần Hải Thụ tấu!”, nghe thấy tiếng hô đồng ý cho lên tấu, đã hiên ngang cất bước, đến trước điện Phụng Thiên, cất cao giọng thưa: Chủ sự ty Vân Nam, bộ Hộ cẩn thận tâu rằng: Nói thẳng việc thứ nhất trong thiên hạ là để làm ngay thẳng đạo vua, làm sáng tỏ chức trách của thần tử, cầu việc vạn đời trị an..., mới bắt đầu hoàng đế Gia Tĩnh còn chưa cảm thấy có gì khác thường, nhưng ông ta càng nghe càng thấy không thích thú, nhất là đến cái câu như “người cương trực, sáng suốt thì dùng sai” v.v... thì hoàng đế đã biến sắc mặt, xấu hổ quá thành nổi giận, sai thái giám đến

thu tấu sớ của Hải Thụy, rồi đuổi xuống điện, vội vàng hạ lệnh thoái triều. Sau đó, lệnh bắt Hải Thụy, nhốt vào lao, cho đến hơn hai tháng sau khi hoàng đế Gia Tĩnh chết, Hải Thụy mới được thả. Hải Thụy liệu chết dẫu thư, khí phách lắm liệt, để sinh tử ra ngoài suy tính của ông đã làm cho văn võ đại thần có lòng chính nghĩa ở kinh đô rất khâm phục.

## **XÉT LẠI ÁN OAN**

Một sống mười chết - Hải Thụy, sau khi ra ngục trước sau được cử làm Thượng Bảo Ty Thừa, Đại lý tự hữu tự thừa v.v... với phẩm cách thanh liêm cương trực, không sợ cường quyền đã triển khai cuộc đấu tranh với bọn gian thần quyền quý. Ở Đại lý tự và khi cùng những người có liên quan kiểm tra vấn đề đại xá, ông phát hiện thấy “di chiếu” và “lệnh đại xá” đối với các quan văn võ nói chung chỉ là bài viết quan dạng mà thôi, đồng thời còn chưa được triệt để chấp hành. Trước sự việc này, Hải Thụy không để ý đến sự phản đối và công kích của người khác, đã viết sớ biểu đạt những án oan mà mắt mình nhìn thấy cũng như ý kiến về tha, miễn. Sau khi viết xong đã dâng lên Hoàng đế Long Khánh. Hoàng đế Long Khánh rất coi trọng Hải Thụy, sau khi lên ngôi đã nhiều lần đề bạt Hải Thụy, nay thấy Hải Thụy có sớ tâu lên, trong lòng rất phấn khởi. Nhà vua cảm thấy nếu thực sự làm theo điều Hải Thụy đã nói, làm cho ân trạch phủ khắp thiên hạ thì đối với hoàng vị sẽ có nhiều điều tốt. Thế là nhà vua đã phê vào bản sớ: “Các Bộ bàn rồi báo lại”, rồi chuyển cho nha môn các Bộ. Nha môn các Bộ một khi thấy thánh chỉ liền vội vàng tổ chức người kiểm tra các án cũ, án oan, rồi thông lệnh cho quan phủ địa phương làm theo. Kết quả là có hàng ngàn, hàng vạn tù phạm được tha, giảm. Bọn họ khi được tự do, đã hô to vạn tuế một cách tự nhiên, cảm ơn ơn tái sinh của hoàng đế. Các quan báo cáo tình hình đó về triều đình, hoàng đế Long Khánh vô cùng phấn khởi, ông nói một cách tán thưởng với các đại thần trong triều: Nếu các quan viên trong thiên hạ đều giống như Hải Cương Phong, trên thì thể hiện được ý yêu dân của triều đình, dưới thì chia lo với trăm họ, giang sơn Đại Minh sẽ lưu truyền mãi mãi, muôn đời bình an.

## **LÀM VIỆC THEO LỄ CÔNG BẰNG**

## KHÔNG VÌ TÌNH RIÊNG

Sau khi được cử làm tuần phủ Ứng Thiên, tiếp xúc với “vụ án cha con họ Từ” đã làm tâm tình ông nặng nề. Dưới đây là sự thực mà vụ án này đã vạch trần, một là con em, gia nhân họ Từ ỷ vào quyền thế của Từ Giai, lừa dối cưỡng đoạt của cải, chiếm đoạt hơn 40 vạn mẫu ruộng đất của dân nghèo; hai là làm nhục dân thôn, vợ vét tiền của, cưỡng bức dân nữ làm vợ, hoặc lấy làm gia nô; ba là câu kết với quan lại thân hào, tùy ý trả thù, vu cáo hãm hại người khác, khiến cho hơn 10 người bị chết, còn những việc như bắt trói, đánh đập, cậy thế khinh người không kể hết được. Do vụ án này liên quan đến Từ Giai, vị tướng quốc đã thôi chức, Hải Thuy không thể làm việc không thận trọng. Từ Giai đã từng “có ơn cứu mạng” đối với Hải Thuy, vào thời tiên đế, do Hải Thuy dâng “sớ trị an” mà thân bị giam trong tù, nhờ có Từ Giai ở trong khuyên giải, ông mới thoát chết; tiên đế tạ thế, cũng chính là Từ Giai thảo “di chiếu” xóa bỏ tặc nạn, muôn dân mừng vui, Hải Thuy cũng được ra khỏi nhà giam. Sau này, Hải Thuy phục hồi nguyên chức quan cũ, lại nhiều lần được cất nhắc, cho đến hiện nay giữ chức tuần phủ Ứng Thiên, cũng là có sự tiến cử đặc lực của Từ Giai. Thế nhưng cuối cùng, tính nết chính trực ngay thẳng của Hải Thuy vẫn chiếm ưu thế, ông cho rằng nếu truy xét rõ mấy sự kiện này, nắm chắc từng sự việc, thì con em họ Từ chỉ có bị bắt giam rồi hành quyết, chứ không còn con đường khác. Mà tướng quốc Từ cũng có liên lụy khó tránh khỏi tội. Trải qua điều tra tỉ mỉ chặt chẽ, cuối cùng Hải Thuy đã kiểm tra rõ vụ án mà trăm họ cáo giác con em họ Từ, về cơ bản là đúng, chỉ vì sợ quyền thế của Từ Giai nên từ trước đến nay không có ai dám đụng chạm đến. Nếu xử lý vụ án này cho rõ ràng, làm sáng tỏ pháp luật thì sẽ trừ được mối hại lớn cho trăm họ Giang Nam. Thế là Hải Thuy ra sức khắc phục mọi khó khăn, hai lần tới nơi ở của họ Từ tại Tùng Giang Phủ và huyện Hoa Đình, bắt em trai Từ Giai là Từ Trắc, ra lệnh cho Từ Giai trả lại vàng bạc nhận hối lộ, trả lại ruộng dân bị chiếm đoạt, đốt một phần số nợ và hợp đồng, vì dân trừ gian. Cũng chính là do Hải Thuy cương trực, không a dua đã làm méch lòng bọn quan liêu như Từ Giai v.v... nên cuối cùng ông đã bị bãi quan.

Năm thứ 16 sau khi Hải Thụy bị buộc phải bãi quan, vào lúc ông 72 tuổi lại được tiến cử ra làm quan lại, giữ chức Hữu đô ngự sử Nam kinh đô sát viện. Vì việc này Hải Thụy vô cùng cảm kích, một lòng muốn mang cái tuổi xưa nay hiếm, trở lại quan trường, báo đáp triều đình. Trong lúc làm việc ông ngày đêm gắng sức, cuối cùng mắc bệnh nặng, không may ốm chết. Sau khi ông chết, kiểm tra lại các di vật của ông, chỉ có hơn 10 lạng phụng ngân, mấy chiếc lễ phục rách, quần áo rách, ủng rách... Tình trạng thanh bần đến ngay các bần sĩ cũng không đến như vậy của ông đã làm cho nhiều người đau lòng. Sau khi Hải Thụy chết, triều đình đặt tên Thụy cho ông là “Trung Giới”, tặng Thái Tử Thiếu bảo.



## 98. TRƯƠNG CƯ CHÍNH

### SOI XUA BIẾT NAY,

### YÊU ĐÒI TRỊ LOẠN

Trương Cư Chính (1525 - 1582) tự Giáo Đại, người huyện Giang Lăng - Hồ Bắc. Trương Cư Chính từ bé đã thông minh hơn người. 15 tuổi đã thi đỗ tú tài. Tuần phủ Hồ Quảng là Cố Lân rất tán thưởng tài văn chương của ông, nói ông là nhân tài có thể trị lý quốc gia. Không lâu, Trương Cư Chính thi hương đỗ, Cố Lân cởi thắt lưng đai có khảm sừng tê giác tặng ông, và nói: Sau này ông nhất định đeo đai ngọc, chiếc đai tê giác này chưa xứng với ông. Gia Tĩnh năm thứ 26, Cư Chính thi đỗ tiến sĩ, được tuyển làm Thứ cát sĩ, ngày ngày nghiên cứu điển chương quốc gia. Bọn các người như Từ Giai v.v... rất coi trọng ông.

Trương Cư Chính mặt dài râu dài, mi thanh mục tú, dám làm việc lớn, tự so sánh với hào kiệt. Trong lòng ông đã có sẵn mưu kế mà người khác mò không thấy ngọn nguồn. Nghiêm Tung làm Thủ phủ, oán hận Từ Giai, những người có quan hệ tốt với Từ Giai do sợ hãi Nghiêm Tung đều không dám qua lại với Từ Giai nữa, chỉ có một mình Cư Chính coi như không có chuyện gì, do vậy Nghiêm Tung rất coi trọng ông. Sau này Cư Chính được thăng lên làm Hữu trung doãn, lãnh Quốc tử ty nghiệp sự. Ông có quan hệ tương đối tốt với Quốc tử tế tửu Mã Cung, cùng cố vũ lẫn nhau tương lai sẽ thực hiện nghiệp lớn vĩ đại làm tế tướng một phen. Không lâu, Cư Chính lại giữ chức Xuân phường sự, thăng làm giảng đọc cho Dụ Vương Ma Đế. Dụ Vương cũng kính trọng ông. Sau khi hoàng đế Thần Tôn lên ngôi, Cư Chính làm Thủ phụ. Hoàng đế Thần Tôn triệu kiến Cư Chính ở bàn làm việc, cố vũ ông, và thưởng cho ông tiền vàng bạc, lụa, áo măng bào và triều phục.

Là một nhà chính trị từ đời Gia Tĩnh đến đời Vạn Lịch, Trương Cư Chính chủ yếu trong những năm đầu của đời Vạn Lịch đã nhằm thẳng vào

các tệ nạn chính trị, quân sự kinh tế, tiến hành không ít cải cách, có ảnh hưởng to lớn.

## **CHÍNH ĐỐN LẠI**

### **SỰ CAI TRỊ CỦA QUAN LẠI**

Hoàng đế Thần Tôn thực lòng dựa vào Cư Chính, mà Cư Chính cũng coi việc thiên hạ là nhiệm vụ của mình, trong triều ngoài triều đều muốn hưởng về phong độ Cư Chính. Cư Chính khuyên Thần Tôn tuân thủ chế độ cũ tổ tiên, không cần phải sửa đổi nhiều, còn các việc như giảng, bàn luận học thuật, gần gũi người hiền, yêu mến nhân dân, tiết kiệm chi tiêu đều là những việc cần phải làm gấp. Thần Tôn rất tán thưởng ý kiến của ông. Thế là tiến hành sát hạch trên qui mô lớn với đại thần trong triều, đuổi một số người không xứng chức và dựa vào quyền thế. Nhà vua lại xuống chỉ triệu tập quần thần, ngay tại triều ra lệnh tiến hành chính đốn, trăm quan văn võ đều rất sợ hãi. Sau khi Cư Chính nắm quyền triều chính đã lấy các việc tôn trọng hoàng quyền, khảo sát quan lại, thưởng phạt thật thà ngay thẳng, thống nhất hiệu lệnh làm công tác chủ yếu. Ngay dù ngoài vạn dặm thì sáng sớm hạ lệnh, đến tối đã được thi hành. Kiểm Quốc công Mộc Triều Bật nhiều lần phạm pháp, lẽ ra phải bắt giam trị tội, nhưng đại thần triều đình cảm thấy khó xử lý. Cư Chính liền tuyển dùng con trai ông ta đi bắt ông ta. Triều Bật không dám chống lại. Sau khi giải về triều, Cư Chính xin miễn cho Mộc tội chết, nhưng giam ông ta ở trại giam Nam Kinh.

Sông vận chuyển lương thực đã thông, Cư Chính cho rằng lương thực mỗi năm sau tết mới vận chuyển, vào lúc đó nước sông mù mịt, mưa hạn khó lường, gặp mưa thì quyết định bởi đê điều, gặp hạn thì lòng sông cạn khô, vì vậy ông quyết định tiếp nhận ý kiến của đại thần quản lý vận tải đường sông, đốc thúc phu chở thuyền từ tháng mười đã vận chuyển, đến đầu năm đã xong, do đó mà giảm bớt được nguy hiểm gặp phải thủy họa. Sau khi phương pháp vận chuyển lương thực này thực hiện được một thời kỳ, kho lương thực nhà nước đã đầy ắp lương thực.

Cư Chính còn lập ra “phép khảo thành” dùng để khảo sát thành tích quan lại. Ban đầu các quan viên ở các bộ viện thường kéo dài thời gian thông báo, Cư Chính đã ra lệnh phải theo sự lớn nhỏ của công việc và tình hình gấp hay không vội để hạn định thời gian, nếu nhờ việc sẽ phải trị tội. Từ đó trở đi các quan viên khi có việc đều không dám che giấu, làm việc đều rất nghiêm túc cẩn thận.

Trương Cư Chính cho rằng Ngự Sử ở ngoài thường làm nhục đại thần tuần phủ, muốn chinh trị bọn họ thì gặp việc dù chỉ hỏi không hợp cũng lập tức trách cứ; lại hạ lệnh tiến hành khảo sát lâu dài bọn họ. Cấp sự trung Dư Mậu Học xin Cư Chính thực hành chính sách khoan dung, Cư Chính cho rằng đó là sự châm biếm đối với mình, liền cách chức ông ta. Tiếp đó Ngự sử Phó Ứng Trinh cũng nêu ý kiến giống như vậy, đồng thời nói càng khẩn thiết hơn, cũng bị giam vào ngục, bị phạt đánh rồi sau bị sung quân. Bọn cấp sự trung Từ Trinh v.v... cùng mang hộp thức ăn đến ngục thăm hỏi, đều bị bắt rồi giáng chức ra ngoài. Ngự sử Lưu Đài đi tuần tra Liêu Đông, tấu sai tin thắng trận, Cư Chính dẫn dùng lệ cũ trị tội, Lưu Đài ngược lại đã viết biểu đàn hạch các hành vi phạm pháp của Trương Cư Chính như chuyên quyền bừa bãi v.v... Trương Cư Chính vô cùng tức giận, nhà vua nhân đó xuống chiếu bắt giam Lưu Đài vào ngục, lệnh đánh một trăm gậy, sau đó sung quân ra vùng biên giới xa xôi. Cư Chính giả vờ dưng sớ cứu ông ta, lúc đó chỉ tước bỏ chức quan, nhưng sau đó vẫn bắt Lưu Đài sung quân. Từ đó các cấp sự trung và ngự sử đều càng thêm sợ Cư Chính.

## **CÙNG CỐ BIÊN PHÒNG**

Biên phòng quan trọng nhất lúc này là dải Liêu Đông, Kế Môn, Tuyên Hoá, Đại Đồng. Cư Chính thích thú những bộ hạ về chính trị lập được công, lại có thể dùng các loại thủ đoạn phục vụ ông, vì thế mọi người đều vui lòng hết sức vì ông. Lãnh tụ bộ tộc Thát Đát là Yểm Đáp đã giao hảo với triều Minh, rất lâu không gây ra nguy hại ở biên giới. Chỉ có mỗi một “tiểu vương tử” dẫn hơn 10 vạn người, từ một dải Đông Bắc đến Liêu Tả, do không được lợi dụng giữa các thành phố với nhau, đã nhiều lần quấy rối biên giới. Cư Chính dùng Lý Thành Lương trấn thủ Liêu Đông, Thích Kế

Quang trấn thủ Kế Môn, Vương Sùng Cổ, Phương Phùng Thời làm Thống binh đại viên trấn thủ Tuyên Đại. Lý Thành Lương cố gắng tác chiến, đánh bại quân địch, công lao rất lớn, được phong làm bá tước. Kế Môn là nơi che chắn cho kinh đô, lại là nơi xung yếu về quân sự, ông càng coi trọng, cử Thích Kế Quang làm quan Tổng binh, giữ và bảo vệ các nơi như Kế Châu, Vĩnh Bình, Sơn Hải quan v.v... Thích Kế Quang huấn luyện quân sĩ, dùng chiến xa và bộ binh phối hợp kíp binh tác chiến, cảnh giác phòng thủ, luôn trong 16 năm bảo đảm an toàn cho kinh đô. Cư Chính hết sức ủng hộ bọn họ, nên biên giới bình an vô sự. Đốc phủ Lương Quảng, Ân Chính Mậu, Lăng Vân Dực cũng mấy lần phá địch có công. Dân binh Triết Giang lại gây sự một lần nữa, Trương Cư Chính dùng Trương Giai Dận đến vỗ về, lập tức dẹp yên được. Vì thế người người đều nói Trương Cư Chính biết người và giỏi dùng người.

Sau khi biên phòng vững chắc, thiên hạ thái bình, lũ trộm cướp lại nổi nhau trỗi dậy, thậm chí có bọn tiến vào thành thị, cướp đoạt kho tàng của quan, nhưng các quan lại che giấu không báo cáo. Cư Chính nghiêm lệnh cấm loại hành vi đó. Đối với những người che giấu tình hình bọn trộm cướp không báo cáo, thì dù được coi là quan lại tốt, cũng nhất định phải bãi miễn. Bắt được bọn cướp, phải xử tử ngay, quan lại các cấp từ đó không ai dám che giấu sự thực nữa. Bọn ăn cướp ở biên cương, bờ biển mà số tiền và lương thực đạt đến một số lượng nhất định thì theo lệ đều xử tử hình, thế nhưng bọn này chỉ bị giam hãm lâu dài trong nhà tù hoặc chết ở trong ngục. Chỉ có Cư Chính là tìm cách giết chúng cho thật nhanh, hơn nữa còn truy bắt gia thuộc của chúng, thế lực của bọn trộm cướp do đó bị suy yếu rồi hết hẳn.

## **GIÀNH CẢM TÌNH LẠI NỔI LÊN**

Thái hậu Từ Thánh muốn về cung Từ Ninh, hỏi Cư Chính: Ta không thể sớm chiều trông nom hoàng đế, sợ rằng ngài sẽ không chăm chỉ học tập như trước, thành khẩn xử lý chính trị, không xứng với sự uỷ nhiệm của tiên đế. Tiên sinh gánh vác trách nhiệm giáo dục và bảo hộ hoàng đế, khác với các đại thần khác. Xin ông thay ta sớm tối giáo dục hoàng đế, giúp ngài lấy

đức tự dạy, quán triệt di mệnh của tiên đế lúc lâm chung! Không lâu sau đó, thân phụ Cư Chính chết. Lý Ấu Mục thị lang bộ Hộ muốn lấy lòng Cư Chính, nêu ra kiến nghị “giành cảm tình”. Cư Chính động tâm, xin với hoàng đế không đến làm việc ở nhà làm việc, mà mặc áo xanh, quần áo tang, thắt lưng gấp chéo ở nội các xử lý chính trị, lại xin thôi bổng lộc hàng năm. Hoàng đế đều đáp ứng, đến khi Thần Tôn cử hành đại hôn lễ, Cư Chính mặc triều phục tham gia công việc, cấp sự trung Lý Lai nói ông không hợp lễ tiết. Cư Chính cả giận giảng Lý Lai xuống làm Kiểm sự. Lúc này hoàng đế Thần Tôn càng quý trọng Cư Chính, thưởng cho Cư Chính bảng gỗ nhỏ dùng để kẻ viết, gọi ông là “Nguyên Phụ Trương Thiếu sư tiên sinh”, lấy lễ đối xử.

Lúc này lục cung hoàng hậu phi tần của hoàng đế Thần Tôn đã dần dần đầy đủ. Vàng bạc tiền tài dự trữ trong kho phần lớn là dùng dụ chỉ của hoàng đế thu từ quan phủ hoặc mệnh lệnh đưa vào cung, cung cấp cho việc chi tiêu. Cư Chính tâu lên chương mục thu chi do bộ Hộ trình hoàng đế, để nhà vua xem, và nói thu nhập mỗi năm không đủ chi tiêu, xin nhà vua để tờ trình chương mục chi thu của bộ Hộ ở bên cạnh, để thường xuyên xem xét, lượng thu mà chi, tiết kiệm những chi tiêu không cần thiết. Hoàng đế lại ra lệnh bộ Công đúc tiền để cung cấp cho chi tiêu. Cư Chính cho là lợi ích đúc tiền thu được không bù được chi tiêu nên cho ngừng làm. Quan lại xin cho Tô, Tùng thôi nhiệm vụ dệt vải, hoàng đế không đồng ý. Cư Chính lại trực tiếp thỉnh cầu với nhà vua, mới được giảm một nửa. Thần Tôn ở điện Văn Hoa, sau khi Cư Chính thị giảng xong, mới dâng tấu sớ của Cấp sự trung Lý Lai cầu xin trợ cấp vật chất và an ủi dân Giang Nam bị nạn cho Thần Tôn xem và xin cứu tế mất mùa, rồi nói: Hoàng thượng yêu dân như con, mà các cấp quan viên ở ngoài lại dùng việc công mưu lợi riêng, bóc lột nhân dân, lừa gạt nhà vua, phải chịu sự chế tài nghiêm khắc của pháp luật. Hoàng thượng cũng nên chú ý tiết kiệm chi tiêu, cũng nên cắt giảm mọi tiêu dùng, quần áo của nhà vua, tiền khen thưởng, bố thí v.v... Nhà vua gật đầu đồng ý. Cư Chính cho là bọn cường hào, quý tộc Giang Nam, cậy thế khinh người, có một số quan lại và cư dân điều tra cấu kết với nhau để dây

dựa trốn thuế, nên đã lựa chọn và đề bạt một số quan viên lớn sáng suốt có khả năng nghiêm chỉnh thực hành việc đốc thúc giám sát công nợ. Nhờ vậy mà thuế má mới được nộp đúng thời hạn. Dự trữ của quốc gia cũng một ngày một sung túc hơn.

Khi Thần Tôn mới thân coi việc chính sự, Cự Chính đã biên soạn các sự tích hưng vong trị loạn đời xưa, gồm hơn 100 điều vẽ thành tranh dùng lời lẽ thông tục thuyết minh để nhà vua dễ hiểu. Thời gian này, Cự Chính còn để các quan văn ghi chép những “Bảo huấn”, “thực lục” về các hoạt động của người trước như Thái Tổ v.v... rồi phân loại biên soạn thành sách, tất cả gồm bốn mươi nội dung: lập nghiệp khó khăn, chăm lo việc nước, chăm chỉ học tập, kính trời, noi theo tổ tiên, bảo vệ dân, thờ cúng Hán, sùng hiếu kính, ái mộ điều lành, thận trọng trong sinh hoạt thường ngày, ngăn chặn vui chơi an nhàn, chấn chỉnh việc cung, thân với hiền thần, bỏ bỏ gian tà, nghe lời can ngăn, quản lý tài sản, tuân theo pháp luật, vụ thực, chấn chỉnh kỷ cương, thăm tra các quan, cho giữ chức lâu dài, tôn trọng lệnh, đối xử đúng mức với ngoại thích, trọng nông tang, chấn hưng giáo hóa, thưởng phạt sáng suốt, thận trọng danh phận, giảm cống nạp, thúc giục tiết kiệm, thận trọng việc hình phạt, biểu dương công đức... Mà lời lẽ phần lớn nhằm đúng việc yếu hại, và đề nghị sau khi giảng kinh vào lúc nhàn rỗi tiến hành giảng giải. Lại đề nghị lập quan Cự trú để ghi chép lời nói, hành động của nhà vua và việc lớn trong ngoài nước, mỗi ngày cử bốn quan hàn lâm vào triều đảm nhiệm, theo mệnh lệnh của hoàng đế làm thơ văn hoặc làm cổ vấn. Hoàng đế Thần Tôn đều rất vui lòng tiếp thụ.

Cự Chính sau khi giành được cảm tình lại nổi lên, đã có chút nghiêng về việc riêng phóng túng, đối với việc biếm truất hoặc đề bạt quan lại, phần lớn căn cứ vào sự yêu ghét của mình, và điều đó đã làm cho nhiều người oán hận. Tháng ba, Vạn Lịch năm thứ mười, Trương Cự Chính bị ốm, hoàng đế Thần Tôn sai bọn Trương Tứ Duy v.v... xử lý công việc nói chung của nội các, còn các việc lớn vẫn đều phải đưa đến nhà Trương Cự Chính xin ông ta xử lý. Ngày hai mươi tháng sáu, Cự Chính ốm chết, hoàng đế Thần Tôn hạ lệnh ngừng thiết triều, dùng chín đàn cúng tế, làm tang lễ cho

Trương Cư Chính theo lễ nghi quốc công kiêm sử phó. Ban tặng Trạ quốc, thuy là “Văn Trung”, chôn ở Giang Lăng.



## 99. HOÀNG THÁI CỰC

### CẦM QUYỀN VỮNG NGÔI VUA, BIÊN CƯƠNG XÂY NỀN CHỨA

Ái Tân Giác La, Hoàng Thái Cực (1592 - 1643) là một nhà chính trị mưu lược trác việt trong lịch sử triều Thanh, người đặt nền móng cho vương triều Thanh. Hoàng Thái Cực văn võ song toàn, rộng rãi độ lượng, giỏi dùng mưu trí, ở ngôi mười bảy năm, chăm chỉ lo việc nước, đã làm cho chính quyền Hậu Kim từng bước phong kiến hóa, dốc hết tâm sức cho việc quân Thanh vào Quan (tức vượt qua Trường Thành), kiến lập chính quyền cả nước.

### MỘT LẦN THỬ SỨC, HOÃN BINH XUNG HÃN

Tháng giêng, Thiên Mệnh năm thứ 11 (năm 1626), Nỗ Nhĩ Cáp Xích thua trận bị trọng thương, chữa không được, bị chết. Vua kế vị chưa định, việc kế thừa Hãn vị xảy ra vấn đề. Trong quá trình thống nhất các bộ tộc Nữ Chân Nỗ Nhĩ Cáp Xích đã xây dựng chế độ Bát Kỳ. Bát Kỳ lấy Nỗ Nhĩ Cáp Xích làm thống soái tối cao, kỳ chủ các kỳ (tức tám (bát) Hòa Thạc Bối Lặc) đều do con cháu thân tín của Nỗ Nhĩ Cáp Xích đảm nhiệm, bọn họ đều có thể kế thừa ngôi Hãn. Trong các kỳ chủ chỉ có Đại Thiện, A Mẫn, Mãng Cổ Nhĩ Thái và Hoàng Thái Cực là có thế lực lớn nhất, được phong làm bốn Đại Bối Lặc. Nỗ Nhĩ Cáp Xích hạ lệnh cho bốn người “Mọi cơ mưu trong nước, đều do Bối Lặc trực ban tháng năm giữ”. Nỗ Nhĩ Cáp Xích có 16 con trai, Hoàng Thái Cực là con trai thứ tám, lúc này con trai cả là Chư Anh đã chết, rõ ràng là kế thừa Hãn vị chủ yếu được sản sinh trong bốn Đại Bối Lặc.

Hoàng Thái Cực trong tuổi thanh niên đã theo cha chinh chiến các chiến trường, “dùng lực không ai sánh nổi, có nhiều chiến công, tướng sĩ và quân

lính cai quản lãnh đạo đều tinh nhuệ”. Trong trận đánh Tát Nhĩ Hử, Hoàng Thái Cực đã chuyển đánh ba lộ, dẫn đầu xung phong hãm trận, dũng cảm phá địch, chiến công lẫm liệt, được Nỗ Nhĩ Cáp Xích tán thưởng: “Con ta Hoàng Thái Cực, cha anh dựa vào được, như thân người có mắt”. Hoàng Thái Cực còn kiêm lãnh đạo hai Hoàng Kỳ, thực lực hùng hậu, đã trở thành một trong những nhân vật hạt nhân trong quý tộc Mãn Châu. Trải qua một phen thử sức, Hoàng Thái Cực được các Bối Lặc tiến cử kế thừa ngôi Hãn.

Để khống chế cục diện, lung lạc nhân tâm, lên ngôi được hai ngày, Hoàng Thái Cực đã thân dẫn mười bốn Bối Lặc lớn nhỏ làm lễ tuyên thệ, cáo trời đất. Trong lời thề có viết: “Nay các anh, em, con, cháu ta lấy quốc gia, nhân dân làm trọng, cử ta làm vua. Nếu ta không tôn kính huynh trưởng, không yêu con em, không thi hành chính đạo, biết rõ là việc phi nghĩa mà vẫn làm, anh em con cháu có sai lầm nhỏ, sẽ tước đoạt hộ khẩu mà hoàng khảo (vua cha đã mất) ban cho, hoặc biếm hoặc giết, giời đất chứng giám”. Sau đó ba Đại Bối Lặc và các Bối Lặc cũng lần lượt thề với trời. Thề xong, Hoàng Thái Cực dẫn các Bối Lặc làm đại lễ tam bái với Đại Bối Lặc, đồng thời tuyên bố không lấy lễ bầy tôi đối xử với họ, qui định bốn người ngoảnh mặt về phía Nam cùng ngồi coi triều, cùng chấp chính. Hoàng Thái Cực biết rõ trước mắt còn chưa có khả năng thống nhất thiên hạ, vì thế ông ta làm như vậy vừa làm theo chế độ cũ vừa không vi phạm mệnh cha, lại biểu thị được mình không có lòng độc tài, khoan hậu rộng rãi, mà thực ra là kế hoãn binh.

## **CẢI CÁCH NỘI CHÍNH, CỦNG CỐ QUYỀN VUA**

Hoàng Thái Cực là một nhà chính trị có trí có mưu, để thích ứng với đòi hỏi phát triển của chế độ phong kiến, tăng cường quân quyền, ông đã áp dụng một loạt biện pháp.

“Điều quan trọng của việc trị nước là phải yên dân trước”. Để ổn định sự thống trị của Hậu Kim, đạo dụ thứ nhất của Hoàng Thái Cực sau khi lên ngôi đã nhấn mạnh: “Điều quan trọng của việc trị nước là phải yên dân

trước”, có sự thay đổi đối với chế độ thời Nỗ Nhĩ Cáp Xích. Nhằm thẳng vào tình hình có rất nhiều người Hán bỏ chạy, ông hạ lệnh, bất luận là quan hay là dân người Hán trước đây muốn chạy trốn hoặc ngầm đi lại với triều Minh, dù đã bị tố cáo, phát hiện, thì cũng không luận tội, nhưng từ nay trở đi không được tái phạm. Phạm là việc xét xử tội phạm, làm nhiệm vụ công sai, sưu dịch, người Mãn và Hán không thể khác nhau, không cho phép tất cả người Mãn tùy tiện lấy gia súc của dân Hán, không cho phép sách nhiễu tiền của của quan Hán, kẻ nào vi phạm sẽ trị tội. Đình chỉ sưu dịch đại qui mô, cho dân nghỉ ngơi, phát triển nông nghiệp. Ông đã sửa chữa biên chế trước đây dựa vào phẩm cấp của quan Mãn mà phân cho một vài người Hán làm nô lệ, qui định người Hán không ở lẫn với người Mãn, mà biên chế họ thành hộ dân, dùng quan người Hán quản lý. Những biện pháp này làm cho mâu thuẫn dân tộc đang gay gắt có dịu đi, giúp cho sự củng cố của chính quyền Hoàng Thái Cực.

## **CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ QUAN, TĂNG CƯỜNG TẬP QUYỀN**

Đối với việc làm thế nào để tăng cường tập quyền, hoàn thiện cơ cấu thống trị Hậu Kim, giải quyết mâu thuẫn với Kỳ chủ Bát Kỳ nhất là với các Đại Bối Lặc, lúc nào Hoàng Thái Cực cũng tính mưu tính kế trong lòng. Ông đã thay đổi những qui tắc đã thành lệ do Nỗ Nhĩ Cáp Xích định ra, đặt một đại thần tổng quản ở các Kỳ, đặt hai đại thần tá quản, cùng các Bối Lặc tham gia bàn bạc chính sự hoặc giúp đỡ việc nước, đặt thêm một số chức quan, làm yếu và phân tán đặc quyền của các vương, Bối Lặc các Kỳ.

Thiên Thông năm thứ ba (năm 1629), Hoàng Thái Cực lấy cớ “ba Đại Bối Lặc do trực ban thán, nên mọi việc cơ vụ đã làm phiền chư huynh, nhiều cái không tiện”, đã tuyên bố phế bỏ nghi thức bốn Đại Bối Lặc ngoảnh mặt về phía Nam coi triều chính, đổi thành một người trong bọn họ ngoảnh mặt về giữa Nam nghe triều chính, còn các Bối Lặc khác chia đứng hai bên; địa vị Hãn Vương của Hoàng Thái Cực bắt đầu đột xuất.

Thiên Thông năm thứ năm (năm 1631), Hoàng Thái Cực căn cứ vào kiến nghị của quan nhà Hán, phỏng theo chế độ triều Minh, thiết lập sáu bộ, lấy Bối Lặc quản việc bộ. Khi gặp mặt đại thần sáu bộ, Hoàng Thái Cực yêu cầu họ vì việc công giữ pháp luật, phải theo ý chỉ của Hoàng Thái Cực mà làm việc. Thiết lập sáu bộ có hai dụng ý, một là tăng cường quân quyền, hai là thay đổi thói quen cũ của quý tộc Mãn Châu ngày trước bàn việc không có chương trình nhất định, chuẩn bị cho việc sau này xây dựng chính quyền cả nước. Vì thế, Hoàng Thái Cực còn lập Văn quán, mọi tấu chương đều ra vào ở đó, ra sức bổ nhiệm quan chức người Hán. Sau đó, ông đã đổi Văn quán làm Nội tam viện (Nội quốc sử viện, Nội bí thư viện, Nội hùng văn viện) giống như Nội các của triều Minh. Việc thiết lập sáu bộ đã làm cho chính quyền Hậu Kim tiến một bước lớn trong quá trình phong kiến hóa, đồng thời do “mỗi Ty có chức trách của mình, việc không để lại” nên hiệu suất hành chính nâng cao rất nhiều, vì thế đã có quan chức Hán cho là “do đó mà tiến lên, sự nghiệp đế vương, lo gì không thành”.

Kết thúc “Bát vương cùng cai trị”. Sau khi thiết lập sáu bộ, mặc dù quân quyền được tăng cường, nhưng quyền uy của hoàng đế vẫn chưa hoàn toàn bao trùm lên các Bối Lặc, đặc biệt là với các Đại Bối Lặc quyền thế lừng lẫy cảnh làm như vậy. Hoàng Thái Cực còn suy tính làm thế nào để kìm hãm thế lực ba Đại Bối Lặc.

Thiên Thông nguyên niên (năm 1627) Bối Lặc thứ hai, A Mẫn “ôm chí khác” do hâm mộ cung điện mà hoàng đế triều Minh và quốc vương Triều Tiên đã ở, từng có ý muốn lưu quân đội đóng tại Triều Tiên, muốn dựng ngọn cờ khác. Lúc đó, Hoàng Thái Cực vừa mới lên ngôi, nên nín nhịn không đánh. Thiên Thông năm thứ tư (năm 1630) A Mẫn tự ý rút bỏ bốn thành, lại ngồi để các Bối Lặc khác quỳ lạy, “như là vua nước lớn”. Thế là Hoàng Thái Cực buộc cho A Mẫn 16 tội lớn, giam vào ngục, và sau đó chết trong ngục.

Tháng tám, Thiên Thông năm thứ năm (năm 1631), Bối Lặc thứ ba, Mãng Cổ Nhĩ Thái nhân việc sai khiến nhân viên mà sinh ra tranh chấp với Hoàng Thái Cực. Mãng Cổ Nhĩ Thái chất vấn Hoàng Thái Cực: “Hoàng

thượng vì sao chỉ gây khó cho mình ta? Muốn giết ta chẳng?”. Trong cơn giận dữ đã rút kiếm đeo bên mình ra khỏi vỏ kiếm 5 tấc, nhìn vua như trêu tức. Sau việc này, Mãng Cổ Nhĩ Thái lấy cớ uống rượu quá độ, lỡ lời cúi đầu xin tha tội. Kết quả, Mãng Cổ Nhĩ Thái với việc phạm “tội rút dao trước mặt vua”, bị mất danh hiệu Đại Bối Lặc, giáng làm Bối Lặc, phạt 20.000 lạng bạc và ngựa, giáp. Không lâu Mãng Cổ Nhĩ Thái uất hận mà chết.

Tháng 10 Thiên Thông năm thứ chín (năm 1635) Đại Bối Lặc Đại Thiện mời tiệc Hạp Đạt công chúa Mãnh Cổ Tế rất bất mãn với Hoàng Thái Cực làm ông ta cả giận, cho là “các Bối Lặc Chính Hồng Kỳ có rất nhiều việc khinh thị ta”, không tuân chế lệnh, làm loạn nhiều việc, kể tội Đại Thiện, thậm chí yêu cầu các Bối Lặc “cử một số người có quyền lực mạnh làm vua”, rồi đóng cửa không đi đâu. Làm như vậy đã dọa cho các đại thần Bối Lặc ai nấy đều vô cùng hoảng sợ, đến trước cửa cung quỳ xin Hoàng Thái Cực lên coi triều chính. Đại Thiện hầu như bị cách mất danh hiệu Đại Bối Lặc. Qua mấy lần bị đả kích, Đại Thiện có tính cách nhu nhược chỉ còn biết nghe theo mọi mệnh lệnh, không còn sức chống cự nữa. Đến đó tên “bốn Đại Bối Lặc” đã không tồn tại nữa.

Đến cuối những năm Thiên Thông, trên thực tế Hoàng Thái Cực đã khống chế sáu Kỳ Lưỡng Hoàng, Lưỡng Lam, Lưỡng Bạch, thế lực xâm nhập vào Tương Hồng Kỳ, cuối cùng kết thúc cục diện “tám vương cùng cai trị”. Với tài lược và mưu trí, trong thời gian không đến mười năm, Hoàng Thái Cực đã từng bước thanh trừ kẻ địch chính trị, thu tất cả đại quyền quân sự, chính trị vào tay mình, “làm cho chế lệnh nhất nhất nghe theo”.

Tháng 4 năm 1636, dưới sự cung kính tiến cử của Đại Thiện cùng với các Bối Lặc, đại thần và 16 bộ, 49 Bối Lặc ngoại Mông Cổ, Hoàng Thái Cực lên ngôi hoàng đế, đổi quốc hiệu là Thanh, đặt niên hiệu là Sùng Đức.

## **KHAI CƯƠNG PHÁ THỔ, TIẾN VÀO TRUNG NGUYÊN**

Trong quá trình xây dựng quốc gia thống nhất, Hoàng Thái Cực cảm thấy sâu sắc rằng mình đang ở vào trong sự bao vây từ ba phía đối địch: triều Minh, Mông Cổ, Triều Tiên; để cuối cùng quyết chiến với Minh, tiêu diệt triều Minh phải giải quyết Mông Cổ và Triều Tiên trước để trừ hậu họa. Sau việc này Hoàng Thái Cực đã tổng kết: “Lấy Yên Kinh như chặt cây lớn, phải chặt từ hai bên trước, như vậy cây lớn tự đổ”.

Chinh phục Triều Tiên và Mông Cổ. Trải qua mười năm dùng chiến tranh, vũ lực, Hoàng Thái Cực đã chinh phục Triều Tiên. Đối với Mạc Nam Mông Cổ, Hoàng Thái Cực đã dùng sách lược “lấy binh uy làm cho sợ, mà cảm ơn đức”, biến chinh phạt thành chiêu dụ vỗ về, hoàn thành một cách thuận lợi thống nhất Mạc Nam Mông Cổ. Hoàng Thái Cực từng nói với mưu thần ở bên mình là Phạm Văn Trinh: “Nay ở các nơi Mông Cổ mỗi lần đến triều đều cho ân lễ hậu, do đó mà một lòng hướng về, mà các nước Mông Cổ cũng được giàu có đầy đủ, an nhàn. Nếu lấy sức bắt người theo, không bằng làm cho tự trong lòng họ khâm phục là quý”. Để thay đổi tình trạng các bộ tộc Mông Cổ mọc lên như rừng, chém giết lẫn nhau, Thiên Thông năm thứ 9 (năm 1635) trên cơ sở chế độ lãnh chúa phong kiến vốn có ở Mông Cổ, Hoàng Thái Cực đã cho thi hành chế độ “Minh Kỳ”, thực hiện chia khu hành chính hợp nhất quân chính lấy Kỳ làm trung tâm, cử quý tộc phong kiến Mông Cổ làm Kỳ trưởng, đồng thời phong tước cao như Ngũ Công v.v... để lung lạc. Sùng Đức nguyên niên (năm 1636) Hoàng Thái Cực thiết lập Mông Cổ nha môn, sau đổi làm Lý Phiên Viện, ngang với sáu bộ, chủ quản sự vụ Mông Cổ. Lý Phiên Viện trở thành định chế của triều Thanh, là cơ cấu Trung ương, quản lý dân tộc thiểu số do nhà Thanh đặc biệt lập ra, để phát huy tác dụng quan trọng trong việc củng cố và phát triển sự thống nhất Trung Quốc đa dân tộc. Đồng thời với việc thi hành chế độ Minh Kỳ, Hoàng Thái Cực lại phỏng theo Bát Kỳ Mãn Châu, biên chế thành lập Bát Kỳ Mông Cổ, trực tiếp nghe lệnh Hoàng Thái Cực. Dưới sự chỉ huy của Hoàng Thái Cực, các bộ tộc Mông Cổ đã tham gia các chiến dịch trọng đại đối với Minh, trong quá trình tiến vào Trung Nguyên, chiến tích rất lớn.

Thay đổi chính sách đối với Minh và quyết chiến vào Quan. Hoàng Thái Cực từ lúc mới lên Hãn vị đã nhiều lần dùng binh với Minh, nhưng muốn trong một thời gian ngắn đánh những đòn chí mạng cho vương triều Minh thì lực lượng còn chưa đủ. Lúc đó vấn đề Triều Tiên, Mông Cổ và nhiều vấn đề trong nội bộ Hậu Kim còn chưa được giải quyết, vì vậy Hoàng Thái Cực đã thay đổi sách lược, chuyển sang “giảng hòa” với Minh, ý đồ làm tê liệt triều Minh. Hoàng Thái Cực, trong thư từ qua lại giảng hòa với triều Minh, không dùng ngôn từ quá khích, không đề niên hiệu Thiên Thông, ám thị tôn Minh, thừa nhận là thuộc quốc của Minh, lại nói muốn bỏ đế hiệu xưng Hãn để tỏ ý không muốn bằng vai bằng vế với Minh. Đồng thời, ông còn nêu ra những điều kiện hà khắc mà triều Minh về cơ bản không có cách gì tiếp thụ, từ đó đổ trách nhiệm không muốn giảng hòa cho đối phương. Thế là dưới cái cớ “muốn kết minh các thiên địa, cùng hòa hảo, không bao giờ xảy ra can qua”, Hoàng Thái Cực đã dẫn quân phá hoại biên cương, xâm nhập biên giới Minh, ra sức cướp đoạt. Thắng lợi của trận đánh Đại Lăng hà đã làm cho lực lượng quân sự của Hậu Kim được gia tăng mạnh mẽ, mở đường cho việc đánh lấy Ninh (Viễn), Cẩm (Châu) sau này.

Đánh giá tình hình Hậu Kim, Hoàng Thái Cực cho là: “Ngày nay là địch chỉ có nước Minh thôi”. Bước tiếp theo là chuyển sức đối phó với Minh, thực hiện ý nguyện nhập Quan chiếm lấy Trung Nguyên.

Do tình hình thay đổi nên Hoàng Thái Cực vốn giỏi mưu lược đã một lần nữa thay đổi quyết sách, từ chỗ nói nhiều đến “giảng hòa” nay chuyển sang chủ chiến. Hoàng Thái Cực thay đổi hẳn thái độ “lời lẽ tôn thuận” trước đây, trong gửi hoàng đế nước Minh đã tuyên bố với lời lẽ bức người: “Thiên hạ từ xưa đến nay, không phải do một họ chiếm hữu. Thiên hạ tuần hoàn, mấy người đế, mấy người vương... làm gì có việc con cháu đế cứ làm đế, con cháu vương cứ làm vương mãi vậy!”. Đồng thời lấy hoàng đế Đại Thanh tự xưng “trẫm” mà không xưng là “dư” nữa. Dục vọng chiếm đoạt chính quyền cả nước qua lời nói đã rõ.

Muốn đánh chiếm Bắc Kinh trước tiên phải lấy được Sơn Hải Quan, không phá được Sơn Hải Quan, quân Thanh không có cách gì đứng chân



được ở Quan nội. Mà muốn phá Sơn Hải Quan thì trước tiên phải chiếm được tám thành Ninh, Cấm. Trận đánh Tùng (Sơn), Cấm (Châu) kéo dài hai năm. Hai bên Minh, Thanh đưa vào mấy chục vạn binh lực, triển khai một trận quyết chiến sinh tử. Hoàng Thái Cực theo dùng kinh nghiệm thắng lợi ở trận đánh Đại Lăng hà, vây chặt quân giữ Tùng Sơn lâu đến nửa năm, trong thành hết lương, “người ăn thịt lẫn nhau, tướng không thể giữ”, cuối cùng thành Tùng Sơn bị phá, tướng bị bắt sống, quan binh hơn 3.000 người bị giết hết. Thất bại của quân Minh ở trận quyết chiến Tùng, Cấm đã làm cho lực lượng tinh nhuệ thương vong gần hết, không còn sức ngăn chặn tấn công của quân Thanh, làm yếu lực lượng triều Minh trấn áp khởi nghĩa nông dân, tăng nhanh sự diệt vong của triều Minh.

Trong chiến dịch này, Hoàng Thái Cực đã mang hết toàn lực ra chỉ huy, những thay đổi của chiến sự đã làm sức khỏe của ông tổn hại nghiêm trọng. Sau trận đánh, ngày 9 tháng 8, Sùng Đức năm thứ 8 (năm 1643) Hoàng Thái Cực đột ngột bị ốm chết, thọ 52 tuổi, thụy là “Văn Hoàng đế”, miếu hiệu “Thái Tôn”, ông chết vào đêm trước khi quân Thanh vào Quan, ý nguyện chiếm lấy chính quyền cả nước, mấy tháng sau được em trai ông là Đa Nhĩ Cổn thực hiện.

Trong quá trình kiến lập và phát triển của chính quyền Mãn Thanh, Hoàng Thái Cực với đảm lược phi thường, vận dụng mưu trí, chiến thắng kẻ địch trong ngoài, ổn định và làm vững chắc chính quyền, khiến lực lượng lớn mạnh, đã đập bằng con đường để cuối cùng chiếm lấy chính quyền triều Minh. Hoàng Thái Cực xứng đáng là một nhà chính trị mưu lược trác việt.

## **100. PHẠM VĂN TRÌNH**

### **BA TRIỀU NGUYỄN LÃO,**

### **MỘT ĐỜI CHỦ MƯU**

Phạm Văn Trình, tự Hiến Đẩu, hiệu Huy Nhạc, người thành phố Thẩm Dương, Liêu Ninh. Sinh vào Vạn Lịch, nhà Minh năm thứ 24 (năm 1596), mất năm thứ 5 Khang Hy nhà Thanh (năm 1666). Là khai quốc công thần triều Thanh, nhà chính trị, nhà mưu lược có tiếng.

Phạm Văn Trình xuất thân ở gia đình có tiếng, cụ là Phạm Ân, tiến sĩ những năm Chính Đức nhà Minh, làm quan đến Binh bộ thượng thư. Ông nội là Phạm Thâm, từng giữ chức Đông Tri Thẩm Dương vệ chỉ huy. Phạm Văn Trình từ nhỏ thích đọc sách, suy nghĩ nhanh nhạy, giỏi mưu lược. Thiên Mệnh, nhà Thanh năm thứ 3 (năm 1618) Nỗ Nhĩ Cáp Xích chiếm được Phủ Thuận, ông tự nguyện phục vụ, nhưng chưa được trọng dụng. Thiên Mệnh năm thứ 11 (năm 1626) Hoàng Thái Cực nối ngôi, phát hiện được tài trí của ông và trọng dụng, khiến ông trở thành một trong những mưu sĩ chủ yếu. Và từ đó Phạm Văn Trình bắt đầu cuộc sinh nhai mưu lược phò tá ba triều bốn vua.

### **GIỎI DÙNG PHẢN GIÁN,**

### **KẾ TRỪ TƯỚNG ĐỊCH**

Mùa đông, Thiên Thông năm thứ 3 (năm 1629), Hoàng Thái Cực thân dẫn đại quân, từ Long Tỉnh Quan, Hồng Sơn Khẩu vượt qua Trường Thành, tiến thẳng đến Bắc Kinh. Đột nhiên bị Tuần phủ Ninh Viễn, nhà Minh, là Viên Sùng Hoán, Tổng binh Cẩm châu là Tổ Đại Thọ dẫn quân đến cứu, kiên quyết chống cự, hai bên kịch chiến đến ngoại thành Bắc Kinh, giữ nhau không thôi.

Quân Thanh đánh lâu không được, thương vong ngày càng nhiều, tiếp tế lương thảo ngày càng khó khăn, không biết làm thế nào. Vào lúc đó, Phạm

Văn Trình hiến kế phản gián với Hoàng Thái Cực. Lúc này quân Hậu Kim bắt sống được hai viên Thái giám của triều Minh, Hoàng Thái Cực trước tiên mật lệnh cho bộ tướng cố ý bàn tán có mật ước với Viên Sùng Hoán, để cho Thái giám bị nhốt nghe trộm được, sau đó lại ra lệnh cho lính thả một Thái giám, khiến ông ta trở về triều Minh báo cáo với hoàng đế Sùng Trinh. Hoàng đế Sùng Trinh vốn hay ngờ vực đa nghi, quả nhiên nhầm tin là Viên Sùng Hoán và quân Thanh có mật ước, liền gọi Viên từ mật trận về bắt giam hạ ngục, không lâu sau xử tử. Tổ Đại Thọ nghe tin cả sợ, bất kể quân Thanh ở trước mặt, hoảng hốt dẫn binh tướng thủ hạ của mình chạy về Cẩm Châu. Như vậy, một phần kế phản gián của Phạm Văn Trình, không chỉ vì Hoàng Thái Cực trừ được một kẻ địch giỏi không thể chiến thắng trên chiến trường, mà còn làm cho quân Minh tự nhường một con đường, khiến quân Thanh có thể thông dong lùì ra ngoài Quan. Do đó, sự đối kháng quân sự của Minh, Thanh trong chốc lát xảy ra sự chuyển hóa không có lợi cho quân Minh.

### **GIÁ CÁCH “NGHỊ HOÀ”, THUẬN TAY DẮT CỪU**

Thiên Thông nguyên niên (năm 1632) Hoàng Thái Cực dẫn binh mã Bát Kỳ và các bộ tộc Mông Cổ vượt Hưng An Lĩnh, viễn chinh Sát Cáp Nhĩ, không ngờ Lâm Đan Hãn sau khi biết tình báo đã làm vườn không nhà trống, dẫn dân giàu và súc vật qua hết Hoàng Hà, để lại ngôi thành không. Đội Hoàng Thái Cực dẫn mấy vạn đại quân mệt mỏi đi đến Qui Hoá (nay là Hồ Hòa Hạo Đặc) thì người đã đi hết, thành đã rỗng không, không có cái ăn cái uống, một trời bốc khói. Quân Thanh đã từ lâu người mệt ngựa mỏi, lương thảo cạn kiệt, mỗi ngày đều có quân lính chết vì đói khát. Vào lúc này, nếu quân Thanh rút về theo đường cũ thì dọc đường đi đất xấu dân nghèo, tướng sĩ không được cái gì, bộ đội không có cái ăn, ngàn dặm cất quân nay trở về uống công, danh - lợi đều mất. Nhưng nếu binh mã đi sâu vào địa phận nhà Minh, cướp bóc một hồi, thì lại khổ vì việc xuất sứ không có tiếng, không dám tự tiện hành sự, thật là không biết xoay sở ra sao. Hoàng Thái Cực yêu cầu Phạm Văn Trình hiến kế. Phạm Văn Trình nói, dù

có thâm nhập, cũng chưa là thượng sách, mà phải lấy “nghị hòa” làm màn che. Ông giải thích thêm: Trước tiên có thể viết thư cho quan viên địa phương triều Minh ở gần biên giới yêu cầu nghị hòa, đồng thời hẹn chắc ngày tháng, đợi chờ kết cục, nghĩ rằng hoàng đế Nam triều, người đông miệng lắm, quan viên gần biên giới cũng không dám đảm đương, đến lúc đó có thể lấy cớ là thực lòng, muốn làm gì thì làm. Hoàng Thái Cực như thấy ra, lập tức áp dụng mưu kế của ông, một mặt viết thư cho các quan chức địa phương nhà Minh ở Đại Đồng, Dương Hòa, Tuyên Phủ... yêu cầu nghị hòa, nói hạn đến ngày 10. Mặt khác xua quân tiến thẳng đến Tuyên Phủ, Trương gia khẩu, dọc đường tung quân vơ vét, trở về đầy túi. Kết quả, đúng như Phạm Văn Trinh đã dự liệu, cho đến khi quân Thanh cướp bóc xong trở về, hiệp định “nghị hòa” vẫn còn chưa kịp báo cáo lên trên.

### **GIỚI QUAN SÁT NHƯỢC ĐIỂM, ĐÁNH VÀO LÒNG BẤT DỊCH HÀNG**

Sùng Đức năm thứ bảy (năm 1642) đại tướng triều Minh là Hồng Thừa Trù bị bắt sống khi thua trận ở Tùng Sơn. Hoàng Thái Cực yêu tài, muốn chiêu hàng để dùng. Đã cử nhiều người đến khuyên hàng, nhưng Hồng Thừa Trù thề chết không hàng, luôn mồm chửi mắng, khiến mọi người không biết làm thế nào. Hoàng Thái Cực liền cử Phạm Văn Trinh đến thử xem sao. Họ Phạm đến nơi Hồng ở, không nói một câu đến việc đầu hàng mà chỉ cùng Hồng Thừa Trù tán chuyện trên trời dưới biển, bàn việc cổ kim. Đang lúc nói chuyện, bụi trên dầm nhà rơi vào tay áo của Hồng, “Hồng phui đi phui lại nhiều lần”. Động tác nhỏ vô thức đó, người bình thường sẽ không lưu ý, nhưng sau khi quan sát một cách nhạy bén, Phạm Văn Trinh lộ ra vẻ tự tin yên tâm. Ông hiến kế với Hoàng Thái Cực: “Thừa Trù không dám chết đâu, cái áo thường mà ông ta còn tiếc như vậy thì cái thân ông ta sẽ như thế nào?”. Ông khuyên Hoàng Thái Cực không nên nản lòng, cần nhẫn nại chờ đợi và khuyên giải, Hồng Thừa Trù nhất định sẽ hàng phục. Đúng như vậy, qua sự nhẫn nại và du thuyết khôn khéo của bọn Phạm Văn Trinh v.v..., Hồng Thừa Trù luôn luôn thề chết để báo quốc, cuối cùng đã tuân theo, cúi đầu gục mặt đầu hàng.

## **TÍNH TOÁN MƯU KẾ LỚN, PHỦ DỤ YÊN DÂN**

Thuận Trị nguyên niên (năm 1644) vương triều Thanh muốn lại đánh Minh, nhưng lần xuất chinh này cần đạt được mục tiêu chiến lược nào thì lại chưa minh xác; đối với việc có vào Quan hay không cũng do dự chưa quyết. Phạm Văn Trinh nêu ý kiến: Sự diệt vong của Minh đã không thể vãn hồi, tình hình hiện nay giống như “Tần mất hươu, Sở Hán cùng đuổi”. Cơ hội khó có, lời lỏng một chút là mất, phải quyết đoán kịp thời, dũng cảm đưa quân vào Quan, tiến tới Trung Nguyên chiếm lấy thiên hạ triều Minh. Trước đây quân Thanh đã nhiều lần vào Quan, nhưng chủ yếu là cướp bóc. Trên tới tướng soái, dưới đến lính thường đều đốt, giết, chiếm đoạt, không có việc gì không làm. Nhưng lần này vào Quan, Phạm Văn Trinh đặc biệt nhấn mạnh, phải thay đổi truyền thống cướp giết ngày trước, phải giữ nghiêm kỷ luật, không tư hào một chút “để có thể làm cho trăm họ vùng Trung Nguyên thấy đó mà qui thuận, người ở gần vui lòng, kẻ ở xa qui phục”.

Cuối tháng 4, quân Thanh tiến quân vào Bắc Kinh, sau khi được tin hoàng đế Sùng Trinh đã thắt cổ, để nhanh chóng ổn định cục diện chính trị, phủ dụ phòng dân, Phạm Văn Trinh đã kiến nghị áp dụng các biện pháp sau: Tuyên bố vì vua Sùng Trinh phát tang ba ngày; viết hịch, tự xưng là “Nghĩa sư”, giương ngọn cờ vì thần dân Đại Minh “báo thù vua cha”, chữa mũi nhọn sang quân nông dân của Lý Tự Thành, điều này không chỉ tìm cho quân Thanh một cái cớ để đường hoàng vào Thành mà hơn nữa còn làm giảm bớt ở mức độ rất lớn sự chống cự của quân dân Đại Minh; quan viên các nha môn được sử dụng, quan viên nội các, sáu bộ, đô sát viện... ở kinh đô, cùng làm việc với quan người Mãn v.v... Phạm Văn Trinh cho rằng: “Trị thiên hạ là ở được lòng dân, kẻ sĩ là dân ưu tú, được lòng kẻ sĩ tất được lòng dân”. Do ông áp dụng đối sách thích hợp thỏa đáng nên đã đặt được cơ sở cho chính quyền nhà Thanh ở Bắc Kinh, đồng thời cũng phát huy rõ rệt tác dụng, địa vị hiển hách của ông hơn hẳn quần hùng trên chính đàn và trong quân sự.

## **TỰ BIẾT GIẤU MÌNH, YÊN THÂN TRÁNH HỌA**

Tục ngữ có câu “cây lớn gọi gió”. Cùng với việc địa vị của Phạm Văn Trinh lên cao, danh vọng quá lớn đã làm cho một số quan viên quý tộc trong nội bộ tập đoàn thống trị triều Thanh đem lòng ghen ghét và bất mãn. Đa Nhĩ Cổn xưa nay ưa thích nắm đại quyền đã xảy ra bất đồng với Phạm Văn Trinh về nhiều vấn đề chính sách, dùng người v.v... Tháng 8, Thuận Trị năm thứ hai (năm 1645) Đa Nhĩ Cổn lấy cớ Phạm Văn Trinh “vốn có bệnh, làm việc quá sức” bắt đầu hạn chế và làm yếu quyền lực của Phạm Văn Trinh. Tháng tám cùng năm, nhân vấn đề Tuần phủ Cam Túc là Hoàng Đồ An xin nghỉ, Phạm Văn Trinh bị Đa Nhĩ Cổn lấy lý do “tự tiện báo cáo” lên phụ chính vương, Tế Nhĩ Cáp Lãng, rồi giao cho Pháp ty thẩm vấn, quan tuy chưa bị bãi, nhưng Phạm Văn Trinh đã biết rõ hoàn cảnh của mình và từ nay trở đi nên xử lý mối quan hệ tế nhị với Đa Nhĩ Cổn như thế nào. Ông làm việc hết sức chú ý giữ mình.

Thuận Trị năm thứ năm (năm 1648) Đa Nhĩ Cổn độc đoán chuyên quyền do đòi hỏi đấu tranh quyền lực trong nội bộ quý tộc đã cách tước vị thân vương của Tế Nhĩ Cáp Lãng, đồng thời giam đến chết Tiểu thanh vương Hào Cách. Trước sau việc này, Đa Nhĩ Cổn đã nhiều lần ra lệnh cho thân tín của mình là Đại học sĩ Cang Lâm, Kỳ Sung Cách cùng Phạm Văn Trinh sửa chữa thực lục của Thái Tổ. Phạm Văn Trinh biết rõ việc này có quan hệ trọng đại xử lý không tốt sẽ nguy hiểm, nhưng ông không thể chống lệnh không làm. Ông dùng kế nghỉ dưỡng bệnh, đóng cửa không đi đâu, áp dụng biện pháp kéo dài lần nữa, để tránh hậu hoạn. Quả nhiên không ngoài dự liệu. Thuận Trị năm thứ 7 (năm 1650) Đa Nhĩ Cổn ốm chết. Đầu năm sau, Đa Nhĩ Cổn bị tố cáo là lúc sống “mưu làm phản”, bọn phụ thuộc vào Đa Nhĩ Cổn như Cang Lâm, Kỳ Sung Cách, bị kết tội sửa chữa thực lục của Thái Tổ mà bị giết. Phạm Văn Trinh tuy có tham gia việc này, nhưng vừa không thuộc phái Đa Nhĩ Cổn, lại không để lại dấu vết gì, nên chỉ bị cách chức lưu nhiệm, không lâu sau lại phục hồi nguyên chức. Như vậy Phạm Văn Trinh đã mưu trí thoát khỏi một cuộc đấu tranh chính trị, hơn nữa còn

nhanh chóng được chủ mới là vua Phúc Lâm tín nhiệm và trọng dụng. Đến Thuận Trị năm thứ 9 (năm 1652), Phạm Văn Trình được thăng quan lên Nghị Chính đại thần, trước việc này chưa có người Hán nào được đãi ngộ đặc biệt như vậy.

## **CẤT NHẮC NGƯỜI HIỀN, GIỚI THIỆU KÈ CÓ TÀI, LÀM SÁNG RÕ CHÍNH TRỊ**

Tháng 10, Thuận Trị năm thứ 10 (năm 1653) để trị lý tốt đất nước, chinh đốn kỷ cương triều đình, Phúc Lâm đã đặc biệt nhờ Phạm Văn Trình nghiên cứu đạo trị quốc yên dân. Phạm Văn Trình thăng thấn chân thành nói: “Phàm là làm việc thiện hợp ý trời, thì vua sáng tôi hiền. Nếu người chủ bướng bỉnh trước lời khuyên can tự cho mình là phải, thì ai còn dám nói?”. Lời nói này là muốn Phúc Lâm lấy bài học trước đây Đa Nhĩ Cổn trọng dụng bọn thân tín, độc quyền nắm triều chính mà gây ra đấu tranh nội bộ, để tiếp thụ tốt ý kiến mọi người, nghe được ý kiến bất đồng, làm cho quyết sách của nhà vua có thể thuận với ý dân, lòng dân. Ông còn kiến nghị với Phúc Lâm, khi Đa Nhĩ Cổn còn sống, một số đại thần xa cách hẳn ta hoặc những quan viên do phản đối hẳn ta mà bị gạt bỏ, đều là những nhân tài trung quân ái quốc có lòng chính nghĩa, hoàng thượng nên nghĩ tới và yêu tiếc. Phúc Lâm đã tiếp thụ ý kiến của ông, phục chức cho nhiều người. Sau việc này, Phạm Văn Trình còn có kiến nghị quan trọng như: mở mang đồn điền, chiêu mộ dân lưu lạc; cử người tài, không kể Mãn, Hán, mới, cũ, không chú ý đến tư lịch, không tính thân, sơ, ân oán v.v... phần lớn trực tiếp nhận và thực hiện. Không chỉ như vậy, ông còn yêu mến bảo hộ các quan viên dám nói thẳng ở trong triều, hết lòng vì việc công. Lúc đó Ngụy Tượng Khu, giám quan nổi tiếng, do trong triều “đã tranh cãi không nhượng bộ với các đại thần, mà thường bị bọn quyền quý công kích.” Chỉ có mình Phạm Văn Trình là biết ở trong lòng, nói: “Thẳng thắn thay, đó là bề tôi giữ việc nước của ta vậy”. Do Ngụy Tượng Khu được Phạm Văn Trình ủng hộ, nên uy vọng trong triều ngày một cao, vua Thuận Trị vì đó được lợi không nhỏ. Phạm Văn Trình được gọi là Bá Nhạc bồi dưỡng nhân tài, yêu mến bảo hộ nhân tài.



Tháng tám, Thuận Trị năm thứ 10 (năm 1645) Phạm Văn Trình được tấn thăng Thiếu Bảo kiêm Thái tử Thiếu Bảo. Nhưng lúc này ông đã già yếu, lực bất tòng tâm, nên nhiều lần dâng sớ xin nghỉ. Phúc Lâm không muốn mất một vị mưu sĩ và trợ thủ đắc lực, lệnh cho ông “tạm thời giải nhiệm”, một khi bệnh khỏi “lại dùng”, còn đặc biệt gia phong Thái phó kiêm Thái tử thái sư.

Thế nhưng Phạm Văn Trình minh trí lai mưu thâm nghĩ xa, vẫn từ quan về ở ẩn, yên hưởng tuổi già. Tháng 8 Khang Hy năm thứ 5, Phạm Văn Trình ở tuổi 70 đã kết thúc cuộc sinh nhai mưu lược 50 năm theo chính quyền của mình. Khang Hy năm thứ 52, Huyền Hoa thân viết bốn chữ “Nguyên phổ cao phong” ở nhà thờ ông, đánh giá tác dụng của ông đối với thời thống trị ban đầu của nhà Thanh.

## **101. ĐIỀU KHỞI THÁNH**

### **MƯU DÙNG NGHĨA HIỆP,**

### **LẤY MỀM LÀM KẾ**

Diêu Khởi Thánh sinh năm 1624, tự Hy Chi, người Cối Kê, Thanh Giang (nay là thành phố Thiệu Hưng, tỉnh Triết Giang). Tính tình thông minh nhanh nhạy, rộng rãi, hào phóng mà trọng nghĩa hiệp, phần lớn dùng mưu lược làm việc. Khang Hy năm thứ 2 (năm 1663) trúng đệ nhất danh kỳ thi hương Bát Kỳ. Từng giữ các chức tri huyện huyện Hương Sơn Quảng Đông, Bồi chánh sứ Phúc Kiến, Tổng đốc, Binh bộ thượng thư, Thái tử Thái bảo v.v... Trong thời gian giữ chức Tổng đốc Phúc Kiến đã áp dụng hai loại sách lược chống đối về quân sự, tấn công về chính trị đối với bộ đội của tướng Minh, Trịnh Kính và Trịnh Khắc Sảng đã lui về giữ Đài Loan và vùng ven biển, đồng thời lấy chiêu mộ chính trị làm chính, thu được hiệu quả nổi bật, có cống hiến đột xuất trong việc chính phủ nhà Thanh cuối cùng thống nhất được Đài Loan. Khang Hy năm thứ 22 (năm 1683) ốm chết ở Phúc Kiến. Tác phẩm có “Ưu úy hiên tập”.

Cuộc đời Diêu Khởi Thánh do phong lưu hào phóng mà nổi tiếng, khí khái dùng hiệp sĩ mà tự vui. Ông nhạy bén với người, làm việc bằng mưu, là một nhân vật có cả hào khí và mưu kế. Nêu hai việc dưới đây đủ để thuyết minh khí chất đặc biệt của ông.

Thứ nhất, trong những năm Thuận Trị, nhà Thanh (1644 - 1662), Diêu Khởi Thánh dùng thân phận gia sinh đi chơi Thông Châu (nay là huyện Thông, Bắc Kinh), bọn thổ hào bản địa khinh ông là Nam man, làm nhục ông, trong cơn giận dữ, ông đã chạy đến trước doanh trại quân Thanh xin đầu quân phục vụ. Sau khi được thăng làm tri châu, châu Thông, lập tức đem thổ hào tai ác đã từng làm nhục ông ta đánh đến chết. Sau đó tự bỏ quan về quê. Lại có một hôm, Diêu Khởi Thánh đang đi trên đường thì đột nhiên gặp hai tên cường đạo đang bức hiếp hai phụ nữ trẻ, một ông già theo

sát sau vừa khóc vừa tha thiết cầu xin cường đạo đừng bức hiếp phụ nữ, cường đạo không thèm để ý. Thấy tình cảnh đó, ông cả giận nhưng cố nín nhịn trong lòng, dùng lời nói của người qua đường không có quan hệ gì, nói chuyện tình cảm với cường đạo, rồi với tốc độ không để cho kịp đề phòng, ông đã đoạt được dao của kẻ cường đạo, thuận tay giết luôn chúng, giải thoát được cho ông già và hai phụ nữ. Để tránh sự truy hỏi của nha môn huyện đó, một lần nữa ông lại đến dựa vào người Thanh, vào hàng ngũ quân Hán Trung Tương Hồng Kỳ của triều đình Thanh.

Thứ hai, Khang Hy năm thứ 2 (1663), Diêu Khởi Thánh đỗ đầu kỳ thi hương Bát Kỳ, được cử làm tri huyện, huyện Hương Sơn, Quảng Đông. Bắt đầu đi nhận chức, ông được biết huyện này từ cuối Minh đến nay do cùng một lúc gặp cả trộm phi và thiên tai, trong họa loạn dân không có cách sống, nộp không được sưu thuế, tri huyện có tới 7 người vì không hoàn thành nhiệm vụ của cấp trên mà bị bắt bỏ ngục. Trước tình cảnh đó, ông một mặt ca thán: “Sang năm thêm một ta nữa, tri huyện Hương Sơn bị bỏ ngục sẽ đủ 8 người”. Một mặt ông nghĩ kế cứu 7 người kia và cũng để mình thoát họa. Thế là vừa đến huyện sở, ông liền mời 7 tri huyện tiền nhiệm từ ngục ra, mời họ ăn một bữa tiệc rất thịnh soạn, lại còn mời dàn nhạc đến để giúp vui. Tiệc xong, ông lại giúp họ hành trang, tiễn về quê cũ. Tiếp đó tự mình viết một báo cáo lên tổng đốc nói: “Mười bảy vạn lượng tiền thuế mà 7 vị tri huyện còn nợ quan phủ phải truy hồi, đã ngày này tháng này toàn bộ thu hồi nộp kho”. Đọc xong thư Tổng đốc vô cùng kinh ngạc, cho rằng nhất định Diêu Khởi Thánh phải rất giàu, vì muốn làm việc thiện nên mới thay 7 người tiền nhiệm bồi thường khoản nợ, đâu có ngờ lúc này họ Diêu vẫn còn là một kẻ sĩ nghèo nàn, không thừa tiền, làm gì có năng lực trả được món nợ lớn như vậy, chẳng qua ông đã làm kế, vừa che giấu, vừa kéo dài mà thôi. Vừa gặp dịp may, không lâu sau đó, ba vị thiên vương hàng Thanh là Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Kế Mậu nổi lên làm phản. Hoàng đế Khang Hy lệnh cho Khang Thân Vương Kiệt Thư dẫn quân Nam chinh, Diêu Khởi Thánh thấy thời cơ thoát nạn đã đến, liền tìm tới người bạn là Ngô Hưng Tộ có tướng mạo đường đường, có kiến thức sâu rộng, giỏi ăn

nói bàn luận, để thương lượng: “Tôi gặp họa lớn, chỉ có đến dựa vào Khang Thân Vương, giúp ông ta lập kỳ công, mới có thể thoát nạn. Việc này nếu bác không đi thuyết phục Thân Vương thì không ai có thể thay thế”. Sau khi Ngô Hưng Tộ đáp ứng, Diêu Khởi Thánh lại lo liệu 5000 đồng bạc thông qua quan hệ mua được quan coi cửa và người hầu, biết được Khang Thân Vương rất thích đầu mũi tên liền đặc biệt chế tạo 10 vạn đầu để Ngô Hưng Tộ mang đi. Ngô Hưng Tộ rất quen thuộc tình hình địa lý và binh mã Phúc Kiến, lại giỏi bàn luận, sau khi gặp Khang Thân Vương nói chuyện, được Khang Thân Vương vô cùng quý trọng, nhân cơ hội đó Ngô Hưng Tộ mới giới thiệu tài năng của Diêu Khởi Thánh và nói Diêu muốn xin đến làm bộ hạ. Thân Vương lập tức đồng ý, viết ngay công văn cho Tổng đốc Lương Quảng và tuần phủ Quảng Đông điều Diêu Khởi Thánh đến chỗ mình làm tham mưu. Đến lúc đó Tổng đốc mới biết là mình trúng kế bí mật trốn thoát của Diêu Khởi Thánh, nhưng đã có lệnh của Khang Thân Vương, không thể không chấp hành, đành phải để cho Diêu Khởi Thánh đường hoàng dõng dạc đi nhận nhiệm vụ mới. Số tiền lớn sưu thuế mà huyện này còn nợ, tổng đốc đành ra lệnh buộc các thương nhân trên biển nộp bổ sung.

Diêu Khởi Thánh với tư cách là nhà mưu lược, đầu óc và tài năng mưu lược của ông quyết không chỉ giới hạn ở chỗ làm việc nghĩa hiệp và tự bảo vệ mình, mà còn được thể hiện ở tư tưởng mưu lược và một loạt chính sách chính trị, quân sự của ông. Trong đó đột xuất nhất là thành công của chính sách chiêu an, mà ông nhất quán kiên trì trong thời gian làm Tổng đốc Phúc Kiến, có cống hiến hiệu quả tuyệt vời trong việc chính phủ nhà Thanh cuối cùng giải quyết hòa bình vấn đề Đài Loan.

Theo sử liệu thống kê trong 6 năm ông làm Tổng đốc Phúc Kiến kể từ Khang Hy năm thứ 17, chỉ riêng văn bản chiếu thị tuyên truyền đến việc chiêu an về hàng được viết ra đã tới 20 loại, thể hiện được tư tưởng sách lược lấy mềm giành thắng lợi và dùng thủ đoạn chính trị để gọi thủ tướng Đài Loan trở về. Ông rất giỏi làm công tác địch vận, khi làm tham mưu cho Khang Thân Vương, đã dùng kế tiếp cận phản tướng Cảnh Tinh Trung, nói cho biết rõ tình hình và quan hệ lợi hại, làm cho Cảnh Tinh Trung về hàng

Mãn Thanh, do việc này được đề bạt làm Bộ chánh sứ Phúc Kiến, hai năm sau lại do sách lược đúng đắn, làm công tác cung ứng, hậu cần đảm bảo cho hành động quân sự có công, mà được thăng làm Tổng đốc. Sau khi làm Tổng đốc chưa lâu, đã ra lệnh công bố 10 khoản khen thưởng về chiêu an, phát động nhân sĩ các tầng lớp lợi dụng quan hệ hương đảng, láng giềng, thân thuộc, phát triển công tác chiêu an, hễ ai có công là được khen thưởng. Đồng thời qui định các điều khoản khen thưởng về việc mang vũ khí, binh sĩ, thuyền bè... về hàng. Còn trình tọng tuyên bố bãi bỏ chính sách kỳ thị, áp chế người thân, bạn bè của các nhân viên trên biển đang ở lục địa. Đồng thời còn nghiêm khắc, rạ lệnh cho quân sĩ khi những người vứt bỏ vũ khí đến qui hàng đều không được giết hại. Ngoài ra ông còn tích cực chủ trương hết sức sắp xếp thỏa đáng và mạnh dạn sử dụng quan binh của họ Trịnh ở Đài Loan về hàng. Khi chính phủ nhà Thanh đồng ý, ông đã có những biện pháp cụ thể để sắp xếp và thân tự dẫn đầu làm công tác quán triệt. Việc ông mạnh dạn sử dụng Thi Lang là một thí dụ tốt. Thi Lang vốn là tướng lĩnh hệ họ Trịnh, Đài Loan về hàng, con người này thận trọng vững vàng lão luyện, giàu kinh nghiệm thực tế, là một người rất tài hoa, Diêu Khởi Thánh đã nhiều lần dâng sớ tiến cử Thi Lang với triều đình nhà Thanh, đồng thời lấy sinh mạng một trăm người trong nhà mình bảo đảm cho việc cử Thi Lang làm chủ tướng tiêu diệt Đài Loan. Thi Lang cũng không phụ kỳ vọng đó, trong quá trình thống nhất Đài Loan sau này đã lập công bất hủ.

Diêu Khởi Thánh còn chuyên môn chế định chính sách cho đồng bào Đài Loan, quy định người nào thuộc dân nội địa đi ra Đài Loan nếu muốn đều được trở về nguyên quán, nếu là người địa phương, muốn ở lại thì được ở lại Đài Loan.

Tư tưởng mưu lược của Diêu Khởi Thánh và một loạt chính sách đối với Đài Loan vì chính phủ Thanh mà chế định của ông, không chỉ có tác động mạnh mẽ đối với quân dân Đài Loan đương thời, ở một trình độ nhất định đã ổn định lòng dân, làm tiêu tan một số tình cảm đối địch “các tướng các quân Ngụy nghe được đều muốn tranh nhau qui hàng, cấm cũng không

được”. Hơn nữa còn có ảnh hưởng lịch sử sâu xa, có ý nghĩa tích cực đối với việc thống nhất và đoàn kết các dân tộc Trung Quốc.

## 102. HUYỀN DIỆP

### GIỮ TRONG NƯỚC YÊN BÌNH, MỞ TRIỀU THANH CƯỜNG THỊNH

Thanh, Thuận Trị năm thứ 18 (năm 1661) tháng giêng, Thế tổ Ái Tân Giác La Phúc Lâm ốm chết, di mệnh cho con trai thứ ba Ái Tân Giác La Huyền Diệp lên ngôi vua (tức hoàng đế Khang Hy), đồng thời lệnh cho các đại thần Tô Nê, Tô Khắc Tát Cáp, Át Tất Long, Ngao Bái làm phò chính. Lúc đó Huyền Diệp mới 8 tuổi, mãi đến 14 tuổi mới bắt đầu thân coi triều chính. Huyền Diệp tuổi trẻ đã có chí trừ gian đảng, bình định ba Phiên, chống kẻ địch bên ngoài, thống nhất trong nước. Từ khi ông chấp chính, triều Thanh tiến vào thời kỳ toàn thịnh.

### BÀY MƯU KẾ, CHƠI “TRÒ CHƠI”, TRỪ GIAN ĐẢNG

Hoàng đế Khang Hy do lúc lên ngôi còn ít tuổi nên phải có bốn vị đại thần phụ chính. Trong bốn người có Ngao Bái, từng chinh chiến Nam Bắc, lập nhiều chiến công, sau khi làm đại thần phụ chính đã dẫn dùm đồng đảng, thượng thư sáu bộ hầu như đều là vây cánh của ông ta. Do Ngao Bái chuyên quyền, triều chính hủ bại, trong triều đình Ngao Bái thế lớn át người, bài xích người khác với mình. Thượng thư bộ Hộ Tô Nạp Hải, Tổng đốc Trực Khang Chu Xương Tộ, tuần phủ Vương Đăng Liên do không đồng ý với Ngao Bái đem kỳ địa của Tương Hoàng Kỳ phát cho Chính Bạch Kỳ, lập tức bị giết hại. Trong bốn vị đại thần phụ chính, Tô Nê tuổi già rất ít tham dự công việc triều chính. Át Tất Long sợ Ngao Bái hung hãn, mọi việc đều phụ họa theo giọng nói của Ngao Bái. Chỉ có mình Tô Khắc Tát Cáp thường xuyên tranh cãi với Ngao Bái, vì vậy Ngao Bái căm giận Tô Khắc Tát Cáp đến xương tuỷ, lúc nào cũng muốn tìm cách diệt trừ.



Tháng bảy, Khang Hy năm thứ sáu (năm 1667) Huyền Diệp thân coi triều chính. Ngày hôm sau, Tô Khắc Tát Cáp tấu xin giữ lăng tẩm của tiên hoàng, như đường thờ của ta, cần có lệnh mới. Huyền Diệp đọc xong nói: “Tô Khắc Tát Cáp tâu xin giữ lăng, như đường thờ của ta, cần có lệnh mới”, không biết có chỗ nào bức bách đây, trăm không hiểu? ...” Ngao Bái vốn đã muốn phế trừ Tô Khắc Tát Cáp, cái gai trong mắt, cái đinh trong thịt, thấy cơ hội đó, đã cùng đồng đảng kê ra cho Tô Khắc Tát Cáp 24 đại tội, tâu xin Huyền Diệp xử tử Tô Khắc Tát Cáp và con, cháu cùng đồng tộc 11 người. Huyền Diệp không đồng ý. Ngao Bái tự giết Tô Khắc Tát Cáp bằng treo cổ. Sau khi âm mưu đó đạt được, Ngao Bái tiếp tục kéo bè kéo đảng chuyên quyền. Lại thường xuyên lấy cớ có bệnh không để ý đến triều chính, đồng thời còn yêu cầu Huyền Diệp nhiều điều rất vô lý, Huyền Diệp vô cùng căm giận, ngầm hạ quyết tâm tiêu diệt Ngao Bái.

Đối với mọi việc làm của Ngao Bái, về chính sự của quốc gia, ngoài mặt Huyền Diệp tỏ vẻ không để ý chút nào, ngày nào cũng ở trong thâm cung. Lựa chọn 80 tiểu thái giám có sức lực khỏe mạnh, ra lệnh cho họ vật nhau làm trò đùa vui. Có lúc Ngao Bái vào tâu việc, Huyền Diệp vẫn coi như không có gì mà cứ cùng các tiểu thái giám vui chơi cười đùa nghịch. Ngao Bái cho là Huyền Diệp còn trẻ con ham chơi, không những không nghi ngờ mà còn coi thường và đùa giỡn Huyền Diệp. Sau khi Huyền Diệp rèn luyện công phu với các tiểu thái giám, đã quyết định nhân cơ hội hành động. Ngày 3 tháng 5, Khang Hy năm thứ 8 (1669), Ngao Bái vào trường vật trong cung xin gặp, Huyền Diệp hô một tiếng, các tiểu thái giám lấy vật lộn làm trò chơi đã ùa ra, bất ngờ xông vào bắt sống Ngao Bái. Sau đó hạ chiếu, công bố tội trạng của hắn. Vốn đáng chém đầu, nhưng Huyền Diệp nhớ Ngao Bái phục vụ đã lâu, nên tha tội chết, đã bị giam cầm suốt đời. Còn dư đảng thì chém đầu hết. Từ đó Huyền Diệp giành được thực quyền, năm đó ông mới có mười sáu tuổi.

## **PHÂN HOÁ LÀM TAN RÃ, ĐÁNH TỪNG CÁI MỘT, BÌNH ĐỊNH “LOẠN TAM PHIÊN”**

Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Kế Mạo vốn là hàng tướng. Đầu đời Thanh, do có công đã phong Ngô Tam Quế làm Bình Tây Vương, đóng giữ Vân Nam; Thượng Khả Hỷ làm Bình Nam Vương đóng giữ Quảng Đông; Cảnh Kế Mạo làm Tĩnh Nam Vương, đóng giữ Phúc Kiến, gọi là “Tam Phiên”. “Tam Phiên” đều có trọng binh, cát cứ một phương, đã uy hiếp nghiêm trọng an toàn của vương triều Thanh, là mối lo trong ruột gan của Huyền Diệp. Con trai Thượng Khả Hỷ là Thượng Chi Tín, tính nết tàn bạo, giết người như ngóe, muốn làm gì thì làm, thường làm những việc vô đạo nghĩa. Thượng Khả Hỷ sợ lâu ngày sẽ xảy ra chuyện, nên vào năm Khang Hy thứ 12 (1673) đã viết thư lên triều đình xin cáo lão về quê ở Liêu Đông.

Huyền Diệp liền thuận nước đẩy thuyền, cho phép cha con Thượng Khả Hỷ trở về quê cũ, trên thực tế là lệnh triệt bỏ một Phiên.

Sau khi biết tin, Ngô Tam Quế rất kinh sợ, lập tức hẹn Cảnh Tinh Trung (là con trai Cảnh Kế Mạo, lúc này Cảnh Kế Mạo đã chết, do Cảnh Tinh Trung nổi vương vị), đồng thời cũng dâng thư triệt bỏ Phiên, có người chủ trương giữ lại Phiên, mỗi người một phách, không nhất trí. Huyền Diệp cho rằng: “Triệt bỏ cũng phản, không triệt bỏ cũng phản, không bằng đánh trước mà kiềm chế”. Liền hạ chiếu, lệnh triệt bỏ Phiên.

Ngô Tam Quế tự cho là công cao, triều đình tất nhiên có sự chiếu giữ lại. Sau khi lệnh triệt bỏ Phiên đến nơi, toàn Phiên chấn động, ý giả vờ biến thành lệnh thực. Ngô Tam Quế quyết định phản lại triều đình. Kinh sư được tin, cả triều đình sợ hãi, không biết làm gì. Lúc này có người nêu ra: “Giết ngay người nêu kiến nghị triệt bỏ Phiên, để làm yên lòng và tạ tội Ngô Tam Quế”. Huyền Diệp kiên quyết không đồng ý, đồng thời quyết định ngừng triệt bỏ hai Phiên của Cảnh Tinh Trung, Thượng Khả Hỷ, để tập trung toàn lực đánh dẹp Ngô Tam Quế.

Ngô Tam Quế khởi binh làm phản tiến thẳng đến Hồ Nam, rồi tiếp tục chiếm lĩnh Thường Đức, Trường Sa, Nhạc Châu, Hành Châu v.v... Lúc này ở các nơi như Quảng Tây, Tứ Xuyên và Tương Dương, Hồ Bắc lũ lượt

hưởng ứng hiệu triệu “Đánh Thanh để báo thù cho Minh” của Ngô Tam Quế. Thế rồi năm tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên, Hồ Nam, Quảng Tây đều do Ngô Tam Quế chiếm đóng. Sau đó Cảnh Tinh Trung, Thượng Chi Tín cũng nối tiếp làm phản. Đối mặt với tình hình làm phản khắp nơi, Huyền Diệp vừa mới 20 tuổi, gặp nguy không sợ, trước sau theo sách lược đã định hành sự, đối với Cảnh Tinh Trung, Thượng Chi Tín thì dùng sách lược phân hóa làm tan rã, không đánh nhau với bọn họ, áp dụng biện pháp chiêu an, khiến bọn họ từ bỏ chủ trương làm phản, đầu hàng triều đình. Quân đội Ngô Tam Quế lúc mới bắt đầu đã nhiều lần đánh bại quân Thanh, nhưng kỷ luật quân đội không nghiêm, làm nhiều việc vô đạo nghĩa, không được lòng người. Ngô Tam Quế muốn lấy Trường Giang làm biên giới xin hòa. Kết quả là mất thời cơ tốt, bị Huyền Diệp đánh tan từng cái một. Tháng 3 Khang Hy năm thứ 17 (năm 1678), Ngô Tam Quế lên ngôi ở Hoành Dương, cách làm đi ngược lại này đã làm mất hết lòng dân. Tháng 8, Ngô Tam Quế mắc bệnh nặng chết, cháu là Ngô Thế Phồn nối ngôi, lui về giữ Quý Dương. Huyền Diệp nhân thế chỉ huy đại quân truy nhanh đánh mạnh, Ngô Thế Phồn vừa đánh vừa lùi, cuối cùng lùi đến Côn Minh.

Tháng 10, Khang Hy năm thứ 20, quân Thanh đánh chiếm Côn Minh, Ngô Thế Phồn thấy không còn đường thoát, uống thuốc độc tự tử, đến đó “Loạn Tam Phiên” kéo dài 8 năm bị dẹp xong.

### **VỪA ĐÁNH VỪA ĐÀM,**

### **BẢO VỆ BIÊN CƯƠNG ĐÔNG BẮC CỦA TỔ QUỐC**

Từ giữa thế kỷ 17 đến nay, Nga Sa Hoàng không ngừng phái quân đội xâm nhập vùng Hắc Long Giang của Trung Quốc, thành lập hai thành phố Yaksa và Nibusa làm cứ điểm tiền tiêu để xâm lược Trung Quốc, ý đồ thực hiện dã tâm chinh phục cả Trung Quốc. Từ Thuận Trị năm thứ 7 (1650) trở đi, hai nước lúc đánh, lúc ngừng, lúc đàm.

Tháng giêng, Khang Hy năm thứ 24 (1685), Huyền Diệp trước sau cử Vành Xuân và Tát Bố Tổ dẫn hai đạo quân thủy lục, đánh hai trận với quân Nga ở Yaksa, giết chết đầu mục giữ thành và hầu như tiêu diệt toàn bộ quân

Nga. Phá huỷ thành Yaksa, không bao lâu, chính phủ Nga lại cử quân đội tới chiếm Yaksa. Tháng 7 năm sau, quân Thanh một mặt vây chặt quân Nga, một mặt đàm phán với chính phủ Nga. Ngày 7 tháng 9 Khang Hy năm thứ 28 (năm 1689) hai nước ký “Điều ước Nibusa” ở Nibusa. Điều ước quy định: Xác định biên giới đoạn phía Đông hai nước; phá huỷ thành Yaksa, quân đội Nga rút về. Như vậy đã vạch rõ được đoạn biên giới phía Đông Trung Nga. Về mặt pháp luật đã quy định một vùng rộng lớn từ Hắc Long Giang trở xuống, từ Ngoại Hưng Nam Lĩnh về Nam và từ sông Isuri về Đông đều thuộc lãnh thổ Trung Quốc, sông Hắc Long Giang và Isuri đều là nội hà của Trung Quốc.

## **TAY VỀ BẢN ĐỒ TRẬN ĐỊA, CHỈ THỊ PHƯƠNG LƯỢC, CÙNG CỐ CỤC DIỆN THỐNG NHẤT TÂY VỰC**

Khang Hy năm thứ 12 (năm 1673) Cát Nhĩ Đan từ Tây Tạng trở về Mạc Tây Ách Lỗ Đặc, tự lập làm Chuẩn Cát Nhĩ Hán, tiếp đó thống nhất bốn bộ (tộc) Ách Lỗ Đặc. Năm năm sau đã trước sau thống nhất Nam Bắc Thiên Sơn, chiếm đóng phần lớn vùng Thanh Hải. Tiến tới chuẩn bị lấy Ca Nhĩ Ca (nay là nước Cộng hòa Mông Cổ) ở phía Đông và Nam Hạ Trung Nguyên rộng lớn. Khang Hy năm thứ 26 (năm 1687), dưới sự ủng hộ của Nga, Cát Nhĩ Đan tấn công lớn Ca Nhĩ Ca, Ca Nhĩ Ca cầu cứu Thanh. Huyền Diệp ngạc nhiên giận dữ, đã lập tức cử sứ giả đến khiển trách Cát Nhĩ Đan và vì bọn họ điều đình, đồng thời thu dụng, sắp xếp nạn dân Ca Nhĩ Ca. Nhưng Cát Nhĩ Đan ngông cuồng, không chỉ không lấy lễ đối đãi sứ giả nhà Thanh, mà còn vô lý yêu cầu trả lại nạn dân đã thu dụng, tích cực chuẩn bị xâm lược về phía Nam. Tháng 6 Khang Hy năm thứ 29 (năm 1690), Cát Nhĩ Đan thân soái lĩnh hơn 20.000 quân, dùng danh nghĩa truy bắt Ca Nhĩ Ca, vượt qua ao Hồ Luân, xuyên qua hồ Bối Nhĩ đi sâu vào địa phận Ô Châu Mục Tâm (nay là Đông Bắc Mông Cổ). Thấy tình hình như vậy, Huyền Diệp đã quả đoán cho quân đội xuất kích, đồng thời thân đến Thủ Đức chỉ huy. Quân đội hai bên đánh nhau ở Ô Lan Bố Thông (nay là Tây Bắc Xích Phong), Cát Nhĩ Đan thua trận, chạy về Đại Hưng An Lĩnh,

sau đó qua sa mạc đi về Tây, cuối cùng an dinh hạ trại ở Hòa Bồ Đa (nay là miền Tây nước Cộng hòa Mông Cổ).

Sau khi đến Khoa Bồ Đa, Cát Nhĩ Đan đã nghỉ ngơi lấy lại sức, sau đó chiêu binh mãi mã khắp nơi, đội ngũ lớn mạnh, có ý đồ quay trở lại. Trải qua nỗ lực trong 5 năm, Cát Nhĩ Đan cho rằng mình đã lớn mạnh, nên vào tháng 3 Khang Hy năm thứ 34 (1695) đã dẫn 3 vạn kỵ binh Đông tiến. Tháng 3 năm sau, thấy họa phía Tây lại nổi lên, Huyền Diệp quyết định thân chinh. Tuy là hoàng đế, nhưng mỗi khi quân đội đóng quân, ông thường đến doanh trại vỗ về sĩ tốt, quan sát tình hình cả nước và hoàn cảnh địa lý xung quanh, nên các tướng sĩ rất cảm kích. Huyền Diệp dẫn quân tiếp xúc với địch ở mặt chính, đồng thời mật lệnh cho lộ quân phía Tây nhanh chóng cắm sâu vào phía Nam Cát Nhĩ Đan nghỉ ngơi tại chỗ, đợi cơ hội phá địch. Quân Thanh đi đến sông Khắc Lỗ Luân thì gặp Cát Nhĩ Đan, đánh nhau chưa được bao lâu, Cát Nhĩ Đan thấy địch không nổi, đành rút quân về Tây, Cát Nhĩ Đan về đến Chiêu Mạc Đa (nay ở bờ Nam thượng du sông Đồ Lạp, Đông Nam Ulan Bator) thì sa vào vòng mai phục của bộ Tây quân Thanh. Trong lúc bất ngờ, Cát Nhĩ Đan đại bại, chỉ còn mười mấy quân kỵ binh chạy về sông Thập Mễ Nhĩ, dọc đường đói khát quân sĩ tan rã. Được báo cáo Huyền Diệp thương hại, cử người đến chiêu an, cho phép Cát Nhĩ Đan vào triều, nhưng hãn không chịu. Huyền Diệp thấy vậy thu quân về kinh.

Khang Hy năm thứ 36 (năm 1697) Cát Nhĩ Đan ở Tây Vực lại có hành động ngu xuẩn, lần này Huyền Diệp quyết tâm diệt hãn, nên một lần nữa thân tự Tây chinh. Đại quân vượt qua Hoàng Hà đến Ninh Hạ, Cát Nhĩ Đan đã hoảng sợ, ăn không ngon ngủ không yên. Hãn muốn đi về phía Tây, nhưng lại sợ bị cháu là Sách Vong A Lạp Bồ Thản bắt (bố người này bị Cát Nhĩ Đan giết), muốn đến Tây Tạng lại có quân Thanh cắt đường sau, muốn lên Bắc hàng Nga, nhưng lại sợ Nga bán rẻ, còn đầu hàng quân Thanh lại không cam lòng. Tự biết là đã hết đường, cuối cùng uống thuốc độc tự sát, toàn bộ quân đội đầu hàng. Sau đó Huyền Diệp lại cử quân đội đến thu phục Y Lê, tiến vào Tây Tạng, hoàn thành nghiệp lớn thống nhất đất nước.

## **NGỪNG KHOANH ĐẤT, TRỊ THỦY HẠI, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT**

Đồng thời với việc hoàn thành nghiệp lớn thống nhất đất nước, Huyền Diệp vô cùng chú ý phát triển sản xuất, ngoài việc coi trọng phát triển nông nghiệp ra, còn chú ý phát triển thủ công nghiệp và thương nghiệp. Đến những năm cuối đời Khang Hy, bạc trắng tồn kho đã đạt hơn 50 triệu lượng, lương thực cũng dư thừa nhiều, kinh tế hàng hóa và mầm mống của chủ nghĩa tư bản phát triển rõ rệt so với cuối đời Minh. Thời kỳ Huyền Diệp chấp chính đã xoay chuyển tình trạng đất đai bỏ hoang, dân số giảm nhanh do chiến tranh lâu dài gây ra từ cuối Minh đến đầu Thanh, nâng cao nền kinh tế phong kiến lên một trình độ mới.

Chấm dứt vĩnh viễn tệ khoanh đất. Đầu đời nhà Thanh, các vương được phong là con em Bát Kỳ, cưỡng chiếm ruộng đất, phi ngựa khoanh vòng, ai khoanh vòng thì người ấy được, gọi là khoanh đất. Khang Hy năm thứ 8 (1669), Huyền Diệp chỉ dụ cho Bộ Hộ: “Mấy năm nay ruộng đất của nông dân bị khoanh cho các Kỳ, làm cho nông dân thất nghiệp, không có tiền ăn mặc, lưu tán khổ sở, thật đáng thương!”. Do đó đã quyết định chấm dứt vĩnh viễn.

Đồng thời còn đem ruộng đất vốn của chư vương triều Minh chưa bị khoanh, cấp phát cho người vốn làm ruộng, đổi là nông hộ, đương thời gọi là “Cánh danh điền”.

Trị lý Hoàng Hà. Thủy họa Hoàng Hà, đời nào cũng có, lòng sông đã thay đổi mấy lần. Đến đầu Thanh sông Hà sông Hoài cùng chảy, bùn cát ứ đọng ngày một nhiều, Khang Hy năm thứ 16 (năm 1677) nước sông Hoàng Hà, sông Hoài tràn đầy 7 huyện, châu; dân chúng lưu ly thất tán. Huyền Diệp bổ nhiệm chuyên gia thủy lợi nổi tiếng đương thời là Lạc Phụ từ tuần phủ An Huy sang làm Tổng đốc Hà Đạo, chủ trì công trình trị lý sông. Ông đã trước sau 6 lần Nam tuần, mỗi lần đều đến hiện trường những đoạn sông gây họa thị sát. Khang Hy năm thứ 23 (1684) ông đi kiểm tra 180 dặm để có chỗ lên bờ đi bộ xem xét thế nước, hỏi han tình hình. Trải qua 27 năm

sửa chữa và trị lý, sông Hoàng Hà cuối cùng cũng đã quay lại lòng sông cũ, khiến cho nhiều ruộng đất bị sông Hoàng, sông Hoài làm ngập nay lại trở thành ruộng tốt. Huyền Diệp vừa áp dụng việc khen thưởng khẩn hoang, miễn giảm lương, tiền... cho làm thử chính sách địa - đình hợp nhất... nhằm thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

Về mặt văn hóa, Huyền Diệp cũng có cống hiến rất lớn. Lên 5 tuổi ông đã biết đọc sách, năm 17 tuổi do đọc sách quá độ ông đã mắc bệnh, nhưng không chịu thôi. Ngay những năm tháng bình định “Loạn tam Phiên”, ông vẫn không ngừng đọc sách. Khi Nam tuần, đến canh ba, sách vẫn chưa rời tay. Cả đời ông khổ công nghiên cứu Nho học, đề xướng lý học Trình, Chu. Ông học thiên văn, địa lý, lịch toán, âm nhạc, pháp luật, chiến thuật, cưỡi nhiều ngựa bản cung, y dược, cùng chữ Mông Cổ, Tây Vực, Latinh..., ông còn làm thơ. Chính do vậy Huyền Diệp rất coi trọng công tác văn hóa. Mở quán, soạn sách, chủ yếu có “Minh sử”, “Cổ kim đồ thư tập thành”, “Toàn Đường thi”, “Khang Hy tự điển” v.v... Ngày 13 tháng 10 Khang Hy năm thứ 61 (năm 1722), Huyền Diệp ốm chết, thọ 69 tuổi, chôn ở Cảnh Lăng (tức Thanh, Đông Lăng).



## 103. NGẠC NHĨ THÁI

### KIẾN THỨC UYÊN THÂM ĐỒ SỘ, QUY HOẠCH LÂU DÀI

Ngạc Nhĩ Thái (1677 - 1745) tự Nghi Am, thụy là Văn Đoan, người Tương Lan Kỳ Mãn Châu đời Thanh, họ Tây Lâm Giác La. Trúng cử (nhân) những năm Khang Hy, được phong Tam đẳng thị vệ. Đầu Ung Chính thăng Bồi chánh sứ Giang Tây, sau dời đến Tuần phủ Quảng Tây, rồi làm Tổng đốc Vân Quý. Ung Chính năm thứ tư (1727) kiến nghị tại những vùng dân tộc thiểu số ở tập trung tại Tây Nam thực hiện phế bỏ thổ ty, lập huyện, phủ, phái quan lưu động, đóng quân đội nhằm tăng cường sự thống trị của Trung ương đối với địa phương. Sau này nhiều lần dẫn quân trấn áp phản kháng của dân tộc Miêu.

Tháng giêng Ung Chính năm thứ 10 (1733) thăng chức Bảo Hòa Điện đại học sĩ kiêm Binh bộ thượng thư, làm Tổng tài ba quán Quốc sử, Thực lục, Minh sử, được phong nhất đẳng bá. Cùng năm lại đôn đốc tuần tra quân vụ Thiểm Tây, Cam Túc, ra sức mở đồn điền, ủng hộ Trương Quảng Tứ đánh dẹp Chuẩn Cát Nhĩ làm phản, trở thành mưu thần tâm phúc của Ung Chính. Năm thứ 13 (1736) vua Ung Chính chết, chịu di mệnh làm phụ chính, đầu những năm Càn Long cùng với Trương Đình Ngọc cùng là Tổng lý sự vụ, quan đến Thái tử Thái bảo. Càn Long năm thứ 10 (1745) lấy cớ ốm xin thôi chức. Tác phẩm có “Tây lâm di cáo”.

Ngạc Nhĩ Thái hào phóng, độ lượng với người, cương trực, liêm minh, có chí hướng sâu xa, giỏi xem xét vấn đề từ toàn cục. Những năm Khang Hy, ông mới ra khỏi lều tranh, làm quan ở nội vụ phủ, có một lần Ung Thân Vương Ái Tân Giác La Dận Trinh (sau này là hoàng đế Ung Chính) nhờ ông làm một việc riêng, ông lấy lý do “hoàng tử... không thể giao cho thần tử ở ngoài” để từ chối không nhận. Dận Trinh không vì đó mà mất sáng suốt, sau khi nổi ngôi cho Ngạc Nhĩ Thái là người trung thực có tư chất

trung thần thân triệu đến nói: “Không còn là chức quan nhỏ mà dám từ chối hoàng tử, giữ phép rất cứng. Nay cho ông làm đại thần, chắc không chịu sự nhờ vả của người khác. Ung Chính đã không nhìn nhầm Ngạc Nhĩ Thái. Bằng tài trí thông minh, thao lược văn vũ, mưu kế sâu sắc, khoan hậu dùng người, giữ nghiêm kỷ luật, ông đã lập chiến công cho triều đình Thanh, xứng đáng là một thế hệ quan văn võ, nhà chính trị, nhà mưu lược nổi tiếng của triều đình nhà Thanh.

## **LẤY DI TRỊ DI, CẢI CÁCH THỔ TY THỐNG NHẤT CẮT CỬ**

Vùng đồi núi Vân Quý Tây Nam Trung Quốc ở tập trung nhiều dân tộc thiểu số, trong đó người Miêu, Dao, Choang v.v... tương đối nhiều. Do nguyên nhân lịch sử, địa lý nên những người thống trị các đời đã có phương pháp trị lý cai quản dân tộc thiểu số khác nhau. Đến đời Tống, Nguyên, Minh đều áp dụng lấy tù trưởng làm thổ quan lại, vì thế có chỗ phủ thổ châu, thổ huyện, gọi chung là “Thổ Ty”, mà chức vị thì thế tập truyền tiếp. Đời Minh đã có một đạo thực hiện cải cách chế độ tại một số vùng dân tộc thiểu số ở Vân Quý, phế bỏ thế tập Thổ Ty, đổi thành sự thống trị của lưu quan quan lại (được cắt cử) được bổ nhiệm lâm thời. Nhưng đa số vẫn bảo lưu sự thống trị thế tập của “Thổ Ty”. Ung Chính năm thứ 3 (1725) Ngạc Nhĩ Thái tới làm Tổng đốc Vân Quý, trong thực tiễn ông phát hiện dân tộc thiểu số Tây Nam thực hiện chế độ “Thổ Ty” mang tính cát cứ địa phương rất mạnh, không thuận tiện cho quản lý Trung ương, phương hại đến thống nhất đất nước. Hơn nữa, giữa các Thổ Ty lại không ngừng đánh chiếm lẫn nhau, cản trở sản xuất, không có lợi cho ổn định xã hội. Vì thế ông đã tâu lên triều đình Thanh chỉ ra rằng chế độ Thổ Ty là “đại hại của biên cương, tất phải giải quyết”, đồng thời kiến nghị áp dụng biện pháp mà những năm Vĩnh Lạc đời Minh đã dùng, thiết lập phủ châu huyện ở vùng dân tộc thiểu số, do triều đình cắt cử quan lại. Đồng thời nêu ra với chính phủ Thanh một phương châm trọn bộ “cải cách chế độ Thổ Ty, thống nhất cắt cử quan lại”. Hoàng đế Ung Chính tiếp thu kiến nghị của Ngạc Nhĩ Thái, và ủy nhiệm cho ông có toàn quyền trị Miêu gồm

mọi nhiệm vụ sửa chữa giáo dục (tu giáo), vây quét chiêu an, cải cách việc cắt cử... Thế là bắt đầu từ Ung Chính năm thứ 4, Ngạc Nhĩ Thái áp dụng biện pháp cùng dùng cả văn lẫn võ, trong vùng biên giới 5 tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Tây, Hồ Bắc, Tứ Xuyên, thực hiện với quy mô lớn “cải cách Thổ Ty, thống nhất cắt cử”, trong đó chủ yếu là thủ tiêu Thổ Ty thế tập, thiết lập phủ, sảnh, châu huyện, cắt cử các quan, tăng thêm trấn doanh (trú quân), cải cách chế độ sưu dịch, xây dựng trường học v.v...

Trong quá trình biến cách, Ngạc Nhĩ Thái không một mực cưỡng chế mà căn cứ vào tình hình khác nhau, chú trọng áp dụng thủ đoạn linh hoạt, hết sức lợi dụng mâu thuẫn bên trong của dân tộc thiểu số, tức là cái “Lấy Di trị Di”. Đối với các Thổ Ty ngoan cố chống cự, ông không hề hàm hồ mà lập tức dùng vũ lực trấn áp. Nhưng khi có người chủ trương cưỡng chế những người dân tộc thiểu số về quy phục phải thay đổi kiểu tóc và cách ăn mặc, thu hết vũ khí của họ, đưa Thổ Ty đầu mục vào nội địa, lập riêng lý trưởng giáp thư, thì Ngạc Nhĩ Thái đã không đồng ý. Những chủ trương và sách lược của Ngạc Nhĩ Thái là đúng, là phù hợp với bối cảnh lịch sử đương thời, vì vậy ông đã thành công, cải cách của Ngạc Nhĩ Thái đã đánh vào thế lực cát cứ Thổ Ty, tăng cường sự thống trị tập quyền trung ương, thúc đẩy sự nghiệp kinh tế, văn hóa vùng dân tộc thiểu số phát triển, tăng cường giao lưu với nội địa có tác dụng thúc đẩy lịch sử tiến lên.

## **LẬP QUAN ĐỊNH CHỨC, PHẢI DÙNG NGƯỜI ĐƯỢC VIỆC**

Trong khi làm tổng đốc biên giới và trị lý dân tộc thiểu số, Ngạc Nhĩ Thái đã thể hiện đầy đủ được tài năng mưu lược của mình, hoàng đế Ung Chính rất khen ngợi và đến Ung Chính năm thứ 10 (1732) đã điều ông về kinh làm Bảo Hòa Điện đại học sĩ kiêm Binh bộ thượng thư. Thời gian đó, ông đã vì Ung Chính nêu ra nhiều ý kiến và kế sách hay. Có một lần Ung Chính đã phê vào một bản tấu của Ngạc Nhĩ Thái như sau: “Trị thiên hạ duy chỉ dùng người là gốc, những cái còn lại chỉ là cành lá”, phàm những quan viên có tài, nên luyện tiếc phải dạy bảo!”. Sau khi đọc xong Ngạc Nhĩ

Thái rất có cảm thụ, liền cầm bản tấu đó đến trước mặt Ung Chính trình bày kiến giải của mình: “Những người trung hậu thành thực nhưng lại kém tài thì có thể tin nhưng không thể dùng; người thông minh tài trí nhưng vượt khỏi phạm vi, thì có thể dùng nhưng không thể tin. Triều đình lập quan định chức là để giúp cho công việc, chứ không phải là đất để cho người ta giấu mình, nhưng nếu giúp được cho công việc thì có thể dùng, dù là tiểu nhân thì cũng tiếc, phải dạy bảo; còn nếu không giúp được gì cho công việc thì thuộc loại vô dụng, người tốt cũng phải dời đi!”. Phải nói rằng kế sách dùng người của Ngạc Nhĩ Thái rất cao minh, nhất là xuất phát điểm của việc chính phủ lập quan định chức là làm việc, chứ không phải là để sắp xếp người, do đó ai có năng lực làm việc tốt thì dùng người đó cho dù là có khuyết điểm (thì sẽ tăng cường giáo dục), còn những người không có năng lực dù là người tốt cũng không thể dùng, dù đã có chức vị cũng phải điều đi. Ung Chính là ông vua sáng suốt, rất tán thưởng quan điểm của Ngạc Nhĩ Thái, ca ngợi là “Thực là có thể mở mang đầu óc người ta”.

## **KHOAN HẬU ĐỘ LƯỢNG, GIỎI DÙNG NGƯỜI**

Ngạc Nhĩ Thái là người nói và làm nhất trí, ông giỏi dùng hành động của mình để thực hiện chủ trương của mình. Nhất là về mặt dùng người, ông đối xử với người khoan hậu, không tính giận riêng. Khi làm Tổng đốc Vân Quý, thuộc hạ là Dương Danh Thời người Giang Âm do bị vu cáo mà bị triều đình cách chức tuần phủ Vân Nam. Chu Cương mới đến nhận chức Tuần phủ nhân cơ hội đó đã thêu dệt cho Dương Danh Thời nhiều tội, áp dụng bức cung bằng tra tấn nhằm hãm vào chỗ chết. Sau khi biết, Ngạc Nhĩ Thái đã gọi Chu Cương đến trách mắng, nhắc nhở Chu Cương phải lấy Tần Cối người hãm hại Nhạc Phi và nay đời đời kiếp kiếp phải quỳ trước miếu thờ Nhạc Phi, bị người đời chửi mắng làm gương. Sau này án oan của Dương Danh Thời được giải, rồi được hoàng đế đề cử làm Lễ bộ thượng thư. Mà Dương Danh Thời trước đó đã bất đồng ý kiến với chính sách “cải cách Thổ Ty, thống nhất cắt cử” của Ngạc Nhĩ Thái, tấu lên trên rằng Ngạc Nhĩ Thái “xử trí Miêu Cương, không phải là kế sách hay”. Nhưng Ngạc

Nhĩ Thái không vì vậy mà thù oán. Khi Dương Danh Thời tạ thế còn thân lo việc tang.

Đối với những người thẳng thắn và có tài, nói chung Ngạc Nhĩ Thái đều bảo vệ và tiến cử, dù có là Vương quyền quý cũng không sợ mếch lòng. Có một lần, Tế tửu Quốc tử giám là Tôn Gia Kiềm bị một vị thân vương vu cáo là tham ô, Ung Chính liền hỏi Ngạc Nhĩ Thái việc đó. Ngạc Nhĩ Thái biết là bị vu cáo, đã nói thẳng: “Tôn Gia Kiềm tính hơi chấp nhặt, nhưng qua hành vi, phẩm chất hàng ngày thần dám lấy trăm miệng bảo vệ”. Sau này qua điều tra thăm vấn, chân tướng rõ ràng, và còn chứng thực chính người vu cáo có tội tham ô.

## **CÓ CÁCH NHẮC NHỞ, LỜI NÓI RA ĐỦ NHẮC NHỞ ĐỜI**

Ngạc Nhĩ Thái không chỉ tự mình làm quan thanh liêm mà còn đặt yêu cầu thân thuộc nghiêm khắc. Thời Càn Long, Ngạc Nhĩ Thái làm thừa tướng thì em trai là Ngạc Nhĩ Kỳ cũng giữ chức cao ở triều đình. Có một lần, sau khi tan triều, trên đường về đi qua nhà Ngạc Nhĩ Kỳ, Ngạc Nhĩ Thái rẽ vào gặp em, vừa vén màn che cửa thấy bên trong “bày biện hoa lệ” trong lòng không vui liền buông rèm lùi bước về. Ngạc Nhĩ Kỳ không biết anh có ý gì vội chạy đến nhà hỏi. Ngạc Nhĩ Thái nghiêm chỉnh trách em trai “Em còn nhớ lúc anh em chúng ta vì không có phòng mà phải ở nhà thờ không, nay may mà đặc chí, nếu xa xỉ phóng túng như vậy, anh thấy chẳng bao lâu nữa em sẽ gặp vạ lớn!”. Ngạc Nhĩ Kỳ “quỳ khóc tạ tội” mới thôi. Chỉ tiếc là Ngạc Nhĩ Kỳ không tiếp thụ lời khuyên của anh mà dùng biện pháp của phái hai mặt để đối phó với anh, kết quả là cuối cùng bị đàn hặc vì tội kiêu sa mà mất chức. Người đương thời rất khâm phục tầm nhìn trước sáng suốt của Ngạc Nhĩ Thái.

Ngạc Nhĩ Thái khoáng đạt với người, làm quan cẩn thận chặt chẽ, nhìn vấn đề sắc bén lại có suy nghĩ sâu xa. Triết học xử thế của ông rất tinh túy, “việc lớn không thể hồ đồ, việc nhỏ không thể hồ đồ, nếu việc nhỏ không hồ đồ thì việc lớn tất không hồ đồ vậy”. Vì vậy người đời sau đánh giá

Ngạc Nhĩ Thái là: kiến thức uyên thâm đồ sộ, quy hoạch lâu dài, nói vài lời mà có duyệt lịch lớn, đủ để nhắc nhở đời tích thiện.

## 104. DỊCH HÂN

### KẾ SÁCH THAY ĐỔI Ở TRONG, MƯU HOÀ LÀ VỚI NƯỚC NGOÀI

Dịch Hân (1833 - 1898) là nhà chính trị, nhà cải cách trọng yếu thời cuối Thanh, người xướng đạo chủ yếu phong trào tự cường, là nhân vật có ảnh hưởng trọng đại trong lịch sử cận đại Trung Quốc.

Dịch Hân là con trai thứ sáu Đạo Quang, từ nhỏ thông minh dĩnh tuệ, nhanh nhẹn cùng với anh trai thứ tư Dịch Chủ, được Đạo Quang yêu mến trong các hoàng tử, hai người từ nhỏ cùng đọc sách trong thư phòng và cùng luyện võ. Nghe nói trong vấn đề xác định người kế thừa ngôi vua, đối với Dịch Hân và Dịch Chủ nên chọn ai, Đạo Quang đã trước sau chậm chạp không quyết. Mãi đến lúc bệnh nặng, mới quyết định “triệu hai hoàng tử (Dịch Hân, Dịch Chủ) vào để hỏi han, dùng sách vở để quyết định người nối ngôi”. Hai vị hoàng tử cũng cảm nhận được rằng lần này phụ thân triệu kiến là sự việc quan hệ trọng đại, vội thỉnh giáo các thầy dạy của mình, làm thế nào để dành được cảm tình lớn nhất của phụ thân. Sư phó của Dịch Hân dặn dò: Nếu phụ thân hỏi những việc chính trị quân sự quan trọng, đã biết thì phải nói, đã nói thì không hết. Sư phó của Dịch Chủ thì lại dặn tùy cơ hành động, nói: “Về kiến thức trị quốc hoàng tử không bằng Dịch Hân, muốn được phụ hoàng có cảm tình tốt thì chỉ có một biện pháp, nếu hoàng thượng nói người già có bệnh thì không ở lâu tại đó, dù anh (Dịch Hân) có phục xuống đất khóc”. Dịch Chủ làm đúng như lời thầy dặn, quả nhiên Đạo Quang vô cùng phấn khởi, cho là Dịch Chủ trung hậu hiếu thuận, quyết định truyền ngôi cho Dịch Chủ. Truyền thuyết này chưa chắc đã thật nhưng có thể cho thấy tài năng chính trị của Dịch Hân rất được thượng tầng giai cấp thống trị Mãn Thanh tán thưởng, không ít người còn ngậm tiếc cho Đạo Quang không chọn đúng Dịch Hân làm người kế vị.



Năm 1850, Dịch Chủ sau khi nối ngôi - tức là vua Hàm Phong, tuân theo lời dặn của hoàng đế Đạo Quang, phong Dịch Hân làm Cung Thân Vương, không lâu vào quân cơ xứ. Đến cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ hai, Dịch Hân tích cực chủ chiến. Tháng 11 năm 1860, Dịch Hân và Na Lạp thị phát động đảo chính thành công, được phong làm Nghị Thân Vương, sau đó mang hết sức vào “tân chính” tự cường, lập ra phong trào Dương Vụ. Dịch Hân, từ năm 1860 đến năm 1898 ốm chết, trước sau đã chủ trì triều chính Mãn Thanh gần 30 năm, lập nhiều công tích.

## **ĐỊNH MƯU RỒI MỚI HÀNH ĐỘNG, ĐÁNH SAU MÀ LẠI KIỀM CHẾ NGƯỜI**

Sự “ra mắt” lần đầu tiên khiến người ta chú ý của Dịch Hân trên vũ đài chính trị là hợp mưu với Na Lạp thị phát động đảo chính Bắc Kinh, dùng hành động bất ngờ, nhanh chóng, một trận đập tan tập đoàn tám đại thần do Túc Thuận đứng đầu.

Ngày 22 tháng tám năm 1861, vua Hàm Phong ốm chết ở Nhiệt Hà, di mệnh cho tám đại thần là Di thân vương Tải Viên, Trịnh thiên vương Đoan Hoa, Hiệp đại học sĩ bộ hộ thượng thư Túc Thuận v.v... cùng coi triều chính, phò tá hoàng thái tử Tải Thuận ít tuổi làm vua. Từ Hy Thái hậu với dã tâm hừng hực, ra sức tìm mưu giành quyền lực tối cao đã có mâu thuẫn với tám vị đại thần trong đó có Túc Thuận. Trong cuộc đấu tranh quyền lợi dữ dội đó, Dịch Hân đã tính toán ân oán, được mất cá nhân, đã đứng về phía Từ Hy thái hậu, vừa sách hoạch ở mật thất vừa chỉ huy ở tiền trường, là nhân vật then chốt của cuộc đảo chính Bắc Kinh. Túc Thuận cũng không phải là nhân vật bình thường, đã rất cảnh giác trước những liên hệ của hai đối thủ chính trị của mình. Tuy nhiên Dịch Hân là kẻ mưu cao, trước tiên đã khéo léo liên hệ với Từ Hy thái hậu rồi xác định kế lớn. Lấy danh nghĩa việc tang, Dịch Hân đã từ Bắc Kinh đến thẳng Nhiệt Hà, bọn Túc Thuận... cảm thấy người này đến không thiện, nên không để cho Dịch Hân gặp mặt thái hậu hai cung là Từ An, Từ Phi. Dịch Hân chất vấn: “Chẳng lẽ đứng trước linh cữu hoàng đế khóc một chút cũng không được hay sao?” Câu hỏi

đó của Dịch Hân vừa hợp tình hợp lý lại che giấu ý đồ của mình, bọn Túc Thuận... không còn lý do ngăn cản, liền cùng Dịch Hân đến trước linh cữu gặp hai thái hậu; trong quá trình hội kiến, bọn Túc Thuận một bước không rời. Nhưng ngay trước mắt bọn Túc Thuận, hai thái hậu và Dịch Hân đã thông suốt được mật mưu. Nghe nói lúc đó hai thái hậu ra lệnh cho thái giám mang một bát canh đã cúng Hàm Phong cho Dịch Hân, vị thái giám này khê dạn dò, món tiêu thực này (món đồ tế) xin vương gia chú ý bưng cho tốt. Dịch Hân lui về phòng bên trái, ăn hết bát canh nhưng chưa phát hiện được cái gì lạ thường. Nhưng ông ta là người thông minh, biết là những lời thái giám vừa nói không phải là vô cớ, nên đã cẩn thận sờ vào đáy bát, quả nhiên thấy một mảnh giấy dán ở đó, vội bóc ra cho vào tay áo. Bọn Túc Thuận... ở bên cạnh không hề biết. Trên đường về nhà, Dịch Hân lấy miếng giấy ra đọc, đó là bút son của hai thái hậu tuyên dụ cho Dịch Hân, nói Túc Thuận kiêu ngạo, chuyên quyền, không có lòng làm bầy tôi, sau khi về kinh phải giết, việc thành, sẽ phong Dịch Hân làm phụ chính vương, hai cung sẽ buông rèm nghe triều chính. Trên thực tế đây là một cuộc giao dịch chính trị. Sau khi về kinh, Dịch Hân đã tích cực chuẩn bị những ngoài mặt không hề để lộ chút gì.

Ngự sử Đông Nguyên Thuần dâng tấu xin thái hậu hai cung buông rèm nghe triều chính, bị tám vị đại thần bác bỏ. Dịch Hân về kinh trong triều đình và ngoài dân gian đang bàn luận sôi nổi, cho là có khả năng Đông Nguyên Thần bị trừng phạt, không ít đại thần đến thăm dò hỏi han thái độ của Dịch Hân. Khi những người quen thân kiến nghị Dịch Hân đem ý định của thái hậu hai cung nói cho triều thần rõ, Dịch Hân đã cố ý để lộ ra tình thần hoảng sợ, nói: “Không cần phải thế! Không cần phải thế!”. Tình hình đó đã nhanh chóng được truyền đến tai bọn Túc Thuận tám “đại thần, khiến họ có cảm giác sai hơn nữa rằng đại cục đã định, Dịch Hân không có sức đối phó với bọn họ.

Nhưng chính vào lúc đó, Dịch Hân bí mật mang dụ chỉ của hai cung đọc cho Bộ quân thống lĩnh Nhân Thọ, Đô thống Thân cơ doanh Đức Mộc Sở Khắc Cô Bố... biết, lại lấy lệnh viết tay điều Thăng Bảo, sớm đã bán mình

cho Từ Hy thái hậu, dẫn quân ngự giá. Vào lúc này Tào Dục Anh đã một đạo được Túc Thuận tín nhiệm cũng đã biến thành tay trong của Dịch Hân, không ngừng mật báo tình hình của bọn Túc Thuận. Căn cứ vào tình hình, Dịch Hân thông qua kế hoạch mật, nắm chắc trong tay dụ chỉ của thái hậu hai cung, nắm chắc quyền chủ động, lại cố ý làm ra vẻ yếu đuối để đối phương bị tê liệt, ngầm phục tay trong nắm chắc mọi động thái của bọn Túc Thuận, và tất cả những việc đó đều được hoàn thành một cách đầu vào đầy trong bí mật, thể hiện đầy đủ quyền mưu lão luyện xảo trá của Dịch Hân, lúc đó là một người còn trẻ chưa đến 30 tuổi. Bọn Túc Thuận không biết là đã sa vào bẫy của Dịch Hân, trước tiên tám đại thần bị tách lẻ, mấy người tương đối nhu nhược như Tài Viên, Đoan Hoa... thì theo hai thái hậu cùng ấu đế Tải Thuận về nhà, còn linh cữu vua Hàm Phong thì do Túc Thuận hộ tống theo đường khác. Ngày 1 tháng 11, hai thái hậu về đến kinh đô, triệu kiến Dịch Hân, hôm sau liền phát động đảo chính, lần lượt bắt giam tám đại thần. Ngày mùng 3, phong Dịch Hân làm Nghị chính vương. Ngày mùng 8, xử tử ba người: Túc Thuận, Tải Liên, Đoan Hoa trong số tám đại thần, thái hậu hai cung buông rèm nghe triều chính.

## **LẤY HOÀ ĐỂ TỰ CƯỜNG, THẬN TRỌNG VỚI CHIẾN TRANH ĐỂ TRỊ QUỐC**

Dịch Hân nhiều năm chủ trì triều chính, là nhân vật quyết sách quyền nghiêng thiên hạ lúc đó. Trong tình hình quốc lực vương triều Thanh suy yếu, liệt cường phương Tây nhòm ngó thềm thuồng, tư tưởng chiến lược cơ bản về mặt nội chính ngoại giao của Dịch Hân là: cố gắng giữ hòa bình, vì chỉ có trong điều kiện hòa bình thì mới có thể mưu “tự cường”, triển khai xây dựng cận đại hóa. Để tranh thủ hòa bình trong quan hệ quốc tế cận đại đan xen phức tạp, phải thận trọng trước việc chiến tranh, không thể động một tý là khiến cho Trung Quốc quyết liệt với nước ngoài, thậm chí bước vào ranh giới của chiến tranh. Dịch Hân căn cứ vào hoàn cảnh đương thời cho rằng Trung Quốc nên thay đổi quan niệm chiến tranh truyền thống, phản đối hành động mạo hiểm, như thời Xuân Thu, tướng Lỗ Tào Quệ tay cầm kiếm sắc uy hiếp Tề Hoàn Công phải trả lại đất, sử sách đều nói là việc

hay, nhưng Dịch Hân cho rằng nếu như đương thời không có tể tướng Quán Trọng ra sức khuyên can, Tề Hoàn Công tất sẽ báo thù, và như vậy sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng, cho nên hành vi mạo hiểm của Tào Quệ là không thể dùng. Ông còn kết hợp nghiên cứu thực tế những ví dụ về đối ngoại và chiến sự.

Dịch Hân cực lực chủ trương cầu hòa, nhưng lại coi trọng cao độ “chuẩn bị chiến tranh” bởi vì hòa ước là không thể tin được, điều đó cho thấy Dịch Hân nhận thức được bản tính xâm lược của liệt cường phương Tây. Năm 1868, ông đã nhắc đi nhắc lại, cảnh báo các đại thần tổng đốc, tuần phủ: “không thể vì một hòa ước mà cho là yên ổn lâu dài”, người nước ngoài thời xưa, thường lấy không bạo ngược để cảnh giác, huống là người nước ngoài bạo ngược đã tới, mà không biết phòng bị ư! (“Dương Vụ vận động tòng san”).

Hòa bình chỉ là thủ đoạn và điều kiện, mục đích là lợi dụng đầy đủ hòa bình, “nằm gai nếm mật, gây dựng tinh thần tích lũy lực lượng để đến ngày nào đó tự cường” (Trù biện Di vụ thủy mật” quyển 4 trang 4816 triều Đồng Trị). Mọi người đều biết, hoạt động chủ yếu để tự cường của Dịch Hân là làm Dương Vụ. Phong trào Dương Vụ trên thực tế là phong trào cận đại hóa thứ nhất của Trung Quốc, mà Dịch Hân là người khởi xướng và người chủ trì.

Đương nhiên cầu hòa không có nghĩa là thỏa hiệp nhượng bộ vô nguyên tắc, vô giới hạn. Trong giao thiệp giữa Trung Quốc với nước ngoài “có thể được, như mỗi phủ đã xin phép” không thể (làm) được thì dù có cố ý yêu cầu, cũng cương quyết từ chối” (“Trù biện Di vụ thủy mật” quyển 4, trang 4176 triều Đồng Trị). Lý Hồng Chương một dạo cùng Dịch Hân coi việc ngoại giao không hề có chút kiến thức gì về sách lược ngoại giao với liệt cường phương Tây, lại chủ trương lấy “chân thành” để đối xử với kẻ xâm lược, xảo trá, thay lòng đổi dạ, kết quả là hết cắt đất lại đến bồi thường trở thành kẻ có tội muôn đời.

**“DÙNG HẾT CÁI HAY CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI”,**

## “BIẾT NỘI DUNG CẶN KẼ CỦA HỌ”

Là người đề xướng và người chủ trì phong trào Dương Vụ, Dịch Hân đã có không ít tư tưởng sách lược giàu tính nhìn xa trông rộng.

Như, ông cho rằng muốn làm Dương Vụ phải học người nước ngoài, nhất là về mặt quân sự phải tìm cách “học hết cái hay của người nước ngoài”, nhưng lại phải đề phòng những ý đồ xấu, ví dụ mời huấn luyện viên người nước ngoài, phải nghiêm mật đề phòng họ xà xẻo vào nội chính Trung Quốc, làm sao để họ chỉ có trách nhiệm giảng dạy, chứ không có quyền dẫn binh, binh quyền phải thuộc về tướng soái Trung Quốc. Dịch Hân còn nêu ra việc lợi dụng cơ hội đội tàu thuyền của người nước ngoài tổ chức ở Thượng Hải đi “bắt cướp” để học lỏm nghệ thuật vũ khí tiên tiến của họ. “Giả dùng danh nghĩa giáo luyện, ngầm học tập phương pháp”. Do đó mà ở Thượng Hải và một số nơi khác kỹ thuật chế tạo vũ khí mô phỏng phương Tây đã có một số đột phá nào đó.

Trong quá trình Dương Vụ, Dịch Hân từng bước nhận thức được rằng kỹ thuật sản xuất và trang thiết bị quân sự tiên tiến của phương Tây được xây dựng trên cơ sở văn hóa khoa học tiên tiến, “người nước ngoài chế tạo máy móc, vũ khí v.v... cũng như dùng tàu chở quân, không có cái nào không đến từ thiên văn, toán học... nếu không từ căn bản dùng công phu thực thì chỉ là kiến thức hời hợt, không có ích” (“Trù bị Di vụ thủy mạc” quyển 4, trang 4416 triều Đồng Trị). Học tập khoa học, văn hóa ngoại quốc trước tiên phải bắt đầu từ văn tự nước ngoài, vì thế dưới sự chủ trì của Dịch Hân đã mở trường học kiểu mới bồi dưỡng nhân viên phiên dịch - Đồng văn quán, đó chính là sự mở đầu của giáo dục cận đại Trung Quốc, sau đó đã tiếp tục cử hàng loạt lưu học sinh ra nước ngoài. Điều này cho thấy Dịch Hân là người khai sáng giáo dục cận đại của Trung Quốc.

Tư tưởng “học hết cái hay của người nước ngoài”, “biết nội dung cặn kẽ của họ” của Dịch Hân, trên thực tế là sự bổ sung và phát triển hơn nữa tư tưởng “học cái hay của Di để kiếm chế Di” của Ngụy Nguyên.

Những người cùng thời đại bao gồm Dịch Hoàn, em trai Dịch Hân đã đánh giá tài này của Dịch Hân tập trung nhất vào ý kiến “minh quyết”. Nói theo kiểu ngày nay là minh trí quả đoán. Người minh trí là người biết thời vụ, nhiều mưu hay, quả đoán là giỏi tùy cơ ứng biến, có thể quyết việc lớn.

## 105. HỒNG TÚ TOÀN

### SÁNG TẠO THƯỢNG ĐẾ GIÁO, LẬP THÁI BÌNH THIÊN QUỐC

Hồng Tú Toàn (1814 - 1866) vốn tên là Hồng Nhân Khôn, nghe nói năm 1843, tự đổi tên là Tú Toàn, người huyện Hoa, Quảng Đông. Từ nhỏ đã thông minh đỉnh ngộ, 7 tuổi theo học trường tư của thôn, không chỉ thuộc lòng Tứ thư Ngũ kinh, mà rất thích nghiên cứu sự thành bại, hưng vong của đế vương.

Do sinh kế gia đình khó khăn, 16 tuổi bỏ học theo cha anh làm ruộng. Năm 18 tuổi làm thầy dạy tư ở thôn. Từ năm 16 tuổi trước sau ông đã 4 lần đến Quảng Châu tham gia thi cử, nhưng đều không đỗ. Năm 1843, sau lần thi cuối cùng thất bại, ông cùng bạn học thân là Phùng Vân Sơn, cảm thấy rất hứng thú với cuốn sách nhỏ “Lời nói hay khuyên đời” do giáo hội Cơ Đốc phát hành. Bọn họ xuất phát từ nhu cầu xã hội hiện thực, hiểu rõ được lực lượng của tình cảm văn hóa: chỉ cần tin chắc vào thần lực của đấng tạo vật, truyền bá “Phúc âm” là có thể động viên được đông đảo quần chúng nông dân, tổ chức họ lại, đánh dẹp và tiêu diệt “yêu tinh Trục Lệ” Mân Thanh, của “cứu người đời thoát khỏi tay ma quỷ” xây dựng “cuộc đời công bằng chính trực ở thế gian” - Thái Bình thiên quốc”.

Sau chiến tranh Nha phiến, nền thống trị phong kiến của vương triều Thanh ngày càng suy yếu, đời bại, chủ nghĩa đế quốc cướp đoạt ngày càng nặng nề, dưới tình hình mâu thuẫn xã hội Trung Quốc gay gắt chưa từng có, Hồng Tú Toàn đã thành công trong việc kết hợp một số điều giáo lý mà Cơ đốc giáo phương Tây tuyên dương lý tưởng đại đồng mà Nho gia phương Đông tuyên dương cùng với yêu cầu mãnh liệt về bình quân, bình đẳng của đông đảo quần chúng nông dân lại với nhau, sáng lập “Bái thượng đế hội”, lấy kiến thức truyền bá giáo lý của hội, động viên đông đảo quần chúng nông dân tín ngưỡng thượng đế, mạnh dạn tiêu diệt yêu ma, để từ đó



tổ chức một quân đội cách mạng lớn mạnh, triển khai một cuộc đấu tranh vũ trang giành chính quyền rầm rộ. Trước sau đã đánh chiếm hơn 600 thành trấn, lôi cuốn một nửa Trung Quốc, đả kích nặng nề vào thế lực thống trị phong kiến của vương triều Mãn Thanh vào thế lực xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nước ngoài. Thành công về mưu lược của Hồng Tú Toàn, chủ yếu ở mấy điểm dưới đây

## **TUYÊN DƯƠNG HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VẠN NĂNG, GIAN TÀ KHÓ THẮNG CHÍNH NGHĨA**

Tư tưởng cách mạng chống Thanh ban đầu của Hồng Tú Toàn được biểu hiện bằng hình thức ngôn ngữ tôn giáo “Bái thượng đế hội”. Những tư tưởng về “nhất thần luận” trong những giáo lý đạo Cơ đốc thể hiện trong “lời nói hay khuyên đời”. Đã gợi ý ông rằng: Đạo Cơ đốc thờ Giêsu làm chúa cứu thế, Giêsu là con trai của thượng đế; thượng đế là “chân thần độc nhất” sáng tạo ra là chúa tể thế giới, ở đâu cũng có mặt, việc gì cũng làm được cái gì cũng biết, mọi ngẫu tượng khác đều không phải là người sáng tạo, nên đều không phải là chân thần, đều phải tự vứt bỏ. Hồng Tú Toàn còn phá vỡ giáo lý đạo Cơ đốc, tự xưng là con trai thứ của thiên phụ “hoàng thượng đế”, em trai người anh con trời là Giêsu, và là chúa cứu thế nhân dân vì gánh vác sứ mệnh “cứu thế” thần thánh mà từ thiên đường xuống trần. Tháng 6 năm 1843, ông sáng lập “Bái thượng đế hội”, “chỉ thờ thượng đế, không thờ tà thần”; ngoài “Hoàng thượng đế” sáng tạo và chúa tể thế giới, việc gì cũng làm được, cái gì cũng biết ra, mọi ngẫu tượng mà người đời sùng bái, bất kể là Phật, là Đạo, đều là yêu ma, đều phải đả đảo, ngay bài vị thầy dạy học Tư Khổng Tử trong trường tư thực cũng phải đả đảo.

Tháng 2 năm 1844, Hồng Tú Toàn và bọn Phùng Vân Sơn rời huyện Hoa đi các nơi truyền giáo. Trước tiên đến Quảng Châu, Phan Ngụ, Nam Hải, Thuận Đức, Thanh Viễn, sau đó đến Bắc Giang, rồi theo đường Liên Giang vào vùng Dao, Liên Sơn. Tháng 4 lại quay ngược Tây Giang đi lên, đến thôn Tứ Cốc, huyện Quý, Quảng Tây, cùng với Trương Bài, Vạn Dương

v.v... truyền giáo ở thôn này. Tháng 9, sau khi Phùng Vân Sơn chuyển vào vùng Tử Kinh Sơn huyện Quế Bình truyền giáo, Hồng Tú Toàn đã trở lại huyện Hoa, dùng dạy học để che giấu việc viết các tác phẩm trình bày và phát huy giáo lý. Ông đã trước sau biên soạn các cuốn “Nguyên đạo cứu thế ca”, “Nguyên đạo tinh thể huấn”, “Nguyên đạo giác thế huấn” v.v... “Nguyên đạo cứu thế ca” lên án sự hắc ám của xã hội nhà Thanh, tuyên truyền thượng đế thiên phụ vạn năng là chân thần độc nhất mà trong ngoài xưa nay cùng sùng bái, khuyên người phải làm “chính nhân”, kính lễ thượng đế, làm điều thiện tích phúc, phản đối “sáu bất chính” (dâm loạn, ngỗ ngược với cha mẹ, giết hại người, trộm cướp, lừa gạt bói toán, đánh bạc, hút thuốc), cuối cùng nêu ra luận đoán “xưa nay chính có thể ràng buộc tà”, “từ xưa đến nay tà khó thắng chính”, một mặt tố cáo xã hội đương thời, một mặt chỉ ra nam nữ trong thiên hạ đều là anh em chị em được hoàng đế nuôi dưỡng bảo hộ, không nên “có lòng muốn mình lên, chèn nuốt người khác” mà phải là “thiên hạ một nhà, cùng hưởng thái bình”. Còn yêu cầu đông đảo nông dân từ trong hắc ám nhìn thấy quang minh “loạn cực thì trị, ám cực thì sáng” bây giờ đang là lúc đêm lùi mà ngày tới”, hiệu triệu đông đảo nông dân trong khi cúng bái hoàng thượng đế việc gì cũng làm được, cùng hiệp lực dắt tay nhau diệt “yêu Diêm La”, tin chắc “kính bái hoàng thượng đế thì là con cái hoàng thượng đế, lúc sống được hoàng thượng đế nhìn tới, khi chết hồn sẽ lên thiên đường, vĩnh viễn hưởng phúc ở thiên đường; nếu tin vào các tà thần, thì sẽ biến thành yêu ma quỷ quái!”. Như vậy từ chỗ “chính tà không thể cùng tồn tại” dẫn tới “hoàng thượng đế và yêu Diêm La không thể cùng tồn tại”, “từ khuyên người làm điều thiện” dẫn tới “tiêu diệt yêu ma” hoàn toàn đẩy lùi những lý luận khởi nghĩa vũ trang với ma lực tôn giáo.

Tháng 8 năm 1847, Hồng Tú Toàn đến vùng núi Tử Kinh Quảng Tây, thấy Phùng Vân Sơn đã phát triển hội viên Bái thượng đế hội đến hơn 3.000 người, giáo lý Bái thượng đế hội đã bắt rễ trong đông đảo nông dân và công nhân đốt than, lòng tin gia tăng rất mạnh. Để thống nhất tư tưởng tín ngưỡng của hội viên, tăng cường kỷ luật hành động, Hồng Tú Toàn và

Phùng Vân Sơn lại cùng chế độ “Thiên điều thu” và nhiều nghi thức tôn giáo. Bọn họ viết “tấu chương cầu Thiên phụ thượng chủ, hoàng thượng để lựa chọn nơi hiểm chắc để nương mình”. Bí mật lập cơ quan cách mạng ở nhà Lư Lục. Tháng 9, Hồng Tú Toàn lại dẫn hội viên đến phá huỷ miếu Cam Vương ở thôn Đại Chương Cổ Đông, châu Tượng. Danh tiếng Bái thiên hội càng truyền càng xa, tín đồ ngày càng đông. Trong tổ chức nội bộ giáo hội đã tiếp thu thêm Dương Tú Thanh, Tiêu Triều Quý, Vi Xương Huy, Thạch Đạt Khai, Hồ Dĩ Hoảng, Tần Nhật Cương... và trở thành tập đoàn lãnh đạo.

Tháng 10 năm 1847, Phùng Vân Sơn do lại phá hoại Tam Thánh cung (tức Lôi miếu) ở Tử Kinh Sơn, bị thổ hào địa phương Vương Tá Tâm tố cáo là “lết đảng tụ hội, ước mấy ngàn người... không theo pháp luật của triều Thanh”, quan huyện tiếp nhận lời tố cáo còn nhận hối lộ của hắn ta, nên cuối năm đã bắt giam vào ngục Phùng Vân Sơn, Lư Lục, cơ quan do Bái thượng đế hội xây dựng bị phá huỷ. Hồng Tú Toàn bị buộc phải chạy về Quảng Đông. Chính vào giờ phút quan trọng Bái thượng đế hội không có người chủ trì, tư tưởng hội viên dao động, Dương Tú Thanh giả thác là truyền lời nói “Thiên phụ thượng đế” hạ phàm nên mới ổn định được lòng hội viên (Tuy lần Dương Tú Thanh thay “thiên phụ” truyền lời nói này, đã cứu được tổ chức Bái thượng đế hội đã phá thông lệ chỉ có Hồng Tú Toàn mới có thể thay Thiên phụ truyền lời nói, nhưng đã chôn một cội rễ tai họa cho sự chia rẽ nội bộ tập đoàn lãnh đạo Thái Bình Thiên Quốc sau này). Trên đường bị giải đi, Phùng Vân Sơn đã dùng giáo lý thuyết phục được hai công sai, thả ra, một người còn cùng theo về Tử Kinh Sơn, khiến các hội viên được cổ vũ rất lớn, càng kiên định lòng tin “xưa nay chính có thể thắng tà”, “xưa nay tà khó thắng chính”.

## **NÊU CHIÊU BÀI “PHỤNG MỆNH TRỜI ĐÁNH HỒ”, PHÁT ĐỘNG KHỞI NGHĨA KIM ĐIỀN**

Năm 1849, Hồng Tú Toàn trở lại Tử Kinh Sơn, một mặt tiếp tục củng cố tổ chức Bái thượng đế hội, một mặt gấp rút công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ

trang, chế tạo vũ khí v.v... Lúc này lấy Tử Kinh Sơn làm trung tâm, đông đến Bình Nam, huyện Đăng; Tây đến huyện Quý; Bắc đến Vũ Tuyên, châu Tượng; Nam đến Lục Xuyên, Phó Bạch đều có tổ chức Bái thượng đế hội ở Tín Nghi, Cao Chân, Thanh Viễn... Quảng Đông cũng có tổ chức hội. Tháng 7 năm 1850, Hồng Tú Toàn công bố lệnh “Đoàn doanh”, yêu cầu hội viên các nơi đến thôn Kim Điền “đoàn doanh”, theo chế độ quân sự xây dựng đội ngũ. Hội viên ở các nơi nhiệt liệt hưởng ứng, lũ lượt bán ruộng đất lấy tiền, dìu người già, dắt con trẻ đến tập hợp. Theo ước tính được hơn một vạn người, trong đó có không ít người trên đường đi đã chiến đấu với quân Thanh ngăn cản. Mùng 1 tháng 1 năm 1851, quân đội cách mạng mới biên chế do Hồng Tú Toàn và Phùng Vân Sơn thân chỉ huy, đánh quân Thanh thua to ở Quế Bình Sái thôn Giang, bắn chết phó tướng Giang Hiệp quân Thanh là Y Khắc Thản Bố, ổn định tình hình Kim Điền. Ngày 11 tháng 1, Bái thượng đế hội chúc mừng sinh nhật lần thứ 38 của Hồng Tú Toàn ở Kim Điền, tuyên bố khởi nghĩa, thiết lập Thái Bình thiên quốc, “phụng mệnh trời dẹp Hồ, hịch ban phát bốn phương”, chính thức giương ngọn cờ phản đối Mãn Thanh, quét sạch yêu nghiệt. Ngày 23 tháng 3 năm 1851, Hồng Tú Toàn lên ngôi, xưng là Thiên Vương, ở Đông Hương, Vũ Tuyên, đổi dùng kỷ nguyên Thái Bình thiên quốc, xây dựng chế độ chủ tướng 5 quân (tiền, hậu, tả, hữu, trung quân). Tuần phủ Quảng Tây là Chu Thiên Tước, đề đốc là Hướng Vinh dẫn 6.000 quân Thanh đến trấn áp, bị Hồng Tú Toàn chỉ huy quân Thái Bình đánh thua. Năm tháng sau, quân Thanh lại một lần nữa điều binh khiển tướng với quy mô lớn, tiến hành vây đánh quân Thái Bình, quân Thái Bình chủ động rút khỏi Đông Hương, tiên đánh Châu Tượng, rồi từ Châu Tượng chuyển đánh Quế Bình; rồi lại từ Quế Bình tiến về Đông tới Bình Nam. Ngày 15 tháng 9, quân Thái Bình đại thắng ở Quan Thôn, Bình Nam, đánh tan chủ lực quân Thanh Hướng Vinh và bộ đội của phó thống đốc Quảng Châu Ô Lan Thái; vũ khí, lương thực, màn trướng... của quân Thanh đều mất toàn bộ vào tay quân Thái Bình. Quân Thái Bình đã thay đổi cục diện bị động luôn bị quân địch lớn mạnh vây quét truy đuổi từ sau khi khởi nghĩa, thừa thắng đánh chiếm châu Vĩnh An (nay là huyện Mông Sơn).

Quân Thái Bình đã đóng trại ở Vĩnh An lâu đến nửa năm. Với sự hiệp trợ của Phùng Vân Sơn, Hồng Tú Toàn bắt tay xây dựng lập pháp, chế độ. Công bố lịch pháp mới, chế định lễ để Thái Bình, hoàn thiện quân chế và quan chế, nhấn mạnh kỷ luật quân đội. Còn thông qua phương thức công bố chiếu thư của Thiên phụ xuống trần, xử tử Chu Tích Năng kẻ nội phản, làm cho toàn quân trên dưới đều được giáo dục tư tưởng tôn giáo sâu sắc. Ngày 27 tháng 12, lại công bố chiếu lệnh phong vương, phong Dương Tú Thanh làm Đông Vương, Tiêu Triều Quý làm Tây Vương, Phùng Vân Sơn làm Nam Vương, Vi Xương Huy làm Bắc Vương, Thạch Đạt Khai làm Dực Vương, các vương từ Tây Vương trở xuống đều chịu sự chỉ huy của Đông Vương. Như vậy đã giao đại quyền quân sự chính trị của Thái Bình Thiên Quốc cho Dương Tú Thanh.

## **ĐÓNG ĐÔ THIÊN KINH, THEO NHÂN KHẨU CHIA RUỘNG**

Trong thời gian quân Thái Bình chinh đồn nghỉ ngơi ở Vĩnh An, ba vạn quân Thanh lục tục đến vây thành Vĩnh An. “Lương thảo đều hết, thuốc đạn cũng không, yêu ma mấy chục vạn vây chặt bốn phía, không còn đường chạy”. Bề ngoài quân Thái Bình giả làm ra vẻ cố giữ chắc “xây thêm ba thành trọng điểm, ba hào trọng điểm” đợi cho quân Thanh vây lâu, lời lỏng sẽ thừa cơ phá vây lên Bắc. Ngày 3 tháng 4 năm 1852, Hồng Tú Toàn hạ lệnh phá vây, “cùng lòng cùng sức cùng hướng về phía trước, mọi việc đều có Thiên phụ chủ trương, Thiên huynh đảm đương”, tướng nam, tướng nữ hãy vung đao, đồng tâm gan dạ cùng giết yêu”. Trải qua binh chiến, toàn bộ 4 tổng binh của quân Thanh đều chết trận “Giết vô số yêu ma” hoàn toàn đánh loạn bố trí vây quét của quân Thanh, chỉ có vây hãm thành Quế Lâm một tháng không hạ được, đã quyết định “tạm giải vây, sẽ tính kế hay khác, dùng mưu chiếm lấy”. Ngày 3 tháng 6 đánh châu Toàn, Vân Nam, Hồ Nam, ngày 12 chiếm châu Đạo. Ở châu Đạo nghỉ ngơi chinh đồn hơn một tháng, mở rộng đội ngũ, đúc pháo lớn, tăng thêm và sửa chữa chiến cụ. Sau khi mọi chuẩn bị đầy đủ xong xuôi, phương châm và mục tiêu tiến quân bước tới của Thái Bình quân đã trở thành vấn đề cấp bách đợi nghiên cứu

giải quyết. Hồng Tú Toàn chấp nhận chủ trương chiến lược của Dương Tú Thanh “không để ý tới Việt, xông thẳng về phía trước, theo sông đi về Đông, lướt qua thành lũy, bỏ yếu hại, chỉ chú ý đến Kim Lăng, chiếu đó là căn bản, sau sẽ sai tướng về đánh lại, chia lo Nam Bắc”, coi việc chiếm lấy Nam Kinh, thiết lập quốc đô là căn bản của cách mạng. Chiếm lấy Nam Kinh rõ ràng là có nhãn quang chiến lược hơn một chủ trương khác lúc đó là đánh về quê nhà, tiến quân về Quảng Đông, Quảng Tây.

Ở châu Đạo, sau khi đã xác định phương châm tiến công chiến lược, mỗi khi tới địa phương nào, quân Thái Bình đều cử người “đi truyền tin xa gần”, tố cáo Vương triều Thanh là “tham quan ô lại khắp thiên hạ”, là “kẻ giàu nắm quyền”. Quân Thái Bình đánh giàu cứu nghèo, lại nói “tương lai sẽ miễn sưu thuế 3 năm”, vì thế lương dân tranh nhau đón tiếp và quan quân đến đều bãi thị”. Vì vậy đã thuận lợi chiếm được Giang Hoa, Vĩnh Minh, Lan Sơn, Quế Dương, ngày 17 tháng 8 chiếm châu Sâm. Do đánh Trường Sa bị chống cự, đánh hơn 50 ngày liền không hạ được, ngày 30 tháng 11 đêm mưa lớn, rút khỏi Trường Sa, qua cầu phao Tương Giang lên phía Tây, quân địch ở Trường Sa không biết gì. Ngày 3 tháng 12 quân Thái Bình chiếm Ích Dương.

Do Thuyền Hộ Ích Dương là Dũng Diệu tham gia quân Thái Bình, nên được mấy ngàn chiếc thuyền dân, và theo đường thủy ra cửa Mộc Tử (tức cửa Lâm Tư) vượt hồ Động Đình, ngày 13 tháng 12 chiếm được Nhạc Châu. Tại cảng quan trọng này lại được mấy ngàn chiếc thuyền nữa và nhiều Thuyền hộ gia nhập quân Thái Bình, biên chế thành thủy quân, đội ngũ mở rộng đến 15 vạn người. Ở Nhạc Châu còn bất ngờ thu được rất nhiều vũ khí, thuốc nổ, cải thiện được trang bị quân đội. Ngày 12 tháng 1 năm 1853, chiếm được Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc, uy danh quân Thái Bình vang lừng. Chính phủ Thanh vội ra lệnh cho Kỳ Thiện làm Khâm sai đại thần dẫn quân phòng thủ Tín Dương, và cử Lục Kiến Doanh làm Khâm sai đại thần dẫn quân phòng thủ Giang Hoãn. Không ngờ quân Thái Bình ngày 9 tháng 2 đã bỏ Vũ Xương theo Trường Giang Đông Hạ “buồm bay đầy sông, đuôi dài 10 dặm”, “phụ nữ, già, trẻ theo thuyền đi trên sông, thiếu

niên đình tráng theo bờ sông đi trên bộ, cùng tiến, phao là có trăm vạn quân”, quân Thanh “không cho phép ngăn ngừa”. Ngày 18, quân Thái Bình chiếm Cửu Giang, ngày 24 chiếm An Khánh. Ngày 6 tháng 3 đến chiếm thành Nam Kinh. Quân Thái Bình áp dụng chiến thuật “đào hầm đánh thành, và ngày 19 tháng 3 làm đổ sập tường thành xông vào giết chết Tổng đốc Lương Giang Lục Kiến Doanh, quân Thanh giữ thành nghe tin báo nhau bỏ chạy tan rã. Ngày 20 tháng 3 năm 1853 chiếm được toàn bộ thành Nam Kinh.

Tại Nam Kinh, Hồng Tú Toàn chính thức thiết lập chính quyền cách mạng nông dân đối địch với vương triều Thanh, đổi Nam Kinh thành Thiên Kinh. Ngày 31 tháng 3 lại đánh Trấn Giang. Ngày 1 tháng 4 chiếm Dương châu. Chính phủ Thanh vô cùng chấn động, “quan liêu trong bộ, ngoài bộ đưa gia quyến về nhà, những kẻ nhàn rỗi học sĩ tan trở về quá nửa, kinh thành trống không”. Để cứu vãn cục diện, triều Thanh dốc hết sức tăng cường vây quét quân Thái Bình.

Sau khi định đô ở Thiên Kinh, Hồng Tú Toàn đã nhanh chóng xây dựng các loại cơ cấu chính quyền, công bố một loạt chính sách chế độ. Như công bố “Thiên triều điền mẫu chế độ”, nêu ra tư tưởng có ruộng cùng cày, có cơm cùng ăn, có áo cùng mặc, có tiền cùng tiêu; nơi nào cũng bình quân, không ai là không no ấm”. Thực hiện chính sách công hữu về ruộng đất, sau khi thu hoạch, để lại lương thực đủ ăn cho mọi người, còn lại đều nộp kho nhà nước, cưới xin đều dùng tiền nhà nước, người già yếu mồ côi đều được nhà nước chi cho.

## **LẤY GIỮ VÀ BẢO VỆ ĐƯỢC THIÊN KINH LÀM TRUNG TÂM, MƯU CẦU PHÁT TRIỂN**

Lúc đầu Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh còn có kế hoạch tiến quân tới Tô, Hàng lấy “vùng giàu có Giang, Chiết”, nhưng hơn một vạn quân Thanh đuổi theo sau đã nhanh chóng đến phía Đông thành Thiên Kinh, thành lập đại doanh Giang Nam, khiến hai người đành phải bỏ kế hoạch vốn có. Tiếp đó chính phủ nhà Thanh lại điều đến bộ binh kỵ binh, thành



lập đại doanh Giang Bắc ở bờ bắc Trường Giang. Sự uy hiếp trong gang tấc của đại doanh Giang Nam, Giang Bắc đòi hỏi giải trừ gấp, để bảo đảm chắc chắn cung cấp lương hưởng cho Thiên Kinh còn phải lập tức Tây chinh, tức là phải chiếm lại những cứ điểm ở thượng du Trường Giang vừa mới vứt bỏ không giữ (như Vũ Xương, Cửu Giang, An Khánh v.v... để đánh thẳng vào “sào huyệt yêu quái Trục Khang (Bắc Kinh)” thì nhiệm vụ quét phương Bắc không được chậm trễ.

Ngày 10 tháng 4 năm 1853, Dương Tú Thanh công bố lệnh đưa quân lên dẹp Bắc. Quân dẹp Bắc gần hai vạn người do Lâm Phong Tường soái lãnh, từ Phố Khẩu qua An Huy lên Bắc. Tuy đạo quân này trong hai năm đã đánh thắng nhiều trận, càn quét 6 tỉnh, đánh nhau liên tiếp năm ngàn dặm, chiếm được hàng chục thành, nhưng do một mình đạo quân đánh vào sâu, bị trọng binh quân Thanh tầng tầng ngăn chặn, nên đến nửa đầu năm 1855 bị tiêu diệt toàn bộ.

Ngày 19 tháng 5 năm 1853, Hồng Tú Toàn cử Hồ Dĩ Hoảng dẫn mấy ngàn chiến thuyền Tây chinh, do bộ đội giang phòng của địch tan rã từ sớm, nên thủy binh của quân Thái Bình đã hoàn toàn khống chế mặt sông, chiếm đóng An Khánh một cách thuận lợi, tiếp đó lại chiếm được Vũ Xương và Cửu Giang. Khi thừa thắng Nam hạ Hồ Nam đã gặp phải sự chống cự ngoan cường của quân Hồ Nam của Tăng Quốc Phiên được trang bị rất nhiều thuyền và pháo của nước ngoài, chiến cục đã xảy ra thay đổi. Tháng 10 năm 1853, Vũ Xương thất thủ. Tháng 2 năm 1854, quân Thái Bình dụ địch vào sâu dùng chiến thuật chia cắt vây diệt, đại thắng ở Cửu Giang và Hồ Khẩu. Tăng Quốc Phiên chạy trốn về Nam Xương, quân Thái Bình thừa thế đại công kích, lại chiếm được Vũ Xương, cuối năm lại đánh vào Giang Tây, chiếm tám phủ và hơn năm mươi châu huyện. Sau khi Tây chinh cáo tiệp, ngoài thành Thiên Kinh lại thắng một trận lớn. Tháng 3 năm 1853 đánh tan đại doanh Giang Bắc, tháng 6 lại đánh tan đại doanh Giang Nam, giải trừ được áp lực quân sự uy hiếp Thiên Kinh lâu tới 3 năm. Đây là thời kỳ toàn thịnh về quân sự của Thái Bình Thiên Quốc.

Hồng Tú Toàn ở Thiên Kinh rất ít ra ngoài, thực hiện lễ chế phong kiến đẳng cấp chặt chẽ, quan hệ giữa thành viên hạt nhân lãnh đạo dần xa cách. Lại thêm Dương Tú Thanh, Vi Xương Huy, Thạch Đạt Khai v.v... Mỗi người khống chế riêng một bộ phận quân đội, phát triển thành tiểu tập đoàn của riêng mỗi người, mâu thuẫn tranh quyền đoạt lợi giữa các tập đoàn ngày càng gay gắt. Dương Tú Thanh “tự cho là công cao, chuyên quyền mọi việc”, áp chế đồng僚, hơi không vừa ý là đánh chửi hoặc xử tử, sau khi đại doanh Giang Nam nhà Thanh bị đánh đổ, ông ta lại “buộc Thiên Vương đến Đông Vương phủ phong mình làm vạn tuế”. Hồng Tú Toàn ngoài miệng đáp ứng yêu cầu của Dương Tú Thanh, nhưng lập tức mật lệnh cho Vi Xương Huy, Thạch Đạt Khai đang đốc sư ở Giang Tây, Hồ Bắc trở về Thiên Kinh. Vi Xương Huy lãnh đạo hơn 3.000 bộ đội tâm phúc, đêm khuya ngày 1 tháng 9 năm 1856 trở về Thiên Kinh, bao vây Đông Vương phủ, giết chết Dương Tú Thanh cùng gia quyến và bộ hạ, trong thành Thiên Kinh xảy ra hỗn chiến, hơn hai vạn quân lính tinh nhuệ của quân Thái Bình bị chết. Trung tuần tháng 9, sau khi về đến Thiên Kinh, Thạch Đạt Khai trách mắng Vi Xương Huy lạm sát người vô tội. Vi Xương Huy muốn giết Thạch Đạt Khai, Thạch đành chạy khỏi Thiên Kinh, nhưng cả nhà bị giết. Hành động chuyên quyền và giết chóc của Vi Xương Huy đã làm mọi người căm phẫn. Tháng 11 Hồng Tú Toàn hạ lệnh giết Vi Xương Huy và tâm phúc hơn 200 người, mới kết thúc được “sự biến Thiên Kinh” kéo dài hai tháng.

Sau sự biến, Hồng Tú Toàn lệnh Thạch Đạt Khai về Thiên Kinh chủ trì triều chính. Nhưng lòng vẫn nghi ngờ. Thạch Đạt Khai cảm thấy chỗ nào cũng bị nắm tay kéo lại, trong một cơn giận, tháng 6 năm 1857 đã dẫn hơn mười vạn tinh binh bỏ đi.

Sau đó Thái Bình thiên quốc bắt đầu xuống dốc, Hồng Tú Toàn không làm gì được nữa, cuối cùng phong trào chống Thanh rầm rộ đó đã thất bại.

**HẾT**



MƯU LƯỢC GIA TINHTUYẾN

CHÍNH TRỊ MƯU LƯỢC GIA

*Chịu trách nhiệm xuất bản*

TRẦN DIỄN

Biên tập: NGUYỄN THỤ

Trình bày, bìa: NGUYỄN TRỌNG KIÊN

Sửa bản in: NGUYỄN VIỆT HOÀNG

In 1000 cuốn, khổ 14,5 X 20,5 cm. Tại Công ty Cổ phần In Bến Tre.  
Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 110/146—CXB. In xong và  
nộp lưu chiểu quý II năm 2004.

### **Chú thích**

[1] Nay là một vùng huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam.

[2] Người cai trị thuận theo lẽ tự nhiên, chỉ có một mình ông Thuấn vậy!  
(Tất cả các chú thích trong sách này đều là của người biên dịch).

[3] Nạn lụt.

[4] Di tộc: các dân tộc ở phía Đông theo cách gọi của Trung Quốc cổ.

[5] Thị tộc: là tập thể người có quan hệ huyết thống sống trong xã hội cổ  
đại.

[6] Chử là cây dó để làm giấy.

[7] Ly là loại rỗng không có sừng, theo truyền thuyết cổ.

[8] Gấu nâu.

[9] Tim và bụng.

[10] Những người già cả vẫn trung thành với chế độ trước.

[11] Nhung Địch Man Di chỉ các dân tộc Tây Bắc Nam Đông thời cổ đại.

- [12] Nhấn: đơn vị đo chiều dài thời cổ, một nhấn bằng 7 hoặc 8 thước.
- [13] Xá: đơn vị đo chiều dài thời cổ, một xá bằng 30 dậm.
- [14] Xuân Thu là thời kỳ lịch sử nổi tiếng từ năm 722 đến năm 481 trước Công nguyên. Hiện tại hoạch định thời kỳ Xuân Thu là từ 770 đến 476 trước Công nguyên.
- [15] Thụy hiệu là tên đặt cho người chết.
- [16] "Vô vi nhi trị" là cai trị thuận theo lẽ tự nhiên.
- [17] Làm việc thuận theo lẽ tự nhiên thì không đâu không cai trị được.
- [18] Yêu dân cai trị nước không thể không thuận theo lẽ tự nhiên được ư?
- [19] Thuận theo lẽ tự nhiên.
- [20] Hành động mù quáng.
- [21] Làm càn làm bậy.
- [22] Người làm cũng thất bại, người bắt làm cũng thất bại.
- [23] Chiến Quốc: từ 475 đến 221 trước Công nguyên.
- [24] Chức quan cao thời cổ.
- [25] Cung nuôi trẻ.
- [26] Hành lang tiếng quốc vọng.
- [27] Đường tỏa hương thơm.
- [28] Kỹ hà học: Hình học.
- [29] Đánh và giữ.
- [30] Học thuyết nổi tiếng ở trên đời chỉ có Nho và Mặc vậy.
- [31] Phi công là cuộc chiến tranh phi nghĩa.
- [32] Làm điều nghĩa.
- [33] Chuẩn bị sẵn sàng là công việc quan trọng của một nước.

[34] Không đánh nhau, không chiến tranh.

[35] Múa, hát, gái đẹp, chó, ngựa, đó là bốn kiểu chơi bời hưởng lạc.

[36] Cầm là đàn

[37] Hình danh tiếng cổ, có nghĩa là luật pháp, tên các loại hình phạt.

[38] Tân pháp: Bộ luật mới, pháp luật mới.

[39] Việc binh đao không được chán ghét sự giả vờ, dối trá.

[40] Ruộng chia làm 9 phần theo chữ Tỉnh, phần ở giữa là của chủ nô, còn phần ở xung quanh là đất giao cho nô lệ làm theo sự giám đốc của chủ nô.

[41] Thiên hạ làm một, thống nhất làm một.

[42] Ngoài không trốn tránh kẻ thù, trong không a tòng dung túng người thân.

[43] Khoa Phụ: trong truyện thần thoại cổ đại "Sơn Hải Kinh - Hải ngoại Bắc Kinh" ghi chép có một người tên gọi Khoa Phụ, vì để đuổi bắt mặt trời, ông đã uống hết nước sông Hoàng, sông Vị vẫn không đủ, ông lại đi tới nơi khác tìm nước uống, giữa đường bị chết khát. Chiếc gậy ông để lại sau biến thành một rừng cây gọi là Trịnh Lâm.

[44] Sọt, tráp để đựng của cải, chỉ bọn quan lại vợ vét của dân chúng.

[45] Thù riêng không đưa vào trong cửa công.

[46] Đề cử người, trong không kiêng kỵ người thân, ngoài không tránh né người thù.

[47] “Thủy Hoàng đế” là hoàng đế đầu tiên.

[48] Biến pháp đồ cường: thay đổi pháp luật, mưu đồ cho đất nước cường thịnh.

[49] Lấn dần kiểu tằm ăn lá dâu.

[50] Nuốt chửng kiểu cá voi nuốt mồi.

[51] Thiểm Tây, Cam Túc, Hà Nam (Dự), Sơn Tây (Tấn), Hà Bắc (Ký), Giang Tây (Giang); Triết Giang (Triết), An Huy (Hoản), Hồ Bắc (Ngạc), Hồ Nam (Tương).

[52] Núi Hào ở Nam ngày nay.

[53] Khách trọ.

[54] Khách khanh là từ cũ, có nghĩa là quan người nước ngoài.

[55] Âm mưu đứng đầu các nước Hồ ở phía Bắc và phía Tây Trung Quốc, dùng cảm áp đảo quân nhà Hán.

[56] Ước pháp tam chương: Ước pháp là pháp lệnh tạm thời. Ước pháp tam chương là ba điều pháp chế tạm thời.

[57] Ý nói: Bí mật trốn thoát ra ngoài.

[58] Năm giữ điển tích, chế độ, sự kiện nhân vật trong lịch sử.

[59] Trí nang: là quân sự, là cái túi trí tuệ.

[60] Xem Lão Tử.

[61] Lư là làng xóm.

[62] Bảo là đơn vị biên chế hộ tịch thời cổ.

[63] Na là Tổng tiền quan ôn.



# Table of Contents

- [1. HOÀNG ĐẾ](#)
- [2. ĐƯỜNG NGHIÊU](#)
- [3. NGU THUẤN](#)
- [4. HẠ VŨ](#)
- [5. THIẾU KHANG](#)
- [6. THƯƠNG THANG](#)
- [7. Y DOÃN](#)
- [8. Y TRẮC](#)
- [9. CHU VĂN VƯƠNG](#)
- [10. CHU VŨ VƯƠNG](#)
- [11. CHU CÔNG](#)
- [12. TÁN NGHI SINH](#)
- [13. TRỊNH TRẠNG CÔNG](#)
- [14. QUẢN TRỌNG](#)
- [15. TÈ HOÀN CÔNG](#)
- [16. TẤN VĂN CÔNG](#)
- [17. TẦN MỤC CÔNG](#)
- [18. SỞ TRẠNG VƯƠNG](#)
- [19. TỬ SẢN](#)
- [20. LÃO TỬ](#)
- [21. KHÔNG TỬ](#)
- [22. HẠP LƯ](#)
- [23. CÂU TIÊN](#)
- [24. MẶC TỬ](#)
- [25. TRÂU KỶ](#)
- [26. THƯƠNG ƯƠNG](#)
- [27. TẦN HIẾU CÔNG](#)
- [28. MẠNH TỬ](#)

- [29. HUỆ THI](#)
- [30. TRANG TỬ](#)
- [31. TUÂN TỬ](#)
- [32. HÀN PHI](#)
- [33. TẦN THỦY HOÀNG](#)
- [34. LÝ TỬ](#)
- [35. MẠO ĐỐN](#)
- [36. TRẦN THẮNG](#)
- [37. LƯU BANG](#)
- [38. TIÊU HÀ](#)
- [39. TRẦN BÌNH](#)
- [40. LÂU KÍNH](#)
- [41. TRIỀU THỔ](#)
- [42. CHỦ PHỤ YÊN](#)
- [43. LƯU TRIỆT](#)
- [44. TIÊU VỌNG CHI](#)
- [45. KHUÔNG HOÀNH](#)
- [46. CHÂU BÁC](#)
- [47. LƯU TÚ](#)
- [48. TÀO THÁO](#)
- [49. LƯU BỊ](#)
- [50. TÔN QUYỀN](#)